

NGUYỄN MỘNG GIÁC

Sông Còn mùa lũ

Tiểu Thuyết [★]



NXB Hội Nhà văn

NGUYỄN MỘNG GIÁC

Sông Côn Mùa Lũ

[★]



NXB Hội Nhà văn

Sông Côn Mùa Lũ

Tập 1

Nguyễn Mộng Giác



LỜI GIỚI THIỆU

Sông Côn là con sông chảy qua vùng đất Tây Sơn quê hương của anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ. Anh Nguyễn Mộng Giác là người cùng quê với người anh hùng - nhân vật tiểu thuyết đó của anh. Đây cũng là một lợi thế để anh có những tình cảm và hiểu biết đáng viết về biến cố lịch sử quan trọng nhất của thế kỷ 18 đó. Nhưng không phải chỉ có thế. Để viết về lịch sử, dĩ nhiên là tác giả thông hiểu lịch sử. Nhưng đây không phải là sử học ở chỗ sử học tạm ngừng bút (vì thật ra nó chưa bao giờ thực sự ngừng bút) thì tiểu thuyết bắt đầu. Tiểu thuyết là lĩnh vực của cái có thể, của tưởng tượng, tất nhiên là sự tưởng tượng ở đây bị chế ước bởi tình cảm và sự nhận thức về lịch sử.

Sông Côn Mùa Lũ ^[1] lần đầu tiên trong văn chương Việt Nam, làm một trường thiên về lịch sử thế kỷ 18. Tác phẩm rất hấp dẫn, trước hết là vì phẩm chất văn học của nó. Các sử sự thì ta đã biết cả rồi nhưng những tình cảm, những thôi thúc nội tâm, những suy tưởng, những quan hệ giữa con người với con người trải dài qua một biến cố lớn lao thì đây là đầu ta tiếp xúc. Và sự phong phú của nó, vẻ đẹp của nó...lôi cuốn ta, lôi cuốn những người yêu lịch sử dân tộc, yêu con người Việt Nam nhân ái và quả cảm. Ở đây Nguyễn Huệ đã được mô tả thành công như đã có trong sử sách: anh hùng đến mức xuất sắc, thiên tài, nhưng không phải anh hùng một cách đơn giản, tự nhiên nhi nhiên, mà có những suy tưởng, trăn trở có hàm lượng trí tuệ, triết học - lịch sử cao làm động cơ bên trong của những hành động. Nguyễn Huệ bình dị trong đời thường, cũng có những cái bị ràng buộc bởi xã hội: anh yêu An sâu thẳm, thiết tha biết bao nhiêu, nhưng rồi anh phải lấy người khác, và An thì cũng vậy. Thành công nhất là tuyến nhân vật hư tưởng, tuyến nhân vật "đời thường", "thế sự", cái hồn, cái nền, cái thẳm sâu... của tiểu thuyết lịch sử. Xét cho cùng, tiểu thuyết lấy đề tài lịch sử phải giải quyết một nhiệm vụ kép; nói như Chế Lan Viên có lần nói về chuyện này: "nó phải nhảy qua hai vòng lửa": vòng lửa "lịch sử" và vòng lửa "tiểu thuyết". Trước mắt nhà văn bao giờ cũng là những con người với những ràng buộc qua những biến cố lịch sử và qua chính mình. Về tuyến nhân vật này, thành công lớn nhất của tác giả là An. Tôi ít đọc được trong tiểu thuyết mình một nhân vật nữ nào quyến rũ, thương mến, Việt Nam như An. An là người phụ nữ Việt Nam của mọi thời biến động, nhẫn nại, yêu thương, đi hết số phận mình và phong phú, đẹp để biết bao trong nội tâm. Có thể nói, tác giả đã gọi vào An rất nhiều những thể nghiệm, những suy tưởng... về người phụ nữ Việt Nam - người gánh lịch sử, đất nước, chồng con... trên đôi vai bé nhỏ, yếu đuối của mình. Có thể nói An là cái "nguyên lý thi học", cái thước đo thử nghiệm của tác phẩm. Điều thú vị là An đã làm say mê bao bạn gái của nàng thời nay: sau khi Sông Côn mùa lũ in lần thứ nhất, đã có nhiều bạn đặt tên con mình là An (Khánh An, Bình An,...) như một kỷ niệm. Tiểu thuyết đã đi được vào người đọc, vào cuộc đời. Bên cạnh đó, là những nhân vật như Lợi, Lãng, Kiên, Chinh... Họ cũng được tác giả xây dựng thành công với những nét tính cách khác biệt, những gởi gắm về triết lý cuộc đời, triết lý lịch sử: người thì trung thực, vô tư, "nghệ sĩ", người thì chịu đựng nhẫn nại... Thông qua các nhân vật, hành động và suy tưởng của họ mà cuộc đời - lịch sử được hiển hiện

với bao hấp dẫn, say mê, nghĩ ngợi... Toàn bộ tuyến nhân vật "hư tưởng" này (thực ra thì các nhân vật lịch sử trong tiểu thuyết này cũng là "hư tưởng" của tác giả), quả đã là một sáng tạo mới góp phần làm cho cuốn tiểu thuyết đáng mặt là tiểu thuyết theo cái nghĩa cổ điển của từ này.

Ngoài những thành công về nhân vật, về ngôn ngữ, về dựng cảnh, về phát triển tình tiết... tác phẩm bao quát một cái nhìn đúng và sâu về dòng chảy của lịch sử về sự phát triển của dân tộc - một cái nhìn đáng yêu và rất dễ chia sẻ.

Nguyễn Mộng Giác đã viết tác phẩm này lúc còn ở trong nước vào những năm 1978-1981 với những cố gắng rất cao ^[2]. Chúng tôi thấy vui khi thấy có một nhà văn đã dám bỏ nhiều công phu, tâm huyết và tài năng để dựng một bộ tiểu thuyết trường thiên về một người anh hùng dân tộc, về một thời đại lịch sử mà chúng ta mãi yêu mến, tự hào và luôn luôn muốn hiểu biết sâu thêm. Và có thể nói rằng tác giả đã thành công. Với sự giúp đỡ của nhiều bạn bè và tổ chức, cuối cùng Trung tâm nghiên cứu Quốc học và Nhà xuất bản Văn học đã làm được điều chúng tôi mong mỏi: đưa được tới tay bạn đọc một bộ sách hay, bổ ích, có nhiều ý nghĩa, một tác phẩm rất cần có trong hành trang văn hóa của mỗi người Việt Nam chúng ta trong lúc này. "Mỗi một cuốn sách có số phận riêng của mình", câu châm ngôn Latinh đó thực đúng với tác phẩm này. Từ quê hương Việt Nam ra đi, nó lại trở về quê hương, nơi chắc chắn nó sẽ được yêu mến và trân trọng. Vì nó chính là những tình cảm cội nguồn với quê hương, đất nước, tổ tiên không dễ gì phai nhạt.

Hy vọng rằng trong bộ sách này dù dài trên 2000 trang sẽ được bạn đọc sẵn lòng dành thì giờ cho nó, và, chúng tôi tin chắc rằng các bạn sẽ không có điều gì ân hận khi phải "mất công" đọc nó.

Tôi đã tìm đọc cuốn Sông Côn Mùa Lũ trong chuyến thăm Hoa Kỳ năm 1996. Khi đó tôi đang ở thăm trường Đại học Wisconsin-Point, một Đại học nằm ở cực Bắc Hoa Kỳ, trong một thành phố nhỏ hết sức tĩnh lặng. Ngoài việc đi thăm các khoa, tiếp xúc với một số thầy giáo, đi thăm các nông trại và ngôi nhà bên hồ của vợ chồng GS Eagan, người đã tổ chức chuyến đi...tôi không có việc gì làm trong gần 10 ngày ở đó. Cuối xuân trời se lạnh và buồn, tôi nhớ nhà. Thế là tôi lôi bộ Sông Côn ra đọc, và càng đọc tôi càng bị cuốn hút, cứ ngỡ như gặp lại một cái gì vừa quen vừa lạ, thú vị vô cùng. Tôi là người để tâm tìm hiểu nhiều về thời Quang Trung, về sử sự Tây Sơn, tôi đã dịch nhiều thơ văn Ngô Thì Nhậm. Nhưng thực ra sử sự rất ít. Rất cần có một cuốn Lịch sử Tây Sơn - Quang Trung cho ra trò, một cuốn như thế phải là một công trình sưu tầm, nghiên cứu công phu... từ "điền dã" đến sử liệu và một ngọn bút sâu sắc, thông minh. Hình như ta chưa có một cuốn sách như thế. Còn về tiểu thuyết, kịch bản... thì chưa có cái nào thật xứng tầm với thời đại đó, nó mới là một cái gì nhất thời, làm vội, ngẫu nhiên. Sông Côn Mùa Lũ là một nỗ lực tổng hợp với một quan niệm mới cả về tiểu thuyết và cả về lịch sử.

Tôi rất quý cuốn tiểu thuyết này. Tôi nghĩ nó là một "người đẹp" khó gặp lần thứ hai ("giai nhân nan tái đắc") trong đời một người viết như anh Nguyễn Mộng Giác. Tôi mong nó sẽ được dựng thành phim. Để người xem cứ suốt ngày đêm xem phim lịch sử Trung Quốc, thuộc và yêu lịch sử Trung Hoa hơn Việt Nam nhiều, thì vô lý quá, và bất tiện quá. Khó là vì tiền là một nhẽ, thực ra tôi nghĩ Nhà nước có thể chi nếu có

Dự án đáng tin cậy, nhưng tìm ra cho được một đạo diễn hiểu và yêu lịch sử giờ này cũng khó, rồi còn diễn viên: ai là người sẽ thể hiện cô An cho thành công như mong đợi? Nhưng tôi nghĩ, trước sau gì ta cũng nên làm, phải làm; bỏ mặc lịch sử của tổ tiên như thế sao tiện, trong khi nếu làm thành công thì tác động của nó vào tâm hồn, đời sống là vô giá. Tôi cũng đã bàn việc này với anh Nguyễn Mộng Giác, nhưng rồi cũng chỉ bàn thế thôi. Giáo sư Trần Văn Dĩnh ở Washington D.C, ủy viên Hội đồng Khoa học Trung tâm nghiên cứu Quốc học,ngỏ ý muốn tác phẩm được dịch ra tiếng Anh, rồi ông sẽ liên hệ với bên ấy để họ làm phim này. Tôi nghĩ: họ có thể làm lắm! Phim "Người Mỹ trầm lặng" mới vừa chiếu, người ta làm ra làm, chuyên nghiệp và tâm huyết như thế! Có được một cuốn tiểu thuyết để làm nền cho kịch bản là điều rất khó, nhưng có ai quan tâm gì không? Sao mà im lặng, hình như mọi người đang nghĩ đâu đâu, đang bận việc gì đâu, chẳng ai chú ý đến nghệ thuật, văn chương...

Cả tôi cũng vậy, tôi cũng bận bao nhiêu việc vặt, và cũng chưa có dịp đọc lại Sông Côn Mùa Lũ. Gần đây Nguyễn Mộng Giác và chị Diệu Chi, vợ anh có về thăm quê nhà; tôi mới gặp lại anh - một người có chất "thầy giáo" hơn tôi nhiều - và tôi ngẫu hứng có mấy câu thơ viết tặng anh, xin ghi lại để làm kỷ niệm.

Về quê, anh nhớ ghé thăm gốc me vườn Nguyễn Huệ, Cây me xanh, vòm lá chở che đời. Cây me sống cuộc đời ba thế kỷ, Những thương đau, những hùng vĩ con người.

Và Sông Côn thầm lặng chảy bên trời, Mang ký ức của một thời oanh liệt. Vốn biết ai rồi cũng xong một kiếp, Nhưng phù sa ta sẽ hiến cho người.

Sông Côn chảy trong đời, trong trang văn anh viết, Và hai dòng soi bóng vào nhau. Sẽ có người thiếu nữ của mai sau, Nhỏ giọt lệ thương An^[3] - thương cuộc đời nhân loại. Chợt tỉnh giấc mộng dài, trời xanh chói lọi, Bao vui buồn sướng khổ đã đi qua.

Tết Quý Mùi 2003

Mai Quốc Liên, GS-TS Văn học

GD Trung tâm nghiên cứu Quốc học.

^[1] Sông Côn mùa lũ - Trường thiên tiểu thuyết của Nguyễn Mộng Giác. Nhà xuất bản Văn học và Trung tâm nghiên cứu Quốc Học, xuất bản tháng 2-2003 (In lần II).

^[2] Hiện nay tác giả đang sống ở Hoa Kỳ.

^[3] Nhân vật nữ trong Sông Côn mùa lũ, người yêu Nguyễn Huệ.

Phần I:

Về An Thái

Chương 1

Họ lặng lẽ bước như vậy từ nhà cho đến bờ sông. Cơn mưa dầm kéo dài từ đầu hôm, vẫn đến lúc đó vẫn chưa dứt; gió thổi từng trận tạt nghiêng những giọt mưa lạnh khiến những thân tre nghiêng vào nhau kẽo kẹt, lá cây xào xạc át mất tiếng bước chân bì bõm trên đường lầy và tiếng trẻ con khóc. Bà giáo cố xoay cái áo toà lá ra phía trước để che mưa cho con, nhưng gió dữ lâu lâu thổi thốc, làm cho đứa bé nín khóc còn bà mẹ thì cuống quýt đưa tay trái giữ chặt lấy chóp lá, cố cưỡng lại sức gió. Mưa đã làm ướt mái tóc bà, dán chặt từng mảng lên khuôn mặt xám xanh. Mưa cũng chảy thành dòng xuống má bà giáo, rõ giọt xuống vai áo. Bà vừa đi vừa khóc lặng lẽ, lâu lâu vài giọt nước ấm lăn theo sống mũi, chảy xuống môi. Không cầm được xúc cảm, bà khóc thành tiếng. Đứa con gái đi phía sau mẹ vội bước nhanh tới trước, giọng lo âu:

- Mẹ!

Bà giáo quay lại, thấy đôi mắt con gái long lanh như sắp khóc. Đứa con gái bắt kịp mẹ, tay phải xốc lại cái tay nải nặng trĩu sau lưng còn tay trái tìm nắm lấy tay mẹ. Tiếng nói cô bé mong manh giữa mưa gió và bóng tối, nên bà giáo chỉ nghe thấy con bảo:

- ... lấy cái bọc quần áo này, để em con bông cho.

Bà giáo vội ngăn:

- Không, con bông em không nổi đâu. Coi chừng nghe An! Nhìn kỹ đường cái, không lại ngã. Con rán đi nhanh tới trước cho kịp anh Chinh, vịn vào anh mà bước. Đừng lo cho mẹ.

Cô bé chưa muốn vâng lời ngay, giọng ngập ngừng:

- Nhưng con sợ em bị ướt. Còn mẹ thì...

Bà giáo cắt lời con:

- Mẹ thì có cha lo. Con lên trước với anh Chinh đi.

An ngoái lại phía sau, thấy cha dìu em Lãng bước chậm theo hàng tre, cẩn thận tránh các vũng nước trắng bất trắc rải rác trên mặt đường. Từ lúc bị đánh thức cho đến bây giờ, cô bé hiểu lơ mơ rằng một tai biến ghê gớm nào đó đang xảy ra cho gia đình mình, An biết chắc như vậy qua những lời xì xầm trao đổi giữa cha và mẹ, nhất là tiếng khóc ảm ức của mẹ khác hẳn những tiếng khóc vì đời sống thiếu thốn và buồn phiền của bà, từ khi cô bé bắt đầu thấy được sự phức tạp của mọi sự chung quanh mình. Trong lúc các anh lặng lẽ thu góp đồ đạc, cột chặt các tay nải thì mẹ bối rối hết nhặt nhanh mớ quần áo này nhét vào một tay nải đã quá nặng, suy tính đến ngơ ngẩn thất thần, lại quyết định bỏ lại để đi nhặt nhanh thứ khác. Thằng Lãng bị dựng dậy, nhưng buồn ngủ quá, nằm ngay trên nền đất nện, dựa lưng vào đồng hồ đặc bừa bộn mà ngủ tiếp. Cha thì không còn đủ tâm trí quán xuyến công việc dọn dẹp nữa. Hết ra ngõ chờ đợi cái gì An chưa hiểu, ông giáo lại quay vào, đứng ở ngạch cửa, lơ đãng nhìn cả nhà xào xáo dọn dẹp, không góp ý mà cũng không hối thúc. Nếu không có anh Kiên và anh Chinh lặng lẽ, lặng lẽ, chậm chạp nhưng giữ được đủ bình tĩnh để dọn dẹp, chuẩn bị, An nghĩ có lẽ còn lâu lắm họ mới ra khỏi nhà. Cho đến cuối cùng, hình như

Ông giáo vẫn còn mong chờ ai đến. Tiếng trống sang canh vọng từ bên kia bức tường cũ, tuy rồi rạc ngái ngủ và khuất lấp trong tiếng mưa gió, vẫn còn đủ sức mạnh thôi thúc ông giáo. Ông cuống lên, mất hết chút bình tĩnh còn lại, lần đầu tiên An thấy cha không giữ được vẻ chững chạc, trầm tĩnh thường ngày. Giọng nói của cha gắt gỏng và lo âu. Cô bé nghe cha phân giải gì đó với mẹ. Mẹ trả lời ngập ngừng, tiếng nói đứt quãng vì tiếng nấc. Hình như cha cố thuyết phục mẹ, và đến lúc không còn nhỏ nhẹ được nữa, An nghe cha quát lên:

- Thật tiếc không phải lúc. Mình không thấy cảnh gia đình quan nội hữu hay sao! Không chần chờ được nữa đâu! Phải đi ngay!

Họ đi men theo con đường tối tăm, lầy lội, khó nhọc nhưng kín đáo giấu mình dưới những lũy tre. Trời thì thấp xuống, gió vẫn thổi dữ. Đến chỗ dốc dẫn lên điểm canh, Kiên và Chinh dừng lại chờ cha. Ông giáo đi chậm, vì vừa phải dìu thẳng Lãng, vừa đỡ lấy lưng bà giáo. Nỗi sợ hãi cứ ngày càng tăng, bà giáo hoảng hốt cảm thấy chân mình cóng lại, bủn rủn không bước nổi nữa. Bà đã hết khóc, nhưng toàn thân cứ run lên từng chập. May thay ông giáo đến kịp lúc; bàn tay chồng chỉ đỡ nhẹ lấy lưng, bà giáo vẫn cảm thấy ở phía sau, có một hơi ấm quen thuộc mơn trớn lan dần khắp thân thể mình. Bà yên tâm hơn, ôm chặt thẳng Út vào ngực. Chiếc áo tơ lá sột soạt lay động. Ông giáo nhắc:

- Mình cố đừng cho nó thức dậy. Sắp đến điểm canh!

Thấy cha đã đến, Kiên xốc lại cái tay nải bước lên dốc. Đường đất sét trơn trượt, nên hai anh em phải bước chậm, ngón chân cái cong lại bám xuống mặt đường. Nhờ vác nặng, bước chân trở nên đầm và vững. Và lại ở đây không còn bóng tre phủ, nên họ thấy rõ được những dấu chân trâu bò, những vũng lầy, những chỗ đường sụp lở vì nước xoáy. Lên khỏi dốc hai anh em giật mình đứng sững lại vì có tiếng quát:

- Ai đó?

Kiên chưa biết phải trả lời thế nào, thì Chinh đã nói:

- Chúng tôi là con ông giáo.

Từ điểm canh, tấm phen nhỏ mở hé. Một con cúi rơm đang cháy ngún, soi lờ mờ một bóng người hiện lên trên khung cửa điểm. Nghe lẫn trong mưa gió, tiếng thì thào trao đổi ngắn. Rồi vẫn giọng quát lúc nãy:

- Có lệnh quan quốc phó ^[2] cấm đường. Giáo với mác gì!

Ông bà giáo vừa lên khỏi dốc. Kiên và Chinh im lặng nhường cho cha trả lời. Ông giáo hơi mệt, hơi thở gấp chưa trả lời ngay được. Giọng người lính canh điểm trở nên giận dữ khác thường:

- Bọn trộm cắp ăn đêm phỏng? Sao không thưa?

Thằng Út bị mẹ trong cơn sợ hãi ôm quá chặt, ngập thở nên vùng vẫy khóc to lên. Ông giáo nhanh trí đáp:

- Chúng tôi vừa nhận được tin buồn, nên đem cả gia đình về phủ Thăng hoa chịu tang. Các bác thấy đấy, mưa gió thế này mà phải bồng bế lũ nhỏ đi gấp cho kịp chuyển thuyền sớm.

Trong điểm canh lại có tiếng bàn luận. Rồi cửa điểm mở, một cây đuốc bằng hai đầu chai được đốt sáng lên. Hai người lính bước ra khỏi điểm, một người cầm đuốc, một người lăm lăm ngọn mác dài. Họ hăm hở tiến về phía gia đình ông giáo, giọt chai từ đầu ngọn đuốc rỏ xuống mặt đất ướt kêu lèo xèo. Đến cách gia đình ông giáo độ con sào, họ dừng lại. Người lính cầm mác nhắc bạn:

- Phải khám xét cẩn thận. Luật quan quốc phó nghiêm ngặt lắm!

Người cầm đuốc bảo:

- Không cần. Bọn trộm cắp đem theo con nít làm gì.

Ông giáo nhận ra tiếng nói người lính vừa cất vắn mình. Ông đã bớt lo ngại, mạnh dạn tiến về phía hai người lính. Thăng Lãng không chịu rời tay ông giáo, bấu lấy vạt tơ lá của cha tò mò nhìn ánh đuốc bập bùng khi mờ khi tỏ cũng quên cả sợ. Khuôn mặt thơ dại ấy, cùng với cái áo tơ lá nhỏ nhắn, có lẽ đã làm rung động tấm lòng người lính cầm đuốc. Người lính ngồi hẳn xuống, đưa đuốc lên soi gần khuôn mặt Lãng. Ông giáo kịp nhìn thấy một khuôn mặt vuông, đôi mắt lóng lánh hiền hậu dưới hàng lông mày rậm, và một mái tóc dày dẫm nước. Người lính hỏi:

- Cháu có lạnh không?

Ông giáo nói:

- Chúng tôi gấp quá, không kể gì gió mưa nữa. Các cháu còn bé, sợ phải ốm mất! Các bác cho chúng tôi đi nhé!

Người lính cầm mác lại nhắc:

- Phải khám kỹ mấy cái tay nải. Lệnh của quan quốc phó!

Người lính cầm đuốc đứng dậy, xua tay nói với ông giáo:

- Thôi khỏi cần. Việc đó trên bến thuyền họ lo. Ông bà đi nhanh lên, cho kịp chuyển đầu. Hôm nay sóng dữ, lũ nhỏ có chịu nổi không?

Ông giáo chỉ chờ có thế, không kịp cảm ơn người lính tốt bụng, ông đưa mắt nhắc vợ con đi nhanh qua khỏi điểm canh.

Đến ngã ba, nơi có một cây sấu đông vừa bị bão thổi gãy nhánh lớn, cành lá còn vương vãi ngổn ngang trên lối đi, Kiên và Chinh ngưng lại chờ cha. Người anh cả chừng đã ê vai, đặt cái tay nải cồng kềnh lên một cành sấu đông, lại cẩn thận bẻ gãy những cành lá ướt cho nước mưa khỏi thấm vào quần áo trong tay nải. Chinh thì cúi thả đặt ngay bọc quần áo lên mặt đường. May mắn là chỗ Chinh đứng khá khô ráo, nên Kiên định quay lại rầy em, thấy thế chỉ ậm ừ rồi ngồi im bên đường. Con đường đất trước mặt hai anh em tuy khá rộng và có trải đá dăm, nhưng mùa mưa miên man ở đây đã biến con đường quan dẫn đến phủ chúa trở thành lồi lõm, lầy lội. Một nhánh nhỏ hơn từ ngã ba xuôi xuống bờ sông, hai bên vườn nhà ai um

tìm những cau và chuối. Chinh nghịch lấy mấy chùm trái sầu đông ném mạnh vào các tàu lá chuối, mỗi lần trái sầu đông ném mạnh vào các tàu lá chuối, mỗi lần trái sầu đông tròn xanh lao đi là mỗi lần tiếng lá rách giòn và đẹp vang lại. Chinh thích thú cười to, tiếng cười vang rộng trong đêm khuya rồi bị vùi dập trong những trận gió thổi. Kiên khó chịu trước sự vô tâm của em, định lên tiếng trách móc. Vừa lúc đó, ông bà giáo đến chỗ ngã ba đường. Ông giáo bảo:

- Đi xuống phía bờ sông. Đứa nào cười vậy?

Hai anh em không ai trả lời. Ông giáo không hỏi tiếp, dìu bà giáo và các con tránh những cành sầu đông ngã nghiêng chắn mất lối đi. Thăng Lãng đã tỉnh ngủ hẳn, bỏ tay cha chạy đến trước với anh Chinh. Bà giáo vốn thể chất gầy yếu, hỏi trong hơi thở mệt nhọc:

- Đã tới chưa mình?

Ông giáo trả lời:

- Ráng lên tí nữa. Đi khỏi mấy cái vườn chuối này, rồi rẽ sang tay phải. Tôi đã hẹn họ chỗ cây đa đại.

Tuy cách xa, nhưng Kiên lắng nghe được hết lời cha. Qua khỏi những khoảng đường tối vì những tàu lá chuối che lấp, anh rẽ sang tay phải. Cây đa đứng đơn độc giữa một vùng thảo mộc hoang dại, mọc lan ra đến tận bờ sông. Tàn lá đa xum xuê nhuộm thẫm một vùng đục ngầu vì nước lũ.

Ông giáo đến chỗ hai con đang đứng chờ, và không khỏi ngạc nhiên hoang mang khi thấy không có chiếc thuyền nào đang cắm sào chờ tại chỗ hẹn. Bà giáo cũng lo âu, quên cả mệt nhưng không dám lên tiếng hỏi chồng. Gió thổi từ bờ sông thổi lên, mang thêm cái lạnh nhức buốt cuồn cuộn của sóng dữ. Lãng bắt đầu húng hắng ho. Bà giáo đưa bé út cho An bông, lục tìm cái áo bông trong tay nải của Chinh mặc thêm cho Lãng. Cậu bé bớt ho, đứng lặng nhìn bầu trời thấp, mặt sông đục và bờ sông lau lách hoang dại, không hiểu nghĩ gì tự nhiên thút thít khóc. Tuy không thể giải thích rõ ràng bằng lời nói, người mẹ hiểu Lãng cũng như mình vừa cùng xúc động mãnh liệt trước một nỗi ám ảnh chưa định hình, không thể tả ra, không thể nhìn thấy bằng lối thông thường, nhưng sự miễn cảm của họ đã báo cho họ biết trước thế nào một cái gì đó sẽ bất chợt đến, phủ chụp bao vây lấy cuộc đời mọi người trong gia đình. Cổ bà giáo nghẹn lại, hai tay ôm chặt Lãng đến nỗi hai lớp tơ lá cọ vào nhau ban đầu còn kêu sột soạt về sau không còn phát ra âm thanh nào nữa. Đã quá hiểu tính em, Chinh bấu môi bảo:

- Cái thằng! Như con nít!

Ông giáo vẫn bực mình vì chuyện thất hẹn, giận quá quát lên:

- Có càm mồm không, thằng quí! Tụi lính trên trạm canh mà nghe được thì chết cả đám!

Bà giáo lấy ông tay lau nước mắt con, áp má vào trán con, nhỏ nhẹ dỗ dành:

- Con nín đi. Đừng khóc lớn cha rầy! Mẹ thương con. Mẹ hiểu con hơn tất cả các con của mẹ. Đã bảo! Đừng khóc nữa. Lãng có nghe mẹ không?

Kiên không góp gì vào câu chuyện, lặng lẽ thu góp tất cả đồ đạc, dồn lại giấu sau một bụi dứa gai, dưới tàn cây đa rậm. Qua khỏi cơn bồn chồn thái quá ban đầu, ông giáo đủ bình tĩnh nhận thấy Kiên cần thận và lo xa, thầm cảm phục đức tính hiểm có của đứa con cả. Ông bảo bà giáo và các con đến núp dưới

bóng cây da. Hơn thế nữa, mọi người phải ngồi xuống giấu mình sau các bụi cây tối, và không được nói chuyện lớn.

Họ chờ. Họ chờ. Mãi đến lúc gà gáy thuyền mới đến. Thực ra không thể gọi là thuyền được, vì đây chỉ là một chiếc đồ nhỏ bề ngang không quá một sải tay. Cái mũi đan bằng tre phết phân trâu chỉ vừa đủ che cái bếp nhỏ và hai cái hũ sành đựng gạo và nước. Thấy chiếc đồ mỏng manh chòng chành trên mặt sông cuộn sóng, bà giáo bàng hoàng, sợ hãi cho các con đến nỗi cảm thấy lạnh lạnh trên sống lưng. Ông giáo cầu nhàu trách:

- Sao bây giờ mới đến!

Người chèo đồ thở dài đáp:

- Tôi phải chèo đi trốn từ mờ sáng hôm qua.

Ông giáo lo sợ hỏi:

- Chuyện lộ rồi à?

Người chèo đồ không trả lời ngay, chậm chạp cột chặt đồ vào gốc cây da, cởi cái áo tơi lá xếp gọn vào lòng đồ, trước khi cởi còn cẩn thận giữ cho nước mưa rơi xuống mặt sông. Chỉ có cái nón mê rách là bác ta không giở ra nên ông giáo không thấy được nụ cười lém lỉnh của bác. Bước hẳn lên bờ sông, người chèo đồ mới nói:

- Không. Tôi đi trốn thuế.

Rồi giọng nói trở nên thân mật, ề ề phân trần:

- Thầy tính, vạn đồ Canh Thành Vĩ Dã chúng tôi chỉ có ba chiếc. Từ ngày thuế chợ lên cao, đồ chúng tôi cũng ế lắm. Trước mụ nhà tôi còn ở nhà nấu cơm, lo chăm sóc lũ nhỏ. Từ hai tháng nay, tôi phải cho mụ buôn mắm vãnh dưới cửa Tư khách lên bán kiếm thêm chút hồ qua ngày. Thế mà đã yên đâu. Hôm kia con mụ bưng cái liễn mắm con lên ngồi ngay phía cuối chợ. Đột nhiên thiên hạ xôn xao, người ù té chạy, kẻ kêu khóc van nài. Con mụ biết người nhà quan tả ngoại đi chợ. Nhưng mụ cứ ngồi thản nhiên, bụng nghĩ: "nhà quan thì cần những sơn hào hải vị, không nem công chả phượng thì ít ra cũng phải thịt ngon cá ngọt. Thềm vào ba cái thứ mắm vãnh!"

Bác lái đồ ngưng lại, giở nón ra vuốt lại tóc. Bà giáo và các con tò mò quan sát gương mặt bác. Một khuôn mặt xương xương, hai gò má nhô lên cùng với cái trán dô và cái mũi thẳng che khuất hai con mắt sâu khó lường. Thái độ nhẩn nha, trầm tĩnh trong hoàn cảnh đặc biệt này khiến ông giáo khó chịu. Ông giục:

- Nhưng cuối cùng mọi việc êm xuôi cả chứ! Nào, bác cho chúng tôi xuống thuyền.

Bác lái đồ ngăn lại:

- Ấy, ấy, thầy lầm. Mà cả tôi cũng lầm. Đâu có em xuôi được. Con mụ tưởng quý gì ba cái thứ mắm vãnh. Nhưng thầy có biết không, con mụ lầm. Lũ đầu bếp nhà quan tả ngoại chỉ dọa cho mấy chị hàng thịt sợ, để cười rũ ra. Rồi đến lúc bất ngờ nhất, thầy biết không, chúng nó đến thẳng chỗ con mụ nhà tôi ngồi. Con mụ nhà tôi nói đùa: "Các thầy mua giùm cháu ít mắm!" Mời xong còn cười hỉ hả. Lũ đầu bếp quan tả ngoại cũng cười hô hố. Cả chợ cũng cười ha ha. Chờ cho mọi người cười xong, chúng bảo con mụ nhà tôi bưng liễn mắm vãnh lên. Con mụ nhà tôi vâng lời. Chúng chụp ngay liễn mắm. Cả chợ lại cười, nghĩ các

ngài hầu cận quan tả ngoại đùa dai. Mãi đến lúc chúng đi rồi, con mụ nhà tôi mới phát hoảng. Thầy tính bao nhiêu vốn liếng dồn cả vào liễn mắt. Mà có ai ngờ đâu được là quan tả ngoại chỉ ăn được có món mắt vằn hổ trời!

Bà giáo không nhịn được nữa, chen vào hỏi:

- Bác có nói ngoa không đấy? Làm gì có chuyện lạ lùng!

Người lái đò đấm ngực thề:

- Tôi có nói dối thì trời tru đất diệt tôi đi! Mà thầy cô đây không tin cũng phải. Có ai ngờ quan tả ngoại lại không ăn được nem công chả phượng, lại chỉ ăn được món mắt vằn hổ. Mà trời lại xui khiến chỉ cho mẹ con nhà tôi đi buôn mắt! Thầy thấy không, vốn liếng hết, chưa xong phần con mụ thì phần tôi, quan đến thúc thuế. Chợ như thế thì đò còn khách đâu mà nộp thuế. Mà thuế đò Canh Thành Vĩ Dã một năm đến 114 quan, phải, thầy không nhầm đâu, 114 quan đúng, bán cả vợ, đợ cả con cũng không đủ nộp nữa. Chỉ còn cách trốn đi làm dân xiêu tán mà thôi!

Có tiếng gà gáy sáng ở khu vườn bên bờ sông, phía tay phải ông giáo. Sốt ruột quá, ông nhìn người lái đò:

- Sẵn sàng rồi. Chuyện nhà của bác, chúng tôi hiểu lắm. Chuyện quan tả ngoại, ai mà chẳng biết ở cái kinh thành này. Nhưng bác cho chúng tôi xuống đò thôi. Đi sớm chắc thoát được trạm thuế đò ở ngã ba.

Bác lái đò do dự, ngón tay trở cứ đưa lên quệt nhiều lần trên đầu mũi. Mãi một lúc, bác hạ thấp giọng:

- Thầy đã hiểu rõ hoàn cảnh tôi. Vợ con thất nghiệp. Vốn liếng mất đứt. Nợ đòi, thuế thúc. Tôi đến chết mất! Thầy có lòng thương người khó, cho thêm chút ít tôi mới dám đi.

Ông giáo bây giờ mới hiểu vì sao người lái đò kể lẽ dài dòng từ tiếng gà gáy sáng đầu tiên đến lúc này như vậy. Ông giận dữ hỏi:

- Thêm bao nhiêu?

Người lái đò làm ra vẻ cuống quýt lo sợ:

- Dạ chỉ xin thêm chút ít cho đủ nộp thuế mà thôi. Túng quá tôi phải liều vậy. Con mụ nhà tôi cứ bảo đi đêm hôm lén lút thế này, nếu nhỡ ra... nhưng tôi gặt đi, bảo gia đình thầy là gia đình tử tế...

Ông giáo không để cho lão lái nhai thêm, gằn giọng bảo bà giáo:

- Mình đưa cái ruột tượng cho tôi.

Bà giáo tháo cái ruột tượng đựng tiền vẫn đeo bên hông đưa cho chồng. Ông giáo lấy năm xâu tiền đưa cho người lái đò và nói:

- Vạn đò của bác có 6 chiếc, nộp một năm 114 quan. Đây tôi trả cho bác thêm năm quan nữa, vị chi là 20 quan. Bấy nhiêu đã quá đủ để bù cả tiền thuế đò lẫn tiền liễn mắt vằn hổ của bác. Ông trời thật oái oăm, mới bắt tôi trả triền mắt cho quan ngoại tả!

Lão lái đò cảm ơn rồi rít, nhưng trước khi đưa nón nhận tiền vẫn còn nài thêm:

- Thầy đừng trả cho tôi tiền “Thiên Minh thông bảo” nhé!

Rồi hình như lão bắt đầu sợ hãi cái nhìn phẫn nộ của cả ông giáo lẫn Kiên và Chinh, người lái đò

phân trần:

- Thầy cô và các cậu hiểu cho. Thứ tiền đó pha nhiều chì, lại mỏng dính. Bẻ mạnh một chút là gãy. Tôi có lấy cũng chỉ vứt xuống sông thôi, không mua bán gì được.

Con đồ nhỏ nên tuy gia đình ông giáo không đem đồ đạc gì nặng, đồ vẫn cứ khăm. Bà giáo và An ban đầu chưa quen, mỗi lần thấy sóng đục mấp mé ngang mạn đồ, sợ hãi đến trớn người. An nín thở ôm chặt lấy thẳng Út, tưởng chỉ cần thở mạnh lên một chút là đồ nghiêng ngã. May cho An, từ lúc mẹ giao cho phận sự bồng em, thẳng bé ngủ say không cựa quậy. Hơn nữa, ông giáo sợ cánh đàn bà con nít không chịu nổi sương lạnh và gió dữ, thương lượng mãi mới được người lái đồ thuận cho đẩy tấm mui ra giữa, che ba mẹ con và đồng đồ đạc. Cánh đàn ông chia nhau ngồi ở trước mũi và sau lái. Chính giành ngồi phía trước với thẳng Lãng. Sợ không chịu nổi những cơn nước xoáy, bác lái đồ men theo bờ sông; ở những chỗ có trạm canh, gần như chiếc đồ vạch lau lách mà tiến. Trời càng lúc càng sáng, đồ trôi chậm, ông giáo lo sợ không qua khỏi trạm gác Ngã Ba trước lúc rạng đông. Ở đó, ông giáo biết rõ lắm, trạm canh cất ngay ở đầu dải đất bồi kiểm soát ghe thuyền đi lại trên cả hai nhánh sông. Thuế má thu được của trạm này thuộc nguồn lợi chúa ban cho quan tả ngoại, nên việc kiểm soát hàng hóa, thẻ bài, hết sức nghiêm ngặt. Bọn lính buộc mọi ghe thuyền không phân lớn nhỏ trước khi xuôi sang nhánh tả hay nhánh hữu, đều phải ghé vào bến trạm. Mọi người đi trên thuyền phải mang đồ đạc hàng hóa của mình lên bờ. Từng người một phải để cho lính quan tả ngoại lục xét, cân nhắc giá trị từng thứ mà định thuế. Ai không đủ tiền thì phải để hàng lại, và giá cả hàng thường bị qui định thật thấp chẳng bõ bèn với mức thuế cao. Cuối cùng người lương thiện chẳng dám mang theo thứ gì ngoài bộ quần áo rách và mo cơm mắm, còn bọn con buôn thì nhớn nhợ làm giàu vì đã mau chóng ăn ý với bọn lính. Ngọn đuốc đêm đêm lập lòe ở trạm Ngã Ba từ lâu trở thành ánh mắt hung dữ của ma quỷ, khi sáng lên soi mói đến tận chân tơ kẽ tóc của người đi thuyền, khi tắt ngấm âm thầm toan tính cho một trận vơ vét khác.

Đồ đã rẽ hẳn qua nhánh hữu; lau lách, những bụi dứa dại, ốc mèo, những dây bìm bìm leo trên đám cây hoang vô danh đã che lấp mất mái nghiêng lợp tranh của trạm gác, ông giáo vẫn lâu lâu quay lại nhìn ngọn đuốc leo lét nhợt nhạt giữa bầu trời xanh xám trước lúc rạng đông. Nhất là cái vọng canh, hình như cứ cố vươn lên, vươn lên cao hơn tầm cây cỏ sau con đồ để nhìn vào ót ông. Nỗi ám ảnh đó chỉ tan hẳn khi mặt trời lên và con đồ tiến vào một khúc sông sâu hơn, hai bên cây cối cao lớn và um tùm. Không gian thu hẹp lại, và ông giáo yên lòng trong vòm trời nhỏ. Mặc cho Chính thích thú đưa tay ra trước mũi thuyền vọc nước, và Kiên ngồi trầm ngâm bên tay lái, ông giáo dựa lưng vào thành đồ chớp mắt được một lúc.

Ông choàng tỉnh dậy vì con đồ chòng chênh dữ, đến nỗi vợ con ông la lên hốt hoảng. Lúc ấy đồ đang đi trên một đoạn sông rộng, nhưng bác lái phải ép đồ sát vào bờ để tránh một đoàn thuyền quan đang lao tới. Trời đã yên, sóng đã lặng, nhưng chính đoàn thuyền đang hấp tấp này đã làm cho mặt sông nổi sóng và đánh thức ông giáo dậy. Bác lái không dám chèo, cho đồ dừng lại giữa một đám cỏ cao. Một mạn đồ dựa vào bờ đất lầy, mạn bên kia được con sào rắn chắc ghìm cứng. Nhờ thế ông bà giáo và lũ con mới hết sợ.

Đoàn thuyền quan gồm có 8 chiếc. Thuyền dài mà hẹp như hình long chu, mũi thuyền cất cao như đầu con cá lớn phóng mình lên khỏi mặt nước, đuôi thuyền thấp xuống, sơn màu đỏ chói. Người đứng ở đuôi

thuyền vận áo thanh cát, đầu để trần, hai chân dạng ra vững chãi để nắm lấy thanh gỗ đen bóng gắn liền bánh lái. Giữa thuyền có mấy người ở trần, trên thân chỉ mặc có cái quần vải màu đen ống ngắn đến đầu gối, sắp hai hàng đều đặn, cử động thân thể tay chạn đều theo nhịp chèo. Giữa khoang thuyền có bốn cây cọc nan sơn son trên bắc ngang một cây mõ gỗ. Một người lính mặc đủ quần áo, đầu đội nón chóp, ngồi trên ghế gỗ mõ làm nhịp. Người lính chỉ huy hô “cạy” thì người lái bẻ thuyền sang phía tả, hô “bát” thì qua hữu. Theo nhịp mõ, hai hàng lính chèo thuyền miệng hò lơ, chân dậm ván, gồng vai đưa cao cán chèo đều đặn rầm rập khi lên khi xuống. Mặt trời vừa lên chiếu rõ những khuôn mặt phờ phạc mệt nhọc và những thân thể mồ hôi nhễ nhại. Ông giáo biết đây là đoàn thuyền chở của cải hàng hóa quý giá từ các phủ Thăng Hoa, Quảng Ngãi, Qui Nhơn về dâng nộp cho phủ chúa. Thuyền từ những vùng đất xa xôi vượt biển mà đến, nhưng trên thuyền không thấy có bếp núc gì cả. Gần chỗ đặt giá mõ, chỉ có một vò nước, bên cạnh treo cái gáo dừa cán dài. Một người chèo thuyền trên chiếc thứ ba đang cuối rạp người xuống đẩy mạnh mái chèo, bỗng ngã chuối tới trước không gượng lại được. Nhịp chèo đột nhiên rối loạn. Nhiều tiếng la ó xôn xao. Tên lính gõ mõ quát tháo nhắc nhở mọi người nhiệm vụ và trật tự. Hai hàng lính chèo thuyền lại tiếp tục hình dịch, chỉ có người chèo cùng hàng ngang với người bị ngã được phép gài mái chèo lên, vực người bạn xấu số đến gần vò nước, dùng cái gáo dừa múc nước dội lên đầu bạn mình. Cho đến lúc chiếc thuyền này mất hút ra ngoài tầm nhìn, ông giáo vẫn chưa thấy người lính ấy tỉnh lại. Đầu ông giáo tự nhiên nóng bừng, cổ ông nghẹn đến khó thở. Máu trong người ông ^[3] nhộn nhạo. Nỗi hận của bao năm, nỗi hận ông đã cùng chia sẻ với Ý-đức-hầu bạn ông, nỗi hận ông đã cùng chia sẻ với người cày ruộng đói trên đồng lúa chín, người chài lưới mỗi chiều về cá đầy khoang mà bụng cứ rỗng, người buôn bán hao mòn vốn liếng vì cái túi tham của các trạm thuế. Ông giáo nhìn lại vợ con tìm thấy đôi mắt bà giáo và con gái nỗi lo âu, hốt hải. Ông nhìn Kiên. Kiên nhìn về hướng tám chiếc thuyền quan vừa đi khuất, tỏ dấu hiệu nỗi lòng cha, nhưng ông giáo chờ mãi không thấy con tỏ thêm phản ứng gì. Chỉ có Chinh nét giận dữ lộ hết ra đôi mắt.

Gần đứng bóng, họ mới đi qua chùa Hà Trung. Con đò bỏ lại đằng sau những đoạn sông hẹp rợp bóng cây, bắt đầu chao đảo giữa một vùng phá rộng. Tuy trời đã bớt gió, sóng đục ngầu vẫn cuộn cuộn quanh đò. Trừ bác lái quá quen với sông nước, cả gia đình ông giáo đều nơm nớp sợ hãi, cảm thấy chớm ngột vì mất hút giữa khoảng trời nước cùng màu xám đục. Bà giáo, An, và thằng Út say sóng nằm rũ trên đồng đồ đạc, giấu đầu trong mũi hẹp không dám nhìn ra ngoài. Lặng ngời bệt trên liếp tre, hai tay bấu chặt lấy hai mạn đò. Chinh vẫn ngồi trước mũi, không đưa tay nghịch nước nữa. Kiên đưa tay chỉ về phía vũng eo của biển cả, nơi có mấy cây tùng cao lớn rậm rạp đơn độc trên một vùng bùn lầy cỏ rêu san sát, hỏi cha:

- Thưa cha, có phải kia là chùa thầy Từ Huệ trụ trì?

Ông giáo đáp:

- Đứng đấy. Chùa Hà Trung của thầy Từ Huệ. Ngay chỗ có mấy cây tùng.

Người lái đò men theo bờ cừ mọc đầy những cây dương nước, không dám thách đố với sóng dữ. Lâu lâu, đò vượt qua một cái chòi nhỏ chân ngâm xuống bùn mái lợp lá tranh sơ sài, ba mặt che kín, cửa hướng về phía sông. Ông giáo lo sợ nhắc người lái đò:

- Bác cẩn thận. Hãy thông thả mà chèo!

Người lái đò giải thích:

- Không phải chòi canh đâu. Cửa mấy người thả lưới đấy. Chỉ sợ có cái trạm ở ngay cửa khẩu!

Mấy chiếc thuyền chài chèo ngược từ phía cửa biển chèo lên. Sợ sóng dồi làm con đò chòng chành thêm, bác lái nép sát vào bờ cừ. Người lái thuyền đánh cá bỗng đưa tay lên làm loa hú lớn, hình như muốn nhắn điều gì với người lái đò. Ban đầu bác lái còn chưa hiểu. Khi Kiên thấy bên phía thuyền chài, nhiều người giơ nón lên vẫy và nhắc bác lái, bác ta mới chú ý. Bác nhổ con sào lên, dùng hai tay đưa ngang lên khỏi đầu. Phía bên kia, người chổng thuyền chài đưa hai tay lên làm dấu chữ thập. Bác lái gật đầu, la lớn:

- Hiểu rồi!

Ông giáo lo lắng hỏi:

- Họ bảo gì đấy?

Người lái đò không trả lời ngay, cho đò áp sát vào một cây dương nước. Ông giáo hỏi dồn:

- Có gì bất thường không?

Người lái đò nói:

- Không xong rồi. Cửa khẩu đóng, không cho ai ra khơi cả!

Kiên hỏi:

- Sao bác biết?

- Thì họ vừa ra dấu xong! Chúng tôi dân vạn chài đã quen lắm rồi! Mỗi lần kinh thành không yên là có lệnh cấm khẩu.

Ông giáo mất bình tĩnh:

- Thế làm thế nào bây giờ?

Người lái đò đáp gọn:

- Phải trở lại thôi!

Bà giáo ngồi bật dậy, làm cho thằng Út giật mình thức giấc nổi khóc lớn. An dỗ em không được, khóc theo. Ông giáo thêm bực bội, hỏi gắt:

- Bác nói đùa phỏng! Tôi chịu thuê đến 20 quan, vì bác hứa sẽ đưa chúng tôi đến tận ghe bầu.

Người lái đò cũng không vừa:

- Vâng, vâng. Nhưng nếu các quan ở trạm cửa Mù U đóng gông vào cổ tôi, thì thầy có nuôi vợ con tôi không? Thầy quen lớn trong vương phủ, chắc biết phép quan khe khắt.

Bà giáo e dè hỏi:

- Có lẽ bác nghe lầm. Ghe chài họ chỉ bảo...

Bác lái cắt lời bà giáo:

- Chắc chắn cửa Mù U đóng. Chúng tôi đã hiểu nhau bằng cách ra dấu.

Kiên tự nãy đến giờ giữ im lặng, lên tiếng đề nghị:

- Thừa cha, hay là chúng ta về tạm đặng thầy Từ Huệ.

Ông giáo ngoái nhìn lại phía mấy cây tùng, mờ khuất sau một màn sương khói màu bạc ở sau lưng, trầm ngâm, do dự khá lâu. Thăng Út vẫn chưa nín khóc. Mưa bắt đầu rơi, ban đầu còn lất phất nhưng càng ngày càng nặng hạt. Không có cách nào khác, ông giáo bảo người lái dò:

- Thôi được. Bác chèo trở lại, cho chúng tôi đến chỗ bờ cù có lối lên chùa.

- Dễ thường đến năm năm rồi tôi mới trở lại đây. Năm Tân Ty hồi sư cụ mở khóa Lăng Nghiêm. Lúc đó thầy mới lên sư bác. Cảnh chùa ngày nay u nhã hơn nhiều. Thêm một cái ao sen vuông trước điện. Hồi trước đơn sơ thôi. Lau lách còn mọc ngay phía sau điện. Nhà trai chỉ là một chái tranh bề ngang không được 10 thước. Sao thầy không làm một cuộc khuyến giáo để xây một vòng tường ngoài? Không. Có tường vẫn hơn chứ, ít ra cũng che được gió lốc. Có trồng được khóm hoa cúc hay gốc bầu cũng không ngại bị gió dữ phá đi mất. Khi chiều nhìn luống rau xơ xác quanh gốc tùng, tôi càng thất cần phải xây tường...

Ông giáo nói loanh quanh như vậy, từ lúc ngồi với thầy Từ Huệ trong căn phòng ở chái cây. Mùi hương lãnh đăng trong văn phòng hẹp và ẩm. Tách nước trà đậm trước mặt ông giáo bốc khói, lâu lâu gió bắc bên ngoài lọt qua được phen cửa, tạt hơi ẩm vào lòng bàn tay ông. Thầy Từ Huệ im lặng ngồi xếp bằng trên sập gỗ mộc, kiên nhẫn nghe bạn nói. Mọi người trong gia đình ông giáo, và các chú tiểu đã đi ngủ. Trong đêm khuya, chỉ còn một nhà sư trân trọng lắng nghe lời một nhà nho.

Ông giáo nói huyên thiên một hồi, đôi lần muốn nói thẳng với bạn câu chuyện mà ông biết thầy Từ Huệ đang chờ đợi ông kể, nhưng lượn lờ mon men nhiều lần, ông ngại không dám vào đề. Ánh mắt thầy Từ Huệ sáng lên, đôi lông mày nhíu lại chuẩn bị hết tinh thần lắng nghe. Ông giáo dừng lại thật lâu. Mua từ các đợt tranh nhỏ giọt xuống vũng nước đọng dưới thềm chùa, nghe lóc chóc từng tiếng đều đặn, thông thả. Rồi đáng lẽ đi thẳng, ông giáo lại đi quanh:

- Tiếc là chuyến này gấp quá, tôi không đem được cặp cây kiểng biểu chùa nhà. Công phu 10 năm đấy nhé. Suốt 10 năm công phu tôi mới uốn nắn cặp sơn tùng đó thành hai con rồng giống y như nhau. Những cái chân đều toàn bằng cây, nhất định tôi không chịu làm chân bằng rễ như thiên hạ. Thầy bảo sao? Thân hay rễ cũng như nhau à? Khác chứ. Làm chân bằng rễ phụ là cách phàm phu, kể làm gì. Hơn nữa cái quý là ở công phu ấy. Này nhé, phải uốn cong một nhánh xuống, đè chôn đất. Nó nứt nhánh ngoi lên mới cắt. Cắt mãi đến khi nó phải đâm rễ và bám xuống đất. Lại còn chăm chút sao cho cái thân nó uốn éo như thân rồng. Chú ý nhé, không được chọn gốc thủy tùng, vì thân không có vẩy. Chỉ có loại sơn tùng mình mới mong uốn cho giống y hình rồng.

Ông giáo nói xong, ngưng lại thật lâu, nhìn đăm đăm vào khuôn mặt bạn, cái nhìn khinh thị dò dẫm như muốn lường xem câu nói của mình đã thấm tới đâu. Nhà sư vẫn giữ thái độ chú ý trân trọng. Ý chừng

không thể im lặng lâu hơn nữa, thầy Từ Huệ hỏi:

- Thế cái giống tùng ở phía sau chùa, có thể gây thành cây kiểng được không?

Ông giáo vui mừng thấy bạn bắt đầu nhập vào câu chuyện, vồn vã đáp:

- Được chứ. Tốt quá đi chứ. Từ hồi còn sư cụ, tôi đã có lần bảo loại tùng này khá lắm. Thầy có để ý không, ở xa mà nhìn, nó khác nào cây kiểng quý đâu. Cây tùng sau nhà chùa dễ thương lớn đến mấy 6m, ngọn queo cành cỗi, mà lá lại rậm rạp. Trên ngọn lá xoắn thành từng năm tròn. Thầy biết không, sách Truyện ký chép rằng hễ cây tùng nào có đợt xoắn thành năm tròn, thì đào dưới gốc có củ phục linh và hồ phách.

Rồi không cần chuyển mạch, vào lúc bất ngờ nhất, ông giáo nói:

- Nhưng mà ôi thôi, nãy giờ chỉ nói toàn chuyện vẩn vơ. Tiếc làm chi cái công phu viễn vông ấy, phải không? Vạc sắp đổ, thì sá gì ngọn cỏ dại mọc dưới bóng vạc.

Thầy Từ Huệ sửa mình ngồi ngay ngắn hơn, ngả người về phía bạn hỏi:

- Có biển ở kinh thành ư? Thấy thầy, đem cả gia đình đi thế này, tôi đã ngờ, nhưng không tiện hỏi thẳng.

Ông giáo cảm thấy nhẹ nhõm vì đã qua khỏi giai đoạn khách sáo e dè, chậm rãi nói:

- Phải nói là đại biến.

Rồi thấp giọng xuống, ông bảo bạn:

- Thầy cũng phải coi chừng. Ý-đức hầu vừa bị giết hôm qua!

Chén trà trên tay thầy Từ Huệ run run, nước trà sóng sánh. Theo thói quen, ông giáo lại nhìn dò dẫm phản ứng trên mặt bạn. Đôi mắt nhà sư lim dim một lúc lâu, khuôn mặt bất động che giấu những xúc cảm còn lan man bất định. Đến khi ông giáo hết chờ đợi được nữa, định nói, thì nhà sư hỏi:

- Ai giết?

Ông giáo đáp:

- Thầy đoán ra rồi. Lại tên Trương Tần Cối ^[4].

Rồi giọng ông giáo trở nên sôi nổi:

- Thầy tưởng xuống đây núp dưới bóng Phật thì được yên sao? Tưởng tàn khốc cổ tùng che được gió sao? Thầy có nhớ những gì chúng ta đã nói với nhau khi thầy còn là môn khách của Ý-đức hầu? Tại sao đột nhiên thầy bỏ hết, bỏ hết, xuống trốn đời ở cái xó biển này?

Nhà sư đặt chén trà xuống, cái chén nghiêng về một phía vương cạnh khay trà, khiến nước đổ lan một khoảng nhỏ trên mặt gỗ. Ông giáo không cho bạn đáp, tiếp tục nói:

- Nghe được tin, tôi phải đem gia đình đi ngay trong đêm. Mấy hôm trước, tôi có trình với Hầu là nên đề phòng. Nhưng không ngờ chúng dám làm càn đến mức đó. Chúng đã cho người mai phục sẵn.

Nhà sư hỏi:

- Bây giờ thầy định làm gì? Đi đâu?

Ông giáo có vẻ ngạc nhiên, không hiểu tại sao bạn lại hỏi một câu vô nghĩa như vậy, khựng lại một

lúc, do dự, hoang mang. Ông nhìn bạn lần nữa, cố tìm hiểu chủ ý của câu hỏi. Ông giáo không tìm ra cái gì khác ngoài vẻ điềm tĩnh khó hiểu, ngoài cái thần nhiên đáng ghét. Giọng ông trở nên hằn học:

- Dĩ nhiên tôi không có ý định xuống trốn ở cái xó này. Thầy yên tâm. Nếu bọn Tần Cối không cấm biển, tôi đã khỏi phải ghé đây làm phiền thầy. Đất ở đây hẹp. Ở đâu cũng có tai mắt bọn Tần Cối nên nhan nhản khắp nơi toàn một lũ hèn. Tôi không chịu đựng nổi nữa. Phải qua bên kia đèo Ngải lãnh thôi!

- Để tìm thờ một chúa khác ư?

Ông giáo tức giận nói lớn tiếng:

- Thầy vừa nói gì thế? Chúa khác à? Trái tám đời khai phá mở mang bờ cõi, còn tìm dòng họ nào xứng đáng hơn nhà Nguyễn Gia Miêu. Chỉ giận tên gian tham chuyên quyền, lung lạc cả ngôi chúa. Nay chỉ còn hy vọng ở hoàng tôn mà thôi. Đất Quảng nam trù phú, dân đông, có thể cấy vào đó làm thế dựa để diệt gian thần, tôn đấng minh quân được. Thầy nghĩ sao?

Nhà sư suy tính một lúc, rồi trả lời:

- Quanh quần cũng chỉ bấy nhiêu! Trước kia tôi cũng nghĩ như thầy, định chỉ nương tạm cửa Phật một thời gian, Nhưng càng ngày tôi càng thấy, càng hiểu. Ất hay Giáp ngồi trong vương phủ cũng thế thôi, lũ dân đen lúc nào cũng chỉ được nắm cơm hẩm và manh áo rách.

Ông giáo không tin ở tai mình nữa, lo sợ đến ngẩn ngơ, bàng hoàng. làm sao bạn ông dù đã bỏ mộng kinh sư theo kinh kệ lại dám thốt những lời phạm thượng như vậy. Bây giờ ông mới thấy Hàn Dũ có lý. Ông giáo đứng hằn dẫy, đi đi lại lại trong phòng để mong lấy đủ bình tĩnh. Bạn ông vẫn ngồi trầm ngâm trên sập gỗ, như đang tham thiền nhập định. Ông giáo đến trước mặt bạn, dần từng tiếng một:

- Thầy chỉ là một kẻ nhát gan, giấu đầu trong xó tối mà tránh ma. Thầy tưởng tiếng chuông lời kệ đủ sức diệt được tham sân si của lũ Tần Cối ư? Không! Không!

Nhà sư mở mắt ra, thấy vẻ thách đố giận dữ của người bạn già, nhưng vẫn điềm tĩnh trả lời:

- Rất tiếc đã làm cho anh giận, anh giáo Hiến ạ. Lúc nãy anh bảo trong sách Truyện ký có chép rằng cây tùng nào tàng lá xoắn thành hình tròn, dưới gốc có phục linh và hổ phách. Tôi cũng có nghe nói như thế. Nhưng có ai vì tham hai món thuốc quý ấy mà đào bật gốc tùng lên không?

Ông giáo để một lúc lâu suy nghĩ về lời nói bóng gió của bạn, tuy cảm động vì lối xưng hô thân ái như lúc thầy Từ Huệ chưa vào chùa, cùng với ông là môn khách ở dưới cửa Ý-đức hầu, nhưng càng nghĩ, ông càng thấy không thể đồng ý với bạn. Ông nói:

- Cách nhau mấy năm, chúng ta đã khác nhau quá. Dù sao cũng xin cảm ơn thầy... cảm ơn anh đã cho tá túc đêm nay, mai chúng tôi đi sớm. Có lẽ anh không bị quấy rầy nhiều đâu!

Cả hai người nhìn nhau không nói, và đều băng khuông trước một sự rạn vỡ vô hình. Từ đó cho đến lúc chào nhau đi nghỉ, họ không nói với nhau điều gì khác ngoài những lời khách sáo vô nghĩa.

Lũ trẻ không quen đi bộ, nên dù có hứng thú với cảnh những dải cát mênh mông, núi vôi vọi xanh biếc và những đầm nước sóng vỗ ngay vệ đường, chưa đi được bao xa, đã kêu mỏi chân. Sức khỏe mong manh của Lãng và bà giáo cũng là một lý do khác. Ông giáo không dám hối thúc, lâu lâu dừng lại chờ vợ đến với đôi mắt thương cảm pha lẫn nhẩn nại. Ông đã trải qua cái cảm giác phức tạp ấy nhiều lần trong

đời. Bảo rằng ông hối tiếc hay bảo rằng ông thương hại, đều không đúng. Ông giáo có hối tiếc gì đâu? Giả sử có một phép lạ nào cho phép ông được sống lại một cuộc đời khác ngay từ đầu, ông không ngần ngại lặp lại những điều ông đã sống. Lặp lại cái biến cố quan trọng nhất của đời ông: cuộc tình duyên giữa ông giáo và bà giáo. Giữa chốn thị thành bon chen nhau giành giật ân huệ và danh lợi của vương phủ ban phát, tiếng cười hả hê chen những tiếng nấc nhọc nhằn ô nhục, đập chà lên đầu nhau tiến thân, miệng lưỡi tâng bốc cũng là miệng lưỡi dèm pha, ôi thôi trong mớ tiếng ồn bát nháo ấy của thành Thuận Hóa, việc ông giáo lấy một người vợ có gì đáng kể đâu thế mà trong đám quen biết không khỏi có lời bàn ra tán vào. To tiếng nhất là đám bạn bè của ông giáo. Dù thế nào chẳng nữa (ý các bạn ám chỉ cảnh tứ cố vô thân và sự nghiệp dở dang của ông giáo) ông cũng là một nhà nho. Tất nhiên ông giáo chưa đậu đạt gì, và chắc còn lâu lắm mong tên mình được xướng ở lầu Phú văn. Các bạn ông còn lạ gì cái tính ngông nghênh không chịu vào khuôn phép, cái giọng khinh bạc phóng túng trong các bài thơ phú của ông! Thế nhưng mà...(các bạn ông tợp chén rượu đang ở cái quán lá gần bờ sông nơi họ thường tụ tập nhau tán gẫu) thế nhưng dù sao chẳng nữa ông giáo cũng là một nhà nho có tương lai. Trong lúc đó, cô hàng cơm hến chỉ là con một anh lính lệ. Vâng, thì đã đành cha cô hàng cơm hến là lính cấm binh nhờ gốc gác từ Tổng sơn mà được tin dùng, và nếu cần, ông ta có thể chửi thẳng vào mặt bọn thư sinh lạc độ yếu đuối mà họ chẳng dám làm gì, chỉ riu riu cúi đầu, lạng lẽ tránh đi. Các bạn ông giáo cũng lấy lòng người chân thực công nhận rằng cô hàng cơm đẹp, đôi mắt to và sâu, cái mũi thanh, đôi môi nhỏ mỗi lần không nói cố mím lại để che cái răng cời bên trái khiến lúc nào hình như cô hàng cũng đang sắp sửa cười với người trước mặt. Nhưng (họ nhấn mạnh để thuyết phục ông giáo nghĩ lại trước khi quá trễ) nhưng tay chân cô ta thô quá. Và điểm quan trọng hơn hết là cô ta ốm yếu quá. Vai đẹp, thân thể mỏng, nước da xanh xao. Họ có biết đâu rằng chính sự pha trộn giữa vẻ đẹp thuần hậu trầm tĩnh và nét mong manh yếu đuối ấy đã khiến ông giáo xúc động mãnh liệt. Ở cô hàng ít nói ấy, từ mái tóc dài đen lòa xòa ít được chải chuốt, cái dáng đi sẽ sàng như sợ đau lây mặt đất, nụ cười lạng lẽ giấu diếm, đến chiếc áo thâm tay dài rách ở cùi chỏ làm lộ một mảnh da trắng, tất cả, tất cả hợp nhau lại, không có chút mồi mọc mà chỉ có sự cầu cứu che chở. Mà ông giáo vào cái 25 của thời ấy, thì sẵn sàng làm người bao dung lắm!

Quả nhiên các bạn ông đã đoán không sai. Cả ông giáo cũng đoán đúng. Cô hàng cơm hến lấy một thư sinh tứ cố vô thân không sự nghiệp, cái nghèo chờ sẵn ngay từ tối tân hôn. Cô hàng không ngờ chồng mình không có gì khác ngoài đồng sách cũ. Nhưng đối với chị em hàng xóm, và nhất là đối với người cha hay say rượu, mớ giấy dơ chữ nghĩa lảng quăng đó trở thành biểu tượng của một giá trị siêu hình vượt xa tầm tay của rất đông người. Thứ giá trị chìm khuất trong một thứ mà sương thần thánh như các bức tượng ẩn núp sau lớp khói hương mù mịt. Nhờ thế, hai vợ chồng trẻ yên tâm sống giữa nghèo khó và sự kính nể của những người quen biết. Vợ mở một ngôi hàng nước, chen thêm vài ba thứ hoa quả lật vạt theo mùa. Chồng viết đơn thuê, tập tễnh đọc sách thuốc. Và như mọi cuộc sống vất vưởng bấp bênh khác, chính hai vợ chồng cũng ngạc nhiên không hiểu tại sao họ đáp đối lẫn hồi rồi cũng xong. Giật gấu vá vai, họ vẫn sống được. Chỉ có một điều ông giáo ái ngại, là bà giáo yếu ớt quá. Cái vẻ mong manh một thời quyến rũ ông, về sau vẫn còn đủ sức quyến rũ. Nhưng ông ái ngại cho bà giáo. Thêm một đứa con là thêm một niềm

lo lắng, sức khỏe bà giáo giảm xuống. Đôi lúc ông tự trách đã không có cách nào giúp đỡ vợ, cung cấp cho vợ một đời sống an nhàn sung túc hơn. Sau khi sinh thằng Lãng, ông sợ thêm một đứa khác thì vợ sẽ lụn dần như một ngọn đèn hết dầu. Ông quyết giữ gìn được đến tám năm. Thằng Út ra đời, ông giáo đau xót thấy sức khỏe của vợ chỉ còn là một ngọn bắc leo lét. Hai xương vai bà nổi cộm hết lên dưới lớp áo thâm, vai so lại. Thời tiết chốn kinh kỳ thất thường và trời vừa se lại là bà giáo húng hắng ho. Từ lúc ông bỏ nghề thầy đồ về giúp cho Ý đức hầu, gia cảnh có khá hơn. Ông có nhờ các bạn làm ở Tàu vụ mua thuốc bắc từ các tàu buôn người Trung hoa khi thuyền họ ghé vào Hội an. Thuốc bổ chỉ giúp được sức khỏe bà giáo cầm chừng, chứ không thể khá hơn.

Thể chất yếu đuối của mẹ ảnh hưởng đến mấy đứa con sau. Lãng khó nuôi ngay từ khi lọt lòng. Thằng Út hết nóng sốt lại đi tướt, giấc ngủ chập chờn và thường hay giật mình đổ mồ hôi. Cũng may nhờ có An giúp đỡ mẹ săn sóc các em, khi cho bú mớm, lúc dỗ giấc ngủ. Giữa đám anh em trai vô tâm, An như một người chị hay làm quán xuyến gần hết công việc trong gia đình. Cho nên lúc trời sắp tối, mây dùn lại hạ thấp bầu trời, Kiên và Chinh giục cha đi nhanh cho đến trạm Tuần ải, thì An nhắc cha rằng đường trở lại quán Trà gần hơn, chung quanh có làng xóm dễ tìm ra chỗ trú đêm. Ông giáo đã nghe theo lời con gái trở ngược lại tìm lối tắt lên đường cái quan, theo hướng bắc trở ra quán Trà.

Ông giáo không dám vào khách trạm, xin tá túc ở một ngôi nhà cất giữa vườn mít rậm. Sáng hôm sau ông lại cẩn thận đánh thức vợ con từ canh hai và lên đường khi trời còn tối mù. Từ quán Trà đến quán Tuần ải nhà cửa dân cư thưa thớt. Núi và đầm chen nhau không dành cho con người lấy vài khoảng đất mưu sinh, nên ông giáo yên lòng đi theo đường cái quan. Người dẫn đường thấy cách đi đứng thất thường của gia đình ông giáo, lấy cớ này cớ nọ đòi thêm 2 quan tiền công nữa. Bà giáo phải móc cái ruột tượng ra, lo lắng nhìn số tiền ít ỏi còn lại. Không có cách nào khác. Mọi người đều mệt mỏi, hai bàn chân ê ẩm, nặng trĩu, buổi sáng thức dậy tưởng như không thể đặt được bàn chân xuống đất chứ đừng nói chi bước đi. Nhưng rồi không có cách nào khác, bàn chân phải đặt xuống, môi mím để nén đau bắt nó làm để tựa để nhắc bàn chân trái lên, nghiêng người đặt xuống phía trước. Từng bước, từng bước, cả gia đình rồi cũng đến được quán Tuần ải tối hôm ấy.

Sáng hôm sau, họ bắt đầu đến bìa rừng Ngải Lĩnh. Ngay dưới chân đèo, có một xóm dân chài độ vài chục nóc nhà. Bà giáo và An đang vào một nhà tranh lụp xụp tồi tàn gần đường quan nhất để xin thêm nước dự trữ, thì đột nhiên cả xóm lao xao náo loạn. Người này ới ới gọi người kia. Mẹ hốt hải khóc mếu đi tìm con. Đàn ông vác những cái bọc cột sẵn chạy ra phía bờ biển! Không đầy một khắc cả xóm trở thành một cõi hoang vu, như có một cơn lốc dữ thổi qua vậy. Cửa sổ, liếp che ở các ngôi nhà lá đều chống lên, bên trong đồ đạc không còn gì. Trai tráng, phụ nữ đều biến mất, chỉ còn lại những người mù lòa, tàn tật và trẻ em. Ông giáo và cả nhà ngạc nhiên, rồi lo sợ, nghĩ rằng có lẽ lệnh truy nã của quốc phó đã đến đây. Đáng ngại hơn nữa là cả người dân chài vác thuê cũng đã biến mất. Trong cái xóm vắng tan tác, chỉ còn tro bụi

gia đình ông giáo và mấy người già cả. Vài đứa con nít đang khóc thét vì đột ngột xa hơi mẹ.

Ông giáo đến hỏi một ông lão. Ông lão trở về phía bắc nói:

- Ông không biết sao? Ông có thấy đám bụi mù trên đường quan không? Ông nên trốn nhanh lên, cả mấy cậu này nữa. Công sai đã về đấy!

Ông giáo kinh ngạc hỏi:

- Công sai về thì đã sao? Mình có làm gì nên tội mà trốn?

Ông lão lại gần, hạ giọng trả lời:

- Ông ở xa đến không biết đấy thôi. Ở đây dân khổ rách chúng tôi khô lắm. Xóm này ở ngay chân đèo. Quan dịch đi đông, bắt phu không đủ, người ta phải vào lòng bắt từng nhà. Nếu không có người, thì trong nhà có thứ gì, quan đều tịch thu hết. Do đó nhà nào cũng gói ghém quần áo, nồi niêu, thóc gạo sẵn, khi có báo là vác chạy ra chôn giấu dưới cát. Tôi đã già rồi, chân tay lóng cồng, thôi thì liều ở lại vậy. Ngày đêm chỉ lo chui rúc giấu mình như lũ chuột. Trước kia xóm này đông đúc có đến trăm nóc nhà. Chỉ vì cái nạn bắt trắng tứ tung mà nhiều gia đình phải trốn đi kiếm ăn nơi khác. Chúng tôi mấy đời giâm đợt rau gốc khoai ở đây, bỏ đi không đành.

Lúc đó một đoàn người ngựa vừa đến. Nhưng chỉ là một đoàn khách buôn. Ông giáo đoán chừng những khách buôn này vừa dùng ngực thồ hàng ra kinh thành theo đường bộ, giao hàng xong họ trở về với những giỏ trống. Nhờ thế những con ngựa chân thấp, sắc nâu sậm hoặc xám loang lổ trống còn khỏe. Vài người đàn ông đem lúa ra cho ngựa ăn, vài người vào xóm xin nước. Ông lão lúc này chụm hai bàn tay làm loa, hú lớn một tiếng dài. Dân chúng lại lục tục trở về, ban đầu còn thừa thớt e dè nhưng chỉ một lúc sau họ về đủ cả. Trên đầu, trên quần áo, người nào cũng đầy những cát. Tiếng cười nói oang oang, mừng rỡ như vừa thoát được một tệ nạn ghê gớm. Một người lái buôn báo trước:

- Hôm nay không có gì đâu. Ở quán Lợn Voi, chúng tôi nghe nói đến mai mới có một đoàn quân quan đi vào Hội an thu thuế. Các bác cứ yên tâm, nghỉ một đêm lấy sức sáng mai hãy chạy.

Đàn bà con nít nghe nói vậy cười ồ. Trên các gương mặt đen xạm vì lam lũ thiếu thốn, trong các đôi mắt đục và mờ dẫn hoặc lấm lét vì sợ hãi, lóe lên dễ dàng những ánh vui nhỏ. Một cái chợ nhỏ thành hình, quanh gốc xoài nơi bọn khách buôn cột ngựa. Ngược lại, họ bán cá tươi, cua luộc và những thùng ổi rừng. Ông lão lúc nào hình như chưa yên lòng nếu chưa nói hết câu chuyện dở dang với ông giáo, kéo ông ra chỗ xa tầm sự:

- Tôi thấy các đời trước đời sống dễ thở hơn. Thuế má vừa phải, dân còn chịu đựng được. Quan lại tránh làm phiền nhiễu dân. Nhờ vậy, làng xóm tụ hội, khỏi ai bị buộc phải trốn tránh, phiêu dạt. Bây giờ thì...ông thấy đấy!

Ông lão thở dài. Rồi chỉ cho ông giáo thất một bức tường ở một căn nhà hoang mái dột, nước xối lỏ chỉ còn cái khung tre xiêu xó, ông lão nói:

- Tôi nói với ông làm gì chứ! Nói mà có làm được gì đâu! Than ôi! Tôi già quá rồi!

Quá trưa, chờ cho đoàn khách thương đi xa, gia đình ông giáo mới bắt đầu leo đèo. Đường sá gập ghềnh khó đi, hai bên đường toàn bụi rậm dây leo chằng chịt. Càng lên cao, cây cối thẳng đuột không có cành phụ. Rễ bám dưới đáy vực, thân trắng vươn lên cố chen nhau đưa tán lá nhỏ cướp lấy ánh nắng và sương móc. Chút ánh sáng ít ỏi lọt qua được những dù lá tròn chập chùng, lại bị làn sương mờ phía dưới ngăn trở nên tuy đã quá trưa, gia đình ông giáo vẫn có cảm giác đang đi giữa tình mơ. Đã thế lâu lâu một đám mây thấp trôi vướng vào đám thân cây, làm cho cảnh vật tối sầm mù mịt. Hơi rừng bốc lên, lá cây xôn xao, dường như cả bầu trời mặt đất và thảo mộc cùng tận hưởng thú vị của đời sống, thở ra khoan khoái. Từ lâu tù túng trong vòng lẩn quẩn tù mủn của đời sống đô thị, cả ông giáo, Kiên và Chinh không thể không xúc động trước một sức sống huyền nhiệm rộn rã và bao la như vậy. Nỗi mệt nhọc hình như tan theo mây và sương thấp, lãng đãng hòa nhập vào hương hoa ngải đang phảng phất quanh bước chân họ. Những cảm giác khinh khoái ấy không bền. Đường đèo gập ghềnh, họ lại mất hướng đạo nên buộc lòng phải đi nép theo đường quan, vừa bước vừa lo âu nhìn sau nhìn trước. Chỉ sau một thôi đường ngắn, mồ hôi và sương đã ướt đầm khăn áo của bà giáo và mấy đứa bé. Nghỉ một lúc, họ gắng leo thêm một đoạn đèo nữa. Gai góc, đá nhọn làm ê ẩm, nhức buốt những bàn chân son. An thấy mỗi lần đặt chân xuống, mẹ phải mím chặt môi, đôi lông mày chau lại, nước mắt sống chảy xuống đôi má đã tái lạnh vì sương rừng. Cô bé quên cả nỗi mệt nhọc, cố gắng bước nhanh đến nắm lấy tay mẹ. Bà giáo đưa cánh tay trái quàng vai An, và bất ngờ bật lên khóc. Cả gia đình dừng lại, qui tụ thành một nhóm. Ông giáo lo lắng, nhưng cũng hơi bức bối trước sự yếu đuối của vợ. Bà giáo ngồi rũ trên một phiến đá thấp, càng ngày khóc càng lớn hơn. An quần quýt bên mẹ một hồi, rồi cũng khóc theo mẹ. Rồi đến thằng Lãng và bé Út. Kiên không hiểu vì sao đám đàn bà trẻ con đang đi đột nhiên đua nhau khóc lóc như vậy, ngơ ngẩn đứng nhìn, không biết phải làm gì. Ông giáo xoa dầu lên hai bàn chân vợ xong, yên tâm vì không thấy vết thương trầm trọng nào ngoài vài vết xước và bầm tím trên bàn chân và ống chân bà giáo. Lúc đặt bàn chân vợ xuống, ông mới khám phá hai con vắt nhỏ đang bám chặt vào chỗ dưới mắt cá. Chưa ai trong gia đình có kinh nghiệm đi rừng. Chiều cao của cây cối, dốc đứng hướng lên đỉnh trời, sương mù giăng khắp đôi lúc đặt lại vì thêm những đám mây, cái khí lạnh dịu dịu và mùi hương ngải thấp thoáng lúc đậm lúc nhạt, đều hoàn toàn mới lạ đối với mọi người. Có sá gì những cái nhỏ mọn. Cho đến lúc sự mệt nhọc kéo tầm mắt họ xuống, trước hết là đám đàn bà trẻ con yếu đuối, thì những phiến đá cứng có cạnh sắc, những bụi cây thấp đầy gai, những lối đi trơn trượt; buốt lạnh nhóp nhép những mồ hôi, khí ẩm sự rã rời trên đầu gối cảm giác tê dại nơi bắp chân, đất trở nên gai góc lởm chởm và triền đi dốc ngược tất cả những điều phức tạp rắc rối ấy cùng ủa nhau đến. Nhưng hãi hùng nhất là những chú vắt nhỏ và nhanh này. Mỗi người lúc đó mới tự khám phá ở những chỗ kín giữa ngáy đều có một hay hai chú vắt bám vào. An chết điếng cả người, không thốt lên được lấy một tiếng dù là tiếng rú. Rồi ai nấy đều để ý thấy không biết cơ man nào là vắt trên lối họ đi. Chúng búng nhẹ cái thân màu nâu đậm và trơn tuột từ chiếc lá này sang chiếc lá khác, và chưa kịp cảnh giác, chúng đã chui được vào dưới lớp quần áo ta rồi. Sợ quá bà giáo quên cả khóc, đứng lên chạy trốn. Ông giáo giữ vợ lại, trấn tĩnh bằng đủ mọi lý lẽ mà bà giáo cứ một mực đòi về lại kinh. Không dẫn được tức giận, ông giáo quát lên:

- Có im đi không! Đừng nói đại!

Nếu không có tiếng ngực hí vang lên từ đầu ngọn dốc thì còn lâu gia đình họ mới giải quyết được chuyện đi hay ở. Không ai bảo ai, mọi người đều im bật, và nhanh chóng dìu nhau đi xuống phía vực, nơi có những dây leo lá to màu phơn phớt tím, hoa trắng, leo lên thân một cây đã chết khô, tạo thành một chiếc tổ kín đáo. Chờ cho đàn người ngựa đi qua, họ trở lại lối cũ. Ông giáo bảo vợ:

- Ta cứ đi trên đường quan đi! Không sợ gì nữa!

Chinh nói với cha:

- Chúng nó không dám đi đêm đâu. Vả lại, việc gì phải sợ ai.

Kiên chậm chạp nói:

- Gần tối rồi cha! Nhất định đây là đoạn cuối cùng xuôi đèo ra kinh. Chắc ta không gặp ai nữa đâu!

Mọi người yên tâm đi trên đường quan, bớt được phần nào khó nhọc. Đi được một thoi đường, trời gần như tối hẳn. Đang lo không biết phải qua đêm ở đâu, họ mừng rỡ tìm thấy phía trước có ánh đèn. Qua màn sương dày, đóm ánh sáng ấy nhòe ra, ươn ướt, như một chất rắn vàng óng đang tan rữa trên tấm thảm đục bát ngát... Màu sáng óng ả, chất lỏng dịu ngọt ấy giúp mọi người phấn khởi. Ngay cả bà giáo và Lãng cũng bước nhanh kịp bước chân Chinh. An vấp một hòn đá lớn mà không thấy đau đớn gì nhiều. Bà giáo hỏi:

- Có chắc là ánh đèn không mình?

Ông giáo cũng lo sợ chỉ là ảo ảnh, không dám trả lời vợ. Thực tế không phụ họ. Đến gần hơn, họ nhận ra được rõ thêm một mái nhà lợp cỏ, bậc cấp bằng đá xếp tạm bợ theo tự nhiên dẫn từ đường cái lên. Chinh vui mừng không ngăn được cười đùa, reo hò. Kiên ngăn em, nhưng tiếng nói lớn không chút dè dặt. Ông giáo cũng cười bảo vợ:

- Mình thấy không. Tôi đã biết chắc ở đây có một cái quán. Hôm nọ ở nhà Ý đức hầu...

Đang nói ông giáo ngưng lại kịp. Họ đã đến chân lối đá dẫn lên quán. Một bó đuốc lớn cháy bập bùng trước cửa, nhưng lạ lùng là quán không có người. Chinh đặt gói đồ xuống chỗ Kiên đứng, không chờ ai sai bảo, nhảy thoăn thoắt trên bậc đá lên quán. Từ phía sau ngọn đuốc bập bùng, Chinh nói vọng xuống:

- Không có ai cả.

Ông giáo chụm hai bàn tay làm loa bảo con:

- Coi chừng.

Rồi sợ ý mình lộ liễu quá, ông thêm:

- Ở đây rắn rít nhiều lắm. Vả lại coi chừng không lại ngã.

Không thấy Chinh trả lời. Một lúc, Chinh lại xuất hiện trước ánh đuốc nói lớn:

- Bếp còn lửa. Có cả mâm cơm, ấm nước trà đang bắc trên bếp nữa. Vừa có người ở đây xong, không biết họ đi đâu.

Ông giáo đoán được sự thế, bảo cả nhà:

- Ta lên thôi!

Họ vào quán, tò mò quan sát cái quán tranh rộng ba gian dựng khá vững chãi, công phu. Cách xếp

đặt khá gần nắp, sạch sẽ. Ngoài mâm cơm bát đĩa vất bừa bãi trên cái nong nhỏ và cái kệ làm bằng nửa đan dùng để bày quà nghiêng đồ chống chơ vì thiếu mất một chân. Ông giáo ra phía sau bếp lấy tay làm loa gọi lớn:

- Chúng tôi là khách bộ hành. Các ông các bà chớ ngại.

Gọi xong, ông chờ. Một lúc lâu chưa thấy động tĩnh gì. Ông gọi tiếp:

- Chúng tôi, thường dân ở kinh đô về Thăng hoa cư tang. Các bác chớ ngại.

Họ lại chờ. Tiếng gió thổi vào mái lá. Tiếng con tắc kè trên đọt cao, tiếng một vài quả rụng. Rồi tiếng ho. Tiếng chân người. Lần lượt những người chủ quán trở lại. Một ông già khoảng 60, khôn mặt gầy ốm, da đen, nói nhanh và hay lặp. Người vợ trông già hơn chồng, miệng móm, tóc đã bạc hần. Một người con trai khoảng 30 thấp lùn, chắc nịch không nói lời nào. Ba người khách trọ đến trước gia đình ông giáo. Chưa cần hỏi nhiều, ông giáo đã hiểu vì sao mọi người chạy trốn. Một ông khách có dáng thư sinh bảo:

- Tôi đã nói không nghe thấy tiếng chân ngựa, nhất định không phải là quan dịch. Nhưng bác quán cứ lo xa, hỏi tại sao không phải là quân quan mà dám lớn tiếng cười nói như vậy!

Cụ chủ quán ngượng nghịu nói:

- Phải lo xa các ông ạ! Mới buổi sáng đây, các “ngài” cần thêm người khiêng vông. Có đưa xấu miệng mách lẻo cho các ngài biết thằng Mười còn sống chung với hai vợ chồng già chúng tôi. Thế là... các ông thấy đấy. Cái quày mất đi một chân. Bà nhà tôi cứ tiếc mãi cái âm trà đất nung mua ở cửa Hội. Những một quan đấy!

Nửa đêm, ông giáo giật mình thức dậy. Trống ngược ông dồn dập, mồ hôi đầm cả lưng áo. Ông phải nằm lặng trên mặt chiếu ẩm một lúc khá lâu, mới nhận ra được những rui mè bằng tre của mái quán thấp, màu sáng vàng ửng và mong manh hắt từ ngọn đèn dầu đặt ngay dưới nền cách chỗ gia đình ông ngủ không bao xa. Dĩa dầu đã gần cạn, đầu ngọn bốc đen và dài, đóm lửa leo lét yếu đuối lâu lâu lụn hần xuống gần như sắp tắt. Nằm yên thêm một lúc nữa, ông giáo phân biệt được tiếng mưa rơi trên mái tranh và tiếng lèo xèo ở chỗ dĩa đèn. Ông đoán không lầm. Mái quán bị dột, giọt tranh rõ đúng vào dĩa đèn. Lớp dầu dừa nổi lên trên dĩa nước quá mỏng, không đủ thấm chất đốt cho tim đèn. Dù đã ý tứ đi thật sẽ sàng để khỏi làm phiền mọi người, bước chân của ông cũng vang dội thành tiếng động lớn. Cụ chủ quán húng hắng ho bên kia liếp phen. Tiếng rít nhỏ và kéo dài của một loài côn trùng bên ngoài mái quán, cũng có thể là tiếng gọi tình của một loài rắn, tự nhiên cũng ngưng hẳn lại. Hình như đêm đột ngột lặng lẽ để rình rập ông. Hình như bên kia mái quán, còn có một ngọn núi nhọn nắp sau những đám mây đen theo dõi từng cử động của ông. Ông lo sợ nhìn quanh quất. Vợ ông nằm co quắp ngay sát tấm vách ngăn, một tay ôm lấy thằng Út còn tay kia đặt trên mái tóc rối, giống như cử chỉ một kẻ yếu đuối đang đưa tay lên che lấy đầu lúc bị kẻ khác đánh đập. Thằng Lãng thở khò khè, khí núi làm cho cơn hen tái phát dữ dội khiến thằng bè trần trở, hết xoay người về phía cột đèn, lại xoay sang phía lưng bà giáo. Ông kéo tấm chăn bông đắp lên ngực con.

Lăng mở mắt nhìn, nhưng nó không thấy gì, ngơ ngác một lúc rồi lại nhắm mắt ngủ. Ông giáo ngồi bó gối bên ngọn đèn sắp lụn, thần trí hoang mang. Giá ông có thể hiểu hết được mình, biết rõ những điều quấy nhiễu giấc ngủ mình, biết rõ cái gì khiến cơn hoạn nạn hiểm nghèo của đời ông, ông lại thiếu hẳn sự nhạy bén trong phản ứng, sự quyết định lúc lựa chọn, sự sáng tỏ đen trắng giữa căm thù và ngưỡng mộ. Trên đường thoát hiểm để cứu lấy mạng sống, vì sao bước chân ông ngập ngừng? Cái gì níu kéo ông lại?

Mấy ngày nay, đôi lúc ông tưởng Kiên biểu ông được phần nào. Lúc nhìn theo đoàn thuyền quan chở của cải các xứ đàng trong về cho quốc phó, lối nhìn trầm lặng ngẫm chứa nhiều nghĩa của đứa con cả đã khiến ông giáo vui, cái vui tìm được bạn đường. Nhưng thay vì phần nộ, Kiên chỉ biểu lộ sau đó sự cam chịu, buông theo chiều gió. Ngược lại, ở Chinh, ông thấy sự phẫn nộ, phá phách vô tâm, gần gũi với bản năng ban đầu hơn, giống như niềm vui độc ác của bọn con trai mới lớn đổ dầu lên chú chuột con tội nghiệp, châm lửa đốt rồi vỗ tay cười đùa. Ông biết chắc cái tâm sự dửng dăng, ngập ngừng này của ông, cảm giác hoang mang bất định và cả đến đáng điệu ngồi thu mình cô độc bên đĩa đèn leo lét này, ông không thể chia sẻ, không thể tâm sự với bất cứ người nào trong gia đình.

Ông thao thức như vậy cho đến lúc hừng sáng. Ngọn đèn đã tắt, ông đếm từng tiếng chóc chóc của giọt tranh rơi vào lòng đĩa nước. Ông đếm nhịp mình thở. Ông chờ những đợt gió mạnh. Rồi tiếng ban đêm, tiếng muông thú và côn trùng, tiếng cây cỏ, tiếng núi, tiếng trời... Không có âm thanh nào rõ, ông chỉ nghe thấp thoáng chung chung thành một tràng những tiếng xao xác. Ông dậy sớm hơn mọi người, dù đầu óc hơi ngây ngậy nhưng không chịu nằm rán đờ giấc ngủ, một mình bước ra khỏi quán.

Ông kinh ngạc khi nhận ra rằng quán nằm ngay trên đỉnh ngọn Ngải lãnh. Phía nam phủ phục dưới chân ông là những nếp rừng dày xếp nghiêng lớp nọ kề bên lớp kia. Xa hơn nữa là mặt biển màu bạc mênh mông, là đồng bằng màu xanh ô đậm ô nhạt chập chồng. Ông đang ở trên lằn ranh, và chốc nữa đây, chỉ cần bước thêm vài bước, ông và cả gia đình sẽ xuôi xuống một hoàn cảnh khác. Ông không thể dừng lại được nữa rồi. Trước mặt ông không còn chóp núi cao nào nghiêm khắc quở trách ông, không còn dốc cao nào chặn bước chân ông. Từ đây, dù có do dự, đã xuôi dốc cứ đẩy ông tới, về phía biển bạc trùng trùng kia, về phía đồng bằng bao la kia.

Ông giáo trở về quán. Vợ con ông đã thức dậy. Bà giáo đang xuống bếp lo nấu cháo cho mấy đứa bé. An lo lắng nhìn vẻ bơ phờ của cha. Có một điều cô bé không hiểu, là hình như cha đang có điều thú vị, miệng vẫn mím lại nhưng đôi mắt sáng long lanh. Thấy Lăng, bà giáo và bé Út tiều tụy quá, ông giáo nghĩ: không thể theo đường bộ mãi được. Bằng cách nào đó, phải đến cửa Hội tìm thuyền mà về cửa Giã.

[2] Quốc phó tức quan ngoại tả Trương Phúc Loan

[3] Tức Trương Phúc Loan

[4]

Chương 2

Đã nửa tháng qua, từ ngày ông giáo may mắn quá giang được một chiếc ghe bầu về Cửa Giã! Thuyền chở mả ruốc ra cửa Hội, vòng về chở nón lá, gỗ thai bài và chiếu Điện Bàn.

Đáng lý thuyền đã nhổ neo xuôi nam từ trung tuần tháng 5, nếu không gặp phải một vài chuyện rắc rối. Dễ hiểu thôi! Cái loại rắc rối có hương thơm của quế! Chủ thuyền khai ở phòng thuê có chở về Giã mười bó thai bài, loại gỗ sắc trắng như ngà voi uốn không gãy dùng làm cán dao hoặc làm côn rất tốt. Chuyên chở một loại hàng khả nghi như vậy đối với nhận xét của nhà cầm quyền, không phải chủ thuyền không tính toán lợi hại. Nhưng mấy họ đạo ở Mỹ Cang, Gò Thị đã khẩn khoản đặt tiền trước và chịu mua một giá cao gấp 10 lần giá vốn ở cửa Hội. Trước nạn cướp đang hoành hành ghê gớm, và ác cảm ngày càng tăng của dân ngoại, các họ đạo tìm cách lấy lòng quan địa phương, xin phép tổ chức các đội tự vệ. Kể ra chỉ cần gậy tre vạt nhọn cũng đủ giương oai với những kẻ yếu bóng vía lắm rồi. Nhưng những người tân tòng giàu có nhờ nghề buôn bán đường biển muốn làm quá hơn một chút, muốn phô trương một thứ sức mạnh đẹp đẽ, hào nhoáng, đắt tiền lạ mắt. Vì thế họ mới chịu đặt mua mỗi bó cây côn thai bài giá những 3 quan. Chưa hết. Cái giá trời ơi đó không đủ khiến những tay buôn nguồn nhú mào. Ba quan ư? Thì 3 quan. Trả thêm nửa quan nữa, vị chi 3 quan rưỡi, nhưng phải chọn tuyền những cây thai bài dài quá tầm người, gỗ già mà không vết, để làm cán lao. Tây Sơn thượng đặt mua 20 bó nữa. Tính nhẩm các khoản phí tổn trà nước từ cửa Hội cho đến cửa Giã, chủ thuyền thấy món lời không nhỏ. Bất ngờ khi bán xong mả ruốc, mua xong nón và chiếu, ông ta mới biết giá gỗ tăng vọt. Nhẩm tính mọi phí tổn, ông bần thần cả người. Túng thì phải tính. Ông giấu mấy bó gỗ một ít quế. Càng tính càng vỡ. Không bị đóng gông vào tù là may. Nhẩm tính một lần nữa, chủ thuyền mới thấy chuyến chở hàng kỳ này coi như không công. Lúc nào đó khoảng 20 tháng năm. Thời hạn neo thuyền ở cửa Hội đã hết. Chính đúng vào lúc chủ thuyền ruột rồi như tơ đó, một người bạn đưa ông giáo đến. Không cần hỏi cặn kẽ, cũng không có thì giờ và bình tĩnh ghi nhận về bối rối khác thường trên gương mặt ông giáo, chủ thuyền nhận lời ngay. Ông giáo đang tìm lời rào trước đón sau để thú nhận bao nhiêu tiền dành dụm được đã rơi vãi gần hết trên đường từ Thuận Hóa vào đây, chủ thuyền đã xua tay:

- Không sao. Chỗ quen biết với nhau cả mà.

Ông giáo muốn được rõ hơn về giá cả:

- Vâng. Kể ra thì bác với tôi cũng có thể kể là đồng hương đấy. Nhưng việc gì cho ra việc đó. Chuyện quen biết nhau, quý nhau, giúp đỡ nhau, phải đâu cho ra đó. Tôi biết bác muốn giúp đỡ chúng tôi, không nữa...

Người chủ thuyền cắt lời ông giáo:

- Thôi, thế này. Tôi giúp không công thì ông giáo áy náy. Không giúp gia đình ông giáo về quê thì tôi áy náy. Ta chọn con đường giữa. Nếu là ai khác, 5 quan một người tôi cũng không chịu. Nhưng chỗ quen

biết, tôi chỉ lấy tất cả 20 quan thôi.

Thế là cả chủ thuyền lẫn ông giáo đều tự nhận mình là người may mắn. Vì thế, khi thuyền đã nhổ neo, người này cảm thấy phải chứng tỏ tất cả lòng ưu ái, thiện cảm đối với người kia.

Thuyền thuộc loại lớn, nhưng chuyên chở hàng nên thiếu thốn tiện nghi. Chuyển ra lại chở mắm ruốc, mùi khăm khắm nồng nặc, cả gia đình ông giáo lúc mới xuống thuyền ai cũng hắt hơi liên tiếp. Trong lòng thuyền rờ rêu cũng thấy nhớp nháp, rít róng. Chủ thuyền quên mất thói quen tính toán, cởi phăng bó chiếu hoa Điện bàn, lấy một chiếc trải cho bà giáo nằm. Bà giáo bị bệnh từ lúc nghỉ đêm trên đỉnh Ngải lãnh, cố gắng lắm mới thều thào đôi lời cảm ơn. Bù lại, ông giáo đốc thúc các con quán xuyến việc bếp núc cho cả chủ thuyền lẫn anh em chèo thuyền. Kiên và Chinh tự nguyện giữ hai tay chèo ở gần phía lái. Như vậy là ai cũng đều thơ thới hân hoan!

Thuyền ra khơi được hai ngày, bệnh tình bà giáo trở nặng. Người bà nóng rực. Môi khô. Đáng sợ hơn hết là bà bắt đầu mê sảng. Chưa phải bà đã đến tình trạng mất hết sự kiểm soát chủ động của lý trí. Chồng con nói gì bà cũng hiểu. Và bà cũng hiểu ngay những lời bà nói trong cơn mê nữa. Khó phân biệt được trạng thái tỉnh trí và trạng thái mộng mị qua thái độ, cử chỉ, lời nói của bà giáo. Hình như một cái gì đó từ lâu vốn là nền tảng của đời sống bà, chỗ dựa của bao nhiêu cân nhắc, tính toán, lo âu lẫn ước mơ, cái nền vô hình đó bây giờ đã rã rệu, sắp phải sụp đổ. Mọi sự còn y nguyên, nhưng chỉ có bà và những người thân mới thấy trước những rạn vỡ hiểm nguy đang đe dọa nền đất dưới chân họ. Ông giáo thấy chậm hơn An, ban đầu nghe An lo lắng kể lại những câu nói lạ lùng của mẹ, ông đã dùng đến hai tiếng "chòng chành", để an ủi con:

- Chỉ lo hão thôi. Đừng nói lớn mẹ nghe được, giận đấy. Có gì đâu. Tại thuyền chòng chành, mẹ yếu sức nên mới ngầy ngầy khó chịu mà thôi!

An nghe lời cha, tuy còn băn khoăn nhưng đã yên lòng phần nào. Ông giáo giải thích có căn cứ. Thuyền ra khỏi cửa Hội gặp ngay thời tiết xấu. Từng cơn sóng lớn bạc đầu nhồi thuyền lên cao, rồi lại rút xuống thấp. Thế lực của An vững chắc không thua gì cha và hai anh, chỉ cảm thấy khó chịu một lúc rồi quen. Nhưng Lãng và Út thì chịu đựng không nổi đời sống chòng chành. Nhất là Lãng. Cậu bé mửa thốc đến mặt xanh, suốt ngày không cơm nước gì được. Mặt xanh mét. Út thì vẫn chơi đùa với quả cầu thắt bằng vải ngũ sắc và gối ôm thân thuộc, nhưng mỗi lần sóng dồi, thằng bé sợ, hai tay bấu lấy khoảng không, khóc ré lên. An thường bỏ bếp chạy vào khoang trong đỡ em, và cô lạ lùng nhận ra vẻ thờ ơ của mẹ. Hai mắt bà giáo vẫn mở, tay vỗ nhẹ lên lưng thằng Út để ru ngủ, để dỗ dành, nhưng rõ ràng bà giáo cử động, nói năng trong trạng thái vắng mặt.

Thuyền cập bến Gò Bồi lúc quá trưa. Nước triều đã rút, để trơ một bãi sông đầy bùn, rác, cây mục và đồ dùng bằng đất đã vỡ. Phía bên sông xa, vài cái quán tranh mái thấp cất sát dọc con nước, người đi lại lố nhố đông đúc. Mấy đứa bé da cháy nắng ngụp lặn giữa dòng nước đục, cố níu lấy mạn thuyền leo lên

mà không được. Một đứa định bầu vào bánh lái. Chủ thuyền quát đuổi đi. Thằng bé thả tay cho ngã ngửa trở lại xuống nước, lặn thật sâu, rồi nổi lên phía đầu thuyền vuốt mặt thở phì phò. Sóng vỗ vào mạn thuyền nghe vui tai như tiếng đàn heo đói chấp nuốt một máng cháo ngon. Chinh thích thú, cởi áo muốn tắm với đám trẻ lạ. Thấy anh lừ mắt, Chinh lại mặc áo vào. Kiên giúp An thu dọn đồ đạc, cột chặt mấy tay nải quần áo và mền gối, sách vở. Ông giáo ra phía đầu thuyền, đứng ngắm cảnh bốn phía.

Xứ sở này hoàn toàn xa lạ đối với ông. Và cả vợ ông. Đã đành trong những cơn say, cha vợ ông giáo có nói đến từng mảng, từng mảng rời rạc của xứ này. Nhưng trí nhớ mù mờ, lung linh giữa hơi men thật khó tin cậy lắm. Ông giáo nghe ông nhạc kể chuyện một tối đi đứng nhá bên bờ sông nước lũ, một bữa nhậu với tôm nướng vừa câu được ngay bên bờ đầm Thị Nại, một cuộc săn đuổi đám lục lâm chuyên nghề buôn nguồn. Chuyện một thuộc hạ giỏi võ đổ cát vào hai ống quần buộc túm lại để tập nhảy qua rào. Dòng họ Trần ở Mỹ Cang vì tranh nhau đồ giàn mà suýt chút nữa đốt cháy cả làng của dòng họ Lê ở Nước Mặn. Rồi chuyện bọn trộm ở Truong Mây thời phượng một cánh tay con nít phơi khô, mỗi đêm xuất hành làm ăn phải đi theo hướng ngón trỏ của thần vật chỉ dẫn, nếu không tất gặp phải tai họa. Chuyện đời sống cam go của những người mở rừng, làng xóm đơn sơ của những dân lưu tán. Riêng chuyện gia đình phía vợ lớn An Thái, ông nhạc ít khi nói đến. Dù là những lúc say nhất. Một phần không nhỏ của cuộc đời ông ở đấy, có lẽ đầy những nghịch cảnh đau lòng nên men rượu không đủ sức thúc ép ông kể. Thường trên đà ba hoa, đến chuyện riêng, ông dừng lại kịp. Mắt ông chớp chớp. Một lần bà giáo bắt gặp cha đang quay mặt vào bóng tối để lau vội một giọt nước mắt. Cả gia đình bỏ lại An Thái, ông nhạc chỉ thường nhắc đến một người em vợ bị bệnh cùi sống một mình trong chòi tranh giữa đồng.

Vùng đất bí nhiệm và hoang sơ đó đã bao lần cuốn hút lòng tò mò của ông giáo. Bây giờ ông đang đứng đây, ngay trên con sông có lẽ ông nhạc đã nhiều lần giăng lưới. Chỗ nào đâu? chắc là chỗ kia kìa, nơi bờ sông đột nhiên uốn cong, lá trôi trên mặt nước đến đó thì xoay vòng, tụ lại một đám. Còn chỗ này là cái xóm dòng họ Lê suýt bị thiêu rụi vì một trận đồ giàn? Chỗ nào đám bạn bè của ông nhạc họp nhau câu tôm để nhấm rượu? Chung quanh ông giáo, xa xa, vây quanh những núi là núi. Ngọn nào là sào huyệt của đám lục lâm buôn nguồn? Truong nào là nơi làm ăn của bọn cướp? Và giữa khoảng bình nguyên mênh mông tí tắp, tìm đâu cho ra cái chòi tranh của người cậu bất hạnh?

An và Kiên vực bà giáo dậy. Khuôn mặt bà vẫn xanh xao, mắt ngơ ngác chưa hiểu mình đang ở đâu. An hỏi:

- Nhà ngoại ở phía nào hở mẹ?

Bà giáo nhìn đăm đăm vào mặt An, không nhận được ai. An lay cánh tay mẹ:

- Mẹ có nghe con hỏi không? Nhà ngoại lớn ở đâu hở mẹ?

Bà giáo nhìn về phương tây. Mặt trời chói chang chiếu thẳng vào đôi mắt đại khờ của bà. Không đưa tay lên che mắt, bà giáo nhìn thẳng lên mặt trời, rồi dáo dác tìm quanh. Đột nhiên, bà đưa hai tay ôm đầu khóc nức nở. Bệnh tình của bà giáo đã trầm trọng lắm rồi!

Gia đình ông giáo ở lại nhà người chủ thuyền ba ngày. Ông trùm họ đạo Mỹ Cang đến hạn hàng, gặp lúc bà giáo mê sảng, có giới thiệu với ông giáo một cố đạo người Tây dương có tài chữa bệnh. Chủ nhà giao thiệp rộng, đi lại nhiều, cũng góp lời tán dương tài y học của các nhà truyền giáo Gia-tô. Ông giáo không tin. Ngay chỗ bến thuyền có một tiệm thuốc bắc. Ông kê một đơn thuốc sai Kiên bổ về sắc cho bà giáo. Một vài món bị thiếu nhưng những món chính tạm đủ. Thang thuốc đắt tiền mà không có hiệu quả gì. Cuối cùng ông giáo đành để mặc cho Kiên tìm chỗ trọ của ông trùm. Ngay buổi chiều hôm sau, một cố đạo mắt nâu, mũi cao, đầu quấn chiếc khăn vải đen, mặc bộ quần rộng nhiều nếp có thắt chèn ngang lưng, chân quấn xà cạp, đi đất tìm đến thăm ông bà giáo. Vì đã từng gặp nhiều cố đạo Tây dương ra vào phủ chúa, ông giáo quen với cách chẩn bệnh của họ, yên lòng để ông cố đạo đặt tay lên trán bà giáo đo nhiệt độ, áp tai vào lưng theo dõi nhịp thở. Ông cũng cố nhẫn nhục che giấu sự bức dọc bất lực của mình để mặc cố đạo pha một thứ bột trắng vào nước sôi cho bà giáo uống. Nhưng đến lúc người cố đạo đem bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh bằng ngà đặt áp vào môi cho bà giáo hôn, thì ông giáo mất bình tĩnh. Gần như cả nền tảng của cuộc đời ông bị đe dọa. Đã đến lúc ông nhất quyết "không".

Thế là ông giáo quyết định đi An thái ngáy đêm ấy. Người chủ thuyền chỉ biết thở dài, không còn cách nào khác hơn là tìm mua dùm cho ông giáo một cái võng trăn và một cái đòn tre già. Chinh và Kiên dùng võng khiêng mẹ đi, ông giáo bỗng thảng Út. An và Lãng ôm được hai cái túi con. Đồ đạc còn lại, phải thuê hai người trai tráng gánh hộ và thay phiên cho Chinh và Kiên lúc hai cậu bị mệt. Cũng may có hai người từ Tây sơn thượng xuống nhận gỗ thai bài, nên người chủ thuyền xin cho gia đình ông giáo tháp tùng, nhả nhe nhờ họ trông nom chỉ dẫn đường đi nước bước cho.

Hai người buôn nguồn ở Tây Sơn thượng một người còn trẻ tuổi, một người đã trạc bốn mươi. Người đứng tuổi nét mặt lầm lì, cặp lông mày rậm giao lại trên sống mũi. Mắt lộ, cằm vuông, ở phía hàm trái, có một chòm râu đen khá dài mọc trên cái mụn ruồi lớn bằng hạt đậu. Ngoài những câu trả lời gióng một, những tiếng ậm ừ vô nghĩa, An chỉ thấy bác ta biểu lộ trầm tư hoặc bối rối bằng cách đưa tay lên vuốt mấy sợi râu ấy. Người trẻ tuổi ngược lại miệng lưỡi liến thoắng, không chịu ngồi yên một chỗ. Anh ta lại có tài pha trò. Người chủ thuyền đếm giao cho anh ta bốn bó thai bài. Anh ta rút ra một cây, đưa lên mắt ngắm. An và Lãng tò mò đứng xem anh ta làm việc. Thấy hai đứa bé quan sát mình, anh ta bắt đầu giễu. Hề ngắm bằng con mắt trái thì miệng lại méo xệch bên phía phải. Đoạn anh ta giả vờ lầm bầm, lắc đầu thất vọng, đưa cây thai bài sang phía khác để ngắm bằng con mắt kia. An và Lãng phá lên cười thích thú. Người trẻ tuổi giữ mặt nghiêm, nói với chủ thuyền:

- Thôi rồi bác ơi! Bác chở về bằng đường biển, hèn gì cây côn nào cũng dọn sóng cả!

Chủ thuyền cười mỉm, thông cảm cho tuổi trẻ vui tính náo hoạt. Thế rồi với giọng nửa đùa nửa thật, vừa xin vừa đòi, anh ta cũng bớt được tất cả năm quan. Xoa đầu Lãng, nheo mắt với An, anh ta nói nhỏ với hai đứa bé:

- Rồi! Có tiền ăn quà rồi nhá! Chờ lên sông Cạn, phải biết!

Thấy Chinh lầm lì nhìn mình, người trẻ tuổi tự nhiên vỗ vai Chinh hỏi:

- Biết đánh roi không?

Chinh giữ yên lặng. Anh ta vẫn đặt tay lên vai Chinh, xoa nhẹ vai người bạn nhỏ khó tính rồi lần lần bóp nhẹ xuống cánh tay Chinh. Anh ta reo lên:

- Chà chà! Thịt săn cứng như sắt. Khá lắm. Bắp thịt này mà luyện thêm vài đường roi, phải biết!

An cười vì thấy người trẻ tuổi hay có cái tật nhắc lại hai tiếng "phải biết" để chấm câu. tiếng cười trong trẻo, ánh mắt sáng của cô bé càng khiến cho người trẻ tuổi phấn kích. Anh ta ra đứng tấn ở giữa phòng, hai tay cầm ngang cây thai bài. Rồi đánh dấu các động tác bằng tiếng hự trầm trọng, anh ta múa một bài đi roi. Ban đầu anh ta múa chậm, càng về sau càng nhanh. Chinh trố mắt nhìn, khâm phục đến nỗi miệng há hốc trông khôi hài dị kỳ. Lãng không thấy chút thú vị nào, bỏ đi. Còn An thì cảm thấy trong cách phô trương, cách ăn nói của người bạn mới, có điều gì quá đáng, vượt mức cần thiết. Cô bé nghĩ vì không khí gia đình của mình từ lâu nghiêm cẩn quá, nên sự hiếu động ồn ào của người tuổi trẻ làm cho cô bé ngộp, ngỡ ngàng.

Người đứng tuổi kiên nhẫn chờ cho cậu thanh niên diễn võ, đôi mắt hơi lim dim mĩa mai và độ lượng, tay không ngừng vôn vê mấy sợi râu. Nếu người trẻ tuổi không đánh rơi cây roi, rồi luống cuống thẹn thùng giữa tiếng cười ồn ào, thì có lẽ lòng độ lượng của bác không lấy thì giờ mà lường được. Kịp thời gỡ rối cho người bạn trẻ, bác nói:

- Thôi. Ta đi không trễ mất! Ông diện dạn có hay không, chiều mai cũng phải về để lo đi chuyện khác.

Người trẻ tuổi ngoan ngoãn vâng lời một cách bất ngờ. Anh ta lo cột chặt bốn bó gỗ. Đoạn, anh ta lấy một cái đòn xóc bằng cật tre già cắm vào dưới nuốt mây, theo cách cột của những người đi củi. Không đợi nhắc, người trẻ tuổi còn cột giùm cho người đứng tuổi. Chuẩn bị xong xuôi, anh ta khom người ghé vai nâng gánh thai bài lên. Anh hơi xiểng tảng một chút, rồi lấy được thăng bằng. Anh nhún vài cái, hai đầu gánh quăn xuống, đòn xóc cạ vào gỗ kêu kiu kịt.

Thế là họ ra đi. Bầy đoàn phức tạp lộn xộn, lại thêm cái võng phủ tấm chăn nhiều màu xanh lá cây lôi cuốn đám đông hai bên dãy phố chợ họ đi qua. An đi theo cái võng của mẹ, lâu lâu đến giờ tấm chăn thăm chừng. bệnh của bà giáo không giảm, nhưng cũng không tăng. Trán chỉ hâm hấp sốt, nhưng đôi mắt vẫn còn vẻ đại khờ. An xót xa cả lòng khi nhìn khuôn mặt mẹ tiều tụy, đầu ngoẹo sang một bên, vài sợi tóc mai dính lên gò má xanh và nhơm nhớp mồ hôi. Có một lần An suýt kêu lên vì thấy khuôn mặt mẹ giống y khuôn mặt một xác chết. Cô bé ngưng kịp, không gây cho mọi người sự hốt hoảng vô ích, nhờ còn trông thấy tấm khăn bông đắp trên ngực mẹ lay động phập phồng.

Cậu trẻ tuổi buôn nguồn ban đầu đi gióng đôi với người đứng tuổi, được một đoạn đường, tụt dần về phía sau, bước gần bên An. cậu có tài gởi chuyện, nên An quên nỗi lo lắng, hỏi cậu ta hết chuyện này đến chuyện khác. Cảnh vật ở vùng này đối với cô bé có nhiều điều lạ mắt. Chẳng hạn kiểu cất nhà. Cách đắp mộ. Ngay cả giọng nói An nghe cũng lạ tai. Cách phát âm hơi cao và xẵng khi người trẻ tuổi nói nhanh. An nghe không được, chỉ nghi nhận một tràng âm điệu lú lo. An luôn miệng đặt các câu hỏi "răng, rứa". Cậu trẻ tuổi ngớ ra không hiểu cô bé nói gì, về sau nhờ suy từ dây chuyền của ý tưởng, đoán trong ánh mắt nghi

vấn tra hỏi của An, cậu hiểu được hai tiếng lạ lùng ấy. Khám phá này khiến cậu thú vị lắm, cười ha hả. Cậu đặt cho An cái biệt hiệu "Cô răng rứa", hoặc nói gọn hơn là "cô răng". Rồi theo đà ba hoa, cậu chơi chữ:

- Cô răng của tôi ời! Thế là cô bé với tôi bà con gần với nhau đấy. Răng mà không có lợi, làm sao răng mọc.

An biết tên người trẻ tuổi nhờ câu nói đùa này. Chỉ cần nhướn mắt hỏi thăm chứ chưa cần đặt câu hỏi "răng rứa", thêm vẻ chờ đợi trân trọng thích thú và đôi má hây vì thắm mệt của An, cậu thanh niên đã khai một mạch lý lịch của mình:

- Tôi tên gì hả? Tên Lợi: Lê Tấn Lợi. Người Xuân Huê, cách làng bác tuần biện một con sông. Bác tuần biện Kiên thành mà không biết ư? Vâng, bốn bó thai bài này của bác biện đặt mua tận ngoài cửa Hội. Làm roi cũng được. Làm cán lao, phải biết! Không giàu mà giám đặt mua chường này! Chúng tôi làm việc cho bác biện từ năm ngoái. Công việc khổ lắm, nhưng mà thích. Sao, bác Năm hả? Tính bác ấy ít nói nhưng mà cộc. mấy lần tôi bị bác Năm tát tai, sau nhờ cái miệng này dèo bác không đánh nữa. Sợ gì, mình đi có đoàn. Vòng lên mình đem muối, ca khô, cồng. Vòng về mình buôn trâu không. chuyến này đem gỗ về, làm cho mỗi người một cây lao cán ngà, phải biết. tiếc quá, cô bé có vẻ yếu đuối quá. Nếu không vài hôm nữa trôi dấn đi buôn nguồn một chuyến. Mốt, bác cho tôi lên gánh trâu về. Phải, trâu - không để ăn đấy mà! Trâu nguồn quý hơn chứ. Lá xanh lật lìa, to bản và mềm. Cay thật cay mà thơm cũng thật thơm. Thì tại thế nên phải chọn những người thật khỏe chạy không kịp thì héo cả. Phải chạy lẹ hơn cả phường rồi nữa. Bác biện gọi chúng tôi là "rối nguồn" mà.

Bác Năm quen chân bỏ xa đoàn một thôi đường dài. Về sau, bác phải bước chậm lại, ông giáo mới theo kịp. Hai người phu cũng đã thay Chinh và Kiên khiêng vồng. Chiều xuống, không khí mát mẻ hơn. họ đi qua một cánh đồng lúa sắp trổ, màu xanh ngát tỏa hương dịu dịu. Ông giáo cảm thấy phần nào nhẹ nhõm. Nỗi mệt nhọc, lo lắng từ bao lâu nay cũng có vơi đi. Tuy thế, lâu lâu ông vẫn thắc thỏm hỏi bác Năm:

- Được nữa đường chưa bác?

Bác Năm kiên nhẫn trả lời:

- Chưa đâu còn xa lắm.

Trời tối mịt. Cả đoàn dừng lại bên một bến đò. Trong khi chờ đợi, ông giáo nhắc lại câu hỏi. Bác Năm đáp:

- Chưa đâu. Nếu đi cả đêm, chiều tối mai mới tới. Mà thầy có đi liên được không?

Ông giáo ngạc nhiên khi nghe bác Năm gọi mình bằng thầy. Suốt cuộc hành trình, ông giáo không muốn cho ai biết thân thế của mình. Ngay cả với chủ thuyền, ông giáo cũng chỉ khai mù mờ rằng mình kiếm ăn vất vả ở kinh cho nên định tìm về quê vợ làm ruộng chờ thời. Từ lúc hai người buôn nguồn xuống bến nhận hàng, chủ thuyền cũng không nói với họ điều gì liên quan đến thân thế ông giáo. Bác Năm gọi "thầy", ông giáo nghĩ, có lẽ căn cứ vào cái dáng chừng chắc, điệu ăn nói từ tốn và lối xưng hô khá trân trọng giữa

cha con ông giáo với nhau. Nói chung, không kể giọng nói trọ trẹ, mới thoát nhìn ai cũng thấy gia đình ông giáo có những nét khác biệt hẳn với người xứ này, một vẻ ôn nhả hiếm thấy tạo được nơi mọi người niềm kính nể hơn là đổ kỵ. Giá ở vào hoàn cảnh bình thường, ông giáo có thể hãnh diện vì địa vị đặc biệt người ta dành cho mình và các con. Nhưng vào lúc này, vào lúc cần phải biệt tâm trong cái chung chung, sự kính nể ấy thật nguy hiểm. Biết làm sao đây? Để khóa lấp những nghi kỵ ông đã gắn làm thân, bắt chuyện với mọi người, gắng nói gắng làm như họ nói họ làm. Bác Năm muốn đi đêm cho mát. Nhưng trong câu bác hỏi, ông giáo hiểu lắm, có ngầm chứa sự khoan nhượng thông cảm, sự chấp nhận kể cả đối với những người yếu đuối cần được bảo bọc che chở. Ông giáo trông về bờ phờ của Lãng và thằng Út, e dè bảo:

- Chúng tôi thì được thôi. Chỉ sợ các cháu, buồn ngủ quá không bước được.

Bác Năm nói gọn:

- Qua đò đi một đoạn ngắn nữa sẽ tới Cây Da. Ta nghỉ nấu cơm ăn ở đó.

Ông giáo bắt đầu thích tính đơn giản thuần hậu của người buôn nguồn. Biết bao lần trong đời tự quấy nhiễu mình vì những lo lắng, suy nghĩ phức tạp, những do dự vô cớ, ông giáo mơ ước được có một tâm hồn thuần phác như thế này. Nó tiếp thu những điều cần thiết, cương quyết loại bỏ những thừa thãi, và sự chọn lựa thanh lọc diễn ra tự nhiên như cây lá chọn hướng có ánh sáng, nước chọn phía thấp mà chảy. Không một chút cưỡng ép, công phu. Cho nên khi ăn cơm tối, ông giáo tìm cách ngồi gần bên bác Năm. Ông giáo hỏi:

- Từ An Thái đi Kiên Thành xa gần, bác?

Bác Năm đáp:

- Chừng nửa buổi.

- Đêm nay mình nghỉ đêm ở đây. Mai đi sớm, liệu tới tối đã đến An Thái chưa?

- Chắc được.

Rồi sau khi chờ không thấy ông giáo hỏi tiếp, bác Năm hỏi lại:

- Thầy thăm ai trên đó?

Ông giáo do dự một lúc, mới nói:

- Bác có biết ông Hai Nhiều không?

Bác Năm hỏi:

- Nhiều nào? Hai Nhiều có cái nhà mái lớn trong xóm hay Hai Nhiều buôn cá? Ờ, chắc thầy quen Nhiều Lớn. Nhiều Nhỏ mới 20 tuổi, thầy quen sao được.

Ông giáo hồi hộp suy tính từng tiếng trước khi hỏi tiếp. Từ Thuận Hóa ra đi, ông chỉ biết một điều nhỏ nhoi và mù mờ: rằng cha vợ của ông mấy mươi năm trước có bỏ lại An thái một người vợ lớn và một đứa con. Nghe nói người vợ ấy đã mất, và người anh khác mẹ của bà giáo tên là Hai Nhiều hiện thuộc hạng khá giả trong vùng. Tương lai của cả gia đình ông tùy thuộc cả vào người anh xa lạ này. Ông hồi hộp là phải, vì gian khổ vượt qua bao nhiêu núi, bao nhiêu sông, ông sắp đến được cái đích của cuộc mạo hiểm, điểm cuối của con đường một chiều. Ông giáo cố nói bằng một giọng thản nhiên:

- Đúng là Nhiều Lớn. Không biết sức khỏe bà cụ thân mẫu anh ấy độ này ra sao?

Bác Năm vội ngược lên nhìn sững ông giáo. Chờ một lúc, chưa thấy ông giáo giải thích, bác nói:

- Thầy nói ai! Bà già Hai Nhiều à? Bả mất lâu rồi mà!

Ông giáo hỏi dồn:

- Còn ông già?

- Ông già nào nữa! Từ hồi nào đến giờ, có ai nghe nói ông già Hai Nhiều đâu! Ồ, mà thôi! Nhà đó nhiều chuyện lôi thôi lắm. Tôi nghe lúc người ta thuật lại thế này, lúc thế khác. Chuyện như trong tường Tàu!

Cho mãi tới khuya, ông giáo vẫn không tìm ra cách nào biết được "cái tường Tàu" của gia đình Hai Nhiều nó ra thế nào! Bác Năm một phần không muốn kể, một phần những điều bác biết cũng mù mờ mâu thuẫn đến phi lý. Cuối cùng, ông giáo chỉ biết được vài điều ít ỏi: hiện Hai Nhiều khá giàu có, hai đứa con gái lớn, một đứa lấy chồng ở Trường Định, một đứa lấy chồng ở Xuân Huê. Đứa thứ tư con trai 18 tuổi và đứa út 15 tuổi con gái còn sống với cha mẹ.

Vợ Hai Nhiều, nguyên văn của bác Năm "thôi khỏi nói". Bác Năm cười một tiếng nhỏ, mới nghe giống như tiếng hắt hơi, khi nói qua loa như vậy về người vợ Hai Nhiều, Ông giáo phân vân đến nỗi không chớp mắt được suốt đêm vì ba tiếng vô nghĩa ấy.

Sáng sớm hôm sau, trước khi lên đường, bác Năm nói với ông giáo bằng một giọng hồ hững, vô tình:

- Hồi hôm tôi quên cho thầy hay: thằng Lợi, cái thằng nhỏ lí lắc đó, là em chồng con Ba Lý.

Ông giáo ngơ ngẩn không hiểu. Bác Năm cười chữa thẹn, giải thích thêm:

- Ba Lý là con gái Hai Nhiều! Cái con lấy chồng trên Xuân Huê đó mà!

Nhờ vậy, ông giáo biết thêm chút ít về "chuyện tường Tàu". Mấy mươi năm trước vùng An thái còn là vùng đất mới hoang vu. Cả phủ Qui Nhơn hơn ba vạn dân, Tuy Viễn vẫn là huyện trù phú nhất. Phù sa con sông Côn do nước cuốn từ đầu nguồn sông Ba, bồi đắp miền hạ lưu, nên suốt một dọc đồng bằng phía đông con đường quan là đồng ruộng tươi tốt. Vùng Gò Thị, Nước Mặn, Mỹ Cang vừa có hoa lợi của nông nghiệp, vừa thu được nguồn lợi mới do buôn đường biển, trở thành những thị trấn phồn thịnh. Thuyền bè đi lại tấp nập, hàng hóa giao lưu. Dân tứ xứ đổ về, một số không nhỏ là dân xiêu tán từ Thuận Hóa, Thanh Nghệ. Sự phức tạp về nguồn gốc, khác biệt va chạm về ngôn ngữ, văn hóa, đã gây khá nhiều xáo trộn, đến nỗi dân địa phương cảm thấy phải liên kết lại để bảo vệ quyền lợi, đề phòng những kẻ vong mạng xa lạ. Họ miệt thị hạng người phiêu bạt, tự ý đặt ra những luật lệ di trú khe khắt. Các chức tri phủ, tri huyện coi việc từ tụng; huấn đạo, phủ lễ sinh coi việc tế tự văn hóa; đề lại, thông lại tra xét các văn án; nghĩa là các chức quan trọng về hành chính, quân sự, thuế vụ cấp huyện phủ đều do người Thuận Hóa từ phủ chúa cử về nắm giữ. Nhưng các chức sắc cấp nhỏ trực tiếp với dân chúng như bọn đốc ộp tiền sai dư, tô ruộng và sưu dịch; bọn ký lục trông coi sổ sách, bọn cai tổng, duyệt lại, tướng thần, xã trưởng, đều là người địa phương. Họ mới thực sự là những người nắm giữ quyền bính, phân chia công điền, lập sổ thuế, định xã binh. Các quan huyện ấn định mức thu nộp thuế má và dâng nộp xã binh của từng xã, tổng. Bọn xã trưởng cai tổng căn cứ vào đó toàn quyền ấn định ai là chính hộ, ai là khách hộ, ghi bỏ tên ai vào sổ binh, phân cho người nào

trượt bỏ không cấp công điền cho người nào... Năm được uy quyền rộng rãi như vậy, những chức sắc địa phương đã xua đám dân xiêu tán mới nhập lên phía tây con đường cái quan, vùng giáp giới núi rừng Tây Sơn thượng. An Thái lúc ấy là một trong những làng mới của những người mở rừng bất đắc dĩ này. ^[1]

Cứ nhìn thế đất thì mạn bắc con sông Côn dễ khai thác hơn mạn nam. Ở đó đất khá phẳng, việc định cư đã có nề nếp, hướng xâm thực từ phía nam Tuy Viễn dọc theo đường sông hay đường bộ đều tự nhiên. Mạn phía nam thì vất vả hơn. Đường sá chưa có. Dân xiêu tán bị xua đuổi từ miền đồng bằng sát biển chỉ có thể tìm đất tạm cư bằng lối đường sông Vài bọc quần áo rách, cái ang đất nung, một ngọn mác, một lưỡi cuốc... dù rất nhiều cay đắng mà can đảm, họ lo ngại không dám ghé vào các khu định cư phía bắc. Họ đã gặp nhiều cái nhìn thù hận, nghe nhiều lời cộc cằn, thô lỗ. Họ bèn áp bè vào bờ nam con sông Côn. An Thái là một bến hiền, nên chẳng bao lâu trở thành làng xóm trù phú.

Những người mở rừng phải chống đỡ nhiều phía. Sơn lam chướng khí còn nặng, thêm muỗi mòng, rắn rít. Đất mới màu mỡ nhưng sức người chưa đủ tranh lại với sức cỏ mọc. Nếp sống còn hoang dã lại thêm những u uất chất chứa, những thù hận, những tranh chấp cho cái ăn, cái ngủ, khiến nhiều kẻ vong mạng liều lĩnh nổi bật lên trên đám đông, trở thành thổ hào.

Tư Thới, ông ngoại của Hai Nhiều là một trong những thổ hào này của đất An Thái. Theo những lời huyền truyền thường thấy ở các vùng đất hoang sơ, ông Tư Thới đáng gờm nhờ một miếng võ bí truyền. Người ta thì thảo kế cho nhau nghe rằng một hôm trên đường gánh củi về nhà, Tư Thới gặp một ông cọp ba càng dữ tợn đón đường. Tư Thới hết sức bình tĩnh, khom lưng đặt gánh củi xuống, xắn tay áo lên. Rồi chỉ trong chớp mắt, ông phóng đến phía con thú dữ, dùng ngón trỏ đâm vào thân cọp móc ngay ra được lá gan con thú. Cái ngón trỏ chỉ có hai móng của Tư Thới từ đó có nhiều uy quyền hơn dấu triện son của quan phủ. Tư Thới mau chóng trở thành giàu có. Nhà cửa vườn tược mỗi ngày thêm khang trang, đẹp đẽ. Tiệc tùng đãi đằng quan to, quan nhỏ thêm nhiều. Cái ngón trỏ chỉ có hai móng, ai ngờ làm nên sự nghiệp gấp vạn lần những ngón trỏ có đủ ba móng của dân xiêu bạt khác.

Khi đã thành công rực rỡ trên đường đời nhờ những mẩu chuyện hàm hồ về hai móng tay, Tư Thới muốn sự nghiệp của mình được hợp thức hơn. Của cải, danh vọng, quyền lực ông đã có. Nhưng đối với bọn dục lại, ký lục bờ phía bắc, ông vẫn có cái mặc cảm võ biền. Trong vài vụ tranh chấp, ông thua họ vì ít chữ chứ không phải vì ít tiền. Con gái của Tư Thới đã tới tuổi cập kê. Ông muốn chọn một chàng rể có chữ, nếu không hay thì cũng phải đủ để viết cho được một lá đơn kiện cho ra hồn. Trông tới trông lui bên bờ nam, không có ai xứng đáng được làm rể ông. Phải đánh bạo qua tìm bên bờ bắc vậy. Sông Cạn, An Vinh, Trường Định, Kiên Thành... đây rồi! Ông tìm ra một thầy ký lục nghèo. Ngón trỏ cụt của ông Tư Thới chỉ đúng vào tên của thầy ký lục trẻ. Rồi cả bàn tay Tư Thới vỗ nhẹ lên vai ông cai tổng Kiên Thành, vừa cầu xin vừa đe dọa để nhờ lão cai tổng nhát gan chịu đứng ra mai mối. Người ta kể rằng ban đầu thầy ký giấy nẩy lên, coi đề nghị của thầy cai tổng như một xúc phạm đến nho phong. Thầy không thể "vong ân bội nghĩa", "tham phú phụ bần". Có một cô gái quê đã âm thầm giúp đỡ mẹ con thầy trong những lúc túng quẫn, thay thầy chăm sóc giấc ngủ, miếng ăn cho bà cụ lúc thầy còn mãi lận đận vất vả với mấy câu kinh

nghĩa, mấy mẹo văn sách ở tận kinh đô. Lời qua tiếng lại giữa ông cai tổng, thầy ký, người mẹ, cô gái, thực sự thế nào thì mỗi người kể mỗi cách. Phần này dành riêng cho khả năng tưởng tượng phong phú và tính mơ mộng của đám quần chúng lam lũ, quanh năm lo ăn, lo mặc nên chỉ quên được hệ lụy của đời trong các câu chuyện cà kê "mậu lần". Kẻ ghét văn chương phù hoa thì hạ nhục thầy ký. Các cô gái dậy thì tô điểm cho cô gái cao thượng, những bà mẹ thì dành cảm tình cho người mẹ khốn khổ. Và họ cùng lại gặp nhau ở kết quả thầy ký chịu làm rể ông Tư Thới.

Dễ gì có một biến cố tình tiết ly kỳ như vậy ở một nơi sơn cùng thủy tận! Với óc thực tế của một người xây dựng thành công sự nghiệp bằng bàn tay cụt ngón và trí thông minh, ông Tư Thới quyết tổ chức đám cưới cho thật linh đình. Bao nhiêu phí tổn, ông bao hết. Từ cái khăn đội đầu của chú rể cho đến cái yếm mới của "chị sui". Chọn cho được giờ hoàng đạo. Chọn cho được đoàn ngựa hời khỏe và mập để "rước rể". Vâng, rước rể chứ không phải rước dâu, vì điều này là một trong những điểm tranh luận gay go giữa mỗi lái hai họ. Ở gian nhà lá mái của Tư Thới, người người tấp nập rộn rịp chuẩn bị. Ở đây, những mơ ước thầm kín của người đời sau được dịp thêu dệt phóng túng. Kẻ vô gia cư ưa trang điểm thêm cho tòa nhà Tư Thới đẹp đẽ như một lâu đài. Người đói khát, mắt sáng lonh lonh khi thuật lại cảnh nhộn nhịp thơm tho của nhà bếp. Kẻ rách chú ý đến chiếc áo cưới. Vì thế những điều ông giáo nghe mấy mươi năm sau có nhiều điểm quá lỗ đáng ngờ. Chẳng hạn cái cảnh người ta xô nhau ra đường, chờ chàng rể đi ngang để nhổ nước bọt khinh bỉ vào mặt, chửi đổng một câu cho đã tức. Thực ra có thể chàng rể cũng hơi e ngại, trùng trùng do dự trước khi rời căn nhà xập xệ của mình về gửi rể ông Tư Thới bên An Thái. Nhưng ông giáo nghĩ, anh ta e ngại vì một lý do đơn giản hơn: anh ta phải đi qua nhà cô gái bị phụ bạc.

Quả nhiên những điều chàng rể lo lắng đã đến, ngoài sức tưởng tượng của nhiều người. Họ trai đi ngang qua nhà cô gái, thì bà mẹ cô ta và mấy người anh lực lưỡng đứng dàn hàng ngang cản đường. Cô gái vì thất tình nên sinh bệnh trầm trọng. Bà mẹ không muốn mất con. Mấy người anh không muốn một thầy ký thất đức. Họ cương quyết giữ cả họ trai lại, ra điều kiện hoặc phải vào rước dâu tại đây hoặc phải có máu đổ tại đây. Họ nhà trai có quá ít tự do để chọn lựa. Trong khi đó, họ nhà gái nhộn nhịp chờ đợi. Giờ hoàng đạo là giờ ngọ. Họ đợi đến giờ mùi. Một tá điền được lệnh phóng ngựa qua sông tìm hiểu duyên cớ. Giờ thân anh ta trở về. Ông Tư Thới muốn hét lên một tiếng cho trời đất sụp đổ, ngón tay cụt của ông run run. Nhưng là một người từng trải, ông nhanh chóng đo lường tình thế. Ông giấu kín mọi sự, gọi một người thân tín sai qua ngay An Vinh. Trời chưa sụp tối, nhà trai đã đến. Mọi người thở dài hân hoan. Cô dâu gạt vôi hai con mắt ướm để vén lại mái tóc, sửa lại vành khăn. Có một điều mãi sáng hôm sau cô mới biết, là chàng rể đã cùng cô qua đêm hợp cẩn không phải là thầy ký.

Anh con trai người Thanh Hoa xiêu tán lưu lạc đến nơi sơn cùng thủy tận này đang bơ vơ không biết tương lai đời mình nó như thế nào, thì có người đột ngột gọi anh ta đến, cho ăn mặc đẹp, cho cưỡi ngựa, và đẩy qua sông lấy vợ giàu. Chuyện thần tiên anh nghe kể từ thuở nhỏ lại có thực chăng? Mà anh đã mất gì? Chỉ mất cái khổ rách và cái túp lều tạm. Anh ta thích thú vâng lời!

Anh đã phạm một sai lầm không thể cứu gỡ nổi. Nếu anh có chút ít chữ nghĩa, chắc anh phải thuộc hai câu thơ rất thích hợp với hoàn cảnh éo le của anh:

Cổ nhân khổ tác thiên thai mộng

Thùy thức thiên thai diệc đoạn trường.

Không chịu đựng được lời chê cười xung quanh, thái độ lạnh nhạt rẻ rúng của vợ, hai tháng sau anh trốn đi. Anh chưa biết mặt mũi đứa con trai bất đắc dĩ của anh, đứa con trai sinh ra thì người mẹ chết vì sản hậu, báo hiệu đà xuống dốc của gia đình ông Tư Thới. Đứa con đó là ông Hai Nhiều ngày nay.

Chỉ còn nửa buổi nữa thôi thì tới An Thái. Càng về gần miền đất sẽ bảo bọc cho gia đình, ông giáo càng thấy mình bị nhiều định kiến. Ở kinh, ông không tưởng tượng nổi đời sống, làng xóm, nhà cửa ở miền đất xa xôi hiểm trở ấy. Nếu có chăng, chỉ là cóp nhặt ý những bài thơ biên tái. Lại thêm câu chuyện về cái tuồng Tàu trong gia đình Tư Thới càng khiến ông lún sâu vào những định kiến sai lầm. Ông chờ một vùng hoang vu. Cây cối ở đó man dại. Thú rừng, rắn rít. Cả đoàn vợ con ông sẽ phải vạch cỏ dại, phát gai góc mà tìm lối. Ông lăm lăm quá!

Vùng đồng bằng An Thái, lúc ông giáo về, đã trở thành một miền đất ổn định. Ông ngạc nhiên khi thấy các ô ruộng bằng phẳng chập chồng lên nhau, nối tiếp từ bờ sông cho đến tận chân núi. Đường cái thẳng tắp, một vài đoạn có đóng cừ và trải đá. Nhà cửa đã qui tụ thành làng nằm dọc theo hai bên sông.

Những con đường thẳng trước mắt làm ông tỉnh ngộ. Hình như ông đã từng đọc ở đâu đó, rằng đường thẳng là một khám phá lớn lao mà con người lấy làm hãnh diện, sau khi khám phá ra lửa. Đường thẳng xác định ý chí chế ngự, giấc mộng khắc phục thiên nhiên hung dữ cuồng nộ của con người. Ở đâu có người sống, ở đó có dấu vết con đường thẳng. Ông giáo nhớ một lần cùng với bạn leo núi và trên đường về họ bị lạc. Mọi người lo sợ. Họ cảm thấy mất hút giữa rừng lá, vô vọng chỉ còn thấy cái chết tàn khốc do đói khát, thú dữ, rắn rít. Cuối cùng, họ đến được một đôi trọc. Và từ trên đỉnh đồi, hạ tầm mắt xuống thung lũng, họ khám phá ra được một đường thẳng. Họ mừng rỡ, cứ băng rừng mà hướng về phía đó. Họ không lầm: một thợ săn sống cô độc giữa thung lũng để chờ bẫy nai lấy lộc.

Có một điều quan trọng hơn, ông giáo đã quên, là vùng đất này đã từng là trung tâm của một nền văn minh. Kinh đô Chà bàn chính là vùng đất này. Ông đã đi qua dưới những bóng tháp. Ngay lúc này đây, ông đang đi ngang một tháp Chàm. Lối kiến trúc và điêu khắc công phu, mỹ lệ hơn hẳn trình độ mỹ lệ bọn thợ khéo ở phủ chúa. Thì ra trong cuộc phế hưng của sự sống, có những lớp cây dại, những côn trùng, những thú dữ, dầm dưới chân mình những mảnh vỡ mục của một nền văn minh. Những kẻ đến sau bị cuộc cạnh tranh đẩy đến nơi hoang dã, cầm rựa phát cỏ dại, chặt cây dựng lán tạm, tưởng mình là kẻ khởi đầu cho một nền văn minh. Tội nghiệp thay cho những người không nhìn quá được khỏi ngạch cửa.

Những ý nghĩ ấy vượt ve tâm hồn ông giáo. Đã lâu lắm, ông mới có cái khinh khoái được suy nghĩ, được chiêm nghiệm, được nhập chung vào cuộc vận hành vĩ đại và liên tục của vũ trụ, thấy ở mỗi nhịp thở sự phập phồng của thủy triều, từ hơi ấm đoán ra vị trí của mặt trời. Khổng phu tử phải chờ đến 70 mới hiểu được Dịch. Vào cái tuổi 45 của mình, ông giáo tự hỏi đã hiểu được gì? Tứ thập nhi bất hoặc. Không.

Những giây phút như lúc này thật quá hiếm hoi đối với ông. Nó đến không báo trước và chấm dứt vào lúc bất ngờ. Còn lại trong quãng đời dài, ông giáo chỉ do dự, hoài nghi, hối hận, thương tiếc. Ông chưa được cái thành đạt bình thường của mọi người là "không nghi ngờ".

Còn cách một quãng đồng nữa là đến An Thái! Bác Năm chỉ cho ông giáo thấy một dải tre xanh phía trước mặt. Họ vừa qua cầu, bên tay mặt dòng sông uốn khúc rồi chia làm hai nhánh, nước mùa tháng ba rút cạn để lộ một dải cát vàng mênh mông. Ông giáo cảm thấy xúc động, mừng rỡ đến chảy nước mắt trước một thứ hạnh phúc còn mơ hồ nhưng đã bắt đầu có thực.

Ông nghe tiếng đặc ngựa leng keng vui tai. Từ lúc ghé bến Gò Bồi, ông hết sợ tiếng đặc ngựa. Cách bao nhiêu sông bao nhiêu núi rồi! Ông nghĩ mình đã an toàn. Ông lại nghĩ thêm: Có lẽ cảm giác khinh khoái mình vừa cảm thấy, hình dáng của hạnh phúc mới hiện, do ở chỗ mình đã rút bỏ được nỗi sợ hãi canh cánh.

Tiếng đặc ngựa đến gần. Mọi người kinh ngạc, thấy hai người lính cưỡi ngựa đang quát tháo giục một đoàn tù nép vào vệ đường. Bác Năm bảo:

- Lại đến mùa nộp binh rồi!

Ông giáo chợt hiểu. Do được nhiều lần góp ý lạm bàn chuyện quốc sự với quan nội hữu, ông giáo đã biết thường thường mỗi năm đến tháng năm tháng sáu thì có lệnh trưng binh. Quân lính đi ra các làng, bắt dân từ 16 tuổi trở lên, chọn những người thân thể cường tráng để giải về phủ sung quân. Vào quân đội rồi mỗi người bắt chuyên học một nghề, kế phân phối đi các chiến thuyền để luyện tập, có chiến tranh đem ra đánh giặc, lúc vô sự thì ở trong vương phủ làm khâu, tuổi chưa tới 60 chưa được về làng cùng cha mẹ vợ con. Hằng năm thân thích đem thức ăn, áo quần đến thăm nuôi mà thôi^[2]. Có một điều bất ngờ đối với ông giáo, là bọn lính phủ dùng gậy tre dài đóng gông tất cả những trai tráng bị trưng binh như thế này. Gông tre giống hình cái thang dài nhưng hẹp hơn, mỗi cái đóng một toán 8 người. Hai đoạn tre tròn nằm vắt lên 8 đôi vai trần, mấy thanh ngang vót dẹp chèn sau ót và dưới cằm. Bước đi khiến da tre xù xì làm xây xác cổ và vai của mấy người trai tráng bất hạnh, nên hai tay họ đồng loạt đưa nâng cái gông dài lên. Toán đi trước có đủ 8 người. Toán mang cái gông phía sau chỉ có 7 khuyết mất người đi đầu. Người lính phủ cưỡi roi ngựa ô thấp đã hết dùng roi quất vào đầu gông để thị uy, hăm hăm nhìn đám người nhà ông giáo đi qua. Ông giáo chưa hiểu lý do khiến người lính nhìn vợ con ông một cách giận dữ, ác cảm. Ông dắt Lãng và bông thẳng Út bước qua. Kiên và Chinh khiên vồng bà giáo đi qua. Đến lượt mấy người phu vác đồ đặc và An. Đến hai gánh thai bài. Đúng lúc đó, người lính phủ hét lên:

- Bọn kia đứng lại!

Mọi người dừng bước, ngỡ ngàng. Riêng ông giáo hơi sợ. Người lính hỏi:

- Người kia là ai mà dám đi vồng?

Trong nháy mắt, ông giáo hiểu hết. Mọi sự đều do cái chẵn nhiều Tàu mà bạn ông, quan nội hữu,

được một thuyền buôn Quảng Đông tặng đã đem tặng lại ông, vào dịp bà giáo sinh được đứa con út. Bọn lính trưởng đoàn tùy tùng của một quan lớn nên nem nép lo sợ tránh đường. Không ngờ khi đến gần, họ chỉ thấy một đoàn trẻ già trai gái ô tạp, lồi thối lệch thếch, hình dung tiều tụy. Nhìn cái vồng rẻ tiền, cái đòn tre xù xì, họ hiểu. Vị quan lớn họ lo sợ phải gặp, chỉ là một người bệnh. Rồi từ hiểu, họ then. Từ then đến giận chỉ cách một sợi tóc. Cảm thấy thế giá bị xúc phạm, người lính thúc ngựa đến trước Lợi và bác Năm ngạo nghễ hỏi:

- Mua cón về đi ăn cướp hả?

Bác Năm chưa kịp trả lời, Lợi đã mau miệng đáp:

- Gia đình thầy đây về quê ở An Thái. Còn chúng tôi là người nhà ông biện.

Sự bình tĩnh, tự nhiên của Lợi là một thách đố xấc xược đối với người lính. Hắn đã chọn được nạn nhân. Hết sức đột ngột, hắn thúc ngựa về phía Lợi, đưa chân đạp ngã gánh thai bà. Lợi té xuống. Vừa xốc áo đứng dậy, anh ta đã bị người lính nắm tóc lôi đi. Miệng hắn hét:

- Mày trốn lính mà còn dám xưng người nhà ông này ông nọ. Mày người nhà ông nào tao cũng gông đầu mày lại như thường!

Lợi dẫy dựa phản đối. Người lính kia vội nhảy xuống ngựa chạy đến giúp bạn. Đã quá quen nghề, họ nhanh chóng bẻ quặt tay Lợi, xô chúi anh ta về phía khoang gông còn bỏ ngõ. Người bị bắt lính đứng đầu đưa hai tay ra ôm chặt lấy Lợi, hoặc để tăng công hoặc thực sự vui mừng vì có thêm một người chia sẻ cảnh ngộ rủi ro. Nhờ vậy hai người lính đóng gông Lợi dễ dàng. Mọi sự xảy ra quá nhanh, đến nỗi cả bác Năm lẫn ông giáo miệng đều há hốc, muốn nói mà không biết phải nói gì. Đến lúc cổ đã vào gông, Lợi mới sợ hãi thực sự. Anh ta dần dà hiểu hết tình thế. Anh phát lên khóc. Bọn trai tráng bị trưng binh ngược lại cười hô hố. Ông giáo nói lớn:

- Các bác lầm rồi. Cậu đây người lương thiện, đâu phải dân trốn lính.

Bác Năm cũng gắng giải thích:

- Các bác bắt lầm người ngay rồi! Tôi với thằng em đây đều là người làm của ông biện. Chẳng lẽ ông biện lại dám không tuân luật lệ vương phủ hay sao?

Người lính trẻ cười con ngựa tía có lời lẽ hơi chùn bước, hỏi bác Năm:

- Ông biện nào thế?

Bác Năm mau mắn trả lời:

- Ông tuần biện Kiên Thành. Ông Biện Nhạc đó chú.

Người lính trẻ đưa mắt hỏi dò người lính già cười ngựa ô. Người lính già do dự. Có lẽ hắn thấy lùi còn lỗ bịch và nguy hiểm hơn là cứ lấn tới. Và hắn quyết định. Người lính già quát:

- Biện Nhạc hả? Mày về nhả lão có giỏi thì lên phủ mà đòi người. Có lên nhớ gánh theo trâu ngựa nghe không!

Hắn đưa mắt ra lệnh đoàn trai tráng bị trưng binh lên đường. Toán đầu bắt đầu đi. Lợi khóc thất thanh, quay mặt về phía người lính chỉ huy van lơn. Bảy người cùng mang gông với Lợi, không ai bảo ai, cùng đẩy cái gông lên, chuẩn bị bước. Lợi đi đầu, tự nhiên bị xô chúi tới trước. Tiếng Lợi khóc khàn khàn

đeo đuổi ông giáo suốt đoạn đường còn lại, khiến ông ray rứt không yên.

Cảm giác bất lực trước một công việc thuộc trách nhiệm của mình, thứ cảm giác bẽ bàng nhiều lần từng quấy nhiễu ông, giờ đây ông thấy rõ hơn lúc nào hết. Gánh thai bà còn nằm ngay giữa đường! Tiếng Lợi cười nói liến thoắng như còn văng vẳng. Đoàn người ngựa qua cầu, biến mất sau khúc ngoặt rợp bóng tre. Mọi người uể oải lên đường. Một người phu phải gánh hộ gỗ cho Lợi nên Kiên và Chinh phải móc thêm hai bọc quần áo nặng vào đòn vồng. Thiếu Lợi, thiếu những câu pha trò và những chuyện tầm phào của Lợi, cuộc hành trình trở nên nặng trĩu. Thiếu Lợi, ông giáo cũng thiếu mất người môi giới cần thiết khi đến nhà Hai Nhiều.

Họ đến An Thái lúc chạng vạng tối. Vợ chồng Hai Nhiều sợ đến xanh mặt khi thấy chó sủa vang trước ngõ, rồi một đám đông kẻ gánh người khiêng tiến vào cái sân hẹp. Sao lại có điều lạ thế này? Họ là ai? Từ đâu tới? Họ muốn gì hai vợ chồng mình?

Những lời giải thích, phân bua của bác Năm và ông giáo, giữa cảnh náo loạn ồn ào trong sân nhà Hai Nhiều, không soi sáng được gì cho vợ chồng. Hai Nhiều quên không bỏ cây tăm xỉa răng đi, đưa hai tay lên phân trần:

- Dạ phải. Đúng tôi là Hai Nhiều. Bà nằm đây là em gái tôi? Trời đất ơi! Từ lúc ông tôi còn sống, tôi có nghe ai nói đến người em gái này đâu! Sao ông bà không chọn ai khác mà lại chọn chúng tôi. Chúng tôi đâu có tội tình gì!

[1] Theo Phủ Biên Tạp Lục Lê Quý Đôn trang 146.

[2] Hải ngoại ký sự, Thích Đại Sán, trang 43 SÔNG CÔN MÙA LŨ

Chương 3

Phải thông cảm cho vợ chồng Hai Nhiều, nếu họ không thể tiếp đón gia đình ông giáo một cách nồng hậu niềm nở hơn! Đời sống đã cung cấp cho họ đủ phiền phức rồi! Từ lâu, họ đã chủ trương nên thu người lại, thu càng nhỏ càng tốt, lẫn mất trong vô danh để được yên ổn mà sống. Triết lý sống ấy từ đầu là của anh chồng. Ông Tư Thới về già hình như hết còn tin tưởng vào ngón trỏ linh nghiệm của mình, bỏ hết mọi toan tính, tranh chấp, thu về trong vòng rào khu vườn um tùm. Hai đứa con của ông đều gặp những cảnh ngộ đau đớn. Một đứa tình duyên trắc trở chết không thấy mặt con. Một đứa bị bệnh nan y sống thui thủi giữa đồng vắng. Ông nghĩ đến những hành động táo tợn của mình thời trẻ, nhớ lại những kẻ thất thế bị ông gạt phăng ra khỏi cuộc tranh chấp không chút thương tiếc. Như con hổ về già, ông để mặc cho lũ khỉ, lũ sóc múa may châm chọc với lòng an nhiên. Hai Nhiều lớn lên, rập khuôn theo mẫu sống của ông ngoại, vừa thừa hưởng cái gia tài khá lớn gồm nhà cửa, vườn tược, ruộng rẫy vừa thừa hưởng lối sống dăm dúi xa cách của ông.

Chị Hai Nhiều lúc còn con gái tất nhiên cũng có tham vọng. Lấy chồng, chị hơi thất vọng vì cái tính nhu nhược cầu an của Hai Nhiều. Nhưng như ta thường thấy, dần dần chị nói, chị nghĩ, chị cư xử y như Hai Nhiều, đến nỗi nhiều người quen cũ không nhận ra chị nữa. Chị giúp chồng xếp đặt đời sống trong bốn bức rào, gắng hết sức tránh những điều phiền phức. Nhưng sự phiền phức cứ tới. Đầu tiên tới từ phía cái chòi tranh của người cậu bị cùi. Người bệnh không dám phiền hà đến ai, từ xa mà nhìn chỉ thấy một tấm phen được chống lên, một cánh cửa khép, một ánh đèn leo lét hiu hắt giữa khuya. Chị Hai Nhiều vài lần có phận sự đem đồ tiếp tế thay chồng, nín thở bước tới đặt gói thực phẩm ở gốc mít rồi ù té chạy, vẫn còn nghe được tiếng rên nhức buốt của người cậu. Còn gặp mặt thì chị chưa gặp lần nào. Cả Hai Nhiều cũng vậy. Người bệnh tuy cô lập để khỏi rầy rà cho người quyến thuộc nhưng những oán thù chồng chất do cách xử thế lấn áp tàn nhẫn của ông Tư Thới cứ còn nguyên vẹn đó, chờ dịp là trỗi dậy. Dịp ấy đến. Số là cái chòi tranh ông Tư Thới cất cho đứa con nằm trên một miếng vườn đất cao của dân tạm cư bị phá sản, phải tha phương cầu thực. Ông Tư Thới mua lại miếng đất đó với một mùng gạo đỏ. Giá có rẻ đấy, nhưng chủ quyền miếng đất ấy hợp thức. Ông Tư Thới có đủ giấy tờ cần thiết. Thế nhưng, từ lúc con ông Tư Thới ra ở riêng trong cái chòi nát cạnh mấy gốc mít cỗi, trong làng không ai dám lai vãng tới gần đó nữa. Người ta đồn đại rằng đêm đến nhất là những hôm có trăng, sâu cùi bỏ cái thân còm cỗi co quắp của người bệnh, bò đi ăn sương sáng cả một quãng đồng. Hậu quả tâm lý dây chuyền diễn ra sau đó cũng dễ hiểu: cả một vạt đồng quanh cái chòi tranh bị bỏ hoang. Thợ cày không dám lừa trâu đến, thợ cấy không dám cấy. Lúa chín không ai dám gặt. Chuyện kiện tụng đưa đến tổng, rồi đến huyện, đến phủ. Vợ chồng Hai Nhiều mất dần bốn khoảnh ruộng thuộc loại nhất đẳng điền để bồi thường cho người ta. Thói thường khi dậu đổ thì bìm leo. Từ đó về sau, cái chòi tranh lẫn khuất và lạng lẽ ấy trở thành cái cớ nổi giận của cả làng. Vì giữa biết bao tai ương, bất trắc, người ta giận ai, oán ai đây? Giận trời ư? Trời xa không thấu! Giận mình? Mình có

tội gì! Dân làng cần tìm ra một kẻ chịu trách nhiệm, kẻ tội lỗi đã làm hại lây đến những người lân cận. Thì đâu ai khác hơn ông Tư Thới. Và bằng chứng sự trừng phạt của Trời Chí Tôn, hãy nhìn cái ánh đèn leo lét mỗi đêm trong cái chòi tranh ấy, hãy nghe tiếng rên xót buốt phát ra từ cái chòi tranh ấy!

Người con bất hạnh chết trước người cha bất hạnh. Dù vậy mãi cho đến lúc ông Tư Thới chết đi, nghĩa là đến năm năm sau, khu vườn của người cùi, lẫn bốn, năm khoảnh ruộng quanh đấy vẫn còn bị bỏ hoang. Vài năm sau, một gia đình xiêu tán từ Tân Quang vào, bắt chấp những lời đe dọa của dân làng, xin Hai Nhiều cho cấy thuê mấy khoảnh ruộng đó. Đất hoang hóa quá lâu, nên hai mùa đầu coi như mất. Đến mùa thứ ba chưa kịp thu hoạch, người chồng trong gia đình bị trúng gió chết ngay dưới gốc mít. Người vợ lại dắt lũ con nheo nhóc trôi giạt đói khát. Năm đó, trời hạn, lại có nạn dịch tả giết chết gần một nửa dân số. Hai Nhiều phải mất thêm hai đám ruộng tốt: một đám dùng hoa lợi cúng kỳ yên, một đám bán đi để xây một cái miếu ngay trên nền cái chòi tranh của người cùi, để cho oan hồn người bất hạnh siêu thoát khỏi gây họa cho người còn ở lại. Từ đó đến nay, cái miếu hoang chìm khuất giữa một vùng cây cối hoang dại, gai góc um tùm, chim chóc tìm về đó làm tổ, mùa lụt rắn rít trôi dạt vướng vào đó rồi sinh thành đàn, dần dần thành một vùng cấm địa. Người ta quên mất chuyện người cùi, nhờ thế vợ chồng Hai Nhiều rồi rảnh được ít năm. Con cái họ lớn lên. Hai đứa con gái đầu đã đến tuổi lấy chồng. So với những cô gái khác trong vùng, con gái của Hai Nhiều khá đẹp. Cả hai cô đều khỏe mạnh, làm lụng giỏi, đặc biệt cô Ba Lý mỗi khi cười má có lúm đồng tiền thật xinh xắn. Khi có một vài đám bả tiếng dạm hỏi, thì cái chòi tranh đã mất dấu dưới nền miếu lại hiện về, gây rắc rối cho gia đình Hai Nhiều. Người ta lại được dịp bàn ra tán vào về đôi má đỏ hây hây của cô chị, về vẻ đẹp khác thường " của cô em. Người ta nói đến căn bệnh di truyền. Người ta bịa bao nhiêu điều có thể bịa được để cột chặt số phận mấy đứa con Hai Nhiều vào gốc mít cối còn sót lại trước miếu cô hồn. Năm kia, họ gả được người con gái đầu lòng cho một anh thợ rèn bên Trường Định. Năm ngoái họ lại vừa đưa cô Ba Lý về làm dâu trên Xuân Huê. Vợ chồng Hai Nhiều đã lặng lẽ và can đảm chống chọi nghịch cảnh với hết sức của mình. Cả hai cô con gái đẹp đẽ đã lấy chồng ở hạng cổ cùng, vợ chồng Hai Nhiều xót xa về điều ấy lắm. Nhưng biết làm sao? Than thở với ai đây? Mà oán trách ai đây!

Đúng lúc họ muốn thu nhỏ cuộc đời mình lại để tránh sóng gió, lấm lét nhìn ra bên ngoài hàng rào tre, dò trước những tai bay vạ gió, thì gia đình ông giáo đến.

*

* *

Ít lâu sau, ông giáo mới hiểu một phần cuộc đời của cha vợ, và cái miếu hoang vắng ngoài đồng kia, đã trở thành hai mặt chủ yếu của một huyền thoại phổ biến tại An Thái. Trăng là của chung mười phương, nên soi cả đến những vùng hẻo lánh. Sự sống xây dựng bằng hơi thở hừng hực của ý chí phấn đấu, bằng sức mạnh của can đảm và kiên nhẫn, nhưng có một mặt khác cũng là thành phần của sự sống: mặt yên nghỉ, mặt buông thả, lảng đong. Cho nên cuộc đời càng cam go, càng dễ phát sinh những huyền thoại. Làm sao tưởng tượng nổi một cuộc sống hừng hực ánh nắng mà thiếu những tối quây quần dưới trăng, mắt sáng long lanh theo dõi những tình tiết của chuyện đời xưa. Mấy đời lập nghiệp ở cái bến hiền An Thái này, cũng tạm đủ

cho dân ở đây dựng cho mình một chuyện riêng. Già kể cho trẻ, kẻ văn vẻ tô điểm những thiếu sót, người cả thẹn gạn lọc những điều thô lỗ. Phần còn lại của "tấn tuồng Tàu" vùng An Thái, như lời Lợi thuật lại cho ông giáo, là phần được chắt lọc qua những nguyên tắc đạo đức phổ biến: sự đấu tranh giữa cái tốt và cái xấu, giữa kẻ cô thế và kẻ bạo tàn, sự tất thắng của lẽ thiện. Kẻ cô thế chiếm trọn cảm tình của người dân An Thái bao nhiêu năm nay, chính là chàng rể bất đắc dĩ đã phải bỏ vợ trốn đi vào một đêm "mưa sa gió lạnh". Bây giờ chính con gái, rể, cháu của "kẻ cô thế" đây trở về An Thái! Hóa ra chuyện đời xưa có thực chẳng? Dân An Thái thích thú tiếp đón gia đình ông giáo như họ sẽ thích thú khi gặp cô Tấm trong truyện cổ tích lấy từ hũ xương cá bống nào hài cườm, xiêm lụa, yếm đào, ngay dưới gốc cây gạo ở chợ An Thái này cho họ xem!

Thiện cảm của đám đông dồn dập đến như sóng. Gần như cả gia đình ông giáo đều choáng váng trước một may mắn bất ngờ và lãng mạn như vậy. Người ta bất mãn khi thấy bà Hai Nhiều chậm hiểu nghĩ mãi chưa ra tại sao những kẻ nói giọng trọ trẹ xa lạ lại tìm đến tận cái xó xa xôi này làm gì. Người ta nhắc nhở Hai Nhiều điều này điều nọ. Tội nghiệp ông Hai Nhiều! Bị tứ phía thúc giục, trách móc, cười cợt, ông đâm quỳnh. Ông chạy đi chạy lại, làm theo lời người chung quanh như một cái máy ngoan ngoãn. Rồi mọi việc đều vào đó! Người ta vục bà giáo vào nằm trên một cái chõng tre. Con gái út của ông Hai Nhiều lo thổi cơm, luộc trứng dầm mắm cua dãi khách. Bác Năm đã thương lượng thuê tiếp một người phu ở Nước Mặn chuyển gánh thai bài của Lợi lên Kiên Thành. Để kịp hẹn với ông biện, và nhân thể báo gấp ông biện tìm cách gỡ Lợi ra khỏi gông dãi của bọn lính phủ, họ từ chối không dám nghỉ đêm ở An Thái. Đêm về khuya. Những kẻ hiếu sự cũng thấm mệt, dần dần về nhà. Chỉ còn lại hai gia đình ruột thịt mà xa lạ. Lúc đó, ông giáo mới cặm kề kề ngọn ngành gốc gác của gia đình mình. Vợ chồng Hai Nhiều và hai đứa con nhỏ ngồi chồm hồm gần bên cây đèn chai lắng nghe từng tiếng của ông giáo. Đứa con trai em kể cô Ba Lý, nét mặt hơi ngờ nghếch, miệng há hốc càng thêm vẻ đần độn. Cô gái út thì khá linh hoạt, đến ngồi bên An vuốt tóc An làm quen. Nghe ông giáo kể xong. Hai Nhiều dăm chiêu. Còn vợ Hai Nhiều thì hô hoán lên:

- Đã đành như vậy, nhưng chúng tôi tình cảnh thế này, giúp được gì cho các người. Tại sao các người không tìm về quê nội!

*

* *

Cảm tình bỗng bột lãng mạn của dân An Thái cứu gia đình ông giáo qua cơn bối rối buổi buổi đầu, chẳng hạn nó thúc giục, hoặc nói đúng hơn, ép buộc chị Hai Nhiều chấp nhận lạng lẽ những điều đáng lý chị vừa chấp nhận vừa cảm râm.

Thuở sinh thời, ông Tư Thới có nhiều mộng ước ngang tàng. Ông muốn ruộng vườn rộng thêm ra. Ông đã măn nguyện. Muốn cả một dọc bờ nam con sông Côn, không ai đảm lược hơn ông. Ông đã măn nguyện. Nhưng đến việc dựng nhà lập trại, ông bị nhiều điều ràng buộc. Dù có thừa tiền lắm của, ông cũng không thể xây một căn nhà đúng mơ ước của mình. Cho nên, lúc ông giáo Hiến về An Thái, cảnh tượng căn nhà tranh nhỏ và thấp hơn nhiều so với nhà cửa dinh thự ở Thuận Hóa khiến ông giáo ngao ngán. Ngoài kiểu nhà lá mái hơi lạ, ông giáo không thấy dấu vết nào chứng tỏ sự giàu sang, dư tật. Trái lại, cách bài trí

luộm thuộm, cách chạm trổ những hình hoa văn thô kệch ở đầu tường và trước bàn thờ tổ tiên, càng khiến kẻ sành sỏi dễ thấy óc thẩm mỹ lệch lạc và vụng về của chủ nhân. Đã thế, bao nhiêu công phu dồn cả cho phần trình diễn khoe khoang nên phần dành cho sinh hoạt thiết yếu như nơi ăn nơi ngủ trong nhà hết sức chật hẹp, bất tiện. Chái phía đông che đậy sơ sài bằng vài bức phen tre không ngăn nổi nước mưa tạt từng cơn vào lưng khách. Khoảng nhà ngang hẹp gần cái sân cát lại quá tối tăm, hai bên đều có vách đất kín mít, chỉ có một cái cửa sổ nhỏ trổ ra hướng gió bắc, nên đám đàn bà con gái ốm yếu thà chịu ngọt không dám mở cửa đương đầu với gió độc. Quanh cái sân nhỏ gần bếp, bên trên đều có mái che cả đấy. Nhưng cái giếng đào ngay giữa sân làm cho nền đất chung quanh thường xuyên lầy lội. Mùi hôi hám từ cái chuồng heo bên trái nhà bếp bao phủ khắp nhà, và nếu không có đồng hành tòi đổ đầy góc phòng ngủ, có lẽ mùi khăm khăm khen khét sẽ vượt nhà ngang, len lỏi đến tận bàn thờ tổ tiên.

Chị Hai Nhiều gắn bó đời mình với khung cảnh ấy đã bao nhiêu năm. Chị đã thuộc lòng từng cái vết bẩn trên tường, từng mô đất nhỏ cộm dưới lòng bàn chân mỗi khi chị đi lại trên nền nhà ẩm. Chị có thể nhắm mắt lại đi vài bước đưa tay là tìm ra cây kim trong rổ may, việc gì phải khó chịu vì cái cửa sổ phòng ngủ hướng ra phía gió bắc cứ đóng im ỉm suốt năm. Âm thanh, màu sắc, mùi vị trong cái căn nhà thân thiết này là những phần tử thiết yếu của cuộc đời chị, là bộ phận của chính thân thể chị. Nhiều lần về quê bên kia sông thăm mẹ một bữa, hai bữa chị chưa cảm thấy gì. Lâu hơn nữa lòng chị bồn chồn. Chị nôn nao vu vơ. Cho đến khi ngửi thấy mùi cháo heo um trấu từ bên kia vườn, chua chua và khét, ngậy nồng vì cám cháy dưới đáy chiếc nồi đất, chị không bình tĩnh được nữa. Chị nhớ đàn heo của chị, nhớ mùi ôi của nước cơm thừa, mùi khai của nước tiểu, mùi khét của khói bếp. Chị cương quyết dứt áo ra về, dù mẹ và em chị có năn nỉ, giằng cợt. Không nói ra, chị hãnh diện vì cái mùi ôi và khăm chung quanh nhà bếp y như ông Hai Nhiều hãnh diện về những hình hoa văn chạm trổ trên tấm ván lim che ngang trước bàn thờ gia tiên.

Vì vậy, thấy ông giáo nhăn mặt xoa trán vì vô ý va đầu vào khuôn cửa nhà ngang, hoặc thấy Chinh đưa ngón tay quệt nhiều lần lên đầu mũi khi xuống bếp múc cho bà giáo chén nước, chị Hai Nhiều đâm bực bội. Lòng tự ái của chị bị xúc phạm một cách thô bạo và vô hình. Phải! Nếu họ có tình thì họ phải giữ ý tứ chứ. Mình có mời họ đến đây đâu, mà họ chê cửa thấp bếp hôi! Chị nói thầm như vậy. Mặt chị dầu dàu, suốt thời gian hai gia đình chịu đựng cảnh "ăn chung ở chạ".

Gia đình người "em chồng bất ngờ" của Hai Nhiều quá đông. Những bảy người. Lại thêm hai điều phiền phức từ lâu chị tưởng không bao giờ gặp lại, hai điều mà chị sợ nhất, đó là tiếng con nít khóc và tiếng người bệnh rên rỉ. Ban ngày, mười mấy con người chen chúc nhau trong gian nhà hẹp, thấp, tối, đi ra đi vào đụng đầu, chạm vai, chị không tìm ra lấy chỗ để dựa tạm cái lưng mỏi. Đêm đến, đám đàn bà con gái chen nhau sắp lớp trong chái nhà ngang. Thằng Út lâu lâu khóc thét lên, khi kêu chị, khi đòi mẹ. Bà giáo từ lúc ghé bến Gò Bồi, cứ chìm mãi trong trạng thái mộng mị, hoặc rên nho nhỏ như lâm râm đọc kinh, hoặc đột ngột nói huyên thiên những điều mâu thuẫn, rời rạc, phí lý. Chen vào đó, tiếng khóc thút thít của An. Sống trong tình cảnh ấy, chị Hai Nhiều cảm thấy cân não căng thẳng, dường như cả người chị bị trương lên, sắp phải nổ tung.

Nếu hai vợ chồng chị không từng chịu đựng được một cách khắc kỷ mọi tai họa trong bao lâu nay, thì

chị đã nổ tung lên rồi, Chị chịu đựng lặng lẽ!

Trong lúc đó, hàng xóm láng giềng của chị lại quá ồn ào, xốc nổi. Sáng hôm sau, người ta kéo đến nhà chị Hai Nhiều còn đông hơn tối hôm trước. Người ta bắt buộc ông giáo kể lai lịch bà giáo nhiều lần. Giới phụ nữ đi xa hơn, vào tận buồng trong xem mặt cho được cô em gái ông Hai Nhiều, "người con gái lưu lạc" của "chàng rể bất hạnh". Người nào đưa ý kiến sửa giúp cái chuồng bò đã bỏ hoang của Hai Nhiều thành căn nhà tạm cho gia đình ông giáo, sau này không ai nhớ được. Ý kiến đó được mọi người hoan nghênh. Hai Nhiều cũng đồng ý vì không có cách nào khác. Hai vợ chồng đã mua được đôi trâu khỏe, nên cái chuồng bò cũ ở góc vườn phía tây trở nên quá hẹp. Họ đã bỏ cái chuồng ấy, cất một cái chuồng trâu khác ở mé đồng, gần giếng và đồng rơm, tiện cho việc ủ phân bón. Họ định qua mùa sẽ dỡ cái chuồng bò đi, lấy tre và tranh cũ che thêm cái chái chuồng heo để nuôi thêm hai con heo nái, phần tre thừa dành rào kín cái cổng dành cho bò đi lâu nay bỏ trống. Hai Nhiều rấp tạm bằng một núi gai dại. Nhưng nay cả làng gợi ý như thế, cũng tiện đôi đường. Tuy chịu đựng cũng giỏi như vợ mọi điều không được như ý, Hai Nhiều cảm thấy không thể kéo dài cái cảnh sống chung chạ này lâu hơn.

Thế là trong vòng có năm ngày, cả làng An Thái, (kể góp công người góp vật liệu) đã lợp xong cho gia đình ông giáo một căn nhà mới. Phần cột trụ căn bản vẫn là cột trụ cái chuồng bò, nhưng nhờ tranh, tre, nứa, rơm nhồi đất trét vách, do của thập phương góp lại nên căn nhà thật khang trang. Cửa chính hai cánh ghép bằng tre đập dập, khuôn cột cẩn thận bằng mây giã. Hai cái cửa sổ nhỏ hai bên hình vuông che kín bằng hai tấm phen đan hình mắt cáo, lúc chống nghiêng bằng hai thanh tre cột, trông từ xa, giống y như hai mí mắt mơ màng nhìn về phía hoàng hôn. Bên trong, những người hảo tâm cẩn thận dựng dọc một tấm bình phong bằng tranh, chia đôi căn nhà từ xế cửa lớn, dành phần bên trái làm nhà cầu và nhà bếp. Nền đất nện không được kỹ, nhưng so với mặt đất vườn Hai Nhiều như vậy là khá cao ráo. Những người có tuổi đoán chắc với ông giáo là dù nước lụt có to đến đâu, cũng không thể vào nhà được.

Ông giáo đứng từ ngoài nhìn thẳng vào căn nhà mới. Với hai cửa sổ mở hé và cửa lớn mở rộng, ông thấy căn nhà đang nhìn xuống và cười mỉm trong trầm tư. Gió thổi vào mái tóc tranh lòa xòa chưa kịp cắt bằng, ánh sáng vàng chói của mặt trời sắp lặn rọi thẳng vào nụ cười trầm tư ấy. Ông giáo đột nhiên cảm thấy lòng rộn rã vu vơ, y như buổi sáng hôm ông đứng trên ngọn đồi Ngãi Lãnh nhìn về đồng và biển bao la của phương Nam.

*

* *

Đêm đã khuya. Bên ngọn đèn chai chỉ có hai cha con. Ông giáo lấy cái que cời bớt những mụn chai đã cháy hết ở đầu cây đèn cho bớt khói. Ông cời lẹm qua phần cháy dở, từng giọt lửa rỏ xuống đất ẩm, cháy ráng được một lúc rồi tàn lụn trong hơi khói. An ngược lên, thấy cha nhìn đăm đăm vào ngọn đèn mà nét mặt thất thần. Rõ ràng ông giáo không chú ý mình đang làm gì, tay cầm cái que đưa đi đưa lại như làm thuộc lòng theo trí nhớ. Cô bé nhìn đôi mắt sâu nổi lo âu, nhìn mái tóc thưa và rối của cha. Cô bé muốn ôm lấy cha mà khóc, nhưng lúc ấy nét mặt ông giáo nghiêm nghị quá. An không dám. Ông giáo bỏ cái que xuống cạnh cái giá đèn, hỏi An:

- Con đã xông trấu chưa?

An lo sợ đáp:

- Con quên mất. Thằng Út cửa quậy mãi không chịu ngủ. Mẹ đã bớt nói mê hơn hôm qua. Con chờ cho mẹ và em ngủ xong mới ra đây được.

Giọng ông giáo vẫn đều đều, không tỏ chút nào trách móc:

- Nhà mình mới cất, gần bụi tre rậm, nhiều muỗi lắm. Buổi sáng cha thấy khắp người anh Kiên đầy những nốt lấm tẩm đỏ. Ngủ gì mà say như chết.

An nói hộ anh:

- Anh Hai mệt quá đấy cha! Khu đó bỏ hoang bao nhiêu năm nay, gai góc nhiều. Anh Hai nói cả buổi chiều đào không xong cái gốc táo nhơn to tướng.

Ông giáo quay nhìn phía sau lưng. Trên cái phản gỗ tạp bà Hai Nhiều cho mượn, Kiên nằm ngủ mê mê, một chân còn bỏ thông xuống đất, một chân trên phản nên dáng nằm có vẻ khổ sở mệt mỏi. Hai tuần nay, ba cha con cùng nhau khai hoang mấy miếng ruộng quanh miếu, hy vọng sang tháng mưa có thể bắt đầu gieo cấy mùa lúa đầu. Nhẩm tính lại số tiền dành dụm, ông tháo mồ hôi. Dù tiện tặn đến thế nào chăng nữa, số tiền ấy không thể nuôi nổi gia đình ông được một năm, với điều kiện không tính đến các chi tiêu bất thường. Nhưng không tính sao được! Bà giáo còn nằm một chỗ, hết rên rỉ lại nói xàm! Từ hơn một tháng về đây, ông đã phải bốn lần đi bổ thuốc cho bà. Ở nơi xa xôi này, giá thuốc bắc quá đắt. Đáng buồn hơn nữa là những món thuốc quý và cần thiết không thể tìm đâu có. Ông giáo viết toa sai Chinh đi bổ thuốc, hiệu bán thuốc bắc gần chợ An Thái chỉ có không đầy một nửa số thuốc kê trong toa. Nhẩm tính lại, thang thuốc không còn hiệu quả gì. Về sau chính ông giáo phải ra hiệu thuốc thăm dò xem họ còn những loại thuốc nào, rồi mới về kê đơn. Bệnh bà giáo chỉ dừng lại, giảm đi chút ít, nhưng không bớt, không có hy vọng gì bớt. Số tiền dành dụm đã ít, tiền thuốc thang theo cái đà này... ông giáo không dám nghĩ đến nữa. Công việc đã gấp lắm rồi! Không chần chờ được. Ông đã sang thương lượng với ông bà Hai Nhiều. Chị vợ lúc nào cũng mau mắn hơn chồng. Chị nói:

- Dạ, cô chú về đây là phải. Dù sao cũng là máu mủ với nhau, không giúp nhau lúc hoạn nạn thì còn chờ đến lúc nào. Nghiệt một điều là ruộng đất miếng to miếng nhỏ đâu đâu cũng có sổ sách hết. Có giấy tờ phân minh mới được giữ tư điền, không có giấy thì phải nhập làm của công, chia cho dân đình cày cấy mà nộp thuế. Hồi trước cha bỏ nhà đi, đến nỗi nhà tôi mở mắt ra đời còn chưa biết mặt. Thành ra ông ngoại có muốn công bằng chia cho các cháu, cũng không biết tên cô ở nhà là gì mà ghi vô phân thơ...

Ông giáo quá biết chị Hai Nhiều muốn dẫn câu chuyện về phía nào. Ông định nói, nhưng Hai Nhiều đã tiếp lời vợ:

- Phải, cô chú không về thì chúng tôi làm sao biết mấy mươi năm trước, cha bỏ đây rồi là về Thuận Hóa, rồi lại lấy vợ, sinh em. Nói điều này nếu không phải chú bỏ lỗi, nếu có kẻ vô lại nghe được chuyện nhà của mình, ở đâu về đây tự xưng là... là em trai em gái của cô, để đòi này đòi nọ, thì chúng tôi phải xử làm sao?

Ông giáo giận đến ngột thở. May lúc ấy về đêm nên Hai Nhiều không nhận ra được gương mặt đỏ

bình của ông giáo. Có lẽ cả hai vợ chồng Hai Nhiều đều nghĩ mình đã nói đủ, chẳng những thế, đã đi quá cái mức cần thiết, nên sau đó hai vợ chồng đều im lặng để đợi ý kiến của ông giáo. Ông giáo dần dần nguôi giận, ông nói thật chậm để vừa trấn tĩnh mình vừa lưu ý người nghe:

- Xin anh chị yên tâm. Chúng tôi về đây không có cái ý ấy đâu. Không nói ngoa, nếu anh chị thấy ở gần gũi thế này bất tiện, nội ngày mai chúng tôi sẵn sàng đi nơi khác.

Cả ông lẫn bà Hai Nhiều cùng cất tiếng cắt lời ông giáo:

- Không phải thế. Chú hiểu lầm rồi!

- Không phải thế. Ý của chúng tôi chỉ muốn nói...

Ông giáo nói lớn hơn để át giọng hai người:

- Đây là tôi chỉ nói thế thôi, cho anh chị yên lòng. Của cải vườn ruộng của anh chị, là công lao mồ hôi nước mắt bao năm đào từng gốc cây, nhặt từng hòn đá, khai mương đắp đập khổ cực mới có, chứ đâu phải của trời rơi xuống. Anh chị đang cày cấy, dù có nhượng lại, chúng tôi cũng không dám lấy. Tôi chỉ xin anh chị nghĩ tình máu mủ giúp cho điều này.

Ông giáo ngừng lại. Cả hai vợ chồng Hai Nhiều không ngồi yên được nữa. Quên giữ ý, họ chồm đến phía trước, mắt lom lom nhìn miệng ông giáo. Ông giáo chán chường nhận ra trong lối nhìn ấy, có điều gì thô bỉ đến tội nghiệp. Ông cười nhẹ rồi nói:

- Chúng tôi nghe bà con mách rằng: ngày trước vì cậu không may bị bệnh nan y, mà mấy miếng ruộng quanh miếu không ai dám cày. Lâu ngày cỏ dại, gai góc um tùm. Ba cha con chúng tôi định xin phép anh chị phát hoang, may ra còn trồng tía gì được chẳng.

Anh chị Hai Nhiều cùng ồ lên vui sướng. Họ vừa thoát khỏi một đe dọa ghê gớm mà dù quen chịu đựng, lần này, họ vẫn nghĩ không có cách nào tránh khỏi tai ương. Chị Hai Nhiều vỗ vập bảo:

- Sao chú không nói ngay từ đầu! Được. Được lắm. Tưởng gì nhiều chứ mấy miếng miếu, chú cứ tùy ý làm gì thì làm.

Ông Hai Nhiều đi xa hơn vợ, hứa sẽ đem trâu đến cày giúp khi cha con ông giáo phát cỏ và khai hoang xong. Ông cẩn thận kèm thêm điều kiện: miễn là đất không cứng quá. Trâu của tôi độ này kém ăn!

Họ bắt tay ngay vào việc khai hoang. Tuổi ông giáo đã ngoài 45, việc lao động chân tay sau mấy mươi năm ròng theo đòi nghiên bút, tất nhiên thật vất vả. Kiên nhìn cha cuốc đất, tự nhiên thấy cay nóng nơi đầu mũi. Anh không dám nhìn lâu nữa. Phần Chinh thì chưa qua khỏi cái tuổi bạc bẽo, chỉ mong làm qua loa cho xong để chạy ra chợ đàn đúm. Cho nên Kiên nhận lãnh trách nhiệm chủ yếu. Anh dành phần nặng nhọc vất vả nhất cho mình. Tối tối vừa cơm nước xong, Kiên nằm vật lên phản thiếp đi lúc nào không hay. Nhiều hôm An quên, ông giáo đã chợp mắt một lúc, chợt nhớ một mình thức dậy un muối, sửa thể nằm cho con, gài lại một hạt nút, lau sạch một vết bùn trên trán Kiên. Nếu Kiên còn bé, hoặc nếu ông bỏ được thói quen cư xử nghiêm cẩn với con cái, ông giáo đã ôm lấy Kiên rồi. Ngay lúc này đây, thấy dáng ngủ khổ sở của Kiên, ông giáo đã xúc động mãnh liệt. Ông muốn diễn tả niềm thương yêu tràn đầy đối với các đứa con ngoan của ông. Nhưng ông không biểu lộ tình cảm chan chứa ấy được. Ông đăm lúng túng trước mặt con gái. Ông cảm thấy An đang trách móc ông, vì ông đã không thấy được công lao khó nhọc và sự tận tụy

của anh Hai. Ông giáo tìm chuyện lảng tránh. Ông hỏi con gái:

- Chỉnh đâu rồi?

An nhìn quanh, giả vờ tìm kiếm, rồi đáp:

- Anh ấy mới chạy đi đâu đó. Chắc qua nhà cậu mợ.

Ông giáo lại hỏi:

- Tối hôm qua nó về lúc nào?

An nhìn cha, ngập ngừng. Cuối cùng, cô bé nói dối:

- Lúc cha vừa ngủ xong, con dậy mở cửa cho anh ấy, em út giật mình khóc to, cha không nghe sao!

Sự thực suốt đêm qua, Chinh không về nhà. Ăn cơm tối xong, Chinh bỏ đi đâu suốt cả đêm, gà gáy mới mò về, len lén vào giường, giả vờ ngủ. Có lẽ chỉ có An lưu ý điều đó. Cô bé sợ cha phiền lòng, nên giấu đi. Ông giáo không chú ý thái độ bối rối của con, nói với con gái:

- An này!

An giật thót người, lo sợ hỏi:

- Cha gọi gì con?

Ông giáo ngập ngừng:

- Ban đêm con có dám qua nhà cậu mợ không?

An đáp:

- Con không sợ ma đâu! Hôm trước...

An định nói cứng, chợt nhớ tối hôm ấy mình nín thở chạy một mạch từ nhà cậu mợ về nhà mình, suýt vấp phải cái rễ cây duối, thẹn thùng không dám nói tiếp. Ông giáo nói:

- Nhà mình... cha muốn nói... nhà mình độ này túng lắm, con biết không. Tiền thuốc thang, tiền gạo mắm. Khi chiều Kiên vừa cho cha biết, mình chỉ còn... Mà thôi, con còn bé, chưa nên biết vội. Cha tính mãi chưa biết thế nào... Hay con qua bên nhà cậu mợ...

An lo sợ công việc cha định sai mình. Cô bé nghĩ đến nét mặt bà Hai Nhiều. Ông giáo nói tiếp:

- Cha đàn ông không biết hỏi ai. May ra nhờ mợ Hai giúp cho. Con lấy cái áo lụa của mẹ, sang nhờ mợ tìm người nào muốn mua, bán gấp cho. Bao nhiêu cũng được. Cái áo còn tốt, chắc được giá. Con đem biểu cho mợ cái lược ngà, bảo hôm kia mẹ tỉnh lại có dặn cha, nhưng cha quên mất!

*

* *

Ông giáo không ngờ việc bán vài thứ hàng ngoại, cùng vài món kỷ niệm xinh xắn vốn là quà biếu của quan nội hữu lại có thể gây nhiều xao động lớn lao như vậy cho thôn ấp hẻo lánh này. Ban đầu ông hơi kinh ngạc, pha lẫn đôi chút tự mãn khinh mạn kín đáo. Về sau, các sự kiện ra ngoài dự liệu của ông, ông đâm hoảng.

Chiếc áo lụa, bà Hai Nhiều đổi giúp cho ông giáo được mười thương thóc. Cái giá một chiếc áo đã cũ mà được thế thật bất ngờ đối với gia đình ông. Mà cũng bất ngờ đối với chị Bảy Chìa. Cả đời chị quen mặc vải thanh cát dày cứng như mo cau, chị không tưởng tượng nổi trên đời này lại có thứ vải vừa mềm

mịn, vừa trơn mặt như thế này! Chị ôm cái áo vào lòng, mùi băng phiến thơm tho đến ngây ngất. Chị mặc áo vào, cởi ra, rồi lại mặc vào. Chị định sang nhà cô em nhờ ngắm xem chiếc áo có vừa với thân hình hơi gầy ốm vì luống tuổi của chị không. Đến ngõ, nghĩ sao chị lại trở vào, cởi áo gói vào cái khăn đội đầu. Cả ngày hôm ấy, chiếc áo lụa được chuyển từ nhà này sang nhà khác. Chị Bảy Chìa phải bay theo nó, mặt giả vờ phụng phịu nhăn nhó nhưng thực lòng hết sức hãnh diện. Nhờ thế, cái áo ấm may bằng nhung Tàu đã bắt đầu ngả màu và rụng lông của ông giáo được leo lên cái giá hai mươi thương. Một cái lược đồi mồi giá năm thương. Cái quạt giấy có vẽ cảnh sơn thủy và đề thêm một bài thơ tứ tuyệt của Lý Bạch, do chữ nghĩa nghèo nghèo nhắng nhít, bị bớt còn ba thương.

Nhà chị Hai Nhiều khách khứa đông hẳn lên. Phần lớn là khách phụ nữ đến nhờ chị sang ông giáo hỏi mua dùm khi thì một loại nút áo, khi thì cái gương kiểu Tàu lạ mắt. Có người còn muốn mua những thứ giống y như của chị này, bà kia. Khổ cho bà Hai Nhiều mà cũng khổ cho ông giáo! Ông đâu giàu có đến nỗi sắm một loạt năm bảy cái lược ngà, ba bốn cái gương soi mặt để bây giờ bán cho khách ái mộ. Ông bảo toàn là những thứ lăm cẩm bạn bè ông quen với giới buôn bán ở cửa Hội, đem về biếu vợ con ông, bây giờ túng quẫn phải đem bán lấy thóc mà ăn. Người ta không chịu tin, cho rằng ông muốn neo giá. Người ta thêm lên một hai thúng thóc, chê món hàng mình đang tìm không được mới nên chỉ có thể thêm bấy nhiêu đó thôi! Ông giáo không bao giờ nghĩ có lúc mình phải ở vào một hoàn cảnh trái khoáy như vậy. Ban đầu ông cố nhịn nhục, phân trần, về sau ông nổi cáu đáp lại dấm dăng. Lại thêm một cái có nữa để dân An Thái hối hận đã đến cất giùm nhà cho ông giáo!

Rồi đến đám khách đàn ông!

Một hôm có một ông khách ăn mặc chững chạc, chân mang guốc, tay cặp dù, theo sau có một tiểu đồng ôm tráp trà. Ông khách đi thẳng vào nhà ông giáo, không cần mời đã tự động kéo ghế ra ngồi. Yên vị xong, ông khách nhìn quanh nhà một lượt, đầu gật gù. Ông giáo bất mãn trước vẻ tự thị của người khách lạ, nhưng cố bình tĩnh để xem hẳn định giở trò gì. Ông khách gật gù một lúc rồi khen:

- Nhà cửa khéo lắm. Nhỏ nhưng mà ngăn nắp, chứng tỏ con người có học.

Ông giáo chưa kịp nói gì, hẳn hỏi đốp chát:

- Một người như ông thì về trốn ở cái xứ man mọi này làm gì cho phí người đi! Tôi đã nghĩ ông muốn ẩn thân để chờ cơ hội làm chuyện vá trời lấp biển đây!

Ông giáo hoảng hốt. Hẳn là ai mà đến đây tra vấn gốc gác của mình? Hẳn muốn gì? Ông giáo làm nhũn, ra vẻ khiêm nhường nhận mình chỉ là một thầy đồ rách ở kinh đô.

Người khách có vẻ thỏa mãn vì đã làm cho ông giáo nhũn lại. Hẳn đổi ra giọng tâm sự. Chỉ một khắc sau, ông giáo biết được điều muốn biết. Hẳn là ai ư? Một tên xã trưởng trong vùng, chuyên lo thúc ộp tiền sai dư và giúp cai tổng, duyệt lại lập sổ đinh. Hẳn muốn gì ư? Muốn được mua rẻ, hoặc biếu không càng tốt, một cái quạt Tàu.

Hôm khác lại có một xã trưởng đến. Ông giáo khỏi phải hồi hộp, thắc mắc như lần trước, vì tên xã trưởng này tính tình bộp chộp, ưa khoe khoang hơn tên kia. Nhờ hẳn ông giáo biết hiện ở đây có tất cả bốn xã trưởng và năm tướng thân, tất cả chín người đều được làm việc, nhưng phải cử thêm một viên tri ấp làm

đầu mục. Ông giáo biết đây là một cái tệ đã có từ lâu, nhiều lần chính quan nội hữu bạn ông có dâng sớ xin sửa đổi để thống nhất hành chính, nhưng không được kết quả gì. Từ lâu, tướng thần ở hai xứ Thuận Quảng cũng như khán thủ ở bốn trấn được cùng với xã trưởng thu thúc phú dịch. Năm Bảo Thái Ất Ty, vương phủ định rõ lệ thu các lễ:

- Tướng thần phải nộp thượng lễ (dâng lên chúa) 35 quan, tiền lễ (nộp vào nội cung) 7 quan, tiền lĩnh bằng và tiền ngụ lộc các quan cộng 7 quan, tất cả 49 quan.

- Xã trưởng phải nộp thượng lễ 30 quan, nội lễ 6 quan, tiền lĩnh bằng, tiền ngụ lộc các quan 5 quan, tất cả 41 quan^[1].

Do đó, mọi người tranh nhau nộp tiền để lãnh chức tướng thần hay xã trưởng. Có nơi một xã có đến 16 hay 17 tướng thần, hơn 20 xã trưởng. Ông giáo lẩm bẩm một mình: như vậy là mình đã hân hạnh tiếp chuyện với 2 trong 4 ông xã trưởng của miền đất này rồi. Thật mỗi người một vẻ! Tự giới thiệu xong, tên xã trưởng, không quanh co, đòi mua một cái áo đoạn. Ông giáo từ chối, bảo mình chỉ còn một cái đã cũ. Tên xã trưởng nhìn quanh quất, như muốn chính mắt xác nhận xem cái áo nó như thế nào, có cũ kỹ như lời thối thác của ông giáo không. Hắn không tìm được cái áo đoạn móc quanh hắn. Và hắn nổi giận. Hắn hỏi:

- Tôi nghe nói thầy có mấy đứa con trai lớn, phải không?

Ông giáo đáp:

- Vâng. Đứa con cả của tôi năm nay 21. Đứa thứ nhì mới 15. Đứa thứ ba con gái. Đứa thứ tư mới 11 tuổi, nó đứng kia kìa. Cháu nhỏ nhất còn bé, lên 3.

Tên xã trưởng lẩm nhẩm tính:

- Con trai đến 18 tuổi thì đã phải theo lệ biên tên ngay vào sổ tuyển binh. Người nào có con mà ẩn lậu, hoặc chức sắc nào biết ẩn lậu mà không cáo gian đều bị tội, bắt làm lính cắt cỏ voi^[2]. Đứa 21 tuổi đã vào sổ xã binh chưa? Còn cái đứa khai 15, có phải đã hạ mất 3 tuổi để ẩn lậu không?

Ông giáo giận quá, môi mím lại. Giá ông nói được tự do, ông đã đọc cho hắn nghe điều lệ thứ hai trong quân chế. "Hễ là dân mới về hay mới đến thì được chước miễn 3 năm cho yên nghiệp làm ăn, bản xã không được ức bắt thế lính, hết hạn mới thế cấp". Và lại gia đình ông vốn là dân nội phủ được miễn lính. Nhưng nói những điều ấy ra lúc này chỉ tổ hại cho gia đình ông thôi! Cho nên ông đành một mực kêu oan, vừa tự kể khổ vừa vuốt ve tự ái của tên xã trưởng. Hắn bằng lòng không nghi ngờ gì nữa, nếu ông giáo bằng lòng bán cái áo đoạn cho hắn. Ông mất thêm cái áo đoạn sau khi mất cái quạt trầm hương.

Sau đó bốn hôm, Lợi dẫn đến nhà ông giáo một ông khách nữa. Nhìn qua vẻ trầm tĩnh, bề vệ, từ cách đi cách ngồi, ông giáo đoán chức vị người này còn cao hơn hai tên xã trưởng. Lợi rất mừng rỡ được gặp lại gia đình ông giáo. Bằng cái giọng liến thoắng quen thuộc, cậu kể mình bị dẫn lên phủ thế nào, kêu oan thế nào, ông biện Nhạc cuối cùng can thiệp ra làm sao. Theo Lợi kể thì thế lực của ông biện khá lớn, mấy lần trước ông can thiệp vụ nào được vụ đó. Lần này gặp trường hợp Lợi, ông biện gặp khó. Tri huyện cứ tra vấn mãi: mua côn thai bài nhiều như vậy để làm gì? Muốn làm giặc phòng? Buôn nguồn mấy đời rồi còn sợ ai nữa, mà sắm lao để tự vệ? Phải chịu mất một gánh thai bài, bốn gánh trâu nguồn và hai mươi cân

mật ong, ông biện mới cứu Lợi ra được. Ông giáo không tin lắm ở những con số Lợi kể. Ông cười dễ dàng, tha thứ cho cái tính ba hoa của cậu. Lợi cho ông biết người khách cậu dẫn đến là ông cai tổng. Ông giáo biết mình phải đối phó với một vụ cướp cạn nữa. Không biết hắn đòi thứ gì? Hắn không đòi. Chính quan tri huyện đòi. Sở dĩ quan tri huyện đòi, là vì lũ lính có phận sự đi sai ộp xã binh mách lẻo, kể cho quan huyện nghe vì sao mình mới nhìn cái chẵn nhiều lục sang trọng đã vội tưởng sắp chạm đoàn hầu cận của một phu nhân. Từ đó bà huyện không ăn không ngủ nổi, nếu không thấy được cái chẵn nhiều lục nó đẹp nó sang đến mức nào. Ông cai tổng xác nhận mình chỉ là cấp thừa hành. Ông thông cảm hoàn cảnh ông giáo, thương bà giáo lưu lạc một thời đến lúc về được quê ngoại thì lâm trọng bệnh, thương ông giáo phải vất vả mưu sinh... Ông giáo thà mất đứt cái chẵn nhiều lục còn hơn phải ngồi nghe tiếp những lời giả dối ấy. Ông giáo không mất đứt, vì cuối cùng, còn được ông cai tổng gửi lại một lời hứa:

- Khi nào gặp khó khăn, thầy cứ qua tôi. Không có gì đâu, đừng ngại. Chúng nó không dám làm phiền thầy đâu! Tôi bảo đảm từ nay về sau, không ai dám làm gì thầy đâu. Vâng, từ nay trở đi... vâng, nếu có thứ gì gói lại cho cẩn thận, càng tốt. Đường xa sợ bụi bặm, nó dơ đi!

*

* *

Có một đêm Chinh dẫn Lãng ra mấy đám ruộng miếu. Lãng sợ đêm tối, dùng dằng không muốn đi. Chinh bảo em:

- Mày con trai mà nhát như cáy. Đi với tao, sợ gì. Ra tao cho xem cái này hay lắm!

Sự tò mò cuối cùng đã thắng nỗi sợ hãi. Lãng nắm chặt lấy vạt áo anh, từ nhà ra đến bờ ruộng không dám thở. Đêm tối mịt mùng. Mùa tháng tư lúa vừa gặt xong, cả cánh đồng bằng phẳng chỉ còn trơ những gốc rạ. Chinh thông thạo đường đi nước bước, dẫn em băng đồng đi về phía miếu. Lãng sợ, níu anh đừng lại hỏi:

- Anh đi đâu đấy?

Chinh cười nhỏ, giọng chế giễu:

- Bạo lên chút, chú thỏ mặt xanh. Không tui nó cười cho.

Lãng đành lẻo đẻo theo bước anh, tâm trí cứ thắc mắc không hiểu ngoài hai anh em ra, còn "tui nó" nào nữa.

Sắp đến mấy đám ruộng ba cha con vừa phát quang. Chinh dừng lại, đưa tay lên miệng huýt còi. Từ phía trước, có tiếng huýt còi đáp lại. Gió thổi còi bật về phía triền núi xa, âm thanh ban đầu nghe như tiếng rần lục rít lên, rồi yếu đuối tan loãng trong đêm tối. Chinh định hướng rồi đi về phía bắc. Lãng hoang mang không chú ý chân bước, vấp phải một bờ ruộng thấp. Cậu bé ngã chúi xuống, trán va vào một mặt ruộng đất cứng lờm chờm gốc rạ. Cậu muốn khóc, nhưng tiếng Chinh cười làm cho cậu nổi lòng tự ái. Cậu bậm môi lại, ráng thân nhiên phui quần áo. Mồi trên cậu rát, và cậu thấy vị nước miếng trong miệng hơi mặn. Mặc kệ! Nhất định không cho anh ấy biết mình sắp khóc. Sao mà giọng cười anh ấy đáng ghét quá, còn đáng ghét hơn cả những lời càm ràm của chị An nữa!

Ba bóng đen chờ hai anh em Chinh, Lãng từ lúc nào. Một người ngồi chồm hổm trên mặt ruộng, hai

người kia ngồi trên một thân táo nhờn gác nghiêng lên bờ cao. Cỏ bị phát quang nằm rải rác, nắng đã làm cho cỏ khô nên dưới bước chân hai anh em, tiếng lá cỏ gãy lộp rộp. Lãng dẫm phải một chùm gai mắc cở. Cậu dừng lại. Chinh để mặc em ngồi xuống gỡ gai, tiến thêm vài bước hỏi lớn:

- Ra đây lâu chưa?

Có tiếng trả lời:

Mới đây thôi. Cứ tưởng mày sợ, bỏ cuộc.

Chinh cười thật to, cổ phóng đại sự ngạo nghễ, khinh mạn. Lãng nhận ra được ba cậu thiếu niên cùng trang lứa với Chinh, nhưng không biết mặt. Giọng nói cả ba là giọng An Thái. Một cậu có giọng rè vỡ như tiếng ngỗng đực hỏi:

- Mày đã nghĩ kỹ chưa?

Chinh quả quyết đáp:

- Hỏi như vậy là xem thường tao đấy. Rồi tụi mày sẽ thấy. Có nhớ đèn đèn không?

Một người khác đáp:

- Có đây. Tao lén lấy được trong buồng mẹ tao một thỏi đèn chai. Mày quên đá lửa rồi phỏng?

Chinh cười:

- Tao mà quên! Có cả bụi nhùi nữa. Đưa cả cho anh, Lãng.

Bây giờ Lãng mới biết cái bọc hơi nặng từ nãy đến giờ Chinh nhờ cậu giữ hộ, là bọc đá lửa. Sự tò mò giúp cậu can đảm một cách thất thường. Cậu đưa đá lửa và bụi nhùi cho anh, nóng lòng chờ đợi những điều bí mật lạ lùng chưa từng nghĩ tới.

Cậu thiếu lạ mặt từ nãy đến giờ ngồi chồm hổm trên mặt ruộng và im lặng, bây giờ mới chậm rãi bảo Chinh:

- Tụi tao báo trước là nếu mày chết, tụi tao không chịu trách nhiệm đâu. Mày mang thằng nhỏ này theo làm chứng hả? Em ruột mày à? Nó bé tí teo, nhưng thôi cũng tạm được. Phía tụi tao thì có hai đứa này. Thằng Sửu là một, thằng Thìn là hai. Bắt đầu được chưa?

Chinh quả quyết trả lời:

- Tao sẵn sàng. Bắt đầu đi.

Cậu thiếu niên vừa nói chậm rãi đứng dậy. Cả đám tụ lại quanh cậu ta. Bằng một giọng cố ý làm ra vẻ nghiêm trọng, phát chậm và dần từng lúc, cậu tuyên bố.

- Ba người làm chứng có mặt đêm nay xác nhận rằng: không ai được kiện tụng, đòi bồi thường, nếu có người bị ma cùi vật chết trong miếu. Nếu không chết nhưng bị lây bệnh đến nổi ngón tay rụng, chân co quắp, mũi xẹp, mắt lòa cũng không được khiếu nại. Phải một mình vào trong miếu, bật lửa đốt đèn hương tròn ba lần làm hiệu cho người ngoài biết mình đã vào đến nơi. Phải tắt đèn ngồi trong miếu cho đến lúc trăng lên, và phải mang ra đây một cái chân đèn thờ trong miếu. Qua được thử thách này, mới xứng đáng là người đỡm lược, và mới được truyền bài võ nhập môn. Lê Trọng Chinh, mày nghe rõ chưa?

- Thừa rõ.

- Mày có muốn rút lui không?

- Thừa không.
- Mà có sợ chết không?
- Không.
- Bắt đầu!

Lăng vội chụp áo Chinh, giọng hốt hoảng: "Đừng, anh", nhưng Chinh đã một mình tiến về phía cái miếu. Mọi người hồi hộp nhìn theo bóng Chinh, ban đầu còn lơ mơ hiện trên nền đồng trống nhờ nhờ, về sau chìm khuất hẳn vào bóng cây rậm. Chim chóc khuá động, sợ hãi bay ra. Tiếng kêu xao xác, bầu trời vẫn đen ngịt. Gió thổi lớn thêm, cả bốn người cùng nhận ra tiếng gió hú đe dọa. Cậu bé có tiếng ngỗng được thì thào:

- Lỡ nó bị răn thì sao!

Cậu đầu tiên gạt đi:

- Đừng nói bậy. Hãy yên lặng nào!

Từ đó không ai bảo ai, mọi người hồi hộp dán mắt về phía miếu, chờ đợi. Lại có người thắc mắc:

- Sao lâu quá! Hay nó không biết đánh lửa? Đèn chai của mà có tốt không?
- Tao đã đốt thử rồi. Nhảy lăm. Có lẽ bụi nhùi xấu không chừng!

Lăng bậm môi lại. Máu trong miệng cậu cứ rỉ rả chảy, nhưng vì mãi lo âu cho anh, cậu quên cả rất buốt. Cậu muốn khóc to, muốn gọi Chinh hãy trở lại. Thấy ba người lạ mặt lăm lè, cậu không dám thở mạnh. Cậu sợ quá!

Đột nhiên, ba người lạ cùng reo lên. Từ đám đen quanh miếu, một chấm đèn di động thật chậm theo hình tròn, đúng ba vòng theo như luật định. Cậu đầu tiên thở phào vui mừng, nói với ba người:

- Xong, nó đến nơi rồi. Phải nói là tụi bây không bằng được nó. Tụi bây chỉ nói dóc!

Một đứa chống chế:

- Nhưng hãy chờ thêm đã! Trăng chưa lên mà! Người ta bảo khi trăng lên, sâu cùi mới bò ra sáng cả một quãng đồng.

Chúng kiên nhẫn chờ trăng. Thời gian như dừng lại, phía đông bầu trời giữ nguyên một màu mực xạ. Từ phía tối âm u, có lẽ Chinh cũng nôn nả không ngồi yên được. Cậu phá luật, hay nói đúng hơn là làm quá cả yêu cầu. Cậu đem đèn ra ngoài miếu, huơ tròn hai lần nữa. Rồi cuối cùng điều mọi người mong đợi đã cũng đến. Cả bọn không đứa nào thạo thiên văn địa lý, nên không ngờ đêm ấy mãi tận lúc gà sắp gáy trăng mới nhú lên. Chinh cầm đèn trở ra, ánh sáng bập bùng giữa khuya đủ soi một nụ cười ngạo nghễ. Chưa bao giờ Lăng trông thấy anh hùng vĩ và lẫm liệt như vậy. Vừa mệt nhọc vừa bị kích động cực độ, cậu ôm chầm lấy anh mà khóc

*

* *

Chỉ còn khoảng nửa tháng nữa thôi là trời là bắt đầu mưa. Ông giáo bàn tính với Kiên, gắng làm sao vỡ xong khu đất miếu cho kịp gieo bắp thử trong mùa đầu. Kiên làm việc quá sức, hôm qua ngủ dậy bị sốt, cố gượng húp chén cháo dẫn bụng đi làm nhưng không được. Anh nằm mê man suốt hai ngày. Ông giáo

chẩn bệnh cho con, bảo Kiên bị bệnh sốt rét ngã nước. Ông Hai Nhiều khuyên nên uống thuốc nam, tìm xin cho Kiên một lá dây leo màu xanh cọng phơn phớt tím. Giã lấy ước rồi đun sôi, bát thuốc trở thành màu nâu và đắng nghét. Kiên nín hơi uống cạn hai bát thuốc nóng, mồ hôi vã như tắm. Có vẻ như anh bớt sốt, vì từ trưa đến giờ, An thấy anh cả nằm yên, không rên khe khẽ từng hồi như đêm hôm trước.

Ông giáo và Chinh đã ra khu đất miếu. Cả Lãng cũng đòi theo cha. An nhận thấy mấy hôm gần đây, Lãng có nhiều biến đổi khác thường. Ban đêm, Lãng cứ trằn trọc hết lần bên này lại xoay bên kia. Một tối chợt thức giấc không thấy em nằm bên cạnh, An tưởng em xuống bếp đi tiểu. Chờ mãi không thấy Lãng lên, An trở dậy, thấy Lãng đứng bên cửa sổ nhìn mông lung ra đêm tối. Cặp mắt Lãng tự nhiên sáng lên khác thường, thứ ánh sáng tỏa chiếu từ những biến chuyển âm u phức tạp của ý nghĩ, của mơ tưởng chứ không bắt nguồn từ thực tại bên ngoài. An quen thuộc với thứ ánh sáng đó, vì mỗi lần cha đọc được một cuốn sách hay, viết được một câu thơ đẹp, nói được với bạn bè một giấc mộng ấp ủ, An lại thấy mắt ông giáo bừng lên niềm thỏa thích kỳ lạ này. Có điều ở ông giáo mắt rạng rỡ phát tiết, thì ở Lãng, An mơ hồ nhận ra sự kích động đam mê. An đâm sợ, hoang mang không hiểu nổi em.

Mũi kim đâm vào ngón tay giữa của cô bé. An giật mình. Cô bé lúng túng nhìn quanh sợ có người thấy mình lơ đãng. Thay vì chít ống tay áo lại cho hẹp, An lại may ống rộng theo thói quen. Gia đình ông giáo mau chóng nhận ra rằng kiểu quần áo khác thường họ mang từ kinh về đã chia cách họ với dân làng, từ cái cổ đứng, ống tay áo rộng và dài, cho đến cách kết khuy, xẻ nách. Những quần áo đã cũ, sờn ở cổ và vai, họ giữ lại để mặc trong nhà. Nhưng khi ra ngoài, nhất là đi làm lụng, phải có quần áo thích hợp. Ông giáo nhờ bà Hai Nhiều mua cho một ít vải nhuộm chàm loại dày. Kiên có tài vặt trong việc nội trợ của đàn bà nhờ tính tỉ mỉ, cần cù. Chính Kiên phụ trách việc cắt áo. An lo may. Áo đàn ông may rộng, cổ tròn, tay ngắn và hẹp, vặt trước quàng kín ngực và cột vào ba dải dài kết dọc hông phải. Riêng chiếc áo của An, cô bé chăm chút kỹ hơn. An tự tay cắt áo hơi hẹp, ống tay áo dài, cửa ống tay rộng. Chỉ thiếu cái cổ đứng viền nhiều xanh và những hàng khuy hình con bướm, An đã ăn mặc gần giống như thuở trước ở kinh đô.

An đang may áo cho Lãng, chợt nhớ lời anh dặn, vội vào buồng trong tìm lại cái áo của Kiên. Mẹ và em đang ngủ. An thấy bà giáo nằm nghiêng, nước dãi chảy thành dòng xuống má, xuống gối. An đau thắt cả lòng: Gần như càng ngày, bà giáo càng mất dần ý thức tham dự vào sự sống, dù là những thói quen sơ đẳng như đưa thức ăn vào miệng, nhắm mắt ngủ lúc tối trời, kéo vạt áo che thân thể. Trước đây bà giáo còn giật mình ngơ ngác hoặc tỏ dấu lo lắng khi nghe tiếng thằng Út khóc. Mấy hôm nay, những phản ứng theo thói quen ấy không còn nữa. Hình như những sợi dây đã từng ràng buộc tâm trí bà với thực tại, từ sợi tơ mềm như tình mẫu tử cho đến những dây oan nghiệt như cơm áo, những sợi dây chẳng chịt đó dần dần rời lỏng. Bây giờ bà như con rối sau cuộc diễn trò, nằm bất động vô tình giữa mớ dây nhợ rối rắm đã trở thành vô dụng. An lấy khăn lau nước dãi cho mẹ, đắp ngược cho Út, rồi cầm cái áo Kiên trở ra phòng ngoài.

Kiên rên khe khẽ rồi trở mình, mặt quay về phía An. Mới đau có mấy hôm, khuôn mặt Kiên đã khác. Cằm của Kiên nhọn thêm, hai xương hàm bạnh ra. Thấy anh mở mắt lơ đãng như đang nhìn mình, An định đưa cái áo lên khoe. Nhưng Kiên nhắm mắt lại. An nghĩ: lần đầu tiên từ ngày về An Thái anh ấy ngã bệnh lâu như vậy. chỉ tại anh ấy phí sức quá. Từ sáng đến chiều vỡ ruộng đã nhọc, gặp người thuê gánh hàng

xuống chợ Mới với giá hai quan, anh nhận ngay. Tiền anh đem về đủ đi chợ vài tuần thật đấy, nhưng anh ngã bệnh liền. Thế là dự định anh giúp em làm hàng xáo để kiếm thêm chút ít không thành rồi!

*

* *

Buổi chiều Lãng về mang theo một bộ mặt dầu dàu. Quá quen các trái chứng của em, An không để ý. Anh Chinh thì cười nói luôn miệng, cơm vừa chín đã tự lấy bát xúc ăn trước rồi chạy ra chợ như mọi hôm. Chờ anh đi xong, Lãng kéo chị ra phía sau đồng rơm nói:

- Em sẽ mách cha. Lần này dù có năn nỉ, em cũng mách cha cho xem.

An hỏi:

- Nhưng mà mách cái gì?

Lãng ngược lên nhìn chị, kinh ngạc:

- Chị không biết gì hết à?

An lơ mờ hiểu ý em nhưng giả vờ hỏi:

- Thì chị có biết đâu. Có cần mách cha không?

Lãng bậm môi lại, giọng nói giận dữ:

- Sao lại không. Hồi trưa cha đã hỏi ban đêm làm gì mà ban ngày cái mặt cứ lừ như vậy. Em mà biết được ảnh mọi rợ, em đã nói liền hồi trưa rồi!

An nghe hai chữ "mọi rợ" em dùng khá lạ tai. Có lẽ là một loại từ mới Lãng học được của Chinh. An hỏi em:

- Anh Chinh đánh Lãng hả? Có đau không?

Lãng nói:

- Không. Anh nói dối em. Ảnh hứa nếu em chịu đi làm chứng, ảnh sẽ tìm bắt cho nguyên một tổ sáo nhỏ. Hôm qua ảnh có sáo, lại đem cho thằng Thìn.

An vội hỏi:

- Làm chứng? Làm chứng cho ai? Về chuyện gì?

Đến lượt Lãng thắc mắc:

- Anh Chinh không kể cho chị nghe à?

- Có kể gì đâu. Nhưng chuyện gì mà quanh co mãi!

Lãng nói trong hoang mang, như người vừa dần dần tỉnh ngộ:

- Như vậy là ảnh lại nói dối. Em dọa sẽ kể hết cho chị An. Anh cười bảo An đã nghe tao kể lại từ đầu chí cuối, từ hồi đập lên mình con rắn cho đến lúc đốt đèn làm hiệu, mà kể cũng vô ích. Em tưởng thật. Đồ mọi rợ!

Rồi Lãng kể cho chị mọi chuyện xảy ra tối hôm ấy, hôm Chinh phải qua một đêm thử thách trong miếu cô hồn để được công nhận là đủ dõm lược học võ. Vì tự ái, Lãng dẫu bớt nỗi sợ hãi nhút nhát của mình, tự mô tả như một kẻ tự nguyện đi làm chứng vì sự nghiệp võ nghệ của ảnh, chứ không phải là một kẻ bị đưa đẩy vì tò mò và yếu đuối. An vỡ lẽ, nói nhỏ với em:

- Hóa ra thế! Thấy tối nào ảnh cũng đi đến khuya, chị biết ảnh đi học võ với lũ trẻ ngoài chợ. Nhưng không biết chuyện cái miếu. Đêm hôm tối tắm, lỡ gặp rắn rít cắn cho thì làm sao hờ trời!

Lăng giải thích thêm:

- Ảnh cố học cho mau để dự đồ giàn vào lễ cô hồn rằm tháng bảy. Nghe nói cả hai đám An Thái và An Vinh đều đua nhau chuẩn bị ráo riết. Năm ngoái phe An Vinh giành được con heo quay, mà chỉ bị thương có bảy người. Năm nay An Thái quyết phục thù đấy!

Càng nghe chuyện, An càng sợ hãi. Từ lâu, An đã dõi mắt theo những điều Chinh làm với lòng cảm phục pha lẫn lo âu. Giữa hai anh, thực tình mà nói, An cảm phục Chinh hơn. Anh Kiên cần cù và chân thực, nhưng An vẫn thấy ở người anh cả có cái gì lạnh lẽo, phẳng lặng quá. Ở Chinh, sự táo tợn, gan góc có làm cho An tê điếng vì sợ hãi, nhưng sau đó, cô bé còn lại được cảm giác thích thú phiêu lưu. An nhớ một lần hai anh em đi chơi với bọn trẻ hàng xóm, An và một đứa con gái nhỏ cùng tuổi gây gỗ nhau, hai thằng anh vì tự ái và vì thương em, cùng ra tay can thiệp. Chinh nhỏ thó hơn thằng bé kia, chắc chắn lấy lực mà đấu thì không ăn thua gì. Chinh quay sang ngón sở trường của mình, là đấu sự liều lĩnh. Chinh tìm bắt hai con sâu, một con lớn bằng ngón tay út, một con nhỏ hơn. Con sâu mập tròn, cái bụng xanh căng lên, ở đầu có hai cái sừng trông kỳ dị, ghê tởm. Chinh thách thằng bé, có dám cầm con sâu bỏ vào miệng nuốt hay không. Trong lúc thằng bé dích thủ của Chinh còn ngần ngại chưa dám tin ở tai mình, thì Chinh đã đưa hai ngón tay nhón lấy con sâu lớn, bỏ vào miệng nhai nuốt ngon lành. Lũ con gái rú lên bỏ chạy. Thằng bé sợ quá, chân run không chạy được. Chinh túm lấy nó, cầm con sâu dí dí dọa nhét vào mồm nó. Thằng bé sau đó bị đau suốt một tuần lễ vì cơn sốt sợ hãi, còn mấy anh em Chinh thì trở thành những kẻ bất khả xâm phạm, muốn thứ gì chỉ việc ra lệnh chứ không cần xin xỏ.

Nuốt một con sâu! Chuyện đó có thể tưởng ra được, nổi nguy hiểm nếu có cũng chỉ một cơn ói mửa. Nhưng một mình trong cái miếu thờ người cùi, giữa đêm khuya! Dự tính học vài miếng võ để tranh giành với dân An Vinh! Càng nghĩ An càng sợ. Cha phải biết chuyện này! Không thể giấu được! An gắt với em:

- Chuyện tày trời như vậy mà mày dám giấu. Lỡ đêm đó rắn cắn ảnh chết thì sao? Mày thích thú lắm hả! Mày mê mấy con sáo nhỏ, xem thường tính mệnh của anh mày. Tao sẽ mách cha, để cha xử.

Lăng không ngờ tình thế biến chuyển bất ngờ như vậy. Cậu ngỡ người ra một lúc, rồi bật khóc. Tối hôm đó, Lăng không ăn cơm. An giận em cứng cổ, không thêm gọi. Lăng nghĩ: như vậy là cả nhà ghét bỏ mình. Chỉ có mẹ thương mình, nhưng mẹ đã mê đi không còn hiểu mình khóc vì sao nữa! Cha không thương mình, vì nếu thương mình tại sao mình bỏ cơm tối mà cha không thắc mắc tìm hiểu. Anh Kiên thì lạnh lẽo quá, chắc không thương ai. Anh Chinh và chị An, rõ ràng họ ghét mình hơn ai hết. Ngồi khóc thút thít một mình ngoài bờ tre, Lăng nhìn vào nhà chờ một tiếng gọi. Cửa sổ đóng, nhưng cửa lớn mở. Ánh đèn bên trong vẫn còn, tiếng nói chuyện lao xao từ nhà mợ Hai Nhiều và nhà Lăng vẫn còn nghe được "Họ" vẫn còn đó, nhưng "họ" không thêm biết mình đang chờ họ gọi vào, họ an ủi, họ vỗ về. Họ quên hẳn Lăng rồi. Ý nghĩ đó mạnh ghê gớm quá, Lăng bật khóc, nước mắt càng chảy cậu càng thấy cuộc đời mình khổ sở. Không đáng sống nữa. Lăng lại nhìn vào nhà. Cửa lớn khép, cửa sổ phía giường mẹ còn mở. Không ai chờ đón Lăng về để xin lỗi cả. Chỉ vì Lăng chưa chết đi, nên "họ" còn xem thường Lăng. Cậu bé nghĩ vậy, và

quyết chí đi tìm cái chết. Cậu lững thững đi về phía mấy đám ruộng miếu. Cậu vấp ngã, cậu do dự, nhưng chân vẫn tiến về cái phía bí nhiệm đó. Chỉ phía đó mới tìm ra cái chết. Chết vì rắn độc, hay chết vì sâu cùi thân hình tê dại co quắp càng tốt. Thi thể càng thảm thương, "họ" càng thương tiếc, hối hận.

Lãng đã trốn nhà đi tìm cái miếu hoang đêm hôm đó và về sau, đã trở lại thao thức cả đêm trong miếu nhiều lần, mỗi lần một lý do khác nhau. Có thể nói tâm hồn cậu đã trải qua nhiều chặng biến chuyển phức tạp và cái mốc trên quãng đường chập chồng nguy hiểm này là những đêm dừng chân cô độc trong miếu hoang.

[1] Theo Phủ Biên Lạp Tục, Lê Quý Đôn, trang 183-184

[2] Theo Phủ Biên Lạp Tục, Lê Quý Đôn, trang 183-184 SÔNG CÔN MÙA LỮ

Chương 4

Từ bụi tre trước nhà ông giáo nhìn về hướng bắc, có thể thấy được hai ngọn gạo cao ngất vượt lên trên những lũy tre um tùm trong làng. Hoa gạo nở, mùi thối theo gió bắc thối bay đến tận đây. Cho nên mùa hoa gạo đầu tiên, cả nhà ông giáo mắt công nhìn nhau nghi ngờ, nói bóng nói gió đến những kẻ vo ý tứ. Khi tìm ra được cái mùi hoa đặc biệt từ khu chợ, không ai bảo ai, cả nhà cùng cười xòa. Hai dãy lều tranh cất song song dưới bóng mát của hai cây gạo, ngang trên miếng đất trống cạnh bờ sông, là nơi họp chợ. Địa điểm mua bán thuận lợi, một bên là con đường đá lên núi, một, bên kia là bến sông. Chuyên chở hàng nguồn xuống biển, hay chuyên chở hàng biển lên nguồn, dù đi bằng thuyền hay thồ ngựa, An Thái là trạm nghỉ đêm. Nhờ vậy, chợ An Thái mau chóng trở nên phồn thịnh. Hai dãy lều trước còn lụp xụp cột tre mái lá sơ sài, càng về sau càng được xây cất vững chãi đẹp đẽ hơn. Lúc gia đình ông giáo về, các cột chợ đều bằng gỗ, sườn nhà bằng tre cột mây, mái tranh dày hai năm mới phải thay một lần. Bên cạnh chợ, có thêm một tiệm thuốc bắc, hai tiệm buôn nông sản và đồ tạp hóa, một quán ăn và một nhà trọ đêm. Ngay dưới gốc cây gạo lớn, chủ quán trọ che tạm một chuồng ngựa cho các tay chở thồ. Chinh thường dẫn Lãng ra đây say sưa ngắm những con ngựa cao lớn, lông mượt, của khách buôn, tự nguyện mang cỏ đem bỏ vào máng, hoặc vốc lúa vào lòng hai bàn tay đưa đến tận mõm từng con ngựa một. Lãng thích nhất là được vuốt ve bờm và lông kỳ của các chú ngựa ham ăn. Cậu vốc một nắm lúa vào trong tay trái đưa tận mõm ngựa. Mấy con ngựa khỏe háu ăn di di cái mõm ướt và nóng vào tay Lãng, cậu cảm thấy nhột nhột, ấm áp một cách thích thú. Chinh thì thích ngắm những vó ngựa khỏe, những bộ yên sờn cũ ghi dấu bao chặng đường xa. Anh lân la trò chuyện với các khách buôn, hỏi họ về những con đường đá, những dốc núi, những đêm thâm lóc cóc vó ngựa thồ trên các vùng heo hút, những bọn cướp cạn, những dã thú gặp trên đường rừng. Để đánh đổi các mẫu chuyện phiêu lưu bịa đặt ấy, Chinh mất khá nhiều công sức. Anh tự nguyện đi cắt cỏ giúp thẳng khờ, tự nguyện xuống sông múc nước cho ngựa uống. Và mỗi khi một đoàn ngựa thồ ra đi, bỏ lại máng cỏ héo và nền chuồng hôi hám vương vãi phân và nước tiểu, Chinh có cảm giác một phần ý nghĩa cuộc đời mình bị mang đi mất. Anh dắt Lãng về nhà, lòng băng khuâng.

Lòng đam mê các cuộc phiêu lưu của hai anh em, lâu lâu cũng được đền đáp chút đỉnh. Thằng khờ bị lão chủ quán trọ lợi dụng, sai đi cắt cỏ để đổi lấy hai bữa cơm hẩm. Nó chỉ mặc độc một cái quần đùi cũ, màu đen đã ngả sang màu xám mốc. Tóc dài và bẩn, hai con mắt dáo dác như đang tìm kiếm trí nhớ đã đánh mất. Được cái tính ưa hát nghêu ngao luôn miệng, và để bảo, nên con người đã ngoài ba mươi trôi giạt đến đây không biết từ lúc nào, trở thành kẻ tội tở chung của mọi người. Chủ quán trọ cho nó một góc bếp để ngủ và ngồi tẩn mẩn nhổ từng sợi râu, nên tự nhiên được mọi người chấp thuận dành quyền ưu tiên. Thằng khờ chuyên lo cắt cỏ cho ngựa. Nhưng gặp những phiên chợ lớn vào mồng một hoặc rằm, ngựa thồ về nhiều, sức thằng khờ không lo cỏ đủ. Trong trường hợp ấy, Chinh sẵn sàng giúp sức, và được trả công nhiều ít tùy theo vui buồn của chủ quán.

Chinh trở thành nhân vật quan trọng của chợ An Thái là do vậy. Cũng do vậy mà từ khi An theo lời khuyên của mẹ, bắt đầu nghề hàng xáo, cô bé gặp mọi điều may mắn. An dành được một chỗ bày hàng thuận lợi nhất. An còn được thằng khờ phục vụ tận tụy, có lẽ còn tận tụy hơn cả đối với người chủ quán trọ. Đôi mắt thằng khờ không còn đảo dác tìm kiếm nữa. Hình như nó tìm thấy ở cái dáng nhỏ nhắn của An, ở chiếc áo đen tay dài bị rách ở bả vai, ở ánh mắt tinh nghịch và hai cái răng cửa hơi lớn của cô bé, một hình ảnh thân thiết từ lâu nó lạc dấu, nhập nhòa trong mộng lung, ẩn hiện bất thường trong trí nhớ bệnh hoạn. An đi bán gạo lúc Chinh phải ra đồng với anh và cha, Lãng ở nhà canh chừng săn sóc bà giáo. Cô bé cảm thấy lo âu, cô đơn. Bữa đầu, An đòi Chinh phải ngồi bên cạnh mình cho đến lúc chợ vắng. Phiên chợ sau, Chinh mãi ngắm đàn ngựa không chịu ngồi bó gối bên cạnh em. Cô bé không hiểu nổi anh, không hiểu thứ sức mạnh nào đủ lôi cuốn Chinh vào những công việc vô nghĩa vô ích như ôm cỏ cho vào máng, khệ nệ xách cả gàu nước nặng từ dưới bến sông xa lên gốc gạo, rờ rẫm những cái yên cũ. Cho đến ngày An bắt gặp đôi mắt trù miến ngưỡng mộ của thằng khờ nhìn mình. An thấy lạnh ở xương sống vì cái nhìn mê dại ấy, nhưng sau đó nghĩ đến sự cách biệt tuổi tác, sự cách biệt của hoàn cảnh, và thái độ hiền từ, ngoan ngoãn của thằng khờ, An yên lòng. Từ đó về sau, An có thêm một người anh mới. Cô bé yên tâm ra chợ một mình, trả Chinh cho mấy đám ruộng miếu.

*

* *

Hoa gạo rụng đầy trên các mái chợ nên mùi thối cũng loãng bớt. Đoàn ngựa thồ lên đường từ đêm hôm trước, thuyền chở cá lược giao hàng xong đã về xuôi, nên buổi chợ hôm nay vắng vẻ. An bày hàng đã khá lâu mà chưa ai đến đóng gạo. Thằng khờ rồi việc, dựa vào cái máng cỏ nhìn về phía An, buồn rầu không có việc gì giúp đỡ cho cô bé để đổi lấy một cái cười biết ơn.

An đang định thu dọn quang gánh về sớm, thì Lãng hốt hải chạy ra chỗ gốc cây gạo. Cậu vừa nói vừa thở:

- Chị về ngay. Mẹ...

Lãng không nói hết câu, òa lên khóc. An chột hiểu. Cô bé cảm thấy đau nhói trong lòng, nhưng An bình tĩnh hơn mình tưởng. An không khóc, chỉ thấy cảnh vật lao xao, chập chờn. An không buộc được sợi dây dừa vào đầu đòn gánh. Tay cô run quá. Vừa nhắc gánh lên vai, cái đòn bật, suýt tí nữa cả hai thúng gạo đổ ụp xuống đất ướt. Trong lúc đó, Lãng vẫn khóc. Gã khờ đến gánh gạo giúp cho An lúc nào An không biết. Bằng chút trí khôn ít ỏi còn lại, gã cũng đủ hiểu An đang có chuyện buồn. Hai chị em chạy lúp xúp theo gã khờ, không ai dám nói gì. An sợ phải biết sự thực, Lãng tâm trí rối không. Gần đến nhà rồi, An mới hỏi em:

- Cha đã về chưa?

- Rồi. Em chạy ra miếu, rồi ra cho chị hay.

- Mẹ.. mẹ bị hồi nào?

Lãng ập úng, vừa nói vừa run:

- Em không biết. Mẹ... mẹ lạ lắm. Em sợ, chạy tìm cha liền.

Chị em đến nhà, thấy cậu mợ Hai Nhiều và vài người hàng xóm đã đến. Ngoài cửa, mấy đứa nhỏ tùm lại tò mò nhìn vào. Ông giáo, Kiên và Chinh đều ngồi quanh giường bà giáo. An thấy mẹ ngồi dựa vào cái gối lớn kê sát vách đất, khuôn mặt trắng bệch nhưng vẫn còn phảng phất dáng dấp một người đang ngồi nghĩ ngợi mông lung, nhắm mắt trầm ngâm. Chưa có ai khóc. An len vào gần sát mẹ, và đúng lúc đó, ngã xuống ôm chầm lấy bà giáo khóc òa.

Bà giáo mở mắt nhìn đôi vai con gái run run. An ngỡ ngàng cảm thấy có một bàn tay nhẹ nhẹ vuốt tóc mình. Cô bé ngược nhìn lên, bắt gặp đôi mắt nhòe lệ của mẹ. An chưa kịp kinh ngạc đã nghe bà giáo nói:

- An của mẹ!

An mừng quá, khóc to hơn, vừa khóc vừa nói rồi rít:

- Hóa ra mẹ chưa mất. Mẹ đừng bỏ chúng con, mẹ. Mẹ có hiểu con nói gì không. Mẹ ở lại với chúng con.

Bà giáo run run đáp:

- Mẹ mệt lắm. Mẹ không bỏ con đâu. Con ráng lo chăm sóc cho Út. Đừng la rầy thằng Lãng. Tính nó như vậy, đừng gây gổ với nó, tội nghiệp.

Ông giáo can vợ:

- Mình nằm nghỉ cho khỏe đi. Thấy mình tỉnh trở lại, thằng Lãng sợ, tưởng... Báo hại ai cũng hoảng hồn. Có anh chị Hai Nhiều lại thăm, mình có nhận ra không?

Bà giáo hiểu lời chồng, đưa mắt nhìn quanh tìm kiếm. Ông giáo quên rằng bà giáo đã mê muội ngay từ lúc ghé Gò Bồi, không biết ông bà Hai Nhiều là ai. Bà Hai Nhiều tiến tới gần bà giáo, cầm tay người bệnh hỏi:

- Cô có còn cảm thấy mệt không? Mấy tháng nay thấy cô cứ mê mải, vợ chồng tôi lo quá.

Bà giáo hơi bần khoản một chút, cuối cùng cũng biết người vừa nói chuyện với mình. Bà giáo hỏi:

- Thế anh Hai của tôi đâu?

Hai Nhiều đến gần vợ, tự giới thiệu:

- Tôi đây. Anh em với nhau mà từ lâu không biết mặt nhau. May quá, đến nay cô đã tỉnh.

Đột nhiên bà giáo bật khóc, vừa khóc vừa nói:

- Trăm sự nhờ anh chị. Em có mệnh hệ nào, anh chị can nhà tôi đừng lấy vợ, khổ cho lũ nhỏ. Em đã bắt nhà em hứa rồi, nhưng em chưa yên lòng.

Càng lúc bà giáo khóc càng lớn hơn. Và càng khóc bà càng nói nhỏ đi, tiếng được tiếng mất, ý nghĩa lan man từ chuyện nọ nhảy sang chuyện kia. Mọi người ủa nhau lại khuyên can bà giáo bình tĩnh, ông giáo cũng lớn tiếng hứa hẹn theo ý vợ. Nhưng bà giáo không nghe được gì nữa, hai tay ôm lấy đầu khóc lớn. Có vẻ mỗi lúc bà giáo càng mệt hơn, Kiên nhắc mọi người ra bớt phòng ngoài cho gian buồng bà giáo nằm được thoáng khí. Chỉ còn lại ông giáo, An và Lãng trong phòng. Tiếng khóc nhỏ dần, thưa dần. Bà giáo nhắm mắt, đầu lắc qua lắc lại trên gối, thân thể xiêu ngã mệt nhọc. Ông giáo biết vợ đã mê trở lại, tuy giờ phút tỉnh trí vừa qua không phải là dấu hiệu báo trước giờ lâm tử như ngọn đèn hết dầu lóe lên lần cuối trước khi tắt lịm.

Bà giáo mất hôm mười bốn tháng bảy. Trong những tháng cuối cùng, các cơ năng nuôi thân thể bà dần dần lãng quên mất nhịp sống quen thuộc. Bà gầy xẹp nhanh chóng, nằm dán lên cái chõng tre lót chiếu, không động đậy. Kiên phải tìm một cái mo cau cắt tròn để lót hứng phân. Nước tiểu rỉ ra ướt hết cả vạt chiếu. Lưng bà giáo nổi sần, rồi lở lói phía thắt lưng. An thương mẹ quá, lấy cái gối nhỏ chèn phía dưới mông để xơ chiếu khỏi chạm vào mảng thịt đỏ lầy, cuối cùng nước tiểu thấm cả vào bông gối. Mùi khai nồng tỏa khắp phòng. Tháng cuối cùng, An dứt cháo cho mẹ, bà giáo không nuốt ngay. Các bắp thịt thực quản dường như mất liên lạc với ý chí sinh tồn. Sợ mẹ bị ngột, An phải múc từng muỗng nhỏ đưa vào tận cuống họng mẹ. Thức ăn rơi vào trong sâu, và do một phản xạ nào đó, lâu lắm, bà giáo mới nuốt. Không khí trong nhà luôn luôn ứ đọng, người nào cũng có một nỗi buồn canh cánh bên lòng. Chỉ khi nào quá mệt nhọc ngủ vùi hoặc bận ra chợ ra đồng khuất mặt, họ mới cảm thấy đôi chút an tâm.

Cho đến lúc Lãng khám phá ra mẹ đã chết, tay chân lạnh, mắt trợn ngược lên đỉnh mùng, cảm giác đầu tiên của mọi người trong gia đình là sự nhẹ nhõm, như vừa được cất đi một gánh nặng. Ngay cả Lãng, vốn tính mẫn cảm và lần đầu tận mắt thấy hình ảnh cái chết, cậu bé không sợ hãi thái quá. Lãng chạy ra sau bếp gọi chị:

- Lên nhanh chị An ơi.

Giọng nói của Lãng và nét mặt của cậu khá bình thản, đến nỗi An không biết Lãng báo một tin dữ, quay ra gay gắt:

- Chỉ việc xếp mền mây không làm được hay sao mà nặng lên thế. Để yên cho mẹ ngủ.

Lãng đến bên chị, thì thào:

- Hình như... hình như mẹ chết rồi. Tay mẹ lạnh ngắt.

An bỏ rõ khoai chạy lên buồng mẹ. Và cũng như lần trước, cô bé kinh ngạc cho sự điềm tĩnh kỳ lạ của mình. Nhưng sau đó, tình cảm từng người mon men quanh co theo từng lối khác nhau. Tin dữ truyền cho nhau qua tiếng thì thào. Từ ông giáo đến các con đứng lặng quanh xác bà giáo, nhìn trần trối lên thân thể gầy ốm xanh xao và nhỏ nhắn như thân thể một bé gái 11,12 tuổi. Sự nhẹ nhõm ban đầu nhường chỗ cho nỗi hoang mang, lơ lảo. Mọi người như đột ngột bị lạc hướng, mắt còn trông thấy đấy nhưng tâm trí quờ quạng. Thằng Út giật mình tỉnh dậy không thấy chị bên cạnh, khóc ré. Đúng lúc đó, Lãng bật khóc nức nở. Cái cổ của Lãng nhỏ và cao, khi khóc cậu ngược mặt lên trời nên mấy đường gân càng nổi rõ trên cái cổ ấy. Tóc dài phủ cả lên mắt, dán lên má vào thái dương, trông cậu giống như một con bê non ăn lúa của một chủ ruộng hung bạo, bị lão lấy rựa chặt gãy chân nên quì tại chỗ, rướn cổ thét lên thống thiết. Khúc rốn vô hình nổi liền thân thể cậu với mẹ, khúc rốn giúp cậu tiếp được của mẹ sức xúc động nhạy bén đối với thời tiết; lòng đam mê cây cỏ, đồi núi, sông biển, chim chóc; sự vụng dại đáng thương hại trước những sự việc cụ thể thực tế; trí tưởng tượng lãng mạn muốn cái gì cũng tới cùng đỉnh; khúc rốn ấy đứt lìa đột ngột nên cậu không thấy đau đớn. Rồi dần dà, cậu cảm thấy trong tâm hồn cậu, trong thân thể cậu, một đoạn ruột đã đứt. Và cậu nức nở khóc, không ai dỗ được.

Chinh khó chịu, gắt lớn y như mọi lần:

- Có im đi không. Đồ mít ướt!

Lãng ngừng khóc, cậu nhìn anh với đôi mắt hận thù. Cậu nghĩ: Anh ấy có còn chút tình cảm nào không? Anh ấy không phải là con của mẹ sao? À, phải rồi. Hôm nay mười bốn tháng bảy. Như vậy là công phu luyện tập khó nhọc bao lâu nay của anh ấy, bây giờ kể như bỏ. Ngày mai là ngày cúng cô hồn. Anh ấy không dự đồ giàn được nên đâm ra tức tối, giận lây đến mình. Mẹ mất, mà anh ấy còn nghĩ đến chuyện đấu võ được ư? Anh ấy có thương mẹ không? Đáng giận thực, biết thế mình không nên đứng ra làm chứng cho anh ấy học võ.

Lãng càng nghĩ càng giận, càng giận cậu càng tỉnh táo. Cậu không khóc nữa, đưa mắt nhìn cha xem cha có khám phá ra đứa con bất hiếu hay không. Ông giáo đến ngồi bên mép giường, nắm lấy cánh tay lạnh của vợ. Mấy ngón tay trắng đã cứng, đầu ngón tay đã móp. Cảm giác lạnh lẽo truyền vào bàn tay ông, thấm vào máu, len đến sống lưng. Ông giáo đặt nhẹ bàn tay vợ xuống mền. Đôi mắt mở của bà giáo đục lại, nhưng ông giáo tưởng như vợ đang nhìn ông trách móc. Bất giác ông đưa bàn tay lên vuốt mắt vợ. Con bên tả nhắm lại ngay, nhưng con mắt bên hữu chỉ khép kín khi ông vuốt đến lần thứ năm. Kiên đến bên ông hỏi nhỏ:

- Mình nên đi khai báo nay với xã trưởng hờ cha ?

Ông giáo quay lại hỏi:

- Con nói gì?

Kiên chậm rãi nói:

- Con định đi khai tử cho mẹ. Sẵn tiện hỏi cậu Hai phải làm những gì.

Ông giáo cảm động nhìn con:

- Được. Con lo giùm cha. Hỏi cậu thủ tục ở đây như thế nào. Xin đất lập mộ ở đâu. Con giúp cha đi!

Cha không còn nghĩ gì được nữa!

Kiên sẽ sàng bước ra khỏi buồng. Chinh định theo anh, nhưng Kiên ngăn lại, nói nhỏ gì đó. Chinh gạt gù, trở vào nhẹ rút cái mo cau đựng phân đem đi ra vườn. Một lúc sau, Chinh lại vào đem cái gối thấm nước tiểu, cùng mớ quần áo bẩn thay từ hôm trước của bà giáo ra ngoài. Lãng bỏ ra nằm sấp trên phản gỗ khóc thút thít. Trong phòng, chỉ còn lại An và ông giáo.

An thấy cha ngước lên nhìn mình, ngần ngại. Ông ngồi thừ một lúc, rồi chống hai tay qua vai vợ, nhìn đăm đăm lên khuôn mặt bà. Lòng ông chùng xuống, yếu đuối. Ông bắt đầu khóc. Giọng của ông khàn, tiếng khóc nghẹn lại nơi cổ họng khao khao, nghe tiếng được, tiếng mất. Hai vai và cánh tay ông run. Nước mắt chảy lặng lẽ trên má, qua 45 năm thăng trầm lặn lội với bao hệ lụy ở đời, những giọt đau khổ còn sót lại rỏ lên ngực áo vợ, không đủ sức ấm hồi sinh. Ông khóc vì hối hận. Phải, dù cuộc tình duyên giữa hai ông bà không do những vồ vập hấp tấp hoặc toan tính so đo, nhưng thành thực mà nói, những lời qua tiếng lại xung quanh có ảnh hưởng đến cách cư xử của ông đối với vợ. Trong đời sống vợ chồng, đôi lúc ông xem thường bà. Có những lời cầu nhàu vô cớ, giận dữ quá đáng vì những chuyện con con. Nếu gia thế của bà khá hơn, ông giáo phải dè dặt nhiều trước khi nói điều gì với vợ. Tính bà quen nhẫn nhục, chịu đựng lặng lẽ mọi lời

rầy rà. Ở chỗ giao tế, bị ràng buộc tứ bề vì những sự tế nhị rào đón, nường nhẹ, nề nang, ông giáo không phát lộ được hết cá tính. Về nhà, ông được dịp trút mọi bức bối lên gia đình. Ông được cầu nhàu tự do. Ông được mạnh dạn xối hết những gì bức dọc, đến độ còn tìm thấy ở sự phóng túng đó một thứ lạc thú bệnh hoạn. Lúc trước ông không thấy tất cả những điều ấy. Bây giờ, ông giáo thấy hết. Trên gương mặt im lìm của vợ, ông soi được những xấu xa tàn nhẫn của cả đời ông. Ông nhớ lại đôi mắt lo âu thảng thốt của vợ những năm đầu tiên mới lấy nhau, những lúc ông không chịu đựng được nhục nhã của nghèo đói, trút hết lòng hận đời lên đầu cô gái nhút nhát, ốm yếu là vợ ông. Ông nhớ cái khuôn mặt trầm tư những năm về sau, đôi lông mày thường nhíu ở sống mũi, môi trên chum lại cố chặn một tiếng nấc. Ông nhớ những ý nghĩ bạc bẽo tàn ác của ông, những khi một mình ngồi canh bệnh bên giường bà. Sau bao dày vò, kết cuộc lại, vợ ông nằm đây. Mắt sâu. Má hóp. Thân thể da bọc xương. Cánh tay gầy guộc. Bàn tay co quắp, nhẵn móp ở đầu năm ngón. Vợ ông có tội tình gì? Ông đã làm được gì để bà nở được nụ cười hiếm hoi? Nếu không có An ở đây, ông đã ôm chầm lấy xác bà mà van xin, năn nỉ bà tha tội cho ông. Ông giáo quay nhìn con gái. Mắt An buồn rầu, có ý hỏi cha muốn sai bảo điều gì. Có tiếng nhiều người nói chuyện, hỏi han lao xao ở cửa ngoài. Được dịp chạy trốn cái nhìn tra hỏi của con, ông giáo đưa ống tay áo chùi nước mắt, đi ra nhà ngoài.

*

* *

Trong gia đình ông giáo, chỉ có Kiên và Chinh là đủ bình tĩnh lo liệu việc tang ma. Ông giáo như người mất hồn, ngồi thừ một chỗ, trả lời giống một các câu chia buồn của thân quyến và hàng xóm. Ai đến thăm cũng tìm cho được ông, hỏi qua tuổi tác, căn bệnh của bà giáo. Ông trả lời dăm dăng, ba phải. Người nghe không lấy đấy làm điều, và quả thật, cũng không mấy chờ đợi những câu trả lời rõ ràng, dứt khoát. Họ hỏi vì bốn phận phải hỏi, chứ không phải để nghe trả lời. Như một cái máy, ông vái chào khi có ai đến, gật đầu khi họ chia buồn xong, rồi lại vái chào khi họ về.

An và Lãng ngồi bên xác mẹ, bây giờ đã được tắm rửa và thay quần áo mới, Kiên và ông Hai Nhiều đã giúp An luộc hai quả trứng và vắt ba nắm cơm đặt vào một cái đĩa sành, cắm ba nén nhang để lên đầu giường người chết. Cửa sổ được chống lên, căn nhà từ lâu kín gió và tăm tối đã thoáng khí hơn trước. Mùi hôi thối theo gió loãng đi. Nhang cháy liên tiếp từ nén này sang nén khác, hơi khói mỏng mang theo mùi trầm đậm ngọt. Hai chị em thần trí căng thẳng vì xúc động, cảm giác bây giờ tê dại. Gần như cả An lẫn Lãng không còn ý thứ được những gì thuộc về thực tế, sống trong trạng thái ngơ ngẩn mù mờ. An chỉ ghi nhận được chung quanh có người vào người ra, tiếng nói thì ào ào, cử động sẽ sàng. Một vài người đàn bà đến vuốt tóc An, hỏi An điều gì đó. An trả lời những gì ít ai nghe rõ, lời nói buột miệng vô tình. Có điều khi có tiếng sụt sịt khóc nhắc nhở, thì An nhớ ngay đến cái chết của mẹ. Cô bé quay nhìn mẹ đang nằm in trên giường, hai bàn tay gầy guộc đặt dài trên mép chăn, mặt xanh tái, mắt nhắm nghiền. Rồi chỉ trong khoảnh khắc, An ý thức trọn vẹn thân phận cô cút từ đây, nghĩ đến những ngày sắp tới vô định và cô độc trên đường đời. An bật lên khóc, Lãng cũng khóc theo chị, tiếng khóc thê thiết dai dẳng. Bà Hai Nhiều thấy ngay tình trạng mất cảm của hai cháu, nên dẫn An và Lãng sang nhà mình. Công việc ma chay như vậy do

gia đình hai Nhiều và bà con hàng xóm quán xuyến cả. Vợ chồng cô Ba Lý trên Xuân huê cùng với Lợi có xuống chia buồn. Vợ chồng cô Hai Nhôi bên Trường định cũng về. Thêm một số bạn võ của Chinh. Gã khờ ngoài chợ. Đám đàn ông lo việc xin đất, đào huyệt, đóng áo quan. Ông Hai Nhiều cùng với Kiên và Lợi lo đi báo cho các chức sắc trong xã và làm giấy tờ khai tử. Người ra vào đông đúc, nhờ ai nấy đều giữ gìn cử chỉ và lời nói cho hợp với đòi hỏi một đám tang, nên suốt buổi sáng chuẩn bị tẩm liệm và tang lễ tiến hành lặng lẽ và điều hòa. Đến trưa, đám đàn bà con gái lo thổi cơm dọn ăn cho những kẻ hảo tâm đến giúp không công. Người lo chạy đi mượn thêm bàn ghế, mâm bát. Nhà chật chội. Phải làm thêm một nhà rạp ở hiên trước. Lũ trẻ hiếu kỳ bu đến ngày càng đông. Thợ mộc đóng áo quan, tiếng đục đẽo nghe vui tai rộn rịp. Thêm tiếng bàn ghế va chạm, tiếng bát đĩa loảng xoảng. Thực khách dần dần quên mất sự ràng buộc, cười nói tự nhiên. Câu chuyện hào hứng vì xoay quanh cụ cướp giàn truyền thống giữa dân An Vĩnh và An Thái trong dịp lễ vu lan hằng năm. Heo quay, gà vịt, gạo muối, hoa quả dùng để cúng cô hồn được đặt trên một giàn tre cao, dựng ngang trên bãi sông. Trong thời gian hành lễ, các tay võ giỏi hai bên đã chia nhau mai phục quanh giàn. Kinh giải oan dứt. Hồi chuông thông thả từng tiếng, gõ vào không gian căng thẳng. Những đôi mắt đăm đăm. Nhịp tim đập mạnh. Những bàn tay nắm lại, gân nổi trên thớ thịt săn cứng. Những cái liếc mắt âm mưu hoặc nghi kỵ. Giờ phút chờ đợi kéo dài theo ba hồi chuông chậm. Tiếng chuông cuối cùng vừa điểm, thì võ sĩ của hai làng có quyền dùng bất cứ thế võ hiểm độc nào để hạ đối phương, giành cho được con heo quay về phần mình. Cuộc loạn đả truyền thống luôn luôn có máu đổ, có quả phụ và con cô. Nhưng con heo quay đem về bên này sông hay bên kia sông đã trở thành tiêu chuẩn đặt định niềm vinh dự may mắn cho cả cộng đồng suốt một năm. Cho nên phép vua thua lệ làng, cái trò chết người năm nay vẫn tiếp diễn, và số cô hồn cần giải oan tăng theo năm tháng. Trong lúc những người thân thuộc của ông giáo giúp ông lo việc mai táng, thì các võ sĩ An Thái đã vất vả lắm mới mang được con heo quay về bên này sông Côn. Hai xác chết nằm vắt lên mép nước vô tình, một bị đập lá lách và một bị vỡ đầu. Câu chuyện hào hứng, bàn cãi ồn ào là vì vậy. Bữa cơm trưa nay có nhiều tiếng cười hể hả, và đám đàn bà sống giữa vùng đất chuộng võ từ tấm bé không hiểu nổi sự quyến rũ của bạo lực, nhìn đám mâm chén ngả nghiêng với đôi mắt chịu đựng, khoan thứ.

Người ta lo việc mai táng ngay buổi chiều hôm ấy, và theo lời khuyên của bà Hai Nhiều, ông giáo không cho An và Lãng đi theo quan tài. Cô Ba Lý nói dối với hai chị em là mãi sáng mai, mới có giờ tốt thích hợp việc chôn cất. An yên tâm ngủ được một giấc ngắn. Gần nửa đêm, cô bé thức dậy, thấy mình nằm trên giường lạ. Mãi một lúc lâu, An mới biết mình đang ở nhà cậu mợ. Cửa lớn đóng, cửa sổ nhìn sang nhà An mở. Cô bé len lén ngồi dậy đến gần cửa sổ nhìn sang nhà mình. Thấy có ánh đèn leo lét ẩn hiện sau mấy lớp lá chuối, An yên tâm. Mẹ vẫn còn đó. Mẹ vẫn còn ở trên trần gian với mình. Cô bé nghĩ như vậy. Đột nhiên, An cảm thấy trong thân thể mình có điều gì khác thường. Đầu cô nhức, tay chân rã rời. Chỉ vì mình vật vã khóc cả ngày đấy thôi. Nhưng... nhưng sao mình tệ thế này? Thằng Út mới lên ba còn có thể đá dầm, Lãng những hôm bệnh có thể... Nhưng mình chừng này tuổi đầu? Chao ôi, nếu mấy chị biết được! An lo sợ nhìn trước nhìn sau, tưởng như mọi người đã nhìn rõ cái cảm giác nhớp nháp nóng ướt đang lăn chậm hai bên vế An. Không dám bước nhanh, An vịn vách nhè nhẹ lần xuống nhà bếp. Trấu un cháo heo

đang ngún đỏ, phát ra một vùng ánh sáng mờ mờ. Cảm giác nóng ướt lan xuống gối, rồi xuống bắp chân. Đến gần vùng ánh sáng, An vén ống quần lên định chùi vội dòng nước tiểu. Và đúng lúc đó, An hãi hùng đến líu lưỡi, quên cả việc thả ống quần xuống. An ngột thở vì sợ. Trên ống chân trắng, An vừa nhìn thấy một dòng máu. Tại sao lại thế này? Mình mắc bệnh quái gở gì đây? Cả ống chân kia cũng có máu. Máu trên hai vế... Mẹ ơi, mẹ cứu con. Chỉ có mẹ mới cứu được con thôi, vì ngoài mẹ ra, không bao giờ con dám thổ lộ cho ai biết là con đã mắc một thứ bệnh khủng khiếp ở một nơi xấu hổ. Nhưng mẹ bỏ con rồi còn đâu. Làm thế nào bây giờ? Có ai cứu tôi nữa không?

An ngồi xuống bên bếp trấu, gục mặt vào hai đầu gối nấp nấp khóc ầm ức. Nước mắt càng chảy, cô bé càng thấy nỗi thống khổ đậm thêm, mênh mông. Vì xấu hổ cô không dám khóc lớn nên sự đau đớn càng tăng. An chịu đựng một mình, trong âm thầm, cái kinh nghiệm dậy thì của đời con gái. Sáng hôm sau, cùng với Lãng và các anh ra thăm mộ mẹ, An đã thành một người lớn. Cái chết của bà giáo, kinh nghiệm một đêm có kinh nguyệt lần đầu đã quá đủ để tạo một vết đau buốt đến tê dại lên tâm hồn cô bé. Và An đã mất tuổi thơ!

Chương 5

Nhà ông giáo chật chội quá, nên tiệc dọn ngay trong nhà rạp cất tạm hôm làm đám ma bà giáo. Đến ngày mở cửa mả nghĩa là ba hôm sau bữa mai táng, ông giáo vẫn chưa ra khỏi tâm trạng lơ lửng, hụt hẫng. Một phần không nhỏ tâm trí ông bị chôn sâu xuống ba thước đất, phần còn lại lan man vô định. Cái ý nên làm một bữa cơm thết tạ ơn những người đã giúp đỡ nhiều hôm làm đám ma là của An. Ông giáo ngạc nhiên khi nghe con gái nhắc nhở, cứ nhìn An đăm đăm. Và đây là lần đầu, ông giáo thấy con gái mình đã trưởng thành. Nét ngây thơ và vô tư trên khuôn mặt bầu bĩnh của An không còn. Đôi mắt con gái buồn và nghiêm hơn. Môi trên thường mọng và bị cái mũi dọc dừa kéo xếch lên một chút, để lộ hai cái răng cửa hóm hình, nghịch ngợm, bây giờ mỏng lại, mím chặt xuống môi dưới. Khuôn mặt trở nên trầm tĩnh, và như có một hòa điệu tự nhiên, cử chỉ lời lẽ cũng trở nên chừng chặc, khoan thai hơn. Ông giáo yên tâm phó thác việc nấu nướng cho con. Có Kiên và Chinh giúp, An tự tin khỏi phải chạy qua nhờ mợ. Ông giáo và Kiên lo xếp đặt bàn ghế. Cái bàn đọc nhất lâu nay ông giáo vẫn dùng làm bàn đọc được khiêng ra dọn tiệc. Mặt bàn gỗ mộc lồi lõm, thô sơ, mực xạ loang lổ. Kiên phải tìm một tấm chăn cũ màu xám phủ lên. Nhăm tính số người phải mời, Kiên thấy thiếu bàn. Ông Hai Nhiều cho mượn thêm một cái bàn tròn xếp, đủ rộng cho mười người. Mọi việc tạm ổn, ông giáo mới mặc áo dài chỉnh tề đi mời viên tri áp và ông xã trưởng đã giúp đỡ ông làm thủ tục khai tử và chôn cất. Trên đường về, ông tạt qua nhà Hai Nhiều để chính thức mời anh chị và Thận, chồng cô Hai Nhồi.

Viên tri áp và xã trưởng đến sớm hơn ông giáo tưởng. Vừa bước chân qua khỏi cổng, viên tri áp đi thẳng đến chỗ bàn tiệc, nhìn qua một lượt các đĩa thức ăn nấu nướng và bày biện kiểu cách theo lối kinh đô, xoa hai tay vào nhau lắc đầu:

- Chu cha! Thế mà nhà thầy nói với tôi chỉ có một bữa cơm xoàng. Tôi đã dặn rồi mà thầy không chịu nghe. Bày vẽ chi cho tốn kém, nhất là nhà lại vừa gặp chuyện buồn. Tính tôi dễ dãi, ai có giỗ tiệc mời thì đến góp vui vậy thôi, ăn uống qua loa thế nào cũng xong. Thầy bày vẽ thế này lần sau tôi không dám tới nữa đâu. Hì hì. Phải thế không anh xã. Vâng, tôi ngồi đây được rồi. Thầy để mặc tôi. Anh xã ngồi xuống đi. Được, thầy cứ ngồi. Cái đĩa rau sống xếp lạ thật. Anh xã thấy chưa, người thành thị có khác. Cách xếp mấy miếng chuối chát, miếng khế, rau húng, rau răm, trông đẹp chưa. Tôi phải cho con gái đến đây học mới được. Sao! Con bé kia à? Nó chừng ấy tuổi mà nấu nướng được tất. Hà hà, tôi không tin.

Ông giáo ghét cay ghét đắng cái vẻ tự đắc của viên tri áp, nhưng ông cũng không làm ra vẻ rụt rè, ngồi xuống ghế một lúc rồi lại đứng dậy để tiếp chuyện. Viên tri áp kiêu hãnh cho phép ông giáo ngồi mà thừa chuyện, ông giáo cứ đứng bên ghế. Ông xã trưởng bảo:

- Thầy tri áp đã cho phép ông cứ ngồi. Tánh ông ấy vẫn xuề xòa bình dân thế, đừng ngại.

Viên tri áp cười tít mắt, bộ mặt thỏa mãn:

- Đó, nhà thầy đã tin tôi chưa. Thầy mới về đây chưa biết tính tôi, chứ ở lâu thì chắc biết cái tính dễ

dãi của tôi rồi. Ai cần giúp đỡ điều gì, nếu được, tôi giúp ngay.

Ông giáo lấy giọng nhún nhường xen vào:

- Vâng, hôm đám ma tôi bận người đi, không còn làm gì được. Nếu không có hai vị giúp đỡ, chắc chuyện giấy tờ thủ tục không dễ dàng mau chóng như thế đâu.

Viên tri áp vội xua tay can:

- Không. Ba cái chuyện vật ấy, có đáng gì! Bồn phận mà. Thầy cho tôi mượn cái ống nhổ. À, đây rồi. Chậc, trầu bà nhà tôi mua kỳ này không được cay, ăn nó nhạt nhẽo thế nào. Không phải chính loại trầu nguồn.

Rồi hình như miếng bã trầu đã nhổ đi mang theo cái hứng liễn thoắt, từ đó về sau, viên tri áp bớt lời. Ông ta tìm chỗ đặt cái ống nhổ, sợ đặt vào chỗ cũ mình sẽ vô ý đập ngã, đổ vương vãi trên đất. Lúc ngược lên, viên tri áp chú ý cái nghiên đá hoa Chanh đã lấy ra chặn lên tấm chắn xám. Bỏ chỗ ngồi, ông ta đến cái bàn mộc cầm nghiên lên ngắm soi:

- Cha! Cái nghiên hay thật. Vân đá trông như là vẩy rồng. Da mát lạnh. Chắc của nhà thầy?

Ông giáo thầm trách con vô ý, đáp miễn cưỡng:

- Da, của một người bạn, tôi mượn đã lâu.

Viên tri áp nghiêm mặt, đặt cái nghiên lại chỗ cũ, quay về chỗ ngồi. Chanh đến gần thưa nhỏ với cha:

- Cậu Hai bảo con thưa lại với cha đã sang được chưa?

Ông giáo hỏi:

- Cậu có tìm mời mấy bác thợ mộc không?

- Thưa có. Cả chú ba Vận và anh Lợi nữa. Sợ sớm quá, các chú các bác còn ngồi uống nước bên nhà cậu mợ.

Ông giáo được dịp lấy lòng viên tri áp:

- Thế à! Con phải sang mời ngay cậu mợ và các bác. Thưa với cậu các vị đây đang bận việc nước, ít thì giờ lắm. Để các vị chờ, không tiện đâu.

*

* *

Các thức ăn ngon vơi trước, sự no nê khiến đà ăn uống chậm lại. Bánh tráng cũng hết, nơi góc bàn chỉ còn lại những mảnh bị cháy khét hoặc còn sống. Mọi người trên bàn người lớn đều cảm thấy áy náy, muốn nói cái gì cho không khí bàn tiệc bớt nhạt nhẽo. Giá không có viên tri áp hay ông xã trưởng, lúc ấy có thể là chuyện mùa màng, chuyện thời tiết. Chú Ba Vận có thể hỏi thăm ông giáo chuyện vỡ hoang mấy đám miếu. Ông Hai Nhiều hỏi thăm giá gỗ. Bác thợ mộc hỏi Thận giá rèn lưỡi cày. Nhưng mọi chuyện làm ăn hào hứng ấy không mấy thích hợp vào trường hợp này, trước mặt các chức sắc. Ông giáo không thể thoái thác trách nhiệm chủ nhà, tìm cách gợi chuyện. Ông hỏi viên tri áp:

- Tôi nghe nói năm nay phủ ta đúng kỳ tuyển trường. Hạn tháng sáu thì duyệt tuyển. Khai xét sổ đình thêm bớt trong xã, chắc là bận rộn phiền phức lắm.

Viên tri áp đáp lơ lửng:

- Vâng, phiền phức!

Ông xã trưởng có nhiều thiện chí hơn:

- Mỗi lần duyệt tuyển là mỗi lần khó nhọc. Nào chính hộ, khách hộ, lại thêm mấy ông hạng cùng,

hạng đào^[1]. Kiện tụng, xin xỏ đủ thứ chuyện. Quan trên không nạt, đến rằm tháng bảy chắc chưa xong đâu. À này, không có tôi với ông tri, nhà thầy không được xếp vào chính hộ đâu nhé. Tôi phải nói mãi, nhấn mạnh thầy là chỗ bà con với ông Hai đây...

Viên tri áp tiếp lời ông xã:

- Nhưng chuyện cậu cả thì rắc rối đấy. Quan trên cứ tra vấn mãi là tại sao chừng ấy tuổi đầu lại chưa có tên trong sổ xã bình. Tôi đã cố, nhưng chữ nghĩa ít, đơn từ lời lẽ không được rõ mấy. Sợ rồi ra không được việc thầy buồn!

Ông giáo hối hận đã gợi một chuyện gay go. Ông muốn xoay sang câu chuyện khác, nhưng không khí bàn tiệc trở nên khó thở. Ông lúng túng không biết phải làm thế nào. Chú Ba Vận cứu ông đúng lúc. Chú hỏi Thận:

- Bên đó bàn tán chuyện thua giàn ra sao?

Thận liếc nhìn hai chức sắc, do dự không biết trả lời thế nào cho phải. Anh ậm ừ:

- Buồn lắm. Như có đám ma.

Viên tri áp lại được dịp tỏ uy quyền:

- Cả cái tục đổ giàn nữa, quan huyện quở nặng lắm. Quan đe sang năm nếu không bỏ, sẽ khép tội những người đầu sỏ. Đánh chết người phải thường mạng!

Câu chuyện hoàn toàn tắc tị. Cho đến lúc hai chức sắc lấy cớ bận việc quan về trước, chỉ còn những câu trao đổi nhát gừng, khách sáo, rời rạc, vô nghĩa. Cười lạt lẽo, nói ậm ừ, nghe lơ đãng hay gật gù không đúng lúc. Cái không khí buồn tẻ ấy vẫn còn lan man vương vất trên bàn tiệc sau đó, đến nổi tuy thức ăn còn khá nhiều, vài người đã lóng ngóng muốn về. Ông giáo và cả ông Hai Nhiều, cố giữ chú Ba Vận và hai ông thợ mộc lại. Không còn các quan chức, nên bàn phái trẻ trở nên náo hoạt hẳn. Tiếng cười vô tư lan truyền sang bàn bên này. Bác thợ mộc đứng tuổi cười nhẹ, rồi nói:

- Có mặt hai cái lão đó, ăn mất ngon!

Chú Ba Vận chưa nguôi tức, giọng bức bối:

- Hở một chút là dọa. Dân chỉ có cái khố rách sợ gì nữa mà dọa với nạt. Xếp hạng cùng hay hạng đào cũng thế thôi.

Ông giáo nói:

- Tôi về đây chưa quen nước quen cái, thế nào rồi cũng chịu lép mới mong yên được. Khi nãy ý ông tri áp có vẻ thích cái nghiên đá hoa. Nhưng cái bộ điệu lão tự thị lộ liễu quá, tôi ghét. Mà lúc đó đưa ngay cũng kỳ.

Ông Hai Nhiều nhớ lại cái kinh nghiệm cay đắng của mình, lắc đầu chậm chạp bảo:

- Cá mè một lứa cả. Bên ngoài mập ốm cao thấp có khác, nhưng trong ruột như nhau thôi. Vừa muốn

chộp ngay lấy, lại vừa muốn giữ thể diện. Cho nên không chộp mà chỉ nhón.

Ông Hai Nhiều vừa nói vừa đưa tay làm điệu. Ít khi thấy ông khôì hài chua chát khác thường như vậy. Có lẽ chút rượu đã giúp ông bạo lên, bớt rụt rè. Cả bàn cười lớn. Ông Hai Nhiều đỏ mặt thích thú, đứng lên định nói điều gì vừa nảy sinh trong đầu, nhưng phút xuất thần hiếm hoi đã qua, ông lúng túng ậm ờ không tìm ra lời. Ông giáo nhớ chuyện cái chân bò khô đọc được trong sách, kể làm quà cho bữa tiệc tan bớt không khí nhạt nhẽo u ám:

- Anh Hai làm tôi nhớ lại một chuyện vui trong sách ^[2]. Chuyện như thế này. Khoảng niên hiệu Cảnh Trị, cũng có lệnh duyệt xét sổ hộ tịch để cấp đất công và định thuế. Pháp lệnh nghiêm lắm, các quan lo việc xét sổ không ai dám tư vị. Có một viên thừa hành tính rất nghiêm khắc, hễ thấy ai xin hạ bậc hoặc giảm nhẹ thì lớn tiếng quát mắng. Một hôm hẵn đi nhà xí, thấy ngoài tường có ai ném vật gì đánh thịch một cái. Tò mò đến xem thì ra một cái cẳng bò khô, trên đầu cái cẳng bò có buộc một hốt vàng tốt. Hẳn lo sợ nhìn quanh, thấy không có ai, mừng rỡ nhặt vàng đút vào túi, trở vào hội nghị tiếp tục duyệt sổ. Lúc ấy các xã trưởng lần lượt lên trình bày sổ đinh. Một người khai rằng: "Xã tôi tiếng là xã lớn nhưng thực là nghèo khổ, nhiều người phải xiêu tán, chẳng khác nào cái chân bò khô chỉ có da bọc xương mà không có lấy tí thịt. Nếu theo thể lệ nặng, làm sao gánh vác nổi. Xin rủ lòng thương mà châm chước cho". Người ấy cứ lải nhải như thế ba lần. Trong bụng hẵn đã hiểu, bèn vừa cười vừa nói với bạn đồng liêu rằng: Người kia nói có lý đấy, nên thể tất cho họ.

Cả bàn nghe chuyện cười ồ. Ông Hai Nhiều gật gù, da mặt hồng vì rượu, tùm tùm cười một mình. Chú Ba Vận khen:

- Giỏi lắm. Hối lộ như thế mới thật là cừ. Các quan "nhón" được kín đáo, nhất định xin gì cũng cho.

*

* *

Chờ khách khứa về hết, ông giáo và Hai Nhiều gọi Lợi ra chỗ ngỗ vãng có việc. Lợi lo lắng không hiểu chuyện gì. Ông giáo hiểu nỗi lo của Lợi, vội bảo cậu:

- Bác Hai Nhiều vừa cho tôi hay cậu có giúp cho Lê khỏi phải có tên trong sổ binh.

Lợi mau mắn đáp:

- Dạ nhờ anh cháu có quen với ông cai tổng. Chỗ ớn nghĩa qua lại lâu năm.

Ông giáo vỗ vai Lợi cố tỏ dấu thân mật, rồi nói:

- Tôi cũng có chuyện cần cậu giúp đây. Cậu biết đấy, thằng Kiên nhà tôi đang bị rắc rối chuyện vào xã binh. Họ đánh tiếng đe dọa nhiều lần rồi, không lần nữa mãi được. Cậu liệu xem có cách nào không?

Lợi im lặng suy nghĩ. Ông giáo không khỏi lo âu khi thấy nét mặt Lợi đăm chiêu bối rối. Chờ một lúc lâu, ông giáo hỏi:

- Có thể nhờ anh cậu liệu giúp như trường hợp của Lê không?

Ông Hai Nhiều chen vào nói:

- Bảo thằng chồng con Lý gắng nài nỉ lão cai tổng. Tốn chút ít cũng được.

Lợi nói:

- Trường hợp anh Lê dễ, vì chưa khai vào sổ đinh. Chỉ việc lập khai sinh hạ tuổi là xong. Còn trường hợp này, ai cũng biết cả, khai trệt làm sao được. Hay là... hay là có cách này.

Ông giáo mừng rỡ:

- Cách nào khác cũng được, miễn là yên năm nay. Sang năm việc làm ăn ổn định, nó có đi cũng được.

Lợi chậm rãi trình bày:

- Theo cách này thì anh Kiên cũng phải đi xa, nhưng không phải đi sung quân. Bác gửi anh Kiên lên làm tạm cho ông biện Kiên Thành. Ông ấy quen biết nhiều, chắc che chở được.

Ông giáo hơi thất vọng, mặt dầu dàu. Lợi thấy thế cố giải thích:

- Từ đây lên Tây Sơn Thượng không xa, đi không quá một ngày là tới. Lâu lâu anh ấy về thăm nhà cũng tiện.

Ông giáo phân bua:

- Nó đi thì ai lo chuyện ruộng nương. Cả nhà trông cậy cả vào nó.

Lợi nói:

- Biết làm sao được, bác. Cháu thấy nhiều người bị làng xã ức hiếp, lên nương nấu trên trại Tây Sơn Thượng một thời gian, về sau được bác biện giúp đỡ bảo bọc, cũng sinh sống được.

Ông giáo thắc mắc hỏi:

- Trại nào của ai trên Tây Sơn Thượng?

- Thừa trại của ông biện. Trước đây tổ tiên ông biện lập nghiệp trên đó. Gần đây mới dời xuống Kiên Thành. Trên cái nền nhà cũ, ông biện cất một cái trại làm trạm thu mua trâu không và hàng nguồn. Đất quanh đó tốt lắm, làm rẫy trấu bắp và lúa núi tốt lắm.

- Máy người ẩn nấu trên trại có bị tróc nã không?

- Thừa không. Ông biện cho nhập vào dân nậu nguồn. Thuế má thu trên đó đưa thẳng vào nội phủ, nên dân đinh đỡ phải bận tâm việc sổ binh. Hiện trên trại có đến mấy mươi trai tráng.

- Họ sống bằng nghề gì?

- Coi như họ lo việc buôn bán cho ông biện. Lúa bắp trồng tía dư ăn. Cá mắm, đồ dùng thì theo ngựa thồ chở từ Kiên Thành lên. Lâu lâu săn được nai, mễn, thịt ăn không hết phải phơi khô.

Ông giáo cảm thấy đau nhói trong lòng khi nghĩ phải xa con. Ông cố nài nỉ:

- Không còn cách nào khác ư?

Lợi đáp chậm rãi, cân nhắc từng lời sợ ông giáo buồn:

- Cháu nghĩ không còn cách nào khác. Trong vùng này, chỉ có ông biện là đủ thế lực và tiền bạc giúp đỡ kẻ thất thế. Mấy năm nay ông biện giúp cho nhiều người rồi, bây giờ bác có lên nhờ cũng không ngại. Và lại, ông biện cũng cần người trai tráng mạnh khỏe để làm rẫy, chuyển hàng.

Ông giáo im lặng hồi lâu. Lợi tưởng ông không đồng ý, lí nhí chào ông ra về, ông giáo vội giữ cậu lại, giọng khẩn khoản:

- Chỉ còn cách ấy thôi! Cậu giúp cho chúng tôi. Cậu về thưa trước với ông biện. Nếu ông biện nhận lời, cậu xuống đây cho tôi hay, tôi với thằng Kiên sẽ lên Kiên Thành. Mai cậu về chứ?

- Dạ. Gặp anh Thận đây cháu khỏi qua Trường Định. Cháu sẽ gắng. Nội ngày mốt hay chậm lắm là bữa kia, cháu sẽ xuống đây cho bác hay tin.

*

* *

Ba ngày sau, ông giáo trông mãi không thấy Lợi xuống An Thái. Rồi một tuần lễ trôi qua. Ông giáo nghĩ: Mình ngây thơ thật. Đã biết tính hăn ba hoa bán trời không văn tự, còn cả tin, hồi hộp trông chờ hăn trở lại. Hơn nữa, bọn chức sắc chỉ mới dọa dẫm chứ chưa chắc đã đệ nộp sổ binh. Có thể họ sẽ nghĩ lại, xét trường hợp chước giảm cho dân mới nhập cư được có thì giờ lập nghiệp. Sợ một điều chưa chắc xảy ra, để phiêu lưu vào một giải pháp chắc chắn cha xa con, anh xa em, mình quần trí mất rồi!

Ông giáo yên tâm, bỏ qua không nghĩ đến chuyện lính tráng của Kiên nữa. Cho đến cuối tháng 7, vào lúc ông giáo không chờ đợi nhất. Lợi lại đến. Mà không đến một mình. Lợi dẫn đến nhà ông giáo một người đàn ông trạc khoảng trên 30 tuổi, thân hình ốm, da mặt hơi tái. Ông giáo chú ý ngay đến đôi mắt của người lạ. Dưới cặp lông mày thưa, đôi mắt xếch quá mức bình thường khiến ánh nhìn đầy vẻ nghi kỵ, giấu cợt và khinh bạc.

Ông giáo lúng túng không biết phải xưng hô thế nào với khách lạ. Không chờ Lợi giới thiệu, người khách nói:

- Tôi là biện Nhạc, ở Kiên Thành. Chắc cậu Lợi có nói với thầy nhiều về tôi. Phần tôi cũng vậy. Chưa gặp thầy nhưng tôi đã được biết nhiều về thầy.

Ông giáo hơi bối rối khi biết người khách lạ là biện Nhạc. Ông chờ đợi một ông biện lại khác hăn. Lợi thường dùng chữ "bác" với cái giọng kính cẩn thán phục khi nhắc đến biện Nhạc. Vì vậy ông giáo đã lầm. Ông tưởng biện Nhạc đã đứng tuổi, ít ra là phải trên 40 hoặc 50 như ông. Do cái nghề xông pha nguy hiểm từ đầu nguồn đến cuối sông, do trách vụ phức tạp khó nhọc của một chức sắc thu thuế, khổ người phải đẩy đà, nước da rám nắng, cử chỉ nghiêm túc đĩnh đạc. Ông giáo gặp một thanh niên mặt trắng! Lại thêm sự bất ngờ do ông giáo đoán sai về cá tính của ông biện. Ông không chờ đợi một cách tự giới thiệu gãy gọn, dứt khoát và tự tin như vậy. Bao nhiêu lần trong đời lúng ta lúng túng khi gặp một người lạ, ông ao ước được có cái phong thái tự nhiên thoải mái ấy. Không có gì phải rụt rè tìm hiểu, chọn chữ lựa lời. Phải có một cá tính mạnh mẽ chủ động mới có thể tự mình mạnh bạo nói về mình, và đặt người khác trước một sự đã rồi. Phút ngờ ngàng qua mau, ông giáo cảm thấy giữa hai người không cần có những ràng buộc kiểu cách nữa. Ông dễ chịu thoải mái như đang tiếp một người bạn thân. Cho nên ông vừa ngồi xuống ghế vừa kéo một cái ghế khác ra mời biện Nhạc ngồi, tay trái không bỏ cái cán rựa ông đang sửa. Ông giáo cười bảo ông biện:

- Ban đầu tôi hơi ngợ, vì thấy ông còn trẻ tuổi. Vâng, Lợi vẫn thường nhắc đến ông luôn. Chuyến này xuống ghé đây, chắc là có việc quan.

Biện Nhạc lắc đầu, chậm rãi nói:

- Không, tôi bảo Lợi dẫn thẳng tới đây gặp thầy.

Ông giáo lại bối rối. Ông nghĩ nhanh: như vậy là Lợi đã trình bày với ông biện trường hợp rắc rối của Kiên. Ông biện đích thân xuống đây tức là đã thuận cho Kiên lên Tây Sơn Thượng làm việc. Cha con sắp xa nhau rồi ư? Có thật cần thiết không? Làm thế nào từ chối mà khỏi mất lòng người ta? Ông giáo ấp úng bảo:

- Hôm trước tôi rối trí quá, mới nghĩ đến chuyện làm phiền ông.

Biện Nhạc gạt đi:

- Chính tôi làm phiền thầy trước. Lợi nó bảo để nó đi cho, nhưng tôi sợ nó trình bày với thầy không rõ, hỏng việc mất.

Ông giáo kinh ngạc hỏi:

- Tôi có làm được gì để giúp ông đâu?

Biện Nhạc ngả người tới trước, thuật lại rành rẽ:

- Ở đây, như thầy thấy đó, là đất rừng rú. Dân lo làm ăn không thì giờ học chữ, đọc sách. Cho nên nhiều khi khổ sở vì mớ chữ nghĩa của mấy ông duyệt lại, ký phủ. Người ta thì tìm cách dành dụm tiền bạc nộp vào phủ mua cho được cái chức xã trưởng, tướng thân. Không phải để chia chút quyền hành nhỏ mọn mà cốt để khỏi bị ai ăn hiếp. Tôi không làm như vậy. Mấy anh em tôi tự phá rẫy mà sống, hoặc xông pha trèo non lội suối buôn nguồn để kiếm cái ăn. Cái chức đốc ộp thuế ở Vân Đồn, không ai kham nổi nên phải quàng cho tôi, chứ riêng tôi, tôi không thiết. Thế mà có kẻ xấu miệng còn đặt điều, lấy bút mực bôi nhem nhuốc lên thanh danh tôi. Nếu là ai khác, chỉ cần một cái tát tai, hoặc quất cho một roi là xong. Nhưng chúng nó ỷ chữ nghĩa dùng đến bút mực. Không nhờ đến thầy, không xong.

Yêu cầu đặt ra rõ ràng quá, ông giáo không có cách nào thoái thác. Ông không muốn dính vào những chuyện rắc rối. Việc của gia đình đã rắc rối lắm rồi. Ông chỉ muốn yên thân, sống lẫn lút vô danh không ai biết đến. Nhưng làm sao từ chối đây? Ông giáo đã cẩn thận che giấu mối liên hệ giữa mình với Ý đức hầu, nhưng chính ông đã phủ nhận mình là một thầy đồ lơ vậ, tìm về đây để học cày. Ông biện lại ngồi ngay trên ghế, nhìn thẳng vào ông giáo chờ đợi ông gạt đầu với tất cả lòng tin tưởng. Ông giáo chỉ có một cách là hoãn binh. Ông hỏi:

- Không biết sức học võ vẽ của tôi có giúp gì được cho ông không. Nhưng sự việc ra làm sao?

Biện Nhạc vẫn giữ nụ cười bình tĩnh và cách nói chậm rãi, tiếp lời:

- Mấu chốt chỉ là chuyện tranh ăn. Gần đây việc buôn nguồn của tôi phát đạt. Nhất là trầu – không, măng le và muối. Mấy đứa em tôi lo không xuể phải nhờ đến người ngoài. Một số như cậu Lợi đây ở Kiên thành. Một số nữa ở trên Tây Sơn thượng. Thành thực mà nói, vài người có học vài miếng võ phòng khi gặp cướp. Có người vì không chịu nổi cảnh hiếp đáp của cai tổng, xã trưởng mà trốn. Chúng nó vin vào đó, làm đơn tố giác tôi ẩn lậu che chở bọn vong mạng, trộm cướp. Đây, sự việc chỉ có vậy!

- Ông định làm gì?

- Tôi cũng định hỏi thầy câu ấy. Thầy học rộng biết nhiều, am hiểu việc đời hơn chúng tôi. Thầy đã từng ở kinh đô, quen biết giới chữ nghĩa nên thông suốt luật lệ. Xin thầy giúp cho một lời khuyên. Chúng nó

khinh tôi ít chữ nên dùng chữ để hại tôi. Tôi phải làm gì đây?

Ông giáo bắn khoản không biết phải trả lời như thế nào. Theo lẽ thường, ông chỉ cần chỉ đáp gọn là nên làm một tờ khiếu oan. Nhưng ông biết một câu trả lời như vậy tất nhiên dẫn đến chuyện ông biên nhờ ông thảo cho tờ khiếu oan ấy. Mà thật tình ông không muốn chữ nghĩa gây họa cho mình lúc này.

Biên Nhạc nhìn thấy nét mặt ông giáo trầm ngâm, do dự. Hai lần ông giáo lấy hơi định nói điều gì, nhưng lại thôi. Biên Nhạc nói:

- Trước khi xuống đây, tôi cũng ngần ngại, sợ vì chưa từng quen nhau mà nhờ nhồi như thế, có quá đường đột chẳng. Sau đó, tôi nghĩ chín, thấy không đáng ngại nữa, là vì An Thái với Kiên Thành cách nhau một con sông, nhìn thì gần nhưng ở khác tổng, cái chuyên vật chỉ lên tới tổng thôi, chưa lên đến huyện, phủ như mấy lần trước. Hơn nữa là trong trường hợp chú Kiên bị bọn chức sắc ở đây bắt sung, quân lên tạm trên trại với chúng tôi, thì trại thuộc nậu nguồn, ở ngoài quyền bọn tri phủ, tri huyện,

Ông giáo đỏ mặt vì thấy biên Nhạc đã biết rõ hoàn cảnh của mình. Ông đành thú thực:

- Ông biện nói thế là đã hiểu cả lòng tôi rồi. Một đời phí cho nghiên bút, làm khổ vợ con, tôi chán mớ sách cũ nên mới về đây nương nhờ bà con. Nước chảy xuống chỗ thấp, ý muốn của tôi là vậy.

- Nhưng người ta có chịu để cho thầy yên ổn không? Chưa chi chú Kiên đã bị dọa sung quân. Biết đâu cả thầy nữa, đã chắc gì thầy được nấp yên chỗ thấp. Chữ nghĩa ở cái xó rừng này như cây kim trong túi, trước sau gì cũng lộ ra ngoài thôi!

Càng ngày ông giáo càng có cảm giác khó chịu là mình bị lôi cuốn vào một vùng sôi động, có gió bão và tiếng va chạm vũ khí, mà không có cách nào cưỡng lại được. Cảm giác an toàn lúc đầu biến mất. Ông lo âu cho ông, sợ không đủ ý chí cưỡng nổi khối sức mạnh kết hợp nào lòng tự tín, sự hợp lý, óc thực tiễn và hiếu thắng. Biên Nhạc vẫn trầm tĩnh ngồi đó, chờ đợi quyết định của ông. Ông giáo trả lời thế nào đây? Ông biết những gì biên Nhạc nói đều là sự thật, dù ông có muốn quên đi, tự lừa dối mình bằng cách gạt sang một bên, thì sự thực vẫn rành rành. Gia đình ông khó lòng ở yên được ở An Thái, nếu... Nếu thế nào? Ông có quá ít giải pháp để lựa chọn. Biên Nhạc vẫn kiên nhẫn chờ ông. Giáo Hiến chán nản, nói:

- Tôi cũng không biết vậy, nên có ý định gửi cháu Kiên lên Tây Sơn thượng, nhờ ông bảo bọc che chở cho một thời gian. Phần tôi già rồi, không ngại. Được ông giúp cho, gia đình tôi không dám quên ơn. Còn chuyện rắc rối của ông, tôi nghĩ nên thảo cái đơn khiếu nại. Lúc ở Phú Xuân, đôi khi tôi cũng có làm giúp cho người ta vài cái đơn xin nhập hộ hoặc giảm ngạch thuế. Ông cần, tôi có thể thảo được.

Ông biện Nhạc mừng rỡ đến nỗi đứng hần dậy, đến nắm lấy tay ông giáo lắc lắc. Ông biện reo lên:

- May quá. Tôi biết thế nào thầy cũng giúp tôi. Thế là từ nay tôi đỡ một mối lo. Thú thực với thầy, đôi khi cái điều thắc mắc, không biết chạy hỏi ai. Hỏi bọn ký lục áo dài khăn đóng à? Hỏi bọn quan quyền hống hách à? Tôi thà chịu chết chứ không mở miệng nhờ vả chúng nó. Năm nay thầy được bao nhiêu tuổi?

Ông giáo bị lay cái cuồng nhiệt mừng rỡ của biên Nhạc, vui vẻ đáp:

- Tôi thuộc hạng đáng xua về vườn đuổi gà rồi. Tôi tuổi Canh Tý.

Biên Nhạc nói:

- Như vậy thầy hơn tôi một giáp. Theo chữ nghĩa học vấn, chắc hẳn thầy xứng đáng làm thầy của

tôi. Theo tuổi tác, thầy là anh cả của tôi.

Ông giáo xua tay từ chối, giọng ngậm ngùi:

- Tôi học hành dang dở, kiến thức sơ sài đâu dám nhận lời khen lao của ông biện. Mới gặp nhau, ông biện đã thấy được cả tâm can tôi. Tôi phục lắm. Nhưng tiếc là tôi già rồi! Đến nỗi, vui buồn thất thường, muốn giữ lòng đơn sơ vô tư cũng không được nữa.

- Thầy chỉ nói nhún đó thôi! Nhưng bỏ qua việc ấy đi. Ta trở lại chuyện trước mắt. Chú Kiên lúc nào lên trên tôi là tùy thầy. Tôi nghĩ không nên trễ nải vì đợt gia hạn sau cùng để nộp sổ đình là rằm tháng chín. Tôi cũng có một điều nữa mong thầy giúp đỡ. Nói ra xấu hổ, chúng tôi ở đây mãi lo làm ăn không ai có đủ được một năm chữ. Tôi lớn rồi, coi như xong. Riêng hai thằng em, thằng Lữ với thằng Huệ tuổi còn nhỏ, chắc đi học còn được. Mong thầy bỏ chút thì giờ dạy bảo cho.

Ông giáo lo lắng hỏi:

- Mở trường dạy học ư? Mới chân ướt chân ráo về đây đã mở trường, sợ quan trên có làm khó dễ gì không?

Ông biện xua tay nói:

- Thầy đừng lo. Nhiều gia đình khá giả ở đây muốn cho con cái học năm ba chữ cho khỏi bị tiếng dốt, mà không tìm ra thầy. Năm ngoái có một thầy đồ ở Trường Định, không may bị trúng gió chết. Năm năm trước có một thầy đồ giả ở An Vinh, phải, thầy đồ giả. Hắn không biết lấy một chữ, túng thế giả làm thầy đồ để lường gạt. Thầy có mở trường, chắc học trò đông lắm. Biết đâu nhờ vậy mà bớt vất vả. Tôi thấy thầy ốm yếu sợ làm ruộng không hợp.

Ông giáo boăn khoăn, ngồi thừ suy nghĩ. Điều lâu nay ông không dám nghĩ đến là cảnh túng quẫn. Số tiền dành dụm bao năm nay đã tiêu hết vào khoảng thuốc thang cho bà giáo. Hy vọng của gia đình đặt cả vào sự tháo vát cần cù của Kiên. Gánh hàng xáo của An đủ kiếm thêm chút ít tiền chợ. Kiên đi xa, gia đình như nhà mất cột. Không sẽ ngã về hướng nào. Ông giáo có nghĩ đến lối kiếm sống quen thuộc của những nhà nho lỡ vận là làm thầy đồ. Nhưng ông về đây mới được hai tháng. Dân tình xem ra chuộng võ hơn là chuộng văn. Ý kiến chức sắc địa phương thế nào, ông chưa hiểu. Cũng chưa có ai ngỏ ý hay tỏ ra mong muốn được học hỏi chữ nghĩa thánh hiền. Đi đâu cũng chỉ nghe bàn chuyện luyện roi, đi quyền, cười ngựa, tranh đua võ nghệ. Cho nên mấy lời của biện Nhạc như nguồn sáng mới chiếu rọi vào khúc quanh tối tăm của đời ông. Ông giáo nhìn biện Nhạc với đôi mắt biết ơn. Ông nói:

- Cảm ơn ông biện. Chữ nghĩa vô dụng, tôi tưởng không còn làm gì được nữa, ai ngờ lại có lúc cần thiết. Vâng, ông biện cứ gửi các cậu ấy xuống đây. Chỉ sợ nhà cửa chật chội...

Biện Nhạc vội cắt lời ông giáo:

- Thầy khỏi lo. Học trò đông, tôi sẽ giúp thầy cất thêm cái chái bằng hai cái chái tạm này để có chỗ học hành, và học trò ở tạm. Việc ăn uống chúng nó tự lo lấy. Chúng nó con trai, nhưng làm hết được mọi chuyện.

- Hai cậu em đã bao nhiêu tuổi rồi?

- Thăng Lữ tuổi Mùi, thăng Huệ tuổi Dậu^[3]. Trước đây tôi có cho đi học, cả hai viết chữ đã ngay ngắn. Thăng Huệ sáng trí hơn, lâu lâu có làm được cái đơn, giúp tôi sổ sách thu thuế. Nhưng mấy thầy đồ chúng học chỉ võ vẽ được năm ba chữ, nên sức học hai đứa chưa đi đến đâu. Nhờ thầy cố dạy gấp cho, chúng cũng đã lớn rồi. Sợ không có thì giờ ngồi đó học cho sâu được. Chú Kiên lên trên ấy thay cho thăng Lữ, tôi yên tâm lắm.

*

* *

Kiên phải lên Tây sơn thượng trước rằm tháng chín. Chỉ còn ba ngày nữa thôi, anh không nấn ná được nữa. Kiên muốn làm cho xong cỏ ở mấy đám bắp, lên luống trong vườn cho Chinh trồng rau lang, dựng cho An cái chuồng nuôi heo. Công việc cứ lở dần ra, hơn mười ngày mà chưa ra đâu vào đâu cả. Ông giáo phải ấn định ngày Kiên ra đi, ngày 12 tháng chín để khỏi lỡ công việc chung.

Đêm trước gió lại thổi ào ào. Ông giáo vừa lim dim mắt một lúc, gió đã ùa tới thổi tung cả mái tranh. Phên cửa sổ bị gió thổi đập va vào tường rầm rầm. Bụi trên mái tranh rơi xuống. Gió làm cho mọi người phờ phạc, bụi cát bám vào chân tay, chui vào cổ áo, ở đâu cũng cảm thấy nham nháp, ngứa ngáy. Tung hoành một lúc, gió lại im. Cái gáo múc nước bị hất văng xuống va vào mấy tảng đá rửa chân kêu lóc cóc. Cây sào phơi quần áo đu đưa, dây mây kịt kịt, cuối cùng không chịu nổi sức gió, đứt tung. Cái nong phơi lúa bị đẩy tấp vào bờ rào... Vì thế, cả đêm ông giáo cứ chập chờn trăn trở trong mấy mươi giấc ngủ không trọn. Ông uể oải dật dờ cho đến gần sáng.

Kiên dậy muộn, thấy cha còn ngủ, len lén ngồi dậy ra sau bếp rửa mặt. Các em của anh đã dậy cả rồi. An và Lãng đang ngồi ở buồng trong xếp soạn quần áo cho anh. Kiên thấy lòng nao nao, vào ngồi xem các em lo lắng chuẩn bị cho mình. An ngược lên hỏi anh:

- Em xếp ba bộ quần áo, đã đủ chưa anh.

Kiên thấy An chọn hai bộ loại vải dày màu chàm Kiên thường mặc ra đồng, và một bộ vải sa tàu may từ thời còn ở Thuận Hóa. Kiên lấy bộ quần áo sang trọng đặt sang một bên, nói với em:

- Anh chỉ cần hai bộ này thôi. Bộ này để lại nhà, nếu túng thì... à, cái áo vá quàng ở vai đâu rồi?

An tìm cái áo cũ, giơ lên cho anh xem chỗ vải mục vì mồ hôi ở lưng. Cô bé nói với anh:

- Em thấy đã rách nên để lại.

Kiên nói:

- Đưa cho anh. Có cái vai dày, khuôn vác tiện.

An e dè nhìn anh, rồi khe khẽ nói:

- Xa nhà, anh cả nhớ chăm lo sức khỏe. Em nghe nói khí núi độc lắm. Anh mà cứ ham việc như ở nhà, ngã xuống đau không ai lo được. Em có bỏ vào túi cái áo chàm tay ngắn, cái áo này này, kim chỉ và mấy miếng quế.

Kiên nghe em nói, chợt nhớ ra điều gì, vội đứng dậy ra nhà ngoài. An và Lãng nghe anh lục soạn một hồi. Có tiếng kéo hộc tủ, tiếng va chạm các đồ vật lặt vặt linh kinh trong rổ may. Có cả tiếng anh cả lau

nhà. Một lúc lâu, Kiên trở vào, ôm trong người một đồng hồ vật linh tinh. Kiên đưa từng món ra cho An:

- Em không nhắc, anh quên thì bậy lắm. Máy thứ lật vật này không nên xem thường. Lúc không cần bỏ lẫn lóc tứ tung, lúc cần tìm không ra, mua cũng không được. Đây, em cất đâu đó để dùng. Cuộn này là vải cũ còn khá bền, dùng vá quần áo. Hộp tắm em cất ở chỗ cao, cái thang Lãng này hay lấy tắm chơi phí lắm. Ăn cơm xong tìm mãi không ra. Lâu nay anh giấu trên khuôn cửa lớn. Em thấp với không tới, tìm chỗ khác. Khoan đã. Đưa cho anh một ít. Hộp thuốc lá này cũng nên cất kỹ, chỉ khi nào có khách hút thuốc hay ăn trầu mới đem ra mời thôi. Cấm tuyệt không cho thằng Chinh đụng tới. Còn cuốn sổ này ghi chi tiêu hàng tháng. Phần bên này anh ghi các khoản thu. Phần này anh ghi các khoản chi. Phần này anh ghi nợ. Cuối tháng cộng dồn lại, nếu chi nhiều hơn thu, mình trừ đi rồi so với phần nợ là thấy ngay. Tháng chín anh đã gạch xong rồi, em cứ ghi tiếp. Các tháng sau cũng theo mẫu đó mà ghi. Để anh xem nào, cho đến nay, mình còn nợ mẹ Hai Nhiều năm thúng thóc và một thúng nếp. Nhưng trước hôm mẹ mất, em có trả dôi cho mẹ tiền hai thúng thóc, như vậy mình chỉ còn nợ ba thúng thóc, một thúng nếp mà thôi. Phần vỡ hoang đám miếu, mình còn nợ công cày của chú Ba Vận.

An không thể ngồi nghe anh giải thích hết các khoản thu chi trong cuốn sổ nhỏ. Kiên tiếp tục giải thích. Cho đến lúc anh nhận ra rằng Lãng đã bỏ xuống bếp và An ngồi nghe một cách lơ đãng, anh dừng lại, ngơ ngác. Anh không hiểu nổi các em. Ngày thường, anh đã la rầy cho chúng một hồi. Nhưng hôm nay, ngày anh lên đường, Kiên tự nhủ nên dịu dàng vui vẻ. Kiên nói:

- Anh đi, chuyện tính toán chi tiêu An phải lo. Em chưa thấy cuốn sổ ghi chép này quan trọng đến mức nào. Không có nó, em không thể nhớ hết. Mà tiền bạc dễ gây cãi vã phiền phức lắm. Cho đến hôm nay, anh còn lại được năm quan bảy đồng. Cha có giữ một ít, không biết là bao nhiêu. Đây, em cất lấy.

An nhận mấy xu tiền anh đưa, lần đầu cảm thấy sức nặng của công việc quán xuyến tài chánh. An hỏi:

- Anh không đem tiền theo để tiêu ư?

Kiên đáp:

- Anh đi làm thuê cho người ta. Cơm nước họ chu cấp. Đau, họ lo thuốc thang. Ở trên rừng, có gì đâu mà cần tiêu.

An cảm động mắt rơm rớm đỏ. Cô thương anh, không nói được tiếng nào. Cố dằn nỗi xúc động làm nghẹn lời, An nói:

- Anh phải giữ lấy vài quan đề phòng trường hợp bất trắc. Em còn gánh hàng xáo, cha còn giữ một ít tiền nữa. Đừng lo ở nhà túng thiếu. Anh nhớ lo sức khỏe của anh.

Kiên cầm xu tiền trên tay, không nói được lời nào. Lần đầu tiên, anh thấy An đã lớn. Lớn từ cách ăn nói, sự chín chắn của suy nghĩ. Rồi anh nhìn đến ánh mắt trầm tĩnh đĩnh đạc, mái tóc lòa xòa của một người nội trợ. Anh cảm thấy yên tâm trước khi ra đi. Những ý nghĩ rắc rối ấy, Kiên không đủ khả năng nói hết với em. Ngay cả lòng thương mến khôn cùng đối với gia đình, cả đêm thao thức với ý nghĩ sắp xa nhà, trần trở quặn luyến từng tiếng côn trùng giữa khuya, tiếng cán gáo chạm vào thành ang nước lọc, anh biết mình không đủ ý đủ lời diễn tả hết. Sự bất lực luống cuống ấy khiến anh không muốn ai nhìn mình lúc này.

Kiên ra nhà ngoài. Ông giáo đã thức dậy. Kiên tưởng trong lối nhìn của ông giáo, cha mình đang hiểu tại sao mình luống cuống. Anh nói trớ:

- Hôm qua gió dữ quá, cha có ngủ được không?

Ông giáo nói:

- Hôm nay đã 12 tháng chín rồi.

Hai cha con cùng ngồi lên cái phản gỗ mộc, im lặng bồi hồi. Kiên nói:

- Con mương dẫn nước úng chỗ gần miếu con đào dở. Cha sai em Chinh làm tiếp cho xong, sợ bấp nó hư.

Ông giáo gật đầu, ngồi im lặng một lúc lâu. Kiên chờ cha dặn dò. Ông giáo trầm ngâm một lúc nữa, rồi nói:

- Hơn hai mươi năm nay có lúc nhà mình nghèo túng cơ cực, nhưng vợ chồng cha con có nhau. Vào đây mấy tháng thôi, mẹ con mất, còn con...

Ông giáo không nói tiếp được. Ông không muốn Kiên thấy ông khóc. Ông gắng bảo Kiên:

- Khi hôm gió quá, cha không ngủ được. Chắc bị cảm rồi. Bắt đầu sổ mũi, choáng váng.

Kiên thưa:

- Để con đi lấy đầu.

Ông giáo vội ngăn:

- Không cần. Quần áo đồ đạc con đã xong cả chưa?

- Thưa cha, em An đã lo cả rồi.

- Thằng Chinh đâu?

- Con không thấy. Chắc đi ra vườn. Lâu nay Chinh nó lén học võ. Con sợ cha giận, không dám mách.

Ông giáo trầm ngâm, khác hẳn dự đoán của Kiên. Ông chậm rãi bảo con:

- Cha biết. Trước kia khi còn ở Phú Xuân, chắc cha giận lắm. Nhưng vào đây, đời sống khác. Văn chương, chữ nghĩa... không ích gì. Lâu nay các con có giờ đến mấy cuốn sách không?

Kiên nói:

- Thỉnh thoảng con cũng có đọc lại.

- Lên trên đó khí hậu độc. Con gắng giữ gìn sức khỏe. Tối ngủ nhớ đốt lửa. Đừng uống nước sôi chưa nấu. Nhớ chưa?

- Thưa cha, con nhớ.

- Cha tin ở tính cẩn thận của con. Nhưng cha cứ dặn trước cho yên lòng. Ông biện định giao việc sổ sách trên trạm Tây Sơn thượng cho con. Cơ nghiệp buôn nguồn của họ chắc là lớn. Tiền bạc thu vào chi ra nhiều. Con nên cẩn thận. Một đồng, một tiền không phải của mình, không lấy. Của phi nghĩa như giọt mưa rơi vào kẽ tay, không giữ được đâu! Con nhớ chưa?

Kiên lặp lại:

- Thưa cha, con nhớ!

-
- ^[1] Theo Phủ Biên Tạp Lục, Lê Quý Đôn, trang 152
- ^[2] Theo Phủ Biên Tạp Lục, Lê Quý Đôn, trang 465
- ^[3] Tân Mùi: 1751, Quý Dậu: 1753

Chương 6

Tổ chức buổi lễ khai tâm long trọng như thế này không phải là ý muốn của ông giáo. Tất cả đều do ông biện Kiên Thành lo liệu. Cho nên có nhiều điều vượt ra ngoài tầm tay của ông.

Trước tiên là cái ý định tổ chức. Mới nghe biện Nhạc ngỏ lời xin chọn ngày, ông giáo ngớ ngàng. Hai cậu học trò đã xuống đây rồi, cái nhà tạm một nửa làm chỗ ở, một nửa làm chỗ dạy học đã dựng xong rồi, dạy lúc nào chả được. Chỉ bày vẽ thêm lắm chuyện! Nhưng sau đó ông giáo mới thấy mình chưa hiểu hết tầm mức quan trọng của vấn đề. Dĩ là quan trọng theo lối nhìn của ông biện. Ông giáo hẹn một tuần nữa sẽ bắt đầu dạy, vì nghĩ đến cái rạch nước phải khơi để cứu mấy khóm bắp bị úng thủy, cái chuồng heo Kiên làm lở dở, đóng sách vở bừa bộn chất đống nơi gác tối từ hôm đám ma chưa kịp xếp đặt... Một tuần... Một tuần có thể là chưa đủ để làm cho xong những việc Kiên bỏ lại. Nhưng học trò đã "tự trường" rồi, không nấn ná lâu hơn được. Phải hẹn ngày dạy gấp cho ông anh yên lòng mà về lo chuyện nhà! Ông giáo nghĩ vậy. Rồi ông giáo ngớ người khi nghe "ông anh" gật gù tán đồng:

- Phải. Một tuần mới kịp chuẩn bị. Ở dưới phủ, có một chỗ quay heo ngon có tiếng. Cho người xuống đặt trước phải vài ba ngày. Rượu ngon dưới Mỹ Cang thì lên theo ghe chở muối. Hôm nay mồng hai, mồng năm tới An Thái. Phải mời cho được các ông duýn lại, cai tổng, đốc trưng, xã trưởng. Không cần mời hết, chỉ mấy người lo chuyện đốc ộp tiền thuế mà thôi. Gặp hết bảy, tám ông cũng mất vài ngày. Phải! Một tuần mới kịp!

Sau đó, "ông anh" không về lo chuyện nhà, mà ở lại An Thái đích thân chuẩn bị lễ khai tâm cho hai em. Ông giáo bị đặt vào một hoàn cảnh bất ngờ, lúng túng không biết phải làm thế nào cho phải. Để tìm cho ra cái lý thích đáng giải thích điều bất ngờ, ông giáo nghĩ: Ôi thôi, chẳng qua như người ta nói "cũ người mới ta" chứ có gì đâu. Ba cái chữ phù phiếm đeo đẳng quấy rầy suốt cuộc đời ta, ta muốn vứt đi mà không được. Thế mà có người còn tưởng nhờ nó mà được vồng đào lộng tía! Không dám mở miệng thổ lộ cho lớp sau. Về phía ông, ông giáo tự thấy phải tỏ ra đôi chút lo lắng cho phải phép. Ông nhờ người nhà ông biện tiện đường xuống phủ đặt heo quay, tìm giùm cho ông một cuốn sơ học vấn tân, vài thoi mực và bốn cây bút hạn thường.

Điều bất ngờ sau chót là tầm mức long trọng của buổi lễ. Ông biện xuống An Thái ở cả tuần lễ, nhưng thấy nhà ông giáo chật chội, hơn nữa trong buổi sơ giao không tiện ở lại đây. Ông ở nhà một thầy tàu quen biết cũ, đảm nhiệm việc dạy võ cho hai cậu Lữ và Huệ. Mọi đồ lễ và các món thết tiệc cũng được sửa soạn từ nhà người thầy võ này. Thành thử gần tới giờ qui định, thấy ông biện và ông thầy võ khăn áo chỉnh tề, dẫn theo một đoàn bốn người lực lưỡng khiêng gánh đầy đủ, từ con heo quay đến miếng tàu tằm sẵn, trịnh trọng bước vào nhà học, ông giáo phải vội quơ cái áo đoạn cũ mặc vào, đội thêm cái khăn xếp bám bụi bấy lâu gác trên nóc tủ, chạy ra tiếp khách. Một người lực điền lấy trong gánh của mình hai cái mâm đồng sáng choang, loại có ba chân nai chạm trổ khá công phu. Anh ta xếp nguyên con heo vàng lờm

lên một mâm. Trên cái mâm kia, anh đặt nguyên một chỗ xôi lớn. Một người lo bày biện bộ ngũ sự gồm hai đế đèn, một bộ lư trầm, một bát hương và một cái đài rượu. Hai cặp rượu ngon đặt ngay phía sau đĩa trầu không tằm sẵn xếp tròn. Đặc biệt hình như ông biện Nhạc muốn khoe cây nhà lá vườn, trên cái bàn đã chật nê đồ lễ, giữa hai chân nến còn có thêm một đĩa lớn xếp một chồng trầu không tươi xanh. Lá trầu to bằng cả một bàn tay xòe xanh lặc lìa, cuống màu xanh non xếp tròn theo hình tròn ốc trông đẹp mắt.

Khách khứa đến đông đủ cả. Ông giáo biết mặt được ba người trong đó có ông cai tổng, tên xã trưởng đã mua của ông cái áo đoạn mới, và viên tri áp. Bốn người kia gồm ông duệ lại có thói quen hay nháy con mắt phải, ông cai tổng vùng bên kia sông, ông biện lại vùng An Thái và một người có dáng dấp nhanh nhẹn bắt thiệp của một con buôn. Ông biện Nhạc bận điều khiển bọn người nhà bày biện bàn ghế, nên ông giáo phải lo tiếp khách. Ông không quen ai nhiều, nên câu chuyện chỉ nhát gừng, gượng gạo. Sau rồi các ông khách quay sang nói chuyện với nhau, đỡ gánh lo và bức cho ông giáo. Biện Nhạc soát xét lần cuối mọi thứ, rồi vào chỗ khách đang ngồi trịnh trọng nói với ông giáo:

- Thưa thầy, bắt đầu hành lễ được rồi.

Khách khứa vội đứng cả lên, bao quanh cái bàn thờ. Biện Nhạc lấy thẻ tre thắp hai cây sáp vàng lớn. Ngọn nến ban đầu còn lung linh, nhọt nhọt. Khi lửa bén sâu vào hai đầu bấc, ánh sáng vàng tỏa ra, chiếu lên bộ ngũ sự và hai cái mâm đồng, khiến các đồ lễ trở nên rực rỡ.

Ông giáo đến trước bàn thờ, rút trong bao giấy điều một nắm hương. Ông châm đầu nắm hương vào ngọn nến phía trái. Tay ông hơi run nên có mấy đầu hương chưa kịp cháy. Ông kê sát vào ngọn nến hơn. Khói tỏa ra, mùi hương đất tiền đậm đà lảng đảng khắp nhà học. Ông thối nhẹ cho tắt lửa ngọn trêm mấy nén hương nhảy, rồi đứng nghiêm trang một lúc trước bàn thờ, nắm hương đưa cao trước trán. Lòng ông tự nhiên hồi hộp. Ông nhớ đến cảm giác khinh khoái rộn rã những lần ông đứng như thế này trong đời. Lòng tin ở Đấng Vãn An Thế Sư Biểu mạnh mẽ đến nỗi ông nghĩ vào giờ phút khai tâm thiêng liêng ấy, cửa mình đức sẽ mở, đời có thêm vài bậc quân tử và bớt đi vài tên tiểu nhân. Cảm giác ấy không còn trong lòng ông, phút hồi hộp do kích động của kỷ niệm qua đi, chỉ còn lại niềm bồi hồi. Ông giáo đứng yên như thế khá lâu. Có tiếng ho nhỏ sau lưng ông. Ông giật mình, tiến tới cầm nắm hương vào cái bát sứ đầy gạo, rồi lui về chỗ cũ. Ông sửa khăn, đưa tay vuốt lại áo. Đoạn ông lạy đủ bốn lạy. Ông lại đứng thẳng trước bàn thờ, để lẩm nhẩm khẩn xin khai tâm cho hai cậu học trò mới. Ông đọc nhỏ lời khẩn quen thuộc, nhưng đến giữa chừng, lại cảm thấy một cách chua chát cái bất lực của chữ nghĩa. Những cậu học trò ông khai tâm hôm nay sẽ đi theo con đường ông đã đi, sẽ học những sách ông đã học. Mà ông đã đi đến đâu? Mê sách thánh hiền như bạn Ngô Thế Lân của ông mà cuối cùng làm được gì ngoài việc dâng một bản thái bình sách không ai thèm đọc. Mắt ông lạc thần, ông lạy thêm bốn lạy, lui ra.

Ông biện Nhạc và đám khách khứa có vẻ cảm phục, hân hoan nhường chỗ cho ông giáo đứng bên trái bàn thờ. Nét mặt ông giáo buồn, càng thêm vẻ nghiêm túc thành kính. Biện Nhạc tiến đến trước bàn thờ, chậm rãi lạy bốn lạy. Ông giáo nhận thấy cách lạy ở vùng này đơn giản hơn ở kinh. Sau khi vái, biện Nhạc quỳ hai gối rồi phủ phục xuống trán chạm mặt chiếu, không phải vịn vào đầu gối phải, vái lần nữa rồi mới phục lạy như ông. Do đó cử chỉ bớt vẻ khoan thai, nhịp tiến lui, lối ngừng lên phục xuống thiếu uyển

chuyển. Cử động đơn giản và mạnh mẽ hơn.

Sau khi Lữ và Huệ lạy nhập môn, ông giáo bảo cả Chinh và Lãng vào làm lễ. Ông muốn nhân tiện chỉ dạy thêm cho hai con, để làm gì, ông không biết. Nhưng không làm thế thì không coi được. Ông giáo nghĩ vậy.

*

* *

Buổi lễ khai tâm mau chóng trở thành câu chuyện thời sự của An Thái. Và một lần nữa, những kẻ hiếu sự được dịp tô điểm cho không khí trang nghiêm hiem hoi ở cái xứ xa xôi quanh quẽ này trở thành thiêng liêng. Có lẽ Khổng Phu Tử có trở lại trần thế cũng không thể ngờ tên tuổi của mình đột nhiên được nhắc nhở trang trọng như thế ở một chỗ xó rừng. Ngài sẽ mỉm cười tạm quên cơn khốn đốn ở đất Trần. Những chuyện bàn ra tán vào, từ con heo quay cho đến kiểu lạy lạ mắt của một ông đồ từ "kinh sư qui ẩn", theo đường ngựa thồ lên núi và đường ghe muối xuống đồng bằng. Nhờ thế, ông đồ bất đắc dĩ thu nhận thêm ba môn sinh trong vòng một tuần lễ: một là cậu con trai ông biện An Thái, một là con ông chánh tổng, Thìn bạn Chinh con viên tri áp khó tính. Như vậy đám học trò ông giáo gồm có Lữ, Huệ, Chinh, Lãng, Thìn con ông tri áp và hai cậu con các chức sắc. Lớn tuổi nhất, xứng đáng làm trưởng tràng là Lữ 17, nhỏ nhất là Lãng lên 12. Theo thứ tự từ lớn đến nhỏ: Chinh 16, Huệ và Thìn 15. Tiến con ông chánh tổng và Khải con ông biện An Thái 14. Lứa tuổi đám học trò sàng sàng như nhau. Ông giáo yên tâm không lo phải gặp những lớp chệch choạc tuổi tác như đã gặp thời trước. Về trình độ, ngoài hai con, ông không biết sức học của năm cậu học trò mới được đến đâu. Ngay hôm đầu ông đem mấy trang trong cuốn "Sơ học vấn tân" ra hỏi, các cậu học trò chỉ trả lời lờ mờ. Sự hiểu biết phần lớn chấp vá, vụn vặt, do cái học đầu Ngô mình Sở tùy hứng, tùy thời. Thử chữ viết, ông mừng, đứa nào viết chữ cũng tạm được. Ông quyết định dạy lại từ đầu rồi tùy trình độ tiến nhanh hay chậm mà giảng mỗi đứa khác nhau. Lâu nay ông vẫn phục Đứa Khổng phu tử ở cái khả năng sư phạm quán chung của Ngài, hiểu tường tận cái giỏi, cái dở của từng đứa học trò, tùy theo đó mà lựa cách giáo dục thích hợp. Nhưng đó là chuyện về sau. Từ đầu, ông định cho tập viết trở lại. Làm quen với cây bút xong, ông bắt đầu giải nghĩa cho học trò học ôn, làm quen mặt chữ. Đến lúc chúng có thể viết ám tả được thì ông bắt chước Khổng phu tử. Ông sẽ tùy tâm tính từng đứa, chỉ hướng từng đứa mà dạy những điều thực dụng. Ông giáo không quên lời ông biện. Chúng đã lớn tuổi rồi. Sợ không còn nhiều thì giờ quanh co với những phù phiếm của văn chương cử nghiệp. Hơn nữa, sách vở ông đang có cũng không nhiều nhồi gì. Mấy cuốn Sử kí. Tập Đường thi. Quyển Truyền kỳ mạn lục. Ông không quên bộ Tứ thư Ngũ kinh, nhưng ông giáo e dè chưa dám chắc là ông có nên dạy những kinh truyện trong bộ thánh thư ấy không. Dù sao, chuyện ấy còn xa lắm!

*

* *

Hôm nay ngày rằm, đến kỳ học ôn nên buổi học có vẻ nghiêm trọng khác thường. Nét mặt các cậu học trò đăm chiêu, lo âu hiện rõ trên nét lông mày. Với cái áo đoạn màu đen, ông giáo cũng trở nên nghiêm khắc hơn. Đến nỗi Chinh, tính tình bộc tuệch vô tư như vậy mà buổi sáng hôm ấy cũng dậy từ lúc tỉnh mơ,

một mình ra sau vườn chuối lẩm nhẩm đọc lại mấy trang sách cha đã chỉ từ kỳ học trước.

Trong nhà học, ông giáo ngồi xếp bằng ngay ngắn trên cái phản rộng, hai tay thu vào vạt áo đoạn. Bên cạnh ông, đặt một khay trà và một nghiên mực. Lữ kính cẩn đến trước mặt thầy, khom người xuống lấy một nhúm trà cánh nhỏ ướp sen bỏ vào cái bình da lươn, rồi đứng lên quay về phía trái nơi vẫn thường đặt lò than nấu nước sôi. Cậu không thấy ấm nước đâu cả, đưa mắt ngẫm hỏi em. Huệ gật đầu tỏ dấu hiệu anh muốn nói gì, bỏ lớp học đi về phía nhà bếp ông giáo. Cậu gặp An đang lui cui nhóm lại lửa trong bếp, cái ống trúc thổi lửa vẫn còn cầm ở tay phải, tro bay vương cả lên mái tóc rối. Đôi mắt An lo âu gần như xấu hổ bị Huệ bắt gặp trong hình dáng xốc xếch đầu bù tóc rối thế này. Cả Huệ cũng không ngờ phải gặp con gái thầy giáo ở nhà bếp. Hằng ngày, việc nấu nước pha trà và cơm nước, Huệ phải lo. Điều đó tự nhiên, vì Huệ là em. Vả lại cũng không có gì nặng nhọc. Hai anh em có mua ngoài chợ An Thái một cái lò đất nung. Gạo, than, thức ăn, ông biện gửi đều theo các chuyến thuyền chở muối, cá từ biển lên, và các chuyến ngựa thồ từ Tây Sơn Thượng xuống. Số lượng thực phẩm quá nhiều vì ông biện nhân có tiếp tế cho hai anh em, gửi thêm gạo, muối, cá mắm thừa đủ cho gia đình ông giáo chi dùng. Ông giáo có ý muốn Lữ, Huệ cùng ăn chung với gia đình ông cho đỡ chuyện bếp núc phiền phức, nhưng ông biện nhất định không chịu. Ông biện có cái lý của mình. Thứ nhất theo ông, học trò không được phép ăn chung mâm với thầy giáo. Hơn nữa gia đình ông chỉ có bốn anh em, ông biện anh cả đã trưởng thành. Mấy người em kế tiếp của ông biện khó nuôi, đã mất từ nhỏ hay ngay từ khi lọt lòng mẹ. Mười mấy năm sau mới nuôi được. Lữ, rồi Huệ và đứa em gái út. Gia đình anh em trai đông, nên con trai vừa lo việc cày bừa vừa lo chuyện bếp núc. Ông biện bảo chúng nó đi học thế này sướng gấp mấy ở nhà, không nấu bếp thì giờ để làm gì? Đi xa hơn, ông biện còn xem đó là một lối giáo dục hợp lý. Ông giáo không có cách nào khác hơn là để mặc cho hai cậu học trò tự nấu ăn lấy, chỉ lâu lâu, thỉnh thoảng sai Chinh hoặc Lãng đem qua cho hoặc một nải chuối mật, hoặc một gói kẹo.

Hôm qua Lữ vô ý vấp chân vào cái lò làm vỡ đi, nên sáng hôm nay, nhớ phận sự mình, Huệ sang bếp nhà thầy nấu nhờ ấm nước sôi từ sáng sớm. Cậu sợ làm phiền gia đình thầy. Cậu cũng sợ gặp con gái thầy ở nhà bếp. Cái gì đã khiến cậu dè dặt như vậy? Huệ đã nhiều lần tự hỏi và chưa tìm ra câu trả lời đích xác. Cậu không phải là người nhút nhát trước phụ nữ. Cậu cũng không vụng về trong cách gợi chuyện, bắt chuyện như Lữ. Dĩ nhiên cậu cảm phục cái tài lợi khẩu của anh cả, nhưng trong thâm tâm, cậu thấy anh cả nói nhiều quá, và trong những điều anh cả nói với người khác trước mặt cậu, có nhiều điều không đáng nói hoặc chưa nên nói. Cậu chỉ muốn nói vừa đủ và đúng lúc. Cho nên cậu cũng không ưa Lợi. Tuy đôi lúc hơi ghen tức trước sự thành công dễ dãi của Lợi đối với phụ nữ, Huệ không thấy các câu pha trò của Lợi có chút ý vị gì, thế mà chỗ nào có Lợi là có tiếng cười. Đám đàn bà con gái vốn e dè kín đáo là thế, mà gặp Lợi là bạo dạn bốn cợt, cười nói tít tít. Rồi từ đó Huệ xem thường luôn cả đám đàn bà con gái.

Cho đến ngày Huệ gặp An. Điều ghi dấu sâu đậm vào cảm quan của cậu khiến cậu gần như sững sờ, là cái dáng điệu uyển chuyển, nhịp nhàng, linh động của An. Từ cách đưa ngón tay út lên vén nhẹ một mảng tóc lòa xòa, cho đến cách đưa lưỡi liếm nhẹ lên môi trên, cách rót một tách nước trà, cách gật đầu nhận một lời chỉ bảo, tất cả đều vừa độ cần thiết. Cử chỉ biểu lộ sự thân mật dịu dàng, đồng thời cũng giữ riêng

cho An một sự bí mật tôn nghiêm. Huệ chưa từng bao giờ gặp sự hòa điệu như vậy giữa hai đòi hỏi gần như mâu thuẫn là sự cởi mở thân tình và sự gói ghém kiêu hãnh, nơi một người con gái. Cậu cũng ngạc nhiên khi thấy cô gái có dáng điệu trang nhã thân mật ấy còn giữ nguyên nét trẻ thơ trên khuôn mặt. Nước da ửng sáng trên đôi má bầu bĩnh. Cái môi trên mọng. Chỉ trừ đôi mắt buồn trước tuổi. Huệ nghĩ có lẽ nhờ đôi mắt ấy mà khuôn mặt và cử chỉ của An hòa hợp nhau, tiết ra một sức hấp dẫn lạ lùng. Cậu đau khổ công nhận giữa cái đẹp xa lạ ấy và mình có một hố cách biệt trang nghiêm; cậu không thể nói gì thêm, không thể phác một cử chỉ nhỏ, vì bất cứ hành động nào của cậu cũng trở thành vụng về, thừa thãi trước vẻ đẹp toàn bích ấy. Và lần đầu tiên trong đời, cậu thấy lúng túng, thất vọng cho sự vụng dại của mình.

Suốt mấy tháng trọ học ở nhà thầy, Huệ chưa có lần nào nói chuyện tự nhiên với riêng An. Khám phá ra điểm yếu đuối của mình, cậu khổ sở. Lòng tự ái kiêu hãnh của người con trai bị âm thầm động chạm. Cậu ngại gặp An, như ngại soi gương thấy vài vết mụn trên da mặt dậy thì của mình. Thế mà buổi sáng nay, cậu không có lối thoát nào khác. Ấm nước sôi của cậu, An đã vắn sang bên cạnh để bắc nồi nấu cháo cho thằng Út. Hơi nước còn bốc lên trên cái vôi ấm. Tình trạng nhì nhằng bất ngờ kéo dài, cho đến khi An cất lời trước. An đưa lưng bàn tay gạt mồ hôi trên trán và đùa mấy sợi tóc ướt qua thái dương, hỏi Huệ:

- Ấm nước đã sôi rồi. Anh cần lấy chưa?

Huệ không ngờ mọi sự tưởng như bế tắc lại có thể giải quyết một cách nhẹ nhàng tự nhiên như vậy. Huệ trả lời nhanh:

- Cho tôi xin cái ấm.

An bỏ cái ống thổi lửa xuống, dùng tay phải nhấc cái ấm ra khỏi bếp. Khi chuyển quai ấm qua tay Huệ, An cười mỉm không nói gì. Huệ lí nhí cảm ơn, trở về nhà học. Cậu lẩm bẩm: hóa ra mọi sự vốn đơn giản như vậy. Không có gì ghê gớm đến nỗi phải e ngại. Cậu cảm thấy lòng nhẹ nhõm. Lữ nhận cái ấm nước từ tay cậu mà không thấy cậu vui. Huệ nghĩ: anh ấy sống hiu quạnh lạnh lẽo quá, chắc chưa bao giờ rắc rối như mình. Anh ấy cũng không nhận ra đột nhiên mình hơn hở đâu. Lữ rót nước sôi vào bình trà đầy nắp lại, đứng chấp tay bên cạnh ông giáo chờ cho trà đậm. Trong lúc đó, Lãng lo phận sự mài thổi son vào cái nghiêng. Màu mực đỏ thắm, in đậm trên nền đá có vân màu xám nhạt. Lữ cho là đã đủ thì giờ để nước đậm trà, cúi xuống rót thử vào cái chén sứ nhỏ bằng quả cau. Nước trà còn nhạt. Lữ cẩn thận dùng tí nước sôi đã rót sớm ấy tráng qua ba cái chén khác, rồi lại nghiêm chỉnh chờ. Ông giáo nhìn quanh một lượt, thấy đám học trò đã đủ mặt. Ông bảo:

- Các anh ngồi xuống cả đi.

Học trò ngồi xuống hai cái ghế dài bằng gỗ đóng vôi vừa tầm để kê giấy lên mặt phản mà tập viết. Lữ pha trà xong, bưng một chén đến đặt trước mặt ông giáo. Ông gật đầu nói:

- Anh để đấy. Hôm nay ngày vọng, ta học ôn thôi phải học nghĩa. Các anh đã nhớ và hiểu hết chưa?

Đám học trò ngại, không dám trả lời dứt khoát. Chỉ có Huệ trong cơn hơn hở tự tin, mạnh dạn đáp:

- Dạ đã hiểu hết!

Ông giáo mỉm cười nhìn Huệ. Ông thích thái độ dứt khoát ấy, thái độ mà suốt cuộc đời ông, ông giáo không bao giờ biểu lộ đúng mức. Nhưng ông không gọi Huệ lên ôn bài ngay. Đầu tiên ông gọi Thìn. Nét

mặt Thìn thay đổi, mắt lấm lét, bộ dạng lổm thổm khó coi. Cả lớp học cười ồ. Ông giáo làm mặt nghiêm để giữ trật tự, điềm tĩnh nhận cuốn sách từ đôi bàn tay run run của Thìn. Ông lật lại các trang cũ, tìm chỗ ông đã phê mấy chữ "y vọng kỳ". Biết rõ sức học của Thìn, ông đã chọn một đoạn dễ. Ông giáo đọc một câu trong sách, đoạn ngừng lên chờ Thìn đọc tiếp. Thìn nhắc lại câu vừa đọc, ấp úng vài chữ, lại nhắc câu vừa đọc. Cuối cùng, Thìn đứng trân giữa lớp chờ đợi. Bàn tay hết đưa lên mũi quẹt quẹt lại mân mê cái chéو áo chàm. Ông giáo lật qua trang khác, suy nghĩ, đọc thêm một câu nữa. Thìn lại không nhớ bài. Ông giáo trách:

- Cả tuần làm gì mà không chịu ôn bài?

Thìn im lặng không trả lời được. Ông giáo than:

- Anh học hành thế này thì tôi mang tiếng với ông tri áp. Cha anh dặn tôi phải buộc anh học hành đàng hoàng.

Thìn chợt nhớ một lý lẽ để biện hộ, vội đáp:

- Thưa thầy, cha con hỏi bao giờ thì học cách làm đơn được. Học chữ nghĩa trong sách khó quá. Cha con cũng không hiểu.

Ông giáo vờ lẽ, hiểu vì sao ông tri áp gửi con đến nhờ ông dạy dỗ. Ông dậm gậy, nhưng không để lộ ra nét mặt. Ông lấy bút quẹt mạnh vào nghiên son. Không cần di di lẫn tròn đầu bút lên mặt nghiên cho nét chữ thanh nhỏ, ông phê một chữ "liệt" to tướng vào sách của Thìn. Vết son loe ra nhem nhuốc như một vết ô nhục.

Ông giáo gọi đến Lữ. Lữ thuộc lâu lâu, giọng đọc ê a như đọc kệ. Sau khi Lữ đọc hết đoạn thứ ba, ông giáo lật ngược về phía trước, hỏi đoạn kế trên đoạn Lữ vừa đọc. Bị lật ngược thứ tự, Lữ lúng túng. Cố gắng mãi, anh vẫn chưa tìm ra mạch văn. Anh lập lại câu ông giáo vừa đọc, mon men đọc thử một vài chữ dò đường. Thấy nét mặt ông giáo không biểu lộ tán đồng hay là bất mãn, anh đọc ngắc ngư một lúc nữa, rồi tịt luôn. Ông giáo phê cho Lữ một chữ "thứ" dài.

Sau khi dò bài Chinh, Tiến, Khả xong, ông giáo gọi Huệ. Huệ đứng dậy, trình lên ông quyển sử ký. Ông giáo cầm cuốn sách tần ngần hồi lâu. Ông tự hỏi: vì sao ta giao cho cậu bé chén đăng này? Nỗi hận chất chứa trong lòng ông thái sử trở thành máu lệ đầm trang giấy, đến lứa tuổi ta chắc gì đã hiểu hết! Cái họa Lý Lăng, hai năm tù nhục ở nhà tắm, mấy nghìn trang sách để lại cho đời sau như một thứ thừa tự, tâm tình gói ghém trong lời thư gửi Nhậm Thiệu Khanh, chỉ mới là nguồn gốc phát khởi của ngòi bút. Còn cái học vấn uyên bác, kết quả của kinh lịch, khiếu thẩm thức cái đẹp, lối nhìn về mọi điều thị phi, khả năng phân biệt tốt xấu, tài văn chương tinh tế... bao nhiêu điều phức tạp ấy phải chờ đến tuổi chín chắn mới nên cho đọc. Thế mà ông giáo vội giao cho một cậu bé mười lăm tuổi! Nhưng phải hiểu cho ông. Trừ những phụ huynh như ông tri áp, ông chánh tổng, gửi con đến học vì một lý do rõ rệt là muốn chỉ dạy cách làm một số đơn tử, văn khế, còn ông biện Kiên Thành tuy chủ động tổ chức lớp học, chịu hết phí tổn, nhưng không nói rõ cho ông giáo yêu cầu của mình. Ông xin dạy cho em cách làm đơn khiếu oan ư? Thì chính lá đơn khiếu oan ông biện nhờ ông giáo thảo độ nọ, về sau ông biện có nhắc nhở gì đâu. Ông giáo không nhiệt tâm lắm khi thảo lá đơn nên khi biện Nhạc quên đi, ông giáo lấy làm lạ và mừng. Về sau ông đoán có thể

đấy là một cái cơ để biện Nhạc nhờ ông dạy dỗ hai em. Xem cách giao thiệp của ông biện, lối giải quyết gọn ghẽ và hữu hiệu mọi khúc mắc như vụ của Lợi, đủ biết ông biện không quen khúm núm cầm đờn vào hầu các quan lớn. Vì thế, ông giáo nghĩ không bao giờ các em trai ông biện bỏ công phu lặn lội từ Kiên Thành xuống đây để học làm đờn.

Thế thì học cho đủ các thứ văn bát cổ để kiếm chút danh mọn khoe khoang với bà con hàng xóm ư? Con đường lều chõng gian nan lắm, chắc ông biện biết rõ, mà chút danh mọn của một anh ký lục kể chẳng bỏ bèn gì. Trong lối nói chuyện, ông giáo nhận thấy biện Nhạc khinh bỉ đám ký lục chuyên dùng chữ nghĩa vòi vĩnh tiền bạc đám dân đen. Chắc hẳn ông ta không muốn hai em của mình ngồi chung chiếu với đám người ấy đâu!

Rốt cuộc, ông giáo khai trương mà vẫn chưa hiểu rõ biện Nhạc cần gì. Xem công phu ông biện bỏ ra để tổ chức trọng thể lễ khai tâm, ông giáo lờ mờ hiểu rằng sự khoa trương ấy có thể ảnh hưởng tốt đến thanh thế của ông, hoặc phía công việc đốc ộp tiền thuế, hoặc phía buôn bán làm ăn. Tuy thế, nếu mục đích ông biện chỉ đến đó thôi, thì cần gì phải khó nhọc tìm người cáng đáng công việc của hai em, rồi gửi họ đến một nơi xa xôi học hành một thời gian lâu như vậy. Một lần, hình như ngay sau lễ khai tâm, ông giáo có hỏi qua ông biện về sức học của Lữ và Huệ, ông biện có nói:

- Trăm sự nhờ thầy, làm sao cho người ta khỏi khinh chúng tôi dốt nát mà hiếp đáp là được!

Ông giáo xem câu nói đó là mục đích giáo dục của mình, nên qua mấy tháng dò được sức học trò, ông dạy tùy hứng. Thấy Huệ thích hỏi chuyện sinh hoạt, cách sống của bọn quan lại vua chúa ở kinh đô, đôi lúc ông giáo quên dè dặt kể lại một số kinh nghiệm của đời ông. Cậu học trò bạo dạn và ham hiểu biết hết hỏi chuyện này đến chuyện khác, và chuyện nào cũng muốn biết rất ráo, tường tận. Do đó mà từ các mẩu chuyện vặt, hai thầy trò nhảy qua địa hạt sử. Nhìn ánh mắt sáng mừng rỡ, cách lắng nghe trân trọng của Huệ, ông giáo khắp khởi trong lòng vì tìm được một người tri âm nhỏ tuổi. Cái giấc mộng được dự vào sử quán chỉ là bước chùng của một người hiếu động mà không gặp thời. Cho đến khi gặp được Ý đức hầu, ông có tìm cách thực hiện một số suy nghĩ của mình về cách trị nước. Ý đức hầu bạn ông có nghe theo lời ông giáo, nhưng mọi kế sách đều bị quan quốc phó Trương Phúc Loan bác bỏ cả. Họ không dám tiến xa hơn nữa. Uy thế của quốc phó lớn quá, tiền tài và thế lực át cả Chúa. Vậy mà cuối cùng bạn ông cũng bị hại, và ông phải trốn vào cái xó An Thái này. Những điều éo le đó, từ bao lâu nay, ông không biết san sẻ cho ai. Các con của ông? Kiên đơn giản quá, ngoan ngoãn theo đường thẳng, không thể đi cùng cha vào những chuyện phức tạp quanh co. Chinh hời hợt quá, bao nhiêu tâm trí dồn cả lên bấp thịch. An và Lăng mẫn cảm quá, ông chỉ thấy chúng thích thơ. Mãi đến nay, ông mới gặp được Huệ. Và vì mừng rỡ, ông giáo quên cả giới hạn của tuổi tác và kinh nghiệm sống của Huệ. Ông bắt Huệ đọc Sử ký.

*

* *

Ông giáo không mở sách ngay, ngược lên nhìn thái độ của Huệ. Ông thấy Huệ vẫn đứng điềm tĩnh bên cạnh ông, hai tay xếp thẳng hai bên hông một cách thoải mái, tự nhiên. Huệ có cái tự tin của một học trò được thầy thương yêu và tin cậy. Đôi mắt sáng rỡ nhìn thẳng vào ông giáo chờ đợi. Trên má, mấy nốt

mụn thâm tím hiện lở mờ lên làn da nâu. Một mảng tóc quăn phủ xuống cái trán rộng. Nhìn chung, Huệ rất giống hai anh, nhưng có những phần trên khuôn mặt Huệ đậm lên một chút, đầy lên một chút, khiến từ khuôn mặt ấy, toát ra một sự cân đối linh động không có trên khuôn mặt Lữ, và niềm tin cần vững vàng khó tìm trên khuôn mặt biện Nhạc.

Ông giáo lật cuốn Sử ký, tìm trang ông đã ghi hai chữ vi chí bằng mực son kỳ trước. Ông mỉm cười. Ông giáo khéo chọn đoạn thích hợp tâm tình của ông lúc này! Và biết đâu cũng thích hợp với cậu học trò của ông! Ông giáo đã bắt Huệ học ôn bài Tựa Truyện du hiệp trong Sử ký. Ông lật ngược lại hai trang trước. Ông kinh ngạc cho cái ngông của mình, ngược nhìn Huệ lần nữa. Vẫn thái độ trầm tĩnh và ánh nhìn tự tin ấy. Ông giáo đọc:

- “Ông Thái sử nói: Ngày xưa Ngu Thuấn quăn ở kho, giếng...” rồi dừng lại chờ. Huệ không lớn tiếng ê a theo lối bình văn như Lữ, dùng lối nói tự nhiên đọc tiếp cả đoạn thầy vừa gọi:

“Y Doãn nấp bên vạc, thốt. Phó Duyệt nấu mình ở Phó Nham. Lã Thượng khốn khổ ở Cực tân. Di Ngô mang gông, Bách Lý chần trâu, Trọng Ni sợ hãi ở Khuông, xanh xao ở Trần, Sái.... Y đều là những người mà kẻ học giả gọi là hạng nhân nhân có đạo đức đấy! Vậy mà còn gặp những tai nạn ấy. Huống chi lấy hạng trung tài mà ở vào dòng cuối đời loạn, bị hại biết là bao nhiêu! Người nhà quê có câu rằng: “Biết đâu nhân nghĩa, làm lợi cho ta là kẻ có ơn”. Cho nên Bá Di cho nhà Chu là xấu chịu chết đói ở núi Thú Dương. Vậy mà Văn, Vũ chẳng vì có đó mà kém vẻ vang. Chích, Cựực ngang ngược mà đồ đệ nhớ nghĩa vô cùng. Do đó mà nói: Ăn trộm lừa câu thì chết chém... Ăn trộm nước người thì phong hầu. Cửa nhà hầu, nhân nghĩa thiếu gì đâu...”^[1].

Ông giáo đưa tay ra dấu cho Huệ dừng lại. Ông không dám nghe tiếp lời ông Thái Sử. Cái giọng phẫn nộ khinh bạc ấy, đã bao lần trong đời ông giáo thốt lên một mình, cho mình, đến nỗi từng tiếng vang vọng thống thiết và quen thuộc như chính tai ông nghe miệng ông nói ra. Vào những lúc bị đời dẫn xóc, chua chát nhận ra sự bất lực của đạo đức, ông lại tìm đọc bài Tựa Truyện du hiệp. Nhưng đây là lần đầu trong đời ông nghe giọng ông Thái Sử khác. Giọng đọc của Huệ chậm, sang sảng. Điều bi thiết bất lực không còn. Tiếng nói của Huệ mạnh mẽ, đánh thép như một lời kết tội. Nhất là câu cuối cùng: “Cửa nhà hầu, nhân nghĩa thiếu gì đâu!”. Hóa ra bao nhiêu Tứ thư, Ngũ kinh ông thuộc lâu lâu thời trẻ, lấy đó làm nền cho chí hướng và hành động, chẳng qua là thứ bài trí hoa hòe nơi dinh thự bọn quyền thế. Tua chỉ điều cột nơi chuôi kiếm vấy máu của kẻ cướp lớn. Hạt trân châu dính trên mũi của kẻ ngồi kiệu. Cái quạt hoa che dấu những cái liếc mắt đã thỏa... Còn gì nữa... Trời hỡi! Cái gì đẩy ta đến tận bờ vực của phạm thượng thế này! Không giạt mình dừng lại kịp, ta sẽ lạc về đâu? Chỉ vì giận tên Trương Tần Cối, uất cho cái chết thảm của bạn và cuộc đời long đong bấy lâu mà ta nghi ngờ đến cả chân lý vĩnh cửu, quạt đổ nhân nghĩa hay sao?

Lớp học im phăng phắc. Bọn học trò nín thở theo dõi các biến đổi khác thường trên khuôn mặt thầy, hoang mang chưa hiểu vì sao bỗng nhiên ông giáo vui, rồi bỗng nhiên ông ưu tư. Cả Huệ cũng boăn khoăn, thầm ôn lại những câu vừa đọc xem có thiếu sót gì không. Một lúc sau, ông giáo lại ngược nhìn Huệ. Bên

ngoài, một cơn gió thổi mạnh làm rung rinh cả mái tranh. Mảng tóc quấn trên trán Huệ bị hất ngược lên, để lộ một vết tím bầm phía trên con mắt trái. Ông giáo muốn thay đổi câu chuyện, lấy giọng nghiêm nghị hỏi Huệ:

- Hôm qua các anh lại gây chuyện đánh nhau phải không?

Huệ bình tĩnh đáp:

- Thừa thầy không phải. Chúng con luyện roi, vô ý nhắm phải trán.

Ông giáo biết là đêm đêm hai anh em Lữ, Huệ phải ra học võ ở nhà người thầy Tàu. Có một thế giới khác không thuộc ảnh hưởng của ông, cái thế giới quyến rũ của những ngọn roi, đường quyền. Cánh tay nhà nho của ông không với tới nổi. Ông phải rút tay về. Dừng lại ở chỗ phải dừng. Sáng hôm đó ông giáo không định kỳ học ôn sau, và cho học trò nghỉ sớm hơn thường lệ.

*

* *

Cả năm Tuất (1766), vùng Tuy Viễn được mùa, nhờ thế gia đình ông giáo tạm qua được cơn chật vật. An thôi nghề hàng xáo nặng nhọc, ở nhà trông nhà giữ em. Qua hai mùa bắp và tría đậu, mấy đám đất miếu đã thuần lại. Có thể bảo lòng đất chai lì khô kiệt nguồn sống sau một thời gian dài bỏ hoang, bây giờ đã bắt đầu hồi sinh. Mồ hôi đổ xuống đầy thật lắm mới đủ biến mặt đất trắng thành mận mòi. Trước hết, là mồ hôi của ba cha con ông giáo. Từ lúc mở trường, ông chỉ dạy học vào buổi sáng, buổi chiều dành để làm ruộng. Nhờ Hai Nhiều chỉ vẽ, ông đã biết dùng lá cây đậu làm phân xanh. Đám học trò của ông cũng chia nhau đi thu góp biết bao là phân chuồng để bón vào mấy đám miếu, hăng hái nhất là Lữ, Huệ và Thìn.

Ba cậu học trò tham dự vào công chuyện canh nông của gia đình thầy do những động cơ hoàn toàn khác nhau.

Có thể nói trong ba buổi: sáng, chiều, tối, mỗi ngày Lữ sống hào hứng và trọn vẹn nhất vào buổi chiều. Buổi sáng ở nhà học, anh không tìm ra anh. Không phải Lữ xem thường những lời dạy dỗ của ông giáo. Ngược lại là khác. Anh tin ngay những điều có sẵn trong sách vở, dễ dàng chấp nhận rằng lời thầy giáo - bảo đảm bằng học vấn và tuổi tác – luôn luôn phải có lý. Khổ nỗi giữa cái bể học mênh mông và rực rỡ ấy, anh cảm thấy lúng túng ngượng ngập quá. Anh bị lạc vào những điều lạ hoắc, lũ chữ nghĩa kiêu kỳ cứ quây lấy anh, vướng víu vào chân, đầu óc đảo điên giữa không biết cơ man nào là những tia sáng chói lòa rọi thẳng vào đôi mắt lo sợ của anh không chút thương xót. Ở vào địa vị trưởng tràng, anh lại không muốn cho lũ em nhỏ tuổi hơn khinh nhờn. Do đó, dù không thích, anh cứ ráng. Mỗi ngày tự hện phải ráng lấy được một cái “ưu cộc” cho phải phép. Chẳng Huệ được thầy phê “ưu mác” liên tiếp, lý nào ta là anh nó lại là trưởng tràng mà chỉ được vọn vẹn một chữ “bình dài”! Ý nghĩ ấy thúc ép anh, quấy nhiễu anh. Cuối cùng cả buổi sáng ở nhà học đè nặng lên tâm hồn Lữ. Anh cảm thấy khó thở, nặng nề. May thay còn có những buổi chiều rộng rãi và ngăn ngui ra đồng giúp thầy làm ruộng! Cả An ít có dịp quan sát phong thái của từng người học trò trong lớp học của cha, chỉ quen thấy nét mặt hiu hiu buồn phiền của Lữ hằng ngày, mà cũng nhận ra được vẻ hớn hởi khác thường của Lữ mỗi chiều ra đồng. Anh tung tăng như con cá mắc cạn vừa tìm được dòng nước lạnh. Anh trở nên nhanh nhẹn, hoạt bát hẳn lên. Anh nói, nói nhiều,

không còn nữa cái giọng ngập ngừng và lối nói bỏ lửng ở lưng chừng câu. Gần như anh sợ không nói đủ những điều muốn nói, nên cách phát âm liến láu, tiếng sau đè lấp mất tiếng trước. Một chiều An có việc cần ra gặp cha, Lữ quên hết dè dặt, dẫn An đến cạnh khu đất miếu bảo:

- Tôi chưa dám thưa với thầy, nhưng ý tôi phải làm thế này. Chỗ kia, cái chỗ đất cao có ổ mối đấy mà, mình dành để chất rơm rạ. Đáng lý lùm lúa cũng nên cất ở đó, vì không bao giờ nước lụt lên cao đến mực ấy. Nhưng làm thế, , một là che mất một góc miếu, không tốt, hai là sẽ hứng gió bắc, mùa mưa lúa sẽ bị ẩm. Nhà ở, mình phải kỹ lưỡng về phương hướng. Chỗ gốc mít, tôi nghĩ tốt hơn hết. Ở đây tuy hơi xa cách với xóm trong, nhưng lại được thuận lợi ở giữa sông và rừng, ra chợ cũng không xa hơn lên rừng lấy củi. Phải tính cả đường lên rừng chứ, vì mình còn phải đốn cho đủ cây làm một vòng rào thật dày. Không, không phải sợ cướp đâu. Cọp thì lâu lâu mới về, nó sợ mình chứ mình không sợ nó, vì nó xuống đồng. Hàng rào đóng chéo theo lối cánh chả như bên vườn chú Thung... Chú Thung là chú Thung chớ còn ai nữa. Cái chú hôm lễ khai tâm anh cả tôi có mời tới dự đó. Xem thế nhưng không phải thế. Chú ấy chỉ mới tập tò đi buôn sau này cho vui bạn vui bè thôi. Khu vườn chú ấy, phải biết! Nhìn cái cổng lá chè cắt xén khéo léo thành mái thành cột, không bỏ đi được. Ước gì được có một cái nhà lá mái và khu vườn như của chú.

Lữ nói một thôi dài, không cho An không kịp xen vào lời nào. Chỉ cần thấy An lấy hơi, nháy nháy đôi mắt định hỏi điều gì. Lữ đã đoán được ý và giải thích ngay. Hình như Lữ sợ không còn cơ hội nào nữa để nói hết ước vọng của đời mình, hoặc sợ nếu bị cắt nửa chừng, bị hụt hẫng, anh sẽ không đủ phần khích nhen nhóm lại niềm hứng khởi đang có. An bạo dạn cắt lời Lữ vì tò mò:

- Em chưa biết nhà và vườn của chú Thung đẹp thế nào, nhưng nhà anh bên Kiên thành có kém gì đâu!

Lữ mất đà, phải mất một lúc lâu mới trả lời lắp bắp:

- Nhà nào? Nhà của tôi ấy à? Bên Kiên thành hay trên Tây Sơn thượng?.

- Cả hai. Anh cả của anh có thua gì chú... chú Thung hôm trước.

Lữ ra vẻ chán nản, bỏ thông hai tay xuống, vai hơi nhún:

- Tại chưa biết nên An mới tưởng thế. Tôi không nói láo đâu, chẳng khác nào cái nhà hoang, à không, chẳng khác nào cái lều chợ An Thái. Cả ngày người ra kẻ vào, tôi vừa dọn dẹp cho được mắt một chút xong, đã có ông khách mới mang cả đôi chân bùn vào nhà. Sau một cuộc rượu, bàn ghế không còn cái nào có đủ bốn chân. Chẳng bao giờ tôi thích được cái nghề ngược xuôi ồn ào của anh cả. Nếu anh cả chịu giao hẳn cái trại trên Tây Sơn thượng cho tôi toàn quyền muốn làm gì thì làm, phải biết!

An vui lây với cái vui hiếm hoi của Lữ, đùa nghịch hỏi:

- Anh được toàn quyền đấy. Sẽ làm gì nào?

Lữ quả quyết đáp:

- Tôi sẽ tổng cổ ngay bọn ăn hại lâu nay tụ tập trên trại xuống núi. Đứa nào siêng năng chăm chỉ mới giữ lại làm tá điền.

An cười hỏi tiếp:

- Thế anh có tổng cổ anh Kiên không?

Lữ không ngờ trước câu hỏi hóc búa của cô bé, bối rối nhìn An, dò xem mình có nói điều gì phật ý con gái thầy hay không. Thấy nét mặt An tinh nghịch, Lữ yên tâm. Anh nói:

- Không bao giờ. Tôi mới gặp anh Kiên vài ngày đã tâm đầu ý hợp ngay. Anh cũng ghét cái thói cầu thả, bừa bãi. Anh cả tôi đưa anh Kiên lên đây là phải. Không cẩn thận chúng nó ăn trên đầu trên cổ mình, rồi còn cười mình ngu. Mới được tôi giao sổ sách có hai hôm, anh đã ví thẳng Lợi một trận không kịp vuốt mặt. Đáng kiếp cho thằng láu!

*
* *

An chưa kịp hỏi kỹ về mối bất hòa giữa Kiên và Lợi, thì ông giáo đã gọi Lữ đến giúp ông bứng gốc một khóm dưa gai, gần con mương tiêu úng. An thấy tính tình của Kiên và Lữ thật giống nhau, nhất là cái tính thờ phượng sự ngăn nắp, thù ghét cảnh thay đổi buông tuồng. An chưa từng bao giờ nghe Kiên nói rõ những mơ ước riêng tư của mình. Có lẽ trước mắt Kiên, An còn bé quá chưa đến lúc nghe những điều quan trọng bậc ấy. Hoặc cả đời chỉ lo đối phó với các nghịch cảnh bất ngờ, trầm lặng nhẫn nại chịu đựng phần mũi của biển cổ, Kiên không còn dám mơ ước nữa. Nghĩ như vậy, cô bé xúc động đến rơm rớm nước mắt.

Lúc đó, từ nơi xa, phía có lũy tre xanh in đậm trên nền trời vàng ửng, có tiếng đứa trẻ chăn bò gọi những con nghé nhỏ: "Hoe... hoe. Nghé con bò mờ lạc bầy... hoe ... hoe...". Tiếng kêu của đứa trẻ kéo dài giữa mênh mông, chơi với lẻ loi như một cuộc sống không có ngày mai.

[\[1\]](#) *Sử ký, Tư Mã Thiên, Tựa Truyện du hiệp*

Chương 7

Trong khi Lữ dùng những buổi chiều năm Tuất để mơ tưởng gây dựng một "trang-trại-y-như-của-chú-Thung" trên mấy đám đất cao quanh miếu, thì Huệ cũng dùng những buổi lao động ấy để quấy rầy ông giáo.

Thực vậy, chưa bao giờ ông giáo bị quấy rầy nhiều như thế này. Ông đã ngồi dạy học ở nhiều nơi, học trò thuộc nhiều thành phần khác nhau. Bất cứ ở đâu, thời nào ông cũng được lắng nghe một cách trân trọng, gần như thành kính. Vào những lúc chủ nhà vì keo kiệt đối xử với ông tệ bạc quá, ông có thể chua chát nghĩ chữ nghĩa chẳng qua là cái cần câu cơm của anh nhà nho lỗ vận. Ông chán nghiên mực khô, đầu bút xơ, nhưng khi ngồi trước đám học trò trân trọng nắn nót từng nét ngang nét sổ, ê a đọc lời thánh hiền, tự nhiên ông trở nên tự tin. Đời sống như được nâng lên bậc cao hơn những nhu cầu tầm thường của ăn uống, ngủ nghỉ, bài tiết. Cả đến nỗi gian khổ mà bất đắc dĩ ông phải chịu đựng, tiếng bắc tiếng chì của những bà chủ nhà so đo từng đồng tiền kẽm, cũng trở nên siêu nhiên. Cái vòng hoa đối trá đó dù sao cũng xông chút hương giả lên nhiều nỗi hăm hiu của đời ông. Ông cắn răng chịu đựng và tiếp tục bước.

Chưa bao giờ ông ngờ đến lúc gặp được một nơi dạy học lý tưởng, lại là lúc ông không có quyền giả trá nữa. Ông phải nhìn thẳng, trả lời không quanh co những vấn nạn mà tầm quan trọng có thể làm lung lay chân đế của cả đời ông. Cái chân đế đó, ngay từ trước, không lấy gì làm vững. Thời còn là môn khách của Ý đức hầu, thấy những kế sách của mình bị vất bỏ không thương xót, niềm tin của ông vào đạo nho đã bắt đầu lung lay. Ý đức hầu bị giết, gia đình ông chạy trốn ở chốn thâm sơn cùng cốc này, ông thì ngày ngày giao thiệp với những người mộc mạc và cần cù, chuộng một thể võ hiểm để phòng thân hơn là một câu trong Khổng Tử gia ngữ. Đã đến lúc dẹp quách mớ sách vở vô dụng kia đi! Chỉ cần một mồi lửa bếp, là xong hết! Trong lúc ông còn do dự, vu vơ, biện Nhạc lại xin ông mở trường dạy học. Thì dạy! Và lại không ai đòi hỏi ông phải sản xuất ra những ông tú, ông cử, nên thích gì, ông dạy nấy. Những thầy đồ cùng thế hệ với ông không thể mơ ước chỗ dạy học nào thoải mái hơn!

Chính vào lúc đó, chân đế của đời ông gần như sắp rạn nứt, sụp đổ. Không phải trong nhà học, mà sụp đổ trong những buổi chiều làm ruộng như hôm nay.

Thông thường, ít có anh học trò nào thích làm việc bên cạnh thầy. Khép nép, làm ra dáng cần mẫn, ráng tỏ ra đứng đắn trong từng lời nói, cử chỉ, đóng bao nhiêu cái trò kịch ấy trong buổi sáng ở nhà học, đủ rồi! Buổi chiều menh mang trên cánh đồng xanh, ao ước của mọi người là được thở tự do, cười nói thoải mái. Cho nên khi nào ông giáo gọi đến, sai bảo việc gì, học trò mới đến gần. Đến anh trưởng tràng đạo mạo mà cũng thích tìm một chỗ khuất mắt thầy, ngồi nhìn lên những gò đất, luống cày, gốc mít cổ, bụi xương rồng, trên cách đồng hoang dại mường tượng ra cảnh vườn tược xinh đẹp, um tùm, lẫm lúa cao ráo, đụn rơm chất ngất, tá điền đông đúc... Chỉ trừ một anh học trò đặc biệt là Huệ.

Từ hôm đọc bài Tựa Truyện du hiệp, hình như giữa ông giáo và Huệ có một thứ ràng buộc vô hình khiến ông giáo cảm thấy vướng víu, muốn tháo gỡ mà không được, còn Huệ thì tự đắm sâu vào những mắc

mếu, rắc rối với niềm say sưa mạo hiểm và khoái cảm phạm thượng. Huệ tìm chỗ làm việc cạnh thầy, nhanh nhẹn làm giúp ông giáo những phần việc nặng nhọc. Ông giáo khen:

- Anh khỏe lắm. Lại không quá cẩn thận như anh Lữ. Vậy dễ trở thành một người hiệp!

Huệ ngừng tay lại, ngừng lên nhìn thầy. Mồ hôi ướt cả trán Huệ. Cậu đưa lưng bàn tay phải gạt mớ tóc quăn đang phủ mất một bên mắt. Cả đôi mắt long lanh tươi vui. Huệ nháy mắt vài lần, cục xương yết hầu di động. Ông giáo biết người học trò sắp hỏi điều gì, chuẩn bị lắng nghe, vì chiều nay gió thổi ào ào từng cơn lấp mất mọi tiếng nói. Nhưng Huệ không thu được đầy đủ can đảm, sau một lúc bối rối, lại cầm cán rựa chặt nốt gốc mù u xù xì. Ông giáo tiếp tục công việc của mình, Huệ làm xong công việc, đứng nghỉ lấy hơi phía sau lưng thầy. Ông giáo nghe Huệ hỏi trong nhịp thở hỗn hển:

- Thưa thầy!

Ông giáo dừng việc, quay lại nhìn người học trò. Áo chàm của Huệ đầm mồ hôi, vạt trước dán vào khuôn ngực nở. Thấy Huệ mệt nhọc vì mình, ông xúc động. Giọng ông thân mật, trù mến:

- Anh hỏi gì hử Huệ?

Huệ do dự một lúc rồi đánh bạo nói nhanh:

- Con đọc mãi bài học hôm qua. Có vài điều con chưa hiểu hết. Như... thế nào mới là người hiệp?

Ông giáo đáp:

- Phải khỏe để làm người không biết sợ. Phải không quá cẩn thận để dám làm. Phải rộng rãi để giúp người mà không so đo hơn thiệt. Nếu cần dám quên mình mà giúp người.

- Quên cả sự chết xông vào cứu một thằng ăn cướp ngay ban ngày, giữa chợ, có phải là hiệp không thưa thầy?

Ông giáo khó chịu vì cái giọng chất vấn bất ngờ của Huệ, trả lời cộc lốc:

- Không.

- Nhảy xuống sông cứu một người sắp chết đuối dù không biết bơi, đã được gọi là hiệp chưa?

Ông giáo càng khó chịu hơn, chau mày đăm đăm nhìn Huệ. Ông thầy làm mặt nghiêm, Huệ không dám cười nữa. Cậu đứng ngay ngắn trở lại, nhưng vẫn nhìn thẳng về phía thầy, chờ câu trả lời. Ông giáo không có cách nào khác, đáp:

- Chưa thể gọi là hiệp. Thêm một người chết nữa, phí đi!

Huệ cười tiếng nhỏ, thưa với ông giáo:

- Vậy là con biết phải làm gì rồi. Gặp một tên thu thuế hống hách và tham lam đang bị bọn cướp đường hành hung, ta không nên can thiệp vào làm gì. Để bọn cướp thanh toán với nhau. Thấy một anh học trò thức khuya, dậy sớm, học thuộc lầu lầu thi phú để thi đậu ra làm ký phủ, duyệt lại, mình phải cứu anh ta, không thì anh ta chết đuối mất.

Ông giáo sững sờ, không ngờ bị cậu học trò nhỏ tuổi dẫn đến chỗ lắt léo đó của luận lý. Ông muốn khuyên Huệ vài điều, nhưng không tìm ra được lời. Cuối cùng ông phải cầu viện đến tuổi tác:

- Chuyện đời có nhiều điều phức tạp. Anh suy ra như vậy có khi đúng, có khi sai. Anh còn trẻ, chưa hiểu hết mọi sự ở đời đâu. Làm việc hiệp nghĩa chỉ trong một khoảnh khắc, suy tính do dự thì không làm

được. Nhưng xem xét, quyết đoán việc ấy có đúng là "hiệp nghĩa" hay không, không thể vồ vập. Phải so đo, cân trọng. Ngày xưa vì phần đời mà ông Tử Trường chép truyện du hiệp. Anh còn trẻ quá. Tôi quên mất điều đó. Làm được một du hiệp đã khó. Định được đâu là người hiệp, càng khó hơn. Thôi, ta bỏ qua chuyện rắc rối đó đi. Kìa sao cánh mũi anh sưng lên như vậy?

Huệ ngượng ngịu đưa tay lên sờ mũi mình, đáp lời:

- Dạ, chỉ là cái mụn.

Ông giáo cố lấy giọng thân mật khuyên:

- Phải cẩn thận. Đưa tay dơ rờ lên hoài, nó làm độc. Có người bị phong đòn gánh, chết co quắp đau đớn, chỉ vì cái mụn nhỏ.

Huệ rút tay về, hai bàn tay bối rối thêm, không biết giấu vào đâu. Ông giáo không nhận ra được cậu học trò vừa chất vấn mình lúc này. Huệ than:

- Ở cái tuổi con, đứa nào cũng bị cái nạn này. Cái mụn này vừa lặn, hai ba cái khác đã nổi cộm lên. Khó chịu lắm. Không hiểu sao con lại bị nhiều hơn anh Chinh và thằng Thìn.

*

* *

Một buổi chiều khác, Huệ lại đột ngột hỏi thầy:

- Cái câu: "Ăn trộm lười câu thì chết chém. Ăn trộm nước người thì phong hầu. Cửa nhà hầu nhân nghĩa thiếu gì đâu!", con đoán hình như không phải lời ông thái sử. Thưa thầy có đúng thế không?

Ông giáo giật mình quay nhìn Huệ, xua tay gạt đi:

- Anh đừng thắc mắc bài đó nữa, không đáng gì đâu.

Huệ nhất định tiến tới, nói tiếp:

- Nếu chính là lời ông thái sử, thì đã không có câu: "Thiệt không phải là nói ngoa" ngay phía dưới.

Ông giáo đành phải giải thích:

- Ông Tử Trường dẫn lời của thầy Trang trong sách Nam Hoa. Anh đừng hỏi thêm thầy Trang là ai và sách Nam Hoa nói gì. Chỉ nên biết cả bài Tựa Truyện du hiệp chỉ là lời nói phần. Lúc đó ông thái sử không đủ bình tĩnh và sáng suốt nên bị người đời sau chê không ít.

Huệ lại hỏi:

- Bọn dám chê ông thái sử thuộc hạng nào, thưa thầy? Hạng trộm lười câu thì chết chém cả rồi, chỉ còn hạng ăn trộm nước. Trộm được nước rồi thì tự nhiên nhân nghĩa tìm tới. Hạng ăn trộm lớn đem nhân nghĩa làm cục kê, như bọn đàn bà kê thốt mà đánh vảy cá. Nghĩ tội nghiệp cho hạng cướp nhỏ, thèm ăn cá mà chỉ dám ăn trộm cái lười câu.

Ông giáo lo âu, sợ lại bị Huệ dẫn vào lối bí như hôm trước. Ông cố trấn tĩnh, thân mật vỗ vai Huệ bảo:

- Sách của Tử Trường phức tạp lắm, người chưa hiểu đời khó thấy cái tinh túy. Anh thích sử. Thôi được rồi, tháng sau tôi giảng cho anh nghe sử Nam. Tôi còn giữ được bộ Toàn Thư.

Nét mặt Huệ rạng rỡ hẳn lên. Xúc cảm hân hoan làm cho giọng nói của cậu lắp bắp khác thường. Cậu

nói:

- Con chỉ mong có vậy. Nhiều lần con muốn hỏi thầy, nhưng sợ thầy giận. Tại sao ta không học sử nước mình mà lại tụng lâu lâu Bắc sử? Tại sao không học chữ nước mình? Cái loại chữ thường gọi là "chữ ta", thừa thầy, thật ra đâu phải là chữ ta. Đọc lên phải diễn nghĩa ta mới hiểu, đâu được rõ ràng như mình nói "hột muối, lá trầu, con cá, cây măng".

Ông giáo vội nói lấp cho qua chuyện:

- Trước hết, hãy học chữ ta cho thông đã. Sau đó mới học cho biết thêm chữ nôm. Nhưng sách nôm không có nghĩa lý gì cao thâm đâu. Toàn những chuyện phong tình, ngâm vịnh cho qua thì giờ đó thôi!

*

* *

Lữ từ nhà ông giáo trở lại nhà học, nói với biện Nhạc:

- Thầy mời anh tối nay ăn cơm.

Biện Nhạc dợm phản đối, nhưng ngừng lại kịp. Giọng của ông biện lấp lửng:

- Thôi cũng được. Thế nào cũng phải ăn cơm một lần, không thì ông ấy giận. Tao định tối nay ra ngoài ông thầy Tàu, xem tụi bây học hành ra sao?

Lữ nhìn lên phía nhà thầy giáo. Sau một lúc ngập ngừng, Lữ đến gần anh nói nhỏ:

- Em nghĩ... em nghĩ... hay là ta dẹp quách chuyện học chữ. Mấy tháng nay rồi, có được gì đâu. Mà tốn kém quá.

Biện Nhạc đang nhai trầu, vội nhả miếng trầu nhai dở ra khỏi miệng, ngạc nhiên hỏi:

- Hả? Mà nói cái gì?

Lữ sợ, im lặng không đáp. một lúc lâu, anh mới nói:

- Em xuống dưới này học, anh phải mất công thuê người trông coi trại Tây Sơn Thượng. Anh chọn đúng người đấy, nhưng người dưng nước lã làm sao lo công chuyện nhà mình chu đáo được. Thăng Huệ xuống đây, anh đi nữa, Kiên Thành coi như cái nhà hoang. Bù lại, chỉ được mấy miếng võ, và ba cái chữ nát.

Nhạc vứt miếng trầu đi, nghiêm nghị bảo Lữ:

- Mà chỉ được thấy cái tấm mắt, mà không thấy được hòn Một. Mà tưởng người ta để yên cho mình làm ăn hay sao? Mà không được chữ nào thì thăng Huệ cũng được vài ba chữ. Thăng Huệ không được chữ nào, thì cái bụng chữ của thầy còn đó, nhờ vả lúc nào không được. Lữ ký lục hết múa bút làm đơn thuê phá mình như lâu nay. Chuyện gì cần tốn, phải biết tốn.

Lữ im lặng nghe lời anh, nét mặt dàu dàu không mấy thỏa mãn. Nhạc chờ em đáp, nhưng không thấy Lữ nói gì. Ông biện biết không thể thuyết phục nổi Lữ, vì nếu có nói gì thêm, thì điều đó đòi hỏi tầm nhìn còn xa hơn cả điều vừa nói. Cho nên ông biện cũng im lặng. Hai anh em cùng chờ nghe lời nhau. Sau cùng, Lữ nói:

- Mấy tháng nay em xuống dưới này, chắc lũ nó mừng lắm.

Nhạc hỏi:

- Lũ nào?

- Tụi trên Tây Sơn Thượng. Anh coi chừng, không để mắt tới, chúng nó bán luôn cả anh lúc nào không biết. Nào là pha trầu loại hai vào trầu loại nhất để tính tiền cao. Nào là đổ thừa trời mưa để ăn bớt muối. Tụi nó ranh, nhưng làm sao qua được mắt em. Chỉ cần nhìn xuống là biết trầu loại nào.

- Kiên nó được việc lắm. Được cái tính thẳng, tuy có hơi chậm chạp. Nghề dạy nghề, cần có thời gian, miễn là...

Lũ chợt nhớ điều quan trọng, vội cắt lời anh:

- Trên trại cho tụi nó ăn lúc nào?

Nhạc không hiểu ý em, hỏi lại:

- Lúc nào là thế nào?

- Em hỏi buổi sáng có cho ăn gì không?

- Thì cho ăn bắp hầm trước khi đi làm việc như thường lệ. Hôm vừa rồi tao lên, có cho thêm đường làm kẹo.

Lũ đưa hai tay bứt tóc, tỏ dấu bức bối:

- Vậy là bao nhiêu công phu của em đổ sông đổ biển hết. Em đã tập cho tụi nó quen ăn hai bữa, bây giờ lại thêm bữa sáng. Của đâu chịu cho nổi.

Đến lượt Nhạc ngạc nhiên:

- Không ăn sáng sức đâu chúng nó lên rẫy, lên nguồn.

Lũ đáp:

- Còn cho ăn sáng thì sức đâu mà chịu nổi. Tụi nó dậy sớm hầm bắp, nấu nước pha trà, tốn dầu đèn. Ăn no xong, ngồi uống trà cả buổi chờ mặt trời lên khỏi núi mới chịu vác gánh ra đi. Chưa được nửa bước, đã lo về nấu cơm ăn trưa. Ngủ một giấc. Chiều tối lúc nào không hay. Phía trên núi, phía dưới núi. Mặt trời mọc đó rồi lặn đó, chỉ đủ thời giờ nấu ba bữa ăn. Núi cũng lở chứ đừng nói cái trường trầu!

Nhạc đã biết tính em, nhưng đây là lần đầu tiên chính miệng Lũ nói thật và đủ những suy tính của mình. Ông biện không khỏi lo âu cho cái tính tòn mún tội nghiệp đó. Mà nói cho vỡ lẽ cũng khó. Chỉ còn một cách. Ông biện nói:

- Tụi trên trại năm cha bảy mẹ, sai được chúng nó đi không phải dễ. Chúng nó không phục, là nuôi ong tay áo. Đã có khi dòm nhà rồi đó. Mà có nhớ lão Thung không?

Nét mặt Lũ trở nên rạng rỡ. Lũ đáp nhanh:

- Anh quên sao? Hôm lễ khai tâm, chú ấy có đến đây mà.

Nhạc nói:

- Ấy, chính lão Thung đó. Hẳn ý có tiền, định tranh nguồn hàng của mình. Chưa, chưa dám tranh nguồn trầu. Chỉ mới dòm ngó nguồn lợi chở muối lên rừng thôi. Tháng trước, lão giả vờ leo đèo lên trại thăm tao, tuy biết rõ là tao đang ở Kiên Thành. Hẳn hỏi thăm đủ chuyện. May hôm đó có thằng Lợi trên trường trầu, không thì hư việc hết.

Mẫu người lý tưởng của Lũ bị phỉ báng, nên anh im lặng, bần khoản. Chắc hẳn những điều anh cả

nói đều đúng. Lâu nay, do không động chạm đến lợi của nhau, mối quan hệ giữa hai người thật tốt đẹp. Anh cả nổi giận, phải có lý do chính đáng. Tại sao chú Thung làm vậy? Cái nhà như thế, cái vườn như thế, ruộng đất, gia sản như thế, còn ước muốn gì nữa? Hay gì cuộc sống chìm nổi, long đong, buông tuồng nơi đầu đường cuối chợ!

Lúc đó, Huệ vừa đi tắm sông về. Lữ được dịp thuận lợi, ôm mỗi hồ nghi ra vườn sau một mình. Biện Nhạc nói đùa với Huệ:

- Mà không về sớm nhìn cái mặt thẳng Lữ. Tại tao chạm đến chú Thung của nó.

Huệ hỏi anh:

- Có phải chú Thung có cái vườn sum suê đẹp đẽ không? Anh Lữ mê cái vườn, chứ không phải mê ông chủ.

Nhạc cười, giọng giễu cợt:

- Bây giờ thì ông chủ chán cái vườn đẹp của mình rồi. Hẳn định đi buôn nguồn. Chưa hết. Còn định ve vãn tụi trên trại nữa. Lão ý có nhiều tiền hơn mình. Nhưng tao đã có cách.

Huệ chậm rãi nói:

- Lữ du thủ du thực của anh, giá cao hơn một chút là mua được. Lâu nay em nghe tụi nó than phiền anh Lữ hẹp lượng, không biết bữa nay thế nào?

- Tao biết. Chuyển vừa rồi có thồ lên đầy đủ nào muối, mắm, đường, dầu ăn. Tao còn định mượn tiền thuế trả trước cho nậu nguồn, mua non cũ trâu sắp tới. Mua măng le cũng làm như vậy. Hoặc bao nhiêu tiền đem mua muối hết, thồ lên cho các buôn.

Huệ nói:

- Em nghĩ không nên động đến tiền thuế Vân Đồn.

Nhạc kinh ngạc hỏi:

- Sợ thâm à? Trâu và măng le mình nắm trong tay, chắc chắn hơn là đồng tiền kẽm. Người ta trử lúa chứ không chịu cất tiền, mình trử trâu và măng cũng vậy. Tiền thuế còn lâu mới nộp đủ, mình mượn đỡ trong thời gian ngắn.

Huệ thấy anh không hiểu mình, vội giải thích:

- Ý em không phải vậy. Em nghĩ bọn cai tổng, duyệt lại bóp họng dân lấy thuế nộp lên phủ, phủ chở ra kinh. Đồng tiền thuế vấy đờm vấy máu của nhiều người, không sạch, không nên động đến.

Biết tính Huệ thẳng thắn đến độ răn mắt, nhưng Nhạc không ngờ em nghĩ như vậy. Ông biện trở mặt nhìn em, cuối cùng cười to, vỗ vào vai Huệ bảo:

- Té ra mấy tháng nay mày học được bao nhiêu đó. Khá lắm. Mày hơn thẳng Lữ, còn nhớ được vài ba chữ trong sách. Được lắm. Miễn đừng có học thuộc lòng. Tao ghét mấy thằng nho hủ!

*

* *

Sau bữa cơm, ông giáo mời biện Nhạc ra sân trước ngồi uống nước trà. Bụng đầy các thức ăn béo và ngậy gia vị, cả hai đều muốn tìm một chỗ nằm nào đó để tận hưởng cảm giác no đủ, buông thả lười lỉnh.

Phép cư xử buộc họ, ngồi lại, cho nên sau khi uống cạn mấy tách trà, câu chuyện qua lại vẫn cứ còn ngắc ngứ. Họ mon men tìm mãi một đề tài chung, nhưng tìm chưa ra. Biện Nhạc ngại ngừng trước cửa ngõ của chữ nghĩa, còn giáo Hiến lại vụng về trong các chuyện làm ăn. Thời tiết tốt không có gì đáng bàn. Sức khỏe của mọi người trong cả hai gia đình, đã thăm hỏi ngay từ đầu bữa. Ông giáo hiểu trách nhiệm ràng buộc của chủ nhà, bạo dạn hỏi thăm ông biện:

- Kỳ này ghé đây, chắc là ông có việc quan?

Biện Nhạc vội cải chính:

- Thưa không. Chuyện riêng thôi. Có một chuyến muối bị trạm canh giữ lại không cho đi. Tôi phải xuống nói qua một tiếng.

Giáo Hiến ngạc nhiên hỏi:

- Mình nộp đủ thuế, sao lại bị giữ?

Biện Nhạc cười, vừa bao dung thông cảm cho kinh nghiệm ít ỏi của ông giáo về trường đời, vừa có ý mỉa mai:

- Có nghìn cách để làm khó dễ, thầy không biết sao! Thuế chuyên chở đường sông, thuế bến, thuế muối. Nếu mọi thứ thuế đã nộp đủ thì hỏi thuế đình. Thuế đình đóng đủ, thì bảo có đũa tổ cáo ghe muối có chứa hàng quốc cấm, phải mở từng bao ra để kiểm soát. Một con dao bồ cau có thể là vũ khí của bọn làm loạn. Lôi thôi dài dòng lắm. Tốt hơn hết là phải biết điều.

Ông giáo thắc mắc hỏi:

- Chúng nó loạn thế, quan trên có biết không?

Biện Nhạc đang đưa chén nước lên uống, ngưng lại nửa chừng, quay nhìn ông giáo, không tin một người từng trải như ông lại có thể hỏi như vậy. Thấy nét mặt ông giáo có vẻ thắc mắc thật tình, ông biện nói:

- Thầy tính, quan trên của chúng của chúng ta là ai? Là quan phủ chăng? Hoặc cao hơn nữa là triều đình chăng? Tôi nghe nói quyền hành ở Phú Xuân đều nằm trong tay quan quốc phó. Ở phủ Qui Nhơn này, hai nguồn Trà Đình, Trà Vân tiền thuế được chúa cấp cho quan quốc phó làm bổng lộc. Hằng năm thuế trên 2.500 quan, chưa kể bạc tốt và đèn nhựa trám. Của ở đâu mà lắm vậy, nếu không có bọn lính kiểm tra các trạm thuế.

Nghe biện Nhạc kể xấu bọn đàn em của Trương Phúc Loan, ông giáo thấy lòng khắp khởi. Nhưng ông giấu không để lộ niềm vui ra nét mặt, giả vờ hỏi:

- Làm sao ông biết rõ thế?

Biện Nhạc nóng nảy nói:

- Làm sao ư? Vì chính tôi cũng là một tên chuyên nghề bóp hầu bóp họng dân đen nộp cho quan quốc phó. Chỉ cần nghe chúng đằng hắng một tiếng, tôi đã biết trước chúng định nói gì. Chỉ có điều đáng thương là chúng nắm đồng tiền chưa nóng tay, quan trên đã chụp lấy, rồi lại nộp lên quan quốc phó. Nghe nói, biệt thự ở Phấn Dương càng ngày càng rộng, nguy nga thêm, nên tốn nhiều của. Thưa thầy, có đúng như thế không?

Ông giáo dè dặt đáp:

- Tôi ở kinh nhưng ít đi đâu xa. Vâng, nghe nói đồ sộ lắm. Chẳng kém gì vương phủ.

Mắt biện Nhạc sáng lên, ông biện tò mò hỏi:

- Thế thầy đã được thấy cung điện nhà vua chưa?

Ông giáo ngại ngùng một lúc, rồi ồm ờ đáp:

- Thỉnh thoảng tôi có qua đó.

Ông biện nôn nóng hỏi:

- Có rộng bằng thành Đồ Bàn ở đây không thầy?

- Tôi chưa thấy tận mắt thành Đồ Bàn, chỉ nhìn qui mô các ngọn tháp thì chắc lớn lắm. Còn thành Phú Xuân cũng đồ sộ. Thành xây dọc theo sông Hương, hình vuông, từ ngoài vào đến cấm thành có ba lớp. Có tất cả bảy cửa vào. Cửa ngo môn trông thẳng ra bờ sông.

- Nhà vua thiết triều ở đâu, thưa thầy?

- Ngay ở điện phía trong Ngọ Môn. Mỗi tuần thiết triều hai lần. Quan võ tùy cao thấp mà đứng hầu thứ tự ở bên tả. Quan văn bên hữu.

- Ngai vàng đặt ở giữa, phải thế không?

- Vâng, chiếc ngai thếp vàng được đặt trước một cái bàn, trên bàn thường có ống sứ quý cầm bút, một hộp ấn, một nghiên son.

- Còn cấm thành?

- Đó là chỗ nhà vua ở, gồm năm tòa, tòa chính cao nhất ở trên có một vọng lâu có thể quan sát được cả kinh thành và quang cảnh sông núi quanh đó. Đặc biệt nội cung không xây bằng vôi, gạch, mà dựng toàn bằng gỗ, chạm trổ công phu. Cột nhà bằng gỗ quý màu cam, tường phủ màn gấm. Các thời trước cung điện còn đơn sơ. Nhưng từ thời Hiếu Võ Hương, hoàng thành được xây dựng công phu tráng lệ như ta thấy ngày nay. Có người cho rằng cảnh phú quý ở kinh đô không thua Giang Nam mấy.

Biện Nhạc chột hỏi:

- Mà sao thầy biết tường tận thế?

Giáo Hiến giật mình, vội nói:

- Tôi không đồ đạt gì, nhưng có nhiều bạn bè thành danh, làm quan trong triều. Những kẻ có lòng không sợ giao du với người thất thế vẫn đến thăm nom tôi luôn. Biết võ vẽ vài chuyện vặt trong cung sâu là nhờ thế!

Ông giáo tự đặt điều để giấu tông tích mình, rồi chính những lời bào chữa bất đắc dĩ ấy, thấm dần vào tâm não ông. Lòng ông lâng lâng cái buồn của kẻ thất chí. Ông im lặng hồi lâu không nói tiếp được, trong khi biện Nhạc trân trọng chờ ông kể tiếp. Đột nhiên, ông giáo ngậm ngùi bảo:

- Tôi trôi dạt về đây, may mà gặp ông. Không thì... Nhưng có đi đến đâu! Chẳng khác gì Đỗ Phủ gặp Lý Qui Niên ở Giang Nam, viết tặng bạn tri kỷ hai câu thơ:

Chính trị Gian Nam hảo phong cảnh

Lạc hoa thời tiết hựu phùng quân.

Nghĩa là:

Chính lúc phong cảnh Giang Nam đang đẹp

Giữa mùa hoa rụng, lại gặp anh!

Gặp ông giữa mùa hoa rụng, tôi hết thời, còn làm gì được!

Biện Nhạc không hiểu hết ý nghĩa hai câu thơ ông giáo vừa đọc, nhưng nét mặt ông giáo, giọng thơ buồn, những chữ vô nghĩa nhưng âm hưởng lê thê như tiếng vọng râm rì từ những tiếng sấm xa trong núi, đã giúp ông biện hiểu thẳng tâm sự người thầy dạy học của hai em. Biện Nhạc chồm người tới phía trước, hai tay nắm bàn tay phải của ông giáo đặc đặc, kính cẩn nói:

- Thầy chưa hết thời đâu. Bọn dân núi chúng tôi đây, tuy không hay chữ, nhưng biết kính trọng người có chữ. Thầy sẽ giúp cho chúng tôi nhiều việc. Chúng tôi biết quý người tài. Chuyển xuống Mỹ Cang vừa rồi, tôi có gặp một người bạn buôn từ cửa Hội vào. Anh ta nói có biết thầy. Tôi nghe mừng lắm. Thầy chưa hết thời đâu!

Ông giáo giật mình, ngừng lên nhìn đăm đăm vào mặt biện Nhạc dò xét. Ông biện mỉm cười, giữ vẻ thản nhiên tự tin. Từ đó cho đến lúc chia tay về nghỉ đêm, câu chuyện giữa hai người trở lại ngắt ngứ, quanh co, nhạt nhẽo.

Chương 8

Cho đến cuối mùa đông năm Tuất (1766), gia đình ông giáo về An Thái được gần một năm rưỡi. Nhẩm tính lại khoảng thời gian ngắn ngủi đó, ông giáo mừng đã vượt qua được một chặng đường gian truân, tuy có chịu nhiều mất mát chua xót. Ông mất người bạn đường đã cùng ông thăng trầm trên hai mươi năm. Nắp áo quan đã đóng. Những năm đất của người ở lại rơi trên tấm ván thiên dội những tiếng đục. Dù đã được chuẩn bị thật lâu để chịu đựng một cuộc phân ly, cái chết của bà giáo cũng để lại thật lâu trong lòng ông giáo một cảm giác trơ trọi hoang mang. Có nhiều buổi chiều, khi lũ học trò và các con đã về hết, ông ở nán lại trong khu đất miếu, ngồi nhìn những đám mây thay đổi màu sắc vờ vẩn trôi giạt trên bầu trời ngả tối. Ông đứng dậy, chân bước không nghĩ ngợi, không chọn hướng tới. Và hôm nào cũng vậy, lúc ý thức được toàn vẹn điều đang làm, ông mới nhận ra mình đang đi về phía mộ bà giáo.

Ông cũng phải xa một đứa con. Tết năm Dậu, Kiên có về thăm nhà một lần, mang về cho các em một gùi măng khô và đậu phộng. Vốn ít nói, Kiên chỉ kể sơ lược đời sống hiu quạnh của mình trên Tây Sơn Thượng. Những câu trả lời giống một của Kiên khiến An mỉm lòng, cay cay ở khóe mắt. Chính tò mò muốn hiểu rõ sinh hoạt của dân miền ngược, bắt anh kể đi kể lại mãi về những cuộc săn nai, những chuyến leo núi, những lần len lỏi trên đường rừng đem muối đổi trâu và măng le tận các buôn thượng. Riêng ông giáo, ông lấy làm ái ngại cho con. Ông biết Kiên không tìm được một đời sống như ý. Cái nhiệm vụ quản lý buôn bán, trông coi một đám đông trai tráng ô hợp giữa một thung lũng vây bọc những núi là núi, mà người nào cũng có một mối hận với đời hoặc canh cánh nỗi khao khát được vượt đèo nhìn trở lại đồng bằng, biển cả, công việc ấy vượt quá sức của Kiên. Nhưng biết làm thế nào khác được! Kiên lười viết thư, có chuyến thồ nào về xuôi chỉ gửi ít măng, đậu, bắp về cho gia đình kèm thêm một lời nhắn "vẫn mạnh". Thế thôi!

Phần may mắn của gia đình ông, không nhỏ. Gần như các thứ gạo, mắm, trà, thuốc, ông biện sai người đem biếu đều đều theo các chuyến hàng đã đủ cho cả nhà ông chi dùng. Phần dư dả là quà cáp của các phụ huynh học sinh khác, hai mùa bắp và một mùa lúa gieo của các đám miếu. An đỡ vất vả vì thôi làm hàng xáo, ở nhà trông nom thằng Út tươm tất hơn. Khoảng vườn nhỏ phía sau nhà xanh um những rau, cà, ớt. Chính tiếp tay Kiên dựng tạm một chuồng nuôi heo, gà. Nói tóm lại, đời sống của gia đình ông có thể tạm gọi là "an cư lạc nghiệp".

Nhưng cũng chính vì phần may mắn này mà giữa hai gia đình ông giáo và Hai Nhiều càng ngày càng có nhiều mối bất hòa. Bắt đầu luôn luôn là những chuyện lật vật: thằng Út nghịch ném đá vào con gà trống của nhà Hai nhiều, làm lộ hết một con mắt; An un lá tre vô ý quên xem hướng gió, để khói giạt cả vào nhà cậu mợ giữa bữa cơm chiều; một con heo bị sổng chuồng, một cái rác tấp qua tấp lại... ôi thôi biết bao nhiêu cái tụn mủn từng góp thành mối buồn phiền cho những kẻ láng giềng bất đắc dĩ. Và như nhiều trường hợp khác, mối bất hòa giữa hai nhà có từ phía đàn bà trước. Như hôm cái An un lá tre. Thấy khói bốc cao rồi ùn ùn giạt cả sang phía nhà cậu mợ, chưa kịp lấy nước dập tắt lửa thì từ phía bên kia, giọng Kiên đã

vọng sang:

- Ai đốt rác làm ơ làm phước chờ cho người ta ăn xong bữa đã. Trời đánh còn tránh bữa ăn, nghe không?

An chưa kịp xin lỗi, thì bà Hai Nhiều đã phụ họa:

- Thôi con. Ráng chịu một chút không sao. Người ta quen biết lớn, nói làm chi cho thêm rầy rà.

Kiên cao giọng đáp lời mẹ:

- Quen ai mặc kệ, sống nhờ trên đất người ta thì phải nể chủ nhà. Không đừng rước hạng trôi sông lạc chợ! Bây giờ mẹ đã thấy chưa!

Có tiếng ông Hai Nhiều cầu nhàu những gì không rõ. Rồi bà Hai Nhiều quay sang xỉa xói chồng:

- Ông có sợ thì qua bên mà năn nỉ họ. Phải mà. Mẹ con tôi hàng tôm hàng cá mà! Họ hàng nhà ông toàn người chữ nghĩa, văn hay chữ tốt, muốn làm gì ai không được!

Hôm đó Chinh giận quá, muốn qua nhà cậu mợ trả đũa cho hả, nhưng ông giáo ngăn lại. An dập tắt đồng lá tre, đứng bên này nhìn qua bên kia chờ có ai ra vườn giải thích vài điều vừa để xin lỗi, vừa để tìm lời bóng gió nói kháy. Nhưng không có ai bên vườn Hai Nhiều cả. Từ đó, một thứ ngăn cách trầm lặng, lạnh lẽo dựng lên giữa hai gia đình. Người bên này tránh gặp mặt bên kia, có nói chuyện gì cũng phải có sự hiện diện của một người thứ ba. Tình trạng ngày càng trầm trọng, và không còn cách nào cứu vãn được khi đàn gà Chinh nuôi sang bươi nát đám cải của nhà cậu mợ. Ngay hôm sau, Hai Nhiều dựng một hàng rào dày bằng một thân cau, ngăn cách hẳn hai khu vực, quyền định ranh giới dĩ nhiên thuộc Hai Nhiều. Ranh giới ấy cắt làm đôi mấy vòng lang của Chinh, và nếu không có chút nể tình lân lý vào phút chót có lẽ đã đâm ngang vào hông cái chuồng gà của ông giáo. Thấy chồng có phần nào mạnh dạn sử dụng quyền chủ đất, bà Hai Nhiều nhổ phăng đám rau lang ở về phía vườn mình vứt ra đường cái. Điều đó vượt quá mức chịu đựng của Chinh. Không nói năng nhiều lời, anh ta xắn tay áo lên, ra nhổ phăng cả cái hàng rào, đem vứt trước nhà cậu mợ.

Đến lúc đó thì đám đàn ông mới vào cuộc. Vì số người ít hơn, tài ứng đối kém hơn, cha con Hai Nhiều hậm hực nuốt sự thất bại. Vả lại cuộc tranh chấp cũng đã kéo dài tới quá khuya rồi. Cả hai bên đều mệt mỏi. Ông giáo vẫn ngồi uống nước trà phía bên này, ráng hết sức nhẫn nhục để đứng ngoài, đứng trên những chuyện có thể làm giảm thể giá của mình. Rõ ràng ông ngồi trên lửa, nhưng thà lửa thiêu cháy cuộc đời ông còn hơn ông ra vườn sau đối đáp lời một lời hai với Hai Nhiều. Thế mà sáng hôm sau, khi thức dậy, men chiến thắng còn lâng lâng, gia đình ông giáo đã thấy người ta dựng lại cái hàng rào từ lúc nào rồi. Ranh giới mới lần sâu về phía bên này thêm hai thước!

*

* *

Lợi xuống An Thái báo tin chị dâu mình là Ba Lý bị đau nặng cho vợ chồng Hai Nhiều biết, đúng vào lúc đang có không khí căng thẳng ấy. Không am tường tình thế, vô tình Lợi đổ thêm dầu vào lửa. Vừa vào nhà Hai Nhiều báo tin dữ xong, Lợi đã khệ nệ ôm xách đủ thứ chai lọ qua nhà ông giáo. Anh thấy cái hàng rào, bước chân khựng lại. Nhìn đám cỏ non xơ xác, Lợi đoán: Phải rồi. Chỉ tại ba con gà. Rào là

phải. Không rào, làm gì có cái ăn tết. Lợi đi vòng ra đường, vào nhà ông giáo bằng cổng chính, ngang qua nhà học. Thấy cả lớp đang lắng nghe ông giáo giảng nghĩa, Lợi hơi e ngại không dám bước tiếp. Có một sức mạnh nào đó thôi thúc sau lưng Lợi, mạnh hơn cả nỗi e dè. Lợi bậm môi, cầm cúi đi qua nhà học, thẳng xuống phía bếp nhà ông giáo. An đang ngồi vá cái áo cho cha. Lợi cuối xuống đặt các thứ linh kinh trước mặt An, thờ phào một cái khoa trương sự mệt nhọc, rồi cười nói rất tự nhiên:

- Thế nào cô Răng Rứa! Thường chứ! Lần này nhất định không quên như mấy lần trước, để khỏi bị chê là anh chàng cuội. Đáng lý chuyển ghe tháng trước tôi ghé đây rồi, nhưng sau nghĩ lại chưa mua giùm dầu phộng cho An. Thành ra đi luôn. Chuyển này đem xuống đủ cả. Đây này, hai cái tĩn này đựng nước mắt, cái có chữ thập vôi trắng là nước mắt nhĩ, ngon lắm. Cái có vòng tròn là nước mắt thường, dùng để nêm. An nhớ nhé, đừng dùng nước mắt nhĩ nấu canh, kho cá phí đi. Nhất đấy. Giã ớt tỏi rồi thêm vài muỗng nước mắt nhĩ, chan vào cơm nóng, ăn quên no. Nhớ cái tĩn có vòng tròn là nước mắt nhĩ...à quên, cái tĩn có chữ thập mới là nước mắt...

Lợi ngưng lại, không dám tin trí nhớ của mình. An nhìn nét mặt ngô nghê của Lợi, cười xòa. Lợi vẫn chưa nhớ ra ý nghĩa các ký hiệu, An nói:

- Kỳ trước em chỉ hỏi qua cho biết thế nào là nước mắt nhĩ, chứ có dám làm phiền anh đâu. Cha em dễ tính, ăn uống không cầu kỳ. Việc gì anh phải khổ nhọc thế!

Lợi giận mình lơ đãng, đưa bàn tay đập đập vào trán như để lay trí nhớ dậy. Lay mãi không được, nhưng Lợi tìm ra được cách giải quyết:

- Thôi thế này. An có con dao nào không? À, nó đây rồi. Chao! Cái mũi dao tà quá. Để tôi cạy nắp cái tĩn này lên là biết ngon dở ngay.

Lợi ấn mũi dao nạy lớp vôi trét quanh nắp tĩn, cẩn thận phải hết các mỗn vôi trắng trước khi lật nắp. Mùi nước mắt hơi nồng. Lợi không e ngại gì cả, tự nhiên vào bếp nhà An lục sòng chén lấy một cái chén nhỏ và một cái muỗng con. Anh nghiêng tĩn, múc một muỗng nước mắt màu nước trà đậm ra chén. Còn một chút nước mắt trên muỗng, Lợi đưa lên môi, le lưỡi liếm nhẹ, chấp chấp, mắt lim dim chú hết tinh thần định vị. An chờ Lợi nói, nhưng anh ta chưa dám quyết đoán vội, đưa muỗng lên nếm lần nữa, lặng lẽ chờ cho đầu lưỡi thấm hết hương vị chất nước thiêng, mắt thôi lim dim nhưng nhìn thẳng ra phía trước, mông lung. Một lúc sau, Lợi mới gật gù:

- Tuyệt hảo. Thật là tuyệt hảo... không thể tìm đâu ra nước mắt ngon hơn. Phải rồi. Cái tĩn... có vòng tròn là nước mắt nhĩ. Còn cái chữ thập là nước mắt thường.

Lợi đưa chén nước mắt cho An nếm thử. An thấy mùi hơi ngậy, nhưng khi nếm xong, có vị ngon ngọt lắng tăng thấm lâu trên đầu lưỡi. Không chờ cho An ý kiến, Lợi xếp cái tĩn vừa khai lại gần cái tĩn có dấu chữ thập, rồi đến mở tiếp hai cái chai có bọc lá chuối khô và cột dây gai cẩn thận. Lợi định mở từng nút dây, nhưng vì vội, mở mãi không ra. Cuối cùng, anh dùng dao cắt phăng mấy mối dây, lôi ra từ lớp lá dày một cái chai đựng dầu. Lợi khoe:

- Dầu phộng hạng nhất đấy nhé! Phải dặn trước, không thì chúng nó lại bán loại dầu phàm, ăn hôi ngửi. Thằng cha bán dầu nó hận tôi lắm, nhưng buồn bán mà, khôn sống mớng chết.

An thấy Lợi dừng lại, biết anh ta chờ một câu hỏi tò mò của An rồi mới kể tiếp. Cô tỉnh nghịch, giữ im lặng làm như không biết ý Lợi. Cho nên Lợi đành phải tiếp:

- An biết không, đối với bọn buôn bán phải cao tay mới được. Tôi dặn đặt mua một lần mười hai chai. Thằng chả y hẹn đem đến đủ mười. Tôi tìm cách chê, để cuối cùng chọn hai chai dầu ngon nhất, còn trả lại hết. Mua dầu phộng mà không sành, tụi nó pha thêm dầu dừa vào. Thà chịu mua cao một chút mà được ăn dầu nguyên chất.

An hơi ngại ngùng khi sắp nói đến chuyện tiền. Cô nghĩ: nhân lúc này ta phải hỏi ngay, không còn lúc nào thuận lợi hơn. An hỏi:

- Cả hai chai dầu này nữa, An có nhớ, nhưng không ngờ việc chọn lựa rắc rối như vậy. Biết một lần, lần sau không dám phiền anh nữa đâu. Anh Lợi này, cho An xin gửi lại tiền mua dầu và nước mắm. Công phu anh mang xách xuống tận đây, quý hóa lắm rồi, không dám...

Lợi gạt ngang lời An xua tay nói mau:

- Không, không. Tôi chỉ có cái công mua và mang xuống đây thôi. Còn tiền là của bác biện. Nói thật đấy. Ông biện dặn bạn hàng dưới Gò Bồi đem nước mắm lên, và dặn đoàn thồ mang dầu xuống. Tiền nông không biết bao nhiêu, giữa bạn hàng với nhau, chắc không cao đâu. Đừng ngại.

An biết Lợi nói dối nhưng không tìm ra cách buộc Lợi nói giá cả hai món nước mắm và dầu. Có tiếng gọi Lợi từ phía nhà Hai Nhiều, hình như tiếng bà vợ. Lợi chớp ngay cơ hội, dặn dò lần nữa cho An phân biệt hai tũn nước mắm, rồi trở về nhà bên kia. An đang băn khoăn không biết xử trí thế nào cho phải, thì Lợi trở lại. Anh lấy trong bọc một gói giấy nhỏ đưa cho An:

- Tí nữa lại quên. Chuyển đi Mỹ Cang vừa rồi, thấy kim và chỉ may loại tốt, tôi có mua cho An. Có cả chỉ màu để An tập thêu. Thôi về nhé. Chắc thế nào bác Nhiều gái cũng theo tôi lên thăm chị Lý. Đây, tôi nói riêng cho nghe đừng kể cho ai nhé, chị Lý đau vì bỏ ăn mấy ngày liền. Mà bỏ ăn vì bị anh tôi đánh cho mấy bạt tai. Dâu con mà chanh chua, dám hỗn với mẹ chồng. Lần này mẹ tôi triệu cho được bác Nhiều gái lên để mắng vốn. Vui không?

Chưa quên những lời bóng gió xác xược của mợ, An gạt đầu vừa cười, vừa nói như reo:

- Vui quá. Thật thế à!

*

* *

An ngồi mân mê cái gói kim chỉ Lợi tặng, lòng dịu dịu. Cảm giác thoải mái, thân mật, mơn trớn, còn bàng bạc. Không khí đầm ấm tự nhiên Lợi mang đến vẫn còn phảng phất. Cô suy nghĩ mãi chưa hiểu vì sao mình có thể tiếp Lợi ngay trong cái bếp ám khói và lụp xụp này, quần áo xốc xếch, đầu tóc rối. Cô cũng không cần vén lại mái tóc cho gọn ghẽ, quên cả việc đơn giản là rót một tách nước trà loãng ra mời khách. Mình khinh thường anh ấy chẳng? Không phải. Đối với lũ bạn trai cùng học võ với Chinh, rõ ràng An xem họ như không có, rề rúng đến nỗi không thèm nói với họ một lời. Mình kính trọng anh ấy chẳng? Cũng không. Niềm tôn kính có những dấu hiệu của nó, như sự ràng buộc hạn chế ở một mức độ vừa phải cách ăn nói, cử chỉ. Phải nói những câu không thật sự muốn nói, phải đi đứng theo một cung cách gò bó khó chịu

làm mất hết vẻ tự nhiên, phải vờ vui mừng hay lo âu những điều ta không thực sự vui mừng lo âu, miễn là không động chạm đến nhân cách ưu việt và tri thức khả kính của người trước mặt. Đối với Lợi, An không cảm thấy mình bị chút ràng buộc hay hạn chế nào. Cô nói những điều mình nghĩ, giữ nguyên cái thế ngồi thoải mái, được buông thả trong cách biểu lộ tình cảm. Cô yên ổn được nguyên vẹn là cô, và bằng lòng hoàn toàn về mình. An trở nên linh hoạt, tự tin trước Lợi. An không phải giữ ý, dè dặt từng lời nói đến cử chỉ. Hơn thế nữa, gần như An còn cảm thấy mình trở nên quan trọng, được cái bình thường của Lợi đưa lên cao hơn, đến một chỗ trang trọng tươi sáng mà An có thể cúi nhìn trở xuống với đôi mắt bao dung. Vừa được thoải mái khỏi phải cố gắng rướn lên một bậc cao quá tầm tay, vừa được cái thú vị thấy mình quý giá hơn kẻ khác, đó là những món quà vô hình Lợi mang lại cho cô bé. Những điều phức tạp này, An chỉ cảm thấy, chứ không thể tách bạch rõ ràng. Cho đến lúc Lãng xuống bếp uống nước, thấy chị ngồi mân mê gói kim chỉ, cậu kinh ngạc không hiểu vì sao nét mặt chị rạng rỡ hẳn lên, niềm vui sướng mơ màng hiện rõ trong đôi mắt, và cái miệng mỉm cười. Lãng nhìn chị, rồi nhìn gói kim chỉ, hỏi An:

- Của ai thế?

An trả lời:

- Hả? à, của anh Lợi mua giúp chị đấy!

Lãng vừa thấy thêm hai tũn nước mắt và hai chai dầu đặt gần cái cối đá, hỏi chị:

- Còn những thứ này?

An nói dối em:

- Của ông biện nhờ anh Lợi mang xuống biếu mình.

Lãng gật gù, suy nghĩ một chập rồi đột nhiên nói:

- Sao em ghét cái bản mặt ấy thế!

An bị bất ngờ, nhìn em trân trân, đâm tức giận:

- Ở cái thằng này! Anh ấy có làm gì mày đâu mà ghét người ta!

Lãng nói chậm rãi, giọng bức bối:

- Chẳng làm gì cả! Nhưng em không ưa!

- Mày không ưa người ta cái gì? Có tát tai mày như anh Chinh không? Có nhại cái giọng eo éo của mày như anh Thìn không?

Bị chị đem khuyết điểm của mình ra bêu riếu một cách bất công, Lãng nóng bừng cả mặt. Giọng cậu trở nên lắp bắp:

- Thế chị "mê" hẳn ở chỗ nào? Ở cái giọng lải nhải bép xép động gì cũng nói, chỗ nào cũng xen vào phải không? Hay là tại hẳn chịu xách dép, cầm nón cho chị, mua kim chỉ cho chị mà chị "mê" hẳn. Chị có biết anh Huệ nói thế nào không?

- Nói cái gì?

- Nói về cái anh bép xép của chị đấy.

An bị chạm tự ái, quát em:

- Mày câm miệng lại.

Lớn tiếng với Lãng xong, An ngạc nhiên về chính mình. Hóa ra mấy tiếng "anh bép xép của chị" đối với An, An xem như một lời xúc phạm nặng nề. Không phải xúc phạm đến Lợi, vì quả thực Lợi vốn tính ba hoa, nhiều lời. Xúc phạm ở chỗ Lãng đã ghép đôi An với Lợi, ở hai tiếng "của chị" đầy mỉa mai và phẫn nộ. Thấy chị có vẻ buồn khổ vì mình, Lãng hối hận, cậu tìm cách nói nhỏ lại, giọng tâm tình:

- Em xin lỗi đã làm chị giận. Nhưng cả trường không ai ưa cái tính lảm mồm lảm mép của anh ấy cả. Anh Huệ bảo, nếu cắt cái lưỡi vứt đi, thì anh ấy không đáng một đồng tiền kẽm rí!

An ngồi im, nghiền ngẫm lời em vừa nói, lòng khổ sở đến tuyệt vọng vì sự chính xác của nó.

*

* *

An nghĩ đến điểm đáng ghét của Huệ chính là sự thông minh chuẩn xác đó. Đứng trước mặt Huệ, nói chuyện với Huệ, cô bé cảm thấy mình bị mất mát quá nhiều. Đôi mắt sáng rực lúc nào cũng chứa một ánh nhìn xoi mói và giễu cợt ấy khiến An lúng túng, như bất ngờ bị bắt gặp vừa vờn vai ngáp dài sau giấc ngủ dật dờ, đầu bù rối và mặt mũi đỏ ửng. Không có thể giấu gì được trước đôi mắt ấy. An mất cả niềm an lạc, mất luôn cả lòng tự tin. Cô bé phải lo đối phó, che bớt điều này, căng phòng trí tuệ để trả lời cho được điều kia, rán ngoi lên một chút cho khỏi hụt hẫng. May cho An là hình như Huệ cũng muốn tránh các cuộc gặp mặt hay nói chuyện tay đôi với An. Những cuộc nói chuyện hiếm hoi ấy, đến lúc này vẫn còn để lại cảm giác khó chịu, gần như bẽ bàng. Một lần Huệ bắt gặp An đang ngồi may áo, và hoàn cảnh lúc đó không cho phép một trong hai người giả lơ tránh mặt nhau, vì làm như vậy là đi quá giới hạn cần thiết. Vốn thích ứng rất nhanh với các hoàn cảnh bất ngờ, Huệ nói với An một cách tự nhiên:

- Hôm nay mới rằm tháng mười, An may áo tết hơi sớm đấy!

An bối rối kéo chéo vải về phía mình, rồi đáp:

- Vì rồi nên em may cho xong đi. Đã hẹn lần nữa mấy lần rồi còn gì!

- An may cho thầy chưa?

- Cha em bảo khỏi cần. Cha em bảo đến cái tuổi này, tuổi tác là cái nợ đáng lo hơn là điều đáng mừng. Hết từ lâu cái rạo rực mặc áo mới mùa xuân rồi!

- Còn An thì sao?

- Em ấy à? Gia đình em sắp ăn cái Tết thứ nhì ở đây. Em thành dân Qui Nhơn rồi. Các anh thế nào thì em thế ấy.

Huệ mỉm cười, ngáp ngừng một lúc, rồi nói:

- Giống nhau thế nào được!

An cúi xuống dùng răng cắn đứt sợi chỉ thừa trên cánh tay áo mới, nên không hỏi ngay lý do được. Cô nhìn lên thấy nụ cười giễu cợt còn nguyên trên môi Huệ. An hỏi:

- Sao anh lại cười?

- Tôi cười vì An bảo giống chúng tôi. Chưa giống được đâu!

An bực, giọng gắt gỏng:

- Chưa giống thì đã sao.

- Chẳng sao cả.

- Thế tại sao anh cười?

- Tôi cười vì thấy chẳng những An mà cả nhà thầy cứ lúng ta lúng túng. Vừa muốn sống y như chúng tôi, lại vừa muốn người ta nhìn ra cái gì đặc biệt hơn chúng tôi. Không muốn lằm lằm ra "dân núi"!

An bắt đầu ngờ ngợ trong lời của Huệ có những nhận xét vượt quá bình thường. An hỏi:

- Anh nói gì An chưa hiểu?

Huệ cầm cái áo của An vừa đặt trên rổ may đưa lên cho An xem rồi giải thích:

- Như cái áo này chẳng hạn. An may y theo kiểu ở đây. Thân rộng. Tay ngắn. Ống tay áo rộng cho thuận lợi việc đồng áng. Kiểu kinh vạt dài tha thướt hơn. Tay áo hẹp và dài. Nhưng cứ xem cách cắt áo của An đủ thấy. Ống không rộng quá. Cổ cao lên một chút không giống hẳn kiểu kinh mà cũng không giống hẳn kiểu núi. Tay áo dài quá cùi chỏ nửa gang tay. Mặc áo vào không nói nhưng người ta phải hiểu An muốn nói:" Hãy nhìn cho kỹ nhé. Tuy tôi mặc theo kiểu dân núi nhưng tôi không phải dân núi. Chúng tôi tới đây chưa được hai cái Tết. Nếu không vì hoàn cảnh bắt buộc, thì ở kinh, chúng tôi đã..."

An đỏ mặt lên vì xấu hổ và tức giận. Cô hẳn học nhìn Huệ, giọng nói run run:

- Mặc kệ chúng tôi. Không việc gì đến anh. Không hiểu tại sao cha tôi lại tán tụng anh quá lời như vậy. Anh độc ác, không biết thương hại ai cả!

Huệ hối hận đã làm cho An giận dữ, dịu lời lại:

- Thôi, cho tôi xin lỗi. Tưởng An không để tâm đến những cái lật vạt tôi ba hoa cho vui, không ngờ...

An cướp lời Huệ:

- Không ngờ cái gì. Không ngờ tôi lật vạt nhỏ nhen chứ gì?

- Không phải thế. Sao tôi thấy anh chàng Lợi ba hoa toàn những chuyện không đâu vào đâu hết, An lại thú vị cười khúc khích mãi.

Nhận xét của Huệ như rót thêm dầu vào lửa. An giận tràn hông, không nói được nữa. Còn Huệ thì bờ ngỡ, không hiểu trong câu nói đó có gì xúc phạm mà nét mặt An tự nhiên tái đi, mắt đỏ căm giận, Huệ vội nói:

- Tôi chịu thua không hiểu nổi An. Không hiểu nổi đàn bà. Thôi bỏ qua mọi chuyện đi. Cái áo này may xong chưa? Phải nhận An may đẹp thật.

An buông gọn hai tiếng cộc lốc:

- Cảm ơn!

*

* *

Bà Hai Nhiều theo Lợi lên Xuân Huê hôm trước, thì hôm sau đã về lại An Thái. An tò mò đứng từ bên này rào, kín đáo núp sau một khóm chuối rậm quan sát động tĩnh nhà bên kia, nhưng không thấy gì lạ. Cửa ngang nhà Hai Nhiều đóng im ỉm. Không có cả tiếng chuyện trò của hai vợ chồng, tiếng giã gạo hay tiếng rửa chén bát phía sau giếng. An chờ đợi dấu hiệu phản nộ của vợ. Cô thất vọng. Không có gì khác thường phía bên kia rào. Nếu có là sự lặng lẽ, căng thẳng như những thời khắc báo bão.

An đem chuyện Lợi kể thuật lại với Lãng. Lãng nói:

- Khi sáng em dậy sớm, ra vườn đi tiểu, nghe bên phía nhà mợ có tiếng khóc tỉ tê. Hình như tiếng mợ.

An chưa tin em, hỏi lại:

- Có chắc không?

- Chắc chứ.

- Mợ về hồi nào chị không hay?

- Em nghe chị Kiên bảo về tối hôm trước. Lúc có tiếng chó sủa, chị nhớ không? Thế mà chị cứ cằn nhằn mãi, trách em cài cổng không kỹ, tội trộm mới đến rình.

- Chị Kiên có kể gì thêm không?

- Không. Em nghe chị Kiên trả lời chú Ba Vận. Gặp em, chị tránh đi, làm như không thấy em nữa.

- Trăm sự chỉ tại anh Chinh hết. Cậu mợ rào ở đâu là quyền của họ. Vườn nhà người ta mà. Nhổ làm chi cho xào xáo.

Lãng cãi:

- Ức quá nhịn làm sao được. Không có anh Chinh, cậu mợ đã rào đến chỗ này rồi. Cả con đường đi xách nước nữa, chắc cũng rào luôn. À quên, ang nước đã cạn chưa, để em đi xách cho.

An ngăn em:

- Thôi, thôi. Còn nhiều lắm. Để dùng cho hết rồi chùi lại đáy ang một thể. Hôm qua chị thấy rong đóng một lớp dày. Ủa, Lãng này. Em nhìn kìa. Có cái áo xanh của ai phơi trên dây cạnh giếng vậy? Không phải áo chị Kiên hay áo mợ.

Lãng nheo mắt nhìn theo hướng chị chỉ, rồi đáp lơ lửng:

- Ờ, ờ. Không phải áo mợ. Áo chị Kiên màu chàm kia!

An càng nhìn kỹ, càng có điều hồ nghi. Cô dè dặt hỏi em:

- Hình như cái áo xanh của mẹ, Lãng ạ.

Lãng không tin, quay nhìn chị, rồi nhìn về phía chiếc áo, Lãng nói:

- Ừ...hình như...đúng rồi. Cái áo lục xanh của mẹ.

An nhớ lại hết, cô nói:

- Chị nhớ rồi. Đây là cái áo năm ngoái mợ Hai mua cho chị Ba Lý. Lãng, khi sáng em nghe có tiếng khóc phải không? Thế là rõ: Mợ lên Xuân Huê dẫn chị Ba về đây không cho ở nhà chồng nữa. Hèn gì hai ngày nay, cửa đóng im ỉm.

Chuyện nhà của Hai Nhiều mau chóng thành chuyện hào hứng của lớp học. Chinh mang nó ra trường võ. Thìn mang nó đi chợ. Cả làng hay tin, những kẻ vô công hiếu sự chộp lấy như một trò vui phù phiếm, tạm quên cuộc sống vô vị. Nỗi hận tưởng đã phai của đám con cháu nạn nhân ông Tư Thới lại được dịp trỗi dậy. Các lời bàn tán đều độc địa, đến nỗi một người vô tâm như Chinh mà cũng bất nhẫn, tức quá tát tai một tên xấu mồm nhỏ tuổi sau giờ học võ. Vợ chồng Hai Nhiều thì ủ rũ, gần như hoảng hốt. Một tối ông giáo ngạc nhiên khi thấy Hai Nhiều rụt rè đứng trước cửa, e ngại không dám lên tiếng hay tự tiện vào nhà

như trước đây. Ông giáo vui mừng ra cửa mời Hai Nhiều vào nhà, giả vờ xem như lâu nay chưa từng có chuyện xích mích giữa hai gia đình. Hai Nhiều ngần ngại, nói quanh co thật lâu, rồi mới hỏi:

- Chú có biết chừng nào ông biện xuống đây không?

Ông giáo chưa hiểu ý ông Hai Nhiều, nhưng cũng trả lời:

- Nghe Lữ với Huệ bảo khoảng mồng một tháng chạp có một chuyến muối lên. Chắc ông biện xuống vào khoảng đó.

- Như vậy là còn bốn ngày nữa.

- Vâng, khoảng bốn ngày.

- Mới đây mà lại gần tết rồi. Thật mau quá.

- Vâng mau. Anh chị đã làm gì chưa?

- Làm gì? Ờ, ờ có làm. Chậm chậm thôi. Năm nay nhà tôi lo sơ sơ vài thứ cúng tổ tiên ông bà rồi thôi. Vui vẻ gì mà tết với nhất!

Hai Nhiều thôi ngước mặt nhìn lên trần nhà, nhận thấy đã quanh co đủ để vào chuyện:

- Năm nay tưởng qua được một năm yên ổn, không ngờ tháng cuối cùng lại xảy ra chuyện vợ chồng con Ba Lý. Mấy ngày nay chắc chú đã nghe thiên hạ đồn đãi. Đừng vội tin bọn bép xép. Vợ chồng nó ăn ở với nhau đã lâu không con cái, nên bà mẹ chồng tìm chuyện làm găng với con Ba. Bà nhà tôi lại không dẫn được cơn giận. Lâu nay tôi để ý, thấy ông biện nể chú. Hôm nào ổng xuống, chú nói cho một lời.

Ông giáo kinh ngạc hỏi:

- Sao lại dính tới ông biện, anh?

Hai Nhiều ngồi im một lúc, do dự không biết có nên nói hay không. Nhưng đã tốn công phu qua đây làm lành, ông không còn con đường nào khác là phải chịu lép nhờ đến ông giáo vậy. Hai Nhiều chậm rãi giải thích:

- Số là sau chuyện gia đình xục rục, thằng chồng con Ba bỏ nhà lên Tây Sơn thượng với ông biện. Thế mới rắc rối. Con gái gả đi lấy chồng là con dâu nhà người ta rồi, dẫn về đây luôn coi sao được. Mà về trên đó, không có thằng chồng thì sống làm sao. Chú làm ơn nói với ông biện, nhờ ông biện khuyên thằng chồng con Lý một lời.

Ông giáo mau mắn đáp:

- Dạ được. Tôi sẽ cố. Vợ chồng đầu gối tay ấp mặn nồng còn hơn cả tình ruột thịt, láng giềng. Anh chị còn bỏ lỗi cho các cháu mà qua đây, hướng chi là...

Ông giáo ngừng lại ở lưng chừng câu, vì thấy vẻ bối rối của Hai Nhiều. Không khí trở nên oi bức hơn vì cả hai đều không dám nói thẳng những điều đang nghĩ. Mãi đến lúc không thể ngồi im lặng được nữa, đứng dậy chào chủ nhà ra về, Hai Nhiều mới bảo ông giáo:

- Mai chú bảo cháu Chinh nó sang bên tôi nhổ một ít cải non về cấy. Tết sắp đến rồi, lo làm dưa cải ăn với bánh tét chứ. Thiếu đất thì phá quách cái hàng rào đi. Tôi trồng cau đã mục hết cả, đổ lúc nào không hay!

Chương 9

Vừa bước qua năm Mậu Tý được một tuần, gia đình ông giáo nhận được tin dữ: Kiên bị một tên vô lại hành hung đến trọng thương. Người đưa tin ở trong đoàn ngựa thồ chở mặng le về xuôi, vì vội chỉ ghé An Thái được một chốc rồi lại tiếp tục hành trình. Đúng lúc đó chỉ có một mình Lãng ở nhà, tin dữ trở nên khủng khiếp hơn vì sự mơ hồ. Ông giáo phát tức, đánh cho Lãng một bạt tai. Lãng run lên, ầm ỨC muốn khóc mà không dám khóc. Mặt cậu đỏ, đầu mũi phập phồng, cổ rướn cao như sắp rống lên thống thiết. Thấy dấu hiệu những kích động thái quá quen thuộc của em, An đánh bạo thưa với ông giáo:

- Cha để con hỏi nó cho. Cha giận, nó không nói gì được.

Ông giáo đã hơi nguôi, hơi thấy hối hận khi thấy dấu năm ngón tay còn in đủ trên má xanh tái của Lãng. Ông không nói gì, để mặc An dẫn Lãng vào phòng sau. Ông nghe tiếng Lãng khóc hức hức, tiếng kể lể ướt nước mắt chen giữa những tiếng nấc. An dỗ:

- Thôi, đừng khóc nữa. Đây khăn dây, chùi cho sạch cái má cho chị coi. Đừng vặt ở đó. Cái thành giường đầy cả bụi không thấy sao. Cần uống nước không, chị rót cho. Từ từ nào, không lại sặc! Đây, em thấy chưa, cái gì cũng cần phải bình tĩnh. Em cứ ấp úng nói chẳng đâu ra đâu cả, làm sao cha không giận. Bây giờ kể rõ cho chị nghe. Người ta đến đây lúc nào?

Tiếng Lãng vừa thút thít vừa trả lời:

- Lúc chị vừa qua bên nhà mợ. Em đã định đóng cửa, nhưng cài cái then mãi không được. Cái cửa đã xệ rồi. Với lại...

An ngắt lời em:

- Thôi được rồi. Đừng dài dòng. Bác ấy có quen với nhà mình không, đã đến đây lần nào chưa?

- Bác nào?

- Thì bác đến báo tin anh Kiên bị...

- Không, cái anh còn trẻ. Chỉ bằng tuổi anh Chinh là cùng.

- Ảnh hỏi đây có phải là nhà ông giáo Hiến không, em hỏi ảnh hỏi như vậy để làm gì, ảnh nói...

An phát bực, ngắt lời Lãng lần nữa:

- Nói gọn gọn một chút. Cha đang chờ ngoài kia. Người ta báo tin anh Kiên ra sao?

Lãng im lặng một chập, rồi nói:

- Ảnh nói anh Kiên giặc, mọi người tưởng không cứu được nữa, nhưng...

- Nhưng làm sao?

- Nhưng về sau, ảnh tỉnh lại... Thằng du côn lén đập vào đầu ảnh, may anh Kiên nghe có tiếng gió vội nghiêng đầu, nên khỏi phải vỡ sọ.

- Anh Kiên bị thương ở đâu?

- Ở vai, cái đầu gậy đập vào ót nên ảnh chết giặc. Máu ra nhiều, nhưng vết thương không sâu lắm.

- Vết thương chỗ nào?

- Em không hỏi.

Ông giáo nóng ruột, không dẫn được nữa, chạy vào trong phòng quát:

- Thằng ngu. Quan trọng là bị thương ở đâu, nặng nhẹ thế nào lại không hỏi. Thế có hỏi sau đó anh mày ra sao không?

Lãng rụt rè, liếc nhìn cha, rồi nhìn chị, không dám trả lời. Sợ cha giận trở lại, An phải hỏi gấp em:

- Người ta có nói sau khi bị đánh anh Kiên thế nào không?

- Ảnh nói khi tỉnh lại, anh Kiên bảo bị nhức đầu. Khiêng về trại, ảnh bị ói.

Ông giáo chen vào hỏi:

- Anh mày bị hành hung hôm nào?

Lãng lẩm lét nhìn cha, trả lời nhỏ:

- Con không hỏi.

Vốn có biết qua nghề thuốc, ông giáo hết sức lo lắng cho tính mệnh của Kiên. Bị đánh trúng ót đến ói mửa, điều đó thật nguy hiểm. Ông giận con ở điểm đã không hỏi kỹ từ hôm Kiên bị đả thương cho đến hôm báo tin tại An Thái, khoảng cách thời gian là bao lâu. Đây là điểm then chốt. Không có cách nào khác hơn là lên ngay Tây Sơn thượng. Ngay đêm ấy, ông dặn lại qua loa việc nhà cho An nhớ, rồi cùng với Chinh đi thăm con. Lữ cũng nóng lòng muốn biết tình hình thực sự của trường trâu, nên xin theo thầy.

*

* *

Dù mượn được những con ngựa thực khỏe, phải mất một ngày hai đêm họ mới tới Tây Sơn thượng. Ngựa chạy không nghỉ nên mồ hôi tiết ra ướt đầm bộ lông mượt. Lữ là một người quen thuộc đường đi lối về, nhưng từ lúc vó ngựa mỗi uể oải bước lên đèo, anh mất dần sự hăng hái. Đường gập ghềnh và vắng, hai bên cây cối rậm rạp, rình rập, đe dọa từng bước tiến của ba người. Bọn cướp đường, từ vụ mất mùa năm trước, hoạt động táo tợn hơn ở các truông hẹp, nạn nhân thường thường là các đoàn ngựa thồ. Lữ gợi ý nên ghé qua đêm ở một buôn thượng Lữ quen nhờ nhiều lần đến đổi măng le trước đây, ông giáo gạt đi. Ông không thể yên tâm nghỉ ngơi được, cho tới khi biết đích xác tình trạng sức khỏe của con.

Khoảng gà gáy thì họ tới trại. Trời còn tối mịt, dù sương núi phủ khắp thung lũng che lấp hết cảnh vật nhưng cũng chính nhờ màu trắng âm u đó ấp ủ chút ánh sáng lạng lẽ mà ông giáo còn phân biệt được cáo cổng nặng nề ghép bằng những thân cây không tô chuốt, hàng rào dày bằng thân le vót nhọn đan chéo nhau và xa hơn nữa, chìm khuất giữa bể sương là một mái nhà cao giống kiểu nhà người thượng. Lữ chạy đến tìm cái gì đó ở cánh cổng im lìm, có lẽ không thấy nên anh càu nhàu:

- Tụi này quá lăm. Không biết vất đâu rồi!

Chinh hỏi:

- Anh tìm gì đó?

Lữ sờ soạng tìm kiếm một lúc nữa, mới trả lời:

- Cái mõ. Trước đây tôi đã dặn, hễ muốn vào thì lấy mõ đánh nhịp hai để cho bên trong biết. Mỗi

ngày đổi ám hiệu một lần, để đề phòng bọn cướp.

Ông giáo lo lắng hỏi:

- Làm thế nào bây giờ? Liệu có ai còn thức không?

Lữ đáp lơ lửng:

- Không có ánh đèn. Hoặc là sương dày quá...

Chinh đề nghị:

- Hay ta lấy cây đập vào cửa cổng thay mõ vậy.

Lữ làm theo ý Chinh. Một lúc lâu, mới nghe tiếng lao xao bàn tán bên trong, và tiếng chân người đến gần. Lữ hỏi lớn:

- Ai bên trong đó?

Tiếng Lữ chìm vào lớp sương đêm, rồi va vào các vách núi dội thành một thứ âm thanh mù mờ như tiếng sấm động. Bên trong có tiếng hỏi:

- Ai đó?

Lữ mừng rỡ đáp:

- Tôi đây. Bảy Lữ đây. Có nghe thấy không?

Có tiếng bàn tán rù rì ngay đằng sau tấm cửa nặng. Chờ mãi không thấy gì, Lữ nhắc lại:

- Tôi là Bảy Lữ đây. Mở cửa nhanh lên.

Bên trong có tiếng hỏi:

- Anh Bảy Lữ nào lại lên đây vào giờ này. Đừng có nói láo. Tụi bây muốn chết hay sao mà còn đến đây chọc phá. Khôn hồn hãy tìm chỗ khác làm ăn.

Lữ tức quá, lấy tay đập thành thành vào cửa:

- Tôi là Bảy Lữ thật mà! Đã nhận ra tiếng tôi chưa? Ai phía trong đó?

Lại có tiếng rù rì bàn tán. Và tiếng chân người từ bên trong vừa ra cổng. Lại bàn tán thêm. Cuối cùng, cánh cổng mở hé vừa đủ một người lách qua, tiếng dây mây già cọ vào trục cửa kéo kẹt. Lữ mừng quá, tiến đến chỗ cửa hé. Chưa kịp đưa tay đẩy cánh cổng mở rộng thêm đủ cả người và ngựa, Lữ đã bị hai ngọn giáo kề sát hai bên hông. Lúc đó, cửa mới mở lớn. Ngoài hai người cầm giáo đang uy hiếp Lữ, còn có một người thứ ba đang cầm cung hờn sẵn. Phút lo sợ bất ngờ qua đi, Lữ nói to:

- Bây giờ đã tin chưa? Đã có ai thức dậy không?

Ba người giữ cổng mừng rỡ reo lên một lúc: "A, anh Bảy". Lữ lấy giọng kẻ cả bảo:

- Có thầy tôi và anh bạn kia kìa. Dẫn ngựa vào. Cho uống nước và cho một mủng lúa.

Ông giáo để mặc Lữ căn dặn bọn người ở trại, ra dấu cho Chinh cùng đi với ông vào thẳng trại trong. Phút chốc người ta mau chóng hiểu ông giáo là ai và lên đây làm gì. Hai cha con ông giáo được dẫn ngay tới chỗ Kiên nằm. Ông giáo không dám hỏi anh thanh niên đã dẫn đường, sợ phải nghe tin đau đớn. Nhưng thấy nét mặt anh ta bình thường, gần như mừng rỡ khi gặp khách lạ, nên ông giáo yên lòng. Ông hỏi:

- Anh quen thân với cháu nó không?

Người dẫn đường không hiểu lối nói kiểu cách của ông giáo, dừng lại chờ ông giải thích. Ánh đuốc

khi mờ khi tỏ chiếu lên khuôn mặt xương xương, hai hố mắt sâu và một nụ cười hiền. Ông giáo hỏi câu khác:

- Kiên nó dậy chưa anh?

Người thanh niên đáp:

- Dạ, cháu không biết. Đêm rồi ảnh ngủ được. Chắc chưa dậy.

Ông giáo lo lắng hỏi:

- Thế nó bị nặng không?

- Cháu không rõ. Đêm trước ảnh rên suốt đêm. Đêm trước nữa lại ngủ yên.

Hóa ra nét mặt vui vẻ của người dẫn đường không liên gì đến tình trạng của Kiên. Ông giáo đâm lo.

*

* *

Những gì Lăng thuật lại chỉ đúng có một phần. Tên vô lại đã dồn hết hận thù vào đòn bất ngờ đầu tiên. Kiên không kịp nghe cả hơi gió của thanh củi xù xì đang vụt xuống đầu mình, làm sao né tránh được. May cho Kiên, thanh củi khô giòn nên dễ gãy. Kiên bị mất cây xẻ một vết thương dài hơn một phân trên đỉnh đầu, máu phun ra nhuộm đỏ cả hai vạt áo. Thấy đòn đầu tiên bị hỏng, tên vô lại vụt thêm một đòn nữa bằng thanh củi cụt. Lần này Kiên né được như lời Lăng thuật. Tên vô lại bỏ trốn vào rừng, không biết Kiên có vẻ bình thường được một lúc, rồi ngã lăn ra bất tỉnh. Ai cũng tưởng là Kiên chết vì vết thương ở đỉnh đầu. Người đưa tin cũng ái ngại, giấu không cho gia đình biết có vết thương đó. Họ không ngờ vết thương đâm máu trên đầu lại không đáng sợ bằng một vết bầm đẳng sau ót. Cho đến hôm ông giáo đến Tây Sơn thượng, nghĩa là một tuần sau ngày Kiên bị hành hung, Kiên vẫn chưa qua khỏi cơn chấn động thần kinh. Lúc thì anh bình thường, có thể đi đứng, nói chuyện, làm việc như mọi người. Lúc thì anh cảm thấy vạn vật quay cuồng, đất dưới chân anh chao qua chao lại như là dậy sóng. Anh chơi vơi muốn tìm một chỗ bấu, nhưng dường như bất cứ thứ gì anh vừa đưa tay ôm được cũng đều tan thành một hơi khói. Nỗi sợ hãi khủng khiếp ào ào đến như giông bão. Anh muốn hét lên, muốn kêu cứu nhưng hai hàm răng anh run lập cập, tiếng nói thành ra một tràng âm thanh ú ớ vô nghĩa. Ông giáo đau khổ nhìn con bị hành hạ bởi cơn chấn động vô hình ấy, tuyệt vọng không biết phải làm thế nào. Trong thâm tâm, ông lo sợ Kiên đã bị cùng thứ bệnh của mẹ.

Ông ở lại Tây Sơn thượng chăm sóc Kiên một tuần. Sang tuần thứ hai, thứ thuốc quết nhuyễn bằng lá cây của người thượng đã làm cho vết thương trên đầu khô lại. Mủ thôi mừng quanh, da non đã kéo. Và kỳ diệu làm sao, dường như cái vết thương xoàng ấy có liên hệ kín đáo và phức tạp với cái vết bầm sau ót Kiên. Càng ngày anh càng bớt chóng mặt thất thường. Đầu óc anh vượt qua được những xáo trộn bất ngờ. Anh ngủ được, giấc ngủ êm hơn. Các chao đảo thừa dần. Sự sợ hãi, nỗi buồn vẫn vơ do những ám ảnh mơ hồ tàn dần, rồi mất hẳn. Kiên lấy lại được nếp suy nghĩ, mơ ước đơn giản và chậm chạp y như trước. Nhờ thế, sang tuần lễ thứ hai, ông giáo tự hện là sẽ trở về An Thái vào cuối tháng giêng. Ông bắt đầu một nỗi lo khác, không biết ở An Thái, An quán xuyên chuyện nhà như thế nào. Dù ông cũng chưa dám chắc Kiên đã hoàn toàn bình phục.

Những ngày còn lại, ông đã đủ bình tâm, dạo quanh vùng Tây Sơn thượng xem xét cảnh vật, lối sống của người Bana, nhất là sinh hoạt ở trại canh tác và buôn bán hàng nguồn của biện Nhạc. Chính Phúc, chồng của cô Ba Lý, anh của Lợi làm người hướng dẫn cho ông. Vụ rắc rối đáng tiếc trong gia đình hồi đó, cuối cùng được dàn xếp ổn thỏa. Mẹ chồng lẫn nàng dâu đều nhận thấy không thể thiếu Phúc, nên cả hai đành bằng lòng với cái phần chiếm hữu tình cảm không được trọn vẹn của mình. Hồi đó, sau khi nghe ông giáo trình bày tình cảnh ông bà Hai Nhiều, biện Nhạc cho người lên ngay Tây Sơn thượng gọi Phúc về. Phúc vâng lời trở lại Xuân Huê, nhưng hơn một tháng sống cuộc đời khác hẳn cuộc đời phẳng lặng anh sống lâu nay, Phúc biến đổi không ngờ. Anh thấy trong sự mơn trớn âu yếm của vợ, sự lo lắng của mẹ, có điều gì vướng víu ràng buộc. Có lẽ những ngọn núi, thung lũng, rừng già đã quyến rũ anh. Phúc bắt đầu hiểu vì sao Lợi không chịu ở nhà lấy hai ngày liền, xem thường lời khuyên của anh và mẹ, bôn ba quanh năm suốt tháng nơi đầu chợ, cuối sông. Cho nên tuy bằng lòng không ở hẳn trên Tây Sơn thượng, Phúc lại xin được gia nhập vào đoàn ngựa thồ của biện Nhạc, chở hàng từ An Thái, vượt đèo lên nguồn và ngược lại.

*

* *

Ông giáo lên Tây Sơn thượng được hai hôm thì đoàn ngựa thồ chở muối của Phúc cũng đến. Nếu gặp ông giáo ở An Thái, có lẽ Phúc không mừng rỡ và vồn vã với ông như gặp ở nơi thung lũng vây quanh những núi là núi này. Ở nơi xa xôi cuối trời, sự quen biết cũ tự nhiên quý giá hơn, như một bức tường chung cả hai cùng dựa vào đó để chống chọi sự xa lạ. Khác hẳn với lối nói chùng mực, rụt rè lâu nay, Phúc cuống quýt:

- Trời ơi, dượng giáo! Dượng lên hôm nào vậy! Thế mà mấy ngày nay con cứ lo mãi, không biết có ai đã tin cho dượng hay chưa.

Ông giáo cũng mừng rỡ đáp:

- Cháu Phúc! Độ này cháu mập và đen ra. Đừng lo, con Ba Lý không chê đâu. Rắn rỏi thế là tốt. Cháu có ghé qua An Thái trước khi lên đây không? Mấy em bên nhà dượng có chuyện gì không?

- Xin lỗi dượng giáo. Chuyến này gấp quá con không ghé được. Dượng thấy sức khỏe Kiên thế nào? Con lu bu quá, từ nãy đến giờ chưa vào thăm được.

Ông giáo buồn rầu đáp:

- Khi hôm nó kêu nhức đầu. Ăn uống thì khá hơn, bớt ói hơn trước. Thật là quân vô lại! Không biết nó là người hay là thú mà tàn nhẫn vậy.

Trong cơn hăng hái, Phúc dợm nói thật ý nghĩ của mình. May mắn là anh ngưng kịp lúc. Phúc đáp:

- Câu chuyện bên trong chắc có nhiều điều phức tạp. Không phải vô cớ mà nó dám. Nhưng dượng biết đấy, những người lên đây chịu đựng được cảnh rừng sâu nước độc đều là những kẻ bất đắc chí. Kiên chịu đựng được một năm trường đã là điều phi thường lắm rồi. Năm ngoái lên đây vài ngày con đã muốn về. Nhưng về thì còn mặt mũi nào nữa, nói làm sao với con Ba cho khỏi bẽ mặt. May nhờ có dượng...

Ông giáo nóng lòng muốn biết sự thật, ngắt lời Phúc:

- Theo cháu thì tên vô lại đó có thù hằn gì với thằng Kiên không?

Phúc dè dặt đáp:

- Dượng giáo tính, anh Kiên hiền thế thì ai nỡ giận.

- Thế do đâu có chuyện này?

- Cháu nghĩ... cháu nghĩ có thể là...hình như có chuyện hiểu lầm sao đó. Chuyện sổ sách, chi tiêu ở trường trâu phức tạp lắm. Giao muối cho anh em đem đi để đem trâu về. Hoặc giữa đường gặp mưa, hoặc lội suối bị ước, trâu đem về có khi không đúng loại. Bỏ qua thì sau này nói làm sao với ông biện, mà ghim gút thì mất lòng anh em. Vả lại không phải trong anh em ở đây ai cũng chơn chất. Ở cho vừa lòng mọi người, khó lắm dượng!

Ông giáo bắt đầu hiểu lờ mờ nguyên do cuộc hành hung. Điều ông lo lâu nay đã thành sự thực. Nhưng ông thắc mắc:

- Tính thằng Kiên nhà tôi, giống giống với tính cậu Lữ, em ông biện. Cần thận tỉ mỉ quá, ít chịu quyền biến. Nhưng lúc cậu Lữ ở trên này thì không việc gì. Tại sao thế?

Phúc trả lời liền không suy nghĩ:

- Vị thế của hai người khác nhau mà, dượng giáo! Cậu Lữ nhỏ tuổi hơn anh Kiên, nói cho ngay thẳng, đối xử với anh em còn hẹp lượng hơn anh Kiên nhiều. Nhưng cậu ấy là em ông biện!

- Vậy cháu có biết cái tên... cái tên côn đồ nó hành hung thằng Kiên là ai không? Quê quán nó ở đâu? Già hay trẻ?

- Ông Năm Ngãng hờ dượng? Lớn tuổi rồi. Chắc chừng khoảng bốn mươi. Có thể ít tuổi hơn chút ít, vì cơ cực quá ai cũng già trước tuổi. Lần đầu con lên đây kêu ông Năm bằng cụ, bọn nó cười âm lên.

- Chừng đó tuổi sao còn lên trốn trên này làm gì?

- Hơn hai mươi người cái trại này ai cũng có thăm cảnh riêng. Lên đây là cái thế chẳng dặng dưng mà dượng. Nếu chẳng vậy thì chỉ hô lên một tiếng, ai nấy đều bỏ trại mà chạy bộ xuống đèo. Dượng chưa thấy cái cảnh mấy mươi người đứng tụ trước cổng nhìn theo đoàn ngựa thồ sắp về xuôi. Hình như đoàn ngựa khỏe chở hồn của họ xuống núi mất rồi. Còn lại trại chỉ là mấy cái xác vờ. Phải mất hai ba ngày sau, họ mới trở lại bình thường. Dượng nghĩ mà xem, công việc của anh Kiên khó khăn biết chừng nào!

- Cháu có biết thằng Kiên nó đối đãi với ông Năm... ông Năm gì đó, dượng quên mất rồi?

- Năm Ngãng, thừa dượng.

- Đúng rồi, ông Năm Ngãng. Không ai hiểu tính con hơn cha mẹ. Dượng biết tính thằng Kiên. Dù ở hoàn cảnh nào, thằng Kiên không bao giờ dám vô phép nặng lời với người có tuổi. Đến là em nó ở nhà nó còn không nỡ nặng lời, huống hồ là đối với bác Năm... bác Năm Ngãng. Cái tên lạ, khó nhớ quá!

Phúc cười đáp:

- Dạ, không phải tên thật của ông đâu. Tại cái tính nghĩnh ngãng làm đâu quên đó như người mất hồn nên tui cháu mới đặt cái tên bác Năm Nghĩnh Ngãng. Về sau gọi gọn là Năm Ngãng.

Ông giáo nhớ lại điều mình thắc mắc, quay lại hỏi Phúc:

- Thế riêng ông Năm... ông Năm Ngãng thì vì sao phải lên đây?

- Không trốn lên đây thì ở tù một gông sao dượng!

- À ra thế! Dân đầu trộm đuôi cướp chứ gì!

Phúc vội xua tay cải chính:

- Không phải đâu dượng. Dượng gặp bác Năm, thấy cái bộ lù khù nghễnh ngãng của bác, chắc dượng không khỏi kinh ngạc. Ai dè một người như vậy mà đã từng làm những việc động trời.

Ông giáo không kiên nhẫn được nữa, nôn nóng hỏi:

- Nhưng ông ta làm cái gì mới được chứ?

- Bác Năm đốt rụi cả nhà người ta.

- Nhà của ai?

- Của người chủ điền. Dượng có nhớ vụ đói năm Hợi ngoài Phù Ly không? Đấy, ông ta là người huyện Phù Ly, miệt Đồng Hựu. Gia đình gồm hai vợ chồng và ba đứa con nhỏ. Mấy đứa đầu khó nuôi nên chỉ còn chừng đó, vậy mà nuôi không nổi. Phần lúa nộp cho chủ điền, phần lúa thuế. Năm được mùa chỉ đủ ăn giáp hạt, mất mùa như năm ngoái thì chỉ còn nước chịu đói. Đã thế tiền kẽm lại sụt giá, nhà giàu không dám trữ tiền, chỉ lo trữ lúa, bán hết mọi thứ lặt vặt còn lại, bác mang mấy quan tiền kẽm đến năn nỉ chủ điền bán cho mừng lúa về nấu cháo cầm hơi. Lão chủ điền nhất định không bán. Lờ qua tiếng lại một hồi, bác giận quá cầm cái con cúi dúi ngay bên mái lằm thóc tên nhà giàu. Gặp mái tranh mùa hạn, lửa chỉ liếm qua một chốc là tiêu tan cả gia nghiệp.

- Rồi vợ con bác ta ra sao?

- Chẳng ai rõ họ trôi giạt đằng nào. Bác Năm chạy về nhà, vợ con mếu máo van bác hãy trốn mau đi. Bác dùng dằng nhưng thấy có bọn lính tuần vây bủa, bác trốn lên đây. Vợ con bác cũng nhân đêm tối dắt díu nhau trốn biệt tăm. Không ai còn biết họ ra làm sao nữa. Nỗi khổ tâm của bác chính là ở chỗ đó. Lần nào có đoàn thồ về xuôi, bác cũng nhờ dò hỏi tin tức gia đình. Anh em thương bác cũng chịu khó hỏi thăm mọi nơi, nhưng không được kết quả gì. Bác khổ tâm lắm, nghĩ chỉ vì mình làm ăn không ra gì nên mới gây vạ cho vợ con. Rồi bác mắc chứng nghễnh ngãng, và cái tật hể thấy gạo ở đâu là mắt sáng rỡ, len lén xúc một bát, vốc một nắm đem thu giấu vào chỗ kín đáo. Giấu lần trước thì lần sau quên. Cuối cùng chỗ xó xỉnh nào cũng có gạo mốc. Kiên bực quá phải nặng lời. Mấy lần trước bác Năm chỉ lâu bầu trong miệng, rồi thui thui bỏ đi. Không ngờ lần cuối, bác nổi máu bạo...

Nghe Phúc kể xong, ông giáo bồi hồi một lúc, cảm thấy nghèn nghẹn nơi cổ họng. Sau đó ông hỏi:

- Có cách nào tìm bác Năm... bác Năm Ngãng không?

Phúc trả lời:

- Chắc hơi khó, dượng. Quanh đây toàn núi rừng, và thú dữ. Không biết bác đã gặp lại vợ con "ở dưới đó" chưa!

Ông giáo ngược lên nhìn Phúc, đón hiểu được nỗi lo sợ thâm kín của anh!

*

* *

Đêm ở miền núi ập đến đột ngột khác thường. Mặt trời vừa khuất sau Hòn Cong là sương bắt đầu

nghe ngút tỏa, như đã chờ đợi khắc khoải từ lâu để cướp chỗ của ánh nắng. Vạn vật chìm trong một thứ ánh sáng âm u màu đục. Khí lạnh làm thâm tím những đôi môi, cảm giác bải hoải râm ran trên bả vai và dọc theo sống lưng.

Lâu nay quên sống nơi bình nguyên, ông giáo không ngờ mấy cái chữ đầu môi "sơn lam chứng khí" lại có cái lõi nghĩa chính xác như vậy. Ở trại, người ta lo cơm chiều lúc còn mặt trời, cho nên khi từng đám sương buốt lạnh ủa vào mấy dây lán cỏ tranh, gần như đời sống chỉ còn nhịp thở ở khoảng quanh ngọn đèn chai lù mù.

Mỗi người từ trẻ đến già đều phì phèo trên môi một điếu thuốc lớn bằng ngón tay cái. Ngồi bó gối quanh ngọn đèn, họ vừa hút thuốc, khạc nhổ vừa nói chuyện dăm dăng rời rạc. Tiếng nói rầm rì đôi lúc mất hút trong tiếng gió hú, và thấp thoáng khi mờ khi tỏ dưới ánh đèn lắt lay, là những khuôn mặt râu rĩ. Ông giáo nhớ lời của Phúc, bảo cả ý tưởng, mơ ước cả tâm hồn họ đã theo đoàn ngựa thồ về xuôi mất rồi, chỉ còn lại đây cái xác vờ cử động mệt mỏi, thừa thãi.

Qua nhiều đêm ở Tây Sơn thượng hơn, ông giáo nhận thấy sinh hoạt về đêm trong trại không đơn sơ, âm thầm như đã tưởng ban đầu. Vượt khỏi được những bờ ngõ dè dặt nhiều người tìm đến bắt chuyện với ông. Họ mời ông đến ngồi bên đèn hoặc bên đồng lửa un muối, "cho nó ấm". Rồi để cho nó ấm hơn nữa, họ mời ông uống tí rượu cần theo phong tục của người thượng. Rượu cất bằng một loại lá rừng nồng độ cao, đựng trong những cái hũ sành thân bầu và cổ nhỏ, không rót ra bát mà hút chung bằng cái ống trúc dài. Vị rượu nồng thật nồng, càng về sau càng nhạt, do có thêm nước vào. Đêm nào cũng vậy, chưa uống rượu thì mặt mày ai nấy cũng râu rĩ dăm chiêu. Tợp vài ngụm rượu vào, lời chân tình bắt đầu ra cửa miệng. Thoạt tiên là chuyện đổi hàng ở các buôn thượng. Chuyện một con suối dâng nước bất ngờ đến nỗi vừa trông thấy lũ đá lớn nhỏ vương vãi dưới lòng suối cạn đó, một thoáng sau quay lại đã thấy nước suối đục ngầu cuộn cuộn mấp mé bờ. Chuyện khôi hài quanh nếp suy nghĩ, nhận thức đơn giản của người thượng. Loại chuyện này bao giờ cũng hào hứng, người kể thêm mắm thêm muối cho câu chuyện trở thành ngây ngô đến phi lý, người nghe cười quên cả rét đêm dù họ đã thuộc lòng từng chi tiết nhỏ của câu chuyện. Nhưng gây hào hứng nhất cho đám trai tráng sống lạc giữa rừng già, là các chuyện tiểu lâm. Họ nói thẳng về bộ phận sinh dục, không quanh co, không trang điểm bằng những từ ngữ hoa hòe. Chẳng những thế, họ còn ưa dùng hai bàn tay diễn tả công việc giao hợp để phụ họa lời kể. Sự tục tằn pha lẫn thô bạo khiến ông giáo bở ngỡ. Thấy vẻ lúng túng của ông, họ càng thú vị, ồn ào chất vấn, đùa cợt với tuổi tác và tư cách nhà nho của ông. Thật khó xử cho ông giáo, vì những kẻ bị châm biếm trong các chuyện tục tĩu ấy, hoặc là nhà sư, hoặc là thầy đồ vờ vĩnh làm mặt đạo đức.

Ông giáo khó chịu vì cảm thấy bị lôi vào một trò trêu chọc quái ác bất ngờ, nhưng ông không giận họ vì hiểu đời sống dồn nén sinh dục bất thường của họ ở góc núi này.

Chương 10

Từ hôm lên Tây Sơn Thượng, ông giáo có thói quen dậy sớm hơn mọi người. Ở miền xuôi, ông quen thức dậy lúc mặt trời vừa mọc. Ở đây mặt trời mỗi sáng phải khó nhọc lắm mới vượt qua được Hòn Lớn, nên sau khoảnh khắc tỉnh sương ngăn ngủi, khí hậu bỗng chốc trở nên oi ả. Đêm mù sương và khí núi tan nhanh dưới ánh mặt trời, đến nỗi cây cối, chim chóc, côn trùng không có thì giờ ngái ngủ. Trong khoảng thời gian nằm một mình mỗi sáng đó, ông cứ loay hoay với cảm giác lạc lõng, lạ lẫm nó vương víu tâm hồn ông bao lâu nay. Xa đồng bằng, cách biệt với đồng sách vở vốn là chỗ dựa của đời ông từ trước đến giờ, ông cảm thấy trống trải, không còn biết làm gì, nghĩ gì. Ông hụt hẫng như bị rơi vào một khoảng sâu, hay chờm ngợp vì không quen với những đỉnh chon von cô độc. Những cuộc rượu ồn ào, những đêm nghe chuyện tiểu lâm, sự biểu lộ tình cảm mạnh bạo và sỗ sàng của nhiều người trong trại, đặc biệt là sự thờ ơ gần như khinh thị của họ đối với chữ nghĩa, đã khiến ông giáo ngỡ ngàng. Ông bắt đầu nhận thấy có nhiều vấn đề để ông quan tâm thực ra chỉ là những điều không có thực. Cái thực sự cần thiết cho nhiều người quanh ông, trước hết là sống. Phải sống trước đã, và muốn giữ cho được cái quyền sơ đẳng tất yếu đó, quyền được hai bữa ăn no mỗi ngày, uống nước lúc khát, quyền được che thân thể cho khỏi chết rét, quyền được thở, những con người ông đang sống chung ở nơi xó rừng này bắt buộc phải dẫm lên trên một số khuôn mẫu mà lâu nay ông đã buộc đám học trò ngoan ngoãn của ông học thuộc lòng.

Họ dẫm lên mớ khuôn mẫu ấy với lòng thanh thản, như dẫm lên một đám cỏ dại để tiến đến một dòng suối uống được. Họ không chọn đất trước khi bước, sửa mũ áo ngay ngắn trước khi ra đường, lựa lời trước khi nói. Lựa chọn cái này, tránh xa cái nọ, lấy gì làm chuẩn cho các quyết định quan trọng như vậy? Không có gì hết ngoài sự sống. Đốt nhà một tên điền chủ ích kỷ, bỏ làng trốn lên núi sâu làm dân phiêu bạt vì không còn lấy một đồng tiền kẽm nộp thuế, chém ngã một tên xã trưởng cướp đất bằng luật lệ triều đình; bấy nhiêu trường hợp ông giáo nghe kể đều đẩy ông giáo vào ngõ cụt. Nếu ở vào hoàn cảnh của họ, ông sẽ làm gì với một lý thuyết trung quân của ông? Ông có dám làm những điều họ đã làm không, và nếu không làm như họ, ông có tìm được giải pháp nào khác vừa bảo toàn được sống, vừa không động chạm mảy may đến những nguyên tắc đức lý học thuộc từ buổi khai tâm? Có lúc ông đã nghĩ, ôi dào, chỉ vì họ ít học nên sống đơn giản, chỉ lo sống chứ không đủ sức suy xét, chiêm nghiệm. Ông không giữ được cái lý luận hàm hồ ấy lâu! Vì quả thực ông giáo thấy rõ những người ở trường trầu Tây Sơn Thượng không đơn giản. Niềm vui, nỗi buồn, sự cô độc, mơ ước, nhớ nhung của họ chỉ lặng lẽ hơn một chút, biểu lộ ít ỏi hơn một chút, hoặc lúc tụ họp bên ánh đuốc, quanh vò rượu, thì thường ồn ào táo bạo quá mức thường, nhưng dù ở hoàn cảnh nào, phần đời sống tâm linh chìm lắng bên trong luôn luôn phức tạp và sôi động. Chính ông mới là người đơn giản, thu mình trong khuôn khổ của đức lý, lúc nào cũng nem nếp sợ hãi, rón rén đi quanh trong vòng phấn vô hình của đạo nho và vương quyền. Hoặc chỉ vì ông chưa bao giờ chết khát trên đường dẫn đến dòng suối, ông dò xét từng mô đất, tránh né từng ngọn cỏ. Ông chưa đích thực giáp mặt với đời sống

nghiệt ngã, nên quanh quẩn với những khuôn mẫu dung thường!

Cho nên cái gì xảy ra ở đây đều thành chuyện lạ đối với ông.

*

* *

Khác với lệ thường, một sáng, ông thức dậy trễ. Đêm trước Kiên kêu nhức đầu, về khuya nổi cơn mê sảng, ông giáo lo âu không ngủ được, chong đèn canh giấc cho con đến quá nửa đêm. Tiếng cãi vã ồn ào đã đánh thức ông dậy. Kiên đã dậy trước ông, và khi thấy cha định xuống sân trước xem chuyện gì đã xảy ra, anh cản ông giáo lại:

- Cha đừng xuống đó. Để xem họ xử trí thế nào?

Ông giáo hỏi con:

- Chuyện gì ồn ào vậy?

Kiên nghiêng người nhìn xuống sân một lần nữa, mới quay lại trả lời:

- Bây giờ họ mới vỡ lẽ ra. Thử xem còn oán con eo hẹp nữa thôi!

Ông giáo gắt:

- Nhưng chuyện gì vậy?

Kiên thấy cha giận, vội ngồi ngay ngắn trở lại, kể chậm rãi và rành rẽ hơn:

- Từ ngày con lên trông coi cái trại này, giờ giấc có dễ dãi hơn trước. Thấy bắp khô năm nào cũng thừa thãi, con cho họ ăn lót lòng bằng bắp hầm trước khi ra rẫy hoặc lên buôn. Cậu Lữ lên đây, cần nhân bảo phí của, phí thì giờ. Sáng nay cậu ta bắt bỏ lệ ăn sáng, nên họ làm ồn ào lên!

Ông giáo đến bên cửa sổ nhà sàn nhìn xuống. Đám đông còn tụ họp dưới sân, dụng cụ làm rẫy lẫn quang gánh còn vất bừa bãi khắp đây đó. Ba người trẻ tuổi đang đứng gần Lữ. Cậu thanh niên có khuôn mặt xương hòm đầu hướng dẫn ông giáo đến chỗ Kiên, đang hươ tay tranh luận với Lữ. Khoảng cách từ chỗ hai cha con ông giáo đến chỗ đám đông tụ họp khá xa, nên cả ông giáo lẫn Kiên không nghe rõ họ nói những gì. Ông giáo xem cử chỉ người thanh niên biết anh ta đang giận dữ, quyết không chịu nhượng cho cậu em ông biện lấy một tấc đất. Ông lại quan sát Lữ, không nhận ra cậu học trò thụ động, kín đáo và hơi nhút nhát của mình. Ngược lại, Lữ có vẻ tự tin, bình tĩnh, linh hoạt hẳn lên. Một tay Lữ giắt vào cái thắt lưng vải xanh, một tay chống nạnh. Khuôn mặt anh hơi ngược lên phía cao, đón nghe một cách khinh thị những lời của cậu thanh niên. Cậu thanh niên hung hăng một lúc, rồi đến phiên Lữ nói. Đám đông tụ lại quanh Lữ. Hình như anh ta nói khéo, nên cả những người bất mãn cố ý đứng xa chỗ Lữ đứng, dần dần cũng đến bao quanh Lữ để nghe chuyện.

Một lúc sau, có tiếng cười ồn ào, tiếng nói chuyện lao xao. Khoảng bảy, tám người đến nhặt rựa, cuốc vác lên vai, đi về phía cổng. Kiên ngạc nhiên nói:

- Không hiểu anh ta nói thế nào mà họ chịu nghe.

Ông giáo hỏi con:

- Họ đi đâu đấy? Sao còn một nhóm chưa đi?

Kiên đáp:

- Số vác rửa, cuộc đi lên rầy. Số còn lại sẽ đem muối lên các buôn đổi măng và trâu đem về.
- Họ chịu đi làm với cái bụng đói à?
- Con cũng không hiểu, chắc anh ta có hứa hẹn điều gì đó.

Hai cha con xuống thang, thấy Chinh đã nhập vào đám trai tráng sắp về các buôn đổi hàng, cùng tranh luận sôi nổi với họ như một người trong bọn. Lữ đang vỗ vai một người mặc áo chàm vá ở vai trái, đầu quần cái khăn vải đen hai dải rút rũ xuống trán, điệu bộ như đang cố phân trần, dỗ dành. Thấy ông giáo đến, Lữ vội cầu cứu thầy:

- Đây, có thầy tôi đây, chú hỏi xem tôi giải quyết như vậy có thiệt cho anh em không. Anh tôi đã nói với chú là không ai tự dưng lên đây làm gì. Cái thế nó buộc thì phải chịu. Có khổ mới thương nhau. Làm rầy được gì, anh em chia nhau mà sống, có ít chia ít, có nhiều chia nhiều. Không lo để dành lỡ mất mùa, lấy gì mà sống cho đến ngày về xuôi tìm lại vợ con.

Người mặc áo chàm nói:

- Đã biết vậy nhưng còn chuyện...

Ông không tìm được gì để nói thêm. Có ông giáo, ông ta đâm ngại, không nói tiếp. Lữ tự thấy phải giải thích cho ông giáo hiểu rõ chuyện:

- Thưa thầy, công chuyện sáng nay có chút trở ngại, do hiểu lầm thôi. Bây giờ đã thông rồi. Con thấy cái lệ ăn lót lòng làm trễ nải công chuyện, hôm nào cũng tối mịt các đoàn mới về tới trại, nguy hiểm lắm. Thà làm sớm cho xong đi, để còn về sớm.

- Thế bây giờ anh định thế nào?

- Con định hể mặt trời lên là bắt đầu công việc. Toán ở nhà chia nhau luân phiên lo cơm nước đem ra rầy khỏi phải đi về vất vả. Toán lên buôn thì dỡ cơm theo. Ai yếu sức hay lên cơn sốt rét thì ở nhà lo chuyện bếp. Bây giờ chỉ còn lại chuyện nạnh nhau, không ai chịu đi các buôn xa cả. Chú Bốn đây bảo bọn trẻ trây lười cứ đẩy cho chú phần nặng, chú không phải thân trâu mà chịu thiệt mãi.

Chú Bốn được dịp phân trần:

- Một hai lần còn được. Tôi quen đường rừng, có tuổi nên các ông ké họ nể. Nhưng bọn nó khỏe mạnh lại lười.

Lữ cắt lời chú Bốn:

- Thôi được, chú cứ yên tâm. Tôi sẽ có cách giải quyết. chú nói với anh em cứ nghỉ ngơi thoải mái đi. Khi nào nhà bếp lo xong phần cơm dỡ, sẽ có một hồi mõ. Nhắc anh em đừng đi xa nhé!

Người mặc áo choàng tạm thỏa mãn, đi về phía hai dãy lán. Ông giáo hỏi Kiên:

- Trước đây có tình trạng so bì như thế này không?

Kiên đáp:

- Con khổ sở vì chuyện này còn hơn chuyện sổ sách nữa. Đáng lý ra bọn trẻ phải gánh vác việc nặng, việc đi xa.

Ông giáo hỏi Lữ:

- Bây giờ anh định phân công thế nào?

Lữ mỉm cười không đáp ngay. Anh quay hỏi Kiên:

- Mấy lâu nay anh phân việc thế nào?

- Tôi chia luân phiên, nhưng những kẻ trây lười luôn tìm ra cớ để lánh nặng. Cuối cùng những kẻ thiệt thà luôn luôn chịu thua lỗ, như chú Bốn vừa rồi. Để rồi anh xem, chốc nữa có hồi mõ, họ sẽ cãi ầm lên về chuyện đi xa đi gần.

Lữ bí mật nói:

- Tôi đã có cách. Họ không phân bì với nhau được nữa.

Thấy thầy có ý định hỏi, Lữ đáp trước:

- Con chờ nhà bếp chuẩn bị cơm dờ xong xuôi, sẽ cho đánh mõ báo. Ai tới chậm phải đi các buôn xa. Thưa thầy, bọn trẻ thường ham chơi, được một lúc rảnh là chạy ra suối. Các bác, các chú có tuổi thì chỉ thích ngồi gần bếp lửa hút thuốc, nhổ râu. Tất nhiên phần nặng phải về bọn trẻ, phần nhẹ phần gần về những người có tuổi.

Ông giáo nhìn Lữ, không còn dám tin ở khả năng xét đoán tính tình đám học trò nhỏ của mình. Ông bắt đầu thấy ảnh hưởng quan trọng của khung cảnh sống đối với hành vi thái độ của con người.

*

* *

Chinh không còn tâm trí đâu nghe lời cha dặn nữa. Nghe các bạn dọa cái nạn vắt, anh tìm dây buộc chặt hai ống quần và ống tay áo. Chinh còn tình nguyện gánh phần nặng nhọc nhất đi đến chỗ xa nhất. Cách chuẩn bị kỹ lưỡng và sự hăng hái lộ liễu thiếu suy nghĩ đó không có ở phong thái của những "tay nghề". Chinh không giống ai, và dễ hiểu là anh trở thành cái đích châm biếm của cả trại. Một người đùa:

- Phải cột thật chặt cái cổ lại. Không vắt nó vào.

Một người khác nhắc:

- Chịu khó nhé! Đi qua làng Plây-đê-chơ-găng, thế nào các cô gái Ba-na cũng đua nhau vây bắt chú em về làm chồng đấy. Chú em tranh mất chỗ thằng Bảy Mắm là cái chắc.

Có nhiều tiếng cười thích thú. Một người khác thêm:

- Thằng Bảy chịu thua chú em đây là phải. Chú em mạnh khỏe, vạm vỡ. Thằng Bảy độ rày xanh mét. Ủa nó đâu rồi?

Đám người đi buôn, đến lúc ấy mới chú ý sự vắng mặt của Mắm. Họ dáo dác nhìn quanh, hỏi nhau, không trả lời cho nhau được rồi quay qua quay lại tìm Mắm. Chú Bốn nói:

- Nó vừa mới đứng đây mà. Nó đến trễ, đáng lý phải qua bên kia núi Kan Krúi.

Một thanh niên nước da đen, có cái sẹo dài nửa gang tay bên má trái gọi lớn:

- Mắm ơi! Bớ Mắm.

Có tiếng ai kêu "ơi" phía sau dãy lán tranh. Thanh niên vừa nói gọi:

- Nó đây rồi. Mắm nó đi đâu thế? Toán nào chưa đủ người?

Chú Bốn nhìn quanh một lượt đáp:

- Đủ cả rồi. Tất cả mười bảy người. Ủa vậy thằng Mắm thuộc toán nào?

- Toán đi Kan-Krúi chứ toán nào nữa?

- Toán hai đầu, đã đủ người chưa? Đây rồi. Họ đủ năm người rồi mà.

Một người nói:

- Có gì đâu. Hôm nay có chú em đây nên dư ra một người.

Vừa lúc đó, Mắm đi từ phía sau lán tiến về phía sân. Ông giáo mới biết chàng thanh niên có khuôn mặt xương xương vừa tranh luận sôi nổi với Lữ lúc sáng là Mắm. Có điều lạ là lúc Mắm đi qua trước mặt ông giáo, ông thấy khuôn mặt anh có vẻ thất sắc, cử chỉ, cách bước thiếu hẳn sự cương quyết, dứt khoát.

Chú Bốn hỏi:

- Đi đâu từ nãy đến giờ? Chú ở toán nào đây?

Mắm mím môi lại, giọng hơi vờ:

- Đáng lẽ cháu theo toán hai. Nhưng...

- Nhưng sao?

- Rủi quá cháu lại lên cơn.

Người có cái sẹo nơi má buột miệng nói:

- May quá chứ rủi ro gì! Lên cơn đúng lúc nhì!

Một vài tiếng cười ngắn phụ họa, sau đó là giây phút im lặng nặng nề. Nhìn qua sắc mặt và dáng điệu mệt nọc uể oải của Mắm, càng ngay mọi người càng thấy sự nghi ngờ trong câu nói buột miệng ấy quá độc ác và hẹp hòi. Mắm giận quá, giọng nói đanh lại:

- Anh nghi tôi giả bộ lên cơn sốt rét à?

Thấy câu chuyện gây gổ trở nên trầm trọng, chú Bốn giảng hòa:

- Thôi nó nói giỡn, để tâm làm gì, Bậy! Có đau thì ở nhà. Vả lại không có mày cũng đã đủ người rồi.

Khi nào hết cơn lại đi.

Tuy vậy, sự xúc phạm không dễ gì tan ngay sau khi các toán đã gánh muối tủa lên các nguồn trầu quanh trại. Mắm khổ sở ngồi rũ giữa sân nắng, hai tay ôm lấy đầu. Ông giáo càng có thiện cảm với Mắm thêm lên, đến gần đặt tay lên vai, lay Mắm dậy. Thân Mắm nóng quá. Ông giáo nói:

- Bị bệnh ngã nước mà phơi nắng thế này không tốt đâu. Nên vào tìm chăn hay chiếu đắp kín lại cho ra mồ hôi. Có bị đặng miệng không?

Mắm tỏ vẻ cảm động, gắng đứng dậy, môi vẫn mím để cố giấu hai hàm răng run lập cập. Anh nói:

- Thầy đừng lo. Cháu bị lên cơn bất thường như thế này đã lâu. Chừng một chốc là dứt. Ai không hiểu tưởng cháu giả bộ lánh việc nặng.

- Anh lên đây lâu chưa?

- Thầy hỏi gì ạ?

- Anh lên đây bao lâu rồi?

Mắm đưa tay áo lên gạt mồ hôi trên trán, rồi dùng hai bàn tay ụp vài lần lên hai vành tai đỏ, nói chừa thẹn:

- Xin lỗi thầy, mỗi lần lên cơn là bị ù tai. Cháu mới lên đây chưa đầy nửa năm.

- Nghe giọng anh, tôi đoán chắc không phải người Tuy Viễn.

- Dạ, cháu người huyện Hoài Nhơn ạ.

- Anh đứng xịch vào trong này, không lại năng. Hoài Nhơn? Hèn gì giọng nói cứng hơn. Bị tội gì mà lặn lội lên tận đây thế?

Mắm không trả lời ngay, nhìn ông giáo một lúc rồi cúi xuống ngẫm nghĩ. Ông giáo kiên nhẫn chờ. Mắm ngược lên, chân phải di di trên một hòn sỏi:

- Cháu nói thế này chắc thầy không tin được. Ở trại đa số đều vì hoàn cảnh bắt buộc mới lên trốn trên này, nhờ ông biện che chở. Cháu thì khác. Cháu tự ý tìm lên đây, vì nghe người ta đồn đãi nhiều về ông biện.

Ông giáo tò mò hỏi:

- Anh nghe người ta đồn thế nào?

Mắm dè dặt không đáp ngay, chân lại di di trên hòn sỏi. Một lúc lâu, Mắm hỏi:

- Thầy quen ông biện lâu chưa?

- Khá lâu rồi. Tôi về quê vợ ở An Thái từ năm Dậu. Năm Tuất thì quen ông biện. Nghe tôi có làm thầy đồ, ông ấy nhờ tôi dạy cho hai cậu Lữ và Huệ. Mà tất cả những điều đó, chắc anh đã nghe Kiên nó kể rồi chứ gì?

- Dạ, cháu với anh Kiên quý nhau lắm, nên tuy chưa gặp thầy, cháu đã quý thầy. Thế nào rồi lúc đất nước bình yên, cháu cũng đến xin thầy dạy dỗ thêm.

Ông giáo ngạc nhiên hỏi:

- Lúc đất nước bình yên? Thế bây giờ là lúc loạn sao?

Mắm chậm rãi đáp:

- Không biết cháu nhìn có rõ không, nhưng đi đâu cháu cũng thấy cảnh đói khát, cảnh bất công. Gia đình cháu toàn anh em trai lực lưỡng, lo làm ăn lương thiện, không có thì giờ nghĩ đến cái gì khác hơn miếng cơm, manh áo. Thế mà... anh em cháu có được yên đâu. Bao nhiêu là sưu thuế đổ lên đầu, nào tiền sai dư, nào gạo Tết, nào tiền cơm mới, nào sưu dịch. Các anh cháu thì cần răng chịu đựng tất. Riêng cháu, có lẽ vì tính rắn mắt, cháu nghĩ: chẳng lẽ sinh ra ở đời rồi từ bé đến chết không được ngừng đầu lên, không được cười hay sao? Sống kiếp như thế thì sống làm gì? Cháu nghe ông biện giao du rộng, không câu nệ trong cách đãi người, nên tìm lên đây.

Ông giáo nghe Mắm nói một thôi dài, và bất ngờ vì không chuẩn bị trước để đón một lối nhìn, lối nghĩ khác thường như vậy, ông gật gù trầm tư một lúc, rồi hỏi:

- Anh đã tìm thấy gì chưa?

- Có cái cháu tìm chưa được. Có cái cháu chưa hiểu, bây giờ mới hiểu.

Ông giáo biết Mắm chưa muốn nói thật những suy nghĩ của mình. Ông không muốn đi xa hơn, nên không hỏi tiếp. Thấy ông giáo im lặng, Mắm tự nhận thấy phải nói thêm điều gì trước khi vào nằm trong lán. Mắm nói:

- Như số anh em nhỏ tuổi và các chú ở trại này. Mới đầu cháu sợ, thấy họ dữ dằn quá. Nhưng càng ở

lâu, cháu càng thấy họ hơn hẳn những người "mặt trắng" cháu gặp dưới xuôi. Họ phá rừng làm rẫy, mà nhiều lúc không nỡ động đến một bụi cây dại đang trổ hoa, chịu khó lấy đá ghép lại thành một cái bồn bảo vệ cái gốc. Thật giống với cái tình yêu hoa của ông anh thứ ba của cháu. Mẹ cháu bảo anh cháu: Mày như thế về sau chỉ chết đói thôi con ạ. Cầm sao nổi cái cuốc cái cày. Hay lại phải ra chợ hát rong mà làm thẳng ăn mày! Anh cháu không đi ăn xin như mẹ cháu đoán, nhưng quả thật không theo nổi nghề nông. Anh cháu bỏ nhà đi hát rong. Thầy đứng xích vào trong không lại nằng. Cháu à? Không sao. Cháu thấy ấm hơn trước. Sắp qua khỏi cơn rồi! Để cháu vào bếp phụ người ta sửa soạn bữa ăn trưa cho toán làm rẫy.

*
* *

Buổi xế hôm đó, toán làm rẫy ăn cơm xong vừa vác rựa, cuốc đi làm việc trở lại, thì có một toán buôn nguồn trở về. Điều bất thường, vì không có một toán nào, dù là đến buôn thượng gần nhất, có thể về trại trước lúc chạng vạng tối. Lữ đoán họ không vượt qua suối được, vì cái nạn nước dâng bất ngờ thường gặp ở vùng này. Và lại, từ xa, Lữ đã nhận ra được cái dáng đi chậm rãi, trầm trọng của những người gánh muối. Nếu đổi được trâu hoặc mặng le, quang gánh nhẹ hơn, dáng đi cách bước tất phải khác.

Toán buôn nguồn vào cống. Lữ tò mò chăm chú nhìn những điểm khác thường đến gần: người gánh muối nhận thêm phần của bạn nên cái đòn tre oằn cong xuống. Hai người còn lại dùng khúc cây rừng khá dài khiêng một cái bao nhỏ và nhẹ, Lữ đoán họ gặp may vớ được một món thịt rừng, và quen thói sống ngang tàng bất chấp mọi sự, họ không tiếp tục đi nữa, quay về trại đánh chén. Toán buôn nguồn vào sân. Lữ kinh ngạc khi thấy cả ba người đều dùng khăn đội đầu bịt miệng và mũi lại. Gió đưa vào nhà ngang một mùi thối và tanh nồng. Lữ hiểu ngay trong cái bao lát hai người trai tráng vừa khom lưng sẽ sàng hạ đòn khiêng xuống đặt nhẹ giữa sân nắng, có một thứ gì đã thối rữa. Mùi thối càng lúc càng đậm. Lữ cảm thấy lợm, muốn nôn mửa. Sự tò mò dồn được cảm giác khó chịu đó lại. Lữ chạy vội ra sân. Cũng lúc đó, Mắm, hai người nấu bếp và ông giáo cũng đến. Không chờ hỏi, người gánh muối nói trước:

- Tìm thấy ở bên kia suối Cái, gần chỗ có cây cầy lớn.

Anh ta quên chưa tháo cái khăn ra khỏi miệng nên tiếng nói bị biến dạng, nghe tiếng được tiếng mất. Hai người kia bình tĩnh tháo cái khăn ra, kéo Lữ tránh xa cái bao lát rồi giải thích:

- Không có thằng nhỏ người Ba-na thì không ai biết đâu! Thường thường tụi tôi lội qua suối ở quãng trên, chỗ có khúc quanh nước cạn.

Mắm nóng ruột hỏi:

- Thứ gì trong đó vậy?

Người gánh muối đáp cộc lốc:

- Ông Năm Ngãng!

Người nghe sửng sờ, nửa tin nửa nghi. Sự im lặng hãi hùng đè nặng lên đỉnh đầu mọi người, đến nỗi không ai còn nghe thấy tiếng gió vi vút trên ngọn cây, tiếng mái tranh rừng mình từng cơn. Bảy người bao quanh lấy cái bao cát, đứng sửng như những hình nộm đuổi chim trên rẫy. Sau một hồi do dự, Mắm tiến tới một bước, rồi dừng lại không dám làm theo ý định. Một trong hai người buôn nguồn vừa khiêng cái bao lát

về, có lẽ đã dạn tay, tiến tới, cúi xuống mở một dây mây cột nơi cổ bao.

Tự nhiên mọi người lùi lại một bước. Vòng người mở rộng theo sức tỏa của hơi thối. Trước những đôi mắt thao láo của mọi người, trên tấm bao lát hoen ố vàng xỉn, có một đống màu đen không hình thù. Hiểu được thắc mắc của đám đông, người vừa mở nuốt bao dùng một đầu đòn khiêng nhè nhẹ, cẩn thận lật đống màu đen lại. Lúc đó, người ta mới nhận ra được một mảnh thân thể con người gồm một cái đầu và một nửa vai. Tóc ông Năm Ngãng dính lại thành từng mảng ép sát vào da đầu. Da mặt bầm tím, đôi mắt đã bị dòi bọ đục khoét trống rỗng. Miệng há rộng, để lộ hàm răng vàng bẩn. Cổ bị cào cấu thành những vết thương tím đen. Ngoài một bên vai còn nguyên vẹn, phần ngực còn lại chỉ là một đống bầy nhầy. Một người nhắc:

- Còn cái chân đâu rồi?

Người cầm đòn khiêng lại khơi đống bầy nhầy hôi hám để tìm. Dưới một lớp vải đen phần còn lại của vạt áo ông Năm Ngãng, hiện ra một bàn chân tái xanh. Ông giảo trôn người nhìn chăm chăm vào cái chân còn lại đó, và dọc xương sống, gai ốc nổi lên khắp thân ông. Hai thái dương ông lạnh, gần như tê dại. Ông lấy làm lạ cho mình, chưa hiểu vì sao hình ảnh cái bàn chân khẳng khiu, xanh xao nằm trên đống bầy nhầy thối rữa đó còn làm cho ông kinh khiếp hơn cả cái đầu lâu mù lòa, thâm tím.

Mồm lên tiếng hỏi:

- Người Thượng họ tìm thấy xác bác Năm hồi nào?

Người gánh muối đáp:

- Không biết. Thằng bé thấy chúng tôi sắp lội qua suối, hú gọi chúng tôi lại. Tưởng nó lại chơi trò ranh, chúng tôi bỏ đi. Nó chạy theo bảo đường chỗ cày cấy có người chết.

Người cầm cái đòn khiêng nói thêm:

- Xem xác thì đoán được là bị cọp vồ. Trên cổ còn có dấu vuốt cọp cào sâu. Có lẽ bác Năm chết vì cái vết thương này. Hay là chết vì chỗ khác cũng chưa biết chừng. Chỉ còn có từng này, khó đoán lắm. Nhưng bị cọp ăn là điều chắc!

Người nấu bếp thở dài, rồi nói:

- Tội nghiệp. Thôi, vậy cho nó xong đi!

Toán làm rầy đã lục tục trở về, Ở ngoài xa họ còn cười nói nhưng khi nhập vào vòng người vây quanh xác chết, không ai dám ho lên một tiếng lớn. Cái chết thôi miên đám người sông, khiến cho họ ngây dại, lơ lửng, nôn nao như đang bị cuốn vào một cơn lốc xoáy. Càng về chiều, vòng vây càng dày, cơn ngây càng đậm. Gió tự nhiên dừng hẳn, không khí oi ả khác thường. Mặt trời sắp lặn chiếu hắt một màu đỏ bầm lên cảnh trại tang tóc. Người mới về rì rầm hỏi chuyện người về trước, gây thành một tiếng lao xao đều đều như tiếng đọc kệ. Rồi bỗng nhiên, có người nào đó lớn tiếng bảo:

- Chỉ tại "cái thằng ngâm tắm" keo kiệt mà ra cả! Nó trốn đâu rồi?

Câu nói đột ngột có sức thức tỉnh đám người đang ở trong trạng thái mê muội. Nhiều người cùng hỏi to:

- Ủ, nó trốn đâu rồi? Mọi sự chỉ tại nó.

- Thằng ngậm tằm đâu? Nó chạy đằng nào?

- Không có nó thì đâu đã ra nông nổi!

Ông giáo còn đang ngơ ngẩn, chưa hiểu vì sao đám đông quanh ông đột nhiên la ó, phần nộ thì có ai huých nhẹ vào hông bên phải ông. Mắm đã chen đến cạnh ông từ lúc nào! Ông nghe Mắm nói nhỏ:

- Thầy ra ngoài này với cháu. Có việc gấp lắm.

Đám đông vẫn tiếp tục la ó, kẻ hỏi người đáp. Hai người lánh ra khỏi hỗn loạn mà không bị ai chú ý. Ông giáo bị Mắm lôi kéo, phải chạy theo anh ta ra phía sau nhà ngang. Vừa chạy Mắm vừa nói với ông:

- Họ điên cả rồi. Họ giết anh Kiên mất!

Ông giáo kinh ngạc đứng dừng lại, trố mắt nhìn Mắm. Anh ta xô ông giáo vào cửa sau, tiến về chỗ Kiên nằm. Mắm vừa thở vừa giải thích:

- Thầy không nghe họ nói gì à? "Thằng ngậm tằm", chính là anh Kiên đó. Phải tìm cách gài then cửa lại. Không cho họ vào phòng anh Kiên. Họ nổi điên rồi!

Ông giáo hiểu hết mọi sự. Ông sợ hãi đến lịm người, bước chân bủn rủn. May là cả hai người đã đến chỗ Kiên nằm. Mắm giục ông đóng cửa sổ xuống, dặn khi anh ra ngoài thì bên trong, ông nhớ lấy thanh gỗ xỏ vào hai vòng dây mây gài chặt cửa lớn. Tay ông giáo lấy bấy, ông quờ quạng mãi mới đẩy cánh cửa gỗ khép ăn vào khuôn. Kiên choàng thức dậy chưa hiểu gì, đến giúp cha cài then. Bên ngoài, bắt đầu có tiếng chân chạy rầm rập, tiếng la hét, tiếng đá va vào mặt gỗ. Đám đông đã thực sự nổi cơn cuồng sát như Mắm đoán trước.

Hai cha con ông giáo ôm nhau đứng dựa vào cửa lớn, chia sẻ trong tâm tối sự hãi hùng trước cơn thịnh nộ. Họ nghe tiếng la ó ngay bên kia cánh cửa. Chân nhà sàn bị lung lay. Đá ném vào vách phòng làm bằng liếp nửa nghe rào rào. Ánh đuốc lập lòe ma quái bên dưới nhà sàn. Người ta la to: "Phải tóm lấy. Bắt nó đền mạng".

Không cần ông giáo giải thích, Kiên mau chóng hiểu rõ nỗi hiểm nguy đang vây quanh hai cha con. Có một điều ông giáo bất ngờ, là khi đã hiểu, Kiên trở nên bình tĩnh khác thường. Đã có lúc cả nhà sàn lay động đến nghiêng ngả, đồ đạc trong phòng rơi xuống sàn chông chênh, kêu loảng xoảng. Có nhiều tiếng la hét, tiếng đập cửa gấp gáp, tiếng thờ dốc, vấp ngã, xô đẩy nhau bên ngoài cửa chính. Then cửa gần muốn bật tung, Kiên vẫn thản nhiên, ngồi nhìn, nghe mọi sự diễn ra như một khán giả an toàn. Mãi đến lúc bên ngoài không còn động tĩnh gì nữa, ông giáo vui mừng chạy lại gần con, Kiên mới ôm lấy cha khóc mùi. Ông giáo cũng khóc vì vui mừng. Ông không để ý là chưa bao giờ Kiên xúc động đến cái độ buông thả xúc cảm, để cho nước mắt chảy ướt cả hai má, tiếng khóc trầm, tiếng uất nghẹn chen lẫn lời kể lể. Kiên gục đầu vào ngực cha hỏi:

- Tại sao vậy cha? Cha nói cho con biết đi! Tại sao mọi người thù ghét con? Cha có nhớ cái buổi sáng đầu tiên con xa nhà lên đây không? Cha dặn con phải thanh liêm, của phi nghĩa như giọt mưa rơi vào kẽ tay. Cha nhớ không? Con thuộc lòng lời cha dặn, bao lâu nay coi trường trầu không tham của ai lấy một đồng kẽm. Con không ăn cắp và cũng không muốn ai ăn cắp. Còn không ông biện khinh mình, xem thường gia đình mình. Giết con, đánh con con chịu nhưng nghi ngờ con tham của người, làm ô danh cha, thà con

chết đi còn hơn. Vậy mà mọi người ghét con. Vì sao vậy cha?

Ông giáo không trả lời được. Kiên bốt thảng thốt, có lẽ dần dần lấy lại dáng điệu chậm chạp, gương mặt buồn buồn và hơi lạnh lẽo thường ngày. Ông giáo chỉ đoán thế thôi, vì mãi tới khuya, lúc chắc chắn cơn cuồng bạo của đám đông đã hoàn toàn hạ xuống, Lữ và Chinh cầm đuốc đến gọi ông giáo mở cửa, căn phòng có ánh sáng trở lại, thì cả ba người thấy Kiên đã nằm ngủ, hay giả vờ ngủ, trên tấm nệm rơm cuối phòng. Trừ ông giáo, không ai biết được những lời thảng thốt hoài nghi Kiên đã thốt trong cơn hiểm nghèo.

Sáng hôm sau, ông giáo nấn ná mãi trên phòng bệnh của Kiên không muốn xuống dãy lán chung của trại. Ông sợ không muốn gặp những người đã định vây giết cha con ông đêm qua. Ông đâu có biết rằng những người đó cũng e ngại gặp ông.

Khi cơn cuồng nộ của đám đông hạ xuống, trong trại, giữa đêm tối từng người nằm ôn lại những gì vừa xảy ra, và từng người lấy làm kinh ngạc về chính mình. Ta có còn là ta không? Ai nằm đây hoang mang và ai vừa cầm gậy gộc xông lên thang nhà sàn, say máu giết người? May là cột nhà sàn vững. May là Mắm và Chinh liều thân đứng án ngữ nơi cửa lớn. Mắm bị một viên đá vào mí mắt, máu chảy ròng ròng xuống má. Nhưng anh vẫn nhất định lấy thân che cửa phòng Kiên. Chinh bị một gậy vào ống quyển ngã gập người xuống nhưng vẫn cắn răng chịu đau, lòng lên xô ngã một người cao lớn đang định phá cửa. Lữ đứng ngoài khan giọng kêu gọi mọi người bình tĩnh. Không ai nghe lời anh. Cứu tinh của cả trại, yếu tố giúp mọi người tránh được một cuộc bạo sát, có lẽ là thời gian. Đến một lúc nào đó, từng người cảm thấy cử động của mình ngượng nghịu, tiếng nói trở nên vu vơ. Sự suy nghĩ và hành động không còn là một. Có cái gì đã trật khớp. Và máu trên trán Mắm nhắc nhở họ thấy tất cả sự vô nghĩa của cơn cuồng nộ.

Trong khi ông giáo còn e ngại, nấn ná trong phòng Kiên, thì anh em trong trại đã lặng lẽ thu dọn các đồ vỡ của đêm qua, khâm liệm bác Năm Ngãng bằng một chiếc chiếu dày và khiêng đi chôn tận chân núi. Nhà bếp nhờ Chinh mang lên cho Kiên một nồi cháo cá nấu hành.

Cả hai phía đều muốn quên những gì đã xảy ra, làm như mọi sự vẫn bình thường. Nhưng chính sự cố gắng làm quá mức bình thường, sự dè dặt lễ phép quá đáng, đã nhắc nhở cho mọi người thấy sự dĩ lễ khó lòng hàn gắn được. Người sâu sắc cảm nhận điều đó hơn ai hết là Kiên. Anh biết sau cái đêm ấy, Tây Sơn thượng hết bao dung được anh và ngược lại, anh cũng không bao dung được Tây Sơn thượng. Không còn cách nào khác! Anh phải về xuôi.

Hai hôm sau, ông biện Kiên thành cùng một đoàn ngựa thồ lên trại. Lữ thuật hết cho anh nghe mọi chuyện vừa xảy ra, cho nên khi ông giáo ngỏ ý xin đem Kiên về An Thái chữa bệnh, biện Nhạc bằng lòng ngay. Ông biện nói với ông giáo:

- Trại thiếu cậu Kiên thật đáng tiếc, nhưng chuyện đã lỡ như vậy, thầy đem cậu ấy về chăm sóc tiếp là phải. Xin thầy cho phép em Lữ nó ở lại đây tạm coi sóc trại một thời gian. Tôi nói tạm, vì chưa biết phải bỏ trại lúc nào. Thầy tính, năm nay mất mùa, vật giá lên cao, chuyện buôn bán cũng bị ảnh hưởng. Mấy chuyến trâu vừa rồi phải vớt đi cả, đến ủa vàng mà chờ không có người đến nhận. Quan trên thì... Nợ thì... Tôi nghĩ mãi chưa biết xoay sở làm sao đây!

Khoảng cuối tháng giêng, cha con ông giáo về xuôi. Ra khỏi cổng, quay nhìn lại số anh em từng sống

với mình hơn một năm qua, nhìn ánh mắt pha lẫn quyến luyến và ái ngại của họ, Kiên không thể dẫn được xúc động, nước mắt rơm rớm. Anh đưa ngay tay dấu từ biệt họ, rồi vỗ vai Chinh dặn:

- Em nhớ nhé, ở núi đừng có ý sức như ở đồng. Tối nào cũng phải đốt lửa un muối. Mặc áo cho ấm vào. Cần gì, nhờ Mắm nó giúp đỡ cho.À quên, anh nhắc cho em nhớ là đừng uống nước suối. Độc lắm...

Chinh đã bị những thung lũng xanh, những đỉnh núi ẩn tận mây cao, những bóng rừng mênh mông cuốn hút, quyến rũ. Anh xin cha ở lại Tây Sơn thượng!

Chương 11

Mùa xuân năm ấy, mãi đến cuối tháng giêng trời vẫn còn rét dữ. Mưa phùn dạo tết còn lất phất, nhưng khác hẳn mọi năm, sương mù bao phủ khắp An Thái che lấp ánh mặt trời, cái rét nhớp nháp nặng trĩu làm cho cơn suyễn của thằng Út vật vờ chẳng đến khốn khổ. Nhà không có người lớn, có lúc An phát khóc, không biết làm gì trước nỗi đau đớn của em, chỉ biết ôm lấy nó, khóc bù lu bù loa và van vái mẹ. Được cưng chiều quá mức bình thường, Út lấy làm thú vị, và theo thứ lý luận đơn giản của trẻ thơ, nó nghĩ hễ cơn suyễn càng nặng bao nhiêu thì chị An sẽ dịu dàng, chiều chuộng nó bấy nhiêu. Cho nên Út giả vờ khó thở, mệt nhọc thêm lên, để thưởng thức sự cuống quýt lo âu của chị. An mong cha về từng giờ, từng khắc. Ông giáo đi vắng một tuần rồi hai tuần. Mong mỗi khi đến An cảm thấy cô độc, chơi vơi. Cũng may lâu ngày Út chán với cái trò đóng kịch bệnh hoạn, xốc áo chạy đi chơi với lũ trẻ hàng xóm. Đến lúc ấy, ông giáo và Kiên mới về An Thái. An mừng quá, chạy ra ngõ đón cha, líu lời nói không nên lời. Một lúc lâu An mới thấy anh Kiên đứng cách đó mấy bước, miệng mỉm cười, mắt trù mẩn lặng lẽ nhìn mình. Kiên về bất ngờ sau một năm xa cách, và điều đầu tiên An ghi nhận trên gương mặt anh là vẻ tiêu tụy buồn hiu. Hơn thế nữa, đôi môi mỉm cười gượng gạo, không giấu nổi sự chua chát, buông thả. An đau thắt ở đáy lòng, cầm tay Kiên dặc dặc, rồi nước lên khóc.

Ông giáo dẫn các con vào nhà, cố lấy giọng vui bảo An:

- Ô hay, có chuyện gì đâu mà sụt sùi vậy! Không chùi nước mắt đi, người ta cười cho! Ở nhà có gì lạ không?

An đưa ống tay áo chùi má, dậm dậm lên hai mắt, thút thít trả lời:

- Tụi con chờ cha hoài không thấy về. Ở nhà em Út nó bị suyễn, có lúc con tưởng...

An lại khóc không nói được. Ông giáo hỏi?

- Út đâu rồi? Nằm trong buồng à?

Kiên đem đồ đạc đặt gần cái cột chỗ có cánh cửa thông ra nhà bếp, nhìn quanh tìm đứa em út không thấy, quay lại nói:

- Nó không nằm trong buồng. Em đâu rồi An?

An lấy được trở lại giọng bình thường, trấn an cha và anh.

- Em nó đã khỏe. Mấy ngày nay chạy đi chơi chứ không còn nằm cả ngày như trước. Chắc nó vừa chạy đâu đó. Để con tìm gọi nó về. Út mà biết có anh Kiên về, phải biết! Anh Hai biết không, nó thích cái guì của thằng bé con chú ba. Em dỗ nó, hứa khi nào anh Hai về, sẽ cho Út một cái guì nhỏ xíu, đan thật đẹp. Mà lần này anh Hai về ở chơi lâu lâu nghe, đừng lên ngay như kỳ tết năm ngoái.

Ông giáo và Kiên nhìn nhau, bối rối không biết phải trả lời An thế nào cho ổn. Những gì hai cha con vừa trải qua và muốn quên đi, bị khơi dậy đột ngột, khiến lòng họ tràn ngập một nỗi ân hận vu vơ, mà chua chát thấm thía. An dợm chạy đi tìm em, nhưng đúng lúc đó, mới nhớ đến Chinh. An xấu hổ vì tình cảm lạt

lễo của mình đối với anh, cố ý lấy giọng hoảng hốt hỏi ông giáo:

- Ủa, anh Chinh của con đâu không về, thưa cha!

Ông giáo chậm rãi cân nhắc từng lời, đáp:

- Anh Hai không được khỏe mấy, nên theo cha về dưới này tĩnh dưỡng. Ông biện có nhờ Chinh ở lại trên đó giúp thu xếp công việc ít lâu. Hơn nữa, tính anh Ba con không ưa ru rú trong nhà. Lên trên đó là không muốn về. Con chạy đi tìm Út về đây. Cha có mua cho nó một ít cỗm.

Chẳng mấy chốc bên nhà Hai Nhiều cũng biết tin ông giáo dẫn Kiên về An Thái. Hai vợ chồng và Kiền cùng sang hỏi thăm sức khỏe Kiên. Họ hơi thất vọng khi thấy Kiên bình thường, không có chút dấu tích cái vết thương đâm máu từng là đề tài bàn tán, tranh luận, tưởng tượng thêm thắt bao lâu nay trong nhiều gia đình, vết thương hữu ích nhờ gây xao động, hào hứng cho cuộc sống đều đặn tẻ nhạt của một làng xóm xa khuất. Họ bị chưng hửng, tiến thì ngượng ngập mà lui thì bất tiện. Cho nên Hai Nhiều cứ lập đi lập lại mãi câu nói nửa vờ:

- Trời ơi, may thật là may. Thế mà cậu cứ tưởng... May phước lắm đa! Nếu không may thì...

Bà Hai Nhiều thích ứng mau hơn với hoàn cảnh bất ngờ, đến bên Kiên hỏi:

- Đâu, cháu bị ở đâu, ở đây hả? Vậy mà người ta đồn là cháu bị chém ngay cổ, vết chém sâu cả mấy phân, sợ không qua khỏi. Mà duyên do tại làm sao vậy cháu?

Kiên nhìn cha cầu viện, thấy ông giáo bận nói chuyện với cậu, đành phải trả lời qua loa:

- Chỉ là... chỉ là chuyện hiểu lầm thôi mợ!

Bà Hai Nhiều hăng hái nói:

- Hiểu lầm? Hiểu lầm mà đã dám hành hung con người ta hay sao? Chuyện gì cũng chờ người trên phân xử rồi ra sao hãy hay, chứ làm càn thế thì còn gì phép nước. Phải trị cho nó biết tay chứ! Rồi sau vụ đó, thẳng... thẳng còn đồ nó trốn đi đâu, ông biện xử nó thế nào?

Kiên bối rối không biết có nên kể thật mọi sự hay không. Anh quay nhìn cha lần nữa. Lúc đó ông giáo đang nói với Hai Nhiều:

-... còn hỏi như vậy thì lạ quá. Từ lúc mới về đây tôi đã cho họ biết rồi. Không tin hay sao còn đến hỏi anh!

Vẻ mặt Hai Nhiều nghiêm trọng, bà Hai hiểu ngay là giữa hai người chủ gia đình đang có một câu chuyện gay go đáng lắng tai nghe hơn là những câu trả lời bất đắc dĩ của cháu. Hai Nhiều nói:

- Ấy, tôi đã bảo chú về đây vì nghề dạy học ngoài đó không nuôi nổi bao nhiêu miệng ăn. Lão ta lại hỏi làm sao tôi biết chú làm thầy đồ. Tôi không biết nói thế nào cho phải, mới bảo... mới bảo...

Ông giáo nóng ruột hỏi dồn:

- Anh bảo thế nào?

Hai Nhiều dừng lại để tăng thêm sự nghiêm trọng, rồi tiếp:

- Tôi đáp bừa là trước khi đem vợ con về đây, cô chú có nhắn tin trước. Vả lại, khi vào đây chú cũng làm thầy đồ, rõ ràng chính ông ấy cũng gửi con tới học, cả huyện đều biết.

Hai Nhiều cười, tự tán thưởng sự lém lỉnh khôn ngoan của mình. Ông giáo chưa hết lo âu, hỏi dồn:

- Anh nói thế rồi họ còn cật vấn điều gì nữa thôi?

- Còn chứ. Lão ta hỏi chú quen với ông biện từ hồi nào, vì sao tự dưng ông biện gửi hai cậu em xuống đây cho chú dạy chữ.

Bà Hai Nhiều lần lần hiểu mẫu chốt câu chuyện, lúc ấy mới chen vào cắt lời chồng:

- Tưởng ai hóa ra cái lão tri áp cha thằng Thìn. Bao nhiêu năm nay đi ra đi vô gặp mặt, vậy mà lão làm như người lạ, đến nhà hỏi đi hỏi lại cả buổi như là quan khảo án. Quý hóa gì cái chức xã trưởng mua bằng mấy chục quan tiền nát mà làm cao!

Hai Nhiều được vợ tiếp sức, trở nên sôi nổi hơn:

- Bởi vậy! Tôi ghét cái mặt làm phách, đốp chát lại liền. Tôi nói chú là thầy đồ giỏi hay dở chỉ có cha mẹ đám học trò theo học chú là biết rõ. Mà họ quen chú lúc nào, do đâu mà quen, thì làm sao tôi biết được. Chắc chắn là ông biện Kiên Thành biết chú sau ông tri áp, vì ông tri áp ở đây, còn ông biện thì ở tận bên kia sông.

Bà Hai Nhiều cười ha hả khâm phục chồng, cố giấu một cách lơ lửng niềm hãnh diện, quay quanh phân bua với con, cháu:

- Tiếc quá lúc đó tôi phải đi chợ, nên không nghe gì được. Rồi sao nữa ông? Lão ta hỏi gì thêm không?

Hai Nhiều đáp:

- Lão bực tức lắm. quay sang hỏi chừng nào chú về. Tôi bảo lúc nào chú về, lão lại đây trực tiếp hỏi chú thì tiện hơn, đúng hơn.

Câu trả lời ấy tác động lão tri áp thế nào, không ai biết được, vì sau đó Hai Nhiều mãi cười nói hả hê cùng với vợ con, lòng rộn rã thoải mái vì được dịp trả thù kẻ đã chèn ép, lấn áp gia đình mình suốt bao nhiêu năm. Riêng ông giáo và các con thì gượng gạo chia vui cùng gia đình Hai Nhiều. Họ cảm thấy trước những đe dọa, khốn đốn sắp đến đối với cuộc sống vốn đã bấp bênh của họ, hoang mang không biết những ngày sắp tới mấy cha con sẽ còn phải đương đầu với các bất ngờ nào nữa.

*

* *

Kiên trở lại căn nhà xưa sau thời gian dài, nhìn cái gì cũng ngỡ tự hỏi có phải đúng là cái bàn, cái ghế, chiếc chiếu, cái bát ta đã thấy hơn một năm trước đây không? Làm vui cho bữa cơm đoàn tụ chỉ có An, ông giáo và Huệ. Ông giáo cảm động, thấy con gái hơn hờ như được mặc áo mới ra đường. Trên cái bàn gỗ tạp thường ngày, An bày biện chén bát có vẻ kiểu cách, công phu hơn. Các đĩa thức ăn xếp cân đối theo hình thập tự. Năm cái chén cơm úp lên năm cái đĩa con, đôi đũa gác song song bên phải cái chén úp. Ông giáo nghĩ: nó lên mười sáu, bắt đầu có sự chín chắn táo tợn của một bà nội trợ. Ông cũng thấy Huệ đổi khác, nhưng chưa tìm ra đổi khác ở chỗ nào. Đôi mắt sáng? Nét mặt cương nghị có pha chút giấu cợt mỉa mai ở cái nhìn? Cách nói chậm và rõ? Mảng tóc quăn phủ xuống một bên trán? Vẫn vậy! Hay ông tưởng tượng ra chăng? Tưởng tượng... hình như lối kéo ghế ngồi vào bàn ăn, hơi cúi đầu lắng nghe lời thầy, cầm lấy cánh tay Kiên hỏi chuyện trên trạ, đôi mắt liếc Lăng mỉm cười khi được hỏi đến mấy cái lỗ mũi đám

ruộng miếu, Huệ có vẻ gần gũi, thân mật với gia đình ông hơn trước. Phải rồi! Thời gian ta đi vắng, Huệ nhờ An nấu cơm vì chỉ còn có một mình bên nhà học. Thảo nào cử chỉ Huệ không còn vẻ xa cách giữ gìn như trước. Nghĩ như vậy, ông giáo thấy mọi điều sáng tỏ. Khi Huệ hỏi Kiên tình hình trên Tây Sơn Thượng, ông giáo nói với học trò:

- Tôi già lẫn mất thôi. Từ chiều đến giờ vẫn chưa báo cho anh biết là anh Lữ đã ở lại Tây Sơn Thượng.

Huệ không tỏ dấu ngạc nhiên, chậm rãi đáp:

- Dạ, con đã đoán thế nào rồi anh Bảy cũng xin ở lại.

- Lữ bảo với anh thế à?

- Thưa không. Nhưng mỗi lần anh Cả ghé đây, anh thấp thỏm hỏi thăm chuyện trên trại từng li từng tí.

Anh muốn có một chỗ riêng để tự mình trông cái này, xây cái kia.

- Chỉ còn một mình anh học dưới này, thế nào rồi anh cũng chán. Trước sau lớp học cũng phải đóng thôi!

Mọi người trong bữa cơm đều im lặng, để cho cái buồn thấm chậm vào tận đáy lòng. Miếng cơm ông giáo đang nuốt thấy nhạt nhẽo hơn. Giọng Huệ buồn buồn:

- Con thì luôn luôn muốn được học hỏi thầy. Chỉ sợ...

Ông giáo chờ cho Huệ nói tiếp, nhưng anh dừng lại, e ngại không thêm lời nào nữa. Ông giáo phải giục:

- Chỉ sợ điều gì?

Huệ bị buộc phải đáp:

- Phần anh Bảy con thì chắc còn lâu mới trở xuống đây. Các bạn khác... như anh Thìn, Tiến, Khả, hình như...

Ông giáo nói giùm ý học trò:

- Tôi biết. Họ xin nghỉ học. Vả lại nếu họ không xin nghỉ, tôi cũng không biết dạy thế nào cho họ vừa lòng. Anh thấy không, cuối cùng chỉ còn một mình anh.

Mọi người lại im lặng. Lãng cảm cái muống múc canh, khi trả cái muống lại chỗ cũ phải se sẽ không dám gây lên một tiếng chạm mỏng. Lúc đó, xa thật xa, tận phía bãi chợ gần bến sông, có tiếng ai đang chọi lọi la hàng xóm. Sau đó có tiếng mõ đánh nhịp hai. An nắm lấy dịp xoay câu chuyện cho bớt nặng nề, thưa với cha:

- Gần đây ở ngoài chợ lộn xộn dễ sợ. Không biết ăn mày ở đâu mà càng ngày đổ về đây càng nhiều.

Huệ nói:

- Nghe nói ở miệt ngoài bị đói. Đến củ chuối, đọt dừa gai cũng không có mà ăn nữa.

Ông giáo gật gù bảo:

- Chẳng những họ tràn về miền này mà còn leo lên tận trên núi. Ở trên trại, ngày nào cũng có người xin vào. Nói cho đúng thì họ có thể ở ngoài tự phá rừng làm rẫy được. Nhưng từ đây cho đến lúc hái bắp, nhổ đậu ăn vào cái gì. Ốm đau, gặp nạn nương dựa vào ai. Càng ở nơi hiểm trở, càng cần nương tựa nhau.

Lăng nói:

- Con thấy sau tết, khi ăn mỳ còn ít, ai cũng dễ dãi cả. Đi chưa hết chợ đã được nào gạo, nào khoai, nào muối. Nhưng khi họ kéo đến nhiều, người ta đâm ngại. Cuối cùng đâm bức, gay gắt, tàn ác nữa. Hồi chiều có một bà lão ăn mỳ rách rưới chỉ xin ngủ nhờ vào cái chái nhà ông Năm Lương. Thế mà dứt khoát bà Năm không cho, sai con ra đuổi đi. Tuần trước chắc cũng vì vậy mà có người lén đốt cháy tiêu nhà ông thầy thuốc bắc.

Ông giáo giật mình, nhồm người ngồi thẳng dậy, hỏi Lăng:

- Nhà ông thầy nào?

Lăng vội trấn an cha:

- Không phải chỗ quen của mình đâu, thưa cha. Tiệm này nhỏ hơn, ở xế chợ một chút.

- Có ai bị chết không?

- Dạ không. Thường ngày có một bà cụ trông nhà. Hôm đó, may là bà cụ ra chợ mua trâu. Tủ thuốc bị cháy, bay thơm cả một vùng.

- Rồi sau đó có tìm được thủ phạm không?

- Dạ không. Quan huyện truyền đóng gông tất cả những người vô gia cư lang vãng trong vùng An Thái giải về phủ tra khảo. Đông quá không có gông cho đủ, phải lấy dây cột xâu từng chùm người lôi đi. Người già yếu, tàn tật, con nít mũi dài bụng ỏng cũng không thoát.

An xen vào tiếp lời em:

- Vậy mà vài hôm sau, từng đám ăn mỳ ở đâu lại ùn ùn kéo đến. Đấy, cha nghe thấy không, lại có tiếng la làng xóm. Lăng em đã đóng kỹ cửa cổng chưa?

Lăng vội bỏ đĩa, bước nhanh ra phía cửa bếp. An nhìn theo trù mếu trách nhẹ:

- Cái thằng! Làm gì cũng quên! Út, ngồi yên cho chị dứt xong chén cơm đi! Chừng này tuổi đáng lý phải tự cầm bát đĩa lấy. Cha biết không, hôm qua con dẫn thằng Út đi chợ. Nó vùi mua hết thứ này đến thứ khác. Con năn nỉ bảo đừng phí tiền, nó khóc. Con dỗ mãi nó không nín. Tự nhiên có một con bé con chị ăn xin đến ngồi bên con, hau háu nhìn cái nải chuối con đang cầm trên tay. Thấy tội, con bẻ cho nó một trái. Nó ngoạm hai miếng là hết, cổ bạnh ra. Ăn xong lại liếm mép nhìn nải chuối. Con muốn cho thêm trái nữa, nhưng giả vờ không để ý, xem con bé sẽ làm gì. Nó nhỏ hơn thằng Út mà lanh đáo để. Nó khen thằng Út dễ thương. Rồi khen cái áo thằng Út đẹp thật là đẹp. Con thấy ngộ vẫn làm thinh. Không biết nghĩ sao, nó khoè tay con, rụt rè nói: "Chị, làm em của chị sướng ghê! Em thích làm em của chị". Nếu nhà mình đủ ăn, con đã xin con bé về nuôi rồi. Con gái nhỏ bao giờ cũng dễ thương hơn con trai.

An kể luôn một hơi, nét mặt linh hoạt, cử chỉ tự nhiên. Điều đó làm cho ông giáo kinh ngạc một lần nữa, và một lần nữa ông lại tự giải thích. Phải, suốt một tháng qua, Huệ vẫn ngồi cùng mâm ăn cơm với An, Lăng, Út, Huệ đã thành người nhà, lý nào phải dè dặt, làm bộ xa cách, giữ gìn từng lời nói, cử chỉ như trước.

Ông giáo ngả lưng thoải mái lên tấm ván tựa, thân mật hỏi Huệ:

- Gần đây có chuyện ghe nào lên không?

Huệ lễ phép đáp:

- Dạ có. Cách đây khoảng mười ngày có một ghe chở muối. Độ này ghe lên thừa thớt hơn trước, thừa thầy!

- Có lẽ tại sau tết, qua rằm tháng Giêng người ta mới lại bắt đầu làm ăn.

Huệ vội nói:

- Thừa không phải vậy. Chuyện buôn bán ngày càng khó khăn, ế ẩm. Một tháng một hai kỳ ghe lên, mà thồ mãi chưa hết.

- Tôi tưởng việc làm ăn vẫn phát đạt chứ! Cả vùng này chỉ có ông biện chuyên buôn hàng nguồn, bạn hàng nhiều, lại quen đường đi nước bước trên rú. Ai vốn nhỏ không kham nổi thế đâu!

Huệ trầm ngâm một lúc, hơi do dự, rồi nói với ông giáo:

- Thực ra anh Cả con chỉ nhờ chịu khó, năng đi lại giao thiệp với người thượng. Còn vốn liếng thì... nói ra chắc thầy không tin đâu. Vốn liếng không có gì hết. Dạ, vâng đúng như vậy. Tiền vốn phần lớn mượn tạm nơi tiền thuế Vân Đồn, mùa sau gởi lên mùa trước, cứ vậy đắp đổi bao nhiêu năm nay rồi. Gần đây, nhiều buôn thượng bị nạn hạn hán mất tiêu cả mùa lúa rẫy và bắp. Muối giao cho họ rồi, mà trâu với mặng không thu về được bao nhiêu. Không hiểu anh Cả con tính làm sao đây!

Ông giáo nhớ lời biện Nhạc than với ông trên Tây Sơn thượng, đối chiếu những lời đó với lời của Huệ, ông càng tin hiện gia đình ông biện đang khó khăn. Ông giáo càng lo âu hơn trước, đưa tách nước trà lên môi uống mà không biết vị trà chát có phảng phất hơi mốc. An thiếu tiền, phải mua loại trà rẻ nhất ngoài chợ An Thái để pha, chỉ cốt lấy màu mà thôi!

*

* *

Chưa có lớp học nào đặc biệt như lớp của ông giáo, năm Sửu (1769). Trường chỉ còn một trò một thầy. Các chức sắc trong vùng đã cho con đến nài cố này cố nọ xin thôi học.

Nếu mối quan hệ giữa Huệ và ông giáo vẫn như cũ, nghĩa là luôn luôn có khoảng cách trang trọng sè sàng giữa thầy và trò, giữa người bảo trợ và kẻ thất thế, thì bắt buộc ông giáo phải giữ đúng tôn ti, phép tắc của một lớp học. Nhưng ngay từ bữa tối đầu tiên trở lại An Thái, ông thấy cách cư xử của Huệ đã khác. Gần như Huệ tự xem là một thành phần của gia đình ông, ăn nói, đi đứng như một thân thuộc gần gũi với các con ông. Do đó, lớp học có hình thái phóng khoáng, lối dạy dỗ thân mật uyển chuyển như là cha dạy con. Đôi lúc ông giáo mỉm cười với ý nghĩ ngộ nghĩnh phạm thượng là: đến Đức Khổng phu tử cũng chưa bao giờ dám ước có một lớp học như thế này!

Ông giáo bỏ hẳn các buổi giảng nghĩa trong mấy bức vách của nhà học. Ông nhớ gì nói nấy, phần Huệ muốn hỏi gì cũng được. Hai thầy trò đối đáp nhau, thẳng thắn tranh luận với nhau về đủ mọi vấn đề ngay trên mấy đám ruộng miếu, hoặc lúc ngồi nghỉ dưới gốc mít cổ bên miếu cô hồn. Mấy cha con ông tự hiểu là phải làm việc cật lực để sống, vì nguồn tiếp tế của ông biện giảm xuống dần dần. Huệ e ngại giùm cho gia cảnh thầy, tự phận có trách nhiệm góp thêm một sức lao động, giúp thầy cuốc cỏ, bón phân, đắp nước, be bờ... Lớp học của hai thầy trò gắn liền với đời sống đang ướm đầm mồ hôi cần lao!

Thời đó ông giáo vẫn còn lúng túng với những ý nghĩ hoài nghi. Huệ cũng là một cậu học trò rần rật không chịu tin vội vào những điều thầy dạy. Cùng ở trạng thái bất quyết, nhưng người học trò thì ở đầu con đường tìm tới chân lý, còn ông thầy thì đứng nép ở cuối con đường gập ghềnh ấy, mặt mày tư lự. Sự hăm hở của Huệ đã khiến ông giáo phấn khởi trở lại, và sau một lúc dùng dằng, ông luôn luôn bị cuốn hút vào cuộc phiêu lưu kỳ lạ của học trò.

*
* *

Mùa tháng ba đã đến. Lúa bắt đầu chín vàng trên cánh đồng An Thái. Dân đói ở các huyện phía Bắc đổ về ngày càng nhiều. Nạn tuốt lúa trộm khiến những đêm dài mùa gặt giật lên từng cơn vì tiếng mõ cấp cứu, tiếng la hét đuổi bắt, tiếng chân chạy trên các ngõ vắng, tiếng bàn tán xôn xao. Không buổi sáng nào không có những câu chuyện truyền nhanh cho cả vùng về các vụ lưu huyết đêm trước. Những khoảng ruộng ven đường đều xơ xác, lúa vừa chín tới đã bị tuốt trộm dần dần hằng đêm, mới trông giống như một mái tóc xanh bị lát ăn lan từ chung quanh lên đỉnh đầu.

Chủ ruộng phải ra ngủ ngay tại khu canh tác của mình để giữ lúa, mang theo con cúi và giáo mác, gậy gộc. Nhưng bao giờ số người giữ cũng ít hơn số người phá, nên canh lúa trở thành một việc nguy hiểm. Đã có nhiều người phải giả vờ ngủ say để giữ lấy mạng sống. Hôm rằm tháng ba, người ta tìm thấy xác một người giữ khoai bị vùi giữa đồng dây khoai héo, ở góc một vạt đất bồi đã bị đào bới lem nhem, nham nhở.

Nhà ông giáo chỉ còn có ba người đủ sức đảm đương công việc giành giật lấy miếng ăn sống này là ông giáo, Kiên và Lãng. Huệ không thể đứng ngoài, tình nguyện chia sẻ nỗi vất vả của gia đình thầy. Cho nên nhiều đêm, bên con cúi rơm ngún khói tỏa ánh sáng âm ỉ giữa đồng, hai thầy trò ngồi bên nhau tìm quên gió lạnh và tránh né giấc ngủ bằng cách bàn luận lan man về đủ mọi đề tài. Cuộc bàn luận không có khởi điểm, và cũng không nhằm đi đến một kết điểm. Giữa đêm đen mênh mông, với chút ánh sáng thơm mùi rạ mới, nhờ cùng nhau gìn giữ cho được sự sống tối thiểu, mà hai thầy trò đã vứt bỏ được những ràng buộc của lễ nghi, câu thúc của hình thức, những môi miếng giả dối thường thấy ở chỗ có ánh sáng và tiếng ồn ào đông co. Một đêm Huệ hỏi thầy:

- Trong đời có lần nào thầy bị đói chưa?
- Nhiều lần lắm.
- Những lúc đó thầy nghĩ đến gì nhiều nhất?
- Dĩ nhiên là nghĩ đến cái ăn. Nhớ những lần đã được ăn ngon trước đây. Rồi nghĩ giá bây giờ mà được ăn thức này, món này... Sau đó lại tự an ủi: Đói cho sạch, rách cho thơm, hay là: Quân tử thực vô cầu bão.
- Như vậy con nghĩ thầy chưa thực đói.
- Thế anh đã thực đói lần nào chưa?
- Dạ chưa!
- Chưa đói sao biết thế nào là đói thực thế nào là đói giả?

- Sáng nay con thấy được người thực đói.

- Thấy thì dễ, nó nhan nhản ra đó suốt mấy tháng nay.

- Nhưng con thấy rõ hơn nhiều người. Con tin như vậy. Tối hôm qua con tập quyền tới khuya, nên ngủ luôn ngoài nhà thầy võ. Tại con nghĩ đã có anh Kiên và Lãng ra đây rồi, khỏi cần về làm gì.

- Anh đi mà không dặn ai, tôi cứ sợ nhờ có việc gì...

- Con có nói trước với Lãng. Chắc vì quên, Lãng không thưa lại với thầy trước khi ra canh lúa.

- Thế tại sao cánh tay phải anh xây xát cả vậy?

- Tại vì... tại vì tự nhiên con lúng túng, quên mất cái thế đỡ đường quyền đánh tới, bị ngã xuống. Xin thầy đừng lo cho con, tập võ xây xát, trật gân, chảy máu là chuyện thường. Con xin nói tiếp chuyện đói. Sáng nay ở ngoài phố chợ trước cửa lớp võ, chỗ cái quán những người dẫn ngựa thồ thường lui tới, lại có cuộc ẩu đả. Một khách buôn đang ngồi trong quán ăn cơm, thì có hai người ăn mày bước vào. Một già yếu, một còn trẻ. Người già đứng tần ngần ngoài cửa quán, mắt nhìn dán vào đĩa cơm sườn, miệng há hốc. Nước dãi chảy ướt chòm râu dơ. Người khách buôn bưng đĩa cơm lên thì ông già ngừng lên. Người khách buôn đặt đĩa xuống bàn, mắt ông già cũng nhìn xuống, không chịu rời cái đĩa. Người khách buôn gặm xong miếng sườn, mút thật kỹ rồi mới vất xuống đất. Ông già hết do dự, chạy vào quán chụp lấy miếng sườn lấm đất bỏ vào miệng. Con bất nhẫn, không dám nhìn, quay mặt bỏ đi. Rồi con nghe có tiếng bàn ghế ngã, tiếng hăm hè vật đánh đập đổ nhau. Chạy trở lại quán, con thấy người khách buôn đang túm lấy người ăn mày trẻ tuổi mà đánh. Không ai vào can giúp người ăn mày xấu số cả. Người ta bảo "Đáng kiếp! Dơ dáy đến thế là cùng. Đánh cho nó chừa cái thói ăn hỡn!" Can cho hai người rời nhau ra, thì anh ăn mày đã ngất ngư, cơm và máu ói hết ra miệng

- Hẳn làm gì để phải chịu đánh?

- Anh ta trẻ hơn cụ già kia, mạnh dạn giành miếng sống. Anh ta đến thẳng bàn, nhổ nước miếng vào đĩa cơm người khách buôn đang ăn. Người khách buôn sợ hãi tránh ra xa. Anh ta chỉ chờ có thế. Anh ta chụp lấy đĩa cơm ngon, vốc từng nắm bỏ vào miệng mà nhai.

Ông giáo lặng cả người, đóm lửa trước mắt ông mù mờ, rồi nhập nhòa đi. Ông phải cố lắm mới nuốt được nước bọt và nói:

- Tôi đã đoán được vì sao tay anh bị xây xát, tôi...

Huệ không muốn thầy nói tiếp, vội ngắt lời ông giáo:

- Con cứ bị dày vò mãi vì tự hỏi: Nếu ta là một trong hai người ăn mày, ta sẽ làm như ông cụ hay làm như người trẻ tuổi. Con không trả lời được.

- Tôi cũng không trả lời được. Phải ở vào hoàn cảnh của họ, mới biết rõ câu trả lời.

- Nghĩa là con và thầy đều chưa thực đói.

- Đúng như vậy. Chúng ta may mắn còn có lúa mà canh giữ. Dăm dây khoai xuống, vài tháng sau đất còn cho ta củ. Trời còn mưa, nước thấm vào rễ, lá cây xanh. Nếu không may trời bắt hạn hán như ngoài Phù Ly, Bồng Sơn...

Huệ hấp tấp hỏi ông giáo:

- Thừa thầy thực sự có trời không? Nếu có "mệnh trời chí công" như thầy dạy con, thì tại sao trời sinh chỉ những con người vất vưởng đầu đường với cái bụng rỗng như vậy?

Huệ nhìn đắm đắm vào mặt thầy, thấy ánh mắt ông giáo phản chiếu ngọn lửa tha thiết. Huệ lấy hơi, cổ trần tỉnh nói cho hết ý mình.

- Con đã nghĩ: Những lời thầy dạy con rút từ sách thánh hiền, đều do những kẻ no đặt ra cả. Nhờ no đủ nên thành thói nghĩ ngược nghĩ xuôi thế nào cũng được. Hoặc muốn no lâu, no bền, thì nghĩ thế nào cho đẹp lòng bọn vương hầu. Con nhớ mãi câu nói ông Tử Trường: "Cửa nhà hầu nhân nghĩa thiếu gì đâu!" Thầy đã dạy con năm trước.

Ông giáo đã đoán trước phần nào những gì Huệ nói, hơn nữa, những lần thất thế trong đời nhiều đêm ông từng trằn trọc vì những ý nghĩ ấy. Nhưng giữa đêm vắng, vũ trụ thu lại trong một vùng sáng hẹp, lời nói của Huệ dội mạnh vào tâm não ông, khiến ông xúc động bàng hoàng. Ông nhìn quanh chỉ thấy đêm tối. Ông hỏi thẳng thốt:

- Sách vở, chữ nghĩa và cả bọn sĩ như tôi làm được gì trước hoàn cảnh này? Chỉ đáng vứt đi hết sao!

Ông giáo choáng ngợp trước một sự thực vời vọi nó đè nặng lên đầu óc ông. Ông chơi vơi, hốt hoảng. Huệ nghe giọng thẳng thốt của thầy, tưởng ông giáo giận vì bị xúc phạm danh dự nhà nho, lo sợ quay nhìn ra ngoài đêm. Cơ phấn khích tan đi mau chóng. Anh hồi hận đã đi quá xa giới hạn, đâm ra lúng túng. Anh nghe thầy nói với giọng thật trầm, và buồn:

- Anh nói phải. Bọn kẻ sĩ chúng tôi chỉ được mỗi việc châu chực ở cửa nhà vương hầu!

Rồi sợ Huệ hiểu lầm, tưởng ông giận, ông giáo cười, cố lấy giọng giễu cợt thân mật:

- Người thôn quê họ nói đúng lắm. "Nhất sĩ nhì nông". Cứ tạm nhận thế đi. Nhưng "hết gạo chạy rong thì nhất nông nhì sĩ". Biết đâu đã đến thời của những người cầm cày cầm cuốc!

Chương 12

Kiên mang đồ lễ đến nhà ông tri áp, lòng không mấy vui. Ngoài cái nghiên đá hoa bọc bằng giấy điều, còn có thêm hai thúng nếp và một nải chuối tốt. Ông giáo sai Lãng đi theo anh, nhưng đến lúc đã chuẩn bị sẵn sàng quà cáp, Lãng biến đâu tìm mãi không thấy. An phải đi cùng với anh Hai.

Hai anh em may mắn gặp Thìn đang la cà bên mấy chuồng ngựa chợ An Thái, nhờ Thìn dẫn về nhà. Không có nụ cười thân ái của An thì Thìn đã từ chối phắt. Càng về gần tới cổng, Thìn càng tỏ vẻ lúng túng, lo âu. Cho nên anh ta nhất định không cùng anh em Kiên vào nhà, chỉ đứng ngoài xa trỏ cái cổng vôi nói:

- Đó, cửa cổng thường đóng, cứ đập cửa mạnh vào trong nhà mới có người nghe. Chớ dữ lắm, dù cửa mở cũng đừng tự tiện bước vào. Thôi nhé, tôi đi đằng này có việc.

Kiên và An mới đập nhẹ vào cánh cửa gỗ nặng thì bên trong đã có tiếng chó hực dữ tợn, tiếng sửa inh ỏi, và tiếng gầm gừ. Ông tri áp đích thân ra mở cổng, theo sau là một anh lực điền vạm vỡ cầm cây gậy dài quá tầm người. Đôi mắt hằn học của ông dụ lại khi thấy hai anh em Kiên khệ nệ mang đủ thứ gói đồ, gói xanh. Tuy vậy, giọng nói của ông vẫn còn đọng khá nhiều ác cảm. Ông tri áp hất hàm hỏi:

- Đi đâu?

Kiên giận dữ vì thái độ hách dịch của viên tri áp, không trả lời. An nhanh nhẩu thưa:

- Chúng cháu xin phép được hỏi thăm cụ. Có phải đây là nhà cụ tri áp?

Ông tri áp hỏi lại:

- Có việc gì?

- Cha chúng cháu sai chúng cháu đến biếu cụ chút quà mọn nhân tiết cơm mới, gia đình chúng cháu về đây được cụ bảo bọc cho nên mới có cái ăn cho đến mùa này. Mong cụ không chê nhà chúng cháu nghèo, quà cáp thô sơ, mà nhận cho.

Vẫn không để cho anh em Kiên được bước quá vào bên trong cổng, ông tri áp lừ mắt nhìn qua các thứ quà Kiên và An đang đem theo. Ông thấy An xách một giỏ nặng nào nếp nào chuối. Trông cánh tay nhỏ yếu ớt của An, dáng đứng thẳng không bị quăn nghiêng xuống một phía, ông biết giá trị món quà An đang xách nhẹ lắm. Ông chỉ còn hy vọng ở cái gói giấy điều Kiên đang bưng bằng hai tay. Nhờ thế, giọng ông dụ thêm một chút xiu nữa. Ông hỏi Kiên:

- Anh kia, con cái nhà ai thế?

Kiên không còn cách nào khác, phải trả lời:

- Chúng tôi là con ông giáo Hiến.

- Ai?

An đáp thay anh:

- Dạ chúng cháu là con ông giáo Hiến ạ!

Giọng nói của ông tri áp trở nên cáu kỉnh, bức bối. Ông ta cười nhạt, hỏi bằng một giọng cố ý kéo

dài ra để giễu cợt:

- Giáo Hiến nào vậy cà? Ở đây có tên nào trốn cầm cày cầm cuốc mở hàng bán chữ đầu cà!

Kiên bậm môi lại, mấy ngón tay bấm mạnh lên cái gói giấy điều bọc chiếc nghiên quý. An nói:

- Có lẽ vì bận nhiều việc quan nên cụ quên đấy ạ. Cha chúng cháu không có ý mở trường để mưu sinh, chỉ cốt ôn cho chúng cháu khỏi quên cái chữ nghĩa thánh hiền thôi. Cũng may là tiếng lành đồn xa, ông biện Kiên thành và cả cụ tri áp nữa, đều có gửi con em đến xin học. Chúng cháu vừa gặp anh Thìn ngoài chợ, nhờ anh ấy mới được biết nhà cụ.

Ông tri áp quay lại nhìn đăm đăm vào mặt An, lòng thầm phục cái tài mau miệng ứng đối nhanh chóng của đứa con gái. Tự biết không thể giữ mãi giọng phách lối mà không trở nên lỗ bịch, ông tri áp cố tỏ ra hòa nhã, thân mật hơn:

- Thế à! Ra các cháu là con thầy giáo của thằng Thìn. Quý hóa quá! Tưởng ai hóa ra là con thầy giáo Hiến đây mà! Vào đây các cháu. Bay đâu! Coi chừng mấy con chó nghe. Vào đi, đừng sợ. Chúng nó gầm gừ dữ tợn thế, nhưng hiền lắm. Bay đâu! Đã bảo nhốt mấy con chó lại. Nhớ đóng cổng cài then cẩn thận nghe chưa. Các cháu đi lối này. Cái sân bên phơi lúa phải đi quanh ra ngõ sau vậy.

Ông tri áp nhanh nhẩu ân cần thế nhưng vẫn không để cho hai anh em Kiên bước lên thềm. Ông sai người nhà đem ra ba cái ghế đầu, tiếp khách ngay dưới bóng mát cây ổi. Kiên chán ngán cái trò giả dối quan quyền, để mặc cho em gái đối đáp với ông tri áp. Khi biết món quà bọc giấy điều là cái nghiên đá hoa, ông ta rạng rỡ mặt mày, nói cười tíu tít. Thấy vẻ mặt Kiên lăm lì, ông dăm ngại, chỉ nói chuyện với An. Đôi lúc muốn hỏi Kiên việc gì, ông cũng hỏi chuyện qua An để khỏi phải e ngại. Ông ta liếc nhìn Kiên, do dự rồi hỏi An:

- Thế cậu đây là anh ruột của cháu phải không?

Kiên gật đầu nói: Vâng.

- Sao mấy lần tôi ghé chơi đằng ông giáo, không thấy có mặt anh cháu.

Vẫn Kiên đáp thay em:

- Tôi không ở đây. Lâu nay tôi ở trên Tây Sơn thượng, mới ghé về thăm nhà.

Ông tri áp vỗ mạnh vào vế, nói lớn:

- À, tôi nhớ ra rồi. Cậu tên là Kiên phải không. Đúng tên Kiên chứ gì. Hôm qua, ông xã có báo cho tôi biết trong làng mình hiện nay có quá nhiều dân lậu. Cái bọn đói khát xiêu giạt đầu đường xó chợ đó, không biết từ đâu về mà đông thế. Chúng làm rối loạn cả phép nước, cướp giết, trộm cắp, không gì chúng không dám làm. Tối hôm qua chúng gặt trộm của tôi đám Rộc, mấy thằng người nhà của tôi không dám cho một đứa đổ ruột thì chắc chắn sáng nay không còn sót lấy một hạt lép. Tôi đã nhiều lần trình lên quan huyện. Quan trên cho phép tổng khứ bọn dân lậu ấy ra khỏi làng, bằng cách gì cũng được. Thế... thế cậu Kiên có tên trong sổ đình làng ta không.

- Dạ tôi đã khai trên Tây Sơn thượng.

- Phiền phức nhỉ. Như vậy là ông xã trưởng báo đúng một phần. Cậu không là dân đình ở đây, tuy không phải là dân lậu, nhưng...

Kiên ngắt lời ông tri áp:

- Tôi chỉ ghé thăm nhà mà thôi. Mai, chậm nhất là ngày mốt, tôi trở lại Tây Sơn thượng.

- Thế thì được. Cậu về thưa lại với thầy giáo là tôi quý thầy giáo lắm. Ông xã không biết liệu việc, cứ răm rắp theo phép nước mà làm, không chịu vị tình. Tôi thì khác. Cái gì cũng phải đầy đủ cả tình lẫn lý. Như trường hợp thầy giáo chẳng hạn. Người ta thấy thầy giáo hiền, đặt đủ điều nói xấu thầy. Nói nào là thầy không tự dừng bỏ kinh mà về cái xó núi này, nào là thầy từng quen biết lớn lắm. Nào là... nào là giữa thầy với... mà thôi, hơi đâu để ý đến chuyện thêm thắt bàn tán của miệng đời, phải không hai cháu.

Viên tri áp nhìn thẳng vào Kiên, nét mặt hơi đanh lại:

- Riêng phần cậu, thôi thế cũng được. Đằng nào thì mai mốt cậu cũng lên Tây Sơn thượng rồi. Cậu có gặp biện Nhạc cho tôi gửi lời thăm.

Kiên nhìn thấy trong đôi mắt viên tri áp có sắc xanh lạnh lẽo của con rắn đang thôi miên chú chuột nhắt. Anh lo ngại, ngầm hiểu viên tri áp biết nhiều điều về gia đình mình mà chưa đến lúc nói hết.

*

* *

Suốt hai tuần lễ nay Kiên trốn ru rú trong xó nhà như con gián sợ ánh nắng. Ông giáo chưa tìm được lối thoát cho con, mà chính Kiên cũng không tìm được lối thoát cho mình. Cửa sổ, cửa lớn phòng nhà trên đóng kín mít. Kiên lẫn quần suốt ngày trong phòng tối, khổ sở không biết làm gì để quên. Anh có quá nhiều chuyện đau lòng muốn quên dứt, khổ nỗi sự cô đơn buộc anh nhớ tất, không sót một chi tiết.

Anh phải tìm việc làm luôn tay. Ngày đầu Kiên vót tằm. Ngày thứ nhì Kiên lau bàn ghế, giường tủ. Ngày thứ ba sửa lại các thứ lặt vặt trong nhà từ cái rá, con dao, cái rửa cho đến cái tim đèn, cái cán gáo. Đến ngày thứ năm mọi sự đều gọn ghẽ, ngăn nắp, trừ tâm hồn ngổn ngang vương vীu của anh. Kiên ngồi thờ trong bóng tối, khóc một mình. Anh cố tìm công việc nào đó để lấp cho đầy cái khoảng tối hun hút của đời anh. Một sức thúc đẩy nội tại mơ hồ xui anh vùng chân múa tay cố làm cho thân thể mệt nhoài để trí óc ngưng quấy rối anh. Mồ hôi vã ra như tắm, căn phòng tối thiểu không khí trở nên ngột ngạt, Kiên cảm thấy khó chịu còn hơn ngồi khóc lặng lẽ. Anh quay sang đọc thơ, rồi đọc thuộc lòng trở lại những trang sách cha đã dạy từ hồi còn ở kinh đô. Chữ nghĩa rệu rã trong miệng anh, đạo lý nhạt nhẽo không đủ thẳng được lòng hoài nghi. Cuối cùng, anh tìm ra trò chơi đánh cờ giữa tay phải và tay trái, và lần mò quan sát từng vết lõm trên tường để tìm cho ra ý nghĩa hình dáng các vết lõm đó.

Một hôm Kiên thú vị khám phá thấy có một vết lõm giống y hình dáng một người đang cố sức chạy, thì có tiếng chân người đi vào sân. Đoán là cha và các em ở ngoài đồng về nghỉ trưa, Kiên mạnh dạn mở then, hé cửa nhìn ra ngoài. Một tốp bốn năm người lính đầy đủ giáo mác đã đến trước hiên nhà, dẫn đầu là viên tri áp. Ông ta truyền lệnh cho bọn lính:

- Một đứng gác trước cổng. Một đưa canh phía sau nhà. Thằng Chạng theo tao. Đẩy cửa vào coi nó có trốn trong đó không?

Kiên biết không có lối nào khác để trốn thoát. Có điều anh còn hồ nghi, là không hiểu tiếng nó trong

lời viên tri áp chỉ vào ai, vào anh hay vào cha của anh. Tâm trạng boăn khoăn khiến anh phản ứng chậm chạp, nên mãi tới lúc đã bị tên lính bẻ quặt tay trái kéo ra sau lưng, Kiên mới hiểu hết tầm quan trọng của hoàn cảnh. Lúc đó, anh mới cảm sâu được sự sỉ nhục đã chịu. Anh giận đến phát điên khi bị tên lính nắm tóc đè đầu xuống đất cho nên chúng trái tay anh dễ hơn. Kiên quên hết mọi suy tính dè dặt, dùng đầu húc thật mạnh vào bụng tên lính đang nắm tóc mình. Tên lính bị vỗ bất ngờ ngã ngửa xuống đất, đầu đập vào khung cửa lớn, máu phun ra thấm qua tóc chảy có dòng lên trán. Máu đỏ kích thích bản năng hung bạo lên tột độ, Kiên bị bọn lính xúm lại, kẻ đá người thoi cho đến lúc nằm chết giắc một đồng tử trên nền đất ẩm. Viên tri áp không ngờ tình thế hóa ra thô bạo rắc rối đến như vậy, đứng nhìn cảnh tượng trước mắt với đôi mắt bàng hoàng. Mãi một lúc sau, ông ta mới lấy đủ bình tĩnh, lớn tiếng la mắng đám thuộc hạ:

- Trái nó dẫn đi được rồi, tội bây làm nhục nó có ích gì. Quan huyện có quả, tội bây đừng có chạy tội nghe chưa!

Có lẽ bọn lính thấy Kiên nằm im như người chết, đâm sợ. Một tên đến lay Kiên dậy. Kiên ú ớ, rên rỉ, người oằn lên như con rắn bị đâm phải đuôi. Một tên lính khác chạy ra ang nước, múc nước xối lên mặt Kiên. Chờ một khắc sau, chúng đỡ lo hơn khi thấy Kiên mở mắt, dáo dác nhìn quanh. Theo lệnh viên tri áp, hai tên lính đến xốc nách lôi Kiên dậy, vừa dìu vừa đẩy Kiên ra cửa.

Kiên bị bắt đi giữa trưa nắng, hai bên đường đám con nít líu ríu sợ hãi nhìn theo đoàn giải tù, những bàn tay nhỏ nhắn bắn bắn thiêu do nỗi sợ truyền kiếp thúc đẩy đưa lên che lấy đầu và ngực. Người lớn ở gần nhà ông giáo chỉ dám đứng nép sau những bụi chuối rậm len lén quan sát, không dám thở mạnh. Kể cả gia đình Hai Nhiều. Chờ cho đoàn giải tù đi khá xa, Hai Nhiều mới sai Lê chạy ra đám miếu báo cho gia đình ông giáo hay tin dữ.

*

* *

Sau khi Kiên bị bắt, gia đình ông giáo sống trong một trạng thái lơ lửng, chơi vơi đến hãi hùng. Không ai còn bụng dạ nào đâu lo chuyện cơm nước, nên lòng mọi người cứ cồn cào, không đói mà cũng không no. Ông giáo, ngay buổi xế hôm ấy, chạy đi tìm ông tri áp hỏi cho ra cơ sự, nhưng gọi công mãi không được ai tiếp cả. Gần như mọi người đều lảng tránh, không muốn dây dưa với ông, sợ ông như sợ một người bị hủi. Đứng nói chuyện với ông là điều nguy hiểm, tuy trong thâm tâm, mọi người trong làng vẫn còn giữ trọn lòng kính nể khâm phục đối với con người hay chữ và khiêm cung. Sự mâu thuẫn ấy khiến mọi người khổ tâm, cho nên người ta mới truyền miệng cho nhau những mẩu chuyện ghê gớm về hành tung khả nghi của gia đình ông giáo, hòng vớt vát chút ý nghĩa cho thái độ hèn nhát.

Chính Hai Nhiều tung ra cái tin nói rằng thực sự ông giáo không có họ hàng bà con gì với Hai Nhiều hết. Lấy bằng cớ ở đâu mà dám bảo vợ ông giáo là con cùng cha khác mẹ với Hai Nhiều? Hãy nhớ lại xem: khuôn mặt của Hai Nhiều với khuôn mặt bà giáo có chút nào giống nhau đâu? Nhà Hai Nhiều có thể có máu hủi, nhưng nhất định không có máu điên! Tự nhiên hôm tối trời, có một gia đình lạ hoắc ở đâu trôi giạt về đây, bỗng bẻ gông gánh nhau tìm vào nhà Hai Nhiều xưng là bà con thân thuộc để chia vườn, chia

ruộng. Hai Nhiều biết thừa ra chứ, biết là có sự giả dối tối tăm trong đó chứ, nhưng thấy người hoạn nạn giữa đường chẳng lẽ không làm phước để vun nền đức cho con cháu. Lừa được Hai Nhiều bao năm nay, thậm chí lừa được cả dân An Thái, nhưng làm sao lừa được triều đình. Không phải vô cớ mà quan quân rầm rập kéo vào nhà trói thúc ké lôi đi như vậy? Cái gì cũng có cái lý đương nhiên của nó! Họ là ai? Đã làm gì? Đã ở đâu trước khi kéo về đây ăn bám vào gia đình Hai Nhiều, ai mà biết được! Và cả nhà Hai Nhiều ngủ yên đêm đêm, dù có nghe tiếng An thút thít khóc mỗi lần qua giếng cậu mợ xách nước.

Từ đó giữa các cuộc bàn tán sôi nổi hứng thú trong làng, càng ngày người ta càng tìm thấy nhiều điều khả nghi nơi gia đình ông giáo. Người này nói: "Ờ, hèn gì..." Người kia nói "Phải rồi, vì vậy mà..." Kẻ nhớ bù đắp cho kẻ quên. Những chi tiết phù hợp với định kiến được thu góp đầy đủ, dần dần trở thành một câu chuyện có đầu đuôi, hấp dẫn hơn cả chuyện lấy vợ của cha Hai Nhiều thời trước.

Cảm giác luôn luôn bị một vòng nghi kỵ, sợ hãi bao vây lấy mình khiến mọi người trong gia đình ông giáo đều khổ tâm. Đi đâu họ cũng bị những cặp mắt ranh mãnh theo dõi. Bước qua khỏi một đám đông, họ biết sau lưng họ đang có nhiều lời bàn tán độc địa, xuyên suốt lưng họ như những lưỡi gươm bén hèn nhất. Không đêm nào họ ngủ được yên giấc. Không dám nói ra lời, nhưng ai cũng biết sự đe dọa của triều đình chưa kết thúc. Giữa bóng tối, họ hồi hộp lắng nghe từng bước chân đạp rào rào trên đường cát, từng tiếng nói chuyện xì xào. Một tiếng ếch nhái, tiếng chuột rúc trong xó, tiếng con chim bay đổi cảnh, tiếng con rắn lục gọi tình, đều có thể khiến mọi người giật mình hoảng hốt.

Đêm đêm họ chờ. Một đêm. Hai đêm. Ba bốn đêm. Dần dà từ ông giáo, lớp trẻ tuổi như Lãng, An, Út, Huệ làm quen với sự thấp thỏm, lo âu, bắt đầu ngủ yên giấc. Đúng vào đêm thứ năm sau hôm Kiên bị bắt, lúc gần gà gáy, ông giáo nghe có tiếng nhiều bước chân nhẹ và nhanh vào sân nhà. Ông thầm nghĩ: "Bây giờ đến lượt mình. Thế nào chúng nó cũng tra khảo cho thẳng Kiên khai thật ta là ai, quen với quan nội hữu thế nào".

Bên ngoài, tiếng chân bước im bật, một lúc sau có tiếng thì thào. Rồi tiếng đập cửa nhẹ nhẹ. Ông giáo chậm rãi ngồi dậy, tìm đá lửa và bùi nhùi thắp đèn. Ông không muốn bị lôi đi âm thầm dấm dúi. Ông muốn được tiếp nhận may rủi của số phận giữa ánh sáng, với tư thế trầm tĩnh ung dung của nhà nho.

Lại có tiếng đập cửa. Ông lên tiếng hỏi:

- Ai đấy?

Một bóng đen nhẹ nhẹ đến bên ông. An đã dậy từ lúc nào đến ôm lấy cha, ông giáo thấy con gái đang run. Bên ngoài có tiếng đàn ông đáp nhỏ:

- Chúng tôi là người nhà ông biện Kiên thành. Có cậu Huệ trong đó không?

An lo âu hỏi nhỏ:

- Cha đừng ra mở cửa vội. Coi chừng họ đánh lừa đấy!

Ông giáo do dự chưa biết trả lời thế nào, thì bên ngoài lại có một người khác nói vào:

- Chúng tôi có tin nhà cho cậu Huệ. Gấp lắm. Có ai thức trong đó không?

Bên chái nhà học có tiếng kéo then cửa lách vách và tiếng cánh cửa mở, ván cửa cọ vào khung kèo kéo kẹt. Ông giáo biết Huệ cũng thao thức cả đêm như mình và An. Tiếng Huệ hỏi:

- Bác Năm đây phải không?

Nhiều tiếng mừng rỡ:

- À, cậu Tám đây rồi. Thế mà tôi cứ tưởng cậu ở bên này.

Toán người lạ qua cả bên nhà học. Ông giáo thở phào nhẹ nhõm. An cũng mừng rỡ nói với cha:

- Đúng là người nhà ông biện rồi. Không biết có việc gì gấp mà họ tìm xuống đây khuya khoắt vậy cha!

Ông giáo lắng nghe những câu trao đổi giữa Huệ và toán người lạ, nhưng họ cách xa ông quá, không nghe được gì. An muốn mở cửa sang hỏi thăm Huệ, dợm đứng dậy. Ông giáo hiểu ý con, ngăn lại:

- Khỏi cần. Thế nào Huệ cũng qua đây ngay.

Hai cha con không chờ lâu. Độ một khắc sau, Huệ qua gõ cửa nhà thầy. Ông giáo đã thắp đèn sẵn, mở cửa sẵn để chờ Huệ. Dưới ánh đèn lù mù, ông giật mình tìm thấy nét mặt Huệ có vẻ lo lắng. Ông hỏi:

- Có việc gì thế?

Huệ đến bên thầy và An. Hai người kinh ngạc thấy anh đã mang theo cái tay nải quần áo, như chuẩn bị đi xa. Huệ cố dằn xúc động, nói với ông giáo:

- Chúng nó cho lính đốt cháy nhà con trên Kiên thành hôm qua. Anh Hai vừa cho người xuống báo cho con hay.

An lo lắng hỏi:

- Có ai bị "việc gì" không anh?

Huệ quay lại nhìn An, mỉm cười cảm ơn sự lo lắng của cô gái, rồi đáp:

- May có người quen cho biết trước, nên cả nhà đã trốn ra bờ sông. Chúng nó chờ đêm bao vây kín, tưởng có thể bắt trọn cả gia đình.

An tức giận hỏi:

- Vì sao chúng nó dám ngang ngược như vậy?

Ông giáo cho câu hỏi của con thừa thãi, vô ích, nên hỏi Huệ:

- Bây giờ anh tính sao? Định đi đâu?

Huệ nhìn toán người đang chờ mình ngoài sân, đáp:

- Gia đình con đã lên hết trên Tây Sơn thượng. Anh biện nhắc con lên đó ngay đêm nay. Thừa thầy...

Huệ muốn nói điều gì quan trọng lắm, có thể là lòng biết ơn gia đình ông giáo, có thể là nỗi bịn rịn phải xa một nơi chốn thân mến, yêu dấu Huệ đã từng sống hai năm qua. Nhưng anh xúc động không nói được. Ông giáo cũng cảm thấy nghẹn nơi cổ, chỉ biết vỗ vai Huệ tỏ dấu thông cảm. Huệ cuối đầu chào thầy, nhìn nhanh về phía An, rồi bước vội ra sân. Gà phía sau chuồng bắt đầu gáy chờ mặt trời. Đêm còn đen dày. Ông giáo nổi cơn ho và lạ lùng chưa, dường như ông bủn rủn tay chân, đứng không vững nữa. Ông vịn vào thành cửa, nhìn ra đêm tối. Mắt ông mờ lệ. Ông thấy nhập nhòa hình ảnh toán người lạ đang nói chuyện với Huệ trước nhà, vài người mang giúp cho Huệ một số đồ đạc. Hơn cả lúc trở về thấy Kiên bị bắt, ông cảm thấy đời cô đơn hơn, trống trải hơn. An đã bỏ đi xuống bếp. Ông muốn gọi Huệ vào để nói thêm vào lời, dặn dò vài câu. Nhưng ông giáo bỏ ngay ý định. Ông còn biết nói gì với Huệ trong hoàn cảnh

này!

Huệ cùng với toán người nhà ra tới cổng, chợt nhớ điều gì, quay trở lại. Ông giáo mừng, chờ Huệ tiến về phía mình. Nhưng không. Ông thấy Huệ ra phía bếp, chỗ có đặt ang nước. Ông nghe tiếng cán gáo va vào thành ang, tiếng nước xối một lần, hai lần. Hơi thất vọng, ông giáo khép cửa lại.

Huệ trở ra qua lối cửa sau nhà bếp gặp An đang đứng ở đấy. Anh dừng lại. Bóng tối che giùm không cho hai người trông thấy vẻ bối rối của nhau. An run run nói:

- Anh nhớ quần khăn cổ. Không lại cảm.

Huệ cảm động, cả đời chưa được một người con gái nào ân cần dặn dò như vậy nên cảm thấy hân hoan ngây ngất. Anh muốn nói với An câu gì thật âu yếm, đơn sơ mà chân thành như câu An vừa thốt ra, nhưng trong cơn lúng túng, tìm mãi không ra lời. Huệ cố dẫn xúc động nói:

- Cảm ơn An.

Huệ ngược lên nhìn An, thấy tất cả vẻ đẹp quyến rũ của một nụ cười e ấp. Không tự chủ mình, Huệ tiến tới định nắm lấy bàn tay An. An rút tay về, giọng hơi hốt hoảng:

- Đừng, anh Huệ!

Huệ cảm thấy hụt hẫng, khựng lại, trở mắt nhìn An. Anh nghĩ nhanh: Mình thật quấy. Cô ấy như đứa trẻ thơ tình nghịch, coi mình như một người anh trong gia đình. May là không có ai trông thấy. Để che giấu sự bối rối pha chút thất vọng, Huệ cố nói to với An:

- Tôi đi nhé! Thế nào cũng có dịp tìm xuống thăm thầy. Không lâu đâu!

Huệ đã giữ lời hứa. Mười ngày sau, Huệ vâng lời anh, trở lại An Thái đưa gia đình thầy trốn lên Tây Sơn thượng. Triều đình đã phát động một cuộc khủng bố, đàn áp qui mô, tái lập trật tự, thu vét số thuế thiếu, kiểm soát đám dân xiêu bạt sống ngoài vòng pháp luật. Ông giáo sắp trở thành nạn nhân của cuộc khủng bố thị uy ấy.

Phần II:

Tây Sơn Thượng

Chương 13

Năm Tân Mão (1771), gia đình ông giáo vừa lên Tây Sơn thượng đã chịu thêm một cái tang nữa; thằng Út không chịu được khí hậu miền núi, cái bệnh suyễn kinh niên thêm trầm trọng. Nhưng thằng bé không qua đời vì bệnh suyễn, mà vì chứng phong đòn gánh. Út đập gai lúc nào, cả An lẫn Lăng đều không chú ý. Thằng bé sợ chị mắng, không dám hở môi. Đến lúc cái chân bị sưng to, và thằng bé sốt nằm li bì, thì không còn chạy chữa cách nào được. Trước lúc mất, thằng bé oằn mình, hai tay chới với đưa lên không như muốn bầu vú lấy sự sống. Cả nhà ông giáo khóc nức lên, tuyệt vọng! Chỉ còn biết đưa xác đi chôn ở đám đất sỏi dưới gốc một cây ké rậm lá!

Tây Sơn thượng đối với An thành một vùng đất bất trắc. An thấy cảnh vật ở đây hoang vu buồn tẻ quá! Chung quanh An chỉ toàn núi và sương mù. Nhà cửa ọp ẹp tạm lợp cất bằng những loại cây nhỏ còn để nguyên vỏ, mái lợp bằng cỏ tranh ghép buộc xóc xếch. Những cái chòi đơn sơ ấy cất rải rác trên thung lũng, cây cỏ hoang dại phủ quá nửa tấm vách nữa. An lại nhớ phố phường, cung điện ở thần kinh, nhớ đến làng An Thái đông đúc trù phú nằm ở bên sông, da diết nỗi tiếc cảnh sống ổn định ở đồng bằng.

An không thể hiểu nổi niềm kiêu hãnh của Chinh, khi Chinh dẫn em gái leo lên một đồi thấp mọc đầy cỏ tranh, trở về phía ngọn núi xa gần, vỗ lòng cho An bài địa lý:

- Mày thấy chưa? Cuộc đất này có “rồng ẩn, hổ ngồi” đấy nhé. Anh Lữ kể ông tổ bốn đời nhà anh quê tận Hưng Nguyên, Nghệ An, bị chúa Nguyễn bắt đày lên chỗ thâm sơn cùng cốc này. Trại mình ở hiện nay cất trên nền nhà tổ tiên của anh Lữ. Dĩ nhiên là rộng hơn nhiều chứ. Hồi đó, làm gì đông vui cho bằng bây giờ.

An không thể không cười mỉa mai, hỏi anh:

- Đông vui? Anh có nói đùa không?

Chinh ngạc nhiên trở mắt nhìn em, càng ngạc nhiên hơn khi thấy An bật cười to. An vuốt lại mái tóc bị gió thổi rối, lấy một mảng tóc cắn vào giữa hai hàm răng để cố không cười nữa, sợ phật lòng anh. Chinh chờ lâu không thấy em nói gì, vội nói tiếp ý mình:

- Cuộc đất tốt vì bằng phẳng, chung quanh lại có núi bao bọc, ấm áp như một cái nôi. Sửa cho em bé là nước sông Ba, và những dòng suối như Rộc Tùng, Hầm Bia, Rộc Môn, suối Cái. Dải núi cao kéo dài trùng điệp từ hướng nam vắt qua đông ngăn chia vùng này với đồng bằng tên là Trại Lĩnh. Kia là ngọn Hành Hót, ở đó có một buôn thượng đông lắm. Kia là ngọn Mò O. Phía mặt trời vừa mọc là hòn Lớn và hòn Gia dụa. Núi phía tây bắc kia là hòn Cong.

An nhả mảng tóc ra, lấy ngón tay út cời gỡ nhẹ mấy sợi tóc còn dính vào đầu lười, hỏi anh:

- Núi vây kín cả, thì mình xuống biển bằng lối nào?

- Lối phía bắc. Chỗ kia kìa. Không. Xa hơn chút nữa, chỗ có ngọn núi lớn kề bên một ngọn núi nhỏ nằm chệch phía tây nam. Đèo An Khê ở ngay chỗ hai cái núi đó. Cuộc đất này giống như Nhà Trời. Mái là

bầu trời xanh. Vách tường là các dải núi cao bao bọc. Nền là thung lũng bằng phẳng. Cửa là đèo An Khê, mở ra, nhìn thấy ngay cái sân đồng bằng Tuy Viễn. Hàng rào là một dải biển xanh.

An ít khi thấy anh hứng chí ba hoa như hôm nay, tìm cách nói ngược lại:

- Nhà Trời! Nhà Trời! Em chẳng thấy có cái gì vĩ đại cả. Ọp ẹp mấy mươi cái chòi vùi lấp trong cỏ dại, chịu đựng sương mù buốt da. Khiếp. Khi hôm em không tài nào ngủ được!

- Mấy mươi? Mày có biết đếm không? Chưa kể số người ở xóm Ké, hiện chung quanh đây có tất cả 97 cái nhà, 328 người kể cả trẻ con. So với lần cha với anh mới lên đây là quá đông rồi. Hồi đó chỉ lèo vèo vài mươi cái chòi rải rác ở ngoài vòng rào trường trâu. Thế mà không biết ai đồn đãi trên này có đất lành, người ta ùn ùn kéo nhau lên. Mỗi ngày vài ba gia đình, có ngày lên đến sáu, bảy gia đình. Càng ngày đời sống ở đây càng tấp nập, đông vui thêm. Trong trại gặp nhiều khó khăn hơn, vì phải đứng ra tổ chức, giúp đỡ nơi ăn chốn ở cho những gia đình mới. Khó nhất là cái ăn. Nhưng đất ở đây tốt, chỉ cần lấy cây nhọn xoi lỗ bỏ hạt bắp xuống là vài tháng sau bẻ được những trái bắp to tướng. Giống bắp mọi lớn và dẻo lắm. Tiếc một điều là chỉ làm được một mùa. Khó khăn do ở chỗ đó.

Chinh nói đúng được cái khó khăn chính của Tây Sơn thượng vào năm Tân Mão, nhưng chưa nói được hết sự phức tạp của nỗi khó khăn ấy.

Ban đầu, nó hiện ra thật nhỏ nhoi, tầm thường. Muối. Số muối dự trữ trong trại cạn dần. Người ta vay mượn nhau từ một bát, đến một nắm, đến một nhúm nhỏ. Người ta nói dối nhau, rồi người ta từ chối thẳng thừng. Lời qua tiếng lại giữa những người quen biết, thân thuộc vì chuyện vay mượn muối. Đi đâu cũng chỉ nghe muối, muối. Mẹ mắng con vì một xúu muối hoang phí. Anh em cấu xé nhau, vợ chồng kinh cãi nhau vì muối. Cả Tây Sơn thượng dáo dác bàng hoàng vì đột nhiên nhận ra rằng đời sống của mình bị đe dọa, do cắt đứt liên lạc với đồng bằng Tuy Viễn và biển cả. Từ đèo, nhìn xuống dải đồng bằng chập vá loang lổ từng mầu xanh nõn và nâu nhạt, cùng mặt biển bạc lặng lẽ, những con người phiêu bạt ấy bắt đầu thấy lòng hãnh diện, ý chí chinh phục chùng lại. vào những giây phút yếu lòng đã âm thầm gợn lên nỗi luyến tiếc, lòng hối hận. đỉnh đèo cô đơn nhìn về biển cả với tất cả ao ước, chỉ vì cái vị mặn thiếu thốn nơi đầu lưỡi.

Theo chỉ dẫn của người Thượng, người ta thay muối bằng tro cỏ tranh. Thức ăn ngả màu đen, mỗi lần nuốt một miếng cơm phải rướn cổ cao, gồng trệu trạo để tìm vị mặn rồi cố nuốt cho trôi xuống họng. Bữa cơm trở thành một nỗi ám ảnh khổ tâm. Trẻ con vùng vằng ỉ ôi giữa bữa. Mẹ bực bội phát vào mông đứa bé vài cái. Chồng cắn nhảu vợ. Láng giềng gây gổ, ẩu đả nhau chỉ vì một cốc cơm con, trong khi nguyên do thực sự là những bữa cơm thiếu muối.

Bao nhiêu đồ đạc, quần áo có đôi chút giá trị trong nhà đều tiêu phí mau chóng để đổi lấy vài vốc muối hầm. Ban đầu chỉ có trao đổi giữa người tham lợi và người ghiền mặn. Hai cái tham si ấy gặp nhau và cùng hả hê. Nhưng phút vui qua mau. Phải đến một lúc người ta giật mình nhận ra rằng không thể ôm đống quần áo đồ đạc chặt trong tầm tay để nuốt trôi miếng cơm pha tro, hoặc không thể chịu đựng nỗi cái lạnh căm căm nhứt buốt của khí núi về đêm để có được bữa ăn trắng. Tình thế dửng dăng, cả hai bên đều thấy mình đang sa bẫy không cưỡng lại được. Rồi muối cạn dần, mớ của cải tạm gọi là quý giá đổi nhiều

lần chủ, cuối cùng người thượng mang ra Tây Sơn thượng những túi muối nhỏ đựng trong dĩa tơ dứa để mang hết mớ của cải gồm quần áo, đồ đồng, chum vại ấy về buôn.

Làm sao người Thượng họ có được muối, khi con đường độc đạo dẫn xuống Tuy Viễn đã bị quân triều canh phòng nghiêm ngặt? Người ta đoán chừng: họ quen ăn nhạt, nay một ít mai một ít dành dụm được vài dĩa ấy thôi. Quả tình những người Bana mang từng dĩa muối nhỏ ám khói đi đổi hàng với vẻ mừng rỡ pha chút tiếc nuối trân trọng, e dè thẹn thùng như những kẻ ngoan đạo bị bắt gặp đang lén bán thánh tích. Nhưng đó là khoảng đầu. Về sau, những thanh niên lực lưỡng, da cháy nắng phải hỗn hển cong gập người xuống mang từng gùi muối nặng ra đổi hàng. Muối hột còn mới, cạnh sắc và óng ánh phản quang. Bây giờ người ta mới hồ nghi. Giá muối tuy vậy vẫn không chịu hạ, vì những gia đình có tiền bỏ vốn ra tích trữ. Hạng du thủ du thực, hạng quen buôn bán lâu nay chưa thích nghi được với công việc nương rẫy đều đặn, tẻ nhạt, bắt đầu đánh hơi thấy một nguồn lợi mới. Vài trai tráng đột nhiên trốn đi đâu mất, công cuộc khai hoang trở trảng, lơ là. Ít lâu sau, họ trở về với những gùi muối đầy. Bị cật vấn, họ bảo đã đi khắp các buôn heo hút nằm sâu trong rừng phía tây để mua muối. Người trong trại nửa tin nửa ngờ. Số trai tráng bỏ trại đi buôn nhiều hơn. Mùa màng bị bỏ dở, cỏ mọc lấn áp cả những luống bắp yếu ớt. Giá thực phẩm lại tăng vọt. Nguy hiểm hơn nữa là thái độ bất hợp tác khác thường của người Thượng. Họ không gùi muối ra trại đổi hàng nữa vì đã bị đám con buôn người Kinh tranh giành thị trường, nhưng cả đến bắp ngô, măng le, thì rừng cũng biến mất trên các chợ nhỏ vẫn thường họp mỗi sáng ở bìa rừng. Rồi các vụ kiện tranh chấp giữa người Kinh với người Thượng tăng vọt. Bắt đầu có các vụ lưu huyết, vì tranh nhau quyền đồn cùi, quyền vỡ rẫy. Nói chung, tình trạng xáo trộn trong mối quan hệ với người Thượng và công việc trồng tía bê trở đã thực sự đưa Tây Sơn thượng đến bờ vực đói và chết.

*

* *

Trong căn phòng nằm trước Kiên nằm dưỡng bệnh, biện Nhạc, Lữ, Huệ, ông giáo và một người đàn ông lạ đang ngồi vây quanh cái giường đan bằng nứa. Ngọn đèn chai nổ lép bép hắt một thứ ánh sáng vàng bệch lên khuôn mặt đăm chiêu của mọi người. Trên có một người bị thương đang nằm nghiêng, quay mặt ra phía ánh sáng. Một băng vải màu thẫm băng chéo lên khuôn mặt anh ta, che mất con mắt phải, và gò má cao. hình như anh ta bị thương ở trán, vì một mảng tóc bết máu khô cứng thành một mũi dao găm xuyên dưới băng vải, khiến nét mặt người bị thương thêm dữ tợn. Tuy nhiên, giọng nói của anh ta yếu, nhẹ như giọng con gái, chua và the thé. Mọi người đều đoán anh ta là người miệt ngoài, ít ra phải từ Bồng Sơn trở ra.

Ông biện hỏi:

- Tại sao mày cứ giấu quanh hoài vậy? Ai chém mày?

Người bị thương hốt hoảng trả lời:

- Dạ các chú nghi oan cho cháu. Cháu đâu dám nói dối. Chỉ vì sơ ý, cháu vấp phải một cái rễ cây, trán đập vào mũi đá.

Giọng ông biện đánh hẳn lên:

- Một thằng ngu cũng biết đây là vết chém. Mà y tưởng ai ở đây cũng mù cả sao? Ai chém mà?

Người bị thương đưa đôi mắt lơ lơ nhìn quanh, dường như để cầu cứu, để van xin sự thông cảm. Anh ta chỉ thấy những gương mặt lạnh lẽo, đen bóng và bất động như những pho tượng dưới vùng ánh sáng chết. Anh đưa lưỡi liếm môi, hơi thở khó khăn. Sau khi cựa mình, anh ta thều thào:

- Cho cháu xin chút nước.

Không ai trả lời ngay. Căn phòng yên lặng hoàn toàn. Người bị thương rụt rè:

- Cháu khát quá. Khát đến chết mất.

Ngọn đèn chai nổ lép bép trả lời anh ta. Mãi một lúc sau, biện Nhạc mới quay lại phía Huệ, hất hàm ra lệnh. Huệ đứng dậy mở nhẹ cánh cửa gỗ, bước ra khỏi phòng.

Uống xong hai ngụm nước nóng, người bị thương vẫn còn thêm thuồng, đưa lưỡi liếm hai môi sưng. Ông biện nói:

- Đủ rồi mà uống nữa là chết.

Thấy người bị thương nhắm mắt lại, ông đâm giận. Ông nói gần như quát tháo:

- Mà uống nước xong rồi nằm ngủ, mặc xác mọi người à? Ai bảo bọc giúp đỡ gia đình mà? Ai giúp muối, giúp gạo cho mà? Mà bỏ rẫy đi biệt bao lâu, bây giờ bị chém, được anh em cứu khiêng xác về đây, vậy mà còn không biết nghĩ, chỉ một mực nói dối. Ai chém mà?

Người bị thương sợ quá, chống tay bật ngồi dậy. Nhưng đôi cánh tay anh nhũn ra. Đầu anh rơi mạnh xuống mặt nứa, anh đau đến đến thét lên. Huệ và ông giáo cùng xô đến phía anh ta. Những người còn lại ngơ ngàng một lúc, chưa biết phải làm gì nữa. Ông biện liếc về phía cái chõng tre, môi mím lại. Ông bỏ ra khỏi phòng. Người đàn ông lạ và Lữ lặng lẽ bước theo ông biện. Chỉ còn có ông giáo và Huệ trong căn phòng âm u. Thấy ông giáo lật mí mắt và bắt mạch người bị thương, Huệ lo âu hỏi:

- Có việc gì không thầy?

- Không sao. Mạch còn tốt. Chỉ bị ngắt đi thôi.

Ông giáo bảo Huệ lấy khăn ướt chườm lên trán người bị thương. Phần ông thì sửa lại thế nằm cho hai tay anh ta xếp dọc theo thân thể, hai chân thẳng gót sát nhau, bàn chân xòe ra hai bên.

Một lúc sau, anh ta tỉnh lại. Đôi mắt anh ta mở từ từ mở màng dật dờ trong một trạng thái hỗn mang. Đột nhiên anh nhớ lại hết, và lơ lửng nhìn quanh. Anh bắt gặp đôi mắt hiền từ của ông giáo. Bắt gặp vẻ lo âu thảng thốt của Huệ. Một cảm giác lâng lâng mơn trớn nơi hai thái dương, lan xuống má, xuống khắp thân thể, chân tay. Anh thấy tủi thân, và hai giọt nước mắt ứa ra ở khóe mắt. Tuy ông giáo và Huệ không nói gì, chỉ trù mến nhìn anh, nhưng anh cảm thấy phải nói điều gì đối với họ. Anh hỏi:

- Cháu chưa chết ư?

Ông giáo cười nhỏ, vỗ nhẹ vào vai trái người bị thương, đáp:

- Chết thế nào được? Vết thương xoang thế này!

Người bị thương rụt rè nói:

- Cháu không dám nói với ông biện là cháu bị chém.

Ông giáo bảo:

- Không việc gì phải sợ. Đã không chịu đựng nổi đồng bằng kéo lên đây, không bảo bọc che chở nhau, làm sao có ngày trở lại quê hương. Cháu người miệt nào?

- Miệt Đồng Hậu.

- Vùng bị đói đấy à?

- Dạ. Đến củ chuối, đợt dưa cũng không còn. Mấy đứa em của cháu chết cả. Cháu với mẹ cháu đi theo người ta, về phía nam. Đi đâu người ta cũng xua. Hễ bị xua thì chạy. Chạy đến đâu, đào trộm hái trộm mà ăn đến đấy. Đến Kiên thành, hai mẹ con cháu tìm được việc làm. Cháu khuân vác thuê ngoài chợ. Mẹ cháu đổi nước. Chưa được một tháng thì xảy ra vụ cả làng bị quan trên bắt, nhà cửa bị đốt. Cháu lại dắt mẹ chạy theo người ta lên đây.

Huệ chen vào hỏi:

- Thế ra anh trốn lên trên này từ độ đó. Có biết vì sao quân triều đốt cả Kiên thành không?

Người bị thương nhìn chăm chăm vào mặt Huệ, vẻ do dự ngại ngùng. Hình như anh ta nhớ ra Huệ.

Anh nói:

- Cháu không rõ. Nghe người ta nói, quan trên có hiềm thù gì đó với gia đình ông biện.

Ông giáo hỏi:

- Anh bị thương, mẹ anh có biết không?

- Chưa chắc biết. Mấy chuyến trước cháu đi nửa tháng mới về. Chuyến này chỉ mới được ba ngày, cháu đã bị... Chắc mẹ cháu còn chờ.

Ông giáo lại hỏi:

- Anh có muốn nhắn tin cho bà cụ hay không?

Người bị thương chưa kịp trả lời, thì Huệ đã hỏi:

- Các anh buôn muối theo đường nào?

Anh ta lại nhìn Huệ thật lâu. Sau một lúc do dự, anh ta nói:

- Cháu với mấy người nữa biết người Thượng theo đường rừng xuống mua muối tận phủ Phú Yên. Chúng cháu lén theo họ.

Huệ hỏi:

- Họ có biết không?

- Sau vài chuyến, họ biết.

- Các anh bị lộ à?

- Chưa. Họ thấy chúng cháu có muối mà bán nên đâm nghi. Với lại...

Ông giáo mừng rỡ vì những điều mình đoán đều đúng. Ông đã tìm ra lý do vì sao người Bana quanh đây đột nhiên thay đổi thái độ, vì sao có những vụ gây gổ, sinh sự giữa người Kinh và người Thượng mấy tháng trước. Ông nghĩ phải tìm một con đường nào đó, có thể lại dùng con đường của người Thượng đâm chếch về hướng nam nối liền Tây Sơn thượng với Phú Yên, để cuống rún dẫn muối lên rừng và sản vật nậu nguồn xuống bể khỏi bị cắt lìa. Ông phải nói ngay điều đó với biện Nhạc. Giữa lúc mừng rỡ, ông giáo chợt nhớ đến người mẹ của người bị thương. Ông nhắc lại câu hỏi:

- Anh muốn tôi dẫn bà cụ xuống đến đây sẵn sóc anh không? Bà cụ ở khu nào?

Người bị thương suy nghĩ một lúc, rồi nói:

- Thôi vậy. Cháu sợ mẹ cháu lo, phát bệnh mất. Vết thương của cháu có nặng không chú?

Ông giáo bảo:

- Không can gì đâu. Vết chém cạn, chưa phạm tới xương sọ.

Huệ hấp tấp hỏi:

- Ai chém anh vậy?

Người bị thương đáp nhỏ, sau một lúc im lặng lo lắng:

- Cháu không rõ. Có lẽ là người Thượng. Sau khi ngã xuống, bạn bè chạy tán loạn vào rừng, cháu nghe có mấy tiếng kêu nhau bằng tiếng Bana. Cháu vội lết đến nằm trong một bụi rậm, sợ họ trở lại. Sau đó, vì máu ra nhiều quá, cháu ngất đi.

Huệ hỏi:

- Điều này quan trọng lắm. Anh có chắc là chính người Bana định giết anh không?

- Có lẽ đúng họ.

- Vì sao họ muốn giết anh?

- Tại vì... Tại vì... Cháu không hiểu tại sao nữa. Có thể họ sợ chúng cháu tranh mất nguồn lợi muối của họ.

Vừa lúc đó, cửa phòng mở. Lữ vào phòng, mời ông giáo lên gặp biện Nhạc có việc gấp. Thấy Huệ đang trù trừ bên giường người bị thương, Lữ bảo:

- Anh hai vừa hỏi chú đấy!

*

* *

Lúc ông giáo đến, người đàn ông lạ mặt đang hăng hái trình bày điều gì đó với ông biện Nhạc. Ông ta có thói quen nói chậm và lớn tiếng, nói một câu thì dừng lại, hau háu nhìn thẳng vào mặt người nghe như để dò xem lời nói của mình đã thấm đến đâu. Trong những phút chờ đợi ấy, ông biện gật đầu vâng vâng dạ dạ hết sức thành kính. Người đàn ông lạ hết sức thú vị khi thấy hiệu quả lời nói của mình, sau mỗi cái gật đầu của ông biện, ông ta cười ha hả, đập tay vào vai ông biện nhắc đi nhắc lại mãi mấy tiếng: "Phải thế không? Phải thế không nào!"

Người lạ khẽ gật đầu chào ông giáo, tự nhiên tiếp câu chuyện đang bỏ dở:

- Phải thế không? Cái gì cũng có qui củ cả. Để chúng nó sống ô hợp thế này, muốn làm gì thì làm, đi đâu tùy ý, thì chẳng mấy chốc, quân triều kéo lên đây làm cỏ tất cả chúng ta để như lấy đồ trong núi. Phải thế không nào. Ông đừng quên trong số dân xiêu dạt lên chỗ sơn cùng thủy tận này, không ít những bọn du thủ du thực quen sống vong mạng nơi đầu đường xó chợ. Lúc yên chúng giả vờ nghe ông, lúc loạn cái gì chúng cũng dám làm. Từ đầu ta không cầm cương chặt chẽ, thế nào về sau cũng bị bọn ngựa chứng nó hất xuống đường rồi đạp nhầu lên trên. Phải thế không nào...

Biện Nhạc rót nước trà ra cái bát lớn, rồi đẩy về phía trước mặt người lạ. Ông ta bưng bát nước bốc

khỏi uống tự nhiên, không khách sáo. Mọi người ngồi xếp bằng trên chiếc chiếu lát, trải trên nền đất nện trong nhà khách. Vẫn một ngọn đèn chai lách tách nổ, soi sáng gian nhà thấp lợp cỏ tranh. Chưa thấy ông biện gật gù đồng ý, người lạ không chịu nói tiếp. Biện Nhạc trầm ngâm hồi lâu rồi hỏi:

- Theo ý cậu thì nên làm gì trước?

Chợt thấy ông giáo lúng túng trước người lạ, ông biện vội giới thiệu:

- Tôi quên mất. Đây là cậu Năm Ngạn (Phạm Ngạn). Còn đây là thầy giáo của thằng Bảy, thằng Tám.

Chắc cậu đã nghe nhiều người nói đến thầy giáo Hiến ở An Thái.

Năm Ngạn khẽ gật đầu chào trả ông giáo, ánh nhìn đầy vẻ tự đắc, cao ngạo. Ông ta nói:

- Làm gì trước hả? Làm cái này: Chấm dứt ngay tình trạng hỗn quân, hỗn quan ở đây. Phải tỏ uy cho chúng nó sợ. Mới lên được hai hôm, tôi đã thấy ở đây lộn xộn như cái ổ kiến mắc mưa. Ông nghiệm lại xem, có phải thế không?

Ông giáo tìm được dịp để nói ý mình, vội chen lời:

- Tôi thấy cái chính là ổn định đời sống. Dân có yên việc làm ăn thì trật tự mới có được. Chẳng hạn mỗi lo trước mắt của mọi người bây giờ là bắp và muối. Vì thiếu muối nên người ta đành đem cả quần áo, chén bát ra đổi muối ăn. Ham lợi, bọn trai tráng bỏ nương rẫy đi buôn muối. Hỗn loạn từ đó mà ra: nương rẫy không ai trông nom, lúa bắp hoặc không được vun xới, hoặc bỏ mặc cho cỏ dại che lấp, nên lương thực hao hụt. Chắc ông biện đã biết, người Thượng họ vượt rừng buôn muối tận Phú Yên. Bị bọn trai tráng vùng này cạnh tranh, họ bất mãn, từ bạn họ xem ta như kẻ thù. Cho nên tôi thấy việc phải làm trước hết là lo đủ muối cho mọi người. Không lo sớm, từ đây ngày nào cũng có vài vụ đâm chém nhau giữa Kinh Thượng như vụ khi chiều.

Biện Nhạc vội hỏi:

- Hẳn đã khai bị người ta chém rồi à?

Ông giáo đáp:

-Vâng. Anh ta lên đây tận hồi Kiên Thành bị đốt. Gia đình chết đói cả chỉ còn hai mẹ con. Anh ta bảo vì ham lợi, đã lén theo đường người Thượng để buôn muối. Người Thượng chém anh ta vì quyền lợi bị tranh cướp mất...

Ông giáo dừng lại vì thấy Lợi lấp ló ở cửa nhà khách, do dự chưa dám vào. Biện Nhạc thấy ông giáo nhìn về hướng cửa lớn, cũng quay lại, nhưng không để ý đến thái độ của Lợi. Ông quay vào trong chờ ông giáo nói tiếp. Lợi rụt rè vào nhà khách, người hơi khom xuống, chân bước rón rén. Anh đến chỗ đặt cây đèn chai, lấy cái que vắn cột dính vào chân đèn, khẽ nhẹ lên đầu thỏi chai. Những giọt lửa rơi xuống nền nhà kêu lèo xèo. Vì khơi quá đà, ánh sáng lụn hắt xuống. Biện Nhạc nhíu mày khó chịu, nhưng vẫn không nói gì. Lợi chờ cho đèn sáng trở lại, mới đến sửa lại chiếc chiếu lát bị xô lệch do kiểu ngồi ngang tàng của Năm Ngạn. Năm Ngạn rụt chân về, hai tay ôm lấy đầu gối. Ông biện hỏi:

- Có việc gì thế?

Lợi vội đứng dậy, lễ phép đáp:

- Da, thưa không có gì. Cháu tưởng đèn chai đã hết.

Biện Nhạc nói:

- Thôi được rồi.

Lợi đành phải ra khỏi nhà khách, hơi luyến tiếc. Năm Ngạn từ lâu tránh nhìn về phía ông giáo, xem như những điều ông giáo nói không liên quan gì đến mình, không phải cho mình. Đến lúc ấy Năm Ngạn mới quay về phía ông giáo và bảo:

- Thầy nói sai rồi! Chúng nó dám bỏ rẫy đi buôn muối, là do chưa biết sợ. Chưa ai làm cho chúng nó sợ cả. Mình hiền quá, xem chúng nó như khách trọ. Nếu ông biện đây cho chúng nó biết thế nào là phép nước, thế nào là luật lệ, cho những đứa vô phép biết thế nào là cái chết thì dù có ăn nhạt cả năm chúng cũng không dám lộng.

Ông giáo không nén được giận, bỏ cả cái thói quen ngại làm phiền lòng người khác, nói thẳng ý mình:

- Dùng hình pháp và bạo lực, thì người ta sợ mà không phục, yên được một ngày thì chắc chắn sẽ loạn suốt những ngày còn lại. Chuyện đó còn ghi rành rành trong sử sách. Tần Thủy Hoàng chưa đốt được hết sách Nho mà lửa đã cháy rần rật cung A Phòng.

Năm Ngạn cướp lời ông giáo:

- Thầy nói sách thì dân ngu như tôi với ông biện đây xin chịu thua. Chắc hẳn thầy thông thái kim cổ, hiểu xa thấy rộng hơn dân núi chúng tôi.

Biện Nhạc thấy tình thế gay go, cười xòa để giảng hòa:

- Tôi thấy cả cậu Năm và thầy giáo đều có lý. Tôi lăn lộn với đời nhiều, tôi biết. Trăm người là trăm tính, không phải ai cũng sẵn sàng nghe lẽ phải. Có người không ưa nhẹ. Có người thà chết chứ không chịu để cho người khác nói nặng lời. Cậu Năm chú ý cách đối phó với hạng người không chịu được lẽ phải. Thầy giáo thì chú ý đến cách thuyết phục những kẻ biết điều. Nhưng thưa thầy, kẻ biết điều ít lắm. Như cái thằng suýt chết chém chúng ta cứu về chiều nay. Không dẫn được cơn giận tôi đã quăng xác nó ra cửa sổ cho cọp nhai rồi.

Ông giáo thấy cần phải bào chữa cho người vắng mặt:

- Hắn sợ quá nên nói dối. Ông biện đi xong, hắn thú nhận ngay là đã trốn trại đi buôn muối và bị người Thượng đón đường chém.

Năm Ngạn nói:

- Tin sao được? Trước sau nó chỉ nói dối.

Ông giáo cố lấy giọng ôn tồn:

- Tôi nhìn vào mắt hắn và biết là hắn nói thật. Và tôi thấy muốn chấm dứt những vụ lưu huyết này, phải tổ chức ngay việc tiếp tế muối cho dân. Người Thượng làm được, tất mình cũng làm được. Nếu cần, và tôi tin nên theo lối này thì tốt hơn, nếu cần ta hợp tác với họ để mua muối. Dân không sợ thiếu muối nữa thì an tâm làm rẫy.

Năm Ngạn không thèm nói gì thêm, bưng bát nước trà ngồi uống đánh ực một cái. Biện Nhạc suy nghĩ một lúc, mắt nhắm chiêu. Thỏi đèn chai gần lịm nổ lách tách, khiến những cái bóng trên vách lúc mờ

lúc tỏ. Một lúc sau, biện Nhạc nói:

- Hối sáng người Ba-na đến đây, mang theo đầy đủ cung giáo. Họ bảo chúng ta đã giết hay bắt cóc ba người của họ. Tôi thề là không có. Họ khẳng khẳng bảo có. Chuyện còn gay go nhiều đấy. Thầy, mời thầy uống nước! Chậc! Nguội cả rồi. Để tôi bảo tụi nó pha ấm khác.

Ông giáo muốn chấm dứt cuộc bàn luận, vội nói:

- Thôi khuya rồi! Để thường đã hết canh hai cũng nên.

*

* *

Ngay sáng hôm sau, ông giáo vui mừng thấy kết quả những lời thuyết phục của ông. Biện Nhạc đưa ra một số biện pháp nhằm ổn định đời sống trong trại. Đích thân ông biện đi thăm các già làng ở những buôn Thượng trong vùng, đề nghị cùng hợp tác với họ trong việc xuyên rừng chuyển muối lên Tây Sơn thượng. Vài nơi họ từ chối. Vài nơi chịu nhận. Ông đi một nước cờ khéo. Ông giáo cho Lữ và Lợi cùng một số trai tráng quen đường rừng lên về Tuy Viễn tìm đến Nguyễn Thung. Ông đề nghị Nguyễn Thung hợp tác với ông, hai người ở hai bên đèo cùng làm chuyển buôn lớn, tuy nguy hiểm nhưng nhiều lãi. Tây Sơn thượng cần muối của Nguyễn Thung tiếp tế lên lút theo những đường rừng luồn lách qua mắt các trạm quan, còn Nguyễn Thung thì được độc quyền hàng nguồn. Nguyễn Thung đặt nhiều điều kiện, đòi giá cao. Biện Nhạc chấp thuận hết. Lấy kết quả giao ước đó, ông biện gặp lại các già làng, chứng minh cho họ thấy con đường muối mới này chỉ bằng một phần con đường dày đặc hiểm nguy từ Tây Sơn thượng xuống Phú Yên. Trong khi đó, ông biện giao hẳn việc tổ chức khẩn hoang, canh tác cho Năm Ngạn. Số người bỏ đi buôn muối giảm mau chóng, việc nương rẫy trở lại điều hòa, khiến Năm Ngạn càng tin ở "cái uy" của mình. Tuy nhiên, có một việc hoàn toàn bất ngờ đối với ông giáo, xảy ra vào cuối tháng tư năm Mão, giữa lúc ông giáo còn say sưa với hiệu quả thuyết phục của mình. Đêm hôm trước, ông trần trở thao thức vì một người tù vượt ngục trốn lên Tây Sơn thượng mang theo những tin buồn về Kiên, mãi đến gần sáng mới thiếp đi, mê mết. Tiếng chân chạy, tiếng bàn tán nói cười bên ngoài liếp nửa đánh thức ông dậy. Phải mất một lúc lâu, ông mới thoát ra khỏi dư âm của cảm giác sợ hãi vu vơ, có lẽ do một cơn ác mộng mà ông đã quên. Chỉ còn lại trong ông cảm giác quay cuồng, sự xê động thất thường của mặt đất, sự run rẩy của đồ đạc, và thực hơn hết là hình ảnh hai bàn tay ôm của ông đang bầu chặt lấy thanh giường. Ông giơ hai tay lên, vết bầm hình nan tre còn đó.

Ông ngồi dậy, đưa bàn tay trái lên áp vào chỗ trái tim hồi hộp. Lưng áo ông ướt mồ hôi, dù khí đêm còn lớn vồn khắp nhà. Chinh và Lãng đã đi đâu rồi. Dưới bếp, An đang nhen lửa, nhưng vì nôn nả chưa hiểu chuyện gì xảy ra ngoài trại mà mọi người rầm rập chạy đi xem nên nhen mãi mà lửa vẫn chưa bén. Cô hỏi cha:

- Sáng nay họ chia muối phải không cha?

Ông giáo lẩm nhẩm tính ngày, rồi bảo:

- Chưa tới kỳ mà! Hai đứa kia đâu rồi?

- Dạ, chạy lên trại chính cả. Một người bạn anh Chinh hốt hải chạy đến, về mừng rỡ lắm, nói với anh Chinh: "Đúng rồi. Tao nói có sai đâu. Họ làm ngay sáng nay đấy. Người Thượng đã tới, đông lắm. Họ chờ ở ngoài cổng để đi một thể". Anh Chinh nghe thế, chỉ còn kịp choàng áo vào, chạy theo anh bạn. Lãng hỏi con chuyện gì thế. Con không biết, nó bảo con giấu. Đến lúc thấy lũ trẻ con phía trước nhà ùn ùn kéo đi, nó chạy theo.

Ông giáo lấy làm lạ, bần thần giữa sự tò mò và tức giận. Giữ vai cố vấn thân cận cho biện Nhạc, từ chuyện lớn đến chuyện nhỏ trong trại, thậm chí đến thời khóa biểu qui định công việc hàng ngày, có gì mà ông không biết trước. Trừ cái việc sáng hôm nay. Ông bóp trán cố nhớ cả ngày hôm kia ông chỉ bàn với ông biện cách tìm biện pháp huy động sức người vỡ hoang thêm vùng đất phì nhiêu ở xóm Ké, làm thế nào cho công việc có hiệu quả, thực hiện được sự công bằng.

Hôm qua, ông mất cả buổi sáng để trả lời các câu hỏi của ông biện và Huệ về đủ thứ chuyện kinh đô: từ việc phòng the trong phủ chúa, sự xa hoa tráng lệ ở Phấn Dương, cung cách thiết triều cho đến những trò dân dật ma quái của Duệ Tôn. Đặc biệt, biện Nhạc thích thú trước những chi tiết ngộ nghĩnh trong đời sống cung đình: cách bọn thái giám coi sóc đám cung nữ, cách chọn một người đàn bà chung gối qua đêm của Vũ Vương. Ông biện cười ha hả khi nghe Phúc Khoát đổi tục cũ để xác lập vương hiệu, cho gọi con trai làm con gái, gọi con gái làm con trai, vì vậy cháu đích tôn của Phúc Khoát là Phúc Dương được gọi là Chị Dương. Ông giáo đã nhúu mày khó chịu, khi một lúc quá thích chí, biện Nhạc vỗ vai ông cười nham nhở hỏi:

- Thầy nói thật nhé. Đừng giấu nhé. Cái tên giả gái đó nó có cu không?

Huệ cũng không thể nhịn cười. Tuy vậy, thấy ông giáo khó chịu ra mặt vì cách bông đùa của anh, Huệ làm mặt nghiêm nghị. Anh hỏi qua chuyện bố trí thành phòng thủ, bộ tướng hào quanh thành Thuận Hóa, cách chuẩn bị khí giới khi có giặc kéo đến. Hai anh em quay sang tranh luận sôi nổi với nhau về cách phòng thủ cho Tây Sơn thượng: biện Nhạc muốn ngay sau khi mùa mưa dứt, việc nường rẫy đã xong, huy động mọi người xây lũy đắp thành để phòng ngự. Ông cho rằng ngoài nhu cầu phòng thủ, thành lũy còn tượng trưng cho nhiều điều cao cả và cần thiết, như sự hiện diện của quyền lực, uy mệnh của người lãnh đạo, sự răn đe đối với các ý tưởng bạo loạn và võ pháp, cái đích cụ thể của lòng tin tưởng, chỗ dựa vững chắc của bọn yếu bóng vía, và quan trọng hơn hết, là sự thần phục mang tính chất mê tín của người Thượng quanh vùng. Thành lũy càng đồ sộ, ít ra cũng không thua kém thành Qui Nhơn bao nhiêu, thì người Thượng càng dễ bị khuất phục. Với giọng tự tin pha nhiều cao ngạo, biện Nhạc ra lệnh cho ông giáo tìm ngay đất để đắp thành, nơi nào có nhiều ngọn núi phủ phục châu hầu, nơi nào có long mạch. Công việc thật gấp "nếu được, mà sao lại không được, ông giáo hãy bắt tay ngay vào việc chiều hôm nay"

Huệ thì nghĩ khác anh. Cậu thanh niên 19 tuổi trầm tĩnh nhưng cũng cao ngạo không kém gì anh, chỉ khác anh ở cách biểu lộ thay vì nói năng hăng hái, vung tay thêm sức cho các lời truyền đạt như Nhạc, Huệ biểu lộ lòng tự tin mãnh liệt và sự xem thường các trở ngại nguy hiểm qua lối nhìn nửa giễu cợt, nửa nghiêm nghị, qua cách nghiêng đầu lắng nghe người khác nói với một nụ cười mỉm trên môi, qua giọng nói lớn và rành rẽ từng tiếng khiến mọi điều rắc rối trước đó đột nhiên sáng tỏ, cuộc tranh luận bùng nổ

trước đó trở thành vô vị và sai lầm. Buổi sáng hôm qua, tin tưởng vào thâm tình thầy trò sẵn có với ông giáo, quen thuộc với lối tranh luận thẳng thắn giữa anh em, Huệ trình bày thật rõ ràng quan niệm của mình về việc phòng thủ. Cậu đã khiến ông anh cả tiu nghỉu bất lực, khi bằng những con số cụ thể chính xác, chứng minh cho anh cả thấy cái thành trì kiên cố tượng trưng cho quyền uy vạn năng ấy được xây trên khối núi. Cả trại được tất cả bao nhiêu nhân công? Mỗi người đào, xúc, gánh, khiêng, đắp, nện mỗi ngày được bao nhiêu đất? Xây xong một thành nhỏ hơn thành Qui Nhơn một chút, thì phải mất bao nhiêu năm? Và lại, có cần phải xây thành không đã? Để tạo uy quyền ư? Như thấy giáo Hiến vừa nói, thành quách lâu dài cao, rộng như thành Phú Xuân có tạo được chút uy quyền nào không, ngoài những lời xàm xì về trò dâm dật của thằng bé con 12 tuổi. (Duệ Tôn) và chứng tham lam của tên quốc phó. Để phòng ngự ư? Quanh đây là núi, có thành nào cao cho bằng? Đèo An Khê hiểm yếu, có cửa thành nào vững cho bằng? Không xây thành vì Trời đã xây sẵn cho ta cả tòa thành hùng vĩ bảo vệ ôm ấp Tây Sơn thượng rồi. Không xây thành để khỏi phải giữ, khỏi phải phí sức mở đóng và đêm ngày lo âu. Trước mắt, theo ý Huệ, nên tổ chức nghĩa binh cho tốt, đội ngũ chỉnh tề, luyện tập thường xuyên, và đắp thêm một cái lũy giữa hai hòn núi nằm án ngữ ở phía bắc đèo.

Vô tình làm người thứ ba chứng kiến cuộc tranh luận gay go giữa hai anh em, người nào cũng muốn lấy số tuổi tác và kho kiến thức của ông giáo làm viện binh cho mình, ông giáo thật khó xử. Lần đầu tiên ông nhìn Huệ với đôi mắt khác. Lòng tự tôn thường thấy ở những người làm thầy, và cách biệt tuổi tác, từ trước đến nay che không cho ông giáo thấy hết sự thông minh sắc sảo và khả năng nhận định thực tế của Huệ. Những đêm canh lúa bên ánh con cúi leo lét giữa đồng khuya, ông thấy Huệ là người bạn nhỏ của mình trên đường hoài nghi, người bạn nhỏ như cái bóng của ông, giúp ông bớt nỗi cô đơn, mỗi lần dám đặt dấu hỏi to tướng lên ý nghĩa của cuộc đời, chân lý hằng cửu của đạo nho, sứ mệnh cao khiết của kẻ sĩ. Dĩ nhiên đôi lúc ông giáo thấy mình lầm lẫn, chưa hiểu hết được Huệ, nhưng những lúc như vậy hiếm hoi lắm. Lên Tây Sơn thượng, vị trí của ông đối khác, vị trí của Huệ cũng khác. Ông là kẻ trốn nạn, anh em Huệ là người bao che. Hơn nữa, chính mắt ông thấy Huệ giúp anh đảm nhiệm các công việc quản trị, điều khiển, quyết định nhiều vấn đề trực tiếp thay đổi đời sống nhiều người, trong đó có gia đình ông. Từ vai trò ông thầy chỉ bảo và ra lệnh, ông giáo chỉ còn giữ vai cố vấn, góp ý. Huệ lớn lên mau chóng trước sự ngỡ ngàng tiếc nuối của thầy, chẳng những đã vượt khỏi tầm tay ông, mà còn đối mặt với ông, gần như thách thức và phán xét. Ông hãnh diện vì Huệ, đồng thời với thất vọng. Cho nên suốt cuộc tranh luận, ông không biết đứng vào phe nào: một đảng là lẽ phải mà ông giáo cảm thấy nếu chấp nhận nó là chấp nhận luôn sự bất lực nhỏ nhoi của mình, một đảng là sự tầm thường giúp mình một chỗ đứng sạch sẽ và yên ổn. Sự mâu thuẫn phân xé tâm ông. Buổi sáng qua như thế đó, ông nhớ rõ lắm.

Buổi chiều ông cũng với An và Lãng tìm thăm gia đình Hai Nhiều vừa trốn lên Tây Sơn thượng khuya hôm trước. Cuộc khủng bố trắng dân Tuy Viễn pháp phòng chờ đợi xảy ra hơi chậm, tuy vậy sự dã man và triệt để vượt quá sức tưởng tượng của mọi người. Tất cả những ai có liên hệ xa gần với anh em biện Nhạc đều bị đốt nhà, truy nã bắt bớ và tra tấn, kể cả những chị đàn bà liên lụy với ông biện qua lá trầu. Liên lụy với ông giáo cũng nặng tội: quan phủ đã điều tra rõ tung tích của ông, tòng phạm với quan

nội hữu Trương Văn Hạnh trong âm mưu chống quan quốc phó. Tự nhiên tai bay vạ gió tấp vào nhà Hai Nhiều. Lúc các chức sắc An Thái mới nói xa nói gần về tung tích giáo Hiến, Hai Nhiều đã lo lắng. Ông đi khắp nơi rêu rao rằng mình không có bà con thân thuộc gì với tên thầy đồ xấu xa ấy cả. Rõ ràng tên lưu manh đã lợi dụng ông, mạo nhận có bà con với Hai Nhiều để xí phần hương hỏa của Tư Thới. Ông nói được một, bà Hai Nhiều nói được gấp mười. Ở chợ, ở bến sông, ở nhà hàng xóm, ở ruộng gặt. Càng sợ hãi bao nhiêu, hai vợ chồng càng nói, nói, nói nhiều, càng nói càng sợ. Đến khi lão chánh tổng bắn tiếng là quan trên đã ra lệnh đóng gông những ai đã "chứa chấp" bọn phản loạn, giải lên phủ cùng tịch thu hết gia sản, thì Hai Nhiều hết còn thần hồn để thanh minh nữa. Giữa khuya, trọn gia đình trốn lên Tây Sơn thượng, bỏ lại ruộng vườn đồ đạc kết quả của một đời dài tần tiện, khó nhọc. Họ đi suốt bốn ngày đêm mới tới nơi. Không dám theo đường quan, họ đi đường rừng. Ban đầu họ bị lạc, sau may mắn gặp được một toán buôn muối của Nguyễn Thung. Họ cũng nhập bọn với một đám khoảng mười người khác thành phần hỗn tạp gồm dân đói ở các huyện phía bắc, tù thoát ngục và vài tên cướp đường hết thời. Chính nhờ Hai Nhiều mà ông giáo biết tin tức của Kiên dưới ngục phủ, qua người tù may mắn, bạn đường của Hai Nhiều.

*

* *

Vậy thì việc gì xảy ra sáng hôm nay là gì?

Ông giáo nôn nả ra đường, chặn hỏi một người đàn ông trong đám người đang lũ lượt kéo về phía cổng trại. Chỉ được trả lời ồm ồm:

- Cũng chẳng biết chuyện gì nữa. Thấy người ta chạy đi coi, tôi cũng đi.

Một người khác:

- Chắc có chia bấp!

Một đứa bé trai khoảng lên mười cò vẻ thạo tin hơn:

- Cướp. Bắt được nó rồi. Tên này hung dữ dễ sợ. Đã bị trói ké bằng dây mây cỡ này, nó vung một cái, đứt hết.

Càng gần tới cổng, tin tức càng có vẻ chính xác. Ông giáo nghe người ta kháo nhau là có một tên cướp giết mất mấy người Thượng, rồi trốn vào trại. Người Bana cho người mang cung giáo đến đòi. Sáng nay ông biện hện giao nộp tên sát nhân cho họ.

Ông giáo nghĩ: có lẽ mọi chuyện xảy ra từ chiều hôm qua, lúc mình bận đi thăm gia đình Hai Nhiều.

Ở cổng trại, người đông đến nỗi chen chân không lọt. Đám dân ăn mặc lam lũ chen lấn nhau, xô đẩy nhau, cười nói, gấu ó, để cố tìm một chỗ đứng thuận tiện. Người lớn nghếch cổ nhón gót để nhìn cho rõ. Trẻ con tìm cách lòn lách khối thịt nòng nặc mồ hôi để chui ra phía trước, sát lề con đường dẫn từ trại chính ra cổng. Số thanh niên được phân công giữ trật tự dùng gậy đe dọa những đứa bé rắn mắt hoặc cầm ngang thân trúc đẩy hàng người xô lấn vào mặt đường để hau háu nhìn vào phía trong cổng. Tiếng bàn tán huyên náo, cười nói rộn rã như trong ngày hội.

Đột nhiên tiếng lao xao lan truyền từ phía trong ra cổng. Đám đông xao động, nhấp nhô như một rừng

cỗ tranh gặp gió dữ. Kẻ ồn ào to tiếng nhất cũng trở nên e dè, ngơ ngác và lo âu. Không khí chờ đợi nghiêm trọng đè nặng lên mọi người. Rồi không biết từ đâu, đám người thẳng thốt ấy xô đẩy nhau dữ dội, người sau lấn tới người trước, người trước đẩy tới người trước nữa, đến nỗi dù không muốn, ông giáo vẫn bị đẩy tới xa vào phía trong. Cuối cùng, ông bị một thanh trúc trật tự ngăn lại. Ông giáo đã may mắn đứng sát bên đường. Đứa bé đứng cạnh ông reo lớn: Nó ra rồi!

Cây gậy trật tự lại lấn mạnh vào ngực ông, như để răn đe phòng xa sự hỗn loạn. Nhờ tò mò ông quên cả đau đớn. Một tốp độ bảy, tám người cầm giáo đang áp giải tội nhân tiến ra cổng. Đi đầu có biện Nhạc và Năm Ngạn. Tội nhân mặc quần đùi đen, đi chân đất, thân khoát một cái áo cộc tay màu chàm. Hai tay bị trói thúc ké ra sau lưng, khiến thân thể hơi khom xuống, bước đi như muốn đổ về phía trước. Cách trói cũng buộc tên cướp phải cúi đầu xuống, tóc rối bời. Ngoài cách đi hơi khật khưỡng thiếu vẻ ngang tàng, mọi người đều thấy tên cướp không có gì khác thường. Họ thất vọng, tiếc rẻ cái công chen lấn. Sự tầm thường tội nghiệp đang diễn qua trước mắt họ không giống với hình ảnh hung dữ hiên ngang trong trí tưởng tượng.

Tên cướp đến gần hơn. Lòng ông giáo chột nồn nao khi nhận ra trên đầu tên cướp, một mảnh băng màu chàm phủ chéo bên trán. Chân ông tự nhiên run, mặt tái mét. Ông không lầm. Cậu thanh niên buôn muối bị chém trọng thương đây mà! Tại sao lại có chuyện này? Đúng lúc đó, nạn nhân cũng vừa ngước lên, bạo dạn nhìn thẳng vào đám đông. Anh ta nhìn thấy ông giáo. Quên cả mọi sự, anh ta đứng dừng lại. Ông giáo lạnh cóng cả hai tay và xương sống khi đọc thấy trong đôi mắt ấy sự sửng sờ, oán hận, căm thù tội độ. Một người áp giải xô anh ta bước tới. Anh ta suýt ngã chúi, rồi lấy lại được thăng bằng, trước khi đi tiếp còn cố ngoảnh đầu nhìn về phía ông giáo một lần chót.

Cảm xúc mạnh dâng lên, ông giáo thấy nghẹn nơi cổ họng. Cỗ chen ra khỏi đám đông, ông thất thế lê bước về nhà. Mọi sự diễn ra sau đó, ông chỉ nghe các con ông kể lại theo lối nhìn của từng đứa. Những mẫu mô tả ấy, có cái phù hợp nhau, có cái mâu thuẫn nhau, đại khái ông biết rằng đích thân Năm Ngạn dẫn tội nhân giao cho toán người Thượng bảo với họ rằng đây là kẻ đã ra tay giết chết nhiều người Bana để tranh độc quyền nguồn lợi muối, kẻ gây nên sự bất hòa đáng tiếc giữa hai bên Kinh Thượng, kẻ đáng bị hành quyết công khai theo cách của người Thượng để răn chúng. Biết mình sắp trở thành con dê tế thần, nạn nhân vùng vẫy gào khóc. Nhưng đã muộn. Toán người Thượng chop lấy anh. Sợ quá, anh chỉ còn là cái xác bạc nhược, thôi vùng vẫy la khóc. Người ta lôi anh đi. Chân anh khuyu xuống không bước nổi. Người ta xốc nách anh, như xách cánh một con gà. Hai bàn chân trần của anh lê trên đường đất, làm tung một làn bụi đỏ. Người ta chọn một mô đất cao trước cổng, cột anh vào một thân cây ké đã chặt ngọn, cao vừa tầm người. Anh ta đã mất cả ý thức về sự sống chết, mắt lơ lảo nhìn quanh không hiểu nổi mình đang ở đâu, việc gì đang xảy ra. Thảm kịch nhờ thế kết thúc lặng lẽ. Khi sáu người Thượng lực lưỡng đứng cách nạn nhân không đầy một con sào giương sáu cây cung khỏe, lắp sáu cây tên nhọn và ấn vào sáu cái lẫy. Tiếng hự nhỏ và nghẹn phát ra lần cuối cùng của một đời người mất biết theo gió. Ở xa không ai nghe rõ thứ âm thanh già biệt nhỏ nhoi ấy cả!

Giống như cha, An bị đưa đẩy vào cuộc như một chiếc lá khô bị gió cuốn, sức nặng của dè dặt cần trọng không nghĩa lý gì so với những mơn man ve vãn, cuốn hút, thúc giục của bản năng. Lòng tò mò xui cô bỏ bếp núc ra đứng ở cửa nhà nhìn theo đám người lũ lượt đổ về một phía, thắc mắc muốn hỏi cho ra lẽ mà không dám mở lời. Lời bàn tán xôn xao, tiếng kêu gọi nhau, tranh cãi nhau, nét mặt chờ đợi hí hửng của mọi người, sức mạnh huyền nhiệm của đám đông cùng hướng về một phương. Tất cả những cái đó cuốn hút mãnh liệt, An không thể cưỡng được. Cô bỏ khung cửa tre ra đứng giữa đường đất lóng ngóng nhìn về phía cổng. Sau đó, đám đông lừa cô đi. An không còn thì giờ và tâm trí để đi ngược con sông. Mùi mồ hôi nồng nặc, ánh nắng bắt đầu gay gắt của buổi sáng, làn bụi đỏ tỏa mù, hơi ngai ngái của lá mục theo lớp sương ứ qua đêm xông lên, bao phủ khắp người cô. An chỉ còn cảm giác ngây đại, quên mất mọi sợ sệt lo lắng nên cũng xông tới trước, chen lấn lòn lách để tìm cho ra một chỗ quan sát tốt.

Lúc toán áp giải dẫn nạn nhân đi qua ngang trước mặt An, chỉ cách An không quá một con sào, cô tò mò nhìn thẳng vào mặt tử tội. Cô đã biết người ta sắp giết con người này. Chân anh ta bước gấp, dường như muốn đi nhanh đến điểm kết thúc. An kinh ngạc không tìm ra cái bộ dùng dằng đáng lẽ phải có. Cô cũng ghi nhận mảnh vải băng chéo qua trán và mái tóc bù xù của anh ta. Đôi mắt tử tội lơ lảo như muốn tìm kiếm cái gì trong khi bước chân vẫn gấp.

Gần đến cổng, cách An không đầy ba bước, đột nhiên tử tội ngoẹo đầu sang một bên, cố dùng vai để đẩy miếng băng trở lại chỗ cũ, vì lúc đó cái nút buộc bị lỏng miếng vải băng vết thương đã xệch xuống phía má, sắp che mất con mắt phải. An thấy anh ta đưa vai lên, cố nâng tấm băng hai ba lần mà không được, vì cả hai tay bị trói ra sau lưng nên cử động bả vai không hiệu quả. Một người áp giải đến giúp tử tội. An nghe anh ta cảm ơn. Cô ngờ ngàng, không hiểu tại sao trên con đường dẫn đến cái chết, vẫn có những nhu cầu phù phiếm, vô ích như vậy. Việc gì phải nhọc sức nâng miếng băng lên, mắt bị che càng khỏi phải nhìn những gương mặt nhem nhuốc, há hốc, thao láo của đồng loại để còn giữ được hình ảnh đẹp về cuộc đời? Việc gì phải cảm ơn? Sự lễ phép có mua chuộc được gì đâu? Có gọi được chút thương hại chẳng thì thứ thương hại đó cũng phù phiếm như mọi sự trên đời mà thôi! Những cử động nhỏ nhặt và phi lý đó khiến An thắc mắc thật lâu. Cô muốn tìm cái gì khác nơi một người mà cô biết chắc sắp vĩnh biệt sự sống này, một người bất bình thường, hơn thế nữa, một người đã mang trên nó đầy đủ dấu hiệu của một thế giới khác, thế giới siêu nhiên và lạnh lẽo hơn, linh hoạt và thanh thoát hơn, màu nhiệm uyển chuyển hơn. An biết ai rồi cũng phải chết. Cả mình cũng vậy. Hơi rùng mình, nhưng An biết chắc trước sau cũng đến lượt mình. Nhưng trong đa số trường hợp, sự phân định giữa hai thế giới hết sức mờ mờ, nhờ vậy cho mãi đến phút bước qua ngưỡng cửa sinh tử, mỗi người vẫn còn nghĩ, cảm, cử động, phản ứng như một người không bao giờ chết, chưa thể chết ngay vào lúc này đây, ở ngay chỗ này. Người ta gác nó sang một bên, cái chết rầy rà. Thôi nhé, để yên cho chúng tôi, chúng ta lo sống đã!

Con người đang bước trước mặt An, không ở trong cảnh huống chung. Anh ta đang bước đến cái chết. Anh biết mình sắp chết. (Về điểm này, Lãng nói khác đi. Cậu ta nghe nói, trước khi bị giao nộp cho người Thượng, từ lúc bị dẫn ra khỏi phòng bệnh, dù bị trói ké, anh ta vẫn không đoán trước là sẽ phải

chết). Ranh giới thật rõ, giờ giấc ấn định trước. Có những việc cần phải làm xong ở bên này, và những chuẩn bị cho bước đầu ở bên kia. Thoắt còn đi đứng, hít thở, đau đớn, mệt nhọc, hoang mang, sợ hãi, hy vọng, tuyệt vọng đó, thoắt trở thành một đồng thịt xương bất động chờ được thối rữa. Cái ngưỡng cửa thấy trước đó, kinh khủng quá, người đang bước đến gần, gần hơn nữa đến ngưỡng cửa ấy không thể nào nguyên vẹn là con người bình thường. Anh ta phải khác đi. Thế mà anh ta vẫn mở lời cảm ơn lấy lòng kẻ dẫn anh ta đến cái chết, vẫn cố đưa vai sửa lại cái băng che mắt. Thế là thế nào?!

Khi toán người Thượng vây quanh tử tội, rồi anh ta rũ xuống như con gà chết, đám đông phía sau An lao chao, xô đẩy nhau đổi chỗ. Họ ủa ra phía cổng để chứng kiến thật gần, thật tỉ mỉ cái chết. An bị nghẹt thở, bị làm hỗn, cuối cùng bị đẩy tuột ra phía sau. Quần áo nhàu nhò, tóc tai dơ dáy rối bù, nhưng cô vẫn chưa thể ra về. Vẫn còn nhiều điều cô muốn hiểu, sức cuốn hút mơ hồ nào đó vẫn mạnh mẽ, tuy không đủ mạnh để thúc giục cô chen về phía trước, nhưng còn đủ mạnh để khiến cô quên chuyện về. An nhón gót nhìn ra phía cổng. Cô oán những người cao lớn, giận mình quá thấp bé. Trước mắt cô, những tấm lưng áo nhễ nhại mồ hôi, màu vải đen bạc théch hay màu chàm mốc hoen đi vết muối. An không được chứng kiến cảnh hai người Thượng xốc nách nạn nhân lôi lên gò đất như Chinh. Không chú ý đến hình ảnh hai bàn chân trần kéo lê trên đường đất, làm tung những làn bụi đỏ như Lãng. Cô thấy nạn nhân bị cột vào gốc ké, lưng và đầu thẳng, hai chân chệch ra phía trước khá ngay ngắn. Cô không thể say sưa kể lại cảnh sáu cây cung khỏe đưa cao lên, làm sức bật cho sáu mũi tên nhọn như Chinh, nhưng An nhớ đời đời hình ảnh cái chết được tính toán, xếp đặt trước.

Cây ké cụt ngọn cắm đứng vào đỉnh gò đất, tử tội in hình lên một nền trời xanh trong. An không thể nghe được tiếng những mũi tên bay vút. Từ xa, cô thấy đột nhiên nạn nhân ưỡn người lên như muốn vùng dậy, rồi cả người oằn oại, co giật. Thân thể ngã về một phía, đôi chân lay động. Đôi chân An cũng run rẩy, nhưng mắt cô cứ dán vào cái xác đã nghiêng, ngã hẳn sang một phía, hai cánh tay mềm buộc chặt ở gốc ké nên mới nhìn rất giống với dáng điệu ôm ấp hững hờ. Có nhiều tiếng thì thảo chung quanh An. Cô gục mặt xuống, muốn chạy vội về nhà nhưng cất chân không nổi. Người ta lại xô đẩy sau lưng An. Cô nổi gai ốc ở sống lưng, sợ hãi đến nỗi muốn quì tại chỗ, nhưng khi bắt bị xô đẩy, có thể quay lại phía sau thì mắt cô cứ nhìn chăm chăm vào xác chết trên gò, không rời ra được.

*

* *

An thất thểu trở về, mắt nhìn mà không thấy rõ ràng những gì trước mắt. Bước chân cô cứ bập bênh, con đường dưới chân khi thì nhấp nhô như gợn sóng, khi uốn khúc lượn lờ. An chỉ lấy lại được trọn vẹn ý thức về thực tế, khi thấy cửa nhà mở toang hoác. Bấy giờ cô mới nhớ mình đã quên không đóng cửa trước khi chạy theo nỗi tò mò. An càng lo sợ hơn, khi thấy cha ngồi chống tay lên cằm ở bàn nước gian trên, nét mặt hăm hăm. Cô rón rén rẽ xuống bếp, sợ đến hơi thở của mình. Khốn nỗi tự nhiên cổ họng cô nghẹn lại, cảm giác ngựa ngựa lan từ cuống lưỡi. Tiếng ho của An làm ông giảo giật mình. Giọng ông nghiêm khắc:

- Đi đâu về đó?

An cố trấn tĩnh, đáp lửng lơ:

- Con qua bên kia đường có chút việc.

Ông giáo biết con nói dối, giọng đanh lại:

- Mày ưa ngắm cảnh giết người lắm hả? Máu người có tanh không?

An không dám trả lời cha, cúi đầu vê chéo áo. Ông giáo thầy quần áo con gái xốc xếch, nhem nhuốc và dơ dáy, tóc tai bù rối. Cúc áo ở cổ bật tung, để hở chiếc cổ trắng và một mảng vai. Cảnh tượng ấy khiến ông giận sôi lên. Ông hét lên tức tối:

- Đồ con gái hư. Mười tám tuổi đầu mà không biết phép tắc. Mày ăn mặc như vậy chường ra ngoài đường hả! Tao dặn mày cái gì?

An vội đưa tay lên gài nút áo, mấy ngón tay run rẩy nên gài mãi không được. Nhớ lại trong lúc chen lấn, bị bàn tay vô danh thô bạo sờ nắn mộng và đùi mình, An lấm lét nhìn cha, sợ đôi mắt nghiêm khắc thấy rõ những gì đã xảy ra cho cô. An không thể gài được hạt nút cổ, lúng túng không dám bỏ tay xuống. Ông giáo vẫn quát tháo:

- Đồ đứng đường! Mày bỏ nhà như vậy hả? Cửa trên cửa dưới không đóng, đồ đạc bày bừa bãi, như mời người ta lấy đi. Mất hết rồi còn gì nữa! Tao không về kịp thì chắc không còn một mảnh vải che thân. Đồ hư thân mất nết!

Chưa bao giờ An nghe cha xưng hô giận dữ như vậy. Cô hãi hùng, chân dính cứng vào mặt đất, muốn trốn xuống bếp mà không nhấc bàn chân lên nổi. Hai bàn tay vẫn cố gài hạt nút. Ông giáo hét lên:

- Cút đi cho khuất mắt tao! Đi.

An chạy vội xuống nhà dưới, ngồi gục trên cái ang gạo khóc ầm ức. Nhà trên có tiếng ghế ngã, và tiếng bình chén vỡ. An sợ quá, hai hàm răng cắn chặt vào ngón tay trở không còn dám khóc lớn. Rồi tiếng cửa trên đóng mạnh, tiếng chân bước đi xa dần. Biết cha bỏ nhà đi quanh cho nguôi giận, An khóc thỏa thuê. Nước mắt càng chảy cô càng thấy cuộc sống khổ đau, buồn tẻ, quanh quẩn, vô nghĩa. Cô nhớ mẹ, cô cầu khẩn mẹ trở về. Dần dà lòng cô dịu lại, gió buổi trưa thổi khô đôi má ướt. An đã gài được hạt nút cổ, và thút thít, buồn rầu lan man. Lãng về lúc nào An không biết. Thấy chị đã dậy, Lãng ngồi xuống bên cạnh An, lo âu hỏi:

- Có chuyện gì thế chị?

An không ngước lên, đưa tay áo chùi mắt và nước mũi, trả lời em:

- Lỗi tại chị. Cha rầy là đúng.

Lãng hơi đoán được một phần. Cậu hỏi tiếp:

- Em thấy cha đi ra phía rừng, không đội nón. Em tránh sau nhà chú Tư Ích nên cha không thấy em.

An nói sau mấy tiếng thút thít:

- Chị quên không đóng cửa. Vả lại, đáng lẽ chị không nên xem. Ghê quá! Tại sao phải làm như vậy, Lãng biết không?

Lãng không trả lời. An ngước lên, thấy mặt Lãng tái xanh khác thường. Về xúc động sợ hãi còn nguyên trong ánh nhìn chói với, cầu khẩn, và ở đôi môi cố mím lại để cưỡng sự co giật từng lúc chỗ mép. Một lúc sau, Lãng thì thào:

- Em không hiểu. Tại sao phải làm vậy?

- Đem giết một người! Còn đang sống đó, thoát một cái, đã thành cái xác. Chị không nghĩ ra được!

- Em cũng không dám nhìn, nhưng tự dưng có cái gì thúc đẩy, mắt cứ chăm chăm về phía anh ta. Y như có ma quỷ xui khiến vậy. Thực ra, lúc họ lôi đi, anh ta đã ngất rồi. Chắc vì sợ. Em thấy hai chân anh ta kéo lê trên đường đất. Có thể nhờ vậy mà anh ta không biết đau nữa!

An vẫn thắc mắc:

- Đem giết một cái xác chết, để làm gì chứ? Anh ta có vợ con gì không?

- Em nghe nói chưa. Chỉ còn một bà mẹ.

- Bây giờ người mẹ đó ra sao? Rồi ngày mai, ngày mốt sẽ ra sao? Hôm qua bà mẹ đó đã biết trước tin dữ chưa? Nếu biết trước thì chắc cả đêm vật vã, lăn lộn nhỉ!

- Chắc thế!

- Nhưng giết anh ta để làm gì? Tại sao phải giết?

- Em nghe anh Huệ bảo không làm khác được.

An thấy nhói ở tim, gần như hốt hoảng. Cô hỏi em:

- Anh ấy nói thế à?

- Đại khái như vậy.

Thấy chị đột nhiên hốt hoảng, Lãng sợ câu trả lời của mình có gì quá đáng, chưa thật đúng với sự thực. Cậu vội chữa:

- Lúc đó ồn quá em nghe không rõ. Vả lại, có người tới bảo có ông biện gọi, nên anh ấy vội chạy đi.

An không nghe lời Lãng, cứ nhắc đi nhắc lại câu hỏi:

- Không thể làm khác được sao? Không thể làm khác được sao?

Lãng muốn đổi hướng câu chuyện, hỏi chị:

- Để em nhen lửa nấu cơm nhé?

An bốt vế lơ đãng, bảo em:

- Nấu cơm cũng được. Đáng lẽ hôm nay ăn bắp hầm cho đỡ gạo, nhưng bây giờ trưa quá rồi, sợ không kịp. Anh Chinh chưa về à?

- Chưa. Chị An này?

- Gì vậy?

- Em không hiểu nổi anh Chinh nữa.

- Sao thế!

- Ảnh làm sao ấy! Lạ lắm!

- Thế là thế nào?

Lãng trầm ngâm một lúc, suy nghĩ dè dặt như sợ làm lẫn:

- Lúc đó mà, lúc người ta giao anh ta cho người Thượng, em đứng sát bên anh Chinh. Em bảo với anh Chinh là anh ta sợ quá, chết ngất rồi. Anh Chinh cãi, bảo là anh ta cố chống cự không chịu bước. Em chỉ cho anh Chinh thấy đôi chân lê trên mặt đường. Anh Chinh nhìn, bảo em nói đúng. Anh Chinh trề môi

chê là anh ta yếu đuối. Anh ấy nói: "Trước sau cũng chết, việc gì mà sợ quá vậy. Tỏ ra ngang tàng cho mọi người phục, có hơn không". Em bảo ai mà chẳng thế. Anh Chinh bảo em nhất như thỏ, nên suy bụng ta ra bụng người. Anh ấy còn chê là bọn bản cung đứng gần quá. Phải đứng thật xa mới là tài.

An không tin tai mình, bữu môi nói:

- Mày chỉ bịa!

- Em thề là nói đúng. Anh ấy lạ lắm. Không tin chị cứ hỏi thẳng anh ấy đi!

*

* *

Buổi trưa, ông giáo không về ăn cơm. Cả buổi chiều, ông nằm trên cái giường tre kê trong góc tối, mặt quay vào vách không nói năng. Lúc Huệ vâng lời anh đến biểu ông giáo một đùi thịt heo rừng, và mời ông lên trại có việc, An không biết cha thức hay ngủ, lấp ló ở cửa không dám gọi, Huệ phải lên tiếng. Ông giáo vẫn giữ vẻ mặt rầu rầu, không nói gì, lặng lẽ mặc áo dài, đội khăn cẩn thận, ra đi. Cách ăn mặc trang trọng và vẻ mặt nghiêm nghị khác thường làm cho Huệ e ngại. Anh không muốn cùng đi với thầy, nấn ná ở lại. Nhờ thế, An có dịp hỏi Huệ:

- Chuyện hồi sáng, tại sao phải làm vậy?

Câu hỏi đường đột khiến Huệ hơi ngạc nhiên. Từ cái đêm... cái đêm An rút tay về và lí nhí bảo: "Đừng, anh Huệ", chưa có dịp nào An và Huệ đứng riêng với nhau để nói một câu vu vơ riêng tư. Huệ có cảm tưởng An muốn né tránh, muốn quên đi một kỷ niệm không được như ý. Anh buồn, nhưng cũng biết mối quan hệ giữa mình và gia đình thầy đã có nhiều đổi thay. Ngay những kẻ thân thuộc ở Kiên Thành chạy trốn lên Tây Sơn thượng cũng đổi thái độ đối với anh em Huệ: lời lẽ trang trọng e dè hơn, lối tiếp đãi vị nể xa cách hơn... Khác với Nhạc, Huệ khó chịu trước sự thay đổi ấy. Dần dà rồi anh cũng quen, tuy hơi tiếc, và buồn. Huệ thầm ước ao được sống hòa đồng như cũ, được chuyện trò tự nhiên, thẳng thắn. Thế nhưng, lúc bị An hỏi, Huệ hơi lạ vì sự đường đột bất ngờ. Câu hỏi có giọng tra vấn, trách móc. Huệ nhìn thẳng vào mắt An, đáp nhỏ:

- Không thể làm khác được!

An gần muốn khóc vì thất vọng. Hóa ra Lãng đã thuật đúng. Cô gằn giọng:

- Đến anh mà cũng nói thế à!

Rồi bỏ đi lên nhà trên. Huệ ngẫm nghĩ một lát, lắc đầu, rồi theo ông giáo lên trại.

Biện Nhạc chờ ông giáo ở nhà khách. Hai tách nước trà còn bốc khói. Không nhập đề quanh co, ông giáo nói:

- Tôi định lên gặp ông ngay buổi trưa, nhưng muốn nghĩ cho chín nên nấn ná. Bây giờ lòng tôi đã quyết. Ông cho phép chúng tôi được rời khỏi đây. Cái ơn cứu mạng bấy lâu, chúng tôi không bao giờ quên, nhưng...

Ông biện vội vã đứng dậy, đến dắt ông giáo mời ngồi xuống phản, giọng sốt sắng ân cần:

- Mời thầy ngồi xuống uống chén trà đã. Mọi sự đâu còn đó, thế nào rồi cũng hiểu nhau thôi.

Ông giáo ngồi xuống phản, nhưng không chịu uống tách trà ông biện vừa bưng lên mời. Ông nói:

- Tôi tự biết không còn xứng để ở đây nữa. Tôi già rồi, tâm trí đã hết cả sáng suốt. Những lời tôi góp ý, bàn bạc với ông càng ngày càng sai quấy, không đáng tin.

Biện Nhạc đặt chén trà xuống, nét mặt vẫn vui tươi, điềm tĩnh. Ông chờ ông giáo nói tiếp, nhưng ông giáo dứt lời. Bấy giờ, ông biện mới nói:

- Tôi biết trước thế nào cũng làm phật lòng thầy. Nhưng không có cách nào khác. Không thể giải bày qua quít là người Thượng họ vui lòng. Muốn nối lại mối giao hảo với họ, cộng tác với họ, trước hết phải tỏ trước thiện chí của mình. Họ đòi nợ máu, không thể khất được.

- Nhưng anh ta không giết người. Anh ta có lén đi buôn muối, có giành giật mỗi lợi của người Thượng, nhưng tôi biết chắc là anh ta không giết ai.

- Có thể như vậy lắm!

- Ông đã nói vậy, đã nghĩ vậy, tại sao còn nộp anh ta cho người Thượng? Ông không thể tưởng tượng anh ta nhìn tôi như thế nào! Anh ta oán hận tôi, coi tôi như một người giả bộ sẵn sàng anh ta để gạt anh ta khai hết, lấy cung từ đem nộp cho ông. Trước khi bị giết, anh ta nhìn tôi như vậy đấy.

- Lúc tôi giao nộp hãn cho mấy già làng, hãn cũng nhìn tôi y như thế. Nhưng không còn cách nào khác.

Ông giáo tức giận, nói dần từng tiếng:

- Có nhiều cách để cứu một mạng người. Nhất là cứu một người khỏi cái chết oan uổng.

Tiếng nói của ông biện cũng trở nên sang sảng, đanh thép:

- Nhưng sau đó, không thể cứu được nhiều mạng người. Nếu không sòng phẳng với người Thượng, điều gì sẽ xảy ra? Tôi giao dịch mua bán nhiều năm với họ, tôi hiểu rõ lắm. Họ sẽ đòi đủ số mạng người mất tích. Cho đến ngày hôm qua, họ bảo con số lên đến năm. Có thể năm mạng đó hoặc bị lạc vào rừng mà chết, hoặc bị cọp vồ. Nhưng họ sẽ núp sẵn đâu đó với cung và tên độc, lén giết đủ năm người của chúng ta mới thôi. Rồi bọn trai tráng ở đây trả thù. Rồi cọp vồ thêm vài người Thượng nữa. Thầy có tưởng tượng ra những điều đau lòng đó không? Bao giờ cuộc chém giết mới chấm dứt?

- Tất cả những điều ông nói chỉ là phỏng đoán. Có thể là như vậy, cũng có thể không đến nỗi như vậy. Không lấy gì làm chắc chắn. Lấy những điều không lấy gì làm chắc để đổi lấy một mạng người, ông nghĩ xem, có đáng không?

- Thời gian sẽ trả lời thầy. Cần phải có thời gian, thầy mới hiểu tôi. Quyết định nào có vấy máu, không ai vui sướng cả! Nhưng có những lúc, những việc mà nếu nấn ná một khắc, tai họa khó mà lường được. Gia đình tôi đã trải qua những lúc sinh tử chỉ cách một sợi tóc, nên tôi không muốn nấn ná, do dự. Xin thầy bớt giận mà xét lại. Xin thầy ở lại với chúng tôi. Để cho thầy ra đi trong lúc này, trong hoàn cảnh này, chúng tôi sẽ ân hận suốt đời.

Ông giáo tần ngần không biết trả lời thế nào. Tâm hồn ông hoang mang, có thể nói trong suốt cuộc đời thăng trầm của ông, chưa bao giờ đất đứng dưới chân ông lay động chao đảo dữ dội như lúc này. Trước mắt, ông không còn thấy hình dáng, cử động của biện Nhạc nữa. Những câu hỏi cứ đến tới tấp, câu này chưa có giải đáp thì câu khác đã đến. Chỗ đứng của ta ở đâu? Ở dưới trướng bọn Trương Tân Cối mà

ta chán ghét khinh bỉ ư? Ở giữa những người chân đất áo vải mà ta lạc lõng xa lạ ư? Có con đường nào khác không? Ông biện cho vẻ tần ngần của giáo Hiến là dấu hiệu phục thiện, hoặc ít ra là sự nhượng bộ dè dặt ban đầu. Quen thói quyết định nhanh, áp đặt ý muốn của mình cho kẻ khác tuân phục, ông thân mật nắm tay ông giáo cười nói :

- Thế là thầy hiểu tôi rồi nhé! Quân triều còn ngấp nghé bên kia đèo. Còn nhiều chuyện phải làm, kể làm gì cái chuyện vặt này. Cảm ơn thầy đã kịp nghĩ lại và ở lại đây với anh em chúng tôi. Chú Huệ đã mang biếu thầy món thịt rừng rồi chứ? Thịt heo rừng, ngon lắm. Không nhạt như thịt nai đâu. Để tôi sai chúng nó mang thêm ít vò rượu.

Chương 14

Gia đình Hai Nhiều lánh nạn lên Tây Sơn thượng đã gần nửa tháng. Suốt thời gian ấy, ông giáo tự nhủ là phải trở lại nơi gia đình Hai Nhiều tạm trú một lần nữa để thăm hỏi, giúp đỡ. Đó là bốn phận, hoặc nếu lòng dùng dằng bất quyết, thì cứ cho đó là sự ràng buộc không thể cởi bỏ. Làm khác đi, thiên hạ sẽ xem mình là hạng bất nghĩa, không ra gì.

Nhưng lần nữa ngày này qua ngày khác, ông giáo có đủ cớ để tự cho phép mình dùng dằng. Từ sau vụ hành quyết trong trại có nhiều xáo trộn, biện Nhạc mời ông lên bàn luận, tìm phương cách đối phó để tái lập trật tự. Nhiều buổi trưa ông không về nhà. Đêm, ông biện giữ ông giáo ngủ lại nhà khách vì cuộc họp đã kéo dài quá khuya.

Máu một người vô tội đã đổ ra để xóa mối nghi kỵ hiềm khích giữa người Kinh và các buôn Thượng, nhờ thế họ đã chịu hợp tác với trại Tây Sơn thượng trong việc chuyển muối tiếp tế. Lập luận của biện Nhạc có một phần đúng. Tuy nhiên cũng chính thứ máu oan nghiệt, hải hùng đó gieo rắc sự hoang mang khiếp sợ cùng khắp. Trước hết là những người từng bỏ nương rẫy để đi buôn muối. Đêm nào cũng có mõ báo động vì có người trốn đi. Bên kia đèo là tù đầy. Chung quanh trại, rừng trùng trùng điệp điệp. Thung lũng đã bao dung họ bấy lâu, bây giờ trở nên bất trắc. Cái chết có thể đến vào một lúc nào đó, vì họ có thể bị xem là tông phạm của tử tội. Thôi đành liều vậy. Và họ lần lượt trốn giữa khuya. Sáng, những người láng giềng khám phá một cái chòi vắng chủ, ủa đến hồi cửa. Cảnh giành giật, gấu ó nhau xảy ra thường xuyên, chuyện tranh tụng đưa lên đến ông biện. Những người buôn muối nuôi ý định trốn, lăm lét nhìn cảnh tượng trước mắt, vừa tiếc mớ của cải đồ đạc thu góp được nhờ buôn muối, vừa thù hận chua chát tất cả loài người. Không hưởng được thì phá. Về sau, những kẻ đào thoát đã đốt cháy tiêu tất cả đồ đạc, bàn ghế, giường tủ, của cải trong nhà trước khi bỏ đi. Nhiều đám cháy xảy ra, thiệt hại lên cao. Đêm bình an không còn, nhà nào cũng thao thức, phập phồng chờ đợi tiếng mõ báo động và những lời la làng kêu cứu.

Không thể để cho tình trạng hỗn loạn kéo dài thêm nữa! Ai cũng nghĩ vậy. Ông giáo đề nghị chấm dứt tâm trạng lo sợ bị liên lụy của nhiều gia đình, trong đó đa số là những người đàn bà nhanh nhẩu giỏi xoay xở đã nhờ khan hiếm muối mua đi bán lại mà kiếm thêm chút quà bánh, hay cái áo cái quần cho con. Phải dứt khoát loan báo ai là kẻ có tội và ai là kẻ vô tội. Theo ý ông, không ai có tội cả, trừ những kẻ đã lầm lỡ trốn đi.

Và một lần nữa, ông giáo ngỡ ngàng thấy ý kiến của mình đã được đem ra thi hành, với một phong cách khác. Có thể gọi là phong cách biện Nhạc. Ngay buổi sáng sau cái đêm bàn bạc đến quá khuya ở nhà khách, biện Nhạc họp dân chúng lại, tuyên bố mọi người không nên lo sợ hãi huyền. Thủ phạm gây nên hiềm khích Kinh Thượng đã bị hành quyết rồi. Các tông phạm sợ bị truy tội nên cũng trốn đi cả rồi. Người ở lại nên yên tâm làm ăn. Kể cả những người đã lợi dụng thời cơ trở nên giàu có. Những kẻ đó phải tự động trả lại đồng của cải đã bòn rút được bấy lâu nay cho các nguyên chủ. Thời hạn là một buổi sáng. Quá

trưa, rất nhiều người còn đang băn khoăn không hiểu ông biện muốn gì, ám chỉ đe dọa ai, mình ở trong đa số bị bóc lột hay thiếu số cơ hội, thì các trai tráng trật tự đã đến bao vây mười một nhà mới làm giàu nhờ buôn muối, tịch thu tất cả tài sản đem ra chia đều cho những gia đình túng khổ nhất. Quyết định mạnh bạo ấy, khiến mọi người hả hê. Về sau, trong mười một gia đình bị tịch biên tài sản, chỉ có hai gia đình trốn đi. Chín gia đình còn lại được cấp cho những cái chòi mới gần khu khai hoang, để bắt đầu lại từ bàn tay trắng.

*

* *

Gia đình Hai Nhiều may mắn được biện Nhạc cho ở một trong mười một cái nhà khá khang trang ấy. Đó là kết quả những vận động kín đáo, khéo léo của Lợi. Còn Hai Nhiều thì nghĩ ông giáo là ân nhân của mình. Cho nên một hôm, cả gia đình Hai Nhiều tìm đến thăm ông giáo.

Dù quá hiểu rõ thế thái, ông giáo không tránh khỏi chua chát và hờn giận. Ông không thể quên được những lời rêu rao của vợ chồng Hai Nhiều. Nếu ông còn tự trấn tĩnh để giữ được thái độ hòa nhã thân ái vừa phải, là nhờ nghĩ rằng: ở hoàn cảnh khó khăn nguy hiểm đó, ai cũng thế cả. Cái thế nó buộc vậy. Hai Nhiều đọc được ngay sự bối rối trên gương mặt ông giáo, nên e dè trong cách ngồi, cách nói. Ông giáo phải đích thân đến nắm tay dắt Hai Nhiều đến chỗ bàn khách, ấn vai buộc Hai Nhiều ngồi, ông ta mới dám ngồi ghé vào một góc ghế. Thế ngồi bất tiện và đôi tay lúng ta lúng túng chưa biết đặt vào đâu cho đúng chỗ càng khiến cho Hai Nhiều bối rối hơn. Câu chuyện giữa hai người đàn ông cứ lơ lửng, chệnh mảng hoài nếu không có bà Hai Nhiều chen vào. Bà Hai nhìn quanh gian nhà khách, chắc lưỡi khen:

- Con nhà tông có khác. Con Kiền nhà tôi học cả trăm năm nữa cũng không khéo tay cho bằng cháu An. Mọi sự ngăn nắp, gọn ghẽ. Khéo, khéo lắm. Kiền, con coi cách chị An cắm cái bình hoa kia. Chỉ cần một khúc ống nứa, vài dây leo, và vài ba nhánh hoa dại. Đẹp, đẹp quá.

An thấy Chinh ngồi nhìn mớ trầu trầu một cách xắc láo, cố tỏ cho bà Hai Nhiều hiểu rằng mình không quên những hiềm khích đã qua, chột dạ, vội đáp:

- Mợ khen quá, cháu ngưỡng đến chết mất. Nhà chật, mợ thấy đó, không dọn dẹp thì không còn chỗ đặt chân nữa. Đồ đạc, cả cái bàn nước bằng gỗ trắc này này, là do ông biện sai khuân đến cho mượn. So với nhà tù đường dưới mình, đã thấm vào đâu.

Ông giáo hỏi Hai Nhiều:

- Lúc chạy, anh chị có bán, hoặc gửi đồ đạc cho ai không?

Bà Hai cướp lời chồng:

- Chú tính, trong hoàn cảnh đó, chỉ lo cứu lấy thân là may. Nghe người ta báo, ông Hai nhà tôi quỳnh lên, cứ chạy vô chạy ra không biết phải làm gì trước. Tôi phải hét lên, ông mới chịu đi vợ lấy một ít quần áo. Mắt quáng thế nào, cái lành không lấy lại lấy mấy cái áo rách. Chú coi, cái áo ông đang mặc kia, tôi phải vá đi vá lại mới coi được một chút. Thằng Lê chụp được cái rửa. Con Kiền ngồi thừ ra đó, khóc thút thít. Tôi quát tháo bảo đi lấy gạo! Chạy khỏi xóm, mới biết cái bao lát bị chuột cắn lủng một lỗ. Nếu không gặp được vợ con Nhôi thì chắc chết đói rồi.

Ông giáo hỏi Hai Nhiều:

- Làm sao thằng Thận nó biết tin?

Hai Nhiều hấp háy mắt, cổ ngấn bổi rồi, đáp:

- Có người tốt bụng nào đó qua sông báo cho vợ chồng nó. Chắc họ thấy quan quân vây phá nhà tôi, nên đoán thế nào gia đình thằng Thận cũng liên lụy.

Kiên nhỏ nhẹ thêm:

- Người bà con của anh Thận đấy cha. Cái chú vẫn thường cắt cỏ cho ngựa thồ ở chợ An Thái.

An quay sang hỏi Nhõ, từ đầu đến giờ ngồi nép trên phản, nét mặt rầu rĩ, thất thần:

- Anh đâu rồi chị?

Hai Nhõ phải mất một lúc lâu mới hiểu An hỏi mình. Chị ta lí nhí đáp:

- Ảnh theo cậu gì... cậu gì em ông biện đó, ảnh theo lên lò rèn.

An hỏi:

- Cái cậu từng xuống học dưới An Thái chứ gì. Cậu anh hay cậu em?

Bà Hai đáp thay con gái:

- Cậu em. Cậu Huệ đó. Gớm, cậu ấy lớn quá, người vạm vỡ ra. Tôi không nhận ra nữa. Này cháu, cậu Huệ làm chức gì mà Mợ nhìn quanh thấy ai cũng có vẻ nể sợ cậu ấy cả. Có lúc mợ còn thấy hai người cầm giáo cán trắng đi theo. Báo hại mẹ con mợ một phen hú vía. Số là sáng nay, con Kiên thấy có người mang giáo đến nhà, sợ quá chạy đi tìm mợ. Mợ cũng sợ, nhưng nghĩ chẳng lẽ quan quân dưới An Thái đã lên được tận trên này. Sau mới biết là cậu... cậu Huệ đi tìm thằng Thận. Chú giáo này, chắc không can gì chứ! Tôi thấy cậu Huệ cười nói vui vẻ với thằng Thận, mới yên lòng.

Ông giáo nói:

- Chị yên tâm. Hôm qua tôi bảo với ông biện là cháu Thận giỏi nghề rèn. Chắc ông biện muốn giao việc cho cháu ấy. Công việc ở đây lu bù lắm, nào cuộc rửa, nào giáo mác. Thứ gì cũng cần cả. Chỉ sợ cháu Thận không đủ sức làm hết.

Bà Hai Nhiều vội lấy miếng trầu đang nhai ra cầm ở tay, xích ghế lại gần ông giáo hơn, lấy giọng nhỏ nhẹ thân tình nói:

- Nói thiệt với chú giáo, chúng tôi chạy lên đây với hai bàn tay trắng, bà con thân thuộc không còn ai ngoài chú giáo. Chú giáo tính, bấy nhiêu miệng ăn! Ruộng đất không, vốn liếng không! Thôi thì trăm sự nhờ chú! Chúng tôi chỉ mong có cái gì bỏ vào miệng cầm hơi ráng sống cho đến ngày được trở về An Thái làm ăn. Ông nhà tôi sức đã hơi yếu, nhờ chú giáo thừa với ông biện cho làm thứ gì nhè nhẹ. Còn lũ thằng Thận, thằng Lê, con Nhõ, con Kiên thì sao cũng được. Cuộc cỏ, phát rẫy, gì cũng được cả. Nhưng mới đầu chưa quen khí núi, nắng gió khác với nắng gió đồng bằng, nhờ chú tìm cách châm chước cho.

Thấy ông giáo ậm ừ tỏ vẻ không vui, bà Hai tiếp:

- Tôi biết làm phiền chú giáo nhiều. Chú giáo còn nhiều chuyện khác, chứ thì giờ đâu chỉ lo cho gia đình tôi. Nhưng vừa lên đây, tôi đã nghe người ta bảo anh em ông biện rất nể chú. Đến chuyện nhà cửa khó như vậy, mà chú còn lằng lằng lo giúp chúng tôi. Thật quý hóa quá!

Ông giáo chán ngán không muốn cãi chính, cũng không muốn nói gì thêm. Đột nhiên Chinh hỏi:

- Sau khi anh Kiên cháu bị bắt, nhà cháu trốn lên đây rồi, bọn chức sắc An Thái có làm phiền cậu mợ không? Cậu mợ xoay xử thế nào mà được chúng nó để yên cả năm, kể cũng khéo lắm!

An huých cùi chỏ vào hông Chinh. Kiên và Lê ngồi đối diện trông thấy, giả vờ chưa hiểu gì. Hai Nhiều ngồi im trên mép ghế không dám nhúc nhích. Vẫn bà Hai tiếp tục liên thoảng:

- Ôi thôi, bọn chó má đó chúng nó làm tình làm tội cậu mợ nhiều rồi, đâu phải mới đây đâu cháu. Mình sợ, chúng làm tới. Cậu mợ đâm lì, chúng nó phá rết rồi cũng tự thẹn với mình. Hơn nữa, dù thế nào cũng người đồng hương đi vô đi ra chạm mặt. Chúng đâu có dấm cặn tàu ráo máng như cái hồi... cái hồi chúng nó tới bắt thằng Kiên. Chú giáo này, nhiều đêm tôi nằm nghĩ đến số phận cháu Kiên, không ngủ được. Tội nghiệp hết sức. Cần cù hiền lành đến con kiến cũng tránh không dám đạp, thế mà... Thôi, cũng tại cái số của nó hẩm hiu đó chú! Nhà nào cũng vậy cả. Để năm bảy đứa ra, thế nào cũng có một đứa hững chịu tật nguyên, bệnh tật, rủi ro, để cho mấy đứa khác thông dong. Cháu Chinh à, thời trước ông cố cháu giàu có lắm, có hai mụn con, thì một người là em bà nội tụi chị em con Nhôi, bị bệnh cùi. Chuyện đời xa xưa vậy, nay cũng không khác. Các cháu đứa nào cũng mạnh khỏe, trừ một mình thằng Kiên long đong. Nó rước hết tai họa cho các cháu đấy. Phần gia đình cậu mợ, cậu mợ càng nghĩ... càng nghĩ càng thương cho con Ba Lý.

Bà Hai Nhiều mếu máo khóc. Cả phòng chỉ có tiếng bà Hai thút thít. Chinh thấy bất nhẫn, bực dọc bỏ ra ngoài. Ông giáo thấy cần phải nói vài lời an ủi:

- Chị đừng lo lắng quá. Không việc gì đâu. Anh chị thì vì liên lụy đến tôi. Còn vợ chồng con Lý...

Bà Hai vừa thút thít vừa nói:

- Thằng Phúc nó có làm việc cho ông biện. Tôi sợ thế nào chúng nó cũng...

Hai Nhiều sợ vợ bù lu bù loa như mấy lần trước, nhắc nhở:

- Thôi mẹ con Nhôi đừng la khóc lớn, ở đây không tiện!

Bà Hai khóc nhỏ lại, tiếp tục kể lể:

- Cả đời nó long đong về chuyện chồng con. Tôi đại dột mới nghe ông, bây giờ đã thấy chưa. Ông bảo hễ thương con thì thế nào người ta cũng cưng chiều cháu. Ông bảo gia đình người ta thuộc dòng ăn học, có tiếng gia giáo. Đấy, ông đã mở mắt chưa! Thật đúng là một con quỉ. Chú giáo coi, ai đời con Lý mới bước chân về nhà chồng, thấy mặt dâu là mụ đã nổi cơn tam bành lên rồi. Ngay tối tân hôn, mụ treo võng nằm sát giường hai vợ chồng nó, không cho ăn nằm với nhau. Chú có tin được không. Có Trời Phật chứng giám, tôi có nói láo thì Trời Phật vật chết tôi đi. Mụ ta mê thằng Phúc như gái tơ mê nhân tình vậy. Trời hời trời! Có ai dám nghĩ trên đời có chuyện kỳ cục như vậy. Thế mà có thật hết, chú giáo. Con Lý nó khổ sở một đời vì con mẹ chồng mất nết, con mẹ chồng loạn luân. Tụi nó chạy không kịp, chắc tại con mụ không chịu đi, tiếc con gà, con nái. mụ chặt bóp từng đồng kẽm cất kín đó, không cho con Lý quẹt một chút mắch chứ đừng nói đến thịt cá. Chú giáo có tin được không! Chuyện đàn bà con gái với nhau chẳng lẽ tôi đem kể hết cho chú giáo. Nhưng chú giáo coi, ai đời...

Cứ thế, cứ thế, bà Hai Nhiều kể hết những trái chứng của bà mẹ chồng cô ba Lý, nhiều chi tiết làm đỏ mặt An và Lê. Ông Hai lâu lâu lại nhắc: "Thôi, mẹ con Nhôi", nhưng không có gì đủ mạnh để ngăn

nguồn cảm hận của bà Hai Nhiều. Ông giáo thêm chán, chờ một lúc thuận lợi, hứa với bà Hai là sẽ tìm việc thích hợp cho ông Hai Nhiều. Có thể ông Hai sẽ phụ giúp Năm Ngạn coi sóc việc khai hoang ở xóm Ké. Ông có dư kinh nghiệm và tuổi tác để đảm đương công việc. Bà Hai mừng rỡ, quên phắt câu chuyện bỏ dở. Mắt còn đỏ hoe, nhưng bà Hai ra về với nụ cười hân hoan.

*

* *

Những lộn xộn do hậu quả của vụ hành quyết dần dần lắng xuống. Đêm đầy giấc. Việc khai hoang tiến hành mau chóng, rừng lùi sâu đến đâu thì bắp nhú mầm xanh đến đấy. Gạo thiếu, nhưng dạ dày những người vì hoàn cảnh khác biệt xiêu dạt lên thung lũng này cũng quen dần với bắp hầm và khoai luộc. Bỗng một đêm, lửa lại cháy ở khu phía đông, ngay chân đèo. Đêm lại trăn trở, trẻ con khóc thét giữa những hồi mõ báo động hối hả. Sáng ra cả trại nhốn nháo tìm hiểu, mới biết đêm qua, một toán nhỏ quân triều cả gan vượt đèo đột kích Tây Sơn thượng. Độ mười nóc nhà bị đốt cháy, năm người đàn ông, hai đàn bà và bảy trẻ con bị chết. Nhờ ánh lửa, người ta nhận diện được tên dẫn đường vốn là một người buôn muối đã trốn thoát. Từ đó suy đoán được tầm mức của biến cố: sau khi trốn khỏi trại, tên buôn muối liều chết vượt đèo An Khê ra đầu thú với toán quân triều đình ở ngay bên kia đèo, xin lấy công đánh đổi cuộc sống an toàn tại quê cũ.

Tai họa mới, một lần nữa, gieo rắc lo âu lên khắp trại. Lại hối hận. Lại nuối tiếc. Dẫn vật trách móc lẫn nhau, từng đêm, ôn lại từ đầu duyên do cuộc sống xiêu dạt. Công việc nương rẫy chênh mảng, cỏ bắt đầu mọc lẫn từng vạt bắp rộng. Nhu cầu củng cố hệ thống phòng thủ được đưa lên hàng đầu. Còn phòng vệ như thế nào, thì biện Nhạc và Huệ vẫn chưa đồng ý với nhau. Một năm làm quen với cách tổ chức các đội dân phòng và điều khiển các buổi luyện tập chiến đấu giúp Huệ thêm tự tin. Tuổi hai mươi sung mãn, lòng tuân phục của đám đông, khả năng nhạy bén trước các việc quân, và sâu xa hơn nữa, ước vọng thầm kín phi ngựa trên đồng bằng, cưỡi thuyền vượt sóng biển cả, bấy nhiêu tác động ấy đã khiến Huệ mạnh dạn bênh vực ý kiến của mình. Tuy vậy, cuộc đột kích bất ngờ đòi hỏi một biện pháp cấp thời. Và biện Nhạc có quyết định đắp thành Tây Sơn, bất chấp lời can ngăn của em. Việc điều khiển khẩn hoang giao toàn quyền cho Lữ và Hai Nhiều. Phạm Ngạn thì chuyển qua điều khiển công tác đắp thành. Năm Ngạn xem đó là dấu hiệu của lòng tín nhiệm, hăng hái tra xét sổ đình, phân các lao động theo từng đội, từ sáng đến tối hò hét, chửi mắng, khi cần thì dùng đến roi gậy nữa, để đốc thúc công tác. Năm Ngạn say sưa sử dụng quyền lực và lo lắng biểu lộ khả năng của mình đến nỗi càng ngày càng có nhiều lời than van. Nhưng mười bốn ngôi mộ dưới chân đèo An Khê vẫn còn đó. Khổ nhọc, đổ mồ hôi, thân thể rã rượi không cho ai khác, mà cho an toàn của chính mình, của gia đình mình. Nhờ thế, mọi người dễ dàng chịu đựng các ngược đãi. Và Năm Ngạn lại thấy mình lớn thêm.

Huệ nhìn công trình xây thành rầm rập diễn ra trước mặt với đôi mắt e ngại nhưng thông cảm. Như lần trước, lúc biện Nhạc quyết định giao nộp người buôn muối cho người Thượng hành quyết, Huệ hiểu cái thế chẳngặng đờng, lẫn tính toán thầm kín của anh. Trong năm qua, số dân Tây Sơn thượng tăng lên gần

hai nghìn người, nghĩa là khoảng một phần tám dân số cả phủ Qui Nhơn. Trại đã mở rộng gấp mười lần, công việc quản lý phức tạp gấp trăm lần. Trong khi đó, dãy nhà chính lè tè và hai cái lán tranh cất từ thời còn buôn trâu chạt chọi, bé nhỏ quá, không cân xứng với quyền hành. Có lẽ doanh trại của 108 anh hùng Lương sơn bạc còn rộng rãi hơn nhiều. Biện Nhạc, trong thâm tâm không muốn chỉ là tên cướp núi thứ 109. Điều đó, Huệ hiểu rõ lắm. Vì vậy, giống như lần trước, Huệ không thắc mắc, tranh luận với anh về chuyện xây thành nữa, xem đó là một nhu cầu bức thiết không thể làm khác được. Phần mình, Huệ cũng có những toan tính riêng. Ngoài các buổi luyện tập võ nghệ và sử dụng đao kiếm, giáo mác, Huệ tuyển chọn một số trai tráng khỏe mạnh và can đảm, đêm đêm họ tụ họp lại bàn luận sôi nổi về cách điều quân, cách đánh thành. Những người xuất sắc trong nhóm này có Mắm, Đá, Uy vốn đã lên trại từ thời buôn trâu, Tuyết, người Tuy Viễn mới xin qui thuận sau một chuyến cướp muối bất thành, Lộc xuất thân chăn trâu giỏi võ nghệ không chịu đựng được cảnh bắt công tìm lên Tây Sơn thực hiện chí lớn. Cuối cùng, tất nhiên phải có Chinh.

Ông giáo bận việc quá, không ngó ngang gì đến việc nhà. An thấy Chinh đêm nào cũng về thật khuya, tập quen đóng khổ, nói tiếng Thượng, tò mò tra vấn mãi mà Chinh không chịu nói. An đoán: Lại một trò bất ngờ kỳ dị như trò nuốt sâu thở bé. Nhưng Chinh đã 22 tuổi đầu, chứ còn bé bỏng gì! Đâu phải là thời xem mọi sự như một trò tình nghịch! An lo ngại bảo anh:

- Coi chừng, đừng đùa với người Thượng. Họ đơn giản thế, nhưng lúc nổi giận lên, phải biết. Anh còn nhớ cách họ giết anh buôn muối chứ?

Chinh đưa cái ống điếu dài lên môi, bắt chước y lối hút thuốc của người Thượng, bập bập vài cái, nhả khói, mới đáp:

- Nhớ rồi, nhớ rồi, "bà cụ" của tôi ời!

- Thế anh định chơi trò gì đấy.

Chinh cười khiêu khích:

- Không nói được. Rồi sẽ biết!

An dọa:

- Em mét cha cho xem!

Chinh nghiêm nét mặt:

- Không được. Đây là chuyện quan trọng, không phải chơi đâu. Anh Huệ chủ trương chuyện này. Đã yên lòng chưa.

Nghe Chinh gọi Huệ là "anh", mặc dầu lớn hơn Huệ hai tuổi, An kinh ngạc một cách thích thú. Cô thấy lòng rộng rãi, quên biến mọi thắc mắc.

Đêm sau, An chờ cửa đến canh hai, vẫn không thấy Chinh về. Sang canh ba, cô buồn ngủ quá thiếp đi lúc nào không hay. Sáng mở cửa đã nghe mọi người sôi nổi bàn tán về chiến công ban đầu của Tây Sơn thượng. Một toán trai tráng gồm bốn người đã thực hiện một cuộc phản đột kích, phá tan đồn quân triều bên kia đèo, giết gần hết số lính trấn đóng ở đó, lại còn bắt thêm được một tù binh để khai thác tin tức. An mừng khắp khởi theo cái mừng của mọi người, sau đó lo ngại Chinh gặp nguy hiểm. Cô chạy đi tìm anh.

May cho An, cô không chen được vào đám đông đang bao vây bốn dũng sĩ để nghe kể thành tích chiến thắng, nên khỏi phải một phen sững sờ. Cả bốn người gồm Tuyết, Đá, Uy và Chinh đều đóng khố theo cách người Thượng, thân thể đen màu bồ hóng. Sau Tuyết, đến lượt Chinh kể chiến công của mình. Anh giết được ba tên, bằng chứng là ba cái tai cắt được xỏ râu bằng dây giang giơ cao cho mọi người nhìn thấy. Đó là sáng kiến của Tuyết, nghe bảo đã đọc trong truyện Tàu. Lúc Chinh đang đem đưa râu tai người khắp tứ phía cho khán giả nhìn kỹ, có ai đó la lớn:

- Coi chừng anh ta gian lận, giết được có một tên mà cắt cả hai tai đem về.

Đám đông nghe ý lạ, cười ồ. Có nhiều tiếng phụ họa:

- Phải rồi. Coi chừng gian lận. Kiểm lại coi có đúng là ba cái tai trái không?

Đòi hỏi bất ngờ nhưng hợp lý quá, nên đám đông lại nhao nhao đòi kiểm soát chiến tích. Chinh lúng túng chưa biết phải làm gì thì Tuyết đã giật lấy râu tai của Chinh, chăm chú kiểm soát. Tuyết la to:

- Một tai phải. Hai tai trái.

Đám đông la ó:

- Vậy là có gian lận. Chỉ giết được hai tên thôi.

Chinh tức quá, cãi lại:

- Giết ba tên. Rõ ràng có ba cái râu.

- Chỉ có hai tên.

- Không, ba tên.

Kịp lúc Tuyết thành thạo so lại ba cái tai, khám phá ra rằng không có râu tai nào giống râu tai nào. Tuyết lại bảo:

- Đúng rồi, ba tên chứ không phải hai, vì tai trái và tai phải không giống nhau.

Đám đông lại thích thú cười ồ. Số ít đàn bà con gái mãi theo dõi cuộc mừng công vì hiếu kỳ, bây giờ mới cảm thấy sợ. Họ nhìn trân trối mấy cái râu tai dây lưng lỏng Tuyết đang đưa cao, mắt dán vào chiến tích quái dị ghê rợn đó, chân bủn rủn. Đúng là may mắn cho An, khỏi phải nhìn thấy Chinh đen đui, dị dạng, và thô bạo lạnh lùng đường ấy!

*

* *

Chuyện dị thường ấy, tất nhiên phải đến tai ông giáo. Xế chiều, An thấy cha lầm lì, mặt tái xanh, thẩn thẫn đi vào đi ra như đang nôn nao chờ đợi điều gì. An tránh đôi mắt giận dữ của cha, không dám hỏi. Ông giáo ngồi xuống chống cằm suy nghĩ, rồi xuống bếp tìm cái rửa. An cho nhà hàng xóm mượn chẻ củi quên đòi về. Ông gặt ầm lên, mắng An là "đồ gái hư". An lén gạt vôi nước mắt chạy đi đòi rửa cho cha. Lúc về, ông giáo đã đi khỏi. Ông trở về ngay với một cái roi mây thật dài!

An không khỏi lo âu, bụng nghĩ không lẽ cha phạt mình chỉ vì một chuyện vặt. Ông giáo bảo An cất cái dao phay, rồi lại ngồi chờ. Lãng về quá giờ cơm chiều. Cũng không có gì xảy ra. Chinh về, dáng bước hăm hở, miệng huýt sáo. An từ xa, ra dấu cho anh, nhưng mãi vui Chinh không chú ý. Anh hỏi:

- Sao không thắp đèn lên?

An thì thảo:

- Có cha ở nhà trên. Hình như cha đang gặp chuyện phiền.

Chinh nói "Thế à", rồi sửa soạn đi tắm. Đúng lúc đó, có tiếng ông giáo gọi:

- Thằng Chinh đâu?

Chinh thưa:

- Da, con ở dưới này.

Tiếng ông giáo run run:

- Lên đây tao bảo.

Chinh bước lên nhà trên. Ông giáo lại gọi:

- An đâu?

- Dạ!

- Thắp cái đèn đem ngay lên đây.

Lúc An mang cây đèn lên, ông giáo vẫn ngồi nguyên ở chỗ bàn nước. Chinh thì đứng chờ gần cửa ra vào, ngơ ngác không hiểu cha muốn sai bảo điều gì mà một lúc thật lâu trong bóng tối, ông giáo chưa nói gì cả. Chờ cho An đặt xong cây đèn chai sát bên vách để tránh gió, ông giáo hỏi:

- Thằng Lãng đi đâu rồi?

An thưa:

- Nó ở dưới bếp.

- Kêu lên đây!

Bấy giờ ba anh em mới ý thức được tầm quan trọng của tình thế. Không ai dám thở mạnh, ông giáo thì vẫn giữ nét mặt lạnh lùng khó hiểu. Sau một lúc im lặng, chừng như để dẫn bớt xúc động, ông bảo:

- Thằng Chinh nằm xuống.

Chinh ngạc nhiên, nhưng cứ vâng lời cha. Thấy con định đến chỗ cái phản, ông giáo hét lên:

- Nằm xuống đất. Mày không đáng được nằm chỗ sạch sẽ.

Chinh nằm sấp ngay trước mặt cha. Ông giáo xô ghế đứng dậy, đến lấy cái roi mây gác trên đầu tủ. cây roi quá dài so với căn phòng hẹp. Ông đẩy cái bàn nước sát vào tường. Khay trà chòng chành suýt làm rơi cả ấm chén. An không kịp nghĩ ngợi gì, vội năn nỉ:

- Cha tha tội cho anh con. Con van cha. Con lạy cha!

An khóc thành tiếng, nghẹn không nói thêm được lời nào. Ông giáo không thèm nghe lời con gái, cầm cái roi mây nhịp nhịp lên mông Chinh, gằn giọng hỏi:

- Hồi hôm mày làm gì?

Chinh hơi đoán được sự việc, điềm tĩnh trả lời:

- Con dự trận đánh đồn quân triều dưới dèo.

- Tao biết rồi. Nhưng mày làm gì nữa?

- Con có làm gì khác đâu.

- Nói dối. Tao hỏi lại, hồi hôm nay làm gì?

- Xong trận, tụi con về tới đây đã hừng sáng. Con đâu dám dối cha.

Giọng ông giáo đanh lại, rít giữa hai hàm răng

- Vậy cái râu tai người của mày đâu rồi?

Chinh nằm im không dám trả lời. Ông giáo dồn hết sức già, quật mạnh cái roi mây lên người Chinh. Hai roi đầu, Chinh oằn người lại như con rắn bị dẫm, nhưng từ roi thứ ba trở đi, anh nằm yên, chấp nhận sự trừng phạt giận dữ của cha. An và Lăng lặng người sợ hãi, không dám khóc, cũng quên cả năn nỉ hộ anh. Ông giáo như người điên, quất túi bụi lên mông, lên lưng Chinh. Sự ngoan ngoãn can đảm của Chinh càng làm cho ông giáo giận dữ hơn. Ông đánh đến rã rời cánh tay mới dừng lại thở. Ông cảm thấy ngộp, muốn hét lên cho bớt giận. Nghỉ một lúc lâu, ông mới lắp bắp nói được với con:

- Đâu? Cái râu tai người của mày đâu? Tao nghe người ta bảo mày đeo tòng teng trên cổ như râu chuối ngọc mà! Trời hời trời, biết thế này thà tao giết mày từ khi mới lọt lòng.

Ông quất thêm hai roi, đuổi sức phải ngồi ghé lên ghế. Ông thở dốc, cái mặt thấm dần trên từng sợi gân, thớ thịt. Hai thái dương ông tê dại, mồ hôi đổ ra ướt cả lưng áo. Có lẽ vì vậy mà giọng nói của ông trầm xuống, gần như tử tế, tâm sự:

- Giết người! Đó là một việc đại ác. Một trò dâm tiện! Một chuyện bất đắc dĩ. Không còn cách nào khác, ta phải giết kẻ thù để bảo toàn mạng sống, hay che chở cha thân nhân, bà con. Tao không trách chuyện dự trận đêm qua. Đó là bốn phận. nhưng hạ được kẻ thù thì thôi. Chết là hết. Mày thì không, mày xem cái trò bất đắc dĩ đó như một trò vui. Mày thích thú, mày khoái lạc được giết người. Mày cắt tai người chết đem về khoe như một đứa du côn, một tên hiếu sát. Mày là thằng mất dạy. Tao hối hận đã sinh ra mày, nuôi nấng mày.

Gai ốc nổi dọc theo sống lưng An. Cô nhìn anh đang nằm dài trên nền đất ẩm như một xác chết, không tin Chinh dám làm một chuyện ghê tởm đến thế. Nhưng sự thật rành rành ra đó, nếu buổi sáng chịu khó chen lấn hoặc buổi chiều không mê mải cắt sửa mấy cái áo cũ thì thế nào An cũng nghe thiên hạ bàn tán sôi nổi. An nghĩ đến cái trò nuốt sâu của anh, nghĩ đến vẻ hăm hở, say dại của Chinh hôm dự cuộc hành quyết... Không nghĩ ngờ gì nữa, chắc chắn những điều ông giáo vừa nói đều đúng sự thật. An bàng hoàng, sau đó lòng cứ thắc mắc: Tại sao anh Huệ trực tiếp xếp đặt cuộc đột kích này mà không ngăn anh Chinh làm chuyện ác? Anh ấy có biết trước không? Có lẽ không biết đâu. Nhất định không thể biết trước được. Nếu biết trước thì đã... Hay anh ấy cũng thích làm chuyện dị thường như anh Chinh đã làm? Hoặc chính anh ấy ra lệnh để tiện ghi công? Cắt tai người, trời hời trời, có thể như vậy được không?

An không thể chịu đựng cảm giác hãi hùng, cộng thêm sự xao xuyến thắc mắc được nữa! Anh ấy có ra lệnh không? Nhất định không! Biết đâu đấy... Không được lệnh thì anh Chinh đâu dám làm? An chạy xuống bếp mà những câu hỏi mâu thuẫn cứ bao vây lấy cô, như bầy muỗi độc từ lớp lá mục hằng hà sa số bay tìm hơi người đêm đêm.

*

* *

Nhờ tên tù binh gốc người Xuân Huê, Lợi mới biết tất cả gia đình mình đã bị thảm sát. Cuộc khủng

bố trắng đã lan qua bờ nam sông Côn. Phúc, anh ruột Lợi, chồng cô ba Lý, bị quân phủ xem là tay chân thân tín biện Nhạc gài lại Tuy Viễn để nắm tình hình. Người mẹ già yếu bị đem ra tra tấn, đánh đập trước mặt Phúc để buộc Phúc cung khai. Phúc không có gì để khai thêm, một mực thề thốt là đã nói hết sự thực. Đến lượt bọn lính hành hạ cô vợ. Phúc không đủ tài ứng biến và can đảm để khai dối cho đúng ý quân phủ. Phúc bị kết tội ngoan cố. Chỉ cần một cái phất tay: toàn gia đình bị đâm chết, nhà cửa bị vợ vét sạch sành sanh trước khi phóng hỏa.

Nghe được tin dữ, Lợi vội vã chạy đến nhà Hai Nhiều. Không chịu đựng nổi những lời gào thét kể lể, Lợi lánh qua nhà ông giáo. Thấy An đã dượt, gương mặt thất thần, Lợi tưởng An đã biết tin, cố nén nỗi đau của mình, an ủi:

- Thôi An đừng buồn. Chết, là được an phận, là rũ hết nợ nần. Chỉ tội cho người ở lại. Bây giờ tôi hối hận là trước kia mãi mê đi đây đi đó, ít chịu ở nhà để phụng dưỡng, hầu hạ mẹ. Mẹ tôi chỉ thương anh Phúc, xem tôi là đứa con hư. Đáng lý phải hiếu mẹ, tôi lại oán. Lần cuối cùng, mẹ tôi dọn cơm lên, ăn nửa bữa, tôi cãi lại mẹ tôi, quăng đĩa bỏ đi. Mẹ tôi mếu máo chạy theo ra đến ngõ, dúi vào túi tôi mấy quan tiền. Tôi nhận tiền của bà cụ, nhìn nét mặt nhăn nheo cầu khẩn, thương mẹ tôi quá. Nhưng không hiểu sao tôi lại rút tay mẹ tôi ra, bỏ đi một mạch. Tôi đâu còn cơ hội nào, để trở về cúi lạy mẹ tôi, xin mẹ tha tội. Chết là hết. Bà cụ chết mà vẫn đình ninh tôi là đứa con ngỗ ngược, bất hiếu...

Lợi nói một mạch, không chú ý sự kinh ngạc của An. Lợi càng nói, An càng thấy rối rắm, không hiểu gì. Cô chỉ hiểu Lợi vừa mất mẹ. An thắng thốt hỏi:

- Em chưa hiểu gì cả. Bà cụ mất hồi nào? Anh Phúc nhận tin lên đây à?

Đến lượt Lợi ngạc nhiên, Lợi hỏi:

- Vậy An chưa biết tin sao?

- Tin gì?

- Chúng nó giết cả nhà tôi rồi.

- Anh nói sao! Chúng nó là ai?

- Tội quân phủ. Chúng nó nghi anh Phúc còn làm việc với ông biện, nên giết cả nhà tôi.

- Tin tức đã chắc chắn chưa? Ai cho anh hay?

- Tên tù binh ta bắt về hôm nọ. Nó khai hết, khai cả các đồn lũy đóng dọc theo quan lộ để phòng ta đánh xuống. Đêm qua tôi đem phát cho nó cái chiếu, nhân tiện hỏi quê quán. Nó khai người Xuân Huê. Tôi hỏi thăm chuyện nhà, mới biết tin dữ. Tôi sợ nó lừa, hỏi đi hỏi lại nhiều lần, nó nói không khác trước. Tuy ở khác xóm, nhưng nó biết rõ mẹ tôi, và vợ chồng anh Phúc. Nó còn biết cả đến chuyện mẹ chồng nàng dâu thường xích mích nhau nữa!

An buột miệng nói:

- Như vậy là chỉ còn một mình anh trên đời.

Lợi buồn rầu nói:

- Phải. Một mình trên đời. Tôi không còn chỗ nào để về nữa.

Hai người đều im lặng, và rùng mình nghĩ đến thân phận cô cút, cuộc sống trôi dạt... An thấy lòng

ngủ ngủ. Cô thương hại Lợi, thương lây đến cả đám cỏ bị dẫm nát trên lối đi, đám lửa heo hút trong bếp, làn khói mỏng tan loãng giữa gió lạnh. Cô đắm đắm nhìn Lợi, bắt gặp một cúc áo bị sút chỉ tạm ghim lại qua loa bằng cái gai khô. Giọng An dịu dàng, trù mền hỏi:

- Anh cần khâu lại cái cúc áo không?

Lợi vội đưa tay lên che chỗ cúc áo bị mất, bối rối đáp:

- Tôi vô ý quá. An có kim khâu, cho tôi mượn. Tôi quen tự ý làm mọi việc.

An cảm thấy không nên đi quá cái mức vô hình cần thiết. Từ lâu, cô biết mình không còn có thể cười nói tự nhiên với Lợi như thời còn ở An Thái nữa. An phải giữ gìn ý tứ. Cô đã mười bảy tuổi đầu. Cho nên An vào nhà lấy kim chỉ đưa cho Lợi, rồi dặn:

- Anh cần gì, ý em nói cần kim chỉ hay những thứ vật vãnh ấy mà, có thiếu thứ gì thì cứ đến nhà em.

Trong một phút dào dạt lòng thương hại và cảm động bỗng bột, An quên mất rằng, đáng lý An phải nói ngược lại. Đáng lý Lợi ân cần căn dặn: "Cô có cần bất cứ thứ gì, dù là vật vãnh như cây kim sợi chỉ thì cứ đến tìm tôi". Mà thực ra Lợi đã từng căn dặn An nhiều lần câu ấy.

Từ lâu việc quản lý thu chi, tính toán sổ sách, xuất nhập kho - nghĩa là trăm nghìn thứ công việc đòi hỏi sự chi li cẩn trọng và kém hào hứng nhất - được ông biện giao khoán cho Lữ và Lợi. Dĩ nhiên Lợi chỉ đóng vai phụ tá. Nhưng quản lý tài chánh không phải chỉ là nhắm mắt cúi đầu vâng theo những nguyên tắc chết, nép mình loanh quanh trong cái khuôn hẹp. Nó còn đòi hỏi sự uyển chuyển, thích nghi, và lòng can đảm. Những điều kiện ngoài khuôn phép này, những du di bạo dạn mà có tính toán như vậy, Lữ quá thiếu còn Lợi thì quá thừa. Trong nhiều trường hợp khó khăn, phức tạp, nhu cầu có ngay lương thực, ứng trước cho người đắp thành, cần thưởng ngay cho một món tiền cho kẻ đạt kỷ lục vỡ hoang, cần biếu ngay vài bao muối cho một thợ săn người Bana để giữ mối thịt rừng, Lữ còn dăm chiêu lúng túng thì Lợi đã có sẵn giải pháp. Dần dà Lữ chỉ còn cái chức hàm. Mọi việc quản lý đều ở trong tay Lợi, từ sợi chỉ cho đến con voi. Nắm giữ quyền hành quyết định mọi sự, nhưng lại khéo léo giấu mình trong cái vẻ ngoan ngoãn của thuộc cấp, dành cho cấp cao niềm hãnh diện được quyết định tối hậu, bằng lòng ở hậu trường cho kẻ khác ra sân khấu, có lẽ bí quyết sự thành công của Lợi là ở nghệ thuật xảo diệu đó.

*

* *

Phải công nhận rằng Lợi múa dẻo là nhờ mặt đất bằng phẳng. Mục điều hòa kinh tế tài chánh là thước đo của tình trạng xã hội. Suốt hai năm Tân Mão (1771) và Nhâm Thìn (1772), tình hình sinh hoạt và an ninh của Tây sơn thượng ngày một khả quan. Nhìn lại những chặng đường đã qua, đôi lúc chính biện Nhạc cũng không tin sức người có thể một mình vượt qua được bấy nhiêu gian nguy, biến động. Cái ý niệm "lòng trời" ban đầu là câu cửa miệng của Chi (một tên thầy cúng bị truy lùng về tội lừa lọc, trốn lên nương náu Tây sơn thượng) dùng để nhỉnh bợ, tán tụng biện Nhạc. Dần dà về sau, hơi ngợp trước tầm lớn rộng của quyền hành, trách nhiệm, phần nào thiếu tự tin trước các thành quả đạt được, biện Nhạc ưa dùng "lòng Trời" để giải thích điều tốt đẹp, khích lệ đám đông chịu đựng gian khổ khó khăn, hoặc che giấu các lỗi lầm lãnh đạo. Ông biện ưa nói: "Không có Trời thì thế này...không có Trời thì thế kia". Người nghe ôn lại

những ngày nhọc nhằn, lo âu đầu tiên, rón rồn một lối giải thích, nhưng vì trí óc đơn giản không cho phép, ai cũng dễ dàng chấp thuận gợi ý của biện Nhạc. Họ thầm cảm ơn Trời đã không xô giạt họ, xua đuổi họ, truy lùng họ từ chỗ này đến chỗ khác như bọn người dưới đồng bằng, dẫn dắt họ đến một thung lũng ấm, ban cho họ một niềm hy vọng. Không có Trời thì... không có Trời thì... họ an tâm khi nhắc đi nhắc lại những lời giả thiết đã nhuộm màu sắc tôn giáo, tuy riêng rẽ từng người chưa ai tưởng tượng được hình dạng ông Trời ra sao! Trong hai năm, đám người xiêu giạt chạy lên Tây Sơn thượng quá đông đảo. Cuối năm Thìn, con số đã lên trên dưới ba nghìn. Thành phần của họ lại hết sức ô hợp, phức tạp. Đa số là những nông dân bần cùng, dù nhịn nhục tối đa vẫn không chịu đựng được gánh nặng sưu thuế, sự hống hách của thổ hào, sự chèn ép của chức sắc. Những năm mưa thuận gió hòa, họ cắn răng chịu đựng để có miếng ăn. Trận đói năm Tí (1768) về hòa với lũ chức sắc, thổ hào, đuổi họ khỏi làng. Họ lang thang khắp nơi. Nghe tin chỗ nào có cái ăn là ùa nhau tới. Họ họp thành nhóm, che chở giúp đỡ nhau chống cự lòng ích kỷ, đồ kỵ của những kẻ còn no. Nhiều khi nhờ dựa hơi nhau họ liêu lĩnh ăn trộm, ăn cướp thóc lúa, khoai bắp. Miếng ăn lôi cuốn họ dần về phía nam, rồi sự tàn ác bất nhân của đồng loại xua họ lên phía tây.

Số còn lại - theo ngôn ngữ của bọn đạo đức giả đầu óc vừa hẹp hòi, vừa lười lĩnh - là những thành phần bất hảo, bọn vô lại. Có kẻ mang tội giết người. Có kẻ ăn trộm, kẻ cướp đường vượt ngục. Có kẻ mang công mắc nợ trốn đi. Cũng có người mang một mối hận nào đó, tuyệt vọng đem cuộc đời mình hoang phí nên tìm đến chỗ nước độc rừng sâu để chết dần chết mòn cho xong kiếp. Có người hết đường lừa lọc tìm đến chỗ hẻo lánh để lại thử thời vận. Và cũng không thiếu người phần lớn là trai tráng khỏe mạnh, không chịu cuối đầu nhún nhường như lớp chú bác, anh chị, quyết đi tìm một nơi tụ nghĩa để thực hiện giấc mộng công bằng, tự do còn hết sức mơ hồ của mình.

Bấy nhiêu con người khác nhau quá chừng về cá tính, hoàn cảnh cùng gặp nhau ở Tây Sơn thượng như một sự tình cờ, sống chen chúc bên nhau, nhà này kể với nhà kia, nép nhau nương nhau chống chọi với khí núi, đói khát, bệnh tật; rồi lại đánh nhau, chém nhau vì những chuyện cùn con! Cái tài buôn nguồn của biện Nhạc thật chưa đủ để đối phó với thực trạng rối bời này. Nhưng như người ta thường nói: "Có gió bão mới biết được cây cứng", biện Nhạc có những khả năng thích nghi, nhạy bén và quyết đoán nhanh chóng, nên lớn kịp với đòi hỏi. Các biến cố dồn dập tới vừa thử thách vừa kích thích ông. Ông vận dụng tất cả năng lực ra để đối phó, và sau mỗi biến cố, ông biện mừng rỡ thấy mình dồi dào thêm sinh lực, tinh thần sáng suốt hơn, dư sức chờ đón một biến cố mới.

Ông chỉ chủ động ở cái thế phòng vệ, đối phó, còn dòng cuốn của các sự kiện thì ở ngoài tầm tay của ông. Dù có muốn, ông cũng không thể đi ngược với một thứ xu thế huyền bí, lạ lùng mà ông chưa hiểu thấu. Chẳng hạn cách thức tổ chức đời sống ở Tây Sơn thượng. Có những ràng buộc mà ông biện không thể thoát khỏi. Tuy là những ràng buộc vô hình, ngầm hiểu với nhau. Ông phải tổ chức đời sống theo cách nào đây? Mô phỏng lối xếp đặt phân công của một trạm buôn nguồn chưa tới hai mươi người như ngày trước được không? Đưa mấy nghìn con người sống du canh, an cư như người Thượng được không? Ông biện hiểu là trách vụ mới không đơn giản, quyết định của mình liên quan đến sự sống chết của nhiều người. Gánh nặng của trách nhiệm là thứ ràng buộc. Còn có một ràng buộc khác chặt chẽ hơn, là ước vọng thầm kín của mọi

người, trong đó có cả ước vọng của ông. Cũng như họ, ông không thể chấp nhận lối tổ chức, lối cai trị của bọn quan lại tham lam, tàn ác bên kia đèo. Ông và cả gia đình đều là những người tị nạn. Mô thức xã hội mà ông dựng lên ở thung lũng cô lập này, dù lớn dù nhỏ, đúng sai thế nào, nhất định không được bắt chước y guồng máy kèm kẹp và bóc lột dưới kia. Phải làm khác đi. Không thể thì ta lên đây làm gì, thà nhả nhục đi thu thuế cho quan phủ!

Nhạy bén ý thức được những ràng buộc đó, biện Nhạc đã tránh được những sai lầm trầm trọng. Trong tiểu tiết, có cái lầm lẫn, có những biện pháp ngây thơ hay vội vã. Nhưng thời kỳ ổn định ở Tây Sơn thượng, ông đã đi đúng hướng. Một mặt ông đáp ứng được khao khát được sống đúng nghĩa của đám đông, sống trong công bằng và được bảo vệ trọn vẹn nhân phẩm. Một mặt ông khéo léo hóa giải được các sức đối kháng, biến nó thành lưng chừng vô hại. Mặt khác, nếu cần thiết ông cũng mạnh bạo tiêu diệt các mầm bạo loạn, các phần tử ngoan cố nguy hiểm. Mỗi đe dọa thường trực bên kia đèo tiếp tay cho ông duy trì trật tự, vận động sức người xây thành đắp lũy. Các phần tử bị xếp vào loại vô lại không dám tỏ dấu hiệu phóng túng, đám đông để mắt theo dõi họ, cảm hóa họ, nhân danh quyền lợi chung. Huệ tổ chức trai tráng thành đoàn đội, ban ngày tham gia sản xuất, ban đêm luyện tập võ nghệ, chẳng bao lâu, lực lượng đó trở thành nòng cốt trong mọi công tác. Thận được giao việc mở rộng khu lò rèn để đúc thêm lưỡi giáo mác đao kiếm. "Cái uy" lộ liễu của Năm Ngạn cộng với kinh nghiệm canh tác của Hai Nhiều, khiến việc khẩn hoang, trồng tía tốt đẹp. Mỗi giao thiệp công tác với người Thượng khả quan, do chân tình của biện Nhạc cũng có, mà do những mưu kế nặng mùi thầy cúng của Chi cũng có. Đẳng nào thì vụ đột kích giả danh người Thượng do Huệ chủ trương đã kéo hẳn các buôn Thượng về phe Nhạc, họ không thể đứng làm khách bàng quan như trước.

Tất cả các tiến triển thuận lợi ấy phản ánh qua tình hình thu chi ổn định, đến nỗi Lợi tưởng mình là người khéo múa, là kẻ đa năng. Lợi tưởng toàn thể năng lực của đời mình đã được sử dụng đúng chỗ, đúng lúc, không còn có thể mơ ước điều gì cao hơn nữa! Lợi không cần chờ lâu, để thấy sự lầm lẫn của mình.

*

* *

Những đêm nằm nghe tiếng bọn trai tráng reo hò luyện tập ở khu đất trống cách không xa nhà ông bao nhiêu, ông giáo thường hoang mang, với vô số câu hỏi. Quanh ông đang có những chuẩn bị rộn rã đòi hỏi từng người phải dốc hết sức mình. Dường như cả vạn vật cũng thao thức, đêm đêm thoát khỏi cái vỏ vô tư, rì rầm khai hội. Nhịp sống nhanh hơn, nô nức vươn cao quá tầm cho phép của tự nhiên. Ông giáo không thể đứng ngoài không khí nô nức chung, hơn nữa chính ông góp phần không nhỏ để đẩy nhanh nhịp sống ấy. Nhiều hôm ông làm việc quên cả thời gian. Lúc ông nghỉ ngơi, nằm một mình lắng nghe gió thổi bên kia mái lá, những câu hỏi lại quấy nhiễu ông. Rộn rã chuẩn bị mọi mặt để làm gì đây? Phải bước đi đâu nữa? Biện Nhạc trả lời ngay cho ông giáo, chấm dứt những ray rức không kịp thời.

Vào khoảng cuối tháng 11 năm Thìn (1772), một hôm ông biện lưu ông giáo lại ăn cơm tối, "nhân tiện muốn làm bàn với thầy một việc rất quan trọng". Theo kinh nghiệm, ông giáo biết mỗi lần "nhân tiện" như thế, tất có những quyết định ảnh hưởng đến cuộc sống Tây Sơn thượng.

Bữa cơm rượu thịt ê hề, có đầy đủ những nhân vật nòng cốt của trại. Nhưng sau khi no say, biện Nhạc chỉ giữ ông giáo và Chi, tên thầy cúng, ở lại uống trà. Chờ cho Huệ đi đóng tất cả cửa lớn cửa sổ của nhà khách lại xong, biện Nhạc mới nói:

Câu chuyện tối nay, tôi không muốn cho ai biết ngoài ba chúng ta. Hai vị về tuổi tác cũng như hiểu biết đều xứng đáng là bậc thầy của anh em tôi. Ý kiến hai thầy về chuyện tôi sắp nói như thế nào, xin cứ nói thẳng cho tôi biết. Đừng vị nể, sợ mất lòng mà nói nhẹ đi hoặc không nói gì hết.

Chi hất đầu ra phía sau, lấy điệu bộ trang trọng khách sáo nói:

- Được ông biện tin cần là một vinh hạnh lớn lao cho hai chúng tôi rồi. Xin ông biện đừng ngại. Chỉ sợ hiểu biết của chúng tôi nông cạn, phụ lòng mong đợi của ông biện mà thôi.

Nét mặt biện Nhạc đột nhiên sa sầm. Nhưng ngay sau đó, ông trở lại vồn vã, hòa nhã. Bằng lối nói nửa đùa nửa thật, biện Nhạc nói với ông thầy cúng:

- Vâng, thì tôi không ngại, tôi vâng theo ý thầy đấy nhé. Thầy lấy sự tin cần mà đãi tôi, thì tôi cũng lấy chân thật mà thưa với thầy rằng: từ lâu, lâu lắm rồi, tôi không vui khi người ta gọi tôi là "ông biện". Quý giá gì cái chức biện quèn, chuyên đi bóp hầu bóp họng dân đen lấy thuế nộp cho quan trên! Ngay từ lúc này, xin gọi tôi... gọi tôi khác đi. Tôi là con đầu, thôi, cứ gọi tôi là Ông Cả. Thầy thấy thế nào?

Chi hơi ngượng, cố cười giả lả, mau mắn đáp:

- Dạ, dạ đúng lắm. Ông biện... ấy chết, tôi quên... Ông Cả nghĩ thế là phải. Mình đâu còn là tên thu thuế của triều đình nữa. Quý gì cái chức biện lại Vân Đồn!

Nhạc quay về phía ông giáo, lễ phép hỏi:

- Thầy về khuya, có dặn các cô các chú ấy đừng đợi cửa không?

Ông giáo biết Nhạc muốn đổi lối nói trang trọng giả tạo ra chân tình đơn giản, nên đáp gọn:

- Tôi đã dặn rồi.

Nhạc gật đầu nói:

- Thôi thì chúng ta có thể nói chuyện đến khuya. Chuyện như thế này. Tôi định sau cái Tết Tỵ (1773), chúng ta xuống núi. Chẳng lẽ cứ bó gối ở chỗ xó rừng này mãi. Phải về lại đồng bằng cho anh em thăm lại bà con, gần gũi với họ hàng. Ai ở đây không mong trở về đồng bằng. Tôi cũng vậy, mà chắc hai thầy cùng vậy. Nhưng về như thế nào? Gióng trống hô lên một tiếng, chắc chắn mấy nghìn người chúng ta ùn ùn đổ xuống đèo thì không có gì ngăn chống được. Tôi tin chắc điều đó. Nhưng đã giống trống thì phải giương cờ, nếu không, chúng ta chẳng khác nào một đám cướp núi ô hợp. Cờ gì đây? Xin hai thầy nghĩ hộ cho.

Ông giáo ngạc nhiên về sự đơn giản của một quyết định quan trọng như vậy. Tất cả đều gãy gọn, không thể khác được. Có gì bấy lâu ông cứ hoang mang trăm trở. Mọi người đều náo nức khi nhìn xuống chân đèo, chỉ tro cho nhau phương hướng quê nhà. Phải về thôi. Ra đi bất đắc dĩ, đến lúc bình thường, liền nghĩ đến tiếng "về" thân ái từng ấp ủ bao đêm. Về, phải về. Ý nguyện thầm kín, khao khát nung nấu của mọi người không ai cưỡng lại được. Nhưng về thế nào? Trở lại quỳ gối làm kẻ nộp thuế, đóng sưu cho đầy túi tham của tên quốc phú? Không, không đời nào. Mối hận canh cánh bao năm đột nhiên vùn dậy, khiến mắt ông giáo hoa. Máu nóng rần rật trong người ông. Dứt khoát không. Ông nhớ đến cái chết của quan nội hữu

Trương Văn Hạnh bạn ông, nhớ đến những âm mưu nhơ nhuốc ở kinh thành. Thật đúng là một cuộc hoán vị bỉ ổi. Ngọn cờ nào đây? Ông giáo muốn ngộp thở vì ý tưởng vừa đến trong đầu óc ông. Sợ ông thầy cứng tranh mấy cơ hội, ông giáo hấp tấp nói:

- Lòng dân đều hận tên quốc phó Trương Phúc Loan. Giương cờ diệt trừ tên loạn thần đó thì ai mà không mừng rỡ chào đón. Xưa nay không thiếu những bậc anh hùng dám đứng lên diệt loạn thần phò minh chúa, sử sách còn ghi tên cho đời sau.

Nhạc vội hỏi:

- Ta phò minh chúa nào?

Ông giáo đáp không cần suy nghĩ:

- Ta phò hoàng tôn. Đức Mục yếu mệnh, không thể nối được ngôi của Đức Hiếu Võ, thì đứng ra phải tôn con trưởng của Đức Mục lên ngôi. Chỉ tại tên loạn thần...

Nhạc không thể giữ bình tĩnh, cướp lời ông giáo:

- Thầy vừa nói hoàng tôn nào?

- Hoàng Tôn Dương, con trưởng của Đức Mục. Tôn phù như vậy mới đúng chính thống.

Nhạc hỏi lại:

- Hoàng Tôn Dương? Hoàng Tôn Dương? Có phải cái tên "chị Dương" thầy kể độ trước không?

Ông giáo vui mừng đáp:

- Chính phải. Hoàng tôn mới đúng là...

Tiếng cười ha hả của Nhạc khiến ông giáo khựng lại, ngơ ngác. Nhạc cười đến gập người lại, mất hẳn vẻ nghiêm trang. Ông giáo nghiêm nét mặt, cố ý tỏ sự bất bình. Nhạc cố nhịn cười để nói, nhưng lại bật cười ha hả lần nữa. Ông thầy cứng chưa hiểu gì cũng cười góp. Một lúc sau, Nhạc vừa cười vừa giễu cợt:

- Xin lỗi thầy. Tôi vô phép quá nhưng không thể nín cười được. Thầy nghĩ mà coi, mình hết đường rồi hay sao mà lại đi nhờ "chị Dương". Thờ... chi cái thằng... không có... cu! Ha ha...

Ông giáo giận tím người, từ đó ngồi im không nói nữa. Nếu có thêm chút can đảm, ông đã đứng dậy bỏ về. Ông tự trách đã yếu đuối, hèn nhát, vô liêm sỉ nên mới ngồi lại.

Tên thầy cứng lấy được tự tin sau khi đối thủ bị loại, nên đề nghị:

- Ta nên dựa vào "lòng Trời". Không có Trời thì ta không sống được đến ngày xuống núi đâu. Diệt tên loạn thần cũng là hợp ý trời. Đưa cao "ý Trời" lên, ai mà không theo!

Nhạc lắng nghe, suy nghĩ một lúc lâu chưa nói gì. Chỉ lễ phép và kiên nhẫn đợi. Nhạc chậm rãi nói:

- Trời. Lòng Trời. Được lắm. Nhưng Trời xa, cao quá. Dân đói khổ kêu Trời đâu có thấu. Nhiều người còn oán Trời không có mắt nữa. Cần cái gì gần gũi hơn, quen thân với mọi người hơn.

Chỉ e dè nói:

- Hay ta nhân danh "Trời và Đức Thầy Cả"^[1]. Nói chữ, thì "Trời và Đức Thượng Sư". Vâng ý trời và Đức Thượng Sư, ta hãy diệt tên loạn thần tàn bạo!

Giọng tên thầy cứng rất giống với lối hát tuồng khi nói đến câu cuối cùng. Nhạc cười ha hả:

- Ý thầy lạ lắm. Để tôi ngâm lại xem. "Trời và Đức Thầy Cả!" "Trời và Đức Thượng Sư!" Thầy Cả, Thượng Sư. Tôi ưa "Thầy Cả" hơn, nôm na dễ hiểu. "Thượng Sư", giống cái bọn đầu trọc trốn cày cuốc sưu dịch, núp vào chùa quá!

[\[1\]](#) Trong thư của Đức Cha Diego de Jumilla viết cho cha Jean Salguero vào ngày 15-2-1774 có viết: Chúng sai người tuyên truyền khắp các làng rằng chúng không phải là bọn đầu trộm đuôi cướp, mà “Trời và Đức Thầy Cả” sai xuống để chiến tranh. (Trích lại tập san Sử Địa số 21. 1971)

Chương 15

Suốt thượng tuần tháng chạp, sức khỏe ông giáo suy giảm. Khí hậu mùa đông ở thung lũng cay nghiệt với người có tuổi. Sương buổi sáng tan chậm, và quá trưa một chút gió lạnh buốt từ rừng bủa về mang theo hơi ẩm của bao tầng lá chết mục. Giấc ngủ ông chập chờn, nên mỗi sáng, thay vì được sảng khoái chờ đón một ngày mới, đầu óc ông cứ ngầy ngật, bần thần. Hễ gió chiều bắt đầu lay động mái nhà thì hai bả vai ông mỏi rần, hơi thở khó khăn. Trạng thái choáng váng, bồi hồi thật giống như một người đang mải mê leo núi, bất chợt quay lại thấy mình đang ở một nhòm đá chênh vênh ngay bên bờ vực sâu.

Tuy thông hiểu y lý, ông giáo không hiểu mình mắc chứng bệnh gì. Những dấu hiệu của tuổi già ư? Vâng, ở cái tuổi 53, ít người giữ được sự cường tráng và lạc quan. Nhưng mắt ông còn tinh tường, mỗi lần bóp nhẹ lên má, lên ngực và cánh tay, ông thấy bắp thịt chưa nhẽo. Ông chưa thuộc vào hạng lão nhược sớm đến thế. Vậy mà đột nhiên ông cảm thấy mệt mỏi, nỗi buồn chán vu vơ cứ lảng vảng bên trí. Ông không muốn đi đâu cả, suốt ngày hết nằm đã dợm lại đến ngồi bên bàn, chén nước để lạnh, vầng trà in một vết ngấn trong lòng chén.

Có lẽ ông cả (từ đêm hôm ấy, ông giáo chiều theo ý Nhạc, đã thôi không gọi "ông biện" như trước) thông cảm sự đau ốm do thời tiết của ông giáo, nên dù trại rất nhiều công việc, ông cả để yên cho ông giáo nghỉ ngơi. Mọi việc, kể cả những vấn đề phức tạp trước đây cần có ý kiến của ông giáo, đều do ông cả tự lo lấy hết.

Thỉnh thoảng ông cả có xuống thăm ông giáo, lần nào cũng hỏi han ân cần, chú ý lo lắng đến từng thiếu thốn nhỏ nhất, như cái khăn lau mặt đã sờn rách cần phải thay, cái gối quá thấp chưa đủ đỡ vai người yếu... Dường như không muốn quấy rầy người bệnh bằng các chuyện phức tạp, ông cả tuyệt nhiên không đề động gì đến chuyện trại nữa. Ông giáo vừa mừng vừa thắc mắc, và cũng như những lần không tìm ra được duyên do tâm trạng choáng váng, ông buông xuôi, không gắng sức tìm hiểu.

Một hôm Huệ vâng lệnh anh mang xuống biếu ông giáo một hộp nhân sâm. Nghe con gái báo là có Huệ đến, tự nhiên ông giáo cảm thấy tâm hồn nhẹ nhàng hơn. Ông ngồi bật dậy, gần như rộn rã vì kỷ niệm những đêm canh lúa dưới An Thái, những buổi thầy trò một già một trẻ cùng quên tuổi tác cách biệt, bàn luận sôi nổi về đủ vấn đề, xét lại tận cội rễ những giá trị tưởng như vững chắc hiển nhiên, để rồi cuối cùng vẫn quanh quẩn trong hoài nghi. Ông thích được nhìn đôi mắt tự tin nhờ vẻ giấu cột, mảng tóc hơi quăn phủ ở góc trán, thích nghe giọng nói ấm và sang sảng rành rọt từng tiếng của Huệ. Sự sôi nổi của Huệ khiến ông giáo quên hết cảm giác bệnh hoạn bấy lâu, và từ lúc nào không biết, ông ngồi xếp bằng ngay ngắn đỉnh đạc trên phản giữa luồng gió rừng với một manh áo mỏng trên người, chăm chú nghe Huệ nói:

- ... Còn chuyện này nữa, con không biết phải nói thế nào cho anh con hiểu. Lão thầy cúng bẻm mép đó huyền thuyên đủ điều nhưng điều căn bản phải định rõ trước tiên là: ta muốn gì? Muốn làm một bọn cướp núi cỡ như bọn Lương sơn bạc bên Tàu à? Hay muốn làm một đám cướp lớn hơn, lâu la kẻ hàng vạn

người, đi đến đâu chân dẫm không chừa một ngọn cỏ? Dùng phù phép để lôi cuốn người Thượng, tạm cho là được đi. Dùng sấm để dụ hoặc kẻ ngu, cũng được. Rồi sau đó ta làm gì nữa? Tất cả chúng ta phải học làm thầy cúng để tiếp tục lừa dối thiên hạ hay sao? Đấy, theo ý con thì khi nào chưa hiểu ta muốn gì, thì cứ lúng ta lúng túng, lúc làm cái này, lúc lại làm ngược lại.

Muốn làm một bộ cướp lớn à? Cướp của ai? Bao nhiêu năm thầy sống dưới Tuy Viễn, thầy ước tính xem có được bao nhiêu nhà giàu để ta cất công khổ nhọc từ đây xuống dưới đó cướp của? Số của cướp được đủ nuôi ba nghìn người chúng ta được bao nhiêu ngày? Vét hết túi bọn nhà giàu rồi, thì làm gì đối với dân nhà nghèo? Lột những cái khố rách của họ à? Cướp mấy cái nôi đất không dính một hạt cơm của họ à? Rồi đâu phải mình rảnh tay để lột áo thiên hạ! Quân phủ còn đó. Bọn cai tổng, xã trưởng, bọn thu thuế còn đó. Giáo mác, voi ngựa của chúng chờ ta bên kia đèo. Biết bao người khổ sở, bỏ xứ kiếm ăn, xiêu tán lên tận đây, vì ai? Vì giáo mác, voi ngựa, quan quân chúng nó! Giả sử mình đủ sức dẹp được chúng nó, thu hết voi ngựa, giáo mác, chuyện này con nghĩ không phải khó nhưng cũng không phải dễ, giả sử mình đánh bại quân triều, đuổi hết được lũ chức sắc đi, lúc đó mình làm gì nữa? Lại dùng giáo mác đó dí vào lưng vào cổ dân đen để bắt nộp thuế à? Lại dùng voi ngựa đó để xênh xang cho sang trọng à? Bây giờ, thiên hạ sẽ nghĩ: ờ, tưởng có gì lạ, hóa ra chỉ thay người đóng tuồng mà thôi. Cũng bấy nhiêu mặt mũi, râu ria, áo mũ ấy thôi. Đó, con nghĩ lung tung như vậy, nhưng làm sao nói được với anh con bao nhiêu chuyện đó như con nói với thầy. Nhiều bữa chỉ có hai anh em, con muốn nói lắm, nhưng cuối cùng không nói được. Có lẽ so với anh cả, con nhỏ tuổi hơn nhiều. Nhưng thầy còn lớn hơn anh con trên một giáp, tại sao con nói được!

Sự phấn khích hiếm có của Huệ như một đợt sóng, cuốn đi tất cả những giả dối, e ngại, khách sáo thường bập bềnh trên mặt cách xử thế, để dưới ánh sáng của trí tuệ, chỉ còn lại lòng chân thành trong suốt, ai ai cũng có thể nhìn đến tận đáy lòng của nhau. Ông giáo hết sức thú vị vì tìm lại được hình dáng đứa học trò cũ, tuy lần này, Huệ đặt ra cho ông một vấn nạn phức tạp nan giải hơn trước. Không dễ gì mà giải đáp ngay cho Huệ! Ông phải tìm kế hoãn binh vậy! Nước phèn mau chóng làm ôi màu trà, từ chất vàng tươi ngả sang đỏ úa. Lốp váng nổi lên mặt tách trà làm rỉ những tách sứ trắng, quà tặng của ông cả. Ông giáo định quay xuống bếp gọi An thay bình nước. Nhưng thấy vẻ bẽn lèn của Huệ, nhìn theo mắt cậu học trò yêu, ông thấy từ thật lâu, An vẫn lấp ló ở cửa thông để nghe lén câu chuyện. Huệ bối rối, vì bấy giờ mới thấy hết nhiệt tình thái quá của mình, hơn thế nữa, anh nhận ra rằng không phải chỉ có một mình ông giáo lắng nghe anh nói. Huệ mất cả tự nhiên, ngồi ngay lưng trên ghế trước cái phản con, loay hoay chưa biết phải làm gì nữa trong chờ đợi. Ông giáo vẫn trầm ngâm chưa nói gì. Một lúc sau ông bảo Huệ:

- Anh nói nhiều điều hợp lý. Phá hư một cái gì đó nhỏ nhỏ dễ vỡ như cái chén mỏng này chẳng hạn, tuy không khó bao nhiêu nhưng cũng phải nhọc chứ. Dễ nhất cũng phải đưa tay gạt nó xuống đất. Giận dữ nổi lên, có người dám dùng hết sức xáng mạnh nó vào tường. Người khác sợ những mảnh vỡ nguy hiểm, lại phải mất công quét dọn, đưa chổi xuống tận gầm giường để thu vén từng mảnh li ti. Bấy giờ người lỡ giận đập vỡ cái chén, nếu hẵn còn lương tâm, phải thấy mình lỗi bịch, và hối hận chứ. Hẳn phải nghĩ thầm: Giá mình chỉ thả nhẹ cái chén cho nó vỡ từng mảnh lớn, hoặc tốt hơn hết là đừng đập nó đi, thì khỏi phải làm buồn phiền vợ con, giá giữ được bình tĩnh có hay hơn không? Anh nói đúng, phá thì dễ, nhưng những việc

cần làm sau khi phá xong đấy mới là cái khó. Đập vỡ xong cái chén, còn bao nhiêu chuyện phải làm nữa! Vợ chồng kinh cãi nhau, phải tìm cách làm lành thế nào đây. Con cái thấy cha giận dữ, nem nép lo âu hoặc xa lánh đi chơi chỗ khác, làm thế nào cho chúng bớt sợ, trở lại quanh quẩn quyến luyến bên mình như trước. Giải thích thế nào với láng giềng về những tiếng quát tháo, đồ vỡ bất thường. Đây, tôi lấy một ví dụ nhỏ thế, để anh hiểu tôi đồng ý với anh. Anh nói đúng. Phá dễ thôi, làm gì sau khi phá mới khó. Nhưng anh Huệ này, anh có thấy là việc trước và việc sau không phải chỉ là nguyên do và kết quả diễn tiến tuần tự rành rẽ, mà chúng còn có ảnh hưởng qua lại với nhau không? Giống như trò ném thia lia. Mảnh sành ta ném chéo cho lướt nhiều lần trên mặt nước tạo ra vô số phản ba, và những phản ba ấy lại va đập vào nhau, đôi lúc gây những đợt sóng lớn đủ làm chùn sức lướt của mảnh sành kế tiếp. Anh và tôi không bàn đến trường hợp những kẻ cuồng sát, những tên cướp của hung bạo, cái não bọn họ không lớn hơn hạt đậu. Ta bàn chuyện của những kẻ có hiểu biết, có trách nhiệm, cân nhắc lợi hại trước khi ném chết một con chuột hôi. Cho nên lòng vòng xa xôi rồi cũng phải đến điều mấu chốt này: Tuy dự định ta sẽ làm gì sau khi phá, mà ta chọn một cách phá thích hợp. Nếu chưa biết làm gì cả, thì đừng phá còn hơn. Nếu e làm rách lòng vợ con, thì rán chịu nhịn đừng gạt cái chén xuống đất.

Huệ nóng nảy nói:

- Nhịn nhục làm sao được hờ thầy! Nếu chịu quì, thì con và thầy đâu gặp nhau ở đây. Mấy nghìn con người kéo nhau làm gì lên cái đất khi ho cò gáy này.

Ông giáo đoán trước được phản ứng của Huệ, nên cười nhỏ một tiếng, bảo:

- Đây. Không nhịn được nên phải cưỡng chống lại, tìm cách phá đổ, loại bỏ mối đe dọa nguy hiểm đi. Phá đi xong, ta dựng lại cái mới. Và chính ở điểm nòng cốt này này, tùy cái mới ta định dựng lên thế nào mà cách ta phá biến đổi. Cái nhà ta đang ở dột nát ẩm thấp quá, ngột ngạt khó thở quá, không chịu được nữa. Kẻ thất phu ngu muội có thể trong một phút bốc đồng nào đó, cho nó một mối lửa. Còn chúng ta, chúng ta phải tính kỹ trước khi hành động. Nhà dột thật đấy, nhưng nếu rui mè còn tốt thì ta chỉ việc thay tranh thôi. Cả rui mè cũng mục nát cả thì liệu có nên bứng luôn mấy cây cột gỗ lim đi không? Cột kèo cũng bị mối mọt đục ruỗng đi ư? Thì phải coi lại thử cái nền có cần đào lên không? Trong khi dỡ mái xuống, đào cột lên, xáo cái nền nện lại cho vững, mấy cụ già hay se mình như hạng tôi, với mấy đứa nhỏ hay âm đầu đi tướt nường tạm ở đâu? Cho đến bao giờ? Bếp che ở chỗ nào? Chiếu ngủ trải chỗ nào? Đây, phải chú trọng đến nhu cầu liên tục của đời sống.

Huệ dăm chiêu nghĩ ngợi. Rõ ràng ông giáo đã đẩy anh vào một đám mù sương. Sau một lúc im lặng, Huệ hỏi:

- Theo ý thầy, cái nhà ta đang ở đã bị ruỗng nát đến đâu rồi. Chỉ dột sơ sơ, hay đã mục đến chân cột?

Nếu phải trả lời ông cả, thì nhất định ông giáo dè dặt. Với Huệ, ông giáo không dè dặt chút nào. Ông nói thẳng ý mình:

- Tôi cho rằng bọn bè đảng Trương Tần Cối ở Phú Xuân chỉ mới đục khoét hư hại đến rui mè. Sự nghiệp gây dựng qua tám đời chúa suốt mấy trăm năm như tám cây cột vững, để gì mục ruỗng được. Chúa Trịnh Đàng Ngoài lắm le bao nhiêu lần có xô ngã được đâu. Chẳng những thế, đất đai ngày một mở rộng,

mệnh mang liền một dải từ Thuận Hóa vào đến Gia Định. Đất rộng, người đã đông, từ đời Võ Vương đã xác lập vương hiệu, lập triều đình riêng, chế mũ áo phong tục riêng. Tạm thời bọn loạn thần xáo động triều đình, nhân dân ta thán, nhưng tám cây cột đã cắm chặt vào cái nền đất phì nhiêu giàu có trên hai trăm năm nay rồi. Biết bao nhiêu công lao đó, người người đều mang ơn. Đạo Nho giúp cho trung hiếu được phổ biến đến hang cùng ngõ hẻm, thêm Chúa càng thêm vững.

Huệ nói:

- Anh con không nghĩ như thầy.

Ông giáo nói:

- Tôi biết. Còn ý anh thế nào?

Huệ hơi lúng túng, nhưng trấn tĩnh được ngay. Anh đáp:

- Con nghĩ khác. Anh con nghĩ đơn giản quá. Con thì có lẽ chưa thông hiểu kinh truyện, nên con...

con nói điều này sợ thầy giận...

- Được, được. Anh cứ nói hết đi.

- Vâng, thầy thứ lỗi, nếu con chưa hiểu hết kinh truyện. Con nghĩ cả tám cây cột sở dĩ vững cho đến nay là nhờ cái nền nho ở dưới. Nào là "thiên mệnh", nào là "quân xử thần tử, thần bất tử bất trung", nào là "dân chi phụ mẫu". Người dân dốt nát không đọc được kinh truyện, lại là kinh truyện khó hiểu từ bên Tàu đem sang, nên suốt bao đời nay nem nép lo sợ. Đến một lúc nào đó, tình thế đẩy họ vào đường cùng, họ không sợ hãi nữa mà hóa liều, thì tám cây cột kia sẽ thế nào? Người còn có một mái nhà để về, thì còn băn khoăn, suy tính xem nên dọi mái hay nên thay kèo. Nhưng đối với hạng cổ cùng, xiêu giạt nay đầu đường, mai xó chợ, bữa no lo bữa đói, chết còn sướng hơn sống, thì những điều từ nãy đến giờ con với thầy nói với nhau phỏng có ích gì! Hỡi họ, họ sẽ đồng thanh đòi phá hết và làm lại hết.

Ông giáo lo lắng hỏi:

- Đã đến tình cảnh ấy rồi sao?

Huệ đáp:

- Con mong là chưa đến nỗi như vậy. Xua đuổi tất cả mọi người ra khỏi nhà, nhập bọn vào đám dân xiêu giạt, đâu phải là chuyện dễ làm. Nhưng mãi nói chuyện, con quên mất lời dặn của anh cả. Thưa thầy, anh cả con kính nhờ thầy soạn cho một bài hịch.

Ông giáo giật nảy người:

- Bài hịch? Để làm gì?

- Các dự định của anh con, chắc thầy đã biết rồi. Thầy nhớ đêm hôm ấy, đêm anh cả sai con đi đóng tất cả cửa lớn cửa nhỏ để bàn chuyện với thầy...

- Nhưng hịch nói những gì, viết thế nào?

- Anh con dặn chỉ cần ngắn gọn thôi. Con nghĩ... con nghĩ ta nên viết bằng chữ Nôm. Đa số dân chúng không được đi học chữ Hán, họ không hiểu!

*

* *

An bẽn lẽn đứng chờ Huệ ra về để khép cổng lại. Tầm cửa đan bằng cây rừng tua tủa những gai khép hẹp, chứa không đủ một người lách qua. An lại vô ý nắm chặt lấy cánh cổng, nên thay vì tiễn khách, cô lại vô tình lưu khách. Huệ không hiểu An muốn mình về hay ở, tần ngần chưa muốn hỏi. Mấy cái lá đại tội nghiệp ở hàng rào chắc ngỡ ngàng không hiểu vì đâu cô chủ nhà không nói năng gì, cũng không dám cười, mấy ngón tay ấm mềm cứ bứt hết lá này đến lá khác thả vung vãi xuống lối đi. An nói nhỏ:

- Trời hôm nay lạnh dữ.

Huệ nói:

- Ờ, lạnh. Gió lớn quá.

- Không khéo lại bão.

- An tưởng thế? Chưa đâu.

Huệ trở những đám núi vây quanh, bảo An:

- Sắc núi còn thâm lẫm. khi nào rừng bắt đầu thay lá...

An không nghe Huệ nói, băng quơ như tự nhủ mình:

- Em sợ bão.

Huệ cười nhỏ, nhìn mái tóc cuốn gọn để lộ khuôn mặt trái xoan thanh tú, hai cái tai nhỏ và chiếc cổ trắng của An, cổ lấy can đảm nói:

- Khi nào gió mạnh đến nỗi thổi tung được mái tóc An, may ra mới có dấu bão lớn. Lúc đó, lúc đó... đáng tiếc lắm...

An không hiểu, ngừng đầu lên hỏi:

- Sao vậy anh?

Đôi má cô ửng hồng, vài sợi tóc mai bay vương vịu. Huệ không dám nói hết ý mình, tìm cách tránh đi.

- Vì khối nhà chòi sẽ bị đổ.

An biết Huệ nói dối, nhưng không thể tìm hiểu ý thật. Cô chỉ lờ mờ đoán Huệ nói bóng gió điều gì liên quan đến khuôn mặt mình, vì nhiều lần Huệ chăm chăm nhìn vào mắt cô. Bất giác An đưa tay lên quệt má. Huệ cười nói:

- Không có đâu!

An sượng sùng nói:

- Em tưởng... Nhà bếp em thấp quá, rờ đâu cũng bồ hóng với nhọ nôi.

- Thì nâng cao mái lên.

- Gió thốc vào làm sao nhóm lửa. Chịu thôi! Đàn ông các anh... Lãng với anh Chinh cũng bảo thế...

Quên mất chuyện gió.

- Ai bảo để trống. Tìm phen che kín lại chứ!

An phụng phịu:

- Anh Lợi hứa sẽ mang lại, nhưng cứ quên mãi. Hôm trước em nhắc...

Huệ hỏi nhanh:

- Anh ta thường đến đây không?

Không hiểu sao An nói dối:

- Ít khi lắm. chỉ có một lần đến báo tin buồn. Tội nghiệp, anh ấy trở thành mồ côi!

Huệ bắt bẻ:

- An nói ít sao lúc này bảo Lợi nó quên mất. Lại bảo An nhắc anh ta nhiều lần.

An luống cuống, mặt đỏ hồng:

- Em nhờ Lãng nhắc anh ấy. Anh ưa bắt bẻ người khác lắm. Cha em tính độc đoán, không hiểu sao lúc này cha tranh luận với anh hăng hái thế. Chưa bao giờ em thấy cha hăng say và linh hoạt như sáng nay. Tại sao thế?

- Làm sao tôi trả lời được.

- Cả anh nữa.

- Tôi thế nào?

- Em tức cười. Cảnh tượng một già một trẻ tranh luận sôi nổi với nhau như hai người bạn tâm tình, em thấy lạ lắm. Với em, hoặc ngay cả với anh Chinh, thằng Lãng, không bao giờ cha nói những chuyện như vậy cả.

Huệ tò mò hỏi:

- An nghe từ đâu?

- Vâng. Anh và cha nói lớn tiếng, em...

- Biết thế tôi đã không nói.

- Em không đáng nghe ư?

- Không phải đâu. Nhưng những điều đó, mỗi người giữ riêng cho mình. Phải chờ một lúc nào đó, với ai đó, gần như gặp cái bóng của mình, ta mới nói một hơi cho thỏa.

An nhận xét:

- Em thấy chưa ai thỏa cả! Nhất là cha em. Còn anh thì...

Huệ hấp tấp hỏi:

- Tôi thì thế nào?

An cười che giấu sự lúng túng:

- Anh thì... anh thì... em biết nói thế nào bây giờ. Em cảm thấy, nhưng không biết nói sao cho đúng.

- Thì cứ nói điều cảm thấy đi!

- Vu vơ, mơ hồ lắm. Chịu thôi!

- An khéo giấu lắm.

- Em nói thật. Em không có tài ăn nói rành rọt, có đủ đầu đuôi như anh. Nhiều hôm cha em bực, gắt lên: "Ăn nói chẳng ra đâu vào đâu cả!" Nói chuyện với em, chỉ rước cái bực vào thân mà thôi!

*

* *

Nhạc hí hoáy mở nút dải buộc ống giấy không được, nên lấy con dao tằm trâu cắt đi. Ông đưa tờ giấy

gần sát đèn, ngửa người ra phía sau, lẩm nhẩm đọc. Huệ hồi hộp theo dõi nét mặt anh, thâm tâm mong mỗi anh vừa ý với nội dung tờ hịch. Ông cả đọc chậm, vì phải suy nghĩ nhận cho ra mặt các chữ khó nên mày ông nhíu lại, ra dấu bảo Huệ lại gần. Ông nói:

- Cái gì thế này? Chú đọc tôi nghe đoạn này coi!

Huệ cầm tờ hịch đọc đoạn ông cả chỉ:

Giận quốc phó ra lòng bội thượng, nên Tây Sơn xưng nghĩa cần vương.

Trước là ngăn cột đá giữa dòng, kéo đảng nghịch đặt mưu ngấp nghé.

Sau là tưới mưa đêm khi hạn, kéo cùng dân sa chốn lằm than.

Ví lòng trời còn nể Phú Xuân, ắt dấu cũ lại cơ đồ Hữu Hạ... [\[1\]](#)

Ông cả phất tay bảo em dừng lại, lấy giọng nghiêm khắc hỏi:

- Chú nói thế nào mà ông ấy viết vậy?

Huệ lo ngại hỏi Nhạc:

- Có gì lạ đâu, anh?

Nhạc nổi bực, gắt với em:

- Viết thế mà chú bảo là không có gì à? Chú đọc kỹ lại đi. Chỗ "Giận quốc phó".

Huệ đọc:

- Giận quốc ra lòng bội thượng, nên Tây Sơn xưng nghĩa cần vương.

Nhạc bảo ngưng, rồi nói:

- "Giận quốc phó". Được. Tên tham lam bất nghĩa đó ai mà không giận. Nhưng "ra lòng bội thượng" là thế nào? Phải cẩn thận cân nhắc từng chữ. Tờ hịch này truyền đi, nhất định tụi đồ gàn, tụi ký lục bẻm mép sẽ chẻ sợi tóc ra làm tư, bàn hươu tán vượn đủ điều. Không phải là chuyện đùa giỡn đâu. Chú coi, tại sao lại bảo tên quốc phó "ra lòng bội thượng"? Mình có dây dưa tình nghĩa gì với hắn? Sao lại giận hắn tráo trở không vâng mệnh. Lại còn viết: Nên Tây Sơn xưng nghĩa cần vương. Chú học chữ nghĩa thầy mấy năm, hiểu rõ bụng dạ người ta. Chú giải nghĩa đi. "xưng nghĩa cần vương" là thế nào?

Huệ đáp:

- Ý thầy giáo bảo ta khởi nghĩa diệt tên quốc phó để tôn phù bảo vệ ngôi vua.

Nhạc xẵng giọng hỏi:

- Vua nào nữa?

Huệ đã hiểu rõ mối bất hòa trong quan điểm giữa thầy và anh, nhưng đã từng mong mỗi: với thời gian, thế nào hai người thân kính sẽ tìm được những điểm chung. Không ngờ sự mâu thuẫn gay gắt phát lộ sớm như vậy. Huệ đành nói:

- Thầy giáo vẫn nghĩ ta phải phò hoàng tôn thì mới chính được danh. Cho nên mới dùng chữ "bội thượng, cần vương", ở câu dưới lại dùng chữ "nể Phú xuân, dấu cũ, cơ đồ Hữu Hạ".

Giọng Nhạc trở nên giận dữ:

- Hóa ra cả đêm ấy, lão không nghe lọt tai ý ta. "Nể Phú Xuân, dấu cũ". Có đáng gì cái bọn vua

chúa ươn hèn ngoài đó mà "nếp" với "dấu". Lòng Trời nào dung bọn đàn bà không ra đàn bà, đàn ông không ra đàn ông đó. Chị Dương! Trời đất! Chú đem quăng trả lại cho lão!

Huệ thấy mình ở vào một thế khó xử. Vắn nhanh trí, anh tìm ngay được lối thoát:

- Em thấy chúng ta chưa cần đến bài hịch. Nếu theo dự định ban đầu, gióng trống gióng cờ rầm rộ xuống núi thì cần hịch thật đấy. Nhưng anh đã thay đổi ý kiến, không phát quân ào ạt nữa. Chưa cần bài hịch đâu. Anh cứ giữ đó, biết đâu sau này có lúc dùng đến.

Nhạc không vui, biết Huệ né tránh một công việc khó khăn. Tuy vậy, dần dà nguôi bớt giận, ông phải nhận những lời em vừa nói có cái lý của nó. Để giữ thể diện, ông cả bảo:

- Chú sợ thì trả lại tôi. Hôm nào gặp lão, tôi phải hỏi cho ra lẽ.

*

* *

Hôm Nhạc sai em đến nhờ ông giáo thảo bài hịch, ông cả và tên thầy cúng hết sức tương đắc. Cả hai cùng nghĩ phải làm một cuộc xuất quân kinh thiên động địa. Chiêng trống sẽ vang dội núi rừng. Chim chóc, muông thú sợ hãi trốn ra nghìn dặm. Quân đông như kiến, chảy xuống đèo như thác lũ. Cờ xí rợp trời. Lịch hịch truyền ra, quân dân hò reo tở mở... Trên mình ngựa bạch, chủ tướng mặc áo bào đỏ, mũ giáp trụ đội đầu, hông đeo gươm báu. Lính hộ vệ hai hàng chạy theo chân ngựa, giáo thai bài vác nghiêng đều trên vai...

Quá quen với nghi thức cúng tế, Chỉ vẽ hằn lên giấy mẫu cờ, mẫu quần áo lính hầu, lính hộ vệ, lính khiêng trống, buổi lễ xuất quân chủ tướng đứng ở đâu, quân sĩ xếp làm mấy hàng, lúc nào tất cả đều phải quì xuống, lúc nào đồng rập tung hô... Các nghi thức, kiểu mẫu, sơ đồ ấy dĩ nhiên không giống chút nào với nghi thức, kiểu mẫu ở vương phủ. Tất cả đều do tên thầy cúng bịa ra cả, dựa vào kinh nghiệm các cuộc tế lễ bùa chú cũng có, mà dựa vào y chang trong tuồng hát bộ cũng có. Nhạc chóa mắt trước bấy nhiêu điều phức tạp rờ ràng, thật tình khâm phục sự quảng bác kiến thức của tên thầy cúng, nên sai Huệ đi nhờ viết hịch ngay.

Đêm về nằm một mình ôn lại các dự kiến "kinh thiên động địa", Nhạc mới dần dần vỡ lẽ. vãi ở đâu may bấy nhiêu cờ xí để che rợp cả trời? Ngoài một số chiêng trống đây bán ế vì các buôn Thượng mất mùa, một số mõ của trai tráng giữ việc canh phòng, một cái trống tịch thu được ở đồn dưới chân đèo, không còn thứ gì khác có thể gióng lên, gõ vào, để tiếng động đủ đuổi chim chóc bay xa vài trăm bước chứ đừng nói có thể lay động cả trăng sao, núi rừng. Lại còn quần áo của quân lính nữa, mỗi hạng mỗi kiểu khác nhau, thậm chí áo đội chiến chiến đấu này khác áo đội chiến đấu kia, cho dễ việc điều quân.

Ông cả nhận mình xốc nổi, hào khí hạ xuống, lịm theo giấc ngủ. Sáng hôm sau, ông gọi Lợi lên để hỏi tình hình kho gạo, lương thực, gọi Thận hỏi về khi vũ khí, gọi Năm Ngạn hỏi số đinh. Bao nhiêu con số thu lượm được như những gáo nước lạnh dội vào người ông. Huệ gặp anh trong tình trạng đó nên các tỷ lệ của Huệ được ông cả chấp nhận dễ dàng.

Thay vì kéo rốc cả ngàn người rầm rộ xuống đèo, quyết một trận sống mái với quân triều, được ăn cả ngã về không, như ông cả hào hứng dự kiến hôm qua. Huệ đề nghị nên chia từng toán nhỏ, ít thì khoảng

30 người, nhiều nhất là 100 người. Vũ khí nhẹ thôi, cung tên, giáo mác, kể cả dao cắt thịt, nếu các bà nội trợ chịu cho chồng mang đi. Quần áo "nghĩa quân" (Huệ thấy hai chữ này thích hợp) không cần thống nhất. Ai có gì mặc nấy. Toán người Thượng cứ việc đóng khoé. Người nào chịu được sương sớm, mặc độc cái quần đùi vải thâm cũng không sao. Số dân đình trên một nghìn người chia ra làm hai, một nửa ở lại tiếp tục làm rẫy, một nửa sung quân. Ít lâu sau, nửa này thay nhiệm vụ cho nửa kia, nên đời sống khỏi bị xáo trộn, nguồn lương thực không bị hao hụt. Thế là giải quyết được những khó khăn do Lợi, Thận, Năm Ngạn đưa ra!

Bây giờ đến vấn đề chính: đưa các toán nghĩa quân võ trang xuống núi để làm gì? Không phải để chiếm đất, vì có chiếm cũng không giữ được. Cũng không phải để cướp của. Còn ai đủ giàu để đáng cất công đâu! Nhiệm vụ chính của các toán nghĩa quân là đột nhập vào các làng gần núi, phá nát bộ máy cai trị do bọn thổ hào, chức sắc nắm giữ, để các vùng cận sơn có dân mà không có quan, khu vực kiểm soát của triều đình thu hẹp dần; khu vực các chức sắc bỏ trốn sẽ loang dần ra như dầu loang trong mặt nước, loang dần xuống phía biển, đến một lúc sẽ đến sát bờ thành phủ Qui Nhơn. Nhạc ngồi im nghe em nói, càng nghe càng thấy kế hoạch của Huệ sát thực tế, hợp lý và hợp tình hơn. Để khởi đầu, ông cả thử lập ba đội nghĩa quân để đánh dò đường. Một đội do chính ông điều khiển. Một đội giao cho Huệ. Đội thứ ba giao cho Tuyết. Mỗi đội gồm khoảng 100 người mạnh khỏe, ít bận bịu gia đình và đã tinh thông võ nghệ. Họ xuống núi vào một sáng tinh sương, và vì thiếu khua chiêng, gióng trống, hịch truyền, sủng lệnh nên chim chóc và trẻ con vẫn được ngủ yên.

*

* *

Nhạc đích thân tổ chức các đội nghĩa quân tiên phong, phân chia đồng đều các thành phần nòng cốt. Nhưng sự qui tụ, kết nhóm cứ tuân theo qui luật tự nhiên của nó, dựa vào quen biết trong quá khứ, giống nhau về tính tình, liên hệ lâu dài về quyền lợi. Do đó dù Nhạc không muốn, ba đội nghĩa quân cứ mang ba sắc thái khác hẳn nhau.

Bao giờ người cầm đầu cũng muốn chọn những phụ tá đáng tin cẩn, hoặc trong số những bạn đồng hương, hoặc bạn tâm tình có chung một sở thích. Những người phụ tá này lại chọn những đội viên giống mình, nếu cùng lắm thì ít ra cũng hơi giống mình. Một nghĩa quân nào đó bị phân vào một đội xa lạ ư? Anh ta sẽ tìm mọi cách để trở về đúng chỗ của anh, giữa những người quen thân. Nhẹ thì năn nỉ, khó hơn thì biểu xén mua chuộc, khó nữa thì nhờ đến thế lực cao hơn, thế lực người chỉ huy trực tiếp. Cuối cùng, mỗi đội có riêng một "cá tính", một "bản sắc", bản phóng đại cá tính bản sắc của người cầm đầu. Bản sắc này tự nhiên trở nên một sức mạnh thuyết phục hoặc cái cớ để tự cao tự đại bất thành văn, nhưng mọi người trong tập thể đều mặc nhiên chấp nhận thành qui ước. Thành phần dị biệt hoặc lẻ loi trong tập thể đó, nếu có tài xoay sở hay có thế lực, đã tự tìm cho mình một tập thể thích hợp. Số còn lại quen nhẵn nhục, thụ động, phải gắng biến đổi để thích nghi. Tập thể nhờ thế dễ thành đồng nhất, hòa hợp thành một khối, cho nên người cầm đầu dễ bị ảo tưởng rằng mình có tài thu phục và đầy đủ quyền năng.

Đội nghĩa quân do Nhạc chỉ huy, thành phần cốt cán đều là những người buôn nguồn ở Tây Sơn

thượng từ trước và những người liên hệ xa gần đến việc buôn bán. Đa số ở vào lứa tuổi chín chắn, có tài thích ứng với biến đổi của hoàn cảnh, nhanh chóng thấy điều lợi hại, xem thường sách vở và những hào quang nặng chất thuyết lý như là lòng nhân nghĩa, lương tâm, phận sự, chí làm trai, kinh bang tế thế... Họ cũng ghét cay ghét đắng những điều phù hoa như lòng thương yêu, sự mơ mộng, nỗi buồn vu vơ, nỗi chán nản trước nhân tình thế thái. Bọn hủ nho và thi sĩ không thể nào len lỏi vào được hàng ngũ họ. Sự nhạy bén trước thực tế và hiểu biết tường tận đường đi, trạm dịch, bến đò, khí hậu, sản vật ở mọi nơi khắp phủ Qui Nhơn đã khiến cho đội nghĩa quân này mau chóng trở thành nòng cốt của lực lượng, đa số về sau trở thành những nhân vật quan trọng của phong trào khởi nghĩa, làm nên một giai đoạn lịch sử hào hứng tuy phức tạp.

Đội nghĩa quân do Huệ chỉ huy qui tụ những thanh niên trẻ tuổi, phần lớn chưa quá 25. Không phải Huệ có quyền chê các "ông già" trên hai mươi lăm tuổi. Ngược lại, họ chê Huệ chưa xứng đáng chỉ huy họ. Tài năng là kết quả tích lũy những kinh nghiệm của năm tháng. Một cậu thanh niên 21 tuổi đầu, râu măng mới nhú lưa thưa trên mép, dù cậu ta là em ruột ông cả thì đã biết gì! Học lực, kiến thức của cậu ta thế nào? Nghe đâu có đi học vài năm ở An Thái. Thầy đồ nào thế? Cái lão mặt mày ủ dột vẫn thường lẻo đẻo theo chân ông cả đó mà. Trời ơi, tưởng ai hóa ra cái lão nho hủ ấy! Lão làm được tích sự gì! Thế mà dám mở trường dạy học! Rồi những "ông già" xin chuyển qua đội của Nhạc, hoán chuyển với bọn trai tráng. Những người nòng cốt trong đội Huệ đa số là những thanh niên đêm đêm thường tụ họp nhau luyện võ gần nhà ông giáo, từ lâu giữ nhiệm vụ tuần phòng và trật tự ở Tây Sơn thượng. Họ chưa có nhiều kinh nghiệm đời, chưa phải một mình đối đầu với những thử thách biến trá của đời sống. Họ cũng chưa bị đời sống nhồi xóc đến độ mất hết cả ý chí, thờ dài buông tay trước trở lực. Giống như Huệ, họ xem đời như một trò chơi, ở tư thế một đấu thủ giàu tự tin.

Đội của Tuyết vừa thu hút vừa hứng lấy những thành phần phức tạp còn lại. Các hảo hớn lục lâm tìm Tuyết như tìm bạn cũ. Những kẻ thù ghét mái nhà gia đình và những gì lặp lại. Những kẻ ưa cuộc sống náo nhiệt nơi đầu chợ, góc phố. Những kẻ hận đời chờ cơ hội trả oán. Những kẻ say mê bạo lực v.v... Bấy nhiêu kẻ ngang tàng tìm thấy ở Tuyết mẫu người lý tưởng của mình, góp tụ thành một sức mạnh công phá hữu hiệu. Các cuộc bao vây tiêu diệt những cứ điểm quan trọng án ngữ dọc theo Trường Sơn dưới chân đèo đều do đội của Tuyết đảm nhiệm. Và khi phá vỡ tuyến phòng ngự của quân triều, bắt đầu đột nhập vào các làng mạc gần núi, thì những việc làm của đội Tuyết đều mang dấu ấn cá tính của Tuyết.

*

* *

Chinh được Tuyết khen "xứng mặt anh hùng hảo hớn" từ bữa cùng Tuyết và hai người khác đột kích đồn quân triều dưới chân đèo. Ông cả phân Chinh vào đội của Tuyết. Dĩ nhiên anh không có gì cần khiếu nại!

Ông giáo bức bối hỏi:

- Sao không vào đội của Huệ?

Chinh đáp:

- Ông cả phân đều như vậy, con có xin đổi cũng không được!

Ông giáo đành im lặng, bụng nghĩ ở địa vị Nhạc, phải chia đều các thành phần khác biệt vào từng đội để kiểm chế các vọng động, kiểm soát hoặc nương tựa lẫn nhau. Không thể làm khác được. Riêng phần ông giáo, ông còn có trách nhiệm tinh thần đối với hành vi con cái. Để mặc cho Chinh tự do tung hoành ở ngoài tầm mắt ông, ông không yên lòng chút nào. Ông hỏi:

- Lãng nó ở đội nào?
- Nó xin vào đội anh Huệ.
- Sao nó xin được mà mày không xin được?

Chinh biết mình nói hớ, vội đáp:

- Nó sức yếu chưa phải đi. Trong danh sách không có tên nó. Nhưng nó nằng nặc đòi đi cho được, nhờ anh Huệ nói giúp với ông cả.

Ông giáo đắn đo một lúc, rồi bảo con:

- Mày lên xin cho nó đi với mày.

Chinh đành trả lời gượng gạo:

- Vâng.

Anh định đứng dậy bước ra đường, không phải để lên gặp ông cả mà muốn đi cho khỏi cái nhà này. Nhưng ông giáo đã gọi giật lại:

- Ngồi đó đã.

Chinh ngồi xuống, không che giấu sự bức dọc của mình. Ông giáo suy nghĩ thật lâu, bần khoản chưa biết bắt đầu như thế nào cho con hiểu lòng ông. Càng nghĩ trí ông càng rối. Giọng ông run vì xúc động:

- Độ này sức khỏe của cha giảm sút. Đêm nào cũng trăn trở không tài nào nhắm mắt được. Trời se lạnh là trong người đã chuyển theo, mỗi nhức ở bả vai và các khớp xương. Nhiều đêm không ngủ, cha thắp đèn ngồi chờ sáng. Cha nhìn các con ngủ say, nghĩ đến lúc không còn được ở gần các con nữa. Cha lo, không biết cuộc đời các con rồi sẽ ra sao. Thăng Kiên đã chịu tù tội. Con An ở chỗ hóc núi này, liệu có tìm được tấm chồng cho xứng đáng không, hay lại gặp một thằng du thủ du thực, say rượu về đánh đập vợ con. Lãng nó yếu đuối như vậy, chống chọi làm sao với đời. Rốt lại chỉ có con là mạnh khỏe, xốc vác. Cha xem cách con ngủ, cha biết con vô tâm. Đặt lưng xuống là ngáy. Nhưng con biết không, đứa mà cha lo lắng hơn hết là con.

Ông giáo ngừng lại. Chinh bỡ ngỡ chưa hiểu vì sao từ giọng trách mắng nghiêm khắc, cha đổi qua cách nói tâm tình dịu dàng. Anh thấy lòng lâng lâng, cúi đầu ngoan ngoãn chờ nghe cha dạy. Ông giáo nói tiếp:

- Chuyện... chuyện của con hôm trước cứ ám ảnh cha mãi. Thà con tỏ ra đau đớn, kêu khóc van xin cha đừng đánh nữa, con yếu đuối như mọi người. Như vậy cha yên lòng hơn. Riêng con thì không. Con nằm yên chịu đau, không van xin, năn nỉ, không khóc lóc. Đã từng này tuổi, cha biết. Con chịu hình phạt mà trong lòng vẫn khẳng khái nghĩ rằng mình đúng. Con nhẫn nhục chịu đựng.

Ông giáo lại dừng. Chinh không hiểu hết sự phức tạp trong lời cha, tuy nhiên, anh mơ hồ cảm thấy, một phần nào đó, ông giáo nói đúng tâm trạng mình. Anh không thể tìm ra lời nào để chống chế, hoặc tự

biện hộ. Thấy con vẫn ngồi yên, ông giáo nghĩ Chinh đã bắt đầu xúc động, ông tiếp:

- Con đĩnh ninh như vậy! Không đúng đâu, Chinh ạ. Việc con làm không có một chút ý nghĩa nào. Ngược lại, con phải thấy nó vô ích, và ghê tởm. Thời thế này, cha biết các con sẽ phải cầm đến gươm giáo. Ngay sáng mai, có thể con buộc phải chém giết, hoặc vì tự vệ, hoặc vì bốn phận, hoặc vì mệnh lệnh. Dù ở trong trường hợp nào, con hãy ghi nhớ rằng giết người là chuyện bất đắc dĩ, không phải là một lạc thú. Cha muốn Lãng cùng vào một đội với con, để anh em có nhau. Hãy thường xuyên che chở, bảo bọc cho nó. Đừng ham vui mà quên nó. Cha ở trên này luôn luôn lo lắng cho các con. Mẹ cũng không rời mắt các con đâu! Thôi, khuya rồi. Đi ngủ để mai còn đi sớm! Nhớ đắp mền cho Lãng. Nó đã bớt suyễn, nhưng phổi còn yếu lắm!

*

* *

Từ lâu, để đề phòng cướp bóc, các làng gần núi dọc theo các phủ Quảng Ngãi, Qui Nhơn, Phú Yên phải tự lo tổ chức hệ thống phòng thủ. Làng nào cũng có nhiều lớp rào gai bao quanh, chỉ chừa trống lối đi cho trâu bò và lối cho người. Ở lối vào luôn luôn có người canh gác, nhất là về đêm. Cửa ngõ từng nhà cũng kín đáo, kiên cố. Trên các tàng cây ăn trái, ẩn kín dưới lớp lá dày, là những chòi quan sát từ đó có thể nhận ra bọn cướp tận đàng xa và dùng cung giết kẻ địch. Trai tráng không được phép ngủ nhà, mà phải chia nhau nằm ngay bờ rào phòng thủ. Ban ngày họ ra đồng, lên rẫy, đêm phải thức để canh gác. Muốn sống còn qua buổi nhiễu nhương loạn lạc đầy bọn tham quan và kẻ cướp, họ đã phải mở to đôi mắt để nhận diện kẻ thù.

Vì vậy, nếu không có số đông ồ ạt kéo đến vây kín làng giữa ban ngày, chưa chắc đội nghĩa quân của Huệ đã vào lọt mấy hàng rào gai mà không tổn thất. Nhìn cách ăn mặc tùy tiện, gươm giáo chệch choạc, dân làng biết chắc không phải là quân phủ. Nhất định là bọn cướp. Nhưng sao chúng dám giở trò giữa thanh thiên bạch nhật kia? Chúng ý đông? Mà đông thật. Có chống lại cũng vô ích thôi, vì hầu hết trai tráng đã ra rẫy cả. Chống lại là rước lấy cái chết và cái cháy trọn vẹn chắc chắn. Đội nghĩa quân của Huệ vào làng bằng cổng chính, giữa những người đàn bà mặt mày nhớn nhác và những đứa trẻ áo quần rách rưới, da cháy nắng, mũi dãi thò lò lem luốc. Các cô lão và những chức sắc khép nép đón họ tận cổng, dẫn họ vào ngôi đình thấp bé cất dưới một gốc gạo già. Theo nghiêm lệnh của Huệ, không ai được chạm đến một cây kim sợi chỉ của dân. Xin nước cũng phải lễ phép thưa gửi với chủ nhà, uống xong phải cảm ơn. Dân làng nơm nớp chờ đợi tai họa, cho nên khi thấy "quân cướp ngày" hòa nhã lễ phép với mọi người, họ càng sợ hãi hơn. Kinh nghiệm cho họ biết, những kẻ độc ác thường ưa chơi khăm, giấu mũi gươm sau những lời hoa mỹ thân ái và những nụ cười hiền lành, như con mèo đùa bỡn với chú chuột tội nghiệp. Họ chờ. Đã đến lúc đây rồi!

Có lệnh mời tất cả dân chúng tụ họp ở đình làng. Những bà nội trợ giấu vội hũ gạo hầm. Ông già bà cả nấn ná khẩn vái tổ tiên phù trợ. Trẻ con khóc rí rí, tay nắm lấy gấu áo mẹ. Việc tập họp bị chậm trễ, nhưng những tên cướp ăn mặc nghèo nàn và mặt mày hiền lành không nổi nóng, cứ kiên nhẫn đợi. Cuối cùng rồi sân đình cũng chật những người, tuy không ai dám ho một tiếng. Vài đứa bé chưa sợ hãi đủ, nổi

lên khóc ré. Bọn trưởng tuần được dịp lấy lòng những kẻ có thể quyết định sống chết, mạnh bạo bỏ chỗ đứng, ra sân hạnh hợ. Một nghĩa quân quát:

- Đứng yên đấy. Không được đi đâu cả!

Dân làng giật mình nghĩ: "Bắt đầu rồi. Cầu Trời Phật phù hộ cho chúng con, cho chúng con được tai qua nạn khỏi". Lũ chức sắc, mặt không còn một giọt máu. lấm lét liếc về phía người cầm đầu trẻ tuổi, sợ hãi cái tuổi trẻ độc ác và nồng nôi. Huệ lớn giọng hỏi:

- Bà con có biết chúng tôi là ai không?

Một cô lão, thấy mọi người đều hướng về phía mình trông chờ, biết không thể thoái thác nhiệm vụ được, đành lấy bạo hăng giọng nói:

- Xin quý ông thương cho chúng tôi. Quả tình chúng tôi không dám giấu diếm điều gì. Cả làng xác xơ, của cải không đáng cho các ông phải khó nhọc.

Huệ đưa tay ngăn cụ già đừng nói tiếp:

- Cụ lầm rồi. Chúng tôi không phải là bọn trộm cướp. Anh em chúng tôi thấy cảnh bất công cùng khổ, không thể chịu được, nên tụ họp ở Tây Sơn để khởi nghĩa, trừ kẻ gian diệt kẻ bạo, đem an vui cơm áo cho bà con. Lời nói vụng về không thể đủ ý. Anh em chúng tôi có thảo một tờ hịch, xin tuyên đọc để các cụ cùng bà con hiểu rõ chúng tôi.

Mầm lấy bài hịch ông giáo soạn (bài hịch đã bị ông cả bác bỏ vì bất đồng quan điểm nhưng Huệ cứ giữ lấy, hy vọng chữ nghĩa thâm thúy thế nào cũng tác động mạnh mẽ hơn những lời nôm na), bắt đầu lớn tiếng đọc. Đám đông im phăng phắc, chú tâm lắng nghe. Họ nghe rõ lắm vì giọng của Mầm rất tốt, từng tiếng rành rọt và ấm. Các cô lão gật gù. Bọn chức sắc liếc nhìn các cô lão, liếc qua Huệ, cũng gật gù gật gù. Số người lớn lam lũ đứng nép bóng gạo chỉ nghe tiếng tim mình đập liên hồi, lời hịch lúc còn lúc mất. Có vài tiếng ho. Tiếp theo vài tiếng huýt nhỏ. Mầm thao thao đọc:

Giận quốc phó ra lòng bội thượng, nên Tây Sơn xưng nghĩa cần vương.

Trước là ngăn cột đá giữa dòng, kéo đảng nghịch lăm le ngấp nghé.

Sau là tưới mưa dầm khi hạn, kéo cùng dân sa chốn lăm than.

Vì lòng trời còn nể Phú Xuân, ắt dẫu cũ vẫn cơ đồ Hữu Hạ...

Vài đứa trẻ bắt đầu khóc. Mẹ chúng sợ hãi thì ào ào dỗ dành. Tiếng lao xao nổi lên đây đó, rồi dần dà trở thành tiếng ồn ào. Mầm cố đọc to hơn cho át tiếng ồn, nhưng sức anh có hạn. Huệ hiểu ngay là không ai hiểu bài hịch nói gì, những kẻ gật gù chẳng qua chỉ vì hèn nhát sợ hãi mà cố biểu lộ sự đồng ý mà thôi. Huệ phát tay bảo Mầm thôi đọc. Văn chương chữ nghĩa uyên thâm, những câu biền ngẫu nghiêm chỉnh thật vô dụng vào lúc này, ở đây. Phải tìm cách khác thôi! Hết sức nhanh trí, Huệ quay lại đám chức sắc hỏi:

- Ai giữ sổ đình?

Một người đàn ông trạc 40, gầy ốm, mặc cái quần cụt màu nâu và cái áo cánh đen đã rách một bên vai, rụt rè tiến tới một bước thưa:

- Dạ, tôi.

Huệ lại hỏi:

- Ai giữ sổ thuế?

Vẫn người đàn ông đó đáp:

- Dạ tôi.

Huệ xằng giọng:

- Về lấy mang ngay ra đây.

Lệnh được thi hành mau chóng. Huệ vẫy Mắm và Lê lại, cùng xem xét mở sổ sách vừa lấy được. Sổ đinh ít ỏi nên quyển sổ đinh mỏng manh. Còn sổ thuế thì dày cộm, chương mục phân minh, nợ cũ nợ mới chồng chất nhưng người biện lại cần mẫn vẫn ghi chú đầy đủ, tỉ mỉ.

Huệ lật đến phần ghi thuế hạng đào, đọc lớn:

- Nguyễn Văn Năm, tuổi Sửu.

Không có ai trả lời, Mắm nhắc:

- Ai là Nguyễn Văn Năm.

Tên biện lại quay về phía gốc mít gọi to:

- Nguyễn Văn Năm kia. Sao bà không thưa.

Một người đàn bà gầy ốm nách bông một đứa nhỏ lên 3 tuổi, cả hai mẹ con đều ăn mặc rách rưới, lên tiếng:

- Dạ ông đâu còn ở đây!

Tên biện lại gắt:

- Còn ở đây ai dám biên vào hạng đào. Cái bà này. Dạ thưa quý ông, bà này là vợ tên Nguyễn Văn Năm.

Huệ hỏi người đàn bà:

- Ông nhà trốn đi đâu rồi?

Bà Năm sợ hãi, giọng van xin:

- Quý ông thương cho hai mẹ con tôi, bà con cô bác ở đây ai cũng biết nhà tôi không có gì, đến cái nôi cũng không còn. Quý ông tha cho người nghèo, tội nghiệp mẹ con tôi lắm.

Huệ hỏi:

- Sao trước khi bỏ làng trốn đi, chồng bà không nộp thuế. Đây, sổ sách còn ghi rõ đây này. Tiền sai dư 1 quan 5, tiền thượng tân 5 thương, tiền tết 5 thương, cộng thêm tiền chi phí nội tâm (lòng thuyền) và bốc gạo 20 đồng ^[2]

Người đàn bà thật thà nói:

- Dạ đã không có ăn thì làm sao có mấy quan nộp thuế. Chỉ còn nước bỏ làng mà đi thôi. Biết làm sao được.

Huệ không nói gì, lật qua phần ghi thuế hạng cùng, đọc:

- Lê Văn Ất.

Một bà lão tiến ra thưa:

- Dạ thẳng Ét tôi nó đi lên rẫy chưa về kịp. Quý ông thương tình.

- Sao không chịu nộp thuế?

Người mẹ đáp:

- Nó chỉ có cái quần vá, làm không đủ ăn. Năm ngoái tui ráng nộp cho nó, năm nay mất mùa bắp, chưa biết làm cách nào cho đủ. Ông biện đây đã hiểu tình cảnh nhà tui, xếp hạng cùng còn quá cao.

Huệ không nói gì, lại lật qua phần hạng cố, đọc lớn:

- Nguyễn Văn Sửu.

Một người đàn ông mắt chột, da vàng nghệ, lách khỏi đám đông tiến lên thưa:

- Dạ tôi xin hẹn tháng sau nộp đủ. Tôi có thưa trước với ông biện lại. Chắc ông quên ghi.

Tên biện lại quên sợ, gắt:

- Đã nộp đâu mà ghi.

Tên Sửu cũng không vừa cãi lại:

- Tui chịu nộp tuy nộp trễ, chứ có lì mạng đâu mà ghi tên tui vô sổ.

Cụ già có uy tín được đám đông thầm cử lên nói lời đầu tiên với đội nghĩa quân, bấy giờ mới khoan thai tiến đến trước mặt Huệ, đứng đặc nói:

- Thưa quý ông. Từ nãy đến giờ, tôi thấy quý ông không phải là hạng tầm thường. Quý ông không động đến một ngọn rau, không phá phách nhà cửa, chém giết bừa bãi như bọn trộm cướp. Quý ông truyền hịch khởi xướng việc lớn. Dân làng chúng tôi lâu nay chỉ lo chăm chút làm ăn, không dám nghĩ đến sự cao cả như quý ông, nên không dám có ý kiến gì. Quý ông người nhiều, của lắm chắc chưa cần đến tiền gạo ít ỏi của cái làng nay. Số tiền thiếu thuế, chúng tôi xin khát tháng sau, chờ mùa bẻ bắp. Ông biện lại đây sẽ lo thu đủ, chờ đến hạn kỳ là nộp ngay, không dám chậm trễ.

Huệ tỏ vẻ không bằng lòng, nhìn quanh hỏi:

- Sao lại nộp chậm? Hay các người khinh chúng tôi không bằng quân triều? Anh Mắm, đem tất cả sổ sách nợ nần ra đây.

Mắm ôm mớ tập giấy bản bẻ bộn đến đặt trên cái bàn gỗ trước mặt Huệ. Huệ vớt cuốn sổ thuế đang cầm trên tay vào đóng giấy tờ ấy, lớn tiếng bảo Lê:

- Thắp cây đuốc đem lại đây.

Mắm e ngại đến bên Huệ, nhắc nhở:

- Không nên nóng nảy, anh Huệ. Cả làng nghèo xơ, có khảo của cũng không được gì đâu. Anh nghĩ lại đi, đốt làng thì có ích gì!

Huệ không trả lời Mắm, nghiêm mặt chờ Lê đem cây đuốc tới. Dân làng thầm nghĩ giờ thọ nạn đã đến, từ ồn ào lao nhao trở nên im bật sợ hãi, mắt dõi theo cây đuốc. Huệ cầm cây đuốc giơ lên cao, nói thật lớn:

- Bà con nghe đây. Bao nhiêu năm bà con đói khát, rách rưới vì phải cong lưng nộp thuế cho triều đình. Nộp không nổi nên phải khát, khát nhiều lần phải trốn làng bỏ đi. Ai nợ bao nhiêu, ai khát bao nhiêu, ghi cả vào trong này, bà con ăn ngủ không yên cũng vì mớ giấy lộn này. Chúng tôi khởi nghĩa trừ gian, dẹp

loạn, bênh vực kẻ nghèo khó, bảo vệ kẻ cô thế, làm sao chịu để mặc cho bà con khổ vì mấy cuốn sổ thuế. Không còn nợ ai cả! Bọn quan tham ác sắp chạy về kinh cả rồi. Hãy đốt quách mớ giấy nợ này đi. Bà con bằng lòng không?

Tất cả mọi người không còn tin ở tai mình nữa, kể cả Mắm, người phụ tá thân tín của Huệ. Sau một lúc im lặng ngờ ngàng, đám đông chợt hiểu. Họ ồ lên reo mừng, khi lửa cháy bùng trên đồng số. Họ cũng cười ồ thích thú khi thấy tên biện lại lính quýnh muốn chạy đến cứu đồng giấy bản mà không dám, gương mặt ngớ ngẩn vì sợ hãi.

Thấy đám đông nhìn về phía sau lưng mình chỉ trỏ cười nói, Huệ quay lại; tên biện lại đang thắc thỏm sợ hãi. Huệ nổi giận, quát lên:

- Sợ quân triều đình trở lại bắt tội à? Anh em, dẫn nó về núi cho nó hết sợ. Mau trói nó lại!

*

* *

Nhạc cho nghĩa quân ém sẵn ở đám rừng thấp từ khuya, nên tờ mờ sáng cả đội đã kéo vào làng. Rút kinh nghiệm các lần trước, ông không muốn số trai tráng có thì giờ trốn thoát, hoặc vắng mặt vì đã lên rẫy.

Đây là một làng giàu có, nhờ hoa lợi của dãy nương rẫy bạt ngàn quanh năm tươi xanh những bắp, đậu phộng, đậu xanh và thuốc lá. Nhưng của cải dồn vào dăm ba nóc nhà giàu, số dân ở chòi tranh quần quật quanh năm, mồ hôi và nước mắt chan cơm mà nợ nần chất chồng. Số dân bỏ làng ra đi lên cao, trong khi mấy tòa nhà lá mái cứ càng ngày càng khang trang, rộng rãi thêm. Chính nhờ gợi ý của một nghĩa quân tóc đã hoa râu người làng này mà Nhạc quyết định cuộc đột nhập hôm ấy.

Nhạc cho tập hợp dân chúng trên sân phơi thóc rộng, để đích thân giảng giải mục tiêu cuộc khởi nghĩa. Ông không nói nhiều. Bằng lối vấn đáp khôn khéo và linh động, ông chứng minh cho mọi người thấy họ làm nhiều mà sống không xứng đáng với công khó nhọc. Ông đứng ngay giữa sân, và mời dân làng đến đứng quanh ông để nghe cho rõ.

Ban đầu chưa có ai mau mắn đáp lời mời của ông, sau đó là lũ trẻ rần rắt và những mục đàn bà ưa ngồi lê đôi mách mon men đến gần ông cả hơn, làm thành một hàng bán nguyệt xốc xếch, nhem nhuốc. Các nghĩa quân đến mời từng người: lại có thêm những người cả nể và những kẻ nhút nhát. Câu chuyện của ông cả tự nhiên, cụ thể, những điều ông nói đơn giản và như chuyện ở trong tầm tay của mọi người, nên số người bị lôi cuốn vào cuộc đông thêm. Lớp bô lão giữ thể diện đứng ở vòng ngoài cũng vừa tránh hơi đủ xa sự thông tục xô bồ vừa núp vào được bóng râm của hàng dừa. Nhạc trở một đứa con trai khoảng bảy, tám tuổi, mũi dài thành hai dòng xuống mép, tóc hoe khét nắng, mặc bính cái quần rách của cha nên lưng quần phải kéo lên quá ngực, và hỏi:

- Cháu tên gì?

Đứa bé sợ lảo liên muốn tìm cách trốn. Lũ bạn giữ đứa bé lại. Nó gần muốn kêu "Me ời!", nước mắt rơm rớm. Nhạc vỗ về:

- Cháu đừng sợ. Hãy ngoan nào. Làm trai, phải dạn dĩ chứ. Nào, nói cho bác nghe, cháu tên gì?

Đứa bé hơi hãnh diện là "kẻ làm trai", nhưng lười vẫn lú lú chưa nói được. Lũ bạn chung quanh nhao

nhao trả lời:

- Nó tên thằng Chó Con. Nó tên Chó Con.

Nhạc đến gần đứa bé hơn, cúi xuống gần tầm cao đứa bé hỏi:

- Cháu đã ăn gì chưa?

Chó Con cảm thấy đói cồn cào. Tối hôm qua, cả nhà nó không có gì để bỏ vào miệng. Mẹ nó hứa sáng nay sẽ đi vay lúa ở nhà chủ điền đến mùa sẽ trừ vào công bẻ bắp. Nó ngủ mà vẫn còn thấy trước mắt cả một nồi cơm đầy, dành riêng một mình nó. Sáng sớm cơn đói thức nó dậy. Nó cũng muốn thức mẹ dậy để mẹ sang vay lúa ở nhà chủ điền. Chưa kịp đưa tay ra lay mẹ, nó đã nghe nhiều tiếng chân người, tiếng nói tiếng hô lộn xộn. Làng bị vây rồi! Tai Chó Con no tiếng động, mắt nó no những cảnh tượng lạ, nó quên cái bao tử lép, cảm giác cồn cào ngầy ngật biến thành sự náo nức hớn hờ. Bây giờ thì Chó Con lại thấy đói. Nó thành thực đáp:

- Con đói! Không có gì ăn cả!

Nhạc nhắc lớn câu trả lời của đứa bé, rồi hỏi:

- Thế chiều hôm qua cháu ăn những gì nào? Kể bác nghe đi!

Chó Con nhăn mặt vì đau thốn dưới bụng, đáp nhỏ:

- Cũng không có gì ăn cả.

Nhạc cố khuếch đại sự kinh ngạc, hô hoán:

- Hôm nào cũng đói. Thế cháu còn cha mẹ không?

- Dạ còn.

- Cha mẹ cháu làm gì?

- Dạ làm rẫy.

Nhạc ngừng lên hỏi quanh đám đông:

- Có bà nào là mẹ cháu Chó Con ở đây không?

Một người đàn bà mặt choắt như mặt chuột, tóc tai bù xù, rụt rè nói:

- Dạ, có tôi đây. Cháu nó đại mồm đại miệng, ông tha lỗi cho.

Nhạc vội bảo:

- Không, không có gì đáng trách cả. Tôi chỉ xin hỏi chị: chị được mấy cháu rồi?

- Dạ năm đứa. Nhưng chết hết ba, chỉ còn thằng Chó Con với con Cám thôi.

- Cha mấy cháu cũng làm rẫy chứ?

Người đàn bà nhìn quanh tìm chồng. Nhưng anh chồng nhút nhát giấu mặt ở đâu mất. Thất vọng, chị đành trả lời:

- Dạ.

- Hai vợ chồng đau yếu không đi làm được hay sao mà các cháu phải đói?

Người đàn bà bị chạm tự ái, phản ứng ngay:

- Chúng tôi bỏ đói chúng nó hồi nào! Chúng tôi vất vả quanh năm, được hột lúa hột bắp nào xới cả cho tụi con, chịu đói khát cho nó lớn. Không khi nào mấy đứa con tôi bị đói cả! Chó Con, lại đây!

Nhạc vội can:

- Thôi, chị đừng giận cháu. Tại tôi tò mò mà sinh chuyện đấy thôi. Không phải lỗi của cháu, mà cũng không phải lỗi những người làm cha làm mẹ chúng ta. Chúng ta quần quật nai lưng làm việc từ sáng sớm đến tối mịt, để được gì nào? Được nhiều lắm chứ! Lúa rẫy, bắp, đậu xanh khắp mọi nơi là do ai? Do chúng ta. Thế mà sao chúng ta vẫn khổ? Lúa bắp đó đi đâu?

Một cụ già nói:

- Năm ngoái bị mất mùa, ông ạ!

Nhạc cười, cảm ơn câu trả lời, rồi nói:

- Nhưng năm nay được mùa. Tôi biết. Lúa bắp mùa vừa qua đi đâu?

Một người nào đó đứng thấp ở hàng sau nói:

- Về kho lắm chủ điền chứ đi đâu!

Một người khác cãi:

- Ô hay. Đất rẫy của người ta thì người ta thu chứ! Họ có ăn trộm của ai đâu?

Nhạc xen vào:

- Phải. Họ có đất. Mình có sức, làm rẫy cho chủ đất lấy công mà sống. Nhưng số lúa bắp chủ đất trả công cho bà con có đủ ăn không?

Nhiều tiếng trả lời:

- Không đủ. Chúng tôi sống đói!

Một người đàn ông nào đó, có giọng the thé như giọng đàn bà, la lớn:

- Nếu khỏi nộp đủ thứ thuế thì có thể đủ.

Nhạc vờ ngạc nhiên:

- Bà con làm việc như trâu mướm mùa cày mà không đủ ăn ư? Sao lại có chuyện vô lý vậy? Bao nhiêu lúa bắp về kho chủ đất cả ư? Về kho thuế cả ư? Bất công lắm. Không thể nhịn được nữa. Vâng mệnh "Trời và Đức Thầy Cả", chúng tôi cùng nhau khởi nghĩa để dẹp mọi bất công, đem no ấm cho dân nghèo. Chó Con đâu, cháu sẽ có cơm ăn ngay trưa nay! Các cháu khác cũng đang đói chứ gì? Được. Các chú các bác đến đây để giành cơm cho các cháu.

Rồi hướng về phía các nghĩa quân, Nhạc ra lệnh:

- Anh em, vây chặt các nhà giàu lại. Chủ nhà ở đâu thì đứng yên đó. Không được về. Mỏ hết các hầm lúa, kho bắp của nhà giàu ra, phát hết cho bà con. Nếu thiếu thì lấy luôn thóc thuế. Hãy nhanh lên. Các cháu ở đây đang đói lắm! Phải thế không, Chó Con?

*

* *

Tối đến, các đội tập trung về một khu rừng không xa chân đèo An Khê, nằm dọc theo con suối chảy xiết qua nhiều đám đá sỏi tròn nhẵn. Trừ một số nhỏ nghĩa quân có trách nhiệm lên trại chính lãnh gạo, mướm về lo bữa tối, đám còn lại kéo nhau ra suối tắm rửa. Tiếng nói chuyện râm ran cả khu rừng.

Bên bếp lửa nhóm gần một gốc cây lớn, hai nghĩa quân đã già ngồi bó gối canh nồi cơm đang sôi,

vừa hút thuốc vừa chuyện vãn. Người đang cầm cái que cời bột than hồng ra khỏi bếp nói với bạn:

- Cơm xong bác đi lấy nước ngay nhé. Nhớ ra chỗ nước chảy. Nước tù tanh lắm, át cả mùi trà.
- Ủa, có cả mùi trà nữa à? Moi ở đâu ra thế?
- Chuyện! Tôi chứ phải ai đâu! Khéo nói một chút thì gì cũng có.
- Nhưng... nhưng cả buổi tôi đi với bác mà! Xoay sở lúc nào?
- Lúc có ông lão đầu bạc lân la bắt chuyện, chỗ gần cái ao cá đó!
- Ông lão hỏi gì thế?

- Tức cười! Đúng là thằng chột đi hỏi đũa mù. Tôi chẳng biết trả lời sao cho đúng, huyền thiên một hồi. Ông lão mặt đực ra, gật gù, nhưng nghe xong mắt cứ ngơ ngẩn như vừa mất thứ gì. Bác có biết ông lão mất thứ gì không?

- Mất bao trà à?

- Kìa, bác khinh tôi vừa thôi. Tôi đâu phải là thằng ăn cắp vặt. Có thể mà bác không hiểu. Lão mất gì ư? Hà, hà lão mất thì giờ vô ích. Vì tôi có biết gì đâu mà trả lời.

- Nhưng ông lão hỏi gì?

- Ông ta kéo tôi ra xa, nhìn trước nhìn sau cho chắc rồi mới nói: "Này bác, Đức Thầy Cả là ai thế?".

Tôi hỏi: Đức Thầy Cả nào?". Ông lão kinh ngạc hỏi lại: Thế có nhiều đức thầy cả à? Ông nào là đức thầy cả cả!". Tôi tưởng ông lão xỏ xiên định sùng sộ, nhưng thấy nét mặt ông ta chờ đợi thành khẩn lắm, tôi kịp dừng lại. Tôi hỏi: Bác nghe chuyện Đức Thầy Cả ở đâu vậy?". Ông lão bảo nghe cái anh tre trẻ ôm ồm nói "Vâng mệnh Trời và Đức Thầy Cả". Trời thì ông lão biết từ lâu rồi. Ai mà chẳng vâng mệnh Trời. Nhưng còn có mệnh lệnh của Đức Thầy Cả nữa. Thế mới rắc rối.

- Rồi bác trả lời thế nào?

- Tôi bảo chỉ biết ông cả, tức là ông biện Vân Đồn. Ông cả có đức lớn, không lớn sao có mấy nghìn người từ bỏ quê theo về với ông. Ông cả có chí lớn, nếu không, ông đã chẳng khó nhọc xuống đồng bằng phá cửa kho thuế chia lúa cho người đói, đem của cải nhà giàu chia cho người nghèo. Ông cả có đức, có chí, nhưng vẫn chưa phải là Đức Thầy Cả. Chưa phải là Đức Thầy Cả, nhưng chẳng khác nào Đức Thầy Cả.

- Chịu bác! Nếu gặp tôi, tôi cũng không thể quanh co khéo léo thế. Tôi chẳng hiểu gì ráo. Tại sao ông cả không chịu nhận quách mình chính là Đức Thầy Cả?

- Ờ nhỉ! Tại sao thế. Nhận là Đức Thầy Cả, có phải tiện hơn không. Ớ chết! Thôi rồi bác ơi! Mãi nói chuyện nời cơm khê hết rồi. Giở nắp ra cho tôi. Bỏ vài cục than vào. Cơm với nước! Tối nào chúng nó cũng bỏ mặc cái của nợ này cho hai thằng già chúng ta. Kìa, chúng nó đã về kia kìa.

Một nhóm khoảng sáu, bảy trai tráng đến gần bếp lửa. Họ vừa đi tắm về, mình mẩy quần áo còn ướt đầm. Một thanh niên quì xuống gần bếp bấy giờ chỉ còn leo lét vài cái than hồng, cúi sát nhìn cho rõ vật gì đang cầm ở tay. Bạn anh ta giục:

- Xem làm gì! Đem nấu canh với lá giang đi.

Người nghĩa quân già hỏi:

- Gì thế?

- Quí lắm bác. Đoán xem nào?

- Chịu thôi. Ăn được không?

- Dĩ nhiên được. Khỏi nướng mắm khô bác nhé. Ta ăn một bữa sang trọng. Cá nục đây.

Cả đám xuýt xoa mừng. Lâu ngày lắm, dễ thường đã hơn hai năm, họ chưa được ăn cá biển. Một người nói:

- Cá nục ai lại nấu canh. Phải kho mới ngon.

- Kho phải có đường, hành tỏi, mỡ. Tìm đâu ra. Mình chỉ có muối.

- Nấu thế nào cũng được. Đói rồi. Hình như cơm khô thì phải.

- Ở khê. Nhưng khê còn hơn sống. Giá mỗi tối về, có sẵn cái ăn khỏi phải nấu nhỉ!

- Chỉ nói hão! Không nấu, ai hầu hạ cho. Toán của mình còn có hai bác, đỡ lắm. Cháu phải đền ơn hai bác cái này mới được!

- Cái gì thế?

- Điều bình à? Tìm ở đâu thế?

- Suyt. Tôi nhật được đấy?

- Thật không?

- Thật mà. Lúc dân làng hoảng chạy tán loạn, tôi nhật được ở đầu làng.

- Cái bình sứ đẹp nhỉ. Không vỡ là may!

- Lại thêm cái ống giả trống này nữa. Của nhà giàu đấy!

- Khối tiền nhé!

- Đã hẳn! Không đắt giá, người ta mang theo làm gì.

Người nghĩa quân già lo âu:

- Chúng ta giữ của này không tiện. Đi đâu cũng khệ nệ mang theo coi sao được. Không cần thận lại vỡ. Người ta còn nghi mình đi hôi của nữa. Phải nộp lên trên thôi.

- Tiếc nhỉ. Mà cũng bất tiện nhỉ!

Cả toán bắn khoản quên đói. Người trẻ nhất dám bảo:

- Thôi để mai hãy tính. Ta hút thử xem nào!

Câu chuyện lại trở nên rôm rả, và họ trải qua một bữa tối sang trọng có đầy đủ cơm nóng, cá biển, thuốc và trà ngon.

*

* *

Toán nghỉ đêm dưới mấy tảng đá lớn bên suối thức khuya rì rầm nói chuyện mãi. Tiếng nói của họ đáng lẽ rõ mồn một trong đêm tối, nhưng tiếng suối chảy và tiếng lá rừng mình theo gió át mất, mỗi người phải cố nói chậm và cao hơn, người nằm cạnh mới nghe. Giọng một người đàn ông khao khao:

- Ngày mai tôi lãnh phần canh gác nhé! Chia lúa khổ quá!

- Sao thế?

- Gớm. Ngứa quá. Không biết có sâu hoặc dòi bọ chỗ này không. Mai cho tôi giữ phần ngoài, nhớ nhé. Tôi chịu, không ở vòng trong nổi nữa.

- Tao thương mày mới phân việc nhẹ đấy. Đứa nào khác, đừng hòng.

- Tôi biết. Nhưng anh tính, họ không nhận thì làm thế nào?

- Ai không nhận?

- Còn ai vào đấy! Những người nghèo. Họ vội vàng xách thúng chạy đến kho. Nhưng sau đó, họ lảng xa ra, gọi mãi mới chia được vài người. Tức không chịu được.

- Vô lý. Họ nghèo xác. Chia được cái ăn còn làm bộ làm tịch. Hay mày lớn lối với họ?

- Không. Tại họ sợ!

- Sợ cái gì?

- Họ sợ khi mình rút đi rồi, quân phủ đến, bắt tội họ. Ăn cướp thóc thuế, không 100 roi cũng ở tù đến một gông. Có người đã nhận xong, không biết nghe ai dọa, trở lại năn nỉ xin trả vào kho. Tôi giận quá, quát tháo om sòm, họ mới đành bưng thóc ra về. Hồi chiều lúc đi tắm, tôi nghe nói đội khác cũng gặp chuyện oái ăm như vậy.

- Rầy rà nhỉ. Chắc có đứa dọa già dọa non gì đây. Hay lại chính bọn nhà giàu?

- Không rõ. Ai mà chẳng tiếc của. Mình đi rồi chúng nó lại huênh hoang, hống hách như cũ.

- Phải trị vài đứa dẫn mặt xem sao!

- Tôi cũng nghĩ thế. Nhưng lệnh cấm gây đổ máu. Chuyện ở đội ông Tuyết, anh biết chứ?

- Lại chuyện gì nữa?

- Thế anh chưa biết gì à?

- Đội đó từ khi xuống núi gây lắm chuyện quá, không biết chuyện cũ hay chuyện mới? Vụ đốt rụi cả nhà lão chánh tổng chứ gì?

- Không phải. Chuyện mới xảy ra hồi sáng. Oán thù đến mức đó thì ghê thật!

- Mày kể quách cho tao nghe để còn ngủ lấy sức. Quanh co mãi. Oán thù thế nào?

- Thì tôi sắp kể đây. Thế này nhé. Một bác nông dân gặp lúc mấy mùa đến nhà chủ điền vay lúa. Lão nhà giàu đã không cho vay, còn thả chó ra cắn. Giận quá, bác...

- Tưởng chuyện gì. Chuyện ông Năm Ngãng chứ gì!

- Không phải. Để tôi nói hết đã. Bác giận quá, vạch quần đá ngay trước nhà chủ điền. Ông nhà giàu cho đầy tớ ra bắt, bác nông dân chạy thoát. Ông nhà giàu rêu rao khắp xóm là nếu chưa cắt được con cu của tên hỗn xược thì chưa yên lòng nhắm mắt. Bác nông dân sợ, bỏ trốn. Tên chủ điền lén sai đầy tớ đến đốt nhà kẻ thù. Vợ con bác nông dân may thoát được, bỏ làng không biết đi đâu. Người chồng lên Tây Sơn thượng tá túc ở trại ông biện, lầm lì như người ngu độn nhưng thật ra vẫn chờ ngày trả thù. Sáng nay, bác theo về làng cũ. Ông Tuyết giao cho bác ta việc chia của cải tên chủ điền cho dân. Bác nhờ người khác thay, còn mình thì xách dao đi tìm kẻ thù. Tên chủ điền trốn trong một bụi tre, sợ chúng ta giết chớ không phải sợ gặp kẻ thù cũ. Cho nên gặp lại người tá điền lão không nhận ra. Bác ta len nhét giẻ vào miệng lão, trói dẫn vào một cái nhà hoang, xé quần áo lão...

- Chi bịa!

- Thật mà. Chính bác ta thú nhận đã nhét nguyên cái của nợ máu me bầy nhầy đó vào mồm kẻ thù.

Bao nhiêu năm bác ta chỉ nghĩ đến việc đó. Thế là bác thỏa nguyện rồi! Phạt, xử thế nào, bác cũng cam nhận tất!

- Rồi ông Tuyết xử thế nào?

- Không biết. Nghe đâu phải báo lên ông cả. Đội bên đó lạ lắm. Ngày nào cũng có một chuyện hấp dẫn để kháo với nhau. Không tin, mai anh qua hỏi họ xem. Họ đóng ngay bên kia suối. Chỗ có mấy bụi mù u.

^[1] *Hợp tuyển thơ văn VNTK 18 nửa đầu TK 18. Nhà xuất bản Văn học Hà Nội 1978, trang 815, 816*

^[2] *Phỏng theo Phủ Biên Tạp Lục, Lê Quý Đôn, phần thuế khóa Quảng Nam từ trang 162 trở đi*

Chương 16

Lợi và Lãng được phép về Tây Sơn thượng thăm nhà chưa được mấy ngày, thì toán ngựa thồ chở lúa lên Tây Sơn thượng mang theo lời nhắn của ông cả bảo Lợi xuống gấp. Họ cũng mang theo một lá thư ngắn lời lẽ khá trân trọng, mời ông giáo xuống gấp gặp ông cả để bàn một việc rất quan hệ.

Lợi phải bỏ ý định mua măng le chở xuống đồng bằng đổi mằm và hàng hóa, để ngoài việc góp thêm vào quỹ chung còn kiếm riêng cho mình món tiền nhỏ. Anh cần tiền hơn lúc nào hết, càng có nhiều tiền, càng tốt. Quà cáp cho các bà, đãi đằng những "nhân vật quan trọng", và giờ đây lại thêm những món quà cho An. Lệnh của ông cả làm tiêu tan bao nhiêu tính toán, cho nên dù lời nhắn khẩn cấp, Lợi vẫn nấn ná ở thêm một ngày nữa. Cái cố là ngựa mệt không đủ sức leo đèo.

Cả buổi chiều và buổi tối trước hôm khởi hành, Lợi cứ lân la quanh An. Nhà chật chội, vẻ lãng xãng của Lợi quấy động sự yên tĩnh và trật tự trong gian nhà nhỏ, va chạm thói quen của hai cha con ông giáo. Lợi không tinh ý, cứ tưởng những câu bông đùa hời hợt của mình thật cần thiết, có thể giúp An quên nỗi lo lắng cho cha già và giảm bớt những buồn rầu hoang mang thường có trước các cuộc giã biệt.

Khó chịu vì Lợi nhất, là Lãng. Cậu cứ đợi mãi cơ hội thuận tiện để thừa vớ ý định của mình, cái ý định cậu chỉ dè dặt nghĩ ra trước lúc về nhà, nhưng đến Tây Sơn thượng gặp chị và cha xong, cậu càng cương quyết thực hiện cho bằng được. Lãng chờ cả buổi chiều: không có lúc nào Lãng được ngồi nói chuyện riêng với cha! Lúc nào cái anh chàng băng nhăng cũng chen vào chuyện nhà ông giáo như một "người nhà". Mãi buổi tối, sau khi ăn cơm xong, một nghĩa quân trong đoàn ngựa thồ tìm hỏi Lợi chút việc, anh chàng băng nhăng vội lên trại gặp thủ kho, Lãng mới thở phào nhẹ nhõm. Cậu lấy bạo đứng gần cha, rụt rè mở lời:

- Chắc mai cha đi sớm.

Ông giáo ngược lên nhìn con, bảo:

- Được. Con cứ đi ngủ trước, khỏi lo cho cha. Hơn một năm nay rồi, không tài nào cha nhắm mắt được trước giờ tý.

Lãng biết cha hiểu lầm câu nói của mình, lúng túng cải chính:

- Con chưa buồn ngủ. Con định thưa với cha...

Nói đến đây, bao nhiêu can đảm của Lãng bỗng tiêu tan hết, Lãng không dám nói tiếp ý định. Ông giáo chờ mãi chưa thấy con nói gì, ngạc nhiên hỏi:

- Có chuyện gì thế?

Lãng không có lối lùi nữa. Cậu hít một hơi dài, rồi nói thật mau, sợ chính mình đổi ý:

- Con không muốn xuống dưới đó nữa.

Ông giáo vội hỏi:

- Con nói gì vậy?

Lăng nhắc lại, từng tiếng rõ và chậm:

- Con xin cha cho ở lại nhà. Con không muốn xuống núi nữa.

Ông giáo nhìn chăm chăm vào mắt con, tìm ở đó dấu hiệu của yếu đuối, nhát sợ. Hơi thất vọng, ông hỏi:

- Tại sao thế! Chính con tự nguyện xin đi, rồi bây giờ lại xin không đi nữa? Bạn bè con sẽ nghĩ thế nào? Con không sợ bị xem là một đứa hèn nhát hay sao?

Lăng muốn thuật hết cho cha nghe những kinh nghiệm của mình trong hai tháng qua, những suy nghĩ của cậu về bạo lực. Cậu đã rút được một số điều mà cậu cho là chân lý, một số mặt trái của đời sống mà cậu không thể nào thỏa hiệp được, chỉ còn một lối duy nhất là dứt khoát trở về với gia đình, tránh né những đổ vỡ sắp đến của nếp sống bất đắc dĩ. Nhưng làm sao Lăng có thể giải bày tất cả sự phức tạp mông lung đó cho cha. Lăng ậm ừ mãi chưa nói được ra lời. Ông giáo càng cho định kiến của mình là đúng, khuyên lớn con:

- Con hãy nghĩ lại đi. Mấy ngày nay, con xem trên này có còn thanh niên nào không? Trừ đàn bà, con nít và người lớn tuổi, tất cả trai tráng đều tham gia việc quân. Ngay đến công việc nương rẫy vất vả bây giờ cũng giao lại cho các bà mẹ và lũ trẻ mới lớn. Chị con đứng ra điều khiển một toán làm rẫy, da đến cháy nắng như con thấy đấy. Cha đã già rồi cũng kiêm một lúc hai ba việc. Con đòi ở lại ư? Chỗ của con sẽ là chỗ nào? Đám đàn bà con gái nhìn con ra sao? Cách đây hai tháng, cha không muốn con đi. Con yếu sức quá cha sợ con không kham nổi sương gió. Bây giờ mọi sự đã đổi khác. Con có thấy điều đó không?

Lăng lắng nghe lời cha. Cậu cảm thấy vô vọng và cô đơn. Cậu tự hỏi: Những điều ta nghĩ khác thường lắm sao? Thế nào mới là bình thường? Thế nào mới là lẽ phải? Cậu xúc động mãnh liệt, hai thái dương lại tê dại và máu căng dưới làn da cậu. Lăng thừa với cha những điều thoát hiện trong óc cậu, quên bớt sự dè dặt:

- Con không biết nói sao cho cha hiểu lòng con. Cả nhà từ anh Chinh cho đến chị An đều xem con là một đứa hèn yếu. Dưới đó họ gọi con là "thằng vô tích sự". Chắc cha cũng nghĩ như thế. Làm sao cho cha hiểu lòng con đây! Con yếu sức hơn các anh chị. Con xin nhận điều đó. Con lúc nào cũng nhờ các anh chị bảo bọc giúp đỡ mới làm nổi công việc, dù là việc nhỏ nhất, nhẹ nhất. Tuy vậy, con tự biết con không yếu đuối. Những cái mọi người cho là mạnh bạo can đảm, con chỉ thấy sự cộc cằn, tàn bạo, thô lỗ, nông nổi. Con thà làm một thằng con trai hèn nhát còn hơn được gan dạ theo kiểu đó. Và con cho như vậy mới là mạnh bạo, dám dứt khoát với những gì không hợp với bản tính.

Ông giáo khá ngỡ ngàng trước lời bộc bạch khác thường của đứa con út. Ông thấy con mình đã trưởng thành sau hai tháng vào đời. Có điều ông tiếc, là cái giọng chán chường hoài nghi đến sớm của Lăng. Con ông mới 18 tuổi, và ôn lại quá khứ, ông giáo nhớ rằng phải đến tuổi 40, các va vấp chồng chất mới đủ khiến ông bắt đầu hoài nghi. Ông có thể khuyên Lăng được gì đây? Nó đã trải qua những kinh nghiệm nào? Ông không có thì giờ để hỏi cho cặn kẽ nữa. Ông giáo chỉ đưa ra nhận xét:

- Con già trước tuổi rồi, Lăng. Đó là dấu hiệu yếu đuối. Con chưa thấy hết mọi mặt của đời sống đâu. Có thì giờ cha sẽ nói chuyện với con nhiều hơn. Cha không ép con sống trái ý mình. Con muốn quyết

định thế nào tùy ý. Con nghĩ cho kỹ trước khi trả lời: Mai con đi với cha hay ở lại?

Lăng cúi đầu suy nghĩ thật lâu, rồi đáp:

- Con xin ở lại.

Ông giáo thất vọng, nhưng đành nói:

- Được rồi. Cha sẽ tìm cách nói với ông cả. Trong lúc cha vắng nhà, con ráng giúp đỡ cho chị, gánh bớt một phần việc nương rẫy. Cậu Hai Nhiều khó tính, con đừng cứng cổ, cứng đầu như thằng Chinh trước kia mà sinh chuyện. Nay cậu ấy được giao trông coi tất cả chuyện nương rẫy. Cha tiếc lắm. Con không đi với cha. Nhưng thôi, thế cũng ổn.

*

* *

Trong cái lán khá rộng và cao dành làm nơi bàn luận của ban tham mưu, quây quần đầy đủ những nhân vật quan trọng: ông cả, Huệ, Chi, Năm Ngạn, Bùi Văn Nhật, Tuyết... Ông giáo và Lợi xuống trể, đến chỗ họp thấy cuộc bàn luận đang dở dang. Nhạc vội đứng dậy, ân cần mời ông giáo ngồi xuống chiếu ngay cạnh mình, rồi hất đầu ra dấu bảo Lợi tìm chỗ ngồi đâu đó để mau chóng tiếp tục cuộc họp. Bên phải ông giáo là Chi tên thầy cúng. Nhạc chờ cho mọi người yên lặng, mới nói:

- Các ông đừng tưởng chúng nó mạnh. Hai tháng nay chúng ta tung hoành khắp vùng cận sơn hai phủ Qui Nhơn và Phú Yên, phá kho thóc, đốt sổ thuế, bắt hết bọn hào lý mà chúng dám làm gì đâu! Áo mào xe ngựa ghê gớm lắm, nhưng gặp bọn chân đất chúng ta, chúng chạy như vịt. Hôm qua ta gặp lại thằng Đốc trưng Đăng. Quân lính hộ vệ đâu có ít. Ta bảo nộp hết giấy tờ, tiền bạc thì được tha mạng. Nó dùng dằng. Ta cho một nhát vào vai thằng Đốc trưng. Các ông nghĩ coi, đáng lý bọn lính phải xông vào cứu chủ, vì bên ta có nhiều nhôi gì! Nhưng không, quan quân một lũ vất hết giấy tờ tiền bạc, vắt giò lên cổ mà trốn. Các ông đừng quanh co chối tội, bảo vì quân triều mạnh mà không làm được việc. Phải nói thực! Vì sao gần đây tình hình trở nên bất lợi? Tại sao các đội cứ thua hoài vậy?

Cả chiếu hội đều im phăng phắc, không ai dám nói gì. Giọng của Nhạc nghiêm khắc, đầy phần nộ. Chờ mãi không ai lên tiếng, Nhạc chỉ Tuyết hỏi:

- Thế nào, ông Tuyết? Hôm nay đội ông thiệt hết bao nhiêu? Mấy chết? Mấy bị thương?

Tuyết rụt rè đáp:

- Dạ có nhiều hơn hôm qua. Tại vì... tại vì...

- Vì sao?

- Không hiểu vì sao gần đây họ chống cự lại mạnh mẽ hơn.

- Các ông vỗ ngực xưng là hảo hớn, muốn vào là vào muốn ra là ra. Thế sao hôm nay thiệt hại bấy nhiêu người mà không vào được?

- Có lẽ chúng nó đưa quân phủ giúp đỡ.

- Lại quân phủ! Không có quân phủ nào hết, tôi nhắc lại cho ông rõ. Chỉ có dân làng thôi! Khi tôi dẫn quân vào, thấy hầm hào họ đào kiên cố lắm. Chòi canh nào cũng có hàng bó tên lớn, bắn cả ngày không hết. Các ông nghĩ mà xem, tại sao họ liều chết chống cự chúng ta?

Huệ nói:

- Vì một số nhỏ trong chúng ta quen thói cũ, phá phách nhà cửa, lấy cắp của dân làng. Đã có nhiều vụ đốt nhà bừa bãi. Dân người ta sợ, liều chết chống cự may ra còn bảo vệ được làng xóm và con cái mình. Nếu ta cư xử với họ như một bọn cướp, thì họ chỉ còn một con đường sống là liều chết tự vệ mà thôi.

Bùi Văn Nhật vội nói:

- Không phải thế. Chính bọn nhà giàu xúi giục người ta chống cự. Ta đến, họ giả vờ sợ hãi vâng dạ. Ta đi, họ liền đe dọa các người nghèo làm thuê, cày mướn trên đất họ để sống. Nhiều khi ta chia của nhà giàu cho dân đói rách, họ sợ không dám nhận. Tôi có bắt được mấy tên chuyên xúi giục dân chống cự ta. Kêu chúng tra hỏi, sẽ rõ hết.

Nhạc gật đầu nói:

- Được. Dẫn chúng vào hỏi xem!

Nhật đứng dậy ra khỏi lán. Trong khi chờ đợi, Nhạc quay hỏi Lợi:

- Chú đã xem lại kho lương chưa?

Lợi thành thực đáp:

- Dạ thưa chưa!

Nhạc nghiêm giọng nói:

- Đáng lý chú phải xuống ngay. Báo động rồi đấy. Chỉ còn đủ ba ngày nữa thôi. Mấy ngày nay ta bị chống cự mạnh mẽ, các kho thóc thuế không tịch thu được. Chú xem cách lo liệu gấp đi!

Nhật dẫn vào một người đàn ông nhỏ thó, ăn mặc rách rưới và ốm yếu. Ông ta run rẩy, sợ hãi như sắp phải bị xử chém, đôi mắt lơ lảo nhìn khắp mọi người trên chiếu hóp cầu khẩn van lơn. Nhật vừa đẩy vai cho người tù binh tiến gần về phía ông cả, thì hắn đã sụp xuống lạy như tể sao, vừa lạy vừa rên rư rử kể lể những gì không ai nghe rõ. Nhạc quát:

- Quì yên đó.

Người tù binh vâng lời, không đủ sức quì thẳng lưng nên chống hai tay đang run xuống đất, mặt cúi gằm để tránh cái nhìn giận dữ của Nhạc. Nhạc lại ra lệnh:

- Ngừng đầu lên coi!

Như cái máy, người tù binh vội ngừng mặt lên, cố giữ cho lưng thật thẳng, trấn áp run rẩy bằng cách vòng tay thật chặt trước ngực. Nhạc hỏi:

- Mày đã biết tội chưa?

Người tù binh rên rỉ đáp:

- Dạ con biết tội rồi. Trăm lạy các ngài ngàn lạy các ngài, tha chết cho con về nuôi vợ con...

Nhạc cắt lời:

- Thôi. Nói cho gọn và rõ: tội của mày là gì, khai đi.

- Dạ con lỡ lầm đem giấu số thuế, con đại dột xin các ngài...

Nhạc hỏi Nhật:

- Nó cung khai đúng không?

Nhật đáp:

- Dạ đúng. Chúng tôi bắt quả tang bạn đang đem tập sổ thuế giấu vào chái sau đình làng. Hẳn không ngờ chúng tôi tấn công tập hậu. Lúc đầu hẳn chối. Nhưng khi rạch áo, thấy hẳn còn giấu một cuốn vào thắt lưng.

Tên tù binh lại phục xuống lạy:

- Trăm lạy các ngài con lỡ dại, xin tha chết cho con về nuôi vợ nuôi con.

Nhật quát:

- Đừng xoen xoét cái mồm nữa. Ai sai mà đi giấu sổ thuế?

- Dạ không có ai sai con cả.

- Mà nói dối. Có phải bọn nhà giàu sai mà không? Hay là bọn hào mục? Ai sai, phải khai ra.

- Dạ, con không dám nói dối với các ngài. Quả thật không ai sai con cả. Con chột nghĩ dại, nên làm bậy.

Huê xen vào hỏi:

- Anh nghĩ cái gì mà đem giấu sổ thuế?

Người tù binh vừa rên vừa trả lời:

- Con nghĩ dại dột là lỡ các ngài đốt sổ thuế đi, một mai quan phủ lại đến đòi, thì lấy giấy tờ đâu làm chứng là con đã nộp thuế rồi. Gia đình con đông miệng ăn, phải nhịn một bữa cơm mới đủ đóng thuế. Sổ thuế cháy rồi, lại đòi nữa thì con lấy gì để nộp.

Tất cả mọi người trên chiếu họp đều lặng người vì lời khai của người tù binh. Họ hoàn toàn tin ở lời khai. Có điều từ Nhạc cho đến ông giáo lấy làm lạ là tại sao một sự thực đơn giản như thế mà từ lâu, không ai nghĩ ra cả. Đốt sổ thuế là hợp lòng người, nhưng sau giây phút hào hứng, phải có những lo âu vu vơ nhưng có thật: kẻ đóng thuế xong lo mất hết chứng từ thanh toán sẽ có hại về sau nếu quân triều trở lại. Kẻ nợ thuế sợ sẽ phải trả một số nợ lớn hơn nợ ghi bằng giấy trắng mực đen, do lòng tham của kẻ thu thuế và sự hách dịch của bọn chức sắc.

Người tù binh điếng người khi thấy cả phòng im lặng. Đột nhiên, anh ta nức lên khóc. Nhạc ra lệnh:

- Được rồi. Dẫn hẳn về trại giam.

Nhật dẫn người tù binh đi. Anh ta yên trí sắp đến chỗ xử chém, co rúm người lại, mếu máo không chịu bước tới. Nhạc phải nói thêm:

- Không sao đâu. Anh khai thành thật như vậy, khá lắm. Ta tha tội chết cho.

Chưa kịp biểu lộ sự mừng rỡ, người tù binh đã bị Nhật đẩy ra khỏi cửa. Nhạc suy nghĩ một lúc, rồi nói:

- Họ chưa tin chúng ta bảo vệ được họ, lo cái ngày quân triều trở lại.

Lại có tiếng chân người đến gần chiếu họp. Nhật dẫn thêm một tù binh khác, dáng người cao lớn nhưng cách ăn mặc thì quá rách rưới. Thân thể khá đầy đà, mập mạp không phù hợp với cách ăn mặc chút nào, khiến mọi người nhận ra ngay điều gì giả tạo, man trá nơi người tù binh.

Nhật bắt anh quì, rồi nói với Nhạc:

- Tên này bị bắt quả tang đang giấu của cải. Quần áo này không phải của hắn. Bộ quần áo lành hắn cởi ra, đem giấu ra vườn rau với cái nồi đồng và cái cối trầu bằng thau.

Nhạc hỏi:

- Mà có mấy mẫu ruộng, mấy cặp trâu?

Người tù binh ít nói và có vẻ gan dạ đáp chậm:

- Dạ tôi không có đất, cũng không có trâu.

- Vậy có cái gì?

- Dạ chỉ có cái rựa với cái cuốc.

Nhạc cười gằn:

- Đến phút này mà còn bông đùa được, khá lắm!

Người tù binh nói:

- Tôi nói thật. Gia đình tôi nghèo, không có đất. Nhưng anh em tôi đều khỏe mạnh. Chúng tôi phả

rừng làm rẫy, được gì thì hưởng trọn khỏi trả cho chủ đất nên không đến nỗi đói.

Nhật giận quá, nói:

- Mà gian dối. Nếu nghèo, mà sợ gì mà phải cố mặc áo rách, cố đem giấu quần áo, đồ đạc đi?

Người tù binh đáp:

- Tôi nghe các ông thường lấy của nhà giàu chia cho dân nghèo. Tôi là dân nghèo, tôi vui mừng lắm. Nhưng làm sao phân biệt được giàu với nghèo? Ai sẽ bị tịch thu của cải, và ai sẽ được phân chia của cải? Nhờ mùa trước bắp và đậu rẫy tôi tốt, tôi mới may được cho anh em tôi mỗi người một bộ quần áo lành vải chàm. Tôi mua cho mẹ tôi cái nồi đồng, cái cối trầu và sắm vài thứ khác. Thế là tôi có vẻ giàu rồi. Tôi sợ bị xem là nhà giàu. Cho nên thấy các ông đến, nhiều người vội vã giấu của cải, mặc quần áo rách vào, không phải để được chia của nhà giàu, mà để khỏi bị xem là giàu.

Chỉ mĩa mai:

- Mà lý sự khá lắm, không sợ chết hả!

Nhạc hậm hực:

- Tội tao còn bắt được nhiều đứa khác. Mà nói dối không êm đâu. Sẽ có nhiều người khai thực mà là ai, giàu hay nghèo.

Nhạc không muốn nghe chuyện đôi co, ra lệnh:

- Thôi được rồi. Dẫn hắn đi.

Nhật lại dẫn người tù binh ra cửa.

Nhạc nhìn quanh rồi hỏi:

- Ý các ông thế nào?

Đa số chưa hiểu ý Nhạc nên không biết trả lời ra sao, người này liếc người kia thầm giục nói trước.

Huệ nói:

- Rõ ràng dân chúng chưa tin chúng ta. Không phải lỗi của họ. Ta đốt quách sổ thuế xí xóa nợ nần cho họ, họ không mừng. Chia của cải họ không dám nhận, hoặc nhận xong hôm sau lại đem trả cho nhà

giàu. Vì sao vậy? Vì họ nghĩ ta không khác bao nhiêu với bọn cướp đêm lẫn bọn cướp ngày. Ta cũng dùng giáo mác cung tên lừa họ ra sân đình, ngọn đuốc hờm sẵn để châm vào nhà họ. Nhiều người xấu trong chúng ta cũng giở thói cướp bóc, sàm sỡ với phụ nữ y như bọn ôn dịch dưới phủ. Chắc chắn dân chúng nghĩ thế này: "Trường gì! Cá mè một lứa mà thôi. Bọn cướp ngày trước kia uy thế vững bền mấy trăm năm, còn bọn cướp này sức được bao nả. Phải dè dặt thận trọng, không thì về sau lại khổ". Cho nên, khi nào chúng ta còn cư xử như những tên du thủ du thực, khi nào trong đội ngũ còn những tên cướp bóc, hiếu sát, lúc đó dân chúng còn thận trọng, xa lánh với ta. Họ chưa tin, vì quả thực chính chúng ta có gì cho họ tin.

Chỉ liếc về phía ông giáo, cười mỉm, rồi nói:

- Có phải chú Tám (Huệ) muốn quăng hết gươm giáo, đem sách nho ra giảng cho chúng nó mở cổng làng ra không? Chú muốn lập những toán quân thuộc lòng Thi Thư, đội khăn sửa áo tề chỉnh trước khi ra trận phải không? Nói nhân nghĩa cho chúng nó qui thuận mình chứ gì? Sẵn có ông giáo ở đây, ta còn đợi gì nữa! Phải thế không thầy giáo?

Mọi người nhìn cả về phía ông giáo. Không thể tránh được, ông giáo nói:

- Bác dạy quá lời, bác Chỉ ạ! Tôi già yếu lắm lắm, không giúp gì cho đại cuộc đâu. Thi Thư Nhân Nghĩa có vẻ phù phiếm thật đấy, nhưng thiếu nó thì không biết bước vào đâu, vì nó là cái nền của mọi sự. Xưa nay ai phất cờ mà không vin vào điều nhân nghĩa. Chính bác cũng đã đề xướng lên "ý trời" kia mà! Ý trời là cái gì, nếu không phải là mong ước cho người người thương yêu nhau, vua cho ra vua, tôi cho ra tôi, con cái có hiếu với cha mẹ, vợ chồng lấy nghĩa mà sống với nhau, trên thuận dưới hòa.

Nhạc thấy không khí căng thẳng, vội bảo:

- Bàn chuyện lâu dài thì không biết bao giờ mới hết. Hôm nay ta nên chú ý đến chuyện trước mắt. Tình hình như vậy, ta phải làm gì. Ông Năm Ngạn, ý ông thế nào?

Năm Ngạn nói:

- Ý tôi ấy à? Tính con người ta lạ lắm, không chịu nhẹ đâu. Đừng hòng dùng lời dịu ngọt mà nói lọt tai họ. Chỉ khi nào gươm kề cổ họ mới chịu khuất phục vâng lời. Coi chừng gươm của ta chưa đủ bén đấy.

Tuyệt vui mừng nói:

- Tôi cũng nghĩ thế. Dân họ còn do dự, vì ta còn nhẹ tay quá. Còn nếu chúng nó chống lại, thì không còn cách nào khác hơn. Chỉ còn cách này.

Tuyệt đưa bàn tay lên, chém nghiêng vào khoảng không.

Nhạc cười lớn, bảo mọi người:

- Tuyệt nói hợp ý tôi. Chỉ còn cách này thôi!

*

* *

Khi mọi người bắt đầu đứng dậy ra khỏi phòng họp, Nhạc giữ ông giáo lại. Ông cả thấy nét mặt ông giáo dàu dàu, muốn giải thích rõ hơn tình thế bắt buộc phải dùng các biện pháp mạnh. Ông giáo chỉ gật gù cho qua chuyện mà không nói gì. Nét mặt ông cũng không thay đổi.

Thấy thế, ông cả bồng đùa:

- Nghe nói thầy có chuyện vui, phải không?

Ông giáo ngạc nhiên hỏi lại:

- Chuyện vui gì thế?

Nhạc nhận ra bông đùa lúc này không đúng lúc, nên nói lảng đi:

- Ôi! Chúng nó buồn không biết làm gì, đặt ra đủ thứ chuyện để kháo với nhau. Thầy về nghỉ nhé.

Chắc đi đường vất vả lắm!

Ông giáo nói:

- Vâng, khá vất vả. Tôi có đi xa mới biết sức đã yếu.

Trong lúc đó một đám trai tráng đang vây quanh Lợi ở trước lán. Ngạnh, người lâu nay vẫn phụ việc cho Lợi trách:

- Anh không xuống, báo hại tôi quýnh không biết xoay sở ra sao. Nhưng nghe được chuyện anh, tôi hiểu. Ở trên đó như vậy là còn ít. Trường hợp tôi, tôi ở lại luôn. Trời gầm cũng không xuống đâu!

Một người khác nói:

- Ông đồ tình mắt thật, kén rẽ như vậy mới là người sành đời.

Lợi giả vờ nổi giận:

- Ô hay! Tụi bây nói quàng xiên gì vậy! Đứa nào đặt điều? Nói ngay!

Cả bọn cười ồ. Một người nói:

- Trông anh Lợi hôm nay linh lợi hết sức!

Một người khác bảo:

- Khéo nói chưa! Không linh lợi mà được chọn! Chẳng lẽ thầy giáo chọn một đứa đần độn dớ dẩn như mày!

Lại cười đùa vang cả đêm đen. Lợi cải chính:

- Đừng nói bậy, thầy giáo nghe được, giận chết! Chưa có chuyện gì đâu. Chỉ là chuyện hão của mấy thằng mách lẻo thôi. Mà nếu có chuyện gì thì cũng còn lâu lắm.

Có người hỏi:

- Lâu đến đâu? Phải cho chúng tôi biết để chuẩn bị rượu chứ?

Lợi nói:

- Có gì đâu mà sắp sửa rượu chè!

- Lại chối! Chuyện rành rành ra đó.

- Cái gì mà rành rành?

- Chứ không phải anh mua sắm đủ thứ để xin gửi rể à? Nào vàng hường, nào kim châm, mộc nhĩ, nào kim chỉ... Toàn là hàng Tàu cả. Anh tưởng chúng tôi mù cả chắc!

- Chuyện! Giỡn mẹ người ta kia mà!

- Giỡn mẹ! Sao lại giỡn ngay tại nhà đàn gái?

- Nhà gái! Nhà gái nào?

- Thôi ông ơi! Nói quanh co mãi. Làm như ngu ngơ không biết gì ráo! Nhìn cái mặt hớn hở của ông,

chúng tôi hiểu liền. Suyt, có anh Huệ tới kia kìa!

Huệ đi ngang đám trai tráng, nhìn thấy Lợi, hơi dừng dằng muốn hỏi điều gì, nhưng sau đó lại tiếp tục bước về phía dốc.

*

* *

Ông giáo bắn khoăn không hiểu ông cả mời ông xuống đây để làm gì? Suốt một tuần lễ nay, Nhạc có vẻ bận bịu không có thì giờ nói chuyện với ông. Riêng ông giáo vì tự trọng, không bao giờ tìm cách gặp Nhạc. Trong thời gian ấy, ông cứ thắc mắc hoài về ý định của ông cả.

Nhạc mời ông xuống đây làm gì?

Để làm trò cười cho bọn thầy cúng và bọn vô lại lao nhao thường xuyên bao quanh Nhạc, bọn xem ông như rác rến dấp dềnh của một thứ đạo đức khô cứng, lỗi thời đến đáng ghét? Để chứng minh cho ông giáo thấy sự lầm lẫn của ông, vì ông cứ nằng nặc đòi phải phò hoàng tôn Dương thì mới giữ được sự tiếp nối và chuyển tiếp cần thiết của lịch sử?

Hoặc để trên Tây Sơn thượng người ta có cơ hội tước hết quyền hành của ông, dồn trách nhiệm coi sóc Tây Sơn thượng cho một tay chân ngoan ngoãn? Dù nghĩ thế nào, ông giáo vẫn thấy vị đắng cay nơi đầu lưỡi. Ông lăm lè trong gian nhà khách người ta dành cho ông, ơ hờ hưởng thụ những tiện nghi và ân cần. Chinh có đến thăm cha, nhưng vẻ rầu rĩ của ông giáo khiến Chinh e ngại, tưởng cha đã nghe hết những trò chơi mới mà Chinh bị lôi cuốn tham dự. Cho nên sau hai lần cha con nói chuyện với nhau một cách gượng gạo, rời rạc, ông giáo không thấy Chinh đến thăm đều mỗi tối như trước. Một lần vào đêm mưa giông, Huệ có đến thăm thầy. Nhạc lại gửi em đem biếu ông giáo một gói trà. Ông giáo vui mừng vì còn được người hiểu mình, sửa mình chuẩn bị cho một cuộc đối thoại thú vị. Nhưng đêm hôm ấy, Huệ có vẻ lơ đãng, như đang nghĩ một chuyện quan trọng lắm mà không tiện chia sẻ nỗi lo âu với thầy. Ông giáo hỏi Huệ:

- Anh bị bệnh à?

Huệ đáp:

- Thừa không.

- Tại sao anh mất cả thần sắc. Tình hình thế nào?

- Dạ, không được tốt. Hôm nay phải chôn những người bị chết dưới đồng. Không thể mang hết về tận trên này được!

- Thiệt hại nặng đến thế ư?

- Dạ.

- Vì sao vậy?

- Nhất định không phải vì mình còn nhẹ tay như "người ta" nói đêm ấy. Ông Tuyết chọn toàn dân bậm trợn được quen thân từ trước. Thế mà mãi đến gần tối mới vào được. Chỉ còn thì giờ châm lửa đốt hết rồi rút lui. Nhờ ánh lửa nhà cháy mới vui được mấy cái xác gần mé rừng.

- Tất cả những trò bạo tàn đó đưa đến đâu? Để làm cái gì? Nếu cố tấn công vào chỉ để đốt sạch phá

sạch, thì cần gì phải nhọc công thế! Chỉ việc bắn lửa vào là xong. Có ai đặt những câu hỏi ấy không?

Huệ buồn rầu đáp:

- Dạ không.

- Anh có hỏi ông cả không?

- Dạ chưa.

- Tại sao vậy? Còn đội của anh thế nào?

- Không đến nỗi thế, nhưng không được như trước. Hiếu sát là một thứ ôn dịch, nó lan nhanh truyền nhanh đến nỗi không ai có thể được an toàn. Dù con cố giữ kỷ luật, vẫn có nhiều vụ phá phách giết chóc bừa bãi.

- Anh có tìm hiểu xem tại sao như vậy không?

- Các đội khác thì con không rõ. Riêng đội của con, phần lớn anh em đều trẻ cả. Những chuyện đáng tiếc đều do các mất mát đau xót ảnh hưởng. Khi một người bạn thân bị bên trong giết chết, thì người ta xem tất cả phía trước đều là kẻ thù. Máu đòi máu. Người ta say lên, không hiểu mình đang làm gì. Đó là chưa kể các oán thù có từ thời trước giữa làng xóm với nhau. Ai cũng thích về quê cũ để đòi các món nợ. Ngay chính con cũng vậy. Anh con cũng vậy. Con ước được trở về ngay Kiên Thành, đóng bản doanh trên nền nhà cháy và truy nã cho ra bọn đốt nhà trước kia.

- Chính vì vậy mà bên trong dân làng liều chết để chống cự. Cái vòng lẩn quẩn "giết - trả thù - giết" biết đến bao giờ mới hết. Cỗ phá rào để vào đốt sạch thì dân làng cũng cố giữ làng để bảo vệ nhà cửa, mạng sống. Ta liệu được bao nhiêu sức để chống cự với tất cả dân chúng hai phủ Qui Nhơn, Phú Yên?

Huệ giữ im lặng một lúc lâu, rồi hỏi:

- Sao hôm trước thầy không nói gì cả?

Ông giáo giậm dừ đáp:

- Tôi nói thì đã đến đâu! Các ông ấy tin ở cái này (ông giáo giơ bàn tay lên giả làm lưỡi gươm chém xuống) hơn tin nhân nghĩa. Có phải ông cả gọi tôi xuống để làm trò cười cho bọn vô lại không"? Tên thầy cúng còn bày ra những thứ phù phép gì nữa?

Thấy thầy giận, Huệ không nói gì thêm. Hai thầy trò lặng lẽ nhìn nhau, không khí trong phòng nặng nề. Huệ muốn nói một điều gì đó cho không khí bớt căng thẳng. Anh chợt nghĩ đến một điều, nhưng lòng hồi hộp không dám hỏi. Không hỏi lúc này thì đến bao giờ mới biết sự thật? Mà hỏi làm sao đây? Mình có quyền gì xen vào chuyện gia đình người khác? Huệ lại liếc nhìn thầy, thấy ông giáo thối mãi chén trà đã nguội. Anh dè dặt nói:

- Con nghe người ta bảo...

Nhưng không thể thốt hết lời. Ông giáo hỏi:

- Anh nói gì?

Huệ ngập ngừng, hỏi:

- Trên nhà vẫn được bình yên, thưa thầy?

- Vẫn thường. Lãng nó không chịu xuống nữa. Đành vậy. Mỗi người mỗi tính.

- Con thấy như vậy cũng được. Không thì chỉ còn một mình An ở nhà. Độ này chắc An vẫn như xưa.
- Nó đảm lắm. Một mình lo chuyện công lẫn chuyện bếp núc. Da đen đi, nhưng sức khỏe khá hơn trước.
- Vừa rồi, con...
- Anh định về trên ấy ít bữa à? Hay quá bận việc quân?
- Con không rồi. Vả lại bây giờ về ngại lắm!

Huệ tuyệt vọng vì sự nhút nhát của mình, xấu hổ đến đỏ mặt. Anh không thể biết rõ những điều muốn biết, lòng hoang mang, mặt bần thần. Anh chào ông giáo và trở lại chỗ đóng quân. Gió lạnh và sương phủ trắng xóa trên lối đi. Lần đầu tiên Huệ run trước cái giá rét của rừng và đêm mênh mông.

*

* *

Cuộc họp vẫn diễn ra ở lán chính của trạm như lần trước, nhưng hôm đó không có Chỉ và Tuyết. Chỉ cáo bệnh, còn Tuyết thì bị một mũi tên cắm vào bắp vế, vết thương sưng tấy lên không đi được. Có lẽ nhờ thế mà không khí chung trên chiếu họp bớt căng, mọi người đều dùng những lời lẽ đơn giản, chân tình để hòa nhã thảo luận với nhau. Hơn nữa đây không phải là lúc tranh luận để chọn một giữa hai con đường. Cuộc họp trước đưa đến quyết định tận dụng bạo lực đàn áp để vượt khó khăn, mở rộng tầm ảnh hưởng sâu xuống đồng bằng. Qua hai tuần lễ dài dằng dặc vì đầy tang tóc và thất bại, đã đến lúc thành khẩn xét lại các lầm lạc để tự cứu. Mỗi miếng hoa hòe với nhau làm gì trong hoàn cảnh đó! Vì vậy, ngay từ đầu Nhạc đã nêu gương tốt về sự thành thực. Nhạc nói:

- Tôi đã lầm khi nghĩ phải mạnh tay để thu phục lòng người. Chúng ta gặp thất bại còn nhiều hơn trước, dân chúng sợ ta mà không phục ta, lánh xa vì không tin lời ta nói. Những việc họ vui mừng như được khỏi nộp thuế, được chia của cải, được tận mắt chứng kiến bọn hào lý thất thế tiu nghỉu v.v... càng ngày càng bớt tác dụng đi. Ngược lại, họ giấu số thuế, chôn của cải, liều chết bảo vệ làng còn mạnh mẽ hơn trước. Rõ ràng chúng ta, trước hết là tôi, đã lầm lẫn. Đã đến lúc phải nghĩ lại, tìm giải pháp đúng. Chúng ta phải làm gì đây?

Ông giáo xúc động vì sự thành thực hiếm có ấy, mạnh dạn nói ngay với Nhạc:

- Phải làm gì ư? Đừng biến dân chúng thành kẻ thù của ta. Như có một lần tôi hỏi anh Huệ: Sức ta bao nhiêu mà đòi chống với tất cả dân chúng hai phủ? Phải làm gì ư? Theo ý tôi, phải làm thế nào để giảm bớt đến mức tối thiểu số kẻ thù của ta. Có càng ít kẻ thù bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu! Như thế cũng có nghĩa là càng liên kết được nhiều bạn bè bao nhiêu, ta càng mạnh bấy nhiêu. Bạn bè ta nhiều, kẻ thù sẽ bị cô lập.

Nhạc vui vẻ nói:

- Thầy nghĩ rất đúng. Lực lượng ta còn nhỏ, phải liên lạc và cùng tấn công quân triều với các lực lượng khác. Họ không giống ta ở nhiều mặt. Bọn cướp biển Tập Đình, Lý Tài khác với ta quá nhiều, từ binh khí cho đến điều nhỏ nhặt như cách để tóc, cách mặc quần áo. Tuy vậy, chúng là bạn đường của ta. Nguyễn Thung và Huyền Khê chỉ là những thương gia, thổ hào, chỉ có chữ lợi thật to trước mắt. Nhưng

không có họ ta còn gặp khó khăn lương thực nhiều hơn nữa. Châu Văn Tiếp ở Phú Yên muốn cạnh tranh nguồn hàng với ta. Giờ đây, hẳn vẫn là bạn ta vì cũng không chịu cúi đầu qui phục bọn "ái nam ái nữ" ở tận Phú Xuân. Bạn bè của ta đông đúc, sức mạnh lớn. Tôi đã thấy điều đáng mừng ấy.

Ông giáo thấy Nhạc chưa nắm hết ý mình, giải thích thêm:

- Những người đó là kẻ khuấy rối chuyên nghiệp. Xã tắc có thể hơi lung lay vì chúng, nhưng an nguy là do số đông dân chúng hằng ngày cần cù làm ruộng làm nương, lúc biển cầm gươm giáo, gây gộc giữ nước giữ làng. Chính cái số đông đảo này là cái đích ta phải nhắm thu phục. Bạn bè sống chết có nhau, phải tìm trong số đông đó, chứ không thể có bạn tốt trong đám vô lại chuyên nghiệp.

Nhật nhận thấy vắng Chỉ và tuyết, cái thế tranh luận của mình quá yếu. Do đó, ông chỉ dè dặt hỏi:

- Không dựa vào bọn có võ nghệ, tính khí ngang tàng, bạt mạng, dám xông pha vào nơi nguy hiểm, thì dựa vào đâu?

- Dĩ nhiên ta không xa lánh họ. Ta hợp tác với họ trong một số công việc, nhưng ta không đồng nhất với họ. Ta "hòa nhi bất đồng". Hễ họ còn là bạn thì ta quý họ. Tuy vậy tôi mạnh dạn nói với các ông là sự hợp tác kiểu đó không lâu bền đâu. Gặp nhau bằng điều lợi thì cũng thù ghét xa lánh nhau vì lợi. Thích chơi dao tất có ngày đứt tay. Vận động thu phục được lòng dân thì không còn gì khó khăn nữa.

Nhạc hỏi:

- Thu phục lòng dân? Bụng dạ họ nằm sâu bên trong, ta biết lòng họ ra sao mà thu phục? Còn nếu theo thói thường đem lúa ra chia cho dân nghèo đói, rải tiền kẽm khắp chợ, thì ta lấy đâu ra bấy nhiêu thứ để mua bụng dạ mấy vạn người?

- Bụng dạ người dân không khó xét lắm đâu. Họ ước muốn gì? Họ chỉ ước được no đủ, lành lặn lâu dài. Muốn như vậy, đời sống phải được ổn định và an toàn. Sách xưa nói hễ an cư thì lạc nghiệp. Mà muốn ở yên thì cái nền ta bước lên trên mà đi phải yên. Các ông hãy nghĩ mà xem. Dân họ khổ sở, đói rách. Thâm tâm họ cũng muốn đổi quách cái đời này đi, ra sao thì ra miễn không phải những điều đang xảy ra trước mắt. Nhưng khi các biến động lớn dồn dập đến, làm lung lay đảo lộn mọi thứ, thì chính những người bất hạnh nhất cũng đâm sợ. Mấy trăm năm họ thờ chúa Nguyễn. Họ chịu sưu cao thuế nặng do nhà chúa đặt ra, họ oán ghét tay chân đắc lực của chúa là quốc phó Trương Phúc Loan. Đôi lúc quá quẫn bách, phần chí, họ muốn trời sập đè chết tất cả cho khỏi lo toan trăm đường. Chúa cũng chết mà vua cũng xong. Nhưng khi mình giương ngọn cờ "Trời và Đức Thượng Sư" lên, dân chúng nhất định đã ngỡ ngàng. Thế này thì không cho là chuyện nhỏ nữa rồi. Đức Thượng Sư nào đây? Họ gì? Ở đâu? Ông ấy có mạnh bằng tất cả dòng họ tay chân chúa Nguyễn hay không? Lỡ tin theo ông ấy mà lực lượng ông ấy yếu quá về sau sẽ ăn nói làm sao với quan phủ quan huyện? Cho nên phải tìm cách tôn phù một người nào đó trong nhà chúa, dựa vào đấy mà hô hào diệt trừ tên loạn thần tham lam, phản phúc, quỷ quyệt, bùn xỉn...

Huệ không nhịn được, vội hỏi:

- Có phải thầy muốn nói đến hoàng tôn Dương không?

Nhạc kinh ngạc:

- Hoàng tôn nào? Có phải cái thằng không...

Nhạc nhanh trí kịp dừng lại đúng lúc, liếc nhanh dò xem nét mặt ông giáo. Vẫn tươi cười như không có gì xúc phạm đến mình, ông giáo nói:

- Ông không phải dè dặt! Từ đầu ông đã muốn nói thẳng nói hết, thì ta cứ gọi hoàng tôn là "cái thằng không có cu" cũng được. Có cu hay không có cu ta chưa biết, nhưng hiện nay ta đang cần đến hoàng tôn. Trong thời gian quan quân ở kinh và các phủ, nhiều người khâm phục đức độ của hoàng tôn, họ còn đi xa hơn, dám nghĩ đúng ra ngôi vương phải thuộc về hoàng tôn. Tôn phù hoàng tôn, dân chúng sẽ bớt lo ngại, giới có học sẽ bớt lần khăn, lưng chừng, bọn quan lại thêm hoang mang, nghi hoặc, bọn quân lính phải chùng tay. Lúc đó, ta có thêm nhiều bạn, nhiều người trước kia là kẻ thù không đội trời chung, bây giờ hóa ra vô hại lưng chừng. Ta thêm bạn bớt thù bằng lối đó, chứ không phải chỉ nhằm liên kết những kẻ quấy rối chuyên nghiệp.

Ông giáo dừng lại, chính ông ngạc nhiên chưa hiểu nhờ đâu ông có thể nói một mạch dễ dàng những điều phức tạp dễ gây hiểu lầm và tranh chấp như thế. Có lẽ nhờ cuộc họp thiếu mặt tên thầy cúng, ông giáo khỏi e ngại dấn sâu vào cuộc thị phi tầm thường. Nhạc suy nghĩ lung lắm, gương mặt trở nên khắc khổ hơn. Mọi người dồn mắt về phía Nhạc để chờ xem phản ứng của ông. Nhạc ngừng lên hỏi:

- Ý ông Nhật thế nào?

Nhật thành thực đáp:

- Tôi chưa kịp nghĩ đến.

Nhạc lại hỏi:

- Còn ý ông Năm?

Năm Ngạn hoang mang chưa biết Nhạc theo ý bên nào để vuốt đuôi, nên bối rối đáp:

- Theo tôi thì đưa ai ra cũng được. Miễn thực sự vẫn do ở mình!

Nhạc hất đầu hỏi em:

- Còn chú Huệ, ý chú thế nào? Chắc thầy trò phải tương đắc rồi!

Huệ không trả lời anh, mà quay sang hỏi ông giáo:

- Thưa thầy, lâu nay con nghe thầy nhắc nhiều đến hoàng tôn. Trong những người ngồi đây, chưa ai được biết hoàng tôn là ai cả, chỉ nghe đồn hoàng tôn có đức độ. Thầy đã ở kinh, đã dự vào việc lớn. Xin thầy cho biết hoàng tôn có thực xứng đáng để chúng ta tôn thờ hay không. Ý thầy muốn tôn phù hoàng tôn thực, hay chỉ xem như chiếc bè để qua sông thôi?

Ông giáo giật mình, không ngờ Huệ thấy tận tâm can của ông. Chính ông cũng chưa trả lời được câu hỏi ấy, từ bao đêm tự làm khổ mình vì cái chữ trung muôn hình vạn trạng, lúc thì như sợi dây buộc khe khắt không chút thương xót, lúc thì phóng khoáng mênh mông như gió ở đồng nội, sóng trên bể khơi. Trả lời rõ phía nào cũng không đúng với lòng ông, mà không trả lời rõ thì không thể được.

May mắn cho ông giáo, là những phân vân phức tạp tế nhị đó quá tầm của nhiều người trên chiếu họp. Nhiều người, kể cả Nhạc, đều cho Huệ cố tỏ ra có "suy nghĩ" độc đáo để bày hàng với thầy. Nhạc gạt đi:

- Thôi đừng lý luận dông dài nữa. Ta cứ thử làm theo ý thầy giáo xem sao. Ngọn cờ này không xong,

Chương 17

Vâng lệnh anh, Huệ về gấp Tây Sơn thượng để xem xét việc chuẩn bị vũ khí. Đợt tấn công mới qui mô lớn hơn trước nhiều, đòi hỏi vũ khí cải tiến thêm. Số lượng cũng phải tăng lên gấp bội. Giáo mác cung tên nghĩa quân đang dùng không đủ sức để chống lại quân triều nếu gặp địch trong các trận chiến tuyến dài và thời gian lâu. Nhạc dặn em:

- Chú phải bàn bạc kỹ với thằng Thận. Lò rèn trên đó nhỏ quá, thép lại thiếu. Chú hỏi thằng Thận thử trong vòng một tháng, có thể rèn đủ chừng ấy vũ khí không. Cần thêm bao nhiêu sắt thép, bao nhiêu thợ. Việc vận chuyển khó khăn, ta lại thiếu ngựa thồ. Tốt hơn hết, là dời ngay lò rèn xuống dưới này. Việc gấp lắm, anh mới sai chú đích thân lo liệu. Chừng nào chú lại xuống?

Huệ lẩm nhẩm tính một lúc, đáp:

- Khoảng rằm em xuống.

Nhạc lắc đầu:

- Không được. Chú bỏ đội mà đi, anh phải lo thêm việc. Mông mười được không?

- Em sợ gấp quá. Thôi, em xuống ngày 12.

- Cũng được. Bảy ngày đủ rồi. Trừ đi mấy ngày đường, chú còn bốn ngày lo hết mọi thứ, nhưng anh tin ở chú.

Vì thời gian quá eo hẹp, nên về đến Tây Sơn thượng lúc chạng vạng, chưa kịp cơm nước và nghỉ ngơi Huệ đã tìm gặp Thận.

Thợ rèn đã về hết, nhưng Thận vẫn còn ở tại lò. Thận vừa và cơm vừa hí hoáy vẽ lên đất một mẫu đao mới. Thấy Huệ đến, Thận vội vàng bỏ đĩa xuống cái mâm gỗ, định đứng dậy chào. Huệ vội can:

- Anh cứ ăn tiếp đi. Còn nhiều cơm không, cho tôi ăn với. Đói quá, lên đến đây tìm lại anh ngay.

Thận vồn vã đáp:

- Còn nhiều lắm. Tôi nấu dư để sáng mai ăn luôn thế. Chỉ sợ... chỉ sợ anh nuốt không vô. Đồ ăn dở quá. Chỉ có mắm ruột nai thôi.

Huệ ngồi xuống trước mặt Thận, cười nói:

- Không sao. Có mắm nai là nhất rồi. Có cái chén nào không?

Thận lúng túng vì sự lơ đãng của mình, vội chạy đến chỗ cái ống bể lục tìm cái chén và đôi đĩa. Anh bới cho Huệ một chén cơm đầy, đổ thêm một ít mắm ra đĩa. Bị bất chợt phải tiếp khách "có uy thế" trong chỗ đơn sơ và thân tình, dù lớn tuổi hơn Huệ, Thận cũng không tránh khỏi bối rối. Anh cảm động mời Huệ:

- Mời anh ăn cơm. Không sợ thiếu đâu.

Huệ tự nhiên cầm đĩa và chén. Thấy Thận không và cơm tiếp, quay mặt ra phía sau nhổ miếng cơm đang nhai xuống đất, Huệ hỏi:

- Bị sạn ạ?

Thận quay lại nói:

- Tôi lú lẫn quá đi mất. Và côm bằng đầu đũa dùng để vẽ mẫu dao.

Hai người cùng cười lớn. Không khí dè dặt khách sáo biến mất, hai người vừa ăn vừa quay đầu đũa vẽ xuống nền đất mềm cạnh cái mâm gỗ những mẫu vũ khí, tranh luận sôi nổi về các lợi hại của từng thứ. Thận trở hình mẫu dao vẽ cạnh nồi côm giải thích với Huệ:

- Cái dao kiểu này khá nặng, phải cầm hai tay lấy hết đà mà chém thì mới ngọt. Như vậy có nhiều điều bất lợi: một là sức vóc người mình nhỏ, dùng hết sức chém nhát đầu thì còn công hiệu, nhưng đến các nhát sau thì hết chính xác. Đã thế đầu dao nặng nên đà chém tăng thêm, làm mất thế quân bình. Tôi đang nghĩ xem có cách nào chế biến lại, cho con dao vừa nhẹ vừa dễ đâm và chém. Mình ít sắt nên phải làm thế nào mỗi người chỉ cần một thứ vũ khí mà dùng được nhiều việc.

Huệ và một miếng côm, nhai vài lần, nuốt vội để nói:

- Phải đấy. Ta cần một thứ vũ khí đa dụng. Gần thì chém được, xa thì đâm được. Nếu cần cột lại làm thang để leo thành, hoặc làm cán để khiên lương thực, tải thương.

Thận e dè nói:

- Khó được như vậy lắm. Vì còn tùy thuộc vào cái cán. Để đâm gần phải dùng gươm. Đâm từ xa đã có giáo. Cán dài thì tất nhiên khó xoay trở lúc xáp sát địch.

Huệ nói:

- Theo kinh nghiệm mấy lần xáp trận, tôi thấy khó nhất là đánh từ xa. Đánh gần thì dao găm, dao quắm cán ngắn, lưỡi thật sắc nhọn cũng đủ. Lúc đó điều quan trọng là lòng can đảm, là ý chí quyết thắng. Còn đánh từ xa thì có nhiều điều phải tính toán hơn. Phải tìm đồ chắn tên, nhất là tên mang mũi lửa. Phải có cách vượt hào, leo thành. Vũ khí vì vậy cần phải dài. Tôi có ý này anh Thận nghĩ thử xem: ta thử tìm cách chế một loại vũ khí vừa đâm được, vừa móc địch mà kéo ngã được, vừa đốt cháy địch được, vừa làm thang leo thành được, cán nó dài như thế này, còn ở đầu kia... còn ở đầu kia...

Huệ trở đầu đũa vẽ xuống đất một thứ liềm rồi dăm dăm suy nghĩ, vì thấy phác đồ chưa đáp ứng được đòi hỏi, Thận cũng lặng lẽ theo dõi. Lâu lắm, trong lò rèn chỉ có tiếng cây đèn chai cháy nổ lép bép. Khói từ lò rèn tỏa nhẹ, mang theo mùi thơm nồng của một loại gỗ đại nào đó. Thấy Huệ suy nghĩ lâu quá, Thận nhắc:

- Anh ăn côm đã.

Huệ vẫn không rời mắt khỏi phác đồ, đưa chén côm lên và một tiếng. Anh nhắm mắt, vội vã quay sang bên phải nhổ miếng côm trong miệng ra. Thận ngơ ngác nhưng hiểu ngay lý do, cười ha hả nói:

- Anh lại và côm bằng đầu đũa dơ chứ gì. Khỏi cười nhạo tôi nữa nhé!

Huệ cười nhỏ chữa thẹn, trở đầu đũa và thêm một miếng côm nữa, vừa nhai vừa hỏi Thận:

- Đòi cho được một thứ vũ khí mà làm được nhiều việc khó lắm nhỉ? Hay ta gom lại hai ba thứ vũ khí làm một, gắn lại với nhau thế nào cho thật gọn, thật chắc, khi cần tháo ra dễ dàng? Như ta chế một loại gồm cái giáo để đâm, cái liềm móc để kéo, và cái đuốc để đốt.

Thận cười, nhận xét:

- Anh tham lam quá. Tôi chịu thua rồi!

Huệ chế nhạo:

- Chịu thua sớm thế! Nghĩ chút nữa, phải tìm ra mà!

Thận muốn làm vừa lòng khách, đáp bừa:

- Vâng. Thế nào cũng nghĩ ra thôi. Nhưng anh ăn đi chứ!

Huệ lại tiếp tục ăn, không liếc nhìn cái phác đồ dưới nền đất nữa. Thận hỏi:

- Chuyến này anh lên đây được lâu không?

- Gấp lắm. Tôi bàn với anh một chuyện quan trọng ngay bây giờ đây. Anh làm ơn xới cho tôi chén nữa. Cơm cháy cũng được không sao. Chuyện như thế này. Anh biết đấy, hơn hai tháng nay ta tấn công nhiều nơi, kiểm soát được một dải dài dọc theo núi, vắt ngang qua hai phủ Qui Nhơn và Phú Yên. Nhưng cái khó là dân chưa tin chúng ta, chỉ mới qui thuận cầm chừng. Họ còn sợ quân phủ trở lại. Cho nên tình thế cứ dằng dằng, nếu theo lối cũ mà nóng lẩn như tầm ăn dâu thì không biết đến chừng nào mới đến sát được chân thành Qui Nhơn. Lương thực ta ít, quân số ít, thời gian càng kéo dài lòng quân càng sa sút. Ta phải đổi lối đánh thôi. Dồn hết sức lực, chuẩn bị đầy đủ lương thực và vũ khí, ta làm một mũi nhọn đánh thẳng xuống Kiên thành lập căn cứ tại đó, rồi theo đường sông ta tiến thẳng xuống phủ. Phủ Qui Nhơn mất, tất nhiên bọn hào lý các nơi sợ hãi bỏ trốn, ta khỏi mất công cử từng đội đến bao vây tấn công hết làng này đến làng khác như lâu nay. Việc của anh là vũ khí. Anh liệu xem, lò rèn này có đủ sức rèn đủ vũ khí trong vòng một tháng không?

Thận e dè đáp:

- Tôi sợ không đủ. Thợ ít quá. Còn chuyên chở sắt từ dưới đó lên đây nữa. hôm qua tôi chờ chuyến ngựa thồ...

Huệ cắt lời Thận:

- Tôi hiểu. Tôi hiểu. Hay là thế này. Ta dời trại rèn xuống dưới trạm, để tiện việc thêm thợ và sắt.

- Còn trại trên này thế nào?

- Tùy tình hình. Về được Kiên Thành, tất nhiên chúng ta phải về cả dưới xuôi, chỉ để một số nhỏ lại đóng giữ trại, phòng khi lại cần đến. Trước mắt, ta dời trại rèn xuống đó. Vâng, tôi biết anh đang lo cho gia đình. Bác Hai với chị Nhõ, hãy tạm ở trên này cho an toàn. Chỉ một mình anh xuống trước. Lúc nào ta lấy được An Thái anh hãy đem chị về luôn. Không lâu đâu! Anh cứ tin tôi đi.

*

* *

Cả buổi sáng, Huệ bận bịu nhiều việc ở lò rèn, việc nào cũng quan trọng và cấp thiết như nhau, tuy mới nhìn có vẻ như những chuyện lặt vặt. Cái tin lò rèn sẽ dời xuống dưới đèo, đối với toàn trại không có gì đáng chú ý, vô nghĩa như một chiếc lá rụng về cội mà thôi. Nhưng đối với thân nhân các thợ rèn tin đó đặt ra cho họ nhiều vấn đề.

Huệ phải tiếp một người đàn bà già yếu, tóc bạc rụng nhiều và lưng đã còng, bước đi yếu ớt phải vịn vai một đứa cháu gái khoảng 10 tuổi. Bà lão tự giới thiệu:

- Tôi là mẹ thằng Bảy Búa. Nghe nói các ông dẫn nó xuống đồng không cho ở đây nữa. Vợ nó chết lâu rồi. Hai bà cháu tôi đây thôi thóp cho đến ngày nay là nhờ nó. Bây giờ các ông dẫn nó đi, ai nuôi hai bà cháu tôi đây?

Sau đó đến lượt hai người vợ, và một ông cha. Rồi Hai Nhiều cũng đến than phiền số cuộc và rửa lò rèn cung cấp chưa đủ, việc vỡ hoang bị trễ nại sợ không kịp gieo lúa rẫy và tủa bắp. Huệ hứa hẹn với người này, trấn an người kia, giải thích thêm nhu cầu ưu tiên của việc quân. Không có người nào hoàn toàn thỏa mãn, nhưng nét mặt của họ bớt vẻ hốt hoảng lo lắng hơn lúc đến.

Đã thế, Thận lại không dồn hết tâm trí vào việc xếp dọn lò rèn. Vẻ mặt anh có vẻ lơ đãng, hình như mải lo cho gia đình trước lúc chia xa. Huệ thông cảm tâm trạng của Thận, càng đáng giúp Thận một số việc. Cho đến giờ ngo, Huệ thấy Thận hấp tấp tìm anh, gương mặt rạng rỡ hẳn lên. Huệ nói đùa:

- Được chị Nhôi cho phép xuất hành rồi phải không?

Thận ngó người một lúc, sau khi hiểu ý Huệ, liền nói:

- Không phải đâu. Tôi có chuyện cần nói với anh. Lại đây, không, lại chỗ kia, chỗ gần gốc cây có mặt đất phẳng. Thế này nhé! Hôm qua anh nói cần một thứ khí giới làm được nhiều việc, có phải không? Cả đêm hôm hôm tôi không ngủ được. Đừng cười nhạo tôi, không phải chuyện ấy đâu. Tôi nói thật mà. Tôi cứ nghĩ mãi: làm sao chắp nhiều thứ khí giới vào làm một, chẳng hạn như anh gợi ý là gom cái giáo, cái liềm móc với cây đuốc vào nhau. Tôi thấy anh nói cũng có lý. Tại sao không chế biến được? Chỉ tại ta lười suy nghĩ mà thôi. Quá khuya, lũ nhỏ đi ngủ nhà hoàn toàn yên tĩnh, tôi ngồi một mình ráng tìm. Gần sáng vẫn chưa được gì. Sáng nay tôi lại nghĩ, chẳng thế nào cũng không tiện. Lúc này vừa nghe anh nói chuyện với ông già tôi, tôi vừa nghĩ ngợi. Dần dần tôi thấy mẫu khí giới mới dùng được nhiều việc đó hiện ra rõ ràng hơn. Tôi vẽ cho anh xem nhé.

Huệ giục:

- Thì anh cứ vẽ đi. Chuyện đông dài quá rồi.

Thận vừa lấy một nhánh cây nhỏ vẽ lên đất vừa nói:

- Vũ khí này ta dùng để đánh kẻ địch từ xa, nên cần loại cán dài ^[1]. Tôi nghĩ phải dài như cõ cái dao, hay một cái sào. Trên đầu sào có trét dày một thứ nhựa để bắt lửa, như là nhựa dầu chai chẳng hạn. Bên ngoài lớp nhựa có quấn một lớp lá. Như vậy là ta có một cây đuốc rồi nhé. Bây giờ ở đầu sào này ta buộc thêm một cái gậy ngắn. Buộc bằng gì ư? Bằng dây dừa chắc chắn, hoặc bằng xích sắt, miễn là phải quấn thế nào để khi ta vung mạnh một cái, khúc gậy ngắn có buộc nhiều lưỡi câu sẽ bắn ra xa hơn. Như vậy là ta thêm được một cái đoạn côn và cái liềm móc đấy nhé! Khi ra trận, ta đốt nhựa cho cháy rồi lao sào ra phía trước, những giọt mưa vung bắn vào quần áo, thân thể kẻ địch. Chúng sẽ bị cháy, hoặc nhẹ hơn nữa cũng phải lúng túng nên bị bắt sống. Một bộ phận điều khiển ở cán sào có thể giúp ta khóa mở nút buộc cuộn dây cột cái côn ngắn vào đầu sào. Nhờ đó, khi cần đánh địch ở tầm xa hơn, ta múa sào, lao mạnh đầu gậy vào địch. Đầu gậy có nhiều móc câu nài đủ sức đập chết kẻ địch, đánh gãy gươm giáo của chúng, hoặc móc đúng vào quần áo và kéo ngã chúng xuống. Tôi mới nghĩ đến đó chưa kịp nghĩ bộ phận điều khiển sẽ

như thế nào.

Huệ chú ý theo dõi hình vẽ loại vũ khí mới do Thận sáng chế, càng nghe càng khâm phục tài chế tạo của người thợ rèn. Thận giải thích xong, ngừng lên dò xem phản ứng của Huệ. Huệ rạng rỡ nét mặt, nắm lấy hai cánh tay Thận giật giật, tỏ dấu vui mừng, nói với Thận:

- Anh nghĩ được một kiểu khí giới lạ lắm. Chưa biết khi đem ra dùng sẽ gặp các khó khăn nào, nhưng tôi tin là phải thành công. Xuống trạm đặt xong ống bễ, ta bắt tay làm thử cái mẫu khí giới này, cái... cái gì nào? Lao, côn, đuốc, câu đều không đúng cả. Anh tìm cho nó cái tên đi!

Thận đỏ mặt vì mừng rỡ và ngượng, lúng túng nói:

- Đặt tên ư? Tôi chịu! Đến tên đứa con trai đầu lòng tôi còn chưa biết đặt như thế nào, đến nay vẫn gọi là thằng Cu.

Huệ suy nghĩ một lúc, đề nghị với Thận:

- Nhất định dùng vũ khí này thì quân địch phải chết khiếp, sợ ta như sợ cọp. Không chết cháy thì cũng vỡ đầu bươu trán vì đoạn côn lao tới. À, tôi nghĩ ra rồi. Ta đặt nó là cọp lửa. Hoặc nói cho văn hoa thì là "hỏa hổ". Hỏa hổ, hay lắm. Hỏa hổ. Cọp lửa. Anh xem tên nào được hơn?

Cứ thế, hai người bàn cãi liên miên về công dụng loại vũ khí mới, quá bữa cơm trưa lúc nào không biết. Đến xế chiều, các thợ rèn bu đến hỏi Thận đủ việc, Huệ mới có cơ hội ghé qua trại chính để gặp Lữ.

*

* *

Huệ ghé thăm nhà ông giáo vào sáng hôm sau, theo lời gửi gắm của thầy. Anh muốn đến sớm hơn, nhưng có một sức mạnh nào đó cứ làm vướng chân anh. Hai lần trên đường đến lò rèn đi qua nhà ông giáo, Huệ đều dùng dằng, lo âu vu vơ, khổ sở, xấu hổ vì cảm giác e ngại xao xuyến khác thường của mình. Cả hai lần ấy cửa nhà ông giáo đóng, nhờ thế Huệ yên tâm hơn, tự cho rằng mình đã cố làm đủ bốn phận.

Buổi sáng Huệ đến nhà thầy, anh cũng lo lắng, chần chừ, hồi hộp y như hai lần trước. Khác một điều là cửa nhà ông giáo mở. Anh không có cách tự dối mình nữa, phải bỏ đường lớn rẽ vào nhà thầy.

Anh vừa thất vọng vừa vui mừng khi chỉ gặp Láng ở nhà. Lãng trách:

- Nghe anh lên từ hôm kia. Báo hại hai chị em cứ lóng ngóng chờ anh mãi!

Huệ cảm thấy nhịp chảy của máu nóng trong thân thể dồn dập rộn rã hẳn lên. Mí mắt anh giật. Hơi nóng râm ran ở đầu mũi. Lòng anh bồn chồn, như sắp ôm trọn được tất cả những gì đáng mơ ước nhất của một đời người trước đôi mắt ghen tị, thèm thuồng của thiên hạ. Lãng nói tiếp hai ba câu gì đó Huệ không nghe rõ, anh chỉ nghe tim mình đập quá mức thường. Đến lúc tai Huệ tỏ hơn, anh nghe Lãng nói:

-... Chị ấy cứ nhất quyết bảo tại em. Em cũng nhất quyết bảo không phải thế. Người khác có thể không hiểu em, cho em là đứa hèn. Chứ anh thì không. Em nói: để anh ấy đến đây em sẽ hỏi. Chị đừng đoán già đoán non nữa. Chị ấy nói hỏi làm gì, có hỏi người ta cũng không nỡ nói thật. Em tức quá, hai chị em cãi nhau cả buổi tối.

Huệ chỉ hiểu lơ mờ, nên hỏi Lãng:

- Nhưng hỏi cái gì? Hỏi ai?

Lăng ngó người, hỏi Huệ:

- Hỏi ai ư? Hỏi anh chứ còn ai nữa!

- Mà hỏi chuyện gì chứ?

- Em vừa nói đấy. Chị An cứ đổ thừa tại em hèn nhát bỏ trốn về đây mà anh giận, không thèm đến đây nữa. Có thực đúng như vậy không?

- Sao lại giận Lăng? Lăng về hay ở lại, có ảnh hưởng gì đến tôi đâu!

- Thế mới nói! Em bảo em ở đội của ông Tuyết, sau đó chuyển qua làm với anh Lợi...

Huệ vội hỏi:

- Rồi An bảo thế nào?

- Chị ấy nói em loanh quanh cãi nhăng. Em bảo chỉ có chị là lăng nhăng. Không thể tại sao bỏ công nấu nướng giúp người ta, lại ngăn không cho em dọn quách cái bàn thờ kia đi.

Huệ quay lại, thấy cái bàn thờ Lợi bày hôm giỗ mẹ vẫn còn đó. Trong lư hương, một nén nhang tàn đã lâu, cọng tàn màu trắng cong mình gục xuống mặt gạo vương vãi những đám tro khác. Huệ cảm thấy đau nhói ở lồng ngực, lòng hân hoan tiêu tán hết. Sự thực chua chát đáng sợ đã xảy ra ở đây rồi. Điều ta lo âu, không thể tránh khỏi được. Những lời đồn đãi không phải hoàn toàn vô căn cứ. Tại sao điều mọi người đều thấy, đều đoán trước mà ta không thấy? Cái gì che mắt ta? Cái gì lừa dối ta? Cái gì? Niềm hy vọng vu vơ lăng đãng, bám víu vào một ánh mắt, một câu nói, một cái cúi đầu then thùng, một vẻ bối rối, một cách nói lửng lơ? Tất cả chỉ là những lăm lăm hay giả trá, đáng thương hay đáng ghét vì dù ở trong trường hợp nào, Huệ vẫn tự thấy mình ngu ngơ quá chừng. Huệ liếc nhìn cái bàn thờ một lần nữa, trước khi quay hỏi Lăng:

- Sao không có nhang khói gì cả?

- Em thì không ưa ngay từ đầu. chị An nói tội nghiệp, bà cụ chết thảm, chỉ còn một mình anh Lợi lo nhang khói thôi nên xin phép cha em cho đặt bàn thờ. Chị ấy thắp được vài hôm, sau cũng quên luôn. Nhưng khi em định dọn bàn thờ đi, chị ấy không chịu.

Huệ cố giấu sự vui mừng, hỏi tiếp:

- Làm sao hai chị em biết tôi đã về?

- Máy bác thợ rèn đi làm về kháo nhau, làm ồn cả xóm chỉ vì mấy bà vợ không muốn xa chồng. Với lại sáng hôm qua, tụi em có thấy anh đi lên trại. Em định gọi, nhưng chị An ngăn lại.

- Sao vậy?

- Chị ấy bảo người ta đã khinh không thèm đến, thì gọi làm gì.

Huệ cười, lòng hoàn toàn hớn hở. Lăng hỏi:

- Anh nói thật nhé. Anh có khinh em hèn nhát không?

- Sao lại hèn nhát?

- Ấy là người ta nói thế. Người ta xem em là đồ vô tích sự. Bảo em sợ chết nên trốn về đây. Em nghe chỉ cười, không thèm cãi chính. Em tin là anh hiểu em.

- Có lẽ tôi hiểu Lăng thuộc một cuộc đời khác, cảm nhận mọi sự ở đời theo một lối không giống nhiều người. Chẳng hạn tôi đoán xem có đúng không nhé, chẳng hạn Lăng cho tất cả những gì mọi người

đang làm, nào rèn vũ khí, nào đánh giết nhau, nào thua nào thắng, tất cả những cái đó đều không có ý nghĩa, đều vô ích. Đều chỉ là trò lãng xăng, chẳng những không đi tới đâu, mà còn lằm lẩn nữa.

Lăng ghen lời, không nói được gì thêm, nhìn Huệ như nhìn một người thấu thị, một thầy phù thủy đọc được huyền vi của đời sống như đọc chữ trên trang sách mở.

Lăng nuốt nước bọt cố dẫn xúc động, hỏi Huệ:

- Nếu em nghĩ như vậy, thì đúng hay sai?

Huệ cười:

- Vừa đúng vừa sai. Nhưng chúng mình không nên tranh luận nhau làm gì. Chờ lúc khác vậy. Bây giờ Lăng cho tôi biết vài điều để xuống dưới trạm, thầy có hỏi tôi còn biết cách đáp. Sao, lâu nay ở nhà có gì lạ không?

- Không có gì lạ. Vẫn thường.

- Lăng làm gì?

- Em vào đội làm rẫy. Buổi chiều em có giúp anh Lữ vài chuyện vặt, như xem lại sổ sách, viết bản kết toán. Chừng nào cha em về, anh?

- Chắc còn lâu đấy. Thầy bận túi bụi.

- Thế mà hôm đi cha em bảo chỉ khoảng vài ngày.

- Vài ngày sao được! Nhiều nghĩa quân, kể cả các đội trưởng, đến nay vẫn chưa biết hoàng tôn Dương là ai, tôn phù hoàng tôn Dương thì được lợi cái gì. Chính mình khởi xướng mà còn ú ớ thế thì làm sao nói cho dân chúng họ tin được. Cho nên thầy phải đi hết đội này đến đội nọ giải thích. Tức cười, có nhiều người hỏi những câu bất ngờ lắm.

Lăng tò mò hỏi:

- Bất ngờ thế nào anh?

- Họ nói hoàng tôn cũng là hạng con vua cháu chúa, lấy gì bảo đảm khi hoàng tôn lên ngôi, đời sống của họ sẽ khá hơn trước? Họ hỏi thế Đức Thầy Cả đi đâu rồi? Giữa Đức Thầy Cả và hoàng tôn, sau này ngôi thứ phân làm sao, ai cao ai thấp? Họ còn đùa nghịch bảo hoàng tôn được gọi là chị Dương. Thế sau này khi đã thành công, hoàng tôn có buộc mọi người đàn ông phải gọi nhau bằng mụ, mẹ, chị, mẹ thẳng cu hay không? Vất vả lắm! Công việc của thầy không dễ dàng đâu!

*

* *

An ở ngoài rẫy về bắt gặp Huệ và Lăng đang cười đùa ồn ào về những câu pha trò của nghĩa quân. An về, cuộc nói chuyện khựng lại, mất hết tự nhiên. Huệ e ngại những câu nói tục giữa đàn ông con trai với nhau đã lọt vào tai An, còn Lăng đã bắt đầu nhận ra rằng Huệ đến đây không phải vì mình, và nếu biết điều, nên tìm một cơ nào đó để ra khỏi nhà. Nhưng Lăng vẫn còn thích nói chuyện với Huệ, nên cậu cứ lóng ngóng, nửa muốn đứng dậy, nửa muốn ngồi nán lại. An bảo em:

- Sao không rót nước mời khách. Thằng này chẳng được việc gì cả.

Huệ vội can:

- Thôi, khách khứa gì. Khỏi phải đi nấu nước, Lãng ạ. Nếu siêng, đi nấu cơm giúp cho chị thì hơn.

An hấp tấp nói:

- Nó nấu không được đâu. Không khô thì lại sống.

Lãng ngơ ngác chẳng hiểu chị muốn mình đi xuống bếp hay muốn mình ngồi lại tiếp chuyện. Kể cả Huệ cũng không hiểu. Không khí trong phòng đầy e dè, ngượng ngập, không ai biết hai người kia định làm cái gì, định nói chuyện nào. Cuối cùng, Lãng phải đứng dậy nói với chị:

- Để em ra phía sau nhà ôm củi vào.

An định ngăn em lại, nhưng nghĩ sao, lại để mặc cho Lãng bước ra khỏi phòng. Hai người im lặng nhìn nhau, chưa ai tìm ra được câu nào cho tự nhiên để xóa tan sự lúng túng. An che giấu bối rối bằng cách cầm cái bình trà rót nước đã nguội lạnh ra chén. Tay cô hơi run, nước trà theo chiếc vòi cong chảy leo xuống đáy bình, nhỏ cả ra khay. An đẩy chén nước về phía Huệ, lấy hơi để thêm bạo dạn, cố hỏi Huệ bằng giọng vui vẻ, tự nhiên nhất:

- Anh về lúc nào?

Huệ trả lời mà quên cả suy nghĩ:

- Tôi mới về!

An cười nhỏ, nhìn thẳng vào mắt Huệ trách:

- Em hỏi thế thôi, chứ đã biết anh về ba hôm nay rồi.

Huệ lúng túng biện hộ:

- Nhiều chuyện gấp quá, tôi không có thì giờ đến thăm cô với Lãng.

- Vâng, em biết lúc nào anh cũng có nhiều việc quan trọng phải làm. Thăm em với Lãng, thì lúc nào chả được.

- Không phải thế đâu.

Chờ một lúc chưa nghe An nói gì, Huệ tiếp:

- Trước khi đi, thầy căn dặn mãi là phải tạt qua đây xem nhà có bình thường không. Thầy dặn nếu cái mái sau bị gió xốc lên, trời mưa dột thì khỏi cần phải thay tranh. Lãng nên tìm vài thanh nứa cột chặt lại là đủ. Thầy còn nhắ An lục trong cái hộp giấy để ở trên đầu tủ, gần chỗ bó sách đó, An tìm cho thầy chai rượu ngâm mật gấu gửi người mang xuống.

Những chi tiết vụn vặt của đời sống riêng tư trong gia đình có sức mạnh xua tan những e dè khách sáo giữa hai người, nhất là những lời dặn dò của ông giáo chuyển lại qua lời Huệ. An cảm động, nhìn Huệ thấy được hình ảnh một người anh ân cần lo lắng cho đời sống mình. Cô dịu dàng hỏi:

- Cha em có đau yếu gì không, anh?

- Thầy vẫn khỏe. Gần như thầy khỏe và trẻ hẳn lên. Đi đứng nhanh nhẹn, nói cả ngày không biết mệt. Nhiều lúc thầy vừa giảng giải vừa pha trò, còn chen cả chuyện tiểu lâm nữa. Anh em thích lắm.

An ngạc nhiên hỏi:

- Cha em giảng giải cái gì? Giảng giải cho ai?

Huệ kể sơ lược công việc ông giáo như vừa kể cho Lãng. Dĩ nhiên Huệ không nhắc đến các chi tiết

có thể làm đỏ mặt An. Nghe xong, An lo ngại nói:

- Thế là lại bắt đầu vào trận mới!

Huệ hăng hái đáp:

- Vâng, chuyến này ta sẽ xuống sâu hơn... Ta nhất quyết phải về cho được quê nhà. An sửa soạn về An Thái đi!

An buồn rầu nói:

- An Thái đâu phải quê em.

- Không phải An Thái thì quê An ở đâu nữa!

- Em cũng chẳng biết.

Huệ an ủi:

- An đừng buồn. Người ta thường nói "về quê". Nhưng đâu mới là quê hương ta? Như gia đình tôi chẳng hạn. Nếu căn cứ vào nguồn gốc tổ tiên, thì quê hương chúng tôi ở tận Hưng Nguyên ngoài Nghệ. Gần hơn, nếu kể đến đời ông nội thì quê hương là đây, nơi ông tôi bị đày lên phá rừng lập nghiệp. Đến đời cha tôi, dời nhà xuống Kiên Thành thì quê hương là Kiên Thành. Cho nên quê hương là chỗ để về, nơi có một mái nhà, có những người thân yêu, có những kỷ niệm đẹp nhất của một đời. Nơi một hòn sỏi, một gốc cây cũng đủ khiến ta bồi hồi xúc động. Đó, tôi nghĩ quê hương phải như vậy. An xem thử mái nhà quay về hướng tây đó, chái nhà học, cái chợ gần bến sông, cây gạo "thơm tho" từng làm chúng ta nghi ngờ nhau, cái miếu giữa đồng trống, những mùa gặt, rồi nào chuyện vui buồn... tất cả những thứ đó ở An Thái có làm cho An bồi hồi hay không. Nếu có, thì An Thái nhất định là quê An rồi.

An cảm động quá, bao nhiêu kỷ niệm cũ dồn dập hiện về, cô rơm rớm nước mắt khi nhớ lại những vui buồn đã qua, muốn trả lời Huệ mà không nói được. Huệ bảo:

- An có nhớ cái thời đó không?

An đáp nhỏ, hơi ghen:

- Suốt đời không bao giờ em quên được!

Giọng Huệ mừng rỡ:

- Thế thì An Thái là quê hương của An đó!

An thì ào:

- Em mong thế!

- Sao lại mong.

- Em sợ lúc trở về, chỉ còn cảnh điêu tàn mà thôi!

- Điều đó không thể tránh khỏi. Rồi ta lại xây nhà mới. Không thể nào tìm lại mọi thứ y như lúc trước đâu. Chính chúng ta đây cũng đổi khác rồi. Chúng ta lớn khôn hơn, dày dặn hơn. Thời đó An chỉ mới là một cô bé. Bây giờ...

Huệ nhìn đắm đắm vào mặt An, chỉ thấy một mái tóc lòa xòa, một cái trán da trắng, và một cái mũi thanh tú. Huệ không dám nói hết ý mình, sợ có điều gì quá lộ liễu, ba hoa, xúc phạm đến lòng tự ái và khiêm nhường của cô gái. An hơi ngửng mặt lên. Huệ thấy thêm một cặp mắt buồn, và đôi môi mím lại, như

cố nén một tiếng khóc.

Bên ngoài, đột nhiên gió rừng thổi mạnh, chỗ mái nhà đột ông giáo căn dặn Lãng sửa, tranh bị xốc lên, những mụn tranh mục rơi lả tả xuống chỗ Huệ ngồi. Huệ ngồi im không dám đưa tay lên phủi bụi trên áo và mái tóc, sợ làm xao động sự suy nghĩ của An. An nói thật nhỏ:

- Lại sắp có bão rừng. Em sợ lắm! Chờng nào anh lại đi?

Huệ cảm thấy lòng chùng xuống, nói dối:

- Công việc ở đây còn nhiều. Chắc phải ba bốn hôm nữa!

^[1] Theo Nguyễn Văn Huyền trích lại trên Văn Nghệ Nghĩa Bình số 11 xuân Kỷ Mùi 1979.

Phần III

Hồi hương

Chương 18

Về tình hình Nam Hà năm Quý Tỵ (1773), cuốn sử triều Nguyễn "Liệt truyện tiền biên" chép: "Năm Quý Tỵ mùa xuân, Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc mở cờ làm loạn. Có tin ở biên thùy cấp báo. Nhưng vì bình yên đã lâu không phải đánh trận nào nên tướng sĩ ươn ể, kẻ kiểm cớ này người tìm cớ nọ để thoái thác. Loạn lại giở thói ăn hối lộ để chỉ định người khác ra trận thay" (quyển 6, 35b). Các sử quan triều Nguyễn về sau đã vo tròn lịch sử lại, làm hạt minh châu giả dính lên chiếc miệng giấy của bọn vua quan ươn hèn. Họ giải thích sự rệu rã bất lực của triều đình trước cuộc khởi nghĩa ở Tây Sơn bằng cách nêu ra hai lý do: một là vì hưởng thái bình đã lâu nên tướng sĩ đâm lười nhác, hai là do sự tham ô của Trương Phúc Loan. Lập luận hết sức mâu thuẫn, vì họ tránh né không dám nhìn thẳng vào sự thực lịch sử thời bấy giờ.

Thử hỏi thứ "bình yên" lâu dài của Nam Hà do sử quan nhà Nguyễn nhắc đến như thế nào? Thứ bình yên của một thiếu số con vua cháu chúa và bọn công thần nối nhau đời đời hưởng mọi tiện nghi xa hoa, mặc gấm đoạn, đồ dùng toàn mâm đồng, thau bạc, chén đĩa sứ Tàu, hay thứ "bình yên" của đám đông chịu đủ thứ sưu dịch thuế khóa? Sự tham tàn của tầng lớp thống trị đã lên đến cực độ, mà nơi dân chúng bị bóc lột nặng nề nhất là ở mấy phủ Quảng Nam, Quy Nhơn. So với đất cũ Thuận Hóa, dân các phủ phía nam đèo Hải Vân phải chịu thuế khóa nặng hơn. Lê Quý Đôn viết trong Phủ Biên Tạp Lục như sau: "Lệ phí thuế ở xứ Quảng Nam khác với xứ Thuận Hóa. Sự trưng thu so với Thuận Hóa hơi nặng, cho nên kho tàng thu vào rất nhiều, bổng lộc quan lại rất nhiều, mà dân địa phương ấy nổi loạn trước hơn ai cả cũng vì có ấy". Ông Quế Đường có thấy rõ vấn đề hơn bọn sử quan nhà Nguyễn sau này, khi cho rằng nguyên nhân cuộc nổi loạn là tình trạng bất công nặng nề lộ liễu ở các phủ thuộc xứ Quảng Nam.

Nhưng giả sử thời đại bình yên kéo dài của nhà Nguyễn được dựng trên cái nền công bằng hơn, trên có vua sáng, quan lại thanh liêm, chính sách thuế khóa hai bên đèo Hải Vân không có sự chênh lệch, vương phủ và các dinh trấn không sống xa hoa đến nỗi đặt đủ thứ mảnh khoe bóp hầu bóp họng dân nghèo, thì liệu có cuộc khởi nghĩa ở Tây Sơn thượng hay không? Nếu Trương Phúc Loan không thích phơi vàng ở lầu Phấn Dương, nếu chúa Nguyễn chịu tha cho dân một vài món thuế vật như tiền tết, tiền cơm mới, hạ bớt thuế ruộng đất, chê các loại gấm đoạn và sơn hào hải vị đem từ bên Tàu sang, thì tình thế lúc bấy giờ sẽ thế nào? Những chữ nếu làm rắc rối thêm chiều hướng lịch sử vốn đã phức tạp, nhưng chúng ta không thể nào hiểu được cơn bão đã làm lay động dữ dội xã hội Việt Nam thế kỷ thứ 18 nếu - lại chữ nếu - sợ hãi né tránh như các sử quan nhà Nguyễn, hoặc nếu tự dắt vào mê lộ của những hiện tượng bên ngoài.

Nguyên nhân sự rệu rã của guồng máy chính quyền Nam Hà thời bấy giờ phải có căn bản sâu xa hơn, thuộc vào một thứ qui luật khách quan chi phối tất cả mọi biến cố, mọi hiện tượng. Xứ Thuận Hóa thời bấy giờ đã là một vùng đất nghèo, nguồn lợi kinh tế ít ỏi không đủ cho các chi phí lớn lao cho việc quốc phòng bên bờ nam sông Gianh. Các chúa Nguyễn có thể buộc bọn sử quan dưới tay ca tụng công khai phá bờ cõi của mình, dựa vào đó đòi hỏi được công nhận như một dòng họ thống trị chính thống, hợp ý trời và lòng

người. Nhưng ai cũng biết công cuộc mở rộng bờ cõi về phương nam không phải chỉ khởi đầu từ Nguyễn Hoàng, mà bất cứ một dòng họ nào ở vào vị trí của họ Nguyễn Gia Miêu cũng đều phải nghĩ đến nam tiến. Những người tiên phong đi khai phá đất mới mở rộng bờ cõi phần lớn ra đi trong hoàn cảnh bất đắc dĩ. Họ là dân phiêu bạt bị cưỡng ép di cư. Là những tội đồ bị gửi đến chỗ thâm sơn cùng cốc, khí hậu độc địa để chịu khổ sai. Là những lính thú yếu thế vì nghèo khổ. Nói chung họ là thành phần bị bạc đãi của xã hội, bị ép buộc lìa bỏ quê hương để đến sống cam go cực khổ trên những vùng đất xa lạ, hoang dã, dân cư thưa thớt. Trên những địa bàn này, dân bản địa còn thưa thớt nên tài nguyên thiên nhiên chưa được khai thác nhiều như các vùng đất có nền văn minh lâu dài. Nhờ thế, những người tiên phong luôn luôn tìm được một vùng đất màu mỡ để sống còn. Từng đời, từng đời họ dần dà lấn sâu hơn về phía nam. Tương truyền núi Thạch Bi là dấu vết cuộc trường chinh của Lê Thánh Tông, thì chắc chắn thời đó, vùng Quy Nhơn là vùng địa đầu của dân tộc Việt. Qua ba bốn đời, dân khai phá ở đó có đời sống kinh tế ổn định, tổ chức xã hội đã có nề nếp, việc khai phá tài nguyên làm giàu cho đất nước trở nên hữu hiệu. Về cuối thế kỷ 18, xứ Quảng Nam kéo dài từ ngọn Ngải Lĩnh đến đèo Cù Mông đã trở thành một vùng đất trù phú, bỏ xa về tiềm lực kinh tế và mật độ dân cư nếu so với vùng Thuận Hóa căn cổ và vùng đất từ Phú Yên đến Gia Định dân cư thưa thớt. Đám dân lao động của xứ Quảng Nam tự nhiên giữ địa vị nòng cốt về kinh tế cho cả Nam Hà, gánh chịu trách nhiệm chính về mọi mặt. Mồ hôi và nước mắt của họ đã đổ ra quá nhiều, nên có quyền đòi hỏi một tổ chức xã hội phù hợp với công lao và ước nguyện hạnh phúc của họ. Qua ba, bốn đời, cái dấu chân ô nhục bọn thống trị trở lên mặt tổ tiên họ không còn khiến cho họ nem nếp sợ hãi nữa. Họ đã dám ngừng lên, để mạnh dạn đòi hỏi quyền lợi chính đáng của mình, nếu cần đạp phăng những chướng ngại trên đường họ đi. Guồng máy công quyền với các luật lệ trói buộc gay gắt, tàn nhẫn đã không còn thích hợp với những người dám ngừng mặt, quất mắt nhìn lên. Cho nên không có vùng đất nào thích hợp hơn xứ Quảng Nam, để những người lao động chân đất, hay nói như Nguyễn Huệ, để những "người dân núi" đứng lên đòi hỏi thiết lập một trật tự mới, không gì có thể ngăn cản được xu thế lịch sử khách quan này. Ở vào hoàn cảnh kinh tế và xã hội Nam Hà hậu bán thế kỷ 18, so với miền Thuận Hóa già cỗi và vùng Gia Định thưa thớt, rõ ràng trung tâm của lịch sử đã chuyển về xứ Quảng Nam, và quyền làm lịch sử đã thuộc về những người chân đất. Trương Phúc Loan, Duệ Tôn, bọn tham quan ô lại đông như ruồi nhặng thời bấy giờ ở Đàng Trong chỉ là các hiện tượng tất nhiên của một thế lực chính trị đang xuống dốc, và Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ là những cá nhân ở đúng vào vị trí vươn lên của một thế lực mới. Dĩ nhiên anh em Nhạc, Huệ và những người thân cận thuở dấy nghiệp có tài trí đủ để lãnh nhận vai trò lịch sử, nhưng họ không hoàn toàn chủ động. Tình thế đẩy họ tiến lên, đám đông thúc họ đứng dậy. Và khi họ đã đứng lên, tiến tới thì hào quang trí tuệ và tài thao lược của họ đã lôi cuốn đám đông, góp gió thành bão để quét ngã tất cả mọi trở lực. Bước đầu họ có lúng túng với vai trò mới, họ cảm thấy bị đưa đẩy nên phải quyết định vội, nhưng dần dần quen với vai trò lịch sử, họ tự tin hơn, chính lúc đó khả năng trí tuệ của họ mới biểu lộ toàn diện để đối phó với các biến cố dồn dập, các thử thách lớn lao mà từ trước đến nay họ chưa từng gặp phải. Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ trở thành nhân vật vĩ đại của lịch sử trong biến chuyển khách quan của xã hội Nam Hà hậu bán thế kỷ 18 theo từng bước một, từng bước một, với sự quả cảm, trầm tĩnh và thông minh

thiên phú. Bước đầu tiên của họ vào vùng hào quang, là bước tiến xuống Kiên Thành mùa thu năm Quý Ty (1773).

*

* *

Về sau ôn lại đời mình, ông giáo nhận thấy chưa có thời kỳ nào có nhiều hứng khởi cho bằng mùa thu năm Ty. Có thể nói chỉ trong một tháng ngắn ngủi, những ước vọng thầm kín của ông đều được thực hiện, những khắc khoải được giải tỏa, những mâu thuẫn từng khiến ông thao thức trăn trở được hóa giải, những câu hỏi hoang mang tìm ra câu trả lời thích đáng. Những nguyên tắc của đức lý thỏa hiệp với thực tại uyển chuyển. Điều quan trọng nhất là ông vừa tìm được chỗ đứng của nhà nho, vừa thực hiện được những ý niệm về công bằng, nhân đạo (mà trong các thời kỳ nho giáo thoái hóa như thời ông sống, không dễ gì chấp nhận bên này mà không phải nghi ngờ hoặc phủ nhận bên kia).

Giải pháp tôn phù hoàng tôn Dương đã được Nhạc và những người chống đối ông giáo lâu nay chấp thuận. Như vậy là ông đã tìm ra một lẽ sống: diệt trừ bọn Trương Phúc Loan. Ông đứng về phía những người bị áp bức khốn khổ đói rách vì sưu cao thuế nặng, nhưng ông không làm loạn. Chữ trung trên trái tim ông không mảy may nghiêng lệch, vì những người cùng khổ quanh ông diệt loạn thần để tôn một ông hoàng dòng chính lên ngôi. Trương Văn Hạnh bạn ông ở dưới xuôi vàng cũng không mơ ước gì hơn là được sống để làm những việc ông đang làm. Một dạ trung trinh với vua, đáp được nghĩa cả với bạn, trả được ân sâu báo bọc của những người đi chân đất từng cứu mang ông bao năm trong thời lánh nạn, thực hiện được hoài bão ôm ấp từ lúc hiểu được nghĩa sách. Không phải dễ dàng gặp được cơ hội để cùng một lúc làm được bấy nhiêu điều.

Cho nên thời đó nhiều người ở trạm đèo An Khê kinh ngạc thấy ông giáo trẻ hăn ra. Ông tươi cười, hoạt bát, làm việc ngày đêm không mệt mỏi. Ông leo núi, băng rừng mà không cầm gậy. Da hồng hào. Đôi mắt rạng rỡ. Nhất là cách ông nói. Ông nói say sưa, nói liên miên. Nhạc yêu cầu ông gặp các nghĩa quân để giải thích cho họ hiểu, vì sao phải tôn phù hoàng tôn, ông giáo vui vẻ chấp thuận, gần như biết ơn. Nhạc không yêu cầu ông cũng tự đi tìm người để nói chuyện. Năm ba người đang bu quanh bếp lửa chờ khoai chín, ông sà đến bắt chuyện. Gặp một thanh niên đang mài giáo ven suối, ông cũng tìm cơ thăm hỏi rồi giảng giải, khuyến khích, khuyên răn cho một thôi một hồi, đến nỗi người lính trẻ mồm miệng há hốc lắng nghe những lời lạ tai và lời cuốn, quên cả phận sự.

Hai nơi ông giáo thích đến nhất là sân tập võ và trại rèn. Đó là những nơi tụ tập đông đảo, và không khí chuẩn bị chiến đấu hào hứng sôi động nhất trạm. Tiếng hò hét xông trận, tiếng vỗ tay tán thưởng các chiến sĩ xuất sắc, tiếng lửa reo ở lò rèn, tiếng búa đập vào thanh thép đỏ kích động ông dữ dội. Hễ tìm được lúc thuận tiện, là ông chen vào để nói. Mà đối với ông, lúc nào cũng thuận tiện cả. Cho nên, nhiều hôm ông gân cổ gào thi với tiếng búa, tiếng la hét, đến nỗi tối về, cổ họng ông rát, giọng nói khao khao. Ông mệt thiếp đi, quên cả cơm nước. Rồi sáng hôm sau, ông lại tìm đủ sinh lực và hứng khởi để bắt đầu lại, y như hôm trước. Ông quên cả thói quen nghề nghiệp là vừa giảng giải vừa thăm dò phản ứng của người nghe để đo lường hiệu quả, chấn chỉnh cách nói cho phù hợp với đối tượng. Gần như ông nói cho

ông hơn là cho kẻ khác, nên đúng như Huệ kể với Lăng, ông giáo không nghe những lời giễu cợt - đôi lúc hỗn xược - của nhiều nghĩa quân. Họ thắc mắc về những điều ông giáo vững tin là chân lý, hoặc bông đùa đối với những gì ông cho là thiêng liêng, thế nhưng ông giáo không nhận ra. Ông nói, nói, nói. Cuối cùng sự hăng say của ông lôi cuốn được nhiều người, và tuy chưa biết hoàng tôn là cái thứ gì, họ cũng chấp nhận dễ dãi là nên tôn phù hoàng tôn. Một ông đồ hay chữ, khả kính, tuổi tác cao, lại đã từng ở kinh đô lâu năm hiểu hết mọi sự, hăng hái đề cao một người, thì người đó tất nhiên có gì xứng đáng. Nhờ thế ông giáo đã thành công! Không đợi Nhạc yêu cầu, ông còn soạn sẵn một bài hịch. Lúc đầu ông định dùng lại bài hịch cũ soạn ở Tây Sơn thượng trước khi Nhạc đưa quân xuống núi. Nhưng đọc lại, ông thấy bài ấy còn nhiều khuyết điểm. Điển cố nặng nề, khó hiểu quá. Điều này chính Huệ thuật lại với ông. Ý nghĩa dùng dằng. Lời kêu mà rỗng. Lại thêm cái tật dài dòng. Nhất là toàn bài không có một chút lửa mê. Đó là ánh đóm leo lét trên bàn đọc của một nhà nho lỡ thời. Ông viết xong bài hịch trong một đêm, không xóa một chữ. Viết đến chữ cuối thì chim rừng bắt đầu xôn xao thức dậy. Ông đọc lại, và lòng cũng xôn xao theo với chim chóc, cây cỏ. Đầu óc ông ngây ngất, đạt được một cảm giác mê mải khoái lạc y như sự mê mải của tình dục thời trai trẻ.

*

* *

Nhạc đưa Thận ra cửa với nét mặt dầu dàu. Trại rèn đã quá cố sức mình nhưng số giáo mác cần thiết vẫn chưa đủ. Nhạc giữ Thận lại trước hiên lợp lá, căn dặn:

- Tôi cho chú được toàn quyền. Muốn gì cũng được, miễn là rèn gấp cho đủ vũ khí. Thiếu ngựa chở thép ư? Nếu cần chú lấy cả con ngựa cưỡi của tôi đi chở hàng về. Thiếu bao nhiêu người thợ bẽ tôi đưa thêm, ngay sáng nay. Còn cái thứ vũ khí gì mới... cái gì? hỏa hổ, à phải rồi, hỏa hổ, cái thứ đó chú tạm thời gác lại. Sau này xuống đồng bằng nhiều phương tiện và thì giờ hơn, ta sẽ bàn lại. Bây giờ chú rán rèn đủ số giáo mác cho tôi đã. Tình thế gấp rút lắm rồi. Chậm một ngày là hại một ngày. Chú nhớ chưa?

Nếu không có Bùi Văn Nhật đến thì chắc Nhạc còn giữ Thận lại căn dặn lâu hơn nữa. Nhật mang thêm cho ông cả một cái tin không vui. Nhạc nửa tin nửa nghi, hỏi lại:

- Ông có tin chắc chắn không?

Nhật đáp:

- Không thể làm được. Chính bọn chèo ghè muối nói cho tôi nghe.

- Nhưng lâu nay hãn cộng tác chặt chẽ với mình, hai bên đi lại cùng nhau, có lợi cùng chia, hại cùng chịu, lẽ nào, hãn làm mà không lên bàn trước với tôi?

- Tôi nghĩ chính vì không muốn chia lợi ra làm hai phần nữa, mà hãn định ra tay trước.

Nhạc bần khoản nghĩ ngợi một lát, rồi bảo Nhật:

- Ông cho gọi anh em lên đây. Mời luôn cả thầy giáo nữa. Việc này không thể chậm trễ được!

Nhật mang tin Nguyễn Thung đã cho tay chân quen đường buôn bán lâu nay rảo khắp các chợ vùng Tuy Viễn hô hào khởi loạn. Thanh thế của Thung ở các làng ven biển và hai bên hạ lưu sông Côn tăng lên nhanh chóng. Nhiều toán cướp như toán của Nhưng Huy, Tứ Linh, cùng đám giặc biển Tập Đình, Lý Tài

bằng lòng theo về với Thung. Trong lúc đó, sự tiếp tế hàng hóa lương thực cần thiết cho nghĩa quân Tây Sơn thượng suy giảm đột ngột, kho muối vơi nhanh chóng một cách đáng sợ. Nguyễn Thung toan tính gì đây? Phải làm gì đây? Nhạc họp ban tham mưu ngay buổi sáng, và nhờ sự quyết đoán nhạy bén, ngay buổi trưa, ông đã tìm được biện pháp thích ứng. Ông quyết định tiến quân chiếm Kiên Thành ngay hôm sau để làm căn cứ ở vùng xuôi. Đồng thời để bao vây, cô lập lực lượng của Thung, Nhạc cho người theo đường rừng đến liên lạc với nữ chúa Thị Hảo và Châu Văn Tiếp ở Phú Yên. Ở mạn bắc, ông tiên liệu nếu về được Kiên Thành, qua ngã Thuận Truyền ông có thể khống chế cả hai phủ Phù Ly và Bồng Sơn. Ông không thể chậm chân hơn Nguyễn Thung người bạn buôn đáng sợ của ông, người đã từng dòm ngó nguồn lợi rừng, cạnh tranh ráo riết với Nhạc từ lúc anh em chưa phải trốn lên Tây Sơn thượng. Vậy là một lần nữa, Nhạc bị đưa đẩy đến chỗ phải quyết định mạnh bạo, và một lần nữa, ông đã nhanh chóng lựa chọn một giải pháp đúng.

*

* *

Từ trạm dưới chân đèo An Khê, nghĩa quân ủa xuống đồng bằng theo hai cánh. Một cánh do Nhạc đích thân chỉ huy theo hữu ngạn sông Côn, chia với cánh kia ở núi Một, tiến qua Kiên thành, rồi thọc sâu chếch ra phía bắc đến Thuận Truyền chuẩn bị kiểm soát mạn bắc nếu cần. Một cánh theo tả ngạn xuống thẳng Xuân Huê để kiểm soát đường rừng vào Phú Yên qua Đồng Sim. Toán phía bắc đóng ở Gò Quánh do Tuyết chỉ huy. Toán xuống Xuân Huê do Huệ chỉ huy. Nhạc và ban tham mưu dừng lại ở Kiên thành.

Họ tiến nhanh quá, đến nỗi bọn hào lý vừa choàng thức dậy đã thấy nghĩa quân kéo đến đông chật cả sân trước. Những kẻ yếu bóng vía không kịp sợ hãi. Bọn cơ hội không có thì giờ để điều chỉnh thái độ và toan tính trục lợi. Gần như ở các làng nghĩa quân kéo qua, mọi sự giữ y nguyên trạng, trừ số phận bọn chức sắc.

Riêng ngôi nhà tổ phụ của anh em Tây Sơn tại Kiên thành không còn như trước. Bọn lính phủ đã phóng hỏa đốt rụi ngôi nhà khá khang trang đó. Lúc Nhạc trở về, ông chỉ thấy mấy cây cột cháy chông chênh trên một cái nền vương vãi nào tro, than, rui mè cháy dở, cỏ dại và cứt.

Tên thầy cúng khuyên Nhạc nên đặt bản doanh tại Kiên thành cho tiện lợi và uy nghiêm, nhưng Nhạc nhất định không chịu. Vườn nhà ông cả hẹp, cây cối phần chết cháy, phần bị hàng xóm phá phách trông thật xơ xác, tiêu điều. Địa thế cũng không được tiện lợi, xa bờ sông quá. Đường cái nhỏ và lầy lội. Tuy vậy, không ai có thể lay chuyển được ý định của Nhạc. Trong vòng hai ngày, ông cho người dọn dẹp hết các tàn tích đổ nát, rồi dựng ngay trên nền đất tổ một nhà trại lớn ba gian hai chái, mái lợp tranh vách đất. Đặc biệt mái trại cao và dốc đứng như mái nhà làng trên các buôn Thượng. Tòa trại dựng xong, ông đứng lặng hồi lâu ngắm nghía, tận hưởng sự thành công uy nghi ban đầu của mình trên chính mảnh đất quê hương. Sau đó, Nhạc mới chịu nghe theo các lời cố vấn của Chi.

Ban đầu, Nhạc nghe lời bàn của Chi như nghe một mẩu chuyện vui của trẻ con. Cái trò thao diễn nghi lễ tiến lên mấy bước lùi lại mấy bước, chấp xá thế nào, thân nghiêng về phía trước thế nào, quần áo mũ mào, gươm giáo cờ phướng, ôi thôi bao nhiêu điều phiền phức vô bổ đó để làm cái gì chứ? Thật tội

nghiệp cho những nông dân đứng tuổi, chân tay vụng về bị buộc phải làm trò múa rối trước những đôi mắt giễu cợt của bọn trẻ con. Chính Nhạc cũng không muốn nhìn cái cảnh tập dợt chường mắt đó. Nhưng Chỉ đã tỏ ra kiên nhẫn vô cùng, chịu khó chờ cơ hội để chứng minh cái đúng của mình. Cơ hội ấy đến liền: Vừa về Kiên thành, Nhạc đã cho người đến liên lạc với Nguyễn Thung và Huyền Khê để đề nghị hợp tác. Họ hẹn nhau sẽ gặp tại Kiên thành vào rằm tháng 8. Bấm đốt ngón tay, chỉ còn không đầy mười ngày để chuẩn bị cho cuộc hội ngộ quan trọng. Nhạc không muốn Thung và Huyền Khê đến đây mà chỉ thấy một toán quân ô hợp, hàng ngũ lộn xộn, kỷ luật lỏng lẻo, thấy một bản doanh nghèo nàn, tồi tàn và sơ sài. Đến lúc đó, Nhạc mới công nhận cái trò nghi lễ nhiều khê của Chỉ cũng có công dụng riêng của nó, đôi lúc còn cần thiết hơn cả những phát súng, những đường quyền. Vì thế, Nhạc bằng lòng để mặc cho Chỉ lựa chọn xếp đặt lại đám người hầu cận của Nhạc. Những người đã từng theo Nhạc từ thời buôn nguồn, một hạt muối cắn làm hai, gian khổ vinh nhục có nhau, nhưng nếu thân thể ốm yếu, mặt mũi khắc khổ đen đui quá, thì khó thích hợp với vai trò mới. Chỉ bàn với Nhạc nên đổi hầu hết số người hầu cận cũ, một là vì họ không được vạm vỡ, đẹp đẽ, hai là vì thái độ thân mật buồngတွင် đối với Nhạc. Số hầu cận mới nên tuyển chọn trong đám thanh niên, càng xa lạ với gia đình Nhạc càng tốt, vì họ nem nếp thủ lễ với chủ tướng, không bao giờ dám cư xử suồng sã. Nhạc ngồi nghe Chỉ nói, tuy ngầm công nhận Chỉ nói đúng nhưng chưa dám chấp thuận đề nghị của ông thầy cúng. Phải qua một vài lần, những người thân cận vỗ vai, vỗ lưng Nhạc trước đám đông, hoặc bông đùa quá đáng làm mất cả uy nghi, Nhạc mới hoàn toàn chấp thuận ý kiến của Chỉ. Ông thầy cúng chỉ chờ có thế: trong vòng một ngày, Chỉ thay luôn toán lính hầu ở bản doanh và đội gác cửa. Gươm giáo bọn này dùng phải một kiểu, cùng một kích thước. Hiệu lệnh nghiêm minh, một tiếng hô hàng chục tiếng ứng rập ràng oai hùng. Nhạc đến có người báo, Nhạc đi có người hầu, chỉ cần đưa mắt một cái là lệnh được truyền đi đồng loạt. Khoái cảm mới mẻ này khiến Nhạc càng thấy sự quan trọng của hình thức, và tất nhiên sự quan trọng của chính mình. Những cải cách ấy tạo nhiều phản ứng sững sờ trong các người thân. Một hôm Năm Ngạn tức tối gạt phăng hai cây giáo cán gỗ thai bài của bọn gác cổng, hùng hổ vào tòa trại chính tìm gặp cho được Nhạc mà hỏi:

- Này ông cả, tôi xuống An Vinh bấy lâu, nay về đây thấy có nhiều cái lạ quá. Ai bày ra cái trò thẻ bài vậy? Đến cả tôi mà bọn gác còn hậm hộc hỏi thẻ bài mới cho vào. Thẻ bài là cái gì?

Nhạc gỡ tay Năm Ngạn, không cho nắm ống tay áo của mình, sửa lại xuống áo cho ngay ngắn, rồi mới hỏi:

- Ông mới về à? Công việc thế nào?

Năm Ngạn vẫn còn giận dữ:

- Phải, tôi mới về. Và vì mới về cho nên không kịp làm thẻ bài để trình cho hai cậu gác cổng.

Nhạc nghiêm mặt lại, giọng chậm rãi nhưng cương quyết:

- Chính tôi ra lệnh đấy. Ông chưa làm thì nên làm ngay đi, cho việc ra vào khỏi trở ngại.

Phạm Ngạn trố mắt nhìn Nhạc, không tin những điều vừa nghe là có thực, Ngạn lắp bắp hỏi:

- Thế... thế chuyện thẻ bài là do ông, chứ không phải như người ta đồn, do lão thầy cúng bày vẽ ra.

Mà thôi, thế cũng phải. Để ra vào tự do, làm sao phân biệt được ai bạn ai thù. Nhưng... nhưng bọn gác cũ

đâu cả rồi? Có chúng nó nhận diện được ai lạ ai quen, tiện biết mấy!

Nhạc không trả lời Năm Ngạn, nét mặt dàu dàu. Năm Ngạn lúng túng chưa biết phải làm gì, nên xin ra hay tiếp tục ở lại trình bày kết quả công việc được giao. Nhạc cũng hơi hồ thẹn vì sự thay đổi, tìm cách hỏi qua chuyện khác:

- Ông có gặp được họ không?

- Có. Họ đến đúng hẹn. Tôi giả làm khách buôn trầu như trước, họ thì lên theo một ghe mằm. Trong hai người, Lý Tài có vẻ lạnh lẽo giáo quyết hơn. Tên kia ăn nói thô lỗ, chỉ ngồi uống rượu nghe chuyện. Lâu lâu nói một câu chẳng ăn nhập vào đâu cả!

Nhưng sự thực họ có quyết tâm theo lão Thung không? Lực lượng họ thế nào?

Năm Ngạn tươi cười nói:

- Về chuyện này thì ông yên lòng. Tôi chỉ nói khích vài câu, cái tên cục súc say rượu đó đã phun ra hết, bạn hăn ngăn không kịp nữa. Hăn nói cái thân danh hăn thế này (Ngạn vỗ vào ngực mình) mà chịu nép mình làm đầy tớ cho Thung hay sao! Chẳng qua vì nể tình qua lại buôn bán với nhau mà đứng chung với nhau thôi. Còn lực lượng của họ? Họ được bao nhiêu người?

- Về chuyện này thì họ giấu. Tên lém chỉ nói mơ hồ là đông lắm. Tôi thì tôi cho người đi lân la dò hỏi bọn theo hộ vệ, mới biết họ chỉ có một nhóm. Vài ba chục người thôi. Nhưng phải nhận là họ dũng mãnh. Người nào cũng cao lớn, nước da đen cháy, cả bọn đều ở trần, đầu chít một băng vải đỏ.

- Họ đến đúng hẹn chứ?

- Họ sẽ đến. Lý Tài, tức là cái tên lém đó, bảo sẽ lên đây vào sáng rằm. Hăn còn cao hứng dặn phải đặt trước một mâm rượu thưởng trăng mới được. Về sau nghĩ ngợi thế nào, hăn lại bảo giờ giấc còn tùy thuộc vào Nguyễn Thung. Thung đến lúc nào, hăn sẽ đến theo đoàn của Thung cho tiện.

- Nghĩa là hăn còn nể sợ lão Thung chứ gì?

- Không hăn thế. Chắc chắn là họ còn do dự, chưa biết ý ta như thế nào, không muốn bỏ Thung trước. Nhạc gật gù, rồi suy nghĩ lung lăm. Một lúc sau, ông nói:

- Thế cũng được. À, tôi quên hỏi điều nữa: Hai người đó nói tiếng ta có rõ không?

- Không được rõ lắm. Giọng lơ lớ khó nghe. Lý Tài thì ăn nói sành hơn, lâu lâu còn biết pha tiểu lâm nữa. Còn Tập Đình thì kém lắm. Đôi lúc phải nhờ Lý Tài dịch hộ mới hiểu.

- Tốt lắm. Ông về nghỉ nhé. À, còn chuyện thẻ bài, thế buộc phải vậy. Ông đừng giận. Ta có nhiều kẻ thù, phải có cách để đề phòng, ông ạ!

*

* *

Cuộc hội kiến lịch sử diễn ra ở gian chính của trại Kiên thành đúng vào sáng rằm. Nguyễn Thung và bộ hạ giả dạng lái buôn lên trại theo đường sông. Tập Đình, Lý Tài và bốn người hộ vệ cùng đi một lượt với Thung, nhưng để chứng tỏ tư thế độc lập, đã cố ý đi chậm hơn, đến bến trầu lại cầm sào cách nghe của Thung vài con sào. Nhạc cho người mang rượu thịt đến thết đãi cả hai đoàn, hẹn giờ tiếp kiến vào sáng hôm sau. Con đường từ bến trầu vào trại được sửa sang cấp tốc nên đỡ lầy lội hơn, hai bên đường nghĩa

quân đứng thành hàng ngay ngắn, quần áo khá chỉnh tề, mỗi người tay trái cầm một cây cờ đỏ. Vì phương tiện eo hẹp, không đủ thì giờ và tiền bạc để mua nhuộm đủ vải nên màu sắc các lá cờ không được đồng nhất, có lá màu hồng nhạt, có lá lại ngả sang màu nâu già. Tuy nhiên, sắc đỏ truyền được sự kích thích phấn khởi cho mọi người, cho nên ngay Nhạc và Chỉ là những người trực tiếp dàn cảnh, cũng xúc động trước uy thế do mình tạo ra, ngây ngất ngắm hàng cờ đào phát phới trong gió mai. Trên mặt đường, không có lấy một cọng rác, một xác lá khô. Nghĩa quân đứng nghiêm như pho tượng, tay phải nắm chặt lấy cán giáo và theo sáng kiến của Chỉ, chân giáo cắm ngay vào gót chân phải, tay cầm giáo đưa ngang nên độ nghiêng của thân giáo đều nhau trông rất đẹp mắt. Đặc biệt, toán dàn chào từ cổng trại vào nơi hội kiến mặc đồng phục màu đen, đầu chít khăn đỏ, lưng thắt một dải vải vàng, giáo có cán bằng gỗ thai bài màu trắng. Quan khách và chủ nhân đều thực sự xúc động vì sự trang nghiêm của cuộc tiếp rước, nên nét mặt họ đều nghiêm nghị, mắt nhìn thẳng, ngực ưỡn ra trước, chân vô tình bước đều theo tiếng trống, tiếng chuông. Thung và đám bộ hạ đến chỗ cổng thì Nhạc mời họ dừng lại để xem đội dàn chào biểu diễn. Chỉ ra lệnh cho đội đánh trống khoa chiêng chuyển điệu. Ông cũng chít khăn đỏ thắt lưng vàng như toán dàn chào, chỉ khác là mặc đồ trắng. Sau khi cúi gập người chào Nhạc và quan khách, Chỉ bắt đầu chỉ huy cuộc biểu diễn. Theo nhịp trống, hai mươi người lính vạm vỡ, trẻ trung ăn mặc đẹp mắt, lần lượt biểu diễn các đội hình, chuyển qua giao đấu bằng giáo, côn, quyền cước. Cử động uyển chuyển, tới lui nhịp nhàng, đội ngũ tề chỉnh đều đặn là nhờ công phu luyện tập ngày đêm suốt nửa tháng trường. Nhạc mỉm cười cố giấu sự thỏa mãn, đám bộ hạ của Thung thích thú quay lại bàn chuyện với nhau, nhưng nét mặt của Thung không thể đoán được điều gì. Nhạc liếc nhìn Thung nhiều lần, chỉ thấy ông ta nhìn thẳng về phía trại mình, đôi hàng lông mày nhíu lại chăm chú suy nghĩ. Hơi thất vọng, Nhạc không chú ý các lời tán thưởng xôn xao chung quanh mình sau cuộc biểu diễn, chỉ đưa tay mời Thung tiến vào giữa hàng quân dàn chào để vào gian họp.

Nhạc đã cho khuôn sáu bộ trường kỷ chạm trổ công phu ở các nhà giàu về xếp dọc theo hai hàng dành cho chủ và khách, ở giữa đặt hai cái bàn chân nai trên có bày khay trà và cối trầu. Một lư hương lớn bằng sứ lấy ở chùa về đặt sát tấm bình phong bằng trúc có vẽ hình con lân, hương trầm tỏa ra thơm ngát cả phòng họp. Bàn ghế từ nhiều nguồn gốc khác nhau nên không có cái nào giống kiểu cái nào, có cái phải kê thêm đế cao cho bằng cái kia. Dĩ nhiên, bộ trường kỷ quý, đẹp nhất dành cho nhân vật quan trọng nhất của cả chủ lẫn khách. Đám bộ hạ ngồi ở hàng sau, trên những chiếc ghế có lưng dựa đan bằng mây.

Ở ba cái trường kỷ phía chủ nhà có Nhạc, giáo Hiến, Diệm, Bạc, Chỉ, Nhật và Năm Ngạn. Phía khách có Nguyễn Thung, Huyền Khê, Nhưng Huy, Tứ Linh, Tập Đình và Lý Tài.

Chủ khách vừa yên vị xong, Nhạc đã nói với Thung:

- Chúng tôi mới về đây nhà cửa còn lộn thối quá, chưa có thì giờ sửa sang lại cho coi được một chút. Ngay cả mấy đứa nhỏ làm đội dàn chào cũng chỉ mới học võ vẽ vài ba phép tắc đấy thôi. Ông thấy thế nào? Có điều gì không phải, xin lấy tình cũ mà bỏ qua cho nhé!

Thung đáp:

- Ông đừng khách sáo! Trại thì kể cũng còn sơ sài thật, nhưng không đến nỗi nào. Làm sao được! Ông mới dọn về dưới này có bao lâu đâu! Còn cuộc biểu diễn thì đẹp mắt đấy chứ. Hình như ông có mời

được một người chủ lễ thành thạo lắm. Chắc phải là một người thật am tường nghi thức, như một ông thầy cúng chẳng hạn.

Nhạc nghiêm mặt lại, môi mím chặt, nhưng ông tươi cười ngay sau đó. Nhạc nói:

- Quả có thế. Ông thật tinh mắt. Khi hôm trời trở nên không có trăng. Gió lạnh quá, các ông ngủ được không?

Thung đáp:

- Được chứ! Chúng tôi bàn chuyện đến khuya, nhờ rượu ngon ông biếu, chúng tôi chè chén say sưa rồi ngủ lúc nào không hay.

Nhạc không muốn dài dòng vô ích vì những lời thăm hỏi quanh co, nên vào đề ngay:

- Các ông có bàn trước rồi à? Thế thì hay lắm. Các ông nghĩ thế nào về đề nghị của chúng tôi?

Thung liếc nhìn Huyền Khê. Khê định nói, nhưng do dự lại liếc nhìn Thung ngầm ý nhường lời cho người cầm đầu. Thung nói:

- Chúng tôi cất công lên tận đây, đúng y như lời hẹn, điều đó cũng đủ chứng tỏ chúng tôi sẵn sàng cộng tác với các ông rồi. Có một điều cần phải bàn cho sáng tỏ, là cộng tác như thế nào mà thôi.

Huyền Khê đã lấy đủ sự tự tin hơn, tiếp lời Thung:

- Chẳng hạn nếu đã cộng tác, thì vai vế chúng ta sẽ ra sao? Quân chúng tôi sẽ đóng ở đâu? Quân Tây Sơn thượng sẽ đóng ở đâu? Hai đội quân liên lạc với nhau như thế nào? Khi có việc cần kíp, thì chỉ huy của hai bên liên lạc nhau ra sao? Còn nào chuyện nuôi quân, chuyện kiểm soát dân chúng ở hai vùng, chuyện giao thương đường sông, đường bộ. Biết bao nhiêu chuyện đặt ra, liệu cuộc gặp gỡ hôm nay ta có đủ thì giờ bàn hết được không?

Nhạc cười nhỏ một tiếng, gật gù bảo:

- Vâng, vâng. Các ông chỉ nói sơ qua là tôi đã hiểu. Ý các ông như thế này, để tôi nói gọn xem có đúng không nào. Nôm na ra là "giang sơn nào anh hùng nấy". Chúng tôi ở trên này, các ông ở dưới Tuy Viễn. Đường ai nấy đi, đất ai nấy ở. Chỉ khi nào có biến thì bên này gọi bên kia một tiếng để tiếp ứng.

Thung vội nói:

- Không hẳn như thế đâu. Ông biện chớ hiểu lầm!

Nhạc bực tức:

- Đừng gọi tôi là biện Nhạc như hồi buôn nguồn nữa. Nếu tôi ham cái chức thu thuế Vân Đồn, tôi đã không ngồi đây với các ông.

Thung thấy tình thế căng thẳng, vội cười giả lả:

- Ấy tôi quen miệng làm phật lòng ông, thật có lỗi. Đúng, chúng ta không chịu cúi đầu làm trâu ngựa cho bọn quan phủ nên mới tụ họp nhau ở đây, mới tính đến cái thể cộng tác nhau mà sống còn. Xin đừng chấp nhất những điều vụn vặt mà hư việc lớn.

Ông giáo chen vào cuộc tranh luận:

- Đúng là chúng ta không nên chú ý những điều tụn mუნ, nhưng có những cái nhỏ chứa đựng cái lớn, như người ta thường nói ở đầu sợi tóc có cả một tòa sen. Chẳng hạn hai tiếng "cộng tác" mà ông vừa thốt

ra, thật có nhiều ý nghĩa sâu sắc. Quý ông chỉ muốn cộng tác với chúng tôi, chứ không phải là hợp tác. Có lúc chúng ta cùng nhau làm một việc nào đó, nhưng ngay cả những lúc ấy, chúng ta vẫn là hai chứ không phải là một. Mỗi bên một lực lượng, một địa bàn. Mỗi bên có cách tổ chức, lối tiếp tế riêng biệt, tuy cả hai bên đều không chịu khom lưng làm thẳng dân ngoan ngoãn của quan phủ. Hy vọng là chúng tôi không hiểu lầm các ông chứ!

Huyền Khê chờ cho Nguyễn Thung gật đầu cho phép, mới trả lời ông giáo:

- Nói chung thì các ông hiểu đúng ý chúng tôi. Vâng, chúng ta có nhiều điều khác biệt nhau, do ở gốc gác, nghề nghiệp, tính tình, cả do thói quen nữa. Anh em chúng tôi là dân sông dân biển, nếu có bỏ sào bỏ lưới đi buôn thì cũng đi đường nước. Sống trên đầu sóng riết rồi chúng tôi quen với chuyện bắp bênh. Lộc nước bạc bèo lắm, nay có đó rồi mai chỉ một buổi động trời là mất hết, không được bền dai chắc chắn như lộc đất, lộc núi. Lưới được con cá ngon, chúng tôi ăn một bữa no nê cái đã, không ăn hết ngày mai ngày mốt biển có còn cho sống nữa không. Chúng tôi không biết để dành, kể cả việc để dành sự kiên nhẫn, và lòng tin. Cho nên anh em chúng tôi đây ít ham tính chuyện lâu dài, không đủ nhẫn nại ngồi nghe phân biệt thế nào là hợp tác thế nào là cộng tác. Sự việc chúng tôi nghĩ đến đơn giản thôi. Nó như thế này này: Chúng tôi có một lực lượng, chúng tôi đã làm được khá nhiều chuyện, chiếm được nhiều vùng ở Tuy Viễn. Các ông mời lên đây bàn chuyện dựa lưng nhau để sống. Chúng tôi muốn biết điều kiện các ông định đưa ra như thế nào? Lợi lộc chia chác ra sao?

Nhạc nói:

- Nếu chỉ có thế thì còn gì để bàn luận đâu! Hiện nay lực lượng của chúng ta chưa gặp được nhau. Quân phủ còn mạnh. Trong thành Quy Nhơn, Nguyễn Khắc Tuyên còn sờ sờ ra đó. Các ông nghĩ mà xem, chúng ta đã kiếm được bao nhiêu lợi lộc mà tính trước chuyện chia chác? Ngay cả vùng đất mà các ông tưởng là đã chiếm được của triều đình, chắc gì vĩnh viễn thuộc quyền các ông? Không san phẳng được thành Quy Nhơn, các ông nghĩ mà xem, liệu vài tuần, vài tháng nữa, chúng ta có còn đất để chôn bà con, bạn bè hay không?

Nhạc dừng lại, chờ đợi câu trả lời của Nguyễn Thung. Phòng họp im phăng phắc. Những câu hỏi của Nhạc thực sự đã khiến mấy ông khách quý hoang mang. Tập Đình không thạo tiếng Việt, ngơ ngác không hiểu vì sao đột nhiên mọi người im lặng, quay sang hỏi Lý Tài bằng tiếng tàu, giọng nói ồ ề, rồn rảng. Lý Tài cùng trả lời bạn bằng tiếng Tàu, nhưng cách nói nhỏ nhẹ, chậm rãi dè dặt hơn. Nhận thấy đây là cơ hội tốt để trình bày lý tưởng của mình, ông giáo nói:

- Vì sao chúng ta bằng lòng gặp nhau hôm nay, dù như các ông vừa bảo, chúng ta có quá nhiều khác biệt? Tôi xin trả lời thế này: Vì chúng ta có một kẻ thù chung. Không diệt kẻ thù đó thì các ông lẫn chúng tôi đều không còn đất sống. Phải hợp nhau mà diệt mối nguy hiểm đó. Nhưng kẻ thù chung của chúng ta là ai? Tôi xin mạn phép trả lời lần nữa: kẻ thù gần trước mắt là bọn quan quân dưới phủ Quy Nhơn. Diệt được chúng, chúng ta vẫn chưa được yên thân đâu. Quân phủ Quảng Ngãi sẽ kéo vào, quân phủ Bình Khang, Phú Yên kéo ra, theo lệnh cứu nguy của tên quốc phó Trương phúc Loan. Đúng, kẻ thù chính nhưng ở xa chúng ta là bè lũ tên quốc phó đó. Đất nước này còn vua, chúng ta là con dân của triều đình. Nhưng

tên loạn thần họ Trương đang lộng hành ở kinh đô, thao túng quyền bính ở vương phủ. Chúng ta vì việc nghĩa mà đứng lên diệt loạn thần, tôn phù một bậc anh tài, đạo đức thuộc dòng chính lên ngôi. Người đó là Hoàng Tôn Dương, chắc các ông đã nghe tiếng. Xưa nay bậc anh hùng hảo hán diệt loạn thần tôn minh chúa để danh thơm cho đời sau không phải là hiếm! Chúng ta ngồi với nhau ở đây vì nghĩa cả, chứ không phải để chia chác của cải thân tóm được của dân. Ý chúng tôi như vậy, xin các ông nghĩ xem!

Tập Đình lại lớn tiếng hỏi Lý Tài. Lý Tài dịch những lời ông giáo vừa nói cho bạn nghe, vừa dịch vừa nhìn về phía ông giáo, sợ những điều mình nói không đúng với nguyên văn. Tập Đình nghe xong, nét mặt tức giận, vung tay nói lớn một thôi dài nữa. Lý Tài đưa tay ngăn bạn nhưng Tập Đình vẫn la lối như trước, tay đập mạnh xuống mặt trường kỷ. Thung nghe hiểu lời đối đáp của hai người, nét mặt rạng rỡ. Thung bảo Lý Tài:

- Ông cứ dịch những lời của Tập Đình cho các ông đây nghe. Cứ nói y nguyên như lời bạn ông, đừng ngại!

Lý Tài do dự một lúc, rồi nói:

- Bạn tôi nổi giận vì nghe thầy giáo bảo nên tôn phù một ông vua khác. Bạn tôi bảo vua quan toàn là một tụi chó đẻ. Ở bên Tàu cũng vậy mà ở bên này cũng vậy, vua quan ở đâu cũng đều là bọn chó đẻ cả. Bạn tôi nói chúng nó chuyên đi ăn cướp. lại còn tham lam đến nỗi không muốn cho ai được chia chác, nên sai bộ quân lính ruồi nhặng chặt tay, chặt chân, đánh roi, thích chửi vào mặt những đứa ăn trộm, ăn cướp nhỏ hơn. Thật đúng như câu tục ngữ bên nước chúng tôi, là "chỉ có quan huyện mới có quyền thấp đèn". Bạn tôi nói giận quá rồi, chỉ có một việc giết quách chúng nó đi. Giết cho sạch sành sanh bọn giả nhân giả nghĩa!

Lời Lý Tài khiến cho cả phòng họp xôn xao. Nét phần đông người có mặt trong phòng đều rạng rỡ. Nhưng Huy và Tứ Linh từ đầu đến giờ nét mặt hiu hiu chán nghe những lời rắc rối dài dòng, giờ đây quên cả mọi sự câu thúc, cùng lớn tiếng khen:

- Khá lắm. Tập Đình nói được lắm. Cùng cá mè một lứa cả. Chỉ có việc làm cỏ của chúng nó mà thôi.

Không khí sôi sục hẳn lên. Mạnh ai nấy nói, hươ tay múa chân tự do như trong cuộc chè chén ở góc chợ. Mọi người đổ dồn về chờ đợi phản ứng của Nhạc và ông giáo. Nhạc mỉm cười khó hiểu, còn ông giáo thì mím môi để cố nén giận. Một lúc sau, phòng họp tự lấy lại trật tự sau phút nông nổi tự phát. Nhạc vẫn điềm tĩnh mỉm cười, nhìn về phía Nguyễn Thung hỏi:

- Có phải đó là ý chung của các ông không?

Thung vội đáp:

- Không hẳn thế. Nhưng...

Thung loay hoay không tìm được lời giải đáp thích hợp, lúng túng giữa phủ nhận và xác định. Nhạc không chờ đợi thêm, quay hỏi ông giáo:

- Ý thầy thế nào?

Ông giáo đã lấy lại được bình tĩnh, chậm rãi nói:

- Giết quách cho sạch bọn cướp lớn giả nhân giả nghĩa, điều đó nên làm, nhưng không phải là để cho bọn cướp nhỏ, bọn thảo khấu tự do hoành hành khắp chợ, khắp làng. Làm như thế, các ông nghĩ mà xem, cuối cùng thế nào cũng có một tên cướp nhỏ nhờ mưu chước và độc ác hơn giết hết bọn đồng nghiệp để một mình xưng hùng, trở thành tên cướp lớn khác. Có thể, hay chắc chắn là tên này còn tệ hại hơn cả tên cướp lớn vừa bị họ hạ trước đó. Như vậy, thì phòng có ích gì cho dân đen? Cho những người cùng khổ?

Cả phòng lại rơi vào hoang mang nặng nề. Sức nặng của lý thuyết, sự ràng buộc chặt chẽ của hệ thống, đè lên đỉnh đầu, trói chặt chân tay những người lâu nay quen sống theo bản năng và trực giác. Họ hàng phục mà lòng ảm ức. Kể cả Nhạc! Vì vậy Nhạc bảo:

- Thôi hãy gác những chuyện xa tít tận Phú Xuân lại! Hãy dè chừng, đối phó kẻ thù trước mắt của chúng ta ở dưới phủ Quy Nhơn trước đã. Các ông có bằng lòng như thế không? Bằng lòng chứ? Được rồi. Nội trong mùa thu này, ta phải hạ cho được thành Quy Nhơn. Khó đấy. Phải tính cho kỹ trước khi ra tay mới được. Phải thêm bạn và bớt thù. Ý tôi như thế này nhé: Để thêm bạn, hôm nay chúng ta liên kết với nhau, trên này nghĩa là một hai phủ cận sơn Phù Ly, Bồng Sơn đã có chúng tôi. Dưới vùng đồng ven biển ở Tuy Viễn đã có các ông. Trong Phú Yên tôi đã cho người liên lạc được với Châu Văn Tiếp và nữ chúa Thị Hòa của người Chăm. Như vậy là chúng ta đã có đủ bạn để bao vây Quy Nhơn lại. Để bớt thù, việc này khó hơn. Tay trong thì ta chưa có nhiều, nhưng nhờ thầy giáo đây mà tôi biết chắc rằng trong đám quan quân dưới phủ có nhiều kẻ ghét cay ghét đắng Trương quốc phó và mong ước tôn phù hoàng tôn. Tại sao ta không tiếp tục loan truyền mọi nơi là ta tôn phù hoàng tôn để chia bớt lực lượng kẻ địch ra, cho chúng bị xé làm đôi làm ba? Tôn phù hoàng tôn thì đã sao nào? Không có hại mà còn có nhiều cái lợi trước mắt. Ta thêm đông, trong khi kẻ dưới phủ thêm yếu. Chỉ cần ta khéo tổ chức, rồi hẹn ngày giờ, hô lên một tiếng, đông tây nam bắc vùng lên, là xong!

Rõ ràng lời giải thích của Nhạc thuyết phục được tất cả mọi người, kể cả Tập Đình. Vì sau khi nghe Lý Tài dịch lại lời Nhạc, Tập Đình tui ngihuu, ngồi im không nói năng, Lý Tài e dè hỏi Nhạc:

- Hai chúng tôi người Trung Hoa không sống được ở đất mẹ lánh qua đây, lâu nay kết được một nhóm "sống tạm" trên sông biển cho qua ngày, thế thôi. Tính chuyện lâu dài như các ông, anh em chúng tôi sợ không theo được. Nhiều cái ràng buộc quá!

Nhạc nói:

- Sao lại phân biệt người nam với người bắc? Anh em có mặt tại đây chẳng phải là những trang hảo hớn nghĩa hiệp hay sao? Chúng ta tụ họp nhau dưới cờ NGHĨA, nên nam bắc xa nhau, ngôn ngữ khác nhau mà đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, nội một buổi sáng đã thành ruột thịt rồi! Có thầy giáo đây giỏi chữ Nho, tôi xin hỏi thầy: Tôi có ý tặng hai người anh ruột thị khác chủng tộc hôm nay hai mỹ danh, một người là Trung Nghĩa một người là Hòa Nghĩa. Thầy thấy có chĩnh không?

Cuộc họp mặt lên đến tuyệt đỉnh của thành công, hoàn toàn nhờ sự khéo léo của Nhạc. Về sau, lịch sử chép rằng trong cuộc hội kiến quan trọng ấy ở Kiên thành "Nhạc tự xưng là đệ nhất trại chủ, cai quản hai huyện Phù Ly, Bồng Sơn; Nguyễn Thung làm đệ nhị trại chủ, cai quản huyện Tuy Viễn; Huyền Khê làm đệ tam trại chủ, coi việc quân lương" (Chính biên liệt truyện, q.30, 2b, 3a).

Đêm trung thu năm ấy trăng sáng quắc, và họ kết ba chiếc ghe lớn chèo ra neo ngay giữa dòng sông Côn mở bữa tiệc mừng có chích máu hòa rượu để uống thề "đồng sanh đồng tử". Kiên thành bâng bạc cái không khí rộn rã hào khí của thời Lương Sơn Bạc!

Chương 19

Từ An Thái, Huệ được lệnh anh gọi về Kiên thành có việc gấp. Huệ giao binh quyền lại cho Mắm, vội vàng lấy ngựa phóng đi ngay giữa khuya. Anh chạy dọc theo sông Côn, lòng bồn chồn không hiểu vì đâu Nhạc gọi mình về khẩn cấp như vậy. Mặc dù trời đêm mát dịu và gió có nhẹ, đến trại Kiên Thành thì cả người lẫn ngựa đều đầm mồ hôi. Quăng dây cương cho người lính gác dẫn ngựa đi ăn thóc và uống nước, Huệ lên thẳng phòng anh cả.

Trong phòng đèn sáng, đó là triệu chứng bất thường. Cửa lớn đóng, bên trong có tiếng nói chuyện mặc dù lúc đó đã gần sáng. Người lính hầu vội vã vào trong báo cho Nhạc tin Huệ đã về. Trong khi chờ đợi dưới mái hiên, Huệ không đứng yên một chỗ được, cứ đi qua đi lại cho vơi bớt nỗi bồn chồn. Cửa lớn xịch mở, Bùi Văn Nhật từ phòng Nhạc đi ra. Thấy Huệ, Nhật có vẻ bối rối, muốn dừng lại nói với Huệ vài câu xã giao nhưng không biết nghĩ sao lại rẽ sang trái đi thẳng ra cổng.

Huệ càng hoang mang hơn, vội bước vào phòng anh cả. Anh thấy Nhạc đang ngồi trên chiếc trường kỷ gỗ, một nhóc dựa người lên lưng tựa, hai chân gác cả lên cái bàn thấp. Nét mặt Nhạc mỗi một và ngái ngủ. Thấy em về, Nhạc vẫn không sửa lại tư thế ngồi bải hoải, hỏi Huệ:

- Chú vừa về đấy à?

Huệ lo sợ đáp:

- Dạ. Em mới về.

Tiếng Nhạc nhừa nhựa, trề nải và cay đắng:

- Đường xa đi mệt nhỉ!

Huệ lại dạ nhỏ, lòng hồi hộp, không hiểu nổi thái độ của anh.

Đột nhiên, Nhạc lớn tiếng, gần như quát tháo:

- Ai cho phép chú đưa quân xuống An Thái?

Bấy giờ thì Huệ hiểu hết. Lúc khởi quân, Nhạc chỉ giao cho Huệ nhiệm vụ đem một cánh quân xuống chiếm Xuân Huê, án ngữ và nút chặn của hai ngã đường quan trọng: một ngã xuống An Thái theo đường quan qua phủ Qui Nhơn rồi về Tuy Viễn, một ngã hướng về phía nam theo đường rừng về Phú Yên qua Đồng Sim. Huệ đã hoàn tất nhiệm vụ dễ dàng. Sau đó, không chờ anh cả đồng ý, Huệ cho quân thọc sâu xuống phía đông, chiếm An Thái. Anh tự nghĩ vị trí chiến lược của An Thái quan trọng hơn Xuân Huê, và không nên bỏ lỡ cơ hội quân triều đang tán loạn rệu rã chiếm ngay lấy trục giao lưu đường bộ lẫn đường thủy quan yếu này. Không ngờ... không ngờ anh cả đã nghĩ khác Huệ.

Biết mình có lỗi, Huệ không dám nói gì, chỉ cúi đầu đứng chờ những lời quở trách của anh. Giọng Nhạc đay nghiến, rít giữa hai kẽ răng:

- Chú làm tài khôn phải không? Chú có biết như vậy là đại đột không? Chiếm được An Thái thì được cái gì? Chú kể cho tôi nghe coi!

Thấy em vẫn giữ im lặng, Nhạc càng nổi giận. Ông choàng dậy, ngồi ngay ngắn trên trường kỷ, hai tay chống lên hai đầu gối chồm tới phía Huệ:

- Ông Nhật lại vừa đánh thức tôi dậy để báo thêm một tin dữ nữa. Chung qui cũng tại sự ngu si của chú. Tại chú dẫn xác xuống tận An Thái đấy. Lợi đâu không thấy, còn cái hại thì dồn dập tới. Nguyễn Thung vội cho người lên đây hỏi có phải chúng ta xé bỏ thỏa ước hôm rằm, lấn sâu vào vùng đất của họ không. Ông Nhật có gài tay trong ở dưới phủ, nên vừa được biết phủ nghe tin An Thái mất, rục rịch chuẩn bị giáo mác, quân lính, voi ngựa để ứng chiến. An Thái chỉ cách họ không đầy một buổi đường. Nếu dưới phủ chúng nó đánh bạo tiến lên tấn công ta trước thì chú tính sao?

Huệ nghe anh cả nói, sợ toát mồ hôi. Có thể đây là lần đầu tiên Huệ biết thế nào là sự sợ hãi. Anh không có bất cứ lý lẽ nào để tự biện hộ, nên đành đứng trên một chỗ gánh chịu cơn giận dữ của Nhạc:

- Chú vẫn quen thói rần rắt, liều lĩnh. Nhưng chú phải nhớ trước kia khác, bây giờ khác. Trước kia chú rần rắt muốn làm gì thì làm, cái hại quá lắm là mất vốn một chuyến trâu. Bây giờ không phải là mất trâu, mà mất cái này này, mất cái đầu của chú và của cả gia đình, bà con, bạn bè nữa. Chú đã hiểu chưa?

Huệ không thể giữ mãi im lặng, đáp nhỏ:

- Em đã hiểu.

Nhạc quát:

- Đã hiểu sao còn mang quân xuống An Thái? Chú nghĩ sao mà làm chuyện động trời vậy?

Huệ cố gắng lấy giọng bình tĩnh đáp:

- Em nghĩ việc binh, cần nhất là biết nắm lấy thời cơ. Bọn quân phủ rã hàng chạy tán loạn, tàn quân từ Xuân Huê đến Lai Nghi thì quân ở Lai Nghi rã, quân Lai Nghi chạy đến An Thái thì An Thái đã bỏ trống. Giữ được An Thái thì ta chặn được đường sông, không cho chúng tập kích Kiên Thành. Đường bộ từ phủ Qui Nhơn lên phía tây cũng bị cắt đứt.

Nhạc lắng nghe em trình bày, dần dần lấy lại được sự điềm tĩnh. Giọng Nhạc đã hơi dịu lại:

- Chú tưởng quân phủ bao nhiêu voi ngựa khí giới đó mà chịu mất bấy nhiêu tiện nghi một cách dễ dàng thế sao? So quân số, lương thực, trang bị, hiện giờ họ là trái bí ta chỉ mới bằng hạt đậu.

Huệ lấy bạo đáp lời anh:

- Nhưng trái bí đó đã thúi rữa trong ruột, còn hạt đậu chắc đang nảy mầm.

Nhạc cười khinh mạn, chế giễu:

- Chú vẫn có tài miệng lưỡi, tôi biết:

Rồi đột nhiên, Nhạc đổi sang giọng tâm sự:

- Anh nuôi chú từ nhỏ, còn lạ gì tính chú. Lâu nay anh vẫn lo, biết thế nào chuyện đó cũng xảy ra, không sớm thì muộn. Thôi, thà nó xảy ra sớm để anh còn thì giờ khuyên răn chú. Anh chừng này tuổi đầu, tóc đã có sợi bạc rồi. Mỗi sợi tóc bạc là một bài học khôn cay đắng và đắt giá. Chú biết không? Anh cũng đã từng trải qua thời thanh niên đam mê như chú, anh hiểu hết. Những người trẻ tuổi cứ tưởng mình là kẻ đầu tiên biết chuyện thương yêu. Lớp già trước kia không hiểu gì hết. Lớp sau cũng không thể đủ khôn ngoan để hiểu. Nhưng chú nghĩ mà xem, trên đời này có điều gì hoàn toàn mới lạ đâu. Đến một lúc khôn

ngaoan trầm tĩnh hơn, chú sẽ thấy tất cả đều phù phiếm như nhau mà thôi! Nhan sắc tàn còn mau hơn danh vị ở đời nhiều lắm. Đừng lụy vì nó. Chú nhớ không, cái lần chú căn nhắc với anh về chuyện lấy thêm một nàng hầu người Bana trên Tây Sơn thượng, làm buồn lòng mẹ con Thọ Hương. Bây giờ chắc chú đã hiểu suy tính của anh rồi. Ít lâu nữa, ta kéo hết xuống đồng bằng, căn cứ trên đó giao lại cho ai giữ, để làm chỗ rút an toàn? Chú thấy chưa?

Nhạc nói một thôi dài, ý tứ cứ lượn lờ, vờn quanh những điều mà hai anh em cùng không muốn nói thẳng. Nhạc tin là em đã hiểu mình, còn Huệ thì hoang mang, Huệ lờ mờ hiểu ý nghĩa lời khuyên của anh, nhưng Huệ sợ chính cái nghĩa đó.

Bên ngoài đã có tiếng gà gáy, rồi tiếng cồng báo giờ đổi gác. Dĩa đèn trên cái bàn thấp kê ở góc phòng hết dầu, tim đèn lụn. Nhạc nhìn em lạc thần vì trầm tư, tự nhiên thấy lòng thương hại, ông bảo Huệ:

- Thôi chú về ngủ một giấc, rồi chiều xuống lại An Thái. À, thẻ bài của chú đâu?

Huệ ngạc nhiên hỏi:

- Em mà cũng cần thẻ bài à?

Nhạc nghiêm mặt hỏi:

- Thế ai cho chú vào?

- Lính gác. Chẳng lẽ chúng không biết mặt em?

- Ai không biết chú là em ruột tôi. Nhưng luật là luật. Chú ra gọi tên gác vào đây!

Huệ vâng lời anh, vừa đi ra vừa ngoái nhìn Nhạc với đôi mắt ngờ ngàng.

*

* *

Trại Kiên Thành dựng ngay trên nền đất tổ tiên của gia đình Huệ, dĩ nhiên qui mô rộng hơn trước nhiều. Đại gia đình của anh em Nhạc vẫn còn ở Tây Sơn thượng, nên phần lớn các phòng trong trại đều là chỗ làm việc và nơi tạm trú cho khách khứa, quân lính. Huệ về nghỉ ở một gian hẹp, gần chái tây, cửa sổ trông ra cây me tàn lá đang chuyển sang màu xanh nõn. Dưới gốc me, một lớp lá vàng trải dày, làm tấm khăn liệm chờ hứng những chiếc lá sắp úa của mùa cũ. Lấy gốc me và bụi chuối đã cháy héo định hướng, Huệ hân hoan nhận ra rằng chỗ hiện giờ mình đang đứng cũng là chỗ ngày xưa mẹ đặt cái phản cho Huệ ngủ. Phải rồi. Đúng chỗ này đây. Còn chỗ kia là cửa thông xuống nhà hầm. Chỗ xó này, Huệ vẫn giấu cái cần câu, và dưới mái tranh chếch bên phải cái cửa sổ là nơi Huệ giấu cây kiếm để đêm đêm lén cha đi tập võ. Từ gốc me hướng thẳng về phía mặt trời lặn, khoảng cách một con sào, là cây cột gỗ sao láng bóng, trên đó Huệ từng lấy mũi dao vạch lấy chiều cao của mình hằng năm. Huệ bồi hồi nhớ lại những ngày thơ ấu, lan man nghĩ từ chuyện nọ sang chuyện kia nên không có hình ảnh nào trọn vẹn và rõ nét. Rồi không biết từ lúc nào, do đâu, anh nghĩ đến sự thay đổi của anh cả. Anh ấy trông lạ hẳn đi. Tuy nhìn phớt qua anh ấy vẫn y như thời còn ở Tây Sơn thượng với cử chỉ linh hoạt, khuôn mặt xương xương, nước da tái, đôi mắt hơi xếch sảo đến nỗi không ai có thể giấu gì được khi bị Nhạc soi mói, quan sát, nhưng khuya hôm nay, Huệ ngờ ngợ cảm thấy anh mình có vài thay đổi. Cử chỉ có chậm lại, như cân nhắc tính toán trước lúc đưa tay lên cao, cất chân bước tới. Không còn thói quen ngồi chồm tới trước vồ vập chờ đón một cách cởi

mở rộng lượng lời nói của kẻ khác. Nhạc ngồi thẳng trên ghế, vững chãi hơn, nghiêm túc và khinh bạc hơn. Nhất là cách nói, gần như chậm hơn trước nhiều. Nhạc đã bỏ thói quen nói từng câu ngắn rồi dừng lại để đo lường độ thấm thấu của lời mình trên gương mặt người nghe, do dự tìm một cách thích hợp hữu hiệu hơn để nói câu sau. Bây giờ Nhạc cất cao giọng như quá tự tin những lời nói ra đều đúng, kẻ khác không còn phải bàn cãi gì nữa, chỉ việc vâng lời mà thôi.

Chỉ có những câu tâm sự ở cuối cuộc nói chuyện hôm trước còn giữ được lối nói của Nhạc. Nhưng thực ra anh ấy muốn nói gì? Muốn khuyên ta thế nào? Tình yêu? Đam mê của tuổi trẻ? Nhan sắc? Kinh nghiệm? Sự tính toán trầm tĩnh? Anh ấy không tin ta đem quân xuống chiếm An Thái vì điều lợi về chiến thuật? Nhưng sự thực vì sao ta hăng hái dấn sâu vào cuộc phiêu lưu kỳ thú đó? Vì đâu? Ta có dối lòng ta hay không? Những gì ta nói với anh ấy chỉ là cái lý đến sau. Thế thì cái gì đã thúc đẩy ta trước? Chái nhà học? Ngôi nhà quay mặt về hướng tây mái thấp lòa xòa trên hai khuôn cửa sổ có tấm phen chống nửa vời, dưới nắng chiều trông thật giống với một khuôn mặt ngái ngủ? Cây gạo "thơm tho" ở bến sông? Cái miếu cô độc ở giữa đồng trống? Ánh đuốc canh lúa lập lòe? Cái bếp thấp nơi một người con gái mắt sáng, cổ cao và trắng, mặc chiếc áo có vết rách ở cùi chỏ? Bao nhiêu công phu cho một cuộc chuyển quân nguy hiểm chỉ vì bao nhiêu hình ảnh mờ nhạt, tầm thường ấy sao? Thực sự ta đã nghĩ gì? Ta muốn gì?

Huệ đứng bên cửa sổ nhìn những giọt lá me vàng rơi đều rơi đều, lòng bập bênh bồi hồi. Buổi sáng qua mau trong cảm giác bàng lảng đó của tâm hồn Huệ.

*

* *

An Thái được giải phóng vào một ngày mưa. Bầu trời màu chì sa xuống thấp, mưa rả rích lê thê trên một xóm làng hoang vắng. Thấy bọn lính phủ hốt hải chạy trốn, dân chúng trong làng cuống cuống kéo nhau lánh nạn, xuống miệt sông Cạn, hoặc lội sông qua An Vinh. Toán quân của Huệ lùng khắp làng, chợ chỉ gặp được có gã khùng và một ông lão mù lòa.

Hai ba ngày sau mới có lác đác vài bà lão dắt cháu bé liều lĩnh về dò đường, nếu ở được thì cho trẻ con qua sông báo cho những người đàn ông còn lại trong gia đình, bằng không thì cũng lén vợ vào vài cái áo, chăn chiếu, gạo khoai để tiếp tục sống tạm cuộc đời tản cư. Họ gặp được những "tên cướp hiền lành" và nhân từ đến nỗi chẳng những họ được quyền thu vén giữ gìn số của cải lương thực vương vãi bữa bọn lúc chạy loạn, mà còn được cấp phát thêm vô số gạo, mắm tích thu từ kho lẫm của nhà giàu. Tin mừng bay nhanh qua bên kia sông Côn, lan xuống phía đông nên không bao lâu số dân lục tục bỗng bễ mang xách kéo về càng nhiều.

Huệ, Mắm bận bịu suốt ngày mà không giải quyết hết những công việc cứ từng ngày tăng lên bề bộn.

Trước hết là vấn đề quân sự. Đúng như lời Nhạc, việc tiến quân sâu xuống An Thái đã khiến phủ Qui Nhơn hoảng loạn, vội vã tìm mọi cách tăng cường phòng thủ. Quân lính được rút bớt từ núi Bích Khê về, từ chợ Giã lên, đóng ken dày bên kia cầu Phụng Ngọc và Thiết Trụ. Một toán nhỏ bộ hạ của Nguyễn Thung không hiểu luôn lách cách nào, lên được tận Phú Thiện để cắm mốc phân ranh. Phải đối đầu cùng một lúc với hai lực lượng mạnh và đông đảo, toán quân của Huệ hóa ra nhỏ yếu. Huệ không cho quân đóng trong

làng, một phần vì nhu cầu phòng vệ, một phần sợ các nghĩa quân nổi lòng tham lấy của cải của dân. Huệ phân quân làm hai toán, một nửa đóng trên bãi cát nhìn qua An Vinh kiểm soát đường sông, một nửa đóng trên Gò Miếu. Mắm được giao nhiệm vụ điều khiển mặt sông.

Khổ một nỗi là phần lớn dân nghèo trong làng không chạy theo đám quan quân và bọn chức sắc theo ngả Phụng Ngọc để xuống phủ, mà lợi sông qua trú ở An Vinh. Cho nên công việc của Mắm nặng nề, nhất là vừa kiểm soát vừa giúp đỡ cho làn sóng người hồi cư này. Việc cứ sinh sôi nhanh chóng lên, rắc rối bề bộn đến nỗi Huệ chỉ vắng mặt có một ngày mà Mắm lo âu đến phờ phạc cả người, già đi trông thấy.

Nghĩa quân phải làm tất cả công việc của một chính quyền mới, một trách vụ mà từ trước đến nay chưa có ai trong toán quân trẻ trung hăng hái này có chút kinh nghiệm. Kể cả Huệ và Mắm. Đốt đồng sở thuế, phá cửa kho thóc và lăm nhà giàu phân phát cho dân nghèo, rồi rút ra khỏi làng như họ từng làm trước đây không quá khó khăn. Công việc hiện nay khác hẳn. Nghĩa quân phải ở lại, tổ chức đời sống, ổn định trật tự mới. Dân chúng ùn ùn kéo về, làm sao phân biệt được những người dân lương thiện với bọn lưu manh tứ xứ nhân cơ hội hỗn loạn trà trộn vào đoàn người hồi cư, đến cái chợ nổi tiếng giàu có tiền bạc và hàng hóa này để kiếm chác? Lục sổ đinh để kiểm tra ư? Sổ sách cũ đã bị thất lạc hoặc bị đốt cháy tiêu cả rồi!

Khuyến khích, thúc giục dân làng vạch mặt bọn vô lại chẳng? Gươm giáo của nghĩa quân ở xa, còn mũi dao liềm lĩnh và độc ác của bọn vô lại kề sát ngay bên hông họ!

Đó là chưa kể những vụ tranh tụng nhau về số đồ đạc bỏ vương vãi chổng chơ trên lối đi, dấu tích cuộc chạy trốn hỗn loạn. Ai mới thực sự là chủ của cái bàn đã gãy mất một chân đó? Con heo nái vú việc bèo nhèo này là của ai? Cái bình trà sứ vôi lăn lóc nơi gốc gạo là của ông Ất hay của bà Giáp? Lại thêm việc cứu đói cần kíp trong lúc tiếng trống quân phủ bên kia cầu Phụng Ngọc cứ đổ từng hồi nhắc nhở hoặc dậm dọa! Khối lượng công việc chồng chất cả lên vai hai thanh niên chủ chốt của toán nghĩa quân tiền phương là Mắm và Huệ.

Tuy nhiên, hình như luật tạo hóa cũng khá công bằng, nên cả hai đã được bù đắp cho những may mắn và niềm vui xứng đáng. Mắm dồn hết tâm trí vào việc giúp đỡ những người hồi cư, nên mãi lâu về sau, anh mới để ý đến một công dân đặc biệt gắn bó với An Thái là gã khờ. Đó là điều bất thường không thể hiểu nổi, như hai người thân yêu gặp nhau hằng ngày trên một con đường hẹp mà hàng tháng, hàng năm vẫn chưa tìm ra nhau. Đâu phải gã khờ sợ hãi cảnh biến đổi trốn biệt vào cái xó chợ nào đó! Cả An Thái dáo dác chạy trốn, chỉ có gã và ông lão mù lòa bị bỏ lại. Gã không đủ trí khôn để sợ, còn ông lão, thì thiếu một lòng nhân từ nào đó nơi kẻ khác, nên bị bỏ lại. Ông lão nằm chờ chết đói. Gã khờ thì không. Gã chạy khắp làng, tìm đến bất cứ cái gì còn cử động. Chính gã là người đại diện duy nhất An Thái đón chào nghĩa quân vào làng, chính gã hứng chịu những ngược đãi xốc nổi đầu tiên của những nghĩa quân hăng say tỏ vẻ uy quyền và giàu nghi ngờ. Làng hoàn toàn hoang vắng, kẻ độc nhất ở lại trở thành kẻ đáng ngờ. Gã chịu hai cái tát nổ đom đóm mắt, ba cái đá đít. Thay vì khóc lóc, van xin, gã cười. Nhờ thế, người ta hiểu ngay gã thuộc loại người nào, và cái tát thứ ba, cái đá đít thứ tư không xảy đến. Gã thành trò vui của bọn nghĩa quân trẻ tuổi. Họ cho gã ăn uống no nê, gã còn được đãi rượu nữa. Hơi men bốc lên, gã múa may, hát hồng.

Rồi chính gã ôm cờ đào đi cắm khắp nơi trên từng lều chợ, ở tiệm tạp hóa của người Tàu, ở chuồng ngựa, cả trên nhánh cây gạo cao ngất nữa. Nhờ gã mà từ bên kia sông Côn, dưới cầu Phụng Ngọc, từ gò Miếu, mọi người có thể thấy được lá cờ đỏ phấp phới ở chợ An Thái, tăng thêm thanh thế cho lực lượng nghĩa quân và khiến cho quân phủ nơm nớp khiếp sợ.

Mắt của Mắm để ở đâu mà không trông thấy gã! Thật khó hiểu, nhưng sự thực vẫn thường xảy ra như vậy. Đến một buổi sáng, hình như buổi sáng sau hôm Huệ từ Kiên Thành trở về, Mắm "thấy" gã khờ nhờ sắc cờ đào. Trời hôm ấy trong xanh, nắng thủy tinh nhảy múa rải hoa lên các lối đi dưới những tàn cây. Gã cầm một cây cờ đào - về sau Mắm biết gã đã gỡ lá cờ này từ một lều chợ - đi về phía nhà Hai Nhiều, vừa đi vừa hát một điệu khách, Mắm thì vừa gặp Huệ ở gò Miếu và đang trở ra bến sông. Họ gặp nhau chỗ bụi tre gần chái nhà cháy của ông giáo. Hai người cùng dừng lại, nhìn nhau ngỡ ngàng. Ánh mắt hoang dại và rạng rỡ nhờ phản chiếu màu cờ, trở nên xao xuyến, dò hỏi, lúng túng, lo âu. Chính lúc đó chính Mắm nhận ra được anh mình! Và kỳ diệu thay, cũng chính lúc đó, do sự kích động đột ngột và cực độ, gã khờ tìm lại được trí nhớ. Gã bập bẹ, run run hỏi:

- Mắm... có phải Mắm không?

Mắm chỉ chờ có thế. Hai anh em ôm chầm lấy nhau, nghẹn lời không nói được câu nào, hết khóc lại cười, hết cười lại rời nhau ra mà nhìn nhau. Vẫn chưa dám tin ở mắt và tai mình, gã khùng hỏi:

- Có phải em không hở Mắm?

Mắm nuốt nước mắt nói:

- Phải, em đây. Sao anh ra nông nổi này!

Gã khờ nhìn xuống quần áo, thân thể mình, và lần đầu tiên sau bao năm, gã thấy mình xơ xác, dơ dáy. Gã xấu hổ đưa tay kéo cái quần lên cho che bớt cái rún bẩn, cùng lúc đó gã cảm thấy lạnh lạnh nơi háng. Quần gã mặc đã rách đáy từ bao lâu rồi! Gã tủi thân, òa lên khóc như một đứa con nít vừa bị giành mất cái bong bóng lợn ngay giữa đêm ba mươi.

*

* *

Niềm vui của Huệ trầm lắng và phức tạp hơn. Sau khi đưa Mắm đến chỗ gốc mít trên gò Miếu, căn dặn Mắm kỹ càng những điều phải làm, Huệ đứng một mình nhìn mãi mấy đám ruộng hoang quanh gò. Từ lâu bị bỏ giá, đất ở đây trở lại cần cỗi, cỏ dại mọc lơ thơ không che nổi mặt ruộng khô nứt. Huệ thấy lòng lâng lâng, buồn vui lẫn lộn. Từ bao lâu nay, anh ao ước được một mình tận hưởng cảm giác hạnh phúc của giờ phút này, ở tại đây, nhưng đạt được buổi sáng mơ ước đó, anh thấy chưa vui trọn. Cảm giác khoái lạc, hương vị của hạnh phúc không rõ ràng như anh tưởng, mà hình như bị nhòe đi, như một trang sách gặp mưa. Có cái gì thiếu thiếu, dang dở, cái gì vương vấn, lờ làng! Kỷ niệm lẫn quất làm nhạt cả ánh nắng. Phải rồi! Chỗ kia, nơi cỏ mọc dày sắc xanh hơn, là con mương nhỏ thoát úng mà ông giáo, Chinh và Huệ đã hợp sức nhau đào suốt hai buổi chiều mới xong. Mô đất cao kia là nơi mà anh và ông giáo ngồi bên con cúi leo lét bàn chuyện ông Tử Trường, quanh co không lối thoát giữa hai nẻo chính tà, lúng túng chưa biết lẽ phải thuộc về kẻ ăn trộm lười câu hay thuộc kẻ ăn trộm nước. "Căn nhà ngái ngủ" quay về phía mặt trời lặn đã

bị thiêu rụi, dĩ nhiên chái nhà học cũng không còn! Dấu tích của một thời chỉ là tro bụi! Huệ nhớ lại những mơ ước thầm kín của mình, nhớ lời quở trách nghiêm khắc và những câu khuyên răn dè dặt mơ hồ của anh cả. Lòng Huệ chùng xuống, ngùi ngùi!

Anh ngạc nhiên thấy Mắm trở lại gò Miếu với một người nữa. Họ tới gần hơn, Huệ nhận ra gã khùng. Điều lạ là họ nói chuyện rôm rả với nhau, anh đoán thế nhờ cử chỉ và gương mặt của họ. Tay Mắm cầm một lá cờ đỏ. Đến chỗ mô đất cao, Mắm giơ cán cờ cao lên phát mạnh, lá cờ phấp phật reo vui trong gió. Mắm la lớn cho Huệ nghe:

- Anh có biết ai đây không?

Huệ không dám nói hai tiếng "gã khờ", vì đoán trước phải có điều gì bất thường và quan trọng lắm. Mắm mới quay lại. Mắm chạy đến chỗ Huệ đứng, trở gã khùng phía sau và nói:

- Thật bất ngờ! Anh ruột của tôi đó!

Huệ quay ngoắt lại, hỏi bạn:

- Anh ruột? Đừng nói đùa!

- Thật mà! Hai anh em lưu lạc xa nhau bao năm không tìm ra, ai ngờ... Vui hơn hết là đột nhiên anh ấy hết dở người... hết điên rồi! Chuyện khó tin nhưng có thật đấy!

Người anh của Mắm đã đến nơi hai người đứng. Ông ta lúng túng kéo quần lên, chợt nhớ chỗ rách đáy xấu hổ, vội thả lưng quần trượt xuống, kéo hai vạt áo bấn che cái bụng lại. Mắm quá vui, không chú ý đến vẻ bối rối của anh, bảo Huệ:

- Chuyện anh ấy ly kỳ lắm. Để tối, à quên, tối nay tôi phải đi tuần dọc sông, không được, để mai tôi kể cho anh nghe. Anh ấy đau đớn, u uất quá phát điên lên, bỏ mất cả trí nhớ bao năm nay. Bây giờ... à quên..., anh ấy vừa hỏi tôi cái cô bé trước đây ở cái nhà này, ý anh ấy bảo nhà thầy giáo đó mà, anh ấy hỏi cô bé đó bây giờ ở đâu rồi! Anh thấy lạ không. Chuyện đời quanh quẩn lung tung, cuối cùng mọi sự lại xoay về thành cái vòng tròn. Mà anh có biết vì sao anh tôi hỏi cô An chưa?

Huệ đưa mắt ngẫm hỏi "gã khờ". Hai tay vẫn giữ chặt lấy vạt áo để che cho kín bụng, ông ta buồn rầu đáp:

- Khuôn mặt cô bé đó giống y khuôn mặt vợ tôi. Phải, giống nhau như hai giọt nước. Nhờ ơn trời, bây giờ tôi nhớ rõ cả mọi sự. Nhưng giá tôi quên hết được mọi sự thì hay hơn nhiều!

Huệ tế nhị không muốn tò mò tìm hiểu những khúc mắc chắc là đau buồn của anh em Mắm, tìm chuyện khác vui hơn, Huệ nói:

- Người mà bác tìm không còn là cô bé nữa. Đã lớn lên, cao đến bằng chừng này rồi.

Người anh Mắm hỏi:

- Thực à! Nhưng cô ấy ở đâu?

Mắm đáp thay Huệ:

- Ở trên Tây Sơn thượng. Cũng sắp về đây thôi.

- Chừng nào mới về?

Huệ nhìn về phía Phụng Ngọc đáp:

- Còn tùy. Phải chờ xem chúng nó động tĩnh thế nào!

*

* *

Lá cờ đào dài hai ba thước phất phới trên ngọn cây gạo của một kẻ vừa tìm lại được trí nhớ và phẩm chất làm người, càng ngày càng trở nên nổi ám ảnh khủng khiếp đối với đám quan quân bạc nhược dao động cực độ bên kia cầu Phụng Ngọc. Đúng như lời Huệ nói, guồng máy triều đình ở phủ Qui Nhơn thời bấy giờ vẫn còn lớn như một quả bí, nhưng là một quả bí thúi ruột. Kinh đô dùng dằng, quan phủ hoang mang, quân đội rệu rã, bàn tay cầm gươm của tướng lẫn bàn tay cầm giáo của quân đều rịn mồ hôi sợ. Chưa cần đến tiếng ó xông trận đâu! Chỉ cần một lá cờ đỏ tung bay trên ngọn cây gạo cũng đủ cho chúng bủn rủn chân tay. Không cần chờ lâu, Huệ đã hiểu rõ sức mạnh của phía mình. Các tin tức Bùi Văn Nhật thu lượm được thêm bằng chứng mới để Nhạc yên tâm, bớt ái ngại lo âu vì sự xốc nổi thuần cảm tính của Huệ.

Nhờ thế, Tây Sơn mạnh dạn ổn định tổ chức chính quyền ở các vùng chiếm được. Dân An Thái bớt thái độ chân trong chân ngoài, bắt đầu tuân phục các "mệnh lệnh" của "mấy cậu trẻ con". Đối với các bộ lão đã từng chứng kiến bao nhiêu đổi thay, phế hưng trong đời, thì tuổi tác của Huệ và Mẫn còn quá trẻ để họ tin tưởng. Họ chờ xem thời thế biến chuyển ra sao đã! Nhưng chờ mãi họ không thấy quân phủ dám vượt qua cầu Phụng Ngọc. Tiếng trống dội từ hướng đông rời rã, yếu ớt dần từng ngày. Dân làng tự thấy phải mau mau thích nghi với đổi thay mới. Công việc của Mẫn trở nên dễ dàng hơn. Các vụ kiện tụng, trộm cướp, ẩu đả ít đi. Bọn vô lại lần trốn qua bên kia sông, rơi vào tay toán quân của Tuyết. Nhưng các thuận lợi khách quan ấy không khiến cho Huệ có ảo tưởng về khả năng mình. Anh biết mình còn quá trẻ để đảm đương công việc hành chánh. Cho nên, hai tuần sau khi chiếm được An Thái, Huệ yêu cầu anh cả tìm người về tổ chức guồng máy cai trị cái làng quan yếu về chiến lược này. Nhạc suy nghĩ một đêm, và không tìm được ai thích hợp hơn Hai Nhiều.

Hai Nhiều vỗ lấy đề nghị của Nhạc giống y cách một chú mèo đỏi vỗ con chuột béo. Trong cơn say mê quyền hành, ông ta trở nên liều lĩnh khác thường. Nhận được thư của Nhạc lúc tờ mờ tối, Hai Nhiều bỏ cả bữa ăn dở, hối thúc vợ con thu dọn quần áo đồ đạc, để khởi hành ngay đêm ấy. Báo hại bà Hai lính quính không biết nên đem về thứ gì bỏ lại thứ gì! Hai Nhiều quát mắng vợ và Kiên âm ỉ. Hai người đàn bà vừa lo thu xếp hành lý vừa khóc âm ỨC, không dám nói lên sự sợ hãi nguy hiểm trên đường rừng. Những nhà lân cận tưởng chỉ là chuyện cãi vã thông thường giữa hai vợ chồng, không ai buồn đến tìm hiểu nữa. Họ "về quê" đột ngột, gần như lén lút, không ai hay biết gì.

Huệ biết trước Hai Nhiều sẽ về An Thái, nhưng không ngờ ông ta dám dẫn luôn cả gia đình về chỗ tranh chấp nguy hiểm ấy. Từ chỗ đóng quân của Huệ trên gò Miếu, ông băng đồng chạy thẳng về nhà. Vợ con ông ôm xách đủ thứ đồ đạc linh kinh mếu máo chạy theo không kịp ông. Chạy một hồi, ông chợt nhớ đến họ, quay lại thấy bà Hai và Kiên còn ở tít phía sau. Bà Hai đánh vỡ cái bình sứ, Kiên để tuột tay bọc quần áo rơi cả xuống vũng lầy. Ông lại quát tháo, chửi mắng, nhưng nhất định không chịu trở lui giúp vợ con. Ông để mặc họ, tiếp tục chạy trước về nhà cũ.

Những lời đồn đãi lâu nay Hai Nhiều đã nghe đều sai sự thực. Quân phủ chỉ đốt rụi nhà ông giáo,

còn nhà Hai Nhiều không hề hấn gì. Nó vẫn còn đó. Nó vẫn còn đó. Nó vẫn còn đó. Hai Nhiều vừa chạy vừa nhắc đi nhắc lại cho mình nghe lời mừng rỡ khôn xiết ấy, tuy thở hổn hển nhưng ông không thấy mệt nhọc chút nào. Vâng, nó vẫn còn đó, mái nhà thân yêu của ông. Của ông! Của ông! Của ông!

Cửa cổng bị trật ngàm nghiêng ngả. Ai đó cột tạm hai cánh cổng chắc chắn dính đầy phân trâu bằng một sợi mây. Không đủ bình tĩnh tháo dây ra, Hai Nhiều lóng ngóng leo đại qua cổng. Ông suýt té chúi vào phía trong. Ông gượng lấy được thăng bằng, đứng thẳng người nhìn căn nhà. Và lòng ông đau buốt, như có ai đâm kim vào ngực ông. Những khuôn cửa lớn, cửa sổ, bằng gỗ lim chắc chắn và láng bóng trau chuốt từ thời Tư Thới đến thời Hai Nhiều, niềm hãnh diện thầm kín nhưng lớn lao của ông, đã bị gỡ tháo đi mất! Căn nhà trống toang hoác như một khuôn mặt người mù trúng phong. Chân ông bủn rủn. Ông khụy xuống, trước mắt mái nhà biến thành một bệt khói đen đảo quay cuồng!

*

* *

Hai Nhiều bận đi truy tìm những kẻ dám tháo gỡ mấy khuôn cửa quý của mình nên dành cho vợ cái quyền tự do lựa chọn một căn nhà để ở. Bà Hai chỉ chờ có thế. Căn nhà cũ đối với bà là một dấu tích của một đời làm dâu làm vợ nhọc nhằn, tủi cực, cay đắng. Mấy khuôn cửa trời đánh ấy bị mất ư? Càng tốt. Biết bao buổi trưa trong đời bà, trong khi mọi người được quyền ngả lưng đầu đó để tạm nghỉ, bà phải lấy giẻ đánh bóng từng khuôn cửa một, nhiều hôm mồ hôi và nước mắt nhỏ giọt trên tấm vải cũ!

Gia đình bọn hào lý trong làng chạy theo đám quan quân xuống trốn dưới phủ, nên An Thái còn nhiều nhà vô chủ. Hai mẹ con chạy đến nhà tên tri áp. Sự sang trọng vượt quá sức tưởng tượng của họ. Đây rồi, căn nhà mơ ước! Nhưng hôm sau, ra chợ bà Hai lại nghe tin bọn trộm đêm qua cạy cửa vào khiêng cái tủ chè khám xa cù ở nhà chánh tổng. Tủ xa cù? Trời hỡi! Sao hăn không khiêng theo mà bỏ lại! Hoài của! Có mất gì thêm không? Chắc còn nhiều đồ đặc quý giá hơn chứ!

Hai mẹ con chạy đến nhà tên chánh tổng. Lại đây rồi, ước mơ của đời mình! Mâm thau có chạm nổi, sập chén bát toàn sứ Tàu, chuồng ngựa, bàn chân nai, trường kỷ gỗ trắc có khắc đủ mai lan cúc trúc, liễn đối thêu sắc sỡ! Lại dọn nhà. Hai Nhiều tức tối vì tra chưa ra bọn ăn cắp khuôn cửa nên không có thì giờ nghe những lời khoe khoang của vợ, nhìn bao nhiêu xa hoa quý giá với đôi mắt dừng dừng. Vả lại, trong thâm tâm, ông cho rằng đây là phần thưởng xứng đáng với chức vị và trách nhiệm to tát của mình, không có điều gì mà phải nói thêm. Công việc của Hai Nhiều tuy không còn nặng nhọc như công việc của Mắm và Huệ trước đây, nhưng phải nhận là khá vất vả. Gần như toàn bộ những gì liên quan đến việc hành chánh đều là trách vụ của ông. Nhờ thuộc lòng gia cảnh từng nhà ở An Thái, biết tường tận nét mặt, nghề nghiệp, quá khứ tính tốt và nét xấu của từng người (kể cả những đứa trẻ lên bảy) Hai Nhiều thanh lọc dễ dàng những kẻ vô lại trà trộn trong dân chúng để thừa cơ hôi của. Nghe tin Hai Nhiều về hôm trước, hôm sau chúng đã chuồn đi sạch. Hai Nhiều nở mặt nở mày, tự ngẫm ngợi cái uy của mình. Giọng ông nói cao lên một bậc, mắt nhìn chếch lên trên đỉnh đầu kẻ khác. Ở đình làng, chỗ làm việc chính thức của ông, Hai Nhiều đã bỏ cái tạt ngồi ghé vào một góc ghế, cùng một lúc bỏ luôn cái đức nhún nhường lắng nghe kẻ khác nói từ câu đầu tiên. Gặp ông bất cứ lúc nào ở đình cũng thấy ông đang bận. Nhắc nhở cho ông nhớ

rằng dân họ đã ngồi chờ ông rảnh một chút để giải quyết giúp công việc cho họ là một xúc phạm lớn lao, nặng nề đến danh dự, thể giá, uy quyền của ông.

Mà ông có nhiều uy quyền thực! Quân phủ vẫn án binh bất động bên kia cầu Phụng Ngọc, nhưng ai hiểu được chúng đang toan tính những gì? Chúng có dám vượt cầu tấn công An Thái không? Chắc chắn chúng đã tung vào làng nhiều tên do thám để nắm rõ tình hình An Thái. Đó là chưa kể những vụ cạy cửa trộm cắp vẫn chưa dứt tuyệt. Nhu cầu an ninh ở vùng đất tranh chấp đã khiến quyền uy của Hai Nhiều trở nên tuyệt đối. Vì lợi ích của chính "bà con", vì sự an toàn sinh sống làm ăn của từng người, vì giấc ngủ, miếng cơm của từng cháu bé, vì... vì đủ mọi thứ thiêng liêng trên đời, đặc biệt đối với quê hương Hai Nhiều, ông buộc lòng chứng tỏ quyền uy của mình. Buộc lòng phải áp dụng một thứ kỷ luật sắt. Phải trừ cho hết bọn do thám và bọn trộm cắp, trước mắt là tìm cho ra và trừng phạt gắt gao bọn dám gõ mấy khung cửa nhà ông! Ở vào hoàn cảnh ấy, bọn xu nịnh và bọn leo mép muốn tâng công nhờ vả hoặc thanh toán hiềm khích oán cừu tích lũy từ lâu đời thật không thiếu! Hai Nhiều nhận được nhiều nguồn tin sai, trừng phạt oan một vài người quen biết. Ông dè dặt được một lúc, lại gặp những kẻ xu nịnh leo mép khôn khéo linh lợi hơn. Cái trò lẩn quẩn đó làm rối đầu Hai Nhiều, cuối cùng ông phải bỏ ý định tìm cho ra thủ phạm vụ trộm dơ dáy! Ông cảm thấy uy tín bị sút giảm, uy quyền bị sút mẻ. Chưa biết làm cách nào phục hồi thể giá của mình, Hai Nhiều may mắn được Bùi Văn Nhật khuyên nên cấp thẻ bài cho dân An Thái để dễ kiểm soát họ hơn.

Ông vồ vập chụp lấy cơ hội quý giá đó như đã vồ vập nhận lời đề nghị của Nhạc. Hai Nhiều ra nghiêm lệnh bất cứ ai đến tuổi vào sổ đình khi ra khỏi nhà đều phải đeo thẻ bài. Mỗi thẻ lớn bằng ba ngón tay, có đề tên họ và dấu điểm chỉ của từng người. Để đề phòng bọn lưu manh làm thẻ giả, Hai Nhiều ký một chữ nhỏ vào góc phải mép trên thẻ bài. Đây là sáng kiến riêng của ông. Hai Nhiều quên nghĩ là mình ít học, mỗi lần cầm cây bút lông ông cứ lúng ta lúng túng. Tay ông run, mắt ông lại kém, vợ con ông nhìn ông đêm đêm phải nhịu mày méo miệng, đổ mồ hôi gò cho được một chữ ký vào góc thẻ, thương hại ông mà không dám nói. Cuối cùng ông tìm ra được một sáng kiến chín chắn. Thay vì ký trọn chữ Nhiều quá nhiều nét, ông chỉ khuyên lấy một cái vòng méo, cho nó xong nợ!

Chương 20

Xuân Huê được giải phóng đột ngột nên bọn hào lý không kịp đem gia đình chạy theo đám quân phủ như ở An Thái. Huê dẫn quân theo đường rừng, từ núi Chóp Vàng men theo núi Đồng Sim chặn hết đường rút xuống phía đông. Hơn một nửa quân phủ bị kẹt lại, phải cởi quần áo trà trộn trong dân chúng, hoặc lội sông qua phía bên kia. Cho nên không giống như Hai Nhiều vô vọng tìm kiếm kẻ dám gỡ mấy khuôn cửa quý của nhà mình, Lợi về Huê gặp được gần đủ những kẻ liên quan xa gần đến cuộc tàn sát gia đình anh. Chỉ cần một buổi tối lân la trò chuyện với láng giềng cũ, Lợi đã biết hết: Người nào dẫn quân phủ đến chỉ nhà mẹ Lợi, người nào chỉ chỗ Phúc trốn, người nào sốt sắng tháo sợi dây xích nước cho quân phủ mượn trói các nạn nhân, người nào được bọn lính canh cho phép khiêng bộ phản gỗ về trước khi phóng hỏa. Kể cả những người vài hôm sau vào vườn nhà Lợi mót máy những rui mè cột kèo cháy dở về làm củi đun, Lợi cũng biết tất. Một thứ không khí nơm nớp lo sợ bao phủ khắp Huê. Người người chờ bão, run rẩy vì khủng khiếp hoặc tò mò.

Nhưng Lợi không làm gì cả. Công việc của Lợi buộc anh phải đi khắp nơi lo vận chuyển tiếp tế quân lương, tiếp thu số thóc tịch biên được nhập kho rồi phân phối đến các nơi. Kiểm soát thanh lọc, quản lý Huê là việc của người khác. Dân Huê chỉ thấy Lợi đi đi về về, mỗi lần Lợi về cả làng xôn xao, thấy Lợi đi họ kinh ngạc. Cứ như vậy mấy lần, cuối cùng sự chờ đợi cũng bớt căng thẳng. Kẻ tự cảm thấy có tội hoàn hồn, còn những bọn tọc mạch hiếu kỳ thì thất vọng.

Cho đến hôm Lợi đem vôi, cát về làm mả cho mẹ và anh chị. Nhũn nhặn, cẩn thận trong cách xử thế như một người đứng tuổi từng trải, Lợi đem quà cáp đến biếu cho những người thợ vôi trước khi ngỏ ý nhờ họ xây mộ cho thân nhân với một giá công quá cao. Đừng nói chuyện trả công! Lợi không trả gì cả, không biếu xén gì cả, họ cũng vui vẻ làm giúp cho Lợi mà! Cái chết thảm khốc của toàn gia đình đã gây xúc động mạnh cho dân Huê, họ quên ngay cái tính keo kiệt bủn xỉn của mẹ Lợi, xem đó là đức tính tào tàn đáng làm gương cho hết thảy những bà nội trợ.

Chỉ trong hai ngày, ba ngôi mộ trên khu đất cao gần bờ sông đã xây xong. Lợi đến nhà người đã khuôn tấm phản gỗ nhà mình, bằng một giọng lễ phép gần như e dè, xin cho Lợi được mượn nhà bày một mâm cơm cúng mẹ và anh chị. Giọng Lợi buồn buồn:

- Hai bác tính, bây giờ cháu tứ cố vô thân, không nhà không cửa. Đến mâm cơm giỗ mẹ cũng không biết đâu mà đặt. Hai bác thương cháu, cho cháu được nhờ hai bác chút việc...

Chủ nhà sợ đến lú lười nhưng cũng cố nói:

- Không có gì, không có gì đâu cháu. Không có gì đâu cậu. Bà con hàng xóm với nhau, thấy tình cảnh cậu chúng tôi ái ngại lắm. Đừng nói chuyện nhỏ nhặt như cho mượn nhà! Chuyện gì lớn hơn, chúng tôi giúp được thì dù tốn kém đến đâu chúng tôi cũng không ngại! Thôi, chúng tôi thừa với cậu thế này, cậu đừng giận thì chúng tôi mới dám nói.

- Hai bác quá lời. Cháu phận nhỏ đâu dám giận hai bác.

- Đây là chúng tôi sợ quần thể thôi. Bây giờ cậu đã lớn rồi, đã là ông này ông nọ, đâu phải như trước. Chúng tôi có ý sẵn sửa giúp cậu mâm cơm cúng. Cậu đừng từ chối. Chúng tôi buồn lắm. Không tốn kém gì lắm đâu. Gà vịt hoa quả có sẵn trong nhà cả. Cậu một thân một mình, bà con láng giềng không nấu nướng giúp cậu thì ai lo! Chẳng lẽ nhờ mấy cậu lính. Bằng lòng nhé, bằng lòng đi cho chúng tôi vui lòng nhé!

- Cháu sợ làm phiền bác gái và mấy em quá. Hai bác đã có lòng tốt thế, làm sao cháu dám từ chối. Nhưng cháu chỉ dám nhờ công nấu nướng thôi. Tiền mua gà vịt, rau rấy, cháu xin gửi trước để...

- Không, không. Ai lại làm thế. Cậu chỉ bày vẽ. Chúng tôi đã nói toàn cây nhà lá vườn cả, không hao tốn đồng nào đâu. Cậu đi định cúng vào giờ nào? Khách khứa bao nhiêu vị?

Lợi ngồi trên cái phản đặt ở hiên trước, gương mặt bồn thần vì mãi lo lắng. Chủ nhà bồn chồn. Lợi e dè nói:

- Cháu cúng vào buổi chiều. Còn khách khứa thì... cháu sợ ồn ào quá. Thôi, cháu chẳng mời ai cả.

Chủ nhà giã nảy:

- Đâu được! Chúng tôi đã bảo cậu không nên khách sáo. Ông nội mấy cháu có khó tính thực, nhưng chúng tôi sẽ thừa trước. Cậu muốn mời ai cứ mời đi. Đừng ngại.

Lợi lại suy nghĩ, hai bàn tay hết bóp vào nhau lại di di trên mặt phản bóng. Lợi nói:

- Cháu định mời một số anh em quen biết, ớn nghĩa từ trên Tây Sơn thượng.

- Thì cậu cứ mời đi. Mấy thuở họ đến làng mình!

Lợi đành phải vâng ý chủ nhà. Số "anh em quen biết ớn nghĩa" của Lợi là tất cả nghĩa quân trong toán hiện đóng tại Huê, nghĩa là gần năm mươi người trai tráng ăn khỏe, nói năng rồn rảng, cười đùa âm ỉ.

Nghe tin Lợi về làng lo giỗ mẹ và anh chị, nhiều nhà có tai mắt rủ nhau đếm "phúng điếu", gọi là tỏ lòng thương tiếc những người quá cố oan uổng. Lợi mặc đồ tang trắng, đội mũ rơm, mắt rơm rớm đỏ, lâu lâu đưa vạt áo giơ lên quệt nước mũi, thân hình tiều tụy xơ xác như vừa mới mất mẹ và anh chị hôm qua hôm kia. Lợi đứng nghiêm trang bên bàn thờ, lạy trả những người đến phúng viếng. Anh còn nhờ một nghĩa quân lanh lẹ ghi sổ một cách tỉ mỉ các đồ phúng điếu. Ghi cả đến một nén nhang, một đèn sáp, một đĩa cam. Trong khi người bạn Lợi cầm cúi ghi chép, Lợi bồi rối giải thích với người đến viếng:

- Ấy cháu nhờ ghi chép cẩn thận để sau này trả ơn. Hiện giờ thì cháu khổ sở, côi cút, nhưng biết đâu sau này cháu lập gia đình, làm ăn khấm khá, thế nào con cháu của cháu cũng lo đền đáp lòng tốt của bà con cô bác. Em ghi đi, bác Tám Thầu một nải chuối và hai bao nhang. Thiếm Trục một đĩa trầu... Chú Bảy Thìn một hộp... hộp gì đây, thưa chú. Hộp bánh. em ghi đi, chú Bảy Thìn một hộp bánh...

Bảy Thìn là người có lòng tốt tháo dây gàu cho quân phủ mượn để trói mẹ Lợi. Hộp bánh chú Bảy đem phúng điếu nặng khác thường. Những người có liên quan xa gần, nhiều ít đến cuộc thăm sát trước đây, không ai dám không đếm lạy bàn thờ mẹ Lợi mấy lạy. Họ cũng không đến tay không. Phần lớn đều bắt chước lối xử thế khôn ngoan của chú Bảy!

Từ đó, mỗi lần về Huê, Lợi thường ghé nhà chú Bảy. Số "anh em biết ơn nghĩa" của Lợi lại được dịp chề chén no say. Thím Bảy Thìn, một người đàn bà nhỏ thó, quần áo lôi thôi, nét mặt già nua khắc khổ đến nỗi mới gặp ai cũng tưởng đó là chị hai của chú Bảy, từ lâu quá chán ngán cho cái tính tham danh trái chứng của chồng, lần này mới có đủ lý do dẫn vật, rần rục chồng mà không bị la mắng chửi rủa.

Ngoài mặt thì lúc nào thím cũng đơn đả, ân cần với đám bạn trẻ trung của Lợi. Nhưng ở chỗ khuất kín, sau khi tiệc tàn mâm bát bề bộn, thím vừa dọn dẹp vừa gạt nước mắt thầm. Ước vọng được chen chân vào hàng chức sắc, khỏi bị xem là thứ dân ngụ cư mạt hạng, cái ước vọng thầm kín đó thuở mới lấy nhau thím có chia sẻ với chồng, cùng chồng tủi cực trước sự khinh khi của làng xóm. Càng có tuổi, thím càng khác chồng. Trong khi chú Bảy vẫn hăm hở dáo dác đi tìm một cơ hội nào đó thực hiện ước vọng của mình, thì thím Bảy cảm thấy tất cả mọi sự ở đời đều như cơn gió thoảng. Thím chín chắn trước chồng, già cỗi trước chồng, cho nên thím âm thầm chịu đựng hậu quả của các hành động vụng tính hời hợt của chú Bảy, với niềm cay đắng pha lẫn khoan dung. Đủ thứ hạng lưu manh dưới phủ Qui Nhơn đã tiêu phí khá nhiều tiền của của chú Bảy, mà lời hứa hẹn chỉ là lời hứa hão qua quít. Bây giờ thời thế chuyển xoay, lại thêm một lần trả nợ cho chồng. Một món nợ nặng nề không biết bao giờ mới trả hết, vì Lợi cứ ghé nhà vợ chồng thím hoài.

Một hôm giữa hai cuộc rượu, thím thấy chồng xì xầm gì đó với một người "anh em" của Lợi. Hai người có vẻ tương đắc với nhau lắm, kéo riêng ra một góc vườn kín đáo nói chuyện với nhau. Lâu lâu "người anh em" nói giọng Phù Mỹ hơi chát của Lợi liếc nhìn về phía sân tiệc như sợ bạn bè khám phá thấy mình lén lút nói chuyện riêng với chủ nhà. Thím Bảy lòng như lửa đốt, sợ chồng lại phạm một sai lầm nữa do không bỏ được cái tính bông bột xốc nổi, chộp vội chộp vàng cơ hội kiếm chút công danh. Không thể chờ đợi lâu được, thím tìm cơ để đi ra phía vườn. Người lạ vội lảng đi chỗ khác. Thím Bảy thấy chồng hân hoan ra mặt, như vừa được chính thức nhận một danh phận. Không chờ vợ hỏi, chú Bảy nói:

- Cao nhân tất hữu cao nhân trị. Để coi thử nó có dám vác mặt đến đây ăn cho hết nhà hết cửa người ta không!

Thím Bảy nói trong nước mắt:

- Tôi van ông. Làm cái gì cũng nhớ giùm đến vợ con. Chúng nó sắp chết đói, ông biết không. Hay gì mà gây thù chuốc oán với người ta!

Chú Bảy giận dữ gạt lời vợ:

- Bà biết gì! Cậu người Phù Mỹ hồi nãy, bà biết ai không?

Thím Bảy thở dài ngao ngán:

- Cá mè một lứa thôi, ông ơi.

Giọng chú Bảy đặc thẳng:

- Em ruột ông Huyền Khê đấy.

- Huyền Khê à? Làm gì có quan huyện tên Khê ở đây?

- Không, tôi nói Huyền Khê. Cái bà này, mới chừng đó tuổi mà đã lảnh lã. Ông ta là đệ tam trại

chủ bên Kiên thành, lo việc quân lương, tức là người có quyền cho thăng Lợi sống thì sống, muốn nó chết thì không còn đường thoát.

Hà, hà! Mày tưởng có thể bám tao mà còn bòn rút đến thiên thu hay sao! Cao nhân tất hữu cao nhân trị. Ngoài vòm trời này còn có một vòm trời khác. Tao đâu có ngăn gì mày!

Thím Bảy sợ đến tháo mồ hôi hột, mếu máo can:

- Mấy lâu nay ông không nghe mọi chuyện đảo điên hay sao mà còn tính ăn thua với người có thể! Gươm giáo thời này không có mắt đâu ông ơi! Mượn mũi giáo đầu này thọc đầu kia, nhiều khi thiên hạ không hề hấn gì mà mình chảy máu trước. Tôi lạy ông, cho mẹ con tôi được sống yên cái đời thừa này!

Chú Bảy giận lây đến vợ:

- Hứ, bà tưởng phải năn nỉ nó tha cho mẹ con bà sống hay sao! Sống như thế này thà chết quách đi cho mát thân! Bà cứ để mặc tôi. Mình cố thu vén lo cho một lần này nữa, chỉ một lần tốn kém đúng chỗ mà về sau khỏi phải bấm bụng cung phụng chè rượu cho tụi lâu la này. Chỉ một lần nữa, lần cuối cùng, bà nghe chưa. Xong việc này tôi thề không ham gì nữa. Bà bảo sao tôi nghe vậy.

- Ông thề như vậy biết bao lần rồi!

- Lần này tôi thề thật. Thấy mẹ con bà héo hắt, của cải dành dụm đổ ra hết, tôi phải biết nghĩ chứ. Không biết nghĩ tôi còn là người nữa không. Cậu ấy đã hứa chắc rồi. Không nhiều lắm đâu.

Bảy Thìn do dự trước khi cho vợ biết số tiền định lo lót cho Huyền Khê. Đàng nào thì cũng phải nói thôi! Chú bậm môi, nói nhỏ cho vợ hay con số. Thím Bảy tưởng đất trời đột nhiên điên đảo, cây cối trong vườn gốc ngọn ngược ngạo. Bảy Thìn phải dìu vợ vào nhà, trong khi tiếng cười ngoài sân tiệc vẫn âm ỉ.

*

* *

Nếu không có cái tật lảm lời và tính tham lam bon chen gần như bệnh hoạn của Bảy Thìn, thì có lẽ Lợi không thể biết những gì xảy ra sau lưng mình. Từ khi Huyền Khê nắm giữ việc quân lương theo thỏa ước hôm rằm tháng Tám, vì hiểu rõ mình chỉ là một tên tướng không có quân, lạc lõng giữa một tập thể xa lạ đáng ngờ, nên Huyền Khê giao hết mọi việc rắc rối nào nhập kho, ghi chú, phân phát, vận chuyển, kiểm soát, kết toán... cho Lợi. Huyền Khê kiên nhẫn chịu đựng thân phận một thứ con tin, vì hy vọng rằng với tài tháo vát của Nguyễn Thung, cộng thêm sự dũng mạnh liêu lĩnh của Tập Đình, Lý Tài, thế nào phe mình cũng thắng thế. Phải biết tùy thời mà xuất xử! Đến như Lã Vọng mà còn có thời ngồi nghe tóc bạc bên bờ sông Vị nữa là!

Vốn khéo léo đối xử với người chỉ huy trực tiếp, không bao giờ Lợi tỏ ra dám vượt quyền Huyền Khê. Như mọi khi, Lợi chuyên đứng ở hậu trường, nhường cho hình nộm trước sân khấu sự hãnh diện phù phiếm. Lòng tự ái của Huyền Khê không bị động chạm. Mọi việc đều do Lợi xếp đặt, nhưng trước khi thi hành, bao giờ Lợi cũng nói qua Huyền Khê một tiếng. Cho là phải phép rồi, Huyền Khê gật. Nhưng dù sao Lợi vẫn còn ít tuổi hơn Huyền Khê nhiều. Lúc nào đưa ra đề nghị gì Lợi đều thấy Huyền Khê chấp thuận không đắn đo, do dự. Thế mà phải thật lâu về sau, Lợi mới thấy mình trở thành thuộc hạ ngoan ngoãn của Huyền Khê. Lợi bận quá nhiều việc, chuyển lương liên miên cho các toán quân phía bắc sông Côn. Còn

mặt nam, như Du Thái, Xuân Huê thì có những người ít khả năng hơn phụ trách, vì công việc đơn giản hơn. Bẵng đi gần nửa tháng Lợi không có dịp về Xuân Huê vui vẻ với "anh em" nữa. Chỉ có một lần phải xuống Du Thái gọi Năm Nhiều lên Kiên thành gặp Nhạc gấp, trên đường đi ghé tạt Xuân Huê thăm mộ mẹ, Lợi lỡ đường ngủ tạm đó một đêm. "Các anh em" trách Lợi bỏ rơi họ, nhắc lại những đêm vui bên bàn rượu. Một người thuật cho Lợi nghe lời huênh hoang của Bảy Thìn. Thế là mọi sự sáng tỏ. Lợi biết hết những gì đã xảy ra, vì sao mình ít có dịp trở lại Xuân Huê.

Quá lắm rồi! Mình cho chúng nó lấy của đổi mạng mà chúng nó không biết ơn! Quá lắm rồi! Giở lại quyển sổ ghi danh sách những người đi điếu, dò tên từng người. Kiểm lại giá trị từng món, Lợi tức giận. Khám phá ra rằng chúng nó mua sự yên ổn của cả gia đình đông đúc với những giá quá rẻ. Bọn vô ơn bạc nghĩa! Quân sâu bọ! Quá lắm rồi!

Về đến Kiên thành, Lợi tìm gặp ngay Huyền Khê. Huyền Khê bảo:

- Chú về thật đúng lúc. Dưới Thuận Tuyên họ vừa cho người lên bảo sắp cạn lương. Chú xem lại thử kho An Vinh còn đủ không?

Lợi đáp:

- Vâng.
- Hay chú lấy ngựa đến tận nơi xem sao.
- Để xem đã.

Huyền Khê bắt đầu nhận thấy thái độ của Lợi có gì khang khác. Ông quan sát Lợi kỹ hơn, thấy đôi mắt oán giận và đôi môi mỏng mím lại. Huyền Khê hỏi:

- Chú mệt à?
- Vâng.
- Thế thì để tôi cho người khác thay chú cũng được. Chú về nghỉ cho khỏe. Có thuốc thang gì chưa?

Lợi nói:

- Cảm ơn bác. Chỉ xâm xoàng sơ sơ thôi. Nếu có người thay thế thì cháu xin phép bác được tạt qua Xuân Huê một hôm. Lâu quá không thăm chú Bảy Thìn được.

Lợi vừa nói vừa cố dò xem phản ứng của Huyền Khê. Quả nhiên nét mặt ông ta đanh lại. Sau một lúc im lặng đôi bên cùng dò dẫm, Huyền Khê hỏi:

- Chú bà con với lão Bảy Thìn thế nào?

Lợi quyết tâm nói thẳng vào vấn đề, không e dè quanh co nữa:

- Chẳng bà con gần xa gì cả.
- Thế thì cần gì phải thăm nom!
- Nói thế cho đẹp một chút thôi. Cháu xin nói thật, lão ta là kẻ thù của cháu. Chính lão giúp đỡ cho quân phủ trời mẹ cháu lại, đem đi hành hình.

Huyền Khê làm vẻ kinh ngạc:

- Thật thế à? Sao lâu nay không nghe chú nói gì cả?

Lợi chua chát:

- Làm sao cháu dám nói. Lão ta có nhiều thế lực. Có nhiều người bao che cho lão.

- Bọn chánh tổng ư? Hay là quan huyện? Chú còn sợ gì chúng nó nữa! Chúng nó cao chạy xa bay cả rồi mà!

Lợi giận quá nói lớn:

- Không. Chính lão dựa vào thế lực ở đây, ở tại Kiên thành này này, để tiếp tục huênh hoang không kiêng dè ai cả.

- Lão ta khoác lác, chú tin làm gì!

- Thế bác biết lão ta à?

Huyền Khê vội chữa:

- Không. Tôi mới lên đây lạ nước lạ người, ngoài chú với ông Nhạc có quen biết ai đâu. Nghe chú thuật, tôi đoán thế!

Lợi mạnh bạo tiến thêm một bước nữa:

- Bác có nghe lão huênh hoang gì không?

- Làm sao tôi biết được. Chú hỏi như vậy là có ý gì?

- Cũng có chút ý nghĩa chứ. Vì có liên quan đến bác.

Sợ Huyền Khê cắt lời mình, Lợi vội nói luôn một mạch:

- Lão ta khoe là người thân thuộc với bác. Lão thách đũa nào lớn gan thử động đến sợi lông chân của lão xem, thử có sút đầu mẻ trán hay không. Đặc biệt lão thù ghét cháu. Lão nói: Mở mắt cho to, xem tao trị thẳng Lợi. Nó biết thân thì lánh mặt đi. Vác mặt về Xuân Huê, có chuyện đa. Bà con cô bác xem lâu nay nó có dám thò đầu về đây đâu! Nó về, một gáo nước lạnh tao cũng không cho, chứ đừng nói rượu thịt.

Huyền Khê nóng cả mặt, trừng trừng nhìn Lợi, lớn tiếng hỏi:

- Thế ra chú về đây để vấn tội phải không? Chú muốn bảo tôi bao che cho kẻ thù của chú lộng hành phải không? Chú trả lời đi! Có hay không? Việc này không phải nhỏ. Nếu ông Nhạc không chịu giải quyết, tức là đã ngầm sai chú đến đây làm nhục tôi. Tôi chịu lên đây lãnh cái chức giấy bồi thọt mã này, không phải để người ta muốn làm gì thì làm. Chú trả lời ngay cho tôi. Chú muốn gì? Ai sai chú đến đây?

Lợi bắt đầu thấy việc làm của mình có nhiều nguy hiểm. Lợi biết cái thế liên minh giữa Nhạc và Nguyễn Thung có nhiều lỏng lẻo, nghi ngờ, và chỉ cần một hiểu lầm nhỏ mọn cũng đủ có thể xé lời thỏa ước tạm bợ hôm rằm. Càng nghĩ Lợi càng sợ, gai ốc nổi trên sống lưng Lợi. Lưỡi anh líu lại, tay chân run. Huyền Khê thấy hết vẻ sợ hãi của Lợi, càng làm tới:

- Chú không nói. Được. Tôi phải gặp ông Nhạc để hỏi cho ra lẽ. Nếu ông Nhạc không sai chú, thì chính chú là kẻ phá hoại, đâm bị thóc chọc bị gạo cho anh em ông Nhạc với anh em dưới Tuy Viễn gây gổ nhau, xích mích hiểu lầm nhau. Chuyện này quan trọng lắm, không thể bỏ qua được.

Nói xong, Huyền Khê vội vã lên trại chính gặp Nhạc.

*

* *

Chưa bao giờ Nhạc giận dữ như buổi trưa hôm ấy. Mắt ông đỏ lửa. Giọng nói cà lăm vì khắp người

ông run lên. Mép môi trên co giật, dấu hiệu sự xúc động đã lên đến tột độ. Gần như một hội đồng kỷ luật được triệu tập khẩn cấp, gồm có Nhạc, Huyền Khê, Bùi Văn Nhật và Chi.

Nhạc cho xếp hai bộ tràng kỷ thành một hàng dài, bàn phía trước đặt một đĩa trà và một khay trà. Chỉ sai lính hầu nhen thêm một lư trầm, mang lên đặt giữa khay trà và đĩa trà. Cửa lớn cửa sổ phòng họp đóng kín, bên trong thắp hai cây đèn bạch lập lớn. Không khí phòng xử trang nghiêm đến lạnh lùng, khiến Huyền Khê cũng phải e ngại. Ông hối hận vì quá nóng giận mà xé to một chuyện không ra gì. Huyền Khê muốn bỏ qua, nhưng Nhạc cương quyết phản đối. Nhạc nói:

- Đây không còn là chuyện riêng giữa bác với thằng Lợi, mà trở thành chuyện lớn của tất cả chúng ta. Không nghiêm trị nó, tất sẽ có nhiều lời xuyên tạc, gây bất hòa giữa anh em với nhau. Chúng tôi cảm ơn lòng khoan dung của bác đối với bọn trẻ con, nhưng xin bác nghĩ đến đại cuộc, cho phép chúng tôi trị nó. Tội bay đâu, dẫn nó về đây!

Hai người lính dẫn Lợi vào. Nét mặt Lợi còn nguyên sự hãi hùng, chân chùn lại không dám bước đến trước hai bộ tràng kỷ. Cách bày biện bàn ghế khác thường, ánh nến lung linh, khói trầm tỏa lên, bao nhiêu sự xếp đặt cố ý của Nhạc và Chi rõ ràng đã tác động lên cân não mọi người, kể cả những nhà dàn cảnh. Không ai dám thở mạnh. Khuôn mặt người nào cũng bất động, mắt nhìn thẳng, hai bàn tay xếp ngay ngắn trên hai đầu gối. Thế ngồi thiếu thoải mái ấy một lần nữa tăng thêm vẻ cau có nghiêm khắc trên mặt các quan án. Lợi chịu đựng sao nổi cái không khí đầy đe dọa ghê gớm ấy. Anh mất cả tài miêng lưỡi, và linh động quyền biến. Anh như cái xác chỉ biết vâng dạ, gật đầu chấp nhận hết. Mọi tội lỗi đều do anh. Mọi lời phao truyền cũng do anh. Các quan án cao lời buộc tội theo thói quen suy nghĩ của mình, gán cho Lợi những điều mình cho là không thể dung thứ trên đời. Chẳng hạn Nhật khép cho Lợi cái tội xem thường phép tắc. Chỉ thì bảo Lợi bài biếm lễ nghi, bất kính đối với tôn trưởng. Huyền Khê không dám nói gì thêm, chỉ e dè bảo tuy Lợi rất nhanh nhẹn tháo vát trong công việc, nhưng đôi lúc do sơ ý, cũng có vài trường hợp qua quyền. Kết quả phiên xử gần giống như mọi người đoán: Lợi phải chịu một bản án khá nặng nề. Vì dám xúc phạm đến vị chỉ huy khả kính của mình, vì lơ là trong công tác, Lợi bị truất hết mọi quyền hành, không được phụ trách quân lương nữa. Trong thời hạn một tháng, Lợi phải về trại Kiên thành làm một người bình thường, làm tạp dịch và giúp việc lật vật không quan trọng để có thì giờ ăn năn suy gẫm về lỗi lầm của mình. Sau một tháng, nếu Lợi phục thiện, biết tự sửa đổi tính nết, bấy giờ ban tham mưu sẽ họp để xét ân giảm cho Lợi, giao những trách vụ xứng đáng hơn.

Huyền Khê không dám ước mình được trọng vọng đến bậc đó. Ông bết hối hận, tự thấy mình đáng kính. Vâng, nếu ông có giận dữ mách chuyện đó với Nhạc, chẳng qua chỉ vì đại cuộc. Xưa nay ông vẫn được tiếng đại lượng khoan dung, nhất định không bao giờ có tâm địa nhỏ nhen. Phải chờ đến lúc men chiến thắng và tự mãn tan đi, Huyền Khê mới bắt đầu thấy lúng túng. Lâu nay việc quân lương do Lợi lo liệu cả, từ việc xuất nhập, sổ sách, cho đến điều động phương tiện chuyên chở. Quen biết rộng, giao thiệp giỏi, ăn nói khéo léo vừa ràng buộc vừa ve vuốt, lại luôn luôn kèm theo những món quà nhỏ gửi đúng lúc đúng nơi, Lợi giải quyết các khó khăn một cách dễ dàng, như một trò đùa. Đột nhiên Huyền Khê phải một mình lo lấy tất. Ông lúng túng, sợ không làm xong việc, sau đó sợ vì không làm được việc mà mất hết thế

diện. Các trở ngại không biết từ đâu ùn ùn kéo đến phá quỹ ông: đảng này kêu thiếu lương, đảng kia báo động lương sắp cạn. Kho thóc tịch thu được không đưa kịp về nơi an toàn, ngựa thồ chở quá sức con bị ốm con bỏ ăn. Lính dưới quyền kiếm có lính nặng. Mới toàn quyền bao liệu hết mấy ngày, ông đã nghe những tiếng kêu ca, than phiền. Theo cái đà đó, rồi sẽ đi đến đâu? Ông loay hoay, lúng túng như một tay chèo ngược dòng mà không có bánh lái, không có cả mái dầm. Tệ hơn nữa, ông không dám mở miệng cầu cứu Nhạc. Là đệ tam trại chủ, đặc trách quân lương, mà không lo xong được những cái việc vặt vãnh lâu nay một thằng con nít vẫn làm, thì còn thể thống gì nữa!

Cho nên không lấy gì đo được niềm hân hoan biết ơn của Huyền Khê, khi Nhạc gửi Lữ qua giúp ông giải quyết các khó khăn nan giải về vận chuyển. Các đoàn ngựa thồ khỏe hơn. Cần người gánh thêm gạo, có ngay. Kẹt kho ư? Nội một đêm Lữ truyền tất cả già trẻ lớn bé trong làng phải gánh, vác, bưng, đội, khiêng, xách... làm gì thì làm miễn phải dời số thóc từ chỗ này sang chỗ kia trước lúc hừng sáng. Lệnh của Kiên thành đấy. Nghe hay không tùy ý!

Nhạc đã gài Lữ làm việc bên cạnh Huyền Khê đệ tam trại chủ phụ trách quân lương như vậy! Nhạc cũng gửi Chinh xuống làm tùy viên liên lạc cho Tập Đình, Lý Tài, trong một trường hợp khác.

*

* *

Được tin Nguyễn Nhạc gửi thêm quân tăng cường cho lực lượng đóng ở An Thái, Nguyễn Thung càng thêm lo âu. Toán thuộc hạ cắm mốc ở Thủ Thiện chỉ là cái chuông báo động, chẳng bỏ bèn gì nếu Nhạc thay lòng, xé thỏa ước đêm rằm, sai Huệ thúc quân sâu xuống phía Tuy Viễn. Bằng nhiều hứa hẹn và kích thích hiếu thắng, Thung đưa được toán quân của Tập Đình, Lý Tài lên phía tây. Đám bạn bè bộ hạ của Tập Đình, Lý Tài quá ít ỏi, họ lại quen đánh nhau trên biển hơn là trên đất liền. Nguyễn Thung chọn trong số thuộc hạ của mình những kẻ to lớn khỏe mạnh, bắt cạo đầu gióc tóc cho giống người Tàu trước khi gửi họ tăng cường cho toán quân vốn đã hung hãn liều lĩnh ấy. Để phô trương thanh thế, nhất là để vuốt ve lòng tự cao tự đại của Tập Đình, Lý Tài, Nguyễn Thung gọi hai toán quân đó là Trung nghĩa quân và Hòa nghĩa quân. Không phải Thung không đủ chữ nghĩa để tìm những danh xưng kêu to hơn Nhạc. Thung có thừa sức thối căng những cái bong bóng. Nhưng sau nhiều đêm suy nghĩ, Thung quyết giữ y nguyên những cái tên Nhạc đã dùng, vì hai lý do: thứ nhất, là vì Tập Đình, Lý Tài đều thỏa mãn ra mặt, mũi phồng to lên vì hai cái tên đó; thứ nhì, Thung chưa muốn công khai đối đầu với Nhạc, nhất là khi cán cân lực lượng còn chông chênh, chưa biết được lực đã nghiêng về phía nào. Lấy cớ đề phòng quân tiếp viện của chúa Nguyễn từ Phú Yên kéo ra, Thung đưa Trung nghĩa quân và Hòa nghĩa quân tiến lên gần giáp với An Thái. Như vậy đầu tháng Chín năm Tỵ ở vùng giáp ranh Phù Ly. Tuy Viễn hai bên sông Côn, có tất cả ba lực lượng lạng lẽ gồm nhau chờ cơ hội giơ vuốt ra vồ lấy đối phương: toán nghĩa quân của Huệ, đám quân phủ bên kia cầu Phụng Ngọc, và đám quân ở trần trọc đầu của Tập Đình, Lý Tài. Quân phủ vẫn án binh bất động vì khiếm nhược. Đối với Huệ, hướng cần đề phòng là đám Tàu ô của Thung. Họ gây náo loạn và gieo sợ hãi trong các vùng họ kéo qua. Thích rượu và sự náo động, họ buộc dân chúng phải cung phụng đủ thứ. Bọn con buôn người Tàu được dịp kiếm những món lợi khổng lồ, nhờ bán rao chức tước và độc quyền chuyên chở

hàng hóa từ Tuy Viễn sang Phù Ly. Dân nghèo không chịu đựng được khổ khổ bắt đầu bỏ nhà chạy lên miệt trên. Các va chạm giữa hai lực lượng sinh sôi mau chóng. Mâu thuẫn ngày càng trở nên gay gắt, chỉ cần một mồi lửa là mọi sự bùng nổ. Trong khi Huệ cố tránh các va chạm, kiên nhẫn chịu đựng các khiêu khích thì Tập Đình và Lý Tài lại kiếm cớ gây sự. Chúng truy đuổi những người dân khổ lên tận An Thái. Chúng còn đòi Huyền Khê phải tiếp lương cho Trung nghĩa quân và Hòa nghĩa quân, lấy cớ để tam trại chủ có trách nhiệm về quân lương cho cả hai phía.

Nhạc tiếp nhận các đòi hỏi xấc xược ấy với nụ cười trên môi. Ông bảo tất cả ý kiến đó đều hợp lý, đều đúng với tinh thần của thỏa ước. Đáng lẽ Nhạc phải thấy trước, phải tiên liệu những khó khăn của Trung nghĩa quân và Hòa nghĩa quân để vận lương cho họ trước khi họ lên tiếng đòi hỏi. Nhưng chậm còn hơn không. Huyền Khê sẽ đích thân về Tuy Viễn gặp Thung để biết rõ nhu cầu cần thiết là bao nhiêu, quân số dưới Tuy Viễn đã lên đến đâu rồi. Về phần Nhạc, phải liên lạc chặt chẽ hơn với Tập Đình, Lý Tài. Trước mắt, Kiên thành phải gửi ngay một người xuống bản doanh của Trung và Hòa nghĩa để đảm nhiệm trách vụ tùy viên liên lạc. Không chờ hỏi ý kiến ông giáo (lúc đó có việc gấp về Tây Sơn thượng). Nguyễn Nhạc chỉ định Chinh giữ vai trò khó khăn và nguy hiểm ấy. Chinh nhận lệnh không chút sợ sệt hay do dự, ngược lại, anh còn có cảm giác ngây ngất say sưa vì sắp được tham dự vào một cuộc phiêu lưu mới.

*

* *

Chinh như một cô gái không chịu đựng nổi các lời dằn xóc của bà gì ghẻ, sẵn sàng gật đầu làm vợ bất cứ người đàn ông nào đến trước. Từ khi về đồng bằng, chiến đấu trong đội quân của Tuyết, anh chưa bao giờ cảm thấy hoàn toàn thoải mái, tự do. Lúc nào đôi mắt vô hình của cha cũng theo dõi anh, nghiêm khắc soi mói cái tính ngang tàng liều lĩnh của anh. Chinh không bao giờ quên trận đòn ở Tây Sơn thượng. Dù muốn quên, anh vẫn cứ nhớ từng lời của ông giáo đêm hôm ấy.

Sau khi nhận lệnh của Nhạc, Chinh thấp thỏm sợ cha về Kiên thành trước ngày mình ra đi. Anh không muốn nghe thêm những lời răn đe của ông giáo. Anh đoán trước cha sẽ nói những gì, ánh nhìn của cha ra sao. Có thể ông giáo lại yêu cầu Nhạc tìm chọn một người khác, và nếu như vậy, thế nào ông Nhạc cũng chiều lòng ông giáo. Chinh muốn mọi sự đã rồi trước khi cha về.

Khốn nỗi đáp của Tập Đình, Lý Tài lên chậm. Ông giáo lại xuống sớm. Ông giáo không yêu cầu trại chủ xét lại sự chọn lựa, nhưng y như Chinh đoán trước, ông giáo không vui. Lại nói xa nói gần đến điều nhân nghĩa, đến sự bất đắc dĩ của bạo lực, đến chỗ ranh giới của thiện ác... Chinh cúi đầu nghe lời cha, lòng ngán ngẩm, tự hỏi tại sao cha có thể bỏ cả cuộc đời nhai đi nhai lại những tiếng rỗng tuếch nhạt nhẽo như vậy.

Hình như ông giáo đọc được ý nghĩ thầm kín của con. Ông hỏi:

- Cha lắm cảm quá rồi phải không?

Chinh giật mình vội chối:

- Thừa cha, không. Con vẫn lắng nghe cha dạy.

Giọng ông giáo chua chát nhiều hơn là mỉa mai.

- Cha hiểu con rõ hơn mấy đứa khác nữa. Đừng giấu cha. Trí óc con đơn giản quá, bụng nghĩ thế nào, hiện cả ra cử chỉ nét mặt. Cha không biết phải chờ đến lúc nào con mới hiểu hết những điều cha vừa nói. Cha cũng biết hiện giờ, lời cha như nước đổ lá khoai mà thôi. Nhưng không nói, cha không yên tâm. Tình thế mỗi ngày thêm gay go. Mỗi người, ngay cả những người luống tuổi yếu ớt như cha đây, phải quyết định những điều liên quan đến sống chết của kẻ khác. Một mạng người. Cha nghĩ mà sợ, tay chưa đụng tới chuôi kiếm đã chùn lại. Miệng định nói đã ghen. Huống chi con lúc nào cũng lăm lăm gươm giáo nhọn hoắt. Con phải dè dặt. Nhất là chuyện này, sống giữa bầy hùm sói...

Ông giáo run giọng, lắp bắp không tiếp được nữa. Chình xúc động, thấy lòng man mác, ngùi ngùi. Anh hiểu tuy đối xử với anh cha có nghiêm khắc xa cách nhưng ông giáo vẫn thương con, lo lắng cho con trước một khúc quanh nguy hiểm. Sau một lúc cố trấn tĩnh, ông giáo nói:

- An nó tưởng con còn ở Kiên thành, nên nhờ con đón hai chị em nó.

Chình kinh ngạc vội hỏi:

- Chúng nó sắp xuống đây sao, cha?

Ông giáo đáp:

- Cha ngăn cản, bảo hãy chờ ít lâu nữa. Nhưng cả hai chị em đều nằng nặc đòi về. Chúng nó bảo cậu mợ Hai Nhiều về được thì mình cũng về được. An Thái quá gần phủ thì ở Kiên thành để săn sóc cha. Con biết không, cả Tây Sơn thượng thấp thỏm như ngồi trên lửa. Ai cũng ngong ngóng chờ ngày về xuôi.

Hai cha con im lặng, tránh nhìn nhau. Ông giáo nói:

- Lúc chúng nó về đây, con đã đi rồi. Thật tiếc.

Không hiểu sao khi nghe cha nói vậy, lòng Chình đau nhói. Anh mừng tượng cái gì sắp đổ vỡ mà không thể tránh được, cái gì đã rồi. Anh lo âu, khác với bản chất vô tâm lâu nay. Anh muốn diễn tả xúc động bất chợt đối với cha mà không đủ khả năng, chỉ cúi đầu im lặng.

Hai hôm sau, Lý Tài viết thư cho Nhạc, chấp nhận Chình về Tuy Viễn.

Chương 21

An và Lãng về Kiên Thành được hai ngày đã nằng nặc xin cha cho xuống An Thái. Ông giáo và Lợi tìm đủ lời dọa dẫm mà hai chị em vẫn không đổi ý. Cuối cùng, ông giáo đành phải viết vội lá thư gửi gắm cho Huệ và tiễn con ra đến bến sông.

Hai chị em đến An Thái vào buổi chiều. Người lính gác loay hoay xoay ngược xoay xuôi lá thư viết bằng chữ Hán. Không hiểu trong tờ giấy gấp tư đó nói gì, nên do dự chưa muốn cho An và Lãng vào gặp Huệ. May có một người lính già biết mặt An. Huệ đi vắng. Lòng nôn nao, cả hai không thể ngồi chờ Huệ được. Họ băng đồng vào làng khi trời sập tối.

Tuy biết trước là ngôi nhà cũ đã bị cháy tiêu không còn gì nhưng hai chị em không khỏi xót xa khi nhìn cái nền trống trơn trống trải gần bụi tre đã cháy héo mất một nửa. Họ đứng chết lặng hồi lâu không ai nói với ai lời nào. Mắt An cay cay. Giọng nói của cô rạn đi. An bảo em:

- Có còn gì nữa đâu!

Lãng hỏi:

- Làm sao bây giờ chị?

An quay nhìn về phía nhà cậu mợ, nói với em:

- Cha đã dặn rồi. Cậu đã hứa sẽ thu xếp chỗ ở cho. Dưới này thiếu gì nhà vô chủ. Nhưng...

- Nhưng thế nào?

- Lãng biết nhà ông chánh tổng không?

- Chi vậy?

- Cái thằng! Thì cha đã nói rồi. Cậu mợ dời nhà lên ở trên nhà ông chánh tổng. Phải tìm gặp cậu ngay!

- Sắp tối rồi. Không. Không phải em lười đâu. Mọi việc ngày mai thu xếp cũng xong. Tối nay ta qua ở tạm nhà cậu mợ đi!

An thấy Lãng có lý. Cô gật đầu.

Hai chị em đi vòng qua bụi tre cháy, theo con đường hẹp kề bên mấy đám ruộng thấp tiến về phía cổng nhà Hai Nhiều. Đúng ra họ có thể băng qua khoảng nền vương vãi tro than để qua sân nhà cậu mợ, nhưng cả hai chị em đều ái ngại. Không dám dẫm lên xác của những lưu niệm.

Cánh cổng lệch dính đầy phân trâu đã được Hai Nhiều sửa ngàm lại. Lãng phải thò tay vào phía trong, cố hết sức mới kéo bật cái then gỗ ra. Sân rêu trơn trượt, họ phải dè dặt từng bước. Nhà trống toang hoác. Mùi ẩm mốc lạnh lẽo, mùi cứt dơi bàng bạc khắp nơi. Lãng mệt nhoài, đặt gói đồ đạc trên vai xuống thềm, dựa lưng vào đó nghỉ. An có cái óc thực tiễn nhạy bén của người nội trợ, lần theo vách ẩm tìm xuống chỗ đặt bếp. Cô vấp phải một cái ghế gãy, đầu va vào một cây kèo thấp. Mạng nhện dính đầy trên mái tóc cô. Đi ngang qua chỗ nhà ngang dẫn ra phía lẫm, An nhớ cái thời mẹ mất, nhớ buổi tối người ta dẫn An qua

đây ngủ tạm một đêm để khỏi trông thấy cảnh tẩm liệm và nhập quan. An qua khỏi lối hẹp đầy bóng tối và ẩm mốc, xuống đến cái sân cát, cuối cùng tới chỗ xưa kia đặt táo bếp. Không còn gì, ngoài một viên gạch cháy sém vỡ làm đôi trên một nhúm tro ướt!

Tuy nhiên An cảm thấy tuyệt vọng cùng cực. Cô mệt mỏi đến nỗi đôi chân run, phải ngồi dựa vào thành giếng. Bao nhiêu xúc động và khó nhọc từ hôm ra đi ở Tây Sơn thượng đã khiến cô có kinh sớm hơn thường lệ. Cảm giác bứt rứt nhớp nháp giúp An nhớ lại cái đêm hôm ấy, đêm tang tóc, đêm đầu tiên An hãi hùng khám phá máu kinh nguyệt rịn thành dòng từ trên cơ thể mình, báo hiệu những ngày trưởng thành đầy âu lo và xao động. Từ lần có kinh nguyệt ấy đến lần này, bao nhiêu tháng đã qua! Bao nhiêu khổ sở, mất mát; bao nhiêu lần băn khoăn tự hỏi về những chuyển động thầm kín những khao khát vu vơ mà không tìm được lời đáp rõ; bao nhiêu đêm xấu hổ vì những mơ ước kỳ cục...!

Huệ tìm thấy An ngồi thừ trong khoảng sân ngả tối nên không nhận ra vẻ bối rối xấu hổ của cô, cái bối rối của người bị bắt gặp đang nghĩ đến những điều phải giấu. Huệ đến, mọi sự trở nên đơn giản, dễ dàng. Huệ hớn hờ bảo An:

- Thật giống như một phép lạ. An biết không. Thường ngày đi kiểm tra quân gác ở mặt sông về, tôi đi ngả kia, ngả tắt qua vườn bà Hội đó An nhớ không. Hôm nay vừa đến chỗ ngã ba, tự nhiên tôi nghĩ: Lâu nay không ghé qua chỗ cũ. Không biết chiều nay, đúng lúc chạng vạng tối này, những người đã sống quây quần trong "cái nhà ngái ngủ" đó có ai nghĩ nhớ về đây như ta không. Mãi suy nghĩ vu vơ như vậy, tôi không để ý, chân cứ bước về hướng này. Qua chỗ bụi tre, tôi hồi hộp nhìn vào chỗ nhà cháy. Tôi thấy gì kìa? Có người ngồi trước nhà Hai Nhiều. Một người đàn ông. Tưởng kẻ địch nào lén đến đây, hóa ra chú Lãng. Vòng ra bếp lại gặp thêm một người nữa.

An quên hết mệt mỏi, thích thú hỏi Huệ:

- Anh không nghĩ em là ma, cũng may! Anh đọc thư chưa?

Huệ ngạc nhiên hỏi:

- Thư nào?

- Thư của cha em gửi cho anh. Trách nhiệm nặng nề đấy nhé. Cha em gửi gắm, nhờ anh giúp đỡ tại em trong những ngày đầu.

- Thư đâu rồi?

- Em đưa cho bác lính gác rồi!

- Thôi, chắc đại khái như An vừa nói chứ gì. Ông cụ bày vẽ, dĩ nhiên là tôi phải lo. Bây giờ An cần gì nào? Ăn uống gì chưa? Tối nay nghỉ đêm ở đâu? Huệ sai lính mang đến hai chị em An nào chiếu chăn, gạo mằm, nồi niêu, Huệ trở lại ăn cơm với hai chị em, và nếu không bận đi gặp Mắm có việc gấp, chắc anh đã ngồi nói chuyện với An tới khuya.

*

* *

Nghe tin hai chị em An về, bà Hai Nhiều tất tả xách nón đi tìm. Bà có quá nhiều điều đáng khoe với các cháu. Ra tới cổng, bà chợt nhớ đến địa vị của mình. Hai Nhiều chưa được Kiên thành giao cho chức gì

rõ rệt, danh vị cũng chưa minh bạch. Thật đáng tiếc. Giá trại chủ giữ nguyên tên gọi các hào lý cũ, như tri ấp, chánh tổng, duyên lại, xã trưởng thì hay biết mấy. Chồng bà sẽ được gọi là ông chánh tổng, hoặc nói gọn hơn là ông chánh. Không còn gọi xách mé là lão Hai Nhiều như xưa! Tuy vậy bà Hai đọc được quyền uy mệnh mông của chồng trên gương mặt sợ hãi, thái độ khúm núm nem nép của những người đồng hương quá quen biết. Chưa được đích danh gọi là bà Chánh, nhưng bà Hai biết lắm, mọi người đã xét nét nhìn bà như một bà Chánh. Không thể ăn mặc lôi thôi, cư xử buông tuồng dễ dãi như ngày trước được.

Nghĩ như vậy, nên chân bà Hai chùn lại. Bà do dự, nửa muốn gặp ngay An để khoe khoang đủ việc, nửa muốn trở về ngồi trên cái sập gụ nhai trầu. Cuối cùng, bà trở về nhà. Bà gọi một tên đầy tớ vốn là đầy tớ của chánh tổng, sai nó đến nhà cũ của mình bảo An lại gấp.

An vội vã theo tên đầy tớ đến nhà vợ. Do bản năng làm mẹ mà An mau mắn nghĩ ngay đến những chi tiết vụn vặt nhưng tối cần cho cuộc sống mới: chợ búa hiện giờ họp ở đâu, lúc nào, giá cả thực phẩm ra sao, có thể mượn tạm được những đồ dùng lặt vặt như cái mâm, đôi đũa, ống thổi lửa, cái sòng chén, cái gối mây, dây cột gàu xách nước được không. An giao cho Lãng nhiệm vụ dọn dẹp căn nhà hoang cho sạch sẽ, chờ Huệ gửi lính tới sửa sang lại cửa ngõ như đã hứa đêm qua, còn mình thì phải gặp vợ gấp. Bà Hai Nhiều cố dẫn sự nôn nóng hân hoan của mình, ngồi yên trên sập gụ chờ An vào. Vừa trông thấy An, bà Hai cười hỉ hả nói:

- Quá lắm nghe cháu! Về hôm qua mà đến nay mới qua thăm cậu vợ. Vợ không gọi chắc phải tháng sau.

Biết vợ chỉ nói đùa chứ không có ý trách. An ngồi sà đến gần bà Hai riu rít hỏi:

- Vợ. Sao hôm trước cậu vợ về thành linh vậy! Sao không cho con hay?

Bà Hai làm ra vẻ nghiêm trọng, nói nhỏ đủ một mình An nghe:

- Suyt. Tại việc quan trọng, khẩn cấp quá, "ở trên" không muốn cho mọi người biết. Mình vừa lấy lại được An Thái, công chuyện rối tung lên. "Ở trên" phải mời cho được cậu mày về đây, không thì vỡ lở hết. Lệnh gấp và quan trọng như vậy, làm sao tin cho cháu hay được.

Khi nói đến hai chữ "ở trên", bà Hai nghiêm sắc mặt, mắt nhìn thẳng, sửa lại thế ngồi cho thêm kính cẩn. An buồn cười nhưng không dám tỏ vẻ diễu cợt trước mặt vợ, giả bộ lo lắng hỏi:

- Thế lâu nay "ở trên" có thường xuống đây không vợ?

- Sao lại không. Đây là mặt trận chính mà. An Thái mà thiếu một người như cậu mày, thì bọn dưới Phụng Ngọc đã tràn lên từ lâu rồi. Ôi thôi ổng bận suốt ngày. Cháu thấy đó, giờ này mà cậu mày có được ở nhà uống chén trà sớm đâu! Đã thế đêm còn phải mang giấy tờ về tra xét cho đến tận khuya. Vợ thấy cậu mày vất vả, cũng muốn giúp một tay. Nhưng mình đàn bà con gái, làm gì được. Chỉ khi nào bà con láng giềng có nhờ nhờ điều gì, thấy có thể giúp được, vợ mới nói góp cho họ một tiếng.

Rồi không chờ An hỏi, bà Hai Nhiều cả kê kể những trường hợp khó khăn bà đã nói giúp với chồng để giải quyết cho "bà con". An nghe, thấy phần lớn trường hợp đều liên quan đến việc cấp thẻ bài và tranh tụng số đồ đạc bị mất mát lúc chạy loạn.

- Bà Hai nhổ bã trầu vào một cái ống nhổ bằng thau, đưa tay áo quạt mấy giọt mồ hôi rịn trên trán

sau cuộc huyền thuyên hào hứng, cười nói với cháu:

- Mơ tiếc cái thời an nhàn trên Tây Sơn thượng. Về đây trăm công nghìn việc, mệt ơì là mệt. À quên, khi hôm cháu với thằng Lữ ngủ đâu?

An trả lời. Bà Hai không tin hỏi lại:

- Thật không? Cái nhà trống hoác đó, chỗ đâu mà ngủ. Giường chiếu đâu còn nữa!

Nghe An nhắc đến tên Huệ, nét mặt bà Hai sa sầm lại. Về hào hứng biến mất. Bà lúng túng, chưa biết xoay trở thế nào y như một người làm trò ảo thuật bị kẻ chơi khăm mách trước cho khán giả cách lạnh tay lẹ mắt để lừa dối kẻ khác. Bà lo lắng hỏi:

- Sao cậu Huệ biết cháu về?

An thành thật đáp:

- Cha cháu có gửi cho anh ấy lá thư. Tụi cháu nhớ An Thái quá, không chịu ở lại Kiên Thành. Cha cháu cảm không được, lại quá lo cho tụi cháu, nên nhờ cậu mợ với lại... với lại nhờ anh Huệ để mắt giúp đỡ cho.

Cách nói dè dặt và khéo léo của An phần nào khiến bà Hai thỏa mãn tự ái. Và để chứng tỏ mình còn ân cần giúp đỡ cháu hơn cả người khác, bà lôi An đi hết nhà này đến nhà nọ, quyết tìm cho cháu một ngôi nhà vô chủ đầy đủ tiện nghi nhất, cao sang nhất, mát mẻ nhất, bàn ghế giường tủ chắc chắn quý giá nhất. An mất cả buổi sáng để theo mợ, kiên nhẫn nghe mợ khoe khoang lòng độ lượng nhân từ của mình đối với gia đình bọn hào lý còn kẹt lại. Đi hết một vòng bảy, tám ngôi nhà vô chủ, bà Hai hỏi An chọn cái nào. Bà kinh ngạc đến sững sờ khi nghe An xin cho ở ngôi nhà cũ của Hai Nhiều!

*

* *

An trở về nhà đã thấy Huệ cho người đến sửa sang cửa ngõ cho hai chị em. Họ gồm ba người: một thanh niên tóc hơi quăn, mặc cái áo đã rách ở vai trái và một cái quần đen dài gần tới đầu gối; một người đã đứng tuổi để râu cằm, cử chỉ đĩnh đạc ăn nói kẻ cả, hình như xuất thân thợ mộc nên luôn miệng sai bảo hai người kia với giọng chắc nịch tự tin. Người thứ ba ở trần, da hơi tái, trên lưng phía dưới vai độ một gang tay có cái bớt màu xanh hình giống y như một hạt đậu phộng. Vì mãi lo mài đục và quay lưng về phía An, nên An không nhận ra được người thợ này già hay trẻ. Bác thợ cả hỏi An:

- Chúng tôi chờ cô về. Từ sáng đến giờ tôi mới cho phá các chỗ vách rữa để lắp khuôn cửa cho dễ thôi. Ý cô thế nào?

- Bác bảo gì ạ?

Người thợ cả nói:

- Cô muốn chúng tôi tháo cửa mấy nhà hoang gần đây lắp vào nhà này, hay làm tạm khuôn cửa tre?

An vội đáp:

- Nhà của người ta mình phá sao được, lúc họ về làm sao ở?

Người thợ ở trần đang mài đục quay lại phía An. Cô không tin mắt mình. Gã khùng còn đây à? Sao tóc tai ông ta gọn ghẽ ngay ngắn thế! Nhất là đôi mắt. Vẻ lạc lõng, hoang dại biến mất. An đọc thấy ở cái

nhìn ấy về mừng rỡ gói ghém vừa phải bằng sự tự chế và trầm tĩnh của một người bình thường. Không chờ An lên tiếng trước, "gã khùng" nói:

- Lâu quá phải không cô bé. Giờ cô đã lớn hẳn ra rồi!

An xúc động lắp bắp hỏi:

- Chú... chú còn sống à?

- Tôi đã nhớ lại tên mình rồi. Tôi tên Mịch, anh ruột thẳng Mắm.

An thắc mắc hỏi:

- Nhưng sao chú... chú Mịch hết...

An không dám nói tiếp. Mịch cười:

- Hết khùng chứ gì! Phép lạ đó. Chính tôi cũng chưa hiểu tại sao. Gặp lại thẳng Mắm em tôi, ban đầu tôi ngờ ngợ. Rồi tự nhiên, tôi nhớ hết. Thế mới khố! Tôi còn nhớ như in cả cái thời tôi gánh gạo giúp cô ngoài chợ An Thái nữa. Kỳ lạ không.

Lãng thấy chuyện lạ, bỏ chổi xán lại gần. Cả hai người thợ kia, đã nghe biết chuyện gã khùng, vẫn còn tò mò đến gần chỗ An và chú Mịch đứng để nghe chuyện. Lãng cười hỏi:

- Thế chú còn nhớ mấy câu hát không?

Mịch cười đáp:

- Nhớ chứ. Nghề nghiệp của tôi mà!

An thấy lạ vội hỏi:

- Nghề nghiệp! Chẳng lẽ chú là kép hát?

- Vâng. Trước kia tôi là kép chính của một đoàn hát bộ.

Bác thợ cả chen vào:

- Anh ta hát hay ra phết. Lâu lâu đi gác chung, bọn tôi xúm lại nghe hát, quên cả giáo mác. Sau phải cắt anh ta làm việc khác, để khỏi làm rối các phiên canh.

An nổi tình nghịch hỏi:

- Chú hát hay thế, chắc lúc trước các cô đào hát chung với chú mê chú lắm. Chú còn nhớ họ không?

Tự nhiên nét mặt chú Mịch biến đổi. Da tái hơn. Ánh nhìn trở lại hoang dại và hung dữ. An sợ hãi, chưa hiểu mình vô tình xúc phạm đến điều thiêng liêng thầm kín nào đó của chú. Mịch lấy lại được bình tĩnh, cố gượng cười bảo An:

- Tính tôi vụng về với đàn bà nên không có ai mê đâu. Chỉ có nhà tôi đại dột...

Mịch ghen lời không nói tiếp được. Lãng tò mò hỏi:

- Chú có vợ à? Thím ấy đâu?

Mịch buồn rầu đáp:

- Tôi cũng không biết nữa.

Lãng hỏi:

- Chú quên rồi sao?

- Quên sao được.

Mịch quay về phía An. Cô ngượng đến đỏ mặt vì cái nhìn ngưỡng mộ say đại mà từ thời trước, thời An làm hàng sáo ở chợ An Thái, An đã thắc mắc ái ngại không hiểu tại sao. Chú Mịch cố dẫn xúc động, bảo An:

- Nhà tôi có khuôn mặt giống y như cô. Giống như hai giọt nước. Sáng nay chính tôi đã bảo Mắm cho tôi đến đây sửa nhà để gặp lại cô. Thế mà lúc cô về, tôi sợ, không dám quay lại nhìn nữa. Tôi cứ tưởng nhà tôi đã biết tôi ở đây nên bỏ hết, tìm về.

An vội hỏi:

- Nhưng hiện giờ thím ấy ở đâu?

Giọng Mịch ngậm ngùi:

- Trước, thì chắc chắn ở nhà thằng khốn nạn đó. Bây giờ không hiểu ở đâu. Kể đã lâu lắm rồi!

Mọi người đoán: "lại thêm một vụ phụ tình", ái ngại nhìn chú Mịch, không dám hỏi thêm nữa.

*

* *

Suốt mấy ngày lo dọn dẹp, xếp đặt chỗ ăn chỗ ở, hai chị em ít có thì giờ rồi để ngồi nói chuyện lâu với nhau. Thế mà, lạ một điều là dường như lúc nào, cả An lẫn Lãng đều nghĩ: mình phải tâm sự với chị, với em điều này, không thể giữ riêng canh cánh bên lòng được. Cả hai đều muốn nói, và đều sợ nói ra. Đôi lúc họ nói quanh, mới mon men chạm đến điểm chính lại e ngại, lảng qua chuyện khác.

Đêm hôm ấy trăng non, không có gió. An nôn nao không ngủ được, ngồi dậy nhìn ánh trăng mờ bên kia cửa sổ song tre. Cô ngồi lặng yên trong bóng tối một lúc, lòng thêm xao xuyến. Có cái gì vô hình cuốn hút An bên kia vườn. Không thể dẫn được nữa, quên cả sợ hãi, An đi ra phía cửa lớn, qua vườn nhà cũ.

Cửa lớn chỉ khép hờ. An trách thầm em lơ đãng quên cài then trước khi đi ngủ, liếc mắt nhìn vào góc tối nơi Lãng ngủ, rón rén bước ra thềm. Theo lối đường mòn quen thuộc ngày xưa An vẫn qua lại xách nước, An lần dưới trăng mờ tìm đến chỗ có lẽ là nhà bếp. Mấy mảnh vỡ của cái ang chứa nước vẫn còn đó. Cái gáo đã mất cán, sọ dừa khô cửa đôi cũng đã bể. An đang cúi ngúi đưa mắt tìm dấu chu vi chái bếp, thì nghe phía bụi tre cháy có tiếng chân người. Cô sợ đến nổi gai ốc, chân ríu lại không bước được nữa. Chính lúc đó, Lãng cũng vừa nhận ra chị. Lãng thì thào hỏi:

- Chị An phải không?

An mừng rỡ, cũng hỏi:

- Chị đây. Em phải không?

Bao nhiêu dè dặt, giấu diếm nhau chỉ trong một thoáng cời mở ra hết. Hai chị em muốn tìm dấu vết những kỷ niệm. Những dấu vết cháy sém hoặc đã thành tro than, bụi bặm, nhưng hai chị em cứ nghĩ thứ tình cảm hoài cổ ấy yếu đuối, vụn vặt quá, không đáng thổ lộ với người kia. Thương làm gì một mảnh gáo vỡ trong khi chung quanh đây cuộc chuẩn bị giao chiến đang rộn rã, hào hứng, gươm giáo chất đống, quân lính rầm rập tập luyện. Rồi sẽ còn biết bao nhiêu đổ vỡ mất mát khác. Thương làm gì những xác quá khứ lặng lẽ và vô nghĩa! Ý nghĩ ấy ngăn hai chị em qua bên kia vườn, nên đêm nay họ lén một mình qua đây, giấu sự yếu đuối dưới trăng mờ. Không còn gì để dè dặt nữa, An hỏi Lãng:

- Em có biết chỗ mình đang đứng là đâu không?

Lãng hiểu ngay câu hỏi mơ hồ của chị. Suy nghĩ một lúc, nhìn quanh để định hướng, rồi nói:

- Hình như là chỗ kê cái tủ.

- Chắc không?

- Có lẽ đúng. Chị cứ lấy cái ngõ phía bên kia làm chuẩn. Đây là cửa chính. Cửa sổ nhà trên ở đây.

Cái bàn nước ở chỗ này. Chỗ cha nằm. Còn đây, chết, em lầm rồi. Đây phải là chỗ đặt cái bàn đọc sách của cha. Còn chỗ kê tủ ở chỗ kia.

- Buồng của mẹ chỗ nào?

- Chỗ này. Cửa thông xuống bếp đây. Chị có thấy dấu tro ở đấy không?

- Không. Vả lại nhà cháy, đâu đâu cũng sém đen, đâu đâu cũng vương vãi tro than. Làm sao tìm dấu tro bếp được.

- Chị căn cứ vào cái ang nước mà đoán. Từ ang nước vào bếp, chị nhớ không, hơi xa đấy. Em nhớ mỗi lần chị sai em đi múc nước, em ì ạch thở dốc vì đường xa. Chắc chái bếp phải ở kia.

Không đúng đâu. Chị khám phá điều này, Lãng ạ: Từ hôm mới về, chị thấy khu vườn cũ hẹp quá. Cả cái nhà lá mới của cậu mợ cũng vậy. Thấp lè tè, chật chội. Hoặc mọi sự vẫn vậy nhưng ta đã lớn. Hoặc tuổi nhỏ tầm nhìn ta hẹp, ta sai lầm. Từ ang nước vào bếp không đầy ba bốn bước. Làm gì em phải thở dốc vì mệt nhọc!

- Chị nói đúng. Em cũng vậy. Em bỡ ngỡ, không ngờ mọi cảnh cũ đơn sơ, nhỏ nhắn quá. Vâng, bếp ngày xưa phải ở đây. Tức cười thật, chỉ cách chỗ ang nước có mấy bước.

- Chị hiểu rồi. Lúc nhỏ em còn suyễn nặng. Xách cái ấm nước lớn đi có bấy nhiêu bước đã quá sức em rồi. Hồi đó em làm khổ mẹ không ít.

An nhớ rõ mẹ đã bị mất trí từ hồi về An Thái, và Lãng chỉ làm khổ chị mà thôi. Vì khiêm nhường, An nói tránh đi. Lãng không nhận ra điểm nhũn nhặn tế nhị, hỏi An:

- Mẹ bây giờ ở đâu chị nhỉ?

An cảm động thều thào đáp:

- Làm sao chị biết được. Chị tin mẹ luôn luôn ở gần chúng ta, phù hộ gia đình của mẹ.

Tuy nó thế nhưng cả hai chị em đều bắt đầu sợ bóng tối. Tìm họ đập mạnh. Dọc xương sống họ, cảm giác lạnh lạnh cứ lan dần lên phía trên, càng ngày càng đậm thành cảm giác tê dại. Và dễ hiểu là trong các trường hợp ấy, họ không lẩn tránh mà cứ dấn sâu vào sợ hãi như một kẻ sa lầy, không còn cách nào khác, Lãng hỏi chị:

- Hình như cái giường mẹ nằm đặt đúng chỗ này. Chị còn nhớ hôm mẹ mất không?

- Nhớ. Chính em khám phá ra mẹ đã tắt thở, trước ai hết.

- Mai mình đi thăm mộ mẹ.

- Ừ, mai.

Gió tự nhiên thổi mạnh, bụi tre xơ xác kêu lao xao. Thân tre cọ vào nhau kéo kẹt. Bấy giờ hai chị em đều sợ thật sự. An hỏi em:

- Ta vào nhé?
- Chị lạnh không?
- Lạnh. Vả lại quá khuya rồi. Mai ta phải lên thăm mộ.

*

* *

Băng đi khoảng bốn năm ngày, An không thấy Huệ tới thăm. Cô sượng sùng với chính mình, nhất là những lúc nghĩ đến động cơ thầm kín từng thúc đẩy mình về phía An Thái, bất chấp lời hơn thiệt của cha. An đâm ra cau có với Lãng, một cái cố nhỏ cũng đủ cho hai chị em hờn dỗi, dằng xé lẫn nhau. Chưa bao giờ Lãng thấy chị khó tính như vậy. Bỏ nhà đi lang thang chỗ này chỗ khác xem quân lính tập luyện bị mắng là đồ vô tích sự. (Lại "vô tích sự". Lãng ghét cay ghét đắng ba cái tiếng ấy). Nằm nhà cả ngày lo cơm nước, cho An lên giúp cậu làm thẻ bài, lại bị gọi là đồ dán ngày, quân chết nhất. Lấy cuộc đẩy bót cỏ ngoài sân, bị bắt bẻ làm dỗi. Lãng chịu không nổi, gần muốn quát lên:

- Chị vừa vừa thôi chứ. Ai hành hạ chị, mà chị về hành hạ lại tôi!

An cứ để cho em hiểu lầm rằng cậu Hai Nhiều không bằng lòng về cách làm việc của An. Cô bồi hồi tự hỏi: Ai hành hạ ta? Ai? Chỉ có mình tự hành hạ mình thôi! Cô hối hận, tìm cách giảng hòa với Lãng. Được một buổi rồi đâu lại hoàn đấy!

Buổi chiều Huệ đến thăm, hai chị em vừa làm lành với nhau sau một cuộc cãi cọ gay go. Mặt Lãng còn đỏ vì chưa nguôi giận. An còn mím môi, mắt nhìn đăm đăm. Huệ chưa hiểu vì sao hai người đều ử dột cau có, hỏi An:

- Có chuyện gì vậy?

An chối:

- Không có gì đâu anh.

Cố tươi cười, An hỏi:

- Chắc anh quên mất tụi này rồi?

Biết An trách khéo, Huệ vội nói:

- Tôi vừa mới từ An Vinh về.

Trong một chớp mắt, mọi nghi ngờ hờn oán tiêu tan hết. An hớn hờ hỏi:

- Bên đó có gì lạ không anh? Có rộn ràng như bên này không?

Huệ do dự một chút rồi đáp chung chung:

- Ông Tuyên (Bùi Đắc Tuyên) chịu khó lắm. So với toán ông Tuyết ngoài Thuận Truyền, bên An Vinh có qui củ hơn nhiều.

Rồi Huệ hướng câu chuyện sang ngã khác. Huệ thân mật hỏi:

- Hai chị em vừa giận nhau?

An không chối nữa. Cô gật đầu nhẹ, mắt liếc dò thái độ của Lãng. Cô yên tâm khi Lãng hết vẻ giận. Huệ đem sự đầm ấm chân tình cho cả hai chị em, vì cả hai người đều thương và phục Huệ. An thú thật:

- Vâng. Chỉ tại em. Không hiểu sao mấy hôm nay trong người em không được khỏe. Lãng nó ghét cái

tính bản gắt của em quá rồi!

Huệ nói lấy lòng An:

- Tại thay đổi khí hậu đấy. Thời tiết mùa thu ở đây trái chứng lắm. Nắng đó rồi lạnh đó. Ủa sao mấy cái cửa họ chữa bôi bác thế kia? Tôi đã dặn họ rồi mà!

Lăng hiểu ý Huệ, vội đáp thay chị:

- Không phải lỗi họ đâu anh. Tụi này không muốn gỡ cửa nhà người ta về làm đẹp nhà mình. Em nghe cậu Hai tức càn hông khi về đây thấy mấy khuôn cửa đã bị gỡ mất. Minh thế nào, người ta cũng thế. Tưởng tượng lúc họ trở về biết được hai chị em đã ăn cắp cửa nhà họ...

Huệ phì cười:

- Khéo vẽ chuyện. Làm gì có chuyện trở ngược được thời thế. Một là chúng nó trốn luôn không dám vác mặt về đây nữa. Hai là chúng nó về, nhưng nem nếp, lổm thổm như thắng ăn vụng. Gan to bao lớn mà dám hoạnh hợc đòi của!

Lăng được dịp tìm đúng người có thể giải đáp các thắc mắc của mình, vội hỏi Huệ:

- Anh tin chắc như vậy sao?

Huệ ngạc nhiên nhìn Lăng, hỏi lại:

- Lăng không tin như vậy sao?

- Không phải vậy. Em tin chứ.

Huệ cười to, hỏi với giọng kẻ cả:

- Lăng tin điều gì nào?

Lăng tức, nói một mạch:

- Em tin là cuối cùng ta phải thắng. Nhưng trước hết phải hỏi: "Ta là ai" đã. Là bọn đầu trộm đuôi cướp còn ở trong hàng ngũ chúng ta, mà thắng hay bại được đo lường bằng số của cải cướp bóc trong cảnh hỗn loạn ư? Là những kẻ hiếu sát thắng bại căn cứ vào số xác chết ư? Là những kẻ hám danh thích ngấm kẻ yếu lấm lét quì lụy trước mặt mình ư? Những bọn đó thắng, có nghĩa là cái ác, cái xấu, cái dơ dáy thô bỉ thắng. Có nghĩa là... nghĩa là...

Bị xúc động quá, như mọi lần, lưỡi của Lăng lú lại, lời nói lắp bắp. Lăng tìm mãi chưa ra ý để nói tiếp. Huệ mỉm cười, kiên nhẫn chờ đợi. An cứu viện em:

- Lăng nó có cái tật mỗi lần hăng hái, thường nói quá mức thường. Nhưng em thấy nó cũng có phần đúng. Như chuyện mấy khuôn cửa lúc nãy. Em cương quyết không cho mấy bác đi gỡ nhà người ta, vì dù họ có trở về hay không, đã gỡ đồ kẻ khác tức là mình đi ăn trộm rồi. Bàn tay có lật ngược hay vẫn nằm xuôi, thì ăn trộm vẫn là ăn trộm. Vẫn là điều đáng xấu hổ. Em cũng tin nhất định ta sẽ thắng. Ta, là những kẻ tốt. Là những người tin vào công bằng, lòng thương người, vào lẽ thiện. Những người có nhân nghĩa, có cương thường.

Huệ hết nhìn An lại nhìn Lăng, ánh mắt nghiêm nghị nhưng pha lẫn giễu cợt nhẹ nhàng. Chờ cho cả hai chị em nói xong, Huệ chậm rãi bảo:

- Những gì An và Lăng nói lý thú lắm. Thông thường nhiều người chỉ biết cử động, hò hét, múa may

như cái máy, không soi gương để tự hỏi ta hò hét múa may như thế để làm gì. Nhưng cũng có nhiều người cứ thắc mắc hỏi vì sao phải thế? Tại sao phải làm thế này mà không làm thế kia? Làm xong rồi sẽ đi đến đâu? Tự mình cắt hết gân cốt, trở nên bạc nhược, không góp được gì cho đời cả. Ở đây ta chỉ bàn về những chuyện vừa phải, ai cũng thấy được, trong tầm tay của số đông. Như câu hỏi của Lãng. Lãng hỏi: Ta sẽ thắng, nhưng ta là ai, có phải cái bọn chuyên đón cơ hội hỗn loạn giở trò trộm cắp, hiếu sát, hiếu danh hay không. An thì bảo không thể được. Nhân nghĩa, cương thường phải thắng. Nếu bây giờ tôi đi xa hơn một chút, hỏi lại hai chị em: Thế nào mới đúng là nhân nghĩa? Thế nào mới hợp cương thường?

Lãng đáp nhanh:

- Sách nho đã giải nghĩa cặn kẽ rồi. Cả anh nữa, anh đã từng thuộc lòng từng câu, từng chữ từ thời... từ thời cha em mở trường học trên cái nền này này. Anh nhớ không?

Huệ không muốn cho những kỷ niệm yêu dấu lôi cuốn mình lạc hướng, vội vã nói:

- Dĩ nhiên tôi nhớ rõ, nhớ đủ. Nhưng sách nho càng về sau càng trở thành cái thớt cho bọn vua chúa tham bạo kê đầu dân đen lên đó mà chặt. Bọn phủ huyện không thuộc lòng sách nho hay sao? Thực ra họ đã làm gì. Lãng biết rồi. Nhân nghĩa là những tiếng khô khan, là những cái sườn, ai có thể có lực thì mặc sức phủ lên đó thứ gì cũng được. Quan phủ hiếu nhân nghĩa không giống như dân đen. An đã biết rồi, chúng rêu rao khắp nơi, gọi chúng ta là giặc, là bọn vô lại, là quân vong mạng do căn cứ ở nhân nghĩa, dựa vào nhân nghĩa. Ta phải mạnh dạn vững vàng tin rằng nhân nghĩa của ta là nhân nghĩa thực, còn nhân nghĩa chúng rêu rao là đồ giả, thì mới hăng hái được chứ. Thời thế đã lật ngược, sức mạnh về tay dân nghèo. An, Lãng không thấy ta hô lên một tiếng, bốn phương đã rầm rập hưởng ứng hay sao. Dĩ nhiên phải có hỗn loạn. Dĩ nhiên cũng có kẻ xấu nường vào hỗn loạn để kiếm của. Đói đời rồi mà! Trật tự, êm thấm sao được. Trật tự cũ đã đổ nát, rệu rã. Ta lại lập nên một trật tự mới. Ta định nghĩa lại mấy chữ nhân nghĩa, cương thường, thiện ác trong sách nho theo cách của ta.

An bị lời Huệ cuốn hút, quên mất đường về. Huệ đã dừng mà cô còn ngẩn ngơ, chưa biết mình đang ở đâu. Lãng thì e dè hỏi:

- Nếu thực có một thứ trật tự mới, thì những người như cha, như em, có chỗ nào đặt chân không? Anh biết chưa: Cậu Hai Nhiều dọa sẽ không cấp thẻ bài cho em đấy!

Huệ hỏi Lãng:

- Nhưng trước hết Lãng cho tôi biết Lãng định làm gì đã! Chẳng lẽ Lãng về tận đây, chỗ đầu tên mũi đạn nguy hiểm này, để cả ngày chờ nấu cơm giúp An. Nếu thế thì cần gì phải đeo thẻ bài.

Lãng bị chạm tự ái, giận dữ đáp:

- Tôi chẳng cần đeo thứ gì hết. Chẳng cần xin xỏ ai hết!

Huệ biết mình vụng lời, nhưng đồng thời cũng thấy phải chờ dịp khác mới nói cặn kẽ cho Lãng hiểu. Lãng không thể đứng ngoài, trong khi tất cả trai tráng đều vào đội ngũ, ngày đêm luyện tập để chuẩn bị đối đầu với quân triều. Huệ đến thăm hai chị em với ý định khuyến dụ Lãng về với mình, vừa che chở vừa thúc đẩy Lãng nhập cuộc. Huệ biết rõ tính Lãng. Lãng sẽ vấp ngã nếu đi với kẻ khác. Anh thất bại, nhưng nhớ lá thư gửi gắm của thầy, Huệ tự hứa sẽ kiên nhẫn đợi dịp thuận tiện hơn.

Đêm ấy An không tài nào chợp mắt. Cô cứ trăn trở hoài. Đêm không cùng. Đầu cô nặng. Cảm giác tê dại căng thẳng từ hai bên thái dương loang dần ra sau ót, rồi truyền xuống xương sống. Da trở nên mẫn cảm hơn, vạc giường làm đau từng thớ thịt.

An nhắm mắt lại, cố dỗ giấc ngủ bằng cách đếm, từ một lên một nghìn, đếm thật nhanh để trí óc không kịp nghĩ đến những chuyện nhọc lòng. Cô đếm đến một nghìn, nghỉ một chút, chưa thấy hiệu quả gì, vội vã bắt đầu lại từ số một. Mấy lần đếm đi đếm lại như vậy mà mắt An vẫn ráo hoảnh.

Đã như thế thì thôi, cứ nhìn thẳng vào nỗi khổ tâm của mình. Đừng nhắm mắt nữa! An mở to hai mắt, nhìn lên bóng đêm. Trăng đã sáng hơn đêm trước, gió lâu lâu nổi lên từng cơn, lá chuối đập vào nhau xao xác.

Trí An hoang mang chưa hiểu rõ mình. Cô nói thầm để buộc ý tưởng vào khuôn khổ, xếp đặt cho có mạch lạc trước sau. An nhắm mắt lại nói một mình:

- Ta không ngủ được. Không tài nào ngủ được. Tại sao vậy? Đêm hôm trước lòng ta cũng ngổn ngang lo âu nhưng cuối giờ Hợi ta thiếp đi, ngủ ngon một giấc đến gà gáy. Đêm nay đã qua giờ Tý rồi. Cái gì quấy rầy ta? Cái gì khiến ta thao thức? Nếu thực sự có cái gì đó thì nhất định phải xảy ra trong ngày hôm nay. Buổi sáng Lãng không chịu dậy sớm nấu cơm. Hai chị em gây nhau, nhưng điều đó xảy ra như cơm bữa ta có để tâm đâu. Gây nhau rồi làm lành với nhau, lòng hai chị em không chút bận tâm. Nhất định không phải do Lãng. Cậu Hai Nhiều lại kênh kiệu phách lối quá đáng đối với bà cụ mẹ ông ký lục. Bà cụ van xin hết lời mà cậu nhất định không chấp thuận. Mình thấy bất nhẫn, muốn giúp cho bà cụ, nhưng làm thế thì còn ra thể thống gì nữa. Cậu Hai muốn ra uy cho dễ làm việc, hoặc cho bớt những vụ tranh tụng vụn vặt. Giá mình ở vào địa vị cậu, không biết mình phải làm thế nào. Trường hợp bà cụ cũng khó xử. Buổi trưa mình nuốt cơm không nổi, chỉ vì hình ảnh một bà lão tóc bạc phơ ngồi khóc lặng lẽ ở chái đình. Nước mắt không đủ thấm ướt đôi hốc mắt sâu. Ta không ngủ được vì bà lão chẳng? Không. Mấy hôm trước ta cũng gặp cảnh ấy. Thế thì cái gì hờ trời!

Đêm nay chỉ có một mình ta thức, một mình ta lắng bẫm cho ta nghe, tại sao ta còn tự dối lòng. Ta còn sợ ai chế diễu nữa đâu mà loang quanh tìm kiếm. Cái gì khiến ta thao thức? Can đảm lên An! Mà phải nói rõ với mày điều mày giấu diếm và cả thẹn, vì tự ái, vì đủ thứ lý do. Mày phải nhận đi! Mày không ngủ được là vì anh ấy.

An muốn ngộp thở vì sự can đảm phi thường của chính mình, diện đối diện với cái sự thực nồng nàn nhưng hứa hẹn bao nhiêu khổ não xao động này. Cô ngồi hẩn dẩy, dựa lưng vào vách để cố trấn tĩnh. Một lúc sau, An cảm thấy dễ thở hơn. Cô tiếp tục cuộc độc thoại trong bóng tối:

- Phải. Ta thao thức trăn trở chỉ vì anh ấy. Chỉ có anh ấy mới khiến ta khổ não như vậy. Nhất định vì anh ấy. Nhưng kìa, anh ấy đã làm gì lầm lỗi với ta? Anh ấy vẫn tế nhị, hòa nhã, khéo léo từng lời từng tiếng. Không có thể bắt bẻ anh ấy điều gì được. Anh ấy thông minh, giỏi lý luận. Mình tưởng hai chị em có thể dồn anh ấy vào ngõ bí, nhưng cuối cùng chính Lãng phải nổi nóng vì thất thế. Lãng muốn đặt câu hỏi từ

nguồn gốc của mọi sự, muốn xét lại toàn bộ cái nền của tất cả hình ảnh, biến cố, sự kiện, tưởng bằng cách đó có thể làm lung lay toàn thể cuộc sống quanh mình. Nhưng anh ấy lại dùng chính phương pháp của Lãng để xét lại toàn bộ lý luận của Lãng.

Bất giác, An mỉm cười. Trăng non ngoài vườn sáng hơn, bóng song cửa sổ đổ trên đầu giường. Gió không đủ mạnh để lay mấy tàu lá chuối, nên An nghe được tiếng côn trùng thủ thi. Lòng An vui vui. Cô lại nằm xuống, tự nhủ chắc chắn thế nào mình cũng chớp mắt được. Nhưng thật lâu, thật lâu, lòng An cứ bập bênh. Nỗi hoang mang còn đó. Câu hỏi "Ví sao ta thao thức" chưa tìm ra lời đáp. An lại nói thầm:

- Nhất định tại anh ấy. Mình nhớ rõ sau khi anh ấy ra về, lòng ta bùi ngùi, như vừa có điều gì ê chề, thất vọng. Ta không nhận được những gì ta mong chờ, ta chờ gì nào? Làm sao ta quên được buổi sáng hôm ấy, buổi sáng có gió rừng báo bão anh ấy đến thăm hai chị em trước khi về xuôi. Anh ấy bảo chuyến này sắp được về quê rồi. Ta bảo anh ấy em làm gì có quê mà về. Thành thực mà nói, thì mình cũng nói quá cho ra vẻ bi thương, chớ lúc nào mình cũng nghĩ An Thái là quê hương. Quả nhiên anh ấy cảm động. Anh ấy bảo nơi nào có những kỷ niệm đẹp nhất nơi đó là quê hương. Còn kỷ niệm nào đẹp cho bằng những ngày cũ ở khu vườn này, ở ngôi nhà đã cháy cách chỗ ta nằm không bao xa. Anh ấy nhắc đến ngôi nhà quay mặt về hướng tây, đến nhà học, đến chuyện cây gạo "thơm tho", đến mấy đám ruộng miếu... ta liền lĩnh về đây để cùng anh ấy ôn lại những kỷ niệm, chỉ cho anh ấy đây là chỗ anh ngồi nghe cha giảng sách, đây là chỗ anh bắt gặp em đang thổi lửa nấu cháo cho Lãng, đây là chỗ em ngại ngùng bảo "Đừng, anh Huệ ạ", đây là chỗ chúng mình đứng cãi nhau ôm tòi để tìm cho ra thủ phạm thay thế cây gạo. Đây là chỗ... Đây là chỗ... Đã đứng với nhau ngay trên cái nền của bao nhiêu kỷ niệm yêu dấu, đã liền lĩnh bất chấp mọi can ngăn để có cái dịp nghìn năm một thuở chiều nay, thế mà anh ấy đã làm gì nào? Đã nói gì nào? Chỉ toàn chuyện tầm phào, viễn vông. Hóa ra buổi sáng hôm ấy trên Tây Sơn thượng, cũng như ta, anh ấy chỉ thơ mộng hóa cho vui mà thôi. Mất công ta mơ ước, liền lĩnh, trông ngóng. Mất, mất hết rồi!

An tấm tức khóc. Nước mắt ứa ra, chảy xuống tai, lạnh lạnh. Cô thấy lòng cay đắng, ngao ngán.

- Tại sao lại có thể lầm lẫn tai hại như vậy! Anh ấy đam mê, nhưng đam mê cái gì khác kia. Mắt anh ấy sáng lên, gần như hung bạo, khi anh ấy bảo ta phải lập nên một trật tự mới. Trong tia mắt đó ta rờn rợn thấy có lửa cháy, có gươm giáo quyết đầu, có máu đổ. Anh ấy không còn thấy mình trong cái trật tự mới ấy. Mình không cao hơn tầm giáo, không sáng hơn ánh đuốc. Mình chỉ là một thứ vật vờ, chẳng những không quan trọng mà còn cản trở cho bước chân của anh ấy. Ôi! Ta lầm lẫn biết bao! Mà cũng tầm thường biết bao! Phải, ta chỉ muốn được sống tầm thường. Muốn được anh ấy nhìn ngắm như một người con gái tầm thường, biết hờn dỗi, ganh ghét, thích chiều chuộng, ưa hào nhoáng, tham của cải và danh vọng. Thích được nhìn ngắm một cách sỗ sàng, thích được ôm ấp, mơn trớn, vuốt ve. Được sống với cảm giác say đại ta từng đêm tưởng tượng trong giấc ngủ. Giá anh ấy nhìn ta như Lợi! Phải, ta thích được anh ấy nhìn ta như cách nhìn của Lợi. Mấy ngày ở Kiên thành. Lợi cứ quẩn quít bên ta, pha trò, nịnh nọt ta. Nhìn chăm chăm vào ngực ta, đến nỗi quên cả liến thoắng. Lại còn áp mặt vào cái áo ta vừa thay nữa! Ta lạnh cả xương sống khi chứng kiến cảnh tượng khác thường như vậy, nhưng đồng thời ta sung sướng vì hãnh diện. Vì được ao ước, thềm thường. Trời hỡi! Ta tầm thường biết bao! Anh ấy xa cách với ta biết bao! Làm sao bây giờ?

Làm sao?

Càng nghĩ An càng khổ tâm, tuyệt vọng. Nước mắt cô tuôn trào. Sợ Lãng nghe mình khóc, cô lấy cánh tay che miệng lại. Khó thở, cô càng tấm tức, khóc to hơn. May cho An là đêm đó Lãng say ngủ, không biết chị đã thức suốt đêm để thì thầm, khóc lóc một mình.

Chương 22

Cuộc họp dự định bắt đầu vào giờ thìn. Để mặc cho Chỉ lằng xằng bày biện phòng họp thế nào cho trang trọng uy nghi, Nhạc kéo Nhật về phòng mình để nói chuyện. Không muốn mất thì giờ dài dòng, Nhạc hỏi:

- Tình hình chung thế nào?

Dù đã chuẩn bị kỹ khi được Nhạc gọi, Nhật vẫn lúng túng chưa biết phải nói cái nào trước cái nào sau. Ông trả lời một cách mơ hồ:

- Nói chung không có gì ghê gớm. Dưới phủ vẫn thế.

Giọng Nhạc hơi gắt:

- Vẫn thế là thế nào?

Nhật hắng giọng, cố nói chậm để dần dần lại bình tĩnh:

- Nguyễn Khắc Tuyên gọi bọn đóng ở cầu Phụng Ngọc về mắng cho một trận, có đứa bị giam lại chờ xét xử vì tội hèn nhát. Hỏi tại sao cần bao nhiêu quân cũng giữ đủ, cần bao nhiêu khí giới, xe ngựa, không thiếu món gì hết, mà suốt một tháng trời không nên cơm cháo gì. Phần lớn đều cúi đầu không dám cãi. Có đứa bạo gan, bảo tội lính phủ như gà phải cáo, mới nghe sắp đánh lên An Thái đã lén bỏ trốn, thì làm sao tiến qua cầu được. Tuyên nó nổi giận, sai đăng cổ tên bạo mồm quát cho đúng một trăm hèo. Hỏi cử bọn khác lên thay, nhưng bọn này vừa mới biết tin sắp lên Phụng Ngọc đã cho vợ con đến lo lót mụ Tuyên. Cuối cùng chỉ có lèo tèo vài ba thằng yếu thế, thiếu tiền. Chúng án binh bất động không dám tiến lên An Thái là vì vậy.

- Chúng nó biết tình hình bên ta không?

- Tay trong của ta gài dưới phủ không biết rõ điều này. Nhưng ta có thể tin được một nguồn khác.

- Nguồn nào thế?

Nhật hãnh diện đáp:

- Nguồn các tù binh. Tôi phụ trách bọn lính phủ đầu hàng và bọn con buôn bị tình nghi. Ở trại giam, chúng khai rõ tất cả những gì chúng biết. Chúng thú thật là chúng sợ hãi. Ngoài phổ phủ, vào các buổi họp chợ, thiên hạ lao xao bàn tán về chúng ta. Tức cười là họ thổi phồng lên, biến chúng ta thành những kiếm khách, hiệp sĩ thần thông biến hóa, xuất quỷ nhập thần. Về quân số, chúng tin là ta có hàng vạn quân. Dữ nhất là các toán quân Bana và Tàu ô. Họ còn kháo nhau sở dĩ ta chỉ để một toán nhỏ ở An Thái mà quân phủ không dám tiến lên vì đây là một cái bẫy giăng sẵn. Toán quân anh Huệ chỉ là cái mồi nhử, cốt "điệu hổ ly sơn".

Nhạc cười ha hả, trong cơn khoái trá quên cả phép tắc, ông vỗ đét vào vế Nhật nhiều lần. Nhật e dè cười góp, về sau thấy Nhạc thoải mái, Nhật quên dè dặt cũng cười to như trại chủ. Nhạc vỗ vai Nhật hỏi:

- Nay, ông có nắm được số phận hiện canh giữ phủ Qui Nhơn không?

Nhật lo lắng, bối rối đáp:

- Cái đó... cái đó thì tôi chưa nắm được chắc. Nhưng đại khái thì...

Nhạc cắt lời Nhật:

- Đại khái thế nào được. Đây là điểm quan trọng nhất. Không biết họ có bao nhiêu quân, chút nữa họ làm sao phân công lực lượng được?

Nhật cố vớt vát:

- Tuyên nó dồn hết lực lượng phòng thủ lên Phụng Ngọc, nên quân giữ thành không còn được một phần ba số cũ. Không hơn một trăm tên đâu. Lại thêm bọn này đều nhờ lo lót hoặc có thần thể mới ở lại thành, nên chúng nó có sợ ai đâu. Phép tắc chẳng ai coi ra gì. Canh tác trễ tràng. Người của tôi bỏ đội mấy ngày lên tận An Vinh mà chúng không hay biết gì. Lúc về vào cửa thành cũng không ai xét hỏi.

Nhạc cố giảm bớt sự mừng rỡ:

- Biết đâu thằng đó nói khoác cho vừa lòng ông!

Nhật cương quyết đáp:

- Không đâu. Tên này rất thành thực. Bao nhiêu tin tức hẩn cung cấp lâu nay đều đúng cả.

Rồi, để chứng minh rõ thêm khả năng điều tra tình hình phía địch của mình, Nhật rút trong thắt lưng ra một tờ giấy bản gấp lại bằng ba ngón tay. Cẩn thận mở rộng tờ giấy nhàu nhò ra vì sợ làm rách, Nhật trải lên tràng kỷ, mặt hớn hở. Nhạc ngạc nhiên hỏi:

- Cái gì thế?

- Bản đồ phủ Qui Nhơn. Có ghi chú đầy đủ vị trí các đồn canh, kho lúa, kho khí giới, tàu ngựa, nơi Tuyên làm việc, nhà giam...

Nhạc mừng rỡ cầm tấm bản đồ lên xem, quên mất mắt mình yếu không thể nhìn gần được. Ông sờ soạng tìm cái kính nơi bọc áo, tay run run. Ông không tìm thấy kính. Nhạc đành phải đưa bản đồ ra thật xa, nhú mắt cổ nhìn cho kỹ bảo vật quý giá. Đúng như Nhật nói, trên bản đồ có ghi thật tỉ mỉ những gì Nhạc cần biết. Ông hớn hở quay sang phía Nhật hỏi:

- Ông khá thật. Đứa nào mang đến thế?

Nhật cố chậm trả lời tăng sự quan trọng của mình:

- Một con buôn khả nghi. Hẩn khai là người của ông Thung, mang thư riêng lên cho ông Huyền Khê để chuyển lại cho đệ nhất trại chủ. Tôi không tin, đánh cho mấy bạt tai. Hẩn tức tối lôi tấm bản đồ này ra làm chứng.

Nhạc vội hỏi:

- Ông bắt được nó khi nào?

- Tối hôm qua. Tôi còn giam nó đó, chưa cho ông Khê biết.

- Ngoài tấm bản đồ này còn thư từ gì khác không?

- Không.

- Có khám xét kỹ quần áo, búi tóc nó không?

- Kỹ lắm nhưng không thấy gì khác. Nó một mực bảo chỉ có tấm bản đồ này. Nó khai ông Thung chỉ

nhấn miệng với Huyền Khê là ông ấy bận không lên họp được, nhờ ông Khê chuyển bản đồ này cho trại chủ. Cuộc họp quyết định thế nào, xin truyền gấp xuống cho ông ấy.

Nhạc im lặng thật lâu, vẻ mặt lo lắng. Nhật không dám nói gì thêm. Sau đó, Nhạc hỏi:

- Còn tình hình nội bộ ta như thế nào? Có thể tin cậy được bọn Tuy Viễn không?

Nhật do dự một lúc, rồi đáp:

- Dĩ nhiên ta đã chia vùng thì khó lòng hiểu nhau, phối hợp với nhau được. Dưới An Thái cứ lộn xộn hoài vì tụi con buôn em út của Tập Đình, Lý Tài. Lính anh Huệ lờ đi sâu một chút xuống phía đông là nhất định có chuyện. Đến tối qua, những người ta mời đều cho người đến họp cả, trừ ông Thung, và bọn Nhưng Huy, Tứ Linh. Không hiểu họ không chịu đi họp, mà còn cho người mang bản đồ phủ thành Qui Nhơn lên đây làm gì?

Nhạc tức giận nói:

- Có thể mà ông lấy làm lạ sao! Họ sợ mình nghi ngờ, nên đưa tấm bản đồ lên góp công. Có điều tôi còn thắc mắc, là hẳn còn định nhấn Huyền Khê điều gì nữa!

Nhật nhỏ nhẹ nhắc:

- Ông cứ hỏi anh Lữ thì rõ.

Nhạc gật đầu chậm chậm, vì còn mãi suy nghĩ. Có lẽ câu chuyện Nhật vừa kể quấy rầy ông quá nhiều, nên Nhạc quay qua chuyện khác. Ông hỏi:

- Các toán quân của ta vẫn thường chứ?

- Vẫn thường. Toán ông Tuyết hơi rắc rối vì bọn du thủ du thực bất trị, nhưng có đỡ hơn tuần trước. Phía An Vinh từ khi Tuyên (Bùi Đắc Tuyên) về mọi sự đều vào đó cả. An Thái cũng vậy. À, lại có mấy lá đơn thưa Hai Nhiều.

- Lại Hai Nhiều. Tôi đã gọi lên cảnh cáo rồi mà!

- Lần này hơi khác. Tôi đoán bên trong có chuyện tranh chấp buôn bán sao đó.

- Phiền quá. Thế nào sau vụ này ta cũng phải tìm người thay lão già quá quắt. Nhưng tìm ai bây giờ! Ông tìm cho tôi một người đi. An Thái quan trọng lắm, không để sơ hở được. Ông xem trong số anh em bà con có ai được việc không?

Nhật cảm động vì sự ưu ái tin cậy của trại chủ, giọng nói run run:

- Tiếc thật. Ngoài hai anh em tôi, gia đình còn lại toàn đàn bà con gái. Đứa lớn nhất mới lên mười ba.

- Tiếc nhỉ. À này, mấy đứa em gái có giống ông không?

Biết Nhạc muốn chế giễu thân mật vẻ cục mịch của mình, Nhật cười đáp:

- Không đâu! Chúng nó đẹp ra phết. Nhất là con bé lớn.

Thấy đã đến giờ họp, Nhạc đứng dậy, bông đùa lần cuối với người thuộc hạ thân tín:

- Chà ít năm nữa, tôi sẽ đứng ra làm mai giúp tìm cho nó một tấm chồng xứng đáng. Làm công không thôi. Nếu muốn trả ơn, thì được, một cơi trầu nguồn. Được chứ!

Bên phòng họp, Lý Tài và Chinh đến sớm nhất. Chinh muốn gặp Nhạc trước để báo cáo cho Nhạc rõ tình hình hai toán Trung nghĩa quân và Hòa nghĩa quân theo lời dặn của trại chủ, nhưng người lính gác ngăn lại, bảo Bùi Văn Nhật đang ở phòng Nhạc. Anh đi đi lại lại, nóng ruột chờ. Hai người nói chuyện lâu quá, mà Chinh lại không muốn trở lại phòng họp để chạm mặt Chi. Anh ghét cay ghét đắng điệu bộ lễ mễ, trân trọng từng bước do thói quen nghề nghiệp của Chi. Sự ràng buộc, nếu đôi lúc con người ta phải thu mình tuân theo, đâu phải là một điều đáng hãnh diện đến như vậy! Nó hoàn toàn trái với tự nhiên như lá xì xào khi gió thổi, nước lụt tràn bờ sông, mồ hôi ướt rịn khi trời nóng. Chinh nhớ có lần cha nhắc đến một câu của Lão Đan: "Nóng thì cứ đổ mồ hôi, lạnh thì cứ run lên". Anh khoái được sống thoải mái tự nhiên như vậy nên thù ghét sự gò bó. Còn đối với những kẻ xem sự gò bó là một nghi thức, một nghệ thuật, thậm chí là một cách xử lý tiếp vật cao siêu và khôn ngoan, thì phải nói là Chinh khinh bỉ. Đôi lúc anh nghĩ có lẽ vì thế mà có hố ngăn cách giữa mình và cha.

Khi hôm cùng lên Kiên thành với Lý Tài, Chinh chưa kịp thăm cha. Sáng nay anh có thể nhân cơ hội này tìm gặp ông giáo, nhưng anh cứ ngại ngùng. Anh có một cố chính đáng để yên tâm: anh phải chờ gặp cho được trại chủ trước cuộc họp. Chờ lâu quá, Chinh đành trở ra phòng họp. Chi đang nói chuyện với Lý Tài. Chi quen nói thật chậm, như cân nhắc từng chữ trước khi mở môi, nên Lý Tài nghe hiểu hết lời Chi. Họ có vẻ tương đắc, vừa uống trà vừa bàn tán một cách trang trọng, dễ dàng những điều Chinh không hiểu. Anh đến chỗ cửa phòng, đứng ngắm hình mấy con rồng màu vàng cuốn quanh bốn cây cột sơn đỏ. Nước sơn còn mới, nét vẽ vụng về của một tay chuyên trang trí các chùa miếu ở thôn quê. Chinh nghĩ: lại thêm một sáng kiến của lão thầy cúng. Thà cứ để nguyên bốn cây cột gỗ kiên kiên màu nâu lại hay hơn!

Bùi Đắc Tuyên bước vào phòng họp. Chinh gật đầu chào, không muốn đến bắt chuyện vì hai người khác tính nhau, mà Chinh lại không ưa cách nói chuyện dãi bôi, dùng dằng nào sức khỏe, gia cảnh, thời tiết, mùa màng. Tuyên có nét mặt giống Nhật, nhưng nhìn chung có vẻ thanh tú hơn. Mày Tuyên rậm, hai hàm bạnh, giống Nhật, còn cái mũi nhô và cao hơn, môi dưới mỏng mím lấy môi trên, không trệ xuống cằm như môi Nhật.

Vì Tuyên cũng không ưa Chinh nên vừa chào hỏi lấy lệ Chi và Lý Tài xong, ông lảng ra phía cửa sổ phòng họp. Hết đứng ôm song cửa sổ nhìn ra ngoài trời, Tuyên lại nhìn mấy con rồng. Chưa tin ở mắt mình, ông lấy tay di di lên lớp sơn. Dấu chỉ đầu ngón trỏ in trên lớp sơn ướt. Tuyên nghĩ y như Chinh: lại một trò mới của lão thầy cúng! Tuyên nhìn qua chỗ Chinh đang đứng, định tìm một người để nói điều mình vừa nghĩ. Nhưng thấy vẻ mặt lạnh lùng, cách ăn vận lạ mắt của Chinh, Tuyên do dự.

Tuyết, Lộc và Năm Ngạn cùng đến. Chinh mừng rỡ chạy đến chào hỏi Tuyết và Lộc, còn Năm Ngạn xán lại phía Chi.

Tuyết thân mật vỗ lưng Chinh cười ha hả. Tuyết to tiếng hỏi:

- Thế nào, khách hảo hớn?

Chinh vỗ vai Tuyết, hỏi lại:

- Mạnh giỏi, đại huynh?

Rồi cả hai cùng cười rồn rảng, làm cho Chì nhẩn mặt khó chịu. "Khách hào hớn" và "đại huynh" là cách hai người quen gọi đùa nhau, khi còn cùng ở chung một đội. Tuyết chỉ Lộc (Nguyễn Văn Lộc) nói:

- Mà đi hai đứa tao lẻ đạn, đâu còn đủ như Lưu - Quang - Trương kết nghĩa vườn đào nữa!

Tuyết liếc về phía Lý Tài, ghé sát Chinh hỏi đùa:

- Hậu cần cho "xénh xáng" có mệt không?

Chinh cười gạt đi:

- Nói bậy. Hai ông ấy khá lắm. Nhất là Lý xénh xáng.

Lộc chen vào hỏi:

- Đã học được mấy câu tiếng Tàu rồi?

Chinh thú thật:

- Mới lắm bầm thôi. Ông Lý thạo tiếng Nam, mình nói gì ông đều hiểu miễn là nói chậm chậm. Còn ông kia thì... mỗi lần có việc cần nói phải mỏi cả tay.

Tuyết cười to, nói:

- Càng tốt. Mà vừa nói vừa tập quyền, còn đòi gì nữa. Ủa, lão quạu đâu rồi?

Chinh không hiểu hỏi:

- Lão quạu nào?

- Thì xénh xáng của mà chứ ai! Lão Tập Đình mặt lúc nào cũng hăm hăm, quạu quọ đó.

Chinh định nói, nhưng giật mình, ngưng lại kịp. Anh nhớ đến điều quan trọng cần báo ngay với Nhạc, đưa mắt nhìn về phía cửa phòng trại chủ. Cánh cửa vẫn đóng im ỉm. Chinh nói:

- Họ bạn bè thân thiết với nhau từ lâu, đi một người đủ rồi.

Lúc ấy Lộc mới đưa ra nhận xét:

- Anh mặc áo kiểu gì thế?

Chinh đỏ mặt, lắp bắp biện hộ:

- Ấy, đi với ma phải mặc áo giấy. Sống giữa người Tàu, ăn mặc khác đi, khó lắm.

Lộc thắc mắc hỏi:

- Tôi nghe Trung nghĩa quân và Hòa nghĩa quân chỉ ở trần, đầu bịt khăn đỏ, cổ đeo giấy vàng bạc.

Trước khi ra trận họ uống rượu thật say. Có đúng thế không?

Chinh đáp:

- Đúng.

Tuyết hỏi:

- Thế sao mà lại mặc áo này. Khăn đỏ đâu? Chinh hơi bất bình vì Tuyết nắm cổ áo mình hơi chặt, đưa tay gỡ tay bạn ra, trước khi nói:

- Chỉ bọn lính mới ở trần. Cấp chỉ huy phải khác chứ. Vả lại họ chỉ ở trần uống rượu khi xông trận thôi. Do thói quen của thời làm cướp biển đấy mà!

Vừa lúc đó ông giáo và Huyền Khê tới. Chinh bỏ đám bạn cũ, chạy đến chào cha. Ông giáo mừng rỡ thấy con vẫn khỏe mạnh. Bao nhiêu lo lắng lâu nay thoát một cái đã tan hết. Ông mừng nhất là thấy Chinh

khỏe và tươi tắn hơn trước (Ông quên trước đây mỗi lần bắt đắc dĩ phải gập cha, Chinh vẫn mạnh khỏe nhưng bộ mặt cứ dầu dàu). Ông giáo hỏi:

- Sao khi hôm không lên?

Chinh liếc về phía Lý Tài, hạ thấp giọng nói với ông giáo:

- Trường dặn con không nên để ông ấy một mình. Con trông cha hơi ốm!

Ông giáo đưa tay bẹo má mình, buồn rầu đáp:

- Độ này cha không ngủ được. Ăn uống thất thường. À, con biết chưa, con An với thằng Lãng đã về An Thái rồi.

Chinh ngạc nhiên, nói:

- Con tưởng chúng nó xuống đây để lo cơm nước cho cha chứ! Xuống chỗ tên đạn đó làm gì!

Ông giáo ngậm ngùi nói:

- Cha có ngăn, nhưng lạ lẫm, chúng nó cứ nằng nặc đòi về cho được. Nhất là con An. Ở đây nhiều bữa cha nằm cả ngày, không thiết đi đâu nữa.

Chinh ái ngại thương cha, ngược nhìn mái tóc đã bạc trắng của ông giáo. Không muốn kẻ khác thấy xúc động yếu đuối của mình, ông giáo hỏi con:

- Ông Nhạc chưa đến à?

Chinh đáp:

- Dạ còn nói chuyện với ông Nhật trong kia. Hình như chuyện quan trọng lắm, lính gác đã được dặn không cho ai vào.

Ông giáo hơi thất vọng, nhớ lại trước đây không có việc quan trọng nào mà Nhạc không hỏi ý kiến ông trước.

*

* *

Lúc cuộc họp sắp bắt đầu, ông giáo ngồi quay hướng về phía Chinh. Vì là tùy viên của Lý Tài, Chinh ngồi ở cái ghế kê sát sau lưng vị chỉ huy trực tiếp. Nhờ khoảng cách không gian, và tình cha con dạt dào đã lắng, ông giáo mới bình tĩnh, khách quan nhìn kỹ Chinh hơn. Ông ngờ ngợ thấy Chinh có gì thay đổi.

Đúng là Chinh có vẻ mạnh khỏe, vạm vỡ hơn. Khuôn mặt như tròn lại. Phải, tròn trĩnh, đầy đặn hơn trước nhiều. Trí ông lơ mơ về hình ảnh tròn đầy. Hình như Chinh đối khác ở chỗ này. Trước kia khuôn mặt nó đâu có tròn thế! Với mái tóc cứng và dày... thôi phải rồi, sao tóc nó ngắn vậy? Tuy nó có đội khăn cho thêm chững chạc, nhưng rõ ràng mái tóc dài của nó không còn. Hai bên thái dương tóc mai nhạt, chứng tỏ Chinh đã hớt cụt đầu tóc của mình. Cái răng cái tóc là vóc con người. Nó không hiểu như thế sao?

Ông giáo tò mò quan sát Chinh kỹ hơn, tìm thấy cái áo may theo kiểu Tàu. Lý Tài che mất phần dưới thân thể Chinh, nên ông giáo quay lên nhìn kỹ khuôn mặt con lần nữa. Ông tìm thấy dấu xanh xanh của một hàm râu mới cạo. Đúng là nó thay đổi quá nhiều. Râu, tóc, quần áo, cả cái bộ ngồi dựa ngửa ra lưng ghế, mặt ghếch lên cao, bất chấp sự đời! Càng quan sát con, ông giáo càng lo lắng.

Cửa phòng Nhạc xịch mở. Nhật bước ra trước, nét mặt cố làm ra vẻ nghiêm trọng khi thấy mọi người

quay nhìn về phía mình. Ông giáo nghe tiếng Nhạc cười, và câu bông đùa "Nếu muốn trả ơn, thì được, một hơi trầu. Được chứ".

Chỉ đứng bật dậy. Mọi người trong phòng ngỡ ngàng chưa hiểu, nhưng ngay sau đó, họ hiểu liền. Kề trước người sau loạc choạc, cuối cùng tất cả đều đứng nghiêm trang vái chào Nhạc. Nhật khựng đứng lại, không dám tiến, chờ Nhạc. Lần đầu tiên Nhạc thấy những người thân thuộc đón tiếp mình long trọng như vậy. Ông lặng người vì sung sướng, cười ha hả nói lớn:

- Chào tất cả anh em...Chào tất cả quý vị. Đông đủ cả rồi chứ! Vâng, ông Nhật báo cho tôi biết trước là thiếu ông Thung. Lý tiên sinh, mạnh giỏi? Mời quý vị an tọa. Lợi ời, cho mang nước và trầu lên nhé. Các vị cứ tự nhiên, dịch lại đây cho nó rộng. Tôi ốm o thế này mà quý vị chừa cho cả một nửa tràng kỷ, phí đi. Rồi nhìn quanh một lượt xem mọi người đã ngồi đúng vị trí chưa, Nhạc xoa tay bảo: Chúng ta bắt đầu thôi!

Nhạc hát hàm bảo Nhật:

Ông nói qua cho quý vị biết tình hình dưới phủ ta đi!

Nhật đứng dậy, cúi chào Nhạc để xin phép nói. Nhạc chỉ cười chứ không gật đầu đáp lại. Nhật tóm tắt gọn ghẽ, rõ ràng những điều ông vừa trình bày với Nhạc. Riêng về quân số hiện canh giữ phủ, để đề phòng bất trắc, ông tăng con số dự đoán lên tới ba trăm. Nhạc chờ Nhật nói xong, mới hỏi:

- Quý vị nghĩ thế nào? Chúng nó quân đông, khí giới nhiều hơn ta, nhưng tinh thần bạc nhược. Tình thế đã chín mùi, tôi tính đánh rốc một trận chiếm phủ Qui Nhơn. Quý vị nghĩ sao?

Tuy đã đoán trước được lý do cuộc họp, nhưng khi nghe Nhạc hỏi người này nhìn người kia không ai dám trả lời trước. Nhạc chờ một lúc, tưởng nhiều người còn sợ, rút tấm bản đồ trải lên bàn nói:

- Ta đã nắm rõ cách bố trí đồn trại, kho tàng, cơ quan trong phủ. Bây giờ gặp lúc thuận tiện ta không chiếm phủ ngay, sau này chúng được Thuận Hóa và Gia Định tăng cường, ta khó lòng có cơ hội tốt như thế nữa. Ông Huyền Khê có thấy thế không?

Huyền Khê bối rối đáp theo kiểu lơ lửng:

- Vâng, nếu quả dưới phủ chúng bạc nhược, canh gác trễ tràng lỏng lẻo như ông Nhật nói, thì...

Nhạc cắt lời Huyền Khê:

- Ông nghĩ chúng mạnh lắm sao! Tấm bản đồ này, chắc ông đã xem rồi. Ông thấy đấy, đồn canh như thế ăn thua gì. Ông có nhớ chỗ vẽ nhà giam không. Đáng lý chỗ đó phải canh gác cẩn mật lắm. Nhưng chúng chỉ đặt có một trạm gác ở cửa. Trại giam lại nằm sát sau lưng tòa phủ.

Khê ngơ ngác, không hiểu Nhạc đang nói gì. Nhạc thấy Huyền Khê hoang mang ngỡ ngàng như người đi lạc, mừng rỡ hiểu rằng tên con buôn chưa kịp gặp Huyền Khê đã bị Nhật bắt. Nhạc cười, quay sang hỏi ông giáo:

- Trước khi hỏi Lý tiên sinh, xin hỏi thầy:

Ông giáo đáp:

- Bên địch yếu, tôi cũng tin chắc như vậy như ông Nhật. Nhưng đồng thời ta phải nhận là bên ta chưa mạnh. Cho nên quyết định đánh lấy phủ Qui Nhơn hay không, còn tùy thuộc vào cách đánh nữa. Xin cho bàn cách đánh phủ trước.

Nhạc quay về phía Lý Tài:

- Bây giờ đến lượt Lý tiên sinh.

Lý Tài nhanh nhẩu đáp:

- Tôi cũng nghĩ như thầy giáo. Nếu ta chọn được cách đánh thích hợp, nâng sức mạnh ta lên áp đảo được địch, thì mới nên nghĩ đến chuyện đánh.

Nhạc hơi thất vọng vì thấy ba ý kiến đầu tiên của những người đứng tuổi đều khôn khéo và né tránh trả lời thẳng vào câu hỏi. Nhạc đành phải giải thích kế hoạch đánh phủ:

- Ý quý vị như vậy, tôi xin vâng. Tôi tính thế này. Hiện quân phủ đồn hết sức chống đỡ hai mặt: mặt bắc nhằm bảo vệ hai kho lương lớn là Càn Dương và Nước Ngọt và con đường thông thương ra Quảng Nam, mặt tây án ngữ Phụng Ngọc ngăn ta tấn công xuống. Bên ta hiện nay phía Thuận Truyền có Tuyết và Lộc, An Vinh có ông Tuyên, An Thái có chú Huệ, mặt nam Tuy Viễn có ông Thung và Lý tiên sinh đây. Đối mặt đánh nhau, chưa chắc ta làm gì được chúng. Quân không đông hơn. Vũ khí lại kém. Cho nên tôi tính đến đòn dùng mẹo và liều. Tôi cho chú Huệ rục rịch khuai chiêm giống trống dưới An Thái làm như ta sắp tấn công xuống. Chúng tưởng ta sắp vượt cầu Phụng Ngọc, đồn hết sức phòng ngự, quân phía bắc và nam sẽ bị trải mỏng ra. Nhờ thế, ông Thung dưới Tuy Viễn và Trung, Hòa nghĩa quân sẽ kín đáo chia từng toán nhỏ luồn lách rồi tập hợp chờ sẵn ở phía nam phủ. Tuyết, Tuyên, Lộc thì lo mặt bắc. Phần tôi sẽ chọn một số nhỏ anh em dũng mãnh, gan góc, liều lĩnh, dùng kế trở thành nội tuyến từ trong phủ đánh ra.

Nhạc dừng lại, nhìn quanh khắp phòng. Mọi người lắng nghe kế hoạch quan hệ đến lẽ sống chết của tất cả mọi người. Căn phòng im phăng phắc. Nhạc thỏa mãn vì đã gây được sự chờ đợi náo nức cho mọi người, bắt đầu trình bày kế liều lĩnh của mình:

- Những tên ông Nhật gài được vào trong phủ phần lớn đều chậm chạp, kém ứng biến, thiếu liều lĩnh. Mà không có nội tuyến mở cửa thành, ta đánh đến bao giờ mới vượt được hào lũy! Việc này thiên nan vạn nan. Làm sao ta ém sẵn được một số quân tinh nhuệ ngay trong phủ, chờ giờ thuận tiện, vùng dậy bắn hỏa pháo làm hiệu, mở cửa thành cho quân các ông ập vào? Làm sao? Các ông nghĩ giùm tôi đi!

Không ai dám thở mạnh, sợ Nhạc chỉ định mình hiến kế. Nhạc chờ thật lâu không thấy ai trả lời, mới cười nhạt nói:

- Tôi biết trước là khó tìm người dám liều lĩnh và đủ tài trí để làm việc đó. Thôi, không ai làm thì tôi lãnh. Tôi tính thế này nhé; Tôi sẽ cho đóng một cái cũi chắc chắn. Không phải để khiêng heo đi biểu Nguyễn Khắc Tuyên đâu. Tôi sẽ cho người trói chân tay, đóng gông rồi nhốt tôi vào cái cũi đó. Toán anh em đờm lược sẽ giả dân quê khiêng tôi xuống nộp cho quan phủ để lãnh thưởng. Dĩ nhiên chúng sẽ mở rộng cửa thành đón tôi vào. Nhà giam, như các ông thấy trên bản đồ, nằm sát sau lưng tòa phủ. Tuyên sẽ giam tôi ở đó. Chờ đêm đến, anh em sẽ tháo cũi cho tôi ra. Thế là chỉ cần hú lên một tiếng, bên trong bên ngoài hưởng ứng, Tuyên có chạy chắc không kịp mặc quần đâu!

Cả phòng ồ lên thán phục và mừng rỡ. Tiếng cười tiếng nói huyên náo đột ngột vỡ bùng sau thời gian im lặng căng thẳng. Nhạc cũng cười hể hả. Chỉ có Nhật và ông giáo giữ được sự trầm tĩnh dè dặt. Nhạc ngạc nhiên hỏi Nhật:

- Ông sao thế? Có gì không ổn à?

Nhật liếc nhanh về phía Huyền Khê, nói:

- Cái kế liều lĩnh như vậy không thể nói cho nhiều người biết được. Chỉ cần một tên phản bội lên báo trước cho phủ Tuyên là tính mệnh của trại chủ...

Nhật không dám nói tiếp. Ông giáo vội nói:

- Ý ông Nhật hợp ý tôi. Một kẻ nào khác có thể đem mạng sống của mình liều lĩnh đặt lên chiếu bạc, phó mặc may rủi, được thì được cả, mất thì mất hết. Tôi mà làm như vậy, nếu rủi ro, thì đời bớt phải nhọc lòng vì một lão già gàn. Mấy cậu thanh niên như cậu Tuyên cậu Lộc ở đây cũng thế. Quá lắm ta đành cử người thay đội trưởng mới. Nhưng ông cả là đệ nhất trại chủ! Vâng, xin nhớ cho ông là đệ nhất trại chủ. Vận mạng tất cả anh em tùy thuộc rất nhiều ở ông. Ông không được quyền liều lĩnh. Nếu có đưa xấu phản bội báo trước cho Nguyễn Khắc Tuyên biết, như ông Nhật vừa nói, hoặc nếu phủ Tuyên giam kỹ trại chủ vào ngục sâu, thì tình thế sẽ thế nào. Bắt được một người như trại chủ, Tuyên mừng còn hơn bắt được vàng khối. Danh vọng, địa vị, cả tính mệnh của hãn tùy thuộc vào trại chủ. Đời nào hãn lơ lỏng đến nỗi để cho trại chủ tự tháo cũi thoát ra được. Xin ông nghĩ lại xem!

Những lời giải bày của ông giáo khiến Nhạc sợ đổ mồ hôi trán. Nhưng vừa sợ, ông vừa tức. Ông giáo hoàn toàn có lý, thật đáng phục. Mà cũng đáng ghét vì ông gián tiếp chứng tỏ cho mọi người thấy Nhạc chưa chín chắn khi vạch kế hoạch tấn công phủ. Nhạc ở vào thế khó xử, chưa biết phải nói gì.

Lý Tài nói:

- Các việc khó khăn nguy hiểm đã có anh em chúng tôi lo. Trại chủ hãy tin ở chúng tôi. Khởi phải nhọc lòng dẫn vào chỗ bất trắc. Tôi thấy địch đã quá yếu. Chỉ cần nhử cho chúng dồn lực lượng đối phó với An Thái, rồi phía nam có ông Thung và chúng tôi, phía bắc có các cậu trẻ tuổi đây, ta hẹn giờ cùng một lúc ép vào. Thế nào cũng lấy được phủ.

Nhạc cố vớt vát thể diện:

- Nhưng chúng tôi có thể tin chắc sức tấn công ở mặt nam không. Lý tiên sinh có mặt ở đây. Nhưng ông Thung lại vắng. Vạn nhất nếu Tuy Viễn bỏ trống thì chúng tôi ở mặt bắc có mạnh bao nhiêu cũng không ép được quân phủ thúc thủ.

Chinh đứng bật dậy nói lớn:

- Không thể tin ở ông Thung được. Có Lý tiên sinh đây làm chứng. Trước đây hai ngày, Nguyễn Thung cho người lên gặp Trung và Hòa nghĩa quân đề nghị hợp tác để đánh thành Qui Nhơn. Lý tiên sinh từ chối, bảo một việc quan hệ như thế phải do đệ nhất trại chủ quyết định.

Có nhiều tiếng xôn xao trong phòng họp. Tiếng bàn tán mỗi lúc mỗi lớn hơn, trở thành ồn ào. Nhạc hét lớn cho át tiếng ồn, hỏi Lý Tài:

- Có đúng như vậy không, Lý tiên sinh?

Lý Tài điềm tĩnh đáp:

- Vâng. Cậu Chinh nói đúng sự thực.

Nhạc lặng người vì hoang mang, và tức giận. Nhưng bao nhiêu năm quen với những bất ngờ sinh tử,

Nhạc không để lộ tình cảm ra nét mặt. Trong lúc mọi người nín thở chờ đợi cơn phản nộ òa vỡ, Nhạc đột ngột phá lên cười ha hả. Ông cười xong, hoan hỉ nói:

- Thế mới biết ông Thung đệ nhị trại chủ của chúng ta sâu sắc đến dường nào. Vừa nhận được thư mời, ông ấy đã biết tôi muốn gì. Ông ấy bận không đi họp được, nhưng lặn lội lo xong cho trước phần việc mình. Một mặt ông Thung liên lạc trước với Lý tiên sinh để chuẩn bị mặt nam. Một mặt ông ấy cho người đem... đem cái gì lên cho chúng ta, các ông biết không? Chính ông Thung đã gửi cho chúng ta tấm bản đồ quý giá này. Tất cả những điều chúng ta bàn suốt buổi sáng, thì ông Thung đã lo liệu đến hơn phân nửa công việc. Thế mới xứng là đệ nhị trại chủ.

Lại có nhiều tiếng lao xao, cười nói hoan hỉ!

Lúc ấy, một người lính hầu bước vào phòng, đến đưa cho Nhật một mảnh giấy nhỏ. Nhật tiếp tục bàn tán cười vui với mọi người, nhét nhanh mảnh giấy vào thắt lưng. Chờ lúc mọi người không chú ý đến mình, Nhật lén ra ngoài hiên xem nội dung nguồn tin vừa gửi tới. Ông lạnh người, mắt hoa đi. Cố đọc kỹ một lần nữa, ông không còn hoài nghi mắt mình kém nữa. Mồ hôi rịn ướt cả hai bàn tay ông. Chờ cho mình trấn tĩnh lại, Nhật mới bước vào phòng họp. Mọi người còn cười nói rôm rả. Nhạc đang rót nước ra cái chén sứ ở bàn nước. Bên cạnh Nhạc không có ai. Nhật đến bên Nhạc, vờ cúi xuống xin trại chủ một chén nước trà, thì thầm vài câu với Nhạc. Cái nắp bình trà rơi xuống đất vỡ tan thành nhiều mảnh nhỏ. Mọi người quay lại nhìn trại chủ. Nhạc đặt bình nước xuống bàn, đưa chén lên uống cạn, rồi hớn hờ loan báo:

- Anh em! Vừa có tin vui đây! Ông Thung vừa cho người lên báo là đã chuẩn bị sẵn sàng để cùng chúng ta tấn công chiếm phủ Qui Nhơn. Như vậy là ta khỏi lo mặt nam bị trống nữa. Tôi quyết định bắt đầu tiến quân ngay bây giờ. Bằng cách nào nhanh nhất, các ông về ngay với quân của mình. Tập họp gấp quân lính, khí giới sẵn sàng. Tôi sẽ cho đem lệnh đến cho từng người. Các ông cứ y theo lệnh mà làm, không được tự ý thay đổi. Tình thế gấp lắm. Khỏi cần nói với tôi lời từ biệt. Các ông chạy ra cổng, lên yên ngay cho.

Chương 23

Chờ cho Lý Tài và Chinh đi xong, Nhạc bảo Tuyết, Lộc, Tuyên hãy nán lại một chút chờ nhận lệnh. Ba người trẻ tuổi hoang mang không hiểu vì đâu Nhạc ra lệnh tiến công bất ngờ như vậy, nhưng không ai dám lên tiếng hỏi. Họ đi đi lại lại trong phòng họp, cúi gằm mặt đếm bước.

Nhạc kéo Nhật và ông giáo vào phòng mình. Khi cả ba đã vào hẳn phía trong, đích thân Nhạc đến cài then cửa lại. Ông loay hoay thế nào mà mãi một lúc lâu vẫn chưa cài xong. Ông giáo đến giúp Nhạc, thấy tay trại chủ run run, nước da Nhạc tái thêm. Cài xong then cửa, Nhạc quay lại hỏi Nhật:

- Chúng nó bắt đầu lúc nào?
- Khoảng canh ba. Đến gần sáng thì chiếm xong!

Ông giáo sợ toát mồ hôi, vội hỏi:

- Chúng dám chiếm An Thái à?

Nhạc đang tức giận cũng phải bật cười.

- Không. Chúng đánh chiếm phủ Qui Nhơn rồi!

Ông giáo kinh ngạc hỏi:

- Ai? Chúng là ai?

Nhật đáp:

- Nguyễn Thung và bọn Nhưng Huy, Tứ Linh.

Nhạc hỏi:

- Người đưa tin có nói gì thêm không?
- Nó bảo chúng chia làm hai cánh bao vây phủ từ canh ba. Bên trong tán loạn, lính phủ mạnh ai nấy chạy nên tờ mờ sáng chúng đã lọt được vào thành.

- Còn Nguyễn Khắc Tuyên?

- Nó không hiểu rõ. Có lẽ tên tuần vũ đã trốn mất, vì không nghe ai nhắc nhở gì đến cả. Nếu bắt được Tuyên, tất nhiên mọi người đều biết.

Nhạc trầm ngâm một lúc, rồi nói băng quơ một mình:

- Gớm thật. Hắn thấy dễ ăn, liền ra tay trước. Hắn vốn quen cái thói đó như hồi tranh nhau buôn nguồn.

Nhạc bóp trán suy nghĩ rồi hỏi ông giáo:

- Nguyễn Thung vây chiếm phủ, tức là chuyện lớn rồi. Thuận Hóa phải phản ứng. Thầy am hiểu nội bộ ngoài kinh, xin thầy cho biết ý kiến. Ta phải làm gì bây giờ?

Ông giáo đáp ngay:

- Không thể chậm trễ được nữa. Phải tìm cách chiếm lại phủ Qui Nhơn, nhưng cũng phải cố hết sức đừng gây đổ vỡ ngay từ lúc này. Phải khéo léo.

Nhạc mừng rỡ nói:

- Thầy thật hợp ý tôi. Lúc này, khi ông Nhật cho biết tin, tôi giận đến nỗi muốn hét lên một tiếng cho đa tức. Tuy tôi bây giờ vẫn còn run. Nhưng cũng may tôi kịp nghĩ lại. Không nên để cho anh em biết chuyện này. Ta làm thế nào để cho mọi người tưởng ta đã phân công cho Thung đánh chiếm phủ. Hai người đáng đề phòng nhất là Huyền Khê và Lý Tài. Ông Nhật nhớ nhé. Về phần chúng ta, tôi tính thế này: Hiện số quân tinh nhuệ của ta dồn phần lớn về An Thái. Tôi sẽ để lại đó một nửa cho thằng Huệ, nửa kia mang sang sông phối hợp với toán ông Tuyết và Tuyết làm quả đấm tổng thẳng ra Càn Dương và Nước Ngọt. Ta phải chiếm ngay hai kho thóc lớn nhất phủ, đồng thời án ngữ mặt bắc. Thu được lương thực xong, phía bắc ta áp vào, Huệ dẫn quân xuống, Tập Đình, Lý Tài từ phía đông thúc lên. Thung bị vây chặt. Rồi các ông coi, nó có dám đóng cửa thành cố thủ không?

Ông giáo khâm phục sự nhạy bén của Nhạc, vội nói:

- Kế hoạch thật tuyệt. Tôi tin giữa cảnh hỗn loạn tan tác này, việc chiếm hai kho Càn Dương, Nước Ngọt không khó gì. Tuần vũ bỏ trốn, bọn quan quân như rắn mất đầu không có tinh thần chiến đấu đâu. Vấn đề khó khăn hiện nay, là phải làm sao cấp tốc phối hợp cho ba cánh quân áp vây Nguyễn Thung một lượt, càng sớm càng tốt. Chậm một ngày, tôi ngại Tập Đình, Lý Tài tướng Nguyễn Thung mạnh hơn ta, kéo quân vào phủ tiếp viện.

Nhạc gật đầu, đẩy ghế đứng dậy nói:

- Ta phải hành động ngay. Ông Nhật viết lệnh đem cho Lý Tài liền. Ngay bây giờ, tôi xuống An Thái. Việc ở Kiên Thành thầy giáo quán xuyến giúp. Tôi tin không lâu đâu, chừng ngày mốt, ta phải dời bản doanh về dưới phủ thôi!

*

* *

Buổi trưa hay tin phủ Qui Nhơn đã mất, Phụng Ngọc bàng hoàng, xao xác rồi chìm trong hỗn loạn. Không có thì giờ nghỉ ngơi, bọn lính phủ cởi quần áo quăng giảo mác ngổn ngang khắp đồng, lội sông chạy lên An Thái, vừa chạy vừa nhìn lại phía sau. Chúng chỉ mặc cái quần đùi ướt, thân thể đầm mồ hôi. Gặp ai, chúng cũng lấm lét sợ hãi, chưa hỏi đã nói trước:

- Ấy, chúng tôi là dân dưới Phụng Ngọc, chạy loạn lên đây, khiếp quá bà con ơi, chết như rạ. Nhất là bọn quân Quốc phó.

Có người ranh mãnh trên:

- Quân quốc phó là các ông chứ còn ai nữa!

Chúng vội chối:

- Đừng nghi oan chúng tôi, tội nghiệp. Chúng tôi toàn là dân làm ruộng nghèo khổ. Cô bác coi, chạy giặc trên mình chỉ còn độc cái quần rách. Xin bà con cô bác thương tình. Nhà có còn sót cơm cháy không ạ?

Bực vì thấy chúng bẻm mép, họ càng trên:

- Hừ, các ông cởi hết quần áo lính vứt xuống sông rồi, còn cái quần che của quý là may.

Trêu chọc cho vui thôi, cuối cùng dân làng hai bên sông cũng cho chúng ăn. Bớt lo sợ, chúng mới thực hiện mình là lính phủ.

Dân làng hỏi:

- Bây giờ các bác đi đâu?

Chúng bần thần chẳng biết trả lời thế nào. Dân lại hỏi:

- Các bác chạy lên trên này liệu có yên không? Các ông ấy đóng đèn ngật trên An Thái, sao lại chạy lên đây?

- Nhưng phủ đã mất rồi, trước sau họ cũng đánh lên Phụng Ngọc.

- Sao không theo các quan chạy ra Quảng Nam?

Chúng giận dữ đáp:

- Các quan! Bọn chó má! Đéo mẹ chúng nó. Bà con cô bác nghĩ coi có tức không. Chúng đã biết tin phủ mất, nhưng không hé răng cho chúng tôi biết. Chúng tập hợp chúng tôi lại, truyền phải hàng ngũ chỉnh tề ra bãi tập luyện. Chờ cho chúng tôi đi xong, chúng thẳng ngựa đưa vợ con chạy trốn. Đéo mẹ, quân khốn nạn. Trời tru đất diệt cho sạch quân lưu manh ấy đi!

Một người lính già cười khẩy nói:

- Ăn nhằm gì! Lão cai cơ của tôi còn lưu manh gấp nghìn lần. Một chú lính tính lắm lời không biết nghe tin ở đâu, nói vung cho cả đội hay. Lão cai cơ sai trối nó lại, bẻ răng trước mặt chúng tôi để trừng trị làm gương những kẻ dám loan tin thất thiệt. Chúng tôi sợ đến xanh mặt, nhưng tin là thất thiệt thật. Không thất thiệt lẽ nào ông cai cơ bẻ răng chú lính trẻ. Sau đó, lão sai chúng tôi đi kéo gỗ. Chưa đi khỏi một thôi đường, đã thấy lão dùng ngựa chạy trốn rồi.

Một người khác khôi hài:

- Kẻ lớn chạy bằng bốn chân, lũ trẻ như mình giá trị không bằng nửa người ta, được chạy hai chân, bác còn than phiền gì nữa.

Mỗi người góp một câu, bọn lính phủ tạm quên trong chốc lát tương lai mờ mịt của mình. Dân làng tò mò hỏi hết chuyện này đến chuyện khác, cho đến lúc một đứa bé chạy đến báo có tin "quân ô" trên An Thái đang chuẩn bị đánh xuống. Bọn lính phủ xanh mặt, dợm đứng dậy tìm chỗ trốn. Nhưng trốn đi đâu? Trước mặt, sau lưng đều có địch. Chúng đưa mắt hỏi nhau và không tìm ra lối thoát. cuối cùng, chúng ủa ra bờ sông, lội qua phía sông Cạn.

*

* *

Bình thường thì binh giữ các kho ở phủ Qui Nhơn không nhiều. Kho Thời Phú có thuyền Tân Nhất. Kho Nước Ngọt có thuyền Mỹ Nhất. Kho Càn Dương có thuyền An Nhất. Mỗi thuyền không quá năm mươi quân. Từ lúc nạn đói lan tràn ở hai huyện Phù Ly và Bồng Sơn, số dân phiêu tán ngày càng liều lĩnh, táo tợn, quan tuần vũ phải gửi thêm quân đến giữ kho. Riêng Càn Dương và Nước Ngọt mỗi kho tăng cường thêm một thuyền, quân số lên đến trăm người. Chung quanh kho, trong tầm tên bay, cây cối bị phát quang, hai người chỉ huy trực tiếp là Đốc trưng Đăng và Khâm sai Lạng đều ra nghiêm lệnh không cho phép bất

cứ người dân nào được lại gần.

Vì biết rõ như thế, nên Nhạc phải lấy một nửa số quân của Huệ qua tăng cường cho các đội của Tuyên và Tuyết. Huệ giao trách nhiệm điều khiển số quân này cho Mẫn. Ngay buổi tối cùng Nhạc họp ban tham mưu, Mẫn đã cho quân vượt sông tiến ra phía bắc.

Mịch (gã khờ chợ An Thái) trở thành thuộc hạ của Mẫn em ruột mình.

Sau một thời gian dài mất trí nhớ, dần dần trí óc của Mịch làm quen với thực tại, rồi do các kích động, các gặp gỡ, các khó khăn, lần lượt những kỷ niệm cay đắng của quá khứ tái hiện. Anh trở nên sầu muộn, chán nản. Sự mất mát trở nên trầm trọng quá. Mịch muốn vớt vát, hoặc nếu số mệnh không cho phép, thì ít ra cũng muốn tận mắt nhìn lại quê hương đã mất dấu, tìm tông tích người vợ bị chiếm đoạt. Anh muốn đi ngay ra mạn bắc, tới huyện lỵ nơi Mịch phải gạt nước mắt bỏ đoàn hát và mất vợ. Cho nên khi nghe toán của mình sẽ vượt sông tiến ra Phù Ly, Mịch mừng rỡ vô cùng.

Họ đi suốt đêm. Đầu canh tư, họ mới tới Càn Dương. Mọi người mệt nhoài, hai đầu gối và bắp chân mỏi rần. Toán của Tuyên mai phục ở phía bắc đề phòng chặn đường rút của quân phủ. Toán của Mẫn nằm ở phía nam. Nhạc cho quân nằm nghỉ cho đến giữa canh tư, hẹn trước là khi nghe pháo lệnh, tất cả hai cánh đều la ó cho thật dữ để uy hiếp tinh thần quân giữ kho, tiếng pháo lệnh thứ hai là lệnh xung trận.

Toán của Tuyên giữ vai trò cường kích, bằng bất cứ giá nào phải chiếm cho được kho trước khi mặt trời mọc. Không muốn hãm hàng trăm tên lính phủ đáng thương hại ấy vào đường cùng, Nhạc để ngỏ mặt phía nam, chỉ xếp cho toán của Mẫn phục kích hai bên đường rút về phủ Qui Nhơn cách kho nửa dặm đường đất.

Mọi tính toán của Nhạc đều chính xác. Vừa nghe quân Tây Sơn la ó vang trời, lính giữ kho hoảng hốt choàng thức dậy. Khâm sai Lạng không kịp mặc quần áo trận, cầm giáo la hét, đe dọa đốc thúc quân lính cầm lấy vũ khí. Nhưng dù có gào khản cả cổ, hăn cũng không ngăn được cảnh hỗn loạn hãi hùng. Gươm giáo vất ngổn ngang, chiêng trống lẫn lóc. Thấy quân Tây Sơn chỉ la ó có một phía, không có thì giờ suy nghĩ dè dặt nữa, bọn lính ùa cả ra cửa nam. Khâm sai Lạng mặc độc một bộ quần áo lót nhãn nhỏ, tóc rối bù chưa kịp búi, cầm gươm lăm lăm chặn cửa. Hăn hét:

- Trở vào, quân hèn nhát. Đứa nào bỏ chạy tao chém chết.

Giọng hăn khàn khàn nên tan mau trong tiếng gió hú và tiếng quân Tây Sơn la ó. Tuy thế, bọn lính phía trước cũng sợ hãi chùn chân không dám bước. Bọn phía sau chưa hiểu gì cứ lấn tới. Nhiều câu chửi thề tục tĩu. Nhiều tiếng đàn bà con nít khóc. Đám đông xô đẩy nhau, bọn đứng trước ban đầu còn dặng chân ngả người ra sau cưỡng lại, càng về sau sức xô tới càng mạnh. Dù không muốn, họ bị đẩy dần tới gần Khâm sai Lạng hơn. Lạng vẫn lăm lăm lưỡi gươm trên tay, mắt lườm hung dữ. Đầu mũi gươm run rẩy, không khí phía trước thật căng thẳng, trong khi phía sau cảnh chen lấn hỗn loạn gia tăng. Tên lính già bị đẩy gần mũi gươm của Khâm sai Lạng nhất, mặt xanh mét, chân tay bủn rủn, líu lưỡi không thốt được lời nào. Thấy tình thế nguy hiểm, bọn đứng trước la to:

- Đừng đẩy tới. Có quan khâm sai.

Phía sau tiếp tục văng tục, hét to:

- Sao không đi? Phá cửa mau. Đéo mẹ đứa nào đập lên chân tao vậy. Đừng xô đẩy. Bà con làng xóm ơi, con nhỏ này ngộp thở, xỉu rồi. Đã bảo đừng có đẩy. Ông cho mày một giáo bây giờ!

Khâm sai Lạng hoang mang, lạnh cả xương sống và biết tình thế thật nguy hiểm lắm. Hắn muốn bỏ gươm xuống để mặc cho bọn lính chạy thoát. Nhưng làm như thế thì còn mặt mũi nào nữa! Chúng nó chỉ hoảng hốt trong chốc lát, ta ráng giữ chúng nó lại thêm một chút thôi, đủ thời gian cho chúng hoàn hồn, thì mọi sự đâu sẽ vào đó! Quan trọng cho cả uy tín của đời ta là lúc này! Hắn nghĩ thế, và nhất định cầm chặt lấy chuôi gươm. Người lính già đáng thương bị đẩy tới thêm một bước, khoảng cách thu hẹp dần. Còn ba bước. Còn hai bước. Không thể do dự được nữa rồi. Phải ra uy thôi! Lạng lấy hơi, hét lớn:

- Đứng lại. Không tao đâm chết.

Đó là giọt nước cuối cùng làm tràn cái ly đầy. Đám đông tự nhiên rùng rùng xấn tới. Khâm sai Lạng chỉ vừa kịp thu gươm về đã bị xô dạt sang một bên, ngã ngửa, đầu va vào vách vọng canh. Bọn lính đập nhào lên chân Lạng mà chạy. Đến lúc đó, tên Khâm sai mới thấy hết tầm nguy hiểm của tình thế. Không còn cách nào khác. Phải trốn thôi! Hắn dợm đứng dậy. Hai ống chân đau điếng. Hắn mím môi nén cơn đau, cà nhấc đi về phía tàu ngựa.

*

* *

Ra khỏi cửa nam Lạng mới thấy mình đại đột. Chạy trốn bằng ngựa! Trời hời! Có khác nào lạy ông tôi ở bụi này! Lại còn ăn mặc thế này, với một thanh gươm cán chạm trổ và cần xà cừ! Tên Khâm sai vội xuống ngựa, do dự một chút trước khi quăng thanh gươm xuống một vũng lầy. Bọn lính cởi quần áo vứt bừa bãi hai bên đường. Lạng vợ đại một bộ lấm bùn mặc vào người. Cái áo quá chật không bọc kín được thân hình phì nộn. Hắn lấy bầy gài mãi không được mấy cái cúc áo, cuối cùng để mặc, chạy theo đám tàn quân.

Toán nghĩa binh của Mẫn đã giăng sẵn lưới để bắt gọn tất cả đám lính phủ.

Khâm sai Lạng lạch bạch hỗn hển tới sau, bị Mịch giữ lại cùng một chỗ với ba bốn tên lính nữa. Chúng ăn mặc xốc xếch như nhau, nhưng có hai điều khiến Mịch chú ý đến tên lính giả mạo: một là hắn mập quá cúc áo để hở giơ cả cái bụng trắng núng nính mỡ, hai là thái độ khép nép của bọn kia đối với hắn. Không thể làm lẫn được! Lão mập này thuộc vào hàng cao cấp đây! Lạng cố thu người lại nhưng đôi vai ú ụ và cái bụng phệ kèn càng quá! Nó lồ lộ, choáng cả không gian. Mịch gọi Lạng đến chỗ gốc xoài. Hắn run lên bần bật. Mịch mỉm cười chờ hắn đến gần. Và chính lúc đó, khi Lạng vấp phải mô đất, suýt ngã, phải đưa cao hai tay để lấy thăng bằng, Mịch nhớ lại hết.

Mịch run lên, cổ nghẹn lại. Chính hắn đây mà! Cám ơn Trời Đất! Tao tưởng không bao giờ được gặp lại mày. Quả là Trời cao có mắt mới dẫn mày đến đây cho tao. Cố dẫn cơn nóng giận, Mịch nhỏ nhẹ hỏi:

- Ngài còn nhớ cháu không ạ?

Tên Khâm sai vội ngược lên, đôi mắt vừa ngỡ ngàng vừa hãi hùng. Hắn muốn chối, nhưng hai hàm răng cứng, lưỡi líu không nói được. Mịch lại hỏi:

- Cháu là kếp Mịch đây mà! Tên kếp chuyên đóng vai Lữ Bố, ngài còn nhớ không? Trước kia mỗi lần vợ chồng cháu được hát hầu ngài, chúng cháu được ngài thưởng biết bao nhiêu thê! Ngài nhớ không?

Đầu gối Lạng tự nhiên nhũn ra, và dù hắn không muốn, không bao giờ muốn, hắn quy xuống, hai tay chống trên mặt cỏ cũng như một người sụp lạy. Mịch hả hê, lấy lại giọng bình thường:

- A ha! Bây giờ mày lạy lục tao. Muộn rồi, ông duyên lại! Lúc mày lấy tiền bạc, quyền hành đoạt vợ của tao, vu oan khép tội tao, đến nỗi tao phải phản uất trở thành điên dại, mày có nghĩ đến lúc phải trả nợ như bây giờ không?

Lạng đã lấy lại đôi chút bình tĩnh, bắt đầu kêu rên:

- Xin ông thương vợ con tôi mà nương tay cho. Tôi không bao giờ dám quên ơn! Lúc trước thời còn trẻ ham mê thanh sắc, tôi dại dột. Bây giờ hối cũng không kịp nữa. Tôi đáng tội chết. Chỉ xin ông mở lượng châm chế cho. Tôi còn mẹ già, con dại. Vợ con tôi sẽ bơ vơ không nơi nương tựa...

Mịch vội hỏi:

- Vợ mày hiện ở đâu?

Lạng mừng rỡ, tưởng Mịch đã cảm động, ngược lên đáp:

- Dạ ở trong phủ.

- Nàng còn hát không?

Lạng không hiểu Mịch hỏi gì, nói:

- Ông hỏi sao ạ?

Mịch nôn nao cả dạ, lắp bắp hỏi:

- Nàng có còn đóng vai Điêu Thuyền không?

Tên Khâm sai chột hiểu. Hắn sợ quá, không dám ngược lên nữa. Cũng không dám mở miệng trả lời.

Mịch thấy lạ, hấp tấp hỏi:

- Sao mày không đáp? Vợ mày đó trời ơi, tao nói đến hai tiếng này mà lòng sôi lên muốn cho mày một nhát cho rảnh mắt, người vợ mày đoạt của tao đó, nàng ở đâu?

Lạng không có lối thoát, phải lắp bắp trả lời:

- Nàng đi đâu tôi không biết nữa!

Mịch giật mình, lo lắng hỏi:

- Đi đâu? Tại sao nàng bỏ đi? Mày chán chê nên đuổi người ta phải không?

Lạng cúi gằm mặt xuống không dám xác nhận. Mịch hiểu hết. Mắt đỏ ngầu. Bàn tay cầm kiếm run rẩy.

Anh nắm chặt chuôi kiếm để dẫn cơn giận, giọng đau đớn uất ức:

- Tao tưởng mày khá. Mày còn có con mắt tinh đời, biết mê thanh sắc. Mày ỷ tiền bạc danh vọng cướp vợ người khác, nhưng mày còn có điểm đáng khen là có con mắt biết ngắm sắc đẹp, có đôi ta biết lời hát hay. Bây giờ tao hiểu hết. Tao lầm. Mày chỉ là con heo mập dâm dục mà thôi. Mày là thằng mù, thằng điếc. Cho mày sống cũng uống cơm trời.

Tên Khâm sai vừa ngược lên nhìn Mịch định van xin, thì lưỡi kiếm đã cắm sâu vào ngực hắn. Hình ảnh cuối cùng hắn còn thấy được trước khi vạn vật nhòe nhoẹt quay đảo, là đôi mắt đỏ ngầu, nụ cười tê tái của người kếp hát.

Sáng hôm sau, tất cả các anh em đã tiến về vây chặt phủ Qui Nhơn. Trung nghĩa quân của Tập Đình từ phía Tuy Viễn tiến lên sớm nhất vì đã nhốt trại ngay từ khi Lý Tài đi họp ở Kiên Thành chưa về. Tập Đình vẫn có thiện cảm với Nguyễn Thung hơn với Nhạc, nên khi nghe tin Thung đã chiếm phủ, hẳn muốn đem Trung nghĩa quân đến giúp để lập công. Đến nửa đường, hẳn nghe tin Kiên Thành đã động binh. Nhờ do dự, hẳn khỏi phạm sai lầm đáng tiếc, và còn có cơ để biện bạch với Lý Tài. Phía nam quân Lý Tài và Tập Đình áp sát bên kia bờ sông Đập Đá. Phía bắc Nhạc đã dẫn các toán quân vừa chiến thắng ở Càn Dương và Nước Ngọt tiến vô. Mặt trận Phụng Ngọc vỡ, không đầy nửa ngày đường, Huệ đã đưa quân từ An Thái xuống đóng ở gò Vân Sơn. Nguyễn Thung ở trong phủ kinh hải, bồn chồn, nghe tiếng trống thúc quân từ xa vọng lại như nghe bước đi của Diêm Vương. Điều Thung lo sợ đã thành sự thực. Chiếm được phủ, hẳn còn lo phản ứng của Kiên Thành nên suốt hai ngày làm chủ, hẳn chưa dám hành động như một người chiến thắng. Hẳn không dám chạm đến nhà kho, không dám thả tù. Không dám phá cửa vào trong dinh phủ. Dù hết sức thềm thuồng, Thung vẫn chưa dám ngồi lên cái ghế bọc gấm của Nguyễn Khắc Tuyên trong văn phòng tuần vũ tráng lệ.

Bị khốn khổ dẫn vật trong bồn chồn suốt hai ngày căng thẳng, giữa những hồi trống đe dọa, Thung gầy xẹp, xơ xác như vừa qua một cơn bệnh dữ. Cho nên khi thấy Nhạc dẫn quân tiến vào sát thành, Thung vừa sợ vừa mừng. Cái gì phải đến đã đến. Phải quyết định nhanh trước khi quá trễ. Và Thung đã quyết định.

Hẳn truyền cho quân lính đốt pháo mừng, gióng trống khua chiêng cho hoan hỉ, mở rộng cửa thành để đón Nhạc vào. Bọn tay chân của Tập Đình, Lý Tài chỉ chờ có vậy. Chúng ủa ra phố phủ, chen nhau vào các quán ăn và tiệm rượu, say sưa, hò hét, đập phá. Phố xá náo động, đàn bà con gái trốn biệt trong phòng kín. Toán của Tuyết và Lộc thì ủa vào dinh phủ, gấp gáp đập phá nấy trước vẻ ngần ngại tiếc rẻ của những người đứng tuổi. Trong khi Nhạc bận họp khẩn với những người chỉ huy gồm có Nguyễn Thung, Tập Đình, Lý Tài, Tuyên, Tuyết, Lộc, Huệ, Mẫn, một nhóm nghĩa quân phá cửa vào phòng của Nguyễn Khắc Tuyên. Họ khựng lại, gần như sợ hãi trước vẻ xa hoa lộng lẫy của căn phòng. Trước mắt họ là bộ tràng kỷ gỗ đen bóng, lưng dựa gần đá xám có vân, màu xà cừ óng ánh sắc tím và bạc. Một nghĩa quân chửi thề:

- Đéo mẹ, nó ở sướng quá.

Một người khác nói thêm:

- Còn tụi mình thì cả đời không có lấy một cái chòi tranh che mưa.

Thoắt một cái, họ quên hết sợ hãi. Cơn giận kéo đến. Chỉ cần một người nào đó hô lên:

- Phá cho tan mẹ nó đi. Giận quá rồi!

Thế là cả bọn xông vào phòng say sưa đập phá. Hai người năm bốn chân bàn xáng mạnh vào lưng trường kỷ. Mặt đá vân vỡ toang. Cái sập kê gần cửa sổ bị lật ngược. Màn trướng bị kéo xuống, xé rách bươm. Một cậu trẻ tuổi chạy đến ngồi lên cái ghế bọc gấm nhún nhún, cười khoái trá. Bọn anh ta lôi dậy, ngồi lên nhún thử. Lần lượt như vậy đến người cuối cùng. Sau khi tận hưởng sự êm ái của giàu sang, anh ta đứng dậy, nắm lưng ghế, dùng hết sức lực dơ lên cao, ném mạnh vào vách. Hai chân ghế gãy lìa. Những

người khác hô hoán:

- Ô hay! Sao lại phá đi.

Người vừa phá chiếc ghế quý bảo:

- Không thằng này ngồi thì thằng khác ngồi. Phá đi cho rảnh!

*

* *

Tiếng đổ vỡ la ó hỗn loạn làm rúng động cuộc họp khẩn của ban tham mưu. Nhạc ra lệnh cho các đội trưởng cấp tốc thu quân về, tập họp đầy đủ, chỉnh tề hàng lối trong sân phủ. Nghiêm lệnh loan đi. Ai vắng mặt coi như đào ngũ, bị chém ngay tại chỗ. Nhờ lời đe dọa gắt gao ấy mà đúng trưa cảnh hỗn loạn chấm dứt hẳn. Quần áo nghĩa quân còn xốc xếch, mặt mũi dơ dáy, đôi người thở còn nồng hơi rượu, nhưng không ai dám ho một tiếng khi Nhạc nói. Từ trên thềm dinh phủ, Nhạc đưa mắt lờm quanh một vòng xem có ai còn nói chuyện nữa không, rồi mới cất cao giọng:

- Hỡi anh em. Như vậy là sau bao năm ăn đói, mặc rách ở Tây Sơn thượng, hột muối củ khoai chia nhau, chúng ta đã thanh công. Chúng ta đã đứng ngay đây, chỗ mà ngày trước anh em không được bén mảng đến gần. Nếu có đến thì cũng phải nín thở khom lưng sợ hãi, hoặc bị gông cùm, xiềng xích. Ta đã thành công. Rõ ràng như ban ngày là ta đã thành công. Chúng ta đứng ở đây mà không phải sợ quan Tuần vũ, chân tay không bị trói, cổ không đeo gông. Đâu anh em giơ tay cả lên xem mình còn bị xiềng trói không nào?

Tất cả nghĩa quân đồng loạt giơ hai tay lên trời, tiếng hò hét vui sướng nổi lên khắp sân. Nhạc chờ cơn phấn kích hạ bớt, mới đưa tay ra dấu bảo im, rồi tiếp:

- Tôi hỏi anh em: Nhờ đâu mà chúng ta có ngày hôm nay. Nhờ đâu? Một mình tôi không làm nổi. Thêm những vị đội trưởng chỉ huy anh em, cũng chưa làm gì nổi. Quá lắm là chúng tôi xoi thùng được một lỗ ở chân thành, đủ cho một con chó chun ra chun vào (cả sân cười). Có ngày hôm nay, là nhờ tất cả anh em (có nhiều tiếng ào ào bàn tán vui sướng). Đúng không nào? Đúng, mà chưa đúng hẳn (có tiếng cười). Quân phủ hơn một vạn rưỡi người, tinh binh trên năm mươi thuyền, mà tất cả anh em ta kể cả những người đã chết được bao nhiêu? Chúng nó đông hơn anh em ta gấp bội. Thế thì số đông chưa chắc đã thành sức mạnh chiến thắng. Đông mà không có tổ chức chỉ là một đám ăn cướp ô hợp, khi vui tụ lại phá làng phá xóm, khi buồn rã đám thành bèo dạt. Chúng ta ít hơn quân phủ mà thắng là nhờ có đội ngũ chỉnh tề, kỷ luật nghiêm minh, mưu kế chặt chẽ liệu trước được mọi sự. Muốn lấy phủ ư? Việc đó dễ mà khó. Dễ vì quân phủ đã bạc nhược, dân chúng ghét bọn quan lại như ghét ôn dịch. Khó vì chúng nó không đứng một mình, phía bắc còn có dinh Quảng Ngãi, phía nam còn có dinh Phú Yên. Ngoài kinh còn cả một triều đình. Chúng ta phải cẩn thận tính toán mới được. Cho nên quân đệ nhị trại chủ Nguyễn Thung đứng ra lĩnh phần khó nhất là liệu lĩnh chiếm cho được phủ. Quân Kiên Thành mau chóng đoạt cho được hai kho lương Càn Dương, Nước Ngọt để cắt cuống họng chúng nó. Trung nghĩa quân và Hòa nghĩa quân cùng quân An Thái chờ sẵn bên ngoài làm lực lượng hậu bị, khi cần áp sát lũy phủ để cần quét tàn quân và dư đảng. Chúng ta đã đặt kế hoạch như vậy, và mọi sự diễn ra đúng như vậy. Ai có công? Tất cả chúng ta từ trại chủ cho đến người già yếu theo quân nấu bếp đều có công. Nhưng ai có công nhiều nhất, vì lãnh phần nguy hiểm nhất?

Ai? Anh em khỏi cần hỏi nhau làm gì. Điều đó đã rõ ràng. Đệ nhị trại chủ Nguyễn Thung và tất cả anh em Tuy Viễn là những người chiến công đầu. Hoan hô anh em Tuy Viễn.

Cả sân ban đầu còn dè dặt, nhưng ngay sau đó, bị tiếng hô reo của nghĩa binh Tuy Viễn lôi cuốn, tất cả mọi người đều reo hò cười nói, tiếng ồn ã đi dội lại bốn mặt thành.

Chờ cho mọi người cười nói xong, Nhạc quay lại trở cảnh dinh phủ bị đổ nát, phá phách, bảo mọi người:

- Bây giờ ta có nhiều việc để làm. Trước hết ta phá ngục cứu những người lâu nay bị cảnh xiềng xích gông cùm như chúng ta. Trại giam gần đây thôi, sát phía sau dinh phủ. Tôi sẽ cử người lo phần việc đó, khỏi phải nhọc lòng nhiều người. Còn cái dinh này, nơi bọn quan tham lam ác độc phè phỡn bao đời nay, nơi mà từng cánh cửa, từng viên gạch đều có dính nhơ nhớp, ta phải làm gì nào? Anh em không dám trả lời hả? Đừng ngần ngại. Một số anh em vì giận dữ xông vào phá tan hoang dinh phủ là phải. Tòa nhà ô nhục đó, ta đốt quách nó đi. Để chướng mắt lắm. Phải thế không?

Toàn thể nghĩa quân bị kích động tột độ, hò reo vang lừng. Nhạc ôm lấy vai Thung cười hớn hở. Thung lúng túng, cố cười gượng với Nhạc. Sau khi giao cho Bùi Văn Nhật đọc các nghiêm lệnh để tái lập trật tự, Nhạc kéo Nguyễn Thung ra một chỗ gần bờ thành sát nhà kho bảo:

- Ông đi lại buôn bán lâu ngày, chắc hiểu rõ tính tôi. Không ai qua mặt được tôi đâu. Lần này tôi nghĩ đến nghĩa cũ, nên cứu ông. Lần sau ông còn dở trò, chơi trội, tôi không... tôi không...

Nhạc cười, không muốn nói tiếp, Nguyễn Thung sợ quá, đến thở cũng không dám thở mạnh. Mồ hôi toát ra ướt đầm lưng áo. Nhạc vỗ vai Thung bảo:

- Thôi, tôi chỉ nói đùa tí chút thôi. Đừng để tâm nhé. Bây giờ ông giúp tôi việc này: Ông sai chúng nó mở nhà kho, đem chia cho anh em để làm tiệc khao quân. Ráng lo cho tôi nhé. Nào, vui lên nào, đừng giữ bộ mặt đăm chiêu đó, người ta hiểu lắm, phiền lắm!

Tối hôm ấy. Nhạc sai đốt dinh phủ để làm đuốc soi sáng cho bữa tiệc chiến thắng. Lửa khói bốc lên rạng rỡ cả một góc trời, gỗ quý nổ lách tách dòn dã hơn bất cứ loại pháo vui nào!

Chương 24

Hai năm trước đây, khi chánh tổng An Thái bắt được Kiên giải về phủ, tiếp theo đó cả gia đình ông giáo trốn lên Tây Sơn thượng với Nhạc, Tuần vũ Nguyễn Khắc Tuyên xem Kiên là một loại con tin đáng giá. Hẳn hy vọng bằng cách khơi động tình cha con, hẳn có thể chiêu hàng giáo Hiến. Vì vậy, thay vì giam giữ tra khảo như bọn tù khác, Tuyên giao Kiên cho một ông cai đội quản thúc. Gần hai năm, Kiên không được bước ra khỏi ngạch cửa nhà viên cai đội, nhưng anh được đối xử tử tế. Ăn uống chung với vợ con ông cai đội, quần áo là quần áo tù nhưng lành lặn. Kiên không biết chút gì về tình hình bên ngoài, nên ban đầu cứ lóng ngóng trông đợi cha và các em đến thăm nuôi. Càng đợi, anh càng tuyệt vọng, tủi thân. Anh nghĩ có lẽ những người thân thuộc đã quên mất anh rồi. Sau bao nhiêu rủi ro trên đời, anh cay đắng nghĩ rằng đây là cái rủi ro đau đớn bất ngờ nhất. Và cũng như các lần trước, anh lẳng lặng gặm nhấm sự đau khổ một mình, không chia sẻ cho ai cả. Gia đình viên cai đội chưa hiểu Kiên, khó chịu, ác cảm là đằng khác, với cái vẻ lăm lè rất giống với sự khinh bạc của người cao ngạo thất thế. Dần dần họ hiểu ra. Họ thương hại anh, chăm sóc miếng cơm, giấc ngủ cho anh. Nhờ thế cơn đau có nguôi đi.

Đột nhiên, một đêm mùa thu năm Giáp Tý (về sau Kiên mới biết đêm đó Tuần vũ nhận được tin Nhạc đã đánh chiếm Kiên Thành), Kiên bị chính viên cai đội dẫn thêm bốn người lính nữa xông vào phòng đánh thức dậy, và trước khi Kiên hết ngỡ ngàng, họ đã trói ké Kiên lại y như lần trước. Anh không nổi giận chống cự nên không bị đánh đập. Quá chán ngán cho sự rủi may thất thường, anh lẳng lặng chịu đựng. Vợ viên cai đội kêu khóc, oán trách chồng, tưởng chồng có quyền tha Kiên. Hẳn lờm vợ, quát lớn cho lũ con thôi khóc vang như một tổ bồ chao. Hẳn ra dấu cho bọn lính dẫn Kiên đi, rồi bảo vợ:

- "Nhà" tưởng tôi ghét cậu ấy à. Tôi thương cậu ấy còn hơn cả thằng em phá gia của tôi nữa. Nhưng đây là lệnh quan tuần, "nhà" biết không. Có tin gì quan trọng lắm, quan tuần mới hốt hoảng thức dậy, lên văn phòng, ra lệnh giam cậu Kiên thật kỹ. này "nhà" chùi nước mắt đi. "Nhà" đừng nói cho ai biết nhé! Nói với ai thì phập, tôi không còn chỗ đội nón đấy nhé! Tôi nghe tên phu trạm báo giặc sắp tới nơi rồi. Cậu Kiên có bà con làm lớn lắm, không, bên phía giặc đó chứ!... Đã bảo, chùi nước mắt đi nào, trông kìa, mặt mũi tèm nhem!... Thôi, "nhà" dẫn các con vào ngủ đi nhé, không sáng mai mày châu ử dột mất đẹp đi. Tôi ấy hả? Đâu được, tôi còn phải lên hầu quan. Ngoan nào, lại thút thít!

Hai người lính trẻ một trước một sau dẫn Kiên về nhà giam lúc gần sáng. Họ đang đi trong một hành lang hẹp nồng nặc mùi hôi thối, ẩm mốc, hai bên là những cánh cửa tù lăm lè, con mắt độc nhất ở cao tầm người trên cửa, chỗ cửa không thể để chuyển cơm nước cho tù nhân bị giam kín, đã nhắm lại. Dù tự dặn mình nên phó mặc cho số phận đưa đẩy, Kiên vẫn cảm thấy ớn lạnh nơi xương sống. Người lính đi trước dừng lại ở phía cửa số 7. Hẳn tìm chìa khóa, mở cửa. Người lính đi sau đẩy Kiên vào. Tiếng khóa cửa lách cách. Ngọn đuốc ngoài hành lang tắt. Chung quanh Kiên là bóng tối, bóng tối. Anh đứng khựng lại giữa phòng giam một lúc, rồi mới quờ quạng tìm một góc tường, dựa lưng vào đó. Đầu óc anh vẫn ở trong

trạng thái chập chờn mờ lung. Anh biết anh đang nghĩ, nhưng lại không thể định được là đang nghĩ gì. Toàn một mớ bòng bong, một đám chập choạng, những mảng hình ảnh mờ mờ ảo ảo. Anh nhớ đến nét mặt hốt hoảng đắm nước mắt của vợ viên cai đội nghe thoang thoảng lúc được lúc mất tiếng kêu khóc tí tê của đứa con út, con bé lên năm thường quấn quít bên Kiên nhiều nhất.

Đầu Kiên nóng bừng, không khí trở nên ngột ngạt hơn.

Đưa tay cởi hai nút cổ áo xong, anh thấy mỏi chân. Kiên nhìn nền phòng giam. À, bây giờ anh mới quen với bóng tối. Và lại, đến lúc này, Kiên mới nhận ra hai nguồn ánh sáng chiếu vào phòng giam hẹp. Một cửa tò vò sát trần, bên ngoài hình như có một cành cây phủ, nên khi gió lên, ánh sáng mờ bên ngoài thấp thoáng. Một nguồn sáng khác từ cửa phòng giam chiếu vào, qua khung chữ nhật nhỏ vừa đủ rộng để chuyển rá cơm. Anh ngần ngại nhìn nền đất ẩm nhơm nhớp trước khi ngồi bệt xuống, dựa lưng vào tường.

Kiên ngồi thừ một lúc, không biết nên làm gì. Một con muỗi vo ve. Hai tay anh chống xuống nền đất để đẩy người lên, sửa lại thế ngồi. Anh cảm thấy lòng bàn tay nhờn nhờn bắn thiu. Mồ hôi rịn khắp người. Anh nghĩ: Giá được rửa mặt hoặc tắm một chút. Kiên nhìn quanh, và kinh ngạc không hiểu vì sao mãi đến lúc này anh mới thấy thùng phân để ở góc tường đối diện cửa ngục. Anh cảm thấy râm ran ở bụng, lại mót tiểu. Anh đến gần thùng phân. Sau một lúc do dự, anh chỉ dám đi tiểu.

Phòng giam ngập mùi khai nồng. Hơi nước dơ lưu cữu bị khuấy động, bốc thêm mùi tanh hôi. Kiên trở lại ngồi chỗ cũ, lòng bứt rứt nôn nao. Nỗi bức dọc ngày càng tăng. Kiên muốn tìm một công việc nào đó. Nhưng việc gì đây? Trước mặt anh là không khí hôi hám, bóng tối lờ mờ. Vách ngục loang lổ. Những mảng vôi trắng long ra, để lộ màu dơ của lớp cũ.

*

* *

Trưa hôm đó Kiên mới khám phá ra những dòng chữ khắc bằng vật nhọn trên các mảng tường loang lổ, sát chỗ anh ngồi. Sự tò mò thúc đẩy, Kiên khom người xuống, nheo mắt tìm đọc các dòng chữ ghi khắp đây đó. Nhiều nhất là các dòng ghi ngày tháng. Lớp vôi trắng mỏng, nên chỉ cần lấy móng tay nhọn vạch nhẹ, những chữ màu nâu đã hiện ra rõ rệt. Dưới hình một lưỡi gươm, có khắc mấy chữ "Oán giả oán báo" và ngày rằm tháng sáu, kèm theo hai mươi bốn dấu vạch. Chỗ khác là một câu cầu nguyện "Lạy Đức Quan Thế Âm Cứu Khổ Cứu Nạn". Vài bức hình tục tĩu. Một mốc ngày tháng: 10-4 năm Tý và mười bốn dấu vạch...

Kiên thần thờ nghĩ đến những người đã bị đày vào đây trước anh, đã ngồi một mình như anh ngồi, đã ôn lại cả đời dài trước kia. Một cuộc đời buồn hiu, quanh quẽ, chịu đựng tất cả bất trắc mà lòng vẫn cứ phải lảo liên lo âu. Nhớ thương, oán hận, ăn năn, bơ vơ, và giờ đây quờ quạng tìm dấu những người xa lạ cùng số phận trong bóng tối. Trời hỡi! Ước gì có được tâm hồn thanh thản để ngồi yên một chỗ, không làm gì hết, nhờ bóng tối ru giúp giấc ngủ ngày. Nhưng hơi nóng càng gắt hơn. Mùi tanh nồng tăng thêm. Ước gì có được một gàu nước đầy, đủ để lau qua mình mấy! Mồ hôi trên người anh rít róng hơn, lưng và cổ trở nên ngứa ngáy, khó chịu nhất, vẫn là mùi hôi thối.

Có tiếng chân người ngoài hành lang. Tiếng chìa khóa va chạm nhau kêu leng keng. Tự nhiên Kiên

thấy vui, như từ lâu lắm anh không còn nghe, còn cảm nhận được dấu vết con người. Tiếng chân dừng bật ngay bên kia tấm cửa ngục. Tiếng chìa mở ổ khóa. Kiên hồi hộp, chờ đợi vu vơ. Cửa ngục mở. Người cai ngục đứng xa nhìn vào phòng kiểm soát một lượt, mũi khịt khịt vì hơi thối bay theo đường cửa sổ. Kiên vừa định lên tiếng xin nước, thì cửa ngục đã đóng ập lại. Anh chạy vội đến chỗ đưa cơm, hy vọng có thể kêu nài với cai ngục. Hẳn đã đi khỏi hành lang. Lòng Kiên ray rứt, bức bối, muốn đập mạnh vào tấm cửa nặng vô tri mà còn do dự, vì thấy trước hành động vô ích. Anh áp mặt vào khuôn chữ nhật nhìn ra hành lang. Vệt sáng chiếu nghiêng trên bức vách bẩn. Ba vết lõm trên tường hành lang đối diện, vết lõm to nhất giống giống một người đang chạy. Cái vỏ chuối đã khô trên lối đi. Tất cả chỉ có bấy nhiêu. Lâu lâu, từ cuối hành lang ó tiếng ai ho, hoặc một tiếng rên trầm và nghẹn.

Kiên thất vọng quay vào. Mùi hôi thối trong phòng trở nên nồng nặc hơn, vì buổi sáng theo thói quen, Kiên không thể nhịn được đi cầu. Anh hắt hơi hai ba lần. Mặt trời có lẽ đã lên cao ngoài kia, nên ánh sáng chiếu từ cửa tò vò, gần trần ngục tràn ngập căn phòng hẹp. Những hàng chữ ghi ngày tháng hiện rõ hơn hôm qua. Kiên chợt nghĩ: Tại sao ta không ghi lịch như họ. Bằng móng tay nhọn, anh có thể ghi ngày đầu bị đẩy vào ngục, rồi vạch thêm một dấu cho hôm nay, công việc ấy giúp Kiên tạm quên được mùi hôi thối. Anh nhận rá cơm hẩm đầu tiên của cảnh tù ngục hiu quạnh buổi trưa hôm ấy, và điều đáng ngạc nhiên là anh ăn thấy ngon. Anh có khả năng chịu đựng tất cả đau khổ nên về sau cũng làm quen rất nhanh với mùi hôi thối, chỉ tiếc là anh không tìm ra tấm để xia răng. Thú vui của anh là tìm đọc hết các dòng chữ trên vách ngục, đoán những hình vẽ, và tìm ý nghĩa cho các vết lõm trên vách. Một thú vui khác là áp mặt vào khuôn chữ nhật nhìn ra hành lang, chờ tiếng động của con người. Anh quấy luyến với tiếng ho quen thuộc, lòng xót xa thay cho con người có tiếng rên trầm, hân hoan rộn rã với tiếng chìa khóa lách tách. Những dấu vạch ghi ngày tháng của anh dày hơn. Việc đếm dấu vạch để biết ngày hôm nay đã khá khó khăn. Đến rằm tháng chín. Rồi qua rằm. Cho đến hôm đột nhiên anh nghe nhiều tiếng chân chạy ở hành lang, lẫn với tiếng la ó, reo cười. Anh ngỡ ngàng tưởng đã xảy ra một vụ phá ngục. Áp mặt sát cửa, anh nghe thêm tiếng quát tháo, và cả tiếng chìa khóa lách tách. Nhiều người đang đi về phía phòng Kiên. Anh vội thụt vào, ngồi nép sát góc vách. Người ta đang mở cửa ngục của anh. Họ định làm gì anh đây? Sao không cho tôi được sống yên trong cái xó tối này? Tội nghiệp thân tôi, hành hạ thêm thì phỏng có ích gì?

Cửa ngục mở. Không thể dẫn được tò mò, anh nheo mắt nhìn ra ngoài, tay che lấy đầu. Không phải cai ngục! Mà là một người Tàu ở trần, cổ đeo lá vàng bạc, bụng thắt dải vải đỏ. Lạ hơn nữa, người Tàu đó dùng tiếng nam thông thạo và mừng rỡ gọi:

- Anh Kiên đâu, chúng ta chiếm được phủ rồi. Ra đây với em!

*

* *

Phải mất một lúc lâu làm quen với ánh sáng và tiếng nói con người hơn nữa, Kiên mới nhận ra Chinh!

Hai anh em ôm chầm lấy nhau, cả hai đều nghẹn lời, nước mắt chảy ròng ròng xuống má. Chinh dẫn xúc động trước anh, tíu tít hỏi:

- Trời ơi! Chúng nó giam anh trong cái ngục hôi thúi này suốt mấy năm sao? Quân chó má! Đồ sâu bọ! Làm cở hết chúng nó cũng chưa đáng tội! Nếu trại chủ không ngăn, em đã lấy huyết hết ráo! Chỉ đồn ngã được mấy thằng không đáng công! Anh sao thế, có đau yếu gì không?

Kiên nhìn cái đầu trọc và cách ăn vận khác thường của em, gương mặt ngơ ngẩn thất thần. Nghe Chinh hỏi, Kiên vội nói:

- Không sao. Anh chỉ mới bị nhốt vào ngục tối chưa đầy tháng rưỡi. Em ăn mặc kiểu gì kỳ cục vậy?

Chinh bỏ tay khỏi vai anh, đứng ra xa một chút, ưỡn ngực kiêu hãnh:

- Em thuộc Hòa nghĩa quân, phải mặc thế cho giống bọn họ. Đi với Bụt mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy mà anh!

Kiên hỏi:

- Hòa nghĩa quân? Ai thế?

- A ha! Anh chưa biết gì à? Chuyện còn nhiều lắm. Anh đi xa cái xó hôi thúi này đã! Tụi bay, sao còn đứng đực người ra vậy! Mở cửa ngục giải thoát cho các anh em khác đi.

Khu biệt giam này chỉ có năm phòng tối có người. Kiên muốn tìm kẻ đồng số phận có tiếng ho quen thuộc, và kẻ từng đêm hay rên trầm và nghẹn. Anh không biết ai, cũng không có thì giờ hỏi thăm. Kiên chỉ đoán tiếng ho là của người tù ốm yếu ngực mỏng và lưng còng xuống, còn tiếng rên của ông lão tóc bạc mắt gần như lòa, ra khỏi hành lang phải có người dắt.

Sau khi giao việc phá cửa giải thoát tù ở các khu biệt giam khác cho bọn thuộc hạ, Chinh điều Kiên ra phía dinh phủ. Họ đi ngang qua chỗ gia đình viên cai cơ ở, Kiên gỡ tay em bảo:

- Để anh ghé đây chút!

Chinh hỏi:

- Có việc gì thế anh? Mọi người đang nóng ruột không biết anh sống chết thế nào. Ra gấp cho họ mừng. Có cả Huệ, Mắm và thằng Lợi ngoài đó.

Kiên lo lắng hỏi:

- Thế cha đâu rồi? Còn tụi con An, thằng Lãng?

- Còn ở trên Kiên Thành. Chắc mai cha xuống. Trại chủ đã cho người mời cha xuống gấp để lục đồng giấy tờ tên Tuần vũ bỏ lại, xem cái gì nên giữ cái gì đem đốt. An với Lãng cũng đã về An Thái. Nhà mình bị chúng đốt rồi, anh biết chưa?

- Chưa! Từ ngày bị bắt, anh không biết tin tức gì cả. Họ quản thúc anh chặt chẽ, tuyệt đối không được liên lạc với bên ngoài. từ đó đến nay gia đình mình thế nào?

Chinh mất kiên nhẫn, cười đáp:

- Em đã nói chuyện dài lắm. Để lúc khác hãy hay. Bây giờ ra ngay với em!

- Để anh thăm gia đình này đã. Không biết trong cơn hỗn loạn họ thế nào?

- Ai vậy?

- Ân nhân của anh. Anh sống được cho đến ngày nay là nhờ họ.

Nghe Kiên nói thế, Chinh phải nhượng bộ. Hai anh em cùng tiến về phía nhà viên cai cơ. Chinh e dè

hỏi anh:

- Anh quen với họ thế nào?

Kiên không trả lời em, vì thấy cửa nhà viên cai cơ đóng kín, nhưng bên trong có tiếng khóc. Anh nôn nao, vội chạy đến đập mạnh cánh cửa lớn. Bên trong hoàn toàn im lặng, Kiên gọi to:

- Mở cửa. Có ai trong đó không?

Vẫn không ai lên tiếng, Kiên hỏi em:

- Chỉnh có nghe thấy tiếng khóc không?

Chỉnh e ngại đáp:

- Có. Thôi, ta đi quách. Cửa đóng mà anh.

Kiên không nghe lời em, gọi lớn lần nữa:

- Mở cửa Út ơi. Chú Kiên đây!

Bên trong có nhiều tiếng thì thầm, rồi lại có tiếng khóc tí tê. Kiên đoán có gì thất thường, đập cửa mạnh hơn nữa. Chỉnh bức dọc đưa chân đập mạnh lên tấm cửa gỗ. Cửa bật tung. Hai anh em sững người khi thấy vợ con viên cai đội đang ngồi quanh một xác chết đã đắp chiếu, nét mặt người nào cũng xơ xác và ngược nhìn hai anh em với đôi mắt hãi hùng.

*

* *

Cả Kiên lẫn những anh em bạn bè đều ngỡ ngàng về nhau. Kiên như một người lạc vào xứ lạ. Không được tham dự ngay từ đầu cuộc khởi nghĩa, không từng lo âu hồi hộp hoặc mừng rỡ, vui sướng trước khó khăn và thành công, Kiên không thể hiểu được vì sao mọi người quanh anh vùng chân múa tay, cười nói hô hố, vỗ vập, reo hò vì những chuyện vặt vãnh không đáng vỗ vập, reo hò. Họ bắt anh uống rượu, họ công kênh anh lên, chạy một vòng khắp phủ. Họ bắt anh kể các nỗi thống khổ, dày dạn suốt mấy năm qua. Anh kể gì bây giờ? Chẳng lẽ kể rằng anh được ăn cơm trắng, cá kho với vợ con viên cai đội, tối được ngủ giường có trải chiếu, lâu lâu được cho thuốc hút hoặc đọc sách. Chẳng lẽ anh kể cho những người hăng hái kẻ vai công kênh anh lên cao như một người anh hùng rằng kẻ vừa bị họ đâm cho một kiếm xuyên suốt ngực đang nằm giữa vợ con trong kia gọi anh bằng "cậu", lũ nhỏ quần quít bên anh lắng nghe kể chuyện Tấm Cám. Kể gì bây giờ? Kiên chỉ ậm ừ cho qua chuyện. Bạn bè anh thấy anh bối rối, cười hô hố, bảo nhau:

- Nó chưa hoàn hồn. Thôi để lúc khác. Bây giờ uống rượu mừng đã. Nào, Kiên. Vô, vô. Không được để sót một giọt. Tụi này tưởng mày đã chết rục trong cái xó ngực rồi. Phải uống để mừng cuộc đời mới. Hãy quên tất cả nỗi khổ nhục cũ đi.

Một người từng làm chung với Kiên từ thời buôn nguồn nhắc:

- Còn nhớ mụ Năm Ngãng không? Hồi đó tụi này điên thật. Về sau mỗi lần nhắc lại, càng thương cho mày! Thôi, nhờ Trời mọi sự qua rồi. Uống chén nữa để rửa sạch bụi bặm đi nào. Có đồ ướt cả áo cũng không sao. Chúng ta tắm rượu mà!

Câu nói vô tình ấy càng khiến Kiên khổ sở. Anh nhớ lại nỗi cay đắng ở Tây Sơn thượng, nhớ hôm anh phải rời nơi ấy như một kẻ có tội, như một người chạy trốn. Vết thương cũ lại hành hạ anh. Kiên nhìn

quanh tiệc rượu, nhận diện được những người từng nổi cơn say máu ủa nhau bao vây anh, muốn xé anh ra từng mảnh cho hả giận. Ngụm rượu trong miệng anh đắng nghét. Anh lợm, nôn thốc tháo cả ra. Để mặc cho mọi người hiểu lầm anh say, Kiên bỏ trốn vào một phòng trống ở trại lính. Từ đó, lấm lét nhìn trước nhìn sau như một kẻ trộm mới vào nghề, Kiên lồm thồm lần về nhà viên cai đội. Anh không đi cửa trước vì có nhiều nghĩa quân qua lại. Anh luồn ra lối sau, đẩy nhẹ tấm phen che bếp lách mình vào phía trong. Mấy mẹ con vẫn còn than khóc vật vã nho nhỏ, sợ làm cho nghĩa quân nổi giận. Người vợ viên cai đội tóc rối nằm sấp ôm lấy xác chồng. Đứa con gái lớn lên mười thút thít, lâu lâu lay nhắc mẹ không nên khóc lớn. Tiếng chân Kiên làm họ giật mình ngơ ngác, và họ hãi hùng khi nhận ra anh. Đứa gái lớn tưởng Kiên đến đây dọa mẹ và các em vì cái hận bị nhốt vào ngục tối, chạy đến sụp xuống lạy Kiên:

- Con trăm lạy chú, ngàn lạy chú. Chú tha cho mẹ con cháu. Chú cho mẹ cháu chôn cha cháu xong rồi mẹ con cháu sẽ đi ngay. Tội nghiệp chúng con, cháu van chú, đừng giết mẹ cháu. Trăm lạy chú. Ngàn lạy chú!

Kiên không thể chịu đựng được nữa. Anh khóc òa.

Sau đó anh có những quyết định táo bạo làm cho anh em bạn bè anh kinh ngạc. Anh chạy lại mở toang cửa sổ cửa lớn, cho mọi người thấy anh có mặt tại đây, ngay trong nhà tên ác ôn vừa bị giết chết. Dích thân Kiên đứng ra lo việc ma chay. Thấy việc lạ, những người vợ lính còn kẹt trong phủ xì xào bàn tán, thêu dệt rằng Kiên đã có tình ý với bà cai đội ngay từ thời ông chồng còn sống. Câu chuyện đến tai nghĩa quân, khiến họ càng tò mò kéo đến xem Kiên quán xuyến chuyện tổng táng khâm liệm. Kiên biết hết, hiểu vị trí khó xử và nguy hiểm của mình, nhưng anh không thể chịu đựng được cảnh tượng những người yếu đuối góa bụa, cô cút khóc thầm trong căn nhà bị cô lập hẳn với đời sống chung quanh. Anh sợ hình ảnh một người khóc thầm như sợ ôn lại cuộc đời quanh quẩn của mình. Cho riêng anh, thì Kiên chưa chắc dám làm điều gì khác thường, Nhưng cho một người đàn bà góa và mấy đứa bé đáng thương, anh dám làm điều ngoạn mục, trở thành cái bia cho thiên hạ đàm tiếu.

*

* *

Ông giáo xuống phủ Qui Nhơn đúng vào lúc Kiên ở vào tình thế phức tạp, tế nhị đó! Ông gặp con, mừng mừng tủi tủi. Từ lâu ông vẫn có ý nghĩ đau xót là Kiên phải gánh chịu tất cả hăm hiu, rủi ro thay cho toàn gia đình, nên trước mặt con, ông thấy mình có lỗi. Như tất cả mọi người, ông thấy Kiên vừa lạc lõng yếu đuối vừa liêu lĩnh cố chấp một cách khác thường. Ông ngờ ngợ rằng bên trong chắc còn nhiều điều bí ẩn. Cho nên sau khi an ủi vỗ về con, ông để mặc cho Kiên tiếp tục lo việc ma chay. Lòng ông ngùi ngùi, như vừa mất một cái gì! Ông chúí đầu vào công việc để cố xua cảm giác nặng nề đó. May thay cả đồng tài liệu hồ sơ trong kho lưu trữ công văn của dinh phủ đang chờ ông! Nhạc muốn ông lục đồng hồ sơ đó để trả lời ngay cho trại chủ hai điều: tình hình quân sự của triều đình ở ba phủ Quảng Ngãi, Qui Nhơn và Phú Yên; và tình hình thuế khóa, kho dựn. Ngoài ông giáo ra, không ai đủ khả năng và kinh nghiệm để trả lời hai câu hỏi cấp bách ấy. Ông giáo lục tìm các sổ binh. Không phải là việc dễ như lấy đồ vật trong túi, vì khi tấn công vào, nghĩa quân đã định đem hết sổ sách giấy má ra đốt như đã làm trước đây ở các làng cận

sơn. Ông phải mất cả một ngày dài mới thu góp được tài liệu, làm một bản tóm tắt tình hình dân số và quân sự trong phủ. Chưa kịp ăn cơm tối, ông vội đem bản tình hình lên cho Nhạc.

Nhạc mừng rỡ, vội lấy kính ra nhắm đọc một cách chậm chạp:

"Số dân phủ Qui Nhơn là 26.769 người (không kể các xã thuộc nội phủ không phải là lính là 12.542 người).

Số dân nội vi tử là 10.904 người.

Dân nhiều phu 2033 người.

Hai loại này chịu lính một nửa, vị chi 6468 người phải lính.

Dân bản phủ 11.287 người chịu lính tất cả.

Như vậy dân phủ Qui Nhơn thực chịu lính là 17.756 người cấp cho 7 cơ đội và các thuyền Thuộc Kiên và Phụ Thủy.

4 cơ Nhuệ Thủy 24 thuyền.

Phụ Thủy 16 thuyền

Thuộc Kiên 12 thuyền

Mỗi thuyền 120 người, vị chi 6240 người"[\[1\]](#)

Nhạc bỏ kính xuống, hấp háy mắt quay nhìn ông giáo, nụ cười tự đắc trên môi:

- Không ngờ quân chúng nó đông thế. Ai cũng phải lính cả. Thế mà thầy thấy không, ta chỉ ó lên một tiếng là cái đội quân đông đảo ấy rã tan. Toàn lũ chết nhát!

Ông giáo nói:

- Ông có chú ý thể thức trưng binh của triều đình không? Dân nội phủ thì được miễn lính. Dân nội vi tử và nhiều phu đi phân nửa. Dân đen còn lại phải chịu lính tất cả. Như vậy số lính phủ phần lớn là dân thấp cổ bé miệng, không tiền bạc, không thân thế. họ không phải là kẻ thù của chúng ta, gốc gác họ gần gũi với anh em nghĩa quân. Họ tan rã không phải vì nhát, mà vì không thể chống lại người cùng cảnh ngộ.

Nhạc trầm ngâm suy nghĩ, rồi gật gật đầu:

- Thầy nói có lý. Cho nên ta phải xem lại cách đối xử với bọn lính phủ. Tôi đang phân vân không biết tính sao đây. Ngay vợ con tên tuần vũ, tôi vẫn còn giam đấy, bảo bọn nó cho cơm nước tử tế. Thầy có nghe thêm tin gì về tên tuần vũ không?

Ông giáo đáp:

- Hình như hãn đã chạy trốn ra Tam Quan rồi. Thế nào hãn cũng cầu cứu phủ Quảng Ngãi, và cấp báo cho thuận Hóa.

Nhạc vội hỏi:

- Thầy đã tìm được số binh phòng thủ các phủ chưa?

Ông giáo đưa một tờ giấy nữa cho Nhạc. Nhạc đọc:

" Binh thủ ngự các phủ:

- Phủ Quảng Ngãi: có đội Hữu Ngự, thuộc về đây là các thuyền Xung nhất, Xung nhị, Xung tam,

Xung tứ, Xung ngũ, Xung lục, Xung thất, Xung bát, tám thuyền.

- Phủ Qui Nhơn: có đội Tả Ngự, thuộc về đây là các thuyền Tiệp nhất, Tiệp nhị, Tiệp tam, Tiệp tứ, Tiệp ngũ, năm thuyền.

- Phủ Phú Yên có đội Tiền Ngự, thuộc về đây là các thuyền An bình, Đột nhất, Đột nhị, Đột tam, Đột tứ, năm thuyền. ^[2]

Ta đã hợp lực với Châu Văn Tiếp lấy phủ Phú Yên rồi. Như vậy mặt đáng sợ vẫn là phía bắc. Những tám thuyền cơ đấy! Lại thêm viện binh ở kinh vào, ở Quảng Nam qua! Phải, nặng nhất luôn luôn là mặt phía bắc. Ta phải dồn lực lượng phòng ngự ra đó. Mặt nam chỉ cần toán của thằng Huệ chờ tiếp ứng cho Châu Văn Tiếp thôi. Ngay tối nay, tôi phải bàn gấp việc này với ông Nhật. Chưa kịp cơm nước gì cả! Ủa, thầy dùng cơm chưa?

Ông giáo đáp:

- Chưa. Tôi ghi chép xong lên ngay đây!

- Mời thầy dùng cơm với tôi rồi hãy về nghỉ. Tôi không dám làm phiền thầy tối nay. Cha con lâu ngày đoàn tụ, chắc có nhiều chuyện nói.

Với giọng e dè, Nhạc tiếp:

- Thầy đã nói chuyện nhiều với cậu Kiên chưa?

Ông giáo đáp:

- Chưa.

- Cậu ấy lạ lắm. Khó hiểu lắm. Đáng lẽ phải vui mừng mới phải chứ! Hay vì bị tù đầy lâu ngày, mọi người đi!

Ông giáo buồn rầu nói:

- Tôi cũng nghĩ thế. Trong các con, nó là đứa chịu nhiều rủi ro. Chừng ấy tuổi đầu...

Nhạc sốt sắng nói:

- Nhưng tính Kiên chịu khó và tỉ mỉ, cẩn thận. Để tôi xếp đặt cho cậu ấy lo việc quân lương, hay là thuế khóa. Một mình thằng Lữ không xuể. Tôi đã cho gọi Lợi xuống. Nay có thêm Kiên, càng tốt. Vào đi. Đã có cơm rồi? Xin mời thầy qua bên này.

^[1] Phủ Biên tạp lục, Lê Quý Đôn, trang 192, 193

^[2] Phủ Biên tạp lục, Lê Quý Đôn, trang 192, 193

Chương 25

Vì dinh tuần vũ đã bị đốt cháy, nên Nhạc ăn ở và làm việc tại dãy nhà ngói cánh tả nơi xưa kia là chỗ làm việc của bọn ký phủ duyên lại chuyên lo thuế khóa. Mái lợp ngói thẻ, tường vôi, nhưng vì thấp nên không tránh được không khí ử dột, ẩm ướt. Mùi giấy mực ngai ngái khiến lâu lâu, cả Nhạc lẫn ông giáo phải hắt hơi. Nhạc và xong một miếng cơm, nói với ông giáo:

- Việc quân lương ngày nay nặng nhọc đấy. Thầy đã biết rồi, tôi không thể đem cái bao tử của chúng ta giao cho lão Huyền Khê được. Còn thằng Lữ thì chậm chạp quá. Lợi rất nhanh nhẹn, nhưng tôi còn lạ gì nó nữa. Có tài thì phải có tật. Hồi còn trạm buôn nguồn trên Tây Sơn thượng, tôi vẫn nhờ Kiên kèm chế bột, không thì Lợi nó trố trời mà đi. Tôi phải nhờ Kiên lần nữa. Trên danh nghĩa, cứ để cho đệ tam trại chủ tiếp tục cai quản quân lương. Thay đổi chức vụ bây giờ, bất tiện lắm. Đến những cái động trời như vụ lão Thung, tôi còn phải bấm bụng làm lành nữa là! Ách...xì! Gớm, cái mùi khó chịu quá. Lỡ đốt mất dinh phủ, tiếc thật. Phòng này âm u như nhà mồ! Vụ lão Thung và Huyền Khê, tôi đồng ý với thầy là phải nhin. Tiếc là thầy không có mặt ở đây hôm ta chiếm phủ. Tôi tuyên dương lão, mà chẳng khác tòng xẻo lão trước mặt ba quân. Ách...ách xì... Tiếc quá. Nhưng không đốt không được. Đốt là phải!

Ông giáo nói:

- Cũng may là chưa đốt hết sổ sách, giấy tờ. Đốt hết, tôi chỉ có nước dơ tay lên hàng thôi!

Nhạc cười ha hả:

- Tụi nó đã chất đống, định cho một mẻ lửa rồi. May chú Huệ ngăn kịp.

Thấy Nhạc đang vui, ông giáo hỏi:

- Còn đối với những người thu thuế, ông tính sao?

Nhạc kinh ngạc hỏi:

- Chúng nó đã bỏ trốn cả. Mấy tên còn kẹt trong phủ này, tôi đã đuổi ra. Thầy chưa biết sao?

- Tôi biết chứ. Nhưng đây là chuyện về lâu về dài. Ý tôi hỏi ta có nên dùng họ không?

- Trời ơi! Dùng làm gì bọn bóp hầu bóp họng dân nghèo. Tôi xuất thân làm biện lại, tôi hiểu dân chúng thù ghét lũ thu thuế đến mức nào. Tha cho chúng là nường tay lắm rồi.

- Nhưng rồi đây ai đi thu thuế? Giả sử ta giao việc đó cho anh em chia nhau gánh. Nhưng ở từng làng, từng tổng, ai thiếu ai đủ, ai nợ ai không, làm sao biết?

Nhạc càng kinh ngạc hơn, hấp tấp hỏi lại:

- Thầy nói gì vậy? Thầy tính giữ y cái sắc thuế như cũ à? Giáo Hiến cũng ngạc nhiên không kém:

- Không có thuế lấy gì nuôi quân? Không giữ các sắc thuế, thì làm gì? Xưa nay qua bao việc phế hưng, có ai không thu thuế đâu!

Giọng Nhạc đầy kiêu hãnh:

- Họ khác, tôi khác. Điều này lòng tôi càng quyết. Không thu thuế. Vâng, tôi không làm lẫn đâu. Nhất

định không thu một đồng kẽm thuế của dân. Thuế đình, thuế muối, thuế đầu nguồn, thuế chợ, thuế đò, tiền siêu tết, tiền cơm nước, trăm thứ lằng nhằng từng làm khổ dân đen, bỏ hết. Chỉ giữ độc cái thuế điền thổ quan năm mà thôi.

Thấy Nhạc hăng hái quá, ông giáo không dám cản. Nhưng ông lo ngại. Vừa lúc đó, Chỉ xồng xộc vào phòng. Ông ta tưởng chỉ có một mình Nhạc. Gặp ông giáo, Chỉ khựng lại, đưa mắt hỏi trại chủ. Nhạc hỏi:

- Ông tới sớm thế? Ngồi chờ cho chúng tôi xong bữa cơm đã.

Chỉ đáp:

- Thế mà anh Nhật bảo tôi đến ngay. Tôi đang ngắt dờ mấy cây cột cháy. Đẹp tuyệt. Thợ khéo tay thật. Có xem mấy con rồng ở đây mới thấy cái lão tôi thuê ở Kiên thành kém quá. Vẽ rồng chẳng khác nào vẽ rắn, tẻ thật!

Ông giáo bỏ đĩa xuống cái mâm đồng ba chân, lắc đầu từ chối khi Nhạc mời ăn thêm chén nữa. Thấy Nhạc sắp ăn xong, Chỉ tráng cái chén xứ mỏng, rót một chén trà thơm, bưng đem đến đặt sẵn trước mặt Nhạc. Ông giáo khó chịu, bảo Chỉ:

- Bác chưa được xem vẽ rồng nhiều nên tưởng thế. Thật ra ở đâu cũng thế thôi. Vẽ con heo, con bò thì khó. Chứ vẽ rồng phượng, ma quỷ, dễ thôi. Có ai được trông thấy con rồng thật đâu mà trách thợ vẽ giống hay không giống. Cũng như ma quỷ, có nói được đâu, có ăn được đâu. Người ta nói thay ăn thay cả đấy!

Chỉ trợn mắt nhìn ông giáo hồi lâu, rồi cười nhạt đáp:

- Thầy nói đúng, nhưng còn thiếu. Ma quỷ, và cả thánh thần nữa, đều do con người bịa ra hết. Cho nên có bọn nói thay ăn thay cho ma quỷ, thì cũng có lũ đạo đức giả nói thay ăn thay thánh thần. Cùng một duộc với nhau thôi.

Thấy tình thế quá căng thẳng, Nhạc cười giải hòa:

- Gớm, tôi xin chịu cả hai thầy. Một bên quen sống với ma quỷ, một bên quen sống với thánh thần. Thảo nào hai thầy hơn tôi ở tài nhìn xa thấy rộng. Không có hai thầy giúp đỡ, tôi không ngồi ăn cơm được trong cái nhà này buổi tối hôm nay đâu. Thế nào tôi cũng nhờ vào hai thầy nhiều việc nữa. Trước mặt thầy Chỉ đã nghĩ hộ cho tôi chuyện ấy chưa?

Chỉ hãnh diện đáp:

- Xong rồi. Chờ anh Nhật với bác Ngạn tới đã chứ?

Vừa hỏi Chỉ vừa liếc xéo về phía ông giáo. Ông giáo hiểu buổi họp tối nay Nhạc không muốn ông có mặt, nên vội nói:

- Tôi có việc cần gấp thẳng Kiên một chút. Xin phép hai ông!

*

* *

Ông giáo vừa đi khỏi, Chỉ đã nói với Nhạc:

- Tôi ghét cay ghét đắng bọn đồ gàn. Ông xem, tôi...

Nhạc đưa cối trầu ra mời để cắt lời Chỉ. Nhân lúc Chỉ bận đưa miếng trầu vào miệng và lí nhí cảm

ơn. Nhạc bảo:

- Không nên nói sau lưng người khác. Ta bàn ngay chuyện tôi nhờ thầy trước khi anh Nhật và ông Ngạn đến đi.

Chỉ nhai dập dập miếng trầu cho phải phép, quay lại phía tối lén nhả trầu ra để nói cho dễ:

- Tổ chức duyệt binh thật long trọng như trên Kiên thành cũng dễ thôi. Ta đã đặt năm đồn tung tiền hậu tả hữu để phòng bị. Lấy số quân đó diễn binh, tập luyện thuần thục chừng mười ngày là được. Nhưng tôi thấy có hai điều bất lợi: một là nghĩa binh của ta lâu nay quen ở chốn rừng rú, tuổi tác chênh lệch, quần áo lôi thôi, chắc chắn không có đủ uy nghi như toán dàn chào tôi tuyển lựa và huấn luyện kỹ trên Kiên thành. So với lính phủ, cũng không thể được. Hai là phần lớn binh tình nhuệ ta đã gửi ra Bích Khê và xuống Chợ Giã, năm đội ở đây cũng còn ít quá. Quân đã ít, đi đứng chuệch choạc, quần áo xốc xếch, điều binh nhiều khi không lợi mà còn có hại. Biểu diễn quần áo, cờ phướn, khoe võ khí là nghề của bọn lính phủ. Ta biểu diễn làm sao cho bằng họ được. Cho nên tôi nghĩ phải tìm cách khác.

Nhạc nôn nóng hỏi:

- Cách nào? Ngoài cái cách đó!

Chỉ hạ thấp giọng, ghé sát vào tai Nhạc cho thêm vẻ thân tín:

- Con người ta ai cũng hiếu kỳ. Kinh nghiệm một đời đi đây đi đó, giao thiệp với đủ hạng người giúp tôi hiểu điều đó. Nhiều trường hợp sự đơn giản chơn chất làm hại cho đại cuộc. Cũng như cái nghề thầy cúng của tôi đẩy ông. Không có phù chú, hương hoa, không cờ phướn sắc sỡ thì không ai tin đâu. Cho nên tôi nghĩ đến cách này, ông xem thế nào.

Chỉ tự bốc một miếng trầu bỏ vào miệng nhai chậm chậm. Quả nhiên Nhạc nóng ruột. Nhạc giục:

- Thầy nghĩ ra cách gì thế? Có nên nhờ anh Nhật và ông Ngạn tới để bàn không?

Chỉ vội nhả miếng trầu ra, đáp:

- Ấy, để tôi trình bày trước cho ông nghe xem sao đã. Ông có nhớ hôm ta họp ở Kiên thành để bàn cách đánh phủ hay không? Hôm đó ông đưa kế tự nhốt mình vào cũi nộp cho Tuần Vũ Tuyên để vào thành. Ta không thực hiện diệu kế ấy được, nhưng bây giờ ta đã chiếm được thành rồi, thì ai cấm ta loan truyền câu chuyện ly kỳ ấy ra dân gian? Dân họ hiếu kỳ, nghe được chuyện lạ chạy đi thuật cho mười người, mười người tin cho trăm người... Đến lúc cả phủ đều biết chuyện. Họ sẽ nghĩ thế nào về ông? Lợi hay hại? Không cần diễn võ lập oai, dân phủ này phải phục ông là người xứng mặt dẫn dắt họ.

Nhạc thích chí mắt sáng lên. Nhưng vẫn còn một điểm e ngại. Ông hỏi:

- Nhưng nhiều người trong anh em ta biết tôi ở Kiên thành khi phủ mất. Họ sẽ nghĩ ta dối trá.

Chỉ cười tự tin, đáp lại:

- Một số nhỏ biết, nhưng số lớn còn lại chưa biết. Vả lại, ngay số nhỏ đó cũng chưa biết đích xác. Họ có thể nghi ngờ, cho đến lúc mọi người đều tin chuyện nộp mình là thật. Lúc đó họ sẽ bắn khoăn, và nghĩ ra mọi cách để tin rằng họ đã lầm. Chẳng hạn họ nghĩ: Biết đâu một người đa mưu túc trí như trại chủ không tìm một người giống mình để giả làm tù nhân, còn chính trại chủ thì làm người khiêng cũi. Hoặc biết đâu vừa chiếm được phủ, trại chủ đã giao lại cho đệ nhị trại chủ để về Kiên thành họp bàn đánh hai kho

Cần Dương, Nước ngọt. Và lại, nghĩ như mọi người có lợi hơn. Số nhỏ đó không đại gì mà nói, hoặc nghĩ khác đi. Nguy hiểm cho họ lắm!

Nhạc gật gù khen:

- Thầy vẽ bùa quen tay có khác. Đến tôi mà cũng chưa nghĩ xa đến như thầy. Được lắm. Việc này cũng quan hệ đấy, vì lòng người lúc này còn hoang mang. Họ tin ta là “quân hoàng hôn”, nhưng chưa tin hẳn. Nhiều anh em còn nói huých toẹt cho dân họ nghe, bảo “thờ làm gì cái thằng không có cu”. Dân cũng chưa rõ tôi thế nào, có đáng tin không. Phải cho họ cái gì đó cho họ yên tâm. Ý thầy được lắm!

*

* *

Hình như có hẹn trước nên Năm Ngạn và Nhật cùng tới một lượt. Thấy hai người thân tín bước vào phòng, tự nhiên Nhạc bối rối, da mặt đỏ đến tận chân tóc. Ông sợ hai người nghe được câu chuyện Chỉ vừa bàn với mình, hoặc tên thầy cúng quá hăng hái đem câu chuyện ra kể lại với bọn Nhật, Ngạn.

May cho Nhạc là ánh đèn sáp không đủ sáng để chiếu rõ nét gương ngáp. Tuy thế, Nhạc vẫn lo. Ông nói mau, gần như cướp lời Chỉ:

- Chúng tôi đang chờ hai ông. Không, không trễ đâu. Tôi vừa dùng cơm tối xong, và nói chuyện tâm phào cho vui với thầy Chỉ. Tình hình thế nào, anh Nhật?

Bùi Văn Nhật đáp:

- Tôi đã cho lòng bắt tất cả bọn quan lại lớn nhỏ ở khắp huyện. Bọn độc ác thì trừng trị ngay tại chỗ. Ta cũng đã phá các nhà tù, giải thoát tất cả tù nhân. Trong Phú Yên ông Tiếp cũng làm y như vậy.

- Còn Tuần Vũ Tuyên?

- Người ta đồn đúng đấy. Hẳn đã trốn được ra Tam Quan. Vợ hẳn khai hẳn không kịp mang theo vàng bạc gì cả. Chỉ kịp vợ lấy chiếc ấn.

Nhật đưa tay nắn nắn túi áo, ngược nhìn Nhạc cười tủm tỉm. Nhạc lấy làm lạ hỏi:

- Cái gì thế?

Nhật sung sướng nói:

- Trại chủ đoán xem!

Nhạc mất kiên nhẫn, trách:

- Anh nói ngay cho xong. Ta còn nhiều việc cần bàn.

Lúc ấy, Nhật mới lấy một cái bọc giấy gói buộc cẩn thận đưa cho Nhạc. Nhạc đưa tay nhận, chưa dám mở. Nhạc hỏi:

- Cái gì đây? Của ai?

- Xin trại chủ mở ra sẽ rõ.

Nhạc mở cái bọc, tay hơi run nên gỡ mãi không ra cái nút buộc. Hơi bức bối, Nhạc lòn ngón tay trở vào một dây gai bứt tung. Một vật sáng chói dưới ánh đèn sáp. Ông ngáp ngừng hỏi:

- Cái ấn à? Của ai vậy?

Giọng Nhật đầy kiêu hãnh:

- Cửa Tuần Vũ đấy. Hẳn vội quá, đánh rơi ấn giữa đường. Một người dân Phù Ly nhặt được đem nộp. Tôi đã thưởng cho cụ ấy mười quan.

Nhạc không còn nghe gì. Ông đưa cái ấn lại sát đèn, mân mê ngắm nghía. Nhạc khen:

- Đẹp thực. Chữ triện mà khắc như thế này không dễ đâu. Thầy Chỉ, ông Ngạn, lại đây. Ta đoạt được ấn, chỉ còn thiếu kiếm là trở thành quan phủ hợp thức rồi! Ha ha! Tiếc quá. Ta lỡ đốt mất dinh rồi. Nếu không...

Năm Ngạn tìm được lúc thích hợp, chen lời:

- Nếu còn dinh, ta bắt bọn quan lại hào lý lớn bé đến hầu, y như trước đây chúng hầu Tuần Vũ Tuyên. Chắc vui lắm! Vâng, tiếc quá!

Chỉ thắc mắc:

- Bây giờ ta xưng hô thế nào nhỉ? Chẳng lẽ đã chiếm được cả phủ mà còn gọi là trại chủ, sao được. Chẳng những ta làm chủ trại Kiên thành, mà làm chủ cả một dải đất từ Bồng Sơn cho đến Phú Yên, bao gồm hai phủ. Trại chủ? Không còn thích hợp nữa!

Bùi Văn Nhật cũng hỏi:

- Còn ông Thung và ông Huyền Khê vị trí thế nào? Họ còn đệ nhị trại chủ, đệ tam trại chủ nữa không? Còn Châu Văn Tiếp trong Phú Yên?

Nhạc chợt nhớ đến mục đích quan trọng cuộc họp tối nay, vội bỏ chiếc ấn vào túi, quay sang bảo ba người:

- Thôi danh xưng là chuyện phụ, ta sẽ tính sau. Không khéo giữ, đến ba thước đất vùi thầy cũng không có, chứ đừng nói danh này danh nọ. Nào, ta bắt đầu đi. Anh Nhật, anh cứ nói hết các điều cần làm, rồi ta sẽ bàn từng điểm.

Đêm đó, họ bàn cãi đến khuya biện pháp phân chia lại các toán nghĩa quân để chấm dứt tình trạng cát cứ, đặc biệt là đối với đám bộ hạ của Nguyễn Thung và Nhưng Huy, Tứ Linh. Nguyễn Thung đã lãnh trách nhiệm trấn giữ núi Bích Khê để khỏi phải gặp Nhạc, nên việc bàn bạc khá dễ dàng.

Trước lúc tan họp, Nhạc kéo riêng Chỉ ra dặn:

- Việc thầy nói với tôi lúc nãy, thầy cứ làm đi nhé! Liều liệu sao cho khéo. Tôi tin ở thầy!

*

* *

Ông giáo xuống nhà viên cai đội thăm Kiên, đã gặp Huệ ở đấy. Ông ngạc nhiên vì cả Huệ lẫn Kiên đã thay đổi hẳn, gần như hai người xa lạ trước mắt ông.

Ông còn lạ gì Huệ! Cậu học trò thông minh ưa xét lại mọi vấn đề ngay từ gốc rễ, hay hoài nghi vì tự tin, có lối nhìn vừa thân mật vừa giấu cợt đối với kẻ cơ hội lẫn bọn cố chấp, ông quen thuộc biết bao với cái tính độc đáo ấy. Ông hiểu Huệ hơn cả con ông, hơn cả hiểu chính mình. Có nhiều điều ông không thể đem ra bàn luận với con cái, hoặc với một người cùng tuổi tác, nhưng ông giáo lại bàn luận thẳng thắn, rõ ràng với Huệ. Ông tưởng đọc được tâm hồn Huệ như đọc chữ trong sách. Tối hôm ấy, ông giáo bắt đầu thấy mình lầm lẫn. Ông ngờ ngợ cảm thấy Huệ có thay đổi. Những gì nào? Vẫn lối nhìn ấy. Vẫn khuôn mặt ấy.

Vẫn cái thói quen lâu lâu đưa tay hất chéo tóc quần ở góc trán, rồi vuốt nhẹ mái tóc từ trước ra sau ót. Nhưng trong từng chi tiết dường như bất biến, mức độ, động tác, màu sắc, hình như có nhanh, đậm hơn một chút. Có thể nói Huệ lấy thêm được một sinh lực mới, tìm thấy khoảng rộng cần thiết để bộc lộ thêm cá tính, xác lập bản ngã. Những suy luận ấy hoàn toàn trừu tượng, gần như siêu hình, không lấy gì làm chuẩn để đo lường. Tuy nhiên, ông giáo biết chắc là cậu học trò ngày nay đã khác hẳn ngày xưa. Đối với Kiên, sự thay đổi rõ nét hơn!

Giống như Huệ, Kiên cũng “đậm” lại. Ông giáo thấy con sớm trở thành một người bình thường, từ đây cho đến cuối đời. Không thể chờ đợi Kiên đổi khác, dù lịch sử có giông bão quay cuồng đến mức nào. Thật vậy, sau khi lo việc ma chay cho mẹ con góa phụ, Kiên ở luôn nhà viên cai cơ. Không biết Kiên tìm đâu ra một bộ quần áo tứ thân màu xám tro, và một đôi guốc gỗ. Anh ngồi ghé ở mép phản để tiếp chuyện với Huệ, con bé Út viên cai đội sà vào lòng Kiên. Anh gãi lưng cho con bé, tay kia phe phẩy quạt như một người cha bằng lòng với số phận và chăm chút đến những việc bình thường một cách say sưa.

Ông giáo không hiểu hai người có thể nói được chuyện gì với nhau trước khi ông đến. Họ không có điểm nào chung để hâm nóng cuộc giao thiệp, cũng không đủ kiên nhẫn khách sáo về những chuyện mưa nắng. Họ đổ kỵ những điều giả dối, ông biết. Thế thì họ đã nói gì? Ông chịu thua, không hiểu được!

Huệ và Kiên đều lúng túng ngượng ngập khi đứng dậy chào ông. Huệ nhường chỗ ngồi thuận lợi nhất cho thầy. Kiên đứng dậy một chút, lại ngồi ghé ở mép phản. Con bé vẫn không chịu rời Kiên. Ông giáo hỏi:

- Có phải con ông cai đội không?

Kiên đáp, giọng hơi bức bối vì tưởng cha sắp phiền trách mình:

- Thừa vâng. Con đã nhận làm con nuôi rồi!

Ông giáo không ngờ Kiên đi xa như vậy, hỏi:

- Con đã suy nghĩ chín chắn chưa?

Kiên mím môi một lúc, rồi đáp:

- Con đã gần ba mươi tuổi đầu!

Ông giáo không muốn bàn chuyện riêng của gia đình trước mặt Huệ, nhất là trong nhà một góa phụ xa lạ, nên nói sang chuyện khác:

- Được. Cái đó tùy con. Cha vừa gặp ông cả. Ông ấy định sắp xếp cho con làm việc chung với anh Lữ. Việc quân lương ấy mà. Cha thấy như vậy cũng tiện, vì con đã quen với công việc này từ thời ở trạm buôn nguồn. Nhưng trước hết con về An Thái cho các em gặp mặt đã. Chúng nó mong đợi con từng ngày. Chừng nào con đi?

Kiên có vẻ lo lắng, do dự. Anh rụt rè hỏi lại:

- Con An với thằng Lãng không định xuống đây sao cha?

Ông giáo ngạc nhiên:

- Xuống đây làm gì? Tại sao con hỏi thế?

Kiên đáp:

- Con đã hứa đưa mấy mẹ con về quê. Tình cảnh họ thế này...

Ông giáo nóng nảy cắt lời con, hạ thấp giọng cho buồn trong khỏi nghe thấy:

- Đưa về tận quê? Nhưng quê họ ở đâu?

Giọng Kiên gãy gọn, bình tĩnh như muốn thách đố:

- Ở Điện Bàn. Con định ngày mốt sẽ khởi hành.

Ông giáo tròn xoe mắt nhìn con:

- Con nói sao? Điện Bàn à? Con có biết quân triều đã kéo vào chặn đường ở Bến Đá không? Ai cho con đi? Mà đi bằng cái gì? Đường bộ không đi qua được Tam Quan. Đường thủy không vượt được Sa Huỳnh. Con có nói đùa không đấy?

Kiên đáp rành rẽ, cương quyết:

- Có chết con cũng phải đưa người ta về Điện Bàn. Con không phải là hạng vong ân?

Ông tức giận hỏi:

- Ân gì? Mà nói như người đi lạc, tao không hiểu gì cả.

Kiên không trả lời, ôm chặt con Út vào lòng. Đứa bé sợ hãi hết nhìn ông giáo lại ngược lên nhìn Kiên, rồi khóc òa. Kiên tìm thấy được cơ hội, vội dừng dậy, dẫn con bé vào phía trong, vừa đi vừa dỗ dành:

- Út ngoan, đừng sợ. Ông không đánh Út đâu. Đã có chú đây. Ngoan nào, đã bảo đừng khóc nữa. Mẹ đâu rồi? Thôi lại với chị. Dỗ em giùm chú nhé. Tìm khăn chùi mặt mũi rồi cho nó ngủ. Nhớ đắp chăn cẩn thận, không lại cảm.

Ông giáo chờ, nhưng Kiên không trở ra nữa. Ông ngượng với Huệ, giận con mà không biết làm sao thoát khỏi tình trạng khó xử. Huệ rụt rè hỏi:

- Lâu nay thầy vẫn khỏe ạ?

Ông giáo hiểu thiện chí của học trò, cảm động đáp lại:

- Vẫn thường. Về xuôi sức khỏe tôi có khá hơn. Hôm qua tôi nghe anh sắp vào Cù Mông. Chừng nào đi?

- Còn tùy anh cả con. Có lẽ lẽ khoảng vài hôm nữa.

Ông giáo chặc lưỡi, buồn rầu hỏi:

- Không kịp. Như vậy là không được rồi!

Huệ vội hỏi:

- Thầy nói gì ạ?

- Tôi định gửi thằng Lãng cho anh. Tính của nó, anh biết rồi. Chỉ có thể gửi nó đi với anh mà thôi. Trong hoàn cảnh này, để nó đứng ngoài làm những chuyện vặt của đàn bà, sao được.

- Chỉ sợ Lãng nó không thích cầm gươm giáo. Vâng, con biết tính Lãng. Nhưng nếu cần, con sẽ gửi người về An Thái đón Lãng xuống Cù Mông.

Ông giáo vui mừng nói:

- Nếu thế thì tốt quá. Tôi khổ vì mấy đứa con trai. Vừa rầy la thằng Chinh vì cách ăn mặc quái dị, thì... anh thấy đấy...

Ông giáo liếc nhìn vào buồng trong, lắc đầu. Sau một lúc im lặng, ông nói:

- Thế mà tôi định cả chúng nó về An Thái làm tiệc mừng đoàn viên trước khi mỗi đứa đi mỗi ngả!

Rồi muốn tránh nhắc thêm chuyện buồn của gia đình, ông lại chuyển câu chuyện. Ông giáo hỏi Huệ:

- Anh về Cù Mông chuyến này chắc công việc nhọc nhằn lắm? Trong Phú Yên đã có ông Tiếp (Châu Văn Tiếp). Lâu nay mình chỉ liên lạc qua lại bằng thư từ, qua trung gian đệ nhị trại chủ. Thực sự ông ấy muốn gì, nhận định tình thế ra sao, ta khó biết được. Hiện nay tình thế hỗn loạn, lòng người càng khó lường. Ai có quân trong tay cũng nghĩ đến chuyện cát cứ. Hơn nữa, ta khuyến dụ được ông ấy là nhờ mục đích tôn phù hoàng tôn. Bây giờ lòng ta đã khác, biết ông ấy sẽ thế nào!

Huệ vội hỏi:

- Thầy bảo lòng mình thay đổi, là thế nào ạ?

Ông giáo buồn rầu đáp:

- Tôi có cảm tưởng như vậy. Hôm qua trong tiệc rượu chung vui với anh em nghĩa quân, ông cả đem chuyện “cái thằng không có cu” ra làm chuyện đùa, khiến mọi người cười nói ầm ĩ! Hồi trước ai đùa cợt như vậy bị ông cả phạt năm mươi hèo, anh nhớ không?

Huệ mỉm cười, trả lời:

- Vâng, con nhớ! Nhưng con cũng nhớ là trước khi về Kiên thành, thầy đã tốn bao nhiêu tâm sức mà anh em vẫn chưa rõ hoàng tôn là ai, đối với họ có quan hệ gì. Việc tôn phù ông hoàng này hay ông hoàng kia, đối với đa số anh em, cũng xa lạ như chuyện trên trăng. Họ chịu im lặng nghe thầy, nhưng không cả tin. Được dịp họ lại đem chuyện hoàng tôn ra pha trò, nhất là khi không có thầy...

Ông giáo nóng nảy cướp lời Huệ:

- Họ khác ta khác. Anh em nghĩa quân phần lớn chân lấm tay bùn chưa có dịp được nhìn xa quá cái niêu cơm. Cái gì làm cho họ thích thú nhất? Một niêu cơm đầy. Cái gì làm cho họ phẫn nộ? Kẻ đập vỡ cái niêu cơm của họ, trước mắt là bọn thu thuế, bọn chức sắc chuyên nạt nộ dọa đóng gông những ai không chịu nộp thóc nộp tiền cho quan phủ! Đem bọn đó ra giễu cợt, họ vui đùa thỏa thích ngay! Nhưng ta may mắn nhìn được xa hơn đám đông, ta phải tính trước cái lợi hại. Ta đập đổ hết, có khác nào dúi lửa đốt quách cái nhà cũ để xây hẳn cái nhà mới. Tôi nhớ có lần đã nói với anh chuyện này rồi!

Huệ cũng không vừa:

- Và con nhớ lần đó đã thưa với thầy rằng chỉ có những ai đủ tiền dựng nhà mới bản khoản không biết nên đốt quách cái cũ xây cái mới hoặc nên xem xét dùng lại mấy cây cột, cây kèo, rui mè, cửa ngõ. Còn đối với những kẻ vô gia cư, bị đẩy đi lang bạt nơi đầu đường xó chợ như đa số anh em nghĩa quân, thì đốt hay không đốt không cần bận tâm. Họ sẽ tìm một chỗ đất trống, và xây hẳn một cái nhà mới.

Ông giáo ngạc nhiên đăm đăm nhìn Huệ, thảng thốt hỏi:

- Anh mà cũng nghĩ thế sao?

Huệ thấy thầy giận, vội đáp:

- Ấy là con thấy tâm lý chung của anh em như vậy.

Ông giáo thờ dãi, nói :

- Tôi già rồi. Có lẽ không còn theo kịp các anh nữa. Đến nỗi lúc này tôi không nhận ngay ra anh.

Huệ xúc động vì giọng chua chát trách móc của thầy, vội nói:

- Con xin lỗi đã làm thầy buồn. Tuổi trẻ nhiều lúc nông nổi. Chắc thế nào có chút từng trải, con sẽ chín chắn hơn. Về việc em Lăng, thầy yên tâm. Con sẽ cho người lên đón. Kỳ trước nhận được thư thầy, con cố nói mãi mà Lăng vẫn không chịu. Bây giờ đã có lệnh tất cả trai tráng phải sung quân. Lăng nên về với con.

Giọng ông giáo vẫn còn băng khuâng:

- Cảm ơn anh. Mọi sự đã ra ngoài tầm tay tôi rồi. Tôi có lo cũng không xuể nữa. Ngay như việc thằng Kiên, anh thấy đấy!

Chợt nhớ đến con, ông gọi:

- Kiên ơi!

Kiên không có cách nào khác, phải ra phòng trước gặp cha. Ông giáo bảo:

- Thôi cha tính thế này: Con tạm đưa bà ấy và các cháu bé lên An Thái với con An, chờ khi nào thông đường hãy đưa về Điện Bàn. Sẵn dịp cho anh em gặp nhau. Cha cũng sẽ xin về ít hôm với con. Khuya rồi, cha về thôi!

Huệ mau mắn nói:

- Xin thầy chờ con đi lấy thuốc đã. Lối qua trại có quá nhiều ổ gà!

*

* *

Hai thầy trò đi bên nhau, không ai nói với ai lời nào. Huệ thấy trong hoàn cảnh mới, sự khác biệt giữa mình với thầy càng nhiều, và chỉ có thể bàn luận đến một giới hạn đó. Anh không có tham vọng san bằng các dị biệt, vì không thể được. Anh hiểu thầy không thể phủ nhận cái lâu nay đã trở thành nền móng của nếp suy nghĩ, cách xử thế, lối xét đoán. Xét lại tự căn, để tức là xét lại cả bản chất cuộc đời mình. Từ các bậc thánh trí, không ai dám làm một công việc phiêu lưu và đầy xót xa như vậy.

Về phần ông giáo, hình ảnh Huệ gơ nghiêng cây đuốc dẫn lối cho ông về trại đã tạo cho ông những xúc động mạnh. Ông nhớ lại những đêm hai thầy trò ngồi canh lúa bên con cúi rơm leo lét giữa khuya, chung quanh là đồng mênh mông và gió se lạnh. Ông tiếc biết bao nhiêu, những đêm tâm sự ấy. Hai thầy trò cùng ngồi trong bóng tối, run cầm cập trước gió lạnh, ngửi mùi khói rơm pha lẫn mùi bùn, mùi rạ mới. Ánh đóm con cúi heo hút, leo lét như chính tâm hồn họ. Họ cũng mon men đi tìm chân lý lịch sử, dìu nhau, dắt nhau qua khói khói mù hoài nghi. Họ khác biệt quá xa về tuổi tác, nhưng gần nhau ở sự thao thức, ở nỗi băn khoăn muốn làm một cái. Lúc đó lòng ông giáo ấm áp, vì chẳng những ông còn cảm thấy an toàn về vị trí nhà nho của mình, mà còn tìm được một tâm hồn bè bạn, thân ái. Hai thầy trò thông cảm nhau, ngồi với nhau giữa đồng vắng để nói chuyện cho nhau nghe về những điều tâm tư sâu kín nhất. Cả đời người chưa chắc gặp được những cơ hội như vậy.

Bây giờ, cũng vẫn hai thầy trò, đêm còn tối, gió có lẽ mạnh hơn, nhưng vị trí của họ đổi thay biết bao nhiêu! Họ không thể ngồi yên một chỗ được nữa. Họ đã đứng dậy. Họ đang đi tới. Điều oái ăm là

trong cuộc đăng trình này, chân ông giáo đã mỏi. Người cầm đuốc soi giùm đường cho ông tối nay lại là chính đứa học trò thân yêu. Lòng ông buồn man mác, vị đắng tự nhiên lan man nơi đầu lưỡi.

Huệ thấy thầy dợm bước vào một chỗ lầy trên đường cái vì cơn mưa bất chợt khuya hôm qua, vội nói:

- Thầy tránh chỗ ổ gà. Không lại dơ cả quần.

Ông giáo khựng lại, bối rối và buồn rầu. Ánh đuốc không soi rõ nổi bậc dọc của ông. Huệ không thể thấy được nụ cười gượng chua chát của thầy, vì ông giáo xoay về hướng tối khi bảo:

- Cảm ơn anh. Mắt tôi hoa, không phân biệt đâu là chỗ đáng đặt chân nữa.

Huệ tưởng ông giáo nói thật, sốt sắng đưa tay ra:

- Thầy để con dắt cho.

Khi nắm bàn tay thầy, Huệ cảm thấy bàn tay ông giáo xương xẩu và lạnh ngắt. Hình như ông giáo run lên vì rét. Anh thương thầy vô hạn, cảm động nói:

- Thầy đi nhanh theo con, không lại nhiễm sương!

Chương 26

Nếu để cho Kiên toàn quyền quyết định, thì anh đã lựa chọn giải pháp liều lĩnh: mặc kệ cảnh tên đạn tới bời, sự hỗn loạn ở các vùng giáp ranh sắp xảy ra các cuộc đụng độ đẫm máu, Kiên muốn theo đường quan đưa vợ con ông cai đội về Điện Bàn. Đường càng nguy hiểm, anh càng khó nhọc bao nhiêu, thì cái ơn cạnh cánh bên lòng anh càng với đi. Hơn nữa, anh sợ phải sống lại cuộc đời nhàm chán bình thường. Đã nửa đời người, anh chưa làm được điều gì ngoạn mục. Chưa một mình quyết định được cái gì đủ làm xao động kẻ khác, gây nên bàn tán sôi nổi. Tại sao không nhân lúc này bước vào một cuộc phiêu lưu xa lạ, nếu có mất thì chỉ mất cảnh sống hiu quạnh vô nghĩa lâu nay!

Nhưng đàn bà bao giờ cũng nhạy bén hơn đối với những điều thực tế. Nghe Kiên đề nghị, vợ viên cai đội không cảm động, mà ngơ ngác, rồi hốt hoảng. Kiên đành vâng lời cha vậy!

Mấy hôm sau, ông giáo và Kiên đưa gia đình người xấu số về An Thái. Hành lý của họ nghèo nàn, vón vện có mấy bọc quần áo vì bao nhiêu tiền bạc đã bị người chồng đem đốt hết trong các sòng xóc đĩa và tan thành hơi rượu. Ông giáo nhìn cảnh mẹ con bồng bế lếch thếch, tóc tai dã dượi, ăn mặc rách rưới, nghĩ đến trách nhiệm phải cứu mang họ không biết đến bao giờ mới thôi, tự nhiên hai tay ông rướm mồ hôi. Lòng ông chán ngán, quay nhìn Kiên xem con ông có nghĩ như ông không. Nét mặt Kiên không nói được điều gì!

Chỉ tới lúc con bé Út rấm rứt khóc vì không được mang theo con mèo tam thể, và con bé lớn lấm lét nhìn ông giáo, chạy tới đỡ dành, lòng ông giáo mới chấn động. Tự nhiên ông nhớ cảnh gia đình ông chạy nạn giữa đêm khuya và hình ảnh con bé lớn đỡ em giống y hình ảnh An cố vỗ về cho thằng Lãng khỏi khóc. Ông giáo tỏ ra ân cần đối với họ hơn. Trẻ con bao giờ cũng có trực giác bén nhạy hơn người lớn. Con Út đến sà vào lòng ông giáo trước, phụng phịu than không biết rồi đây ai cho con mèo ăn. Con chị đầu sợ em làm bẩn chiếc áo trắng của ông giáo, chạy đến bồng em lên. Ông giáo cười vuốt tóc nó, hỏi mấy tuổi. Mấy đứa trẻ tự nhiên gọi ông và xưng cháu. Thế là mọi e dè ngại ngùng biến mất. Nhờ vậy họ quên đường xa, và bớt lo cho tương lai.

Ông giáo được cấp cho một con ngựa, nhưng ông không cưỡi, dùng ngựa thồ đồ đạc của gia đình viên cai đội. Mấy gói quà khá nặng Lợi gửi về cho An gồm đủ thứ nào vải vóc, kim chỉ, đường trắng, tiêu sọ, bún tàu, nước mắm nhĩ... thì đã có người lính hầu gánh hộ. Ông giáo, Kiên và mấy người đàn bà con nít được đi tay không. Họ vừa đi vừa nói chuyện. Ông giáo muốn nhân cơ hội này tìm hiểu mối quan hệ giữa con và gia đình này. Ông bồng bé Út lên hỏi:

- Cháu thương chú Kiên không?

Con bé đáp:

- "Xương" chú lắm. Chú không bao giờ đánh Út cả.

- Chú có cho cháu kẹo không?

- Không. Chú không có tiền.

- Chú không cho kẹo mà Út vẫn thương chú à?

- Tại chú gãi lưng cho cháu.

- Thế trong nhà không ai gãi lưng cho Út sao? Mẹ cháu này! Chị hai cháu này! Cha cháu này!

- Mẹ với chị hai à? Không đời nào. Út mới vén áo lên, chị hai đã phát vào lưng cháu, mắng "đồ quỷ". Út khóc, mẹ cháu lại bênh chị hai. Chỉ có chú Kiên bênh cháu.

Ông giáo nổi tò mò hỏi:

- Sao cháu không bảo cha gãi cho?

- Cha à? (Út cười). Bữa nào cha về cũng đi ngả nghiêng như thế này này (Út bắt chước lối ngả nghiêng của người say). Nhiều bữa cha rên hừ hừ, như thế này này, rồi mưa đầy cả nhà.

- Mẹ cháu không nói gì à?

Con bé lớn chen vào:

- Út, không được làm phiền ông. Bước xuống đi đi. Bắt ông bằng mãi sao được.

Con Út sợ chị, định trụt xuống. Ông giáo ôm nó lại, quay nói với con bé lớn:

- Cháu đừng lo. Ông bế cho nó một đoạn, đỡ mỏi chân. Nó có vẻ sợ cháu hơn sợ mẹ, nhỉ?

Con bé lớn đáp:

- Nó làm nũng, lại hay vòi vĩnh. Có cái tật ngủ lúc nào cũng đòi phải gãi lưng mới chịu.

- Thế buổi tối nó ngủ với ai?

Con bé lớn đáp:

- Đáng lẽ nó ngủ với cháu, nhưng chú Kiên cứng nó, bảo ra với chú. Vả lại bữa nào cha cháu cũng...

Con bé chợt nhớ điều gì, khựng lại không dám tiếp. Nó lúng túng một lúc, rồi quay hỏi ông giáo:

- Sao trước đây ông không đến thăm chú Kiên. Ông ở xa lắm phải không?

- Ừ, ở xa lắm.

Con Út xen vào:

- Chú Kiên bảo ông ở tận trên núi kia kìa. Trên núi có cọp không ông? Có khi không ông?

- Có, có nhiều lắm. Đôi khi nó xuống chỗ người ta ở vỗ người mà ăn thịt.

Con Út sợ hãi một cách thích thú:

- Dễ sợ quá. Bây giờ mình có lên núi không hở ông?

- Không. Ta chỉ về An Thái, gần tới rồi. An Thái xa núi, không có cọp đâu, cháu đừng lo. Đây, lúc trước, lúc cha cháu chưa chết đó, chú Kiên có nhắc tới ông không?

Con bé lớn reo lên:

- Dạ có. Hôm đám giỗ ông nội, chú đang ăn thì nghẹn lại, chú giấu nhưng cháu biết chú khóc. Cháu chạy theo hỏi có phải vì chuyện hôm qua mà chú giận cha cháu không. Chú bảo không phải đâu. Chú lo không biết ông sống chết thế nào, có bị bắt như chú không.

Ông giáo vội hỏi:

- Hôm trước chú Kiên với cha cháu có cãi nhau à?

Con bé lớn ngập ngừng, rồi đáp:

- Chỉ găt sơ sơ thôi, ông! Cha cháu cũng thương chú vừa đau dậy.

- Ủa, chú có đau nữa à? Nặng không?

- Nặng lắm, ông! Chú mê sảng, hai tay cứ cào lên chiếu. Sau đó, chú rụng cả tóc. Cha cháu thấy mẹ cháu lo cho chú quá, cha cháu bức. Thế thôi!

Ông giáo nhìn trở lại phía sau, thấy Kiên đang nghe vợ viên cai đội nói gì đó có vẻ quan trọng lắm, vì nét mặt hai người đều nghiêm nghị, buồn rầu. Ông giáo thấy bà ta già quá, xơ xác quá, so với Kiên có lẽ phải hơn Kiên sáu, bảy tuổi là ít. Không biết họ nói với nhau điều gì, mà lâu lâu, Kiên lắc đầu không nhận.

Ông giáo hơi hối hận, vì chưa hiểu hết những nỗi khổ tâm, cô đơn, lo âu phức tạp và lặng lẽ của Kiên. Thế nào rồi ông cũng phải hỏi Kiên cho rõ. Phía sau, có tiếng khóc nghẹn! Ông giáo không dám quay lại. Con chị nói nhỏ với ông giáo:

- Mẹ cháu lại khóc. Khổ quá. Không biết mẹ con cháu sẽ ra sao đây!

*

* *

- Không hiểu nếu không có gia đình viên cai đội thì cảnh đoàn tụ ở nhà ông giáo sẽ như thế nào?

Ông giáo thầm hỏi như vậy, và An cũng thầm hỏi như vậy!

An tự trả lời: Chưa chắc đã vui như mình mơ ước đâu! Vì xét riêng từng người trong gia đình, ai cũng có một nỗi lo riêng. Lệnh trưng binh toàn thể trai tráng đã khiến Lãng ray rứt suốt mấy hôm nay. Một người cận nghĩ có thể tưởng Lãng sợ. Không phải. Lãng không sợ gì, ngay cả cái chết. Điều Lãng lo nhất là tham dự trọn mình vào một vận hội mà Lãng chưa hiểu hết. Lãng tự hỏi tại sao thiên hạ có thể mừng rỡ vui sướng một cách đơn giản như vậy được? Sự thay đổi chỉ mới là chuyển dịch, chưa phải là biến thái. Thay thế lão chánh tổng, lão tri áp hách dịch bằng một Hai Nhiều hách dịch chẳng kém. Sự hỗn loạn thay cho trật tự cưỡng đặt bằng áp bức. Bọn cơ hội và bọn lưu manh được thời, thế chỗ lũ xu phụ nịnh bợ mua chức sắc bằng tiền và phẩm giá con người. Còn đám đông lam lũ chưa từng bị đưa đẩy đến hoàn cảnh cùng cực phải liều lĩnh thì xưa sao nay vẫn vậy. Hai bữa cơm hẩm không với đi, mà cũng chưa đầy thêm. Cuộc đời họ đã thoát được cái ách hào lý, nhưng tai họ phải thính hơn để nghe ngóng dè chừng mọi bất trắc, thay đổi. Vui mừng thế nào được trước cuộc đổi thay giả tạo đó, đến nỗi vung tay múa chân, hò reo âm ỉ? Ông giáo có những nỗi ê chề, bức dọc phức tạp hơn. Thành công bước đầu của cuộc khởi nghĩa mở chân trời mới cho những người như Nhạc, Huệ, còn với ông giáo, biến động lịch sử mới này giống như một cơn gió lạnh lẽo, phủ phàng cuốn hết ảo tưởng của đời ông. Ông thấy mình bị bỏ rơi, không phải vì những bạn đồng hành không có cảm tình hoặc bất đồng sâu xa với ông, mà chính vì chân ông đã mỏi. Ông không còn theo kịp được họ nữa. Đến nỗi người học trò vẫn quyến luyến ân cần với ông mà cũng không thể dừng lại để chờ thầy được. Hình ảnh Huệ cầm đuốc soi giùm đường cho ông về trại đêm ấy cứ ám ảnh ông, đầy dọa ông. Không có gì rõ rệt hơn, cụ thể hơn để diễn tả sự thất bại vô vọng của ông giáo trước vận hội mới. Lại thêm những lo âu gia đình do cuộc giải phóng đem tới, thay thế và lấn áp những lo âu cũ. Với Kiên, ông giáo phải lo thêm, gia đình ông cai đội, và dù ông chưa biết tường tận đến chi tiết, ông cũng hiểu Kiên chịu

ơn gia đình này sâu nặng lắm. Không cừu mang mẹ con góa phụ cho đến ngày đưa họ về tận Điện Bàn, gia đình ông sẽ bị chê cười là hạng bất nghĩa, bất nhân. Với Chinh, ông đã thấy con biến đổi hẳn, và quan trọng nữa, là con ông không còn sợ hãi giấu diếm sự biến đổi ấy. Cách nói của Chinh trước mặt ông, kể cả cách vợ cái áo định khoác lên vai để che cái hình xăm trên ngực nhưng sau đó Chinh cứ ở trần thân nhiên thưa chuyện với cha, đã gần thành sự thách đố. Ông giáo đọc được ý Chinh muốn nói với ông trong ánh mắt ấy: "Con như thế đó, không có cách nào khác được. Cha không bằng lòng, con buồn lắm, nhưng biết làm sao hờ cha. Con đã lớn rồi, dưới tay con có nhiều thuộc hạ. Con không còn nhỏ bé như thời xưa nữa".

Với An, ông giáo buồn lây khi thấy con thất vọng. An mừng đến bật khóc khi Kiên bước vào cổng, nhưng cô chưa hiểu vì sao anh thẳng thốt, lo lắng. An quay lại, và ngạc nhiên khi thấy vợ con người cai đội xấu số. Cô còn ngỡ ngàng hơn khi thấy người lính hầu đem mấy gói quà cống kênh vào nhà. Cô vui mừng hỏi cha:

- Của anh Huệ gửi cho con hờ cha?

Ông giáo không trả lời ngay, chỉ ái ngại nhìn con, Kiên đáp cộc lốc:

- Của cái thằng lắm miệng lắm mồm. Chỉ chỗ cho anh ta đem vào. Khá nặng đấy.

Ông giáo thấy An biến sắc mặt, mắt chớp chớp., môi mím lại. Ngay sau đó, cô nói cười luôn miệng. Cô chạy lại bẹo má con Út, vuốt tóc con bé lớn, thăm hỏi vợ viên cai đội. Cô đùa vui với Kiên, hí hửng như trọn vẹn hạnh phúc vì cảnh đoàn viên. An lẳng xăng xếp dọn chỗ ăn chỗ ngủ cho những người mới về, việc chưa xong đã lo vào bếp sửa soạn bữa cơm đoàn tụ cho thật thịnh soạn.

Củi bếp khô. Bếp lò tốt. Nhưng An đỏ hoe cả mắt, nước mũi chảy ròng ròng ướt đầm cánh tay áo. Thấy con Út nhìn mình tò mò, An ôm nó vào lòng, nói với nó:

- Cháu ra ngoài chơi đi. Trong này khói quá. Cháu thấy cô chảy cả nước mắt nước mũi đây không?

*

* *

Bữa cơm đoàn viên có vẻ rã rời, lặng lẽ, nặng nề. Mọi người cầm đũa ăn gần nửa bữa mà chưa ai nói với ai lời nào. Mọi sự bắt đầu do con bé Út. Trời chạng vạng tối. Ánh sáng u ám hiu hắt khiến nó buồn ngủ, và đúng lúc đó, nó chợt nhớ tới con mèo. Nó khóc, đòi về để cho mèo ăn. Dễ dàng, năn nỉ, hứa hẹn thế nào nó cũng không chịu. Nó không khóc to, cứ rí rí lê thê mãi. Mẹ nó sợ phiền chủ nhà, ẵm con ra gốc chuối dõ, dọa, cuối cùng bực quá phát một cái thật mạnh vào mông nó. Con bé khóc thét lên. Nhà ông giáo lâu ngày không có con nít nên tiếng khóc chát chúa làm mọi người khó chịu. Mặt mày ai cũng dăm dăm. Mấy mẹ con nhanh chóng hiểu rằng mình đã làm phiền người ta quá nhiều. Thái độ của họ trở nên dè dặt quá đáng. Vợ viên cai đội kêu con bé lớn ra bụi chuối thì thầm những gì không rõ, mà con bé tuyệt không dám héo lánh lên nhà trên. Đến bữa cơm, bụng đói cồn cào nó cũng không dám mon men đến gần bếp. An sai gì nó làm ngay, làm xong lại ra bụi chuối ngồi với mẹ. Kiên, rồi An ra mời mấy mẹ con vào ăn cơm tối. Người mẹ viên đủ cố để từ chối ngồi ăn chung, chỉ xin ba bát cơm cháy và một chút nước mắm. An không biết phải nói thế nào để họ bỏ thái độ giữ kẽ, Kiên thì gần như muốn nổi giận. Anh bực bội bảo:

- Thì chị vào nhà đi đã. Nó khóc một chút rồi nín. Con nít lạ nhà chướng là chuyện thường. Vào lo

cơm nước cho chúng nó đi ngủ. Cha đang đợi chị đấy!

Cả nhà ông giáo cầm đũa lên lại gác đũa xuống để chờ. Nhưng Kiên vào một mình. Anh cúi kính, nói cộc lốc:

- Thôi ta ăn đi.

Thế là họ bắt đầu bữa cơm đoàn tụ, bữa cơm tất cả mọi người từng mơ ước sau khi từng người vượt qua được những chặng đường trắc trở và đầy cam go riêng. Trừ Kiên nhất định không muốn nói gì hết, những người khác đều cố moi óc tìm chuyện nói cho không khí đỡ buồn tẻ, căng thẳng. Thế mà những tiếng người ngoài nghe được chỉ là vài lời trao đổi tối cần và vô nghĩa. Chẳng hạn "Cha đưa cơm xối", "Thêm tí muối", "Để con lấy chiếc đũa khác", "Chị xối ít thôi, em đã no". Gần cuối bữa, nhân lúc ông giáo bị sạn phải nhả cả miếng cơm đang nhai, An xin lỗi cha, biện hộ:

- Con lòng khấp chợ không mua được đủ mười bát gạo. Mà gạo có ra gì đâu. Thiên hạ sợ lại chạy loạn, không ai dám bán lương thực cả. Bao nhiêu lúa đem xay ra, làm gạo rang sấp sắn đó. Thức ăn thức uống cũng khan hiếm. Cái mướp già này con phải mua những 6 tiền. Bình thường thach một tiền không ai thềm dừng đâu. Chợ vắng hoe, nên họ muốn bán giá thế nào thì bán không biết đến bao giờ giá cả mới như cũ. Chứ cứ ở trên trời mãi thế này làm sao sống nổi.

Kiên vọt miệng nói:

- Cả nhà khỏi lo xa. Họ ở đây vài bữa, thông đường là đi ngay.

Ông giáo, An, và cả Lãng nữa, đều ngơ ngác, ban đầu chưa hiểu ngay chủ ý của Kiên. Khi họ hiểu, lòng họ chán ngán. Tại sao Kiên lại hiểu lầm An tai hại như vậy. An sượng sùng khó chịu, liếc mắt nhìn anh, thấy Kiên cằm cúi ăn không muốn tỏ thân thiện với bất cứ ai. An nói như muốn khóc:

- Em không có ý đó đâu. Có Trời làm chứng, nếu em nghĩ xấu xa như vậy, thì...

Ông giáo cắt lời An:

- Thôi, đừng thề thốt nữa. Chuyện không có gì nói qua nói lại ngày càng lớn thêm ra.

An thút thít, bỏ đũa đi xuống bếp. Đến nhà ngang, cô thấy ba mẹ con đang xúm xít quanh bếp lửa, nên An đành phải quay trở lên. An cố cười với Lãng:

- Khiếp. Trời lạnh lạnh khó chịu, ai cũng muốn cảm.

Trước khi đưa khăn lên chùi nước mắt và mũi. Lãng muốn hướng câu chuyện sang một đề tài chung để khỏi ai chú ý đến chị, nên nói:

- Chợ vắng, giá cao không phải vì không ai dám bán lương thực, mà vì không thể chịu đựng cậu Hai nổi.

Ông giáo kinh ngạc hỏi:

- Con nói gì thế? Cậu Hai nào?

- Cậu Hai Nhiều nhà mình đó. Cha ít về nên không nghe lời than van của dân An Thái. Đến nỗi họ bảo thà như ngày trước còn đỡ hơn!

- Cha chỉ nghe nói chung chung. Cậu ấy làm gì nào?

- Tất cả mọi quyền hành ở trong tay cậu thì làm gì chẳng được. Tùy ý phát ân phát uy. Không ai dám

cãi. Mà hình như lúc nào cậu cũng có dịp để ra oai với thiên hạ cả. Đầu tiên là chuyện phát thẻ bài. Cha biết không, đến con mà cậu cũng dọa không phát thẻ cho con nữa. Cậu ấy dám làm như vậy lắm, nếu chị An không viết giúp thẻ cho cậu. Sau đó đến chuyện nhà cửa những người chạy nạn. Phũ phất, gia đình bọn hào lý phải trở về, cậu lại được dịp quát tháo, dọa nạt. Bây giờ đến chuyện trưng binh. Cậu ấy gặp nhiều cơ may quá!

- Bọn hào lý cửa quyền lộng hành thời nào chẳng vậy. Đời xưa đã như thế rồi. Chắc chắn tình thế càng ổn định, nạn đó sẽ bớt đi. Nhưng vì sao chợ vắng vì cậu Hai?

Lãng đáp:

- Vẫn do chuyện thẻ bài. Cậu Hai ra lệnh chỉ những người đeo thẻ bài mới được tụ họp chỗ đông người. Thẻ bài làm chậm. Tức cười, cha thấy chữ ký của cậu Hai chưa?

An đang thút thít mà cũng phải bật cười. Kiên ngược lên dò hỏi. Lãng được mọi người lắng nghe, hăng hái tiếp:

- Cậu ấy run tay ký chữ Nhiều rắc rối quá, tấm thẻ bài tèm lem không ra gì hết. Mà biết đến bao giờ mới ký xong. Cho nên cuối cùng cậu chỉ khuyên một vòng ở chéo thẻ. Mà khuyên cái vòng không được tròn lắm với nét bút run run thì ai chả khuyên được. Do đó mới có nhiều thẻ giả. Cậu Hai biết, tức giận đặt ra luật lệ mới. Cuối cùng người mang thẻ thật cũng bị họa lây. Chợ vắng là vì vậy.

Ông giáo trầm ngâm suy nghĩ, rồi nói với các con:

- Chuyện đời vẫn thế. Có nhiều ý tưởng mới nghe tưởng là đơn giản, hợp lý. Nhưng khi đem áp dụng mới cảm thấy hết các thiếu sót và phức tạp của nó. Chẳng hạn chuyện cấp thẻ bài là đúng. Không làm như vậy làm sao kiểm soát trị an ở các xóm làng, trên trục giao thông. Nhưng khi đem áp dụng, thì gặp những trở ngại bất ngờ. Đóng triện ư? Triện viết gì, ai được quyền khắc triện? Tạm ký làm bằng ư? Lại gặp trường hợp những người không ký được, chỉ đủ sức khuyên một cái vòng méo.

An cười to, hoàn toàn vui vẻ khi nói với ông giáo:

- Cha không tận mắt chứng kiến cảnh cậu Hai ký giấy tờ! Vui không chịu được. Tay cậu gò thật vững cái quán bút, mày nhú, miệng méo xệch như người trúng kinh. Như thế này này!

An dùng chiếc đĩa giả làm cây bút lông để thay Hai Nhiều ký vào mặt bàn ăn. Đến Kiên cũng phải bật cười, phun cả cơm ra bàn. Nhờ thế, bữa tiệc đoàn viên có được phút cuối đúng nghĩa thông thường.

*

* *

Thông thường khi người ta gặp tai ương rủi ro, cảm giác đau xót thường không đến ngay, và sau khi đã đến, lại không hoàn toàn là niềm xót xa bất hạnh. Ban đầu, trong khi đang sống lơ lửng dật dờ theo nhịp điệu hòa buồn tẻ thì biến cố bất hạnh đột ngột đến. Nhịp sống cũ bị xáo trộn. Người ta ngẩn ngơ, chưa kịp ý thức trọn vẹn tầm sâu của nỗi đau xót. Giống như một chất lỏng, đau khổ cũng cần một thời gian mới thấm vào hồn con người. Đến lúc cảm giác cay đắng khốn khổ lên đến cao độ, thì do luật bù trừ đầy khoan dung của tạo hóa, con người bất hạnh cũng bắt đầu hưởng niềm khoái lạc nghịch lý là được làm kẻ hy sinh, được làm người chịu tội giùm cho kẻ khác, được hưởng đầy đủ ý vị của cuộc sống, được cơ hội dày dạn

trên đường đời... Ai không sợ những vị cay, đắng, tanh, chát. Nhưng không thiếu những người nuốt không nổi cơm khi không nhai nguyên cả nửa trái ớt.

Người vợ viên cai đội ở vào trường hợp ấy. Mấy mẹ con bơ vơ không biết nương tựa vào đâu, lên sống nhờ ở nhà Kiên. Họ sống lầm lũi, lổm thổm trong dáng đi, lấm lét trong cách nhìn. Một tiếng khóc nhỏ, một tiếng ho cũng không dám vì sợ làm phiền gia đình ông giáo. Ăn thì mấy mẹ con chan húp xì xụp ở một góc bếp hay ngoài gốc chuối như một người ăn vụng. Lối cư xử đó làm cho An, Kiên và Lăng khó chịu. Tuy vậy, người mẹ hình như có cố ý bi thảm hóa tình cảnh bơ vơ vất vưởng của mình, tìm thấy ở hình ảnh đau xót tự tạo ấy một niềm khoái lạc bệnh hoạn, một điều đáng hãnh diện nữa!

Cho nên vợ viên cai đội cứ buộc hai đứa bé phải sống trái với tính vô tư hiếu động của tuổi thơ. Bà cấm không cho các con lên nhà trên, cấm không được đòi ăn khi đến bữa, cấm ngồi ăn chỗ sáng sủa, cấm lân la tì tê hoặc đùa giỡn với các "cô chú". Một lần con bé lớn vô ý đánh bể cái chén sành, cơm canh vương vãi khắp nền bếp. An dặn nó:

- Lần sau cháu cẩn thận nhé. Đi lên đi xuống phải chú ý cái ngạch cửa.

Con bé chỉ bối rối vâng dạ, rồi lo thu dọn chỗ cơm đổ. Nhưng khi nghe tiếng mẹ gọi, nó xanh mặt vì sợ hãi. Người mẹ bảo con nằm sấp ngay dưới gốc, bình tĩnh lạnh lùng đi kiếm một nhánh táo nhọn thật dài, bẻ hết lá đi. Con bé chết điếng, phập phồng lo sợ những ngọn roi sắp quất xuống mông. Vợ viên cai đội như người nổi cơn điên. Bà quất như mưa vào lưng con bé, gãy roi này bà tìm cái khác. An can thế nào bà cũng không chịu ngưng. Cuối cùng không thể bất nhẫn nhìn con bé bị dày dọ, An lôi nó dậy, kéo nó chạy vào nhà. Con bé trì lại không dám trốn. An khóc vì thương vì giận, cả buổi trưa chườm nước muối lên lưng con bé khốn khổ. Cô không thể chịu đựng được cảnh ngược đãi trẻ con. Cuộc cãi vã đầu tiên giữa hai người xảy ra sau đó. An lớn tiếng nói với người mẹ:

- Chị đánh nó chẳng khác nào chị đánh tôi. Quý giá gì cái chén sành. Tôi có tiếc của đâu. Tôi dặn nó cẩn thận, vì sợ nó có ngày vấp cái ngạch cửa, mề chén găm vào đầu.

Người mẹ đáp:

- Tôi đâu dám oán giận cô. Phận tôi thế này, làm sao dám oán giận ai!

An tức tối nói:

- Chị đừng nói thế. Anh Kiên mang ơn chị, thì tôi cũng mang ơn chị. Mấy bữa nay chị cứ tránh né, khép nép. Chúng tôi đã lầm lỗi gì với chị đâu mà chị cư xử thế?

- Cô đừng hiểu lầm tội nghiệp mẹ con tôi. Tại lũ nhỏ nó ồn ào quá, sợ làm phiền ông. Chúng nó chỉ làm bộ ngoan ngoãn thế thôi. Cô mà cho chúng giỡn hớt, chúng nó đâm hỗn láo ngay. Tôi đánh con, xót từng khúc ruột đấy chứ. Nhưng không đánh không được. Nay nó làm bể cái chén. Mai nó đập cả sàng bát.

An không có cách nào nói chuyện thành thật và thân ái với người mẹ được. Hai đứa con chỉ dám len lén trao đổi vài câu với An khi mẹ ngủ, không khí trong nhà ngày càng nặng nề. Kiên lại tưởng An khinh thị đối với kẻ thất thế, nói xa nói gần để trách móc em. An giận quá nói:

- Cái gì anh cũng đổ lỗi cho em cả. Em nói thế nào anh cũng hiểu là em khi dễ người ta. Như hôm mới về...

Kiên gạt đi:

- Thôi, đừng nhắc nữa.

- Sao anh cản em? Anh sợ sự thực ư? Thì đây, em nói hết sự thực cho anh nghe. Từ ngày anh về, anh làm khổ hết mọi người. Thằng Lãng cũng nói nó không nhận ra anh nữa. Anh cau có, nhìn tui em như kẻ thù. Suốt ngày anh lăm lì. Anh xét lại xem, tui em có lỗi gì mà anh cư xử như vậy? Họ nhất định không chịu ăn chung, em làm sao bây giờ? Chẳng lẽ em lạy lục họ, năn nỉ họ hay sao?

Kiên lầm bầm:

- Mà có thể nào người ta mới vậy chứ?

An kêu lên:

- Trời ơi! Lại do lỗi của em! Nước này thì em phải đi khỏi nhà cho anh khỏi bức bối.

- Mà đi đâu cả, Nay mai người ta không làm phiền mà nữa đâu!

- Anh lại nói như cũ! Làm sao cho anh hiểu lòng em đây!

- Mà cũng dễ hiểu thôi! Người ta chỉ cần nhìn mắt mà, là hiểu hết.

An tuyệt vọng, biết không thể nào nói chuyện với Kiên nữa. Cô cũng thất vọng về anh. An đâm liều.

Cô nói:

- Anh nghĩ về em thế nào cũng được. Vâng, thì em nhỏ nhen, ti tiện, ích kỷ, kiêu căng. Cái gì xấu nhất em có đủ!

Kiên lườm em, định nói gì đó nhưng về sau nghĩ lại, không muốn nói nữa. Kiên quay lên nhà trên.

*

* *

Hôm sau vợ viên cai đội mua cái om đất về nhóm bếp riêng, gần gốc chuối. Ông giáo thấy chuyện lạ kêu Kiên hỏi:

- Bà ấy làm cái gì kỳ cục vậy?

Kiên cúi đầu không đáp. Ông giáo hỏi lần nữa. Kiên bất đắc dĩ phải nói:

- Thế cũng tiện. Cho phân mình gạo mẩm!

Ông giáo quắc mắt nhìn Kiên, hỏi:

- Thế ra ý của mà đấy hả?

Kiên im lặng, tránh nhìn cha. Ông giáo nổi giận quát lên:

- Nếu chính mà xúi ra chuyện này, thì mà là đồ bỏ đi! Đàn ông con trai không xen vào những chuyện như vậy. Phải ngừng đầu cao lên một chút, nhìn lên trên những điều bếp núc muối mắm. Để những cái vật vãnh đó cho đàn bà.

Kiên run run đáp:

- Vâng. Con biết từ mấy năm nay gia đình xem con như không có trên đời này. Con là hạng đáng vất đi! Nếu người dưng nước lã không thương hại dứt cơm dứt cháo cho con, thì hôm nay cha khỏi phải tốn hơi mắng mỏ con. Biết thế này, thà con chết đi trong xô ngực còn hơn!

Ông giáo kinh ngạc vì cái giọng oán trách của con, vội hỏi:

- Mày nói gì vậy? Ai bỏ mày? Trước đây mày không biết tin tức bên ngoài, nghĩ quần như thế còn hiểu được. Mày đã biết sau khi mày bị bắt, gia đình chạy nạn thế nào rồi. Ngay sinh mệnh tao còn bị treo giá, làm sao tao vào thăm nom mày được. Vả lại, mày tưởng lão cai đội nuôi mày vì thương yêu mày phải không? Mày lầm! Chúng nó nuôi mày để toan tính dụ hàng tao đấy. Mày chết thì lấy gì thương lượng mua chuộc tao! Mày đã sáng mắt chưa?

Kiên xúc động, khóc hức hức, vừa khóc vừa nói:

- Con đã hiểu. Con hiểu trên đời này con chẳng đáng gì hết. Không nhờ có cha, thì con chết hay sống không quan trọng cho bất cứ ai! Bất quá như một con chó chết. Chỉ có một người thực sự lo lắng cho con, đổ cút đổ đá cho con mà không nhả mặt. Con mê man, người ta khóc, sợ con chết. Con húp thêm được một muống nước cháo cũng đủ cho người ta vui cả ngày. Đối với người ta, con không phải là con chó ghê đáng tởm, hay con chó hoang.

Ông giáo lạnh người khi nghe cái giọng bi phần của con. Ông ghen lời, dăm dăm nhìn Kiên. Ông thương hại đứa con bất hạnh, cơn giận tiêu tan hết. Ông nhớ cái tính cần mẫn của con, nhớ đến nỗi cô đơn qua bao năm tù đầy, nhớ đến vụ Năm Ngãng. Làm sao giải thích cho con hiểu rằng đời không bỏ Kiên? Bằng cách nào Kiên lấy lại được niềm tin vào cuộc sống, vào lòng người? Giọng bi phần đó còn nguy hiểm hơn cả liều thuốc độc. Nó khiến Kiên thù ghét mọi người kể cả anh em, cha mẹ. Anh quần trí, tự cách ly với mọi người, để rồi chán nản vì tưởng mọi người khinh bỉ, ghét bỏ, xa lánh mình. Phải dẫn Kiên trở về với cuộc sống thực, sống với kẻ khác và chấp nhận những ràng buộc, vui buồn, hy vọng lẫn tuyệt vọng của tập thể. Không thể bỏ mặc Kiên chìm đắm trong cơn bệnh bi phần! Ông giáo nói:

- Có nhiều điều con chưa hiểu hết, hoặc chỉ biết có một phía. Cha giận vì chưa hiểu con. Bây giờ cha đã hiểu. Con cũng phải ráng hiểu cha, hiểu các em. Không ai ghét bỏ con đâu. Nhất là con An. Con chưa thấy nó thối thòm bõn chồn chờ gặp lại con như thế nào. Hãy ngừng đầu lên, vui sống với đời, con ạ!

*

* *

Ông giáo và Kiên xuống phủ hai ngày thì xảy ra vụ Hai Nhiều bị ám sát. Bà Hai thuật rằng lúc đó cả nhà đang ăn cơm. Người đầy tớ gái vào báo có hai ông khách lạ ăn mặc sang trọng tay bưng một mâm đồng phủ giấy bóng đỏ xin vào gặp ông chánh (Tuy chức tước chưa rõ ràng, Hai Nhiều vẫn thích người ta gọi mình là ông Chánh. Giá được gọi là chánh tổng vẫn hơn, nhưng ông còn ngại. Gọi ông chánh, đủ rồi).

Hai Nhiều vội bỏ đĩa, vợ cái áo chúc bầu mặc vào. Bà Năm can ngăn một cách yếu ớt:

- Thì ông hãy ăn cho xong bữa đã. Chuyện đâu còn có đó, vội gì!

Hai Nhiều không thèm trả lời vợ, tiếp tục mặc quần áo, vội vã lên nhà khách. Một lúc sau, đứa tớ gái bưng xuống cho bà Năm một mâm heo quay, đồng thời chuyển lại lời ông Hai dặn pha ngay một bình trà hảo hạng để đãi khách quý. Tuy làm lớn, tiền của nhiều, ông Hai vẫn giữ thói quen uống chè Huế bằng bát lớn. Mỗi lần có khách phải nấu nước pha trà tàu. Bà Năm và đứa ở gái lui cui nhen bếp nấu nước khá lâu. Đáng lẽ đứa ở gái bưng khay trà lên. Nhưng bà Hai muốn nhìn mặt hai người khách "biết cách xử thế" như thế nào. Bà sững sờ hãi hùng đánh rơi cả khay ấm chén bằng sứ Tàu, khi thấy chồng gục sấp xuống bàn,

con dao quắm đâm vào lưng lút cán!

Cái chết của Hai Nhiều làm cho An Thái rung động. Dân chúng mừng khắp khởi, nhưng lo lắng phản ứng của phủ Qui Nhơn. Họ lo là phải, vì vụ ám sát đầu tiên một người đại diện của chính quyền mới đặt ra cho bộ tham mưu của Nhạc một thử thách khác. Tuy bận túi bụi suốt ngày cho vấn đề phòng thủ, điều quân, ổn định trị an ở các vùng vừa giải phóng, Nhạc vẫn gác hết mọi việc triệu tập ngay một cuộc họp khẩn. Mọi người đều biết các hành động quá quắt của Hai Nhiều, và từ lâu, họ vẫn lấy làm lạ về sự ngoan ngoãn an phận khác thường của dân An Thái. Họ đoán trước sau Hai Nhiều cũng gặp một tai nạn nào đó. Tai nạn đã đến, họ không ngạc nhiên. Nhưng các dây chuyền biến cố buộc họ phải giải quyết vấn nạn do cái chết của Hai Nhiều đặt ra. Hai Nhiều không còn là một cá nhân, một trường hợp cá biệt nữa. Hai Nhiều là đại diện của trật tự mới. Hai Nhiều bị ám sát tức là cái trật tự mới họ vừa khó nhọc dựng nên bị thử thách. Tùy theo cách phản ứng của phủ Qui Nhơn mà những vụ Hai Nhiều khác sẽ xảy ra hay chấm dứt.

Bị mắc kẹt trong hệ thống lập luận như vậy nên cả ban tham mưu đều đồng ý phải dùng biện pháp mạnh để chặn đứng lập tức các vụ ám sát. Máu đòi máu. Đích thân Bùi Văn Nhật về An Thái để toàn quyền điều tra thủ phạm và trừng trị nghiêm khắc những mầm mống phản nghịch.

Trong vòng một đêm, Nhật cho bắt tất cả những phần tử bất mãn có thể là thủ phạm vụ ám sát. Ai bất mãn với chế độ nào? Gia đình bọn hào lý. Những người Hai Nhiều từ chối không cấp thẻ bài. Những kẻ ba hoa hay lên tiếng chế giễu sự dốt nát và hách dịch của Hai Nhiều. Những người ganh tị với Hai Nhiều vì tự ái hay lợi lộc riêng tư. Những người buôn mắt muối bị Hai Nhiều tìm đủ cớ để vùi vĩnh tiền bạc. Cả đến những người bị tình nghi đã gỡ khuôn cửa nhà Hai Nhiều đem bán cho ghe buôn. Con số người bị bắt lên đến trăm. Đưa ở gái được gọi tới nhận diện hai tên giết người. Chị ta có trí nhớ kém cỏi, nên nhìn ai cũng thấy “có lẽ” người này là thủ phạm. Chị gật đầu, rồi lắc đầu. Hỏi lại lần nữa, chị do dự, lại gật đầu. Bùi Văn Nhật phát cáu, xếp luôn chị ở vào loại khả nghi. Tình thế dây dưa bế tắc thật nguy hiểm cho uy tín của Bùi Văn Nhật. Bấy giờ nạn nhân không còn là Hai Nhiều nữa, mà chính là Bùi Văn Nhật. Cái chuyện vật này còn không làm xong, thì còn mặt mũi nào về phủ?

Nhật như người ngồi trên lửa. Không phải một ngón chân của trật tự mới bị thử thách, mà chính đầu não của trật tự đó lâm nguy. Làm thế nào bây giờ? Nhật mất bình tĩnh, cuống cuống đi tìm thủ phạm, nên An Thái chìm đắm trong một cuộc khủng bố trắng. Ban đêm chó không dám sủa. Ban ngày không ai dám ra khỏi nhà. Cửa đóng im ỉm, trẻ con đứng phía trong song cửa xì xào, lăm lét nhìn đám lính của Nhật đi lại ngoài đường hoang vắng.

Một ngày, rồi hai, ba ngày qua. Nhật chưa tìm ra thủ phạm. Ông ra lệnh thả bớt số đàn bà con nít, chỉ giữ lại đám đàn ông. Số roi vọt đổ dồn lên lưng họ, nhưng dấu tích thủ phạm vẫn mất tăm. Qua ngày thứ tư, Nhật quả quyết thủ phạm chính là hai người em trai chánh tổng, vốn là tay sai trung thành của Tuần Vũ Tuyên. Hai người này ban đầu còn ngơ ngác vì chưa hiểu gì, khi hiểu thì liều lười vì kinh ngạc và hãi hùng. Lại thêm bằng chứng cụ thể tỏ rằng chúng là thủ phạm. Nếu không, vì sao chúng run rẩy, lắp bắp không nói được lời nào? Người vô tội nhất định không bao giờ có thái độ như vậy!

Nhật ra lệnh hành quyết hai kẻ xấu số vào buổi sáng thứ năm. Ngay chiều hôm ấy, ông về phủ Qui

Nhơn.

*

* *

Những ngày hãi hùng đó, vợ viên cai đội và hai đứa bé không dám ở ngoài bụi chuối. Nếu không biết An, Lãng là con ông giáo, nhất định người của Nhật đã liệt ba mẹ con họ vào loại khả nghi rồi. Người mẹ dẫn con vào nhà bếp, dần dà sự sợ hãi đẩy đưa họ tìm người che chở. Họ mon men lên nhà trên. Thế là chấm dứt thái độ ngại ngùng xa cách giữa chủ và khách. An bắt chuyện với hai đứa bé, rồi câu chuyện đưa đẩy, cô bắt chuyện với mẹ chúng. Bức tường ngăn cách đã mất. Vợ viên cai đội kể tỉ mỉ cuộc đời Kiên trong bao năm tù đầy, An và Lãng lắng nghe càng hiểu và thương anh hơn. Họ cười thoải mái với nhau khi nhắc đến cái tật ưa xia răng của Kiên, cái tính ưa trật tự và sạch sẽ thái quá. Vợ viên cai đội kể:

- Hồi chú ấy bị thương, đang nằm mê man đột nhiên chú ấy giơ hai bàn tay lên quờ quạng, sờ soạng khắp mình. Tôi tưởng chú ấy lên cơn mê sảng, sợ quá phát khóc. Tôi nghe người ta bảo khi người bệnh sắp chết thường hai bàn tay quờ quạng, mấy ngón tay co quắp uốn éo như bắt chuồn chuồn. Mấy đứa nhỏ đây thương chú cũng khóc rưng rức. Tôi nghe chú ấy thều thào, hai mắt lơ lảo nhìn quanh như muốn tìm ai đó. Tôi nghĩ: Thôi đúng rồi. Chú ấy tỉnh lại lần cuối để tìm người trần trối đây mà! Tôi vừa khóc vừa kề sát tai xuống mặt chú ấy, hỏi chú ấy muốn trần trối điều gì. Chú ấy thôi bắt chuồn chuồn, nhưng bàn tay vẫn lần tìm cái gì trên người. Tôi đưa tay cho chú nắm, vừa khóc vừa bảo chú ấy: "Chị đây. Đúng là chị đây. Chú muốn nhắn điều gì, cứ nói cho chị biết". Cô chú có biết chú ấy thều thào cái gì không? Chú ấy hỏi:

- Mấy cây tăm trong túi áo đâu rồi?

Cả nhà cười âm lên quên cả không khí sợ hãi bên ngoài. Con bé lớn nhắc:

- Mẹ kể chuyện xâu tiền đi.

Vợ viên cai cơ chớp chớp mắt cảm động, rồi kể:

- Chú ấy cẩn thận còn hơn đàn bà nữa. Mấy con bé này đựng đầu vắt dấy, quần áo đồ đạc bừa bãi. Chú ấy gặt cả ngày, gặt xong xếp mọi thứ đầu vào đó, vật nào ở chỗ nấy, lấy dùng xong đem trả lại sai chỗ cũ, phải biết! Nhờ thế mà tụi này khá lên, biết giữ gìn đồ đạc. Tiền bạc cũng biết tiết kiệm hơn. Một lần, hình như năm kia phải không con? Phải, năm kia, lúc con Út mới lên ba, hồi đó nhà tôi quá lắm. Bao nhiêu tiền dốc cả vào rượu chè. Mẹ con tôi khốn khổ, nhiều bữa phải chạy đi khắp trại mượn gạo. Tuy vậy, nhà tôi không bao giờ dám tiêu thêm mấy tiền kẽm quan phủ vẫn gửi riêng cho chú ấy, gọi là tiền trầu thuốc. Hồi đó đến kỳ đám giỗ. Giỗ ai con nhớ không? Ông nội à? Phải, giỗ ông nội tụi nhỏ này. Đến kỳ giỗ trọng mà trong nhà không còn lấy một đồng kẽm. Nhà tôi lại đang đi việc quan xa. Mấy mẹ con đang lo không biết làm sao có tiền mua đồ cúng. Con nhỏ này bảo nên đi mượn hoặc vay chỗ này, chỗ khác. Tôi lắc đầu, vì quá biết họ. Không bao giờ mấy con mụ keo kiệt đó cho vay đâu. Giữa lúc mẹ con loay hoay bàn tính, chú ấy lẳng lặng đến chỗ mái nhà rút ra một cái bọc nhỏ, và vừa đủ tiền làm một mâm cơm cúng nhỏ.

Cả nhà lại cười, lòng ai nấy lâng lâng cảm động. An và Lãng nhìn nét mặt rạng rỡ linh hoạt của vợ viên cai đội khi chị kể chuyện Kiên, cùng kinh ngạc thấy chị trẻ hẳn lại. Mắt chị sáng, da mặt ửng hồng. Hai đứa bé ngược lên hứng lấy từng lời mẹ kể, lâu lâu nhắc rõ một chi tiết. An hiểu vị trí quan trọng của

Kiên trong gia đình bất hạnh, hiểu lý do nổi bật dọc chua chát của Kiên trong những ngày qua. Cô nắm lấy bàn tay ấm và nhẵn da của góa phụ. Chị cười với An. Chỉ cần bấy nhiêu, họ đã hiểu rõ nhau.

*

* *

Cũng trong những ngày hãi hùng đó hai chị em được dịp nói với nhau đầy đủ về cách họ nhìn cuộc biến chuyển diễn ra quanh họ. Lãng bị kích động tột độ, bồn chồn, dao động không thể đứng yên một chỗ. Cậu nói với chị:

- Chị có hiểu những gì đang diễn ra ngoài kia không? Đó là cái gì? Có phải là những điều chị và Lãng từng mơ ước không? Chị nhớ chứ, một lần trên Tây Sơn thượng chị kể những đêm hồi hộp lo lắng sau ngày anh Kiên bị bắt. Một tiếng chân bước rào rạo ngoài ngõ hẹp cũng đủ khiến cả nhà lạnh gáy vì sợ hãi. Chúng ta không thể sống nơm nớp suốt đời như một kẻ phạm tội được. Chúng ta sinh ra để được tự do thở bầu không khí trong lành, lưng không phải khom, đầu ngưỡng cao, được cười vang khi vui và khóc lóc lúc khổ. Đó là quyền tối thượng của mỗi người. Sợ hãi là cái gì không đúng tự nhiên. Đó là sản phẩm xấu xa của xã hội, là rác rưởi của bao nhiêu bất công và bạo lực tàn nhẫn để duy trì sự bất công. Bao nhiêu con người không chịu sống chui rúc trong sợ hãi mới tụ họp nhau trên Tây Sơn thượng để khởi nghĩa, để mãi mãi mai sau không còn có cảnh cúi đầu núp nép trước bạo quyền nữa. Khổ thế nào họ cũng chịu đựng được tất: bệnh ngã nước, đói khát, lam sơn chướng khí, thú dữ, nổi khao khát được trở về, mong ước trông lại biển và đồng bằng... Những điều đó cả chị lẫn em đều trải qua cả. Chị nhớ không, dù khổ cực như vậy nhưng cuộc sống chúng ta phong phú biết bao. Chúng ta tự hào đang hy sinh cho một điều cao cả. Những chú bác nông dân chơn chất ít nói không thể diễn tả rõ ràng điều cao cả ấy là gì, vì sao họ hăm hở. Nhưng chúng ta thì hiểu. Chúng ta đang hy sinh cho cuộc giải phóng con người. Chúng ta khởi nghĩa cho con người được thở, được cười, được ngưỡng mặt lên nhìn mọi người, được tùy ý chọn nếp sống cho mình và mơ ước một tương lai. Không phải sợ hãi ai nữa.

“Chúng ta” đã xuống núi, và đã thành công. Chị đừng cười. Em biết chị cười em, một thằng vô tích sự chẳng làm được việc gì đến nơi đến chốn, chẳng ở yên vị một chỗ nào cho khá lâu, dùng dằng không ra kẻ đứng ngoài mà cũng không phải kẻ dự buộc, thế mà bây giờ thấy anh em cô bác làm nên việc, cũng đứng lẩn vào hàng ngũ xưng xưng “chúng ta” chứ gì?

An cười to hơn, đập nhẹ vai Lãng nói:

- Không phải thế đâu. Tại sao Lãng nghĩ vậy! Nhưng em cứ nói tiếp đi, chút nữa chị sẽ nói rõ vì sao chị cười.

Lãng dò nét mặt chị thấy An thành thực, vững lòng nói tiếp:

- Vâng, em nói chúng ta là nói chung cả một tập thể những kẻ có ý thức hay không ý thức nhưng đều không thể chịu đựng nổi sống nơm nớp, bỏ nhà lên Tây Sơn thượng. Những kẻ muốn lập nên một kiểu sống mới dĩ nhiên phải đẹp hơn, thoải mái hơn, hạnh phúc hơn đời cũ. Nhưng bao lâu nay chúng ta về được đồng bằng, chúng ta nắm được quyền bính, chị thấy gì? Thay cho lão chánh tổng là cậu Hai Nhiều. Con người vẫn tiếp tục thu nhỏ mình lại, vai thun, lưng khom, chân lúu rúu bước, mắt lăm lét nhìn trước nhìn

sau. Cổ lại phải mang thêm cái thẻ bài. Chị thấy đấy, mấy hôm nay con nít có dám khóc, chó có dám sủa không? Nụ cười hiếm hoi biết bao nhiêu! Lãng có cảm tưởng như thiếu không khí để thở. Nhưng nhu cầu đơn giản mà còn phải thế, thì nói chi đến những điều cao xa như hạnh phúc, công bằng, tương lai, quyền sống... Tất cả chúng ta, lại chúng ta, em cứ nói chung như thế cho dễ. Tất cả chúng ta hy sinh, khổ cực bao lâu nay để mang thứ quà chua đắng đó cho dân An Thái hay sao? Nếu phải dùng máu để tránh đổ máu, thì thứ máu nào đáng nên đổ, và thứ máu nào không nên đổ? Chúng ta, em lú lẫn quá lắm, lại chúng ta...

An ngắt lời em:

- Sao em cứ thắc mắc hoài về chuyện đó. Có ai thắc mắc về em đâu? Đừng tự làm cho rắc rối. Mọi sự vốn đơn giản. Em cứ mạnh dạn dùng chữ “chúng ta”, vì chị nói thực, em xứng đáng ở vào đội ngũ. Kể cả những thắc mắc rắc rối và quá khích của em. Những gì em nói cũng cần thiết cho việc chung như là sự hăng hái, cuồng nhiệt không cần suy nghĩ, như là sự tuân hành tuyệt đối lệnh trên. Còn chị cười là cười chuyện khác kia! Em đừng hiểu lầm.

Lãng hoài nghi, hỏi:

- Chị cười chuyện gì nào?

- Chị cười vì ít khi nghe em thao thao bất tuyệt như vậy. Bao nhiêu gan ruột em kéo ra phơi nắng hết. Chị thích cái tính quá khích đó. Có gì buồn khổ, thắc mắc mà cứ giữ kín trong lòng như anh Kiên, chỉ làm khổ mình khổ người. Có điều thú vị là chị đọc được ý em nghĩ, ngay trước khi em nói ra. Dài dòng rắc rối nhưng nếu muốn tóm lại cho gọn, thì đơn giản thôi. Để chị nói thử có đúng ý em không nhé?

Lãng tò mò muốn tự nhìn mình qua phản chiếu của chị, vội giục:

- Chị nói đi!

An chậm rãi nói:

- Lãng muốn cái gì cũng rõ ràng, phân minh. Cái xấu đã bị sụp đổ thì cái tốt phải tới. Ông ác bị diệt, thì cái ghế uy quyền phải dành cho bậc hiền triết. Dứt khoát không thể có chỗ dung thân cho bọn đạo tặc, bọn lưu manh, bọn khao khát quyền hành, bọn biến lộn đội lốt hào hiệp. Thế nhưng trước mắt, Lãng thấy mọi sự, mọi giá trị lẫn lộn, vàng thau không phân biệt được. Chẳng những thế, thay cho thứ trật tự giả tạo dựng bằng chèn ép áp bức là một cảnh hỗn loạn thực sự làm cho tất cả mọi người quay cuồng điên đảo, kể cả những kẻ yếu đuối từng bị áp bức. Lãng không thể chấp nhận được ván cờ thế vô lý đó, Lãng bàng hoàng, tự hỏi rồi mọi sự sẽ dẫn đến đâu? Sự cực nhọc hy sinh trước đây còn có ý nghĩa gì? Phải thế không?

Lãng nói:

- Đại khái như thế! Nhưng có gì đáng cho chị cười đâu! Chị không bàng hoàng như em sao?

- Có chứ. Nhưng chị bình tĩnh được là nhờ nghe một tiếng nói khác, một lối nhìn khác. Chị cười vì cùng một lúc nghe được câu hỏi lẫn câu trả lời.

- Em chẳng hiểu gì cả! Ai trả lời? Trả lời thế nào?

An mỉm cười, nét mặt hồng lên vì xúc động. Cô nói:

- Anh ấy bảo nhìn chung thì lòng ai không mơ ước được sống trong một xã hội công bằng, hạnh phúc,

trẻ con được no ấm nô đùa, người già được an dưỡng. Chiều chiều được tắm ở sông Nghi rồi lên hóng mát trên đền Vũ Vu, ngêu ngao hát trên đường về như trong sách cổ. Được mặc áo đẹp ra đường, rảnh rỗi họp nhau lại nghe ngâm thơ và đàn hát. Người có tuổi và đạo đức cầm quyền bính. Pháp quan và chúa ngục thất nghiệp, ngày ngày tiêu khiển bằng cách câu cá và nuôi chim. Khóa ở cửa tù rỉ sét, tìm kẻ gian ác và trộm cướp khó như là tìm tuyết trong lò cừ. Ai cũng mơ ước đời thịnh trị hòa bình như vậy. Nhưng thực thế trước mắt trái ngược với mơ ước, quá lắm là chưa được như mơ ước. Pháp quan và chúa ngục vẫn đông như kiến. Trẻ nhỏ bị đầy đọa quên mấy nụ cười. Người già chết không yên chứ chưa nói đến chuyện sống. Làm thế nào đây? Chính câu hỏi này là khởi điểm của biết bao nhiêu rắc rối, phân tranh, thù nghịch. Anh ấy nói tâm lý chung của những người mơ mộng, có học thức là muốn thực hiện mơ ước muôn thuở của mình một cách êm ái, đẹp mắt. Nghĩa là làm thế nào để kẻ gian ác sau khi đọc một bài thơ đột nhiên hối hận, len lén chùi bàn tay vấy máu vào vạc máu rồi cắt tóc đi tu. Chúa ngục bẻ chìa khóa vất xuống sông nhất định không hành nghề nữa sau khi đọc phú Xích Bích. Lãng thấy không, làm gì có phép lạ đó! Nếu nói như Lãng lúc này, thì cái thiện phải thay thế triệt để cho cái ác. Như thế mới hợp lý. Nhưng cái thiện không phải đột nhiên mà có. Thực tế xưa nay chưa hề có một loại cờ thể phân minh tốt xấu, sau trước. Cái xấu phải sụp đổ do tích lũy của bao nhiêu uất ức, bất mãn, nhưng khi nó đột ngột sụp đổ, thì cái mới còn đang hình thành. Những người dân đen phải bỏ làng xóm vợ con xiêu giạt đây đó, về sau tụ họp ở Tây Sơn thượng làm loạn chưa bao giờ được học cách trị nước, cách ăn nói với đám đông, cách viết cách ký. Họ vụng về, có khi hoảng sợ với cái quyền mới. Tất nhiên trong cảnh hỗn loạn bát nháo thế nào cũng có nhiều kẻ lưu manh lợi dụng. Cũng không thiếu những người lâu nay bị đè đầu cưỡi cổ bây giờ chỉ lo mỗi một việc đè đầu cưỡi cổ lại thiên hạ cho thỏa tức. Tuy nhiên đừng nên vội tưởng rằng cuộc sống không có gì khác trước. Khác lắm chứ. Rõ ràng, như Lãng vừa nói, là hỗn loạn hơn. Nhưng có một điều quan trọng gấp bội, là có một cuộc thanh lọc tự nhiên để cái mới dần dần lộ rõ, ổn định. Bấy nhiêu cái phức tạp ấy không thể nào tránh khỏi, dù những nhà thơ và những nhà hiền triết có ngõ ngàng bao nhiêu đi nữa. Không thể êm thấm, dần dà phá đổ cái xấu. Muốn vậy, thì chỉ nên cắt tóc đi tu, hay khoanh tay không làm gì cả.

Lãng dăm dăm nhìn chị, ngạc nhiên vì vẻ phấn khởi khác thường trên gương mặt An. Lãng nói:

- Em biết ai nói với chị những điều đó rồi! Nói như vậy thì cái gì cũng biện minh được hết.

Hôm sau, Huệ cho người về An Thái đưa Lãng xuống Cù Mông như đã hứa với ông giáo. Lãng nhận thấy không còn có thể nán lại An Thái ngày nào được nữa. Ở đây không có chỗ cho anh. An cũng mừng, hy vọng em đã tìm được một chỗ đứng. Hai chị em bịn rịn, nhưng cũng nghĩ cuộc chia tay đến đúng lúc!

Chương 27

Tin Qui Nhơn thất thủ khiến quan bố chính Quảng Ngãi hoảng hốt. Sau khi cho người phi báo kinh đô, quan bố đích thân cầm quân tiếp cứu Nguyễn Khắc Tuyên lúc đó đang ở Tam Quan. Sợ không đủ sức trấn áp quân khởi nghĩa, hẳn đem theo cả năm voi để dự chiến.

Hai bên thực sự giao chiến mặt đối mặt lần đầu tiên ở phía trong Tam Quan. Quân Quảng Ngãi bị thiệt hại nặng, quan bố bỏ mặc quân sĩ tan tác nhảy lên ngựa tẩu thoát. Tây Sơn thu được nhiều vũ khí, người, và bắt trọn cả năm con voi. Thừa thắng, Nhạc ra lệnh phải đuổi quân triều ra đến Sa Huỳnh, ngay chỗ giáp ranh hai phủ Qui Nhơn và Quảng Ngãi.

Như vậy Nhạc đã thực sự kiểm soát toàn lãnh thổ hai phủ Qui Nhơn và Phú Yên vào khoảng cuối tháng Mười năm Quý Tỵ (1773). Triều đình Phú Xuân bấy giờ mới giật mình, thấy tầm nguy hiểm của cuộc nổi dậy. Trương Phúc Loan quyết định phải đối phó với bất cứ giá nào. Lần này, quân dẹp loạn có cả thủy binh lẫn bộ binh. Quân thủy chia làm ba đạo với ba chiến thuyền do ba quan chỉ huy. Nhưng bão biển đã đánh đắm các đạo thủy binh đó, chỉ có một chiến thuyền may mắn thoát nạn. Quân bộ chia làm bốn đạo do bốn quan chỉ huy, là các Chưởng cơ Nguyễn Cửu Thống, Nguyễn Văn Sách, Tổng nhung Tống Sùng và Tán lý Đậu Văn Quang. Quân Tây Sơn chỉ có ba đạo quân, một đạo Trung nghĩa và Hòa nghĩa quân của Tập Đình, Lý Tài, một đạo gồm phần lớn là người Thượng, quen đánh đường rừng, một đạo nghĩa quân người nam gồm phần lớn các toán đã dự trận đánh chiếm hai kho Càn Dương và Nước Ngọt hơn tháng trước. Hai bên gặp nhau ngày 2 tháng Mười Một ở ranh giới hai phủ Qui Nhơn và Quảng Ngãi.

Họ quần nhau ba ngày không phân thắng bại, đến chiều ngày thứ ba Tập Đình và Lý Tài ở cánh phải đánh thốc vào hông quân triều, khiến quân triều hoảng loạn tan rã. Tống nhung Sùng và Tán lý Quang tử trận. Quân Tây Sơn lại thừa thắng đánh chiếm phủ Quảng Ngãi. Quân triều phải rút về giữ dinh Chàm. Tinh thần quan quân sa sút đến nỗi chỉ cần một tin đồn là cả dinh đã xao xác dợm chạy về Hội An để kiếm đường tháo thân. Triều đình Phú Xuân cuống cuống cả lên. Nội bộ lục đục đổ lỗi cho nhau. Kẻ hèn nhát thì láo liên tìm đường trốn trách nhiệm. Bọn thất phu rụt cổ như gà gặp cáo. Bọn xu nịnh tìm cách hãm hại những kẻ dám nói thẳng để diệt cả họa gần. Nguyễn Phúc Dục và Nguyễn Phúc Văn bị hãm hại. Việc phòng thủ kinh đô cấp thiết nhưng trong tình trạng tinh thần rệu rã như vậy, Trương Phúc Loan không làm được gì khác hơn là đặt quân canh phòng đèo Hải Vân và nghiêm cấm mọi thông thương giữa Thuận Hóa và Quảng Nam. Việc quan trọng hơn là gửi một đạo quân đông đảo vào nam dẹp loạn giao hảo cho Tiết chế Nguyễn Phúc Hương. Phải vất vả lắm, Tiết chế Xương mới tập trung đủ số quân cần thiết, và sau nhiều lần trì hoãn vì đủ thứ lý do, đạo quân này xuống thuyền vào trung tuần tháng Mười Hai năm Quý Tỵ (1773). Quân của Tiết chế Xương nghỉ ở Hội An vài ngày để lấy thêm lương thực và bổ sung số lính trốn, đến 21 tháng Mười Hai mới xuất trận. Giáo sĩ Diego de Jumilla, một giáo sĩ đương thời viết trong một lá thư tả trận đánh như sau:

"Ngày lễ Thánh Tôma ngày 21 tháng Mười Hai xem ra là ngày Thiên ý đã định cho chúng tôi sa vào tay quân khởi nghĩa. May sao, hôm đó đạo quân hùng hậu của Chúa ở Hải Phố xuất hành. Đạo quân này có đến năm nghìn người và do một quan anh hùng nhất trong trấn chỉ huy. Hai bên gặp nhau ở phía trong Tiên Đảo vào ngày 22 tháng Mười Hai. Chiều ngày 23, quân Chúa đã chiếm được lũy ngoài. Chiến tranh tiếp diễn qua ngày 24, một lũy nữa bị phá, và quân khởi nghĩa phải lùi. Nhưng ở cánh trái, các quan của Chúa chống với người Thượng bị thua phải lùa cả voi mà chạy. Vị tướng anh hùng kia quay về phía này và ngăn được quân Thượng. Hai bên còn đánh nhau dữ dội suốt cả ngày 25. Quân khởi nghĩa phải rút vào căn cứ cuối cùng rất vững chắc của họ. Họ cầm cự với sức tấn công ba đạo quân của Chúa suốt một ngày rưỡi. Quân Chúa thì một đạo dùng chiến thuyền đánh theo đường thủy, một đạo theo đường bộ đánh về phía núi, đạo thứ ba ở giữa do vị tướng anh hùng kia chỉ huy. Tiếng súng kéo dài đến chiều ngày 26, và ở đây (Tiên Đảo), chúng tôi nghe tiếng súng rất rõ. Vào chập tối 26, một loạt súng từ chiến thuyền bắn vào xuyên qua lũy làm cho viên chỉ huy giỏi nhất của quân khởi nghĩa bị thương ở hông. Quân Chúa không biết việc đó vì lũy cao, nhưng hôm sau tức ngày 27 tháng Mười Hai, khi quân khởi nghĩa đã rút khỏi lũy, họ tìm thấy hai xác nghĩa quân cạnh xác viên chỉ huy danh tiếng nọ, tức là một trong mười tám tướng của phe khởi nghĩa. Quân Chúa thắng, phe nổi dậy phải rút vào Quảng Ngãi. Quân Chúa đuổi theo".

Sau trận thất bại đó, quân Tây Sơn phải rút lui dần về phía nam, còn quân triều thì thừa thắng mau chóng lấy lại được những vùng đất rộng đã mất ở hai phủ Quảng Nam và Quảng Ngãi. Chẳng những thế, mùa xuân năm Giáp Ngọ (1774), Tiết chế Nguyễn Phúc Xương còn mạnh dạn thúc quân vượt Sa Huỳnh vào Tam Quan đưa quân chiếm lấy một vị trí chiến lược quan trọng án ngữ con đường độc đạo qua cái đèo nhỏ thông thương nam bắc là núi Bích Khê. Đích thân Tiết chế Xương, Tổng nhung Thành, Tán lý Thiệu và một số lớn tướng sĩ khác trấn giữ ngọn núi hiểm yếu quan trọng này, lập trạm tiền tiêu để chuẩn bị tiến công vào tận sào huyệt của nghĩa quân.

*

* *

Sào huyệt ấy cách núi Bích Khê không xa.

Nhạc đặt bộ chỉ huy tiền phương trong một cánh rừng thưa, ở phía tây nam núi Bích Khê, khoảng cách không đầy nửa ngày đường. Chỗ Nhạc làm việc, ăn, ngủ, tiếp khách là một cái chòi thấp lợp lá, cột và sườn mái đều dùng những cây rừng khăng khiu không đẻo gọt. Giường là một tấm liếp đan bằng nửa gác trên bốn cây cọc thấp. Bàn ghế là những thân cây cưa ngang cho vừa tầm tay và tầm ngồi. Đồ đạc không có gì ngoài một cái mâm gỗ đặt bốn bát nước không cái nào giống cỡ giống kiểu cái nào, và một cái ấm đất nung chứa nước trà.

Trước chòi lá, hai nghĩa quân cầm giáo đứng gác. Mới hơn ba tháng từ ngày về Kiên Thành mà trông Nhạc đã gầy hằn đi. Mắt hóp sâu, râu mọc xanh. Cái búi tóc trễ xuống tận vai. Nếu không có đôi mắt sáng quả quyết và tin tưởng thì người ta dễ lầm Nhạc với một bại tướng nào đó.

Buổi sáng hôm ấy, Nhạc đang tiếp Thận.

Anh thợ rèn chuyên trách chế tạo khí giới này hằng hái giải thích các điểm lợi hại của hỏa hổ. Thận

đem cây hỏa hổ mẫu cho trại chủ xem xét, vừa chỉ dẫn từng bộ phận vừa nói:

- Dĩ nhiên phải đem theo bụi nhùi. Trước khi xông trận, phải đốt cháy lớp lá trộn dầu rái bên ngoài để sẵn sàng rảy lửa vào địch, chứ chờ đến lúc hỗn loạn ấy mới đốt thì sợ lúng túng không đốt kịp. Còn...

Nhạc ngắt lời Thận hỏi:

- Phải môi lửa sẵn ư? Như vậy nếu đánh vào ban đêm, nhất là trong trường hợp phải đánh lén hoặc phục kích, e lộ mất. Giữa đêm tối mà đốt đuốc lên, chẳng khác nào làm bia thịt cho chúng bắn.

Thận đáp:

- Vâng. Đó là một điểm yếu của hỏa hổ. Nhưng nếu ta sửa soạn sẵn bụi nhùi cho thật nhạy, thì khỏi cần đốt trước. Hai ba người mang theo một cái bụi nhùi cũng đủ. Tôi quên mất, việc gì phải cần nhiều bụi nhùi. Đốt được một cây rồi, ta môi các cây hỏa hổ khác không mấy khó. Chỗ tôi lo nhất là cái lẫy này đây. Khi cần đánh địch ở xa, ta bật cái lẫy cò này lên cho nút buộc đoạn côn gắn lưỡi câu bung ra, côn theo đà lao vào địch, còn những giọt dầu rái thì bắn vào đốt cháy da thịt, quần áo chúng. Nếu cái lẫy cò này nhạy, thì mọi việc êm đẹp. Như cái này thì nhạy lắm. Chỉ cần đưa ngón trỏ ấy nhẹ một chút, như vậy thôi, cái nút buộc đã mở rồi. Nhưng có thể gặp trường hợp do sợi dây nối cái nút và lẫy cò không được trơn, hoặc bị chùng, thì sẽ gặp khó khăn đấy. Tôi sợ nhất trường hợp ấy. Người dùng hỏa hổ thấy trở ngại đâm ra lúng túng, cán hỏa hổ lại dài khó xoay sở. Nhạc hỏi:

- Anh rèn được bao nhiêu cây rồi?

- Dạ được hơn hai mươi cây. Trận này có thể đem ra dùng thử. Có khuyết điểm thì đợt sau ta biến chế lại.

- Nhưng cán nó dài quá. Dùng đánh gần đâu được.

- Vâng, nếu đánh gần thì chỉ cần côn và đoản kiếm. Vũ khí này chỉ dùng khi địch còn ở xa, nhất là khi hai bên dàn trận để xáp chiến với nhau. Có lẽ với voi vũ khí này cũng lợi hại. Voi sợ lửa bắn vào.

- Anh đã thử chưa?

- Mấy con voi chiến mà ta bắt được dữ quá. Bọn quản tượng sợ nó nổi hung, không dám cho thử.

- Anh về bảo lệnh của tôi là chọn voi dữ nhất đem ra thử hỏa hổ. Được chưa?

- Dạ nếu được như vậy thì tốt quá.

- Tôi sẽ gửi ngay cho anh hai mươi quân để anh dạy cho họ cách dùng hỏa hổ. Phải luyện gấp cho thành thạo. Tôi định dùng thử loại vũ khí này để đột kích vào cạnh sườn chúng nó xem sao. Cảm ơn anh nhé. Gắng cải tiến cho gọn và chắc hơn đi!

Vì chưa quen với thuật tiếp khách của người quyền thế là khéo léo thu gọn hoặc cắt ngang câu chuyện lúc nào cần, Nhạc cứ liếc nhìn ra số người đang đứng chờ mình bên ngoài, lúng túng chưa biết phải làm sao cho Thận ra về. Dù Nhạc đã nói "Cảm ơn anh nhé!", Thận cứ chần chừ, hình như có điều gì muốn nói mà chưa lấy đủ can đảm. Nhạc chợt nhớ vụ Hai Nhiều, lấy vẻ buồn rầu bảo Thận:

- À quên, xin chia buồn với anh. Ông Nhật vừa cho tôi hay là đã trùng trị đích đáng hai tên khốn nạn. Bà già đã định thế nào chưa? Về ở với anh chứ?

Chính đó là điều Thận muốn thưa chuyện với trại chủ. Thận do dự một lúc, rồi nói:

- Tội nghiệp con Nhôi nhà tôi. Mất em rồi đến mất cha. Vâng, tôi có biết chuyện đã tìm ra hai tên giết người. Nhưng hình như...

Nhạc mất kiên nhẫn khi thấy Năm Ngạn lấp ló ở cửa chòi muốn vào. Nhạc vỗ vai Thận cương quyết cắt đứt câu chuyện:

- Thôi, anh về nhé. Nội ngày mai, anh cho người lên phủ nhận của ông Vịnh (sau này làm bộ binh) hai mươi quân. Mời ông Năm vào. Ngồi đấy chờ tôi một chút xíu thôi. Nhớ gắng cái tiến cho gọn, nhẹ, và chắc chắn hơn. Có gì gấp không ông Năm?

Năm Ngạn chờ cho Thận ra khỏi, mới bê khúc gỗ dùng làm ghế lại sát Nhạc nói:

- Ôi thôi! Tôi hết kham nổi rồi ông Cả. Ông tìm người khác dùm cho, chứ cái đà này có ngày tôi phát điên lên mất.

Nhạc cười, vì quá quen tính Ngạn, thông thả rót nước ra cái bát đã mẻ một góc đáy về phía khách:

- Ông uống nước đã. Chuyện gì khó thùng thẳng ta tính rồi cũng xong thôi. Nhà tôi có nhẫn gì không?

Năm Ngạn cười:

- Có gì đâu mà nhẫn! Bả sấm soi tối ngày cái cơi trầu chặm nổi ông đem từ phủ Quảng Ngãi về. Bả quên ông rồi. Hà hà! Đây, nói đùa vậy chứ coi chừng đấy. Tối hôm qua bả hỏi: "Chỗ thân tình lâu ngày, chú đừng giấu tôi nhé. Chú có biết ông có đeo bông bẩy bạ gì không?"

Hai người cười vang. Nhạc vỗ vai Ngạn hỏi:

- Rồi ông trả lời thế nào?

Năm Ngạn nói:

- Trả lời thế nào ông biết rồi. Lắc đầu thì không được vì sai sự thực, chết với quỷ thần. Mà gật đầu thì hôm nay chết với ông. Tôi chơi hàng hai.

Nhạc tò mò hỏi:

- Nghĩa là sao? Ông làm tôi sốt ruột quá lắm!

Năm Ngạn đáp:

- Tôi nói: Bà đã đầu gối tay ấp với ông bao nhiêu năm, chắc hẳn hiểu ông rõ hơn tôi. Tính ông xưa thế nào thì nay cũng vậy. Không thay đổi.

Nhạc giả vờ giơ tay lên trời hô hoán:

- Ông nói thế có khác nào đem con vô nội. Chết tôi rồi! Nhưng thôi, gác chuyện đàn bà lại, tôi xoay sở với bả sau. Mấy hôm nay tình hình trong phủ thế nào?

Năm Ngạn ngồi ngay ngắn trở lại, nghiêm mặt đáp:

- Càng ngày càng rối rắm. Chung quy chỉ do cái lão đồ gàn. Hết cãi nhau với ông Chỉ lại xích mích với ông Diệm (sau này 1776 làm Sĩ sự). Vừa làm hòa với ông Diệm xong, là quay ra lên giọng thầy đời với ông Bạc (sau này làm Hộ bộ), ông Tân (sau này làm Lại bộ), ông Vịnh (sau này làm Binh bộ).

- Chuyện ông Chỉ với ông Diệm thì tôi đã biết. Còn chuyện xích mích với thằng Vịnh là do đâu?

- Do chuyện bắt lính. Phần đánh nhau ông đã lo hết, Vịnh chỉ lo mỗi cái việc bắt lính mà thôi. Nó phải lo cho xong phần việc của nó, khỏi cần ai phải nhắc. Lo không nổi thì sau này ai dám giao việc. Nó

nhỏ tuổi nhưng ai không có lòng tự ái! Thế mà lão đồ gàn cứ ỷ cái bụng chữ nho, nay nhắc việc này, mai nhắc việc nọ. Nó nổi sùng cái lại. Lão đồ gàn vứt cái đồng đơn kiện thừa của bọn lăm chuyện vào phòng thẳng Vịnh, hằm hằm bỏ về.

Nhạc lo âu hỏi:

- Họ thừa kiện chuyện gì vậy?

- Thì cũng vẫn cái bọn to mồm thiếu mặt. Chúng nó sợ bắt lính, đâm đơn khiếu nại bừa để cầu may.

Nhạc lấy giọng nghiêm trang hỏi:

- Bên trong chắc có nhiều điều phức tạp chứ? Ông thuật rõ xem sao. Ông giữ việc cai quản chuyện điều hành nội bộ trong phủ, giấy tờ gì không qua tay ông! Ông là "Nội hầu" mà! Có đúng người ta gọi chức đó là Nội hầu không?

Năm Ngạn sung sướng ra mặt, nên trả lời một cách trang trọng mạch lạc hơn cho xứng đáng với chức vụ:

- Vâng, cũng có nhiều điều phức tạp trong chuyện trưng binh. Ban đầu Vịnh nó ra lệnh tất cả những ai có tên trong sổ đinh đều phải sung quân. Sự thực là từ lâu do đói kém và cái nạn cường hào, ở nhiều làng số dân xiêu dạt đã lên quá ba phần tư. Chưa kể bọn du thủ du thực nay làm ăn ở chợ này, mai kiếm chác ở bến sông kia, cái tên nhất định còn chưa có hướng hồ là sổ đinh. Thành ra người lương thiện thì phải lính, bọn trộm cắp được miễn. Vịnh sửa lại lệnh, truyền tất cả những người có thể bài từ mười tám đến năm mươi phải vào lính. Nhưng đâu phải ở đâu cũng làm xong thẻ bài. Vịnh cứ tưởng làng nào cũng đều ổn định xong xuôi như là Kiên Thành. Anh em ở các tổng vội vã xuống phủ than phiền không thể thi hành lệnh được, trong khi ngày nộp lính đã gần kề. Lão đồ gàn bấy giờ xen vào, bày vẽ thêm đủ thứ luật lệ, qui tắc, phân biệt nào những là dân nội phủ với lại dân ngoại phủ... cái gì tử tử (nội phủ vi tử), rồi nào dân chính hộ với dân khách hộ. Cả bọn chúng tôi điên đầu không hiểu lão nói gì.

Nhạc hiểu mấu chốt của vấn đề, nghiêm mặt bảo Ngạn:

- Ông nói như vậy, tôi hiểu. Các ông phải coi chừng. Không, ông hiểu lầm tôi rồi. Không phải coi chừng thầy giáo Hiến, mà coi chừng chính các ông đấy. Bây giờ ta cai quản suốt một giải đất rộng gồm hai phủ Qui Nhơn, Phú Yên, ít lâu nữa, ta cai quản luôn cả hai xứ Quảng và đàng trong. Nhất định phải như vậy, để ông xem. Vừa rồi ta đánh thử ra Quảng Nam, tôi biết thực lực của chúng không ra gì. Chỉ được cái vỏ mà thôi. Thăng Huệ em tôi nó nói đúng, khi so quân triều với quả bí lớn thúi ruột. Vừa rồi trận Quảng Nam ta thua vì anh em người Thượng quen voi mà chưa quen với súng lớn bắn từ biển vào. Họ sợ quá, tưởng ông Giàng nổi giận sai sấm sét phạt họ. Tội nghiệp thằng Mắm. Tôi ân hận nhất là không đem được xác nó về. Ông đã cấp tiền cho ông Mịch làm lễ tế nó rồi chưa?

- Rồi ạ. Chú Huệ có xin về để dự lễ tế. Chú ấy buồn quá, Thọ Hương (con gái Nhạc) dọn cơm lên chú ấy không cầm nổi đĩa. Ông Mịch thì như người mất hồn.

Nhạc nói:

- À, tôi có ý này nói ngay cho ông, để lâu quên đi. Tôi thấy anh em buồn quá, đánh nhau xong chèn say sửa mặt cả tư cách. Tôi định bảo ông Mịch lập một gánh hát cho anh em tiêu khiển. Nhân tiện cho

ông bầu gánh Nhưng Huy và ông kếp Tứ Linh trở lại nghề ca xướng. Một công mà được cả đôi việc. Ông hiểu ý tôi chứ?

- Vâng. Phải làm thế, để ông Thung...

Nhạc không muốn đem chuyện này ra bàn luận công khai dù là với Năm Ngạn, sợ cái tính xốc nổi của viên “Nội hầu”. Nhạc nói:

- Mãi nói chuyện Quảng Nam quên mất việc chính. Lúc này tôi nói đến đâu rồi nhỉ. À, tôi nhớ ra rồi. Tôi vừa bảo ông rằng bây giờ ta sắp cai quản gần khắp xứ Đàng Trong, không còn như hồi ở Kiên Thành nữa. Công việc lớn thêm, phức tạp thêm. Không phải chỉ cần muốn là làm gì cũng được. Thiện chí không thôi chưa đủ. Phải có hiểu biết, khả năng. Các ông có thể rành việc trong một xóm, mà không thể biết hết chuyện tổng. Một người từng trải, có học, đã dự vào việc trị nước ở kinh đô như thầy giáo Hiến thật quý giá cho chúng ta. Trời đã dẫn thầy đến chờ sẵn để giúp chúng ta đây. Các ông đừng tự đại. Cái gì chưa hiểu, cứ tìm thầy mà hỏi. Tôi không biết rõ thầy giáo chỉ bảo thẳng Vịnh điều gì, nhưng tôi chắc chắn rằng ý kiến của thầy hợp lý, cẩn thận hơn ý thẳng Vịnh. Ông về dặn các ông ấy như vậy. Đó là lệnh, không được cãi.

*

* *

Năm Ngạn vừa tiu nghiu bước ra khỏi chòi, thì Nhật đến. Nhạc chờ Nhật từ sáng sớm nên vồ vập kéo Nhật vào chòi quên đưa Năm Ngạn đến tận chỗ cột ngựa như mọi lần. Nhật chưa kịp ngồi Nhạc đã hỏi:

- Việc đó ổn chưa?

- Xong rồi. Gạo mằm đã chở đến từng cánh quân. Tôi lo quá, suốt đêm hôm qua không chợp được mắt. Lần này cũng nhờ có thằng Lợi. Nó giỏi xoay xở thật.

Nhạc gật gù, mỉm cười bảo Nhật:

- Phải. Nó là con dao sắc đấy. Người không cao tay thì sợ không dám dùng. Ông với tôi, ha ha, chúng ta khác chứ! Ông nhớ cái chuyến hai kho Càn Dương và Nước ngọt không? Ông Huyền Khê còn lúng ta lúng túng chưa biết tính sao, than ôi là than. Nào thiếu ngựa. Nào thiếu bao. Tôi cho thẳng Lợi đến. Chỉ hai ngày là xong xuôi tất. Vụ chuyển kho Quảng Ngãi vừa rồi cũng do Lợi nó thu xếp cả. Đến ông mà cũng quên mất đám tù binh. Chúng nó nem nẹp, sai gì không làm. Trói chúng nó làm gì cho thiếu dây mà còn phải tốn lính canh. Lợi nó còn ở dưới chỗ ông không?

- Nó vào rồi. Có gì cần kíp không ạ?

- Cũng không gấp lắm. Tôi định bảo nó lấy tất cả quần áo mũ măng hát bội ta tịch thu được ngoài phủ Quảng Ngãi giao cho ông Mịch. Lập ngay một gánh hát bội cho anh em tiêu khiển. Gần đây tinh thần họ có vẻ sa sút, phải không?

Nhật e dè đáp:

- Vâng. Có sa sút đôi chút. Bọn yếu bóng vía đã nghĩ tới chuyện phải trốn lên Tây Sơn thượng. Đạo người Thượng thì vẫn còn tin là Ông Giàng nổi giận. Tôi phải cho ông Tuyết lấy khẩu thần công tịch thu

được bắn thử một phát cho họ xem, họ vẫn nửa tin nửa ngờ. Chuyến này theo ý tôi, nên bố trí cho họ đánh chỗ có núi rừng, đạn pháo không bắn tới được. Chỗ đất bằng thì giao cho đạo các ông Tập Đình, Lý Tài vì họ quen đường biển.

Nhạc vội hỏi:

- Ông có mang bản đồ vùng núi Bích Khê đến không?

Nhật rút tờ giấy xếp gọn từ trong bọc áo ra, trải lên cái bàn tạm. Nhật trở vào bản đồ giải thích:

- Hiện chúng nó đang đóng ở sườn núi này. Đây là sông Lại Giang. Đường chỉ nhỏ này là đường mòn qua Đồng Dài để lên núi, chỗ này có một ngã rẽ có thể xuống Vĩnh Thạnh nhưng đường đi gai góc hiểm trở lắm. Đèo Phú Cũ ở đây, ngay sát chỗ sườn núi chúng nó đóng quân. Tên tiết chế này dày dặn chiến trận nên cho đóng quân sát cạnh đèo, quyết chặn đường độc đạo thông thương nam bắc. Có điều tôi chưa hiểu, là tại sao hãn chọn một hiểm địa như vậy để đóng quân. Phía sau là sườn núi dốc đứng, phía trong hãn biết chắc có ta rồi. Nếu muốn rút lui, chỉ có con đường đèo nhỏ và hẹp. Hay hãn biết tinh thần binh sĩ của mình xuống thấp quá, phải dùng cái kế qua sông chặt cầu để quân lính chỉ còn con đường phải liều chết tiến tới.

Nhạc hỏi:

- Có thể hãn còn cho quân mai phục ở nơi khác?

- Không có. Bao nhiêu tướng sĩ dồn cả vào chỗ sườn núi này thôi, hãn quyết làm cái nút chặn. Hãn quên chúng ta là dân rừng rú, vô ra đâu cần đường quan!

- Doanh trại của chúng ta thế nào?

- Những dấu chấm này là chỗ chúng ta đóng quân. Chỗ có vòng tròn này là bản doanh của tên Tiết Chế.

Nhạc suy nghĩ một lúc, rồi hỏi Nhật:

- Nếu ta dẫn quân đi vòng theo đường núi đổ xuống Đồng Dài, rồi tiến cho giáp sông Lại Giang ở chỗ này này, thì cần bao nhiêu ngày?

Nhật nhắm tính một lúc lâu mới dám trả lời:

- Khoảng ba ngày.

- Được rồi. Anh đã báo cho ông Thung biết chiều nay ta họp các đội trưởng chưa?

- Dạ có.

- Chính ông Thung đi dự họp chứ?

- Vâng, tôi có căn dặn kỹ lắm.

- Tốt. Ta cứ theo kế đó mà bàn. Ông nhả thẳng Lợi chuẩn bị sẵn đồ khao quân đi.

Nhật chợt nhớ một điều quan trọng chưa báo cáo, rụt rè nói:

- Lần này chúng nó mạnh hơn lần trước nhiều lắm. Tên Tiết Chế quen việc binh, chứ không như tên Bố Chánh Quảng Ngãi. Vả lại, hãn đem những trên bốn mươi con voi chiến vào giữ đèo.

Nhạc hỏi:

- Ông có bao nhiêu voi?

- Khoảng trên bốn mươi con.

Nhạc cười ha hả, chế giễu vẻ lo âu của Nhật:

- Chưa gì đã sợ voi chà rồi à? Chúng càng có nhiều voi càng tai hại. Ông thử tưởng tượng xem. Cái truông hẹp đó, bốn mươi con voi xếp hàng ngay ngắn đi qua mất bao nhiêu thì giờ? Còn lối cho bọn lính chen chân không? Huống chi trong cảnh hỗn loạn, nào voi, ngựa, quân, tướng chen nhau thoát thân qua cái lối hẹp! Tiếc nhĩ, nếu chúng đem thêm vài chục con voi nữa cho đủ trăm thì ta một nửa quân số về Qui Nhơn lo tiệc khao trước. Tiếc quá đi mất!

*

* *

Nguyễn Thung được Nhạc cho toàn quyền lựa chọn các toán quân tinh nhuệ nhất để tấn công đạo quân triều đình ở núi Bích Khê, và được trọn quyền chỉ huy. Kể cả cái quyền tiền trạm hậu tẩu. Nhạc nói với các đội trưởng:

- Một lần nữa đệ nhị trại chủ sẽ chứng tỏ cho các anh thấy tài ba của ông. lần trước các anh đến chậm nên chưa tận mắt chứng kiến đệ nhị trại chủ lấy thành Qui Nhơn dễ dàng kỳ diệu như lấy đồ chơi trong túi. Tôi thấy làm tiếc cho các anh. Đánh trận dưới quyền một vị chỉ huy giỏi khác hẳn với cảnh cực khổ vất vả vì phải nghe những hiệu lệnh rồi. Đây là cơ hội tốt cho các anh học hỏi. Đừng bỏ qua dịp may đó.

Nguyễn Thung vừa hãnh diện vừa lo âu trước quyền hạn và trách nhiệm vượt quá mong ước bấy lâu. Ông được quyền lựa chọn tướng sĩ ư? Chọn ai đây? Chọn toán nào? Các toán quân Tuy Viễn thân tín đã bị phân tán đi khắp các đội. Tập Đình và Lý Tài không tin được nữa, dù sau bốn tháng thử thách, chưa có đội nào xông xáo và hữu hiệu cho bằng đội quân ở trần gióc tóc ấy. Thung chưa quên Lý Tài đã về dự họp ở Kiên Thành, còn Tập Đình thì án binh bất động ở ngoài phủ Qui Nhơn chứ không chịu vào thành phối hợp với quân Tuy Viễn. Đạo quân người Thượng chắc chắn chỉ nghe lời Nhạc vì có mối quan hệ mua bán ân nghĩa từ thời buôn nguồn. Cuối cùng chỉ còn lại các toán người nam của Tuyết, Lộc, Tuyên, Dũng (Võ Văn Dũng), Diệu (Trần Quang Diệu) và Sở (Ngô Văn Sở). Nguyễn Thung chỉ tin được Dũng, Diệu và Sở vì ba đội trưởng này mới gia nhập vào nghĩa quân gần đây, sau khi Nhạc đã về Kiên Thành.

Qua một đêm suy tính, Nguyễn Thung xin Nhạc cho dùng các đội của Tuyết, Dũng, Diệu và Sở. Đệ nhị trại chủ ghét cái mặt dăm chiêu lạnh lẽo của Lộc, và ngại người em ruột thịt của Bùi Văn Nhật (Bùi Đắc Tuyên). Thung biết mình ở vào thế cưỡi cọp, nên quyết định một ăn cả ngã về không. Ông chọn những nghĩa quân mạnh khỏe gan góc nhất sung vào đội xung kích chỉ dùng dao găm và mã tấu đánh xáp lá cà. Toán thứ hai dùng voi ngựa và phô trương đầy đủ cờ phướn để nghi binh. Toán thứ ba là toán hậu bị chờ tiếp ứng và vận lương. Thung cho mở trận tấn công từ tờ mờ sáng. Quân lính hai bên dàn thế trận hai bên truông đánh nhau suốt ngày vẫn chưa phân thắng bại. Thanh thế toán nghi binh không đủ để đánh lừa viên Tiết Chế nhiều kinh nghiệm chiến trường. Thung nóng ruột đích thân cầm dùi gióng trống thúc quân, nhưng đàn voi trận của quân triều dữ tợn quá, các toán xung kích không thể mon men đến gần được. Từ trên sườn núi, quân triều bắn tên qua như mưa, nếu không nhờ những gốc cây và lá chắn đan bằng nứa thì số thiệt hại của quân Tây Sơn còn cao hơn nữa.

Chiều tối, Thung cho lệnh thu quân, sáng hôm sau kéo dài cuộc chiến đấu vô vọng thêm một buổi nữa mà vị trí quân triều trên núi Bích Khê vẫn không hề hấn gì. Thung đành truyền lệnh rút quân, sau khi cho toán hậu bị đào hầm hố chờ cản đường địch truy kích.

Nhạc gặp Nguyễn Thung vỗ về, an ủi:

- Chúng không dám truy kích tức là còn nể mặt ông. Còn tôi đây hả? Chính tên Tiết Chế Nguyễn Phúc Xương này đuổi tôi chạy dài một mạch từ dinh Chăm về Bích Khê. Bao nhiêu công lao khó nhọc đổ xuống sông xuống bể hết. Tôi sẽ gặp anh em khuyên họ đừng nản chí. Thua keo này ta bày keo khác. Nói cho đúng thì chưa thua keo này ta đã chuẩn bị bày keo khác rồi. Tôi vừa tiễn hai đạo Trung nghĩa quân và Hòa nghĩa quân đi tối hôm qua. Sáng nay đến lượt đạo quân người Thượng của Y Dút (?). Keo này ông lo giùm cho tôi mặt nam, chuẩn bị tiếp ứng. Nhận nhé!

Nguyễn Thung không thể làm gì khác hơn là buồn bã gật đầu.

*

* *

Trong khi quân triều còn say men chiến thắng, Tập Đình, Lý Tài đã theo đường rừng qua Đồng Dài, xuống sông Lại Giang, mai phục để chặn đường về của quân triều ở Bồng Sơn. Nguyễn Thung thì phục binh ở phía nam núi Bích Khê để chờ tiếp ứng như đã hứa với Nhạc. Phần trại chủ dẫn hai toán của Bùi Đắc Tuyên và Nguyễn Văn Lộc men theo rừng phối hợp với toán người Thượng của Y Dút làm mũi chủ công.

Rút kinh nghiệm xương máu ở Quảng Nam, Nhạc tận dụng khả năng di chuyển mau lẹ và quen thuộc với địa thế gập ghềnh cây cối chằng chịt của toán quân Thượng. Hai toán người nam của Tuyên và Lộc trang bị tên lửa, hỏa hổ và giáo mác chờ sẵn ở phía bắc đèo Phú Cũ (?).

Chờ đến giờ Tuất (9 giờ tối), Nhạc ra lệnh toán quân Thượng đột kích quân triều trên sườn núi Bích Khê. Bị đánh bất ngờ, quan quân hoảng hốt ủa nhau chạy toán loạn. Voi, ngựa, tướng, sĩ chen nhau vào cái truông hẹp để chạy về phía Tam Quan, voi dẫm lên người, người chém người để tranh đường sống. Số thoát được ra khỏi truông chưa kịp mừng đã bị hỏa hổ và tên lửa đốt cháy, tiếng kêu khóc la hoảng vang xa qua mấy sườn núi. Về phần Tiết Chế Nguyễn Phúc Hương chạy bộ suốt đêm mới tới được Bồng Sơn vào sáng hôm sau. Quan Tiết Chế vào nhà một thường dân xin cho ăn uống.

Chưa ăn xong bát cơm, toán Trung nghĩa quân chừng hai mươi người đã xông vào nhà dùng giáo đâm quan Tiết Chế suốt từ ngực ra sau lưng. Đạo quân của Tiết Chế Nguyễn Phúc Hương ở núi Bích Khê coi như đã bị hoàn toàn tiêu diệt, trong vòng có một đêm! Đêm đầu tháng Hai năm Giáp Tý (1774).

Tin đạo quân đông đảo tinh nhuệ hơn một nghìn sáu trăm người của quan Tiết Chế bị tiêu diệt hoàn toàn bay nhanh ra bắc vào nam. Cả một hệ thống chính quyền và bộ máy phòng thủ lung lay, tự nó rệu rã trước khi quân Tây Sơn đến. Mà nghĩa quân thì thiếu ngựa khỏe, đa số phải đi chân đất để giải phóng các vùng phía bắc Sa Huỳnh và phía nam vịnh Xuân Đài. Cho nên phải bảy ngày sau đạo quân chân đất ấy mới đủ thì giờ trở lại Quảng Nam lần thứ hai, và lần sâu vào nam đến Bình Thuận. Sau trận Bích Khê lịch sử, thanh thế Tây Sơn lấy lưng khắp đàng trong từ nam ra đến bắc.

Chương 28

Người được Nhật cử thay thế Hai Nhiều ở vào tình cảnh khó xử. Lấy lại nhà viên chánh tổng ư? Làm thế thì nhần tâm quá! Cứ để mặc cho mẹ con bà Hai Nhiều ở lại ư? Ở An Thái có ngôi nhà nào khang trang đẹp để cho bằng nhà đó! Vấn đề không đơn giản là ở chỗ này hay chỗ khác. Với một người vợ và hai đứa con còn bé, lâu nay chui đút trong một túp lều thấp hẹp, mùa hè nắng nóng mùa đông hứng mưa, ở đâu mà chẳng được. Nhà rộng càng thêm mất công quét nhà. Nhưng đây là vấn đề danh dự. Dân An Thái sẽ nhìn vào, xì xầm với nhau. Thấy chưa, lão Hai Nhiều chết mà cái uy thừa vẫn còn làm cho người thay thế lão run sợ. Bộ dạng vạm vỡ oai nghi thế nhưng có dám đuổi con mẹ Hai Nhiều đi ở chỗ khác đâu. Coi hăn chui rúc trong cái xó đình kia! Lấn tha lấn thấn như ông từ giữ đền. Mất gì thì mất, nhưng không thể mất danh dự! Dân họ còn coi mình ra gì nữa! Họ khinh nhờn, làm sao làm việc?

Nghĩ như vậy, nên anh ta cương quyết đòi bà Hai tìm nhà nào thanh tịnh hơn cho hợp với tình cảnh góa bụa. "Tôi e ở đây kẻ ra người vào ồn ào quá, thím không chịu nổi". Anh ta nói với bà Hai như vậy.

Bà Hai dư hiểu người ta muốn gì. Tuy là cay đắng, tủi thân, nhưng bà cũng thấy đó là qui luật tự nhiên của đời sống. Chồng bà đến ở đây thay thế cho lão chánh tổng hiện bị cầm tù, thì đến lượt người khác đến thay thế chồng bà. Không còn cách nào khác thì phải vớt vát phần nào hay phần nấy những gì có thể vớt vát được. Chưa tới ngày hẹn, hai mẹ con đã dọn về ở nhà cũ, không quên khuôn theo cái phản gỗ, bộ tràng kỷ khảm xà cừ, sập chén bát toàn đồ sứ mỏng và cái mâm thau chậm nổi có ba chân nai.

An và gia đình viên cai cơ vừa mới làm quen với cuộc sống chung, chưa kịp hưởng sự thoải mái tin cẩn được bao lâu đã xót xa thấy mọi sự bị đảo lộn dữ dội. Bà Hai Nhiều cư xử đúng phép tắc của một người chủ nhà, hơn thế nữa, một kẻ từng có quyền thế. Bà không cần phải kiêng nể ai. An và vợ con viên cai cơ kẻ trước người sau chỉ là những kẻ vô gia cư đến ở nhờ nhà bà. So tuổi tác thì họ chỉ đứng vào hàng con cháu thôi. Bà có toàn quyền muốn làm gì thì làm.

Không cần hỏi ý kiến trước, bà sai Kiên dọn dẹp tất cả đồ đạc của An xuống nhà ngang, dành chỗ nhà trên cho bộ trường kỷ và cái phản gỗ. Bà trách An sửa đổi mấy khuôn cửa sổ và cái cửa lớn, vôi vữa lem nhem làm hư cả vách nhà cũ. Sửa như thế thà để trống toang hoác như cũ còn dễ coi hơn. Bà trách đồ đạc bề bộn không có chỗ bà đặt cái sập bà đựng đồ sứ Tàu, nhà bếp dơ dáy hôi hám như cái chuồng heo.

An không chịu nổi nữa, trả lời bà Hai:

- Thừa mợ, đúng là chúng con ở bẩn thật. Làm sao sạch sẽ cho bằng nhà tên chánh tổng. Cứ trông cái phản gỗ và bộ trường kỷ cũng đủ biết hăn sạch sẽ đến mức nào!

Bà Hai Nhiều biết cháu ăn nói xỏ xiên, giận tím mặt mà không biết phải trả lời thế nào. Đồ đạc này chẳng phải của nhà chánh tổng hay sao? Bà chối thì ai tin? Phân bua làm sao đây? Bà bức bối, tìm mọi cớ để gây gổ. Một cái rác cũng đủ sinh chuyện. Sáu người vừa đàn bà vừa con nít thuộc ba gia đình khác nhau, mỗi thân thuộc lỏng lẻo nhưng bị ràng buộc chịu đựng lẫn nhau trong cái nhà chật! Đúng là một thứ

địa ngục nhỏ!

Lại thêm sau cái chết của Hai Nhiều, bà Hai và Kiên gần như bị cô lập với hàng xóm. Trong thời đương quyền, cả hai vợ chồng tận hưởng lạc thú được vênh mặt lên cho kẻ khác khép nép, nên bây giờ không ai thềm thăm viếng, chào hỏi góa phụ và đứa con cô cút cả. Hai mẹ con quanh quẩn trong nhà, quẩn chân quẩn trí, lấy chuyện gây gổ làm lối giải tỏa. Với An, bà Hai còn dè dặt vì biết vai vế quan trọng của ông giáo dưới phủ. Còn đối với vợ con viên cai đội thì... không có tiếng sĩ nhục nặng nề nào bà Hai không dùng.

Con người chịu đựng sự đau khổ dễ dàng hơn sự sỉ nhục. Cho nên bà Hai Nhiều dọn về nhà cũ chưa đầy mười ngày, vợ con viên cai đội đã quyết định xuống phủ Qui Nhơn để tìm đường về quê. Người mẹ bàn việc đó với An. An cũng nhận thấy mình hoàn toàn cô độc ở An Thái. Không còn gì vương vấn ở đây nữa, ngoài những kỷ niệm. Họ đồng ý với nhau sẽ xuống phủ vào rằm tháng hai, và lẳng lặng, kín đáo chuẩn bị hành trang.

*

* *

Không hiểu sao An có tiên cảm lần này ra đi, không bao giờ cô trở lại An Thái nữa. Lần cuối cùng trong đời! Ý nghĩ đó khiến mọi vật mọi cảnh quen thuộc trở nên thi vị, huyền diệu.

Cả buổi chiều An thơ thẩn quanh vườn, ngùi ngùi bước từ cái giếng nhà cậu mợ ngược về phía nền nhà cũ, dừng lại ở chỗ đặt ang nước, lấy ngón chân cái di di lên chỗ đất cứng vì bếp lửa, đưa mắt dõi theo những vệt tường cháy, tái dựng căn buồng kín gió của mẹ, phòng trước, bậc thềm, chái nhà học. An rơm rớm nước mắt, lòng nặng trĩu kỷ niệm.

Cô cảm thấy cô độc, nhỏ bé, yếu đuối. Cuộc đời mệnh mông và hiu quạnh biết mấy! Không có phương nào chờ đợi cô! Cô không sống cho ai cả, không biết sống để làm gì, những ngày sắp tới chắc cũng vô vị tầm thường như những ngày đã qua. Cô muốn ngộp thở vì thất vọng. Vườn chuối xơ xác, bụi tre ngả nghiêng, cỏ dại mọc đầy trên lối đi, đất đai ở đây như đã cạn sức sống nên cây cỏ hoang sơ, héo úa. An không thể chịu đựng thêm nữa cảm giác bị tù hãm trong vùng đất chết!

Không tự chủ, An bước ra đồng. Qua mấy tháng nhiều nương, nhiều vùng ruộng bị bỏ hoang, lúa tháng ba ở vài đám ruộng ở gần nương nước bắt đầu oằn đầu vì những gié xanh ngậm sữa. Mùi lúa thơm mơn man khiến An cảm thấy lâng lâng, lòng cô đỡ nặng. An quyết định đi thăm mộ mẹ. Trước ngày đi Cù Mông, Lãng có đem cuốc vun quén lại mộ, nhưng nước mưa đã xói lở một góc, dấu chân bò còn in sâu trên vòng đất nâu lún phún cỏ dại. An cảm thấy đau nhói như có ai vừa dẫm lên ngực mình. Cô lấy tay lấp dấu chân bò, nước mắt ràn rụa. Cô nói:

- Con khổ quá mẹ ơi! Mẹ bỏ con bơ vơ một mình trên đời, rồi mọi người lần lượt bỏ con, xa lánh con. Không ai đoái hoài tới con. Không hiểu họ mê cái gì hở mẹ! Một ngôi nhà ấm cúng, một đôi vợ chồng thương yêu nhau, vườn cải hoa vàng có bướm bay, khói tỏa lên ở bếp đúng ngày hai bữa, trẻ con oe oe trong nôi, tiếng cười đùa trước ngõ, những điều đơn giản ấy đối với con đẹp đẽ và quyến rũ biết bao! Nhưng tại sao không có ai cùng mơ ước đơn giản như con hở mẹ! Họ chạy theo cái gì? Họ mê mãi cái gì

để đến nỗi không ai nhớ tưởng đến con, xem như con không có trên cõi đời vậy? Con còn sống hay đã chết, con khổ cực hay sung sướng, mạnh khỏe hay đau yếu, không là gì cả đối với họ. Mẹ ơi, hóa ra bao lâu nay con chỉ nghĩ quẩn, con tưởng tượng ra những điều không có thực, nâng niu những điều mơ ước. Con tự làm khổ con. Mẹ có nghe con than vãn không? Mẹ có hiểu lòng con không? Có lẽ đây là lần cuối cùng con ra thăm mẹ. Con có dự cảm như vậy, nhiều khi chỉ là ý nghĩ vẩn vơ nhưng nếu đó là sự thực, thì xót xa quá mẹ ơi! Trâu bò dẫm lên thân thể mẹ, nước xối vào thân thể mẹ, mẹ có đau không? Xin mẹ phù hộ cho cha con. Hình như độ này cha con có vẻ buồn bực, cô quạnh. Cha lơ lửng giữa những gì xa lạ, nhiều lúc con có cảm tưởng cha không còn chỗ nào để đặt chân bước tới. Mẹ nên thương hại cha. Bao nhiêu năm nay cha lo âu cho các con, và càng ngày cha càng lo âu thêm lên. Chắc mẹ biết rồi. Anh Kiên như vậy, anh Chinh như vậy. Phần Lãng chắc đã nhiều lần ra đây than thở với mẹ. Còn con, con gái độc nhất của mẹ, mẹ ơi, sao con khổ sở thế này?

An khóc rấm rức một hồi mới thấy lòng dịu lại. Cô được tâm sự với mẹ, bao nhiêu cay đắng, thất vọng hòa vào nước mắt và khô trước gió! Tuy vậy trên đường trở về, lòng An vẫn cứ ngùi ngùi. Mặt trời đã sắp lặn. An theo lối tắt về gặp trước khi chạng vạng. Lối mà suốt cả thời thơ ấu An sợ không dám qua, vì cái miếu hoang đầy chim và rắn.

Bây giờ cây cối um tùm quanh miếu đã bị phát quang, cái miếu nhỏ bé trở lại và xấu xí hơn An tưởng. Cô mới chợt nhớ mấy tháng trước Huệ đóng quân ở đây, ngay trên gò đất này. Lòng cô hồi hộp nhìn quanh tìm dấu vết của doanh trại cũ. Không còn gì, ngoài một vài lỗ cột gỗ loét trên thảm cỏ ấy! Và một lần nữa, An đau xót nhức nhối vì hình ảnh những vết thương không bao giờ lành!

*

* *

An và vợ con viên cai đội xuống phủ đúng vào lúc Nhạc đưa toàn bộ lực lượng ra chiếm Quảng Nam sau trận chiến thắng Bích Khê. Gần như hầu hết những người đàn ông khỏe mạnh đều ra đi, thế giới trong phủ thành là thế giới của những chinh phụ và bọn chức việc da mết chuyên nghề cạo giấy.

Họ tìm ông giáo và Kiên không khó khăn. Ông giáo được Nhạc ủy thác việc tổ chức hành chính và quản lý thuế khóa trong toàn phủ, còn Kiên thì giúp lũ cai quản quân lương.

Kiên bần thần cả người khi nghe vợ viên cai đội nói rõ vì sao phải bỏ An Thái. Anh lúng túng hỏi:

- Bây giờ chị tính sao?

Vợ viên cai đội nói với giọng nóng nảy, hờn dỗi:

- Còn tính sao nữa! Nay đường đã thông rồi, mẹ con tôi chỉ còn một lối là dắt díu nhau về quê nhờ vả bà con qua ngày!

Kiên không tin tai mình, thảng thốt hỏi:

- Chị nói thật à?

- Chứ chú tính tôi ở đây với ai, làm gì mà sống. Giá hai đứa nhỏ đi ăn mày được, thì ba mẹ con tôi dắt díu lây lất ở đâu đường xá chợ nào đó, đỡ phải về quê trong cảnh rách rưới đói khát...

Vợ viên cai đội còn tả oán nhiều hơn nữa, càng nghe nói ruột Kiên càng rối lên. Có một điều Kiên

hơi mừng, là chị ta không muốn về Điện Bàn. Quê hương không dung thứ cho những đứa con thất thế. Một là chết rấp ở chân trời góc biển nào đó, hai là trở về mũ áo xanh xang. Đã bỏ xứ ra đi mà không mang được gì về là làm nhục bà con láng giềng. Lúc đó quê hương trở nên đanh ác, tàn nhẫn. Vợ viên cai đội biết rõ điều ấy lắm. Cho nên khi Kiên đề nghị tạm ở lại phủ một thời gian để anh tìm cách xếp đặt cho kế sinh nhai, chị ta bằng lòng ngay. Kiên năn nỉ xin Lữ cho phép ba mẹ con ở tạm một ngôi nhà vô chủ sát phía nam thành, gần bến bọn mã phu thường dẫn ngựa ra tắm. Chị ta lập một cái quán nhỏ bán kẹo bánh lật vặt và nước trà nóng, rượu. Trong khi chờ cho nắng hong khô bộ lông ngựa hoặc chờ chúng ăn cho xong giỏ cỏ, bọn mã phu ghé lại quán ực một ly rượu gạo, hay cắn một miếng kẹo đậu phộng. Thêm chút ít gạo, tiền do Kiên giúp, ba mẹ con sống được qua ngày. Họ bỏ hẳn ý định về quê!

Phần An, cô không hề nghĩ có nhiều công việc đã chờ sẵn cô dưới phủ. An tưởng mình xuống đây chỉ để lo cơm nước cho cha và anh, chờ già giữa bếp núc khói ám. Cô không còn gì khác để hy vọng. An đã lắm. Gia đình những nhân vật quan trọng chung quanh Nhạc, và cả gia đình Nhạc từ Tây Sơn thượng đã dời về Kiên Thành, rồi từ Kiên Thành dời xuống phủ. Vốn xuất thân từ những anh buôn trâu, chị đàn bà giữ con, kếp hát, thầy cúng, tá điền, thợ mộc, thậm chí đến kẻ trộm cướp và dân xiêu dạt vô gia cư, những người mới có quyền thế phải học hỏi để ăn mặc, nói năng, đi đứng, cư xử cho đúng với vị trí mới. Nhất là các bà các cô. Vì tự ái họ không thể hạ mình nhờ vả bọn vợ con hào lý còn nán lại để chờ chồng con măn hận tù, hoặc bọn trưởng giả cũ. An trở thành người được săn đón mời mọc vì là con gái ông giáo, lại đã từng lớn lên ở kinh đô, và nhất là cách ăn mặc đi đứng của An có một vẻ khoan thai ung dung hết sức quý phái và tự nhiên. Cô được vợ Nhạc nhờ dạy thêm chữ, dạy thêu thùa, trang điểm, dạy cả đến cách giao thiệp ăn nói cho cô con gái Thọ Hương. Gia đình Bùi Văn Nhật cũng gửi gắm người em gái lên 14 tuổi cho An dạy chữ. Nhờ thế, An quên được phần nào những đau khổ riêng.

*

* *

Thọ Hương giống cha hơn giống mẹ. Cũng như Nhạc, cô có một đôi mắt hơi xếch và đôi lông mày nhạt. Khuôn mặt cũng hình lưỡi cày. May mắn là cô thừa hưởng từ phía mẹ cái mũi dọc dừa, nước da bánh mật thật mịn và cặp môi đỏ. Phần riêng của Thọ Hương là mái tóc dày và mượt, tuổi trẻ, và cái tật ưa cắn lấy môi dưới mỗi lúc e lệ hoặc bối rối.

Thọ Hương mang đến cho An một cái tráp hình hộp sơn đen, nắp tráp vẽ hình một đôi chim loan đang rìa lông cho nhau. Cô cắn môi dưới, da hồng thành màu trái mềnh quýt, rụt rè hỏi An:

- Hôm nay chị rảnh không? Bày giùm cho em nhé!

An nhìn cái hộp, đoán là đồ thêu thùa, hỏi lại:

- Cái khăn hôm qua em thêu xong chưa?

- Khó quá, chị. Em kéo chỉ thật căng, nhưng mấy cánh hoa cứ nổi cộm lên. Tháo đi tháo lại hai ba lần, đến khuya mẹ bảo phải đi ngủ.

- Em có đem cái khăn theo không. Trong này hả? Mở cho chị xem!

Thọ Hương lại cắn môi dưới, dằn ngăn ngừa. Một lúc lâu cô mới thú thật:

- Không phải hộp đồ thêu, chị An ạ. Cha em mới nhờ anh Lợi đem về cho em đây.

An tò mò hỏi:

- Thế à! Nhưng đựng thứ gì trong đó? Chị mở được không?

Thọ Hương đỏ mặt gật đầu. An đưa ngón tay bật cái chốt khóa, giở nắp hộp lên. Mùi son phấn tỏa ra thơm nức. Trong cái hộp lót nhiều màu hồng, có một hộp phấn và một thỏi son. Phía dưới nắp hộp gắn một cái gương nhỏ hình chữ nhật, và một bọc vải cũng bằng nhiều đựng một cái lược bằng ngà, và một cái trâm bằng thứ ngọc màu xám có vân.

An trầm trồ khen:

- Đẹp quá. Mua được ở đâu thế? Chắc đắt lắm!

Thọ Hương thực thà đáp:

- Cha em lấy được trong dinh tuần vũ Quảng Ngãi đấy. Dùng thế nào hở chị?

An cũng chân thật đáp:

- Đồ trang sức sang trọng quá chị chưa từng thấy, nên không biết trả lời em ra sao. Lúc nhỏ chị có thấy các cô con gái con quan nội hữu thoa son đánh phấn, nhưng thứ son phấn khác kia. Son cũng dùng thỏi, nhưng phấn thì từng cục hình như hình con ốc. Phấn nọ đấy mà. Còn ở đây... chị giở ra được không?

Thọ Hương vội nói:

- Được chứ chị. Cha đã cho em rồi mà. Em mở mãi không ra. Lấy mũi dao cạy cũng không được. Bị sờn ở cái nắp chị thấy không?

An cố gắng lấy nắp hộp phấn nhưng không được. Chợt cô đoán:

- Phải rồi, ta xoay ngược từ trái sang phải. A, được rồi. Phấn yên chi Hương ơi!

- Yên chi, là thứ gì chị?

- Là một loài cây bên Tàu có hoa màu đỏ tím, trong hạt có phấn trắng dùng để trang điểm.

- Thế hộp phấn này đem từ bên Tàu qua hở chị?

- Nhất định rồi. Em xem cái hộp này đủ biết. Có điều hơi lạ là phấn màu hồng nhạt, không phải, màu nâu nhạt. Tại sao không phải màu trắng Hương nhỉ? Đây, em ngửi xem, thơm dịu chứ không nồng. Thọ Hương kề mũi xuống sát hộp phấn, cười hãnh diện. Rồi cô cầm cái thỏi son bọc giấy hoa hỏi An:

- Chị thấy loại son này chưa? Em không dám mở, sợ làm hư như lúc nọ cái nắp phấn.

- Chị mở nhé?

- Vâng. Coi chừng rách lớp giấy hoa, uống chị. Em xin lỗi. Chị mở tiếp đi. Chẳng nào rồi cũng phải mở mà dùng chứ. Để mà ngắm à. Giống như sáp chị nhỉ.

- Loại này thì chị đã trông thấy rồi. Màu hồng ngả tím. Loại tốt, còn có vị the như bạc hà. Em đưa chị tô môi xem có đúng vị bạc hà không?

Thọ Hương cười xấu hổ, vội đưa cả hai tay lên che mặt:

- Không, không, kỳ chết! Chị nếm thử đi.

An cười nói:

- Kìa, sao lại kỳ? Đàn bà con gái trang điểm son phấn là chuyện thường. Nếu không cha em cho em

làm gì.

- Nhưng chưa bao giờ em thoa son cả. Cũng chưa bao giờ đánh phấn. Trang điểm thế này, người ta cười cho. Chịu thôi!

An hỏi cắc cớ:

- Thế em đem sang đây làm gì?

Thọ Hương lúng túng, rồi đáp bừa:

- Đem sang cho chị dùng thử xem sao. Nếu chị dùng được, em sẽ...

- Á à, vậy Hương muốn chị dùng thử xem có bị bỏng da tái môi hay không rồi mới dám dùng phải không?

- Không phải thế. Em xin thề là...

- Chị nói đùa mà, thề thốt làm gì. Thôi được. Để chị đánh thử thứ phấn này xem sao. Em có đem gương theo không? À quên, cái hộp này có gắn gương kia mà. Em đóng dùm cánh cửa cho chị. Lỡ ai trông thấy, ngỡ ngàng chết! Tối quá Hương ơi! Em mở hé thêm chút nữa. Như vậy, khép bớt lại không ở ngoài trông thấy. Được đấy. Em lại đây chị vẽ cho cách dời phấn.

Hai người cười nói rúc rích một lúc, vừa trang điểm vừa chòe ghẹo nhau. An tự dời phấn, thoa son xong, ngỡ ngàng quay mặt về phía Thọ Hương hỏi:

- Em thấy thế nào?

Thấy Thọ Hương mở to mắt nhìn An không nói, An lo âu, che giấu sự xấu hổ bằng cách bảo:

- Đúng là có vị bạc hà Hương ạ. Tối quá, chị bôi bác chắc trông kỳ cục lắm. Tìm cho chị cái khăn chùi mau đi.

Thọ Hương vội nói:

- Chị điên sao! Để em mở rộng cửa sổ cho chị soi gương. Chị đẹp quá chị An ơi! Không tin chị nhìn vào gương đi.

Thọ Hương chạy đến chỗ cửa sổ xô mạnh cánh gỗ khép hờ. Ánh sáng ủa vào phòng, An liếc nhìn vào gương, và đột nhiên tim cô đập nhanh vì hân hoan. Thọ Hương tíu tít nói:

- Hèn gì chú Tám cứ một điều cô An hai điều cô An. Đến nỗi cha em phải gắt lên.

An ngờ ngác hỏi:

- Chú Tám nào?

- Chú Tám Thơm đó. Chú Huệ đó. Chị còn giả vờ mãi. Tập thơ bìa bọc nhung chị cất vào đâu em không thấy?

- Tập thơ gì?

- Thôi chị ơi. Chị tưởng em mù hay sao?

- Chị hỏi thật mà!

- Lại thật! Tập thơ chú Tám lấy được trong phủ Bình Khang gửi biểu chị đấy! Của nhà thơ lớn nào tận bên Tàu, cha em nói thế. Chị biết không, cha em đọc mấy chữ chú Tám viết kèm theo gói sách gửi chị, bật cười ha hả rồi bấu môi như thế này này, cha em nói: Cái thằng! Lo chuyện đánh đấm chưa hết hơi hay

sao mà còn bày đặt thơ với thần! Chị biết tính cha em rồi, chúa ghét văn chương thơ phú viễn vông!

Càng nghe Thọ Hương nói, An càng hồi hộp, choáng váng. Hóa ra anh ấy có gửi sách và thư cho mình sao? Quà gửi lúc nào? Sao không tới tay mình? An cầm lấy hai tay Thọ Hương lắc lắc, khẩn khoản, van nài:

- Chị nói thật đó Hương. Chị không nhận được sách vở thư từ gì của chú Tám Hương hết! Chị không giấu đâu. Ở đây chỉ có hai chị em mình, chị giấu làm gì. "Chú Tám" gửi sách cho chị lúc nào? Cha em sai ai chuyển cho chị?

Đến lượt Thọ Hương kinh ngạc:

- Lâu rồi mà chị! Cách đây cả tháng trời, hồi chú Huệ đem quân vào lấy phủ Phú Yên và Bình Khang. Cha em chưa đưa quà cho chị thật à?

- Chưa. Chị nói thật mà Hương!

- Thế thì lạ quá! Có lẽ sau đó cha em bận chuẩn bị đánh dần ra Quảng Nam nên quên khuấy đi. Để em chạy về lục lại xem còn bên đó không. Chị chờ em chút nhé. Sao mặt chị tái mét thế?

An vội nói:

- Không đâu. Có lẽ chị dồi phấn nhiều quá đấy. Em chạy gấp về bên nhà xem mẹ có sai bảo gì không. Tới giờ cơm chưa?

An nôn nao chờ Thọ Hương trở lại, nhưng chờ mãi chờ hoài không thấy bóng Thọ Hương đâu. Buổi chiều người em gái Bùi Văn Nhật cắp sách đến học viết, An không còn thiết dạy dỗ gì nữa, cho cô bé nghỉ một hôm. Cô bé lo lắng hỏi:

- Cô bị bệnh phải không? Em về lấy dầu khuynh diệp cho nhé?

An muốn yên tĩnh để suy nghĩ, vội gạt đi:

- Không sao! Chị chỉ xâm xoàng sơ sơ thôi. Em về chép lại trang này nhé. Bắt đầu từ câu: Đường lệ chi hoa, thiên kỳ phản nhĩ”^[1]. Rán viết kỹ hơn hôm qua nhé!

*

* *

Buổi tối An sửa soạn cơm nước trễ. Ông giáo gặp nhiều chuyện buồn phiền trong phủ nên hai cha con lặng lẽ và cơm dưới ánh đèn dầu. Lâu lâu, ông giáo lại hỏi An:

- Nó không dặn con gì cả à?

An trả lời cụt lùn:

- Dạ không.

Rồi tiếp tục cầm cúi ăn. Ông giáo bốt mệt thì nổi bần chồn càng tăng. Ông hỏi:

- Mấy ngày nay con thấy nó có gì lạ không?

An chú ý hơn đến nỗi lo của cha, vội đáp:

- Dạ có. Ảnh như người đang ngồi trên lửa. Hết đi ra lại đi vào. Con hỏi, ảnh không nói.

Ông giáo buồn rầu, thở dài rồi bảo:

- Cha đoán thế nào rồi cũng phải đến. Nhưng lâu nay cha hy vọng nó nghĩ lại, khi mấy mẹ con đã có nơi ăn chốn ở. Ai ngờ...

Ông giáo không nói tiếp. An cũng dùng lối nói mơ hồ như cha, sợ động đến nỗi đau đớn chung của gia đình:

- Hôm kia em gái ông Nhật bảo bọn mã phu kháo với nhau rằng... ôi toàn những câu đùa bỡn độc địa. Cô ấy hỏi con có đúng như vậy không. Con bảo miệng lưỡi thiên hạ độc địa quá, anh ấy có bốn phần phải trả cái ơn sâu ngày trước. Cô ấy nói chính mắt cô trông thấy ảnh xoay trần ra, cặm cùi đục đẽo sửa lại cái quây rượu cho người ta, y như một người chủ gia đình. Cô ấy còn nghe ảnh gọi người ta là “nhà ơi”...

Ông giáo nóng nảy cắt lời An:

- Thôi đừng kể nữa. Coi như không có nó trong nhà này.

An mạnh dạn nói:

- Dù sao chẳng nữa cũng phải chờ mãn tang. Và có cưới xin đằng hoàng. Thiên hạ chỉ chờ có thể để nói bóng nói gió về cái nghiệp nho của cha.

Ông giáo cay đắng nhắc đi nhắc lại lời con:

- Nghiệp nho! Nghiệp nho! Đúng là một cái nghiệp!

Hai cha con không nói gì thêm, trệu trạo cho xong bữa. An vừa dọn mâm chén xuống bếp thì Lợi đến. Như mọi lần, hai tay anh ôm một quả lớn. Ông giáo cũng quá quen với chuyện biếu xén của Lợi, thản nhiên chờ Lợi đem đặt hộp quà chỗ kệ gỗ, không chút áy náy hay khách sáo. Ông hỏi:

- Anh mới về à?

Lợi tự nhiên đến ngồi trước mặt ông giáo, tươi cười đáp:

- Dạ. Đáng lẽ con về sớm hơn, nhưng trưng dụng không đủ ghe. Ra khơi lại bão. Xuống bến chợ Giã con phải nằm suốt hai ngày đầu óc mới hết choáng váng. Thế mà đến giờ mỗi lần đi đâu, con đường trước mắt cứ nhấp nhô như sóng. Không biết đến bao giờ toán kia mới về tới đây. Thầy có tin gì không ạ?

- Anh bảo toán nào?

- Dạ toán dẫn voi. Chuyển đánh Quảng Nam lần này ta thu được nhiều chiến lợi phẩm hơn kỳ ra Quảng Ngãi năm trước. Riêng voi không thôi đã được bốn mươi lăm thớt. Ngoài ra còn vô số vũ khí, trống chiêng, cờ xí, lương thực. Phủ Quảng Nam giàu thật. Con quên kể với thầy là vũ khí lớn bây giờ của ta dồi cát lợi tặng triều đình để phòng thủ dinh chàm đều bị ta đoạt.

Ông giáo không tò mò việc quân, nên hỏi Lợi:

- Kỳ này ông cả giải quyết số của cải, lương thực thu được thế nào, anh có biết không? Hay lại rắc rối sinh chuyện như lần trước?

Lợi mắt sáng lên. Ông giáo vừa hỏi đến điều anh quan tâm nhất. Lợi mau mắn nói:

- Nếu không kịp thời báo cho trại chủ thì rầy rà to. Người nào cũng cho thuộc hạ tom góp chiến lợi phẩm trong vùng của mình đem xuống ghe, định chở về đây làm của riêng. Có người chở đến trên mười chiếc ghe vẫn chưa hết đồ đạc. Con không thể nói rõ cho thầy người nào bao nhiêu ghe, ai ít ai nhiều, nhưng lòng tham thực không có đáy. May ông cả biết kịp, ra nghiêm lệnh sẽ chém tại chỗ những ai dẫm lên

xương máu anh em cướp đoạt tài sản dân chúng làm của riêng. Nhiều người bất mãn ra mặt. Có người hỏi thẳng con rằng đã theo ông cả khó nhọc bao lâu mà không được tự do tom góp của cải đem về cho vợ con, thì chịu khó nhọc nguy hiểm làm gì. Con nói điều này xin thầy đừng lộ cho ai biết, bọn bất mãn nhất không ai khác hơn đạo Trung nghĩa và Hòa nghĩa. Thủ hạ của họ phần lớn xuất thân dân cướp biển.

An từ dưới bếp lên ngồi lắng lắng nghe hai người nói chuyện, đến lúc đó mới chen vào hỏi:

- Anh có gặp anh Chinh không?

Tự nhiên nét mặt Lợi không vui. Anh ta đáp:

- Có. Nhưng lúc xuống ghe về chợ Giã thì đạo quân của hai ông Tập Đình, Lý Tài đã chuyển lên phía Trà Kiệu.

Ông giáo vội hỏi:

- Nó có nhả gì không?

Lợi không dám kể hôm đó Chinh uống rượu say sưa, đến lúc Lợi chia tay Chinh vẫn chưa tỉnh lại, nên nói dối:

- Chinh định gửi cho con lá thư. Nhưng lúc ghe nhổ neo con chờ mãi không thấy Chinh đâu. Về sau mới biết có lệnh chuyển quân của ông cả.

Ông giáo nghiêm mặt hỏi:

- Tóc nó đã mọc dài ra chưa?

Lợi muốn cười mà không dám cười, liếc nhìn về phía An trước khi đáp:

- Dạ đã khá dài. Nhưng chưa búi được.

Ông giáo hỏi tiếp:

- Nó còn ở trần không?

Lần này Lợi đáp đúng sự thực:

- Dạ chỉ khi nào ra trận thôi.

Ông giáo gằn giọng nói:

- Lần này khi ông cả về, tôi sẽ xin rút không cho nó theo Lý Tài nữa. Không ai biết rõ con bằng cha mẹ. Nó đi với họ như chim sổ lồng, sợ ít lâu nữa quên mất tiếng nam. Nó còn dám say sưa nữa không?

Lợi lúng túng trước khi đáp:

- Lúc gặp con thì Chinh tỉnh táo.

Ông giáo hiểu lối tránh né khéo léo của Lợi, buồn phiền không nói thêm điều gì. Nhân cơ hội tốt, Lợi đến chỗ đặt hộp quà tháo dây buộc, đưa từng thứ ra nói với An:

- Phải nhận là cửa Hội đông vui hơn dưới chợ Giã nhiều. Lúc ta đến một số thuyền bè đã trốn ra khơi nhưng trên bến vẫn còn đậu san sát. Chuyến này có nhiều thì giờ nên tôi tìm đủ thứ cho An. Ngoài đó đường phèn và quế rẻ mạt. Loại quế này thịt dày, thơm và cay hơn các thứ thường bán ở đây. Gói đường phèn này An tìm chỗ khô ráo mà cất, sợ ẩm chảy nước. Hôm nào lạnh, An lấy đường phèn chưng với chanh cho thầy ăn, trị trước bệnh ho. Vì cá thì phải có thêm ngũ vị nấu mới ngon. An hỏi ở tiệm thuốc bắc ngoài phố. Hồng, lê, táo ở Hội An ê hề, tôi lựa mãi mới được mấy chục quả có thể đem về đến đây mà không hư.

Đây gói kim châm và năm hương. Còn đây là “dầu – thái”. Không phải là một loại dầu đâu. Bắp cải làm theo lối Tàu đấy. Đại khái cũng như cách làm của ta, nhưng để An ăn thử xem, nó có vị lạ hơn.

Soạn bao nhiêu gói nhỏ gói lớn trong hộp, Lợi mới rút trong bọc áo một gói giấy khác đưa cho An, nhỏ giọng bảo:

- Còn đây là quà riêng cho An.

An cảm động, chớp chớp mắt hỏi:

- Anh chỉ vẽ! Đã biết bao nhiêu thứ rồi!

Lợi liếc về phía ông giáo, nói nhỏ hơn:

- Nhưng An phải có phần riêng chứ. An mở ra đi.

An cởi sợi chỉ điều buộc gói giấy. Bên trong có một cái khăn nhiều màu xanh lá mạ. Lợi nói:

- Màu này hợp với nước da của An lắm. Nhất là những hôm trời trong có nắng. Nước da hồng choàng thêm cái khăn lá mạ! Mong ngày mai trời có nắng!

*

* *

Hôm sau xuống kho lương tìm Kiên để chuyển lời cha gọi (đêm hôm trước, Kiên không về) An gặp nhiều người cùng về một chuyến với Lợi. Nhờ vậy An được nhìn Lợi từ một góc độ khác.

Cô biết thêm những điều Lợi giấu không nói với ông giáo. Chẳng hạn lý do vì đâu Nhạc vội vã ra lệnh chuyển gấp hai đạo Trung nghĩa quân và Hòa nghĩa quân lên Trà Kiệu. Một phần không nhỏ số của cải Lợi chở về Qui Nhơn, chất khẳm gần hai mươi chiếc ghe bầu là “chiến lợi phẩm” của hai đạo quân này. Luôn luôn giữ vai trò xung kích mở đường trong các trận đánh nên đám thuộc hạ Tập Đình, Lý Tài thu góp được vô số của cải quý giá. Lại xuất thân từ nghề cướp biển nên họ biết lo xa, luôn luôn dành sẵn một số ghe thuyền ở các bến sông bãi biển thuận lợi để chuyên chở số hàng thu được đến nơi an toàn, “lo trước cái lo của mọi người” như lời dạy của Khổng phu tử. Sự “khôn ngoan” của họ tác hại ghê gớm đến tinh thần nghĩa quân. Các toán đến sau chịu đựng sự căm thù, ác cảm của dân chúng, hoặc lảng lạng giả vờ không nghe thấy những lời chửi rủa bóng gió của họ, hoặc nổi giận vờ vết sạch sẽ những gì còn thừa lại, từ con gà đang ấp cho đến một trái dưa non. Nhạc mau chóng thấy rõ nguy cơ, nên khi nghe Lợi báo cho biết chỗ các ghe tàu của Tập Đình, Lý Tài chất hàng, ông quyết định phải có biện pháp mạnh mẽ, dứt khoát. Một mặt ông sai Bùi Đắc Tuyên đem một toán quân đến bao vây bến ghe, một mặt ông tập trung tức khắc hai đạo quân của Tập Đình, Lý Tài và chuyển gấp lên miền tây. Lợi đã thuật đúng sự bất mãn của bọn thuộc hạ Tập Đình, Lý Tài, nhưng anh đã giấu không cho ông giáo biết họ căm thù Lợi đến mức nào. Đối với Lợi, những người cầm quân xông pha đây đó, gặp bao nhiêu nguy hiểm gian khổ giữa tên đạn, tro bụi, họ có một lối cư xử phức tạp, mâu thuẫn với anh. Một đằng họ xem thường Lợi như một thứ bạc nhược vì không đủ sức múa gươm giương cung nên phải đánh võ mồm, dùng ba tấc lưỡi che dấu sự bất túc. Đằng khác vì cần đến sự tiếp tế của Lợi, thậm chí cần đến sự thông cảm làm ngơ của Lợi đối với vài trường hợp buông thả, dễ dãi cho quân lính phẫn khởi, họ phải nể nang Lợi. Làm thân với Lợi, chỉ có lợi chứ không có hại. Ít ra là lợi trước mắt, như có rượu thịt ê hề cho một cuộc say, có chút quà gửi về cho vợ con. Lợi trở

nên một người có uy thế, tuy là uy thế giả tạo. Khi Lợi quay lưng đi, những người vừa anh em em với Lợi liền cười nhạo bêu môi.

An không sống trong không khí sôi động của chiến trường gian khổ nên ngỡ ngàng không hiểu vì đâu những người An gặp ở kho lương mĩa mai Lợi cay độc như vậy. Cô đỏ mặt, tưởng ai ai cũng biết cái khăn quàng màu lá mạ trên đầu cô do đâu mà có. Cô cảm thấy bị sỉ nhục, nên không chờ được Kiên, bỏ về nhà.

Ra đến cổng kho, một nghĩa quân trạc 30 tuổi khuôn mặt lạnh lợi chạy theo An hỏi:

- Cô ơi! Cô có phải là con gái thầy giáo không?

An tưởng người ta sắp xô xiên về cái khăn nhiễu của mình, dừng lại sừng sộ:

- Ông muốn gì?

Người lính ngơ ngác, lúng túng hỏi:

- Xin lỗi có phải cô là cô An không?

An thấy mình giận dữ vô lý, vội dịu giọng đáp:

- Vâng.

Người lính lật đật rút ra một tờ giấy gấp tư trong túi đưa cho An, e dè bảo:

- Có thư của cậu Chinh gửi về. Hai hôm nay tôi tìm mãi không biết cô ở đâu. Lên An Thái người ta bảo cô đã dời nhà rồi!

An không muốn tỏ sự vui mừng trước người lạ, cảm ơn anh ta rồi dợm bước đi. Người lính vội nói:

- Xin cô đọc ngay cho. Cậu Chinh viết riêng cho cô, và dặn cô đọc ngay để trả lời.

An không có cách nào khác là giở thư anh ra đọc. Lá thư viết bằng nét chữ cầu thả nhưng dài khác thường. Chinh viết: (dịch nôm)

An ơi. Có chuyện gấp cầu cứu đến em đây. Em giấu đừng cho cha biết chuyện này. Anh mắc nợ bạn bè mỗi người một ít. Chỉ riêng với anh bạn mang thư này, anh mắc nợ nhiều nhất, tất cả là hai mươi quan. Em tới gặp Lợi, hỏi mượn tạm một trăm quan đưa trả cho anh bạn này. Anh biết Lợi có nhiều tiền, Lợi không dám từ chối đâu. Có dịp về thăm nhà, anh sẽ đem tiền trả lại cho Lợi. An đừng giận anh, ráng giúp đỡ ngay cho anh việc đó.

Cha vẫn khỏe mạnh chứ? An Thái có gì lạ không. Thắng “mủ mít” còn nằm khoèo ngâm thơ hay làm gì khác? Anh Kiên chắc vẫn ở lì dưới phủ chứ? Cho anh gửi lời thăm cả nhà, và những thâm quyến xa gần. Nhớ lo gấp việc anh nhờ.

Chinh

An đọc xong lá thư, vừa thương vừa giận anh. Cô không biết trả lời với người mang thư thế nào! Chinh chưa biết An đã bỏ An Thái, và Lãng đã nhập ngũ. Nhưng Chinh biết rõ tình cảm của Lợi đối với cô, và đặt An trước một việc nan giải. Đã đành đối với Lợi, An luôn luôn cảm thấy thoải mái vì được sống trong sự dung thường, khỏi phải phí sức cố gắng hay khổ sở vì mặc cảm như đối với Huệ. Đôi lúc An còn cảm thấy mình cao hơn Lợi, do đó mỗi lần Lợi đến thăm, cô được tự nhiên muốn ngồi thế nào cho dễ chịu thì ngồi, muốn nói gì thì nói, khoan khoái tận hưởng sự dễ dãi buông thả của mình và sự chiều chuộng đến cái vụn vặt nhất của Lợi. Nhưng ngựa tay mượn Lợi đến hai mươi quan, trời đất hỡi! Có bao giờ An nghĩ

đến lúc nhục nhả này! Phải làm sao đây? Người mang thư vẫn kiên nhẫn đợi An. Cô phải hứa liều:

- Gấp quá tôi không thể lo ngay được. Sáng mai có được không anh?

Người lính mừng rỡ nói:

- Dạ được. Mốt tôi mới xuống chợ Giã. Mai tôi gặp cô ở đâu?

An nói trong hoang mang:

- Ở đây. Cũng khoảng giờ này.

Rồi vội bước gấp ra đường cái.

*

* *

An lóng ngóng chờ Thọ Hương gần đến trưa không được, phải vội đi tìm Lợi. Cô gặp Lợi đang đứng nói chuyện với Huyền Khê ngay trước cổng kho quân lương nên e ngại, hồ thẹn định bỏ về. Lợi thấy An, vẻ mặt mừng rỡ nhưng giọng nói có vẻ kể cả:

- An chờ tôi một chút.

Khiến An càng hồ thẹn hơn. Cô có cảm tưởng Lợi đã biết trước là An đến mượn tiền. Không thể tại sao lại có cái giọng kể cả như truyền lệnh cho kẻ dưới? An đành phải đứng chờ hai người nói chuyện xong. Nghe cô Huyền Khê hỏi Lợi:

- Trại chủ có nhận được thư khiếu nại của tôi không?

Lợi lễ phép đáp:

- Dạ có. Cháu nghe nói chuyện của bác được đem ra bàn bạc suốt cả đêm. Cuối cùng mọi người đều thấy phủ Phú Yên cần có bác hơn. Nghe nói quân ngũ-dinh sắp sửa kéo ra. Đệ nhất trại chủ bận ngoài Quảng Nam. Bác Thung hiện ở Quảng Ngãi. Bác không lo giùm cho mặt nam, sợ rằng...

Huyền Khê cắt lời Lợi, bảo:

- Nhưng trong đó đã có ông Tiếp rồi. Công việc ở đây còn bẽ bộn, đi sao được.

- Đã có anh Lữ thay thế bác. Trại chủ nhắc bác về Phú Yên càng sớm càng tốt. Mọi điều có dặn kỹ trong thư, chắc bác đã xem qua.

- Tôi đọc kỹ lắm. Ông ấy bảo phải vào chấn chỉnh tạm quân lương gần đèo cả. Làm gì có trạm đó.

- Có lẽ ông Tiếp mới lập cũng nên. Bác đi, cháu cũng lo không biết có cáng đáng nổi việc ở đây hay không. Anh Lữ lo nhiều việc khác, cháu thì tính bộp chộp. Gì thế Ngạnh? Được, cứ phát cho họ đi, anh sẽ xem danh sách sau. Gạo loại nhì hết rồi à? Không, loại nhất dành riêng đó. Lấy gạo đỏ phát cho họ. Nhớ đừng cân già, hột kho không biết lấy gì mà bù. Nhắc ông ấy lần sau mua giúp cho thứ anh đã dặn, tiền nông tính sau. À, giờ luôn đồ hát bội cho ông Mịch. Bác thấy không, bác đi chắc cháu không có thì giờ để ăn nữa. Đầu tắt mặt tối, quần áo lấm lem hết. Có dịp về đây liên lạc công việc, bác nhắn tin trước cho cháu đi đón, bác nhé!

Huyền Khê không nói gì, cũng không chào Lợi, lẳng lặng bỏ đi. Một người lính trạc năm mươi tuổi hốt hải chạy tìm Lợi. Lợi mau mắn hỏi:

- Chưa đi sao bác Bảy?

Người lính già hấp tấp hỏi:

- Sao lại thiếu hai chục bao muối?

Lợi cười, đáp:

- Bác cứ chờ bấy nhiêu, về ông ấy hiểu liền.

- Nhưng trong giấy ghi là tám mươi bao. Tôi ký nhận mà!

Lợi bực bội gắt:

- Bác chỉ biết chuyện lãnh hàng này, còn kỳ trước bác có đi không? Ông ấy đã mượn trước hai mươi bao rồi. Chuyển này tôi trừ nợ. Người ta chịu hết trách nhiệm, bác lo làm gì.

Bác lính già nửa tin nửa ngờ, dùng dằng một lúc rồi bỏ đi. An phải chờ một người nữa kéo Lợi ra xa nói nhỏ điều gì đó, cười đùa vỗ vai, vỗ lưng nhau một hồi. Cuối cùng Lợi mới đến nói chuyện với An. An nói với giọng hờn dỗi:

- Anh bận việc quá nhỉ?

Lợi xem đó là một lời khen, cười thỏa mãn, nói:

- Bữa nay ít việc đó. Nhiều hôm người ta xúm lại làm tội tôi, ai cũng muốn được phát trước. Làm việc này mà không kiên nhẫn, dễ tính, chắc phát điên lên mất. Điều an ủi là anh em ở xa về luôn luôn nhớ đến mình, ai cũng tay bắt mặt mừng. Nhiều hôm họ ép rượu, phải trốn! An có cần gì không?

An lại thấy khó chịu với cái giọng kẻ cả. Cô muốn đáp "không" rồi bỏ về. Nhưng nghĩ tới anh, An thu hết can đảm nói:

- Anh Lợi có tiền cho em mượn hai mươi quan.

Lợi trố mắt nhìn An, hỏi:

- Bao nhiêu quan?

An đã lỡ phóng lao phải theo lao, đáp thật rõ:

- Hai mươi quan.

- Cần việc gì mà nhiều thế?

- Dĩ nhiên cần lắm mới mượn anh. Anh có không? Em phải về lo cơm nước cho cha.

Lợi vội nói:

- Có, có chứ. Nhưng hai mươi quan nhiều quá. Không biết có đủ không.

An mím môi, rồi nói:

- Cảm ơn anh vậy!

Lợi sợ An bỏ đi, vội bảo:

- Chừng nào An lấy tiền?

An làm ra vẻ kẻ cả y như Lợi:

- Ngay bây giờ.

Lợi suy nghĩ một lúc, rồi lớn tiếng gọi:

- Ngạnh ơi! Em gọi thằng thủ kho lại cho anh. Hay thôi, để anh đi gặp nó vậy. An chờ anh chút nhé!

[1]

Từ Hãn 30 - Luận ngữ: Đường lệ chi hoa, thiên kỳ phản nhi, khởi bất nhĩ, tư, thất thị viễn nhi. Tử viết: Vị chi tư dã. Phủ hà viễn chi hữu?

Dịch nghĩa: Đọc bốn câu này trong kinh thi: Hoa đường lệ kia, lay động trước gió, tôi nhớ ai lắm, nhưng xa không tới được. Khổng tử bảo: Như vậy là chưa thật nhớ. Thật nhớ thì đâu ngại xa?

Chương 29

Sau sáu tháng xây dựng ròng rã cả ngày lẫn đêm, dinh mới đã xong, qui mô và cấu trúc y như cái dinh phủ Qui Nhơn đã bị đốt. Dĩ nhiên là không chạm trổ tỉ mỉ và vững chãi bằng dinh cũ. Qui Nhơn thiếu thợ khéo, việc xây cất lại vội vã nên tường tô bị dợn sóng, cửa không ăn khít vào khuôn, nền lát gạch hơi gập ghềnh. Màn trướng, bàn ghế, đồ đạc đều là những thứ quý giá đắt tiền, nhưng vì tịch thu từ nhiều nguồn gốc khác biệt nên thiếu cân đối, màu sắc chõn nhau. Tấm màn che ở cửa sổ quay về hướng tây quá dài mà lại thiếu bề ngang. Còn tấm trướng giăng ngay phía sau chỗ làm việc của Nhạc lại rộng quá vì lấy từ dinh chàm về.

Chỉ vừa cúng "tân gia" xong, Nhạc đã cho tổ chức cuộc họp quan trọng ngay tại chính dinh. Những tin tức sôi động dồn dập bay về khiến mọi người bồn chồn lo âu, không ai có thì giờ khen chê khu dinh mới như những lúc bình thường. Kể cả Nhạc. Sau khi phải cho lệnh rút khỏi Quảng Nam để về cố thủ Bến Ván, Nhạc về thẳng đây để tìm cách đối phó với tình hình mới. Trông Nhạc gầy hẳn đi, hai mắt sâu vì thiếu ngủ. Nước da tái hơn, đáng điệu, cử chỉ bớt chừng chặc tự tin.

Ông giáo nghe phong thanh có cuộc họp khẩn, nhưng chờ mãi không thấy ai đến mời. Ông đã quen với tâm trạng kẻ bị ruồng rẫy lơ là từ bao tháng nay, tuy nhiên vẫn cảm thấy chua chát.

Vào giờ chót Nhạc sai lính hầu xuống mời ông giáo lên họp ngay. Ông bị chạm tự ái muốn cáo ốm. Sự tò mò muốn biết tầm xác thực của các tin đồn còn mạnh hơn lòng tự trọng. Cảm giác chua chát vẫn đậm, nhưng ông giáo vội ăn mặc quần áo chỉnh tề, đội khăn ngay ngắn để đi dự họp.

Không khí trong phòng căng thẳng vì nét mặt đăm chiêu của Nhạc. Mọi người không ai nói với ai lời nào. Dường như cả phòng đang nôn nao chờ ông giáo tới, vì ông vừa ngồi xuống ghế xong Nhạc đã bắt đầu bảo Bùi Văn Nhật:

- Ta bắt đầu đi thôi!

Nhật đăng hăng lấy giọng rồi nói:

- Gần đây chắc quý vị đã nghe đồn đãi nhiều về tình hình trong nam ngoài bắc rồi. Tôi xin nói ngay là phần lớn các tin đồn ấy đúng. Vâng, rất đúng, chỉ thiếu sót hoặc sai lạc một vài chi tiết thôi. Suốt nửa năm nay chúng ta phải luôn luôn đối phó với hai lực lượng thù nghịch, một từ phía Gia Định đánh ra, hai từ Phú Xuân đánh vào. Mùa đông năm ngoái, quân ngũ dinh đã lần mò ra đến tận hòn Khói, và hiện nay Tổng Phúc Hợp lần dần ra đến gần vịnh Xuân Đài. Nhưng đáng ngại hơn là mặt trận phía bắc. Tháng Mười năm Giáp Tý, Hoàng Ngũ Phúc cho quân vượt sông Gianh. Tháng Mười Một đã chiếm được dinh Quảng Bình, và mặc dù triều đình có bắt tên Trương Quốc Phó đem nộp cho quân Trịnh, quân bắc vẫn tiếp tục nam tiến. Kinh đô bị chiếm vào đêm 29 rạng 30 Tết, nhà Chúa phải chạy vào Quảng Nam lánh nạn. Vâng, tôi hiểu thầy giáo định hỏi gì! Cả hoàng tôn Dương cũng thoát khỏi tay quân Trịnh vì đã vào Quảng Nam trước Duệ Tôn. Như vậy mặt bắc chúng ta phải đối đầu cùng một lúc với hai kẻ thù: Kẻ thù xa là đại quân của Hoàng

Ngũ Phúc đóng phía bên kia ngọn Ngải Lĩnh, kẻ thù gần yếu đuối hơn là quân triều do Nguyễn Cửu Dật chỉ huy.

Nhạc ra hiệu cho Bùi Văn Nhật dừng lại, quay hỏi ông giáo:

- Thầy biết gốc gác tên này không? Hẳn khá lắm. Quân ta phải rút về cố thủ ở ranh giới Quảng Nam Quảng Ngãi do không chống lại nổi hẳn. Gốc gác hẳn thế nào?

Ông giáo đáp:

- Nguyễn Cửu Dật là cháu năm đời của Cửu Kiều, người dũng lược, có tài điều quân. Khởi đầu làm Hữu thiệp đội trưởng. Năm Quý Tỵ (1773) nếu tôi nhớ không lầm thì chính nhờ Dật mà quân triều giành lại được Quảng Nam từ trong tay chúng ta. Hẳn được thăng Tả quân Đại đô đốc Du quận công.

Nhật không muốn thua kém ông giáo, chen vào nói:

- Hẳn có thói quen đem một ít quân tinh nhuệ đờm lược thọc sâu đánh thẳng vào bản doanh của phía địch, nhờ thế lấy ít đánh được nhiều, trận nào cũng thắng cả, ở Phú Xuân người ta thường so sánh hẳn với Hàn Kỳ và Phạm Trọng Yên.

Nhạc suy nghĩ một lúc, rồi hỏi Nhật:

- Cái tin hẳn bị đắm thuyền, ông đã cho xác minh chưa?

Nhật hớn hờ đáp:

- Chắc chắn tin ấy đúng. Cùng chết chìm với hẳn có Nguyễn Phúc Kính.

Nhạc mừng rỡ nói:

- Thật là trời giúp ta.

Rồi thấy nhiều người trong phòng họp ngơ ngác chưa hiểu, Nhạc bảo Bùi Văn Nhật:

- Ông kể lại những gì xảy ra tại Quảng Nam từ sau Tết cho các ông nghe đi! Phần quan trọng nhất là ở đó.

Bùi Văn Nhật quay nhìn một lượt khắp mọi người để đọc trên gương mặt họ sự thán phục khả năng hiểu biết của mình, rồi chậm rãi nói:

- Ngay sau khi kinh đô thất thủ, Duệ Tôn trốn vào Quảng Nam vào mừng một Tết, đóng quân ở Càn Đê. Hoàng tôn Dương cũng đã ở đó, như tôi đã thưa với thầy giáo lúc nãy. Chúa gọi Nguyễn Cửu Dật cùng các quan hộ giá đến hội họp để tìm cách chống cự với chúng ta lẫn quân đảng ngoài. Không ngờ cuộc họp biến chuyển ra ngoài dự tính của Duệ Tôn. Theo tôi lý do như thế này: dù vừa bị quân Trịnh đuổi ra khỏi kinh đô, nhưng trước mắt bọn tàn quân lếch thếch theo sau Duệ Tôn vẫn gườm chúng ta hơn là quân Trịnh. Chúng tưởng nếu đưa cao hoàng tôn lên thì chúng ta sẽ khượng lại, không dám tiến công gắt gao như trước nữa. Chúng nó đã kinh hồn hoảng vía khi mới vào Quảng Nam được có mấy ngày, nên nghĩ muốn sống thì phải ép buộc Duệ Tôn đưa hoàng tôn Dương ra làm cái mộc che tên, vì quân chúng ta sẽ không dám tiến công nữa. Vì vậy Nguyễn Cửu Dật cùng các quan hộ giá như Ngoại tả Nguyễn Phúc Tịnh, Chưởng dinh Nguyễn Phúc Kính, Chưởng cơ Nguyễn Phúc Chất, cùng các quan Nội đội Nguyễn Cửu Thận, Đỗ Thành Nhân, đội trưởng Trương Phúc Dĩnh đã tâu với Duệ Tôn rằng "Hoàng Tôn Dương là người hiền đức, người ta trong ngoài ai cũng ngưỡng mộ, xin sớm lập làm phó để lo liệu khôi phục". Duệ Tôn đành phải

nghe theo, đặt hoàng tôn Dương làm Thế tử, gọi là Đông cung, giữ chức Trấn phủ Quảng Nam, tổng lý nội ngoại binh dân chủ sự vụ.

Nhạc cười ha hả, nói lớn cho cả phòng nghe:

- Các ông thấy chưa, chúng nó cũng lém lẩn. Biết quyền biến ghê lắm! Chúng nó muốn cây cờ hiệu của chúng ta không trương lên được nữa, rồi ba quân ngũ ngác không biết đánh ai, cho ai! Ta dấy binh vì giận Quốc phó và muốn tôn phù hoàng tôn. Bây giờ Quốc phó đã làm tù quân Trịnh, hoàng tôn thành Trấn phủ Quảng Nam rồi. Mục đích của ta đã đạt, xếp cờ quì gối đi thôi! Lém thật! "Tổng lý nội ngoại binh dân chủ sự vụ", hoàng tôn ôm hết quyền hành trong ngoài, dân, lính, oai gồm! Nhưng các ông chớ lầm. Duệ Tôn không phải tay vừa đâu nhé. Hẳn thành thật giao quyền cho Đông cung Dương thì ta vất vả đấy. Sự thực ngược hẳn. Ông Nhật, hãy kể tiếp đi!

Bùi Văn Nhật nói:

- Vâng. Duệ Tôn chỉ giả vờ nhường hết quyền hành cho Đông cung Dương, giao cho Đông cung chức trấn phủ Quảng Nam chẳng khác nào giao một cục xương khó nhai. Sau trận trại chủ từ sông Thu Bồn đánh xuống, Trung nghĩa và Hòa nghĩa quân từ dưới biển đánh lên bao vây Câu Đê vừa rồi như các ông đã biết. Duệ Tôn thấy khó lòng tìm ra đất dung thân ở Quảng Nam. Bắt không được thì tha làm phúc, thế thôi. Hẳn giao cho Đông cung giữ lũy Câu Đê để cùng với Nguyễn Phúc Tịnh, Nguyễn Phúc Chất, Tống Phước Đàm, còn hẳn thì đem Nguyễn Cửu Dật, Nguyễn Phúc Kính vào Gia Định.

Nhạc cắt lời Nhật, bảo mọi người:

- Các ông thấy chưa? Duệ Tôn hẳn thâm lắm. Quảng Nam còn sót lại một chút rẻo quanh lũy Càn Đê là nhờ ai? Nhờ một tay Nguyễn Cửu Dật. Nay đem Nguyễn Cửu Dật đi, có khác nào chặt hết chân tay của Đông cung đem giao cho cọp Tây Sơn. Nhưng hẳn còn thâm hiểm hơn nữa đối với Nguyễn Cửu Dật. Lúc này ông Nhật bảo có tin chắc chắn là thuyền của Dật và Kính đã bị đắm, trong khi Duệ Tôn đến Gia Định an toàn khoảng trung tuần tháng hai. Dật thân cận có công như vậy mà không vào Gia Định cùng một ngày, trên cùng một chuyến với Duệ Tôn sao? Duệ Tôn đến Gia Định thì Dật, Kính bị bão chết chìm. Lạ chưa? Không còn nghi ngờ gì nữa, chính Duệ Tôn vì hận Nguyễn Cửu Dật ý công đứng ra ép buộc hẳn nhường bớt quyền cho Đông cung, nên ngầm sai người sát hại Dật. Hẳn quên rằng giết Dật tức là chặt lìa hai chân mình. Đấy, tình hình nam bắc hiện nay như vậy đấy. Tôi vội về đây gặp các ông là để hỏi ý các ông, cân nhắc hơn thiệt thật chín chắn trước khi quyết định. Đông cung Dương hiện bơ vơ lúng túng ở Câu Đê. Phía nam ta, có quân Tống Phúc Hợp trung thành với Duệ Tôn. Phía bắc có Hoàng Ngũ Phúc. Ta làm gì đây? Các ông nghĩ hộ cho tôi đi!

Câu hỏi quá lớn, không ai trong phòng họp dám trả lời. Nhạc thấy ngay điều sơ sót ấy, vội hỏi rõ hơn:

- Ta có nên nhân cơ hội này đem quân ra rước hoàng tôn về Qui Nhơn không?

Vẫn chưa có ai trả lời. Nhạc thu hẹp câu trả lời lần nữa:

- Câu Đê không phải là đất tốt để cố thủ. Đất hẹp, phía sau là núi phía trước là biển. Lũy cũng chỉ sơ sài thôi. Tôi có đánh ở đó, tôi biết. Lại thêm Nguyễn Cửu Dật đã chết. Chiếm Câu Đê để rước Đông cung

về đây không phải khó lắm. Cái khó là sau khi đưa được Đông cung về ngôi đây, quân Trịnh ở bắc và quân ngũ dinh ở phía nam sẽ phản ứng thế nào? Ta sẽ thoát lối bí hay là vợ nhằm một cái phao lép sắp chìm? Các ông nghĩ và giải đáp cho tôi đi!

Như các cuộc họp quan trọng trước, mọi người lại nhìn về phía ông giáo ngẫm thúc ông lên tiếng. Ông giáo không giấu sự mừng rỡ, đứng dậy nói:

- Rõ ràng là Trời không phụ chúng ta. Đây là cơ hội nghìn năm một thuở để chúng ta thành công, các ông có thấy không? Xưa nay thắng hay bại là do được lòng người, thuận lòng trời hay không mà thôi. Lòng người hiện nay thế nào? Trước hết hãy xét việc Bắc Hà cho quân vượt sông Gianh vào chiếm Thuận Hóa. Từ thời Gia Dũ thái vương (Nguyễn Hoàng) đến nay trên hai trăm năm, công lao khai phá của họ Nguyễn Gia Miêu đã nhiều, bắc nam coi như cách biệt. Một tấc đất, một ngọn rau ở nam sông Gianh cũng thuộc về họ Nguyễn. Cho nên dù Bắc Hà có lấy danh nghĩa gì cũng không thể thu phục được lòng người Đàng Trong. Không có chính nghĩa, thì không thể ở lâu trên đất Thuận Quảng này được. Bao nhiêu năm nay tên quốc phó họ Trương chuyên quyền tham bạo, lòng dân oán ghét nên chúng ta chỉ phát cờ là mọi nơi đều đứng dậy hưởng ứng. Dân ghét quốc phó thì ghét lây đến người lên ngôi nhờ mưu kế mờ ám của quốc phó tức là Duệ Tôn. Cho nên Tổng Phúc Hợp có mệnh dạn đến đâu cũng là nhờ công lao hai trăm năm của nhà Chúa, nhưng nếu hăn khẳng khẳng làm tôi cho Duệ Tôn thì cuối cùng dân sẽ xa hăn. Như vậy kẻ được Trời lựa chọn để chống lại quân xâm lược phương bắc, dẹp tan dư đảng tên quốc phó tham bạo, không ai khác hơn là Đông cung. Trước đây lòng người chưa thực tin ta chân thành tôn phò hoàng tôn Dương vì Duệ Tôn còn đó, mà hoàng tôn cũng còn ở kinh thành. Bây giờ chính Duệ Tôn phong cho hoàng tôn làm thế tử. Hơn nữa thế tử đã thấy rõ dã tâm của Duệ Tôn, lại đang bơ vơ không nơi nương tựa. Nếu chúng ta thành tâm tôn phò, rước hoàng tôn về đây, thì vạn người ở Nam Hà đều hưởng về Qui Nhơn, chúng ta trở nên những bậc anh hùng thời loạn dẹp tan nghịch đảng bảo vệ mình quân. Chúng ta sẽ có đầy đủ chính nghĩa để đẩy lùi quân Bắc Hà về bên kia sông Gianh, và dẹp hết dư đảng quốc phó ở Gia Định. Đây ý của tôi như vậy. Xin các ông xét cho.

Ông giáo hăng hái cuồng nhiệt quá, nói một mạch không biết mệt. Đến lúc dừng lại, ông mới thấy chân mỏi ê, cổ họng rát. Cả phòng lao xao vì lời ông giáo, phần lớn có vẻ bất bình. Nhạc thấy phản ứng chung, vội trấn áp:

- Các ông không được bàn chuyện riêng. Ý của thầy giáo như vậy, ý các ông thế nào, lần lượt trình bày cho mọi người rõ. Bàn riêng phòng có ích gì!

Đúng như Nhạc dự đoán, ngoài ông giáo ra, không ai có ý kiến gì quan trọng. Nói cho đúng thì họ đều có ý kiến cả: họ ghét sự trung quân cố chấp của lão đồ gàn, lúc nào mở miệng là một điều hoàng tôn, hai điều hoàng tôn. Nhưng từ Chỉ, Năm Ngạn, Nguyễn Thung, Diêm, Bạc cho đến phải trẻ như Nhật, Vịnh đều đủ nhạy bén cảm thấy rằng ý Nhạc là muốn rước hoàng tôn Dương về. Họ nói xuôi cho vừa lòng Nhạc. Cuộc họp thành công do sự nhất trí giả tạo đó!

*

* *

Thật ra không phải nhờ có ý kiến ông giáo mà Nhạc quyết định dốc toàn lực đi "rước" Đông cung về. Sau trận Câu Đê, biết được tin Duệ Tôn bỏ Đông cung ở lại Quảng Nam để vào Gia Định, Nhạc đã có ý phải dùng trở lại chiêu bài hoàng tôn. Nhưng ông chưa dám bạo tay. Không phải ông do dự vì chưa tìm được một giải pháp. Nhạc tìm ra giải pháp rồi. Nếu tình hình không phức tạp lắm, ông đã một mình quyết định lấy. Trước mắt ông, có nhiều biến cố trọng đại dồn dập đến, trong đó thực lực và ý định của quân Bắc Hà thế nào thì ông không dám tin ở khả năng xét đoán của mình. Ông cần được nhiều người tán thành để đỡ bớt gánh nặng của trách nhiệm. Do đó, dù việc quân đa đoan, Nhạc cũng tạm giao công việc cho các tướng, về gặp Qui Nhơn gặp những người thân cận trong ban tham mưu.

Ban đầu Nhạc định không mời ông giáo dự họp. Nhạc không muốn thấy ông giáo hí hửng nhìn mình bối rối trong khi bụng nghĩ thầm "đó, ông thấy chưa. Chạy loanh quanh một hồi cuối cùng cũng phải đem kiệu đi rước "cái thằng không có cu" về thờ mà thôi. Ông chịu nghe tôi từ đầu thì đâu đến nông nỗi này". Cuộc họp bắt đầu khá lâu mà những người Nhạc tin tưởng không nói được điều gì đáng giá. Hoặc họ bị ngợp trước lịch sử không mở miệng nói, hoặc họ ngại, nghĩ đến số phận những con vật tế thần. Người miệng lưỡi chậm thì ậm ớ. Người lẻo mép như Chi thì nâng Nhạc lên thấu trời xanh, cho rằng những gì Nhạc đã nghĩ tất nhiên phải đúng; ý kiến nhỏ mọn vụng dại của mình không đáng nghe nữa. Nhạc bực, mới cho lính đi mời ông giáo!

Lời trình bày của ông giáo đáp đúng những gì Nhạc chờ đợi, không quá sớm để trở thành một chuyện đùa bỡn, cũng không quá muộn để thành lời trách móc, hối tiếc. Hệ thống lý luận bao trùm cả trong nam ngoài bắc, và điều quý hơn hết, là mở ra một niềm hy vọng có cơ sở vững chắc.

Vì vậy, sau khi nhắc nhở Huệ và Châu Văn Tiếp luôn luôn cảnh giác đề phòng mặt nam, Nhạc kéo gần như toàn bộ quân chủ lực ra phía bắc. Bằng bất cứ giá nào, ông cũng phải "rước" cho được Đông cung về Qui Nhơn.

Ông chia quân làm ba đạo: thống suất Diêu, tiền phong Chính, thống bộ Tường chỉ huy hai nghìn quân ở Túy Loan bồ bạn làm thượng đạo, Tập Đình, Lý Tài với hai nghìn quân ở Ba Độ làm trung đạo; Đốc chiến Phong, hổ tướng Hãn với hai nghìn quân ở Hà Thân làm hạ đạo. Để kích thích tinh thần tướng sĩ, Nhạc hẹn ai "rước" được Đông cung sẽ trọng thưởng.

Đông cung thấy mình ở thế nguy khốn, sai một mưu sĩ tên Quý lên thượng đạo liên lạc với Thống Suất Diêu và Thống bộ Tường. Mưu sĩ báo họ:

- Tuy Tây Sơn hiện nay thắng thế, nhưng các ông nghĩ lại coi: phía bắc có quân họ Trịnh, phía nam có đại binh Gia Định sắp kéo ra, trước mặt sau lưng đều có địch, liệu các ông có giữ được Qui Nhơn không? Nếu các ông không sớm liệu đường, sau này thế nào cũng mang tiếng là quân trộm cướp. Chi bằng nhân cơ hội may mắn này, các ông hãy theo chúng tôi vào nam, liên kết với quân Gia Định để cùng lo việc khôi phục, để tiếng thơm lại cho sử sách. Như thế không phải là bậc quân tử thức thời hay sao?

Cả bọn đều nghe theo. Đông cung vui mừng theo đường thượng đạo bỏ Câu Đê vào nam. Các tướng Tàu Tập Đình, Lý Tài nghe tin cho quân đuổi theo, diệt được bọn phản bội và bắt Đông cung ở Ô Nha. Tập Đình vốn không ưa tất cả những ai liên hệ xa gần với bọn vua chúa, đòi đem Đông cung ra chém ngay.

Lý Tài can gián mãi mới cứu được Đông cung. Nhờ thế, Nhạc mới chuẩn bị đầy đủ cờ xí võng lọng đến Hội An "rước" Đông cung về Qui Nhơn.

*

* *

Dân phủ Qui Nhơn được tận mắt trông thấy một ông hoàng bằng xương bằng thịt vào một sáng tháng Tư. Cuộc tiếp đón diễn ra hết sức long trọng. Cờ đỏ phấp phới, rực cả một góc trời. Quân sĩ ăn mặc tề chỉnh, xếp hai hàng ngay ngắn làm hàng rào danh dự từ cửa thành ra đến chùa Thập Tháp. Mũi giáo sáng quắc phản chiếu ánh mặt trời chói chang. Mặt đường được quét dọn từ đêm hôm trước, quân sĩ dàn chào có trách nhiệm lượm hết những lá tre rụng trước mặt mình nên dù ông thầy cúng Chỉ có đi đi lại lại xoi mói kiểm soát nhiều lần cũng không tìm đâu ra một cái rác.

Từ dân cho đến lính bôn chôn, nơm nớp chờ đợi trong im lặng. Không ai dám xì xào một tiếng nhỏ. Sắc cờ đỏ che bớt vẻ sợ hãi trên các khuôn mặt xanh tái, do ám ảnh cuộc hành quyết hôm trước. Chỉ đã cho diễn tập nhiều lần để các nghĩa quân lâu nay quen sống tự do thoải mái chịu đựng được sự câu thúc của nghi lễ. Nhất là những người được lựa chọn sung vào toán dàn chào. Ông buộc họ tập đứng thẳng lưng, mắt nhìn tới trước không được chớp. Tay cầm giáo đưa ngang song song với mặt đất. Môi trên hơi mím xuống môi dưới, vừa để che bớt những hàm răng hô cẩu bần, vừa để phòng những nụ cười vô lễ. Cuộc tập luyện căng thẳng quá nên trong lúc tạm nghỉ, một anh lính trẻ tuổi lí lắc đã đại đột nghĩ ra một trò đùa. Lợi dụng lúc các bạn bè còn đứng xếp hàng hai bên đường chưa kịp giải tán, anh quẹt bùn lên mép giả làm râu, choàng lá cờ đỏ lên vai làm áo bào (anh chẳng biết các ông hoàng bà chúa ăn mặc thế nào, chỉ biết một điều là họ không thể mặc quần áo vải xấu màu đen mốc đơỉ chỗ đã rách mục như anh), đi khệnh khạng trên đường như một thế tử hồng hách. Cả đám quân sĩ sau bao ngày dồn nén ồ lên cười đùa như ong vỡ. Anh lính trẻ thích chí, mặt ngếch cao hơn, bộ đi khệnh khạng hơn. Ông thầy cúng Chỉ cười ngựa đến đứng vào lúc anh dùng tay trái che lấy hạ bộ, tay phải đưa lên cao làm dấu phủ nhận, miệng la bai bai: "Không. Không. Ta có cu mà. Ta có cu mà". Chung quanh anh không còn tiếng cười nói ồn ào! Anh kinh ngạc ngược lên, bắt gặp cái nhìn răn lục của Chỉ. Anh hãi hùng, miệng há hốc đôi mắt giống y đôi mắt con bò trước khi bị cắt tiết. Chỉ không cần chờ lệnh Nhạc, ra lệnh chém anh lính trẻ ngay tại chỗ để răn chúng. Ông bạo tay như vậy vì hai lý do: thứ nhất, ông không bao giờ cho phép bất cứ ai dám đem chuyện nghi lễ, chỗ dựa êm ái vững chắc của cả cuộc đời ông, ra làm trò đùa trước đám đông; thứ hai, ông có đủ thông minh nhọn bén để biết rằng Nhạc đã dốc hết túi để đặt vào con bài Đông cung, hành quyết tên lính vô phép láo xược sẽ hợp ý Nhạc. Tiếng khóc, tiếng van xin, tiếng rú đau đớn của nạn nhân làm cho mọi người nổi gai ốc. Cảm giác bàng hoàng hãi hùng loang rộng ra, vất vương ám ảnh tâm trí từ dân đến lính. Do đó cuộc tiếp đón Đông cung long trọng nghiêm chỉnh quá sức tưởng tượng của Nhạc.

Hai bên đường, tất cả mọi người tò mò mà không vô vậ, tuyệt đối trật tự trong lặng lẽ. Nhạc cười ngựa vào thành trước để chuẩn bị đón rước Đông cung, không tiếc lời ca ngợi Chỉ.

Ông kiểm soát lần chót cách trang hoàng ở chính dinh, lưu ý đám hầu cận một vài lá cờ bị gió quẩn vào cột tre, thân ái sửa khăn bịt đầu và cổ áo cho một tên lính gác, vỗ vai chào hỏi một bộ lão, rồi cùng

với thầy giáo Hiến, Châu Văn Tiếp, Chi, Năm Ngạn đi bộ ra cổng thành chờ đón Đông cung Dương.

Đám rước Đông cung đến trước chùa Thập Tháp vào đầu giờ tỵ. Đi đầu là tên lính cầm lá cờ đỏ. Đến hai tên lính khiêng trống, người đi sau theo nhịp bước lâu lâu giơ dùi đánh mạnh vào mặt da. Tiếp theo là bốn viên tướng Tây Sơn cưỡi bốn con ngựa ô cao lớn, lưng đeo gươm hông thắt khăn đỏ. Chiếc võng cán chạm trổ phủ màu điều của Đông cung đi sau bốn viên tướng cưỡi ngựa, và đi trước bốn viên tướng khác cũng cưỡi ngựa ô hộ tống. Cuối cùng là toán Hòa nghĩa quân oai vệ cao lớn của Lý Tài.

Đoàn rước vừa bước vào hai hàng quân dàn chào, trống chiêng đua nhau nổi dậy. Cờ đỏ phất cao như đột nhiên có bão nổi. Đặc biệt ngoài tiếng chiêng trống và tiếng cờ phất hoàn toàn không có tiếng cười nói ồn ào hoặc tiếng tung hô tỏ mở. Đó là điểm thiếu sót duy nhất của cuộc lễ rước, vì do sợ hãi và tò mò, mọi người đã quên lời căn dặn của Chi.

Nhưng toán lính dàn chào ngay chỗ cửa thành thì nhớ. Khi chiếc võng của Đông cung dừng lại, tiếng hô "Vạn vạn tuế" vang lên từng đợt. Chiêng trống dồn dập dội đi dội lại quanh mấy lớp thành. Nhạc đến đón Đông cung tận võng. Đông cung xốc lại quần áo, đội lại khăn cho ngay ngắn, dáo dác nhìn quanh như muốn tìm ai đó. Bước chân do dự chưa dám tiến về phía Nhạc. Đông cung tươi ngay nét mặt khi thấy Lý Tài đến gần. Hai người nói với nhau vài câu ngắn, từ xa không ai biết họ nói gì, chỉ thấy Đông cung có vẻ lo âu, còn Lý Tài thì lắng nghe rồi gật gật đầu. Lý Tài dợm bước về phía Nhạc, nhưng kịp ngừng lại, nghiêng người chờ Đông cung đi trước. Nhạc tươi cười nhìn Đông cung tới gần, nụ cười bao dung và thỏa mãn. Sau khi hạ thấp người vái lạy Đông cung, Nhạc lần lượt giới thiệu ông giáo, Năm Ngạn, Chi và Châu Văn Tiếp với vị khách quý. Đông cung bẽn lẽn vái chào trả từng người. Châu Văn Tiếp định sụp xuống lạy. Đông cung ngừng ngang, nhưng cũng kịp đưa tay ngăn Châu Văn Tiếp, miệng lí nhí cảm ơn. Cuối cùng, Nhạc đưa Đông cung duyệt đoàn lính hầu, rồi vào chính dinh.

*

* *

Sau khi đoàn rước Đông cung đã vào hết trong dinh phủ, tiếng bàn tán cười nói tự nhiên mới òa vỡ ồn ào. Mạnh ai nấy nói, nhất là đám đàn bà con nít. Hầu như đa số gia đình các chức việc cùng lính tráng ở trong phủ được xem mặt một ông hoàng lần này là lần đầu. Cảm tưởng chung của họ là thất vọng. Họ chờ đợi nhiều hơn nữa cơ! Trí tưởng tượng của họ phong phú hơn thực tế nhiều lắm. Những chuyện đời xưa ươm mơ cho họ, vẽ trước cho họ hình dáng một ông hoàng đẹp dễ mắt phượng mày ngài, hào hoa phong nhã, mặc cái áo bào đỏ cưỡi con ngựa trắng thơ thẩn đi tìm một cô Tấm người Qui Nhơn. Những tin đồn kinh đô thất thủ gần đây điểm thêm cho ông hoàng tưởng tượng ấy nét lạc loài cô độc để làm mùi lòng những tâm hồn phụ nữ đa cảm.

Buổi sáng tháng Tư hôm ấy, sau khi đám rước giải tán, An và Thọ Hương thất thểu ra về, lòng hối tiếc vu vơ. Họ hụt hẫng lâng lâng buồn, như vừa đánh mất một cái gì. Hai người đi bên nhau, chưa ai nói với ai lời nào. Một lúc sau, Thọ Hương mới rụt rè hỏi:

- Chị có mệt không? Trời nắng quá đi mất. Em lại quên đem nón. Biết thế hai chị em mình ở nhà quách!

An thở dài đáp:

- Ủ ờn! Đã nóng chết người còn cố chen nhau đến nỗi mồ hôi mồ kê ướt đầm. Thiên hạ tưởng một ông hoàng phải khác thường lắm hay sao ấy!

Thọ Hương cười, rồi cắn nhẹ vào môi dưới, liếc nhìn An. An bắt gặp nụ cười ranh mãnh của Thọ Hương, đột nhiên cả hai cùng cười xòa, Thọ Hương nói:

- Chị làm như chúng ta không tò mò như thiên hạ. Quần áo chị bèo nhèo thế kia! Có khác ai đâu?

An cãi lại:

- Còn Thọ Hương tóc tai đã dượt, lưng áo ướt cả, cũng như chị mà thôi.

Thọ Hương cười to hơn, rồi bảo An:

- Nghĩa là hai đứa mình cũng là chúa tò mò. Chị An này!

Nói xong, cô do dự, hình như suy nghĩ chưa biết nên nói hay không nên nói. An hỏi:

- Hương định nói gì vậy?

- Em thấy Đông cung sao sao ấy!

An thắc mắc hỏi:

- Sao sao là sao?

- Là... là... em cảm thấy, nhưng không diễn tả được. Nghĩa là... nghĩa là không giống như em nghĩ.

- Thế thì dễ. Hương cứ nói em nghĩ gì, rồi đảo ngược lại, tức nhiên thành cái "sao sao" của Hương. Nào, em nói đi.

- Khi rủ chị đi xem rước, em nghĩ Đông cung phải oai vệ rần rỏi một chút. Sắp làm vua một nước, yếu đuối ai người ta sợ. Phải rần rỏi như ... như... em chịu, không tìm ra người nào để so sánh cả!

- Như cha em được không?

Thọ Hương lắc đầu:

- Không. Cha em lớn tuổi quá rồi, đóng vai thái thượng hoàng hay vai đại thần thì được, chứ vai thế tử phải trẻ hơn kia. Trẻ như chú Tám Thơm chẳng hạn. À, phải rồi, em nghĩ ít ra Đông cung phải rần rỏi như chú Huệ vậy, nhưng không được. Da chú Huệ hơi ngăm ngăm. Em tưởng tượng Đông cung trắng hơn, vì ở lâu rỗng gác phượng, nhưng mạnh bạo cương quyết như chú Tám vậy.

An vội hỏi:

- Sao hôm trước Hương chạy về tìm cuốn thơ cho chị mà không trở lại. Báo hại chị chờ mãi. Mấy hôm sau chị ngại, không dám hỏi. Mà Hương cũng quên luôn!

- Em về lục tìm mãi không thấy đâu. Em chạy hỏi mẹ. Mẹ em nói nhiều điều kỳ lạ lắm kia. Em giận dỗi bỏ không ăn cơm.

An lo lắng hỏi:

- Mẹ em nói gì thế?

Thọ Hương biết mình nói hớ, nên tìm cách trả lời sai sự thực cho khỏi xúc phạm An:

- Mẹ em... mẹ em rầy bảo không được lục lạo đồ đạc của cha. Mẹ em còn bảo quý gì ba quyển giấy cũ mà ồn ào cả lên!

An thấy đau nhói trong lòng, mắt cay cay vì hối tiếc. Cô muốn tránh chuyện đau lòng, cố mỉm cười thật lớn hỏi Thọ Hương:

- Nhưng em đi lạc rồi. Lúc này ta đang nói chuyện Đông cung cơ mà! Hương nghĩ Đông cung phải rần rỏi oai vệ, nghĩa là Hương thấy Đông cung yếu ớt bạc nhược quá. Phải thế không?

Thọ Hương ngần ngừ:

- Không hẳn thế. Ông ta cũng có vẻ chững chạc đấy chứ! Nhưng lúc bước xuống võng, ông ta háy háy cặp mắt thế này này, rồi lơ lảo nhìn quanh như người vừa ngủ dậy. Ông ta không mạnh bạo bước về phía cha em ngay, mà phải chờ đi với Lý tiên sinh. Cách đi lại hơi... hơi thế nào nhỉ?

- Hơi giống như đàn bà đi chợ, đánh hàng xa như thế này này, chân bước xiêu xiêu khi ngã phía này khi ngã phía kia như thế này này, đúng không?

Thọ Hương thích chí vỗ tay khen:

- Đúng lắm. Chị có tài bắt chước thật.

- Em nhận xét cũng đúng. Nhất là em bảo Đông cung háp háy mắt dáo dác nhìn quanh như người vừa thức dậy.

Về phần ông giáo, ông cũng hơi thất vọng khi gặp hoàng tôn như An và Thọ Hương, nhưng tính chất của thất vọng khác đi. Gần mười năm ông mới gặp lại hoàng tôn Dương. Lúc còn là bạn của quan nội hữu Trương Văn Hạnh ở kinh đô, hoàng tôn Dương chỉ mới là một đứa bé chưa có cá tính riêng, chưa có dấu hiệu nào chứng tỏ tư chất đặc biệt của một nhân tài. Có thể nếu chú ý quan sát, ông đã thấy Phúc Dương khác với những ông hoàng bé trong cung. Nhưng hồi đó ông và Y đức hầu dồn hết sức xây dựng cho Chương Võ, đặt hết hy vọng cải cách triều chính vào ông hoàng trên hai mươi tuổi ấy. Bạn ông bị tên Trương quốc phó hãm hại, gia đình ông lánh nạn vào Qui Nhơn, thì những lời đồn đãi tán tụng về đức thuần hậu của hoàng tôn mới được lưu truyền trong giới kẻ sĩ. Sự bất mãn đối với tên gian thần càng tăng, thì hình ảnh hoàng tôn càng được tô vẽ, trau chuốt đẹp đẽ. Lâu ngày lời đồn trở nên huyền thoại, trở nên một niềm mơ ước vô vọng và một lần nữa thêm đẹp đẽ nhờ sự vô vọng ấy. Trường hợp ông giáo cũng đặc biệt: giới sĩ phu thù ghét Trương Phúc Loan do những ý niệm trừu tượng như nhân nghĩa, trung quân, thành tín, liêm khiết v.v... còn ông thì ghét sâu cay vì là nạn nhân trực tiếp của Quốc phó. Căn rễ của lòng căm thù không là ý niệm mơ hồ, mà là sự đe dọa đến chính mạng sống, cuộc đời lánh nạn cay cực lưu lạc, cái chết của vợ, số phận chìm nổi của các con. Ông nuôi huyền thoại hoàng tôn thành ý nghĩa của đời ông, mục đích tối thượng của sự sống. Hằng đêm ông thấy hoàng tôn lớn lên, trưởng thành trong đau khổ như ông, rần rỏi mạnh mẽ nhờ dày dặn trường đời. Ông cho hoàng tôn nói, cười, đi đứng, suy nghĩ y như cái hình mẫu đáng minh quân trong sách nho, đầy đủ các đức độ tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Lo trước cái lo của mọi người, vui sau cái vui của mọi người... ngày đêm chăm chăm lo âu làm sao cho sáng cái đức sáng, thương yêu dân và biết dừng ở nơi toàn thiện...

Mười năm lưu lạc và mơ ước trôi qua, giờ đây ông gặp lại mẫu người lý tưởng của đời ông, thấy huyền thoại sống động đầy đủ mặt mũi da thịt. ông giáo đã thấy gì vào sáng tháng Tư? Ông đã thấy một con người bình thường!

Vâng, rất bình thường. Trắng trẻo như bao nhiêu người quen sống ở nơi nhung lụa, dáng điệu chậm rãi kiểu cách theo lối các ông hoàng, ngơ ngác trước hoàn cảnh xa lạ bất trắc; uể oải sau một chặng đường vất vả! Một người lâu nay giới sĩ phu đặt hết niềm tin tưởng hy vọng, bây giờ ông giáo đã thấy vẫn là một người bình thường. Nhưng cái khác thường chỉ do ông tô vẽ trong tâm tưởng mà thôi!

Ông giáo được Nhạc giới thiệu một cách hết sức trân trọng với Đông cung. Nhạc trở ông giáo, tươi cười nói:

- Đây là thầy giáo Hiến, bạn thân của quan nội hữu Ý đức hầu, kẻ thù của Trương Tần Cối, vị cố vấn tài ba của chúng tôi. Chính thầy giáo là người đã dùng cả mạng sống của mình để thuyết phục tôi, kiên nhẫn ca tụng các đức độ của Ngài với bất cứ ai, ở bất cứ chỗ nào. Chưa có ai say mê Ngài cho bằng thầy giáo. Và bây giờ, tôi mới thấy thầy giáo có lý.

Ông giáo rùng mình vì những lời ca tụng đó, vì thấy trong nhận định của Nhạc, số phận của ông cột chặt với số phận của Đông cung. Nhưng rồi đây cuộc đời Đông cung sẽ đi về đâu? Đông cung có vượt lên khỏi được cơn bão đang và sắp làm rung chuyển cả đất nước này không? Khoảng thời gian ngắn quan sát Đông cung từ lúc bước xuống võng đến lúc đứng trước mặt ông, đã quá đủ để thầy giáo đo lường chiều cao nhân vật lịch sử này. Một người bình thường. Như mọi người. Đông cung nghe Nhạc nói mà nét mặt không xúc động, cười cảm ơn tri ngộ mà không vui, đôi mắt lơ lảo ngờ ngàng lâu lâu lại nhìn về phía Lý Tài để lấy thêm tự tin. Ông giáo ghi nhận thêm nước da tái xanh, và cái tật hay chớp chớp con mắt phải. Không hẳn là con người bình thường. Ai chẳng là người bình thường! Ông giáo cảm thấy ngao ngán lòng khi tìm đúng được thuộc từ cần thiết: "tầm thường". Phải, chỉ là một người tầm thường mà thôi!

*

* *

Sau buổi lễ long trọng tổ chức tại sân tập trong vòng thành phủ để Đông cung chính thức ra mắt trước công chúng, Nhạc mời Đông cung về chính dinh để bàn về một "quốc sự" khẩn cấp.

Một lần nữa, ông giáo thất vọng vì Đông cung!

Trong cuộc hội kiến, Nhạc dùng giọng đanh thép giận dữ bảo Dương:

- Xin báo cho Ngài một tin quan trọng, đáng mừng hay đáng buồn là tùy ở Ngài: Chúng tôi vừa nhận được tin Tổng Phúc Hợp đã chiếm Xuân Đài.

Nhạc dừng lại, nhìn chăm chăm vào Dương để dò phản ứng, Dương bối rối tránh nhìn Nhạc, từ đó đến cuối cuộc hội kiến cứ ngược nhìn lên trần dinh, nét mặt chán chường bất động.

Nhạc tăng hăng rồi nói tiếp:

- Tôi nghĩ Ngài có đủ chín chắn để không vội mừng. Ngược lại, đây là một tin buồn cho Ngài. Duệ Tôn đối với Ngài thế nào, Ngài đã rõ. Không phải vô cớ mà Duệ Tôn nổi lòng hào hiệp nâng Ngài lên làm thế tử, và giao hết binh quyền, trách nhiệm phủ Quảng Nam cho Ngài. Tôi biết rõ, và Ngài cũng biết rõ, là cây cột đủ sức chống đỡ cho dinh Chàm khỏi đổ không ai khác ngoài Nguyễn Cửu Dật. Hẳn có nhiều kinh nghiệm chiến trận, lại quen địa thế Quảng Nam. Không biết Duệ Tôn đã giải thích với Ngài thế nào để đem Nguyễn Cửu Dật vào Gia Định, thay vào đó là tên bại tướng Nguyễn Cửu Chấn. Dật vào đó để đem quân

ngũ dinh ra tấn công Qui Nhơn ư? Gia Định thiếu gì tướng tá. Và lại đại quân của Tổng Phúc Hợp đã đóng ở Hòn Khói rồi. Chẳng lẽ giật chức của Hợp để giao cho Dật! Chọn một viên tướng tài theo hộ giá ư? Tạm cho như vậy đi. Nhưng tại sao Nguyễn Cửu Dật và Nguyễn Phúc Kính lại không vào nam trên cùng một thuyền với Chúa, hoặc thuyền trước thuyền sau khởi hành cùng một ngày? Chắc Ngài chưa biết điều quan trọng này? Đó là Nguyễn Cửu Dật và Nguyễn Phúc Kính đã bị bão vùi thây trong bụng cá hôm 18 tháng Hai, lúc đó Duệ Tôn đang ghé Hòn Khói để phong cho Tổng Phúc Hợp làm Tiết chế Kinh quận công, Nguyễn Khoa Toàn làm tham chính. Giao cho Ngài và cái dinh Chàm sắp nát sau khi đã chặt lìa cây cột chống Nguyễn Cửu Dật đi, ghé Hòn Khói phong Tiết chế cho Tổng Phúc Hợp đồng thời dìm Dật và Kính xuống biển đông, Ngài xem, Trương Phúc Loan lập Duệ Tôn làm chúa ít ra cũng biết chắc Chúa là người đồng tâm đồng khí. Tôi không hiểu thái độ của Chúa lúc Dật và đám quần thần lưu vong ép Chúa phong cho Ngài làm Đông cung ra sao? Chắc hẳn Ngài còn nhớ. Tôi cũng đủ trí khôn để đoán được! Tổng Phúc Hợp đã từ Hòn Khói kéo ra Xuân Đài. Ngài nên vui hay nên buồn là tùy Ngài. Không ai cho không chức Tiết chế mà chẳng đòi hỏi thứ gì! Với Dật thì đích thân Chúa ra tay, nhưng với Ngài thì...

Nhạc cười nhỏ, không nói tiếp:

Đông cung không thể giả vờ thản nhiên được nữa. Dương sợ hãi nhìn quanh, giống y vẻ mặt một kẻ phạm tội trước giờ hành hình muốn tìm chỗ trốn. Nhạc thỏa mãn ngăm Dương lo sợ. Ông cười lần nữa, hỏi Dương:

- Ngài muốn tìm Lý tiên sinh ư? Tiếc quá, ông ấy đã được lệnh về gấp Quảng Nam. Quân Trịnh đã rục rịch vượt qua đèo Hải Vân. Chỗ của ông ấy không phải ở đây. Nghề của Lý tiên sinh là đánh giấc chứ không phải làm vú em.

Đông cung xanh xám nét mặt, không hiểu do giận dữ hay sợ hãi. Ông giáo bất nhẫn không dám nhìn khuôn mặt bạc nhược thất thần như mặt tử thi ấy!

*

* *

Nửa tháng sau lại có tin quân Tổng Phúc Hợp bắt đầu rời Xuân Đài tiến ra phủ Phú Yên (bấy giờ đóng tại sông Cầu). Nhạc vừa lo âu vừa tức giận, hỏi ông giáo:

- Sao lạ thế? Ông Tiếp với thằng Huệ làm ăn cái gì mà cứ lùi, lùi, lùi. Ông Huyền Khê coi như mất tích, không biết sống chết thế nào. Trạm đèo Cả vỡ tôi không ngạc nhiên. Nhưng phía ngoài này có ông Tiếp và Huệ án ngữ. Tại sao thế?

Ông giáo lo cho Lãng và Huệ, vội vã hỏi:

- Có tin gì của anh Huệ không?

Nhạc ray rút bọc dọc, đưa ngón tay lên quệt mũi, trả lời:

- Không. Tôi chắc bên trong có trục trặc gì đó mà ta chưa hiểu. Cũng do mình không cương quyết ngay từ đầu. Mình không có lực lượng ở Phú Yên, giao hết trong đó cho ông Tiếp. Chuyện trên trời dưới biển gì ông Nhật cũng biết cả, ngoài chuyện nội bộ của căn cứ Trà Lạn (căn cứ của Châu Văn Tiếp). Nếu ta mạnh tay ngay từ đầu như đối với Nguyễn Thung, chắc bây giờ đỡ phải rắc rối.

Ông giáo nhớ đến thái độ Châu Văn Tiếp hôm hội kiến căng thẳng, nói với Nhạc:

- Hôm trước ông hơi nặng lời với Đông cung. Đã đành phải nói như vậy để Đông cung dứt khoát về phe mình, nhưng cách nói có vẻ... có vẻ...

Nhạc cắt lời ông giáo:

- Có vẻ đốp chát chứ gì. Tôi cố ý như vậy. Không thể để cho anh ta ôm mộng trông chờ quân ngũ dinh được.

Ông giáo nói tiếp:

- Nhưng thang thuốc công phạt thường tạo các dị ứng. Tôi chú ý đến nét mặt Châu Văn Tiếp hôm ấy, thấy ông ta hầm hầm giận dữ. Ông có thấy Tiếp định sụp xuống lạy Đông cung hôm đám rước không?

Nhạc ngạc nhiên hỏi:

- Thật thế à?

- Đúng thế. Sở dĩ Tiếp thuận đưa quân trà Lạng ra tăng cường cho Quảng Nam chỉ vì nghe trại chủ bảo cần lực lượng lớn để đi rước Đông cung. Sau cuộc hội kiến hôm trước, ông Tiếp lạng lẽ về Phú Yên không chào ai cả. Có thể vì vậy mà quân Tổng Phúc Hợp cứ tiến, tiến, tiến, gặp rất ít trở ngại.

- Còn đạo quân của thằng Huệ đó làm gì?

- Một mình anh Huệ không thể cự nổi Tổng Phúc hợp. Địa thế Phú Yên, nhất là đường thượng đạo, Châu Văn Tiếp còn đám bộ hạ người Đồng Xuân của ông thuộc lòng như kẻ bàn tay. Thiếu phối hợp giữa ông Tiếp với anh Huệ, thì tuyến phòng vệ trở nên lỏng lẻo.

Nhạc đột nhiên nổi giận. Mặt ông xám thêm. Nhạc nói:

- Thầy quan co một hồi, cuối cùng cũng đổ trách nhiệm mất Phú Yên lên đầu tôi. Thầy bảo chỉ vì tôi không tôn kính Đông cung thành thật nên Châu Văn Tiếp bất mãn, từ đó phối hợp mặt trận phía nam lỏng lẻo, đưa hết thất bại này đến thất bại khác. Tôi hiểu thầy chăm chăm đến sự tôn phò. Thầy là nhà nho đầu óc lúc nào cũng lo lắng chữ trung. Nhưng thầy nghĩ lại coi, cả Duệ Tôn lẫn Đông cung ngoài mặt thân thuộc nhưng bên trong thù hận nhau đến mức nào! Mà cả hai có đáng gì đâu! Tôi nhún mình vái lạy mà xương sống nhất định không thềm cong, đầu gối không chịu quì, là vì anh ta chẳng đáng gì. Chẳng lẽ đến phút này mà tôi còn dẫu sự thực với thầy! Cái thằng lính lí lắc bị ông Chỉ chém oan đó, ta nên lập miếu thờ cho nó. Nó trẻ tuổi thấy sự thật, không quen nói ngược nói dối. Phải, nó giấu cọt cái thằng không có cu" là có lý!

Ông giáo vội thanh minh:

- Ông cả, xin lỗi tôi không gọi trại chủ mà gọi ông cả là vì hai ta thân tình với nhau từ lâu rồi, không nên khách sáo e ngại lẫn nhau. Ông hiểu lầm tôi rồi. Tôi không mù quáng như Châu Văn Tiếp đâu. Tôi cũng hiểu giá trị bọn vương hầu, ai xứng đáng, ai không xứng đáng. Ông thấy đấy, tuy lúc nào tôi cũng nhắc nhở ông chuyện tôn phò, nhưng hôm đám rước, tôi không định sụp lạy như Tiếp. Đông cung Dương là một người hiền đức lời đồn đãi có lẽ đúng. Nhưng muốn lái con thuyền vượt qua cơn sóng gió dữ dội này thì hiền đức chưa đủ. Phải có tài năng quyền biến, chí khí cao, nhẫn nại lớn. Những cái đó ông có thừa. Hiện nay Đông cung không thể thiếu ông, mà ông cũng phải cần đến Đông cung. Đã cần, thì phải đối xử như khách quý chứ đừng đối xử như thằng tù. Ít được cơ hội nói thẳng nói hết với ông như hôm nay, nên chắc tôi

có quá lời. Xin đừng giận tôi, ông cả!

Nhạc hơi nguôi giận, nhưng nét mặt vẫn giữ vẻ đăm chiêu. Ông giáo yên lặng chờ lời giải hòa của Nhạc, để xóa tan nỗi nghi ngại nguy hiểm trong các cuộc giao tiếp sau này. Nhạc suy nghĩ lung lắm, cuối cùng ngược nhìn ông giáo, nói nhỏ nhẹ:

- Tôi xin lỗi thầy. Chỉ vì tôi lo cho thằng Huệ quá, mất cả bình tĩnh. Lâu nay tôi dồn hết lực lượng ra mặt bắc, phía nam chỉ có một mình nó cáng đáng. Trách nhiệm lớn, nó lại không được toàn quyền quyết định vì là đất của ông Tiếp. Không hiểu có việc gì không?

Nỗi lo lắng cho Huệ khiến ông giáo và Nhạc gần gũi nhau hơn. Ông giáo cảm động, nói với Nhạc:

- Ông đừng quá lo. Tôi dạy anh Huệ bao năm, tôi biết. Anh ấy không phải là kẻ dễ dàng chịu thua cuộc. Trí thông minh và ý chí anh ấy thật khác thường. Rồi ông cả xem, mặt trận phía nam còn yên tĩnh hơn cả phía bắc là nhờ anh Huệ. Tôi đoán người ít khi lầm!

Nhạc chợt nhớ đến Lãng, hỏi ông giáo:

- À, tôi quên khuấy đi mất. Lãng nó ở chung với Huệ mà! Tôi vô ý chỉ lo cho thằng Huệ mà không nhắc đến thằng Lãng. Lâu nay nó có viết thư về không, thầy?

- Ít lắm. Viết vài dòng cho biết vẫn thường, thế thôi!

*

* *

Tình thế ở phía nam càng ngày càng xấu. Quân bộ của Hợp ở Xuân Đài, quân thủy ở vùng Lầm cứ lần dần ra phía Qui Nhơn, uy hiếp phủ Phú Yên tại sông Cầu. Có lẽ để uy hiếp tinh thần phe địch nên tháng Năm Ất Ty, Tổng Phúc Hợp sai viên tri huyện Đồng Xuân là Bạch Doãn Triều và cai đội Thạc ra hỏi tội Nhạc, đòi Nhạc phải trả lại Đông cung.

Sứ giả đến vào lúc Nhạc chuẩn bị đem thêm quân ra Quảng Nam tiếp ứng cho Tập Đình, Lý Tài chống lại quân Trịnh. Nhạc bối rối chưa biết phải xử trí thế nào. Ông biết đây chỉ là cớ để Hợp khiêu chiến. Hắn muốn đánh nhau hả? Ta đã sẵn đây! Việc gì phải tìm cớ! Muốn tìm hả? ta chém quách tên tri huyện và gửi trả đầu cho Xuân Đài! Nhưng cái khó ở đây là Đông cung. Hợp đòi Đông cung, ở chỗ thiên hạ bốn phương chăm chăm nhìn vào, một cái gật đầu lắc đầu của Đông cung cũng đủ tạo ra nhiều hậu quả lớn. Nhạc vội sai lính mời ông Chỉ lên căn dặn cách bố trí dinh tiếp sứ, rồi mời ông giáo lên hỏi:

- Những điều chúng ta đoán trước đều đúng cả. Hợp vừa cho người ra đòi trả Đông cung. Ta phải làm gì đây?

Ông giáo hỏi lại:

- Trại chủ có định trả không?

Nhạc cười gằn, đáp:

- Sao thầy hỏi thế! Trả sao được!

Ông giáo lại hỏi:

- Theo ông thì Đông cung có muốn về với Hợp không?

Nhạc do dự, rồi đáp:

- Cái đó tôi không biết chắc. Hôm trước nghe tôi nói, anh ta có vẻ sợ. Nhưng những người ba chìm bảy nổi thường kín đáo, dè dặt, khó lường trước hành động của họ lắm.

- Như vậy ngay tối nay, phải làm thế nào để Đông cung sợ không dám công khai đòi về với Tổng Phúc Hợp.

- Việc này khó khăn và tế nhị. Tôi xin nhờ thầy giúp cho. Tôi nói không tiện.

Ông giáo vui lòng đến gặp Đông cung. Cùng dùng một lập luận với Nhạc hôm hội kiến, nhưng ông giáo nói khéo hơn, dẫn dụ cho Dương tự mình thấy được thế nguy hiểm của mình. Ông thêm thắt sự hống hách láo xược của viên tri huyện, không chút do dự, vì biết trước thế nào ngày mai hãn cũng tỏ ra hống hách láo xược. Ông lưu ý vai vế thấp kém của sứ giả, điều đó chứng tỏ trước mắt Hợp, ông hoàng bị cầm tù chỉ đáng tương xứng với viên tri huyện của một vùng đất thừa dân, nghèo của. Ông nhắc lại nhiều lần thâm ý của Duệ Tôn, giao phủ Quảng Nam bị vây khốn tứ phía cho Đông cung, sau khi đã đem đi viên tướng giỏi nhất. Nhắc lại cuộc hội kiến đáng ngờ giữa Duệ Tôn và Tổng Phúc Hợp ở Hòn Khôi.

Ông giáo đã hoàn thành công việc Nhạc giao phó.

Sáng hôm sau Nhạc tiếp sứ giả ngay tại chính dinh. Chỉ đã vâng ý Nhạc đặt ngay giữa phòng một cái bệ cao dành riêng cho Đông cung, mặt quay về hướng nam. Nhạc và Chi, Năm Ngạn, Nhật, ông giáo đứng hầu bên trái; Nguyễn Phúc Chất, Nguyễn Phúc Tịnh theo hầu Đông cung từ hồi ở Câu Đề đến nay thì đứng bên phải. Sau vài lời xã giao nhạt nhẽo, tri huyện Bạch Doãn Triều lớn tiếng nói:

- Hai chúng tôi vâng lệnh quan Tiết chế ra đây có nhiều việc phải bàn với các ông. Không có thì giờ dài bồi chuyện mưa nắng nữa. Quan Tiết chế truyền...

Nhạc giơ tay cắt lời viên tri huyện láo xược, dẫn cơn giận, chậm rãi đỉnh đạc nói:

- Tướng sĩ ngũ dinh ngàn dặm đến lo việc cần vương, thật là trung nghĩa lắm. Nay chúng ta đã trừ được tên Quốc phó Trương Phúc Loan. Việc lớn còn lại là rước lập hoàng tôn, công việc này quá trọng đại, một mình chúng tôi sức yếu, hiểu biết ít, chắc chắn không thể kham nổi. Sẵn có quý vị cất công ra đây, chúng tôi xin bàn với tướng sĩ.

Bạch Doãn Triều thấy Đông cung ngồi chễm chệ trên bệ cao, Nhạc và bộ hạ đứng thấp khấp nép bên trái, hai quan lớn thân cận hộ vệ bên phải, hoang mang chưa biết phải xử trí thế nào. Chợt nhớ lời căn dặn của Tiết chế, viên tri huyện bạo dạn hơn, mỉm cười hỏi Nhạc:

- Minh công có lòng lo lắng như vậy, nghe rồi mới đến đây, sao lại không vâng. Nhưng nếu quân của ngũ dinh kéo ra, minh công sẽ cho trốn ở đâu?

Nhạc mím môi suy nghĩ, rồi quay về phía bệ Đông cung lễ phép thưa:

- Lệnh trên ban xuống thế nào, chúng tôi xin răm rắp tuân theo.

Bấy giờ Đông cung mới hốt hoảng, hai đầu gối khép lại, thu nhỏ người vào một góc bệ. Dương chồm ra phía trước, hết nhìn Bạch Doãn Triều lại nhìn Nhạc, như trách móc tại sao hai bên đôi co sinh chuyện làm gì để buộc Đông cung phải phân xử. Mà phân xử thế nào đây? Đông cung nhìn Nguyễn Phúc Tịnh cầu cứu. Rồi đến Nguyễn Phúc Chất. Hai viên đại thần quá quen với cách xử trí khôn ngoan vào những lúc phé hưng bất trắc, nên làm ngơ như không hiểu Đông cung muốn gì. Vô vọng, bức dọc, cuối cùng Đông cung

nói:

- Các khanh tùy đó mà liệu với nhau!

Màn kịch bất đắc dĩ kết cuộc. Nhạc lại phải đi ngay ra Quảng Nam cho kịp đúng đường trạm.

Chương 30

Thọ Hương hí hửng tìm An, đưa một gói giấy ra, nói:

- Đố chị thứ gì trong này?

An định chụp cái gói giấy nhưng Thọ Hương cười to, chạy ra xa, gói giấy đưa lên quá tầm cao của

An. An thấy lòng vui vui, hy vọng vu vơ e dè. Cô làm mặt tỉnh, nói với Thọ Hương:

- Thứ gì thì mở ra khắc biết ngay. Chị có nói đúng cũng chỉ do may rủi, chứ được gì đâu!

Thọ Hương nghiêm nét mặt, đưa gói giấy cho An:

- Của chị đấy!

Bấy giờ lòng An mới nổi lên rộn rã. Có lẽ mình đoán đúng. Nhưng biết đâu! Nếu đoán sai có phải tẽn tò với con bé không! An làm ra vẻ thờ ơ, lãnh đạm bảo Hương:

- Thọ Hương đừng đùa tội nghiệp chị. Có ai gửi quà cho chị đâu!

Thọ Hương thất vọng vì vẻ lãnh đạm bất ngờ của An, giận dỗi nói:

- Của chị em mới đưa chứ! Của chú Tám gửi chị mà!

An ghen lời, muốn ngộp thờ. Cô không ngờ tuy đã đoán trước được một lần, lúc biết chắc sự thực, cô có thể xúc động đến độ ấy. Vẫn còn chưa dám tin trước một hạnh phúc quá lớn. An hỏi:

- Có thật của chú Tám Hương không? Ai đem về đấy!

Hương đáp:

- Quyển sách hôm trước chú gửi cho chị đấy. Hôm qua em chờ cha lên ngựa xong, lấy bạo vào phòng cha lục một lần nữa. tìm kiếm cả buổi không thấy gì. Chị biết không, em áy náy chưa tìm ra cho chị thì mỗi lần gặp chị, em có cảm tưởng mình còn mắc nợ chị. Cho nên em quyết tìm cho ra. Cuối cùng, chị biết em tìm thấy nó ở đâu không? Trên đầu tủ chè. Cha em vất trên đó. Í, em quên, có cha em cất trên đó để lại cho thầy nhưng quên đi. Em tìm lá thư ngăn kèm theo cuốn sách mà không thấy. Kìa, chị mở dây ra đi. Làm gì như người mất hồn thế!

An suy nghĩ về mấy lời nói hớ của Thọ Hương “Cha em vất trên đó”, lo âu đau xót cho những trở ngại, những dang dở, những tuyệt vọng có thể đến sau này. Thọ Hương nhắc, An mới giật mình nhớ đến gói quà. Cô mở sợi dây chỉ điều. Bên trong, là một tập thơ Đỗ Phủ in trên giấy hồng đào, bìa bọc gấm. Trên trang đầu có in tên một thư các bên Trung Hoa, và triện của Trần Vũ Bình Khang đóng đỏ chói.

Thọ Hương lú lút hỏi:

- Đẹp quá hả chị! Chắc là quý lắm hả chị. Coi thứ giấy họ dùng kìa! Mịn và dai quá đi mất! Họ có đề giá tiền không chị.

An xem kỹ hai bìa, rồi đáp:

- Không. Vì đây là ấn bản cho thư các một dòng họ quý tộc bên Trung Hoa, nên không đề giá bán. Họ cần gì tiền mà bán sách. Không hiểu vì sao tên tuần phủ Bình Khang kiếm được quyển sách này!

Thọ Hương có vẻ thất vọng:

- Thế thì trị giá của nó là bao nhiêu?

An thương hại nhìn Hương, chậm rãi đáp:

- Khó mà nói cho trị giá của nó. Những dòng thơ này là máu, là nước mắt, suốt cả đời chìm nổi của Đỗ Thiếu Lăng. Đối với một người hiểu thơ thì cuốn sách không lấy gì định giá được, vì nó còn quý hơn cả một đời người. Đỗ Thiếu Lăng chết lạnh trong một chiếc thuyền rách trên quãng đường từ Đàm Châu đến Nhạc Dương, thân xác rữa nát mà đời vẫn còn biết tên là nhờ cuốn thơ này. Nhưng đối với những kẻ ngu phu thì không đáng một thanh gỗ thông nhen lửa. Thật vậy, vì đem nhen lửa loại giấy này cháy không tốt bằng gỗ thông.

- Chị nói em chẳng hiểu gì cả. Nào “thiếu lăng” với lại “đủ lăng”. Chị nói gọn cho em biết đi. Nếu gặp lúc túng đói, đem cuốn sách này ra đổi được mấy bát gạo?

An cả quyết đáp:

- Không đổi được bát gạo nào đâu!

- Trời ơi! Vậy thì chú Tám lần thần quá. Để vài bữa chú về, em phải trách chú mới được!

An hồi hộp đáp:

- Vài bữa nữa chú về? Ai bảo em thế?

Thọ Hương ngạc nhiên hỏi lại:

- Thế chị chưa biết sao?

- Biết cái gì?

- Chú Tám Thơm với cậu Lăng sắp về đây. Lính trạm chạy về báo trước tối hôm qua..

An sung sướng đến nóng ran cả mặt. Cô thắc mắc tự hỏi tại sao những việc tối quan trọng như vậy mà không ai cho An biết cả, An chỉ biết qua những dịp vô tình. An quên rằng so với tin tức quân Trịnh đã vượt qua đèo Hải Vân và quân Tống Phúc Hợp đã ra quá Xuân Đài, thì cái tin Huệ về hay không về chỉ là hạt bụi. Thọ Hương mãi suy nghĩ chuyện riêng, không chú ý đến nét xúc động của An. Chờ không thấy An nói gì, Hương tưởng cái tin Huệ về không có gì đáng nói, bèn quay sang chuyện khác. Hương căn lấy môi dưới, bèn lên liếc An, định nói điều gì nhưng còn xấu hổ do dự. An ngược lên hỏi:

- Em định nói gì mà ấp a ấp úng thế?

Thọ Hương chối:

- Có gì đâu!

- Thế tại sao em lại đỏ mặt?

- Em đỏ mặt hồi nào. Em chỉ tức cười thôi. Chị An này!

- Cái gì?

- Chiều hôm qua em thấy Đông Cung đi rửa mặt.

An bật cười:

- Tưởng chuyện gì lạ. Đông Cung đi rửa mặt mà em kể như chuyện trời sập.

Thọ Hương cãi lại:

- Em thấy là lạ sao đấy. Đầu tiên em nghe Đông Cung gọi thẳng lính hầu, giọng trọ trẹ như giọng của cha chị vậy. Dĩ nhiên là thanh và mạnh hơn. Gọi hai ba lần không thấy ai thừa cả. Có lẽ thẳng lính hầu bận việc gì đó. Em lén nhìn, thấy cửa sau xích mở, rồi Đông Cung cầm cái thau ra phía chỗ ang nước. Lúc rửa mặt, Đông Cung vừa dùng cả hai tay vốc nước lên vuốt vào mặt vừa thở phì phò. Trông lạ lắm. Em cứ ngỡ các ông hoàng bà chúa phải có gì khác thường chứ!

An tình nghịch nói:

- Sao lại không khác thường. Thọ Hường không nghe người ta gọi Đông Cung là chị Dương sao?

Hai cô gái cùng đỏ mặt, bụm miệng cười ngất nghéo. Thọ Hường đâm thùm thụp vào lưng An, nói:

- Chị này quý quá lắm! Em không nói chuyện với chị nữa.

*

* *

Huệ và Lăng về Qui Nhơn đúng vào lúc tin thất bại ở Cẩm Sa dồn dập bay về. Cả phủ xao động, dáo dác. Những người vợ lính chạy đi hỏi tin tức thân nhân, mặt mày ai nấy đều hớt ha hớt hải. Những tin đồn thường bi thảm hóa tình hình thực tế, và những người mẹ người vợ tin những lời đồn đại đó hơn các lời trấn tĩnh của ông Vịnh, phụ trách việc quân của Tây Sơn. Một tin đồn nguy hiểm suýt làm náo động cả phủ là ông Vịnh vừa nhận được một danh sách ghi đầy đủ những người tử trận hoặc mất tích trong trận Cẩm Sa để báo tin cho gia đình, nhưng không biết vì có gì, Vịnh giấu đi. Tin ấy lan nhanh như lửa gặp gió. Ban đầu chỉ có vài người thân thuộc của Vịnh đến hỏi. Vịnh, và cả vợ nữa, giải thích, cải chính, trấn an, vỗ về, an ủi... Đưa tất cả cái gì thiêng liêng nhất đời ra thề rằng không nhận được bản danh sách đó. Họ đưa được người này ra khỏi cửa, thì người khác đến. Dần dần số người tụ tập quanh nhà mình đông thêm, Sau đó bọn tò mò hiếu kỳ, bọn ngồi lê đôi mách cũng nhập bọn. Góc phủ náo loạn. Không khí xáo xáo kích động dễ dàng những tâm hồn dao động hớt hải. Những bà cụ già bắt đầu thút thít, kể lể. Vài bà vợ lính bù lu bù loa, bứt tai bứt tóc. Cơn điên loạn truyền nhiễm đám đông. Người ta xô ngã vào nhà ông Vịnh. Người ta la ó, chửi rủa, than khóc... Nếu Bùi Văn Nhật không đem đội cấm quân đến giải tán một cách cương quyết thẳng thừng, không kiêng nể ai, thì chắc “cuộc dấy loạn” nho nhỏ ấy còn lan rộng nữa. Huệ tìm gặp ông giáo giữa lúc xao xác hỗn loạn đó!

Ông giáo tìm được người tri âm, giữ Huệ lại nói hết những ray rứt lo âu của mình:

- Anh thấy không! Tại sao lại phải đến nông nổi này! Tất cả đều hỗn loạn, quay cuồng điên đảo. Tất cả đều là tiếng khóc, đều là tang thương, cô cút, góa bụa. Ta phá tan tành cái cũ mà chưa biết làm nên cái mới ra sao, nên mọi người trở thành dân xiêu dạt, trên đầu không có mái che. Dường như đất ở dưới chân ta bắt đầu lay động. Những người dân đen khổ, vì họ mà ta khởi dậy, vì họ mà cực nhọc vào sinh ra tử, anh thấy đó, họ vẫn cứ khổ, mắt họ còn chan hòa nước mắt. Da họ nhăn, những đứa bé còn lơ lảo đói khát. Cuộc hỗn loạn này không phải là điều vô tình. Nó là tiếng chuông cảnh tỉnh, sự nhắc nhở muôn màng nhưng nếu ta chịu khó lắng nghe, tiếng chuông đó vẫn còn có ích. Giữa anh và tôi, chắc anh không nỡ giấu làm gì. Phía bắc mặt trận Cẩm Sa đã vỡ. Tôi nghe ông Vịnh bảo dù đạo quân Tàu Ô của Tập Đình, Lý Tài có ở trần trùng trực, gióc tóc, quần khăn đỏ, đeo giấy vàng bạc, tay cầm khiên mây, đại đao xông vào liều

chết đánh nhau, cũng không ăn thua gì. Hoàng Ngũ Phúc, Hoàng Đình Thễ, Hoàng Phùng Cơ không phải là những tên lính bạc nhược như Nguyễn Cửu Chấn. Đã đành được thua trong chiến trận là việc thường. Nhưng lần này trầm trọng hơn các lần trước. Tôi được tin tức chắc chắn là Tập Đình đã trốn đi, đem theo đám bộ hạ Trung nghĩa quân và chiến thuyền. Bấy lâu nay ta mạnh là nhờ bọn vong mạng. Chúng có cướp bóc đấy, có phá làng phá xóm đấy, nhưng đánh trận, lúc nào chúng cũng xông lên hàng đầu. Tập Đình bỏ đi! Ta có thể cầm chân Lý Tài được không? Một nửa thuyền chiến đã mất, làm sao ta giữ được biển đông, trong khi quân ngũ dinh lại thạo về thủy chiến. Tôi nghe Tống Phúc Hợp đã cho thủy binh ra trận Ô Nha. Phủ Phú Yên lâm nguy! Mặt trận phía nam sao chịu thất thế hoài vậy?

Huệ cảm động nhìn nét mặt hốt hải của thầy. Sau một thời gian dài cách biệt, anh thấy ông giáo già hẳn đi. Tóc rụng nhiều. Da nhăn. Đôi mắt chuyển sang màu đục, tuy ông giáo nói hăng hái cuồn cuộn nhiệt nhưng ánh mắt dường như vô hồn, lạc lõng. Anh cũng chú ý đến giọng nói run run và lâu lâu ông giáo đưa tay lên che miệng, húng hắng ho. Huệ bình tĩnh trả lời thầy:

- Vâng. Tống Phúc Hợp sắp đưa quân chiếm phủ Phú Yên. Con vội về đây cũng vì chuyện đó.
- Nhưng tại sao các anh cứ lùi mãi? Từ đèo Cả về Xuân Đài, rồi từ Xuân Đài còn rút về đâu nữa!

Huệ mỉm cười, chậm rãi trả lời:

- Có lẽ phải rút về đèo Cù Mông thôi, thầy ạ!

Ông giáo giật nảy người, hỏi dồn:

- Anh nói thật hay nói đùa?

Huệ đáp:

- Thưa thầy con nói thật.
- Tại sao vậy?

Huệ sửa lại thế ngồi, chuẩn bị một cuộc nói chuyện dài dòng:

- Bao nhiêu năm nay, từ lúc con tạm bỏ sách vở của thầy để cầm kiếm, con nhận thấy nhiều lúc phải kiên nhẫn chờ đợi thôi. Nôn nóng không được. Thầy nhớ không, ngay từ thời đầu ở Tây Sơn thượng, thầy bực dọc biết bao với lời lẽ lỗ mãng, cư xử tục tằn, hành động thô bạo của bọn đầu đầu trộm đuôi cướp trốn gông cùm lên nường nấu trên Tây Sơn thượng. Thầy không muốn chung chạ với bọn vong mạng đó. Sau khi xuống núi, thầy lại thấy thêm bọn cướp biển, bọn con buôn gian xảo gia nhập. Thầy thở ra thở vô. Thời đó con cũng bực dọc như thầy, nên mới xin anh con cùng với Mắm lập riêng một toán gồm toàn những trai tráng có lý tưởng, có đức độ, hiểu rõ mình chiến đấu vì cái gì. Từ đó đến nay, chắc thầy đã thấy như con, đâu phải bọn vong mạng ấy hoàn toàn vô dụng. Chúng lập công thật nhiều, tuy phần phá phách không phải là ít. Không có chúng thì những người trầm tĩnh, những người quen tuân luật pháp, những người học rộng biết nhiều nên không thấy điều gì đáng kinh ngạc đến nỗi phải giận dữ xốc áo đứng dậy, những người cha hiền con hiếu, nói chung là những phần tử đáng tôn kính trong thời bình, không có chúng thì những người vừa kể có dám đột nhiên xắn tay, vác giáo xăm xăm phá thành hay không? Con nghĩ là thời nào cũng vậy, vào giai đoạn đầu, bọn vong mạng thật cần thiết. Điều quan trọng là chiều hướng sau đó của cuộc khởi loạn. Nếu như bọn vong mạng tiếp tục đi hàng đầu, chiếm lĩnh tất cả quyền điều khiển, thì cuộc khởi nghĩa

dấy trước sau chỉ là một vụ cướp lớn. Ngược lại nếu ta vững tay lái, đếm một lúc bọn vong mạng ngỡ ngàng nhận thấy rằng đây không phải là một đám cướp, và chúng phải buộc phải bỏ đi, thì rõ ràng hàng ngũ chúng ta được thanh lọc. Tập Đình trốn đi mang theo bọn trộm cướp dưới tay, con nghĩ đó là tin mừng. Ta được lần lần thanh lọc, loại bớt những rác rưởi.

Ông giáo vội hỏi:

- Sau bọn trộm cắp, đến lượt bọn nào đào thải?

Huệ ngần ngừ không muốn nói. Ánh nhìn cầu khẩn của ông giáo khiến anh bối rối, thấy không thể giữ im lặng được. Anh nói, với một giọng dè dặt:

- Con chưa lấy làm gì chắc. Sau bọn vong mạng, có lẽ đến bọn cố chấp, rồi đến bọn cơ hội. Bọn cố chấp bị đào thải vì không theo kịp các biến động quá nhanh xảy ra trước mắt. Điều đó dễ hiểu. Khó nhất, chậm nhất, gay go nguy hiểm nhất là cuộc đào thải bọn cơ hội. Chúng nó là con tắc kè thay màu mau chóng, khó lòng biết đâu là người thiện chí đâu là tên cơ hội.

Ông giáo càng nghe Huệ nói càng dao động. Ông không ngờ Huệ đã lớn mau như vậy. Một cảm giác kiêu ngạo, sợ hãi xâm chiếm hồn ông. Ông liếc mắt nhìn Huệ, bắt gặp đôi mắt cười giễu cợt quen thuộc của học trò. Ông muốn hỏi Huệ: "Tôi thuộc vào hạng nào trong quá trình thanh lọc của anh?" nhưng thật nực cười, ông đâm sợ người học trò ấy. Thật ra ông sợ chính sự lạc lõng của mình, sự yếu đuối chậm chân không theo kịp đà lịch sử nên trở thành cố chấp. Đã có nhiều dấu hiệu đáng sợ báo trước giờ đào thải của ông: tâm hồn hoang mang, xúc động thái quá đến độ bị quan trước cái tổn thất, những đêm không chợp mắt vì lo âu vu vơ, thái độ lạnh nhạt của Nhật, của Chi, của trại chủ, những câu hỏi khó hiểu của Thọ Hương... Ông giáo sợ hãi nhìn chính mình! Ông muốn vào phòng riêng để tự do suy nghĩ, nên bảo Huệ:

- Con An nó mong gặp anh lắm. Hai chị em nói gì với nhau mà suốt đêm qua không chịu ngủ. An ời!

*

* *

Chỉ có An và Huệ ở phòng trước. Bên ngoài trời tối. Ánh sáng ngọn đèn dầu thu hẹp không gian cho thêm ấm cúng. Và như sợ làm động đến bầu ánh sáng huyền hoặc mong manh đang mơn trớn ôm ấp hai người, cả An lẫn Huệ đều nói nhỏ, gần như thì thào. An run run thú nhận:

- Bấy lâu nay em sợ quá!

Huệ cố hiểu sai ý An, cười nhẹ nói:

- Lặng ở với tôi, An còn sợ gì nữa.

An vội bảo:

- Không phải thế. Em định bảo... định bảo. Nhưng thôi, có nói anh cũng không hiểu đâu!

- An chê tôi chậm hiểu à?

- Anh cứ quen thói ưa bắt bẻ! Được rồi, anh chậm hiểu lắm. Anh nhanh trí cái gì không biết, nhưng có chuyện anh rất chậm hiểu. Anh chỉ biết có anh.

Huệ hơi ngỡ ngàng, thích thú trước câu trách móc bất ngờ, cười nhẹ, rồi hỏi:

- Chẳng hạn An thấy tôi chậm hiểu việc gì nào?

An ập úng, rồi đáp bừa:

- Như chuyện anh không thư từ liên lạc gì cả. Báo hại bên gia đình anh, ai cũng sốt ruột. Con bé Thọ Hương ngày nào cũng lo không biết chú Tám ra thế nào. Phần cha em thì lo cho thằng Lãng.

Huệ cảm động, ngược lên nhìn An. Cây đèn dầu chiếu một bên mặt An, viền đậm hàng mi dài, cái mũi thanh tú và đôi môi mím, môi dưới hơi trề ra trông đáng hờn dỗi. Lòng Huệ rộn rã. Anh muốn tìm câu chuyện nào vui vui để chuyển đề tài, cho An mỉm cười đôn hậu, mắt long lánh dưới ánh đèn. Biết bao lần anh mơ tưởng đến khuôn mặt này, đến mái tóc phủ lên chiếc cổ trắng, đến chiếc mũi thanh tú, đến vẻ hờn dỗi hay hân hoan thay đổi tùy theo cách mím môi, đến... đến tất cả kỷ niệm về một đoạn đường chung. Huệ lấy giọng nghiêm chỉnh hỏi:

- Mới đây mà An dời xuống đây hơn một năm rồi, phải không?

An nhỏ nhẹ đáp:

- Dạ. Hơn một năm rồi.

- Lâu nay An có trở về An Thái không?

- Không. Anh biết chuyện cậu Hai Nhiều rồi chứ!

- Biết. Bây giờ bà Hai sống với ai? ở đâu?

- Thế anh chưa biết gì à?

- Biết cái gì?

- Vợ Hai không thể ở lại nhà viên chánh tổng được, dời về nhà cũ. Thế mới khổ. Tức cười lắm, anh biết không, tại anh mà em bị vợ Hai rầy rà mấy ngày!

- Tại sao? Sao vậy?

- Hôm anh cho lính đến sửa khuôn cửa nhà cậu Hai, anh nhớ không? Anh có bảo họ là xem nhà vô chủ nào đó có khuôn cửa tốt cứ tháo gỡ ra, đem lắp nhà cậu vợ. Em nhất định không chịu, lấy tre và đất sét cho họ trám tạm. Vợ Hai về trông thấy vách nhà tèm lem, nổi cơn lên.

- Như vậy đâu phải lỗi tại tôi! Tại An gàn dở đấy chứ!

An bĩu môi:

- Gàn dở! Nếu anh chịu khó hơn, tìm đâu sẵn khuôn cửa rồi sai mang tới lắp, thì đâu có sinh chuyện. Em khỏi sợ mang tiếng đạo tặc!

Huệ cười to, rồi nói:

- An lần quần trong vòng đạo đức giả mất rồi! An không dính dấp vào, nhưng sẵn lòng thụ hưởng. Tội nặng hơn nhiều nghe!

Cả hai cùng bật cười. Huệ lại hỏi:

- Sao bà Hai Nhiều về nhà cũ thì An phải đi?

- Ở sao nổi. Vợ ấy day nghiêng, tìm có sanh sự hoài. Bất đắc dĩ em với chị vợ anh Kiên phải đi. - Vợ anh Kiên? À, anh có nghe chuyện đó, nhưng tưởng tụi nó nói đùa cho vui chứ!

- Cha em buồn về việc đó lắm. Ảnh biến thành ông chủ quán rượu, chuyên bán cho bọn mã phu. Thôi, đừng nhắc đến nữa!

- An về đây là phải. Gia đình đã đi xa cả, chẳng lẽ An ở một mình tại An Thái!

- Em không muốn xa mẹ. Trước hôm đi, em ra khóc với mẹ cả buổi chiều. Em... nói... với mẹ...

Xúc động khiến An không nói được nữa. Cô nhớ nỗi tuyệt vọng chua chát của cô chiều hôm ấy, hơn một năm qua vẫn còn mùi lòng. An thút thít khóc, rồi đưa ống tay áo lên gạt khô nước mắt. Huệ ngồi bàng hoàng không hiểu sao đột nhiên An khóc, không dám thốt lời nào. An khóc một lúc, gượng cười chữa thẹn:

- Em con nít quá. Cười đó rồi khóc đó! Chẳng ra làm sao cả! Anh biết không (An lại thút thít, và cười gượng) vòng về em có ghé lại Gò Miếu.

Huệ tò mò hỏi:

- An ghé chi vậy?

An hơi giận, đáp cộc lốc:

- Tại đi theo đường đó về nhà gần hơn!

Huệ biết mình lỡ lời, cố lấy giọng âu yếm hỏi:

- An có đến chỗ trước kia chúng tôi đóng trại không? Có tìm thấy thứ gì còn bỏ sót lại không?

An bĩu môi nói:

- Bỏ sót. Các anh vô ý thì dân An Thái đã nhờ! Chỉ còn mấy cái hố chôn cột trại trên đám cỏ ấy. Em nhìn, thấy buồn chi lạ!

Huệ cảm động trở nên lúng túng. Anh không thể tìm được câu nào ý nghĩa hơn, sâu sắc hơn câu vừa rồi của An, để trình bày nỗi lòng mình. Anh nhìn An, rồi liếc nhìn lần nữa, không tìm ra ý cần. Huệ đành phải hoãn binh bằng cách cầm chén nước lên uống. Cái chén đồ sứ Giang Tây chỉ có thể mua được ở các thuyền buôn Hội An thôi. Huệ tò mò hỏi:

- Bộ chén trà ở đâu đẹp quá?

An đỏ mặt, lí nhí đáp:

- Của người ta biếu cha em. Anh xơi thêm nước!

Huệ lắc đầu:

- Thôi. Cảm ơn An.

Trong khi lòng đau nhói vì nhớ chuyện người ta kháo nhau rằng lâu nay Lợi lấy của kho mang tới cho An không thiếu thứ gì, từ đồ sứ Tàu cho đến hạt tiêu, cây tăm. Trước khi đến đây, Huệ đã nghe chị dâu nói mãi nói mãi về chuyện đó. Có đúng thế không? Tại sao nàng nhận của hăn? Của hăn? Có phải của hăn đâu? Hăn lấy của làng làm ơn cho xã, nàng không biết sao? An không nhận ra biến chuyển trên nét mặt Huệ, vui vẻ nói:

- À quên, em cảm ơn anh. Quyển sách đẹp lắm. Anh biết không, Thọ Hương hỏi em nếu đói thì đổi được mấy bát gạo.

Huệ hỏi hơi xằng:

- Rồi cô trả lời sao?

An cười đáp:

- Em bảo chẳng được bát nào cả.

- An nói đúng. Quý giá gì đâu. Gửi An làm kỷ niệm cho vui thôi.

- Không phải thế. Em quý nó lắm chứ. Em đọc mà cứ sợ bụi bám vào, giở hé rồi cất đi. Anh sao thế?

*

* *

Buổi sáng, An đưa Lãng về Cù Mông xong mới xách rổ đi chợ. Hôm nay là chợ phiên chính, nhưng cô ngạc nhiên thấy chợ vắng vẻ như vừa trải qua một cơn bão. Hàng hóa đã hiếm, mà kẻ bán người mua dường như không chú ý mấy đến công việc của mình. Từng tùm nham tùm ba châu đầu vào nhau xì xầm bàn tán, nét mặt người nào cũng dáo dác, hốt hải. Lều bán tôm cá vắng hoe vì biến động. Điều đó dễ hiểu. Ngay cả hàng rau và hàng gạo cũng lơ thơ. An ghé lại bà cụ thường bán nếp mua về nấu xôi sáng cho ông giáo. Thúng nếp còn đầy, nhưng bà giáo lắc đầu bảo:

- Cô ra trễ quá. Đã có người mua hết rồi cô ơi.

An nài nỉ:

- Cụ để cho con một ít cũng được. Chừng hai bát thôi.

- Người ta đã đưa tiền rồi, cô cảm phiền. Bạn hàng quen tôi không nói dối với cô đâu. Tôi lỡ nhận tiền trước, chứ nếu không, tôi đã mang về ăn không dám bán nữa. Thời buổi này, cô tính...

An vội hỏi:

- Có chuyện gì mà chợ vắng thế cụ?

Bà cụ hàng gạo nhìn trước nhìn sau, rồi ghé sát tai An thì thào:

- Cô chưa biết gì sao?

- Biết chuyện gì cơ?

- Lại sắp chạy giặc rồi.

- Ai bảo cụ thế?

- Ấy, cô đừng nói lớn, lỡ tai vách mạch rừng. Thì tôi nghe người ta đồn thế. Không biết hư thực thế nào, nhưng thiên hạ đổ dồn đi mua gạo. Nghe nói ở phía bắc... Thôi, tôi chắc họ lại đồn nhảm như mọi khi.

- Cụ nghe thế nào, cho con biết với.

- Tôi nói, cô đừng cho ai biết là do tôi kể nhé. Sáng nay có ông trưởng tuần đi loa khắp chợ là sẽ bắt đóng gong những ai loan tin đồn nhảm. Cô không kín miệng, tội nghiệp thân già này.

- Không. Cụ cứ yên tâm. Con không mách lẻo với ai đâu.

Bà hàng gạo nói thật nhỏ, mắt vẫn lăm lét nhìn quanh:

- Giặc đã vào tới Quảng Ngãi rồi đấy, cô biết chưa. Quân của mình bị thua nặng, chạy tan tác cả. Nghe nói lớp chết, lớp bị bắt. Mấy bà vợ lính trong phủ khóc như ri. Nhiều người chạy bộ ra tìm xác chồng. Kiếp lắm! Thảm lắm! Suyt, cô xem kìa! Ấy, đừng quay lại. Mình làm như không thấy để khỏi sinh chuyện. Cô liếc nhìn về đầu phố kìa.

An kín đáo nhìn về phía bà hàng chỉ. Hai người lính An nhận ra ngay là thuộc đạo quân Tàu ô của Lý Tài, đầu thắt bím, đi chân đất, mình khoác một cái áo bẩn thiu rách rưới đang thất thểu bước trước dãy quán ăn. Nhiều cửa hiệu gần đấy vội đóng cửa lại. Hai người lính có vẻ do dự một lát, đứng lại nói với

nhau điều gì không rõ. Rồi cả hai tiến về phía một quán cơm chưa kịp đóng cửa. Bà cụ thở dài bảo:

- Kể cũng tội nghiệp. Nhưng cho họ ăn, thì cụt vốn mất. Không cho cũng không được. Ngay sáng nay, có một chú lính ngang ngược cầm đuốc dọa đốt cái quán tranh của chị hàng cháo, nếu không đưa cho hắn nguyên cả con gà luộc. Cô coi, buôn bán như thế thì còn ai dám mang hàng ra đây nữa. Chợ vắng vì thế. Lại quá, sao cái chị mua nếp không trở lại! Tôi nóng ruột quá, phải về xem lũ nhỏ nó lo gạo thóc như thế nào! May tôi đã giữ kỹ mấy cái ruột tượng, không thì...

- Ruột tượng? Để làm gì thế cụ?

- Cô này như người trên trăng ấy! Cô không thấy người ta vét sạch gạo đem về cho vào ruột tượng lo chạy giặc ư?

An cười bảo bà cụ:

- Chỉ lo hã! Năm ngoái giặc cũng vào tận Bích Khê nhưng chúng có làm nên cơm nên cháo gì đâu!

Bà hàng cãi lại:

- Năm ngoái khác, năm nay khác. Năm nay là giặc tận ngoài bắc vào, chúng nó mạnh lắm! Kinh đô chúng nó còn lấy được, hưởng chi... Đây đây, cô xem. Lại bọn lính đói. Tộp này đông quá. Những sáu thằng. Không bấy thằng chứ không phải sáu. Coi cách chúng nó ăn mặc kìa! Chúng nó dừng chỗ quán rượu. Thôi xong rồi, gia tài lão Chín. Cô ngồi dịch lại đây che giùm cái thúng nếp cho già chút!

An tức bực hỏi:

- Bọn lính tuần đâu mà để chúng phá phách phố xá thế?

Bà cụ cười đáp:

- Thôi, cô ơi! Ông vua cũng thua thằng liều. Chúng nó vừa thoát chết về, hỏi còn gì nữa mà sợ! Cô không ra đây sớm để nhìn bọn lính tuần. Thấy bọn lính đói, chúng nó biến nhanh như là ma vậy! Chả bù với ngày thường, lũ già này ngồi lẩn ra lòng đường một chút, phải biết! May quá, chị mua nếp trở lại rồi. Dữ ác! Tao tưởng mày đi luôn chứ. Cô này xin nhường lại hai bát, mày có chịu không?

Chị đàn bà mua nếp nhất định không chịu bán lại nếp cho An. Mà thực ra, An cũng không còn thiết gì nữa. Lòng cô rối bời. An đến hàng mắm mua vội một tí mắm cơm, và một ít ớt tỏi, rồi tất cả về phủ.

Cô hoảng sợ đến lạnh người khi thấy trong phủ Qui Nhơn cũng bắt đầu cảnh đao dác hoảng loạn. Từ những chức việc quen chậm chạp cho đến quân lính, gai đình vợ con họ, ai nấy đều tất bật chạy đi chạy lại, gương mặt lo âu.

Trước cổng khu quân lương, nhiều người đàn bà và con nít lóng ngóng chờ đợi, nách ôm những bọc nhỏ có lẽ đựng vài thứ cần thiết như quần áo, thức ăn đường. Lính quân lương đi ra đi vào, mặt mày lạnh lùng để từ chối những lời thăm hỏi hay gửi gắm. Đám đông trước trại ngày càng ồn ào, tiếng con nít khóc chen lẫn tiếng mẹ chúng chửi mắng, quát tháo. An gặp Nganh đang cố thoát ra khỏi đám đông để lên phủ, níu lại hỏi:

- Chuyện gì mà ồn thế anh?

Nganh trở mắt nhìn An, giọng giận dữ:

- Đến cô mà cũng đến đây à?

- Ô hay! Sao anh hỏi vậy? Tôi đi chợ về thấy người ta bu quanh đây. Có chuyện gì vậy?
Ngạnh hiểu không phải An đến để nhờ vả mình, nên kéo An ra phía đường, vừa thở vừa nói:

- Cô coi thiên hạ có điên không? Tự nhiên nghe đồn là giặc sắp đến nơi, nên hoảng lên.
- Nhưng họ chạy đến đây làm gì?

- Họ nghe chúng tôi cho chuyển kho lên Tây Sơn thượng, nên nghĩ có lẽ trên đó an toàn, ùn ùn kéo nhau đến xin quá giang. Cô coi, bỗng bể dặt dứ nhau như thế kia, trông có thảm không. Mỗi lần chúng tôi có việc phải ra cổng, họ bu vào làm tình làm tội như là hổ vồ mồi. Quần áo, trông mà khiếp!

An lo âu hỏi:

- Nhưng tại sao lại cho lệnh chuyển kho trong lúc này?

Ngạnh giơ hai tay lên trời than:

- Thế mới lạ! Ngoài phố đã thế, trong này không giữ được trật tự thì còn gì nữa! Không biết chuyện chuyển kho đã dự tính từ lâu, hay mới quyết định đây?

- Anh Lợi đâu rồi?

- Tôi cũng chẳng hiểu. Chắc lên trên phủ. Cô đi đâu về thế?

- Tôi vừa bảo với anh là vừa đi chợ về. Ngoài phố sắp loạn lên đấy, anh có biết không?

- Tội du thủ du thực của Lý Tài chứ gì!

- Vâng. Họ chạy về đây lúc nào thế?

- Sau khi bị vỡ ở trận Cẩm Sa. Bọn theo Tập Đình trốn đi, khiến bọn theo Lý Tài hoang mang, một số bỏ trốn về đây, một số Lý Tài tập trung lại được, hiện còn đóng ngoài Tam Quan.

An nhớ đến Chinh, lo lắng hỏi Ngạnh:

- Anh nghe tin ấy ở đâu thế?

- Anh Lợi nói.

- Sao hôm qua anh Lợi không nói gì với tôi cả?

Ngạnh cười:

- Cô quên ư? Hôm qua ông Huệ chưa về Cù Mông, anh ấy như con gián sợ mặt trời...

An đỏ mặt đưa mắt lườm Ngạnh. Anh ta tự thấy đã đùa quá lố, nghiêm mặt lại. An bảo:

- Thôi tôi phải về. Chắc cha tôi biết nhiều tin tức mới. Anh vào làm việc đi. Tôi về nhé!

*

* *

An chờ cha về ăn cơm trưa, nhưng ông giáo bận họp trên phủ không thấy về. Cô còn đang bồn chồn, không hiểu cha có việc gì không, thì Thọ Hương tới.

Nét mặt kinh hoàng của Thọ Hương khiến An lo lắng thêm. Cô tưởng người bạn gái bé nhỏ mang tin buồn đến cho cô. An thảng thốt hỏi:

- Việc gì thế Hương, chị sợ quá! Hương chỉ chờ có thế. Cô gái ôm chầm lấy An mà khóc nức nở. An hoang mang không dám hỏi thẳng Hương về tin tức Chinh, hay hỏi lý do vì sao ông giáo không về trưa nay. Diễn biến của tình thế nhanh quá, đã vượt ra ngoài tầm tay An. Cô chơi với không biết hỏi ai để biết rõ

ràng hiện nay chúng ta đang ở đâu, sắp tới điều gì sẽ xảy ra. An tin rằng Thọ Hương biết hết, và nét mặt kinh hoàng của Hương là một điềm báo dữ. Chờ cho Hương bớt nước nở, An mới gỡ tay cô gái ra, dỗ dành:

- Em đừng khóc nữa. Em thương chị, chị cảm ơn lắm. Chị đã quen với những rủi ro mất mát rồi. Em đừng lo chị buồn. Cứ nói cho chị biết đi. Gia đình chị đã gặp chuyện rủi ro gì?

Thọ Hương ngạc nhiên nhìn An, không hiểu. Thọ Hương hỏi:

- Chị nói gì vậy?

- Thế tại sao em khóc?

- Em lo quá chị An ơi!

An làm mặt đàn chị, an ủi:

- Không việc gì phải lo, Thọ Hương. Thắng bại là chuyện thường. Hương nhớ không, năm ngoái quân ta rút về tận Bích Khê, mà có sao đâu.

Một lần nữa, Thọ Hương lại ngỡ ngàng hỏi:

- Chị nói gì, em không hiểu gì cả.

An trở mắt nhìn Thọ Hương, giọng đã hơi bức.

- Không phải em khóc vì lo giặc sắp đến ư?

Thọ Hương bật cười, tuy nước mắt còn đầm đìa trên má:

- Không. Em lo chuyện của em.

- Chuyện của em là chuyện gì?

Thọ Hương đã bắt đầu bình tĩnh, vừa thút thít vừa ngập ngừng nói:

- Sáng nay, cha mẹ gọi em lên bảo em phải lấy chồng.

An thích thú reo lên:

- Đi lấy chồng mà khóc như đi đưa ma! Đừng con nít thế! Em đã lớn, đã đến tuổi lập gia đình rồi, em biết không. Nhưng cha mẹ gả em cho ai thế?

Thọ Hương càng do dự hơn trước, gương mặt pha lẫn thảng thốt và vui mừng khiến An thêm tò mò. An giục:

- Em lấy ai thế? Chỉ có một mình chị, việc gì mà ngượng.

Thọ Hương mím môi để lấy thêm can đảm, rồi liều lĩnh nói nhanh:

- Cha muốn gả em cho Đông Cung.

An không tin tai mình, vội hỏi lại:

- Em nói sao? Gả cho Đông Cung à?

Thọ Hương đỏ mặt không dám nhìn An, cũng không dám lên tiếng xác nhận. Cô chỉ gật đầu, răng trên cắn chặt lấy môi dưới để không bật khóc vì xấu hổ. An mừng rỡ ôm chầm lấy bạn:

- Thế mà khóc! Chị không hiểu nổi em nữa, Hương ơi! Chị mừng cho em. Lấy Đông Cung, em có thấy hết tầm quan trọng của chuyện đó không? Lấy Đông Cung! Mai sau Đông Cung lên ngôi, em sẽ thành...

Thọ Hương sợ hãi cắt lời An:

- Chị đừng nói nữa. Chính điều đó làm em lạnh đến tận xương sống. Em ngộp thở, như đột ngột bị

một trái núi đổ sập lên người. Nghe cha em nói xong, em chết điếng, rồi mếu máo khóc. Cha em giận quá quát lên. Em vội chạy ra đây tìm chị. Làm sao đây chị An?

An cười, bảo:

- Làm sao? Chẳng lẽ đây là một tai họa nên chị phải cứu em thoát nạn! Đừng trẻ con thế Hương! Em sợ cái gì? Em không xứng đáng để làm hoàng hậu sao? Em không xấu thua ai. Cha em đang có quyền thế. Đông Cung hiện đang ở đây, cái ăn cái uống cũng nhờ một tay cha em bảo bọc. Cả đến hai viên đại thần theo hầu Đông Cung cũng nép khúm núm khi thấy cha em đến. Hơn nữa, không có cha em thì liệu Đông Cung có còn giữ được mạng sống hay không, chứ đừng nói hy vọng mai sau sẽ lên nối ngôi chúa. Nghĩa là Đông Cung có thể lên ngôi hay không lên ngôi, là do cha em định đoạt. Cái ngôi vua Đông Cung sắp ngồi là do cha em dựng cho, Thọ Hương thấy chưa, có gì đáng sợ đến nỗi phải mếu máo?

Thọ Hương thấy An nói có lý, phần nào đã yên tâm. Cô bớt hốt hoảng. Nhưng nỗi lo ngại vẫn lớn vồn, mơ hồ. Thọ Hương rụt rè nói:

- Nghe chị thì em... thì em thấy bớt sợ. Nhưng... nhưng em cứ lo lắng.

- Em lo điều gì nữa?

Thọ Hương đột ngột hỏi:

- Lấy chồng là sao hở chị?

An lúng túng không biết trả lời thế nào. Chính cô cũng chưa hiểu hết ý nghĩa của việc vợ chồng. An chỉ mới hiểu mơ hồ rằng một người đàn ông và một người đàn bà cùng chung sống trong một mái nhà, thương yêu nhau, lo lắng cho nhau, xa nhau thì nhớ, mất nhau như cha An mất mẹ thì đau đớn như đứt từng khúc ruột, cùng nhau chia ngọt sẻ bùi trước mọi may rủi trên đường đời. Vợ chồng sống với nhau tất có con cái, mừng rỡ khi con mạnh khỏe, khổ sở trần trọc khi con đau ốm... Chắc hẳn còn có nhiều điều nữa An chưa hiểu hết. Nhiều điều bất thường, lạ lùng, như cảnh vợ chồng giữa anh Kiên và người vợ góa viên cai cơ, như chuyện người vợ đào hát của anh kép Mịch lấy viên khâm sai lạnh, như chuyện gấu ó chửi mắng nhau thậm tệ giữa những cặp vợ chồng lính phủ... Thế nào là vợ chồng? Thế nào là một cuộc hôn nhân đáng mơ ước? Thọ Hương chờ mãi chưa thấy An trả lời, nên giục:

- Chị, lấy chồng là thế nào? Em lo vì chưa hiểu gì cả!

An đành thú thực:

- Chị cũng chưa hiểu, làm sao trả lời em được.

Thọ Hương bật cười:

- Em đã đui lại tìm hỏi đường chị mù. Nhưng em không tin chị đâu. Chị giả vờ không biết để khỏi trả lời em đó thôi. Chị lớn tuổi hơn em, chị phải hiểu.

An vội nói:

- Chị nói thật mà! Chị chưa hiểu gì đâu.

Thọ Hương tin An thành thực, quay lại giọng tâm sự:

- Em thấy trước khi trở thành vợ chồng, hai bên phải biết nhau, phải thương nhau đã. Cũng như chị với... với chú Tám. Chị cứ để em nói, vì em hiểu chị, em thương chị. Chú Tám lúc nào về cũng tìm em để

hỏi về chị. Chú ấy tức cười lắm. Muốn hỏi chuyện chị mà cứ loay quanh. Nào những là: Thọ Hương đã học được đến đâu rồi? Thọ Hương thêu đẹp hơn kỳ trước chú về đây nhé! Thọ Hương có thường đi chơi với ai không? Em biết tận tim đen của chú, nên cứ trùng trình không đả động gì đến chị cả. Cuối cùng chú Tám phải đỏ mặt lên, lí nhí hỏi thẳng chuyện của chị. Đấy, em nghĩ nếu mai sau thành vợ thành chồng, thì người chồng phải là kẻ luôn luôn nhớ tưởng đến vợ như chú Tám với chị, và người vợ cũng nhớ tưởng lo lắng cho chồng như... như...

An cắt lời Thọ Hương:

- Thôi, em chỉ nói nhảm.

- Không, chị để em nói. Mà thôi, em chưa nói chị đã hiểu rồi. Em nghĩ đó là tình thương yêu phải có giữa vợ chồng. Nhưng chị An ơi, chị nghĩ xem, nếu em lấy Đông Cung, thì đâu có những lo lắng cho nhau, nhớ tưởng đến nhau như trường hợp chị với... với chú Tám. Em chưa bao giờ được nói một câu với... với ông ấy. Ông ấy cũng chưa từng nhìn thẳng vào mặt em. Ông ấy chưa biết tính em thế nào, thích cái gì, không thích cái gì. Em cũng vậy. Em chỉ thấy được một lần ông ấy đi ra ang tự múc nước rửa mặt. Như vậy đã đủ để thành vợ chồng chưa?

An không biết trả lời thế nào, chỉ đáp bừa:

- Nhiều khi trước khi lấy nhau, hai đảng chưa hề gặp mặt nhau. Người dân dã thì có thể đã gặp nhau trên đường đi làm đồng, hay trên đường đi củi, còn dân quyền quý sống cấm cung thì không bao giờ con cái được ra khỏi nhà. Đến ngày cưới, chú rể mới biết mặt cô dâu. Thế mà sau ngày cưới, vợ chồng vẫn thương yêu nhau thăm thiết.

Thọ Hương không thỏa mãn, thắc mắc:

- Nhưng hôm đám cưới, cô dâu chú rể nói gì với nhau đây? Nhất là khi nhà gái đã ra về?

An cười:

- Lúc đó cô dâu không nói gì cả. Cô chỉ khóc.

- Vậy thì đáng sợ quá.

- Không sao đâu Hương. Nhờ cô dâu khóc mà chú rể mới có dịp dỗ dành. Từ đó họ làm quen nhau.

Hai cô gái cùng cười to. Cười xong, Thọ Hương vẫn bồn chồn thất thần:

- Nhưng em vẫn sợ! Chị An, làm sao đây?

*

* *

Xế chiều, trong vòng thành phủ không khí hốt hải xao xác chẳng khác nào không khí một thành phố bị bao vây. Mọi người, nhất là những người đàn bà, cứ thẩn thẩn đứng ngồi không yên, hết chạy quanh hỏi thăm tin tức lại về nhà thúc giục con cái thu vén quần áo, lương thực, cất giấu đồ quý giá, cột gói sẵn những thứ cần thiết chuẩn bị chạy giặc. Thuyền chở gạo của kho quân lương ngoài bến sông bị những kẻ liều lĩnh ủa xuống chiếm chỗ để tản cư. Rào trại kho bị phá. Từng toán những đàn bà con nít nheo nhóc ôm xách đủ thứ linh kinh thất tha thất thểu trên những con đường trong phủ, tuyệt vọng ra về sau khi không tìm được chỗ quá giang lên Tây Sơn Thượng.

Không thể để cho tâm trạng sợ hãi bao trùm khắp phủ như một màu tang tóc! Hỗn loạn đã bắt đầu rồi! Không có biện pháp quyết liệt, chắc chắn phủ Qui Nhơn sẽ tự tan rã đổ vỡ trước khi quân Trịnh vượt quá Châu Ổ, và quân Nguyễn tiến tới sông Cầu. Đó là nhận định chung của tất cả mọi người trong buổi họp trưa hôm đó, do Nhạc chủ tọa.

Một số những biện pháp khẩn cấp được ban hành.

Nghiêm lệnh loan đo khắp phủ dọa chém tại chỗ những lính đào ngũ hay lang thang khắp nơi để cướp phá. Ban đầu lính truyền hiệu còn dè dặt, chọn những nơi nào không có bọn tàng quân của Lý Tài tụ họp để loan tin. Nhưng rồi chúng cũng nghe được. Chúng cười hô hố, cho đó là chuyện đùa bỡn, nên từ chuyện đi săn rượu cũng chuyển sang đi săn những tên truyền hiệu. Chúng bắt một anh lính rùi ro nhập bọn, đẩy ra đi phía trước, ẩn mũi gươm sau lưng để buộc anh ta cầm loa loan báo cho khắp hai phố phủ biết theo lệnh trên, những nhà nào còn cất giấu rượu thịt phải mau mau đem nộp cho “các Ngài Hòa Nghĩa quân”, bất tuân sẽ bị đốt nhà bêu đầu ngay lập tức. Thật táo tợn đến độ không còn có thể nương tay được nữa. Nhạc đích thân dẫn một toán quân đông đảo ra bao vây phố phủ, bắt hết bọn tàng quân du thủ du thực. Một vài tên vì sợ mà tỉnh rượu hoặc vừa tỉnh rượu nên biết sợ, trốn vào nhà dân trú. Nhưng với cái bím trên đầu, với hơi men nồng nặc và cách ăn bận xốc xếch, chúng trốn đi đâu! Nhạc bắt gọn tất cả bọn cướp bóc làm náo loạn phố phủ và trước khi trời sụp tối, trong ánh sáng u ám của bầu trời chạng vạng và tiếng trống tùng-bi-li thê thiết, 28 cái đầu lần lượt rơi trên bãi đất trống trước cổng thành.

Việc dời kho, do quyết định hấp tấp của Nhạc, cũng được hoãn lại. Lương thực gạo mẩm đã lỡ đem xuống thuyền hoặc đóng lên yên ngựa thồ, thay vì đem lên phía tây, được lệnh chuyển ra phía bắc tiếp tế cho các toán quân đóng dọc hai bên quan lộ, hoặc ứng trước cho quân dịch trạm. Một số nữa tăng cường cho quân lương mặt nam. Chuyện dời kho bị xem như tin đồn nhằm do bọn xấu loan truyền, hòng lừa gạt những kẻ nhẹ dạ để kiếm chác. Trật tự mau chóng được tái lập, những bà nội trợ thở phào nhìn đồng quần áo cột gói vất bừa bãi giữa gian nhà trống như dấu tích sự nhẹ dạ. Con nít được mở cơm dờ ra chia nhau mà ăn, lại cười nói bi bô, chỉ hơi tiếc không được dự một cuộc đi xa nhọc nhằn nhưng hào hứng.

- Ngay đêm ấy, gánh hát bội của Mịch trình diễn vở tuồng Phụng Nghi Đình trên cái rạp lộ thiên cho dân chúng xem. Tiếng trống châu, tiếng kèn, tiếng sanh, tiếng hát, tiếng cười nói chen nhau, mau chóng xua đi những ám ảnh của buổi sáng xao xác. May mắn là con người mau quên, nhất là những người thời loạn!

Chương 31

Tiếng trống hát đêm đêm giục giã, cái bụng phê của Đồng Trát, cơn ghen của Lã Bố, giọng hờn dỗi, mơn trớn của Diêu Thuyền trở thành đề tài bàn tán hào hứng cho dân, lính khắp phủ. Nhất là tài nghệ diễn xuất của Mịch trong vai Lã Bố. Gần như hơi thở dồn dập của ghen tuông và phần nộ trong tuồng tích cũng là hơi thở của cuộc đời thực, nên Mịch đóng vai Lã Bố trong trạng thái xuất thần. Không còn là tuồng, chính là đời Mịch. Chính anh đau xót, tuyệt vọng; chính anh phần nộ đến nghẹn ngào trước mất mát to lớn của cuộc đời mình; giọng hát Mịch vừa lâm ly vừa trầm thống, thốn thức giữa cảm giận, gào thét mà yếu đuối trước trắc trở bất công trùng điệp, và khi Mịch phạm tội sát nhân, đâm phập lưỡi gươm gỗ vào nách anh kép đóng vai Đồng Trát, động tác ấy chẳng những đã thuần thực trên sân khấu biết bao năm mà còn được thực hiện ngay trong đời sống. Khán giả say sưa theo dõi cách diễn xuất và giọng hát của Mịch, quên dần các tin đồn.

Gánh hát của Mịch diễn liên tiếp sáu buổi tối, hôm nào người xem cũng kéo đến chật ních khu đất trống gần thành. Đến hôm thứ bảy thì dân phủ lại được tận mắt chứng kiến lần đầu trong đời một loại tuồng lạ: đám cưới của Thọ Hương.

Chưa bao giờ phủ Qui Nhơn có một biến cố quan trọng và kỳ lạ như vậy: một vị Đông cung lưu lạc vào chỗ xó núi hiu quạnh hoang dã lấy con gái yêu của một trại chủ quyền thế đang lên. Mũ áo, cờ xí, chiêng trống, nghi lễ đều rực rỡ, xa xỉ, náo nhiệt, trang trọng, đồ sộ chưa từng có. Cả phủ thực sự vào hội. Mọi người không còn kiên nhẫn ngồi nán trong khuôn cửa lấy một khắc, kể cả những người già nua lão nhược. Người ta đổ hết ra đường, mắt mở to thu hết màu sắc rực rỡ, tai thu hết mọi tiếng động giục giã, mời chào. Do nhu cầu chính trị, Nhạc đốc hết của kho ra đãi đằng tất cả mọi người, phân phát vải vóc cho người già và trẻ con để chia sẻ khắp thiên hạ tin mừng tân hôn. Ai nấy đều hả hê, no bụng, no tai, no mắt. Chỉ có một thoáng mây mờ: ai ai cũng thấy nét mặt chú rể trong đám cưới buồn hiu, gần như sợ hãi. Những kẻ lạc quan bảo nhau:

- Trông Đông cung tội nghiệp chưa! Ông ta chưa quen với phong tục náo nhiệt của bọn dân núi chúng ta. Có lẽ trong cung phủ ngoài kinh đô, các ông hoàng bà chúa quen nói nhỏ nhẹ, cười mỉm và bước lồm thồm như thỏ. Không sao! Nhập gia tùy tục, vài hôm rồi Đông cung sẽ quen đi!

*

* *

Sau ngày cưới ba hôm, buổi chiều, Thọ Hương tìm đến thăm An. Tự nhiên giữa hai người có một bức tường ngăn cách vô hình, khiến cách chào hỏi, nói năng của họ vào giây phút đầu có vẻ gượng gạo lạnh lẽo.

Không phải vì An có mặc cảm trước địa vị mới của Thọ Hương mà tự buộc mình sửa đổi cách tiếp xử. Không. An chưa bao giờ nghĩ đến chuyện ấy. Cô chưa phải vào đời để thấy hệ lụy của nghi thức xã hội,

sự cần thiết của giả dối. Cái khiến An e dè, nhìn Thọ Hương như một khách thể biệt lập xa lạ, là lòng tò mò muốn quan sát sự biến đổi trên gương mặt, trong cách đi đứng, kể cả trong giọng nói của một người con gái vừa đi lấy chồng. Lấy chồng? Biết bao lần An thắc mắc về hai tiếng đáng sợ ấy! Thiếu nữ ngây thơ và quen thân này vừa lấy chồng được mấy hôm. Có gì biến đổi giữa Thọ Hương những ngày cũ và Thọ Hương hôm nay? An dăm dăm nhìn vào mắt Thọ Hương: nước da có hơi tái đi, đôi mắt sâu ươn ướt như sẵn sàng tuôn lệ, đôi vai xuôi, và khi Thọ Hương nói, An ghi nhận thêm cái giọng khao khao xa lạ.

Phần Thọ Hương, khi thấy An thay đổi thái độ, cô xấu hổ nghĩ rằng người chị thông minh hiểu biết hết mọi sự này chắc hẳn đã biết nỗi xót xa tủi nhục của mình. Thọ Hương hốt hoảng bảo An:

- Chị đừng nhìn em thế!

An lo lắng hỏi:

- Sao em xanh thế Thọ Hương? Em đau phải không?

Thọ Hương chỉ chờ có thế. Cô ôm chầm lấy An, khóc tức tưởi mãi không thôi. Tiếng khóc khác hẳn hôm trước. An không dám hỏi gì, lặng lẽ ôm bạn, nước mắt cứ từ từ chảy trên má. Cô hiểu Thọ Hương đang đau khổ cùng cực, một nỗi khổ tâm không thể chia sẻ cho ai khác ngoài An. Đôi vai Thọ Hương rung lên từng hồi theo nhịp thốn thức, nước mắt Thọ Hương bắt đầu thấm qua vai áo An, truyền cảm giác nóng ấm lẫn tê dại. Chờ thật lâu cho Hương bớt thốn thức, An mới hỏi:

- Em có đem khăn theo không?

Thọ Hương vừa thút thít vừa gật đầu, tay chỉ vào bọc trái của chiếc áo lụa màu vàng nhạt. An rút cái khăn tay vải sa mỏng thơm nức, đưa lên lau mặt cho bạn. Thọ Hương để mặc cho An sờn sóc mình với vẻ nũng nịu tin cậy của một đứa bé. An hỏi:

- Em không đòi phấn ư?

Thọ Hương thút thít, lắc đầu.

- Cũng không tô son nữa. Như thế không được đâu, Hương ạ. Mình đã lấy chồng, không thể cầu thả ăn mặc thế nào cũng được, trang điểm qua quýt cho xong như thời con gái! Đông cung con nhà vương giả quen thấy những người đẹp son phấn tô điểm đẹp để cần thận. Lại thêm bây giờ mọi người nhìn em khác hẳn trước kia. Em tô điểm không phải chỉ cho riêng em, mà còn vì nhiều người, vì danh giá của Đông cung. Nhiều khi đàn ông họ dễ chán khi thấy vợ mình tóc tai đã dơ, mặt mũi nhợt nhạt...

Đột nhiên Thọ Hương thút thít nhiều hơn rồi khóc òa. An sợ hãi lay vai Hương hỏi:

- Chuyện gì thế Hương? Chị có nói điều gì làm em buồn không? Nói cho chị biết để chị khỏi lo lắng, nói đi.

Thọ Hương cố dẫn cơn nước nở nói:

- Không. Em khóc vì... chuyện riêng của em. Chị yên tâm. Chị An ơi, em khổ lắm!

- Nhưng vì sao em khổ, nói cho chị biết đi. Chị có thể giúp gì cho em không?

Thọ Hương lắc đầu:

- Chị không thể làm gì được đâu. Em cũng chẳng biết làm sao nữa. Chẳng biết oán trách ai!

An cố cười vui để an ủi bạn:

- Coi kìa! Hương nói như một bà già chán đời sắp cắt tóc vào chùa! Có việc gì trên đời là hoàn toàn bế tắc đâu! Em kể cho chị nghe đi!

Thọ Hương bết khóc, nhưng vẫn thút thít lắc đầu. An phải gợi ý để tìm ra manh mối:

- Đông cung có nói điều gì nặng lời với em không?

Thọ Hương lắc đầu.

- Em có làm điều gì phật ý Đông cung không?

Lại lắc đầu.

- Từ hôm cưới, cha em có tranh cãi gì với Đông cung không?

Thọ Hương suy nghĩ một lúc, rồi lắc đầu.

- Hay mẹ trách mắng em vì không chịu trang điểm?

Thọ Hương bật cười nói:

- Không, không phải thế đâu.

Giọng An có vẻ gắt gỏng:

- Thế thì chuyện gì nào?

Thọ Hương nhìn An, bắt đầu lo ngại An giận. Cô lấy chiếc khăn trong tay An tự chùi nước mắt, hỉ mũi, rồi nói:

- Em khổ... vì... vì hình như Đông cung không thương yêu em chút nào hết, chị An.

An vội vàng hỏi:

- Do đâu mà em dám nói liều thế?

Thọ Hương thở dài, ngần ngừ, một lúc, rồi nói:

- Mấy hôm nay em ngủ một mình.

An hốt hoảng hỏi:

- Thực thế sao? Đông cung ngủ ở đâu?

Thọ Hương cười gượng, cố làm ra vẻ bất cần:

- Ông ấy muốn ngủ ở đâu chẳng được. Em cũng chẳng để ý. Ông ấy sai lính hầu vào mang chăn nệm đi, chăn nệm cũ trước kia của ông ấy đó chị.

An tức giận hỏi:

- Nhưng phải có cớ gì chứ? Đêm tân hôn em có làm gì khiến Đông cung phật ý không?

- Không. Sau khi lễ tất, em chờ mà sợ hãi, hồi hộp. Chờ mãi không thấy gì. Em mệt quá, về sau ngủ vùi. Hôm sau ông ấy bảo do say rượu. Rồi buổi tối lại sai lính hầu đến mang chăn nệm.

- Cha em biết chuyện này chưa?

Thọ Hương hoang mang hỏi lại:

- Có nên cho cha em biết không? Chuyện xấu hổ giữa vợ chồng, cho cha em biết làm gì. Chẳng lẽ em nói cho người ta biết em ham chuyện vợ chồng. Nhưng chị An ơi, có phải vợ chồng người ta khi mới lấy nhau đều như thế cả không?

An thành thật đáp:

- Chị cũng không biết nữa. Nhưng có lẽ... có lẽ không giống hẳn như vợ chồng em.

Thọ Hương trở lại thút thít, run run bảo An:

- Em biết thế này thì ở vậy đừng đi lấy chồng. Không hiểu thành vợ chồng có gì vui đâu mà làm lẽ lạc rộn rịp, chúc tụng ồn ào, giăng màn treo trướng... Em khổ quá. Em sợ căn phòng lạnh lẽo đó, không muốn về nữa.

An tìm cách an ủi bạn:

- Đừng nói đại thế. Chỉ mới có mấy ngày. Chị nghe chuyện nhiều cặp vợ chồng lấy nhau cả năm mới bắt đầu nói chuyện với nhau, cười đùa, thương yêu nhau. Có thể trong hoàn cảnh bơ vơ, xa quê hương, xa thân thích, Đông cung lo buồn nên hơi khác thường. Và lại chỉ mới có mấy ngày, Hương thấy không? Vui lên đi, đừng chán nản. Mọi sự đâu sẽ vào đấy. Chờ ít hôm nữa xem sao. Có gì khác, em đến cho chị biết. Còn đối với cha em, thì... thì em nên dè dặt. Đừng nói gì vội. Sợ có nhiều hiểu lầm nguy hiểm, em hiểu không? Thọ Hương cảm động gật đầu. Cô nhìn An với đôi mắt trù mến, và nói:

- Lúc nào đến đây, nghe chị nói, em cũng thấy yên lòng. Nhưng không có chị thì mọi sự lại ngổn ngang như cũ. Em vẫn sợ căn phòng lạnh lẽo đó quá, chị An ơ!

*

* *

Thọ Hương về rồi, chính An lại sa vào vũng băng khoắn! Đã hai mươi hai tuổi đầu, An không quá ngây thơ để tin những lời an ủi của mình. Cô chắc chắn rằng Đông cung đã nhất quyết không chịu chung chăn gối với Thọ Hương, như một phản ứng trước cuộc cưỡng hôn do nhu cầu chính trị. An thương hại Thọ Hương, thương hại lây cho thân phận đàn bà. Cô thút thít khóc một mình, tưởng tượng nỗi hiu quạnh của một cuộc đời cô độc, không có ai để chia sẻ những niềm vui nhỏ, những nỗi buồn vô cớ, không có ai để hàn huyên những chuyện tầm phào vô vị, nhưng cần thiết để ý thức thêm sự phức tạp của đời sống. Rồi lan man nhảy từ chuyện này sang chuyện khác, cuối cùng An quay trở lại chuyện chăn gối. Cô nghĩ:

- Thật tình mà nói, đến tuổi này mình cũng chưa rõ chuyện chăn gối như thế nào. Nhưng nhất định đã là vợ chồng, thì phải ăn cùng mâm với nhau, tối ngủ chung một giường, quần quít ôm ấp nhau, cười cợt âu yếm nhau. Tóc hai người xòa trên cùng mặt gối, hơi thở từ từ hơi thở. Thế nào người chồng cũng áp mặt vào mái tóc dày của vợ để hít hương thơm thoang thoảng, rồi lần tìm hương thơm của gò má, hương thơm của chiếc cổ trắng, cả đến hương thơm của mồ hôi.

An đỏ mặt nhớ lại lần bắt gặp Lợi áp mặt lên chiếc áo lót của mình, xấu hổ vì cảm giác ngây ngất bất chợt không biết từ đâu đến. Cô đưa tay vuốt ve cổ, rồi áp lên ngực trái. Tim cô đập mạnh, máu nóng chạy rần rật trong người. Đầu vú cô cứng lại, cảm giác tê dại khác thường lan từ ngực tỏa khắp thân thể An. Có thể nào nằm gọn trong vòng tay chồng mà không có những cảm giác khác thường như ta đang cảm thấy không? Chuyện chăn gối là gì? Ôm ấp hôn hít nhau, xấu hổ tê dại trong vòng tay nhau đã phải là tình chăn gối chưa? An nhớ đến những lời chửi rủa tục tĩu giữa những người vợ lính, nhớ đến sự thô bỉ của các từ ngữ mỗi bên dùng để tạt vào mặt đối phương như một chất nước dơ bẩn nhớp nháp, rồi băng khoắn tự hỏi có thật đó là phần chính yếu của tình vợ chồng. Trời hỡi! Nếu thế thì ghê tởm quá. Khủng khiếp quá! Sao cha

mẹ nữ đẩy đưa con gái trong trắng yếu đuối vào những chuyện dơ bẩn ấy! Càng nghĩ An càng hoang mang, càng xấu hổ cho thứ xúc cảm vụng trộm tội lỗi của mình vừa trải qua. Cô nghĩ:

- Phải rồi, tình vợ chồng phải có gì thanh cao hơn kia! Tim hơi ấm trên thân thể nhau, hít mùi tóc trên mặt gối, ve vuốt ôm ấp trong bóng tối, chẳng qua chỉ là những điều tầm thường dung tục chẳng khác nào con đực đến mùa đi tìm con cái. Loài người phải khác với loài vật. Phải như anh ấy. Nhớ thương ta mà cố giấu trong trầm tĩnh điềm nhiên. Biểu lộ của tình cảm đẹp và nhã như việc gửi biểu một tập thơ Đường. Ta tìm ra rồi. Nhất định đó là tình yêu đúng nghĩa, và nếu ta lấy được anh ấy, những gì sẽ xảy ra sau đêm tân hôn ta chưa biết, nhưng chắc chắn đó cũng là tình chăn gối đúng nghĩa. Những gì đã xảy ra cho các cặp vợ chồng khác như giữa vợ chồng những người lính quanh An, giữa Đông cung và Thọ Hương, đều là bất thường, bệnh hoạn, tục tĩu, dơ dáy, đáng xấu hổ. Hôn nhân của bọn họ chỉ là một cuộc đày ải, một nỗi bất hạnh. Chỉ có mối tình của mình với anh ấy mới đúng với lý tưởng, và nhờ ơn trời, nhờ sự phù hộ của mẹ, mà mình lấy được anh ấy, thì tình vợ chồng của mình mới thật là vợ chồng. Không phải là "cái nợ đời" của nhau như trong lời ca dao.

An cảm thấy hy vọng tràn trề, niềm hân hoan vô bờ khiến cô yêu thương tất cả mọi người, vì tất cả mọi người đều đáng thương do không may mắn như An. Trước mắt có một cô bé đáng thương là Thọ Hương. An nói nhỏ một mình:

- Em cứ yên tâm đi Thọ Hương. Em trong trắng ngây thơ như vậy, Trời không bao giờ nỡ làm khổ em đâu. Cứ tin chị đi. Em phải tìm được tình yêu thực sự như chị đã tìm được, và sẽ hạnh phúc!

*

* *

Sau đám cưới của Thọ Hương, Nhạc đưa Đông cung cùng với Nguyễn Phúc Tịnh đi khắp hai phủ Qui Nhơn Quảng Ngãi để trấn an dân chúng, ổn định trật tự sau tình trạng rời rã dáo dác do hậu quả trận Cẩm Sa. Công việc chưa xong thì Huệ đã cho người báo tin không vui ở mặt trận phía nam: Châu Văn Tiếp đã ra mặt về hãn với Tống Phúc Hợp, và đang chuẩn bị gấp rút để tiến chiếm phủ Phú Yên.

Lòng Nhạc rối bời. Bất chấp những dao động tai hại có thể gây ra trong dân chúng, ông sai Lợi thò hết của cải quý giá trong phủ lên Tây Sơn thượng. Nhờ rút kinh nghiệm lần trước, lần này việc dời kho kín đáo và mau chóng hơn. Mặt bắc quân Trịnh vẫn vẫn tiếp tục tiến. Tây Sơn ở vào thế bị hai gọng kìm nam bắc siết dần lại. Nếu không tìm nhanh giải pháp, chắc chắn chỉ có một con đường chết!

Lòng ông giáo cũng rối như trại chủ. Ông lo cho Chinh ở mặt trận phía bắc, lo cho Lãng ở mặt nam. Ông coi đời mình như bỏ đi. Nhưng nếu cả hai mặt trận đều vỡ, thì An ở đây sẽ thế nào? Cho nên chính ông cũng bồn chồn như một người có trách nhiệm, như một người trong cuộc. Mà tại sao không? Lâu nay tuy Nhạc đối với ông lúc thì vồn vã ân cần, lúc thì ghẻ lạnh xa cách, nhưng vào những lúc tình thế căng thẳng, bao giờ Nhạc cũng tìm hỏi ý kiến ông. Vì vậy, ngay khi biết tin Nhạc vừa từ Hà Liêu về, ông giáo vội tìm gặp Nhạc. Nét mặt Nhạc vẫn còn nguyên vẻ phẫn nộ và lo lắng lúc ông giáo vào. Không úp mở giấu diếm, Nhạc nói:

- Hãn một mực lắc đầu không chịu lên ngôi. Chắc lại nghe lời ton hót của hai lão Nguyễn Phúc Chất

và Nguyễn Phúc Tịnh. Hẳn không biết phận cá chậu chim lồng hay sao chứ? Chẳng lẽ hẳn không sợ chết? Hay hẳn tưởng không bao giờ cha vợ dám giết chàng rồi?

Ông giáo chờ cơn giận của Nhạc hạ bớt, mới hỏi cho biết tình hình thực sự ở mặt nam. Lại có dịp cho Nhạc nổi giận lần nữa:

- Lão Tiếp lại đầu hàng Tống Phúc Hợp. Quân phản bội! Đồ chó má! Chúng nó toàn là một lũ chuột nhắt lúc yên thì bu đến hũ gạo, lúc có biến đảo dác tán loạn, vội quì gối đầu hàng địch, không biết đến nhục nhã, liêm sỉ. Cháy nhà mới ra mặt chuột, người xưa thực hiểu hết tâm địa con người. Nhưng chúng nó tưởng nhà sắp cháy rồi sao? Thầy giáo, thấy có tin là nhà sắp cháy hay không?

Ông giáo chậm rãi đáp:

- Nhất định không thể cháy được. Không ai để cho nó cháy đâu. Có lửa lớn thì cũng có tài lớn để trị hỏa. Tôi có chút ý này, ông cả có muốn nghe không?

Nhạc cảm động khâm phục vẻ tin tưởng trầm tĩnh của ông giáo, mừng rỡ nói:

- Thầy cứ tự nhiên. Lúc nào ý kiến thầy cũng đáng nghe cả. Tình thế hiện nay nguy hiểm hơn các lần trước, chắc thầy đã biết. Bọn chết nhát đã trốn, cứ để chúng trốn. Những người còn lại trong phút gian nan này mới thực sự là anh em thân tín của ta. Số đó còn nhiều. Và rất tự tin. Thầy yên tâm, không ai để cho nhà cháy đâu. Dĩ nhiên còn tùy ở cách đề phòng chữa cháy. Thầy có kế sách gì không?

- Tôi nghĩ ta không thể một mình cùng một lúc chống lại hai lực lượng phía bắc và phía nam được, Hoàng Ngũ Phúc và Tống Phúc Hợp không phải là những tướng tồi. Quân của họ đông, khí giới nhiều. Trong hai đạo quân địch, ta phải lựa chọn để hòa một bên, rồi dồn sức đánh bên kia. Ông cả muốn chọn bên nào để cầu hòa?

Nhạc không ngờ bị ông giáo chất vấn, bối rối, hỏi lại:

- Xin thầy cho ý kiến trước. Thầy nghĩ ta nên chọn bên nào để cầu hòa?

- Nên chọn bên Chúa Nguyễn.

Nhạc đang ngồi dựa lưng biếng nhác buông thả trên trường kỷ, đột ngột bật dậy, chồm tới phía thầy giáo hỏi:

- Thầy nói sao? Chọn Nguyễn à?

Ông giáo đoán trước được phản ứng của Nhạc nên vẫn điềm tĩnh trả lời:

- Phải. Tôi thấy ta nên cầu hòa với Tống Phúc Hợp.

Giọng Nhạc gay gắt giận dữ:

- Bấy lâu nay ta đánh cho Phú Xuân thất điên bát đảo, bây giờ mở miệng cầu hòa thì ai tin? Mà nếu ta thực tâm cầu hòa thì có khác nào tự đóng gông để nộp mình cho quân ngũ dinh? Tôi thà chết chứ không đời nào chịu nhục!

Ông giáo nói:

- Tôi nghĩ mọi sự không đơn giản vậy! Ông nghĩ mà xem, cho dù ta cầu hòa Trịnh hay Nguyễn, thì chẳng bên nào dám tưởng ta đã quá yếu đến nỗi cứ việc kéo quân đến đây để đóng gông tất cả phủ Qui Nhơn. Chúng vẫn gườm chúng ta, không dám động binh đâu. Chúng sẽ làm gì nếu ta cầu hòa? Dĩ nhiên

chúng chưa tin chúng ta thành thực nên vẫn ra sức cảnh giác ở ranh giới giữa hai lực lượng. Mặt khác, để vỗ về chúng ta, Tống Phúc Hợp hay Hoàng Ngũ Phúc không thể làm gì khác ngoài việc cấp báo về Gia Định hay Thăng Long để xin phong cho ông một chức gì đó, chẳng hạn chức tiên phong tướng quân hay là Tây Sơn trại trưởng. Một chức vụ chẳng làm mất gì cho chúng mà cũng chẳng thêm gì cho ta, vì dù không được sắc phong thì ông đã là Tây Sơn trại chủ, và đánh vào nam hay ra bắc thì ông cũng là tiên phong rồi! Cầu hòa không phải là tự nộp mình, chỉ là tạm liên minh với bên này để diệt bên kia.

Càng nghe ông giáo giải thích, Nhạc càng thấy đề nghị của ông có lý. Cơn giận đã hạ. Nhạc rót nước trà ân cần mời ông giáo rồi hỏi:

- Do đâu thầy bảo ta nên cầu hòa với Tống Phúc Hợp?

Ông giáo hỏi lại:

- Ông thấy hiện nay so lực lượng quân Bắc Hà và quân ngũ dinh, thì bên nào nguy hiểm cho ta hơn?

Nhạc suy nghĩ một lúc rồi đáp:

- Quân Bắc hà. Trận Cẩm Sa ta thua nặng vì không thiện chiến bằng quân Hoàng Ngũ Phúc.

- Thế thì ta nên cầu hòa với quân ngũ dinh. Cầu hòa với kẻ đang mạnh thì chắc chắn không bao giờ được. Tống Phúc Hợp nhất định cũng chưa tin ta cầu hòa thành thực, nhưng hiện Đông cung còn ở đây, quân ngũ dinh còn yếu, nhận lời cầu hòa để chờ thời cơ chỉ có lợi chứ không có hại.

Nhạc vội hỏi:

- Thầy định đưa Đông cung đi cầu hòa à?

- Không. Tôi không có ý đó. Nhưng ở đây còn có Nguyễn Phúc Chất và Nguyễn Phúc Tịnh. Ta cử một trong hai người đó!

Nhạc gật gù rồi nói:

- Thầy nói đúng. Tôi quên nghĩ đến hai lão ấy. Nhưng có tin được họ không?

- Họ đi mà một chân của họ còn bị giữ lại đây! Số phận họ đã gắn chặt với Đông cung nên cho dù bị bỏ lại Quảng Nam họ đâu dám rời Đông cung một bước. Chúa đã bỏ họ lại cho Đông cung tức là không còn tin ở họ. Ngoài việc theo sát Đông cung, họ còn chỗ nào dung thân nữa đâu.

- Thôi được. Ta giữ lão Tịnh lại. Nhờ thầy đi gặp Nguyễn Phúc Chất ngay hôm nay để sáng mai ta đưa lão xuống Cù Mông. Thư cầu hòa thầy cũng thảo giùm cho. Tôi tin hoàn toàn vào thầy đấy!

*

* *

Đoàn cầu hòa của Nguyễn Phúc Chất đi rồi, ông giáo mới bắt đầu cảm thấy sợ hãi. Ông đã đem hết tính mệnh của gia đình để đặt vào một nước cờ liều cuối cùng!

Thật vậy, ông hiểu rõ hơn ai hết cái thế nguy hiểm của mình. Nếu Nhạc không quá hoang mang để bớt phần nào sáng suốt, tất trại chủ đã thấy lập luận của ông giáo có nhiều phần chủ quan thiên lệch. Suốt đời, ông giáo vẫn không quên được chữ trung. Giải pháp hoàng tôn ông có công thúc đẩy Nhạc thực hiện đã bất thành. Hoàng tôn nhất định không chịu lên ngôi, khiến Nhạc ở vào thế khó xử. Phía bắc Nhạc phải đối phó với đạo quân hùng mạnh của Hoàng Ngũ Phúc. Phía nam, quân Tống Phúc Hợp có Châu Văn Tiếp giúp

sức, thế nào cũng chiếm được Phú Yên. Giá hoàng tôn chịu lên ngôi vương, ông giáo sẽ hoàn toàn yên tâm, mạnh dạn khuyên Nhạc nên cầu hòa với quân Trịnh để củng cố lực lượng tiến về nam quét sạch tàn dư của các đạo quân trung thành với Duệ Tôn. Nhưng tình thế không như ý ông giáo. Không tôn phù được hoàng tôn, lại xui Nhạc bắt tay với quân xâm lăng Bắc hà để chống Duệ Tôn, ông giáo sẽ mang tiếng hai lần bất trung. Sĩ phu nam bắc sẽ phỉ nhổ ông, học trò sẽ xé Tứ thư trước mặt ông. Cho nên ông đã cố hết sức thuyết phục Nguyễn Phúc Chất để Chất bằng lòng cầm đầu phái bộ cầu hòa. Ông cũng dành trọn cả buổi chiều để thảo đi thảo lại lá thư gửi Tiết chế Tổng Phúc Hợp. Lá thư khá dài. Đại khái ông biện minh rằng trước sau Tây Sơn vẫn một lòng trung với nhà Chúa. Phải dấy loạn chỉ vì Trương Phúc Loan tham tàn ý quyền lấn át cả minh quân khiến nhân dân ta oán. Chúa hiểu lầm mới đem quân vào chinh phạt, và bao nhiêu cuộc giao chiến đẫm máu chẳng qua chỉ vì hiểu lầm nhau, và Tây Sơn ở cái thế tự vệ chẳng đáng dừng. Cho đến lúc nghe quân Bắc Hà xâm phạm kinh đô, Tây Sơn muốn đem quân ra giúp để bảo vệ xã tắc, vừa đến Quảng Nam đang cơn nguy khốn vì Hoàng Ngũ Phúc lăm le cho quân vượt Hải Vân, nên Tây Sơn phải rước Đông cung về Qui Nhơn để bảo vệ. Hiện giờ giặc Bắc Hà đã ngạo mạn tiến vào tận Châu Ổ. Xã tắc lâm nguy. Tây Sơn trại chủ cùng tất cả thuộc hạ nhận thấy rằng nếu không nhân dịp này đứng ra báo đền ơn Chúa thì tiếng oan bất trung sẽ mang đời đời. Vì vậy, trại chủ mới nhờ Chưởng cơ Nguyễn Phúc Chất vốn là cự thần của nhà Chúa mang thư xin hòa hiếu và xin được lập công chuộc tội v.v...

Có lẽ chưa bao giờ ông giáo viết một lá thư với tất cả nhiệt tình và hứng thú như vậy. Ông viết thay cho Nhạc, thực ra là viết cho ông. Sức mạnh của nhiệt thành che lấp được những dụng tâm riêng tư của ông. Nhạc đọc lá thư, không thể chữa được một chữ nào. Chính Nhạc cũng bị những điều giả dối trong thư thuyết phục, thấy đâu là cơ hội cuối cùng để cứu vãn tình thế, xóa tan các ngộ nhận. Để thêm thế giá cho Nguyễn Phúc Chất, Nhạc ra lệnh cho Nghĩa, một đội trưởng xông xáo lanh lẹ đem năm mươi cấm binh theo hộ tống Nguyễn Phúc Chất. Đoàn cầu hòa ra đi khi trời vừa sáng, vó ngựa tung một dải bụi mờ trên đường quan lộ, tạo nên một cảnh bi tráng hiếm có.

Buổi sáng hôm ấy, ông giáo không vào phủ. Ông muốn được một mình nghĩ lại tất cả những điều vừa làm, tiên đoán những gì sẽ xảy ra, đo lường hậu quả. Càng nghĩ ông càng sợ. Mồ hôi toát ra ướt đầm lưng áo mặc dù trời hơi rét. Tất cả tùy thuộc vào Tổng Phúc Hợp. Viên Tiết chế lớn tuổi nhiều kinh nghiệm này đâu phải là một người cả tin vào lá thư ông giáo viết. Có thể hăn ngại chạm trán với quân Hoàng Ngũ Phúc nên không muốn lấn ra phía bắc đèo Cù Mông, kiên nhẫn chờ quân Trịnh quét sạch quân Tây Sơn rồi mới bắt đầu nhập cuộc. Nhưng phủ Phú Yên ở sông Cầu thì chắc chắn hăn phải chiếm cho bằng được. Mà đã chiếm phủ Phú Yên, thì cần gì phải nhận cầu hòa? Tổng Phúc Hợp sẽ trả lời thế nào? Hăn có dám sai một tên tri huyện khác cầm đầu một phái đoàn lèo tèo vài ba tên lính ốm ra Qui Nhơn đòi Đông cung lần nữa để gián tiếp trả lời Nhạc, làm nhục Tây Sơn hay không? Hoặc trong cơn say sưa thẳng thẽ, hăn còn nghĩ ra được nhiều trò hạ nhục kẻ thù độc địa, quái ác hơn? Ông giáo băn khoăn bồn chồn như thế suốt hai ngày, ngày ngày chờ đợi những điều bất thường.

Những điều bất thường chờ mãi không thấy tới!

Ông chờ ba, rồi bốn ngày. Cuối cùng ông buồn cho trí óc lẩm cẩm già nua của mình. Có gì mà sợ hãi

đến phát hoảng lên thế? Xưa nay trong lịch sử, được mất, hơn kém, may rủi có không, là chuyện thường tình! Hiệp nhận lời cầu hòa hay không, chưa phải là chuyện quyết định được vận mạng của Tây Sơn. Đó chỉ là một nước cờ, cả Nhạc lẫn Hiệp đều hiểu thế, một nước cờ tạm trên bàn cờ đang chuyển thế rồi rầm. Ý tưởng đó trấn an ông giáo được một ngày. Đến ngày thứ sáu, ông thực sự lo ngại, không hiểu vì sao Nhạc không mời mình lên hỏi han việc gì cả suốt sáu ngày qua. Chính điều bất thường này mới là điềm báo xấu!

*

* *

Quá khuya, ông giáo nghe có tiếng đập cửa vội vã và một giọng đàn bà kêu tên An nhiều lần. Mấy đêm nay ông lo lắng không thể chợp mắt nên không lâu sau ông giáo đã thắp được cây đèn dầu, và ra phía cửa lớn. Tuy sợ hãi, nhưng ông cũng cố lấy giọng bình tĩnh hỏi lớn:

- Ai đó?

Bên ngoài giọng đàn bà mừng rỡ đáp:

- Dạ con đây bác. Mở cửa cho con vào.

Ông giáo chưa nhận ra giọng nói của ai, tuy nghe quen quen. Ông hỏi:

- Con là ai? Khuya rồi có việc gì gấp không?

Giọng đàn bà trả lời:

- Dạ con là Thọ Hương. Có chị An ở nhà không bác?

Ông giáo giật mình, tay bắt đầu run. Ông đặt cây đèn dầu xuống nền nhà, lật bật vừa mở then cửa vừa gọi:

- An ơi, An. Dậy đi. Có cô Thọ Hương tìm.

An choàng thức dậy, nghe cha gọi vội vàng chạy ra nhà ngoài. Cửa vừa mở, Thọ Hương đã chạy vào nhà rồi tự tay khép cánh cửa lại, sợ có người nào khác trông thấy mình. An chưa hết hoang mang, hỏi Thọ Hương:

- Có việc gì thế em? Nói mau cho chị nghe đi!

Thọ Hương như người vừa trải qua cơn mộng dữ, mặt xanh ngắt, môi run lập cập không nói được.

Ông giáo chen vào hỏi:

- Cháu đừng sợ. Có chuyện gì gấp lắm không?

Bấy giờ Thọ Hương mới vừa mếu máo vừa nói:

- Ông Nhật đem lính đến bắt Đông cung đi rồi!

An hoảng hốt hỏi:

- Thật vậy sao?

Thọ Hương run run nói:

- Dạ thật. Họ vừa dẫn Đông cung đi khỏi, em sợ quá, chạy ngay lại đây!

Ông giáo lo sợ hỏi:

- Có ai thấy cháu đến đây không?

- Dạ chắc không. Cháu chọn cái áo đen khoác ra ngoài, chắc không ai trông thấy. Hồi tối cháu thấy

ông Tịnh lên gặp Đông cung xì xào to nhỏ lâu lắm, cháu đoán thế nào cũng có biến.

Ông giáo vội hỏi:

- Thế ông Tịnh có bị bắt không?

- Cháu không hiểu.

Rồi quay sang phía An, Thọ Hương kêu cứu:

- Làm sao đây chị An ơi! Em sợ quá. Cả một tòa nhà lớn chỉ còn một mình em. Về đằng mẹ thì lại sợ bị mắng. Làm sao đây chị?

An ôm choàng lên vai Thọ Hương, dẫn vào phòng trong:

- Em vào đây ngủ với chị. Chờ sáng mai hãy hay. Cha đóng giùm con cái cửa.

Ông giáo chưa kịp cài cái then trong thì bên ngoài lại có tiếng chân người. Tiếng nặng của bước chân nhiều người đàn ông. Tiếng đập cửa. Ông giáo nghĩ: Có lẽ đến phiên mình". Ông xốc lại cổ áo, cột lại lưng quần cho tề chỉnh trước khi mở cửa. Bùi Văn Nhật và một nhóm bốn, năm người lính cầm đuốc và gươm chờ trước ngạch cửa. Nhật hỏi:

- Khuya quá rồi, thầy giáo chưa ngủ sao?

Ông giáo cố cười gượng và đáp:

- Quí hóa quá. Anh có việc đi đâu ghé vào thăm tôi hân! Tuổi già đêm cứ trần trở không chợp mắt được.

Nhật hỏi:

- Thầy biết tin gì chưa?

Ông giáo hồi hộp hỏi:

- Tin gì ạ?

Nhật mỉm cười, nhìn chăm chăm vào mặt ông giáo, chậm rãi dần từng tiếng:

- Nguyễn Phúc Chất trốn luôn rồi. Cả thằng Nghĩa cũng vậy. Không biết chúng nó có liên lạc âm mưu từ trước hay không?

Rồi không chờ cho ông giáo nói gì, Nhật bảo:

- Thôi, chúc thầy ngủ ngon. Chà, gió lạnh dữ. Chào thầy!

*

* *

Sáng hôm sau, ông giáo được mời đi dự lễ tế vong linh đội trưởng Lễ, anh ruột của Nghĩa kẻ phản bội. Ông nghe người ta xì xào bàn tán về cái chết anh dũng này: Không hiểu do đâu, Lễ biết em có ý làm phản (nhân dịp hộ tống Nguyễn Phúc Chất vào Phú Yên cầu hòa với quân ngũ dinh bỏ trốn theo Tổng Phúc Hợp). Dù đang bận chỉ huy một toán quân đóng ở cung Bình Điền, Lễ cũng cố đuổi theo em để thuyết phục, lấy tình cốt nhục khuyên em trở về. Tên phản bội chẳng không nghe lời anh khuyên, mà còn rút gươm đâm chết anh để lấy lòng tin của Nguyễn Phúc Chất. Nhưng thiên bất dung gian. Nghĩa vào đầu hàng Tổng Phúc Hợp hôm trước, hôm sau Hiệp đã đem Nghĩa ra chém.

Câu chuyện luân lý "ở hiền gặp lành ở ác gặp dữ" thích hợp với tâm hồn đám đông nên lan truyền

nhanh chóng khắp phủ , đi đâu cũng nghe thiên hạ bàn tán sôi nổi. Nhờ vậy, ông giáo mới biết đoàn cầu hòa do ông khởi xướng đã trở thành một đám phản bội. Từ đó, ông hiểu hết. Ông hiểu vì sao phải cho lính phủ đến bắt Đông cung đưa đi quản thúc nơi khác giữa khuya, vì sao Nguyễn Phúc Tịnh lo sợ tìm đến Đông cung xì xầm tối hôm trước theo lời thuật của Thọ Hương, vì sao Nhật đích thân đến "thăm hỏi" mình.

Ông thầy cúng Chỉ đứng ra làm chủ tế. Cuộc lễ kéo dài gần đến trưa, hết sức trang trọng vì hầu hết những nhân vật quan trọng đều đến tham dự. Gặp ai, ông cũng có cảm tưởng họ tránh không muốn nhìn ông, không muốn bắt chuyện với ông. Chỉ có Bùi Văn Nhật là vẫn tự nhiên như trước, có lẽ còn vồn vã hơn trước. Gần cuối buổi tế, Nhật đến gần ông giáo nói nhỏ:

- Trại chủ muốn gặp thầy sau cuộc lễ này. Thầy khỏi phải về nhà. Chúng ta dùng cơm trưa ngay tại dinh phủ!

*

* *

Chỉ có Nhạc, ông giáo và Nhật trong phòng. Cả ba đều có những gương mặt ngái ngủ. Họ đã thức trắng suốt đêm qua, mỗi người vì một lý do khác nhau.

Nhạc ngáp thật dài trước mặt ông giáo mà không cần đưa tay che miệng như mọi khi, hất đầu mời ông giáo ngồi xuống chiếc ghế trước mặt. Nhạc than:

- Cái lão thầy cúng bày vẽ dài dòng quá. Tôi tưởng chỉ một chốc là xong, ai ngờ kéo dài gần đứng bóng. Anh Nhật đã bảo chúng nó sửa soạn dọn cơm chưa?

Nhật đáp:

- Dạ xong rồi. Khi có lệnh, chúng nó sẽ bưng lên.

Nhạc lại hỏi Nhật:

- Ta làm việc trước khi ăn trưa chứ?

- Dạ vâng.

Nhạc ngồi ngay ngắn trở lại, hướng về phía ông giáo nói:

- Những gì xảy ra mấy hôm nay, chắc thầy đoán biết rồi. Tôi nói gọn cho thầy rõ: Nguyễn Phúc Chất đã trốn vào với Tổng Phúc Hợp, kéo theo hai thằng chó má Lễ, Nghĩa và mấy chục tên cấm quân. Không, tôi không lầm lẫn đâu. Kể cả thằng Lễ. Không may cho nó, vì chậm chân nó bị ta bắt lại. Một mình thằng Nghĩa bỏ đi đã quá đủ rồi! Tôi phải ra lệnh giết Lễ đi, rồi làm cho nó một buổi tế quan trọng. Thằng em cũng chẳng may mắn gì hơn. Nó chết nhục như một con chó ghẻ chứ đâu được cả phủ ca tụng như thằng anh vì Tổng Phúc Hợp đã ra lệnh chém thằng em phản bội cách đây mấy hôm. Lão chương cơ Nguyễn Phúc Chất ở đây khá lâu, thực lực nội tình của chúng ta thế nào, chắc hẳn lão đã kể tuốt cho Hiệp biết. Sau khi Châu Văn Tiếp qui hàng, bây giờ đến lượt Nguyễn Phúc Chất cung cấp đầy đủ tình hình Qui Nhơn, chắc hẳn Hiệp sung sướng mở cờ như rồng gặp mây. Nhất định hẳn sẽ dẫn đại quân tấn công ta trước. Hồi hôm, tôi đã cho chém lão Tả ngoại Nguyễn Phúc Tịnh để trừ hậu hoạn, và dời Đông cung lên quản thúc ở An Thái. Thằng Bốn Chiêu trên đó là người tin cậy được. Thầy thấy không, bao nhiêu chuyện quan trọng nhất tôi đều kể vanh vách cho thầy nghe, từ chuyện thằng Lễ khốn nạn cho đến chỗ tôi giấu Đông cung. Tôi đã

lấy lòng thực mà đãi thầy, thì xin thầy cũng lấy lòng thực để giải đáp các thắc mắc của tôi với anh Nhật. Anh Nhật, anh hỏi đi.

Nhật tăng hăng lấy giọng, rồi nói:

- Nguyễn Phúc Chất bị điệu về đây với Đông cung chẳng khác nào cá chậu chim lồng. Hắn đi đâu, nói với ai điều gì, người của tôi đều biết. Đội trưởng Nghĩa chưa từng gặp mặt Chất. Lễ ở tận cung Bình điền càng khó lòng gặp Chất hơn. Thế mà tại sao chúng liên lạc được với nhau để cùng đi trốn một lượt. Ngoài chúng ra, còn có ai khác xếp đặt, tổ chức, liên lạc giúp cho bọn chúng để việc qui hàng Tống Phúc Hợp được trót lọt. Thầy có biết kẻ đó không?

Ông giáo ngồi chết trân trên ghế. Lần đầu tiên trong đời ông biết thế nào là sự sợ hãi tột độ. Hàm ông cứng lại, hai thảng dương tê tê như vừa thoa dầu nóng. Ông hiểu qua rõ là hai con người cầm quyền sinh sát này đang nghi ngờ ông, đúng hơn là đang hỏi cung ông. Ông đang đứng trước một mối hiểm nguy lớn lao, chẳng những liên quan đến mạng sống của ông mà còn liên quan đến sự sống chết của các con. Ông tê dại cả người vì sợ hãi, đồng thời cũng biết nếu giữ im lặng lâu hơn, tức là đã mặc nhiên nhận tội. Với một cố gắng phi thường có lẽ do ý chí sinh tồn, ông giáo lấy được đủ bình tĩnh. Ông nói thật chậm, thật đĩnh đạc để giấu sự cảm động:

- Các ông đã lấy lòng thành đãi tôi, thì tôi cũng phải lấy tất cả chân thực, danh dự của nhà nho để đáp lại. Tôi biết ông cả và anh Nhật nghi tôi là kẻ xếp đặt từ đầu chí cuối cho vụ đào thoát phản trắc. Mới thoát nhìn thì điều nghi ngờ có vẻ hợp lý. Chính tôi gợi ý cho trại chủ là nên cầu hòa với Tống Phúc Hợp. Chính tôi đến thuyết phục Chất. Chính tôi thảo lá thư. Nhưng xin các ông nghĩ sâu hơn nữa. Đây là lần đầu tôi nói chuyện với tên Chương cơ theo lệnh của trại chủ. Điều này chắc anh Nhật biết rõ. Tôi đã nói gì? Chắc anh Nhật đã biết, tôi xin thuật lại đại khái tôi lấy chữ trung để thuyết phục hắn, vì chẳng những hắn là người hoàng tộc mà còn là một nhà nho. Hắn đã nói hy vọng sau chuyến cầu hòa này, Đông cung và Chúa sẽ hiểu nhau hơn, và trại chủ với công phạt bắc sẽ trở thành bậc bề tôi lương đồng của triều đình sau này. Hắn nhận ra đi vì tin như vậy. Hắn chưa bao giờ gặp hai ông Lễ, Nghĩa. Phải. Mà cả đến tôi cũng chưa từng gặp hai người đó. Tôi nhớ không lầm thì họ không xuất thân từ Tây Sơn thượng. Họ thuộc đạo quân Tuy Viễn thì phải. Không phải chính tôi đã cất nhắc họ lên chức đội trưởng, hoặc giao phó nhiệm vụ lớn cho họ. Tôi không biết chút gì về họ.

Nếu trại chủ kết tội cái tội cả tin giao lầm việc lớn cho kẻ phản trắc, thì tôi xin nhận. Nhưng biết ai phản trắc ai không phản trắc, có lẽ anh Nhật đây giỏi giang hơn tôi. Còn nếu kết cho tôi cái tội liên lạc mưu phản, thì xin các ông cho tôi một chén thuốc độc ngay bây giờ thay cho bữa cơm trưa. Tôi thà chết chứ không thể nhận một cái tội không phải của mình.

Ông giáo dừng lại, nhìn thẳng vào mặt Nhạc chờ câu trả lời. Nhạc bối rối quay mặt đi. Ông giáo mừng rỡ. Như vậy là lời biện hộ của ông đã cảm động được trại chủ. Ông có cơ may thoát nạn! Quả nhiên giọng nói của Nhạc dịu lại:

- Thầy đừng hiểu lầm! Chúng tôi không bao giờ dám nghi oan thầy đâu. Giữa chúng ta với nhau, vào những lúc gay go như lúc này, không thể để bọn một chút nghi kỵ nào. Có gì không hiểu nhau, ta cứ nói

thằng, hỏi thằng như vừa rồi, còn hơn giữ canh cánh trong lòng. Thôi, ta bỏ qua chuyện ấy đi. Lão Chất trốn, ta càng dễ rảnh tay để đối phó với tình thế. Anh Nhật, đã gọi Phạm Văn Thế chưa?

- Thưa chưa!

- Sao vậy?

- Bên kho chưa lo xong vàng lụa. Phải chọn thứ thật tốt. Người Bắc Hà họ sành ăn mặc và quý kim hơn ta nhiều.

Nhạc có vẽ bất bình:

- Nước đến chân rồi mà các anh cứ trùng trùng chưa chịu nhảy. Anh bảo thằng Lữ lo gấp, chiều nay phải xong. Còn thằng Tuế thì chuẩn bị sẵn sàng để ngày mốt lên đường. Ăn cơm xong anh tìm nó cho tôi. Anh xem cơm đã có chưa?

Trong khi Nhật ra khỏi phòng để truyền lính hầu dọn ăn, Nhạc nói với ông giáo:

- mấy lúc gần đây thấy sức khỏe thầy sa sút, tôi áy náy lắm. Có lẽ thầy nên tĩnh dưỡng một thời gian, gác hết mọi lo nghĩ. Thiếu thầy chắc mọi chuyện ở đây sẽ rối như tơ, nhưng quấy nhiễu thầy thế này, thật là bất nhẫn. Hay là thầy về An Thái an dưỡng vài tuần?

Ông giáo buồn rầu đáp:

- Cảm ơn ông cả. Tôi biết sức mình đã kiệt. Trí óc bắt đầu mờ mịt, lẩm cẩm. Tôi giúp các ông thì ít mà quấy các ông thì nhiều. Vâng. Để tôi về tính lại với cháu An xem có thể dời lên An Thái không. May ra xa cảnh tấp nập chen chúc, bệnh già của tôi có chậm phát tác hơn.

Vừa lúc đó, Nhật vào phòng mời ông giáo và Nhạc dùng cơm trưa. Nhạc cầm một hộp giấy cột giây chỉ đỏ rất tinh xảo trên bàn, đưa cho ông giáo:

- Thầy lấy tạm hộp nhân sâm này về dùng. Loại sâm quý của Tàu đấy. Thầy đừng ngại, tôi còn một hộp nữa. Vả lại, sức tôi còn tráng kiện. Ha ha, tôi còn đủ gân cốt để đẩy lui Tổng Phúc Hợp đến tận Gia Định. Để thầy xem, tôi nói được là làm được.

*

* *

Mấy hôm sau, ông giáo mới hay tin Phan Văn Tuế đã cầm đầu một phái bộ mang vàng lụa ra Quảng Ngãi dâng cho Hoàng Ngũ Phúc, thay Nhạc xin dâng ba phủ Quảng Ngãi, Qui Nhơn, Phú Yên cho chúa Trịnh, đồng thời xin làm tiên phong để chinh phạt quân Gia Định. Đúng như lời ông giáo đã nói trước với Nhạc, Hoàng Ngũ Phúc chấp thuận ngay và phong cho Nhạc chức hàm: "Tây Sơn trại trưởng hiệu Tráng tiết Tướng quân". Giải pháp hoàng tôn đã hoàn toàn thất bại!

Ông giáo không được mời lên hỏi han gì nữa. Ông hoàn toàn rảnh rồi, nên đem mớ sách cũ ra đọc lại. Ông ngại ngần không dám giở đến mấy bộ Tứ Thư, Ngũ Kinh. Ông chỉ đọc được vài trang thơ Đường, thích thú nhất là đọc Đỗ Phủ và Tô Đông Pha. Ông cũng bắt đầu đọc sách Phật, loại trước đây ông ghét cay ghét đắng. Điều đó nhắc nhở ông thấy rằng tận chiều sâu của cuộc đời ông, đã có một khúc quanh quan trọng trùng hợp với khúc quanh của lịch sử đất nước. Với đôi chút tiếc nuối và ngỡ ngàng, ông bắt đầu một cảm thức mới!

Chương 32

Tháng 7 năm Ất Mùi (1775). Tổng Phúc Hợp chiếm được phủ Phú Yên. Huệ phải rút về phía bên này đèo Cù Mông. Lại một lần nữa, quân Tây Sơn chịu thất bại nặng nề! Và một lần nữa, hàng ngũ quân lính rối loạn, nhân tâm xao xuyến, tình trạng xã hội xáo trộn, hoang mang.

Thực là nguy biến nếu bảo rằng hai trận thất bại ở Cẩm Sa và Phú Yên là hai bước tiến quan trọng của phong trào Tây Sơn. Chính Nhạc cũng ú ớ không dám nói như vậy, vì sợ ngượng với mình, và nói như vậy vô ích, vì không ai tin. Hàng loạt những đạo quân lâu nay làm nòng cốt của phong trào tan rã, nhiều nhân vật quan trọng bỏ trốn hoặc làm việc cầm chừng để chờ thời. Nhân tâm ly tán. Lệnh lạc chuệch choạc, các chủ trương chính sách mạnh bạo quyết liệt để ổn định trật tự thường vá vúi tạm thời, nên bộ mặt của làng xóm thường tùy thuộc vào phong cách của viên xã trưởng. Những người này không tin tưởng mấy vào sự vững bền của chế độ, thường dùng chính sách hòa hoãn, xuề xòa cho vui vẻ cả làng. Vì thế, từ đèo Cù Mông cho đến châu ố, vùng kiểm soát của Tây Sơn rã ra thành từng mảng bập bênh như những dề bèo dạt trên mặt nước lũ.

Chỉ có Huệ là người độc nhất lạc quan trầm tĩnh trước các hiện tượng tan rã nguy hiểm ấy. Lạc quan trầm tĩnh nhờ vững tin vào một điều gần giống như qui luật của lịch sử. Huệ nghĩ dù thế nào chăng nữa, qua bao nhiêu cơn bão và giông tố, qua bao nhiêu trăn trở, bất trắc, mất mát, may rủi, phản trắc, dao động, cuối cùng cái tốt cái đẹp cũng thắng. Đó là qui luật của tạo hóa. Nếu cuộc sống không mỗi ngày mỗi đẹp thêm lên, cuộc đời không mỗi ngày thêm đáng yêu, thì cần gì tạo hóa phải xếp đặt bốn mùa xuân hạ thu đông cho cây cối tăng trưởng tiếp nối, trẻ thơ oe oe chào đời thay chỗ cho kẻ khuất, cần gì mặt trời lên cho người thức dậy ăn uống, cày bừa, khổ sướng, yêu ghét và mặt trời lặn cho giấc ngủ yên nghỉ. Sự hòa điệu của vạn vật vũ trụ, cuộc xếp đặt vĩ đại mà hòa hợp tinh tế ấy tự nó đã là cái đẹp tuyệt đối, cái thiện tuyệt đối. Tạo hóa mất công xếp đặt guồng máy vĩ đại toàn hảo này để cuộc nhân sinh phải thụt lùi từng khắc, để cái xấu đục khoét cây đời như loài bọ độc hay sao? Không! Không! Nhất định không! Cuộc sống là cuộc vận hành phức tạp khó hiểu, nhưng bắt buộc phải xê dịch đến cái đích tối thiện.

Trên căn bản suy tưởng đó, Huệ nghĩ ra cái luật thanh lọc mà một lần anh có đánh bạo đem trình bày với thầy. Nhờ vậy, suốt năm Ất Mùi chịu hết thất bại này đến thất bại khác, tai nghe không biết bao lời than van buồn chán, mắt trông thấy những vụ đào thoát phản trắc, hay những hỗn loạn xao xác, Huệ vẫn giữ được lòng lạc quan. Tập Đình bỏ đi mang theo quá nửa số chiến thuyền ở mặt bắc, không khí thường trực dao động của khắp phủ Qui Nhơn sau trận Cẩm Sa, sự đầu hàng của Châu Văn Tiếp, cuộc đào thoát của hai anh em Lễ Nghĩa theo phái bộ Nguyễn Phúc Chất, tất cả những điều đau lòng ấy, qua mắt Huệ, đều ở trong tiến trình đào thải để tinh lọc.

Anh càng tin tưởng ở nhận định của mình hơn, khi thấy do nhiều nguyên nhân, từ nhiều cơ hội (trong đó có những cơ hội hoàn toàn bất ngờ và ra ngoài ý muốn của Huệ) dần dà mặt trận phía nam do anh phụ

trách qui tụ được những tướng lãnh trẻ tuổi và thuần khiết nhất của phong trào. Huệ không cần nói một tiếng phản đối, chối từ, mà lần lượt bọn đầu trộm đuôi cướp, bọn du thủ du thực, bọn say mê bạo hành lạng lẽ lánh xa anh, lánh xa phong trào. Những tên vong mạng còn lại phải tự sửa lỗi sống do bản năng thích nghi để tồn tại. Châu Văn Tiếp bỏ theo Tống Phúc Hợp kéo theo bọn đầu óc hẹp hòi cố chấp hoặc bọn chuyên sống quì đến nỗi run sợ ở thế đứng thẳng. Khoảng cuối tháng 6 năm Ất Mùi (1775), cùng chung với Huệ ở mặt trận Cù Mông đã có Nguyễn Văn Lộc, Nguyễn Văn Tuyết, Ngô Văn Sở, Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng và Đặng Văn Chân. Ngoài Lộc, Tuyết, Chân xuất thân từ Tây Sơn thượng, ba tướng trẻ lớp sau là Sở, Diệu và Dũng. Sở và Diệu cùng quê làng Xuân Huê với Lợi, còn Dũng người thôn Phú Mỹ ở tả ngạn sông Côn. Đặc biệt Dũng và Diệu rất được người Ba na ở các buôn cao nguyên thương mến, và rất thạo lối đánh theo đường nguồn. Họ cùng một lứa tuổi xấp xỉ trên hai mươi, vững tin ở đạo trời và lòng người, say mê công bằng và lẽ phải, khao khát xây dựng một thứ trật tự mới từ bàn những người dân nghèo chân đất. Dĩ nhiên nhờ là em ruột của trại chủ, lại am tường tình hình chiến trường phía nam, nhất là nhờ ánh mắt lạc quan tin tưởng dễ nổi bật giữa giai đoạn xáo trộn u ám, Huệ được mọi người mặc nhiên công nhận như một vị chỉ huy trẻ tuổi.

Sắc phong "Tiên phong Tướng quân" Nhạc xin Hoàng Ngũ Phúc chấp thuận cho Huệ sau này chỉ làm cái việc cuối cùng là hợp thức hóa vai trò lịch sử của "Chú Tám Thơm" mà thôi!

*

* *

Bản doanh của Huệ đóng ngay trên đỉnh đèo. Dãy núi Cù Mông chạy dài từ cao nguyên xuống đến biển chợ Giã, đến đoạn này lõm xuống một vòng cung tròn như chiếc vồng. Màu rừng già in đậm trên bầu trời thanh thiên, cho nên mỗi lần Lãng đi lấy nước từ con suối nhỏ trở về, ngấm bóng những trại lính hình chóp nằm đều trên cái vồng êm ái ấy, anh có ý nghĩ đó là hình ảnh hai bàn tay rừng trăn trọng dâng trọn những phẩm chất thuần khiết nhất của trần gian cho khuôn thiên. Và lần nào cũng vậy, Lãng hãnh diện sung sướng đến độ mê!

Chiều nay vừa về đến bản doanh thì ngựa trạm cũng leo lên tới đỉnh đèo. Được Huệ giao cho nhiệm vụ coi sóc giấy tờ trước khi chuyển cho Huệ giải quyết, Lãng mau chóng phân loại các thư từ, báo cáo, thông lệnh từ nhiều nguồn đem đến. Anh chú ý ngay đến thư của trại chủ báo cho Huệ biết Hoàng Ngũ Phúc đã thuận phong cho Nhạc "Tây Sơn trại trưởng, Tráng tiết Tướng quân" và các đơn khẩn báo ở các làng thuộc Tuy Viễn dọc theo mặt bắc ngọn Cù Mông. Những loại giấy tờ khác kém quan trọng hơn, gồm vài lá đơn của dân khiêu nài lính Tây Sơn thả ngựa ăn lúa, như một tổ cáo trộm cướp, và đơn của một bà mẹ xin cho con trai về dự đám cưới của em gái. Lãng lấy viên đá chặn loại giấy tờ không quan trọng lên cái bàn bằng liếp nửa, rồi mang loại giấy tờ khẩn sang cho Huệ giải quyết.

Huê đọc thư của anh cả, đầu gật gù, miệng cười nửa sung sướng nửa giễu cợt. Huệ ngược lên nhìn Lãng nói:

- "Tráng tiết Tướng quân Tây Sơn trại trưởng", "Tráng tiết Tướng quân Tây Sơn trại trưởng". Oai đấy chứ! Phải không Lãng!

Lãng cười đáp lại:

- Vâng, oai lắm. Như vậy là anh cũng trở thành bề tôi lương đồng của nhà Trịnh rồi đấy! Bề tôi quan trọng, vì một mình trấn giữ ở biên thùý heo hút nhất. Giá anh làm thơ được, chắc sẽ trở thành "võ tướng kiêm thi sĩ biên tái"!

Hai người trẻ tuổi cười to. Huệ hỏi:

- Làm sao Lãng biết tôi không làm nổi thơ biên tái?

- Thế anh làm được bài thơ nào, cho em xem thử.

- Chưa làm không có nghĩa là không làm. Mà không làm cũng chưa hẳn là không làm nổi. Cái gì chứ thơ biên tái hả, dễ ợt!

- Thì anh làm đi.

- Khó gì! Một mảnh thành trơ trọi mất hút giữa núi rừng trùng điệp. Đêm đêm tiếng vượn hú thay cho mõ cầm canh. Người lính thú trần trở suốt đêm trong bộ giáp sắt, nhớ đến lời ni non của cảnh dương liễu. Sáng ra sương lạnh làm mờ vọng canh, đâu đây nghe có tiếng quạ lạnh lẽo.

- Đấy là ý, không phải là thơ biên tái.

Huệ cười cãi lại:

- Quan trọng là ở chỗ tìm ra ý. Còn lựa lời sắp vần là công việc mọn của bọn thợ.

Lãng tức quá, to tiếng:

- Anh nói vậy sao được! Chính do ở cái tài tìm được cái vần chính xác cho cảnh tình, tạo ra được nhạc điệu mà một kẻ phàm phu trở thành thi sĩ. Công việc đó không phải là chuyện tay chân quen thuộc của thợ chữ.

- Nếu vậy, thì đây, Lãng lắng nghe nhé. Tôi làm thơ biên tái đây. Bài thơ không có nhan đề. Chỉ có bốn câu thôi. Tôi đọc xong, hai ta cùng tìm đề sau cũng không muộn. Bốn câu như sau:

Phú Yên nhật mộ loạn phi nha

Cực mục tiêu điều tam lương gia

Đình thụ bất tri nhân khứ tận

Xuân lai hoàn phát cữu thời hoa

(Nghĩa là: Tại Phú Yên lúc chiều tà, chim quạ bay hỗn độn xao xác. Nhìn ra mãi tận phía xa, chỉ trông thấy vài ba nóc nhà tiêu điều. Cây cối trước sân không biết rằng người trong nhà đã đi hết rồi nên khi mùa xuân tới lại nở lại những bông hoa mùa cũ).

Lãng ngờ ngợ đã nghe bài thơ này ở đâu rồi, đã nghe đã đọc nhiều lần. Chắc chắn không phải là sáng tác của Huệ. Nhưng của ai? Nếu của ai khác, như của một nhà thơ biên tái Trung hoa thì tại sao lại có hai tiếng Phú Yên ở đầu bài. Đột nhiên, Lãng nhớ ra hết. Lãng reo lên:

- A ha! Anh gian lận. Lãng nhớ ra rồi. Đây là bài *Sơn phòng xuân sự* của Sầm Tham. Anh chỉ đổi hai chữ đầu "Lương viên nhật mộ loạn phi nha" thành "Phú Yên nhật mộ"... Anh lém lẩn.

Huệ cười ha hả vì thích thú. Lãng tò mò hỏi:

- Anh tìm đọc ở đâu thế?

Huệ hãnh diện đáp:

- Cả một tủ sách của Tuần Vũ Bình Khang tôi mang về đây. Cái lão tuần vũ ấy trấn nhậm nơi đèo heo hút gió, chắc ít việc, cả ngày chỉ lo đọc thơ vượn hú.

Lãng đưa ra nhận xét:

- Như vậy càng đỡ khổ cho dân. Quan càng ít làm phiền dân bao nhiêu, càng tốt bấy nhiêu. Cả ngày đọc thơ biên tái rồi nhớ vợ con, dân được yên tâm vỡ rẫy khai hoang.

Rồi nhớ tới một việc quan trọng khác cần báo với Huệ, Lãng trở mảy tờ giấy còn lại bảo:

- Nói chuyện thơ thần mãi, tí nữa em quên chuyện khẩn cấp này: Một số khá đông các thầy đồ và ký học ở các làng thuộc huyện Tuy Viễn lâu nay vẫn giúp ta việc dạy dỗ trẻ em, tính toán thuế khóa, lục tục kéo nhau bỏ trốn. Tình thế đáng phải báo động về phủ.

Huệ cầm lấy xấp báo cáo, uể oải xem qua như đã biết trước những sự kiện này, không có gì phải kinh ngạc hoặc đáng quan tâm. Huệ chờ Lãng nói nhưng Lãng dừng lại vì thái độ hờ hững của Huệ. Huệ hỏi:

- Theo Lãng thì việc một số nhà nho ở các thôn xóm bỏ đi có tầm quan trọng nào không?

- Dĩ nhiên là quan trọng lắm. Họ là cái óc của các địa phương, là tiêu biểu của đạo đức và truyền thống. Dân tôn kính họ, xem họ là mẫu mực trong tất cả mọi vấn đề.

Huệ tò mò hỏi thêm:

- Thế theo Lãng, vì sao họ trốn đi?

Lãng đáp khỏi cần suy nghĩ:

- Vì chúng ta đã phá sập cái nền lâu nay họ đứng.

- Cái nền gì vậy?

- Cái nền đạo đức. Lâu nay họ chưa trốn đi, vì còn tưởng chúng ta sẽ tôn phù Hoàng Tôn Dương lên ngôi Chúa, làm cái việc lâu nay sách nho vẫn ca tụng là "diệt loạn thần tôn mình chúa". Nay ta dứt khoát làm quan nhà Trịnh, nên các nhà nho ngơ ngác, cảm thấy không còn đất đứng, ảm ức như bị phản bội.

Huệ cãi lại:

- Nhưng cả họ Trịnh lẫn họ Nguyễn đều chỉ là công thần của hoàng triều. Nếu trung là trung với họ Lê, chứ việc gì phải trung với Trịnh hay Nguyễn?

- Từ thời chúa Tiên, miền nam mặc nhiên được xem như cương vực riêng của họ Nguyễn Gia Miêu. Điều đó anh biết rồi. Cho nên các nhà nho nam hà chỉ có thể nhìn chữ trung trong khoảng hẹp hai trăm năm thôi. Xa hơn nữa, họ xem là nguy biện.

Huệ đột ngột hỏi Lãng:

- Nhưng ý này rất giống với ý thầy. Có phải Lãng thường nghe thầy nói như vậy không?

Lãng thành thực nói:

- Cha em chê em con nít, ít khi nói đến điều gì quan trọng. Hôm trước về thăm nhà thấy cha ủ dột cau có, em hỏi chị An. Chị bảo nguyên do sâu xa là như vậy.

Huệ chợt nhớ điều gì, ánh mắt sáng lên, hạ giọng hỏi:

- Tối hôm ấy, nghĩa là đêm trước ngày chúng ta về đây đây, An có nói gì với Lãng không?

Lãng đáp:

- Thì kể chuyện em vừa nói. Chuyện vì sao cha buồn rầu.

- Còn chuyện khác.

- Chuyện anh Kiên. Cha hết sức buồn. Anh ấy đi làm đặng kho xong, xuống thẳng chợ phủ mua cá mua mắm về rồi lo nấu ăn, giặt dĩa, y như một bà nội trợ. Chị An bảo có lẽ ảnh bị trời hành mới không đứng chen vào làm thân đầy tớ cho một gia đình lạ hoắc.

- Ngoài chuyện anh Kiên, còn nói gì nữa không?

- Hình như hết rồi. Hai chị em nói chuyện tới khuya. Chị An hỏi ở trong này em làm những gì, anh Huệ đối đãi ra sao.

- Rồi Lãng đáp thế nào?

Lãng cười đáp:

- Em bảo anh trở thành "vú em" rồi.

- Nghe Lãng nói vậy, An trả lời thế nào?

- Chị ấy cười. Chị ấy bảo có lẽ vừa bận đánh giặt vừa bận làm vú em, anh ít thì giờ viết thư về nhà.

Huệ tự nhiên dàu dàu nét mặt, nói chậm với Lãng:

- Có gì mà viết. Viết cũng không ai thèm đọc.

Lãng chưa hiểu vội hỏi:

- Anh nói gì thế?

Huệ hỏi lại:

- À, có phải mai Lợi tiếp lương cho ta không?

*

* *

Đây là lần thứ hai Lợi đích thân tiếp lương cho mặt trận phía nam. Và chỉ qua một lần đầu, Lợi đã quen biết khắp mọi người. Cho nên lần này Lợi lên Cù Mông chẳng khác nào một ông trạng vinh qui. Anh chào hỏi người này, bông đùa với người kia, mang thư nhà đến cho người nọ. Những người lần trước nhờ Lợi mua sắm thứ gì, lần này Lợi mang lên đủ, ngay cả đến một cuốn chỉ để vá quần áo anh cũng không quên.

Để mặc cho thuộc hạ lo việc tiếp lương, Lợi chịu khó leo núi đi một vòng thăm khắp các đội trưởng đồn trú đèo Cù Mông. Đến đâu anh cũng mang đến không khí xởi lởi thân mật, tiếng cười đùa huyền ảo, và những chuyện gửi gắm mua bán lặt vặt. Anh xưng mày tao với những người nhỏ tuổi, xưng mày tao đối với những người lớn tuổi hơn Lợi đôi chút, điều đó dễ thôi. Cái khó là anh xưng "ông, tôi" một cách dễ dàng tự nhiên với các cụ già khó tính, đăm chiêu, buộc họ phải nhập vào không khí vui vẻ chung. Những món quà nhỏ gia đình gửi Lợi đem lên Cù Mông, cộng thêm những thứ cần thiết cho đời sống đồn trú hiu quạnh như trà, thuốc lá, cau khô, trầu không, đường, kẹo v.v... do Lợi mang theo đủ để họp một cái chợ nhỏ. Và cái chợ đó đã hình thành. Kẻ mua người bán tấp nập, trại lính bị xáo trộn, quấy động vì cảnh đi lại

xô bồ mất trật tự. Ngô Văn Sở và Trần Quang Diệu bức quá phải nhờ Huệ can thiệp. Mỗi ác cảm giữa Lợi và Sở một lần nữa lại gia tăng.

Ngô Văn Sở là cháu của Ngô Mạnh, từng làm Đô thống ở kinh đô, vì nạn Trương Phúc Loan phải dấu gốc tích về ẩn nấu trong nhà họ Bùi ở Xuân Huê, giả dạng một người lao động xiêu giạt đi tha phương cầu thực. Ngô Mạnh dạy võ cho con gái chủ nhà là cô Bùi Thị Xuân và cháu của mình là Ngô Văn Sở. Khi Tây Sơn mới khởi nghĩa, Ngô Mạnh còn dè dặt chưa hiểu phong trào có chính nghĩa thực sự hay chỉ là manh động của bọn trộm cướp. Tây Sơn chiếm được Kiên Thành và một dọc các làng từ núi Một xuống An Thái, trong đó làng Xuân Huê, Ngô Mạnh vẫn còn ngần ngại. Trước mắt ông, cuộc khởi nghĩa dấy quá lớn không còn là một hành động cướp bóc tảo tợn, mà rõ ràng đã lôi cuốn được đa số các tầng lớp dân nghèo. Chủ trương đốt sổ thuế, phá kho thóc cứu đói, lấy của nhà giàu đem phân phát cho dân nghèo, thực sự đã thu phục được tin tưởng của quần chúng. Ngô Mạnh tìm gặp Nhạc, khéo léo tìm hiểu chí hướng của trại chủ Kiên Thành. Sau cuộc gặp gỡ đó, viên đô thống họ Ngô mạnh dạn quyết định: phần ông đã quá già để trực tiếp cầm gươm cầm giáo. Ông khuyến khích các học trò của ông như Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân tham gia phong trào. Ông cũng gửi Ngô Văn Sở cháu ông đi đầu quân. Tuy tham gia vào cuộc khởi nghĩa vào đợt sau, nhưng các học trò của Ngô Mạnh nổi bật lên nhờ tuổi trẻ trong sáng, thiện chí và khả năng võ nghệ. Họ tham dự các trận đánh ra phía bắc như những cấp chỉ huy nhỏ. Dần dần, họ được Nhạc và Nguyễn Thung tin cậy. Cho đến lúc Huệ nắm vai chỉ huy mặt trận phía nam, Sở, Diệu, Dũng đã trở thành những cánh tay đắc lực của Huệ.

Ngô Văn Sở ở trong nhà Bùi Thị Xuân từ nhỏ, nên không lạ gì Lợi. Trong gia đình họ Bùi, cha Bùi Thị Xuân thuộc dòng chính, còn mẹ Lợi thuộc dòng thứ. Tương truyền hình như cách đây vài mươi năm có một vụ tranh tụng ruộng hương hỏa gay gắt sao đó, đến nỗi đã có đổ máu và cả hai bên mất gần sạch gia tài để lo đút lót bọn tham quan hòng giành phần thắng về mình. Cuối cùng cả hai bên cùng nghèo xác, và không ai thắng, ngoài lòng hiềm thù. Gia đình Lợi và gia đình Bùi Thị Xuân tuy gần gũi nhưng rất ít đi lại với nhau. Khi gia đình Lợi bị thảm sát, rồi Lợi được dịp trả thù, gia đình Bùi Thị Xuân vẫn e ngại có thể nhân cơ hội này Lợi thanh toán luôn bao mối hận cũ. Ông thầy võ Ngô Mạnh đã chuẩn bị cách phòng vệ, nếu đám em út của Lợi kéo đến đòi rượu thịt. Nhưng không. Lợi không nói xa nói gần gì đến gia đình họ Bùi cả. Tuy thế, những gì Lợi làm trong buổi đặc thế họ đều biết cả. Lợi cũng hiểu như vậy. Thành thử khi bọn Sở, Diệu, Dũng được trọng dụng, Lợi cảm thấy khó chịu. Trừ trường hợp bất đắc dĩ, Lợi tránh không muốn gặp họ, hoặc động chạm đến họ. Đường ai nấy đi, thế thôi. Thế không có nghĩa là nếu thuận tiện và kín đáo, Lợi không đưa ra các nhận xét nửa đùa nửa thật bất lợi cho Sở, Diệu, Dũng, ảnh hưởng lớn lao đến Nhạc hay Lữ. Lợi có quá nhiều dịp để gần gũi trại chủ, nên bọn học trò Ngô Mạnh đôi khi ngỡ ngàng không hiểu sao mình đột ngột bị chuyển đến chỗ này, hoặc nhận một nhiệm vụ khác. Lợi không muốn gặp những người đồng hương nguy hiểm trên đường đời. Nhưng tại sao họ lại cứ muốn phá bình. Việc gì đến họ? Lợi tức giận tìm hỏi Huệ:

- Anh cho lệnh tập trung quân đấy chứ?

Huê đánh nét mặt đáp:

- Phải. Anh muốn gì?

Lợi bật cười, ra vẻ mừng rỡ, nói:

- Thế mà tôi lại cứ tưởng chúng nó phao lệnh giả để quịt tiền nhau. Ôi thôi các ông tướng quá trời! Bao nhiêu quà cáp nhà gửi đem ra đổi chác cho nhau, thậm chí mua đi bán lại như đây là cái chợ xổm. Phải, anh đẹp là phải!

Huệ vẫn nghiêm nét mặt hỏi:

- Chờng nào anh về?

- Tôi ấy à! Có lẽ sáng mai. Tôi còn phải tiếp lương một chuyến nữa ở chợ Giã. Anh cần gửi thư từ gì cho trại chủ không?

Huệ ghét cay ghét đắng bộ mặt ấy. Anh đáp cụt lủn:

- Không.

Trước khi Lợi tiu ngiu quay đi, Huệ nói thêm:

- Lần sau anh nhớ đừng đem chuyện buôn bán lên đây. Nhớ nhé!

*

* *

Trong thư An nhờ Lợi mang lên cho Lãng chỉ kể sơ lược cảnh sống cô lập của hai cha con vì mặc dù đã niêm phong kỷ lưỡng, cô vẫn còn sợ có một người ngoài gia đình như Lợi hoặc Huệ đọc được. Vị trí ông giáo ở phủ Qui Nhơn thật tế nhị và nguy hiểm, điều đó ai cũng cảm biết, nhưng không ai dám nói ra, vì nói thế nào cũng không hoàn toàn đúng.

Ngay cả nhân vật am tường việc nội bộ nhất là Bùi Văn Nhật cũng không dám công khai xếp chỗ cho ông giáo. Nhật ngó chừng thái độ của trại chủ để điều chỉnh thái độ của mình. Trước những vấn đề quan trọng, Nhạc đều có ý kiến dứt khoát, từ việc dứt khoát chọn cầu hòa với Hoàng Ngũ Phúc cho đến quyết định quản thúc Đông cung, giết Nguyễn Phúc Tịnh. Chỉ riêng đối với ông giáo, Nhạc tỏ ra e ngại, lập lờ. Nhật tưởng khi Nhạc sai Nhật đi mời ông giáo dùng cơm trưa, thì bữa tiệc ấy coi như bữa tiệc đoạn tình. Uống với nhau một chén rượu cuối, rồi thôi, từ đây về sau gặp lại chỉ nói với nhau bằng mũi kiếm. Ban đầu giọng nói của trại chủ có vẻ nghiêm khắc, lạnh lẽo thật. Nhật cũng nường theo đó công khai kết ông giáo cái tội âm mưu tạo phản. Nhưng sau khi ông giáo biện minh thề thốt, Nhạc lại quay ra hòa dịu, thân ái. Nhật chẳng hiểu phải làm cái gì, phải cư xử với ông giáo ra sao. Từ đó về sau Nhạc lại không nhắc đến chuyện cũ, nên Nhật phải rút số lính đã gửi đến canh phòng nhà ông giáo đêm hôm trước. Nhưng rõ ràng ai cũng biết từ nay vai trò của giáo Hiến đã hết!

Họ điều chỉnh lại thái độ cho phù hợp với nhu cầu mới. Trong các cuộc hội họp, bàn bạc, giữa lúc trà dư tửu hậu, họ tránh không nhắc tới ông giáo. Không ai muốn người khác nhắc lại có thời họ đã làm việc chung với ông giáo, hoặc có đi chung một đoạn đường, có cười nói vài câu xã giao với ông. Ông giáo đột nhiên vắng mặt, còn đó nhưng không hiện diện. Sự thay đổi thái độ của người ngoài quá lộ liễu nên ông giáo nhận ra ngay. Lòng tự ái của ông bị xúc phạm nặng nề. Ông phản ứng bằng thái độ tự cô lập khắc kỷ, sự khinh miệt cố ý tỏ ra quá đáng. Ông sai con gái khóa cửa trước, đóng kín cửa sổ quay ra phía đường.

Có đêm Thọ Hương lên tìm An tâm sự, gõ cửa giữa khuya khoắt, khẩn khoản gọi An mở cửa, ông giáo giả vờ ngủ say không dậy. An chạy ra mở then, ông lừ mắt ngăn lại. An sợ hãi ánh mắt hung dữ khác thường ấy không biết bao nhiêu!

Thọ Hương không dám đến nữa. Cô Trúc, em gái Bùi Văn Nhựt từ lâu đã thôi học. An đi chợ phủ mỗi sáng sớm, thấy vẻ lạnh nhạt xa lánh của người quen, tủi thân nghĩ mình trở thành tai họa cho kẻ khác, tự nhiên đi về lấm lét thui thủi như người phạm tội. Trong căn nhà kín cửa tối tăm đó, một già một trẻ âm thầm lắng nghe tiếng thở dài của nhau, rồi cùng hãi hùng nghĩ tấn bi kịch này còn kéo dài thật dài về sau, không biết đến lúc nào mới chấm dứt.

Đúng như An đã viết thư cho Lãng, may mắn họ tìm được nguồn an ủi trong thi ca và kinh Phật.

Ông giáo đọc lại thơ của thời Thịnh Đường, đọc bất chợt tùy hứng chứ không theo thứ tự hoặc hệ thống phân loại. Ông muốn bắt gặp tâm hồn người xưa mà không bị định kiến chi phối, để hưởng trọn cái sáng khoái của thông cảm cởi mở. Ông với tay rút ra một tập thơ, lật một trang nào đó. Ông đọc chậm, cho từng chữ ngấm sâu vào tim vào óc mình. Đọc xong một lượt, ông gấp sách, nhắm mắt và ôn lại toàn thể ấn tượng tích lũy được suốt câu đầu đến câu chót. Ấn tượng ấy thường lan man mơ hồ, vui vui hoặc buồn buồn, lâng lâng nhẹ nhàng hoặc hào sảng náo nhiệt. Ông chưa vội tin ở ấn tượng ban đầu đó. Ông đọc to lần nữa, lần nữa, xong một lần lại chiêu một ngụm trà đặc quánh, đọc cho đến lúc ông có cái khoái cảm mừng rỡ như chính mình sáng tác được bài thơ ấy, thích thú thấy nó lớn dậy để bắt đầu một số phận riêng.

Vì thưởng thức thơ theo cách đó nên ông giáo đọc lẫn lộn nào Lý Thương Ẩn, Vương Xương Linh, Mạnh Hạo Nhiên, Lý Bạch, Tô Thức, Đào Tiềm... Ông dừng lại lâu nhất với Đỗ Phủ. Với Đỗ Phủ. Chỉ vì một lý do: trong kệ thơ của ông, chỉ riêng Đỗ Phủ là có một tuyển tập riêng biệt, và quyền thơ đó đóng bìa đẹp dễ công phu quá. Nội dung và hình thức quyền thơ có sức nam châm hút bàn tay lựa chọn đang ngần ngừ do dự của ông: Đó là quyền thơ Huệ gửi biểu An do Thọ Hương mang lại!

*

* *

Ông giáo đau nhói cả lòng khi nhớ lần đầu bắt gặp quyền thơ ấy trên kệ sách. Từ lâu đầu tắt mặt tối với công việc trên phủ, ông ít có thì giờ nói chuyện thân mật tâm tình với con. Văn chương thi phú thì đã gác hẳn sang một góc tường niệm đầy bụi bặm, từ thời Tây Sơn thượng.

Cho đến hôm ấy ông cảm thấy lạc loài giữa mọi người, boăn khoăn tự hỏi ý nghĩa của bao nhiêu cuống quít xông xáo, thôi thúc hò hét, toan tính, kế hoạch...đang dồn dập diễn ra quanh ông. Đó là hôm ông chủ định tìm lại Thơ. Ông bắt gặp tập thơ Đỗ Phủ với cái bìa nhiều sang trọng. Giở trang đầu, ông đọc được triện son của Tuần Vũ Bình Khang. Ông giáo hiểu liền. Một niềm hân hoan pha chút hãnh diện tràn ngập lòng ông. Có thể chứ! Những buổi say mê giảng sách ở nhà học, những đêm thức khuya canh lửa trên gò Miếu, hy vọng ở đôi mắt thông minh chiếu rọi được thấu bản chất của sự vật với tất cả tự tin, cái bóng lớn lao tự trưởng thành của đời ông! Sau phút hân hoan, lòng ông bắt đầu se thắt. Ông ái ngại liếc nhìn con gái, lúc đó đang ngồi lặng lẽ lượm thóc gần cửa sổ hồng. Ông hỏi An:

- Gần đây con có giờ đến mấy cuốn thơ không?

An hơi ngạc nhiên khi nghe cha hỏi vậy, đỏ mặt lúng túng đáp:

- Dạ thỉnh thoảng buồn quá con có xem!
- Con thích ai nhất?

An càng lúng túng hơn, ấp úng đáp:

- Con cũng chẳng biết nữa. Lúc thích người này, lúc thích người khác.
- Nhưng con phải đọc của ông này nhiều hơn ông kia chứ!
- Dạ.
- Như vậy con thích họ rồi. Con thường đọc ai?
- Nhiều nhất là Lý Thương Ẩn, cha ạ!

Ông giáo cười nhẹ, tỏ vẻ hiểu con. An cảm thấy sung sướng, muốn chia sẻ niềm vinh dự cho em, nên thêm:

- Lãng nó cũng thích Lý Thương Ẩn lắm.
- Còn Lý Bạch, Đỗ Phủ.
- Hai vị đó cao quá đối với chúng con. Nhất là Lý Bạch. Còn Đỗ Phủ thì...

Ông giáo vội hỏi:

- Con đọc hết tập thơ Đỗ Phủ rồi chứ?

An xấu hổ cúi mặt xuống, hai tai nóng bừng. Lúc An ngược lên, ông giáo thấy gương mặt con thật khác thường, môi An run run muốn nói gì đó mà không nói được, hai mắt sáng xúc động vì một nỗi hốt hải; khuôn mặt của một người phân vân sắp hét lên đau đớn hay khóc òa vì một hoan lạc bất ngờ. Ông lo sợ hỏi:

- Con sao thế?

An trấn tĩnh, nói nhỏ:

- Con hơi bị xâm xoàng.

Rồi đột nhiên giọng An vui vẻ hẳn lên:

- Hôm qua con mua được mẻ gạo ngon quá. Từng hạt đều riêng như hạt ngà. Để chiều nay con nấu thử cho cha xơi. Chắc chắn sẽ thơm và dẻo lắm.

Ông giáo không tìm được lời nào để nói với con. Giọng vui giả tạo còn thắm hơn cả tiếng khóc. Ông hiểu nỗi tuyệt vọng của con gái, ông xót xa vì đó cũng là nỗi tuyệt vọng của đời ông. Bao năm nay ông rộn rã cả lòng khi nghĩ đến cuộc hôn nhân lý tưởng, giữa con gái yêu và người học trò thông minh của ông. Không bao giờ thổ lộ niềm vui đó với ai, ngay cả với An, nhưng được ôm ấp trọn vẹn nó cho mình như một giấc mơ đẹp, như một ý nghĩa thuần khiết, như chút còn lại của cuộc đời bập bênh, ông thấy an tâm, tự tin hơn. Bây giờ tất cả đều mất, mất, mất hết.

Tối hôm ấy, thức giấc giữa khuya, ông nghe hình như có tiếng khóc ảm ức. Ông nín thở lắng tai để nghe cho rõ hơn. Nhưng ngoài tiếng muỗi vo ve, tiếng mọt gặm kèo gỗ, tiếng chuột lâu lâu khua động xó tủ, ông không nghe được gì khác. Ông tự nhủ có lẽ mình quá bi thảm hóa sự đau khổ của con gái!

Chương 33

Từ khi Nhạc cho lệnh rút đạo Hòa nghĩa quân của Lý Tài về Qui Nhơn để dễ kiểm soát, chấm dứt tình trạng cướp bóc do đám quân vong mạng thất trận ấy gây ra khắp các vùng trú đóng, Chinh được sống với gia đình một thời gian.

Có thể nói trong hoàn cảnh sống heo hắt cô độc, gia đình đã mở rộng đôi tay đón chào đứa con trở về như một thiên sứ. Cả ông giáo lẫn An đều hớn hởi! Chinh đem sự náo hoạt, ồn ào rộn rã lại cho gia đình. Ông giáo cho mở ngay khóa cửa trước, xô tung hai cánh cửa khép lâu ngày làm mấy chú nhện hoảng sợ. Gió và ánh sáng lại được dịp ủa vào căn nhà lạnh ẩm mốc. Không cần hỏi han ai, nhất là không thắc mắc tình trạng tài chính của gia đình, ngay hôm sau, Chinh mời bốn người bạn hảo hớn về nhà đãi đằng.

Một người khoảng trên bốn mươi tuổi, da đen, có râu hàm rậm, nói tiếng Nam lơ lớ chưa thạo, được cả bọn kính nể, luôn miệng gọi là "đại huynh". Một người gầy ốm đôi mắt như hai lá rau răm, môi chỉ cười mím, má trái có một vết sẹo dài thâm tím và lóm sâu xuống, khiến bộ mặt đã choắt lại thêm mất cân đối. Người thứ ba tuổi đời mới ngoài hai mươi, bộ điệu chậm chạp cọc cằn, ít nói, lâu lâu có thói đưa ngón tay út lên xoáy vào lỗ tai. Người cuối cùng An đã gặp, vì Chinh có nhờ đưa thư về mượn một trăm quan trả nợ cho anh ta. Chinh lo về trước để chuẩn bị đón khách, gặp lúc ông giáo đang ngồi trầm ngâm trên phản gỗ, tay chống vào chõng gối xếp. Thấy con nhìn quanh như muốn tìm kiếm thứ gì, ông giáo dịu giọng hỏi:

- Con tìm gì vậy?

Chinh đáp:

- Con dọn mâm rượu lên cái phản này được không cha?

Ông giáo trở mắt nhìn Chinh hỏi:

- Rượu à? Cha có uống được đâu!

Chinh vội nói:

- Con đã mời bốn người bạn "đồng sinh đồng tử" chiều nay đến thăm nhà mình. Lâu nay họ đều biết tiếng cha, nhưng không biết có thời cha đã làm việc với quan Nội hữu Ý đức hầu ngoài kinh. Nghe con nói, họ không tin. Họ bảo nếu thật như vậy, cha đúng là trang hảo hớn, gặp thời làm quan trong triều, thất thời mai danh ẩn tích làm mưu sĩ cho khách anh hùng. Cả bọn đều muốn được hầu chuyện với cha. Cha giúp họ con khiêng cái phản này ra chỗ sáng một chút. Trong này tối quá.

Ông giáo không có cách nào khác là cùng với Chinh bày biện tiệc rượu cho các trang "hảo hớn". Ông kinh dị trước vẻ buông tuông, lời nói kiêu cách của Chinh. Nào những là đồng sinh đồng tử, khách anh hùng, trang hảo hớn. Kinh dị nhất là cái thói xem thường đời sống người khác, chỉ chăm chăm nghĩ đến cái vui trước mắt của mình. Chinh không báo trước khiến An phải vất vả cả buổi trưa chạy khắp nơi xoay sở mua sắm mới tiệm tiệm đủ cho cuộc rượu. Khổ nhất cho An là phải qua Kiên để vay một ít rượu và đồ nhắm. Kiên thấy em gái đến, vừa ngạc nhiên vừa giận dữ, hỏi mát:

- Quí hóa quá. Có việc gì mà em phải thân hành đến đây?

An lúng túng không biết đứng ngồi thế nào, vì Kiên vẫn tiếp tục xoay trần ra cột lại cái chân gãy của quầy rượu, mặt mày đăm đăm. An muốn khóc òa rồi bỏ về, nhưng cố nhịn, thưa với anh:

- Có anh Chinh về đăng nhà, anh biết chưa?

Giọng Kiên dấm dấm:

- Có ai thèm đến thăm tôi đâu mà biết!

An bậm môi nói một mạch:

- Anh ấy dẫn về một lô bạn bè, rồi bảo dọn rượu. Em không biết xoay xở làm sao vì gấp quá. Anh chỉ cho em mượn đỡ một ít đồ nhắm, và vài chai rượu trắng.

Kiên ngưng việc ngược lên nhìn em. Có lẽ anh đâm thương hại em gái, không nỡ dẫn vật nó nữa. Kiên lặng lẽ đi tìm cái giỏ bát, xếp vào đó hai chai rượu nếp, một ít bánh và chả. Anh không quên gói thêm mấy củ tỏi và tiêu. An cảm ơn anh rồi rít. Hai anh em ra đến bến tắm ngựa Kiên mới hỏi:

- Sao độ này anh ít khi gặp cha trên phủ?

An kinh ngạc hỏi lại:

- Anh chưa biết gì ư?

- Việc gì?

- Anh vẫn còn đi làm ở kho chứ?

- Vẫn còn.

- Thế anh không nghe thiên hạ xì xầm điều gì à?

Giọng Kiên chán nản:

- Hơi đâu mà nghe. Làm xong việc về đây lo việc nhà, thú hơn.

An nhìn anh thương hại:

- Thôi lúc khác em sang chơi sẽ nói chuyện nhiều. Hay anh rảnh thì chiều qua nhà uống rượu với bạn anh Chinh.

Kiên dừng lại, bực dọc bảo em:

- Không. Chiều nay anh bận. Thưa với cha là anh gửi lời hầu thăm.

Tuy vậy tiệc rượu cũng khá thịnh soạn. Ông giáo ngồi với bọn trẻ một lúc, vì không chịu được cách ăn nói ồn ào thô lỗ nên lấy cớ nhức đầu vào nằm ở buồng sau. Chủ, khách chỉ chờ có thế. Họ cười nói ồn ào hơn. Kẻ say bắt đầu những lời chửi rửa tục tằn làm An ngượng đỏ mặt. Có người nôn thốc ra cả mâm rượu, mặt phản nhóp nháp. Ông giáo giận quá, kêu Chinh vào mắng cho một chập. Chinh lí nhí xin lỗi, rồi ra nhà ngoài lựa lời nói khích để các "trang hảo hớn" chịu về nhà đại ca tiếp tục một cuộc rượu khác.

*

* *

Sáng hôm sau, Chinh lại cười cười bảo em:

- An có tiền không, cho anh mượn hai mươi quan.

An tròn mắt nhìn anh, tức tối nói:

- Em mượn của anh Lợi hai mươi quan chưa trả được, tiền đâu đưa thêm cho anh!

Chinh ngồi chồm hổm trước mặt An, năn nì:

- Cho anh mượn thêm hai mươi quan nữa, vị chi bốn mươi quan. Anh bán thuốc được, sẽ trả cả vốn lẫn lời cho em ngay.

An tò mò hỏi:

- Thuốc gì thế?

Tưởng em đã bắt đầu ham lợi, Chinh khoe:

- An có nhớ kỳ trước anh kể chuyện xin thuốc tên cổ đạo người Tây dương không? Không à? Anh có gửi về cho em hai gói thuốc trắng mà! Như vậy là anh say rượu quên gửi rồi đấy! Hoài của! Về sau anh có uống thử thấy công hiệu lắm. Anh đem nhờ thầy thuốc bắc ở Cửa Hội ngửi xem thử thuốc Tây dương gồm những vị gì. Ông ta đoán được một số vị chính. Anh có nhờ ông ta hốt một thang đem tán nhỏ rồi ngửi thử, quả nhiên mùi cũng hơi giống mùi thuốc Tây dương. Chỉ khác bột của mình màu nâu, còn của họ màu trắng. Từ đó khi nào túng tiền, anh làm thuốc bán cho dân quanh vùng, kiếm được khối tiền. Hiện anh còn một gói lớn. Bán ra ít nhất cũng được vài chục quan.

- Vẫn chưa đủ trả nợ cho anh Lợi.

Chinh nhăn mặt hỏi:

- Nợ anh nào?

- Anh Lợi. Chính anh nhờ em vay của anh Lợi để trả cho ông bạn hôm qua đến đây nôn ọe đầy phản đấy.

Chinh bĩu môi bảo:

- Tưởng nợ của ai! Nợ thằng Lợi thì khỏi trả.

An tức giận hỏi:

- Anh muốn quịt của người ta à?

- Không quịt. Nhưng anh làm theo lẽ công bằng. Thử hỏi thằng Lợi làm gì để có khối tiền, nếu không nhờ đóng đầu mà dính chút ít trên tay. Nói trắng ra là vì nó lo tiếp lương nên kiếm chác được. Mà không có bọn anh đánh đầu này đầu kia, thì làm sao nó có cơ hội bỏ túi bớt của thiên hạ được. Cho nên em thì anh gắng trả nợ, nhưng nếu là của thằng Lợi, thì anh khỏi phải trả. Chẳng những thế, anh còn đòi thêm nữa...

An hô hoán lên:

- Trời đất ơi! Anh nói y như một tên ăn quịt. Cha mà nghe được thì...

Chinh cắt lời An:

- Anh không nói đùa đâu. Lợi nó còn mắc nợ bọn anh. Bao nhiêu của cải bọn anh thu được chất sẵn lên thuyền, nó ton hót với trên để chờ đi mất. Chuyển đó nếu nó không về đây sớm, chắc chắn mỗi người trong Hòa nghĩa quân đã xin nó một tí huyết.

An chống chế giùm cho người vắng mặt:

- Anh ấy chờ về đây nhập kho, có sổ sách đảng hoàng. Không cướp bóc làm của riêng như bọn trộm cướp các anh.

Chinh nhìn chăm chăm vào mặt An, rồi cười hỏi:

- Sao em bênh nó chăm chặp thế?

An tức giận nói:

- Vì em là con nợ của người ta. Xưa nay em chưa bao giờ phải ngửa tay vay mượn ai một đồng kẽm.

Em nhục nhã ngửa tay van xin người ta, là vì ai? Vì anh đó.

Chinh đầu dụi:

- Anh biết thế, biết chỉ có em là còn thương anh nên mới viết thư cầu cứu. Anh không bao giờ quên ơn em. Nhưng đã làm ơn thì làm cho trót. Ráng cho anh vay thêm hai mươi quan. Chỉ hai mươi quan thôi.

An bậm môi, rồi lắc đầu:

- Em đã bảo là không có.

Chinh nằn nì:

- Anh biết em có.

- Không có.

- Có.

- Không có.

- Có.

An giận quá, đưa cả cái bọc tiền cho Chinh xem:

- Đây, anh soát đi. Hôm qua dọn tiệc rượu cho anh, em phải chạy qua anh Kiên vay đồ nhắm và hai chai rượu. Phải dốc tiền thuốc của cha luôn vào đó mới đủ. Chỉ còn mấy đồng kẽm, anh đã tin chưa.

Chinh buồn rầu, thất vọng. Bóp trán suy nghĩ một lúc, Chinh e dè hỏi An:

- Hay em mượn thẳng Lợi giùm anh.

An quả quyết đáp:

- Không!

Chinh biết không thể lay chuyển An nổi, đứng dậy nói:

- Thôi. Để anh đi tìm nó vậy. Anh lỡ khoe nhà mình giàu, chuyện này không có hai mươi quan, chắc không ngừng mặt lên nổi!

*

* *

Chinh đi đâu cả buổi sáng. Người bạn rượu từng mang thư giúp Chinh đến nhà tìm Chinh nhiều lần. Lần nào Chinh cũng chưa về. Anh ta có vẻ sốt ruột. Chỉ có một mình An ở nhà nên câu chuyện giữa chủ và khách gượng gạo, rời rã. Nếu cố gắng, An có thể tìm cách gợi chuyện cho không khí bớt tẻ nhạt. Nhưng cô ghét bọn bạn bè cộc cằn thô lỗ của anh. Cô để mặc anh ta ngồi lúng túng, im lặng ngồi lựah nhộng để xào nghệ cho cha.

Người bạn Chinh nóng ruột, hỏi An:

- Chinh nó có nói đi đâu không, cô em!

An ngược lên, bậm môi tức giận vì cách xưng hô sàm sỡ, đáp cộc lốc:

- Không.
- Vậy mà nó hẹn sáng nay đến là có liền.

An càng giận hơn, nói với khách:

- Các anh tưởng đây là nhà kho chắc!

Bạn Chinh vội hỏi:

- Cô em nói gì thế?

An dần từng tiếng:

- Tôi nói: Các anh tưởng đây là cái kho tiền bạc, rượu thịt hay sao? Kỳ trước chính anh đã cầm thư về đòi hai mươi quan, bây giờ lại đến lấy thêm hai mươi quan nữa.

Khách cũng không vừa. Anh ta không kiên nhẫn gì cả, cãi lại:

- Cô em nói như vậy, chẳng hóa ra tôi là thằng chuyên moi tiền nhà cô hay sao! Cô phải biết, nó nợ thì phải trả. Còn hai mươi quan kỳ này, chính nó tự đứng ra lãnh chứ không ai ép. Tối hôm ấy kéo qua nhà "đại ca" thì rượu hết. Chính nó tự nguyện ứng ra hai mươi quan để đại ca tổ chức một bữa thật linh đình, mừng ngày anh em thoát chết trở về. Nó bảo nhìn quanh chỉ nhà nó là có đủ khả năng, anh em đừng lo. Cô em đã rõ chưa? Tôi chỉ là người đến nhận tiền để lo chuẩn bị sắm sửa.

Càng nghe nói, An càng giận anh. Cô thấy mình có lỗi khi đối xử nhạt nhẽo vô phép với khách. Giọng cô dịu dàng hơn:

- Bây giờ tôi mới vỡ lẽ. Anh ấy tưởng gia đình giàu có lắm hay sao! Anh coi, đồ đạc toàn những thứ rẻ tiền, lúc túng bán không ai thèm mua. Cha tôi già rồi, đào đâu ra tiền cho anh ấy phung phí. Anh ấy không biết nghĩ!

Bạn Chinh bớt giận, bảo An:

- Tôi chơi với Chinh lâu ngày còn lạ gì tính nó. Cười nói bi bô đó rồi quên đó. Nhưng được cái chơi với anh em rất chí tình. Lâu lâu cũng có phá quấy đấy, nhưng để đùa cợt chút thôi. Bản tâm không muốn làm hại ai, không muốn làm ai buồn.

An thở dài:

- Đã hai mươi lăm tuổi đầu mà tính vô tư như trẻ con, ham chơi quên mất tình cảnh gia đình. Anh thấy không, nhà chỉ còn hai cha con. Tôi đàn bà con gái, cha tôi ho hen luôn, không biết còn ở với con cái đến ngày nào. Hôm nào tôi quên không mua nhộng về xào nghệ thì y như rằng...

Người bạn Chinh trở đĩa nhộng hỏi:

- Thứ sâu này ăn được à?

An ngơ ngác hỏi lại:

- Anh nói sâu gì?

- Loại này này.

An cười giải thích:

- Nhộng kén mà anh bảo sâu. Anh chưa ăn thử bao giờ ư? Béo lắm. Ở phía bên kia sông người ta chuyên nuôi tầm lấy tơ, nên nhộng còn rẻ hơn cả thịt cá.

Bạn Chinh hỏi:

- Thế Chinh nó có thích thứ này không?
- Thích. Anh ấy hốt cả năm bỏ vào miệng nhai như ăn bắp.

Người bạn Chinh cười, như vừa tìm được điều gì thích thú. Anh ta nói:

- Thảo nào! Thảo nào nó thạo cái trò nuốt sâu!

An giật mình hỏi:

- Anh vừa nói gì thế?

Người khách cười cười nhìn An, rồi nói:

- Cô biết cái tính cắc cớ của anh cô rồi. Cái trò nuốt sâu đó.
- Vâng, nhưng hồi nhỏ anh...

- Lớn lên vẫn thế thôi. Chinh nó thích nhìn các bà các cô chết ngất vì hãi hùng. Cô biết không, mỗi lần đánh đến đâu, nó thường tìm đến nhà các cô gái trẻ đẹp để lân la nói chuyện. Tâm lý ai cũng sợ dân đeo gươm vác giáo, nên lúc nào các cô cũng ráng tỏ ra vui vẻ, lễ phép, ngoan ngoãn. Chờ lúc thuận tiện nhất, Chinh nó bắt đầu giở trò. Nó tìm bắt một con sâu nào đó, ở vườn thì thiếu gì. Nó cho con sâu bò trong lòng bàn tay. Nội bấy nhiêu cũng đủ cho các cô xanh mặt vì sợ hãi. Nhưng chưa hết. Nó bảo ở quê nó, người ta ăn loại sâu này để chữa bệnh sốt ngã nước. Rồi trong lúc các cô chưa kịp hoàn hồn, nó hất con sâu vào mồm nhai ngấu nghiến. Không có cô nào không ngã ra chết giấc.

An đã biết tính Chinh mà nghe kể, vẫn còn muốn nôn ọe vì kinh tởm. Mặt cô nhăn nhó vì cố ghìm cơn nôn. Người bạn Chinh cười to hơn, bảo An:

- Cô đừng sợ. Lần đầu biểu diễn cho chúng tôi xem thì nó nhai sâu thật. Nhưng các lần sau nó chỉ giả vờ. Nó ngậm sẵn một cọng trầu để nhai ra nước xanh, còn con sâu đã thả rơi xuống đất dẫm chân lên giấu, lúc hất mạnh tay vào miệng. Nó thích chơi trò đó, cô thấy có lạ lùng không?

An lo lắng hỏi:

- Nhưng anh ấy có xâm phạm đến họ không?
- Không bao giờ. Tụi này đặt hẳn là "nhà nhò nuốt sâu" mà!

*

* *

Vừa lúc đó Chinh và Lợi cùng vào nhà. Thấy bạn, Chinh cười nói rộn ràng:

- A ha! Chờ lâu không? Tìm cho được cái kho biết đi này đâu phải là chuyện đùa. Mà yên tâm. Về thừa với "đại ca" thế nào chiều nay cũng chu tất. Đã có anh Lợi giúp vào một tay, khỏi phải lo lắng nữa!

Người bạn vẫn còn lo ngại, rụt rè nhìn Lợi, rồi nói với Chinh:

- Nhưng tụi nó đòi kéo đến chúc thọ đại ca. Sợ đông quá!

Chinh phất mạnh tay ra vẻ hào phóng:

- Đông bao nhiêu cũng được. Càng đông càng vui. Phải không Lợi! Chiều nay kéo bọn bên kho qua chung vui, gọi là kết nghĩa giữa "hậu tập" với "tiền phương". Nhất định kéo bọn nó qua nhé! Bao nhiêu tất cả nào?

Lợi lúng túng gỡ bàn tay Chinh (lúc đó Chinh cứ nắm chặt lấy cánh tay Lợi mà hỏi han, mời mọc), chối từ:

- Chiều nay không tiện, anh ạ. Chúng tôi bận lắm!

Chinh trề môi chế giễu:

- Lại bận! Tiếp lương mà càng bận bịu bao nhiêu, kho càng mau rỗng bấy nhiêu. Cửa kho phải khóa chặt, thủ kho đi câu cá, thì mới mong nước giàu được.

Nói xong, Chinh cười hô hố một mình. Người bạn Chinh hỏi Lợi:

- Chiều nay chúng tôi đợi anh nhé!

Lợi giật mình, hỏi:

- Vâng. Nhưng, nhưng liệu có đông lắm không? Tôi sợ...

Chinh cười xòe hai bàn tay ra:

- Nhiều nhất là khoảng bốn lần thế này. Bốn chục con sâu rươi! "Ông" tính sao cho đủ thì thôi. Khoảng giờ dần nhé!

Lợi do dự, giữa lắc đầu và gật đầu. Chinh ôm vai người bạn nói:

- Thôi xong rồi. Về nói với anh em khoảng giờ dần phải có đủ mặt, cho dọn sẵn mâm chiếu. Rượu thịt anh Lợi sẽ cho mang tới sau. Cần gì nữa không? À quên, tao phải cùng với mày đi báo cho anh em chứ. Mượn ngựa đi cho nhanh. Lợi ở chơi nhé. Tụi này đi trước.

Chinh và người bạn đi rồi, An mới hỏi Lợi:

- Thế mà anh cũng nhận à?

Lợi đỏ mặt, xấu hổ vì sự yếu đuối thụ động của mình trước mặt An, lắc đầu chậm chậm ra vẻ chịu đựng vì khoan dung:

- An thấy không, anh ấy có cho tôi kịp nói được tiếng nào đâu. Mà từ chối làm sao được! Tôi chỉ sợ anh ấy mất mặt với bạn bè. Chứ ai khác, thì... Tính anh ấy tức cười nhỉ! Đúng là cha mẹ sinh con, nhưng trời sinh tính. Anh ấy không được đảm như An với Lãng.

An nhớ ra vội hỏi:

- Hôm vào Cù Môn, Lãng có nhắn gì cho em không?

Lợi nhớ lại cuộc đi không vui, nhớ vẻ mặt lạnh lùng của Huệ, sa sầm nét mặt. Nhưng anh mau chóng giấu ngay được xúc động riêng. Lấy giọng vui vẻ, Lợi hỏi:

- Lãng bảo gấp quá không viết kịp. Nhận được quà An, Lãng mừng lắm. Lãng bảo bà chị cứ bày vẽ!

An chớp chớp mắt vì cảm động. Trước mắt cô, Lợi có vẻ hiền lành tốt bụng, hình như cả đời chỉ bận lo công việc giúp đỡ kẻ khác. Nhất là ân cần giúp đỡ gia đình An. Trong cảnh sống bị cô lập, nếu không có Lợi, An chưa biết hai cha con sẽ như thế nào? Chẳng lẽ suốt ngày nằm nghe tiếng thở dài của nhau, cắt đứt mọi liên hệ với đời sống bên kia vách. Lợi mang đến lương thực, tin tức, mang đến cả những lời bông đùa. An ngược nhìn Lợi lần nữa, thấy thương hại anh. Cô âu yếm nhắc:

- Anh không đi lo rượu ngay cho họ, sợ không kịp đâu!

Lợi sung sướng vì lời nhắc nhở đầy âu yếm, cười đáp:

- Không kịp thì cũng phải vắt giò lên cổ mà chạy cho kịp. Chỉ vì anh Chinh tôi mới phải vậy, chứ ai khác thì...

An hiểu ý Lợi, li nhí bảo:

- Vâng, em cảm ơn anh lắm. Anh lo giúp cho anh Chinh đi! Có cần em nấu nướng gì không?

Lợi vội nói:

- Không đâu. Tôi chỉ sai tụi nó xuống phố một chốc là xong hết. An đừng lo. Tôi về nhé!

Chương 34

Khoảng cuối tháng Bảy năm Ất Mùi (1775), sau khi được Hoàng Ngũ Phúc phong cho chức hàm Tây Sơn trại trưởng hiệu Tráng tiết Tướng quân, Nhạc đã khá yên tâm về mặt bắc. Bùi Văn Nhật thu được những nguồn tin đáng mừng: Quân Trịnh vẫn đóng ở Châu Ổ Quảng Ngãi, không có dấu hiệu chuẩn bị để tiến sâu về nam. Chẳng những thế, có nhiều dấu hiệu Hoàng Ngũ Phúc muốn rút quân về phía bắc. Quảng Nam đang có bệnh dịch, chiến sĩ có quá nhiều người bị ốm, tinh thần quân lính rời rã, bải hoải. Đã thế dường như có bất đồng ý kiến giữa Việp quận công với những cộng sự viên như hiệp tán đại tư đồ Xuân quận công Nguyễn Nghiễm, Tùỵ sai Nguyễn Lệnh Tân, Dĩnh võ hầu Nguyễn Đình Đống. Phái trẻ thì muốn đóng quân, lập cơ sở chính quyền trên các phần đất chiếm được, nghĩa là nhất định không rút khỏi Châu Ổ. Phái trung dung muốn lui về củng cố Quảng Nam. Ý kiến tối hậu vẫn là của Việp quận công Hoàng Ngũ Phúc. Như một con ngựa chiến già chồn chân muốn yên nghỉ trong tàu ngựa cũ, Hoàng Ngũ Phúc chỉ muốn được cỡi giáp, tháo yên cương mà về ngắm hoa. Ông có cảm giác xao xuyến của người sắp bỏ cuộc, dùng dằng giữa núi việc bề bộn trước mắt chưa biết tin ai để giao phó, và ý định buông thả hết mà về dưỡng già. Dẫn một đạo quân đông đảo đến giữa nơi tranh chấp, xa lạ, hoang dã, bệnh tật, bỏ mặc bao nhiêu số phận cho may rủi để tìm chỗ an nghỉ, viên tướng già cảm thấy bất nhẫn. Ít ra phải đưa họ về chỗ an toàn, trước khi từ nhiệm. Như thế thì lương tâm yên ổn hơn! Cho nên từ tháng Bảy Ất Mùi (1775) đã có nhiều lời đồn đãi ở Châu Ổ là thế nào quân Trịnh cũng rút về bên kia đèo Hải Vân. Lòng quân nôn nao, chỉ chờ được trở về quê nên tin mừng loan truyền mau chóng, đi đâu cũng nghe bàn luận sôi nổi. Bùi Văn Nhật lấy được tin dễ dàng nhờ thế! Khỏi phải dồn lực lượng để ứng chiến với quân Trịnh, Nhạc bắt đầu tính kế đánh phủ Phú Yên của Tổng Phúc Hợp. Ông đích thân xuống Cù Mông thảo luận kế hoạch với em.

Nhạc phải vui mừng kinh ngạc trước một đội ngũ hăng hái và trật tự như vậy. Quá quen với những đạo quân liều mạng hỗn độn của Tập Đình, Lý Tài, Nhạc ngỡ ngàng khi thấy cách tổ chức chặt chẽ, kỷ luật nghiêm minh, phong thái tự tin và trầm tĩnh của hầu hết tướng sĩ dưới quyền Huệ. Nhạc hỏi em đã giao vai trò mũi xung kích cho toán quân nào? Huệ chỉ toán quân của Sở, lúc ấy đang tập sử dụng hỏa hổ trước bản doanh. Nhạc thấy họ trẻ tuổi và hiền lành quá, lo lắng hỏi:

- Liệu có kham nổi không? Trước đây bao giờ anh cũng giao mũi này cho quân hai ông Tập Đình, Lý Tài. Lần này nếu em cần, có thể dùng số Hòa nghĩa quân còn lại trên phủ. Họ được rồi lâu quá rồi, suốt ngày chỉ uống rượu.

Huệ vội từ chối:

- Em không cần đến bọn ấy. Em tin tưởng hoàn toàn vào toán xung kích của anh Sở. Kế hoạch của em thế này, anh xem thử có được không.

Hai anh em bàn thật kỹ về từng điểm nhỏ, và sự hăng hái có cơ sở, sự liều lĩnh có tính toán của Huệ cuối cùng thuyết phục được Nhạc. Nhạc vỗ vai em bảo:

- Thôi, tùy ý "chú" (lần này Nhạc cố dùng chữ chú để thay cho chữ em, vì nghĩ vai trò mới của Huệ bắt buộc phải vậy). Nên nhớ trận này cũng quan hệ đến chúng ta như trận Bích Khê. Nếu thua nữa, ta còn mặt mũi nào mà nhìn tướng sĩ! Gần suốt một năm nay chỉ thua! Chú nhớ nhé! Phần anh sẽ cho thảo ngay bức thư trá hàng. Gần đây có ông đồ nào không?

Huệ lắc đầu. Nhạc nói:

- Thôi được. Cần gì văn hoa. Mình dùng lời lẽ càng nôm na bao nhiêu, hăn càng cả tin bấy nhiêu. Chú cứ thảo đi, anh đọc lại, cho chép cẩn thận rồi sai người đem xuống sông Cầu. Ngày mai anh về lại Qui Nhơn.

Huệ giao việc thảo thư cho Lãng. Lần đầu được góp phần vào việc tạo dựng một biến cố lịch sử, Lãng hân diện đến ngây ngất. Anh soạn lá thư quá dài. Huệ góp ý cắt bớt những phần thừa và rườm. Bức thư thu gọn một trang giấy, lời lẽ khiêm nhường mà không hèn nhát, hòa hoãn mà vẫn tự chủ, kết hợp đầy đủ lý và tình. Khi Nhạc lên ngựa xuống đèo Cù Mông trở về phủ Qui Nhơn, tất cả mọi việc chuẩn bị đánh phủ Phú Yên đã hoàn tất.

*

* *

Trừ triển núi phía nam của dãy Cù Mông thả tầm mắt nhìn xuống đã thấy đồng bằng Đồng Xuân trải dài giữa những ngọn núi trọc và vũng Xuân Đài. Dinh phủ Phú Yên đóng tại sông Cầu, sát ngay bên bờ biển. Từ Cù Mông đến phủ chỉ cách nửa ngày đường. Cho nên Huệ cho toán xung kích giả dạng làm người bán củi, hoặc người buôn quế xuống sông Cầu trước, hẹn nhau sẽ tập trung lại ở một điểm tập kích gần dinh. Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng dẫn hai đạo quân người Thượng theo đường rừng ém sẵn ở các dãy núi trọc phía tây. Cả hai cánh quân đều không dàn trận theo hàng ngang, mà dồn hết lực lượng làm mũi chủ công, khi có lệnh thì đánh thẳng đến mục tiêu, bỏ qua những đồn trại quân Nguyễn ở hai bên sườn. Huệ chủ động đánh thật mau thật mạnh để chiếm dinh Phú Yên, và khi phủ đã mất, các đồn trại của địch còn lại đang hoang mang, thì mới cho quân tỏa ra để thanh toán nốt. Huệ thấy trận Cẩm Sa vừa rồi ở Quảng Nam sở dĩ thua là vì Nhạc đã cho dàn lực lượng đối mặt với quân Hoàng Ngũ Phúc, lại kéo dài chiến trận quá lâu, nên quân địch tận dụng được sở trường về ưu thế vũ khí và chiến thuật của một quân đội chính qui, trong khi nghĩa quân bỏ mất sở trường là lối yểm kích. Những điều này Huệ có đem ra thảo luận với anh, và Nhạc phải nhận em nghĩ đúng.

Kể về số lượng và trang bị thì đội quân Tống Phúc Hợp ở Phú Yên không kém thua đội quân Hoàng Ngũ Phúc bao nhiêu. Tin tức thu lượm được cho biết Tống Phúc Hợp có hai vạn quân (Trịnh Hoài Đức, Gia Định thành thông chí). Huệ không tin ở con số phóng đại ấy, vì cả phủ Phú Yên dân số khoảng trên mười bốn nghìn, trừ các xã thuộc nội phủ không phải lính trên mười nghìn, dân bản phủ thực phải chịu lính không hơn bốn nghìn. Dù Hiệp có đem quân ngũ dinh ra tăng cường cho Phú Yên thì cũng không thể vượt quá số dân đinh toàn phủ. Và lại binh nhiều chưa chắc đã mạnh. Vấn đề còn tùy thuộc vào cách bố trí phòng thủ. Tống Phúc Hợp đóng bản doanh tại sông Cầu, lập hai cứ điểm bảo vệ cho phủ, một ở Xuân Đài do bộ binh đóng giữ, một ở vũng Lầm do thủy binh đồn trú. Như vậy Tống Phúc Hợp tin rằng mặt phía tây

đã có các dãy núi làm bức thành vững chắc, chỉ cần lo ứng phó mặt bắc áp sát Cù Môn và mặt đông. Lá thư trá hàng của Nhạc đã phần nào khiến Hiệp kiêu hãnh, việc canh phòng có trễ tràng. Toán xung kích lần đến gần thành, họp nhau ở điểm hẹn mà quân canh phòng vẫn chưa thấy điều gì thất thường. Nhìn về phía Cù Môn, họ vẫn thấy quân Tây Sơn án binh bất động. Tổng Phúc Hợp an tâm. Cho đến lúc đột ngột quân Tây Sơn xông vào thành thì Hiệp không còn có thì giờ trở tay nữa. Quân Nguyễn kinh hãi vừa kéo ra ứng chiến đã hoảng hốt, tan rã nhanh chóng. Tướng Nguyễn là Nguyễn Văn Hiền bị tử trận. Cai cơ Nguyễn Khoa Kiên bị bắt sống. Tổng Phúc Hợp chỉ có đủ thì giờ cùng một vài người thân tín liều lĩnh mở đường máu rút chạy vào nam.

Nghe tin Phú Yên thất thủ, trấn thủ Bình Khang là Bùi Công Kế đem quân theo đường núi ra tiếp cứu cho Phú Yên. Huệ cho quân tiến đánh, bắt sống được Kế. Tống Văn Khôi lại đem quân từ Khánh Hòa tiến ra. Huệ đánh bại toán quân cứu viện này ở Ba Ngòi, Tống Văn Khôi chết trận (Đại Nam liệt truyện tiền biên). Trong vòng không đầy mười ngày, Huệ đã chiếm lại toàn phủ Phú Yên. Chiến công lẫy lừng đó lần đầu tiên làm chấn động trong nam ngoài bắc, xác nhận tài năng của một viên tướng Tây Sơn trẻ tuổi vừa mới hai mươi ba. Những viên tướng Tây Sơn từng vào sinh ra tử ở mặt trận phía bắc như Tập Đình, Lý Tài, Nguyễn Thung, Phong, Hãn chỉ còn là những bóng mờ. Ngôi sao Nguyễn Huệ bắt đầu chói sáng suốt chiều dài lịch sử từ năm Ất Mùi cho đến lúc Huệ lìa đời.

*

* *

Mấy ngày nay cả phủ Qui Nhơn lên cơn sốt. Cây cối, chim chóc, nhà cửa, sông núi như bùng dậy, xốc áo đứng lên hòa nhập vào cái rộn rã chung. Nắng cuối hạ không còn màu sắc chói chang, đầm thắm mát dịu mời gọi mọi người ra đường. Từ ông già bà lão cho đến trẻ nít, người nào cũng xôn xao tỏ mở, chạy khắp đầu làng cuối xóm nghe tin chiến thắng. Những người lính được về phép quần áo còn nhàu nát, tóc tai bù xù, mắt trộm vì mất ngủ, trở thành những nhân vật thần thoại được mời mọc, săn đón, thăm hỏi, ái mộ khắp nơi. Họ đi đến đâu cũng có người bu quanh để bắt kể chuyện chiến thắng. Được dịp cho họ thêu dệt trận yểm kích Phú Yên thành một lô chuyện ly kỳ, gần như thần thoại. Người nghe há hốc miệng thán phục, rồi câu chuyện kể chuyện khắp nơi, qua một chặng lại thêm một mức ly kỳ. Cuộc chiến đấu giữa nghĩa quân Tây Sơn và quân Tống Phúc Hợp dần dần trở nên một cuộc thử thách gay go giữa cái thiện và cái ác, giữa tuổi trẻ và già nua, giữa kẻ bị chèn ép và bọn tham quan, giữa đẹp và xấu, giữa tất cả những gì thuộc về ánh sáng chống lại bóng tối ủ dột mê ám. Những lời thêu dệt ấy, lạ thay, vẫn cuốn hút được người trong cuộc như ông giáo. Ông còn lạ gì đứa học trò thông minh của ông. Nhưng nghe thiên hạ tô điểm Nguyễn Huệ thành một thứ Thạch Sanh chém chằng, ông vẫn thích thú.

Ông quên đang phải sống trong cảnh cô lập. Ông chạy khắp nơi để nghe ngóng tin tức, thu thập các mẩu chuyện ly kỳ. Những người quen biết từng e ngại xa lánh ông cũng quên hết mọi dè dặt. Lòng người trở nên độ lượng rộng rãi. Người ta chào nhau bằng nụ cười không hậu ý, vỗ vập nhau như những bạn cố tri cùng tìm được một thứ hạnh phúc trọn vẹn. Mỗi khi nghe thêm được một tin vui, ông tìm cho được một người nào đó để kể lại. Thường thì ông về nhà tìm con gái. Chưa có thời kỳ nào An hạnh phúc như vậy. Cô

thấy cha trẻ hần, hai má đỏ hồng khi phấn khởi, ánh mắt rạng rỡ. Bệnh ho tự nhiên dứt hẳn dù ông giáo nói luôn miệng. Đôi lúc An phải can cha:

- Ngoài đường người ta đi lại tấp nập, bụi bay mù mịt, cha thấy không. Đã thế cha lại không mang nón. Khi hôm con chờ cửa, quá giờ cơm tối cha vẫn chưa về. Xin cha lo cho sức khỏe.

Ông giáo cười, âu yếm nhìn con gái, nói:

- Không sao đâu. Làm sao có thể ru rú trong nhà giữa lúc này. Con biết không, người ta đồn rằng đích thân Huệ cũng giả làm anh buôn quế, vào tận dinh Tổng Phúc Hợp để bán thứ quế tốt nhất. Tổng Phúc Hợp tiếp Huệ mà không e dè gì cả, còn dặn chuyển sau nhớ mang nhiều hơn nữa, giá bao nhiêu cũng mua. A ha! Con biết không...

Cứ như vậy, sau ba tiếng "Con biết không", ông giáo lại vui vẻ kể cho con gái nghe một tin đồn ly kỳ về Huệ. An lắng nghe những chuyện huyền hoặc, uống từng lời như mật ngọt. Đôi lúc An chen vào hỏi:

- Nhưng cha có nghe chừng nào họ về đây không cha?

Ông giáo liền lấy giọng nghiêm khắc gạt đi:

- Về sao được! Lấy xong phủ còn khối chuyện phải làm. Chiếm được phủ Phú Yên đã khó, mà ổn định được phủ để chúng nó không dám trở lại càng khó hơn. Con biết không, người ta đồn rằng...

An không vừa, cắt lời cha:

- Con nghe nói trại chủ đã cử Lý tiên sinh vào trấn giữ Phú Yên rồi mà. Hôm qua chính anh Chinh cũng nói thế. Anh ấy đang lo chuẩn bị để vào Phú Yên.

Ông giáo cương quyết giữ ý kiến của mình:

- Dù đạo quân của Lý Tài có vào giữ sông Cầu công việc vẫn chưa xong. Cha nghe nói Việp quận công đã phong cho Huệ tước Tiên phong Tướng quân và chuẩn bị rút quân về Phú Xuân. Nếu thực sự như vậy, nhiệm vụ của Huệ nặng lắm. Không thể đóng yên một chỗ như lâu nay đóng ở Cù Mông đâu.

An quên cả dè dặt, mắt mơ màng, thì thầm:

- Ước gì anh ấy về đây vài hôm, để nghe chính anh ấy kể chuyện. Con nghe thiên hạ nói về anh ấy như kể chuyện đời xưa.

Ông giáo quay lại nhìn con, bắt gặp khuôn mặt mơ màng, say đắm, như không còn liên hệ gì đến cuộc sống thực. Tự nhiên lòng ông đau nhói. Ông e ngại liếc nhìn con lần nữa, thầm nghĩ: "Không biết nó có thấy trước tình cảnh tuyệt vọng hay không? An ơi, chắc con sẽ đau khổ lắm, nhưng cha không nỡ lay tỉnh con. Hãy cứ mơ mộng, hãy cứ hy vọng, làm như không còn gì trắc trở rủi ro trên đời, hỡi An yêu dấu của cha".

*

* *

Càng nghĩ ngợi, ông giáo càng thấy lòng nặng trĩu.

Trong cơn say kiêu hãnh vì chiến công hiển hách đầu tiên của đứa học trò yêu, ông giáo đã quên nhiều điều.

Ông hãnh diện vì Huệ đã lĩnh tước phong của Hoàng Ngũ Phúc, quên mất rằng đấy chính là điều ông

lo âu nhất. Ông từng mơ ước một Đàng Trong giàu có, thịnh trị, trên có vua sáng, dưới có tôi hiền. Một trong những tôi hiền dĩ nhiên là ông. Và các đấng minh quân chắc chắn không ai khác hơn là những ông hoàng trong họ Nguyễn Gia Miêu. Thời thế có đổi thay, đôi lúc bọn tham quan cỡ Trương Phúc Loan có khuynh loát triều chính, nhưng ông giáo không thể chấp nhận một ai khác ngoài họ Nguyễn Gia Miêu có đủ chính nghĩa và thiên mệnh để lên ngôi vua. Ông căm ghét Trương Phúc Loan, xem thường Duệ Tôn, nhưng đặt hết hy vọng vào hoàng tôn Dương. Đến khi quân Trịnh chiếm được Phú Xuân, ông lại nghĩ đến cái thể liên hiệp giữa ba lực lượng Đàng Trong là quân ngũ dinh, Tây Sơn và Đông cung Dương để chống quân xâm lược Bắc hà. Nguyễn Phúc Chất trốn đi làm đổ vỡ tất cả hy vọng của ông. Ông bị đẩy ra ngoài guồng máy hành động, ông bị cô lập, bị nghi ngờ. Ông còn ráng chịu đựng được cuộc sống hiu quạnh lạc lõng, chỉ vì còn hãnh diện rằng cho đến phút chót, tự mình xét mình, ông vẫn hoàn toàn trung thành với Chúa Nguyễn. Ông đã sai quấy, mừng rỡ khi nghe tin Huệ trở thành viên tướng biên phòng của nhà Trịnh. Ông tự trách mình hời hợt, nhẹ dạ, để cho tình cảm riêng tư lôi cuốn đi xa con đường chính.

Ông giáo lại liếc mắt nhìn con, An vẫn ngồi nguyên chỗ cũ, mắt nhắm lại, miệng mỉm cười, khuôn mặt bàng bạc một vẻ ngây ngất say dại. Ông vội quay mặt đi không dám nhìn con, vì thấy rõ tất cả cái mong manh phù phiếm của nỗi ngây ngất ấy. Ông nghĩ:

- Tại sao con không thấy: Huệ càng trở nên nhân vật quan trọng, trở nên linh hồn, cột trụ của phong trào Tây Sơn thì hy vọng hạnh phúc của con càng mong manh, hờ An. Không phải là lỗi của con đâu! Cha biết khắp phủ Qui Nhơn này không có người con gái nào xứng đáng với Huệ bằng con. Không ai đẹp để thông minh, nhất là đam mê thương yêu Huệ bằng con gái của cha. Nhưng trở ngại lớn nhất cho mối tình của con là cha. Phải, chính cha đã không cho con toại ước. Con nghĩ mà xem, trước đôi mắt mọi người, cha là một người cương quyết trung thành với nhà Nguyễn, từ trước đến sau hăng hái hô hào tôn phù hoàng tôn. Bây giờ chiều hướng lịch sử đã thay đổi. Trại chủ đã cương quyết quân thúc Đông cung, và sẵn sàng lãnh ấn tiên phong của nhà Trịnh để tiêu diệt nhà Nguyễn. Cha trở thành một kẻ khả nghi. Nếu trại chủ chưa mạnh tay như đã mạnh tay với Nguyễn Phúc Tĩnh, có lẽ chỉ vì ông còn nghĩ đến tình nghĩa sâu đậm của thời khởi dấy, còn nghĩ đến những ngày An Thái. Huệ trở thành cột trụ của Nhạc, đã lãnh ấn tiên phong tướng quân để vào nam chinh phạt. Làm sao trại chủ có thể cho phép Huệ làm hại thanh danh của mình vì cuộc hôn nhân với con gái một lão đồ già, một kẻ khả nghi đang bị quân thúc nghiêm ngặt và kín đáo. Con nghĩ mà xem, có thể còn chút hy vọng nào không? Phải là một kẻ phi thường mới có thể vượt khỏi những ràng buộc khắc nghiệt của hoàn cảnh! Huệ có đủ can đảm dứt bỏ hết, đập lên trên thị phi để đến với con không, hờ An? Cha không dám tin ở điều phi thường. Vả lại nếu Huệ thực sự can đảm hy sinh cho điều phi thường, thì có lẽ đó là cái gì cao hơn, xa hơn chuyện vợ chồng. Cha nhìn vào ánh mắt điều cốt khinh bạc của Huệ để đoán như vậy. Con có bao giờ khám phá điều đau lòng ấy không, hờ An?

*

* *

Chinh theo Lý Tài vào Phú Yên thì cảnh nhà ông giáo trở lại quạnh hiu như trước. Sau thời gian say men chiến thắng, mọi người trở về với thực tế của đời sống, và bắt đầu xa lánh ông giáo. Cửa trước lại

đóng, hai cha con lại rình nghe tiếng thở dài của nhau.

Cho đến một hôm Nhạc đột ngột mời ông giáo lên dinh có việc. Nhờ đã chuẩn bị chờ đón mọi bất ngờ, nên ông giáo không lo sợ. Ông chỉ tò mò.

Nhạc tươi cười vồn vã tiếp ông trong căn phòng rộng trang hoàng màn trướng sang trọng, xa xỉ. Những bức trướng không đúng kích thước cửa sổ đã được thay thế. Cả bức màn gấm giăng ngang sau lưng Nhạc cũng được đổi mới. Màu sắc của bàn ghế, màn trướng hòa hợp tinh vi, tỏa ra không khí mát dịu, đẹp mắt. Nhạc ra tận cửa để đón ông, cười hỏi hớn hờ:

- Lâu ngày quá không được gặp thầy. Vẫn mạnh chứ ạ? Thế nào, hộp nhân sâm thầy dùng thử có công hiệu không?

Ông giáo hơi ngỡ ngàng, ấp úng đáp:

- Vâng, công hiệu lắm.

Nhạc cười ha hả, nói đùa:

- Công hiệu lắm thì dễ sinh điều nguy hiểm. Nhất là các ông góa vợ. Nhưng cái bệnh ho đã dứt tuyệt rồi chứ?

Ông giáo thấy ngứa cổ, ho một tiếng rồi đáp:

- Lâu lâu vẫn vậy. Bệnh già mà ông cả!

Chờ cho ông giáo ngồi xuống cái ghế bọc gấm, Nhạc hỏi:

- Mấy hôm nay thầy "đóng cửa tạ khách" có nổi không?

Ông giáo e dè nhìn Nhạc, sợ câu hỏi có giấu những cái lưới sẵn sàng chụp lên đời ông. Ông giáo suy nghĩ một lúc mới đáp:

- Bên ngoài rộn ràng quá, tôi không ngồi yên được. Gần như cả phủ bước vào mùa hội.

Nhạc cười thỏa mãn:

- Đúng lắm. Cả phủ đang mở hội. Có thể chứ! Sau mấy trận thất bại vì bọn lưu manh hèn nhát, phải đến lúc chúng nó giật mình thấy rõ thực lực của Tây Sơn. Đâu cần chờ đến tuổi chín chắn. Kẻ địch là một lão tướng dày dạn kinh nghiệm, am hiểu chiến trường. Bên phía chúng ta, một thằng con nít hai mươi ba tuổi! Ha ha! Chúng nó đã sáng mắt ra chưa. Ngay cả lão Lý Tài cũng chờ tin thất trận để cười vào mặt tôi. Thầy chưa thấy nét mặt lão khi lính trạm về báo tin đã lấy được Phú Yên. Lão cười không ra cười, mếu không ra mếu. Tôi được dịp càn trêu già.

Ông giáo hỏi:

- Rồi trại chủ định giao Phú Yên cho ai đây?

Nhạc định trả lời, nhưng chợt nhớ điều gì, kịp ngưng lại. Nhạc chỉ bảo:

- Tôi chưa tính. Tạm thời cứ để cho các đội trưởng phân vùng mà kiểm soát, đáng ngại nhất là những vùng trước đây do tay chân Châu Văn Tiếp cai quản. Thế nào cũng tìm được người thích hợp cho Phú Yên. Tôi muốn thử thách một lần cuối, cho dễ về sau.

Thấy Nhạc nói quanh, ông giáo biết trại chủ không muốn thông báo cho mình biết mọi dự định như trước kia. Ông cảm thấy đắng ở đầu lưỡi, mặt nóng bừng. Nhạc lại nói:

- Gần đây tôi bận việc quá, nên ít gặp thầy. Nghe Lợi nó bảo sức khỏe thầy vẫn thường, tôi mừng lắm. Ho hẹn qua quít không đáng kể. Về già ai chẳng thế. Miễn là ăn được cơm. Tối ngủ đầy giấc. Hình như thầy mập hơn kỳ trước, phải không?

Ông giáo đáp:

- Cảm ơn ông, tôi vẫn thường. Cũng may có con An bên cạnh, cơm nước không đến nỗi gì.

Nhạc mau mắn nói:

- Phải, tôi cũng có nghe thằng Lợi bảo vậy. Con Thọ Hương nhà tôi nó mê An còn hơn cha mẹ, chồng con nữa. Nói gì cũng nhắc đến chị An. Bà vợ tôi phát bực, đâm ghen với cô gái của thầy đấy. An được mấy tuổi, thưa thầy?

- Nó lên hai mươi hai. Tuổi tị.

Nhạc gật gù, rồi chậm rãi nói:

- Hai mươi hai. Cũng khá lớn rồi đấy. Ngày xưa tôi lấy nhà tôi lúc bà ấy mới 16 tuổi. Hai mươi hai! Đã hai mươi hai! Kể cũng phải. Gia đình thầy từ kinh đô lạc vào sống giữa bọn dân núi chúng tôi, con trai thì không sao, còn con gái thì khó kén được tấm chồng xứng đáng. Kể ra theo lẽ thường tình thì hai mươi hai cũng hơi muộn. Nhưng thằng Lợi thì cứ quả quyết là khuôn mặt cô An mới trông tưởng như gái mười sáu, mười bảy. Nghe giọng nói nghiêm trang, lý lẽ chín chắn mới biết người đã trưởng thành. Lợi nó vẫn thường lui tới đặng thầy chứ ạ?

Ông giáo đáp trong hoang mang:

- Vâng. Lâu lâu cậu ấy có đến thăm tôi.

Nhạc mỉm cười, nói băng quơ:

- Chưa hẳn như thế đâu!

Ông giáo hơi nóng ruột, hỏi lại:

- Ông nói gì ạ?

Nhạc lúng túng xoay câu chuyện sang hướng khác:

- Ôi chao! Tính cái thằng đó ai không biết. Không bao giờ để cho cặp chân và cái lưỡi được yên. Đi chỗ này chỗ vào vài câu, người ta chưa kịp trả lời đã đi sang chỗ khác. Nhưng ai hiểu thì thương nó lắm, vì nó tốt bụng.

Ông giáo nói vuốt đuôi cho xong:

- Vâng, tốt bụng!

Nhạc chớp lấy câu nói của ông giáo, hấp tấp hỏi:

- Thầy cũng thấy thế à?

Ông giáo thành thực đáp:

- Vâng. Gần đây nếu không có cậu ấy lui tới thăm nom, tôi chẳng khác nào người mù, câm, điếc.

Rồi với giọng phần khích, ông giáo nhìn thẳng vào Nhạc nói:

- Không hiểu vì sao tự nhiên mọi người đều sợ phải nói chuyện hay gặp mặt tôi. Mọi người xa lánh gia đình tôi như gia đình hủi. Ông có biết tại sao không?

Nhạc cười lớn, xua tay nói:

- Thầy buồn không có bạn già hàn huyên nên quần trí thế thôi. Thầy đừng nói thế, anh em nghe được họ buồn lắm. Không phải ai ai cũng mau mắn miệng lưỡi được như thằng Lợi. Cái gì nó cũng pha trò được. Chuyện gì cũng bàn vào! Nhưng thầy ạ, có một chuyện nó mở miệng không nổi, phải nhờ đến tôi. Chắc thầy đoán ra được rồi chứ?

Ông giáo chỉ ngờ ngàng một chút, rồi hiểu ngay. Lòng ông lại đau nhói. Cổ nuốt nước bọt cho bớt xúc động, ông hỏi:

- Chuyện gì thế, thưa trại chủ?

Nhạc cười, bắt bẻ:

- Thầy giáo gọi tôi khách sáo như vậy, chắc là gặp khó đa! Nhưng lỡ phóng lao rồi, tôi phải nói cho xong: Thằng Lợi hiện cô út không cha mẹ, anh em, lâu nay gần như nương tựa vào chú bác trong trại, lấy trại làm nhà, bà con cô bác lớn tuổi làm chú bác. Thầy đã biết là từ lâu, Lợi nó đem lòng thương cô An. Tôi thấy cả hai đều ngoan ngoãn, lo làm lo ăn, lại biết hết sức lo việc chung. Nếu thầy gặt đầu, có lẽ chưa bao giờ trại Tây Sơn có được một cuộc hôn nhân tốt đẹp như vậy. Ý thầy thế nào? Chắc không nỡ làm cho thằng Lợi buồn rầu thất vọng chứ?

Ông giáo ngồi im lặng một lúc lâu, không biết trả lời thế nào. Lời đề nghị của Nhạc không làm ông ngạc nhiên. Nhiều đêm ông cũng có nghĩ tới khả dĩ có trường hợp An phải lấy Lợi. Nhưng chính Nhạc đứng ra làm ông mai, thì vấn đề trở nên trầm trọng hơn. Điều đó có nghĩa con gái ông đã thực sự tuyệt vọng! Không còn nghi ngờ gì nữa! Chắc hẳn đã có những cuộc bàn luận sôi nổi chung quanh mối tình của con gái ông, và khi Nhạc đã đích thân đứng ra làm ông mai cho một thuộc cấp trung, tất nhiên bộ máy quyền lực của Tây Sơn đã đồng thanh lựa chọn một giải pháp dứt khoát. Đứa con gái ốm yếu của ông có thể làm gì được trước quyết định xót xa ấy? Đôi vai xuôi của An có gánh nổi sức nặng đè nén của số phận?

Thấy ông giáo giữ im lặng quá lâu, Nhạc bực bội nói:

- Tôi biết thầy khó có thể trả lời ngay, vì còn phải hỏi cô An. Tôi hiểu nỗi khổ tâm của thầy. Tôi cũng có con gái, nên đã trải qua nhiều nỗi khổ tâm vì chuyện tình duyên của chúng. Nhưng dù sao chẳng nữa, chúng chỉ là những đứa con nít. Chúng ưa với cao mà không thấy chân mình ngắn. Không diu dắt chúng, chỉ lối chỉ đường cho chúng, thế nào cũng sa vào hầm hố, chông gai. Thầy có thấy thế không?

Ông giáo mím môi vì giận, đáp cộc lốc:

- Vâng, ông nói đúng lắm.

- Thế nào thầy cũng ráng khuyên răn cô ấy, thầy nhé. Chừng nào tôi báo tin mừng cho chú Lợi được?

- Vâng, tôi sẽ gặp khuyên nó. Cũng dễ thôi. Lâu nay gia đình chúng tôi vẫn luôn luôn biết mình chân thấp. Chỗ nào cao chúng tôi không dám đưa tay với đâu, trại chủ ạ!

Nhạc cười trách:

- Lại trại chủ. Cứ gọi tôi là “ông mai” đi, còn nếu muốn gọi cho đủ lễ nghi thì phiền phức lắm. Nào những là “Tây Sơn trại trưởng, hiệu Tráng tiết Tướng quân”. Hay thật. Mà cũng lém thật. Dem chữ nghĩa ra buộc ràng người ta là nghề của các nhà nho. Phải không thầy giáo?

Không cần nghe hết những lời ấp úng của cha, An đã hiểu. Cô sững sờ, lơ lảo nhìn quanh. Ông giáo tránh cặp mắt của con, với một quyển thơ trên kệ sách lật ra giả vờ đọc. Ông gấp lại Đỗ Phủ. An lặng lẽ vào phòng mình nằm vật xuống chiếu.

Cô cảm thấy tiếc nuối, như vừa đánh mất thứ gì quý báu mà không bao giờ, phải, không bao giờ có thể tìm lại được. Mọi vật quanh An tự nhiên thay đổi: cái giường gỗ trải chiếu trắng, mặt gối có thêu đôi chim đang rìa lông cho nhau, chai đựng nước lọc, cái gương nhỏ đã rạn ở một góc, rổ đồ may đan bằng mây nhuộm màu điều, đôi guốc mộc, cái nghiêng đã khô mực từ dạo cô em gái Bùi Văn Nhật bỏ học, hộp son phấn Thọ Hương biếu... Màu tươi, dáng nhỏ nhắn, sự ấm cúng thân mật biến mất, tất cả trở thành trống trải, choen hoén. Lớp vỏ hòa nhoáng tươi mát hy vọng không còn, chỉ còn lại vẻ cũ kỹ, và mùi ẩm mốc.

Cảm giác ngủi ngủi dần dần loang ra thành một thứ tâm trạng vô định, trôi nổi. An thấy mình trôi dạt bập bềnh trên một mặt sóng dữ, đầu óc quay cuồng, choáng váng. Tự nhiên nước mắt ứa ra, chảy xuống thái dương, lành lạnh. An khóc lặng lẽ như thế không biết bao lâu, càng khóc càng thấy lòng xót xa. Cho đến trí óc cô tìm được một chỗ định. Cô bắt đầu nghĩ ngợi: Thôi, thế cũng xong. Từ lâu ta lo lắng mà không bao giờ dám nhìn thật thẳng vào thực tại. Ta chạy quanh, mắt nhắm như một đứa trẻ rúc đầu vào mặt gối để trốn sợ hãi. Tại sao sự thực sờ sờ ra đó mà ta còn đại dốt nuôi hy vọng? Thôi, thế cũng xong! Hết: Hết cả rồi! Hết những lo lắng ưu phiền, hết những mơ ước vụng dại! Hết những vật vờ nghi ngờ, khắc khoải thương nhớ! Hết ôm ấp kỷ niệm như những cửa báu để tự làm khổ mình như một tên trọc phú keo kiệt. Hết trăn trở thâu đêm, vì những lời thì thầm mình nói cho mình nghe, tưởng tượng có thể nhờ gió mang tận đến đỉnh đèo xa hút!

Mình thật ngớ ngẩn, tội nghiệp. Anh ấy có bao giờ tỏ rõ lòng thương yêu đối với mình đâu! Phải rồi, ôn lại từ những ngày đầu, những ngày An Thái, quả thật anh ấy chỉ lấp lửng, lượn lờ như con bướm tham lam lạc vào một rừng hoa. Không phải anh ấy nhút nhát! Trời hời! Tại sao lại nghĩ vì nhút nhát mà anh ấy không dám nói thẳng lòng mình! Một người như anh ấy có thừa can đảm để nói một câu thật rõ ràng với một cô gái quen thân nhỏ tuổi. Tất cả lầm lẫn chỉ do mình! Tự nhiên tưởng tượng ra một điều không thực, rồi quàng cho anh ấy những tình cảm, những xúc động chưa bao giờ anh ấy có, để lừa dối mình. Rồi nhớ thương, mơ ước, lo âu, bồn chồn, hy vọng, bao nhiêu lầm lẫn chồng chất trên mây khói huyền hoặc! Không thể tự dừng trại chủ đứng ra làm ông mai, nếu anh ấy không nói thẳng với anh sự thật dửng dưng của lòng mình. Chẳng thế mà quyển thơ nhặt được trong thư viện người khác, gửi về không có lấy một chữ đề tặng, về sau gặp nhau nhắc nhở qua loa như một việc đại dốt, và im lặng nối tiếp im lặng, quên lãng chồng chất lên quên lãng! Ta lầm lẫn một cách ngu ngốc! Đại khờ! Sự thật hiển nhiên lồ lộ trước mắt mà ta giả vờ mù lòa! Thật đáng kiếp, mà cũng thật tội nghiệp phải không An!

An tủi thân, bắt đầu thút thít khóc.

Hôm sau cơn đau xót tuyệt vọng qua đi, để lại tình trạng hoang vắng, ngây ngô. Suốt cả ngày, An nằm lì trong phòng, đến bữa ngồi dậy đi nấu cơm cho cha, dáng bước trầm lặng, thui thủi như cái bóng. Ông

giáo không dám nhìn vào đôi mắt ngây dại của con, đến bữa chỉ cầm củi ăn. Ông nuốt không nổi chén cơm, phải chan canh vào cho nó xong đi. Mỗi lần ông đăng hăng định nói gì thì An ngược lên nhìn ông, đôi mắt lơ lảo như người mất hồn. Môi run run, dường như luôn luôn phải cố gắng phi thường để cố khỏi bật khóc.

Ông không dám thốt lời nào, lẳng lặng chứng kiến nỗi đau khổ của con, bất lực không thể làm gì để xoa dịu đôi chút nỗi đau khổ ấy. Ông dở hết cuốn sách này đến cuốn sách khác mà không đọc được lấy một câu nguyên vẹn. Chữ nghĩa nhảy múa trước mắt ông. Đôi lúc nét ngang nét mác nhòe đi, ông mới biết mình khóc. Không có nhà thơ nào an ủi được ông. Lời dạy của các bậc hiền triết trở nên lạnh lẽo, trầm tĩnh quá, chẳng khác tiếng nói đáng ghét của người ngoại cuộc bằng phẳng. Hai cha con sống trong trạng thái đặc biệt ấy suốt ba ngày đêm, lặng lẽ thui thủi trong bốn bức vách như những bóng ma. Không ai tới thăm họ. Không có tiếng chân dừng lại trước cửa, và tiếng gọi. Họ hoàn toàn cách ly với cuộc sống bên ngoài, và mỗi cha con lại cách ly nhau. Cho đến ngày thứ tư mới có lính hầu đến mời ông giáo lên gặp trại chủ. Cả hai cha con đều hoảng hốt như sắp bị đưa đi hành hình. Ông giáo đưa mắt nhìn con. Đến lúc đó, An mới bật lên khóc nức nở. Cô nói giữa những tiếng nấc xót xa:

- “Con khổ quá, cha ơi. Nhưng còn cách nào nữa đâu! Con xấu hổ quá. Con cứ tưởng anh ấy...”.

An chỉ nói được đến đấy. Cô ghen lời, nước mắt ràn rụa, bỏ chạy vào buồng trước đôi mắt ngỡ ngàng của người lính hầu.

Chương 35

Ông giáo lên gặp trại chủ buổi sáng, buổi chiều, Lợi đã mạnh dạn đến thăm An với tất cả tự tin. Anh bước chậm hơn thường lệ, đầu ngừng cao, gặp ai chỉ khẽ mỉm cười chứ không vồ vập bá vai choàng cổ như trước. Lợi tự nhủ phải tỏ ra điềm tĩnh hơn, vì dù sao cũng là kẻ sắp hoàn toàn làm chủ một gia đình. Gặp một thanh niên cùng một trang lứa, Lợi nghiêng đầu nhìn anh ta, soi mói quan sát từ chân tơ kẽ tóc. Người thì hàng lông mày rậm quá, đúng là kẻ cục súc. Người có hàm răng vầu thô kệch. Người lưỡng quyền cao trông như dân Thượng. Người ăn mặc dơ dáy. Không ai xứng đáng được chạm đến chân nàng, chứ đừng nói cưới nàng làm vợ. Họ đáng thương đấy chứ? Hình hài con người cha mẹ sinh ra đã vậy, giàu nghèo vẫn được xem như do số phận, họ đâu có cái may mắn như mình. Trông họ lắm lỗi, gặp ai không dám ngừng mặt lên nhìn. Kia rồi, các cô gái. Nước da đen quá! Coi bàn tay kia: từng ngón nứt nẻ, da nhăn như những chiếc rễ cây xù xì vừa nhổ từ lòng đất. Mái tóc đã rối lại vàng hoe vì cháy nắng. Không ai bì được với nàng! Họ có biết ta đã xin cưới nàng không? Chắc không biết đâu! Họ không thể ngờ trên đời lại có một cuộc hôn nhân đẹp đẽ như vậy. Họ không dám mơ tưởng nên không thể tin điều đó có thực, ngay bên cạnh họ. Ta là con người sung sướng, con người đáng hãnh diện về đời sống của mình. Họ có biết ta đang sung sướng không? Họ cười nói rúc rích ư? Chắc chỉ là một câu chuyện dí dỏm tầm thường cho đời sống bớt quạnh. Làm sao họ có được niềm hạnh phúc lớn lao cho bằng ta. Hỡi các cô em đáng thương, ta cầu phúc cho các cô may mắn gặp được một thằng chồng không mê xóc đĩa và say rượu. Hãy cười to hơn, vui đùa thỏa thích lên! Trời, ta yêu cuộc đời, ta thương mọi người! Lợi đến nhà ông giáo may mắn chỉ gặp một mình An.

Tự nhiên anh sượng sùng, lúng túng khác thường. Dù biết chắc An sắp trở thành vợ mình, Lợi vẫn thấy An xa cách hơn trước. Anh đâm ngờ cả lời báo tin của Nhạc. An ngồi đó, tóc cột gọn sau ót để lộ khuôn mặt trái xoan thanh nhã và chiếc cổ trắng, hai tay xếp hiên hòa trên vế, mấy ngón tay bôi rồi tìm cách nường tựa an ủi lẫn nhau. An cúi nhìn xuống chân, thật lâu không dám ngừng lên, chiếc áo lụa trắng ôm ấp đôi vai nhỏ và xuôi, khiến An trở nên nhỏ yếu khác thường. Lợi cảm thấy thương cô gái yếu đuối ấy dào dạt, cảm thấy có lỗi nếu từ đây về sau cho đến lúc đầu bạc răng long, Lợi làm điều gì khiến đôi mắt hiên hòa ấy rướm lệ, đôi vai nhỏ ấy run lên vì nước nở, đôi bàn tay trắng mịn kia phải chai sạn vì lao lực. Không. Không bao giờ ta để cho An khổ. Ta nguyện suốt đời yêu thương nàng, quì xuống chân cung phụng nàng như một nàng tiên lữ sa xuống cõi trần gian này, không thể để cho nàng thờ dài hoặc nhịu mảy khó chịu. An sinh ra là để hưởng hạnh phúc. Thân thể ấy, thân thể mảnh dẻ yếu đuối ấy không thể chịu được những đày đoạ của nghèo đói, đau khổ, buồn bực.

Lợi ngồi chết dí trên phản ngắm An, không biết phải làm gì để nói hết các cảm tưởng sôi nổi. An lại có vẻ ngượng ngịu, dè dặt, không cười nói tự nhiên như mọi khi. Lợi hạ giọng hỏi An:

- Chắc thầy vừa lên trên phủ, phải không An?

An ngược lên nhìn Lợi, ánh mắt hơi sắc và dữ:

- Anh hỏi gì ạ?

Lợi hơi ngạc nhiên vì giọng nói cáu kỉnh ấy, nhắc lại:

- Thầy lên gặp ông Nhạc phải không?

An tự thấy mình giận dữ vô lý, nên đáp:

- Dạ. Lại vừa có lính hầu mời lên. Trước đây không ai thềm bước chân đến đây cả. Bây giờ thì...

Lợi hấp tấp hỏi:

- Em chưa biết chuyện gì ư? Cha phải lên trên ấy để bàn cho kỹ việc chúng ta. An, sao em không vui?

Nghe Lợi hỏi thế, đột nhiên An nức lên khóc. Sau một lúc ngổ ngàng, lính quỳnh chưa biết phải làm gì, Lợi cư xử mạnh dạn như một người chồng chưa cưới. Anh đứng bật dậy, chạy đến ôm An vào lòng. An khóc mũi mẫn, không còn biết làm gì nữa, để mặc cho Lợi ôm lấy hai vai, vuốt ve mái tóc đỏ dành, an ủi, nắn nỉ như dỗ dành vỗ về một đứa bé bất hạnh. Lợi ôm ghì đầu An vào ngực mình, vừa xoa nhẹ bàn tay phải lên lưng áo An vừa thì thào:

- Đừng khóc nữa, An! Anh đã bảo. Đừng khóc nữa. An có nghe anh nói không? Hãy tin anh đi, từ đây về sau cả cha lẫn em không gặp điều gì buồn khổ nguy hiểm nữa đâu. Anh dám hứa với em như vậy. Hết rồi. Người ta hết xa lánh cha như xa một mối nguy hiểm, như sợ bị vạ lây. Lâu nay anh lui tới đây, trông thấy cha với em sống thui thủi hiu quạnh, anh xót xa lắm chứ. Có người hỏi anh không biết sợ ư? Anh cười. Dù em ở tận chân trời góc biển, giữa chốn đầy chông gai, hùm sói, anh cũng dám mạo hiểm tìm đến, chứ đừng nói là em ở ngay đây. Vả lại, em biết không, trại chủ thật là người tốt bụng đáng kính. Làm gì trại chủ không biết cả bọn về hòa với nhau để quyết hại cha, nhất là sau vụ chương cơ Chất bỏ trốn vào với Tống Phúc Hợp. Họ phao tin rằng chính cha đã tổ chức xếp đặt mọi sự, sau khi bàn luận kỹ càng với Đông cung và Nguyễn Phúc Tĩnh. Họ nói thế, em xem, có ai còn dám bén mảng đến gần nhà này nữa. Họ còn đòi đưa cha về lại An Thái. Nhưng trại chủ cương quyết bênh vực cha. Trại chủ gạt phăng các lời dèm pha độc địa, nhất định bảo cha vô tội. Họ định làm áp lực, sợ sẽ có lúc trại chủ trở lại tin cần cha thì họ sẽ gặp khốn đốn. Nhưng có gì qua mắt được trại chủ đâu. Cả đến những chuyện vặt như anh đem giúp đỡ em thứ này thứ nọ, ông đều biết. Trại chủ gọi anh lên, khuyến khích anh, bảo hãy thay ông lo lắng giùm cho đời sống gia đình cha. Ông không thể ra mặt đi lại giúp đỡ, vì chưa tiện. Họ còn chăm hằm chờ xem trại chủ cư xử với cha thế nào để mưu tính kế khác. Anh không tiện nói, nhưng An biết không, mấy gói đường và cân bún tàu kỳ trước anh mang đến cho em là quà của trại chủ. Em thấy không, mối hiểm nguy đã qua rồi. Đừng lo lắng nữa. Lau nước mắt đi. Đã bảo. Lau nước mắt đi, hãy tin lời anh!

Những điều Lợi kể vượt quá tầm tưởng tượng của An. Cô hồi hộp lắng nghe những gì vừa diễn ra chung quanh gia đình cô mấy tháng qua, không ngờ mình vừa thoát được một mối nguy hiểm ghê gớm. Cô hồi hộp sợ hãi chờ nghe Lợi nói, quên hẳn rằng mình đang ngả đầu úp mặt trong lòng Lợi, yếu đuối giao phó cho Lợi ôm ấp, ve vuốt, dỗ dành. Lợi nói xong, An mới dần dần ý thức được thực tại. Cô xấu hổ thấy mình ngã gọn vào ngực Lợi, tay đang mân mê cái cúc áo của Lợi. Cô bắt đầu ngửi mùi mồ hôi gây gây của

Lợi, bắt đầu hồi hộp, lo sợ theo dõi bàn tay phải của Lợi đang mơn man vuốt ve trên cổ, trên vai, trên lưng mình. An hoảng hốt bật đứng dậy, định xô Lợi ra để ngồi xa cách như lúc mới gặp. Nhưng Lợi đã bạo dạn hơn trước. Anh cứ xử theo quyền năng của một vị hôn phu. Lợi ôm chầm lấy An, siết chặt thân thể mềm yếu nhỏ nhắn trong đôi tay, áp mũi hít lấy hương bồ kết trên mái tóc mượt mà của người vợ chưa cưới. Lợi thấy An run rẩy trong tay mình, mắt láo liên sợ hãi như van xin cầu khẩn. Anh chợt dạ, thương hại An, bắt đầu nói lỏng vòng tay. An vội vã xô nhẹ Lợi để thoát ra xa, mặt đỏ rần vì xúc động và xấu hổ. Cô lo ngại liếc ra phía cửa, sợ cha về bất chợt bắt gặp mình đang nép đầu vào ngực Lợi. Cô yên tâm khi thấy cửa vẫn kín đáo. An đưa hai tay lên vuốt lại tóc, sửa lại xống áo. Lợi nhìn nách áo còn ướm mồ hôi của An, hỏi nhỏ:

- Sao em lại nhố đi? Anh thích em để nguyên. Như thế trông lạ hơn, có thể nói là đẹp hơn. Anh thích em để lông nách, An nhớ nhé!

An quay lại nhìn Lợi, không ngờ mọi sự tiến nhanh như vậy. Và cô thấy hổ thẹn cho chính mình.

*

* *

Chiều hôm ấy Nhạc mời ông giáo lên để tiếp tục công việc của ông mai dong. Nhạc hăng hái với nhiệm vụ một cách khác thường. Buổi sáng ông đã gặp ông giáo. Buổi chiều ông lại cho lính mời ông giáo lên gặp lần nữa. Không phải Nhạc quá rảnh rỗi. Ngoài nhà khách, mấy chục người đang lóng ngóng chờ gặp ông, người nào cũng thắc thỏm ngồi đứng không yên. Nhưng Nhạc cứ mặc cho họ đợi. Ông chậm rãi, ề ề, nói đủ thứ chuyện với thầy giáo. Mãi về sau, hai người mới bàn gần đến việc tổ chức cưới xin. Nhạc vui vẻ xích ghế lại gần ông giáo nói:

- Việc Quận công sắp cho người đem sắc phong và ấn kiếm vào đây đây. Tôi đã tin cho chú Huệ, bảo sắp xếp gấp công việc để về đây trước mừng mừng. Thế là cả hai anh em đều nhận sắc của Việc Quận công. Chú Huệ đã được phong "Tiên phong Tướng quân" như thầy đã biết. Điều khó xử là làm thế nào lễ nhận sắc vừa long trọng vừa giản dị. Long trọng quá thì họ xem nhẹ mình. Ba cái chữ hão nào trại trưởng nào tráng tiết, nào tiên phong lừa dối được ai kia, chứ mà mắt chúng ta sao được. Tiếp rước linh đình quá, họ sẽ cười mình là một lũ ngu. Mà làm sơ sài đơn giản quá, họ lại bảo mình khinh thường họ. Cho nên tôi nghĩ thế này, thầy xét xem có được không! Ta định ngày rước sắc trùng với ngày cưới của đôi trẻ. Như thế có cơ lợi cho cả đôi phía. Về cuộc rước sắc, ta làm đơn giản, nhưng nhờ tiệc cưới mà sứ giả Trịnh không cảm thấy đạm bạc thô sơ quá. Vì sau khi nhận ấn kiếm, ta mời họ qua dự tiệc cưới. Ngược lại, tiệc cưới của đôi trẻ thêm phần rôm rả nhờ có nhiều nhân vật tai mắt tham dự. Tôi là ông mai, đồng thời cũng thay mặt nhà trai đứng xin rước dâu. Như vậy công tư hai bên đều vẹn, được việc nước mà cũng được việc nhà. Ý thầy thế nào ạ?

Ông giáo sợ hãi, khâm phục cho óc tính toán của trại chủ. Ông không có lời nào để thêm vào kế hoạch toàn hảo ấy, tuy trong thâm tâm, ông giáo có cảm thấy chán ngán. Ông không muốn đem chuyện cưới xin của con gái ra làm đòn phép chính trị. Đó là chưa kể một nỗi lo khác: ông giáo quá hiểu con gái ông. Đám cưới càng linh đình, nỗi đau khổ của An càng lớn lao, chẳng khác nào phải đem bầy vết thương xấu hổ của mình ra giữa chợ cho người qua kẻ lại soi mói quan sát. Thấy Nhạc kiên nhẫn chờ đợi ý kiến mình,

Ông giáo phải đáp:

- Trại chủ tính vậy, thêm vinh hạnh cho gia đình tôi. Tôi rất cảm kích. Nhưng có điều chúng tôi phải áy náy, là chuyện vợ chồng riêng tư của gia đình mình có đáng phải hao tổn công quỹ hay không. Sau này chúng nó biết lấy gì đền đáp cái ân sâu nặng đó. Ý tôi chỉ cần một mâm cơm để lập bàn thờ cho đôi trẻ ra mắt tổ tiên, các chú bác xa gần, như là báo cho láng giềng tin mừng nhỏ nhoi của mình. Bày vẽ lắm, chúng tôi áy náy. Xin trại chủ nghĩ lại cho!

Nhạc cười gạt đi:

-Ồ, chuyện vật ấy hao tổn bao nhiêu! Cũng giống như tôi nhờ thầy đãi khách hộ cho tôi thôi. Có gì đâu mà nói đến ân huệ. Thầy yên lòng. Việc gì cần tốn thì phải tốn. Tôi đã kêu thằng Lữ, vâng, đã kêu chú Lữ lên bảo xuất kho chuẩn bị mua sắm ngay từ hôm nay. Lợi là thuộc hạ của Lữ, chú ấy phải đứng chủ chốt. Chỉ còn một điều tôi hơi lo, là việc tiếp sứ giả của nhà Trịnh. Việc này quan trọng lắm, ảnh hưởng đến an nguy về sau ở phía bắc.

Ông giáo vội hỏi:

- Trại chủ đã biết sứ giả ấy là ai chưa?

- Ông Nhật bảo là tay lo việc từ hàm cho Việp Quận công, con nhà phong lưu giàu có, có tài đối đáp ứng biến. Hẳn đang được Việp Quận công nể vì lắm. Lại thêm điểm này nữa: hẳn rất có tài làm thơ phú quốc âm, không khéo hẳn vào đây giao ấn kiểm xong, trở về rêu rao chúng ta toàn là một lũ dốt.

- Hẳn tên gì ạ?

Nhạc đến chỗ bàn giấy lục tìm một lúc, cuối cùng bảo:

- Đây rồi. Hẳn tên Nguyễn Hữu Chinh người Nghệ An, đỗ hương cống từ năm 16 tuổi. Người ta thường gọi hẳn là Cống Chinh.

Ông giáo lắc đầu nói:

- Hẳn người xứ Nghệ, tôi chưa từng nghe tên. Chắc là lớp trẻ mới lập danh sau này.

Nhạc bảo:

- Tôi giao hẳn cho thầy đấy. Việc đối đáp, xướng họa sau khi tiếp ấn, hoàn toàn do thầy. Miễn sao cho hẳn biết ta không yếu ớt đến nỗi run sợ trước quân Trịnh, nhưng ta cũng không tự cao tự đại đến mức khinh nhờn họ. Ta biết của, biết người. Về mấy cái chữ tráng tiết, tiên phong, trại trưởng, tướng quân, ta trân trọng biết ơn mà tiếp nhận, nhưng phải khéo léo cho hẳn biết nhận xong, ta cũng chẳng thơm chẳng sang hơn chút nào. Khó là ở chỗ đó.

Ông giáo thấy được tin cậy, nhưng chưa quên những bạc bẽo lâu nay phải chịu. Ông hứa với Nhạc:

- Ông cả đã nhờ, tất nhiên tôi phải cố sức. Ông cứ yên tâm. Tôi sẽ tùy nghi mà đối đáp với hẳn.

*

* *

Huệ và Sở bỏ đoàn tùy tùng ở chân đồi Cánh Tiên, phóng ngựa thật nhanh để thi nhau về phủ trước. Huệ cưỡi một con ngựa ô cao lớn đen mượt, lông kỳ óng ánh như một mái tóc vừa gội bồ kết. Chiếc yên da màu vàng in vết mồ hôi ở hai bên hông, ôm cứng lấy thân ngựa khỏe. Sở thì cưỡi con ngựa hời cao lớn

không kém, da xám loang lổ những mảng đen ở mặt và bụng. Hai con ngựa hiểu ý chủ nên gắng hết sức tung vó, không con nào chịu kém con nào. Chạy một đoạn dài thì con ngựa hơi bắt đầu đuối sức. Nó thở phì phì, mồ hôi rướm ướt khắp thân thể. Con ngựa ô vượt được một cái đầu, rồi dần dần bỏ bạn xa phía sau. Huệ quay lại la lớn cho Sở nghe:

- Bỏ cuộc hả? Thúc nó tiến lên chứ.

Sở thúc gót giày vào hông ngựa, nhưng con ngựa hơi đã mỏi gối. Nó vùng vằng, mồm cắn lấy ngà cương tức giận. Sở giơ tay lên ra dấu thua cuộc, nói lớn với Huệ:

- Nó sắp khuyu rồi. Chậm lại.

Huệ cười khanh khách bảo:

- Thua rồi nhé! Tối nay chịu phạt đúng như giao hẹn. Không được trốn nghe!

Anh ghìim bớt cương lại. Hai người bạn trẻ bắt đầu cho ngựa bước thong thả, vì đã gần tới cửa thành. Sở hỏi:

- Mình ở đây chờ đoàn hay vào thành trước?

Huệ quay nhìn phía sau, thấy một khóm bụi mờ bốc lên xa thật xa. Anh nói:

- Tôi phải vào trước. Anh chờ ở đây dẫn anh em tìm chỗ ăn và chỗ trú đêm. Cứ liên lạc với trạm gác. Chúng nó sẽ thu xếp cho chu tất.

Sở gật đầu đáp:

- Vâng, anh cứ vào trước.

Huệ cầm tấm thẻ bài giơ lên cho người lính gác thành thấy, ngồi yên trên ngựa chờ anh ta tiến tới. Nét mặt người lính có vẻ bức dọc, có lẽ vì tưởng người khách lạ vô lễ không thềm xuống ngựa đến trình diện ở trạm canh. Mặt hầm hầm, anh ta tiến đến gần. Khi nhận ra Huệ, anh ta sung sướng la to:

- Ủa, chú... Ông Tám Huệ đây mà! Trời ơi. Ông về lúc nào không báo trước: Anh em ơi, Ông Tám đã về đây rồi. Mau mở cửa thành ra cho Ông vào. Cái lũ chết tiệt ở đâu mà không chịu mở ngay. Ông cảm phiền, chúng nó tưởng đến giờ này không còn ai vào ra nữa.

Một, rồi hai ba người lính nghe bạn hô hoán tò mò thò đầu ra khỏi vọng gác. Họ nhận ra Huệ, người hùng "thần thoại". Không ai bảo ai, bọn lính kéo đến mỗi lúc một đông, vây Huệ vào giữa. Mạnh ai nấy hỏi, hỏi xong cũng chẳng cần im lặng để chờ nghe Huệ trả lời. Họ chỉ muốn xác nhận xem Huệ có đúng là một thực thể biết cười, nói, thở, sống như họ, dù trong các lời đồn đãi, Huệ trở thành một nhân vật phi thường. Một người lính già ngược lên hỏi:

- Ông Tám có mang đầu Tống Phúc Hợp về đây không?

Nhiều câu hỏi khác chen lẫn tiếng cười nói:

- Có thực ông giả làm anh bán quế không đấy?

- Chúng nó bị một mẻ sợ xanh mặt nhỉ?

- "Con gái Phú Yên một tiền ba đứa" phải không ông?

- Suyt. Để cho ông ấy về nghỉ. Đường xa thế kia. Các chú có tránh lối ra không. Hãy về trạm gác hết đi!

Người này chen ra thì người khác chen vào. Cho đến lúc cửa thành mở và Huệ bắt đầu thúc chân vào hông con ngựa ô, một đám rước nhỏ đã thành hình. Bọn lính cười nói hăng hái, vung tay múa chân, vừa bàn luận vừa chạy lúp xúp cho kịp với đà vó ngựa. Sắp đến chính dinh thì họ bị toán cấm quân chặn lại. Huệ xoay lưng vẫy chào họ, nín dây cương cho ngựa xoay đầu rẽ trái, về tư dinh của anh chị. Cả hai vợ chồng Nhạc đều vắng nhà. Thọ Hương thấy chú về, mừng quá phát khóc. Trong các cô chú, Thọ Hương thấy mình gần gũi, quyến luyến với chú Tám Thơm nhất. Cô kéo Huệ ra xa đám lính hầu, hỏi nhỏ:

- Chú về để mừng cưới chị ấy à?

Huệ trở mắt nhìn cháu, thương hại Thọ Hương vì thấy cháu xanh xao, hai mắt sâu và buồn. Huệ hỏi:

- Thọ Hương vừa bị bệnh phải không. Sao xanh mướt thế?

Hương tủi thân, run run đáp:

- Thôi, chú. Đời cháu coi như bỏ đi. Cháu tự hỏi sao không chết quách đi cho rảnh nợ.

Huệ cười to để xua bớt vẻ buồn rầu:

- Ô kìa! Nói gì như bà già vậy? Đời còn dài và đẹp chán! Cười thật tươi lên cho chú coi nào. Thế, thế. Giơ đủ cả răng lẫn lợi xem. Phải cười hở lợi mới đúng là cười. Thế, thế. Được rồi.

Thọ Hương nghe Huệ nhắc đến tiếng Lợi, vội nhìn chú đăm đăm. Dò xét rồi rụt rè nói:

- Chú về thật may. Thế nào cô dâu chú rể cũng mừng lắm.

Đến lần này Huệ mới nhận ra ý nghĩa bí hiểm trong câu nói của cháu. Anh ngơ ngác hỏi:

- Cô dâu chú rể nào thế? Đám cưới ai vậy?

Đến lượt Thọ Hương kinh ngạc. Cô hỏi:

- Thế cha cháu không tin cho chú biết à?

- Có chứ. Cha cháu gọi chú về để tiếp ần của quân Trịnh. Những "Tiên phong Tướng quân" kia đấy.

Hương thấy chú oai ghê chưa. Mà này, cháu vừa nói sắp có đám cưới. Ai lấy ai vậy?

Thọ Hương hoang mang hỏi:

- Chẳng lẽ cha cháu không cho chú biết. Hay là chú giấu.

Huệ bực tức nói:

- Chú giấu làm gì?

Thọ Hương không muốn kéo dài nhì nhằng, nhìn thẳng vào mắt chú để đo lường phản ứng rồi mới nói thật chậm, thật rõ:

- Chị An sắp lấy chồng đấy chú. Chị ấy lấy anh Lợi.

Hương chỉ thấy Huệ nháy mắt vài cái rồi thôi, gương mặt không biến đổi dữ dội như cô đoán trước.

Hơi thất vọng, Hương hỏi:

- Sao chú nghe tin mà mặt dửng dưng vậy?

Huệ mím môi nhìn cháu, cười nhỏ một tiếng, rồi hỏi Hương:

- Thế Hương muốn chú phải khóc òa lên à?

- Không đến nỗi vậy, nhưng chú phải tỏ ra kinh ngạc, đau khổ mới đúng lễ thường. Hay là chú hết thương chị ấy từ lâu rồi?

Huệ im lặng, cúi nhìn đôi giày lấm bùn của mình, không trả lời cháu. Hương chán nản đến nỗi mắt rơm rớm lệ, lòng ngao ngán cho sự bạc bẽo hời hợt của bọn đàn ông. Cô tức nghẹn không nói gì được nữa. Huệ im lặng một lúc, ngước lên hỏi cháu:

- Chờng nào đám cưới, Hương biết không?

- Cháu nghe cha cháu bảo sẽ làm cùng ngày với ngày tiếp án. Làm lễ rước sắc và nhận ấn kiếm xong, sẽ kéo qua dự tiệc cưới. Nghe nói sẽ linh đình lắm.

Huệ đưa tay trái lên lau mồ hôi trán, nói với Thọ Hương:

- Gớm. Đường bụi quá đi mất. Cháu bảo tụi nó đi múc cho chú thau nước rửa mặt. Lấy thêm cho chú cái khăn nữa nhé!

Thọ Hương không muốn sai bảo ai, đích thân đi múc nước lấy khăn cho Huệ. Lúc trở lại, cô bắt gặp Huệ ngồi y chỗ cũ, mặt gục vào hai đầu gối như một pho tượng lính thú nhớ nhà...

*

* *

Vừa lúc ấy Nhạc về tới nhà. Thấy em đang ngồi mệt mỏi, ủ rũ, như một bại tướng. Nhạc lo âu gọi lớn:

- Chú Tám! Mới về hả?

Huệ vội đứng dậy trả lời anh:

- Dạ. Em nhận được thư, xếp đặt xong mới về đây được. Còn sớm được ba ngày để bàn nhiều việc với anh.

Nhạc thấy Thọ Hương và bọn lính hầu lảng vảng nghe ngóng câu chuyện của hai người, kéo em vào phòng mình: - Chú vào đây, tôi hỏi chút việc.

Thọ Hương không hiểu cha và chú nói với nhau điều gì, bên ngoài chỉ loáng thoáng biết là họ to tiếng với nhau, thậm chí cãi vã nhau. Một lần Hương nghe cha quát:

- Chú từng ấy tuổi đầu mà không biết nghĩ. Tôi làm thế là cho chú, vì chú. Chú nhớ chưa.

Giọng Huệ trầm, nhịp nói chậm nên Thọ Hương không thể nghe được chú Huệ trả lời cha thế nào. Một lúc sau, cửa phòng xích mở, Huệ bước ra, mặt hầm hầm giận dữ. Trông thấy Hương, Huệ ngượng ngịu, sửa khuôn mặt cho trầm tĩnh như trước. Không muốn phải nói chuyện lúc này với cháu, Huệ quay gót đi về căn phòng vẫn dành riêng cho anh trong tư dinh của trại chủ.

Lính hầu bưng cái mâm đồng đựng cơm và thức ăn thịnh soạn lên cho Huệ lúc nào, anh cũng không hay biết. Đến lúc bác lính già rón rén vào phòng dọn mâm, thấy Huệ chưa cầm tới đĩa, cơm nước nguội lạnh, bác ta chỉ ái ngại nhìn Huệ rồi lui ra, không dám lên tiếng nhắc nhở. Huệ ngồi như vậy thật lâu, mắt nhìn vào cái bắc đèn chăm chú, đến nỗi cái bắc sáng nhòe ra thành hai thành ba cái bắc khác. Lần đầu tiên trong đời anh không tin ở mình. Anh thấy mình ngờ nghệch, đại dốt, quá tin ở sự đơn giản của tình cảm, ở sức mạnh của ý chí. Anh lẩm bẩm: Tại sao lại thế được? Hẳn có đáng gì, cái tên bằng phẳng! Thà rằng nàng lấy được một người chồng xứng đáng thì còn đỡ tức! Chẳng lẽ nàng không đủ thông minh để thấy hết bản chất con người hắn! Nàng lăm lăm về hắn, hay ta lăm lăm về nàng? Làm sao trả lời câu hỏi ấy? Làm sao

đây? Không thể chịu đựng được cơn hoang mang dày vò, Huệ bỏ cơm tối tìm thăm ông giáo.

Anh thấy cửa trước nhà ông giáo đóng kín, nhưng cửa sổ mở. Bên trong có ánh đèn leo lét. Huệ đi qua cửa trước nhà thầy, không dám vào thẳng để gõ cửa. Anh nghĩ; Phải đi quá một chút nữa để liếc qua cửa sổ xem thầy có nhà không rồi hãy vào. Nếu chỉ có một mình nàng ở nhà, ta vào bất tiện lắm. Huệ đi xa về phía bắc để nhìn nhanh vào cửa sổ. Ngoài ánh đèn leo lét, anh không thấy được gì rõ ràng. Anh đi qua đi lại hai ba vòng, cuối cùng mới thấy đột nhiên ánh đèn trong nhà tối lại, hình như đang bị thứ gì che khuất. Một cánh tay thò qua chấn song kéo cánh cửa sổ đóng lại. Anh vội quay mặt đi, nhưng cũng đủ nhận ra chính ông giáo vừa đóng cửa sổ. Anh mạnh dạn quay lại đường cũ. Nhưng đến ngã rẽ vào nhà thầy, anh lại nghĩ: "Thầy đi khép cửa sổ, tức là sắp đi ngủ. Vào quấy rầy thầy lúc này có tiện không? Vả lại, giữa đêm hôm khuya khoắt đến đánh thức thầy giáo dậy, tất phải có nhiều điều quan trọng lắm. Ta đến đây làm gì? Để nói gì với thầy? Với nàng? Ta có điên chưa mà toan tính rồ dại vậy? Gặp họ để trách móc ư? Mình lấy quyền gì để cật vấn nàng? Trời ơi mày quần trí hóa rồ rồi Huệ! Mày đến đây làm gì? Lỡ có ai trông thấy mày đứng lốm thối ở giữa đường vắng này lấm lét nhìn vào nhà nàng, người ta nghĩ thế nào? Người ta sẽ đồn ầm lên rằng mày thất tình cóm róm đứng chực trước cửa nhà nàng để van xin, cầu khẩn nàng thương hại. Cả phủ sẽ cười vào mặt mày, thẳng thất tình hóa dại!"

Càng nghĩ Huệ càng sợ. Anh đi thẳng về nhà không dám ngoái đầu nhìn lại nữa. Qua một ngã tư, khá xa nhà ông giáo, Huệ gặp một toán cấm binh cầm đuốc đi tuần đêm. Huệ lách không cho họ thấy mặt, nép vào một dãy thành cao theo lối tắt về phòng. Bên ngoài trăng non đã lên từ lâu. Ánh trăng mờ chiếu vào cửa sổ, mang theo gió se lạnh của thu đầu. Tự nhiên Huệ cảm thấy lạnh lẽo. Bàn tay cứng lại. Anh cho tay vào túi áo tìm hơi ấm. Tay phải anh chạm một tờ giấy nhỏ. Anh nhớ bức thư ngắn Lãng nhờ anh chuyển cho chị. Đột nhiên Huệ run lên vì ý nghĩ:Lãng có biết trước chuyện này không? Nếu biết trước vụ đám cưới sao Lãng không nói gì với mình cả? Hay họ đã thu xếp từ trước mà vẫn giấu ta. Huệ vội tìm lửa đốt đèn. Lá thư Lãng viết cho An như sau:(chữ Hán dịch Nôm)

Chị,

Anh Huệ về gấp nên em chỉ đủ thì giờ nguệch ngoạc cho chị vài chữ. Chị rón đọc, đừng rửa thẳng em cầu thả và lười biếng nhớ. Em đã nhận đủ mấy lần quà chị gửi. Cảm ơn chị lắm. Nhưng em dặn chị mấy điều này:

Thứ nhất: chị đừng bày đặt gửi quà cho em nữa. Em biết nhà mình đang túng, chị nên dành tiền lo cơm nước thuốc thang cho cha. Ở đây em không thiếu thứ gì hết, nhất là từ khi mình đã chiếm lại được Phú Yên.

Thứ nhì: Chị đừng gửi quà cho anh Lợi đem lên. Có nhiều bất tiện lắm. Anh ấy cho thuộc hạ đem đủ thứ lên trên này để bán cho anh em lính đồn, bày hăn ra cảnh mua bán công khai rất chướng mắt. Nhận đồ từ anh Lợi chẳng khác nào dính dáng đến chuyện trục lợi (tuy thực sự là đồ của chị gửi cho em).

Đời sống của em trên này ra sao, chị hỏi anh Huệ thì rõ. Anh ấy về chuyện này, chẳng khác một đũng tướng khải hoàn. Em nghĩ dưới chân các khải hoàn môn, chắc có chị của em.

Em trêu chút thôi, đừng giận, tội nghiệp.

Lãng.

Huệ đọc đi đọc lại lá thư, lòng buồn rười rượi. Đọc xong, anh ngồi thừ bên đèn, mắt nhìn thẳng tới trước mà không trông rõ được gì. Cuối cùng, Huệ đưa lá thư gần ngọn bắc, chờ cho tờ giấy bản cháy hết mới thả cho mảng tro rơi lả tả xuống nền. Ngón tay cái và ngón trỏ bị bỏng: Huệ cảm thấy, đậm đà hơn bao giờ hết, điều mà sách vở vẫn thường nói là vị cay đắng của tình yêu.

*

* *

Đúng như Lợi nói, cuộc hôn nhân đã giải tỏa được, ít ra là trong lúc này, cái vòng vây vô hình lâu nay cách ly gia đình ông giáo với xã hội bên ngoài. Ông giáo không còn có thể “bế môn tạ khách” được nữa, vì hầu như lúc nào cũng có khách. Hết Lữ đến hỏi ý kiến ông giáo và An về việc chuẩn bị tiệc cưới, lại đến các bạn bè của ông giáo, của Chinh, của Kiên, của Lợi đến chia vui. Người ta đánh hơi được rằng chính trại chủ đứng ra gây dựng cho cuộc hôn nhân này, nên người nào đến thăm cũng mang đủ thứ quà cáp quý giá. Hai cha con ông giáo, sau thời gian sống thui thủi, còn lạ gì chuyện thế thái nhân tình. Nhưng thấy thiên hạ vồn vã, sẵn đón, mừng rỡ, hân hoan quá, cả ông giáo lẫn An đều bắt đầu hoang mang. Có lẽ mình xét lầm người chăng? Ai mà không sợ bị liên lụy vào chỗ hiểm nguy. Lâu nay họ xa lánh ta, chỉ vì nghĩ đến vợ con, gia đình, chứ trong thâm tâm họ vẫn thương mến quý trọng ta. Không thương mến quý trọng mà họ mang bấy nhiêu lễ vật đến đây à? Ông giáo tiếp khách đến mệt nhoài mà lòng vẫn vui. Còn An, lòng cô quạnh lên giữa đồng quà cáp gói giấy hoa hoặc giấy kiếng ngổn ngang khắp căn phòng nhỏ.

Mấy ngày trước đám cưới An bớt cô đơn, nhờ cô Thọ Hương và cô em gái Nhật đến giúp đỡ. Họ không giải thích vì sao lâu nay họ vắng mặt, mà cũng không giải thích tại sao bây giờ lại đến. Mọi sự xảy ra như chuyện bình thường. Hai người quần quýt bên An như xưa, hỏi hết chuyện này đến chuyện khác. Khách khứa ở nhà trước lâu lâu phải ngưng câu chuyện vì tiếng cười đùa vui vẻ của “cái bộ ba” náo nhiệt đó.

An mong ngóng chờ cơ hội chỉ có một mình mình với Thọ Hương để hỏi tin Huệ, nhưng suốt ngày đầu tiên, cơ hội ấy không đến. Lòng cô nóng như lửa đốt. Huệ về xế chiều hôm qua, đám rước nhỏ anh em lính gác tự động tổ chức đã thành đề tài bàn tán của cả phủ, góp thêm một nét vào kho thần thoại, làm sao An không biết! Tuy lo sợ, có thể nói là hãi hùng khi nghĩ phải gặp Huệ, nhưng An vẫn thắc thỏm chờ đợi. Ngày đầu tiên Huệ không đến. Lòng An ray rứt, gần muốn phát điên lên. Cô ăn nói giận dỗi với cả các bạn thân. Người em gái Bùi Văn Nhật phát khóc vì bị phiền trách oan ức do những cái lật vặt không đâu. Cô bé vùng vằng bỏ về, không kết cho xong cái khăn vành nhiễu vàng của cô dâu. An đã không xin lỗi, còn để mặc cho cô bé về.

Không chờ lâu hơn được nữa, An hỏi Thọ Hương:

- Mấy ngày nay chú Tám bận lắm nhỉ?

Hương ngược nhìn bạn, ánh mắt đầy xót xa và ái ngại. Hương cố lấy giọng điềm tĩnh nói:

- Dạ, chú ấy bận lắm.

An rụt rè nhìn Thọ Hương, do dự nhiều lần trước khi hỏi:

- Chú Tám có biết Hương đến đây không?

Hương nói thực:

- Dạ biết.

An đau nhói cả lòng, giả vờ cười cợt bảo bạn:

- Bây giờ chú là “Tiên phong Tướng quân” nên quên hết mọi người. Không chừng chú ấy quên luôn cả chị nữa. Không tin Hương cứ hỏi chú Tám: “Chú này, ngày mai là đám cưới của chị An đấy!”, chú sẽ hỏi lại em: “Chị An nào vậy kìa? Có phải An là cô Yên đó không?” Nói xong, An cười ha hả, một mình.

Thọ Hương muốn khóc khi thấy An cười, Hương nói:

- Chị đừng nói thế. Ngay buổi chiều mới về, em đã báo cho chú Tám biết chị sắp lấy chồng.

An mừng rỡ, hấp tấp hỏi:

- Rồi chú ấy bảo sao?

Thọ Hương ái ngại, dè dặt lựa từng tiếng, từng lời:

- Bảo sao ư? Em khó nói quá. Chú ấy có vẻ kinh ngạc, vì về đến đây chú mới biết chị sắp lấy chồng.

An trở mắt hỏi:

- Thật thế à?

- Vâng. Hình như cha em không báo cho chú ấy biết, chỉ bảo về để dự lễ tiếp án.

- Rồi chú ấy không hỏi Hương gì khác ư?

Thọ Hương muốn tìm điều gì không có thực nhưng vui lòng An, đúng với sự mong đợi. Hương không đủ óc sáng tạo nhạy bén. Cô đành thú thực:

- Chú ấy không hỏi gì nữa. Chú ấy than đường xá bụi bặm quá, nhờ em đi múc nước rửa mặt.

An hụt hẫng vì thất vọng. Chỉ có thế thôi sao! Một việc trọng đại như vậy, mà chỉ hỏi có mấy câu, rồi thôi! Thảo nào! Ta lắm, lắm, lắm. Lắm quá chừng. Mọi sự trở nên sáng tỏ trước mắt An: Bây giờ An hiểu vì sao Huệ không thềm đến đây, cũng không cho lính mang đến một chút quà nào. Anh ấy lạnh lẽo dừng dừng đến thế là cùng! Trời ơi! Ta đáng thương biết bao nhiêu. Ta đại dốt biết bao nhiêu!

An mím môi lại. Cô bảo Thọ Hương:

- Thôi được. Em đưa hộp phấn cho chị.

Thọ Hương reo lên:

- Chị chịu dôi phấn rồi phỏng? Tô son nữa nhé? Có thể chứ. Ai đời cô dâu mà không chịu trang điểm. Người ta sẽ nghĩ anh Lợi cho cai tù đến công chị dặt về!

An bơ thờ nói:

- Tụi đàn bà chúng ta đều thua thiệt như vậy cả, Hương ơi! Ngồi kiệu hoa hay là lẻo đẻo đi bộ theo sau chàng rể, cũng là tù phạm như nhau. Mai sau chị quyết không sinh con gái, cho nó khỏi phải khổ như chị.

Thọ Hương thấy ý An ngộ nghĩnh, cười to rồi nói:

- Trai hay gái là Trời cho chứ chị chọn được sao mà quyết với không quyết. Chị lú lẫn mất rồi, chị

An!

Chương 36

Buổi lễ tiếp án diễn ra đúng như ông giáo dự kiến. Nguyễn Hữu Chinh hơi thất vọng vì sự đơn giản của cuộc lễ. Không định được phượng hướng nên Chinh cứ ngỡ rằng bộ rống quay về hướng bắc. Điều đó khiến Chinh đỡ phải bối rối. Ít ra ông đã có bằng chứng cụ thể để báo lên Việp Quận công là anh em Tây Sơn thực sự muốn làm tướng biên khu của nhà Trịnh. Dĩ nhiên Chinh sẽ phải giấu không cho Hoàng Ngũ Phúc biết là: lúc Chinh đọc sắc, Nhạc và Huệ giả vờ không hiểu nghi lễ không chịu quì, và lúc nhận ấn kiếm khô giáp, cả hai chỉ hơi ngả mình về trước để đón mà thôi.

Cách trưng bày ở dinh chính, giá trị của bàn ghế, màn trướng, hình khắc trên cột kèo v.v... tất cả không làm cho Chinh ngạc nhiên. Là một người từng trải và giàu có, Chinh thấy nhìn chung cách xây cất bày biện ở Qui Nhơn có vẻ thô kệch, hơi quê mùa. Nghiêm, dũng thì có, nhưng không được nhã. Có lẽ họ không hiểu gì nhiều về nghệ thuật, văn học, Chinh nghĩ vậy.

Với một vẻ trầm tĩnh tự tin, Chinh theo Nhạc bước qua phòng hội. Ông đi song song với cậu thanh niên có đôi mắt sáng và mái tóc quăn, miệng lúc nào cũng cười; cậu thanh niên vừa lãnh ấn Tiên phong Tướng quân của nhà Trịnh. Tự nhiên Chinh có cảm tình với Huệ, tuy gặp Huệ lần này là lần đầu. Ông mỉm cười cảm ơn Phan Văn Tuế (gặp Chinh lúc Tuế cầm đầu phái đoàn cầu hòa ra gặp Việp Quận công mấy tháng trước), từ chối lời mời đến ngồi gần, để đến ngồi sát cạnh Huệ. Với đôi mắt sành sỏi của một người mấy đời giàu có nhờ buôn bán, Chinh biết ngay lúc này, Huệ là nhân vật đang lên của Tây Sơn.

Huệ nhớ lúc này đi rước sứ bộ ngoài chùa Thập Tháp có lóa mắt vì con ngựa bạch tốt giống của Chinh nên hỏi Chinh trước:

- Ông mua đâu được con ngựa tốt quá?

Chinh cười, bảo Huệ:

- Tướng quân nói thế cho vui lòng tôi đấy thôi. Con ngựa này đâu có ra gì. Chỉ được cái sắc bạch huê dạng, còn thì chẳng ra sao. Tướng quân nghĩ xem...

Huệ cắt lời Chinh:

- Xin ông cứ gọi tôi bình thường, đừng gọi "tướng quân" nghe chướng lăm. Chúng tôi toàn dân núi, gọi nhau là tướng quân chẳng khác nào mặc áo gấm đi hài cũi.

Chinh mau mắn điều chỉnh:

- Vâng, anh... anh nghĩ xem, con ngựa bạch đó chỉ được một điều là tránh khỏi tam luy (ba cái ồm) và ngũ nô (năm cái tòi). Còn lại thầy đều thường thường bậc trung, không có gì tốt.

Huệ thành thực hỏi:

- Tam luy, ngũ nô là gì ạ?

Chinh giải thích chậm rãi, như giọng thầy giảng bài:

- Phàm xem tướng ngựa, trước hết phải tránh tam luy ngũ nô rồi mới xem tướng những bộ phận còn

lại.

Cổ to đầu nhỏ là nhất luy

Xương sống yếu bụng to là nhị luy

Đùi nhỏ hông to là tam luy

Ngũ nô gồm có:

Đầu to tai chằm là nhất nô

Cổ dài không gãy là nhị nô

Chân trước ngắn chân sau dài là tam nô

Đầu gối to xương sườn ngắn là tứ nô

Hông cạn vế mỏng là ngũ nô

Sau khi xét kỹ xem ngựa có phạm tám điều xấu trên kia không, mới xem xét đến các tướng tốt của ngựa. Theo ông Bá Lạc chuyên xem tướng ngựa bên Tàu thì: "Ngựa tốt đầu mong được vuông, mắt sáng, xương sống mạnh, bụng trương lên, bốn chân dài, khuôn mặt cao, lỗ mũi to, đầu mũi có chữ vương, trong miệng đỏ, xương đầu gối tròn mà dài, hai tai được gần nhau mà tướng hướng tới trước, thụ nhỏ mà đầy.

Huệ thành thực thán phục sự hiểu biết của Chinh, vui vẻ khen:

- Ông thật sành về ngựa. Không biết có sành về người không?

Chinh quay hẳn lại nhìn Huệ một cách tò mò, ha hả cười:

- Anh hỏi thế khác nào đánh đồng ngựa với người! Xem tướng ngựa chẳng qua như lựa một cái xe sao cho tốt. Còn con người hả, biết được trọn vẹn và chính xác là một điều thiên nan vạn nan. Có những người bên trong vui buồn hờn giận thế nào hiện hết ra nét mặt, nhất là trong ánh mắt. Cũng có người kín đáo không cho ai đoán được. Thậm chí có hạng bên ngoài nói cười thơn thớt, nhưng bên trong chứa cả bồ gươm giáo. Đoán ngựa thì tôi còn võ vè, còn xem tướng người, tôi chịu thôi.

Huệ mỉm cười, nhìn thẳng vào Chinh chậm rãi hỏi:

- Nhưng dĩ nhiên mỗi người phải hiểu rõ mình. Ông xếp ông vào loại nào, khó đoán hay dễ đoán, hay là...

Chinh đang lúng túng chưa biết trả lời thế nào, thì vừa may trại chủ dẫn ông giáo đến chỗ Nguyễn Hữu Chinh. Chinh vội đứng dậy vái chào hai người. Nhạc nói:

- Giới thiệu với Ngài Gia cát chương thư ký, đây là thầy giáo Hiến, thầy dạy của các chú em tôi. Cũng như Ngài, thầy giáo ở đây với chúng tôi để giúp việc từ hàm.

Chinh cung kính cúi chào ông giáo lần nữa, lễ phép nói:

- Thật hân hạnh cho tôi quá. Từ lâu tôi đã được nghe danh thầy, hôm nay mới được vinh dự diện kiến.

Ông giáo ghét sự giả dối khách sáo, liền bảo: - Tôi chẳng qua là một thầy đồ nghèo ở chốn hang núi, làm gì có danh để vang đến tận tai ông. Ông dạy quá lời!

Nguyễn Hữu Chinh vội nói:

- Thưa thầy, thầy hiểu lầm tôi rồi. Chỉ vì thầy quá nhún nhường thôi, chứ hiện nay ai không biết thầy là

quân sư của Tây Sơn trại chủ Tráng tiết Tướng quân, và là thầy học của Tiên phong Tướng quân đây. Hơn nữa, thầy ở kinh đô Thuận Hóa lâu ngày trước khi qui ẩn về đây. Lâu nay thầy được tin của Ái Trúc tiên sinh không ạ?

Ông giáo kinh ngạc vội hỏi:

- Ông muốn nói đến Ngô Thế Lân người Vu Lai phải không?

Chỉnh đắc chí cười nhẹ, rồi đáp:

- Vâng. Lúc Việp Quận công nhập Thuận Hóa, tôi có nghe danh Ái Trúc trai, đặt sĩ số một đất Thuận Hóa nên vội tìm đến phố Hà Thanh để gặp. Dật sĩ có nhắc đến thầy!

Ông giáo xúc động quá, chỉ có thể hỏi một câu ngớ ngẩn:

- Thật thế ư?

Rồi ghen lời. Chỉnh nói tiếp:

- Tôi có hỏi sao tiên sinh không nhân cơ hội này giúp nước lập công. Trước kia thầy có làm hằng trăm bài biểu như bài luận về tiền tệ gửi Duệ Tôn cũng chẳng khác nào đem nước đổ lá khoai. Bây giờ thế cuộc xoay vần, đã đến lúc tiên sinh có đất sở dụng để thi thố sở tài rồi. Dật sĩ bảo người quân tử lấy sự xu thời cầu cạnh làm hổ thẹn. Kể cũng đáng tiếc.

Ông giáo xúc động, ngậm ngùi nói:

- Thế là phải. Ái-Trúc trai còn may mắn hơn tôi. Thế là phải.

Chỉnh hỏi:

- Thầy đã được đọc Phong Trúc tập của Ái Trúc tiên sinh chưa?

Ông giáo đáp:

- Chưa. Lúc tôi phải lánh nạn, bạn tôi chưa làm nhiều thơ.

Chỉnh lim dim cặp mắt đọc:

- "Gió là cái vật không có chất mà có hơi, trúc là cái vật có chất mà không có ruột, nên trúc nhờ gió mà có tiếng, gió nhờ trúc mà thành vết; cho nên gió đến thì trúc kêu, gió qua thì trúc lặng, gió to thì kêu to, gió nhỏ thì kêu nhỏ. Thế kêu là tại gió chứ không tại trúc. Trúc vẫn là hư không vậy."

Ông giáo thích chí quá, reo lên:

- Bài từ này tôi có được Ngô Ái Trúc đọc cho nghe. Đoạn sau phải thế này không: "Đến như tiếng cao như hạc rít, tiếng trong như rỗng ngâm, nhanh chóng như sóng dồn, thông thả như rước tượng. Đến như tính âm u có thể luyện được tục, tính thanh bạch có thể rửa được phiền, càng ra càng lạ, càng kêu mà càng chẳng hết cũng là do chỗ vô tâm mà diệu ứng với gió vậy. Tuy thế nhưng sở dĩ xưng phát thiên cơ, du dương chân vận, thì cũng là ở chỗ người nghe nhận lấy thôi, chứ nhả nhận hay tục tằn, xấu xa hay lành tốt thì có dự gì đến trúc. Ôi! Trúc ơi! Trúc ơi! Ta có sở đắc ở trúc đây".

Nhạc ngân người khi thấy hai nhà nho đua nhau đọc thơ đọc phú, cười lớn bảo:

- Tri âm tri kỷ gặp nhau rồi nhá! Ông Cố Chỉnh, còn dám chê thăm bọn này là một lũ ngu phu dốt nát nữa thôi?

Nguyễn Hữu Chỉnh giả vờ sợ hãi đáp:

- Trại chủ muốn giết sứ hay sao mà đổ cho tôi cái tội tà trời ấy! Có thầy giáo đây làm chứng.

Nhạc cười xòa, quay bảo mọi người:

- Thôi, xin mời quý vị ngồi vào bàn. Ta làm việc nhanh để còn dự tiệc cưới. Sẵn dịp công Cống vào đây, chúng tôi kính mời ông dự tiệc cưới con gái thầy giáo cho biết phong vị của đất núi thế nào. Ông Cống đừng từ chối nhé!

*

* *

Vì Lợi gửi rể nên đám cưới khá đơn giản về nghi tiết. Đã thế, đám cưới trở thành một phần của nhu cầu chính trị cho nên cũng được sửa đổi theo chương trình lễ tiếp ấn. Thành thử phần quan trọng nhất của lễ cưới là cô dâu chú rể trình diện với quan khách, và lạy tạ ơn bà con hai họ tại một gian nhà rộng phía trái của chính dinh.

Vì muốn làm lóa mắt sứ bộ quân Trịnh nên Nhạc không tiếc công tiếc của trang hoàng cho tiệc cưới linh đình, lộng lẫy chẳng kém gì tiệc cưới của Đông Cung trước đây.

Nhưng màu sắc, hương thơm, tiếng đàn tiếng hát, thức ăn, những câu xã giao mỹ miều hoặc những lời pha trò thông minh đều không có chút quan trọng nào đối với Huệ. Huệ thắc thỏm chờ cô dâu xuất hiện, ruột rối mà cổ giấu xúc động bằng nụ cười thản nhiên, ngạo mạn, kẻ cả.

Rồi giây phút Huệ chờ đợi xuất hiện. Cả phòng tiệc đột nhiên im lặng. Chỉ thay mặt trại chủ đóng vai chủ hôn, khăn đóng áo thụng xanh chĩnh tề, đang cùng với ông giáo dẫn cô dâu và chú rể lạy mừng quan khách.

Huệ cúi mặt xuống, nghe quanh mình tiếng xôn xao trầm trồ. Mặt anh nóng bừng. Anh trách thầm anh cả đã vô tình chơi trò oái ăm, bắt anh chứng kiến giây phút khốn khổ này. Tiếng trầm trồ ngày càng huyền ảo hơn. Không thể dẫn được nữa, Huệ ngược lên tìm An.

Huệ bị chấn động đến nỗi như có ai vừa đánh một vố thật mạnh vào sau óc anh. Anh hoa mắt, sự vật hơi nhòe và pha sắc đỏ. Phải cố định thần một lúc, anh mới nhìn rõ cô dâu hơn: Lần đầu tiên An trang điểm son phấn, đầu lại đội cái khăn vành vải vàng, áo cưới nhiều xanh, trông An đẹp rực rỡ lạ thường.

Lúc An bắt gặp Huệ nhìn mình, đôi mắt cô dâu hình như phảng phất vẻ hốt hoảng cầu khẩn, nửa xấu hổ muốn tránh nửa vương vấn bịn rịn cam chịu. Nhưng chỉ một lúc sau, hình như An tự chủ được mình. Cô mím môi, ánh mắt đanh lại. Hơi ghêch mặt lên để nhìn thẳng phía Huệ, cô dâu có thái độ thách đố bất cần. Huệ không hiểu vì sao tự nhiên An nhìn mình với đôi mắt căm hận ấy. Anh hoang mang, chẳng hiểu mình có lỗi gì. Và đến lúc đó, cảm giác tiếc nuối mới dần dần loang ra, xâm chiếm hồn anh. Nhiều chữ "nếu" đặt ra đầu những câu giả thiết, và câu nào cũng gây thêm cho anh sự tiếc nuối. Anh xoi mói nhìn chú rể, thấy cái gì của Lợi cũng là dấu hiệu sự tầm thường. Từ cách đưa hai bàn tay chắp lại vái chào, cách cười rụt hai vai lên cho thêm đậm đà, cách lâu lâu ghé miệng thì thầm gì đó với cô dâu để cố chứng tỏ chủ quyền trước mọi người... Tại sao nàng lại có thể yêu thương một người như thế được? Nàng có lầm lẫn không? Nàng lầm lẫn về hân hay ta lầm lẫn về nàng? Câu hỏi oái ăm đó lại quấy rầy Huệ. Anh lại cảm thấy choáng váng, phải đưa tay lên chống trán.

Như đã xếp đặt trước, sau tiệc cưới, có một cuộc chuyện phiếm thưởng trà ở văn phòng ẩm cúng của Nhạc. Người tham dự có Nhạc, Huệ, Chinh, ông giáo và Nhật. Nhạc hy vọng cuộc chuyện phiếm thoải mái này sẽ ghi đậm lên trí óc sứ giả, và tạo hậu quả tốt đối với cuộc giao thiệp với Bắc Hà. Dĩ nhiên cái đỉnh của buổi hội kiến thu hẹp là Nguyễn Hữu Chinh, và người có trách nhiệm lèo lái câu chuyện đến kết quả tốt nhất, lợi nhất, là ông giáo.

Mọi người vừa an tọa, Chinh đã nhanh nhẩu nhìn quanh hỏi:

- Ở kìa, cô dâu chú rể đâu rồi?

Ông giáo đỡ lời:

- Các cháu còn bận tiễn đưa bà con hai họ ra về, và lo thu xếp công việc.

Chinh bảo:

- Tiếc nhĩ. Tôi muốn hát mừng tân lang và tân giai nhân mà không có dịp.

Nhạc cười, nói:

- Ông Cống đa tài thế kia à. Nếu cần, chúng tôi xin cho gọi các cháu nó đến.

Chinh vội xua tay:

- Thôi, tôi nói đùa chứ hát hỏng ra gì đâu.

Ông giáo nói:

- Nhưng cái tài làm thơ quốc âm của ông thì ông không giấu được đâu. Xin được cho chúng tôi nghe một bài quốc âm.

Chinh hãnh diện vì có người biết tài mình. Không khách sáo, nhìn khắp mọi người rồi bảo: - Vâng, về quốc âm thì tôi thông hơn âm nhạc. Để tôi đọc bài thơ quốc âm mới làm cho chư vị thưởng lãm. Nhan đề bài thơ là Than Thân.

Tóc chen hai thứ chữa danh chi.

Thân hời là thân! Thì hời thì!

Chữa trả chữa đền ân đệ tử.

Thêm ngừng thêm túi chí nam nhi

Kẻ yêu nên ít bề cao hạ

Người ghét càng nhiều tiếng thị phi

Tay bé khôn bưng vừa miệng thế

Giải lòng ngay thảo cậ thiên tri

Cả phòng vỗ tay tán thưởng bài thơ hay. Nhạc hỏi:

- Sao ông Cống có cái giọng phẫn dờn thế? Nào " Thân hời là thân thì hời thì", nào "Tay bé"... tay bé... cái gì "miệng thế" nữa đấy?

Chinh nhắc lại:

- Thưa "Tay bé khôn bưng vừa miệng thế"!

Nhạc cười, nhìn Chinh nói:

- Việc gì phải lo bưng miệng thế? Cứ để mặc cho họ nói nhăng nói cuội, việc ta ta cứ làm. Phải thế không ông Cống?

Chinh đáp:

- Không phải ai cũng có cái đảm lược để gác ngoài tai tiếng thị phi. Tôi từng này tuổi đầu, tóc đã bạc, mà đôi lúc còn chưa chịu đựng nổi miệng thế. Những con mắt phàm tục đâu có thấy được giá thực của con người. Chúng nhìn chức tước mà định phẩm cách. Suốt mười mấy năm tôi ở dưới cửa Việp Quận công, có ai xem tôi ra gì đâu!

Ông giáo hỏi:

- Trước khi giúp việc từ hàm cho quận công, ông Cống giữ chức vụ gì suốt bao nhiêu năm mà thiên hạ dám khinh nhờn?

Chinh cười ha hả ra vẻ xem khinh thiên hạ, đáp:

- Tôi chỉ coi đội Thiện tiểu mà thôi.

Nhạc ngạc nhiên hỏi:

- Sao lại nhỏ vậy?

Chinh nhìn Nhạc, rồi quay lại nhìn ông giáo đáp:

- "Chớ chê điều thiện nhỏ mà không làm"

Cả phòng ồ lên cười. Riêng ông giáo thì khâm phục sự nhanh trí và học vấn uyên bác của Chinh, vì Chinh không tự ứng khẩu mà dùng ngay câu nói của vua Chiêu Liệt trong cổ thư để trả lời Nhạc. Ông giáo nói:

- Bậc thiên tử như vua Chiêu Liệt thì nói gì mà chẳng được thiên hạ tán thưởng. Đã là điều thiện thì lớn hay nhỏ cũng đáng phải làm.

Nhạc chen vào nói:

- Nhưng làm được điều thiện lớn thì vẫn tốt hơn điều thiện nhỏ chứ. Việc lật vật tủa munn thì chỉ nên dành cho hạng tiểu tài. Chứ người như ông Cống, không phải tôi nói cho vừa lòng khách đâu nhé, hạng người như ông mà suốt đời chăm chăm mấy cái thiện lật vật, phí đi!

Bây giờ Huệ mới hỏi Chinh:

- Nhưng thế nào mới gọi là điều thiện? Chúng tôi xin được nghe ý kiến của ông Cống.

Chinh nhìn quanh để xem có phải mọi người đều chờ nghe mình nói không. Câu hỏi của Huệ đặt vấn đề đến tận căn bản nên ai cũng muốn nghe lối giải đáp của Chinh. Chinh cười mỉm, lừ mắt nhìn Huệ giả vờ trách móc, rồi chậm rãi nói:

- Vị tướng công trẻ tuổi này không nề tuổi tác, cứ bắt tôi trả lời toàn câu hỏi khó. Ở đây còn có trại chủ, tôi lên tiếng về một điều trọng đại như vậy chẳng khác nào múa rìu qua mắt thợ. Có phải không chư vị?

Nhạc cả cười bảo Chinh:

- Ông chạy trời không khỏi nắng đâu. Chúng tôi là một đám dân núi, học hành võ vẽ chưa hết một

trang sách, tầm mắt chưa qua khỏi đợt tre làng, làm thế nào đủ kiến văn giải đáp được các điều lớn trùm thiên hạ. Vì không trả lời được mà lòng cứ thắc mắc, chờ ngóng người uyên bác để hỏi thăm, để học hỏi. May có ông Cống từ Thăng Long lạc bước vào đây, chú Huệ lợi dụng cơ may, đem thắc mắc ra hỏi. Xin cho biết tôn ý, ông cống Chỉnh ạ!

Chỉnh biết không thể từ chối được, bèn ngồi ngay ngắn, lấy mặt nghiêm trước khi nói:

- Thì tôi xin trả lời cho tướng công vậy. Thế nào mới là điều thiện? Theo tôi, đơn giản lắm. Điều thiện là sự thành công. Thế thôi!

Cả phòng chưng hửng vì câu trả lời bất ngờ ấy. Nhạc thắc mắc:

- Ông Cống nói gọn quá tôi chưa kịp hiểu! Chẳng lẽ vấn đề đơn giản như vậy sao? Và nếu nói như ông Cống, thì cái ác là sự thất bại ư?

Vì đón trước phản ứng của cử tọa, nên Chỉnh mỉm cười nhìn khắp mọi người. Ông bắt gặp nụ cười khinh bạc của Huệ, và vẻ mặt khó chịu của ông giáo.

Còn Nhạc và Nhật thì thích thú vì bất ngờ, lạ lùng. Chỉnh chậm rãi giải thích:

- Trước hết tôi xin nói ngay phân biệt thiện ác là điều không hợp với luật tự nhiên. Trời đất, sông núi, hoa quả, cây cỏ, muôn thú, côn trùng, không từng phân chia thiện ác, mà chỉ tuân theo một qui luật: Luật sống. Phải sống trước đã. Mà đã sống thì phải cạnh tranh nhau để giành lấy miếng mồi, chỗ núp trước hiểm họa, chỗ ngủ qua đêm. Mọi vật đều chịu sự cạnh tranh để tồn tại, mạnh thì được, yếu phải thua. Quý vị đừng vội bĩu môi chê tôi là thằng nhà nho vô hạnh. Xin ráng nghe tôi nói. Vâng, không có điều gì cao cả thiêng liêng cho bằng sự sống. Thiên địa chi đại đức viết sinh. Thánh nhân đã nói vậy. Ai cũng muốn sống, nói rộng ra là vật gì cũng chứa trong nó một thứ sức mạnh để sống và bảo tồn sự sống. Con người là một sinh vật khôn ngoan nhất của trời đất nên chẳng những muốn tồn tại mà còn muốn được hiện diện đời đời, ai ai cũng nhớ tưởng đến mình ngay cả sau khi nhắm mắt. Tôi có thể để quý vị thấy ngay các bậc thánh hiền xem thường bon chen, danh lợi, đời sống cơm áo tầm thường dung tục như chúng ta, thực chất chỉ là những kẻ tham sống tham danh hơn ai hết. Sống. Sống, sống cao hơn mọi người, sống lâu hơn mọi người, đó là ước muốn tự nhiên của tất cả chúng ta.

Khốn nỗi danh lợi thì ít mà tất cả mọi người đều cố cạnh tranh để tìm một chỗ đứng tốt. Người khỏe mạnh mưu trí thì muốn một mình chiếm lấy vai thủ lãnh, kẻ kém hơn thì tìm người hợp thành tập đoàn để cùng chiếm ưu thế, chiếm xong lại phải xảy ra một cuộc tranh giành khác để kẻ bạo nhất, lạnh nhất, xảo trá nhất thanh toán được đối thủ lên ngôi thủ lãnh. Những người kém thế, chậm chạp, nhút nhát còn lại thì suốt đời vâng vâng dạ dạ. Cuộc bon chen cạnh tranh đó là luật sống của tự nhiên, không thể xếp cái gì là thiện cái gì là ác. Nhưng sở dĩ có sự phân biệt thiện ác lâu nay là vì kẻ mạnh ở chỗ ưu thế không muốn mình kém mạnh hoặc suy yếu đi để bị kẻ khác thay thế. Hẳn thành công hơn kẻ khác, nên lo sợ tất cả những người không thành công bằng hẳn. Hẳn ngồi trên chỗ cao mà không lúc nào an tâm. Cho nên hẳn phải tìm ra một lý thuyết để buộc tất cả mọi người tin rằng hẳn ở trên cao là do ý trời, vì những lý do cao cả, siêu linh, điều hẳn làm là thiện, ai không nghe theo hẳn là kẻ ác. Có thể tên chủ lãnh vụng về ăn nói, suy nghĩ nông cạn, giỏi bạo hành và âm mưu hơn là lập thuyết. Nhưng ở đời không bao giờ thiếu bọn lưu manh giỏi tài

miệng lưỡi. Chúng đoán được ý của thủ lĩnh, và với óc thông minh và tài lợi khẩu, chúng có thể để ra hàng nghìn hàng vạn lý thuyết biện biệt phân chia thế nào là thiện, thế nào là ác. Xem thế thì thiện là gì? Ác là gì? Tôi mạnh bạo trả lời cho quý vị rằng: Thiện là thành, ác là bại. Hễ thành công thì tự nhiên thiện. Cho nên điều quan trọng là phải thành công. Quý vị nghĩ xem. Nếu Hàn Tín không thành công, thì ai không chê cười cái thằng hèn hạ đến nỗi chịu lòn trôn tên vô lại giữa chợ, và trên đời có ai biết đến bát cơm Phiếu Mẫu. Cái đẹp của tính nhẫn nhục và lòng nhân hậu của Phiếu Mẫu sở dĩ còn lưu truyền là nhờ sự thành công của Hoài Âm hầu. Do đó tôi mới dám bảo "Thiện là sự thành công"

Nhạc cười ha hả thích thú, nói lớn:

- Hay lắm! Ông Cống nói thật hợp ý tôi. Phải, thành công thì điều thiện tìm đến, thất bại thì điều thiện bỏ đi. Được làm vua thua làm giặc, tục ngữ đã nô nê từ lâu rồi. Phải không ông Cống? Nhưng này, theo ý ông thì anh em chúng tôi có thể thành công được không? Hay nói theo ông, có thể trở nên "người lương thiện" được không?

Chỉnh bối rồi một chút, nhưng kịp trấn tĩnh ngay, Chỉ cười bảo Nhạc:

- Tại sao Tráng tiết Tướng quân lại hỏi tôi câu ấy? Tướng quân đã nhận khôi giáp của hoàng triều, tất nhiên là chịu vâng theo điều thiện rồi. Xin chúc mừng điều thiện lớn tướng công đã đạt được, là trở thành bề tôi của hoàng triều.

Chỉnh nâng chung rượu lên mời mọi người. Nhạc cười ha hả lần nữa, mạnh dạn đưa cao chung rượu nốc cạn. Nhật bắt chước Nhạc, ngửa cổ uống hết rượu trong chung bạc. Ông giáo do dự, mãi đến lúc gặp Chỉnh xoi mói nhìn mình, ông mới đưa rượu lên nhấp vài ngụm cho có lệ. Chỉ một mình Huệ thân nhiên không cầm đến chung rượu. Chỉnh mỉm cười hỏi:

- Tiên phong Tướng công suy nghĩ gì thế?

Huệ nhìn thẳng vào mặt Chỉnh đáp:

- Cảm ơn ông Cống. Hình như ngài vẫn chưa tìm ra điều thiện lớn cho riêng mình, nên tạm uống rượu mừng cái thiện có sẵn của kẻ khác. Chung rượu hôm nay chưa được uống là vì vậy...

Nhạc sợ em làm mất lòng khách quý, vội cắt lời Huệ:

- Chú em tôi hay thắc mắc chuyện dưới đất trên trời. Nhưng phải nhận hôm nay chú ấy khá lắm. Đáng thưởng một chung rượu. Chú Huệ, chú chưa uống vì chưa tìm ra lẽ thiện, thì bây giờ phải uống cạn chung rượu thưởng của anh. Không được chối từ đâu!

Huệ vâng lời Nhạc, nhưng lúc ngước cổ nốc cạn chung rượu đắng, anh nhìn trại chủ với đôi mắt trách móc, gần như hờn giận bi thiết. Không ai nhận ra ánh mắt bi phẫn ấy, ngoài ông giáo.

*

* *

Cả Huệ lẫn ông giáo đều muốn nói chuyện riêng với nhau. Không nói không được! Nhất là phải nói ngay hôm nay!

Nhưng lúc chỉ còn hai thầy trò trước thềm dinh phủ, chung quanh là đêm trăng non và gió se lạnh, họ đâm ra lúng túng không biết phải nói với nhau điều gì. Lòng cả hai thầy trò đều nôn nao, khốn khổ. Họ bứt

rút, áy náy nhìn nhau, ái ngại cho nhau, thương hại lẫn nhau. Mãi một lúc lâu, ông giáo mới tìm được một đề tài không động chạm đến nỗi đau chung. Ông hỏi Huệ:

- Anh có thấy ông ta nhai lại giọng phản kích của Tử Trường hay không? Anh còn nhớ bài Tựa truyện Du Hiệp trong Sử Ký chứ? Người nhà quê có câu rằng: Biết đâu nhân nghĩa, làm lợi cho ta kẻ có ơn. Cho nên Bá Di cho nhà Chu là xấu, chịu chết đói ở núi Thù Dương; vậy mà Văn, Vũ chẳng vì có đó kém về vang. Chích Cước ngang ngược mà đồ đệ nhớ nghĩa vô cùng. Do đó mà coi: "Ăn trộm lừa câu thì chết chém. Ăn trộm nước người thì phong hầu. Cửa nhà hầu, nhân nghĩa thiếu gì đâu".

Huệ trầm ngâm lắng nghe lời thầy, bùi ngùi nhớ lại những ngày An Thái. Tự nhiên nước mắt rơm rớm, và cổ anh nghẹn. Ông giáo chờ mãi không thấy Huệ trả lời, hỏi lại:

- Anh nhớ đoạn đó chứ?

Huệ nuốt nước miếng trả lời được mấy tiếng:

- Dạ nhớ.

- Ông ta cũng nói cùng một ý đó, nhưng tại sao tôi tự nhiên ác cảm với lập luận của ông ta, trong khi vẫn thông cảm với Tử Trường? Anh có thấy được điều khác biệt không?

Huệ cảm động, vì hiểu ý nghĩa lời ân cần săn đón của thầy, hiểu chủ đích của ông giáo khi kiểm chuyện bàn luận đông dài với anh. Huệ ngược lên nhìn ông giáo chớp chớp đôi mắt và đáp:

- Con cũng cảm nhận điều đó. Cái khác nhau giữa Tư Mã Thiên và ông cố Chỉnh là ở tâm trạng phát ngôn: Tư Mã Thiên phát biểu trong lúc tuyệt vọng phản chí, nghĩa là vẫn tin ở điều tối thiện nhưng đau đớn vì chưa đạt tới được. Ngược lại, ông cố Chỉnh xem tất cả chỉ là phương tiện để tư lợi, và phủ lên sự thấp hèn ích kỷ ấy lớp khói thuyết lý.

Ông giáo vui mừng tìm được người hiểu mình, reo lên:

- Anh nói đúng lắm. Tôi cũng nghĩ như vậy. Cách nguy hiểm này còn nguy hiểm hơn cả chính sự xác nhận đời là sự cạnh tranh sinh tồn, mạnh được yếu thua. Nó hợp lý hóa một điều bất đắc dĩ, như đem chuyện buông the ra kể trước công chúng.

Huệ nói:

- Con nhớ có lần đã thưa với thầy là trước sau gì bọn cơ hội tứ phương cũng đánh hơi thấy mùi mật ngọt mà bu đến đây như một đàn ruồi. Chúng còn đông hơn, nguy hiểm hơn bọn đầu trộm đuôi cướp, bọn du thủ du thực lâu nay nhan nhản quanh chúng ta. Nguy hiểm hơn vì chúng thông minh hơn bọn trộm cướp, được việc hơn bọn vong mạng dốt nát, ngoan ngoãn giỏi nịnh hơn bọn cố chấp hẹp hòi. Khó phân biệt được người thiện chí và kẻ xu thời cạnh tranh. Con nghe hẩn lý thuyết đông dài, nhìn đôi mắt hẩn lảo liên, tự nhiên rờn rợn. Không hiểu tại sao con đâm ghét cay ghét đắng hẩn ta. Rồi nhìn cái cười đắc chí của anh con, con ghét lây cả...

Huệ chợt nhớ đến giới hạn, vội ngừng lại. Dù sao đi nữa, anh không có quyền nói xấu anh mình. Ông giáo cảm động vì sự tin cậy của Huệ, ngầm hiểu nguyên do của sự phản kích, sự quá đáng trong cách xét đời xét người. Ông an ủi:

- Rồi mọi sự không đến nỗi bi quan như anh nghĩ đâu. Trên đời lẽ thiện vẫn sáng, và phải thắng.

Những gì buồn khổ, bất như ý rồi cũng qua đi. Thời gian cuốn hết những thống khổ. Ông trời thật hay: vừa cho người ta trí nhớ, nhưng cũng cho người ta sự quên lãng. Ngày mai thức dậy, tối hôm nay đã thành một kỷ niệm. Mà kỷ niệm nào rồi cũng phải mờ, như một cái gương cũ.

Huệ đột ngột nắm tay ông giáo, giọng nói run run:

- Con cảm ơn thầy nhiều. Vâng, con hiểu lòng tốt của thầy. Ngày mai con đi xa rồi, không biết có mau được dịp trở lại thăm thầy hay không. Tuy nhiên dù ở đâu, xa xôi cách mấy, con vẫn không quên ơn thầy. Có điều này con thành thực thưa với thầy, là hiện nay vị thế của thầy bấp bênh lắm. Nguy hiểm là khác. Con nói chuyện qua với Bùi Văn Nhật và ông Chi, là hiểu hết. Cũng may anh con vẫn còn xem trọng những ý kiến của con. Nhưng con sợ... con vẫn sợ...

Ông giáo ôm lấy hai vai Huệ. Ông muốn khóc vì xúc động. Không ai hiểu ông bằng Huệ, không ai thấy rõ cuộc đời ông, tâm tình ông, cả sự nguy hiểm trắc trở về sau của ông bằng người học trò đang giữ vai trò lịch sử quan trọng này. Ông vỗ nhẹ vào lưng Huệ, cố dẫn xúc động, lẩm bẩm:

- Cảm ơn anh. Tôi hiểu... Chúng ta quá hiểu nhau. Như vậy là quý lắm rồi, may lắm rồi. Ráng giữ gìn sức khỏe, và niềm yêu đời, Huệ nhé!

Hai thầy trò chia tay nhau dưới vòm sương khuya và ánh trăng thượng tuần lơ mờ. Huệ quay về dinh phủ, mắt còn xốn xang vì hình ảnh hai cái lồng đèn vẽ hình loan phượng treo trước cửa nhà ông giáo. Anh bước gập như chạy trốn, lưng nhột nhột vì ý nghĩ hai ánh sáng lay lắt ấy giống y hai con mắt tinh ranh đùa cợt trên nỗi đau khổ đầu đời của anh. Tới lúc vào hẻm trong dinh, nghe tiếng đàn tiếng hát Nhạc chiêu đãi sứ bộ, Huệ mới bớt ám ảnh ray rứt. Sau khi Mịch biểu diễn xong một đoạn ghen tuông trích trong vở Phụng Nghi Đình, Chinh cao hứng hát một bài quan họ Bắc Ninh để đáp lễ. Lời ca bài Trèo lên cây gạo như sau:

Trèo lên cây gạo cao cao

Bước xuống vườn đào thấy áo người phơi

Thấy áo sao chẳng thấy người

Như đứng nhà giột như ngồi chuồng chim

Thấy chuồng sao chẳng thấy chim

Để tôi chỉ quyết đi tìm một đôi

Tưởng rằng chim lẻ bắt chơi

Không ngờ chim đã đủ đôi cả rồi.

Huệ ngồi phía sau sân hát, nên lúc anh bỏ về, không có ai trong cuộc vui hay biết gì!

Chương 37

Có lẽ suốt cuộc đời dài, không bao giờ An có những kỷ niệm xót xa và đáng chán cho bằng kỷ niệm ngày cưới.

Từng đọc khá nhiều bài thơ ca tụng đêm hợp cẩn, niềm vui vu qui, An so sánh những gì đã đọc với những gì mình trải qua, thấy buồn cười cho tài vẽ vời của thi sĩ O. An đã ráng nghĩ tất cả mọi người đều hân hoan hạnh phúc trong ngày vu qui, chỉ riêng có mình là bất hạnh. Nhưng qua kinh nghiệm của Thọ Hương, và suy luận khách quan từ kinh nghiệm mình, An cương quyết nghĩ rằng các thi sĩ cổ kim đã lừa dối những người đọc nhẹ dạ. Nhất là những cô gái tuổi cập kê! Sau tiệc cưới An trở về phòng tân hôn như một cái xác biết đi và biết giả bộ cười. Những gì cô phải đảm đương gánh vác từ sáng tới giờ vượt quá sức chịu đựng của thân thể yếu đuối. Nhiều đêm trước cô không ngủ được. Ngày đám cưới cô phải phụ giúp việc nấu nướng, tiếp chuyện với những bạn bè và người đến mừng. Cô phải cố làm ra vẻ vui tươi, liến thoắng, hoạt bát, thông minh, e thẹn, ngúng nguẩy... nghĩa là làm đủ thứ kịch cớm theo đúng đòi hỏi của vai cô dâu hạnh phúc. Nhưng có hai công việc nặng nề nhất đối với An là: chiều theo các nghi thức phức tạp và dài dằng dặc do ông thầy cúng đưa ra, và phải gặp Huệ.

Hình như để an ủi cho ông thầy cúng (không được Nhạc giao tổ chức lễ tiếp ấn) trại chủ đã ủy nhiệm cho ông đứng ra thay mặt nhà trai lo liệu tất cả nghi thức lễ lạc của đám cưới. Chỉ sung sướng ra mặt vì sự tín nhiệm lý thú này. Lâu nay Chỉ vẫn có ác cảm với thầy giáo. Nay được tự tay xếp đặt chuyện cưới xin ngay trong nhà đối thủ, tự bày vẽ cách thức cúng bái cho đối thủ và con gái tuân hành, có khác nào được đi săn ngay trên đất cấm. Có lẽ vì thế mà Chỉ đã bày vẽ quá mức đòi hỏi. An và Lợi quì đến ê cả đầu gối, lạy hết bàn thờ này đến bàn thờ khác, dâng rượu và lạy tạ gần như khắp mọi người có tuổi.

Cuộc gặp gỡ Huệ trong tiệc cưới cũng tạo ra những xúc động mạnh mẽ trong tâm hồn An. Cô sợ nhất là gặp Huệ, cô sợ bị Huệ nhìn với đôi mắt khinh bỉ, thù ghét. An tưởng tượng những gì Huệ sẽ nghĩ về mình, nên trước khi phải gặp Huệ, cô đã cố tập trung tất cả những định kiến, hiềm nghi, ngộ nhận tai hại nhất về Huệ để làm tấm khiên chống đỡ. Cô nhắc đi nhắc lại mãi cho nhập tâm: Anh ấy xem thường ta nghèo, anh ấy lạnh nhạt với ta. Từ trước đến nay anh ấy chưa bao giờ nhớ tưởng đến ta. Vậy thì việc gì mà ta sợ gặp anh ấy. Mà giả sử anh ấy có yêu thương ta thực nhưng bị trại chủ ngăn cản không dám cùng ta nên vợ chồng, thì anh ấy chỉ là con người tầm thường, con người hèn nhát. Ta càng phải trang điểm thật đẹp để anh ấy phải tiếc nuối, hối hận. Chính ý nghĩ phải làm cho Huệ tiếc nuối là liều thuốc an thần giúp An giữ được khá đủ bình tĩnh khi bước vào tiệc cưới. Thiên hạ trầm trồ khen An đẹp, An sung sướng, và nhìn về phía Huệ xem đôi mắt ấy có biểu lộ sự khâm phục, và sự tiếc nuối hay chưa. Lúc đó Huệ quay mặt về phía cổng Chính nên An không nhìn được gì. Cô tiến gần, tiến gần Huệ hơn. Cô đã có thể nhìn sâu vào mắt Huệ. Lúc anh đưa tay nhận chung rượu từ tay An, và bàn tay run run chạm nhẹ vào ngón tay út của An, cô đọc thấy trong ánh mắt ấy không phải sự khâm phục, cũng không phải sự hối hận nuối tiếc, mà là sự thương xót

ái ngại, sự tuyệt vọng đến bi phẫn. An lạnh cả người, bàng hoàng tự hỏi: "Thế là thế nào?" Đôi mắt ấy, vẻ mặt ấy, bàn tay run run ấy, lời nói ấy, tất cả không có chút kiêu ngạo hờ hững nào, Huệ giấu được tình cảm với ai khác, nhưng không thể giấu được An. Cô suýt bật khóc vì xúc động. Khi giọt nước mắt đọng trên khóe và chực lăn xuống má, cô phải tránh nhìn về phía mọi người, giả vờ đưa tay lên gạt mồ hôi trán để che giấu sự đau đớn. Cơ bão ấy qua đi, để lại những dư ba bùi ngùi. Lòng An bồn thần, hoang mang.

Trở về phòng tân hôn, An bải hoải, chán nản như vừa chạy qua khỏi một vùng tha ma đầy bóng tối. Hai vai An mỏi rần, người hâm hấp sốt. Mỗi lần bước đi bấp chân nhức nhối. Và điều bất ngờ nhất, là An bị ra kinh nguyệt sớm hơn thường lệ.

*

* *

Lợi bước nhẹ vào phòng với nụ cười nửa bên lên nửa lém lỉnh. Mặt anh còn đỏ rần vì bị bạn bè ép rượu không thể từ chối được. Anh nhìn An, thấy vợ ngồi ở mép giường, tay mân mê mép chiếu hoa, mặt cúi xuống như ngượng nghịu. Lợi khép nhẹ cửa phòng lại. Cánh cửa xoay êm, nhưng lúc ập vào khuôn gỗ, lại kêu một tiếng két khá lớn. Lợi hơi lo người ngoài biết dụng ý của mình, dùng hai tay nâng cánh cửa lên một chút để dễ cài then hơn. Xong đâu đó, Lợi bước nhẹ về phía vợ. An vẫn không ngước đầu lên. Lợi tưởng An giận, cười nhỏ rồi bảo chữa:

- Tụi nó ép quá, anh không thể từ chối được. Nhưng anh cũng có cách riêng để khỏi phải gục tại chỗ. Anh giả vờ đưa cao ly rượu nốc cạn, thực sự là đổ hắt ra phía sau. Tụi nó say, đèn lại mờ, nên không nhận ra anh ăn gian. Ủa, sao em chưa thay áo?

An hiểu cái lúc mình lo lắng nhất đã đến, lúng túng đưa tay lên hàng cúc áo để giữ chặt lại. Lợi tưởng vợ vâng lời mình, hấp tấp hỏi:

- Em muốn thay cái áo nào? Cái áo lụa nhé? Hay là cái áo nhiều vàng?

An ngước lên nhìn Lợi, hơi chạnh lòng thương hại chồng vì vẻ sốt sắng của anh. An lễ phép đáp:

- Cảm ơn anh. Em tự đi thay lấy cũng được.

Lợi rụt rè đề nghị:

- Nhưng anh thích em mặc cái áo nhiều vàng. Để anh đi khép cửa sổ bắc lại. Khiếp, đêm nay gió lạnh quá.

An bước về phía sau tấm màn thay quần áo. Sự hồi hộp lo sợ khiến mồ hôi cô vã ra ướt đầm cái yếm trắng. Điều cô lo sợ nhất là mỗi lúc kinh nguyệt ra càng nhiều hơn. Bên ngoài tấm màn, Lợi đang đóng lại hai cánh cửa sổ. An cảm thấy nhớp nháp khó chịu, nhưng không dám xuống phía bếp để rửa ráy, vì ngại ngùng. Cô lo sợ liếc ra phía ngoài, thấy Lợi đi đi lại lại giữa khoảng cửa sổ và cửa lớn, như đang nôn nao chờ đợi điều gì. An lau qua thân thể, rồi mặc cái quần đen và cái áo nhiều vàng như Lợi dặn. Cô vừa bước ra khỏi màn thì Lợi đã hấp tấp bước nhanh đến ôm chầm lấy An, siết thân thể mềm yếu của vợ trong hai cánh tay. Lợi áp má lên tóc An, rồi áp mũi hít say sữa hương tóc. An trân người vì sượng sùng và vì sợ hãi. Cô hoang mang không biết phải làm gì để gỡ hai cánh tay tham lam của chồng. Mà quả thực Lợi quá tham lam. Hình như anh chưa dám tin An đã thực sự thuộc về mình, vẫn còn tưởng tất cả chỉ là mơ ước,

người con gái hiện đang thu người khép nép trong lòng mình còn là một ảo ảnh. Cho nên Lợi dùng bàn tay phải mân mê, sờ soạng khắp mặt mũi, thân thể vợ, làn da mịn màng, hương thơm ấm áp, cái cổ tròn, đôi vú nhỏ và mềm, trái tim đập gấp, đôi tai xinh xắn nép sau làn tóc mượt, hơi thở dồn dập, và cả đến mùi mồ hôi toát ra từ nách áo, anh muốn căn cứ vào tất cả những thực hữu cụ thể ấy để trọn vẹn tận hưởng niềm hạnh diện. Lợi vừa áp mặt vào ngực, vào nách vợ vừa lẩm bầm như người say:

- Em là của anh. Từ nay em là của anh. Có thực sự như vậy không An. Em đã là của anh phải không? Trời ơi. Anh sung sướng quá. Em đã là vợ anh. Tất cả tấm thân này là của anh sao?

An muốn ngộp thở vì sợ hãi, không nói được lời nào. Cả người cô tê dại, một thứ cảm giác xa lạ lan ra khắp người An, nhất là lúc Lợi áp mặt vào ngực cô - An cũng không biết Lợi đã tháo hàng cúc chiếc áo nhiều vàng từ lúc nào. Lúc lấy được đôi chút ý thức, An mới nhận ra hoàn cảnh đáng bẽ bàng của mình. Chiếc áo nhiều đã rơi xuống đất, trên thân thể An chỉ còn cái quần đen và chiếc yếm trắng. Da thịt An lộ lộ từ khuôn mặt phấn sáp, chiếc cổ cao, đôi vú nhỏ, và phần trên của bụng. Lợi vẫn ôm riết lấy An, mặt dụi vào cặp vú trần. Mỗi lần Lợi chạm vào đầu vú, An lại thấy buốt ở ngực, rồi cảm giác như buốt dần dần tan loãng ra, thành một niềm tê dại, thành một khoái cảm lẫn tẩn truyền từ chân tóc đến mấy đầu ngón chân. Mắt An nhắm lại, như sợ thấy tất cả những gì đang diễn ra. Sợ thấy mình say dại, trơ trẽn trước ánh đèn!

Lợi dìu An đến chỗ giường, hai tay vẫn mơn man khắp phần trên của thân thể vợ. An sợ hãi không biết điều gì sẽ xảy ra nữa. Thấy Lợi đưa tay lần giải lưng quần. An chợt nhớ đến những lời chửi rủa tục tĩu giữa những người vợ lính. Cô hoang mang tự hỏi: Hóa ra tất cả những điều ghê gớm ấy đều có thực hay sao? Vợ chồng nào rồi cũng phải bắt buộc ân ái với nhau như vậy, giao hợp với nhau chẳng khác nào tất cả giống đực và giống cái trên đời giao hợp để sinh đẻ, truyền giống mà tồn tại. Cùng với sự sợ hãi, An cảm thấy thân thể mình nhộp nháp hơn. Cô nắm lấy bàn tay Lợi. Lợi khựng lại, ngơ ngác hỏi:

- Em sợ đèn sáng hả?

An vừa thở vừa nói:

- Đừng anh! Em sợ lắm.

Lợi cố cười gượng, bảo vợ:

- Có gì mà sợ. Vợ chồng ai cũng phải thế cả!

An nhất định nắm lấy tay Lợi, giọng van nài:

- Để hôm khác đi anh. Hôm nay em không được khỏe.

Lợi nhất định không tin lời An, bảo vợ:

- Em, đừng nói dại. Đêm nay là đêm hợp cần mà!

An vội nói mau:

- Nhưng em có kinh.

Lợi giật mình khựng lại, đăm đăm nhìn An. An giận đến run cả người vì cái nhìn hoài nghi ấy. An gắt gỏng hỏi:

- Anh không tin em ư?

Đôi tay Lợi dần dần nới lỏng. Giọng Lợi có vẻ thất vọng, chán nản, Lợi nói:

- Không. Anh tin em chứ. Khiếp. Sao anh cảm thấy ngột quá. Ta mở cửa cho thoáng khí một chút nhé.

Lợi không chờ An bằng lòng, tiến về phía cửa sổ. An phải vội vợ chiếc áo nhiều khoác lên người.

Trong sự thay đổi của Lợi, An cảm thấy có gì hơi tàn bạo và thô lỗ. An chưa dám tin ở cảm tưởng ấy, vì từ trước đến sau, lời lẽ của chồng vẫn ôn tồn nhã nhặn. Tuy thế, An vẫn cảm thấy có một vết thương nào đó trên tình vợ chồng, vết thương nhỏ và kín đáo như một vết rạn. Đêm đó, đêm tân hôn, hai vợ chồng nằm xoay lưng vào nhau, và cũng thao thức chờ gà mau gáy sáng.

*

* *

Liên tiếp mấy hôm sau An được dịp chứng kiến khả năng thích ứng nhạy bén của chồng để hòa nhịp với cuộc sống bình thường. Đối với người khác, làm điều gì không đúng với sự thực tự nhiên người ta dễ ngượng ngịu, vấp vấp, ăn nói ú ớ, bào chữa vụng về. Nhưng với Lợi thì sự thực chính là điều phải làm. Anh hết sức tự nhiên khi đỏ mặt lúng túng trước các lời bông đùa của bạn bè. Người thì bảo:

- Trông cặp mắt mắt ngủ của nó kìa. Phải điều độ nghe bạn!

Người thì bảo:

- Sao mới có mấy hôm mà nó gầy xẹp thế.

Lợi không cãi chính, còn cố ý khiến bạn bè hiểu lầm rằng mình đã quá say duyên mới quên cả giữ gìn sức khỏe. Được dịp cho mọi người cười hô hố, và lúc nào cũng vậy, Lợi cười dòn hơn, to hơn các bạn.

Khi chỉ còn hai vợ chồng, thì Lợi cư xử khác hẳn. Anh cau có, cáu gắt. An không biết phải nói gì để Lợi hiểu rằng biểu lộ sự cau có trong trường hợp như vậy là thiếu tế nhị. An tin rằng Lợi không có kiên nhẫn để suy nghĩ cho thấu những ràng buộc phức tạp ấy. Vì thế, An nuối tiếc, rồi lại hối hận vì đã nuối tiếc.

Cuộc sống chung với một người đàn ông, chia sẻ với nhau những điều vụn vặt, tầm thường, và riêng tư, cuộc sống đó mới đầu không khỏi có những vấp vấp, bất tiện. An không quen ngủ chung giường với người khác. Không quen nghe tiếng ngáy, và đôi khi tiếng ú ớ mê sảng giữa đêm khuya. Không quen để cho người nào choàng tay lên ngực mình, gác chân lên vế mình. Những va chạm, ràng buộc mới mẻ ấy, An cảm thấy khó chịu, mà không thể nào tránh được.

Liên tiếp mấy đêm cô không chợp mắt, hết trăn trở lại nằm yên đếm thầm để dễ giấc ngủ. Lợi vô tâm hơn, sau đêm tân hôn thất vọng, bắt đầu sang đêm thứ hai hể đặt lưng xuống chiếu là ngáy. An tò mò nhìn chồng ngủ, ngắm kỹ cái trán hẹp, đôi mắt sâu, cái mũi thanh, đôi môi mỏng, khuôn mặt xương xương, mái tóc thưa và dài: phải công nhận chồng không đến nỗi xấu trai. Ngược lại là khác. Đôi lúc An đưa tay vuốt nhẹ lên má Lợi lúc Lợi ngủ say, An cảm thấy da mặt chồng hơi ướt mồ hôi dầu. Những điều cụ thể ấy thuộc thành phần của tình vợ chồng, cũng như những bất tiện An phải làm quen mấy hôm nay. An tự nhủ mọi sự rồi sẽ quen đi, như mọi người đã quen. Kể cả làm quen với sự thất vọng và nỗi xót xa.

Phải chờ đến đêm hai vợ chồng thực sự giao hợp với nhau An mới hiểu hết ý nghĩa của cuộc sống mới. Sự vô vập tham lam của Lợi khiến An sửng sờ. Cô dọn mình chờ đợi điều ấy xảy ra, nhưng khi nó đến, cô sửng sờ kinh ngạc. Như vậy là "ân ái", "gối chăn" đấy ư? Sự đau đớn đến tận cùng thân xác, nỗi khó khăn của cả hai vợ chồng để hoàn tất một hành động gần như thô bỉ, cuồng bạo, để rồi cuối cùng, cả

hai nhể nhại mờ hôi và rời rã chân tay, chán nản nhìn nhau như hai chiếc lá úa, tất cả những cái đó là tình vợ chồng đấy ư? Là niềm mơ ước của tất cả các thiếu nữ, là ý nguyện của tất cả trai tráng hiền lành lãng mạn, là điều bậc cha mẹ muốn con gái con trai nên vợ nên chồng trước khi yên tâm nhắm mắt đấy ư? An thao thức suy nghĩ mãi, trong khi Lợi nằm xoắn chân tay ra ngủ, nét mặt thỏa mãn. Vết buốt vẫn còn đó trên thân thể An, và sự xót xa trong tâm hồn vẫn còn đó. An không thể hiểu được loài người, khi so sánh niềm e ấp hân hoan của tình yêu và cảm giác đau buốt nhớp nháp của cuộc ân ái. Tình yêu nào cũng phải trả giá ấy sao? Hay đó là cái giá trả trước để được vinh dự làm mẹ? Tại sao không ai nói trước cho ta biết những cảnh huống này, để một mình ta lần mò, dò dẫm, quờ quạng đi tìm sự thực? Bao nhiêu câu hỏi hiện ra trong đầu An. Lợi vẫn ngủ say. Ngọn đèn dầu leo lét gần cái kệ gỗ. An đối diện với đêm dài và niềm khắc khoải. Những đêm tân hôn của An chậm chạp trôi qua, trong nỗi thao thức, nỗi xót xa, trong mớ bòng bong của những câu hỏi không có giải đáp.

Phải chờ khá lâu, khoảng mười hôm sau ngày cưới, khi An bắt đầu cảm được những khoái lạc của chăn gối, cô mới dần dần ý thức rằng: không có nỗi đau nào không có đền bù, và không có hạnh phúc nào không phải trả giá. Dần dần An cũng quen đi, và hòa nhịp trở lại với cuộc sống đều đặn quanh mình.

*

* *

Khi qua khỏi được cơn khủng hoảng của đời sống vợ chồng, An mới thấy rõ trạng thái tâm hồn của cha. Ông giáo bứt rứt đứng ngồi không yên, gần như đánh mất hẳn sự trầm tĩnh cổ hữu. Những ngày chuẩn bị đám cưới con gái và tiếp sứ giả nhà Trịnh đã khiến ông lầm tưởng rằng mình lại được tin cần, ân cần mời chào ở khắp nơi, không còn bị cô lập như trước nữa. Ông giáo đã lầm lẫn tai hại!

Sau khi sứ bộ ra về, và hai người lính đến gỡ hai cái lồng đèn loan phượng đem nhập kho, ông giáo mở cửa chờ mãi không thấy ai lui tới. Chờ khách không được, ông mặc áo đội khăn đến thăm viếng bạn bè. Cách tiếp đãi lạnh lẽo, những câu nói nhát gừng, cùng vẻ mặt láo liên e dè của chủ nhà chẳng khác nào gáo nước lạnh dội lên sự hăm hở nhiệt tình của ông. Chưa tin ở cảm giác bề bồng ban đầu, ông đi thăm thêm vài người nữa. Đâu đâu ông cũng gặp những khuôn mặt sợ sệt lấm lét ấy. Ông bắt đầu hiểu. Giận quá, ông tìm đến Bùi Văn Nhật. Nhật nại cố bận việc cho lính ra bảo mình chưa có thì giờ tiếp chuyện thầy giáo được. Ông thui thủi ra về, lòng ngao ngán nào nề!

Ông giáo không chịu ngồi yên. Ông dò la tìm hiểu nguyên do sự lạnh nhạt của mọi người đối với ông. Dĩ nhiên ông chỉ nghe được những tin đồn, hoặc những lời thiên hạ xôn xao bàn tán ở các quán rượu, góc chợ, bến đò. Ông nghe tin quân Trịnh đã bắt đầu triệt thoái khỏi Châu Ỗ, và rút về đóng ở dinh Chàm. Rồi ngay đạo quân lâu nay vẫn trấn giữ Quảng Nam cũng rút bớt về Thuận Hóa. Ông đoán; "Phải rồi. Nay áp lực ở phía bắc không còn nữa, Tây Sơn sẽ dồn tất cả lực lượng tấn công vào nam. Trong cuộc cờ mới, Nhạc đã dứt khoát tuyệt tình với nhà Nguyễn. Đông cung hết bị quản thúc ở An Thái, lại bị đưa đi Hà Liêu, rồi Bồng Giang. Thọ Hương xin theo chồng cho đủ nghĩa nhưng Nhạc cương quyết không cho. Nếu ông cả chưa giết đi, chỉ vì chưa thấy cần. Cái gai trước mắt chính là Gia Định. Không chóng thì chầy, thế nào Huệ cũng đưa quân vượt đèo Cả để vào chiếm Bình Khang, hoặc bằng đường thủy tấn công thẳng vào Gia Định.

Mọi sự không thể khác được, nên rõ ràng ta không còn chỗ đứng nào ở cái phủ này. Trời ơi! Ta lầm lẫn, nhẹ dạ quá chừng. Ta cứ tưởng mọi sự đã thay đổi!"

Cách suy đoán ấy dù sao cũng an ủi được ông giáo. Ông hết ngạc nhiên về thái độ của mọi người. Cả đến tin buồn ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống gia đình ông là Lợi đã bị huyền chức, không được trông coi quân lương như trước, cũng không khiến ông ngạc nhiên. Ông nghĩ điều đó tất nhiên phải đến, cũng như không trước thì sau, toàn thể lực lượng Tây Sơn sẽ đổ vào Phú Yên để đánh tan vành đai phòng ngự của Tổng Phúc Hợp ở hòn Khôi. Về điểm này, ông giáo đoán sai! Khoảng tháng Chín, ông thấy lác đác có những toán quân nhỏ rút khỏi Phú Yên trở ra bắc. Càng về sau, số quân di chuyển ấy càng nhiều, và trông cách ăn mặc, đi đứng, tổ chức đội ngũ, ông ngờ ngợ nghĩ rằng các toán quân đó phải rút lui trong hỗn loạn và bất ngờ. Rồi thêm các lời thì thào truyền miệng ở góc phố đầu chợ rằng đạo quân của Lý Tài ở Phú Yên đã làm phản, trở mặt liên kết với Tổng Phúc Hợp.

Ông giáo lạnh toát mồ hôi vì sợ hãi. Nếu tin này đúng sự thực, thì một lần nữa ông bị liên lụy. Con trai ông đi theo Lý Tài, và ông biết tính tình Chinh hơn ai hết, chắc chắn Chinh sẽ chọn con đường phản trắc đầy phiêu lưu hơn là trở lại nương nấu dưới mái gia đình.

Ông giáo chưa kịp đi xác minh hư thực thì Bùi Văn Nhật đã cho lính đến mời ông lên gặp. Hai tên lính có mang giáo cần dặn kỹ là gặp ông Nhật, chứ không phải gặp ông Nhạc, trại chủ.

Nhật hăm hăm nhìn ông giáo tiến vào phòng như nhìn một kẻ thù chưa từng quen biết. Anh ta bắt đầu ra hiệu cho ông giáo ngồi trước bàn mình, rồi hỏi ngay:

- Ông đã nhận được tin mừng chưa?

Ông giáo ngơ ngác hỏi lại:

- Tin mừng gì hở anh?

Nhật dần từng tiếng:

- Tin quân ngũ dinh của ông đã lấy lại được toàn phủ Phú Yên mà không tổn một mũi tên chứ tin gì!

Ông giáo nổi giận, gay gắt bảo:

- Anh phải ăn nói lễ độ và đàng hoàng với người lớn tuổi. Tại sao anh bảo: "quân ngũ dinh của tôi"?

Nhật cười nhạt không có chút bối rối nào, đáp lại:

- Không của thầy giáo thì của ai? Vì cậu con trai yêu quý của thầy giáo đã đầu hàng quân ngũ dinh rồi. Chẳng lẽ thầy chưa biết gì cả!

Ông giáo chột dạ, thành thực đáp:

- Tôi chưa hay tin đó. Có chắc chắn không?

Nhật tức giận nói:

- Không chắc ư? Cả bọn Lý tài ở Phú Yên liên lạc với Tổng Phúc Hợp để xin dâng trọn cả phủ cho hẳn, trong bọn tất nhiên có con trai ông giáo. Công lao khó nhọc của Tiên phong Tướng quân một sớm một chiều bị bọn phản trắc đổ cả xuống biển. Chiếm được Phú Yên rồi lại mất Phú Yên. Nghĩ giận quá! Lần trước thầy đề nghị Nguyễn Phúc Chất đi, Chất trốn. Lần này con thầy đi, con thầy trốn. Sao có sự trùng hợp lạ lùng vậy? Thầy giáo giải thích được không?

Ông giáo nói chậm và lớn tiếng:

- Tôi không cần giải thích với anh.

Nhật quát to:

- Thầy phải giải thích với tôi. Với tôi, thầy nghe rõ chưa? Trại chủ không có thì giờ tiếp thầy, đã ra lệnh cho tôi gọi thầy lên để buộc thầy giải thích cho rõ. Đây là lệnh, không phải là lời cầu khẩn, van xin.

Ông giáo đành mặt lại, đáp gọn:

- Nếu thế thì được. Ông cứ hỏi.

Nhật ngồi ngay ngắn trên ghế, dăm dăm nhìn ông giáo thật lâu mới hỏi câu đầu:

- Tháng nay thầy có viết thư cho tên Chinh không?

- Không.

- Tên Chinh có viết thư về nhà không?

- Không.

- Trước khi vào phủ Phú Yên với Lý Tài, tên Chinh có bàn luận điều gì với thầy không?

- Không.

Nhật tức giận nói:

- Vô lý quá. Sau một trận đánh thập tử nhất sinh, đứa con trở về nhà gặp cha. Rồi trước khi vào trận nguy hiểm khác, đứa con không nói năng, thổ lộ, tâm sự gì với cha cả. Nếu ở vào địa vị tôi, thầy có tin ba chữ KHÔNG ấy không?

Ông giáo dùng giọng thách đố liều lĩnh đáp:

- Tin được chứ! Và nếu tôi ngồi vào chỗ của anh, tôi sẽ tùy người mà đặt câu hỏi.

Nhật đỏ mặt vì giận, nhưng trấn tĩnh được ngay. Anh cười nhẹ một tiếng, rồi nói:

- Thôi được. Có lẽ tôi vụng về thật. Tôi có hỏi thầy cũng bằng thừa, vì nhất định thầy không chịu nói.

Tính tôi thích nói thẳng cho đơn giản gọn ghẽ. Chúng tôi không còn tin ở thầy nữa. Thầy trở thành người đáng nghi. Tôi nghĩ thái độ mọi người đối với thầy gần đây đã đủ cho thầy hiểu điều đó. Mọi người ai cũng lo bảo toàn thân mình, gia đình mình, không muốn liên lụy đến kẻ đáng ngờ. Thầy càng ở đây càng không có lợi. Tốt hơn hết, thầy nên đem gia đình về lại An Thái, chú Bốn Chiêu sẽ lo tìm nhà cho thầy ở. Càng sớm càng hay cho thầy!

Ông giáo mím môi suy nghĩ, thấy không còn gì để nói nữa. Tất cả đã được quyết định. Ông hỏi Nhật:

- Tôi về được chưa?

Nhật thoải mái hơn vì nghĩ là làm xong một việc phức tạp và khó khăn, tươi cười nói:

- Được. Thầy có thể về. Tôi mong thầy không giận tôi, vì tôi chỉ là người chấp hành lệnh. Chừng nào thầy đi xin báo cho tôi biết, để tôi giúp đỡ phương tiện vận chuyển cho. Gửi lời thăm hai vợ chồng An Lợi, thầy nhé! Gớm, hôm đám cưới linh đình thật. Tôi say một bữa chưa từng có trên đời!

*

* *

Ông giáo chờ bữa cơm tối có đầy đủ con gái và con rể mới báo tin gia đình bị cưỡng bách cư trú.

Lúc đó họ đang ăn cơm dưới ánh đèn dầu lạc. Ông nói gọn và đột ngột quá, An chưa hiểu tầm quan trọng của vấn đề, hỏi lại:

- Cha bảo gì ạ?

Ông giáo nói thật chậm, thật rõ lần nữa:

- Bùi Văn Nhật vừa gọi cha lên, bảo phải đem gia đình về An Thái càng sớm càng tốt.

An trở mắt nhìn cha, hỏi:

- Chuyện đó có thật sao? Anh ta có quyền gì ra cái lệnh ngu xuẩn như vậy?

Ông giáo giải thích cặn kẽ hơn:

- Không phải anh ta ra lệnh mà chính trại chủ bảo anh ta ra lệnh. Vì sao ư? Vì thằng Chinh đã theo Lý Tài, và Lý Tài đã đầu hàng Tổng Phức Hợp.

An hãi hùng không nuốt nổi miếng cơm đang nhai dở. Cô há hốc nhìn cha, rồi lại nhìn chồng. Lợi lắc đầu, chán ngán nói:

- Con đã nghe phong thanh chuyện đó từ mấy hôm nay. Họ huyền chức con cũng vì vậy. Ông Nhật nghi gia đình này bàn tính chuyện phản trắc, lần lượt sẽ cho con cái trốn vào nam.

An tức quá cãi lại:

- Ai mà chẳng bị anh ta nghi! Anh ta nghi cả chính anh ta, không dám tự tin nữa! Cha nhớ không, mỗi lần muốn cười, muốn nói, muốn ngồi xuống hay đứng lên, anh ta phải liếc nhìn trại chủ rồi mới bắt chước. Một người như thế...

Ông giáo cắt lời An:

- Con không nên nói nhiều. Không có lợi đâu. Gia đình ta hiện ở trong cảnh ngộ khốn đốn, nguy hiểm hơn bao giờ hết. Các con tính thế nào?

An run run hỏi:

- Còn anh Kiên với em Lãng nữa, thưa cha. Có tin gì của Lãng không?

Lợi buồn rầu nói:

- Hồi chiều con gặp anh Kiên đi làm bên kho lương. Con còn nghe người ta đồn hình như lực lượng ở Cù Mông sẽ được điều ra Quảng Nam dẹp loạn ngoài đó. Nếu thật như vậy, thế nào nay mai họ cũng kéo qua đây.

Rồi giọng Lợi trở nên than van, hối tiếc:

- Tự nhiên đang vui vẻ bình yên thì tai họa ập tới. Nếu anh Chinh không mê theo lũ trộm cướp, rượu chè...

An giận dỗi cướp lời chồng:

- Anh đừng nói vậy. Không phải chỉ vì anh Chinh mà ông Nhật muốn hại gia đình ta đâu. Đây chỉ là cái cớ thôi!

Lợi cãi lại:

- Nhưng hôm đám cưới linh đình vui vẻ thế!

An nhìn Lợi, thương hại sự hời hợt của chồng. Nhưng An không dám nói hết những điều An nghĩ. Cô

mùi lòng, thương cha, thương mình, thương luôn cả anh chồng nông cạn. Ông giáo ái ngại nhìn An, rồi quay sang bảo Lợi:

- Ăn cơm xong, anh lại nhà thằng Kiên bảo nó qua đây tôi bàn tí việc.

Lợi đáp:

- Dạ. Hay con đi ngay bây giờ?

- Hãy ăn xong đã.

Lợi và vợ lưng bát cơm ăn dở, rồi thưa:

- Con no rồi. Mời cha xơi tiếp đi. Con chạy một chốc là về ngay. Em cho anh cây tăm!

An đứng dậy tìm tăm cho chồng. Lúc Lợi bước đến cửa nhà, đột nhiên An lo sợ, gọi lại hỏi:

- Anh Lợi. Đi bây giờ có tiện không?

Lợi cảm động vì đôi mắt lo âu của vợ, vuốt má An nói:

- Không việc gì đâu. Anh đi một chút, về liền.

Lòng An tự nhiên lâng lâng buồn. Lúc bưng mâm bát xuống nhà bếp, cô mùi lòng, bắt đầu thút thít khóc.

*

* *

Kiên ngần ngừ không muốn bỏ cái quán rượu đang đông khách để theo cha về An Thái, nên ông giáo quyết định chỉ về đó với vợ chồng An Lợi. Ông không còn tha thiết gì cái phủ Qui Nhơn này nữa. Bùi Văn Nhật bảo ông đi sớm chừng nào tốt chừng nấy. Ông sẽ đi sớm hơn Nhật tưởng. Trong thâm tâm, ông xem đó là một phản ứng can đảm cần thiết của người có liêm si. Ở lại thêm một ngày, Nhật lại tưởng ông đang tìm cách trì hoãn để chạy chọt, van nài, cầu khẩn được ở lại. Ông mà làm cái việc đáng hổ thẹn ấy ư? Không! Thà chết còn hơn hạ mình năn nỉ Nhật!

Ông thúc giục An và Lợi thu xếp hành lý thật nhanh để lên đường.

Không hiểu do nguồn gốc nào, cái tin gia đình ông giáo bị buộc phải rời khỏi phủ lan truyền mau chóng khắp nơi. Bình thường thì tin ấy dễ chìm trong không khí sôi động dồn dập biến cố của Qui Nhơn thời đó. Nhưng sở dĩ nhiều người bàn tán chuyện gia đình ông giáo, là vì họ vừa mới chứng kiến một lễ cưới linh đình rộn rịp với sự tham dự của đầy đủ nhân vật tai mắt. Sự thất thế mau chóng của ông giáo thật đáng bàn tán, nó giống như trò ảo thuật lật ngược lật sắp bàn tay. Các người quen biết cũ của gia đình ông dù muốn cũng chưa dám công khai đến an ủi, chia buồn. Chỉ có bọn con buôn và những bà nội trợ tham của rẻ là mạnh dạn xông đến. Họ biết căn nhà của ông giáo có một số đồ gỗ và đồ sứ khá đắt giá. Ông giáo phải đi vội, nên bán đồ bán tháo với giá hạ. Các bà nội trợ láng giềng thậm thò thậm thụt trước cửa để hỏi An, xin trước cái rổ chén bát, ống cắm đũa, mấy cái nồi niêu, cái chổi tàu cau...

Tự nhiên kẻ ra người vào tấp nập hẳn lên. An phải hứa bừa với các bà nội trợ để họ yên tâm ra về, tuy vậy lúc chia tay, họ vẫn ân cần căn dặn cho An khỏi quên.

Lợi lo việc thương lượng cò kè giá cả các loại bàn ghế và đồ gia dụng. Chủ nhà quen luyên với những đồ đạc quen thuộc thường đánh giá cao, trong khi người mua cây sự thất thế cấp bách của chủ nhà

lại trả giá quá thấp. Lợi quen việc mua bán mà suốt hai ngày chưa bán được thứ gì. Ông giáo đi ra đi vào đụng người, nhiều lúc đang nằm trên phản lơ mơ chờ giấc ngủ trưa phải bật dậy vào buồng trong để tránh một khách hàng đến mua cái phản gỗ. Ông thầm nhủ không thể chịu đựng được nữa cảnh sống quần bách kỳ quái này. Ông muốn bỏ hết lại cho thiên hạ, chỉ mang theo cái bọc vải đựng vài bộ quần áo, vài tập thơ và lương thực ăn đường như lần ông chạy nạn khỏi Thuận Hóa. Nhưng gia đình ông đã có thêm một người rể mới, và ông giáo phải để cho Lợi gánh vác một phần trách nhiệm.

Trong lúc gia cảnh bối rối như vậy thì Lãng về!

Cậu nôn nóng đến nỗi xin phép Huệ được mượn ngựa, bỏ đoàn đi sau để một mình về nhà, trong đầu sôi sục ý định nên thơ là tìm gặp chị để trách móc, nếu cần mắng nhiếc cho một trận. Cậu không thể chịu đựng được "sự phản bội". Phải, cậu quan niệm giữa mình, An và Huệ đã có với nhau một thứ mặc ước bất thành văn nào đó, mặc ước sẽ suốt đời trung thành với nhau, thương yêu đùm bọc lẫn nhau bằng một thứ tình yêu cao cả, siêu việt, thuần khiết, thơm như hương hoa và nhẹ như mây. Có thể mỗi người có một số phận riêng, một ý thích riêng. Lãng không thích mấy sự đam mê tham dự vào lịch sử của Huệ, cậu cũng không thích khuynh hướng thực tiễn khi suy xét đời sống của chị. Nhưng điểm chung của cả ba là khao khát được trung thực, căm ghét sự giả dối và mơ ước được sống một cuộc sống phong phú và cao khiết nhất. Cậu nghĩ như vậy, nên hãy tưởng tượng nỗi tuyệt vọng của Lãng khi được Huệ báo tin An đã lấy chồng. Mà lấy ai kia chứ? Lấy cái anh băng nhăng. Một trời u ám đổ sập lên hồn Lãng. Cậu không thể tin được. Người chị thân yêu của cậu, người chị từng mê thơ như cậu, từng say sưa bàn tính tương lai với cậu, từng sáng mắt khi cậu nhắc đến Huệ, có thể nào người chị ấy lại lầm lạc đến nỗi đột nhiên chộp áo một anh băng nhăng níu về làm chồng. Lãng nhất định không chịu hỏi Huệ thêm chi tiết nào nữa về vụ đám cưới. Cậu sợ sự thật. Cậu cũng ngại làm khổ Huệ.

Rồi những tin buồn cứ dồn dập đến. Tin Lý Tài phản trắc. Tin Chinh cũng bỏ theo Lý Tài đầu hàng Tống Phúc Hợp. Tin mấy người bạn trẻ của Lãng bị bọn phản bội giết đi vì không chịu về hòa với chúng... Sự trở mặt của Lý Tài đã làm rối loạn cái thế phòng thủ của đạo quân Cù Môn, nên Huệ lại phải nhọc công thanh lọc, củng cố, xếp đặt lại từ đầu. Phủ Phú Yên lại về tay kẻ thù, ứ nhất là mất cả phủ vì sự phản trắc từ bên trong chứ không phải sau một cuộc chiến đấu xứng đáng.

Lãng bồn chồn khổ sở như người ngồi trên lửa. Rõ ràng cậu đã, hoặc đang ở vào một khúc quanh tâm lý quan trọng, khúc quanh mà cậu đoán ở phía trước chưa ở tầm mắt, có nhiều đau xót, tuyệt vọng nào nề chờ đợi mình. Cái tuyệt vọng trước tiên là chuyện An lấy Lợi.

Con ngựa khỏe đưa Lãng về gần cửa thành, thì Lãng càng lo lắng. Cậu càng gần đến lúc phải chạm mặt với sự phũ phàng. Tại sao lại có thể như vậy được? Sao chị ấy lại chịu lấy hắn? Ai ép uống chị? Cho dù có ép uống, sao chị ấy lại bằng lòng? Còn cha ở đấy làm gì? Sao cha không lên tiếng?

Lãng xông xộc vào nhà trong lúc Lợi cò kè bớt một thêm hai với một bác buôn đồ gỗ. Ông giáo và An ở phía nhà sau, Lợi không ngờ có Lãng về, mà cũng không nhận ra Lãng, nên mau mắn hỏi:

- Anh định đến mua gì ạ?

Lãng cúi kinh đáp:

- Không mua gì cả. Cha tôi đâu rồi? Chị An đâu?

Lợi nhận ra Lãng. Anh ta hét to lên:

- Em ơi, có Lãng về. Cha ơi, Lãng về rồi. Sao em biết tin mà về hờ Lãng? Hay là người ta trả em về để cùng với gia đình...

Lãng chướng tai vì giọng thân mật của Lợi, hỏi cộc lốc:

- Chị tôi đâu?

Lợi không đủ tế nhị để đoán nổi bức dọc của Lãng, vẫn vui vẻ đáp:

- Chị An hả? Sắp ra thôi! Em ơi, có Lãng về kìa.

An chạy ra nhà trước, tay còn cầm cái khăn lau mặt. An chạy nhanh đến định nắm lấy hai tay em nhưng Lãng rút tay về, mắt hằm hằm nhìn An. An hiểu ngay tâm trạng Lãng. Tìm cô đau nhói, e dè liếc về phía Lợi. Thấy chồng lại tiếp tục nói chuyện với bác lái buôn, An kéo Lãng ra hiên trước, run run hỏi:

- Em mới về hờ Lãng? Ai cho em biết tin?

Lãng nói giữa kẽ răng:

- Chị còn hỏi như vậy được à? Chị lấy được tấm chồng, mời đủ trong nam ngoài bắc đến khoe, ai mà không biết?

An ngờ ngàng nhìn em, khi hiểu hết, cô vừa sung sướng vừa đau xót. Cô hiểu Lãng phản ánh được một phần tâm hồn Huệ, nên thì thào trước em:

- Lãng nữ đày nghiến chị nặng lời thế sao? Tội nghiệp chị mà em!

Lãng muốn bật khóc khi hỏi:

- Thế sao chị bằng lòng?

An lắc đầu chậm chậm, không thể trả lời em trong vài câu được. Cô đưa tay áo lên chùi nước mắt. Lãng tò mò nhìn kỹ khuôn mặt chị, sau đó nhìn khắp thân thể chị như muốn tìm những dấu tích dơ dáy xấu hổ. Cậu chỉ thấy đôi mắt chị buồn, và thân thể hơi dầy ra. An không muốn em khơi sâu chuyện cũ, hỏi Lãng:

- Gia đình mình bị bắt buộc phải rời đây ngay, em biết chưa?

Lãng giật mình hỏi:

- Chị nói gì? Ai bắt buộc?

- Còn ai nữa. Sau khi anh Chinh theo Lý Tài đầu hàng, Tiết chế Hiệp, gia đình mình bị ngờ là phản trắc. Họ cũng trả em về à? Thôi, như vậy gia đình đoàn tụ để dựa nhau mà sống cũng hay!

Lãng vội cải chính:

- Không, không em về đây với đoàn tùy tùng anh Huệ. Không biết anh ấy biết việc này chưa?

An bần khoản, nhưng cũng cố bi thảm hóa để đỡ thất vọng:

- Có lẽ trại chủ đã báo cho anh ấy biết trước rồi!

Lãng giận quá, cãi lại:

- Không thể như thế được. Em biết anh ấy không hay biết gì. Nhất định anh ấy chưa biết việc này.

Chị vào đi. Thừa giùm với cha là em quay trở lại tìm anh Huệ rồi về đây ngay. Vô lý lắm. Không thể như

thể được.

Không chờ An nói gì. Lãng hấp tấp chạy ra đường. Cậu quyết trở lại con đường cũ để gặp Huệ.

*

* *

Khi nghe An báo tin có lẽ Lãng sẽ dẫn Huệ đến thăm, cả ông giáo lẫn Lợi đều mừng rỡ. Nhất là ông giáo. Còn Lợi thì... cười mà như bị ép buộc, ngồi đứng thắc thỏm không yên. Lợi nói với An:

- Anh quên là có chút việc phải nói với người bạn. Em và cha ở nhà tiếp khách nhé!

An nhìn vẻ mặt Lợi, tự nhiên đâm thương hại chồng, An níu tay Lợi, bảo:

- Em muốn anh có mặt ở đây. Muốn hai vợ chồng ta ở đây.

Lợi gỡ tay vợ ra, bảo An:

- Không. Anh có chuyện gấp thật mà. Anh đi một chút về liền. Anh không nói dối đâu.

Ông giáo hiểu ý Lợi, không nói câu nào để giữ rề lại. Vì thế, khi Lãng và Huệ đến thăm, chỉ có hai cha con ông giáo ở nhà.

Bộ áo giáp Huệ mặc trên người bám đầy bụi bặm, mái tóc dày bù rối vì gió thổi. Gương mặt rám nắng, còn nhể nhại mồ hôi và giữ nguyên nét lo âu.

Vừa bước vào nhà thầy, Huệ đã lơ lảo nhìn quanh như muốn tìm ai. An e thẹn cúi mặt xuống không dám nhìn Huệ. Ông giáo hiểu ý học trò liền bảo:

- Anh ấy vừa có việc phải đi. Anh vừa về đã đến ngay đây sao?

Huệ yên tâm, vừa ngồi xuống mép phản trước mặt thầy vừa đáp nhỏ:

- Vâng ạ. Con gặp Lãng ở trước cửa thành.

Rồi quay sang phía Lãng, Huệ nói:

- Em trở ra bảo anh em liên lạc để xếp đặt chỗ ăn chỗ ngủ đêm nay cho đoàn. Không biết chừng mai ta lại đi sớm.

Lãng vâng lời bước ra cửa. Ông giáo vội hỏi:

- Anh về gấp thế kia à?

- Dạ. Bọn con cháu nhà Nguyễn ngoài Quảng Nam lại mưu toan nổi dậy. Có lẽ chúng thấy Việp Quận công đã rút quân về bên kia đèo Hải Vân, tưởng thời cơ đã tới rồi. Nghe đâu có nhiều nhóm lắm, mạnh nhất là nhóm Nguyễn Phúc Quyền và Nguyễn Phúc Xuân. Thầy và gia quyến lâu nay vẫn khỏe ạ?

An ngược lên nhìn Huệ, khi nghe Huệ dùng hai chữ "gia quyến" để tránh nói đến mình. Cô bắt gặp Huệ đang nhìn mình. Trong một thoáng ngẩn ngui, Huệ đọc được trong đôi mắt An nỗi hốt hải cầu khẩn. Ánh đèn chiếu nghiêng vào gương mặt An, đôi mắt loang loáng nước mắt như muốn báo cho Huệ biết An hết có thể chịu đựng nổi cuộc đời An nếu không có ai giúp đỡ. Huệ cảm thấy thương xót người bạn gái, tò mò nhìn kỹ khắp người An. Anh cũng thấy An hơi đẩy, như sức nặng của cuộc sống mới đè lên hai vai nên phần thân thể phải trầm xuống một chút, nở ra một chút để vững chân để mà chịu đựng. Anh cũng thoáng nghĩ đó là sự biến đổi nơi tất cả những người con gái vừa lấy chồng, nhưng ý nghĩ đó làm anh đau buốt, nên cố hết sức xua đi. Anh vội tiếp câu chuyện với thầy để trí khỏi nghĩ vớ vẩn. Huệ hỏi:

- Con nghe Lãng vừa cho biết ông Nhật...

Ông giáo vội đáp:

- Phải. Chúng tôi phải rời đây càng sớm càng tốt. Ông Nhật bảo đó là lệnh. Nguyên do chỉ vì thằng Chinh đã bỏ theo Lý Tài. Chuyện đó anh biết rồi.

Huệ nói:

- Vâng, con biết. Con biết rõ hơn cả ông Nhật.

Ông giáo chợt tìm ra một nguồn hy vọng. Ông hấp tấp hỏi:

- Anh làm ơn cho tôi biết đi. Nó có phải là một tên phản trắc nguy hiểm đến nỗi người ta nghi ngờ luôn cả gia đình không?

Huệ nhìn thầy giáo, rồi nhìn An. Hai người nhìn Huệ với ánh mắt cầu khẩn thông cảm. Anh không dám nhìn An lâu, vội nói với thầy:

- Không phải điều gì cũng đơn giản cả. Thầy yên tâm. Anh Chinh không phải là một người xấu. Chốc nữa con sẽ thuật hết mọi điều với anh con. Về việc ra đi, con tin anh con sẽ hiểu thầy. Chậm nhất là sáng mai con sẽ...

Ông giáo cắt lời Huệ:

- Nhưng mai anh đi rồi.

Huệ đáp:

- Có thể mai con với Lãng đi sớm. Cho nên mọi sự sẽ giải quyết ngay đêm nay. Con sẽ cố gắng.

Lòng An tràn ngập vui mừng. Đến lúc đó, không dẫn được nữa, An bật lên khóc. Huệ sợ phải chứng kiến cảnh người bạn gái khóc nức trước mặt mình, vội đứng dậy cúi chào thầy:

- Con xin phép lên phủ gặp anh con.

Và dùng tất cả cố gắng, Huệ mới nói tiếp được phần sau câu:

- ... Xin thầy và An đừng lo ngại thái quá. An, đừng khóc nữa!

Ông giáo không biết nói gì để cảm ơn học trò. Cổ họng ông nghẹn, ông chỉ biết cầm tay Huệ lắc nhẹ.

An thì ngồi yên chỗ cũ, cúi mặt tẩm tức khóc. Cô nghe tiếng chân Huệ bước ra cửa, nhịp mạnh và chậm. Cô khóc thật lâu, càng khóc càng thấy nỗi khổ lênh láng mênh mông thêm, thấy cuộc ly cách vĩnh viễn, trùng trùng.

An nghe tiếng ông giáo chúc Huệ khỏe và may mắn trong trận mới, gửi gắm Lãng cho Huệ. Nghe tiếng toán lính hộ vệ vâng dạ sau khi Huệ dặn dò họ gì đó với một giọng trầm khó nghe. Rồi tiếng gươm giáo chạm vào giáp sắt, tiếng lục lạc, tiếng ngựa hí. Toán tùy tùng này giờ vẫn chờ Huệ trước cửa nhà An đã theo chủ tướng lên ngựa, chạy về phía đóng bản doanh.

*

* *

Đúng như Huệ báo trước, sáng hôm sau, đạo quân của Huệ xuất quân ra phía bắc để dẹp loạn Nguyễn Phúc Quyền và Nguyễn Phúc Xuân. Tối hôm ấy, ba anh em Nhạc, Huệ, Lữ đã đóng cửa phòng tranh luận suốt đêm về đủ mọi vấn đề, trong đó có chuyện ông giáo. Với uy tín đang lên trước toàn thể

quân sĩ, cộng với sự am tường diễn biến vụ phản trắc Lý Tài và tấm nhiệt tình bệnh vực thầy cũ, Huệ đã thuyết phục được Nhạc. Anh chứng minh cho anh cả thấy vụ Lý Tài phản bội là khâu cuối của một đoạn thanh lọc đáng mừng, chứ chưa hẳn là một thất bại đau xót. Anh cũng nêu rõ: hơn lúc nào hết, không nên để cho họ Trịnh ở Thuận Hóa và họ Nguyễn ở bên kia Cù Mông tưởng rằng hàng ngũ lãnh đạo của Tây Sơn bắt đầu phân hóa. Trại chủ nghe em nói, lòng còn bất quyết. Đến khi Bùi Văn Nhật vào báo tin Nguyễn Khoa Kiên đã tự tử để khỏi phải ra Quảng Nam chống lại các toán nghĩa binh của hai vị tôn thất, Nhạc mới mạnh dạn quyết định.

Nhạc ra lệnh cho em xuất hành ngay sáng mai, và hứa xét lại trường hợp ông giáo. Dĩ nhiên hai anh em đều biết vai trò chính trị của ông giáo đã hết. Điều quan trọng là làm sao sau khi ông giáo rút lui, không có một tác hại nào cho vận mệnh chung. Nhạc suy nghĩ, và cuối cùng bằng lòng thu hồi lệnh trực xuất, tiếp tục cho Lợi làm việc với Lữ, nhưng toàn gia đình phải dời ra ở ngoài thành, trong khuôn viên cây cối rậm rạp u nhã của một tên duệ lại cũ từ thời Nguyễn Khắc Tuyên. Nhạc sẽ chu cấp để ông giáo đủ sống an nhàn, suốt tuổi già còn lại.

Giải pháp đó, Huệ thông báo cho Lãng để Lãng báo ngay cho ông giáo khuya hôm ấy. Lần đầu tiên trong đời ông giáo ôm chầm lấy Lãng mà khóc, như ôm lấy cái bóng của đứa học trò cũ. An cũng nắm lấy tay em, căn dặn giữ gìn sức khỏe khi vào trận mới. Lãng khá kinh ngạc khi nghe cái giọng âu yếm khác thường của chị. Quá khuya, không thấy Lợi về, Lãng hỏi An:

- Anh ấy đi cả đêm à?

An ngượng ngịu bảo em:

- Chắc anh ấy thấy ở lại bất tiện. Chắc anh ấy... anh ấy cũng nghĩ chỉ còn hy vọng vào sự can thiệp của... của...

An không dám nhắc đến Huệ trước mặt em. Lãng dăm dăm nhìn chị, một lần nữa cố xoi mói tìm những dấu vết biến đổi sau khi chị lấy chồng. Và một lần nữa, Lãng chỉ thấy chị hơi đầy, mắt buồn rầu cam chịu, ngoài ra không có gì khác. Lãng buồn ngủi ngủi, hỏi An:

- Hôm đám cưới chị có nhận được thư em không?

An ngạc nhiên hỏi:

- Thư nào?

Lãng vô ý đáp:

- Thư em gửi anh Huệ đem về cho chị mà. Nhưng... nhưng...

Lãng nhớ nội dung lá thư, không nói gì nữa. An cũng thẹn thùng liếc nhìn em. Lãng ngồi nói chuyện vắn vơ quanh co với chị một lúc nữa, rồi tạm biệt cha và An để về trại.

*

* *

Lịch sử ghi rằng tháng Ba năm Bính Thân (1776) Nhạc xưng vương, đặt Lữ làm Thiếu phó, Huệ làm Phụ chính, Nguyễn Thung làm Nguyên nhung, Diệm làm Sĩ sư, giáo Hiến làm Quân sư, Tân làm Lại bộ, Bạc làm Hộ bộ, Chi làm Lễ bộ, Vĩnh làm Binh bộ, Bùi Văn Nhật làm Hình bộ, Phạm Ngạn làm Nội hầu,

Bùi Đắc Tuyên làm Thái úy, Đặng Văn Châm làm Ngự úy, Diêu làm Điều khiển, Nghĩa làm Đốc vụ, Vân làm Tổng nhung, Uy làm Đô đốc, Chấn làm Chỉ huy, Đá, Tiếp, Hồng đều làm Đô úy (Chính biên liệt truyện, q.30, 14a).

Vai trò nòng cốt thực sự của vương triều mới kiểm soát suốt một dải đất rộng từ đèo Hải Vân đến đèo Cù Mông gồm có Tây Sơn vương Nguyễn Nhạc, Thiếu phó Nguyễn Lữ (với cánh tay phải là Lợi), Phụ chính Nguyễn Huệ, Bùi Văn Nhật, Chỉ, Năm Ngạn, Bùi Đắc Tuyên và Đặng Văn Châm.

Các chức vụ khác đều là chức hàm, như tấm sắc đốt trước mộ phần các liệt sĩ để thanh toán cho xong một món nợ ân nghĩa. Riêng chức quân sư của ông giáo thì giống như cái dấu mốc chấm hết một sinh mệnh chính trị. Từ đó về sau, sử sách không nhắc gì đến ông giáo nữa. Ông đã chịu dạt sang lề, thui thủi lặng lẽ dưới ngôi nhà lá mái nằm khuất sau vườn cây ăn quả rậm rạp ở Bằng Châu. Các con ông, học trò ông sẽ tiếp tục gặp các vinh nhục, rủi may, thiện ác, mà ông đã trải qua, mỗi đứa theo mỗi cách, như những nhánh sông sau khi tiếp được đầu nguồn, rẽ ra nhiều ngả, nhánh lặng lẽ róc rách, nhánh êm ả hiền hòa giữa hai bờ lúa rộng, nhánh cuồn cuộn gào thét qua bao thác ghềnh, nhánh uốn khúc quanh co nhưng thu được tất cả phù sa của các dòng bè bạn để mang nhập vào bể cả...

Nhưng những gì xảy ra sau năm Bính Thân đều ở ngoài tầm tay của thầy giáo Hiến, thuộc hẳn vào một cương vực khác, không khí khác, giai đoạn lịch sử khác: giai đoạn của những nhánh sông phân rẽ sau khi tiếp được cả phù sa lẫn xác lá mục của đầu nguồn.

Phần IV:

Phương Nam

Chương 38

Ngôi nhà dành cho ông giáo ở ngoài thành khá khang trang, chung quanh có vườn chuối rậm rạp mọc chen với những gốc mít, xoài, ổi mới cạo quá tầm người. Tên duyện lại chủ cũ của căn nhà, cũng là một người khá sành về mỹ thuật. Cứ trông cách xây cổng và bình phong, làm hàng rào bằng cây chè dấu vết cắt tỉa công phu hình quả cầu, hình răng cưa còn đó, cũng đủ biết chủ nhà đã tốn biết bao nhiêu công của để tạo dựng cơ ngơi ấy. Cửa lớn, cửa sổ, cột kèo, ván trần, đều làm bằng gỗ kiên chắc chắn. Nền đất nện chặt, hơi ẩm toát ra mát rượi. Phía sau nhà bếp có cái giếng đá ong nước tốt và một hồ cá xây bằng vôi. Tuy nhiên, cả gia đình chủ nhà đã lưu lạc không biết về đâu từ khi phủ Qui Nhơn bị mất năm 1773, nên cả nhà lẫn vườn chỉ còn có cái vỏ ngoài. Chuối bị đốn để nấu cháo heo. Đò đặc không còn thứ gì dùng được, cái bị khuôn đi cái bị đập phá. Suốt mấy năm vô chủ, căn nhà lá mái bắt đầu dột nát ấy đã trở thành chỗ trú ẩn của dơi, chuột, chồn, và lũ ăn trộm vặt. Cũng may các khuôn và cánh cửa chưa bị gỡ đi. Có lẽ khu này có nhiều nhà hoang và ngay phía đường cái cánh cổng độ vài trăm bước, có một trạm gác. Bọn tham lam hôi của không dám liều lĩnh khuôn cả những tấm ván cửa nặng, sợ sau đó phải đeo gông của lính phủ. Lợi, An và ông giáo phải quét dọn suốt nửa tháng mới dám đến ở. Lãng đã theo Huệ ra Quảng Nam dẹp loạn Nguyễn Phúc Xuân, Nguyễn Phúc Quyền. Nhật làm ngơ như không biết rằng trên đời này còn có một người tên là giáo Hiến. Ba người phải tự lo liệu lấy. An ngạc nhiên là trong lúc hoạn nạn, Lợi không có lấy một người bạn thân nào đến hỏi han, giúp đỡ.

Là người đàn ông mạnh mẽ duy nhất của gia đình, Lợi phải gánh vác mọi việc nặng nhọc. Làm một mình không nổi thì đi thuê. Mặt Lợi dầu dàu, nhưng do vô tâm nên tối đặt lưng xuống là ngủ, không than van, không hối tiếc. Đó là điểm đáng yêu đầu tiên An ghi nhận nơi cá tính của chồng.

Phần ông giáo thì nửa tháng bận rộn giúp ông quên được những đau đớn riêng. Ông có cái hăm hở của người vôi vữa gây dựng một cuộc đời mới sau thời gian bỏ phí thì giờ vào những chuyện không đâu. Ông giúp rề rà lại khu vườn đổ nát, vun các gốc cây ăn quả, sửa lại các hàng rào chè, chặt bớt các thân chuối đã xơ xác vì thối rữa hoặc mất phần đọt non trong các vụ trộm. Mái bắc bị dột nát nhiều chỗ, ông cùng với Lợi đi mua tranh dọi lại cẩn thận. Hai người cũng thuê thợ cạo lại cái giếng đá ong lâu ngày không dùng đầy rác rến, và ếch nhái. Công việc vất vả thật đấy, nhưng bù lại, họ có niềm vui tạo dựng, và niềm kiêu hãnh được tự tay làm lấy tất cả, bất chấp sự thờ ơ của nhân sinh.

Thỉnh thoảng Kiên có đến giúp cha, nhưng chỉ giúp được những việc lật vật. Kiên có quá ít thì giờ, từ chỗ bến tắm ngựa đến chỗ ông giáo lại quá xa. Thêm công việc bề bộn ở kho quân lương (Lữ bạn quá nhiều việc với chức Thiếu phó nên giao bớt công việc ở kho cho Kiên), và cái quán rượu đang đông khách của vợ! Dù sao chẳng nữa, qua nửa tháng, việc dọn nhà đã hoàn thành. An nhóm bếp lần đầu ở nhà mới, làm một mâm cơm có thịt, chả cá, lươn um và bún tàu xào gạch cua để cúng tân gia. Bữa cơm đầu tiên trong căn nhà mới diễn ra lặng lẽ, ông giáo, Kiên, An, Lợi cắm cúi ăn không ai nói với ai lời nào. Nếu

không có con Út (con viên cai cơ Kiên dẫn theo) lâu lâu bạo dạn lên tiếng đòi miếng chả hay cái bánh ít, người ngoài có thể tưởng đấy là bữa tiệc của những người câm.

*

* *

Điều dễ đoán là không có khách khứa nào đến thăm căn nhà mới của họ cả. Con chó Vện (Lợi xin về nuôi để phòng bọn trộm vặt quen thói cũ có thể lảng vảng vào vườn mỗi tối) rất có ít việc để làm. Buổi sáng ông giáo dậy muộn, nghe tiếng cánh cổng kẽo kẹt giữa tiếng lá chuối đập vào nhau xao xác, ông biết rế vừa đi làm. Trưa, Lợi ở lại kho vì nhà quá xa. Xế chiều, nghe tiếng chó hực, con chó chỉ hực một tiếng ngắn chứ không sủa vang, ông biết rế đi làm về. Ông chờ tiếng chó sủa báo hiệu khách đến như kẻ hoài nghi chờ điều thiện. Tuy vậy, ông vẫn chờ. Bọn bè cũ của ông đâu cả rồi? Lại thêm bọn bè của An, bọn bè của Lợi? Chẳng lẽ họ không biết ông đã dời nhà về đây? Từ phủ đến nhà ông, kể cũng xa xôi cách trở đấy! Nhưng tình người không thể đo bằng độ đường. Hễ họ muốn tìm thăm ông tất phải tìm ra. Có lúc ông ngờ con Vện khù khờ đã đánh mất khả năng đánh hơi người lạ. Nhưng đêm đêm nó vẫn sủa dọa lũ trẻ con chui vào vườn lật ối non mà! Không có cách biện hộ chữa nào nữa, ông phải chán ngán cho tình đời. Rồi ông vẫn đợi!

Một hôm chán cảnh nằm khoèo một chỗ nghe tiếng lá chuối xào xạc, ông giáo mặc áo đội khăn nhất quyết ra cổng. An ở phía trong nhà cài lại cái then gỗ rồi, ông vẫn chưa biết mình định đi đâu. Ông nghĩ: Hay ta đến thăm gia đình thằng Kiên!

Ông đi dọc theo bờ sông, dưới những vòm tre tối. Ông không có gì phải vội nên bước chậm. Lá tre trở mình dưới chân ông. Bụi đường không bốc lên sau bước ông. Ông đi theo con sông uốn khúc một lúc, mới biết mình đi ngược hướng về nhà Kiên. Ông lại nghĩ: Sao lại đến cái quán rượu nhớp nhúa ồn ào ấy? Giờ này Kiên đi làm chưa về. Mấy mẹ con đó có liên hệ máu mủ gì với ta đâu! Đến thăm họ, chẳng khác nào ta công nhận cuộc chung chạ trái đạo ấy. Vả lại, ta đến rồi đứng ngồi ở đâu? Ngồi chung với bọn mã phu quần áo bẩn thỉu sưng ướm nốc rượu để quên lạnh ư? Ta có điên không đây? Nghĩ vậy nên ông giáo không quay bước, tiếp tục lang thang dọc theo bờ sông tre phủ cho đến lúc gần tối.

Ông về tới cổng thì con vện sủa vang. Ông lên tiếng, nó vẫn sủa dăm dăng, đôi mắt hốt hải và đầy nghi ngại. An chạy ra mở cổng. Ông bảo:

- Con Vện nó lú lẫn mất rồi! Chẳng lẽ nó không nhận ra cha!

An đáp:

- Có lẽ nó tưởng ông khách trở lại cha ạ!

Tự nhiên ông giáo hồi hộp. Ông vội hỏi:

- Có khách à?

- Dạ.

- Ai thế?

An tránh đường cho cha vào, vừa gài then vừa đáp:

- Con cũng không biết nữa!

Ông giáo gật gù:

- Phải hỏi chứ!

- Con vừa trả lời cha đi khỏi, ông ta hỏi chừng nào cha về. Con bảo chắc cũng sắp về thôi. Ông ta suy nghĩ một lúc, rồi bảo sẽ trở lại. Nói xong, ông ta quay gót đi ngay. Con chưa kịp hỏi gì cả!

- Ông khách người thế nào?

An bối rối, do dự, rồi đáp liều:

- Dạ... dạ cũng đã lớn tuổi. Đầu đội khăn.

Ông giáo bức quá, nói:

- Ai mà chẳng đội khăn. Có phải người quen không? Đã đến nhà ta bao giờ chưa?

- Trời hơi tối nên con không nhìn rõ mặt. Vả lại ở nhà chỉ có mình con. Con không dám mở cổng, chỉ đứng bên trong hỏi với qua hàng rào gai thôi.

- Lợi nó chưa về à?

- Dạ chưa. Hồi sáng anh ấy báo trước sẽ về muộn.

- Hay là người quen cũ ở An Thái, hoặc ở Tây Sơn thượng?

An rụt rè đáp:

- Có lẽ thế.

- Lại "hình như" với "có lẽ". Cố nhớ lại xem! Ông ta có nói gì thêm không?

- Ông ta chỉ hỏi cha có nhà không. Nghe con đáp, ông ta thờ người suy nghĩ, lẩm bẩm: "Tiếc nhỉ. Ông giáo không có nhà, tiếc nhỉ".

- Sao lúc này con không kể câu đó?

An kinh ngạc ngược lên nhìn cha, hỏi:

- Câu ấy có quan trọng gì đâu hở cha!

- Không ai như mày! Ít ra phải tìm cách hỏi ông ta là ai, tìm cha có việc gì. Nếu không cũng phải nhìn kỹ xem ông ta già hay trẻ, gầy ốm, quen lạ thế nào chứ.

An bức dọc, chống chế:

- Nhưng ông ta hẹn trở lại, thưa cha!

Con Vện hực lên một tiếng, chạy nhanh ra cổng. An vui mừng nói:

- Đấy, ông ta trở lại đấy. Để con đi mở cổng.

Nhưng không phải ông khách. An và ông giáo quên rằng con chó Vện chỉ hực tức là Lợi về. Ông giáo thắc thỏm đợi khách cả đêm, cả ngày hôm sau. Hôm sau nữa, ông quên đi!

Nhưng vài hôm sau, đột nhiên ông giáo nghĩ:

- Người khách ấy là ai mà tìm ông vào giờ đó? Tìm có việc gì? Chắc chắn là việc quan trọng, vì nếu không, hơi đâu mất công lặn lội tới đây vào lúc chạng vạng tối. Mà đã quan trọng sao không chịu khó chờ ông. Hay tại con An vô lễ không chịu mở cổng, chỉ đứng bên trong nói với qua rào? Nhưng ông ta có hẹn trở lại ngay cơ mà? Sau khi quay bước, ông ta đổi ý chẳng? Ông ta gặp tai nạn gì chẳng? Nếu ta lang thang theo hướng kia, chắc chắn đã gặp ông ta giữa đường rồi. Ông ta sẽ vô cùng mừng rỡ khi nhận ra ta, sẽ báo

cho ta biết những điều quan trọng, sẽ van nài năn nỉ ta làm giúp cho ông việc này việc nọ. Không thể là những chuyện vụn vặt được! Nếu là chuyện vụn vặt như xin một câu đối, hỏi một câu sách nho, ông ta đã không có vẻ nôn nóng, luyến tiếc như An thuật lại. Biết đâu chuyện ông ta nhờ sẽ chuyển hướng cuộc đời ta, đánh dấu một khúc quan trọng đại như cuộc gặp gỡ định mệnh giữa ta và ông biện lại Vân Đồn. "Tiếc nhỉ! Ông giáo không có nhà. Tiếc nhỉ!". Ông ta nói đúng. Tiếc thật. Tại sao? Cơ trời xui khiến thế nào mà ông ta tìm đến đây đúng lúc ta vắng nhà? Tiếc thật!

Từ đó ông giáo rình nghe tiếng chó sủa. Con Vện nằm dài lười lỉnh bên cạnh cái chõng ông nằm, lâu lâu chỉ hực một tiếng báo hiệu hoặc Lợi đi làm về, hoặc An đi chợ về, hoặc Kiên đến thăm cha. Lâu lâu nó cũng có sủa vang đấy, nhưng chỉ để dọa lũ trẻ nít rần mắt chui qua hàng rào hái ổi, hoặc để tiếp những con chó hoang ghè lở cùng mình. Người khách lạ bí mật không bao giờ trở lại. Ông giáo cứ hồi hộp lóng tai chờ, chờ mãi, chờ hoài. Tất cả sinh lực của thân thể ông dồn hết cho đôi tai. Ông ít nói, ít cười, lâu lâu An nghe cha thở dài luyến tiếc cho một cơ hội nghìn năm một thuở đã mất. An sống với cha lâu ngày nên không để ý đến các dấu hiệu bất thường ấy. Mãi đến khi Lãng từ Quảng Nam trở về, An mới được em lưu ý các dấu hiệu khác thường trong hình sắc và tâm tính cha. An thấy em nhận xét đúng. Hai chị em ngùi ngùi thì thào với nhau rằng cha đã bắt đầu lẩm cẩm.

*

* *

Lãng cũng ghi nhận những biến đổi trên khuôn mặt và cử chỉ của chị, nhưng do sự dè dặt tế nhị thường có giữa một người em trai đối với người chị gái đã chia sẻ cuộc đời với một người đàn ông khác, Lãng không dám tâm sự thẳng thắn với An như trước kia nữa. Và lại, Lãng chưa xác định rõ ràng được chị biến đổi thế nào. Đó là chưa kể điều quan trọng này: anh hiểu các biến đổi ấy có nguyên do từ đời sống vợ chồng thâm kín, điều mà mỗi lần nghĩ tới, Lãng không khỏi xót xa vì ghen tức và luyến tiếc.

Lãng thấy chị buồn. Trong cuộc sống mới giữa một người cha bắt đầu lẩm cẩm và một người chồng cau có vì thất thế, chị Lãng vui sao được. Dĩ nhiên phải thế. Nhưng Lãng càng nhìn chị càng thấy An có vẻ gì khác hơn nỗi buồn rầu. An vẫn đẹp như trước khi lấy chồng. Vẫn mái tóc đen mượt, cái mũi thanh tú, đôi môi nhỏ và hồng, cái cổ trắng, cao. Nhưng rõ ràng trên khuôn mặt chị có vẻ gì buông thả vượt ngoài ý muốn của An, như chị đã không kiểm soát nổi cử chỉ và cách biểu lộ trên khuôn mặt mình. Da mặt An hơi sượng lại, mi mắt đầy, nhưng ánh mắt lúc nào cũng bừng sáng và long lanh khác thường. Trong đôi mắt ấy, đôi mắt thường xuyên ươn ướt như sắp khóc, có một thứ sinh lực nồng cháy, tha thiết và cuống quýt giống y sức mạnh huyền bí của mọi sinh vật ở thời kỳ tăng trưởng hay sinh nở.

Lãng mơ hồ đoán chị đang có mang, nhưng không bao giờ anh dám mở miệng hỏi chị. Anh đâm thương hại An, thương hại tràn trề pha lẫn nào tiếc nuối, nào xót xa, nào lo âu vu vơ. Anh cảm thấy chị cô đơn, và điều Lãng tuyệt vọng hơn hết, là không thể nào An chia sẻ niềm cô quạnh lẻ loi cho ai khác. Một mình An gánh chịu cuộc thử thách mới mẻ này, một mình An trăn trở giữa sợ hãi và hy vọng, giữa tiếc thương một giai đoạn vô tư của thời con gái và nao nức làm mẹ. Tất cả xao động phức tạp ấy của chị, Lãng đoán được, mà không diễn tả bằng lời được, chứ đừng nói đến chuyện tâm sự với An để chia bớt nỗi hiu

quanh bờ vờ của chị.

Lãng ái ngại cho An, nhiều hôm liếc nhìn khuôn mặt biến đổi, cử chỉ uể oải của chị, muốn hỏi lắm, nhưng không biết hỏi thế nào cho khỏi động chạm đến chuyện riêng tư giữa hai vợ chồng An Lợi. Cuối cùng Lãng hy vọng: dù sao An vẫn còn có chồng để chia sẻ nỗi lo âu thai nghén. Ý nghĩ khiến Lãng nhẹ bớt nỗi lo lắng, thương xót. Nhưng Lợi có hiểu chị như Lãng hiểu chị không? Lãng thắc mắc, không dám quả quyết chị mình đã tìm được hạnh phúc. Anh e dè hỏi An:

- Độ này em thấy anh Lợi có vẻ trầm ngâm hơn trước. Hình như anh ấy "chín" hơn. Có gia đình phải chịu trách nhiệm nhiều hơn ngoài công việc bên kho, anh ấy đổi khác. Phải thế không chị?

An nhìn em đăm đăm, muốn đo lường ý nghĩ của Lãng trước khi trả lời. An sợ trong câu hỏi của em vẫn còn ẩn dấu những thành kiến, ác cảm đối với chồng. Nhưng nét mặt thành khẩn của Lãng khiến An yên tâm. Chị đáp:

- Vâng, anh ấy có đổi khác. Cuộc đời gia đình chúng ta thay đổi nhiều quá, làm sao mỗi người giữ nguyên như trước được. Cả chị cũng vậy, mà em cũng vậy.

Lãng được dịp tốt liền hỏi An:

- Phải, chị thay đổi nhiều lắm, chị An ạ.

An buồn rầu nói:

- Chị xấu đi, phải không?

Lãng vội xua tay cải chính:

- Không đâu. Chị vẫn như trước. Nhưng dĩ nhiên có nhiều, không, em lầm rồi, dĩ nhiên có vài điểm khác trước.

Rồi An sợ hỏi kỹ hơn, Lãng hỏi:

- Anh Lợi có kể chuyện trong phủ cho chị nghe không?

An thành thực đáp:

- Không bao giờ. Mỗi lần chị hỏi chuyện trên kho, anh ấy trở nên cau có, gắt gỏng. Vài lần đầu chị chưa nhận ra, về sau chị tránh không hỏi nữa. Em về đây có nghe chuyện gì liên quan đến anh Lợi không?

Lãng lựa từng ý trước khi nói với chị:

- Có chị ạ. Tuy anh Huệ có can thiệp, nhưng trại chủ vẫn chưa tin hoàn toàn vào anh ấy như trước. Việc kho vẫn bẽ bộn, anh Lữ làm Thiếu phó gánh vác trách nhiệm nặng nề hơn, phải chia bớt việc quân lương cho người khác. Đáng lý anh Lợi quen việc phải được anh Lữ tín nhiệm. Nhưng cho đến nay, anh ấy vẫn còn phụ trách những việc vặt.

An thở dài, rồi nói:

- Có lẽ vì thế mà lúc nào anh ấy cũng bần thần như người mất hồn. Chị khổ lắm. Giá em cứ ở đây mãi mà khỏi phải đi đâu để chị có người chuyện vãn.

An rơm rớm nước mắt, bắt đầu thút thít khóc ngay trước mặt em. Lãng thương chị, cảm thấy không còn gì phải e ngại khi hỏi An:

- Anh ấy có vui khi biết chị đã... chị đã...

An hiểu Lãng muốn nói gì, đỏ mặt, vừa thút thít vừa vội vã nói:

- Chị cũng không biết nữa.

Rồi để che dấu ngượng nghịu và tủi thân, An hỏi sang chuyện khác:

- Chuyến này em ở lại nhà được lâu không?

Lãng đáp:

- Em cũng không biết nữa. Anh Huệ lên làm Phụ chính, trở thành người phụ tá quan trọng của trại chủ trong việc binh, nên từ đây về sau, thế nào anh ấy cũng phải cầm quân đánh nam dẹp bắc luôn. Không biết chừng hôm nay em còn ở đây, mai đã phải đi không kịp về từ biệt chị nữa.

An ngược lên liếc nhìn em, gương mặt tự nhiên trở nên linh động vì một vẻ hân hoan e ấp thoát đến. An mỉm cười, đưa lưng bàn tay chùi nước mắt trên má hỏi Lãng:

- Độ này anh ấy có mạnh khỏe không?

Lãng hiểu ngay ý An, vui vẻ đáp:

-Anh ấy sức voi thì mưa gió bệnh tật nào vật ngã cho nổi. Tên đạn còn phải sợ nữa là. Chị biết không, mỗi lần xông trận anh ấy luôn luôn xông lên hàng đầu làm gương cho quân sĩ. Lúc dừng chân nghỉ, chưa kịp cởi giáp đã tìm đến chỗ nấu bếp xem cơm nước của anh em ra làm sao. Khởi cần đoán chị cũng biết quân sĩ thương anh ấy đến bậc nào. Thật khác hẳn cái thói côn đồ quân Hòa nghĩa đối đãi với nhau trước đây.

An chớp mắt vì cảm động, dịu dàng dặn em:

- Lãng ở bên cạnh, nhớ nhắc... nhớ nhắc... đừng nên liều lĩnh không cần thiết. Cả em nữa cũng phải cẩn thận ở chỗ đầu tên mũi đạn. Lỡ có mệnh hệ nào, chắc chị và cha không... không...

An nghẹn lời không nói tiếp được nữa. Lãng sung sướng được chị lo lắng, cười to rồi nói:

- Chị làm như em còn là một đứa con nít yếu ớt. Em đã hai mươi một tuổi rồi, chị nhớ không?

- Ở nhĩ. Chị hơn em hai tuổi. Đã hai mươi ba tuổi đầu. Chị già rồi. Quay đi quay lại rồi lưng chị còng, tóc chị bạc. Buồn không Lãng?

*

* *

Lãng lo về trại trước lúc chạng vạng, không chịu ở lại ăn cơm tối với gia đình. Tuy thế bữa cơm hôm ấy rộn rã vì Lợi cười nói luôn miệng. Ông giáo đắm mình trong nỗi chờ đợi vu vơ đang bắt đầu đè nặng đời ông, nên không chú ý đến biến đổi đột ngột của con rể. Chỉ có An ngạc nhiên trước thái độ khác thường của chồng. Quá biết tính Lợi, nên An không vội hỏi ngay trong bữa ăn. Thế nào Lợi cũng nói trước cho An biết, An khỏi cần phải hỏi. Lợi chờ mãi chưa thấy vợ hỏi gì, theo vợ xuống bếp tươi cười gợi chuyện:

- Hồi chiều Lãng nó có về à?

An lấy gáo múc nước đổ vào cái chậu sành để rửa chén bát, không quay lại phía chồng, đáp gọn:

- Vâng. Nó về trại rồi.

- Lãng có báo tin cho em biết chưa?

An lo lắng hỏi:

- Tin gì vậy?

- Thế nó chưa cho em biết à?

An dè dặt đáp:

- Nó có nói gì đặc biệt đâu. Chuyện đẹp loạn ở Quảng Nam vừa rồi phải không?

- Không. Chuyện đó xưa rồi. Chuyện này quan trọng hơn nhiều. Nay, anh nói riêng cho em nghe, nhớ đừng bép xép nói lại cho ai biết nhé. Tin mật đấy. Ta sắp đánh thẳng vào Gia Định, em biết chưa?

An lo sợ nói:

- Thật à? Sao Lãng nó không cho em biết! Hay nó cố giấu để em khỏi lo âu?

Lợi hãnh diện nói:

- Có lẽ chính Lãng cũng chưa biết gì đâu. Không phải ai cũng đáng cho biết cả, vì còn phải giữ bí mật quân sự. Và lại chuyện này chính ông Thiếu phó cầm quân chứ không phải anh Huệ.

An reo lên:

- Thật thế à! Phải rồi, nếu Lãng phải vào Gia Định thì nhất định nó không giấu em đâu. Suốt buổi chiều, nó có nói tới chuyện đi đánh tận trong nam đâu!

Lợi sốt sắng đi múc chậu nước khác cho vợ, rồi vỗ vai An bảo:

- Anh có chuyện vui lắm, em muốn nghe không?

An tò mò quay nhìn Lợi, cố lấy giọng từ tốn hỏi:

- Chuyện gì khiến anh hí hửng vậy?

- Anh biết thế nào em cũng bằng lòng nên khỏi cần hỏi ý em trước. Và lại chắc chắn Lãng nó còn ở lại đây lâu, nên khỏi sợ nhà đơn chiếc. Anh cố nắn nì với ông Thiếu phó mãi mới được đấy.

An sốt ruột hỏi:

- Nhưng chuyện gì mà anh cứ quanh co mãi. Anh sắp đi đâu?

Lợi cười mơn trớn trước khi đáp:

- Anh được người quen cho biết ông Thiếu phó sắp cầm quân vào đánh Gia Định lần đầu, và có lẽ cũng là lần chót để diệt cho tan tành bọn vua quan nhà Nguyễn. Em biết đấy, bấy lâu nay anh bị ruồng bỏ, không ai thèm dùng đến anh nữa. Chẳng lẽ suốt đời anh chịu làm tên ký quèn ghi ghi chép chép ba cuốn sổ thu chi từng đồng tiền kẽm. Anh không muốn mà em cũng không muốn vậy. Cho nên anh đã tình nguyện xin theo giúp ông Thiếu phó chuyển đánh Gia Định đầu tiên này.

An không tin mình nghe đúng lời chồng. Chị ngưng việc rửa chén bát, quay hẳn người lại nhìn Lợi. Ánh nhìn hốt hoảng lo sợ của vợ khiến Lợi đâm lo lắng theo. Lợi hỏi:

- Em sao thế?

An lạc giọng hỏi chồng:

- Anh chưa biết gì ư?

Lợi ngơ ngác hỏi:

- Việc gì vậy? Hồi chiều có ai đến thăm à?

An chua chát đáp:

- Anh mãi lo công danh sự nghiệp quá, có để mắt đến em đâu! Em có ra thế nào, đau yếu hay khỏe mạnh, sung sướng hay buồn khổ, không bao giờ anh để tâm. Anh đi suốt ngày, tối về ăn cơm xong, đặt lưng xuống chiếu là ngủ. Em thế nào mặc xác. Từ hơn tháng nay em không chịu được đồ tanh, anh đâu thèm để ý.

Lợi ngu ngơ hỏi:

- Thì từ hồi nào em đã không thích ăn cá rồi. Em đi chợ thích mua món gì tùy ý, anh có ngăn đâu!

An giận quá, giọng run run hỏi:

- Em có mang, anh biết chưa?

Lợi trố mắt nhìn An:

- Em nói thật hay nói đùa?

An xẵng giọng đáp lại:

- Em nói đùa với anh làm gì! Đáng lý chính anh phải biết trước để lo lắng cho em, an ủi em. Chẳng những anh không ngó ngang gì tới, bây giờ anh lại bỏ mặc em bụng mang dạ chửa ở đây để vào đánh nhau tận Gia Định. Em biết thế này, thà...

Đột nhiên Lợi nổi cáu, cướp lời vợ:

- Thà cái gì? Thà ở vậy chờ đám nào danh giá hơn cái thằng ký kho quèn này phải không? Thà chờ đến ngày làm bà Phụ chính phải không? Cứ nói huých toẹt ra đi cho khỏi ầm ứ trong lòng. Tôi không phải thằng mù, cô biết chưa. Trời cho tôi đôi mắt để trông thấy mọi sự, và đôi tai để nghe hết mọi lời. Tôi đại đột gì mà không hiểu tâm can của cô. Nhưng cô phải biết: Không ai cho cô với cao quá đâu. Không phải vì lòng tốt mà trại chủ xuất của kho ra tổ chức một đám cưới linh đình như thế đâu. Tôi biết, thiên hạ biết, tất nhiên cô cũng phải biết. Không biết như vậy chắc chắn cô đã không bằng lòng lấy tôi làm chồng. Nhưng cô đừng quên rằng trước khi lấy cô, tôi không phải là một thằng ký kho. Tôi chỉ trở thành thằng ký kho sau khi lấy cô, sau khi làm rể một... một...

An giận quá gần như hét lên:

- Anh không được xúc phạm đến cha tôi. Trời ơi! Sao tôi khổ thế này...

Không thể chịu đựng thêm nữa, An bật khóc. Bấy giờ Lợi mới thấy mình vì tự ái, ghen tuông mà quá lời. Đồng thời anh cũng nhận thấy không có thể làm hòa ngay với vợ được. Anh đã xúc phạm nặng nề đến danh dự vợ, đến danh dự gia đình vợ. Anh đã nói tuột ra hết những điều từ lâu mọi người có thể nghĩ nhưng không ai dám nói. An bỏ chậu chén bát rửa dờ, chạy lên buồng trên. Chị cài then lại, Lợi năn nỉ thế nào cũng nhất định không lên tiếng. Liên tiếp mấy ngày liền, An tránh không muốn gặp chồng. Lợi đi làm rồi An mới dậy, mở cửa buồng xuống bếp lo bữa điểm tâm cho cha. Lợi đi làm về, nghe con Vện hực sủa An đã vào buồng giả vờ ngủ. Lợi quay quắt vì đủ thứ lo lắng: nào lo chuẩn bị cho cuộc nam chinh bất trắc vì đây là lần đầu tiên Tây Sơn tiến vào tận Gia Định, nào lo tìm cách làm hòa với vợ, nào lo gửi gắm gia đình cho bạn bè, thân nhân, cả cho hàng xóm trong thời gian mình vắng mặt. Chuyện tham dự vào cuộc nam chinh đối với Lợi trở thành việc hiển nhiên, điều tất yếu, không thể thay đổi được. Đó là cơ hội thăng tiến duy nhất và cuối cùng của đời anh, cơ hội Lợi lập công để xóa cái vạ không do anh gây ra. Cho nên dù An hờn giận đến đâu, anh vẫn cứ hăng hái chuẩn bị cho trận đánh Gia Định lần đầu tiên này. Mới 27 tuổi đầu,

Lợi còn quá trẻ để bằng lòng dừng lại ở chức ký kho chuyên nghề cạo giấy ở một góc phòng ẩm nồng mùi gạo mốc.

*

* *

Dù sao đêm trước hôm xuất quân, Lợi cũng làm hòa được với vợ. Anh đã dùng hết tài miệng lưỡi và khiếu khôi hài để An chịu bỏ nét mặt đăm đăm, thái độ xa lánh lăm lè từng làm cho không khí trong căn nhà vắng nặng nề ứ đọng bấy lâu. Anh cũng dùng cả ngón chân cái bị dập khi chuyển đồ đạc vũ khí xuống ghe làm lợi khí gợi lòng thương xót của vợ. Lợi đã thành công. Thấy chồng loay hoay xếp đặt quần áo và đồ dùng cần thiết cho chuyến hải hành xa xôi bất trắc, An không thể làm bộ thờ ơ được nữa. Chị mở cửa buồng, đem cái áo bông của Lợi ra giữ bụi, rồi bỏ sẵn vào cái túi lớn may ở lần vải phía trong nào khăn mặt, đầu gối, kim chỉ may, thoi quế, mấy củ gừng và nút áo.

Chộp ngay lấy dịp tốt, Lợi đưa ngón chân bị thương ra biểu diễn với vợ:

- Em có thuốc gì xức cho anh một chút. Sợ lộ nước, làm độc mất!

An vẫn giữ nguyên nét mặt lạnh lùng, nhìn qua vết thương, hỏi chồng:

- Bị lâu chưa?

Lợi tươi cười như hãnh diện vì được vô ý gặp nạn, liền thoảng kể:

- Ấy, đã năm, sáu ngày rồi. Anh tưởng như mấy lần trước, cứ để mặc như thế cho nó tự ý đóng vẩy, kéo miệng, lành da không ngờ chuyến này nó làm dữ. Ái! Em nhẹ tay một chút. Hình như phía trong lớp vẩy đen còn mừng mủ đấy. Em xức thứ gì mà mát vậy?

An ngược nhìn Lợi vẫn với đôi mắt lạnh lùng vô hồn, nói với giọng đều đều:

- Phải chịu đau một chút để gỡ cái vẩy ra, chùi cho hết mủ rồi xức thuốc mới công hiệu.

Lợi vui vẻ nói:

- Đúng rồi. Tùy em muốn làm gì thì làm. Đau nhức mấy anh cũng chịu đựng được hết, miễn là... miễn là...

Lợi liếc nhìn An dò thái độ của vợ, do dự ấp úng một chút, rồi nói tiếp:

- Miễn là... em đừng giận anh nữa. Làm người ai không có lúc lằm lẩn, nhất là làm chồng.

An bật cười, không giữ mặt nghiêm được nữa. Lợi kêu:

- Ái, em làm anh đau quá. Đã xong chưa.

An bối rối xin lỗi:

- Em vô ý mạnh tay quá. Gần xong rồi. Phải để em buộc kỹ. Em nghe khi bị đau ở ngón chân người ta thường lấy mật heo buộc nguyên cả ngón, mau lành lắm. Nhưng không được dầm nước. Anh sắp được khỏi thấy mặt con vợ càu nhàu đi chơi một chuyến xa tận Gia Định nên trông hí hửng như người sắp được của.

Lợi đổi ngay nét mặt, làm bộ buồn rầu than:

- Em đừng nói vậy. Không có gì khiến anh hí hửng mừng vui cho bằng chiều chiều đi làm về, trông thấy em tươi cười đón đả ra mở cổng. Đi chuyến này, vì là chuyến đầu nên có thể lành ít dữ nhiều.

An vội hỏi:

- Đã biết vậy tại sao anh còn tình nguyện xin đi? Anh đâu phải là người quen việc gươm giáo. Cũng không ai buộc anh phải đi cả. Bỏ em bụng mang dạ chửa thế này, em sợ lắm. Em nghe người ta nói sinh con so thường gặp khó, ít khi mẹ tròn con vuông. Lỡ có mệnh hệ nào...

Lợi vỗ vai vợ an ủi:

- Đừng nói đại. Thế nào anh cũng về kịp trước ngày em sinh. Vả lại, chỉ còn dịp này để ông Thiếu phó tin nhiệm anh, tin tưởng anh trở lại. Phải ở vào hoàn cảnh khó khăn anh mới chứng tỏ được khả năng tháo vát nhanh nhẹn của mình. Chứ ký cốp ghi chép vài quan tiền muối với mấy quan tiền mắm, công trừ nhân chia chi li, thì ai không làm được. Về chuyện đó anh Kiên còn giỏi và kỹ hơn anh.

- Ngày mai chừng nào anh đi?

- Có lẽ sáng sớm. Hồi trưa dưới chợ Giã lên báo là đoàn thuyền đã sẵn sàng. Khí giới lương thực đã chất đủ. Chỉ còn chờ trên này xuống nữa thôi.

- Chuyến này Lãng nó có đi không anh?

Lợi vui mừng đáp:

- Không. Anh nghe nói ban đầu trại chủ định giao cho anh Phụ chính vì dù sao trong việc quân, anh ta cũng quen việc hơn. Tuy phần lớn các trận xưa nay đều ở trên bộ, nhưng quen việc thì thủy hay bộ đại khái không khác bao nhiêu. Về sau, chính Thiếu phó xin trại chủ cho mình tự cầm quân chuyến này. Với chức lớn như vậy, Thiếu phó phải có quân công để tạo uy tín trước ba quân. Trại chủ hơi e dè nhưng cuối cùng bằng lòng. Anh quen làm việc với Thiếu phó, biết cái hay cái dở của ông ta. Em cứ tin đi, chuyến này về thế nào bọn xấu mồm xấu miệng cũng sợ thụt cả lưỡi, nem nếp bên đường nhìn ngựa anh qua. Rồi bạn bè lại bu đến đây đông y như trước.

An nhận xét:

- Loại bạn bè đó không tốt lành gì đâu! Chúng nó thấy lợi thì bu đến như ruồi bu quanh đĩa mật, khi thấy dấu hiệu nguy hiểm thì vội xa lánh. Anh xem, mấy tháng nay có ai đến thăm anh không! Những đứa trước kia xum xoe bên anh cầu cạnh thứ này thứ nọ, nay biến đi đâu cả rồi?

Lợi cười lớn đáp:

- Trò đời như vậy thay đổi sao được. Đó là luật chơi, không nên buồn. Họ như vậy, mà ta cũng như vậy. Nếu không tội gì lặn lội vào mãi tận Gia Định làm gì!

An ngõ ngàng nhìn chồng, môi mím lại. Chị bớt lo, nhưng buồn man mác, như vừa mất thêm một thứ gì chưa thuộc hẳn về mình, do đó không tiếc nuối, nhưng vẫn ngùi ngùi!

*

* *

Lợi đi rồi, An mới có dịp nhìn lại toàn cảnh đời sống vợ chồng của mình gần một năm qua.

Nhờ khoảng cách cần thiết của không gian và thời gian, nhờ những buổi trưa rỗi việc ngồi một mình nghe cái thai động đập như muốn nhắc nhở An dọn lòng đón nhận trách nhiệm làm mẹ, An được thông thả, tự do ôn lại những ngày tháng qua. Chị tự hỏi: Mình hạnh phúc hay đau khổ? An không trả lời dứt khoát được!

Những gì An trải qua sau ngày cưới vẫn còn để lại dấu ấn bề bồng, xót xa trên cuộc đời chị. Sự vấp phạm của Lợi, cảm giác rời rã bần thần của nhiều đêm mất ngủ, những đau đớn trong cuộc giao hợp khó khăn buổi đầu, cùng nỗi khiếp hãi trước các hành động sinh lý xảy ra dưới ánh đèn lù mù (những hành động An tưởng chỉ có giữa giống đực và giống cái của loài động vật hạ đẳng sống trần trụi không có trí khôn để tìm một phương thức truyền giống thanh cao hơn), mãi đến nay vẫn còn khiến An run sợ. Chị tưởng mình không thể kham nổi cuộc thử thách ghê gớm và dị thường đó. Chị sống trong trạng thái bẽ bàng, lúc nào cũng bị ám ảnh bởi lối nhìn lém lỉnh của Lợi và ánh đèn dầu leo lét buồng tận hồn. Nhiều lần An muốn tắt đèn đi, nhưng Lợi không chịu. Lợi muốn nhìn rõ từng biểu hiện khoái cảm trên gương mặt vợ, để tận hưởng niềm kiêu hãnh làm chồng. An cố giấu không cho Lợi thấy mình xúc động, nhắm mắt chịu đựng. Nhưng đã có lúc chị không làm chủ được mình. Đôi tay An chơi vơi, thân thể oằn lên, hơi thở dồn dập, một sức mạnh ào ạt như sức bão từ tận cùng thân xác cuốn phăng tất cả dè dặt, e lệ, bẽ bàng, sợ hãi của chị. Đây là lúc chị bắt đầu cảm được những cảm giác mới nó lấn át cả cảm giác đau xót ban đầu. An bị cuốn vào cơn lốc cảm giác, tự mình đánh mất mình. Chị bắt đầu mon men tham dự, mặc nhiên đón nhận các câu nói bóng gió và lối nhìn giễu cợt của Lợi như điều thân mật thầm kín quý giá của riêng hai người với nhau. Cuộc sống chần chừ ở chỗ khuất lấp giống như một giây liên lạc thiêng liêng càng ngày càng nổi bật hai vợ chồng, hoặc như chiếc đũa thần giúp họ khám phá bộ mặt mới của nhau, bộ mặt mới của cuộc đời, bộ mặt mà càng nhìn gần họ càng thấy nó có nhiều khía cạnh bất ngờ đáng phải quan tâm hoặc thích thú khám phá. An làm sao quả quyết được cảm tưởng thú vị lạ thường đó không phải là tình yêu, hoặc quả quyết đó mới đích thực là tình yêu. Không. Cho đến nay An vẫn xúc động đến nghẹn lời khi nghĩ đến một cuộc hôn nhân trong đó An lấy được người chồng mình hằng kính trọng, thương yêu, quý mến. Được nép mình vào cánh tay rắn chắc ấy, được buông thả dúi dặt giữa tiếng nói trầm và chậm ấy, được đỏ mặt cuống quýt trước ánh mắt hơi khinh bạc và giễu cợt ấy, và... và sau đêm tân hôn, được trọn mình quay cuồng trong niềm hoan lạc chung sau khi cùng nhau chia sẻ những đau đớn e ấp như cái giá phải cùng chia nhau trả để đón hạnh phúc trọn vẹn sau này. Nhưng làm gì An được cái may mắn ấy! An biết lắm, và cha của An, cả Lợi nữa cũng biết rõ lắm! Chị không thể hoài công tiếc nuối một điều không thể có. Chị lấy Lợi là phải, và trạng thái an lạc trầm lặng liêu lỉnh An được hưởng cũng có thể tạm gọi là hạnh phúc. Chị sắp có con, và có thêm một sinh vật thân yêu do chính mình nuôi dưỡng bằng máu, thịt, lo âu; sắp được ngắm nó ngủ say trong nôi; sắp được nghe nó khóc, hồi hộp canh giấc khi nó đau yếu, mọc răng, chập chững, hí hửng trông nó lớn lên.. tất cả những điều sắp có là gì, nếu không gọi là hạnh phúc.

Trong niềm băng khuâng và hoang mang ấy, hình ảnh Lợi cũng bớt các nét đậm đà. An tìm cách biện hộ cho Lợi, tự trách đã để cho các ác cảm, thành kiến làm mình xa cách chồng. An còn tìm được người đàn ông nào lo lắng cho An từ cây kim sợi chỉ cho đến chuyện to tát hơn như Lợi? Còn tìm ai trên đời say mê An, chịu đựng tất cả thua thiệt, kiên nhẫn chiều chuộng An cho bằng Lợi. Với tài tháo vát và ăn nói khôn khéo, Lợi có thể dễ dàng tìm được một vị trí cao trong xã hội này. Lấy An thì Lợi được gì, ngoài cái vạ phải mang để bây giờ chịu cực khổ liêu lỉnh vào tận Gia Định xa xôi để cố ngoi dần lên địa vị cũ. Lợi đáng thương đấy chứ! Dĩ nhiên anh cũng có nhiều tính xấu, như tính ba hoa, sự hời hợt trong tình cảm, óc

thực tiễn lạnh lẽo dễ kết bạn mà cũng dễ gây thù, nhưng những điều ấy thuộc về bản tính mất rồi!

*

* *

Trong thời gian Lữ cầm quân vào đánh Gia Định lần đầu, Nhạc hồi hộp lo sợ cho lực lượng thủy quân vừa tái lập (sau khi Tập Đình rồi Lý Tài mang đi hầu hết chiến thuyền qua hai vụ đào thoát phản trắc), ngại rằng nếu Lữ thất bại, Tổng Phúc Hợp có thể thừa cơ tấn kích Qui Nhơn. Vì thế, Nhạc sai Huệ tăng cường phòng thủ ở mặt trận Cù Mông và chợ Giã. Lãng phải đi đi về về trên các tuyến đường Cù Mông, Bích Khê, lần nào được phép ghé phủ cũng gắng về thăm cha và chị. Vào những dịp đó, cảnh nhà ông giáo bớt hiu quạnh nhờ những cuộc chuyện trò giữa hai chị em. Ông giáo vẫn lầm lì ít nói, trí óc không thôi ám ảnh bởi nỗi tiếc cuộc gặp gỡ không thành. Cách ăn nói, suy nghĩ, quan sát, kể cả cách xử thế thông thường của ông đều bị biến đổi. Tất cả giác quan của ông đều mờ, chậm đi, trừ thính giác nhạy cảm khác thường. Lúc nào ông cũng chú hết tâm trí để lắng nghe tiếng chó sủa báo hiệu người khách trở lại. Lãng thấy tình trạng tâm thần của cha thật đáng ái ngại, thì thảo đề nghị với An:

- Hay ta đừng nuôi con Vện nữa. Chị nghĩ sao?

An nói:

- Điều chính yếu không phải là có hay không có con Vện. Em nghĩ mà xem, cái khổ là cha tin rằng thế nào ông khách cũng trở lại, vì ông ta mang đến cho cha một tin quan trọng lắm. Cha cứ nghĩ giá cha có mặt ở nhà hôm ấy thì cuộc đời cha đã thay đổi.

- Làm sao chị biết vậy?

- Chị chỉ đoán thôi, nhưng chị tin chắc đã đoán đúng. Từ hôm em lưu ý chị về sự khác thường của cha, chị cố tâm tìm hiểu. Nay một câu, mai một câu, chị góp chung lại thành suy đoán có căn cứ, có mạch lạc.

- Hoặc chị thử nói thẳng, cho cha khỏi chờ đợi viễn vông nữa. Chị cứ bảo có người quen nào đó ở An Thái hoặc bên phủ quan nhờ xin vài chữ đại tự về làm liền.

- Phải rồi! Chị lú lẫn quá lắm. Tại sao điều đơn giản thế mà lâu nay chị không nghĩ tới.

An thực hành gợi ý của Lãng một cách kín đáo, khéo léo. Ban đầu, ông giáo tỏ ra thất vọng, không ngờ con người ông mất công náo nức chờ đợi bấy lâu chỉ là một anh dốt sính chữ. Ông hỏi đi hỏi lại xem An có lầm lẫn không. An quả quyết với cha rằng: An gặp lại chính ông khách ấy, nghe lại chính giọng nói ấy. Khi An hỏi "Lâu nay cha cháu vẫn chờ bác, hôm nào bác lại đến để cha cháu ở nhà chờ ạ?" ông khách bảo vì chờ ông giáo không được, đã đi xin chữ ở một thầy đồ khác dưới Mỹ Cang. An khéo bịa đầy đủ các chi tiết cần thiết, khiến ông giáo phải tin lời con. Ông âu sầu mấy ngày vì tuyệt vọng. Nhưng không bao lâu về sau, ông tìm được cơ sở lý luận khác để nuôi dưỡng niềm tin cũ. Ông hỏi An:

- Hôm ấy con không mở cửa cho bác ta vào chứ?

- Dạ không. Trời chạng vạng tối, chỉ có mình con ở nhà. Con đứng trong rào hỏi với ra ngoài mà thôi.

- Con có nhớ kỹ nét mặt bác ta không?

An thành thực đáp:

- Con không nhớ.

- Thế thì làm sao con nhận ngay ra bác ở chợ để hỏi vụ hôm trước.

An nhanh trí đáp:

- Chính bác ta nhớ ra con và đến hỏi thăm cha trước.

Ông giáo lẩm bẩm, bực dọc:

- Xin mấy cái chữ thì việc gì phải lặn lội đến tận xóm tối này, gặp không được thì thôi có sao luyến tiếc, thắc thỏm đến thế. Không phải cái lão dốt nát ấy đâu. Nhất định con lầm rồi. Có thể lão đến tìm cha thật, nhưng ông khách hôm ấy không phải là lão ấy. Rồi con xem, thế nào ông ấy cũng trở lại tìm cha.

Thế là hai chị em thất bại. Lãng chưa tìm ra cách khác để cứu cha ra khỏi vòng chờ đợi mông muội. Hai chị em ái ngại nhìn nhau, tuy không nói ra nhưng cùng muốn tránh nói đến dấu hiệu lẩm cẩm đáng ngại của cha già. Họ quay lại về đề tài cả hai đều thích thú là chuyện liên quan đến viên Phụ chính hai mươi bốn tuổi: Nguyễn Huệ. Thông thường trong các cuộc nói chuyện có vẻ rời rạc, đầu Ngô mình Sở ấy, An chỉ cười, ngượng ngịu chờ Lãng kể, lâu lâu hỏi đôi lời cố ý làm như thờ ơ, vô tình. Chẳng hạn khi Lãng bảo:

- Hôm kia chị có đi chợ phải không?

An đáp:

- Phải. Hôm kia chợ phiên: Chị mua cho cha một vài lạng thịt về hầm, và cá bống về kho khô. Món cá em ăn hồi trưa đó.

Lãng mỉm cười liếc nhìn chị, có vẻ nửa muốn nói nửa muốn không. An tò mò hỏi:

- Có chuyện gì vậy?

Lãng ấp úng mãi mới đáp lơ lửng:

- Không có gì. Em chỉ hỏi thế thôi. Tại có người quen trông thấy chị đi chợ về.

An tràn trề hy vọng lẫn xấu hổ khi hỏi:

- Ai thế?

- Anh ấy bảo có lẽ vì cái thai đã lớn, nên dáng đi của chị nặng nhọc, chậm rãi đến tội nghiệp.

- Chuyện hão! Đàn ông chỉ được ích kỷ, bao nhiêu công lao thai nghén sinh nở đều phó mặc cho đàn bà, làm như việc riêng của họ, không dính dáng gì tới. Gớm, hôm ấy chợ phiên đông ơ là đông.

- Vì vậy cả đoàn người ngựa phải chật vật lắm mới qua được khỏi chợ. Chúng nó định quất tháo cho thiên hạ chạy dạt ra tránh đường. Mọi khi làm như vậy tiện và chướng lắm. Hôm kia, anh ấy trừng mắt ngăn lại. Lũ trẻ con trước còn nem nép bên đường, về sau ủa ra sờ cả lên mông ngựa. Các bà hàng rau được nước không thềm kéo mấy giỏ rau lớn vào lề đường. Về tới phủ đã quá trưa.

- Mặc sức mà đói nhỉ! Hôm ấy chị về sớm, có thấy đoàn quân nào qua chợ đâu. Tức cười! Chị gặp cô bạn lúc trước có bán hàng xáo ở chợ An Thái. Cô ta chưa lấy chồng, vẫn bán gạo như cũ. À này, em có nhớ chuyện cây gạo chợ An Thái không?

- Nhớ chứ! Hồi đó chị hàm hồ nhất, cứ đổ tội cho em. Không có anh Huệ thì tội mình còn đổ thừa cho nhau hoài. Lạ thật, hoa nào cũng hoặc thơm tho, hoặc khoe sắc. Chỉ có hoa gạo là vô duyên hết sức.

- Lãng nói thật cho chị biết nhé. Chị... chị như thế này trông có kỳ cục lắm không?

Lãng ngó một lúc lâu mới hiểu chị, cười đáp:

- Không đâu. Trông chị "vững chãi" ra, như thêm sức nặng để chống chọi với đời. Như mấy lực sĩ mỗi lần thi đấu phải dồn hết sức nặng lên đôi chân để xuống tấn. Chị mang thêm một cuộc đời mới, phải xuống tấn như các võ sĩ chứ.

- Nhưng ai đã biết chị từ hồi còn con gái chắc là phải thấy kỳ cục. Như em vừa nói đó, người ta chê chị chậm chạp, lạch bạch như con vịt què.

- Có ai tả chị như thế đâu. Nay, chị đặt tên con là gì thế?

- Biết nó là trai hay gái mà đặt trước. Vả lại cái đó còn phải hỏi cha, sợ trùng tên ông bà.

- Nếu chị được quyền chọn tên, chị chọn tên nào?

An xúc động bồi hồi như sợ Lãng thấy được tận ý nghĩ của mình, nhưng cũng đáp nhỏ:

- Chị thích tên Thái. An Thái, hai mẹ con ghép nhau thành nơi chúng ta sống một thời thơ ấu thân yêu.

Lãng nhớ không? Vả lại, tên Thái đặt cho trai hay gái cũng được cả. Nhưng này, chị hỏi em phải nói thật cho chị biết: Chị nặng nhọc thế này trông có gớm ghiếc quá không? Biết thế chị đừng vác mặt đi chợ nữa.

- Không! Sao chị cứ thắc mắc về một chuyện không đâu thế! Chị vẫn như trước. Phải. Kỳ về thăm nhà lần đầu em thấy chị hơi xanh, mắt hơi nặng. Nhưng lần này gương mặt chị vẫn y như thời trước. Nếu chị mặc áo rộng hơn một tí không ai biết đâu.

- Nhưng hôm kia chị mặc cái áo chật quá. Chợ đông chị em chen một lúc, bật cả cúc áo. Về sau chị phải giữ lấy vạt. Em ở lại ăn cơm với cha nhé. Không được từ chối. Đã ở lại ăn buổi trưa được thì ở đến chiều cũng được. Thiếu gì có để văng mặt. Ai quả trách cứ đổ hết lên đầu chị. Chị đã đáng tội nghiệp quá rồi, thêm tội nào khác cũng không sao.

Lãng nghe tiếng chị cười reo vui như hồi còn thơ!

Chương 39

Mấy ngày nay thời tiết càng lúc càng xấu. Bầu trời màu chì hạ thấp xuống, mưa liên miên, gió từng cơn xô ngã những bụi tre ven bờ sông. Cây cối trong vườn xơ xác, cành lá tươi tắn gãy đổ vì bão dữ. Tin chiến thắng Gia Định về tới Qui Nhơn từ cả tuần trước khiến cả phủ xôn xao mừng rỡ. Người ta chờ đợi đoàn thuyền chiến thắng trở về từng ngày, từng giờ, và cơn bão đến thật không đúng lúc. Đã có những lời đồn đãi bất lợi rằng gió lớn đã thổi dạt hơn hai trăm chiếc ghe bầu chở đầy lương thực vào Bình Khang, và đã xảy ra một trận huyết chiến giữa đoàn quân chiến thắng và quân Tổng Phúc Hợp. Có tin lại bảo đoàn thuyền hiện tạm ghé vào Vĩnh Long, trại chủ phải gửi ngay một đạo quân vào Phú Yên để bảo vệ số lương thực thu được. Những lời đồn đại ấy tăng thêm không khí chờ đợi náo nức, và có hậu quả cấp thời là giá gạo ngoài thị trường hạ thấp chưa từng có. An có mang đến tháng thứ bảy nên trong người uể oải khó chịu, lúc nào cũng cảm thấy buồn ngủ. Bước đi của chị đến bây giờ mới thực sự lạch bạch y như con vịt. Đôi vai chị vẫn nhỏ và ốm, khuôn mặt hơi xanh, khiến cái bụng to càng nổi bật thành một gánh nặng quá sức của người tập sự làm mẹ lần đầu. Chị cũng vui mừng và lo lắng theo nỗi vui nỗi lo chung. Hôm nào Lãng ghé thăm An cũng hỏi tin tức đoàn ghe bầu. Thấy chị sốt ruột quá, Lãng ngạc nhiên hỏi:

- Chị lo lắng cho anh Lợi còn hơn cả cho chị nữa. Hóa ra chị thương anh ấy đến độ đó sao?

An giật mình nhìn em, hơi ngỡ ngàng:

- Em hỏi gì lạ vậy? Không lo cho chồng thì lo cho ai nữa?

Lãng biết mình nói hớ, vội chuyển câu chuyện sang hướng khác. Anh bắt đầu thấy thế giới tình cảm có những điều phức tạp hơn anh tưởng. Lãng hơi thất vọng, vì hình dáng ủ ê lẫn tâm trạng lo âu của chị. Anh bực bội cố tìm những tin không vui để báo cho chị, nhưng ngạc nhiên làm sao, An hớn hờ đón nhận những tin ấy. Khi Lãng nói:

- Nghe đâu trại chủ không bằng lòng mấy về chuyến tấn công Gia Định này. Ý định của trại chủ là tiêu diệt đám quan quân nhà Nguyễn rồi tổ chức lại thành trì làm kế lâu dài. Nhưng ông Thiếu phó chỉ lo thu hết thóc lúa chất đầy thuyền rồi giong buồm về đây.

An cười, góp ý:

- Làm như vậy là phải. Mới đi lần đầu, đã biết lực lượng địch thế nào mà dám ở lại. Thu hết thóc kho của chúng tức là tiêu diệt chúng dần dần rồi!

Lãng tức tối nói:

- Nghĩ như chị thì còn gì nữa! Vội vội vàng vàng vào đó chở thóc đem về, chẳng khác nào...

An cắt lời em:

- Thì lo cái gì cũng không bằng lo cái bụng. Dĩ thực vi tiên. Anh Lợi đi chuyến này giúp được khối việc cho ông Lữ. Chuyến vận mấy trăm ghe thóc, đâu phải là chuyện đùa.

Lãng không thèm nói gì với chị nữa. Anh lẩm bẩm: "Chị ấy thương chồng đến thế kia à? Chị ấy bất

chấp lý lẽ, nói sao cũng xuôi miễn anh Lợi trở về an toàn với chị!"

Cuối tháng Tám, tức là khoảng 10 ngày sau cái hôm hai chị em An gặp nhau, Lợi trở về an toàn như mong ước của vợ. Đoàn ghe bầu có gặp bão, có dạt vào Vĩnh Long mấy hôm, nhưng lực lượng của Tổng Phúc Hợp đã kéo vào Gia Định cứu viện nên không có cuộc chạm trán nào xảy ra như tin đồn đãi. An mừng quá, cầm lấy hai tay chồng lắc lắc, không biết nói sao cho hết nỗi lo lắng, mừng tủi. Chị nhìn ngón chân cái của Lợi hỏi:

- Lành hẳn rồi chứ?

Lợi nhớ chuyện cũ, cười đáp:

- Vâng. Lành hẳn rồi. Anh chỉ việc ngâm chân xuống biển vài bận là tự nhiên khỏi. Còn em hình như vừa đau dây phải không?

- Đau có! Em vẫn thường. Chỉ lâu lâu, cái chú trong này hung hăng đập dữ, em bị đau tí chút thôi.

Lợi chợt nhớ đến tình trạng thai nghén của vợ. Nhìn xuống bụng An. Cái bụng quá lớn so với thân thể ốm yếu. Lợi lo ngại hỏi:

- Em mang nặng lắm nhỉ? Có cần anh giúp không?

An lườm chồng rồi bảo:

- Có.

- Giúp gì nào?

- Làm ơn đừng bắt em mang nặng lần nào nữa. Một lần đủ rồi!

Lợi cười thích thú:

- Không được. Trời cho bao nhiêu mừng bấy nhiêu. Nhà có phúc dày lắm mới được con đàn cháu đống. Chúng ta mới có một đứa, ăn thua gì. À lúc nãy em bảo "cái chú này". Có chắc ta sắp có con trai không?

- Em chỉ đoán thế, vì thấy nó đập dữ quá.

Nét mặt Lợi hân hoan hẳn lên. Đôi mắt mơ màng, Lợi nói:

- Anh phải cho nó học võ để lớn làm tướng. Ở thời loạn này không có gươm trong tay, hét cũng không ai sợ chứ đừng nói chuyện từ tốn ôn hòa. Một là phải có thần thể. Hai là phải có lưỡi gươm bén. Chuyển vừa rồi không có ông Thiếu phó chắc anh không tài nào đem mấy trăm ghe bầu thóc về đây được.

An sửa lại cái cúc áo cho chồng, tò mò hỏi:

- Trong Gia Định lúa thóc giàu có đến thế à?

- Vâng. Dân cư còn thừa thớt nhưng đồng ruộng phì nhiêu lắm. Gieo một gạ giống rồi giao cho trời, đến mùa thu được ba trăm gạ.

- Vậy thì người nào cũng thành điền chủ cả sao?

- Không. Chuyện đời đâu có đơn giản vậy. Họ còn phải nộp thóc sưu thuế cho quan phủ để chở về kinh đô, còn lại một ít vừa trả nợ cho dân Hoa Kiều trên chợ, vừa ăn nhín nhịn thềm cho đủ đến mùa sau. Dân ruộng vẫn khổ, chỉ có các xóm Hoa Kiều và kho thóc của Chúa là đầy ắp của cải, sản vật. Phố xá san sát, nhà cửa quanh bên ghe hoặc chợ đều xây gạch lợp ngói. Hàng hóa ở phố Sài Gòn và Cù lao phố bày la

liệt, thứ gì cũng có.

Rồi nhìn trước nhìn sau, Lợi hạ thấp giọng hỏi vợ:

- Cha đâu rồi?

- Nằm ở nhà trên. Chắc đang ngủ. Chờ cha dậy hãy lên chào cũng được. Từ hôm có bão, tội nghiệp, cha cứ lo lắng cho anh.

- Cha ngủ rồi à? Anh có mang về làm quà cho em thứ này hay lắm. Đoán xem nào!

An không dẫn được vui mừng, cũng thấp giọng hỏi Lợi:

- Quà à? Cho em xem đi.

Lợi nhìn lên phía nhà trên, căn dặn vợ:

- Nhưng em đừng nói cho ai biết nhé. Kể cả cha nữa.

- Được. Thứ gì mà anh làm ra vẻ bí mật vậy?

Lợi rút từ trong bọc áo trong ra một gói giấy buộc kỹ. Anh run run mở dây chỉ. An hồi hộp theo dõi mấy ngón tay bôi rỏi của chồng. Sau hai ba lớp giấy, An thấy một thỏi vàng lớn bằng ba ngón tay, dày mấy phân. Lợi sung sướng khoe:

- Chừng khoảng năm, sáu lượng gì đấy. Em thấy chưa, nếu cứ ru rú trong cái góc kho tối tăm thì được gì. Anh còn thêm một số quà khác cho em nữa, nhưng phải chờ ghe về đây đã. Ông Thiếu phó hết lời khen anh. Không có anh, còn lâu mới đem được bấy nhiêu thóc về đây. Nhưng cũng phải nhận không có cái uy của Thiếu phó, anh khó mà làm được gì. Ủa, sao em dàu dàu nét mặt vậy. Chú nhỏ lại đập à?

*

* *

Sau chuyển vận lương ở Gia Định, Lợi mau chóng leo trở lại địa vị cũ trước ngày lấy An. Khả năng tổ chức và tài tháo vát của Lợi trở thành sự thực hiển nhiên, không ai có thể phủ nhận được nữa. Sự thành công cả hai mặt quân sự và kinh tế của cuộc nam chinh đầu tiên cũng khiến trại chủ hân hoan và bao dung độ lượng hơn. Thiếu phó đề nghị việc gì cũng được trại chủ chấp thuận. Nhờ vậy, Lợi được giữ chức vụ quan trọng về quân lương, được tặng một số không nhỏ chiến lợi phẩm từ vải vóc, đồ sứ, đồ đồng cho tới tiền bạc. Vì thiếu ghe thuyền chuyên chở, quân Tây Sơn đã bắt buộc một số ghe chài phải chở lúa về tận Qui Nhơn. Dĩ nhiên các chủ thuyền cùng gia đình họ không dám trở lại Gia Định. Lợi đưa hai bé gái (một đứa lên mười, một đứa mười hai) con nhà thuyền chài rủi ro bị ép buộc di tản đó về nhà giúp việc cho An. Đứa lớn lo việc bếp núc. Đứa nhỏ chuẩn bị để bế em bé. Nhờ thế gần hai tháng ở cử cuối cùng, An được sống an nhàn sung túc, khỏi phải lo lắng điều gì.

Lợi xuất tiền sửa sang lại vườn tược, mua sắm thêm bàn ghế. Anh kêu thợ vôi về đắp cho cha vợ một cái hồ nuôi cá vàng, có đầy đủ hòn non bộ, những chiếc cầu cong bắc qua suối, con nai ngơ ngác ở bờ rừng, cây tùng già trên chóp núi và vài lão tiều lão ngư. Ông giáo tiếp nhận sự săn đón, cung phụng của người con rể đặc thế với vẻ thản nhiên. Lợi hơi buồn, nhưng An tìm cách vượt ve chồng, bảo rằng ông giáo hơi lắm cẩm nên không thấy hết các đức tốt hiếu thảo của Lợi. Khỏi chờ đợi lâu, bạn bè cũ của Lợi lại ùn ùn kéo đến, khi thì thăm nhờ vả điều này, khi xum xoe biếu xén thứ kia. Nhiều hôm An vất vả giúp đỡ hai

đưa giúp việc rót trà, dọn rượu, hoặc chịu đựng cảnh khách khứa ồn ào. Nhưng An vẫn vui, lòng tự ái được vuốt ve, nhất là chính mắt chứng kiến vai vế quan trọng của chồng trong buổi mới. An còn trẻ quá để ghi nhớ những chuyện ấm lạnh của nhân tình. Có thể trong tâm trí ông giáo, qua cái nhìn khinh thị và nụ cười mỉm của ông khi phải tiếp chuyện đám bạn bè của Lợi, ông giáo còn nhớ đến cảnh quạnh quẽ lúc bị thất thế. Riêng An thì chị hoàn toàn thỏa mãn với cảnh sống rộn rã này. Vì sắp tới kỳ sinh nở, không tiện xuất hiện trước khách khứa. An chỉ ngồi ở buồng trong nghe chồng và bạn bè bàn luận. Họ khen ngợi nhau, nhờ vả nhau một cách sòng phẳng, thẳng thắn, không e ngại khi phải nói đến chuyện tiền bạc. Nhiều người đến thăm Lợi, nhưng có dẫn theo cả vợ nữa. Những người đàn bà ăn nói lịch thiệp khôn khéo ấy thường để mặc cho chồng thừa chuyện với chủ nhà, còn mình thì tìm gặp bà chủ. Họ khen An quá trẻ để là vợ một nhân vật quan trọng như vậy, khen An đẹp tuy đang ở thời kỳ thai nghén. Từ dè dặt, dần dần An bị lôi cuốn vào các câu chuyện son phấn, quần áo, buôn bán, kinh doanh. Những người khách ấy thường trở lại thăm An với những món đồ An nhờ mua giùm mà nhất định không nhận lại tiền An trả, lắc đầu quây quậy bảo giá món đồ đó rẻ lắm, không đáng bao nhiêu. Nay một ít, mai một ít, đồ đạc trong nhà An dần dần trở thành thừa thãi. Và lại được dịp để Lợi hãnh diện về thế giá của mình.

*

* *

Khoảng rằm tháng Mười An bắt đầu cảm thấy khó chịu trong người. Bụng An râm râm, lâu lâu đau thốn ở phần bụng dưới. Chưa từng có kinh nghiệm sinh đẻ nên An không dám nghĩ mình sắp sinh con. Chị tưởng mình ăn phải một món thịt không được tươi. Nhưng chị cũng lan man đoán rằng có thể đây là dấu hiệu chuyển bụng, vì cảm giác đau đốn khác hẳn, chưa bao giờ như thế cả. Thấy chồng đang ngủ say, An không dám lay Lợi dậy. Chị tự nhủ có thể chú bé cựa quậy mạnh quá đấy thôi. Chịu khó một chút chú ta lại ngoan ngoãn! Nhưng dù căn môi cố dần càng lúc cơn đau càng tăng. Thân thể An đầm ướt mồ hôi. Chị ngồi dậy, đưa hai tay bế bụng đi đi lại lại trong buồng, hy vọng nhờ vậy cơn đau có giảm bớt chẳng. Cái bụng không trăn xuống như An tưởng, nhưng cảm giác căng thẳng dồn lại ở ngay phía dưới bụng. An rón rén xuống bếp. Đi tiểu xong, cảm giác khó chịu vẫn như cũ. Bấy giờ chị mới mạnh dạn lay Lợi:

- Anh, anh!

Lợi ú ớ xoay người ra phía ngoài, rồi nằm sấp lại tiếp tục ngủ. An phải lay thật mạnh Lợi mới chịu mở mắt ngơ ngác nhìn quanh. Anh chưa hiểu đang làm gì, đang ở đâu. Phải chờ một lúc Lợi mới nghe thấy được lời vợ. Anh nghe An nói:

- Không biết có phải đã đến lúc chưa? Em tưởng bị trúng thực vì món gỏi chiều hôm qua, nhưng chắc không phải.

Lợi choàng ngồi dậy, hấp tấp hỏi:

- Em bị trúng thực hả?

- Không. Hình như... hình như em sắp sinh rồi.

Lợi lo lắng hỏi:

- Thật à? Sao em biết?

- Em đau thốn ở chỗ này. Không phải ở dạ dày. Chỗ này này.

Lợi đứng bật dậy, chạy đến chỗ An đang đứng. Bộ dạng cuống cuồng của Lợi khiến An phải bật cười:

- Anh làm gì thế? Định đi đâu?

- Phải gọi cha dậy. May ra cha hiểu phải làm gì. Làm sao đây? Anh có biết ất giáp gì về chuyện sinh đẻ đâu?

An vội can:

- Đừng thức cha dậy. Anh qua nhà hàng xóm, nhờ thím bên đó dẫn đi tìm bà mụ. Em chưa sinh ngay đâu. Anh cứ yên tâm.

- Nhưng lỡ anh vừa đi khỏi thì em sinh con?

An cười gượng, cố giấu sự đau đớn:

- Không sao đâu. Em nghe nói còn phải vỡ nước ối nữa mới bắt đầu. Đi đi anh, bảo con bé nó tắt cái đèn lồng.

Lợi vừa bước ra cửa vừa quay nhìn vợ, như sợ An sẽ rớt ngay sau khi anh bước khỏi ngạch. Anh lo sợ quá, lò mò thế nào vấp phải mấy cái ghế. Con bé ngủ quá say khiến anh phải to tiếng mới vực được nó dậy. Vì thế Lợi đánh thức cả xóm vì sự mau miệng và hốt hoảng thiếu kinh nghiệm của anh.

Lợi mời được bà mụ về lúc gà gáy sáng.

Vừa hồi thức vừa năn nỉ, gần như Lợi lôi xệch bà lão qua khoảng đường gập ghềnh tối tăm về nhà mình. Để bà mụ bớt căn nhắc, anh hứa trả một món tiền lớn, lại luôn miệng nói khôi hài cho đỡ sốt ruột. Tối công anh nghe có tiếng oa oa bên trong vườn. Nhưng An đã hết đau bụng, thản nhiên chờ Lợi về. Bà mụ bức dọc vì mệt nhoài và tưởng đã mất một món tiền công quá lớn, gắt gỏng với Lợi:

- Thế mà cậu bảo nếu chậm chân, về tới đây chỉ vừa kịp dự cúng thôi nôi cho cháu thôi!

An bật cười - Lợi ngơ ngác hỏi:

- Hay em bị trúng thực?

Bà mụ ngáp dài, rồi bảo An:

- Cô vào buồng cho tôi xem qua. Có lẽ còn sớm quá. Chà, cũng khá lớn đấy chứ. Con so phải không?

- Dạ vâng.

- Chân đã phù lên chưa? Còn... còn... nhưng thôi, cô vào đây với già. Cậu ngồi đấy đừng vào nhé.

Lợi hứa sẽ trả công hậu hĩnh nên bà cụ thuận ở lại để săn sóc An, chờ đỡ An khi sinh nở. Hai hôm sau, An lại chuyển bụng. Nhờ có bà cụ bên cạnh, chị cảm thấy yên tâm hơn. Chị khỏi phải hãi hùng khi chất nước nhầy lợn cợn đã tiết ra ở cửa mình và cơn co thắt mạnh và gấp hơn trước. Tuy nhiên An vẫn cảm thấy bơ vơ ghê gớm. Mặc những lời an ủi hoặc khuyến khích bông đùa, chị vẫn cảm thấy chỉ một mình mình chịu đựng cuộc thử thách xa lạ nguy hiểm này, một mình mình oằn người đau đớn, hai hàm răng cắn chặt lấy chéo khăn để khỏi phải bật khóc. Khi nước ối vỡ ra, cơn đau thắt thôi thúc chị thở gấp và một sức mạnh vô hình đột nhiên buộc chị rặn đẻ. An cố hết sức mà không thể nào làm đúng như lời thúc giục của bà mụ. Cái thai khá lớn, xương chậu lại hơi hẹp. Chị rặn đến mệt lả, mồ hôi vã ra như tắm. Đầu óc chị quay

cuồng, tai chỉ nghe loáng thoáng tiếng bà mẹ khi năn nỉ, khi quát tháo. Tình trạng nhập nhằng kéo dài không biết bao lâu, đến lúc An dùng hết sức bình sinh lấy hơi rặn thật mạnh thì một cảm giác đau như xé pha lẫn tê dại ồ ạt đến, bùng vỡ như một cái xác pháo. An ngất đi, tai chỉ nghe tiếng bùng nhưng không thể phân biệt được đâu là tiếng gió thổi, tiếng trẻ oa oa chào đời, tiếng cười nói cuống quýt của bà mẹ lẫn tiếng hỏi thăm thảng thốt của Lợi ở hai bên vách buồng.

Rồi dần dần mọi sự nhiễu loạn tan đi. An cảm thấy rã rời, ê ẩm từng đốt xương thớ thịt. Chị mở mắt láo liên nhìn quanh. Môi chị khô. Người ta đã thay cho An một cái quần khác. Chị muốn xin nước uống, nhưng cửa buồng đóng kín. Bên kia vách có nhiều tiếng thì thào. An muốn cất tiếng gọi nhưng tự nhiên sợ hãi. Chị tự hỏi: Ta còn sống nữa không? Chị nhấc tay lên sờ mặt mũi. Má chị còn ướt nước mắt. Lưỡi chị liếm quanh đôi môi khô, cảm giác tê cay có thực. Chị còn sống đây mà! Chị còn sống! Còn sống! Chị đã vượt qua cơn thử thách ghê gớm. Đến lúc đó, chị mới bắt đầu thắc mắc về đứa con vừa mới ra đời giữa cơn đau xé của thân thể mẹ. Cửa buồng xịch mở. Và hình ảnh đầu tiên khiến An muốn nghẹn thở vì hạnh phúc là Lợi đang bồng trên tay một "con người" đỏ hồng, nhỏ xíu, ngang lưng có buộc một băng vải trắng. Lợi quên cả hỏi thăm sức khỏe vợ, đưa đứa con lại sát gần An khoe khoang:

- Con trai em ạ. Gớm ông tướng khóc to như cái tù và. Mãi bây giờ mới chịu ngủ một lúc.

*

* *

An nhìn đứa con mới sinh nằm bên cạnh mình với cảm giác bàng hoàng bán tín bán nghi. Chị vẫn chưa trọn tin sinh vật nhỏ xíu đỏ hồng ấy do chính mình cưu mang suốt chín tháng để cuối cùng chịu đau đớn rặn sinh nó ra đời. Dù không muốn, An cứ có cảm tưởng sợ sệt, gần như ác cảm với đứa bé. Chị thấy nó xấu xí, ghê ghê chẳng khác nào một con chuột con. Đầu đứa bé quá dài so với thân thể. Hai mắt sưng mọng, mi mắt đỏ bầm. Da thịt lấm chấm những vùng tím tím như hình những cái vảy tròn. Tóc thưa vài sợi dán chặt lên cái mỏ ác thoi thóp. Cánh mũi phập phồng. Đôi môi nhỏ mím lại, lâu lâu chúm lên nút nút như đang bú.

Chị tự hỏi: Con của ta đây sao? Con của mẹ? Hai tiếng mẹ con lần đầu đối với An có một âm hưởng đáng ngờ. Như vậy là ta đã làm mẹ đứa trẻ xấu xí này. Con! Mẹ! Con của mẹ! Mẹ của con! An không thể hình dung được mối dây thiêng liêng nào có thể buộc chặt chị với sinh vật xa lạ ấy. Vâng, đúng là nó hình thành từ trong bụng An, dần dần lớn lên từ máu huyết, thịt xương của An. Nó động đập một chút là An đau. Nó đúng là thành phần của chính An, không còn nghi ngờ gì nữa. Nhưng đột nhiên nó thoát khỏi An, tách rời thành một sinh vật xa lạ, thở khác nhịp thở An, sống khác đời sống An. Nó hoàn toàn xa cách vì chưa biết mở mắt nhìn An, chưa biết cười để chị âu yếm, chưa biết làm nũng để chị dỗ dành. Nó nằm đó, nhưng chưa tham dự chút nào vào nỗi vui buồn chung. Ngược lại, giữa hai mẹ con chỉ mới có cảm giác rã rời, gần như lạc lõng ê chề. Con của An? An nhắc đi nhắc lại mãi ba tiếng đó mà vẫn chưa thấy chút xúc động quyến luyến nào.

An không có sữa nên Lợi phải thuê thêm một chị vú. Suốt một tháng sau ngày ở cữ, chị lại phải chịu đựng những kiêng khem khắt khe. Căn buồng của An đóng kín mít gần như muốn ngột thở. Mỗi ngày hai lần

chị phải xông lửa để cho da dẻ được hồng hào sau khi sinh dậy. Thức ăn chỉ có cơm trắng quết muối tiêu, không khí trong buồng lúc nào cũng ngậy mùi dầu sả, mùi lá trầu cháy và mùi than. Cả Lợi lẫn ông giáo đều có quá ít hiểu biết về chuyện đàn bà sinh nở, nên bà mẹ được toàn quyền buộc An kiêng khem đủ thứ. Kết quả là sau một tháng, người An gầy xẹp, mắt yếu vì không quen ra ánh sáng. Mỗi ngày một lần chị vú bông con vào thăm mẹ, và niềm vui duy nhất của An là được chứng kiến sự biến đổi mau chóng của đứa bé. Càng ngày da thịt nó càng bớt đỏ. Hình dáng cân đối hơn. Khuôn mặt sinh động. Ánh nhìn bớt ngờ ngàng, và lâu lâu nó nhoẻn một nụ cười nhanh trong giấc ngủ. Chị vú bảo "bà mẹ" đang tập cho nó biết cười, biết khóc, biết tủi thân thút thít, biết chơi với đưa tay cầu cứu, biết đập đồ phản nộ. An tin lời chị vú vì qua những cử động, gần như vô thức, An thấy con dần dần làm quen với những phản ứng phải có trước mọi cảnh huống sẽ gặp mai sau. Lòng yêu thương nhờ đó đậm nét, và An quen thuộc, e ấp, hồi hộp mỗi lần chị vú đưa đứa bé cho An ôm vào lòng. Chị xúc động thật sự khi thì thầm bảo con:

- Cứng của mẹ. Thằng chó! Đập mẹ dữ quá, làm mẹ đau. Mẹ tưởng không sống nổi để trông thấy mặt con. Mai sau nhớ đừng làm mẹ khổ nhé! Đừng làm mẹ khóc nhé. Ấy ấy. Có mẹ đây. Việc gì mà sợ mà dơ cả hai tay chơi với thế kia. Có mẹ đây, con ngoan.

Không hiểu lời âu yếm của An có thấm được vào trí đứa bé không? Có lẽ có, vì sau đó, chị thấy nét mặt nó bình tĩnh hơn, lâu lâu nó mỉm cười.

*

* *

Lãng có về thăm chị khi An sinh được nửa tháng, nhưng anh không được vào buồng gặp An. Lãng chỉ được chị vú cho bông đứa bé một chút để biết hương vị làm cậu. Cũng như chị, Lãng chưa thấy tình cậu cháu có gì đậm đà. Anh ra về, lòng canh cánh thương hại cho chị, tiếc nuối giùm chị.

Ngày cúng đầy tháng, Lãng lại được dịp ghé thăm nhà và gặp được người mẹ trẻ. Lòng anh đau thắt khi thấy An gầy xanh, mắt nhìn ngơ ngác như vừa từ một thế giới khác trở về. Anh có cảm tưởng An là một chiếc thuyền sau bao ngày vượt sóng, bây giờ dạt được vào một bãi cát, nan thuyền rạn, cột buồm long, phải nằm phơi mình ê ẩm trên cạn để chờ tu bổ trước khi lại ra khơi phiêu lưu chuyển nữa. Rồi chuyển nữa. Cho đến lúc chỉ còn là một đồng vụn những gỗ mục không còn ai thèm đoái hoài. Vì nghĩ như vậy nên Lãng trốn đám khách khứa ồn ào của Lợi, xuống nhà dưới nói chuyện với chị. Lãng gặp cô Thọ Hương đang ôm đứa bé con An nựng nịu, trong khi An âu yếm nhìn người bạn cũ với ánh mắt kẻ cả, bao dung. Thấy Lãng đến, Thọ Hương bối rối chưa biết nên trả đứa bé cho mẹ để ra về hay nên tự nhiên ở lại để hàn huyên. An vui mừng vì được Thọ Hương đến thăm, hãnh diện là đẳng khác vì biết đó là dấu hiệu sự tín nhiệm của Tây Sơn vương đối với chồng mình. Chị cười hớn hở, đưa tay bảo Thọ Hương:

- .. Đưa... đưa... chị bông cho, không nó đi tiểu ướt hết bộ áo đẹp bây giờ. Ấy chết. Dám xưng chị với lại... với lại Quận chúa, thật vô lễ. Nhưng... nhưng bây giờ xưng hô sao đây hở Thọ Hương?

Thọ Hương co rúm người lại, sợ vô ý đứa bé lọt tay sẽ rơi mất, liếc về phía Lãng trước khi bảo An:
- Đừng nói thế, chị An. Có gì xảy ra chẳng nữa em vẫn là em của chị. Quận chúa! Nghe tức cười lắm. Mấy chị của em như bà Nhậm (Vũ Văn Nhậm), bà Trị (Nguyễn Văn Trị) thích được gọi thế này thế

nọ, riêng em, ai gọi Quận chúa em xấu hổ lắm. Cũng như trước kia...

Thọ Hương lại liếc về phía Lãng. Tự biết mình đã làm cho câu chuyện hai người bạn gái thiếu tự nhiên, Lãng nói với An:

- Em ra thăm cha một lát. Không, chị yên tâm. Em chưa về ngay đâu. Nghe nói anh Lợi đắp cho cha hòn giả sơn đẹp lắm. Em phải đi xem mới được.

Chờ cho Lãng đi khỏi, An mới hỏi bạn:

- Chị nghe nói Đông cung đã trốn đi rồi phải không?

Thọ Hương buồn rầu đáp:

- Vâng. Chị nghe tin ấy hồi nào?

- Cách đây mấy ngày thôi. Hình như lâu nay "ông ấy" vẫn ở chùa Thập Tháp mà!

Giọng Thọ Hương rời rã, lạc hẳn đi:

- Ông ấy ở đâu em cũng không thắc mắc nữa. Hết An Thái rồi lên Hà Riêu, từ Hà Riêu về Bồng Giang. Rồi Thập Tháp. Em thật xấu số. Em nói điều này chị đừng cười em bất hiểu. Đôi khi em oán cha em...

An vội cắt lời bạn:

- Em đừng nói đại! Cha mẹ ai không thương yêu con cái. Có ới mưa vật vã khi thai nghén, đau đớn đến oằn người khi sinh nở, rồi thức đêm thức hôm canh giấc con ngủ mới thấy vì sao cha mẹ thương con. Chẳng những nó là máu mủ của mình, mà còn là sự đau đớn của mình, sự sung sướng của mình. Nó là một phần thân thể của mình rồi, như cái chân cái tay vậy. Rồi sau này em có con em sẽ thấy.

Thọ Hương rơm rớm nước mắt nói:

- Làm sao em có con được! Em bây giờ chẳng khác nào một người đàn bà góa.

An giật mình ái ngại nhìn bạn. Đến lúc đó, chị mới thấy mình hớ. Chị lúng túng muốn nói điều gì khác để che lấp sự vô ý của mình. May mắn lúc đó An thấy vạt áo nhiều xanh của Thọ Hương bị ướt đầm. Chị hô hoán:

- Chết mất! Chị nói có sai đâu. Nó tiểu ướt cả áo em rồi!

Thọ Hương vội nhìn xuống áo. Giống như tất cả những phụ nữ chưa từng làm mẹ, Hương ngại ngùng, sợ nước tiểu hôi và bẩn. Cô vội trả đứa bé cho An, hai tay cầm hai chéo áo giật giật cho nước tiểu tung ra bớt, nét mặt không giấu được sự khó chịu. An cười bảo:

- Không sao đâu. Một chút là khô ngay. May chú ta không làm xấu lên áo em đấy. Em đã thấy chưa! Còn đòi có con nữa thôi. Nhiều hôm cả người chị ướt toàn nước tiểu. Ai đến gần chắc phải chết ngạt mất.

Hương không thấy vui trước giọng khôi hài của bạn, vẫn tiếp tục giật giật tà áo cho chóng khô. An hỏi:

- Lâu nay ở nhà em không bế các cháu con các anh chị sao?

Hương ngừng lên đáp:

- Có chứ. Hồi nhỏ em bỗng em đến chai cả hông, xương sống oằn lên. Nhưng lúc gia đình bắt đầu khá, các anh các chị ai cũng có nuôi vú cả. Vả lại, chúng nó hỏn lắm. Em không ưa!

An tò mò hỏi:

- Hồn à? Trước kia chị thấy mấy đứa con ông cả Nhậm ngoan lắm mà!

Thọ Hương bĩu môi đáp:

- Ngoan! Chị lầm rồi. Từ ngày về đây, chúng nó thành ông hoàng bà chúa cả! Người hầu trong nhà toàn là kẻ quen thân cũ, tuổi tác phần lớn đều cao. Thế mà chúng nó bắt phải thừa gửi vâng dạ đằng hoàng, y như trong triều đình vậy.

- Ông cả Nhậm không mắng chúng nó à?

- Mắng! Anh ấy còn bảo phải thế cho đúng khuôn phép nhà quan. Nhiều hôm chú Tám không chịu được cảnh chướng tai gai mắt, bỏ ra ngủ ở trại quân.

An nóng bừng cả mặt, cúi xuống hôn trán con, âu yếm dặn:

- Nghe không bé của mẹ! Lớn lên đừng kên kiệu, vô lễ với người già cả nghe không. Thế còn mấy cháu con anh Trị?

- Chị Trị đỡ hơn. Có lẽ tại chị ấy xấu hơn chị cả Nhậm. Đi đâu chị ấy cũng ngại bị người ta chê nước da đen nên cứ ru rú trong nhà. Chị An này, hôm qua chị Trị nhờ em dạy cho cách nhồi phấn nữa đấy. Chuyển vừa rồi chú Bảy có đem về biếu chị ấy mấy hộp phấn Tàu. Loại này hình như tốt hơn loại em biếu chị năm ngoái. Chị trông (Hương ngược mặt về phía ánh sáng cho An ngắm kỹ), em đòi phấn mà chị có nhận ra đâu.

An ngắm kỹ da mặt Thọ Hương, thấy trên làn da mịn màng có lấm tấm vài vết mụn xám. Nhưng đúng như Thọ Hương nói, An không phân biệt được làn da thật và lớp phấn ngoài, nếu chị không tình ý phân biệt được màu trắng hồng trên trán với màu ngăm ngăm ở tận dưới chân tóc. An trầm trồ khen:

- Em đòi phấn khéo thật. Có lẽ chị phải học em mới được.

Thọ Hương thích thú nói:

- Được chị khen em mới tin. Lâu nay không được đến thăm chị, em không biết nói chuyện với ai cả. Sau khi... sau khi xảy ra chuyện đó, em biết cha em ái ngại, nên nhân dịp đòi được phép ra thăm chị. Cha em bằng lòng ngay, nhưng buộc phải đi với mấy đứa gái hầu.

An lại hỏi:

- Xảy ra chuyện đó? Chuyện gì nữa vậy?

Thọ Hương kinh ngạc trố mắt nhìn bạn:

- Tâm trí chị bị thằng bé này thu hết rồi chắc! Thì em bảo sau khi Đông cung trốn vào Gia Định.

- À! Chị lú lẫn thật. Nhưng Hương này, chỗ chị em, Hương đừng giấu chị nhé. Đông cung bỏ đi, em có buồn không?

Thọ Hương suy nghĩ một lúc, rồi đáp:

- Khó nói lắm chị. Em không vui, nhưng cũng không buồn. Em quen rồi. Từ lâu em cứ định ninh mình đang ở góa, nên nghe tin, em buồn một lúc rồi thôi.

An liếc nhìn nét mặt trang điểm kỹ lưỡng của Thọ Hương, vụt miệng nói:

- Em nói thế chứ chị thấy em vẫn trẻ và đẹp như trước. Em chưa ở góa được đâu!

Thọ Hương lấy tay che miệng cười thú vị, ánh mắt long lanh vui sướng. Thọ Hương bảo bạn:

- Chị biết không: Một hôm chú Tám gặp em đang dồi phấn, chú ấy lẳng lặng đứng nhìn không lên tiếng cho em hay. Em vô tình tưởng không có ai, tiếp tục trang điểm. Đột nhiên chú cười xòa làm em giật mình, rồi bảo: "Để chuyện này tao vào dẫn nó về cho mày. Nó còn làm bộ thì căng ra đánh đòn, chứ không nhốt vào chùa làm chi cho nó dứt hết lòng trần, phí đi".

An lại cúi xuống ngấm con để giấu xúc động. Thọ Hương có vẻ thích thú vì câu pha trò của chú, cười đến chảy nước mắt. An kéo tay bạn hỏi:

- Lại sắp vào Gia Định đánh nhau lần nữa sao em?

Thọ Hương ngạc nhiên hỏi lại:

- Chị chưa biết gì à?

- Chị lo thằng bé này suốt ngày, có biết gì đâu!

Thọ Hương lấy giọng nghiêm trọng nói:

- Chuyện này chú Tám lo hết mọi việc. Thế anh Lãng không nói gì với chị à. Anh Lãng vẫn làm việc gần chú Tám mà! À quên, suýt tí nữa em quên mất một chuyện quan trọng. Không hiểu do đâu mà chú Tám biết hôm nay chị cúng đầy tháng cho cháu. Có lẽ chú nghe anh Lãng nói. Thấy em sắp sửa đến đây, chú Tám gọi em lại dặn: Gửi lời thăm và chúc hai mẹ con mạnh khỏe.

An chớp mắt cảm động, thì thào dặn bạn:

- Cho chị gửi lời cảm ơn. Hương đừng quên nhé!

*

* *

Chờ cho Thọ Hương về rồi, Lãng mới vào nhà gặp lại An. Vừa thấy em, An đã trách:

- Em sắp đi xa mà không nói cho chị biết.

Lãng kinh ngạc hỏi:

- Ai bảo chị thế?

- Lại còn hỏi. Ai bảo cũng được. Nhưng em không báo cho gia đình hay thì chắc chắn không được rồi. Tại sao em giấu?

Lãng tức giận đáp:

- Em có giấu chị chuyện gì đâu?

- Chứ không phải em sắp theo quân vào đánh Gia Định à?

Lãng thành thực nói:

- Em chưa biết gì cả. Em nói thực đấy.

An ngần ngừ, không hiểu. Chị hỏi:

- Thế tại sao Thọ Hương vừa nói với chị rằng...

- Cô Thọ Hương nói sao với chị?

- Nói ta lại sắp vào đánh Gia Định. Lần này do... do anh Huệ cầm quân. Chẳng lẽ em không biết gì cả!

Lãng lo âu nói:

- Như vậy câu chuyện mới còn bàn luận trong gia đình chứ chưa thành. Miệng lưỡi đàn bà, nhanh thật!

- Thọ Hương đã nói thì chắc đúng. Không biết chừng năm nay em ăn Tết xa nhà.

Lãng lo lắng bảo chị:

- Ăn Tết ở đâu mà chẳng được. Nhưng em lo chuyện khác kia!

An ngờ ngàng hỏi:

- Lao chuyện gì nữa?

- Chuyện anh Chinh.

Rồi không chờ cho An hỏi, Lãng nói tiếp:

- Chuyến vừa rồi ta vào đánh Gia Định, Duệ Tôn không có quân để chống lại phải kêu Tổng Phúc Hợp đem quân vào cứu viện. Nghe nói Hòa nghĩa quân của Lý Tài đã kéo hết vào nam theo quân ngũ dinh của Hiệp. Ở nơi đầu tên mũi đạn, làm sao nhận ra được anh em. Chị hiểu không...

An bắt đầu hiểu, nên cố xua ám ảnh xót xa vừa đến bằng cách gượng gạo bảo:

- Đất nước rộng mênh mông, em lo chuyện hão.

Lãng cãi lại:

- Nhưng chị nên nhớ chuyến này anh Huệ cầm quân chứ không phải anh Lữ. Em theo anh ấy hai năm nay, em biết. Không có lực lượng nào chống lại nổi đâu. Không có xó xỉnh nào để kẻ thù ẩn nấp, nếu anh ấy quyết truy nã đến cùng. Không phải như những kẻ hẹp trí chỉ cốt chờ cho được thóc gạo về là xong chuyện.

An nóng mặt vì bị chạm tự ái, gay gắt hỏi em:

- Thế nào mới là kẻ nhìn xa thấy rộng? Lãng đúng là kẻ nhìn xa thấy rộng hay chưa? Làm ơn cho chị biết đi!

Lãng thấy chị giận dữ mới biết mình nói hớ, lí nhí xin lỗi:

- Em ngay tình, xin chị đừng giận. Thôi, ta đừng nói chuyện ấy nữa. Vả lại đâu đã chắc gì đúng.

Rồi trở đứa cháu đang ngủ vùi trong tay mẹ, Lãng hỏi:

- Cha đã đặt tên cho nó chưa, chị?

An đã nguôi giận, chậm rãi đáp:

- Anh Lợi xin cha đặt tên cho. Cha bảo tùy ý anh chọn tên gì cũng được, miễn đừng trùng tên tổ tiên. Anh ấy chọn tên Phát đấy.

Lãng dầy nẩy:

- Sao không đặt tên Thái?

An bỡ ngỡ hỏi:

- Sao lại chọn tên Thái?

Lãng nôn nóng đáp:

- Chính chị hôm trước có bảo em định đặt tên con là Thái! An Thái. An Thái, chị có nhớ không?

An đỏ mặt vì sự quên lãng đáng trách của mình, vội bào chữa:

- Nhưng chị có được quyền đặt tên con đâu. Thôi, tên gì cũng thế thôi. Thái hay Phát đều tốt cả.

Lãng vẫn chưa bằng lòng, đỏ mặt cố nói:

- Nhưng, nhưng...

Anh định bảo chị: "Cái tên Phát cũng như tên cha nó là Lợi. Phát Lợi nghe có vẻ con buôn quá" nhưng Lãng biết trước câu nói đó sẽ cắt đứt tình chị em, không còn cứu vãn được nữa. Lãng âm ỉ để dẫn sự bất mãn.

Vừa lúc đó Lợi tiễn một người khách ra cổng, hai người chưa giải quyết xong công việc nên cả chủ lẫn khách còn tiếp tục bàn chuyện ở gần hòn non bộ, cách chỗ hai chị em ngồi khoảng chục bước. Lãng nghe Lợi nói:

- Vâng, bác cứ yên tâm. Thế nào ngày mai tôi cũng trình bày ngay với Thiếu phó. Giá cả có hơi cao đấy, nhưng việc này ta sẽ thương lượng sau. Các ông nhớ viết cho họ là chúng tôi cần đồng, sắt và diêm tiêu. Phải, bao nhiêu cũng mua. Được chứ, họ đến chúng tôi sẵn sàng tiếp đón. Các xóm đạo lâu nay chúng tôi có phá phách gì đâu. Chẳng những thế, hễ thấy ai bị đeo cái khoen sắt khắc hai chữ TẢ ĐẠO phải cắt cỏ voi, anh em chúng tôi đã vứt cái khoen ô nhục đó đi, giải phóng cho họ về với gia đình. Được, được. Miễn là phải có đồng, sắt, diêm tiêu, còn bao nhiêu nhà thờ muốn xây, điều đó dễ thôi. Ông về nhắn giùm với họ như thế nhé.

Ông khách đi khỏi, Lợi vội quay vào tiếp khách. Trông thấy Lãng đang ngồi nói chuyện với vợ, Lợi reo lên:

- Kìa, chú Lãng đây rồi. Anh tìm chú này giờ không thấy đâu. Anh vừa khoe rằng có một cậu em vợ thân cận với "ngài Phụ chính". Không, em đừng cười, phải nói thế họ mới sợ. Định quay qua tìm Lãng đã không thấy em đâu.

Không chờ Lãng trả lời, Lợi quay qua hỏi vợ:

- Em có biết ông khách vừa rồi là ai không?

An đáp:

- Không. Ai thế?

- Ông trùm xóm đạo dưới Gò Bồi đấy!

An ngơ ngác hỏi:

- Ông trùm nào?

Lợi âu yếm quệt má vợ trách:

- Em chóng quên quá. Mà quên cũng phải. Hơn mười năm rồi còn gì. Em có nhớ hồi gia đình ta vừa chạy nạn vào đây, ghé vào bến Gò Bồi không? Đó, ông khách lúc này là người đã giúp đỡ cho cha rất nhiều, lo giúp chỗ ở tạm, lo thuê giùm người vồng mẹ và vác đồ đạc lên An Thái. Hồi đó anh với bác Năm xuống Gò Bồi để nhận gỗ thai bài về cho ông biện. Kể cũng chóng thật. Hơn mười năm, bao nhiêu vật đổi sao dời.

Lãng khó chịu vì cái tính liếng thoắng của anh rể, nhưng vì tò mò nên phải hỏi:

- Ông ấy định bán sắt, đồng và diêm tiêu à?

Lợi cười lớn bảo:

- Không. Làm gì hần giàu thế. Hần có bao nhiêu của quý ấy tại Gò Bồi thì ta cứ việc đem lính xuống khuân về dùng, việc gì phải thương lượng! Câu chuyện nó như thế này: Một số tên truyền giáo người Hòa Lan, Tây Ban Nha và Anh Cát Lợi quen biết lớn với các hội buôn người Tây dương. Họ nhờ ông trùm đánh tiếng trước để hai bên thương lượng: phần các cố đạo sẽ liên lạc mua giúp cho ta các thứ ta cần, phần ta cho phép họ lập nhà thờ và truyền đạo. Ông trùm định gặp Thiếu phó, nhưng sợ đường đột quá không nên, vì vậy tìm đến đây gặp anh trước.

Rồi quay sang vợ, Lợi than:

- Anh Kiên tệ quá. Anh gặp anh ấy trên kho, nhắc đi nhắc lại mãi là thế nào anh ấy cũng rán tới cho vui. Anh ấy hỏi khách khứa có ai không. Anh bảo chỉ có những người tai mắt quen biết thôi. Anh ấy ậm ừ. Rồi không tới. Tính anh ấy sao sao ấy, anh chịu, không hiểu nổi.

Lãng định trả lời: "Có gì mà khó hiểu. Anh Kiên ghét cay ghét đắng lũ lăm lờn xun xoe" nhưng trông vẻ mặt van lơn cầu khẩn đến hốt hoảng của chị, Lãng giữ im lặng. An sợ em vụt miệng nói hỗn với chồng, nên giành nói trước. Chị hỏi:

- Cha đâu rồi anh?

Lợi vui vẻ đáp:

- Cha đang nói chuyện với ông khách Mỹ Cang. Không ngờ hần con buôn mà giỏi chữ đến thế. Thi ca đọc lâu lâu. Cha vừa đọc vài chữ, hần đã đọc tiếp cả bài dài không vấp một chữ.

Một ông khách ăn mặc chải chuốt lối lãng theo cách những tay giàu nổi từ nhà trên đi xuống dáo dác tìm ai. Trông thấy Lợi, ông ta reo lên:

- Á à, tìm thấy anh rồi. Trốn khách đi thủ thi với vợ phỏng?

Cả Lợi lẫn khách đều cười ha hả. Lợi vỗ vai khách hỏi:

- Ông Hiến đâu?

- Đang bàn chuyện thi ca kim cổ với ông cụ. Dạ thưa chị. Chị đã khỏe hần chưa? Gớm, bữa nay tôi mới biết vì sao anh Lợi hể xong việc là gạt hết bạn bè chạy một mạch về nhà. Cháu kháu khỉnh quá nhỉ. mấy tháng rồi chị? Trời ơi, tôi ngu quá rồi. Bữa nay cúng đầy tháng mà tôi hỏi cháu mấy tháng rồi. Anh Lợi này, tôi phải xin phép về thôi!

Lợi vội ngăn:

- Về sao được! Buổi tối còn một cuộc rượu nữa mà. Vả lại việc ta bàn chưa xong gì cả.

Ông khách hơi chột dạ trước đôi mắt xoi mói cú vọ của Lãng, xua tay từ chối:

- Không. Để lúc khác vậy. Xin phép chị. Cậu ở chơi nhé. Tôi về nhé, Lợi.

Lợi phải đưa ông khách ra tận cổng. Trước khi chia tay, ông khách kéo Lợi hỏi nhỏ:

- Đây, ông già vợ anh có bình thường không?

Lợi trợn mắt hỏi:

- Sao hỏi vậy?

- Vì gặp ai hơi lớn tuổi, ông già đều hỏi có phải hôm trước có đến tìm ông cụ mà không gặp phải không. Báo hại ông Hiến và mấy người khác ngớ ra, chẳng hiểu gì cả. Nhưng sau đó ông cụ lại ăn nói nghiêm nghị bình thường, đôi lúc khôi hài dí dỏm nữa. Chẳng hiểu làm sao hết!

Lợi đập vai bạn làm ăn, nói lớn cho qua chuyện:

- Thôi về nhé. Chuyện gì chưa xong, mai vào kho hãy hay.

Chương 40

Vào dịp rằm Trung thu năm trước (1775 Ất mùi), Lý Tài có tổ chức một bữa tiệc mặn linh đình tại phủ Phú Yên.

Đã hơn một tháng qua, từ ngày Nguyễn Huệ lấy lại được Phú Yên từ tay Tổng Phúc Hợp và trại chủ Tây Sơn giao toàn phủ cho Lý Tài cai quản. Dưới bàn tay cầm gươm quen hà khắc của bộ hạ Lý Tài, an ninh trật tự của miền đất nhiều lần đổi chủ mau chóng được văn hồi. Chế độ quân quản triệt để dành quyền sinh sát cho những người chỉ tin vào chân lý của lưỡi gươm, cho nên điều dễ đoán là suốt thời gian ấy, đâu đâu cũng có những đám ma trầm lặng dăm dúi. Kẻ chết không thể kêu oan được nữa, người sống nem nếp sợ hãi không dám khóc lớn, sợ làm những tên lính Hòa nghĩa say rượu giận lây đến kẻ vô tội yếu đuối. Người ta không dám đem đi chôn xác kẻ bị giết vào ban ngày vì những người đàn ông giàu từ tâm khiêng xác dễ bị xem là đồng đảng của nạn nhân. Lại càng không dám chôn vào ban đêm, vì khi mọi nhà bắt đầu lên đèn, tuyệt đối cấm không ai được ra khỏi cửa. Vì vậy, các đám táng thường dăm dúi lén lút vào lúc chạng vạng. Huyệt đào cạn, xác chết vùi nông qua quít cho kịp trở về trước khi đỏ đèn nên nhiều nơi chó hoang bới mộ giành nhau từng miếng thịt thối. Không khí vẫn đục vì mùi hôi thối và đe dọa khủng bố. Đã thế, đám tay chân vô học của Lý Tài nghĩ rằng chỉ có một cách làm vừa lòng chủ tướng là cần mẫn tàn sát những ai có liên hệ xa gần với quân ngũ dinh. Cuộc chém giết bi thảm liên miên, tưởng sẽ không bao giờ dứt!

Nhưng bữa tiệc trung thu năm ấy đánh dấu một khúc ngoặt bất ngờ cho quân sĩ Hòa nghĩa!

Lý Tài cho gọi tất cả những đàn em thân tín về phủ Phú Yên dự tiệc. Thay vì ăn bánh ngọt ngắm trăng, Lý Tài cho dọn rượu thịt ê hề ngay trong dinh phủ. Tòa dinh cũ đã bị đốt phá từ lâu, dinh mới làm bằng tranh tre tạm bợ nhưng nơi thiết tiệc rộng đủ để chứa trên một trăm thực khách.

Chủ tướng biết trước đám đàn em của mình toàn là sâu rượu nên đã đặt sẵn trên bàn tiệc từng vò rượu lớn. Đêm nay tha hồ say, uống bao nhiêu cũng có sẵn, đồ nhắm những bốn con heo quay và hai con bê thui. Mượn cớ thưởng trăng, thực sự là để mừng công lao hơn một tháng khó nhọc. Truyền thống của anh em Hòa nghĩa là dùng rượu để tắm quân công, nên dùng dê béo rượu nồng thay cho bánh trung thu là chuyện bình thường. Và vì rút kinh nghiệm những lần trước, để tránh những ẩu đả đáng tiếc trong cuộc say, yêu cầu tất cả anh em bỏ gươm giáo khí giới ngoài trạm gác của dinh phủ. Đây cũng là điều bình thường. Chinh nghĩ vậy khi tháo bao gươm giao cho tên lính gác.

Trong tiệc, Chinh ngồi giữa hai người lạ mặt, một người nam nói giọng Hội An và một người Tàu nói tiếng nam lõm bõm, lơ lớ. Chinh muốn tìm đến ngồi gần các bạn bè cũ để kháo chuyện thoải mái, nhưng anh thấy việc ngồi đứng lộn xộn có thể làm phiền lòng chủ tướng, nên dù khó chịu gò bó, Chinh vẫn ngồi yên chỗ cũ. Phía sau lưng Chinh là cánh cửa sổ trông thẳng ra cổng phủ. Anh thấy khi mọi người đã vào hết bên trong, cửa cổng được đóng lại cẩn thận. Cẩn thận hơn nữa, là hai toán lính gác chia nhau bảo

vệ cho phòng tiệc, lập vòng rào cẩn mật để phòng kẻ phá hoại lọt được vào trong phủ, gây rối bữa tiệc mừng công linh đình này.

Trên bàn chủ tọa, Lý Tài dầu dầu nét mặt như vừa gặp chuyện bực mình trước khi đến đây. Chính thấy ông mất hẳn vẻ linh hoạt thường có, lối nhìn và cử chỉ đều uể oải rời rã, như một người vừa mới khỏi bệnh.

Quả đúng như Chính đoán, Lý Tài không nói mấy lời xã giao mở đầu buổi tiệc. Viên phụ tá thay lời chủ tướng, xin lỗi anh em vì hơi mệt trong người nên chủ tướng chưa nói vài lời với anh em ngay lúc này được. Xin anh em cứ tự nhiên nâng chung rượu lên nốc cạn cho thỏa thích, khi anh em no say rồi, chủ tướng sẽ bắt đầu có vài lời nhắn nhủ với tất cả. Nói xong bằng tiếng nam, viên phụ tá lập lại một lần nữa bằng tiếng bắc (Tàu). Bấy giờ đa số Hòa nghĩa quân người Hoa trong tiệc mới cười nói xôn xao, và buổi tiệc bắt đầu một cách ồn ào, lộn xộn, không một chút khách sáo.

Vì hai người ngồi cạnh đều xa lạ nên Chính lặng lẽ ăn uống, không thể tìm được chuyện chung nào để góp chuyện với chung quanh. Người ngồi phía trái Chính tuổi còn trẻ, quá lắm khoảng hai mươi lăm tuổi là cùng. Anh ta có đôi mắt một mí và khuôn mặt vuông, hơi phệ ra trước tuổi. Vì là người cửa Hội, lại nghe anh ta nói tiếng bắc trôi chảy với những lính Hòa nghĩa gốc Hoa khác, Chính đoán anh ta người Minh Hương. Nhờ anh bạn này phiên dịch mà Chính nói chuyện được với người ngồi phía phải, biết bác này người Triều Châu, chuyên đi buôn biển và là bộ hạ cũ của Tập Đình. Để câu chuyện khỏi tẻ nhạt, Chính hỏi thăm thêm gia cảnh của bác, mới biết bác ta còn để lại ở Triều Châu một người vợ ốm yếu và hai đứa con, cả ba người chắc đang lóng ngóng chờ bác trở về với một ít của cải trong tay nải để thoát khỏi cảnh sống tồi tàn kiếm canh cặn cơm thừa nhà địa chủ. Lời tâm sự bất thường đó khiến Chính cảm động. Anh nghiêng vò rượu đổ thêm vào bát cho người lính già phiêu lưu, choàng vai bác ta mời rượu kết nghĩa. Lúc kể vai co vế bên nhau, Chính cảm thấy sườn phải của mình đau nhói. Anh kín đáo liếc chéo xuống mép bàn, thấy người ngồi bên phải chưa chịu gửi vũ khí, bên hông vẫn còn kè kè một thanh đoản đao.

Lấy làm kinh ngạc, Chính quay nhìn anh bạn trẻ phía trái, cũng thấy anh ta giấu đoản đao trong chiếc áo rộng. Thế là thế nào? Ai được mang vũ khí vào tiệc và ai phải nộp vũ khí tận ngoài cổng thành? Họ xem thường lệnh chủ tướng đến độ này sao? Tự nhiên Chính nhìn hai người kẻ cận với đôi mắt khác. Anh e dè lời ăn tiếng nói hơn, đúng ra từ đó về sau, anh chỉ lo ăn chứ không dám nói. Anh bạn trẻ người cửa Hội thì gợi chuyện luôn miệng, hết hỏi thăm chuyện gia đình Chính lại nói chuyện các trận đánh ở phía bắc, các thú ăn chơi ở cửa Hội, sự phồn thịnh còn gấp bội cửa Hội của một vùng đất Chính chưa từng biết: Sài côn, Biên Hòa trong phủ Gia Định. Để đáp lại các câu hỏi vồn vã, Chính chỉ ậm ừ cho xong.

Gần nửa bữa tiệc, đột nhiên viên phụ tá đứng dậy vỗ tay ra dấu bảo mọi người im lặng. Ban đầu nhiều thực khách chưa hiểu ông ta muốn nói gì, mắt hướng về phía bàn chủ tọa, nhưng tay vẫn gắp, miệng vẫn nói. Tiếng xì xào càng ngày càng lan rộng, người ta giơ một ngón trỏ lên trước đôi môi chum suýt nhỏ để khuyên người bạn lơ đãng vô phép hãy im lặng để chờ viên phụ tá nói. Ông ta nói ít thôi, đại khái báo trước bây giờ chủ tướng đã khỏe, và muốn tâm sự vài lời với tất cả anh em, Lý Tài giữ nét mặt lạnh lùng khó hiểu suốt thời gian viên phụ tá nói mào đầu. Khi viên phụ tá nói xong, Lý Tài mới uể oải đứng dậy, hai

tay chống lên bàn, nhìn quanh một lượt điểm mặt từng người để lập uy. Cả phòng tiệc nín thở vì một thứ sợ hãi kính cẩn bàng bạc. Lý Tài chậm rãi nói:

- Hỡi tất cả anh em!

Hôm nay tôi hơi mệt nên chắc không nói được nhiều với các trang hảo hớn đã từng vào sinh ra tử với tôi suốt bốn năm qua. Không có lòng trọng nghĩa khinh tài của anh em, không có dũng khí lâm liệt của anh em, làm sao tôi được ngồi chỗ này uống rượu với anh em. Tôi được nhấp một chung rượu ngon cũng là nhờ công anh em bảo bọc cho đến bây giờ. Nhưng thú thật với anh em, suốt mấy đêm tôi mất ngủ, và hớp rượu tôi vừa uống sao mà đắng nghét. Vì sao anh em biết không?

Lý Tài dừng lại nhìn quanh. Những người hiểu được tiếng nam thì im lặng trong chờ đợi nôn nao. Những lính Hòa nghĩa gốc Hoa thì im lặng vì không hiểu mà cũng không dám hỏi ai. Lý Tài đoán được điều đa số thực khách chờ đợi, nên đích thân nói lại bằng tiếng bắc. Khi nói bằng tiếng mẹ đẻ, Lý Tài tỏ ra hùng hồn hơn, lưu loát hơn. Ông say sưa giải thích vì sao mình mất ngủ nhiều đêm cho các bạn bè đồng chủng nghe, quên cả nói lại bằng tiếng nam cho những lính Hòa nghĩa người bản xứ giả khách khi gia nhập vào đạo quân của Lý Tài, Tập Đình. Chính hiệu tiếng Quảng Đông nên nghe được trọn những lời Lý Tài nói. Đại khái Lý Tài đã bảo:

- Vì sao tôi trần trọc không yên bao đêm, anh em biết không? Vì quá lo cho số phận anh em đó! Phải, tôi đâu đành lòng giấu anh em những điều liên quan đến sự sống chết của từng người. Tôi phải nói hết ra thôi, dù nói xong, sẽ có đôi người không hiểu đâm ra giận tôi, hoặc tệ hơn nữa đâm ra thù ghét tôi, xa lánh tôi. Từ bao năm nay, kẻ trước người sau, anh em đã vào sinh ra tử để dựng nghiệp cho trại chủ Tây Sơn. Anh em nhớ lại xem, chúng ta đã đánh bao nhiêu trận rồi? Từ phủ Phú Yên cho tới chân đèo Hải Vân, đâu đâu cũng có dấu chân anh em ta, đâu đâu cũng có máu bạn bè ta đổ xuống. Trận Bích Khê không có ta liều lĩnh xông lên thì tên Tiết chế Nguyễn Phúc Hương đâu có bỏ xác bên sông Lại! Trận Quảng Nam không có ta thì trại chủ làm sao rước được Đông cung. Ở đâu khó khăn nguy hiểm là trại chủ nhớ đến anh em ta. Thế mà, để đền đáp công lao khó nhọc hiểm nguy ấy, trại chủ đã làm gì? Anh em nhớ lại đi!

Lý Tài dừng lại lần nữa. Viên phụ tá đưa chung rượu lên mời chủ tướng. Lý Tài ngửa đầu uống một hơi cạn chung rượu, trả cái chung rỗng cho viên phụ tá, dùng ống tay áo chùi bọt trên mép, rồi giận dữ nói tiếp:

- Bao nhiêu của cải chúng ta thu được, nói đúng là mua được bằng máu của mình, chúng ta chất lên ghe định chở về cho vợ con mừng đã bị trại chủ tịch thu mất. Ông bạn Tập Đình của ta thẳng biết bao trận, vừa mới thua một trận Cẩm Sa đã bị dọa giết, đến nỗi phải dắt díu một số anh em chạy trốn về Quảng Đông. Còn riêng anh em chúng ta đây, thất tha thất thểu từ côi chết trở về, đi đâu cũng bị xua đuổi, thậm chí có người chỉ lỡ uống một bát rượu nhạt mà bị bêu đầu. Chúng ta bị đuổi vào cái xứ Phú Yên trên đe dưới búa này là vì trại chủ không muốn nhìn thấy mặt chúng ta ở phủ Qui Nhơn nữa, muốn mượn gươm giáo quân ngũ dinh diệt ta cho rảnh nợ. Anh em nghĩ mà xem, trại chủ đối đãi với ta như thế có đáng giận không. Một người như vậy có đáng cho anh em chúng ta thờ làm chúa không?

Nhiều người trên bàn tiệc, trong đó có bác người Hoa bên phải Chinh la lớn trả lời cho Lý Tài:

- Không! Không!

Lý Tài cười thỏa mãn rồi tiếp:

- Tôi mất ngủ vì lo đường sống cho anh em. Ở lại với trại chủ Tây Sơn thế nào cũng chết. Mà trốn đi như Tập Đình cũng không được. Ta về với Gia Định được không? (Lý Tài lắc đầu làm bộ tuyệt vọng, chán nản) Khó lắm. Anh em ta từ lúc dấy nghiệp đã giết biết bao nhiêu quan quân của Chúa, bây giờ về Gia Định có khác nào nộp mạng cho kẻ thù. Tôi đã lo nghĩ nhiều lắm, lo nghĩ từ lúc chưa được giao cho trấn giữ phủ Phú Yên này. Nhưng hoàng thiên không phụ lòng hào kiệt, nên tôi đánh bạo cử người đi liên lạc với Tiết chế Tống Phúc Hợp ở hòn Khôi. Quả nhiên tôi đoán không sai. Tiết chế hiểu lòng chúng ta, nên nhờ sứ giả nhắn lại là sẵn sàng đón nhận chúng ta hợp tác. Như vậy kẻ chúng ta tưởng sẽ thâm thù chúng ta thực ra là người hiểu chúng ta hơn ai hết. Con đường mai sau cho anh em chúng ta như vậy đã rõ. Không có cách nào khác, chúng ta phải bỏ Tây Sơn để về với Gia Định. Từ ngay sau bữa tiệc này. Anh em nào không thuận theo tôi, cứ tự do đứng dậy ra về để đoàn tụ với vợ con. Ngay bây giờ!

Từ câu "Không có cách nào khác..." giọng của Lý Tài cất cao, dần từng tiếng chẳng khác nào một lời thách thức, đe dọa. Lý Tài nói xong, mọi người nín thở, cúi gằm mặt xuống, không ai dám nhìn ai trừ những người có giấu vũ khí dưới áo. Lý Tài và viên phụ quét mắt nhìn ngang nhìn dọc chờ phản ứng của mọi người. Không khí phòng tiệc căng thẳng đến nỗi mọi người đều muốn ngộp thở.

Sự chờ đợi tưởng kéo dài đến vô tận. Đột nhiên ở dãy bàn trước mặt Chinh có tiếng xô ghế đứng dậy. Chinh ngẩng lên thấy một người đàn ông trạc bốn mươi tuổi thân hình cao lớn da đen cháy đang đứng thẳng trước mọi người, mặt hướng về phía Lý Tài định nói gì đó mà vì quá xúc động không nói được. Bác tức giận cho sự xúc động của mình, ấp úng mãi không thành lời, nên đẩy ghế ra xa lấy lối đi ra phía cửa chính. Biến cố bất ngờ ấy khiến Lý Tài xanh mặt vì giận, nhưng môi ông vẫn mỉm cười. Có tiếng lao xao nổi lên khắp phòng, vì tiếp sau đó, có ba người nữa xô ghế đứng dậy bỏ ra. Lý Tài cười nhỏ rồi hỏi lớn:

- Còn ai nữa không?

Một thanh niên ngồi gần cửa ra vào đứng dậy theo gót ba người vừa đến gần cửa. Số còn lại không ai dám nhúc nhích, trong đó có Chinh. Trong khi mọi người lăm lét chờ xem phản ứng của Lý Tài, thì đột nhiên từ phía cổng thành dội vào tiếng thét quát chúa rồi uất nghẹn của một người bị đâm bất ngờ. Đã quá quen với mọi âm thanh đau đớn trong cảnh gươm giáo, Chinh xác định được ngay trường hợp tử thương của nạn nhân. Sau đó lại có tiếng rượt đuổi khẩn cấp, tiếng hò reo, tiếng chân chạy, tiếng rên rỉ van xin rồi cuối cùng vẫn là tiếng thét xé ruột đau đớn.

Chinh nổi gai ốc vì hãi hùng, tay chân tự nhiên run rẩy. Lý Tài lại hỏi:

- Còn ai nữa không?

Không có ai trả lời.

Lý Tài cười ha hả, rồi truyền lệnh:

- Anh em đâu, hãy giúp đỡ những người còn ngần ngại nhưng sợ hãi không dám đứng dậy. Phải để cho họ thời gian suy nghĩ chín chắn, bằng cách cho họ được yên tĩnh. Ta bắt đầu đi thôi!

Trước khi Chinh kịp ngước lên, anh đã bị hai người kế cận chụp lấy hai cánh tay, bẻ quặt ra sau lưng

để dẫn đi. Chinh bị trói thúc kè thật chặt, bị bịt mắt dẫn vào "chỗ yên tĩnh" để suy nghĩ chín chắn hơn trước khi lựa chọn, như lời của Lý Tài.

*

* *

Chinh bị giam chặt trong một căn nhà kín cửa, thấp và hẹp, căn nhà có lẽ trước đây dành cho lính gác phủ nằm chờ đến phiên đổi canh. Hai ngày đầu ngoài người đưa cơm nước không có ai đến hỏi anh điều gì. Nằm một mình Chinh nghĩ đến đủ điều. Điều trước tiên luôn luôn ám ảnh Chinh là cái chết. Chinh nghĩ thế nào mình cũng bị Lý Tài giết!

Vì sao trại chủ gửi anh xuống Tuy Viễn làm một thứ tù viên cho Tập Đình và Lý Tài, anh hiểu rõ và chắc chắn Lý Tài càng hiểu rõ hơn anh. Ban đầu cả trại chủ lẫn Lý Tài đều đánh giá anh quá cao. Nhạc chờ đợi những tin tức quý giá của Chinh từ nội bộ của Trung nghĩa quân và Hòa nghĩa quân, còn Lý Tài thì hết sức cảnh giác, dè dặt cẩn thận từng lời nói, cử động để Chinh khỏi sinh nghi. Sự hiểu lầm đó kéo dài hàng năm. Cho đến lúc sự thực lộ lộ là Chinh không đúng là kẻ Nhạc tin cậy. Ngược lại, Lý Tài khám phá rằng mình đã tìm được một đàn em có bề thế, có đờm lược, gan dạ, liều lĩnh mà hết sức vô tâm. Chẳng những Chinh vô hại, mà còn trở nên cái gạch nối cần thiết giữa Lý Tài và bộ phận đầu não của Tây Sơn. Sau khi Lý Tài cứu được Đông cung Dương khỏi cái chết dưới tay Tập Đình, và nảy sinh quyến luyến thông cảm giữa một ông hoàng chính thống và một tên phiêu lưu ngoại hạng, thì Chinh lại trở thành người đồng chí của Lý Tài. Ông giáo hết lời cổ động cho giải pháp hoàng tôn, Lý Tài cũng đặt hết vốn liếng vào hoàng tôn, cho nên khi phái bộ Nguyễn Phúc Chất đi vào Phú Yên cầu hòa do gợi ý của giáo Hiến, Lý Tài đã hy vọng tràn trề. Những gì diễn ra sau đó đặt Lý Tài vào cái thế khó xử, giống y cái thế khó xử của ông giáo. Khi ông giáo bị cô lập, thì đám đàn em Hòa nghĩa quân của Lý Tài cũng bị tập trung vào một địa điểm xa phố xa chợ cho họ bớt phá phách quấy nhiễu nhà dân. Sự thông cảm vì đồng cảnh ngộ giữa Lý Tài và ông giáo, có lẽ trong thực tế chưa bao giờ có cả. Nhưng Lý Tài vẫn tưởng tượng rằng có một nhà nho học thức uyên bác vì hành động như mình mà chịu cảnh ngộ y như mình, như thế mình phải có gì uyên bác, sâu sắc, trông xa hiểu rộng như ông giáo Hiến chứ! Ảo tưởng ấy là cái dù che chở cho Chinh bao năm, làm sao Chinh hiểu được sự thực phức tạp ấy!

Chinh chỉ nghĩ Lý Tài nghi ngờ mình là người của Nhạc từ đầu chí cuối, nên nhất định sau khi tra khảo cho ra manh mối, đường dây, bẻ lũ, thế nào Lý Tài cũng sai đàn em đâm cho anh một nhát!

Sau ngày thứ ba Lý Tài mới sai bộ hạ xuống nhà giam dẫn Chinh lên gặp mình. Bọn lính Hòa nghĩa sợ Chinh trốn thoát nên trói thật chặt. Lý Tài quát mắng chúng ngu dốt, không chờ đàn em mở trói, lấy gươm cắt đứt sợi dây dừa, lừ mắt đuổi hai tên lính áp giải đi, rồi vồn vã mời Chinh ngồi chung một chiếu với mình. Thấy Chinh xoa xoa lên vết bầm ở cổ tay, Lý Tài kêu lính hầu bảo lấy dầu bóp cho Chinh, rót nước trà ngon mời Chinh uống. Chinh nghĩ: lão ta càng sẵn đón vồn vã, ta càng tuyệt vọng. Đây là trò quen thuộc của con mèo vờn con chuột. Vì định ninh thế nào Lý Tài cũng giết mình, nên Chinh hết sức bình tĩnh, thản nhiên nhận chén nước trà từ tay Lý Tài uống từng ngụm chậm rãi.

Lý Tài mỉm cười nhìn Chinh hỏi:

- Hai ngày qua ăn ngủ được chứ?

Chinh đặt chén nước xuống khay, đáp:

- Dạ được. Hơi nhiều muối một chút.

Lý Tài khoái trá vì sự bình tĩnh lạ kỳ của Chinh, hỏi thêm:

- Chúng nó cho ăn uống thế nào?

- Cơm hơi thiếu. Họ lại quên mang dưa.

Lý Tài cười ha hả, đưa hai tay lên trời hô hoán:

- Thật thế à! Lũ này thiệt lơ đãng quá sức. Để ta trị cho chúng một trận.

Rồi không chuyển mạch quanh co, Lý Tài hỏi:

- Vì sao đêm tiệc anh không đứng dậy ra về?

Chinh bậm môi để thêm can đảm, liều lĩnh trả lời:

- Tôi đâu có dại đi tìm cái chết.

Lý Tài hấp tấp hỏi:

- Sao anh biết có phục binh ở ngoài cửa?

- Có phục binh ở ngay trong bàn tiệc nữa kia! Nhiều người giấu đoản đao dưới áo.

Lý Tài giả bộ hốt hoảng:

- Chúng nó lộng đến thế kia à! Quá lắm rồi. Nhưng may mắn là hôm đó không sinh ẩu đả ngay giữa tiệc. Chỉ tiếc là anh em gác cổng giận dữ không đúng lúc, làm mất hòa khí giữa anh em với nhau. Ta sai đóng gông chúng lại hỏi tội, chúng nó khai vì giận bọn phản trắc muốn bán đứng anh em nên mới lỡ tay như vậy. Kể ra bọn võ biên nông nổi ấy cũng có điểm đáng khen là trọng nghĩa bạn bè và giận điều bất nghĩa. Hóa ra hôm ấy anh hiểu lầm chúng tôi có kế hoạch phục binh trước. Anh lầm rồi. Nhất định không có đâu. Giả sử không có phục binh, hôm ấy anh sẽ làm gì? Ngồi lại với chúng tôi, hay bỏ về Cù Môn với anh em Tây Sơn?

Chinh do dự, vì biết mạng sống của mình tùy thuộc hoàn toàn vào câu trả lời này. Anh không có cách nào để lựa chọn nữa. Chinh cố nén đau xót đáp:

- Tôi sẽ ngồi lại.

Lý Tài vui mừng chồm đến vỗ vai Chinh, ha hả cười. Ông nói:

- Ta biết thế nào anh cũng ở lại với ta. Bây giờ ta mới nói thật cho anh biết: ở đây nhiều người nghi ngờ anh là tay chân thân tín của Nhạc, muốn giết anh ngay trước bữa tiệc trung thu. Nhưng ta không tin. Anh là tay hảo hán đờm lược, thẳng thắn, can đảm mà không liều lĩnh vô lối, bình tĩnh trước cả cái chết. Ta thích anh ở chỗ đó. Ta không muốn giết anh, tuy giết anh quá dễ. Ta còn nể tình ông giáo là người từ đầu chí cuối có nhiều điều hợp ý ta. Anh biết tin nhà chưa?

Chinh lo âu hỏi:

- Tin gì ạ?

Lý Tài làm bộ đau xót nghiêm trọng, bảo:

- Ta vừa mất một người thầy đáng kính. Nhạc giết cha anh rồi.

Chinh bật dậy, chồm đến sát Lý Tài thẳng thốt hỏi:

- Thật thế sao? Ai cho tin đó?

Lý Tài chậm rãi rót nước uống, chờ đến lúc Chinh bị xúc động tột độ mới nói:

- Cũng dễ hiểu thôi. Từ khi phái bộ Nguyễn Phúc Chất bỏ đi, ông Nhật đã nghi ngờ cha anh là kẻ chủ mưu. Anh ở Cầm Sa về thấy cha anh sống thui thủi hiu quạnh ra sao, anh còn nhớ chứ. Nếu không có Huệ thì Nhạc đã giết cha anh từ lâu rồi. Đến lúc lấy được Phú Yên và được Chúa Trịnh phong tước, Nhạc quyết dứt tình với họ Nguyễn, thì số phận cha anh không có cơ cứu vãn nữa. Anh còn muốn về thắp hương trên mộ cha không?

Chinh cảm hận, bậm môi vì tức giận. Chờ cho bớt nghẹn, anh nói:

- Muốn lắm chứ. Tôi còn muốn có cái đầu kẻ thù để tế cha nữa kia.

Lý Tài vội nói:

- Anh sẽ toại nguyện. Uống thêm chén trà nữa. Anh về tắm rửa, rồi lên đây ta giao việc cho. Anh hãy vui lên đi, nhất định anh sẽ toại nguyện!

*

* *

Từ khi cắt đứt được mối ràng buộc tinh thần với Tây Sơn, Chinh cảm thấy thực sự thoải mái. Chưa có thời kỳ nào anh khoan khoái với sự tự do, buông thả trọn vẹn như thời này!

Tâm trí anh không bị những kiềm tỏa vô hình nhưng khắt khe của nguyên tắc đức lý từng là khuôn mẫu hành động và suy nghĩ của gia đình Chinh, những nguyên tắc bám sát vào anh như một thứ ám ảnh, nghiêm khắc theo dõi anh chẳng khác nào đôi mắt của ông giáo. Anh cũng cởi bỏ được những ràng buộc phức tạp cột chặt con người với quá khứ của dân tộc, với mảnh đất tổ, với xã hội đã bảo bọc nuôi nấng anh sống và trưởng thành, những ràng buộc liên kết người đồng chủng thành một tập thể giữ vững các truyền thống, nuôi dưỡng tình tự dân tộc, tạo nên sức mạnh tồn tại và chống các hiểm họa thôn tính của ngoại bang. Những điều siêu linh rắc rối như một mớ bong bong, mơ hồ như sương như khói đó thật không thích hợp với bản tính Chinh. Nó đè nặng lên tâm hồn anh như một món nợ truyền kiếp từ lâu anh muốn quẳng nó đi để khoan thai vùng vẫy, buông thả theo bản năng mà không thể được.

Bây giờ dứt khoát với Qui Nhơn để theo đám Hòa nghĩa quân của Lý Tài, Chinh đã thực hiện được ước mơ thầm kín bấy lâu!

Anh tung tăng hớn hở trong một tập thể hoàn toàn khác biệt với gốc gác Chinh. Họ nói thứ tiếng khác, có những kỷ niệm khác, quá khứ khác, thói quen khác, dự ước khác. Anh không gặp họ trong các cuộc tranh chấp của quá khứ, và cũng không va chạm với họ, cạnh tranh với họ trong dự tính tương lai. Anh muốn mặc thế nào cũng được, xốc xếch cầu thả không ai chê là khiếm lễ, hoa hòe chưng diện không ai chê là lỗ lã. Muốn ca hát nghêu ngao tùy thích không ai chê trách. Đôi lúc bạo tay một chút trong các trò vui chơi cũng không ai chê trách. Được sống trong thế giới vô danh ấy, Chinh thơ thối vẫy vùng như con cá được thơ thối tung tăng trong dòng nước mát đầy mồi ngon.

Những cuộc chè chén thỏa thích, những trò đùa khi thô bạo khi mơn trớn cảm giác, những hứa hẹn

của cuộc phiêu lưu không mục đích như tên lãng tử khao khát được sống mỗi giờ trên một đoạn đường khác nhau, những khoái lạc được làm điều cấm kỵ, đó là phần thưởng của một lựa chọn thụ động nhưng không phải là bất đắc dĩ.

Suốt thời gian theo sát Lý Tài ở Phú Yên, Chinh được sống đầy đủ với cảm giác buông thả tốt độ. Nhiều đêm anh cũng có đôi chút hối tiếc như con sông nhớ nguồn, hoặc cô đơn lạc loài giữa tập thể xa lạ. Anh nhớ nếp sống đơn giản trầm lặng của gia đình, nhớ cha và các em. Nhưng các giây phút lạc lõng ấy thật hiếm hoi so với nguồn khoái cảm anh vừa tìm được. Những bịn rịn nuôi tiếc mỗi ngày một nhạt đi, trong khi niềm nao nức được sống thật đầy thật đậm luôn sôi sục trong hồn Chinh. Bầu trời Phú Yên trở nên quá hẹp. Chinh mơ ước tung tăng trong một vùng trời mới rộng hơn, hoang dã hơn, sống động nô nức hơn.

Chinh được thỏa nguyện khi Tổng Phúc Hợp kéo đám quân Hòa nghĩa của Lý Tài vào Gia Định tiếp cứu Duệ Tôn tháng Sáu năm Bính thân (1776). Cuộc đời Chinh đã qua một giai đoạn phiêu lưu khác.

*

* *

Gia Định thời bấy giờ đúng là một vùng đất lý tưởng của những kẻ phiêu lưu. Miền đất còn tương đối hoang dã và hung bạo này cuốn hút đủ hạng người. Những toán cướp biển, sau bao ngày lênh đênh kiếm ăn trên sóng cả, tìm được một chỗ lau lách khuất lấp chẳng chịt sông rạch thiếu bóng luật pháp để nghỉ ngơi. Những con buôn tìm được mảnh đất thuận lợi để xây phố lập chợ thu mua nông phẩm hương liệu rẻ mạt và bán hàng nhập khẩu với giá cắt cổ, thu được vô số lời trong khoảng thời gian ngắn ngủi. Những tay phiêu lưu quốc tế không nơi dung thân trên các vùng đất ổn cố lâu đời tìm được nơi thi thố bạo lực và sự xảo trá, kết bè lập đảng khuynh loát quyền hành, hy vọng tìm được lợi lộc và danh vọng theo ngõ tắt. Những bọn thực dân phương tây dáo dác đi tìm thị trường ở Á Đông sau khi lập được các thương hội đồ sộ ở Ma Cao và Ấn Độ tìm thấy ở đây một trạm dừng chân, sau đó là cửa ngõ để tiến sâu vào nội địa các nước còn yếu kém lạc hậu chuẩn bị cho các cuộc xâm lăng qui mô sau này. Những nhà truyền giáo dựa vào tài trợ của bọn thương nhân giàu có tìm được vùng đất hứa để thực hiện hai thứ khát vọng mâu thuẫn nhưng bổ khuyết cho nhau là khát vọng quyền lực và khát vọng phụng sự Thiên Chúa. Với các sắc dân hỗn tạp sống chen chúc nhau dọc theo các bờ sông rạch, đông nhất, có thể lực kinh tế cao nhất là người Hoa, ý niệm về dân tộc, về đức lý, về truyền thống, về sự cần thiết của tôn ti trật tự, về sự thắng tiến bình thường qua học thức, tài năng và tuổi tác, hoàn toàn không cần thiết. Mọi sự đều cho phép, trừ sự thất bại. Chưa bao giờ sức mạnh của gươm giáo, và sau này thêm sức mạnh của thuốc súng và tiền bạc được suy tôn đến bậc cao như vậy. Tất cả đều được phép, trừ sự thất bại. Chưa có ý niệm sống nào thích hợp với bản tính của Chinh hơn!

Chinh theo Lý Tài vào Gia Định chẳng bao lâu thì Tổng Phúc Hợp chết. Từ địa vị một hàng tướng, Lý Tài đột nhiên trở thành nhân vật hàng đầu nắm giữ một đạo quân hùng mạnh có hậu thuẫn tài chính dồi dào của thương nhân Hoa kiều ở Sài Côn và Trấn Biên, đe dọa địa vị của Đỗ Thành Nhân, chỉ huy quân Đông sơn ở Ba Giồng. Đối với viên lão tướng nhiều công trận và được dân chúng thương yêu như Tổng

Phúc Hợp thì Đỗ Thành Nhân không dám tị hiềm ganh ghét gì. Nhưng đối với tên hàng tướng Lý Tài, Nhân không thể chịu đựng được vẻ tự đắc kiêu mạn của hắn, Duệ Tôn lại có ý muốn dùng Lý Tài để củng cố địa vị yếu đuối bấp bênh của mình. Không dẫn được tức giận, có lần Đỗ Thành Nhân đã mắng Lý Tài là "đồ chó heo". Giận dữ đến điên cuồng vì bị sỉ nhục, Lý Tài kéo quân Hòa nghĩa lên đóng riêng ở núi Châu Thới, chuẩn bị đồn lũy khí giới để tiêu diệt quân Đông sơn của Nhân. Nhân biết vậy đem quân đánh núi Châu Thới trước, nhưng bị thua. Đỗ Thành Nhân và Lý Tài đã trở thành hai kẻ thù không thể đội chung một bầu trời, hăm hè chờ cơ hội sống mái với nhau trước nỗi lo âu sợ hãi của Duệ Tôn.

Đúng lúc đó thì Đông cung Dương trốn được khỏi chùa Thập Tháp để vào Gia Định vào tháng Mười năm Bính thân (1776). Tình cảnh Đông cung chẳng khác nào một con chim lạc bầy lơ lảo tìm mãi không ra một tổ ấm. Đông cung định nương náu ở đâu đây? Náu tạm trong cái dinh lợp tranh tồi tàn, vách ghép bằng những miếng ván gở từ nhà thờ các giáo sĩ dòng Phan-xi-cô ở Bến Nghé, chung đụng với kẻ đã từng bỏ rơi Đông cung lại Quảng Nam để mượn gươm giáo Tây Sơn giết giùm hay sao? Đông cung còn quá minh mẫn để quên cái hận ngày trước với Duệ Tôn, và sau cuộc đào thoát hiểm nguy, vẫn còn đủ bình tĩnh để nhận ra vẻ mặt cau có của Duệ Tôn mỗi lần gặp mình. Về Ba Giồng với quân Đông sơn ư? Lòng dạ Đỗ Thành Nhân nông sâu thế nào thật khó lường, nhưng chắc chắn nếu Nhân phải lựa chọn, thì nhất định Nhân chọn Duệ Tôn hơn là chọn Đông cung. Nhìn quanh quần Đông cung chỉ thấy có một chỗ tạm trú thích hợp là núi Châu Thới của Lý Tài.

Ởn cứu tử của Lý Tài vẫn còn đó. Kỷ niệm tình quyến luyến giữa Lý Tài và Đông cung ở Qui Nhơn còn đó. Đông cung cũng thừa biết cả mình lẫn Lý Tài còn cần dựa vào nhau để sống còn. Đạo quân Hòa nghĩa tuy là hàng binh, nhưng vào được Gia Định, sống giữa xã hội những người Hoa lưu vong giàu có, họ lấy lại đầy đủ tự tín nên sung sức hơn bao giờ hết. Đông cung cũng biết các thế lực Hoa kiều ở Gia Định hậu thuẫn mạnh mẽ cho Hòa nghĩa hơn là cho Đông sơn. Sức mạnh và tiền bạc lúa gạo đã có, Lý Tài chỉ còn cần một lá cờ để phát. Đông cung vào Gia Định đúng lúc Lý Tài đã kéo quân lên núi Châu Thới xây thành đắp lũy mà chưa tìm ra một lá cờ để kéo lên đỉnh núi phô phang khắp thiên hạ.

Do đó, Đông cung xin Duệ Tôn cử Nguyễn Danh Khoáng lên Châu Thới triệu Lý Tài về giúp việc phòng thủ Sài Côn. Lý Tài nghi ngờ đây là một thứ kế điệu hổ ly sơn để tiêu diệt, bắt giữ Nguyễn Danh Khoáng lại, rồi kéo quân về Sài Côn. Quân Đông sơn thấy quân Hòa nghĩa rầm rập kéo đến vội chạy về căn cứ ở Ba Giồng. Duệ Tôn chạy theo Đỗ Thành Nhân. Đông cung ở lại trong thành, sai kéo cờ hiệu đề mấy chữ "Đông cung phụng mệnh chiêu an" khi Lý Tài thúc trống ầm ầm chia quân bao vây thành Sài Côn. Thấy cờ hiệu của Đông cung, Lý Tài truyền lệnh hạ khí giới, rồi dẫn quân ngạo nghễ đường hoàng tiến vào cổng thành bỏ ngõ để yết kiến Đông cung. Lý Tài mời Đông cung về bàn doanh của Hòa nghĩa quân tại Thủ Dầu Một bàn luận suốt ngày. Họ dựa vào nhau để thảo kế hoạch thực hiện một cuộc đảo chính không đổ máu. Lý Tài và Đông cung sai Trương Phúc Thận đi rước" Duệ Tôn từ Ba Giồng về chùa Kim Chương ngoài thành Sài Côn, để ngay tại ngôi chùa nổi tiếng này, ngày Kỷ tị tháng Mười Một năm Bính thân (1776), trước mặt Lý Tài dương dương tự đắc và đám triều thần văn võ khiếp nhược thu nhỏ người lại, Duệ Tôn phải nhường ngôi cho Đông cung, để nhận cái vị hàm Thái Thượng vương. Đông cung lấy hiệu là

Tân Chính vương, ban ngay cho Lý Tài chức Bảo giá đại tướng quân, Nguyễn Phúc Chất chức Thiếu phó, Nguyễn Phúc Xuân chức Chương cơ, Phạm Công Lý chức Nội tả. Tay phiêu lưu quốc tế lừng danh một thời, sau khi bị một ông vua đẩy ra lề lịch sử, đã đích thân dựng lên một ông vua khác cho cái xứ còn hoang dã cực nam này.

*

* *

Cuộc tiến công càn quét Gia Định lần đầu của Tây Sơn nửa năm trước vẫn còn là một ám ảnh khủng khiếp đối với dân buôn bán Hoa kiều ở Trấn Biên và Sài Côn. Trong hai trăm ghe bầu đầy ắp lúa gạo và hàng hóa tịch thu được ở Gia Định do Thiếu phó Nguyễn Lữ đem về Qui Nhơn, tài sản của Hoa kiều chiếm phân nửa. Có thể là hơn phân nửa, vì lúa gạo Gia Định và Trấn Biên đều thuộc vòng chi phối của các con buôn mề cốc. Chính số con buôn người Hoa này bỏ vốn cho nông dân nghèo vay trước để khẩn hoang, lập đồn điền, vỡ ruộng, nhằm bảo đảm mua trọn số nông phẩm thu hoạch được với giá hời. Do đó, họ mừng rỡ vô cùng khi thấy có một đạo quân hùng mạnh nhiều kinh nghiệm tách rời khỏi hàng ngũ Tây Sơn vào nam bảo vệ quyền lợi của họ. Hơn thế nữa, đạo quân này đa số là người Hoa, do một chủ tướng người Hoa điều khiển.

Các bang hội Hoa kiều ráo riết vận động để tài trợ cho Hòa nghĩa quân của Lý Tài. Đã từng bị đe dọa trực tiếp đến mạng sống và tài sản, nên phần lớn Hoa kiều buôn bán ở các phố đều hăng hái đóng góp nuôi dưỡng Hòa nghĩa quân. Một số thanh niên Hoa kiều xin gia nhập Hòa nghĩa, khiến quân của Lý Tài từ tám nghìn dần dần lên gần một vạn.

Chinh cũng trở thành một nhân vật đặc biệt được đón tiếp nồng hậu ở các cuộc hội họp, đám tiệc, lễ lạt của cộng đồng Hoa kiều giàu có đó.

Thân thế của Chinh có nhiều điểm đáng chú ý đối với dân buôn bán Hoa kiều. Chống Tây Sơn như đám quan quân hoặc dòng họ nhà Nguyễn lưu lạc từ Phú Xuân vô Gia Định, điều ấy hiển nhiên, dễ hiểu. Những người mang dòng họ Nguyễn Phúc, Tống Phước, Nguyễn Khoa, Nguyễn Cửu, nói tiếng trợ trợ hăng hái chống Tây Sơn là điều bình thường. Những người từng cộng tác đặc lực với Tây Sơn, lãnh vai tiên phong trong các cuộc đánh nam dẹp bắc như Lý Tài, Chinh mà nay quay sang chống Tây Sơn mới thật đáng chú ý. Huống chi Chinh là một người nam trẻ tuổi, con trai viên quân sự từng làm việc với Nguyễn Nhạc từ thời khởi dấy. Đối với giới Hoa kiều, Chinh không có cái đáng khinh của một kẻ đầu hàng hèn nhát, ngược lại, anh có cái hấp dẫn huyền nhiệm dễ gợi tò mò của một người từng phải trải trở đầu lòng, cuối cùng lựa chọn "con đường đúng". Nói tắt một là, theo nhãn quan của giới con buôn Hoa kiều, Chinh là một kẻ "cải tà qui chánh".

Lý Tài mau chóng nhận ra sức hấp dẫn quần chúng" và giá trị tuyên truyền của Chinh, nên đi đâu cũng dẫn Chinh đi theo. Thời đó các bang hội Hoa kiều ở Trấn Biên hội họp liên miên, theo truyền thống cuộc họp nào cũng có kèm theo tiệc tùng thịnh soạn. Chinh mặc sức được cung phụng, cưng chiều. Không có ngày nào Chinh không dự tiệc. Cửa hưởng thụ mở toang trước mặt Chinh. Các trò vui lạ mắt kích động cảm giác. Chinh tò mò, mon men bước vào như một người tập sự. Dù sao anh vẫn chưa quên được những

lời nghiêm huấn của cha. Anh tự nhủ: làm trai cái gì cũng phải biết, miễn là có đủ ý chí để không lụy như những kẻ thường tình. Anh hút thử thuốc phiện, lần đầu bị nôn ọe nhưng không muốn bị chê cười, Chinh hút tiếp lần thứ nhì, lần thứ ba... Anh được mời mọc đến các xóm yêu hoa đất giá, được cho xem những tập đồ hình tố nữ đang biểu diễn các kiểu chần gối trong phòng khuê (mà người ta thì thầm kháo nhau rằng tác giả là Thạch Liêm lão hòa thượng trụ trì Thượng Thọ Am ở Quảng Đông. Thích đại sán), được biểu bộ sách quý Nhục bồ đoàn để "xem qua cho biết sự đời". Các cuộc ăn chơi càng cột chặt Chinh với Lý Tài thêm lên, anh nghiêm nhiên trở thành người thân cận tín cẩn nhất của Bảo giá Đại tướng quân. Nhiều hôm giữa cơn đắc chí, Lý Tài bảo Chinh:

- Dòng họ nhà anh có nòi làm quân sư đấy nhé! Cha anh làm quân sư cho biện Nhạc. Anh thành một thứ quân sư cho ta. Hãy mở to hai mắt và thính tai để xem nghe động tĩnh ở Ba Giồng, báo trước cho ta những điều cần làm. Phần bà con Hoa kiều thì khỏi phải lo. Cần bao nhiêu gạo thóc, khí giới, tiền bạc, họ sẽ cung cấp đủ. Ta chỉ giao cho anh phía Ba Giồng. Nhớ nhé!

Chinh không đồng ý với Lý Tài, thưa lại:

- Phía nguy hiểm không phải là Ba Giồng, mà là Qui Nhơn. Chắc tướng quân chưa quên tài điều binh của Nguyễn Huệ. Chỉ mới cầm quân có vài trận, anh ta đã nổi tiếng là một tay kiệt liệt, không chậm chạp như Thiếu phó Nguyễn Lữ.

Lý Tài cười ha hả bảo:

- Nguyễn Huệ hả? Anh muốn nói đến "chú Tám" nhà ta chứ gì? Vâng, hắn cũng khá đấy. Chừng ấy tuổi mà được như vậy, cũng hiếm có. Nhưng hắn vào đây bằng gì? Có phải bằng đường bộ không? Không. Đường sá xa xôi diệu vợi, hắn không vượt qua được rào chắn của hai ông Châu Văn Tiếp và Trần Văn Thức Bình Thuận, Phú Yên đâu. Nếu vào Gia Định lần nữa, Tây Sơn phải dùng thủy quân. Mà thủy quân Tây Sơn thì... a ha... anh còn biết rõ hơn tôi nữa. Sau khi Tập Đình đem quá nửa số chiến thuyền bỏ đi, số thủy quân còn lại thuộc cả vào quân Hòa nghĩa chúng ta. Làm sao không đẩy hai năm họ có thể gây dựng được một lực lượng thủy quân đủ sức vào tận đây đánh phá. Mấy tháng trước "chú Bảy" nó vào chỉ gặp bọn Đông sơn ốm đói và chết nhát, như chó táp phải ruồi, mới có thể thông dong chở mấy trăm ghe lúa về chợ Giã. Chuyến này đừng hòng! Diệt xong được bọn Đông sơn, ta còn đủ thì giờ củng cố, thống nhất lực lượng để nghênh đón một lượt nào "anh Cả, chú Bảy, lẫn chú Tám". Ha ha!

Chinh vẫn còn lo lắng nên cười gượng theo Lý Tài. Lý Tài cười thỏa thích một lúc nữa, rồi vỗ vai Chinh hỏi:

- Này, tập hình của lão hòa thượng đó đâu rồi?

Chinh đỏ mặt lí nhí đáp:

- Dạ đã trả cho họ rồi!

- Sao lại trả. Anh ngơ quá! Họ cho xem tức là muốn biểu. Lão hòa thượng đó thật đa tài. Vẽ như thế mới thật là bậc thầy. Nghe nói lão còn giỏi cả thiên văn, địa lý, dịch số, văn thơ, kiến trúc nữa phải không? À quên, sao lại đem hỏi anh! Lão người Quảng Đông, đáng lý ta đồng hương với lão phải hiểu rõ hơn anh chứ!

Chương 41

Ít lâu, sau ngày Đông cung vào đến Gia Định, một nhà nho hết lòng trung quân tận tụy ở Qui Nhơn cũng trốn vào. Ông ta tên là Nguyễn Đăng Trường. Gốc gác gia đình, học thức, và nhất là cuộc mạo hiểm nghìn dặm tìm vào với Chúa (dù đau đớn đứt ruột vì phải bỏ lại Qui Nhơn một mẹ già), bấy nhiêu yếu tố đủ khiến Tân Chính vương vui mừng chiêu đãi người hiền. Nguyễn Đăng Trường được giữ chức tham tán, ngày đêm làm việc trong bộ tham mưu của Tân Chính vương.

Chinh nghe tin có một người vừa ở Qui Nhơn vào, vội tìm đến với hy vọng may ra biết được tin nhà. Lý Tài đoán biết ý định của Chinh, vội cho mời viên Tham tán đến, trở Chinh và hỏi:

- Ông ở Qui Nhơn, có quen cậu này không?

Trại chủ ngần người vì cố nhớ xem đã gặp Chinh ở đâu, nhưng ông chịu, không nhớ được gì liên quan đến cậu thanh niên mặt vuông, mũi lớn, da ngăm ngăm đen đang bối rối trước mặt mình. Viên Tham tán thú thật:

- Có lẽ... có lẽ trí nhớ tôi kém. Hình như tôi chưa gặp cậu này lần nào cả.

Lý Tài cười, rồi hỏi:

- Thế ông có nghe người ta nhắc đến ông giáo Hiến không?

Trại chủ mau mắn đáp:

- Có. Ở Qui Nhơn ai không biết hãnh ta! Giáo Hiến là quân sư của bọn anh em Tây Sơn mà.

Lý Tài cười xòa, lại trở Chinh mà nói:

- Cậu này là con trai của giáo Hiến đấy. Viên Tham tán đỏ mặt liếc nhìn Chinh, vì vừa dùng lời lẽ khá nặng nề khi nhắc đến ông giáo. Chinh thấy thế, vội lễ phép hỏi:

- Trước khi vào đây, bác có gặp cha cháu không?

Trại chủ lấy được bình tĩnh, nhìn thẳng vào Chinh đáp:

- Tiếc là tôi chưa được gặp ông cụ thân sinh anh. Lúc ông cụ còn đa đoan công việc trong phủ, tôi không muốn gặp. Lý do vì sao chắc anh hiểu. Về sau, nghe thiên hạ đồn ông cụ đã thôi việc và ra ở Bằng Châu...

Chinh hồi hộp, nôn nóng cắt lời viên Tham tán:

- Cha cháu đã rời nhà ra Bằng Châu? Sao lạ thế?

Trại chủ ngạc nhiên trước sự hốt hoảng của Chinh, chăm chăm nhìn anh rồi nói tiếp:

- Vâng. Ông cụ đã ra ở Bằng Châu từ lâu rồi. Nghe nói vì ông cụ bất hòa với bọn anh em Tây Sơn sao đó. Thú thật nghe đồn vậy tôi cũng bán tin bán nghi. Giữa nhà nho với nhau, tôi muốn biết tâm sự thầm kín của ông cụ thế nào trước thời thế. Tôi muốn tìm đến thăm ông cụ.

Chinh không chờ được nữa, chen vào hỏi:

- Bác có đến thăm cha cháu không ạ?

- Có. Nhưng tiếc là tôi không được gặp mặt. Có cô gì hình như con cháu ông cụ...

- Vâng. Đúng là con An em cháu đấy. An có nói gì với bác không?

- Cô ấy bảo ông cụ vừa đi khỏi. Tôi hẹn trở lại, nhưng tự nhiên lòng do dự, không biết nên gặp hay không. Sao đó chần chừ, hẹn rày hẹn mai mãi. Đến lúc bị bọn họ biết tông tích và tìm đến tận nhà tôi, tôi sợ không dám ở lại Qui Nhơn nữa, vội tìm cách trốn vào đây.

Lý Tài hấp tấp hỏi:

- Họ tìm đến tận nhà ông ư? Ai thế?

Trường quay nhìn Lý Tài, do dự, chưa biết nên nói hay không. Cuối cùng viên Tham tán đáp:

- Chính người đáng gờm nhất trong anh em họ: Nguyễn Huệ.

Lý Tài giật nảy người vì câu trả lời bất ngờ, đứng hẫng lên rồi khỏi ghế, chồm tới trước hỏi trại chủ:

- Thật thế sao? Hẳn đến hỏi ông những gì?

Viên Tham tán đáp:

- Hẳn hỏi vì sao từ hai năm nay, vào Qui Nhơn, tôi mai danh ẩn tích chứ không ra giúp anh em hẳn.

Đáng sợ hơn nữa là hẳn hỏi vì sao lại có ý định trốn vào đây. Lý Tài thích thú cười to, rồi hỏi:

- Bị bắt đúng mạch như vậy, ông ăn nói làm sao với hẳn?

Trường chậm rãi đáp, giọng nói tự tin pha lẫn kiêu hãnh:

- Tôi nói thẳng là tôi sẽ ra đi.

Lý Tài và Chinh đều trố mắt nhìn viên Tham tán, lòng đầy hoài nghi. Lý Tài vội hỏi:

- Rồi hẳn nói sao?

Trường trầm ngâm một lúc thật lâu, cân nhắc từng lời trước khi đáp viên Bảo giá tướng quân đầy uy quyền. Ông bắn khoản tự hỏi có nên nói đúng sự thật hay không. Liêm sĩ nhà nho buộc ông không được nói dối. Nghĩ như vậy nên Trường trả lời:

- Hẳn nói: "Tiên sinh đi như thế, chẳng khác nào quay trời đất lộn ngược trở lại, hỏi làm sao được!

Tôi chỉ sợ có ngày tiên sinh hối hận thì sự đã muộn lắm rồi!"

Lý Tài lại hấp tấp hỏi:

- Ông đáp thế nào mà hẳn để ông yên?

Giọng Trường trở nên sang sảng:

- Tôi nói: "Bậc đại trượng phu ở đời lấy trung hiếu làm đầu. Tôi nay thờ mẹ tôi, rồi thờ Chúa, ý nghĩ thật là quang minh. Còn công việc có xuôi hay không, được hay mất là do mệnh trời. Tôi còn điều gì hối hận được!"

Lý Tài vỗ bàn cười ha hả, quên cả giữ ý với một nhà nho nghiêm túc, chạy đến ôm vai viên Tham tán lắc lắc, miệng không thôi lẩm bẩm:

- Khá lắm. Được lắm. Thế mới gọi là tay hảo hớn "uy vũ bất năng khuất".

Trường hơi cau mày khó chịu, đưa tay gỡ nhẹ tay Lý Tài ra khỏi vai. Muốn cho Lý Tài khỏi chú ý cử chỉ mình, Trường quay về phía Chinh nói:

- Thành ra trước sau tôi vẫn chưa gặp mặt được ông cụ.

Chinh hồi hộp hỏi:

- Nhưng em gái cháu có nói gì về chuyện cháu vào Gia Định không?

Trường lắc đầu chậm chậm, rồi đáp:

- Cô ấy chỉ trả lời ông cụ không có nhà. Sau đó tôi đi ngay, không hỏi thêm gì nữa. Thật đáng tiếc!

*

* *

Cuộc đối thoại giữa Nguyễn Đăng Trường và Nguyễn Huệ, không hiểu do ngõ ngách nào, trở thành đề tài truyền miệng trong dân chúng khắp Gia Định. Đi đâu cũng nghe người ta thì thảo bàn tán về câu chuyện ấy, với nhiều chi tiết bị biến đổi thành ra hấp dẫn hơn, đậm nét thời sự hơn. Chẳng hạn lần đầu Chinh nghe nội dung cuộc đối thoại ở nhà một thương gia buôn vải giàu có ở Sài Côn, thì Nguyễn Huệ đã hỏi nhà nho:

- Tiên sinh nhất quyết vào Gia Định như thế có khác nào định đảo ngược trời đất đâu. Chỉ sợ có ngày tôi dẫn quân đánh chiếm Gia Định, tiên sinh hối hận thì muộn lắm rồi.

Lần thứ hai một anh Hoa kiều buôn lúa gạo chặn Chinh lại hỏi sau một tiệc rượu:

- Này, tôi hỏi riêng anh chuyện này anh trả lời thành thật cho tôi liệu trước nhé. Có phải viên tướng tài ba em vua Tây Sơn đã dọa ông Thám tán rằng:”Tôi đã bảo mà nhà thầy cứ nhất định nằng nặc vào nam, thật là chuyện trời đất đảo điên. Báo trước cho thầy biết là tôi sắp kéo quân vào lấy Gia Định. Đến lúc đó, thầy hối hận cũng không kịp nữa”. Sự thực đúng như thế không?

Lần thứ ba, câu nói của Huệ biến thành:

- Nhà thầy không nghe hả? Có trời đất làm chứng, tôi không nói ngoa là tháng sau tôi sẽ cầm quân vào chiếm cả Gia Định. Lúc đó thầy hối hận cũng không kịp đâu.

Người ta nhầm tính ngày Nguyễn Đăng Trường vào đến Gia Định, cộng thêm khoảng thời gian đi ghe từ Qui Nhơn vào Bến Nghé, lúc đó mới sợ toát mồ hôi vì nhận thấy rằng chỉ còn khoảng vài hôm nữa Nguyễn Huệ sẽ kéo quân vào nam. Tin ấy làm náo loạn khắp nơi, nhất là ở các phố Hoa kiều. Giá lương thực tăng vọt vì các ghe buôn từ các nơi ghé Bến Nghé thừa thớt hẳn, trong lúc các bà nội trợ cuống cuống chạy khắp nơi vét gạo về dự trữ. Hàng hóa ở các sạp chợ bị giấu hết, trên phố, ngoài bến, kẻ mua hàng lòng đi tìm mà không ra kẻ bán. Những người quá lo xa lảng lảng cho vợ con về quê, nên thuyền bè đầy ắp những đàn bà con nít dắt díu bồng bế nhau tránh loạn. Cửa phố hoặc đóng hẳn, hoặc khép hé hé, bên trong người ở lại nép sau bức rèm thưa quan sát động tĩnh bên ngoài.

Tình trạng đó ảnh hưởng trực tiếp đến tinh thần quân Hòa nghĩa và Đông Sơn, nhất là quân Hòa nghĩa, vì sự yểm trợ tài chánh của đám Hoa kiều Sài Côn và Trấn Biên sút giảm mau chóng. Số người sẵn đón mời mọc Chinh đi ăn uống, du hí càng ngày càng thưa, sau cùng gần như mất hẳn. Chinh báo động với Lý Tài, và bộ tham mưu ở núi Châu Thới bàn luận mãi vẫn chưa tìm ra giải pháp trấn an nhân tâm, hóa giải tác hại của các tin đồn nhảm. Thật ra ngay Lý Tài cũng lo sợ Tây Sơn kéo quân vào Gia Định thực. Hệ thống phòng thủ ở thành Gia Định lẫn núi Châu Thới còn sơ sài, quân Hòa nghĩa tuy đông nhưng quá hỗn loạn, kỷ luật thiếu nghiêm minh. Những lính Hòa nghĩa kỳ cựu ỷ công không xem kỷ luật ra gì, quen thói

lộ hành y như thời ở Quảng Nam và Phú Yên. Lĩnh mới dựa thế đám thương gia giàu có cũng xem thường hiệu lệnh. Cấp trên bảo, cấp dưới không nghe. Cái gì không vui nhận hoặc không mang ngay lợi lộc thì không làm. Lý Tài thấy phải chần chừ lại đám quân ô hợp mới mong diệt được quân Đông Sơn và phòng thủ Gia Định. Thời gian cần thiết, ít ra phải một năm. Gấp lắm cũng cần đến sáu tháng. Nguyễn Huệ kéo quân vào sớm quá, Lý Tài biết trước mình khó lòng chống đỡ được.

May mắn cho Gia Định là khoảng cuối năm Bính Thân, Võ Duy Ngụy và Tô Văn Đoái từ Quảng Nam trốn vào Gia Định mang theo nhiều tin vui. Theo họ kể thì tuy Chúa Bắc Hà đã ban cho Nhạc chức “Quảng Nam Trấn thủ Tuyên úy Đại sứ” nghĩa là đã hợp thức hóa chủ quyền của Tây Sơn trên vùng đất rộng phía trong đèo Hải Vân, nhưng dân chúng có vẻ không phục chế độ mới. Càng ngày càng có nhiều mầm móng bạo loạn hoặc do các sĩ phu, tôn thất khởi xướng, hoặc do chính đám dân nghèo chán ngán chiến tranh đã chà đi xát lại tàn phá vườn tược, ruộng rẫy, xóm làng của họ. Duệ Tôn, Tân Chính vương, Đỗ Thành Nhân, Lý Tài và đám thuộc hạ vô lấy tin vui của Ngụy và Đoái như kẻ sắp chết đuối vô lấy miếng ván nổi. Tân Chính vương cử người ra Quảng Nam chiêu tập nghĩa binh, đồng thời cho người tỏa ra khắp các bến chợ, phố phường cải chính tin đồn dử trước đó.

Kỳ hạn người ta đồn đãi Nguyễn Huệ sẽ vào Gia Định qua rồi, thiên hạ còn ngại chưa dám cho vợ con trở về phố. Ghe thuyền còn lừa thừa. Phố xá còn khép hờ đề phòng biến loạn. Nhưng nửa tháng, một tháng, rồi hai tháng trôi qua mà quân Tây Sơn vẫn chưa vào. Người ta bắt đầu tin lời Tô Văn Đoái và Võ Di Ngụy. Đời sống dần dần ổn định. Mọi người thở phào tự thẹn mình nhát gan, rồi quyết che giấu sự yếu đuối bằng cách bỏ tiền sắm một cái Tết linh đình. Cảnh yến tiệc, du hí liên miên giữa đám con buôn giàu có và bọn quan lại, tướng lãnh thế lực tiếp tục. Tuy nhiên, sau cuộc vui say, nhiều khi ngay trong cuộc vui say, mọi người vẫn canh cánh một mối lo vu vơ, như một đám mây đen lớn vờn giữa bầu trời trong xanh của mùa xuân Gia Định.

*

* *

Cái tin Thọ Hương vô tình thuật cho An nghe hôm cúng đầy tháng cháu Phát khiến An lo lắng đến mất ngủ. Nhưng An không dám nói lại với ai cả. Dù Lãng không căn dặn nhiều lần trước khi ra về, An cũng biết gia đình mình còn ở vào cái thế chông chênh dễ bị Nhật nghi ngờ. Một bí mật quân sự quan trọng như vậy loan đi từ nhà ông giáo sẽ chẳng khác nào lời thú cần thiết cho một bản án tử.

Nhưng từ Tết Đinh Dậu (1777) tin đó đã được loan báo công khai. Cuộc chuẩn bị cho cuộc tấn công lần thứ nhì vào Gia Định dồn dập rộn rã khắp nơi, đập vào mắt vào tai mọi người. An không muốn nghe mà ngày nào Lợi cũng mang đủ thứ chuyện về nhà hí hửng như mang quà về tặng vợ. Khi thì Lợi bảo:

- Chuyến này lớn hơn chuyến năm ngoái nhiều. Có cả thủy lẫn bộ đấy, em ạ!

Khi Lợi buông lơ lửng:

- Kế hoạch đại qui mô như vậy không biết lo ghe thuyền có xuể không!

Vài hôm sau Lợi lại nói:

- Cả anh Thiếu phó lẫn anh Phụ chính đều đi Gia Định chuyến này An ơi! Chuyến về mặc sức nhọc!

Không khéo anh Thiếu phó lại đòi cho được anh theo cũng nên. Anh lo quá!

An quá hiếu chồng, bức dọc đáp:

- Không ai thèm nhờ đến anh đâu. Dù có nhờ đến anh, em cũng bồng thăng Phát lên kêu nài cho anh ở lại. Tình cảnh con cái thế này, làm sao em lo một mình cho xuể.

Lợi cụt hứng không đề cập tới chuyện đi nam với vợ nữa. Anh thấy An có lý để giữ anh lại.

Thằng Phát, đứa con trai đầu của hai vợ chồng, thể chất ỏi ọp làm khổ mẹ không ít. Qua đến tháng thứ ba, tự nhiên mình mẩy nó nổi sài ghẻ, ngứa ngáy khóc cả đêm. Thằng bé khóc đến khan cả tiếng, mỗi lần ngứa cứ lấy tay cào mạnh lên các mụn ghẻ mọng nước, đến nổi da thịt rướm máu, vết lở loang dần khắp mình mẩy. Một thứ nước vàng nhờn nhờn ứa ra ở các chỗ lở, dính chặt vào quần áo. Không mặc quần áo cho con được, An phải hơ lá chuối non trải lên giường cho nó nằm. Nó nhiễm lạnh lại mang thêm cái bệnh ho. Chị vú ngại khổ lánh việc, tìm hết có này đến có khác để thoái thác việc tắm rửa, canh giấc cho thằng bé. An thương con không nỡ giao cho ai, ngày đêm ôm con mà khóc. Sức khỏe chị suy giảm, vì thiếu ngủ và lo phiền. Nhiều đêm chị ngủ gục trên nôi con, giật mình thức dậy thấy thằng bé há miệng kêu khóc không ra hơi, hối hận quá, không dám chớp mắt nữa. Lúc nào thằng bé mệt phờ thiếp đi An mới dám gửi con cho chị vú hoặc con bé giúp việc, ngả lưng nhắm mắt một chút. Mắt An thâm quầng, tóc tai đã rụng, quần áo nhàu nát hôi hám. Đã thế, chị lại đang mang thai đến tháng thứ hai, căn cứ vào kỳ tắt kinh cuối cùng. An vừa thương con vừa thương mình, vừa giận mình vừa giận chồng. Nhiều hôm chợt nhìn mình trong cái gương bám bụi, An xót xa hối hận đã đi lấy chồng, để đến nỗi thân mình, mặt mũi tiêu tụy đến thế!

Vì vậy khi nghe An nhắc hoàn cảnh hiện tại, Lợi không còn gì để nói thêm nữa. Anh bỏ ý định lên gặp Lữ để xin tham dự chuyến tấn công Gia Định này, nhưng trong lòng vẫn tự tin rằng thế nào Lữ cũng phải nhờ đến tài tháo vát của anh. Lợi nghĩ tới quân số đông hơn, chắc chắn chiến lợi phẩm thu được sẽ nhiều hơn, ghe thuyền cần trưng dụng để chở thóc về Qui Nhơn sẽ tăng lên. Không có Lợi, ai làm nổi công việc ấy. Thiếu phó có gọi lên thì Lợi phải tìm cách từ chối! Mà thế nào Thiếu phó cũng gọi.

Lợi chờ với tất cả tin tưởng và kiêu hãnh của một tay chuyên nghiệp. Lợi chờ. Lợi chờ. Chờ mãi không thấy ai đến mời anh. Nhiều lần gặp Thiếu phó, Lợi nói xa nói gần mà Lữ vẫn chưa đề cập đến chuyện anh chờ đợi.

Đến hôm Lãng về nhà báo cho cha và chị biết: trong vòng hai ngày nữa Lãng sẽ theo Huệ vào nam, Lợi mới bật ngửa. Anh bờ ngõ, rồi khổ sở đến tuyệt vọng. An lo lắng cho em nên không chú ý đến nét mặt tái xanh của chồng. An hỏi Lãng:

- Cha đã biết việc này chưa?

Lãng nhìn quanh như muốn tìm cha, rồi đáp:

- Chưa. Cha đâu rồi chị?

- Không có ngoài vườn à?

- Không. Em vừa từ ngoài vườn vào đây. Cháu đã đỡ chưa?

An nhìn về phía nôi con, thở dài đáp:

- Phía sau lưng đã khô, nhưng cánh tay lại lầy trở lại. Chị chẳng còn phải biết làm sao nữa. Biết sinh

nó ra đời khổ thế này, thà... Lãng vội nói:

- Rồi nó sẽ khỏi thôi. Chị đừng chán nản. Ủa, sao hai bàn tay cháu phải buộc vải vậy? Lại lở ở mấy kẻ tay à?

An cười gượng gạo, nói:

- Không phải đau. Chị buộc chặt, không nó gãi xước cả mình nữa.

- Hôm nay nó ngủ có vẻ say đấy chứ!

- Nhờ cái lưng đã bắt đầu lành đấy. Mấy hôm trước nó trăn trở, trông thấy tội nghiệp đến phát khóc.

Rồi nhìn về phía chồng, An nói:

- Thế mà anh Lợi định bỏ chị để vào nam với em đấy.

Lãng thành thực bảo:

- Chị khỏi lo. Chuyến này anh Lợi khỏi phải đi. Anh biết rồi chứ anh Lợi?

Vì tự ái, Lợi đáp rối:

- Vâng, biết rồi!

Lãng nói tiếp:

- Em nghe anh Huệ nói với anh Lữ nên giữ một người giỏi tổ chức quân lương lại Qui Nhơn để chuẩn bị tiếp lương khi cần. Mục tiêu trận này có vẻ lớn, nên thời gian sẽ kéo dài, có thể là nửa năm, một năm. Xong việc mới được về!

An lo lắng hỏi:

- Chắc là phải gặp nhiều nguy hiểm lắm nhỉ?

Lợi nói:

- Nghĩ như em thì chỉ nên đốt hết gươm giáo cho quân nằm nghỉ trong xó nhà.

An hăng hái nói:

- Vâng. Nếu có quyền, em sẽ làm như vậy. Em chẳng hiểu có gì thú vị trong chuyện chém giết mà đàn ông các anh say mê đến thế. Mới đẻ ra là đã say đấu đá nhau rồi. Làm đàn bà thời loạn thật khổ. Ai cùng thành chinh phụ ôm con chờ chồng đến hóa đá.

Lợi càu nhàu:

- Nói thế mà nghe được!

Lãng muốn hòa giải cho anh chị, cười bảo:

- Nhưng anh Lợi đã ở lại đây, chị trách móc cả bọn đàn ông làm gì nữa.

Giọng An gay gắt và hốt hoảng:

- Anh Lợi ở lại, nhưng Lãng đi, anh...

An kịp dừng lại, liếc về phía chồng lo ngại. Lợi vẫn cúi mặt ngăm ngúa mấy ngón tay ôm của mình, nét mặt buồn hiu. Lãng nói:

- Không hiểu sao em cứ nghĩ là chuyến này, thế nào em cũng được gặp anh Chinh. Tính anh ấy, em biết. Chắc bên trong có điều éo le gì đó, chứ anh Chinh không phải là con người phản trắc. Thế nào anh ấy cũng được ta giải thoát, trở về với gia đình. Chị có tin như thế không?

An không trả lời, vì nghĩ Lãng quá mơ mộng, không chịu nhìn thẳng vào thực tế đau lòng.

*

* *

Mấy hôm ông giáo bị bệnh, Kiên có đến thăm cha. Căn nhà nấp sau vườn cây rậm vốn đã lặng lẽ, bây giờ lặng lẽ thêm. Ở căn trước cửa ngõ đóng kín nên bên trong tối om, ông giáo nằm rên hừ hừ. Mùi thuốc bắc xông lên từ lò siêu tỏa khắp phòng. Căn dưới thì An ôm con canh giấc cho thằng bé, lâu lâu tủi thân thút thít khóc. Chị vú bỏ về sau một trận cãi vã với chủ, nên dưới bếp hai đứa ở gái xì xầm nói chuyện với nhau, sợ làm động đến sự yên tĩnh thể lương đê nặng lên khắp nhà.

Kiên hỏi thăm sức khỏe cha, rồi ngồi im bên cái phản gỗ không biết nói gì thêm, anh muốn ra về nhưng sợ làm như vậy tình cha con có vẻ nhạt nhẽo quá.

Ông giáo cũng muốn hỏi thăm con vài điều. Nhưng hỏi Kiên gì đây? Chẳng lẽ hỏi thăm về mấy đứa trẻ không phải cháu nội của mình, hoặc hỏi về tình hình làm ăn ở cái quán rượu? Kiên nói qua công việc của mình ở kho quân lương, và cuộc chuẩn bị tiến công Gia Định sắp tới. Lại thêm một đề tài ông giáo không muốn nghe ai nhắc đến!

Ông giáo vừa mệt vừa khó chịu muốn nằm yên một mình nên bảo Kiên:

- Con xuống thăm mẹ con con An một chút. Thằng bé bệnh hoạn quá, đêm nào cũng khóc ỉ ỉ.

Kiên chúc cha mau bình phục, rồi xuống căn nhà dưới. An thấy anh tới, tự nhiên bật khóc. Kiên hỏi:

- Cháu đã đỡ chưa?

An vừa thút thít vừa đáp:

- Nó khô chỗ này lại lây ở chỗ khác. Em chẳng biết phải làm sao nữa.

- Sao không bảo thằng Lợi nó mời thầy về xem thử.

An chưa chát đáp:

- Ấy, hai ba ông rồi đấy. Ông thì bảo tại nhiệt. Ông thì bảo tại sữa em xấu. Ông thì bảo anh Lợi có gốc phong.

Kiên nhìn quanh rồi hỏi:

- Lợi chưa về à?

- Chưa anh ạ. Thường thường khoảng xế anh ấy mới về nhà.

Kiên cười ra vẻ nhạo báng:

- Nó có ngồi yên một chỗ được đâu. Chạy hết chỗ này đến chỗ khác.

An chợt nhớ Kiên làm một chỗ với chồng vợ hỏi:

- Ủa, anh đã về sao Lợi chưa về?

Kiên cũng kinh ngạc và bồn chồn. Anh nói:

- Anh cũng hẹn chú ấy ở đây mà. Chú ấy bảo anh cứ về trước, chú ấy đi có chút việc rồi về liền.

An lo lắng hỏi:

- Có việc gì gấp không anh?

Lúc đó thằng bé giật mình thức dậy, ỉ ỉ khóc. An rung rung hai tay để ru con, giọng hát buồn rười

rượu. À ời. Một mai ai chớ bỏ ai. À ời. Chỉ thêu nên gấm sắt mài nên kim. Ngủ đi con. Có mẹ đây. À ời... Hòn đá đóng rong vì dòng nước chảy. À ời... Ngọn núi bạc đầu vì bởi sương sa. À ời... Anh cần gấp anh Lợi gấp không? Có chuyện gì thế? À ời... Có mẹ đây...

Kiên không chờ cho An ru con xong, vội vã bảo:

- Chắc anh không đợi được. Ở nhà đông khách, không có người lớn bọn chúng nó uống quít hết. Lợi về em hỏi xem vụ bánh tráng đã đến đâu rồi. Người ta muốn biết gấp để còn liệu.

An tò mò hỏi:

- Vụ bánh tráng nào thế, anh?

Kiên do dự, nhưng thấy em khẩn khoản muốn biết nên chậm rãi giải thích:

- Có gì đâu. Để quân lính tiện ăn đường khỏi mất công nấu nướng, mình dùng gạo rang hoặc bánh tráng. Trong hai thứ, quân lính thích ăn bánh tráng hơn, cho nên bên quân lương giao gạo cho các lò làm bánh tráng thật nhiều. Lò họ kiếm được nhiều lời trong vụ này lắm. Có một chỗ quen biết cũ với má con Út nhờ anh nói giùm với chú Lợi một tiếng. Chả là chú Lợi lo việc này mà. Họ bảo người ta sao thì họ cũng chịu vậy, không quên ơn chú ấy đâu. Có chớ sửa? Hay chú Lợi về?

An cũng thắc mắc nói:

- Chắc không phải anh Lợi. Anh ấy về chớ chỉ hực chứ không sửa. À ời. Có mẹ đây, con ngoan. Có mẹ đây. À ời. Hòn đá đóng rong... Anh ra mở cổng giùm em xem có phải khách lạ không?

Kiên ra cổng thấy lỗ nhố nhiều lính mang gươm giáo. Anh sợ quá, đến lúc nhận ra Lãng và Huệ ở trước cửa cổng Kiên mới yên tâm hơn một chút. Lãng thấy anh, lên tiếng trước:

- Anh mở giùm cổng. Có anh Huệ đến thăm cha.

Tuy quá quen biết Huệ nhưng trước một người trẻ tuổi giữ chức vụ lớn trực tiếp điều khiển mình, Kiên vẫn dăm lúng túng. Anh lật bật mãi mới mở được then cửa.

Kiên hơi nghiêng người ra trước, lễ phép nói:

- Mời... mời ông Phụ chính vào ạ!

Huệ đã quen với thái độ khúm núm của kẻ khác đối với mình nhưng vẫn ngỡ ngàng trước thái độ của Kiên. Huệ cười nhỏ, thân mật hỏi:

- Thầy có mệt nặng lắm không anh?

Lãng đi sau lưng Huệ nói:

- Nghe em báo cha mệt không ngồi dậy được, anh Huệ vội đến thăm cha. Để em vào mở cửa lớn đã.

Huệ vội đưa tay ngăn lại:

- Thôi. Đừng mở cửa, sợ gió.

Rồi quay về phía toán lính hầu, Huệ ra lệnh:

- Các anh ở ngoài cổng được rồi:

Lãng và Kiên dẫn Huệ vào phòng cha theo lối cửa hông. Ông giáo nghe có nhiều tiếng chân bước và tiếng xì xầm, lên tiếng hỏi:

- Ai thế con?

Huệ run run giọng đáp:

- Thưa thầy, con đây.

Sợ ông giáo chưa hiểu, Huệ nói thêm:

- Thưa thầy con là Huệ. Thầy mệt lắm không ạ?

Căn phòng quá tối nên Huệ chỉ thấy chỗ thầy nằm nhờ tiếng ông giáo hỏi, chứ không phân biệt được sắc diện người bệnh. Ông giáo vội choàng ngồi dậy, thảng thốt hỏi:

- Anh Huệ à? Trời ơi! Sao anh biết tôi bệnh mà đến thăm. Kiên đâu rồi? Thắp đèn lên cho sáng đi!

Lãng mang cây đèn dầu lạc lên kịp lúc. Huệ đến ngồi trên cái ghế ngay bên cạnh phản thầy giáo. Anh cầm lấy cổ tay ốm của thầy, xúc động nói:

- Xin thầy cứ nằm xuống cho khỏe.

Ông giáo hân hoan bảo:

- Không sao! Tôi ngồi được mà. Làm sao anh nghe tin tôi ốm?

Huệ thấy đôi mắt thầy vẫn long lanh linh hoạt như xưa, nhưng khuôn mặt hóp lại, hoàn toàn trở thành một cụ già ốm yếu. Huệ trù mến nhìn thầy, đáp nhỏ:

- Con nghe Lãng nói. Lâu quá con không đến thăm thầy, thật có lỗi. Dễ chừng đã gần hai năm rồi!

Ông giáo ngậm ngùi đáp:

- Phải. Gần hai năm. Từ ngày đám cưới con An...

Ông chỉ nói được đến đó, rồi ái ngại nhìn Huệ. Hai thầy trò cũng nhìn nhau và cùng hiểu những gì cả hai đang nghĩ, nên lòng họ lâng lâng buồn. Sau một lúc im lặng, ông giáo cố giằng xúc động nói:

- Nhưng nhờ em Lãng, tôi vẫn biết được tin tức anh. Tôi theo dõi được từng bước anh đi, anh Huệ ạ!

Huệ quay lại tìm Lãng, muốn cảm ơn người thư ký thân cận của mình, nhưng có lẽ hai anh em Kiên, Lãng tế nhị hiểu tình duyên duyên đặc biệt giữa hai thầy trò, nên đã ra khỏi phòng. Huệ yên tâm hơn, thưa với ông giáo:

- Thầy có phiền trách con điều gì không?

Ông giáo ngần ngừ một lúc, rồi đáp:

- Tôi lo âu và hãnh diện vì anh.

Huệ buồn rầu nói:

- Như vậy là con đã làm cho thầy buồn.

Ông giáo vội bảo:

- Không hẳn thế đâu! Tôi như một ông cha lắm cấm, con đã khôn lớn mà cứ tưởng nó còn chập chững, sợ sệt lo âu nó vấp ngã trên đường đời. Nằm trong cái xó bệnh này tôi đâu có biết anh đã vững chãi, mạnh bạo biết bao! Anh đã trở thành trụ cột cho Tây Sơn rồi!

Huệ bối rối nói:

- Thầy thương con nên dạy quá lời! Không có anh cả con xếp đặt mọi sự, thì...

Ông giáo ngắt lời học trò:

- Không. Tôi không nói quá lời đâu. Từ thời An Thái tôi đã tự nhủ nếu mai sau trong đám học trò lần

con cái tôi, có ai làm nên nghiệp lớn, thì người đó chắc chắn là anh. Còn những mưu chước nhất thời hoặc những trò lừa đảo cướp bóc, thì không kể làm gì! Vì vậy có lần tôi nhắc anh hãy nghĩ đến lũ trẻ thơ và những người già cả bệnh hoạn như tôi hiện nay, khi muốn phá cái nhà dột nát để xây ngôi nhà mới.

Huệ suy nghĩ một lúc, rồi nói:

- Con sợ đến một lúc bão lớn quá...

Nói đến đó, Huệ ngập ngừng, rồi không tiếp lời nữa, ông giáo nín thở chờ đợi câu trả lời của Huệ, chờ mãi không nghe học trò nói tiếp, nên ông nổi con ho. Huệ lo âu hỏi:

- Thầy có mệt không? Hay con đỡ cho thầy nằm xuống.

Ông giáo lắc đầu nhưng cơn ho cứ dai dẳng. Huệ vội đứng dậy đến cuối phản lấy gối và chăn kê cao rồi đỡ vai ông giáo để thầy nằm dựa lên chông gối chăn cao đó. Anh rót nước ra cái chén con bưng đến mời thầy. Nước nóng giúp ông giáo đỡ ngứa ở cổ họng. Cơn ho thưa thớt dần. Huệ ân cần hỏi:

- Lãng có mời thầy thuốc về xem bệnh cho thầy chưa ạ?

Ông giáo gật đầu:

- Hay để con mời ông thầy vẫn chữa bệnh cho anh con đến đây xem mạch cho thầy. Mai con bảo ông ấy đến, thầy nhé?

Ông giáo lắc đầu, môi mím lại cố dẫn cơn ho sót. Huệ bưng mời ông giáo chén nước khác. Trong lúc lóng cóng vì mệt nhọc, ông giáo để nước đổ cả lên phản gỗ. Huệ xin lỗi:

- Con vô ý quá. Đáng lẽ phải bưng cho thầy.

Ông giáo đã khỏe hơn, nhìn Huệ trù mến, rồi hỏi:

- Nghe nói anh sắp vào Gia Định?

Huệ ngược lên nhìn thầy, rồi đáp khẽ:

- Dạ. Con sắp đi nam.

Ông giáo cố lấy hết tự tin để nói điều muốn nói, nhưng ông e ngại. Ông nói trở sang chuyện khác:

- Mong anh được bình yên như kỳ anh Lữ.

Huệ đáp:

- Cảm ơn thầy. Chuyến này có Lãng cùng đi với con đấy.

- Tôi đã biết rồi. Nó đã khá hơn trước nên tôi bớt lo cho nó. Vả lại còn có anh nữa. Anh Huệ này!

Huệ biết thầy có điều khó khăn muốn nói với mình nhưng còn e ngại, nên nói:

- Thưa, thầy cần con điều gì ạ? Con sẽ hết sức cố gắng. Ông giáo ngần ngại, rồi nói:

- Nếu trời còn thương tôi xin cho anh gặp được thẳng Chinh, thì xin anh...

Huệ hiểu ngay ý thầy, vội nói:

- Dạ. Chắc bên trong còn nhiều điều phức tạp. Con sẽ gắng bảo bọc mạng sống của anh ấy. Chỉ sợ...

Ông giáo không muốn dừng lại ở nửa chừng, nên cướp lời Huệ, nói luôn một mạch:

- Tôi còn mong một điều khó hơn nữa, anh đừng vội chê tôi lắm cẩm mà tội nghiệp. Tôi biết chuyến này, vào tận chỗ ẩn náu của dòng họ Nguyễn Gia Miêu, thế nào máu cũng đổ đầy sông đầy rạch của đất Gia Định. Đối với thân thuộc của chúa, đối với chính nhà chúa, anh nên...

Huệ vội nói với ông giáo:

- Con hiểu ý thầy. Con hiểu lòng thành của thầy. Nhưng có những cơn bão lớn còn mạnh hơn cả lòng thầy, lòng con nữa. Như lần con thưa với thầy về chuyện những kẻ không nhà...

Huệ cố lắm chỉ nói được có thế. Ông giáo hoang mang, cúi đầu im lặng không nói gì.

Lãng vào phòng bắt gặp hai thầy trò ngồi lặng như thế trong vùng ánh đèn lù mù, ngơ ngẩn không hiểu gì. Anh đăng hăng báo hiệu rồi mới rụt rè thưa với ông giáo:

- Thưa cha, anh Kiên xin phép về.

Huệ tìm được cơ hội tốt để thoát khỏi tình thế khó xử, vội đứng dậy nói:

- Thưa thầy, con cũng xin phép về thôi. Chúc thầy chóng bình phục.

Ông giáo đáp, giọng còn buồn buồn:

- Cảm ơn anh. Anh đi bình yên nhé!

Huệ ra khỏi căn phòng bệnh, tự nhiên cảm giác nặng nề giảm bớt. Lãng hỏi:

- Anh ở lại chơi tí đã?

Huệ còn đang ngần ngừ, thì tiếng trẻ con khóc từ phía nhà dưới tới. Thấy Huệ chăm chú lắng nghe, Lãng giải thích xa xôi:

- Thằng bé con chị An nó bị lở khắp mình, khóc không ra hơi nữa. Tội nghiệp, cả đêm ôm con không dám chợp mắt.

Huệ lúng túng chưa biết nên về hay nên ở. Thằng bé vẫn tiếp tục khóc. Huệ mím môi suy nghĩ, rồi bảo Lãng:

- Lãng dẫn cho tôi thăm cháu một chút!

*

* *

An vừa vội vã đặt con xuống giường, thay cho chính mình bộ quần áo sạch màu hồng, trở lại ẵm con đỡ cho nó nín, thì đã nghe tiếng chân bước gần đến cửa phòng. Lãng đứng ở ngoài nói to cho An kịp chuẩn bị:

- Có anh Huệ đến thăm cháu đấy chị!

An vừa hồi hộp vừa xấu hổ, ôm chặt lấy con đứng dậy, quay mặt ra cửa chờ khách vào.

Chị thấy Huệ khác trước nhiều.

An nhận thấy nét mặt Huệ đậm lại, sắc sảo hơn. Mái tóc quăn vẫn phủ chéo trên cái trán cao. Nước da ngăm ngăm răn rỏi như trước. Vẫn cái nhìn vừa thao thức tra hỏi vừa khinh ngạc diễu cợt. Nhưng rõ ràng khuôn mặt ấy đã mất hẳn nét đầy đặn phơi phới của tuổi niên thiếu. Dưới hàng lông mày rậm, hai hốc mắt sâu xuống. Gò má xương xương. Đôi môi mím cười cố tỏ sự thông cảm chào đón nhưng ở hình ảnh môi dưới trề ra mím bớt môi trên, có phảng phất cái gì chua chát thất vọng.

An vội nghĩ sự biến đổi già dặn ấy do cả ở mình, nên càng bối rối hơn. Chị ôm chặt thằng bé vào lòng, như cố tìm một chỗ núp, một chỗ bám víu. Huệ đến gần bên An, cúi xuống nhìn thằng bé xanh rướn bệnh hoạn trong tay người bạn gái, lòng thực sự thương xót và ái ngại. Anh hỏi:

- Nghe Lãng bảo cháu nó không ngủ được. Tội nghiệp, trông nó tiều tụy quá.

An có cảm tưởng Huệ nói đến mình hơn là nói đến con. Mặt chị nóng bừng, mắt bắt đầu đỏ, ướt. Môi trên của chị tê dại, run run. Chị muốn nói gì đó nhưng cổ nghẹn lại. Huệ tiếp:

- Lâu nay An có được khỏe không?

An nuốt nước bọt trước khi đáp:

- Cảm... cảm ơn anh. Cháu nó đau yếu luôn, nên tôi... nên tôi...

Huệ vội vàng nói:

- Phải. An mất ngủ nhiều nên có ốm đi.

An nói trước những gì chị sợ Huệ sẽ nói:

- Chắc bây giờ tôi chẳng khác nào là một bà già. May có Lãng, nếu không, anh không nhận ra tôi đâu!

Huệ ái ngại nhìn An, bảo:

- An nói quá. An vẫn không khác xưa bao nhiêu đâu! Có gia đình, lo lắng nhiều nên mắt hơi buồn, thế thôi!

Tuy biết Huệ nói dối nhưng An vẫn đỏ mặt vì hân hoan. Nhờ thế chị lấy lại được bình tĩnh. An nhìn thẳng vào mặt Huệ (đến lúc đó An mới dám nhìn thẳng vào mặt Huệ) và hỏi:

- Chờng nào anh đi?

Huệ nhớ lại những lần trước An từng hỏi mình câu ấy, bao nhiêu kỷ niệm cũ dồn dập hiện về. Bằng một giọng đùa nghịch lâu nay Huệ ít dùng, anh hỏi lại:

- Chắc An mong tôi đi xa lắm nhỉ?

An vội cãi lại:

- Không phải. Tại sao anh nói thế! Tôi nghe Lãng bảo chuyến này sẽ khá lâu, có thể hàng năm.

Huệ gật gù, mỉm cười đáp:

- Có lẽ không đến nổi lâu thế đâu.

Rồi tự thấy đứng nói chuyện như thế này thật bất tiện, Huệ giả vờ nhìn quanh tìm kiếm, và hỏi:

- Anh Lợi chưa về à?

An đáp:

- Thường anh ấy về muộn.

Huệ mỉm cười định nói gì, nhưng lại thôi. Cuối cùng Huệ bảo:

- Tôi cũng bị cái tật về muộn mất! Thôi, ghé thăm thầy và An xong, tôi phải về đây. Cháu thức dậy kia rồi!

An ru nho nhỏ cho con ngủ lại, nên lúc Huệ cúi chào từ biệt, chị không trả lời được. Ra khỏi phòng, anh còn nghe giọng An run run ru con: À ơi. Hòn đá đóng rong vì dòng nước chảy. Ngọn núi bạc đầu vì bởi sương sa... À ơi. Em gặp anh đây chẳng dám nói ra... À ơi... Sợ mẹ bằng đất à ơi sợ cha bằng trời... À ơi!

Chương 42

Khi anh thanh niên giữ chức Phụ chính Nguyễn Huệ cùng Lãng đến phòng họp, mọi người đã đông đủ cả. Tây Sơn vương Nguyễn Nhạc, Thiếu phó Nguyễn Lữ, Hình bộ Bùi Văn Nhật, Thái úy Bùi Đắc Tuyên, Nội hầu Phạm Ngạn. Huệ và Lãng vào, giữa lúc các nhân vật quan trọng đứng tuổi của Tây Sơn đang nói chuyện phiếm. Bùi Văn Nhật trông thấy Lãng trong cuộc họp tối mật này, ngạc nhiên, đưa mắt hỏi thăm Huệ. Huệ không trả lời thẳng, chỉ bảo Lãng:

- Em ngồi chỗ cái ghế kia, và ghi chép cẩn thận những điều cần nhớ.

Nhật hiểu Lãng là người thân tín của Huệ, nên hết e ngại, tiếp tục câu chuyện bỏ dở. Hướng về phía Nguyễn Nhạc, Nhật nói:

-... Tâu bệ hạ, chuyện hăn say rượu nói nhảm...

Nhạc cười ha hả, đưa tay ngăn Nhật lại:

- Từ nãy đến giờ anh cứ một điều "bệ hạ" hai điều "bệ hạ". Tôi nghe không quen tai, tưởng đang xem hát bội ngoài đình. Ta tìm cách gọi khác đi.

Nhạc vỗ tay lên trán như cố đánh thức trí nhớ, rồi tiếp:

- Gọi thế nào cho tiện đây, các anh? "Muôn tâu bệ hạ", nghe đúng như trong tuồng. Kỳ lắm. Mình xưng vương cho chính danh để thu phục nhân tâm chứ đâu có ham ba cái mặt nạ hát bội. Ta xưng hô với nhau thế nào đây? Phải rồi. Cứ gọi tôi là Đức Thầy Cả. Đức Thầy Cả! Anh em Tây Sơn thượng đã quen với Đức Thầy Cả từ lâu, nghe được hơn "bệ hạ" nhiều.

Bùi Văn Nhật mau mắn nói:

- Tâu Đức Thầy Cả, nếu cứ để cho hăn tự do đi đây đi đó, nốc rượu vào rồi mượn hơi men chửi bới đủ điều, tôi e...

Nhạc cắt lời Nhật:

- Thôi, anh cứ để mặc lão muốn làm gì thì làm. Lão ức vì cái chức hàm Nguyên nhưng chứ gì! Dễ hiểu mà. Mặc kệ lão. Cứ để cho ma men với uất khí giết lão. Ta càng động vào càng mang tiếng mà thôi!

Lãng hiểu Nhạc đang nói về Nguyễn Thung. Anh nhìn khắp phòng, và nhận ra rằng những người có mặt ở đây đang nắm các vai trò nòng cốt của Tây Sơn, số vắng mặt chỉ còn là những cái bóng mờ.

Nguyễn Nhạc nhìn quanh thấy đã đông đủ, liền bảo:

- Chúng ta bắt đầu đi thôi. Anh Nhật. Nói trước đi.

Bùi Văn Nhật cúi đầu chào Tây Sơn vương, khẽ gật chào Lữ và Huệ, rồi mới bắt đầu nói:

- Căn cứ vào giấy tờ sổ sách mà quan Thiếu phó tịch thu ở Gia Định mang về năm ngoái, phối hợp với lời khai của mấy tên tù binh giữ chức Giám quân và Cai bộ, ta có thể nắm được tình hình phòng thủ của Gia Định. Nhìn chung thì số tinh binh không có bao nhiêu. Dinh Trấn Biên được hai mươi thuyền, mỗi thuyền năm mươi người, cộng một ngàn người. Dinh Phiên Trấn cũng hai mươi thuyền cộng một ngàn nữa

là hai ngàn. Dinh Long Hồ hai mươi thuyền một ngàn người, tất cả khoảng ba ngàn tinh binh mà thôi. Số đông đảo còn lại là thuộc binh và tạm binh, sổ sách ghi đến trên hai vạn quân thuộc loại này. Tuy ba trấn binh ở Long Hồ đông nhất vì Chúa Nguyễn cần nhiều quân để khống chế Cao Miên và phòng ngừa phía Xiêm La cùng chống lại với bọn vô lại cướp bóc đầy dẫy ở miệt đông nam đó. Số quân phòng thủ Gia Định nói trên là sổ ghi trong sổ bộ, thực sự nhiều hay ít hơn ta chưa biết được. Nhưng theo tin tức mới nhận được, hiện Chúa Nguyễn chỉ trông cậy vào hai đạo quân: một đạo là quân Đông sơn của tên cự nộ đội Đỗ Thành Nhân đóng ở Ba Giồng khoảng ba ngàn người, đạo kia là bọn phản trắc Hòa nghĩa của Lý Tài, quân số cao hơn, lên đến tám ngàn đóng ở quanh núi Châu Thới - Nếu cộng lại, hai đạo quân Gia Định lên đến mười một ngàn. Nhưng thực tế phải trừ ra chứ không cộng, vì Lý Tài và Đỗ Thành Nhân ghét thù nhau như chó mèo. Lấy tám ngàn trừ ba ngàn, số binh phòng thủ Gia Định sau khi mạng đối mạng thanh toán nhau xong, chỉ còn trên dưới hai nghìn mà thôi.

Nhạc cười đắc chí, sau đó nghiêm mặt để lưu ý Nhật:

- Anh trừ gọn như vậy có ngày không còn manh giáp mà chạy về đây nữa. Có thể tên cự nộ thần họ Đỗ với tên phản bội họ Lý thù ghét nhau thực. Họ đã từng đem quân đến thanh toán nhau, ta cũng có nghe chuyện ấy. Hiện Lý Tài mạnh thế hơn, vì đem quân từ Châu Thới về Sài Côn buộc được chúa phải nhường ngôi cho Đông cung. Nhờ vậy nghe đâu hẳn được phong chức lớn lắm... cái gì "bảo giá..." đấy.

Bùi Văn Nhật nhắc:

- Bảo giá Đại tướng quân, tâu Đức Thầy Cả!

- À Bảo giá Đại tướng quân. Tên này đúng là loại chọc trời quấy nước đấy! Ba Giồng với Châu Thới cách xa nhau, ta không vào chúng nó có thể hằm hè cắn xé lẫn nhau như anh nói, nhưng ta vào thì lại khác. Lúc đó chúng nó sẽ liên kết nhau để chống ta. Cho nên anh không thể trừ tùy tiện như thế được, mà phải cộng ba nghìn với tám nghìn thành mười một nghìn. Chú Huệ nhớ điều đó nhé!

Huệ gật đầu đáp gọn:

- Vâng.

Nhạc nói tiếp:

- Lần này ta phải diệt cho hết bọn quan quân cùng dòng họ nhà Nguyễn chứ không cốt đánh thử sức như năm ngoái. Ta đã thử sức rồi, và biết chắc hiện ta dư sức để tiêu diệt chúng. Điều quan trọng là làm sao diệt cho nhanh, cho gọn. Ta sẽ chia hai cánh quân: cánh bộ theo đường thiên lý vào đánh bọn Trần Văn Thức và Châu Văn Tiếp. Lại một tên phản bội nữa! Cánh thủy đi thẳng vào cửa Cần Giờ tiến sâu đánh Trấn Biên và Sài Côn. Chú Huệ cầm đầu cánh chủ lực này. Hãy chú ý nghe cho rõ.

Huệ lên tiếng hỏi Nhật:

- Chúng nó phòng thủ các đường trạm và cửa khẩu thế nào?

Bùi Văn Nhật lục tìm một tờ giấy trong ống quyển mang theo, đưa lên đọc lớn:

- Giấy tờ bắt được ở Gia Định còn ghi rõ đây:

Dinh Trấn Biên:

Giữ cửa Tắc Khái quân ba đội, mỗi đội ba thuyền, cộng chín thuyền, mỗi thuyền bốn mươi người, vị

chỉ ba trăm sáu mươi người.

Giữ cửa Cần Giờ, giữ nguồn Đồng Môn, giữ Nước sông đều như thế cả.

Giữ Quảng Hóa năm đội, mỗi đội ba thuyền, cộng mười lăm thuyền, mỗi thuyền bốn mươi tám người, vị chi bảy trăm hai mươi người. Giữ Tuyên Uy, Bà Rịa, Mô Xoài đều thế cả.

Dinh Phiên Trấn:

Giữ cửa Xoài Rạp quân ba đội, mỗi đội ba thuyền, mỗi thuyền bốn mươi người, cộng ba trăm sáu mươi người.

Giữ cửa Đồng Tranh, cửa Đại, cửa Tiểu, cửa Bà Lai đều thế cả.

Giữ Trường Đồn ở Mỹ Tho năm đội, mỗi đội ba thuyền, mỗi thuyền bốn mươi tám người, cộng bảy trăm hai mươi người. Giữ Đường Sử, nguồn Ba Can cũng thế ^[1].

Huệ sốt ruột, chờ Nhật đọc xong liền hỏi:

- Đó là những con số trong sổ sách từ trước khi ta đánh Gia Định lần đầu. Bây giờ chắc chắn đã đổi khác chứ?

Nhật hơi lúng túng, nhưng đáp bừa:

- Nếu có đổi khác thì lược phòng thủ Gia Định kém hơn những điều ghi trong sổ sách. Sau vụ thay bậc đổi ngôi, bọn chức sắc và quan võ ở địa phương phải ngơ ngác, dùng dằng, chờ xem bên trên ngã ngũ ra sao hẵng tính. Việc canh phòng chắc chắn phải trễ tràng. Hàng ngũ tuy còn đó nhưng có biến là rồi. Thực lực Gia Định chỉ thu lại trong hai đạo quân Hòa nghĩa và Đông sơn mà thôi!

Nhạc gật gù ra vẻ đồng ý với Nhật, nhưng vẫn nói dè dặt:

- Anh lại xem nhẹ chúng nó rồi! Chú Huệ chịu trách nhiệm lớn chuyển này phải tính kỹ từng đường đi nước bước mới được.

Nguyễn Huệ đáp:

- Vâng ạ.

Rồi quay hỏi Bùi Văn Nhật:

- Quan Hình bộ có thêm được nguồn tin nào mới không?

Bùi Văn Nhật reo mừng:

- Có chứ. Để tôi bảo chúng nó dẫn viên Ký lục vào.

*

* *

Với một giọng run run vì sợ hãi, lâu lâu ngắt quãng vì những tiếng tăng hăng và nói lắp, viên Ký lục tù binh từng làm việc lâu năm ở Gia Định trả lời các câu hỏi của Huệ về đường sông dẫn từ cửa Cần Giờ vào đến Bến Nghé. Khi Tây Sơn vương hỏi vì sao gọi là Bến Nghé, viên Ký lục giải thích:

- Nghé là tiếng cá sấu kêu. Ta còn gọi là cá sấu nghé, vì sấu kêu giống như tiếng nghé ngo của trâu con. Sông rạch miệt trong còn có nhiều sấu nên gọi là Bến Nghé. Để cho văn chương hơn, còn đặt tên chữ là Ngưu tân, Ngưu chữ.

Huệ thắc mắc hỏi: - Ghe thuyền từ Bến Nghé ra cửa Cần Giờ có khó không?

Tên tù binh đáp:

- Từ khu vực rừng Sác mà sông Lòng Tàu chảy qua, sông rạch chằng chịt nhưng chỉ riêng có sông Lòng Tàu là có cái lạch sâu, tàu thuyền qua lại được rất dễ dàng.

Nhạc quay lại hỏi:

- Sao lại gọi rừng Sác. Sác hay xác?

- Dạ Sác. Sác là tiếng nôm gọi rừng nước mặn trên các bãi sình lầy. Cây đước, cây vẹt, cây su mọc tràn lan sum suê trên các bãi lầy ấy. Dân đồn củi ở Bến Nghé thường chèo ghe vào rừng sác đồn củi đước về nấu bếp. Bọn chuyên nghiệp thì lập thành vạ, chịu thuế cho nhà chúa, thường gọi là Sài tân. Cây rừng sác không cao lớn như ở Cà Mau nhưng chắc thịt, hàm than hoặc làm củi đều rất đượm.

Huệ chỉ chú ý phần địa thế, nên vội hỏi thêm:

- Hai bên sông rạch ở rừng Sác có nhiều dân cư không? Chúng nó có cướp phá ghe thuyền đi lại trên sông Lòng Tàu không?

- Dạ dân cư thưa thớt lắm. Sông Lòng Tàu đổ vào sông Ngã Bảy, rồi ra cửa Cần Giờ. Hai bên bờ chỉ có vài xóm nhỏ rải rác, hoặc đôi ba căn chòi tranh trên bờ mà thôi. Đây là vùng đất chỉ có dân đánh cá, săn thú và đồn củi sống đước, còn dân làm ruộng thì không đến vùng ấy làm gì vì nước mặn. Do đó địa danh cả vùng đều nôm na, chẳng hạn xóm Ăn Thịt, Cát Lái lớn, Cát Lái bé, ngã ba Chó Tru, tắt Ăn Tết.

Nhạc lại hỏi:

- Tắt? Tắt là cái gì?

Tên tù binh lễ phép giải thích:

- Dạ thưa tắt là con rạch ngắn nối liền hai con rạch khác chảy song song, nơi giáp mỗi là một ngã ba chứ không phải ngã tư. Bến Nghé nhiều sông rạch nên có nhiều tắt. Nào tắt Ăn Tết, tắt ổ Cu, tắt Ăn Chè, tắt Quanh Quẹo lại còn rạch Cá Dao, rạch So Đũa, rạch Gành Hào, rạch Bãi Bùn, rạch Hốc Hỏa, rạch Năm Bếp. Cả phòng nghe những tên lạ đồng ồ lên cười.

Nhạc thích thú nhất, cười ha hả, trong cơn thích thú, Tây Sơn vương trở nên rộng lượng. Nhạc hỏi tên tù binh:

- Anh có gia đình chưa?

Viên Ký lục rụt rè đáp:

- Dạ có rồi.

- mấy con?

- Dạ bốn.

- Cha mẹ còn sống hay chết?

- Dạ chỉ còn một mẹ già. Vợ tôi ốm yếu, sợ không nuôi nổi mấy miệng ăn.

Nhạc ngạc nhiên hỏi:

- Ta nghe trong đó đồng ruộng phì nhiêu lắm mà!

Tên tù binh đáp:

- Dạ sự thực có vậy. Nhưng muốn làm ruộng phải có vốn khai hoang. Vay thì mùa đến lúa chui vào kho của Hoa kiều hết. Làm ruộng mướn thì vào kho điền chủ. Và lại gia đình tôi ở Cù lao phố. Buôn bán nhỏ qua ngày, muốn đủ sống phải tranh thương với các phố khách.

Tây Sơn vương cười nhỏ, rồi bảo:

-Thôi được. Chuyến này ta cho chú hồi hương. Được chưa! Chú Huệ. Ta giao cho chú đấy. Muốn biết thêm những tắt những rạch những sắc gì gì đấy, chú cứ hỏi ông Ký lục này. Kể từ bây giờ, ông không phải là tù phạm nữa. Ông là Ký lục của triều Tây Sơn, nhớ chưa!

*

* *

Vì được Huệ giao cho một việc gần giống như chép "nhật ký chiến dịch" nên Lãng ghi được, chẳng những các sự kiện lịch sử, mà còn ghi cả những xúc động mãnh liệt sâu đậm của mình trong chuyến vượt biển nam tiến lần đầu trong đời.

Trong chuyến chỉ huy của Huệ có một số ngư dân trước đây ở Gia Định có thuyền bị trưng dụng chở thóc ra Qui Nhơn năm trước. Họ giữ vai trò hướng đạo của chuyến hải hành. Lãng tìm đến hỏi han họ về đời sống ở Bến Nghé, nhất là đời sống trên các kinh rạch nước đục len lỏi dưới bóng những cây dà, cây đước, cây su, cây vẹt, đời sống rộn rã đơn giản nhưng cũng đầy cam go giữa những bầy sấu dưới sinh lầy, cạp ra đến tận chợ, muỗi mòng hàng đàn bay đen dưới những tàn lá rậm che kín mặt trời. Từ nhỏ đến lớn, Lãng chỉ sống ở miền núi và đồng bằng, nên anh háo hức tìm hiểu thứ đời sống trôi nổi trên các mặt sông.

Cho nên, Huệ sẽ ngạc nhiên nếu đọc thấy từ những trang đầu của cuốn nhật ký chiến dịch, Lãng đã chép lời giải thích của các bác thuyền chài Gia Định về các kiểu chèo, kiểu ghe.

Lãng đã chép như sau:

"Kiểu chèo:

Nước xuôi đi thông thả thì chèo mái dài, nước ngược chảy xiết thì chèo mái cuốc (chặt xuống nhanh gọn như cuốc đất). Ở nơi có nước xoáy thì nạy hoặc kéo tức là đứng sát cột chèo mà xoay tròn, mái chèo thọc thẳng đứng xuống nước.

Chèo mái một là bỏ xuống dờ lên từng động tác không rà.

Chèo bán tức là bỏ mái chèo xuống nước phân hai, nghiêng nghiêng. Chèo rà là rà thường trực mái chèo, không đưa lên khỏi mặt nước.

Gác chèo, lật chèo là dừng lại, nghỉ luôn cặp bến, hoặc thuận gió chỉ dùng buồm.

Kiểu ghe:

Ghe cửa ở đồng bằng Bến Nghé nhỏ, mũi nhọn, có thể chạy buồm vững vàng ra cửa sông rồi men theo bờ biển.

Ghe bản lồng còn gọi ghe lồng có mũi, trong hầm ghe ngăn ra từng ô nhỏ để phân chia các mặt hàng.

Ghe hàng bố là kiểu bản lồng nhỏ, chở hàng hóa nội địa.

Ghe cui coi thô sơ, bằng ở mũi và ở lái, dùng chở củi, chở lá lợp nhà.

Ghe giàn là loại ghe lớn, hai bên hông đâm thêm cánh cho cao để chở thêm hàng hóa.

Ghe lườn (độc mộc) mua dễ dàng với giá rẻ từ Cao Mên, thêm hai be thì gọi là ghe be.

Người giàu có thì đi ghe diều, chạm trổ khéo léo ở mũi và lái, kéo mui lăm khi sơn son thếp vàng, bên trong lót ván trơn bóng có chỗ nấu nước pha trà và tiện nghi hút á phiện.

Các chức sắc cao sang thì đi ghe hầu có lính chèo.

Ghe bè làm bằng cây trong toàn thân chiếc ghe chứa hàng hóa có mui bao phủ như cái bè, người chèo chống di chuyển trên mui. Đây là loại ghe chuyên chở lớn..." [\[2\]](#).

Anh cũng ghi cả lời viên Ký lục mô tả địa thế Bến Nghé để giúp cho Nguyễn Huệ dễ dàng chuẩn bị các lối dàn trận, phân công sắp đến. Nguyên văn lời chép trong cuốn nhật ký như sau:

"Bến Nghé ở vào vị trí thuận lợi: sát bờ biển vì tiếp giáp với bãi nước mặn chạy dài xuống rừng sác, ở lẫn ranh đất cao từ cao nguyên đổ xuống, lại tiếp giáp với một đồng bằng rộng lớn phía đông nam. Nhờ vậy Bến Nghé liên lạc dễ dàng ra trung, lên cao nguyên, có đường thủy và đường bộ qua Cao Mên và xuống đồng bằng phì nhiêu dễ dàng qua hệ thống sông rạch chằng chịt. Bến Nghé lại ăn thông với biển Đông dễ dàng qua sông Lòng Tàu, một lạch nước sâu và rộng khỏi phải nạo vét thường xuyên, quanh năm không có sương mù.

Chịu ảnh hưởng nước mặn vào mùa nắng nên dân cư thường sinh sống trên các giồng đất cao, ở đó mạch nước ngọt đủ cung cấp cho nhu cầu. Chưa bao giờ xảy ra lụt lội đến nỗi nước tràn bờ tàn phá mùa màng nhà cửa như các con sông miền bắc và trung. Cũng chưa từng hứng chịu những trận bão đáng gọi là bão. Đồn trại phòng thủ và phố xá thường lập ở các vùng đất gò và các bến sông.

Phía bắc của vùng Bến Nghé là những gò nổi. Đất cao chạy từ Gò Vấp xuống rạch Thị Nghè, gò Tân Định rồi theo mé sông chạy đến bến ghe. Điểm cao nhất ở phía nam rạch Thị Nghè nơi lập đồn Dinh, từ lâu là căn cứ quân sự quan trọng nhất trong vùng. Phần đất cao còn lại thì dân trưng chiếm chia làng lập chợ và phố, nhà cửa ở chen lộn, đường sá chỗ cong chỗ thẳng theo tự nhiên chứ chưa chỉnh đốn cho thành biên bức ngay hàng.

Về phía tây còn vị trí cao khác là khu đồng tập trận. Phía tây nam có gò Tân Triêm cũng là đất tốt vào bậc nhất. Ở đây mọi nước từ lòng đất tươm lên nên hai bên đường Nước nhĩ, cây cối um tùm làm thành một nơi hóng mát đông đúc. Phú Thọ cũng là đất cao, tên chữ là Cấm Sơn, gọi nôm na là Cấm Đệm. Mùa xuân nền cỏ xanh như gấm mượt, điểm nhiều hoa dại trông như một bức tranh thêu. Rồi đến gò Cây Mai xanh rờn, mấy cây mai bông trắng loại đại thọ giống như cây mù u, tao nhân mặc khách thường đến đây ngắm cảnh làm thơ. Gò Cây Mai cây cối mọc um tùm, nhiều nhất là cây gòn.

Qua rạch ông Buông về phía bắc thì biên giới phía tây nam giáp với một vùng đất chạy dài đến tận Cà Mau. Chân trời thấp, phẳng lì, rải rác từng giồng không bị ngập vào mùa mưa như những hòn đảo nhỏ chen chúc vườn xoài và bờ tre.

Song song với vùng đất gò vừa kể, ở phía nam Bến Nghé, dọc theo bờ rạch vàm Bến Nghé là vùng đất thấp. Ranh giới của hai vùng đất này là con đường ăn thông từ khu phố lập quanh đồn Dinh đến Sài Côn.

Nếu những gò đất ở phía bắc có khung cảnh thực vật giống y như vùng Bà Rịa thì bên bờ rạch phía nam, khung cảnh giống y như đất sinh lầy ở Rạch Giá, Cà Mau. Nước mặn vào mùa nắng. Cây bần, cây tràm, bình bát, ô rô, cóc kèn, mái dầu mọc đầy trên các bãi bùn. Dưới nước có nhiều cua biển, cá đối, cá thòi lòi. Nhiều con rạch ngắn đổ xuống vàm Bến Nghé từ các gò đất cao như gò Tân Triêm, Phú Lâm, nhiều xóm nhà buôn bán ở bờ vàm như ở cầu Ông Lãnh, rạch Bần, cầu Kho... ở khu phố Sài Côn (Chợ Lớn ngày nay) chẳng chịt sông rạch, việc mua bán đi lại đều dùng ghe xuống.

Khu vực quan trọng nhất của Bến Nghé là ở mé sông. Phố khách tường xây mái ngói san sát, ghe thuyền chen chúc, kẻ bán người mua tấp nập còn hơn cả cửa Hội".^[3]

*

* *

Trong tập nhật ký của Lãng, mãi về sau mới có những ghi chú liên quan đến chiến trường, viết theo lối kể biên niên như các sách sử ký Lãng đã học. Tuy nhiên, đây đó, Lãng có chêm vào những cảm nghĩ riêng của mình, cho nên tập nhật ký không chỉ là tấm gương soi một giai đoạn lịch sử, mà phản chiếu đầy đủ tâm tình của Lãng trước cuộc nam chinh đẫm máu ấy. Lãng đã ghi:

Ngày... tháng Ba năm Đinh Dậu.

Đại quân vào cửa Cần Giờ lúc sắp tối. Trừ những người đã tham dự cuộc tấn công năm ngoái và các dân chài người Gia Định, những người còn lại hết sức kinh ngạc trước nhiều cảnh lạ mắt mới được thấy lần đầu. Cửa sông mênh mông nước đục, từng dề bèo bênh bồng khi kết thì thành những cù lao màu biếc trôi nổi, khi tán thì nhấp nhô lặc lợng trên các đợt sóng bạc. Mặt trời đỏ ối chìm dần ở đường chân trời típ tắp, cảnh hoang vu của nước và trời khiến mọi người có cảm giác hãnh diện được đặt chân lần đầu tiên đến vùng đất trinh nguyên của tạo hóa. Sóng dập tí tách vào mạn thuyền như hớn hờ reo vui được gặp sinh vật lạ mắt lần đầu tới đây.

Trong thuyền tiếng lao xao bàn tán không ngớt. Nhiều người bỏ mâm cơm tối, bưng bát ra khỏi mũi thuyền đê mê ngắm cảnh mặt trời lặn. Một người hỏi tôi: Núi đâu cả rồi? Tôi chỉ rằng núi xanh ở mặt đông. Người đó cãi lại: Nhưng ở phía này phẳng lì như trái chiếu. Khi thuyền ép sát vào mép bờ, mấy bác lái thuyền hãnh diện trở từng loại cây mà đọc tên. Nhiều người cười phá vô tư khi nghe những cái tên lạ như ô rô, cóc kèn.

Đoàn chiến thuyền vào hết trong cửa sông thì trời tối hẳn.

Ngày... tháng Ba Đinh Dậu.

Đến sông Ngã Bảy. Thuyền đi chậm lại. Rừng Sác đây rồi. Lệnh truyền chuẩn bị khí giới sẵn sàng đề phòng các cuộc phục kích từ những cửa rạch chằng chịt. Xuồng nhỏ được thả xuống nước, mỗi xuồng chỉ chứa gọn bốn năm quân chèo dọc theo những khóm cây thấp dọc bờ sông để dò đường. Cuộc họp ở ban tham mưu trong khoang chính kéo dài từ giờ hợi đến quá Ngọ vẫn chưa xong. Tinh thần quân sĩ hết sức hăng hái và kỷ luật.

Ngày... tháng Ba Đinh Dậu.

Vài xuồng dò đường bắt được vài cụm bổi (bọn ăn cướp trên sông). Chúng khai cả Gia Định đang hỗn loạn, mạnh ai nấy tìm cách thoát thân. Chúng cũng vậy. Tuy nhiên chúng giấu một điều là đã cướp được khá nhiều của cải, lương thực của các ghe tản cư. Chỉ cần đe vài câu chúng đã van lạy xin làm người dẫn đường cho ba quân. Nhiều tên không nói được tiếng nam.

Ngày... tháng Ba Đinh Dậu.

Mới tảng sáng đã đụng trận. Nhỏ thôi. Nhờ pháo hiệu mà đại quân biết có phục kích ở một ngã ba chỗ con rạch khá lớn đổ ra sông. Khởi phải nhọc lòng nhờ đến các thuyền chiến lớn! Anh em quân sĩ giỏi lặn đã bất ngờ trời lên khỏi mặt nước kéo bọn lính Gia Định xuống trần nước. Một tên tù binh quần áo ướt lấm vừa run lập cập vừa khai rằng quân Lý Tài đã chuẩn bị lực lượng để phòng giữ Sài Côn. Chúa thì dẫn một toán quân bộ đón đường quân Tây Sơn ở mặt bắc. Hỏi về quân Đông sơn ở Ba Giồng, hẳn không biết gì!

Có một điều tôi vẫn thắc mắc là các toán quân Gia Định đóng ở các cửa khẩu hoặc đồn trại dọc sông biển đi đâu không thấy bóng dáng. Theo quan Binh bộ Bùi Văn Nhật thì có ba đội quân, mỗi đội ba thuyền, mỗi thuyền bốn mươi người vị chi ba trăm sáu mươi người giữ nhiệm vụ canh phòng cửa khẩu. Gần bốn trăm binh với chiến thuyền đầy đủ không phải là một lực lượng nhỏ yếu. Chúng nó biến đi đâu. Có lẽ đúng như quan Binh bộ nói: sau cuộc thay bậc đổi ngôi ở Gia Định, tâm thần hoảng loạn, chúng nhìn trước nhìn sau chỉ chờ có biến là quăng chèo bỏ giáo tháo thân. Không hiểu như vậy thì giải thích sao được các vụ chống cự yếu ớt suốt dọc bờ sông hoang vu rậm rạp rất thuận lợi cho các cuộc phục kích.

Buổi chiều cùng ngày.

Vừa nhận được tin chiến thắng của đạo quân bộ. Sau khi theo đường núi đánh phá khắp một dải từ Phú Yên vào đến Bình Thuận để hoàn toàn cô lập Gia Định với quân cứu viện của Trần Văn Thức và Châu Văn Tiếp, quân bộ đã vào đến Trấn Biên. Quân Chúa Nguyễn ở Mô Xoài và Đồng Môn tan hàng rã ngũ sau vài cuộc giao tranh ngắn. Chúa (Tân Chính vương) chưa kịp chỉnh đốn đội ngũ thì quân ta đã ào ạt tấn công Trấn Biên. Địch bị thiệt hại nặng nề. Ta giết được một tên phó Tiết chế tên Nguyễn Cửu Tuấn và tên Chương trường đà Nguyễn Đại Lữ. Có lệnh đại tấn công vào thành Gia Định ngay sau khi quân sĩ ăn xong cơm chiều.

Buổi tối cùng ngày.

Khoảng một phần ba chiến thuyền đậu y nguyên vị trí cũ, đèn đuốc thắp sáng cả một khúc sông. Chẳng những thế, có lệnh cho tự do hò reo, hát bội, gõ ván, khoa chèo, náo nhiệt để đánh lạc hướng địch. Trong lúc đó, số chiến thuyền còn lại lặng lẽ tắt đèn tiến thẳng về Bến Nghé. Đêm tối mịt mù, thuyền sau không thấy thuyền trước. Lái thuyền cứ theo tiếng mái chèo phía trước mà định hướng bát hay hướng cạy. Nước triều lên cao đẩy thêm cho thuyền tiến nhanh hơn. Lòng trời đã chiều theo lòng người rồi đây! Muốn ghi cho đủ cảm giác nôn nao mệnh mang nhưng đầu óc cứ bưng bưng, không đủ bình tĩnh ngồi viết nữa. Trong khoang chỉ huy, có tiếng chân đi lại nặng bước làm lung lay tấm ván kê tập giấy. Tiếng ồn ào chia tay. Các tướng lãnh đã nhận nhiệm vụ xuống xuồng nhỏ trở về đơn vị của mình. Hồi hộp quá. Chắc hẳn cuộc tấn công xảy ra ngay đêm nay.

Ngày... tháng Ba năm Đinh Dậu.

Đại tấn công thành Gia Định từ nửa đêm hôm qua. Nước triều dâng cao quá tầm bãi chông nên các xuồng đổ bộ vào bờ an toàn. Súng lớn của địch bắn ra đến tận đây, phần lớn đạn đều rơi xuống nước. Hai chiến thuyền phía sau bị cháy nhưng bên đó dập tắt kịp ngọn lửa. Chủ tướng Nguyễn Huệ đã xuống xuồng đổ bộ ngay từ đợt đầu, hướng chính phải chiếm là mặt nam rạch Thị Nghè. Quân thủ thành (tin cho biết là Hòa nghĩa quân của Lý Tài) chống cự mãnh liệt (không biết anh Chinh có mặt trong đó không). Quá trưa ta đánh thủng được mặt tây nam nhờ cánh quân đi vòng qua ngả gò Tân Triêm. Quân Hòa nghĩa hoảng, bắt đầu núng thế. Khi thấy một toán cứu viện của địch từ Biên Hòa kéo đến, chủ tướng ra lệnh phải hạ thành bằng bất cứ giá nào trước khi trời tối. Đến giờ Dậu ta hoàn toàn chiếm được thành. Tàn quân địch tháo chạy về phía tây bắc, tức là ra Hóc Môn.

Ngày... tháng Ba Đinh Dậu.

Tư khấu Uy cho quân về thành báo tin đã đánh bại được đám tàn quân địch ở Hóc Môn, nhưng chiến công chưa được trọn vẹn vì không biết được Lý Tài, Tân Chính vương và Thái Thượng vương (Duệ Tôn). Phía ta Tuần sát Huyền bị tử trận.

Chủ tướng cho lệnh thu quân để chinh đồn đội ngũ. Cuộc đánh chiếm thành Gia Định hoàn tất.

*

* *

Lãng cũng có ghi lại từng đoạn rời về cảnh Bến Nghé sau khi quân Tây Sơn đã chiếm được thành:
(chữ Hán dịch Nôm)

* Dân chúng tụ họp cất nhà quanh những khu chợ và gò đất cao. Mà chợ thì lập ngay trên bến ghe, dọc theo các bờ rạch lớn và bờ sông. Hai khu phố nhà cửa san sát tường xây mái ngói có vẻ giàu có nhất là: Khu chợ ở hai bên rạch Sa Ngư và khu chợ Sài Côn dọc hai bên con đường nối liền vùng Thị Nghè với Phú Lâm. Chưa bao giờ tôi thấy phố xá giàu có và đông đúc như vậy. Nhưng khi chúng tôi vào, thì cửa nhà nào cũng đóng kín. Đằng sau những cánh cửa lớn mở hé hé vừa đủ để len lén nhìn ra ngoài đường vắng hoặc đằng sau những cánh cửa sổ nhỏ có che rèm, tôi biết chỉ còn những ông già bà cả, con nít và phụ nữ lam lũ đứng tuổi ở lại. Trai tráng đã trốn đi để khỏi trở thành lính Hòa nghĩa hoặc kẻ bị tình nghi là lính Hòa nghĩa. Cho nên phía sau cái bề mặt lạnh lẽ, buồn hiu của một vùng phố vừa đổi chủ, biết bao nhiêu nỗi lo âu, hồi hộp, biết bao nhiêu nỗi run sợ vì những rủi may bất trắc của thời loạn. Chắc hẳn người ta sợ đến cả tiếng tim đập và tiếng thở của mình. Những điều ấy dễ đoán thôi, vì là qui luật chung của đời sống thời loạn!

Tôi cũng đã chứng kiến những cảnh khác của cái qui luật khắc nghiệt ấy và có báo lại với anh Phụ chính (Nguyễn Huệ). Sau một thời gian quá ngắn (đủ để những kẻ bạo gan hết bàng hoàng), bọn hôi của bắt đầu hoành hành. Đầu tiên chúng ăn trộm của cải những nhà lân cận đã tản cư bỏ lại căn nhà trống, và chỉ khuân về nhà mình những thứ lặt vặt cần thiết và dễ giấu. Nhưng hành nghề đạo tặc cơ hội được ít lâu, chúng nổi lòng tham, và trở nên táo tợn hơn. Phạm vi hoạt động của chúng mở rộng. Chúng cướp của cải cả ở những nhà có chủ. Chủ nhà biết mặt biết tên chúng mà không dám tố cáo. Lính Tây Sơn ở xa, còn mũi đao

của bọn trộm cướp thì kẻ sát lưng. Sự khôn ngoan khuyên họ giữ im lặng, làm như không thấy bọn trộm khuôn đồ đạc của mình bằng cách giả vờ ngủ, hay lánh mặt đi. Phải thật lâu về sau, khi bọn cướp đã bị chém bêu đầu giữa chợ, các nạn nhân mới dám thì thào kể lại những thứ họ bị cướp mất.

Một điều thật bất ngờ đã xảy ra sáng hôm nay. Sau một đêm căng thẳng vì đe dọa của bất trắc, Bến Nghé thức dậy đã thấy cờ đào phát phối trên từng mái nhà. Cả đến chúng tôi cũng kinh ngạc. Chúng tôi đã kịp ra lệnh cho dân chúng may cờ đỏ để treo trước từng nhà đâu! Thế mà tại sao đâu đâu cũng phát phối cờ đào cả?

Về sau truy ra mới biết có một bọn lưu manh may cờ Tây Sơn, đem đến bán từng nhà với một giá cắt cổ. Ai dám từ chối nào? Không mua cờ Tây Sơn tức là đồng đảng của quân Hòa nghĩa. Lại thêm anh là Hoa kiều; một chứng cứ nữa để buộc tội anh! Vụ bán cờ nhanh chóng lan ra như một trận dịch, và tạo nên biến cố bất ngờ!

Đã có nghiêm lệnh loan cho dân chúng phải tố cáo và dẫn nộp bọn quan quân Chúa Nguyễn còn ẩn nấp trốn tránh trong nhà, ai cố ý nuôi dưỡng che giấu chúng sẽ bị nghiêm trị. Đồng thời để tạo sinh hoạt bình thường, lệnh bắt buộc các chủ phố phải mở cửa buôn bán trở lại.

Lệnh trên được tuân hành răm rắp, nhưng tuân hành có một nửa. Cửa phố mở một cánh đóng một cánh, hàng hóa bày ra chỉ là những thứ lặt vặt không có giá trị. Tuy thế, chỉ trong vòng một buổi sáng, những cửa hàng bán chao, bán mắm, bán muối, bán củ bị tràn ngập. Người ta chen chúc giành giật nhau một hũ chao hôi hay một túi muối nhỏ. Giá bao nhiêu cũng mua.

Bọn vô lại giờ thêm mánh mới. Chúng giả làm lính Tây Sơn (điều này quá dễ, vì chúng tôi ăn mặc lôi thôi, có gì mặc nấy, đi chân đất cầm giáo), đến các cửa hàng giàu có bảo có người tố cáo nhà này có chứa lính Hòa nghĩa. Chúng xô cửa vào nhà để khám xét, và chỉ bỏ đi sau khi chủ nhà nộp cho chúng tiền bạc hoặc sau khi chúng cướp được những thứ khá đắt giá. Riêng một mình tôi không thôi, đã nhận được hàng chục đơn tố cáo bọn cướp làm ăn theo cách đó.

* Một số khá đông quan quân chế độ cũ bị dẫn đến giao nộp. Quá nửa số này bị tố cáo oan vì tư thù. Số còn lại gồm bọn lính Hòa nghĩa bị thương. Không chạy kịp, hoặc bọn ăn quịt say rượu có "thành tích" mà các chủ quán rượu nhớ mặt. Một số nhỏ là bọn Ký lục chậm chân. Thân nhân những người bị bắt thất thểu dắt díu nhau theo chồng, theo cha, anh, em... một đoạn xa, như đi đưa đám táng.

* Phố xá đã lấy được đôi chút sinh khí. Cửa lớn từng nhà đã mở rộng, trừ nhà vô chủ. Nhờ vậy chúng tôi thấy số gia đình có điều kiện tản cư chạy loạn trước khi chúng tôi đến đây không nhiều. Họ thuộc vào hạng giàu có, sẵn ghe thuyền và thế lực. Nghe đâu giá một chiếc ghe loại trung đã tăng gấp mười lần bình thường.

Để anh em quân sĩ Tây Sơn bớt căng thẳng tinh thần sau giai đoạn mệt nhọc nguy hiểm, đã có lệnh cho phép từng toán trên mười người đi dạo phố chung với nhau. Sở dĩ phải buộc đi thành từng toán đông đảo, là vì đã xảy ra những vụ ám sát, bắt cóc hoặc phục kích lẻ tẻ ở các góc phố hẹp, quanh co. Thế là lần đầu tiên nhiều người dân nghèo chân đất ở Qui Nhơn có dịp nhìn ngắm một thành phố giàu có ở vùng cực nam xa xôi, và lần đầu tiên dân Gia Định được nhìn thật gần (mà không còn phải nơm nớp sợ hãi) những

người lính ăn mặc đơn giản, đi chân không, mặt mày hiền hậu, tay cầm giáo, đi lại giữa hai dãy phố ngói, gặp gì cũng trầm trồ bàn tán, nhìn ai cũng kinh ngạc thích thú. Đến đâu họ cũng hỏi trái này là trái gì, món này giá bao nhiêu. Tuy chủ phố đã hạ thấp giá hàng xuống còn phân nửa, họ vẫn bồn thần suy nghĩ, xì xào bàn tán với nhau thật lâu rồi lắc đầu bỏ đi với vẻ tiếc nuối.

Dân Gia Định kinh ngạc hơn hết là vẻ hiền hòa, và tinh thần kỷ luật của họ. Thật khác xa với bọn Hòa nghĩa hay Đông sơn. Họ hiền hòa đến nỗi dân Gia Định đâm hoài nghi, không tin những con người này là những kẻ đã khiến quan quân nhà Nguyễn khiếp vía chạy dài. Họ không biết, hoặc không nhớ rằng quân Hòa nghĩa đã từng ở trong hàng ngũ Tây Sơn trước khi trở mặt phản bội, kéo vào đất này. Nhớ đến ý kiến của anh Huệ về quá trình thanh lọc của lịch sử, thấy đúng quá!

Quá trình đó sẽ tiếp tục. Phải tiếp tục, vì không phải toán quân Tây Sơn nào cũng hiền hậu, kỷ luật cả. Cũng có người to tiếng đe dọa để mua hàng với giá rẻ mạt. Cũng có người ham sắc mà bị giết thả trôi sông mất xác. Nhưng số đó quá ít ỏi. Đó là điều đáng mừng!

*

* *

Chợ Tân Kiểng là một chợ thuộc loại lớn của vùng Sài Côn. Chợ nhóm rất đông đúc lại nhiều mặt hàng, quanh chợ là vườn tre cây cối um tùm, ngày Tết nổi danh khắp Gia Định vì những giàn đu tiên (kiểu như cái xe đạp nước khá to, rộng vành, có treo đong đưa chừng sáu chiếc ghế, mỗi ghế một người ngồi. Bánh xa xoay tròn, ai ở dưới sát đất thì đạp mạnh lấy trớn cho bánh xa quay không ngừng. Người quay đu tiên thường phải mặc quần áo thật đẹp đẽ). Chính tại chợ này mà Nguyễn Đăng Trường quan Tham tán của Tân Chính vương bị Tây Sơn bắt, khi ông giả dạng làm một thầy thuốc bắc vào chợ dò la tình hình địch.

Chức vụ quan trọng của ông khiến Trường bị giải ngay đến gặp Nguyễn Huệ. Quan Phụ chính nhớ ngay nhà nho khí khái mình đã không thuyết phục nổi ở Qui Nhơn. Huệ sai Lãng bưng cái ghế bọc gấm của phủ Gia Định cũ ra mời viên Tham tán ngồi, lại sai lính hầu mang trà ngon ra mời. Lính áp giải sợ sẩy mất một tù binh quan trọng nên cột tay Trường hơi chặt. Máu bầm tụ thành một vòng sẫm tím ở hai cổ tay. Tuy đau buốt và mệt nhoài, Trường vẫn cố lấy hết can đảm và khí tiết để ngồi thẳng lưng trên ghế, đường hoàng đưa tay nhận chén trà Huệ rót mời. Mùi trà Tàu hảo hạng khiến Trường tỉnh táo, bình tĩnh hơn. Cho nên khi Huệ hỏi:

- Nhà thầy vẫn mạnh giỏi đấy chứ?

Viên Tham tán đáp với giọng sang sảng, gần như thách đố:

- Có bao giờ tôi đau yếu đâu! Cảm ơn ông, lúc nào tôi cũng mạnh.

Huệ cười mỉm, rồi hỏi:

- Ngài Bảo giá Đại tướng quân của nhà thầy ra sao? Nghe nói nhà thầy vào đây làm quân sư cho tướng quân phải không? Kể ra nhà thầy cũng khéo chọn người để phò tá đấy chứ!

Trường tức giận vì bị sỉ nhục, nhưng vẫn gắng bình tĩnh đáp:

- Tôi vào đây để làm tôi trung của chúa, chứ không làm quân sư cho tên giặc khách. Đấng trượng phu thà chết chứ không hầu hạ bọn giặc nào, dù giặc khách hay giặc nam.

Tai Nguyễn Huệ đỏ lên, nhưng ánh mắt vẫn long lanh thích thú, miệng vẫn mỉm cười. Huệ nói:

- Nhà thầy quanh co làm chi! Tân Chính vương phong cho Lý Tài chức Bảo giá Đại tướng quân vì nhờ có tên giặc khách tráo trở đó mới cướp được cái ngôi vua lung lay của Duệ Tôn ở chùa Kim Chương. Đây nhà thầy xem, tôi am tường chuyện nhà thầy lắm. Vâng, tại chùa Kim Chương đã xảy ra cảnh giằng giạt nhau một chiếc ghế chân gầy, dưới sự giám sát của một tên giặc khách. Hôm đó nhà thầy có mặt ở chùa Kim Chương hay không? Chắc chắn là phải có mặt rồi. Thầy giữ chức Tham tán, bề mặt là bề tôi của Tân Chính vương nhưng thực tế là bề tôi của Lý Tài. Chữ "trung" của thầy quanh co lắm nhì!

Viên Tham tán chậm rãi đáp:

- Kẻ tiểu nhân, bọn đạo tặc, thì nhìn ngay ra cong, nhìn sáng thành tối, đâu thấy được lẽ quyền biến ở đời. Tên giặc khách đó chẳng qua như cái gậy để chống khi leo núi, đôi giày để mang khi bước qua một chỗ lầy lội. Ta không cần ra tay mà hắn tự giết mình, đấy là mệnh trời chứ sức người đâu có đủ để khiến như vậy!

Nguyễn Huệ vội hỏi:

- Lý Tài tự vận ư? Đến lúc này mà nhà thầy còn vẽ vờ chuyện hoang đường làm chi? Cả đạo quân Hòa nghĩa của nhà thầy tan tác ở Hóc Môn, hắn không chết rấp đâu đó thì cũng ráng chui rúc lẫn trốn để tìm đường trở lại làm "ngài bảo giá", chứ đại gì mà tự vận.

Viên Tham tán cười nhạt đáp:

- Hóa ra ông chưa biết. Việc này cũng chẳng nên giấu ông làm gì. Tên giặc khách đó chết rồi. Điều đó chắc ông biết, vì nếu chưa chết, hắn đã huênh hoang miệng lưỡi cho tất cả thiên hạ nghe thấy rồi. Nhưng vì sao hắn chết? Điều này chắc chắn ông chưa biết. Ở tận Hóc Môn, đang khi dàn quân đánh với các ông chưa phân thắng bại, Lý Tài thấy có một toán quân cờ xí xa xa từ Cần Giuộc kéo đến. Đó là quân của Tổng Phước Thận đến tiếp viện. Nhưng lòng dạ bọn đạo tặc nhìn đâu cũng thấy cái xấu, nên Lý Tài tưởng là quân Đông sơn nhân cơ hội đến đâm sau lưng mình. Hắn cho quân Hòa nghĩa giải tán. Nhờ thế quân các ông mới được dịp xông tới, đuổi theo các toán lính đang hoang mang, hỗn loạn. Lý Tài bị bao vây, chỉ có một đường thoát là chạy về phía Ba Giồng. Trời cao có mắt, hắn sợ Đông sơn thì trời xui cho hắn chạy về Ba Giồng nộp mạng cho Đông sơn. Chúng tôi ném chiếc giày bắn như vậy đấy!

Lòng Huệ rộn rã, nhưng viên tướng trẻ tuổi vẫn giữ được nét mặt điềm nhiên. Với một giọng lơ đãng khinh thường, Huệ gật gù bảo:

- Chết về tay ai thì cũng là chết. Chắc Đỗ Thành Nhân không dành cho tên phản trắc đó một cái chết êm dịu, nhanh chóng đâu. Thôi, hãy để cho hắn yên giấc! Hãy trở lại chuyện nhà thầy. Nhà thầy còn nhớ lời tôi nói với nhà thầy ở Qui Nhơn chứ?

Nguyễn Đăng Trường bậm môi rồi đáp gọn:

- Nhớ!

Huệ cười, rồi nói:

- Tôi cũng nhớ. Tôi đã thưa với nhà thầy: "Tiên sinh đi như thế, chẳng khác nào quay trời đất lộn ngược trở lại, hỏi làm sao được. Tôi chỉ sợ có ngày tiên sinh hối hận thì sự đã muộn lắm rồi".

Trường đồng dặc đáp:

- Tôi cũng nhớ đã đáp lại ông rằng: Bậc đại trượng phu lấy trung hiếu làm đầu. Tôi thờ mẹ tôi, rồi thờ chúa, việc ấy thật quang minh, không có gì đáng hối hận về sau cả!

Huệ tức giận hỏi:

- Nhà thầy bảo quang minh được ư? Nhà thầy học thức bậc ấy, khí tiết bậc ấy, tuổi tác bậc ấy, mà cúi đầu phò tá một tên con nít được Trương Phúc Loan bày cho đủ trò dâm loạn đến nỗi thành kẻ bất lực (Duệ Tôn), sau đó lại cúi đầu phò tá một tên hèn nhát dựa vào sức bọn đầu trộm đuôi cướp để giật ngôi vua, mà còn tự xem là quang minh! Chẳng lẽ đến lúc này mà nhà thầy chưa thấy tâm địa xấu xa của chúng, mà còn bo bo ôm lấy cái chữ trung móp méo nghiêng lệch. Nhà thầy chưa thấy ân hận hay sao?

Viên Tham tán lớn giọng đáp:

- Ta không có gì phải ân hận.

Huệ thất vọng thở dài, rồi chán nản nói:

- Thôi được. Tôi không còn cách nào khác nữa! Thầy sẽ được toại nguyện, một cách êm ái, nhanh chóng.

Trước khi chết Trường mới bắt đầu hoang mang, tự hỏi không biết mấy chữ CHÍNH VỊ, ĐẠI ĐẠO trong sách Mạnh Tử: "Cư thiên hạ chi quảng cư, lập thiên hạ chi chính vị, hành thiên hạ chi đại đạo, đặc chí dữ dân do chi, bất đặc chí độc hành kỳ đạo, phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất" có phải đúng là chỗ mình đứng, đường mình đi bao lâu nay không!

^[1] *Phủ Biên Tạp Lục, Lê Quý Đôn, tr 196-197.*

^[2] *Tài liệu viết tay của Sơn Nam*

^[3] *Tài liệu viết tay của Sơn Nam*

Chương 43

Trang nhật ký cũng như trong cuộc hội kiến gay go giữa Huệ và Nguyễn Đăng Trường, Lăng không dám nói đến Chinh. Sự phản bội của Chinh đã trở thành điểm nhạy cảm của gia đình ông giáo, một nỗi ám ảnh luôn luôn dày vò khiến mọi người trong gia đình thao thức, nhột nhột, thiếu hẳn tự tin trước anh em Nhạc. Họ sợ cả những gì động chạm xa gần đến Chinh. Cho nên ngay từ lúc vào được thành Gia Định, Lăng đã tìm mọi cách tìm kiếm tin tức anh một cách kín đáo âm thầm. Lăng không muốn cho ai biết mình là em ruột Chinh, cũng không muốn bất cứ ai trong đội quân Tây Sơn biết mình đang tìm dấu vết người anh phản bội.

Khi Nguyễn Đăng Trường cho Huệ biết Lý Tài đã chạy về Ba Giồng và bị quân Đông Sơn giết chết, Lăng hồi hộp, muốn hỏi ngay viên Tham tán xem lúc đó Chinh ở đâu, đã chết hay còn sống. Nhưng Lăng lấy hết can đảm mà vẫn không mở lời nổi. Anh thấy ba người lính lực lưỡng dẫn Trường đi khỏi phòng, chân muốn chạy theo mà không tài nào nhấc bàn chân lên nổi. Trường chết ngay đêm hôm ấy, Lăng ngẩn ngơ tiếc, không phải tiếc cho một nhà nho cổ chấp mà tiếc không còn dịp hỏi tin anh nữa.

Từ đó về sau, Lăng tìm mọi cơ hội để dò la tin tức Chinh. Anh được Huệ giao cho việc tiếp xúc với các đại diện các bang Hoa kiều để nắm vững tình hình dân cư và kinh tế ở những khu phố khách. Không có việc nào vừa ý nguyện của Lăng hơn! Lấy cớ phải trực tiếp đến các phố Hoa kiều ở Sài côn và hai bên rạch Sa ngư, nếu cần phải lên tận cù lao Phố (Biên Hòa) để tìm các số liệu chính xác, Lăng gặp được nhiều người trước đây có đi lại, quen biết với đám thân cận quanh Lý Tài. Nhắc đến tên Chinh, có nhiều người không biết. Nhưng mô tả hình dáng, nói thêm gốc tích Chinh là con của người làm quân sư cho Tây Sơn ở Qui Nhơn, hầu hết mọi người Lăng hỏi đều ồ lên vui mừng, và trả lời có gặp Chinh. Những điều họ nói với Lăng về Chinh càng khiến Lăng đau đớn, lo âu thêm.

Có người bảo:

- Thăng con phản bội đó hả? Thôi, nói làm chi cái tên “phá gia chi tử” đó. Hẳn phản cha phản chúa, vào đây để làm cái gì? Để quí lụy, khúm núm còn hơn kẻ tôi đòi, dưới trướng tên cướp biển, tên bạo chúa họ Lý. Bây giờ hẳn ở đâu ư? Chắc chắn nó theo sát Lý Tài, nên phải bị quân Đông Sơn băm vằm thành mắm rồi.

Người thì bảo:

- Vì sao hẳn bỏ con đường chính mà vào đây? Trước kia anh em chúng tôi thường hỏi nhau như vậy, khi nghe Lý Tài khoe hẳn đã chiêu hồi được đứa con cưng của quân sư Qui Nhơn. Không ai trong chúng tôi trả lời được. Chúng tôi tiếc giùm cho hẳn. Về sau thấy hẳn mê rượu chè, cùng với bọn Hòa nghĩa tàn ác tham lam lê la khắp các xóm yêu hoa, chúng tôi liền hiểu. Hẳn phản cha chỉ vì ham rượu ham gái đấy thôi. Hẳn chỉ là con heo hôi thối, nên có lẽ cũng đã chết như một con heo hôi thối. Các chủ quán rượu và bọn ca kỹ chắc phải cúng tạ trời đất khi biết chắc hẳn đã chết. Mà... mà ngài hỏi làm chi cho kỹ vậy? Tên

Hòa nghĩa nào lại không đàng điểm như thế!

Người khác lại nói:

- Có biết thằng Chinh không ư? Xin lỗi ngài, chúng tôi ớn hản đến tận óc. Mỗi lần thấy hản đạo phở là đàn bà con gái phải cúi mặt xuống, trốn thật kín trong xó tối. Nó mà trông được mặt người đàn bà nào kha khá một chút, tôi bảo kha khá coi được một chút chứ không phải đẹp, thì ngay sau đó...

Lãng bực dọc cật vấn:

- Đâu đến nỗi tệ thế. Lúc còn ở Qui Nhơn, hản đàng hoàng đứng đắn lắm mà!

Người được hỏi hơi ngơ ngác một chút, rồi lấy giọng sôi nổi, chế giễu nói tiếp:

- Có thể như vậy lắm. Ở với các ngài, nó dám dở thói xấu ra đâu. Nhưng vào đây chung đụng với bọn trộm cướp ham mê tửu sắc, bao nhiêu chân tướng của hản lộ ra hết. Nếu nó không đại đột phản bội các ngài thì đâu đến nỗi!

Một tên Ký lục khai:

- Nhờ theo sát bên cạnh Lý Tài, anh ta bày đủ thứ trò để làm khổ dân. Nhiều lúc thấy dân kêu van quá, chúng tôi có nhờ anh ta thưa lại với Lý Tài xin châm chế chút ít cho dân nhờ. Tại vì xưa nay chúng tôi làm gì cũng lấy phước đức làm đầu nên dân họ thương, nhờ khiếu nại giùm. Ngài biết không anh ta chẳng những không thềm nghe hết lời chúng tôi, mà còn dọa chém chúng tôi. Nếu không được các ngài giải thoát cho, không biết đến bao giờ chúng tôi mới được thoát cái nạn Hòa nghĩa. Chắc thời còn ở Qui Nhơn, hản cũng quen thói vô phép như thế chứ ạ?

Đại loại những lời bọn buôn bán người Hoa kiêu, hoặc bọn giám quân ký lục kể về Chinh đều độc địa như vậy! Độc địa quá mức đến nỗi Lãng đâm ngờ. Lãng biết không bao giờ Chinh dám buông tuồng quá đáng như họ nói. Thích say sưa náo nhiệt, thích đâm đá, thích trò bạo lực, điều đó đúng là những bản tính của Chinh. Nhưng mê đắm tửu sắc, hèn hạ quỵ lụy trước Lý Tài, trời ơi! Không thể nào như thế được. Chắc hẳn họ đã dùng hết sức cố gắng bôi xấu Chinh cho vừa lòng Lãng. Và họ nói láo vì sợ hãi, vì ham sống, thế thôi!

Không thềm âm thầm dò tìm trong đám con buôn Hoa kiêu nữa, Lãng quay tìm ở các lời khai các tù binh của quân Đông Sơn. Những người lính chơ chắt, mộc mạc này xác nhận: Lý Tài bị Đông Sơn phục kích giết ngay từ khi hản vừa chạy đến khu vực Ba Giồng. Đám bộ hạ của Lý Tài người thì chết, người liều lĩnh mở đường máu chạy ra Bình Thuận, người bị Đông Sơn bắt. Hỏi riêng tin tức Chinh, họ không biết gì. Lãng thất vọng nghĩ rằng khó tìm ra dấu Chinh trong cảnh hỗn loạn bát nháo này.

*

* *

Huệ ngồi đọc cuốn “nhật ký chiến dịch” của Lãng bên cạnh cây đèn sáp vàng óng có hình con rồng nổi quẩn ngược từ ngọn bắc cho đến chân nến. Buổi chiều, khi lần đầu tiên Huệ hỏi Lãng về cuốn nhật ký, Lãng bối rối đỏ mặt như xấu hổ. Phản ứng đó gợi tò mò thích thú cho Huệ, và viên Phụ chính trẻ tuổi của triều Tây Sơn càng nhất định đòi đọc cho bằng được. Lãng vừa run run đưa cuốn giấy bản cho Huệ vừa lí nhí xin lỗi:

- Em chép lộn xộn chẳng ra làm sao cả. Tướng quân đừng cười!

Huệ đã quen tai với những lời xưng tụng trang trọng của kẻ dưới, nhưng chưa quen với cách gọi của Lãng. Huệ trợn mắt nhìn Lãng hỏi:

- Sao hôm nay Lãng bày trò khách sáo thế? Thì hãy chờ đọc đã nào!

Quả nhiên, Huệ thấy Lãng ghi lộn xộn thật. Đây là một tập “quân trung tùy bút” hơn là một tập nhật ký quân sự. Nhưng chính cái chất chủ quan, riêng tư, chính sự lộn xộn tùy hứng của cuốn nhật ký đã khiến Huệ thích thú, hào hứng.

Huệ đọc một mạch cho đến khuya, đặc biệt Huệ chú ý đến ghi chú của Lãng về cuộc khẩn hoang ở Bến Nghé và các khu hạp chợ quanh thành.

Trang nhật ký Lãng đã chép: (dịch nôm)

“Vùng Gia Định là đất mới nên không có sự ràng buộc khá chặt chẽ giữa tá điền và điền chủ như ở làng ngoài: thích thì họ ở, buồn họ đi. Ở mỗi làng xã số dân đinh không cần nhiều. Chừng ba mươi người đứng tên chịu đóng thuế là hợp thủ tục để lập làng mới. Vì vậy dân đinh hợp pháp đều là những điền chủ có tiền loại giàu có hoặc khá giả. Tá điền có quyền không ghi tên vào bộ sổ để rồi họ tùy thích sống theo qui chế dân lậu. Nhưng đã dân lậu thì họ không được vào ban hương chức, không được dự tiệc cúng đình làng, không được kiện cáo bất cứ ai khi bị áp bức. Trái lại, nếu có ai tố cáo họ thì họ bị xem như có lỗi trước. Họ sống bình bằng rày đây mai đó, làm ruộng dạo, làm mướn từng ngày hay từng buổi. Có thể họ không biết tiết kiệm, không lo gom vốn làm ăn nhưng xét đời sống quá dễ dàng ở Gia Định trước kia và hiện nay thì họ còn quá nhiều chỗ dung thân. Cho nên mới có câu nói đùa: trời sinh ra người, người nào cũng có lộc nhiều lộc ít. Đất sinh cỏ, cỏ nào cũng có rễ ngắn rễ dài...”

Nguyễn Huệ đọc đến đây thì dừng lại. Ông cảm thấy nhận xét của Lãng có gì không được ổn. Đọc lại lần nữa, ông thấy Lãng mâu thuẫn một cách ngây thơ, dễ dãi. Căn cứ vào điều kiện sinh sống thuận lợi của Gia Định, Lãng đã suy ra rằng: những người nông dân chân lấm tay bùn không có đất cắm dùi phải đem thân làm tá điền cho nhà giàu nhiều ruộng vẫn được quyền tự do tùy thích sống theo ý mình. Lãng viết: “họ sống theo qui chế dân lậu tùy thích”. Thử xem dân nghèo sống ngoài bộ sổ của nhà nước được tùy thích như thế nào? Chính Lãng đã kể: họ tùy thích ở ngoài các ban hương chức ở nông thôn, tùy thích đứng tận ngoài ngõ xa thềm thường nhìn các dân đinh giàu có ăn tiệc cúng đình, tùy thích không được kiện cáo ai, và nếu ai có kiện cáo họ, thì họ tùy thích giơ lưng gánh chịu tất cả mọi phần thua thiệt, tội lỗi. Tùy thích được sống bấp bênh, nay đây mai đó, và nếu bỏ ruộng điền chủ cũ mà chưa tìm ra điền chủ mới, thì tất nhiên họ tùy thích được nhịn đói. Vì dù trời đất Gia Định mưa thuận gió hòa (một gạ thóc cấy xuống rồi giao cho trời đến mùa có thể thu được vài trăm gạ như sử có chép) nhưng không có lúa thóc nào vô chủ, tự mọc tự nảy hạt. Thử bứt một gié lúa nhai cho đỡ đói xem! Họ sẽ tùy thích mang gông cho đến bạc đầu trong xó ngục. Làm gì có một đời sống thơi thới tùy thích khi dân nghèo Gia Định bị đẩy ra khỏi sổ bộ hợp pháp, làm ruộng dạo làm thuê ngày, lòng băng khuâng ổn định cho chính mình, hướng chi nói đến các ước vọng cho tương lai. Đã đành ai cũng thế nói đùa để tự an ủi mình. Nhà nho lạc đê nghèo đói thì đùa “Quân tử thực vô cầu bảo”. Dân nghèo Gia Định cũng có cách nói đùa riêng để quên nhọc nhằn, đói khát, lạnh lẽo,

tuyệt vọng, phần nộ... Nhưng tất cả những câu đùa cợt chua chát ấy không nói được gì khác ngoài sự đau khổ trước bất công của nhân sinh. Huệ lấy bút lông chấm mực khoanh vòng hai chữ tùy thích của Lãng, rồi đọc tiếp qua phần ghi chú các chợ Bến Nghé.

“Chợ ở Bến Nghé”

Chợ Bến Thành: bến ghe lớn nhất của Gia Định, ở sát mé sông lớn. Chợ họp hai bên bờ rạch Sa ngư có cầu ván bắc ngang. Hai bên gằm cầu và chạy dài theo rạch là dãy phố ngôi bán trăm thứ hàng hóa.

Chợ Bến Sỏi: họp sát dọc bờ sông. Sở dĩ gọi là Bến Sỏi vì bờ sông đoạn này nhiều sạn sỏi, khiến doi đất cứng, bờ sông khỏi bị lở, dùng làm bến tắm ngựa, voi.

Chợ Điều khiển: ở khu vực đồn Dinh.

Chợ Nguyễn Thực: Thành lập năm 1727 do Nguyễn Thực từ phủ Quảng Ngãi đến khai phá rừng hoang và lập chợ.

Chợ Thị Nghè: ở sát bờ phía bắc rạch Thị Nghè.

Chợ Xã Tài.

Chợ Tân Kiểng: quanh quần vùng đình Tân Kiểng. Thời trước, chợ có khi được dùng làm pháp trường xử tội nhân. Chợ nhóm sung túc, ngày Tết nổi danh với những giàn đu tiên.

Chợ Sài Côn: họp ở hai bên quan lộ, người nam người khách ở lẫn lộn, phố dài hơn hai dặm (1km5) với đường nhỏ xẻ ra từng ô. Cảnh mua bán tấp nập, người Tàu vẫn duy trì tập tục với các đền miếu thờ Quan Công, Mã Hậu, Ông Bồn. Họ thường bày ra các lễ lạc tốn kém, có kèn trống huyền ảo. Nhiều chợ nhỏ khác ở chung quanh Sài Côn của các xóm chuyên nghiệp. Phía tây sát Sài Côn là chợ Phú Lâm.

Xem qua sinh hoạt ở các chợ, tôi có vài nhận xét như sau:

- Các nhà buôn lớn đều của người Tàu, người nam chỉ biết mua bán nhỏ, đem hàng từ chỗ nhiều đến chỗ ít để kiếm lời đủ tiêu xài hàng ngày mà thôi.

- Người có tiền bất kể là người nam hay khách trú đều lấy những điều xa xỉ theo lễ thói Trung Quốc để định sang hèn. Từ quan to đến quan nhỏ nhà cửa chạm trổ, tường xây bằng gạch đá, trướng vóc màn the, đồ dùng toàn bằng đồng bằng sứ, bàn ghế bằng gỗ đàn gỗ trắc, ấm chén bằng sứ, yên ngựa dây cương đều nạm vàng nạm bạc, quần áo là lượt, nệm hoa chiếu mây, lấy phú quý phong lưu để khoe khoang lẫn nhau.

- Dân nghèo ở các phố sống bấp bênh bằng nghề làm thuê, khuân vác hàng hóa ở bến ghe, chạy mỗi hàng ở chợ búa, thậm chí còn sống bằng các ngón trộm cắp lật vặt. Họ thường tụ họp rượu chè say sưa sau một ngày lao động vất vả, cười nói bi bô rồn rảng có vẻ trọng nghĩa khinh tài. Người ta gọi chung họ là dân “giang hồ tứ chiếng”.

*

* *

Những ghi chú của Lãng giúp Huệ hiểu rõ hơn những điều nên làm. Cuộc tranh luận giữa hai anh em Huệ, Lữ sáng hôm sau có phần là dư vang những suy nghĩ của Huệ đêm hôm trước.

Chính Huệ gợi ý nên có một cuộc bàn luận thân mật và thẳng thắn giữa hai anh em để vạch trước những điều phải làm. Tháng Ba đã qua, họ bắt đầu bước vào tháng Tư Đinh Dậu. Những kẻ thù chính đã lọt

mẻ lưới đầu. Tân Chính vương được Tổng Phước Thận giúp đỡ đã trốn về được tận rạch Chanh. Duệ Tôn thì được bốn nghìn quân Đông Sơn rước về Tài Phụ. Nghe đâu Duệ Tôn đã cho dàn quân để chờ Tây Sơn tới.

Hai người trẻ tuổi chưa quen mấy với những vấn đề như tổ chức cai trị, ổn định trị an ở một vùng đất hoàn toàn xa lạ vừa chiếm được, nên cảm thấy yên tâm hơn khi dựa lưng lẫn nhau mà chịu trách nhiệm với anh cả ngoài Qui Nhơn.

Huệ hỏi Lữ trước:

- Ý anh Bảy thế nào? Nhất là chuyện bảo đảm trật tự và an ninh ở vùng Bến Nghé này.

Lữ lim dim cặp mắt làm như suy nghĩ một lúc, rồi hỏi lại:

- Ý chú thế nào?

Huệ đoán thế nào anh cũng nhường lời cho mình, không câu nệ khách sáo, hào hứng trình bày những điều đã suy nghĩ cả đêm qua:

- Thăng Lãng có vẻ phát phơ thế mà cũng làm được khá nhiều việc. Nó la cà ở các phố Tàu hỏi thăm người này người nọ, ghi chú được vài điều lý thú. Anh Bảy rảnh thì đem về xem qua cho biết.

Lữ vội xua tay từ chối:

- Thôi, anh nhiều việc lắm, không có thì giờ đâu. Chú đọc rồi phỏng? Có gì hay nói tắt anh nghe thử coi!

Huệ sửa lại thế ngồi, chuẩn bị nói thật lâu:

- Anh cả đã giao cho hai anh em ta việc tiêu diệt cho hết đám vua quan nhà Nguyễn đang trốn nấp tại đây. Công việc ấy, ta mới làm được phân nửa, là đánh chiếm thành Gia Định. Phần này dễ. Phần khó còn lại là truy lùng đến tận hang ổ chúng. Cái hang ở Tài Phụ có lẽ hiểm hóc khó khăn hơn cái hang bên bờ rạch Chanh. Nhưng em tin chắc dù khó đến đâu, ta cũng làm được.

Điều khiến em lo nghĩ, là sau khi dẹp tan bọn vua quan nhà Nguyễn, ta phải làm gì nữa? Chẳng lẽ lại vét hết thóc kho và hàng hóa ở các phố chợ, chất lên ghe, giong buồm tềch về Qui Nhơn như năm ngoái? Làm như vậy thì đơn giản và dễ dàng quá.

Lữ càu nhàu:

- Không dễ như chú tưởng đâu. Nội việc tìm cho ra mấy trăm chiếc ghe bầu cũng đã khó rồi. Đây là năm trước ta vào lần đầu chúng bị bất ngờ ghe thuyền còn bỏ lại đầy bến. Năm nay chúng biết trước. Chú thấy không, ngoài biển chính dọc rạch Sa Ngư và chợ Sỏi chỉ lác đác vài chiếc xuồng hủ. Không đơn giản dễ dàng như chú nghĩ đâu!

Huệ chờ anh nói hết, mới tiếp:

- Vâng, em không dám nghĩ là dễ, nhưng có một điều khó khăn gấp bội chuyện chở thóc về. Nếu có anh cả ở đây thì chúng ta khỏe thân khỏe phải lo lắng. Nhưng anh cả không có ở đây. Anh với em phải quyết định mọi sự. Diệt xong đám tàn quân hiện ẩn nấp ở Tài Phụ và rạch Chanh, nếu ta bỏ về thì lại có bọn trung thần ngu xuẩn cố chấp nổi lên xưng hùng xưng bá, hoặc đám cháu chắt của họ Nguyễn lại giương cờ khôi phục. Không thể như thế được. Diệt được họ Nguyễn, đất Gia Định thì nhiều này thuộc về Qui

Nhơn, ta phải đặt guồng cai trị từ trên xuống dưới để giữ dân, giữ đất, thu thuế, trưng binh... Ta giao việc đó cho ai đây? Cho mấy tên chủ ruộng giàu có hiện đã đem vợ con đi trốn tận Cà Mau, Hà Tiên ư. Cha mấy chú khách ở Cù lao phổ hoặc Sài Côn, mấy chú con buôn tiền bạc đầy túi đã từng cung đốn lương thực cho Lý Tài, Đông Sơn ư? Cho mấy tay anh chị ăn nói lớn lối sặc hơi rượu ở các bến ghe ư? Thành phần nào đáng cho ta tin để giao việc cho họ?

Lữ im lặng không trả lời, mắt nhìn lên mái đình. Huệ tiếp:

- Em thấy thành phần xã hội ở đây có khác với ngoài mình. Ở các vùng đất cũ ổn định từ lâu đời như Quảng Nam, Thuận Hóa, chỉ có hai lớp người chính yếu là bọn chủ ruộng giàu có và hạng tá điền nghèo túng. Bọn hương chức phần lớn là bà con anh em xuất thân từ hạng có của, vì chỉ có hạng có của mới đủ sức cho con em đi học và có vai vế trong thôn xóm. Quan lớn quan nhỏ gì từ Thuận Hóa về địa phương cũng phải dựa vào bọn chủ điền này để cai trị. Người buôn bán còn ít, vốn liếng, ngay như vốn liếng nhà ta thời buôn nguồn cũng không được bao nhiêu. Quan trên không tin cậy giới buôn bán bằng giới điền chủ. Anh cả được chức biện lại Vân Đồn kể như trường hợp hi hữu.

Ở đất Gia Định này, em thấy khác hẳn. Bọn chủ ruộng vẫn có thế lực đấy, nhưng còn có một thế lực lớn hơn nhiều là bọn con buôn Hoa kiều. Anh Bảy thấy đấy, phố xá, kho hàng, lương thực, vải vóc, cả việc giao thông đường sông đường biển đều do Hoa kiều chủ chốt. Bọn họ giàu có sung túc hơn bọn ở Cửa Hội nhiều. Phố nào cũng đầy ắp hàng Tàu, từ hủ dưa cải đến cái dù cái võng, cũng đem từ Tàu qua. Phong tục Gia định đặc mùi phương bắc, thước đo sự phong lưu cũng lấy phong lưu phương bắc nào Quảng Đông, Phước Kiến, Triều Châu làm chuẩn. Nhưng điều đó chưa ghê gớm bằng Hao kiều chi phối tất cả guồng máy nông nghiệp của xứ này. Không phải họ trực tiếp bỏ tiền ra khai hoang lập ruộng đâu. Họ khôn khéo hơn. Luật lệ cũ khá nghiêm khắc với họ, không cho họ được tự tiện tạo mãi ruộng đất. Nhưng họ cần gì phải nhọc công mua ruộng. Khi thấy một làng mới lập trên một vùng đất phì nhiêu nhiều hứa hẹn, người Tàu đến đó lập một quán tạp hóa. Ban đầu chỉ có vài thứ tối thiết như kim chỉ, dầu đèn, muối, vải thô, tương chao, hương liệu, nhang nến, rượu, đường. Dần dần họ thành chủ nợ của dân làng. Cửa hàng mở rộng thêm cái chái, họ mở thêm quán ăn và quán rượu. Rồi họ mua thóc non của cả vùng để chuyển lên Bến Nghé. Mạng lưới buôn bán chi phối tất cả Gia Định, trở thành thế lực kinh tế ghê gớm lấn át cả bọn điền chủ. Bọn con cháu Dương Ngạn Địch và Trần Thắng Tài ở Cù lao phổ, con cháu Mạc Cửu ở Hà Tiên tuy không làm quan lớn nhưng có ông quan nào về trấn nhậm ở đây mà không nhờ bọn chúng bao bọc. Có thể nói bọn con buôn hạng lớn Hoa kiều ở đây bảo bọc cả chính quyền nhà Nguyễn và bọn chủ ruộng. Lớp nông dân nghèo khổ sống lây lất nay đây mai đó như những kẻ sống lậu, và lớp “tứ chiếng giang hồ” sống bấp bênh quanh các phố chợ, bến ghé, tuy chiếm đa số dân Gia Định nhưng không có một chút thế lực nào. Bao nhiêu của cải họ làm ra đều vào túi bọn con buôn Hoa kiều, bọn tham quan, và bọn chủ ruộng hết.

Lữ ngồi nghe quá lâu, mắt kiên nhẫn, nên cắt lời em, hỏi:

- Bọn này có đông không?

- Dĩ nhiên là ít. Nhưng chúng nắm giữ tất cả đầu mối của đời sống như buôn bán lúa gạo, thực phẩm, nhu yếu phẩm, thuốc bắc, đi lại trên sông rạch và trên biển, cả đến việc buôn bán quan tước nữa. Anh thấy

đấy, Lý Tài, Tập Đình chẳng phải là bọn muốn buôn vua kiếu Lã Bất Vi bên Tàu là gì!

Lữ xằng giọng nói:

- Đem giết quách chúng nó đi, là xong!

Huệ vội nói:

- Không thể làm đơn giản như thế được.

Lữ càng nóng ruột hơn:

- Thế chú muốn làm gì nào?

Huệ ngần ngừ vì thấy anh cau có không thích bàn luận tiếp, sau cùng cũng nói:

- Ta phải nắm lấy thế lực sẵn có của chúng, nhưng phải cẩn thận như là nắm cái chuỗi gươm. Nắm đằng lưỡi chẳng những đứt tay mà còn mất mạng nữa. Tân Chính vương đã thân bại danh liệt vì Lý Tài do không đủ lực để nắm đằng chuỗi. Trước mắt, ta cũng phải dùng đến chúng vì thực sự chúng có năng lực. Nhưng dựa dẫm hoàn toàn vào chúng, ta sẽ dẫm lên vết xe đổ của người trước. Ta phải làm như ở Qui Nhơn, nghĩa là dựa vào dân nghèo. Hiện nay họ còn sợ hãi, lo âu. Ta giúp họ tự tin hơn. Khi họ dám ngẩng đầu lớn tiếng như anh dân nghèo ở Qui Nhơn đã ngẩng đầu lớn tiếng, ta sẽ có một chỗ dựa vững chắc. Tùy theo sức lớn mạnh của chỗ dựa này để ta biến đổi thái độ đối với bọn con buôn người Tàu và bọn chủ ruộng.

Lữ lắc đầu chậm chậm, giọng chán nản kéo dài:

- Chú vẫn có tài ăn nói. Giá chú làm được một phần những điều chú nói, thì hay biết mấy. Nhưng chuyện ấy xa xôi lắm. Ta bàn ngay chuyện trước mắt đi. Hai cái hang ổ ở Tài phụ và rạch Chanh, chú đã có thêm tin tức gì chưa? Bọn Châu Văn Tiếp ở Bình Thuận động tĩnh thế nào? Mới thăm ván chú đã đòi bán thuyền, không ổn đâu.

Huệ hơi thất vọng, nhưng cũng đáp:

- Dạ đã có sẵn cả rồi. Chúng ta cho gọi các tướng đến, để bàn kỹ việc tấn công Tài phụ.

*

* *

Từ tháng Tư đến tháng Sáu Đinh Dậu (1777), Huệ sốt ruột vì tình hình cứ nhì nhảnh. Địch không đủ mạnh để chống lại các cuộc tấn công của Tây Sơn, nhưng cũng không quá yếu để tự tan rã. Theo kế hoạch đã định, Tây Sơn đi tấn công quân Duệ Tôn ở Tài phụ trước. Duệ Tôn thua chạy về Long Hưng thuộc Định Tường sau một trận giao tranh đẫm máu dưới cơn mưa to. Ở Long Hưng, Đỗ Thành Nhân cũng vừa kéo quân từ Rạch Giá tới. Hai người cùng đi Cần Thơ để hội binh với Mạc Thiên Tứ. Ba cánh quân áo quần tươi tắn, mặt mày thất sắc vì sợ hãi, góp lại không thành một sức mạnh đủ cho Duệ Tôn yên tâm. Vì vậy, Duệ Tôn mới sai Đỗ Thành Nhân cùng Nguyễn Quân ra Bình Thuận xin Châu Văn Tiếp và Trần Văn Thúc giúp đỡ. Để sây mất Duệ Tôn, Tây Sơn lại tấn công quân Tân Chính vương ở rạch Chanh. Tân Chính vương bị thua rút về Trà Tân (Định Tường) sai Tống Phước Hòa giữ Mỹ Long (Vĩnh Long. Tống Phước Thiêm lại đưa Tân Chính vương về Ba vác rồi ra chống cự với Tây Sơn ở Hương đôi. Nhưng Hương đôi lại thất thủ. Thiêm trở lại Bavác. Bơ vơ, lo âu, nhìn quanh những người thân tín cũ như Nguyễn Phúc Chất, Nguyễn

Mẫu, Tổng Phước Hữu, đều đã bị bệnh chết, Tân Chính vương đành phải dựa vào cánh tay ồm yếu của viên lão tướng Tổng Phước Hòa, phong cho ông chức Tổng lãnh chư quân.

Về phía Tây Sơn, các tướng lĩnh trẻ tuổi và thiện chiến như Tổng đốc Chu, Hồ tướng Hãn, Tư khấu Uy, sau nhiều lần mang quân tấn công Tài phụ và Hương đôi chỉ báo về những tin chiến thắng nửa vời, loại “đã... nhưng”. Tình Hình an ninh xã hội ở Trấn Biên và Sài Côn tạm ổn định ít nhất là ở bề ngoài. Cảnh buôn bán trở lại gần mức bình thường. Ghe thuyền bắt đầu xuất hiện ở các bến chợ. Bọn vô lại lưu manh rút vào bóng tối vì những hình phạt nghiêm khắc của quân Tây Sơn. Cửa hàng khắp các phố đều mở rộng tuy hàng hóa giảm sút đến độ lèo tèo. Dân Gia Định chưa quên chuyển vợ vệt năm trước của Lữ, nên dù thấy những toán quân Tây Sơn hiền hòa dắt nhau đi dạo phố một cách trật tự (khép nép lặc lõng là đằng khác) dân buôn vẫn lo xa, giấu bớt hàng hóa đồ vật. Những cuộc dạo phố ấy cũng ảnh hưởng khá nhiều đến tinh thần binh sĩ. Mỗi món hàng xa xỉ đặt ra cho họ những câu hỏi và những thèm muốn, những thất vọng sau đó. Lần đầu họ thấy bộ quần áo họ đang mặc lâu nay quá cũ, vải thô, màu bạc, kiểu cắt không được “dinh”. Đi chân đất có tiện lợi thật đấy, nhưng giá có tiền mua đôi giày kia xỏ vào đi đi lại lại ở chỗ vắng vẻ không ai nhìn thấy, có lẽ êm ái thú vị lắm! Mấy cái hộp sơn then kia đựng thứ gì trong đó? Lữ ve chai xinh xắn dán nhãn xanh nhãn đỏ kia, có đựng những quả màu đỏ chót, cái đựng những hộp tròn màu xanh già, không biết mùi vị mặn ngọt ra sao? Lại còn loại lữ hình trái bầu nhỏ nhắn da sần kia nữa. Ngũ gia bì? Cái gì thế? Rượu! Uống có giống rượu nếp không? Giá bao nhiêu? Eo ôi! Bán cả cha mẹ tôi cũng chưa mua nổi nữa là. Họ rút rè trả giá. Chủ hàng nhìn kỹ nét mặt non nớt hiền lành của họ, sau một lúc dè dặt, phá lên cười khinh khi. Những người lính chân đất từ vùng khô cằn Quảng Ngãi lần đầu nhìn đời sống trù phú của phố Sài Côn phải đỏ mặt bỏ đi, trong lòng tấm tức vì giận dữ và xấu hổ.

Có thể nói hàng hóa ê hề của Gia Định còn khiến cho tinh thần quân Tây Sơn hoang mang hơn cả những tin đồn nhảm phóng đại khả năng tiếp viện của Châu Văn Tiếp, hoặc Mạc Thiên Tứ.

Một hũ rượu ngon lạ mắt, một cái coi trầu chạm trổ đẹp để tiện làm quà cho mẹ thân yêu, một cái áo nhiều vừa vặn thân thể đứa con đầu lòng, cái khăn lụa cho người vợ tần tảo chưa bao giờ dám mơ ước có thể chạm tay đến thứ vải mềm mại mịn trơn ấy, bao nhiêu thứ đồ vật cam nín vô tư cứ nhảy múa, diễu cợt trên chóc những con người chơ vơ quen sống đơn giản nghèo khổ. Đêm, chúng không cho họ yên giấc. Cử chỉ của họ đã dưng, cái gì họ làm cũng trở tràng đi một chút. Nét mặt họ hoặc mơ mộng, đắm chiêu, hoặc lảm lì cau có. Những biểu hiện nhỏ nhoi tầm thường ấy nhân lên với quân số đông đảo của Tây Sơn thành một sức trì đứ kéo cả trăm voi lại. Rõ ràng các hoạt động đều chênh mảng, uế oải hơn. Hậu quả là tình trạng nhè nhằng xảy ra ở Hương đôi, ở Tài phụ, ở Long Hưng, ở rạch Chanh suốt ba tháng qua. Là những tin chiến thắng “đã... nhưng” nửa vời đều đều đưa về bộ tham mưu trong thành Gia Định.

Huệ sốt ruột trước tình trạng đáng ngại ấy!

Bước qua tháng Bảy năm Đinh Dậu, viên tướng hai mươi lăm tuổi quyết định phải nhanh chóng thanh toán chiến trường chứ không thể kéo dài tình trạng mập mờ nhè nhằng đó. Khéo léo giao cho anh Bảy tránh vụ hậu cần và trị an ở các vùng đất chiếm được, Huệ dồn hết tâm trí để thảo kế hoạch tấn công dồn dập cả hai mặt trận, vừa ở Bình Thuận vừa ở đồng bằng Cửu Long.

Ở mặt trận Bình Thuận, bộ binh Tây Sơn ở Biên Hòa tiến ra phía bắc chặn đánh quân cứu viện của Trần Văn Thức lúc đó chưa ra khỏi địa phận Bình Thuận. Trần Văn Thức chết. Châu Văn Tiếp bỏ chạy. Nghĩa quân Tây Sơn chiếm đóng Bình Thuận. Ở mặt trận chính yếu là đồng bằng Cửu Long, Huệ đích thân cầm quân, cùng với các toán tinh nhuệ thiện chiến do Tổng đốc Chu, Hồ tướng Hãn, Tư khấu Uy chỉ huy, phối hợp ồ ạt tiến công đồn Ba vác của Tân Chính vương.

Chúa nghe quân Tây Sơn kéo tới vây đồn, sợ hãi đến tuyệt vọng. Bên chúa chỉ có Tổng Phước Thiêm và Tổng Phước Hòa cùng mấy trăm quân lơ láo sợ sệt như gà phải cáo. Nước sông cái Mương đầy sẽ đưa chiến thuyền Tây Sơn đến đây dễ dàng. Hương đôi đã vỡ, lá chắn bảo vệ cho Ba vác không còn. Tổng Phước Thiêm nhân lúc rối loạn đã trốn đi. Chỉ còn lại cái đồn đất trơ trọi, viên tướng già và vài trăm quân nhút nhát. Tiếng trống thúc quân của Tây Sơn mỗi lúc mỗi gần, từ chỗ râm rạn mơ hồ như tiếng sấm rền xa xôi đã trở nên rõ mồn một, từ trong đồn có thể phân biệt được từng tiếng trống giục.

Tổng Phước Hòa thấy tình thế nguy ngập không thể cứu vãn được nữa, gọi thuộc hạ tới bảo:

- Các anh tuổi còn ít, sức còn mạnh, nay nên tản mác trốn đi để mong lập công về sau. Phần ta tuổi đã già, sức đã hết, dầu có muốn sống sót để báo đáp ơn trên cũng không thể được. Và lại, thân làm đại tướng mà phải chịu cái nhục không giữ được xã tắc, hỏi sống làm gì?

Nhiều người ứa nước mắt, muốn lên tiếng can không cho Hòa tự vận nhưng viên lão tướng lừ mắt giận dữ khiến lần lượt, lần lượt từng người, đứng dậy bỏ ra khỏi phòng. Người cuối cùng ngoái nhìn viên lão tướng (lúc đó đang ngồi xếp bằng trên chiếu, tay đặt trên đầu gối, cúi xuống nhìn khoảng không trong lòng mình), mũi lòng phát khóc nhưng cũng cố khép cánh cửa phen tre của căn phòng chỉ huy thấp hẹp lại!

*

* *

Khi Huệ đưa đội thuyền chiến đến sông cái Mương thì đồn Ba vác đã bị bao vây cả bốn hướng. Bọn lính báo cho chúa biết Tổng Phước Hòa sắp tự vận, khiến chúa hốt hãi chạy vào can ngăn viên lão tướng tuyệt vọng. Tân Chính vương đến chậm một khắc. Máu từ vết đâm ở ngực Hòa còn tiếp tục chảy ra chiếu. Chúa lật ngược xác viên lão tướng, sợ hãi đến rụng rời chân tay khi thấy đôi mắt đục của người chết còn mở trừng trừng nhìn mình. Chúa chùi bàn tay vấy máu lên áo xác chết, vội chạy ra đài chỉ huy giữa đồn. Trên cạn, dưới sông đâu đâu cũng đen nghịt quân Tây Sơn. Tình thế đến nước này không còn cách nào cứu gỡ được. Vương quay nhìn đám lính chung quanh, thấy mặt ai cũng xanh xám, ủ rũ. Vương bần thần, cúi đầu suy nghĩ. Còn cách nào khác không? Không. Không còn cách nào khác. Tân Chính vương buồn bã, thất thểu bước chậm về phía căn trại thấp gần cổng ra vào. Vương lấy bút giấy, suy nghĩ một lúc giữa tiếng trống giục cùng tiếng ó đe dọa của quân Tây Sơn, rồi bậm môi quyết định. Với nét chữ run run không thẳng hàng, Tân Chính vương viết mấy câu: "Nếu các người bảo toàn tính mệnh cho quân dân trong đồn, thì ta sẽ nộp mình", xếp tờ giấy lại, rồi sai một tên lính cầm cờ hàng đem ra trao cho quân Tây Sơn.

Huệ nhận được thư của Tân Chính vương, ra lệnh thôi thúc trống để tỏ dấu ưng thuận, sai lính dùng loa truyền cho quân phòng thủ trong đồn phải từng người ra cổng quăng khí giới thành đồng rồi đặt hai tay lên đỉnh đầu tiến ra phía bờ sông nộp mình. Bọn lính Gia Định chỉ chờ có thế. Chúng tuân lệnh răm rắp.

Đồng gươm giáo cao dần, cao dần. Tân Chính vương nộp mình sau cùng, bước đi, cổ làm ra vẻ khoan thai bình tĩnh nên cứng nhắc như một hình nộm di chuyển bằng máy.

Huệ đứng sát bờ sông, mỉm cười, chờ Tân Chính vương tới gần. Huệ giả vờ như chưa từng có gì xảy ra từ ngày vương còn làm rể Nguyễn Nhạc, lớn tiếng reo lên:

- Trời ơi, Đông cung! Lâu nay ngài vẫn mạnh giỏi?

Tân Chính vương nghiêm mặt đáp:

- Ta đã nộp mình. Người muốn làm gì thì làm, đừng hỏi quanh co vô ích.

Huệ lừ mắt không cho bốn người hộ vệ định xô về phía Tân Chính vương để trói lại, tiếp tục dùng giọng hòa nhã thân mật nói:

- Ngài đừng nói thế. Ngài mà bị xước một chút da thì lúc về Qui Nhơn, con cháu Thọ Hương không để cho tôi sống yên đâu. Trước khi vào đây, nó căn dặn tôi đủ điều.

Tân Chính vương đưa hai tay về phía Huệ, lạnh lùng nói:

- Thôi đủ rồi. Hãy trói ta lại đi.

Huệ cho rằng đùa như vậy cũng đã đủ, nên tránh lối xuống thuyền cho Tân Chính vương, lễ phép nghiêng người đưa tay mời:

- Xin ngài xuống thuyền trước cho.

Tân Chính vương thản nhiên tiến về phía cầu ván bắc từ mô đất cao bờ sông xuống thuyền chỉ huy. Lúc đi đến giữa cầu, vương loạng choạng suýt ngã nhưng gượng được. Huệ đưa vương vào khoang chính, mời vương ngồi xuống chiếc chiếu hoa, lại cẩn thận đẩy chõng gối xếp ngũ sắc về phía vương để dựa lưng. Ngoài thuyền có tiếng quân Tây Sơn hò reo tỏ mở trong lúc lửa bốc cao trên mái đồn Ba vác, và tiếng cán chèo khua động lực cực vào sườn thuyền để chuẩn bị rời bến. Hồ tướng Hãn vào khoang chỉ huy thưa với Huệ:

- Có tìm thấy xác một viên tướng già bị đâm chết trong căn lều phía tả. Xin tướng quân cho lệnh hỏa thiêu cái xác cùng với các dây trại khác.

Huệ định gật đầu nhưng chưa kịp nghĩ lại, liếc nhìn Tân Chính vương trước khi nói:

- Không nên. Phải chôn cất cẩn thận. Nhớ khắc một tấm bia cho con cháu dễ tìm.

Chờ cho Hãn ra khỏi, Huệ quay về phía Tân Chính vương nói:

- Lòng trời ra sao, bây giờ ngài đã rõ.

Vương tự tay rót nước ra chén sứ bưng lên uống. Huệ thấy chén nước rung rung. Uống xong vương nhìn thẳng vào Huệ bảo:

- Ông nói như thế hơi sớm đấy!

Huệ cười nhỏ, rồi đáp:

- Tôi lại nghĩ ngược lại. Phải nói muộn mới đúng. Vì lòng trời đã rõ từ lúc ngài còn ở Câu đề để giữ một cái dinh sắp đổ. Mọi sự xảy ra về sau đều là thừa thãi, vô ích.

Vương không trả lời, bần thần nhìn mông lung ra phía trước không thấy cả nụ cười thương xót của Huệ. Vương thầm công nhận lời Huệ đúng, nhưng không thể nói ra lời cho kẻ thù trước mặt đặc chí. Những

hình ảnh âm thanh quá khứ lướt nhanh qua trí vương: đôi mắt đỏ ngầu sát khí của Tập Đình, cờ phướn sắc sỡ trong lễ rước Đông cung, cái nhìn vừa ngỡ ngàng vừa oán hận của Thọ Hương, tiếng mõ găm giữa khuya trên nóc chùa Thập Tháp, sóng bạc của nước lụt đập vào mạn thuyền độc mộc, cơn say ồn ào của Lý Tài, rồi cảnh chùa Kim Chương. Dư ảnh của quá khứ đột nhiên dừng lại ở cảnh cuối cùng này, cử động chậm lại. Vương nhớ rõ nét mặt cau có của Duệ tôn, vẻ khúm núm của Nguyễn Phúc Chất, dáng đứng ngạo nghễ hỗn xược của Lý Tài, nhớ rõ cả những xác lá bàng khô rải rác trên sân chùa. Xác lá. Héo úa. Tàn tạ. Chết chóc. Điểm cuối của một cuộc sống bấp bênh trôi nổi. Những ý niệm đó thay thế các dư ảnh của quá khứ, lại tiếp tục quấy phá trí vương. Vương cảm thấy nghiền ngẹn nơi cổ họng, cay cay nơi khóe mắt, đờ đờ ở đầu lưỡi. Vương giật mình ngược nhìn viên tướng trẻ đang đắm đắm nhìn mình, sợ Huệ bắt gặp vương yếu đuối ử tử. Cố lấy hết can đảm, vương lớn tiếng nói:

- Ta chết, nhưng họ Nguyễn Gia Miêu chưa tuyệt tự. Thái Thượng vương còn đó. Những người trung nghĩa còn đó, ở khắp hang cùng ngõ hẹp. Anh em các ông chớ vội mừng. Ta chỉ tiếc không được sống để tận mắt nhìn lửa cháy trên mái dinh Qui Nhơn thôi!

Huệ cười ha hả, cải chính sai lầm của vương:

- Ngài lầm rồi. Chúng tôi sắp dọn về thành Chà bàn chứ không ở dinh cũ nữa. Lửa cháy được đến cái thành mới đó ư, khó lắm!

*

* *

Đêm đã khuya. Nguyễn Huệ ngồi một mình bên cây nến sáp ong nét mặt ưu tư. Tên lính đã hai lần thay nến, lần nào cũng thấy chủ tướng ngồi nguyên một chỗ, giữ nguyên cái dáng đắm chiêu buông thả như đã hóa thành một pho tượng bần thần. Trống đối canh từng tiếng vang dội trong đêm Gia Định. Cây bàng cổ thụ bên cạnh dinh lâu lâu rùng mình, lá rơi xào xạc trên mái, chìm đắm trong trầm tư, càng lúc viên Phụ chính càng quên mất mình, tâm trí bập bênh trên một thứ mây khói lằng đằng. Ngọn nến trước mặt lúc tỏ thì trông rõ đến ánh lửa uốn khúc rướn cao và đầu ngọn bốc, nhưng có lúc lại nhòe đi thành một mảng vàng óng hình thù bất định. Nếu không có vết thương ở cánh tay trái lâu lâu nhói lên nhắc nhở, có lẽ Huệ đã chìm mất vào hư đăng.

Sự đau đớn kích thích trí óc viên tướng trẻ suy nghĩ. Ban đầu là những sự việc liên quan đến vết thương. Phải, Huệ đã bị thương trong một trường hợp đặc biệt. Tân Chính vương cùng chín người thân cận bị bắt ở đồn Ba vác được chở bằng thuyền về Sài Côn. Dĩ nhiên là việc canh phòng suốt cuộc hành trình hết sức nghiêm ngặt. Trừ Tân Chính vương được đặt biệt ưu đãi cho ngồi uống trà thông thả trong một khoang kín trong phòng chỉ huy, mười chín người còn lại bị trói thúc kè và xâu chùm với nhau, thuyền chở tù đi giữa bị bao vây phía trước, phía sau và hai bên bởi những thuyền chiến đầy quân Tây Sơn. Lúc đoàn quân chiến thắng cập bến, Tân Chính vương được giải đi trước, rồi mới mở băng bịt mắt của mười chín tù binh kia. Họ nhận ra cảnh cũ, nhận ra tình thế tuyệt vọng của tất cả bọn họ. Lần lượt từng người, họ được tháo khỏi xâu dây, mỗi người chỉ còn bị buộc thúc kè sau lưng để dễ dàng bước ra cần ván lên bờ. Vì bị trói, lại mất bình tĩnh nên bước đi của họ chậm chạp, nghiêng ngả. Người đi đầu là một thanh niên mạnh

khỏe bậm trợn nên anh ta dễ dàng đi qua cái cầu ván lung lay. Nhưng đến người thứ hai và thứ ba thì vì tuổi già sức yếu, hai tù binh mất thăng bằng ngã tòm xuống nước. Lính Tây Sơn thấy thế không còn quát tháo thúc hối đám tù binh nữa. Chầm chậm dò từng bước, lưng hơi khòm, đầu cúi thấp, họ lần lượt lên bờ. Khi mười chín tù binh đã lên đủ, toán Tây Sơn áp giải mới bắt đầu dẫn họ về chỗ giam. Nguyễn Huệ đứng sát đường cái đám tù binh đi qua. Vài người lính áp giải len lén nhìn về phía chủ tướng, xì xào với nhau: "Quan Phụ chính kia kìa. Cầm giáo cho ngay ngắn coi". Lúc đó, đám tù binh mới biết họ sắp đến gần viên tướng tài ba lừng lẫy nhất của Qui Nhơn. Phần lớn bọn tù binh bắt đầu cảm thấy tay chân mình run lên, hoặc do sợ hãi, hoặc do căm giận.

Huệ đứng chống nạnh nhìn chăm chăm từng tên tù binh đi qua trước mặt. Tên nào cũng cúi gằm mặt xuống, tránh nhìn vào mắt Huệ. Chỉ trừ có một người trạc khoảng bốn mươi mặt xương xường, mày rậm, râu tóc pha muối tiêu. Ông ta cố hết sức ngẩng cao đầu để nhìn trừng trừng vào mắt Nguyễn Huệ.

Viên tướng trẻ chẳng những không khó chịu mà còn thích thú. Huệ mỉm cười, đôi mắt sáng vui dõi theo bước chân người tù can đảm. Hai người còn cách xa năm bước, rồi bốn, rồi ba bước. Đột nhiên, tên tù binh cúi đầu dùng hết sức lao về phía Huệ, có lẽ định liều mạng húc ngã kẻ thù rồi dùng răng cắn rút thịt Huệ. Huệ không ngờ tên tù binh liều lĩnh đến độ ấy nên không kịp phản ứng gì. Hai người lính hộ vệ nhanh nhẹn gạt chủ tướng sang một bên, lấy thân đỡ cái húc chồm chứa sức mạnh căm hờn của tên tù binh. Hẳn bị trói nên dễ bị mất thăng bằng, ngã lăn xuống đất. Chưa kịp làm gì khác, hẳn đã bị hai người hộ vệ Huệ dùng giáo đâm xuyên qua bụng và ngực, mũi giáo cắm phập xuống cả mặt đất ướt.

Biến cố bất ngờ khiến tất cả mọi người đều sững sờ, rồi kinh hãi. Huệ nhìn cái xác còn oằn oại co giật trước mặt mình, lòng vừa thương vừa giận. Những người khác thì chết sững, không ai dám cử động hoặc nói năng gì. Huệ đăm đăm nhìn vũng máu loang rộng dần từ cái xác đã im lìm, cảm thấy tê dại ở hai thái dương. Rồi ông thấy rát ở cánh tay trái. Nhìn lại cánh tay mình, ông mới biết trong lúc hấp tấp, mũi giáo của người lính hộ vệ có sức một vệt cạo lên cánh tay ông. Máu bắt đầu rỉ rả ứa ra. Không muốn mọi người thấy mình bị thương, Huệ phát tay ra lệnh dẫn mười tám tù binh còn lại đi; còn mình thì sau khi liếc nhìn xác chết một lần nữa, Huệ lững thững về bản doanh.

Hành động liều lĩnh vô ích ấy khiến viên tướng trẻ băn khoăn cả đêm. Ông đặt ra cho mình vô số câu hỏi, mà không tìm được câu trả lời. Cái gì xui giục hẳn liều mạng như vậy? Sự căm thù ư? Ta đã làm gì để bị hẳn căm thù? Sự tuyệt vọng ư? Thế thì tại sao hẳn không tự vận như viên lão tướng Tống Phước Hòa ở Ba vác? Hẳn chịu buông khí giới đầu hàng tức là còn hy vọng sống còn. Hay là... hẳn lại bị cái chữ trung méo mó xui giục như Nguyễn Đăng Trường? Như thầy Hiến của ta?

Ngoài cửa phòng có tiếng xoảng của một thanh gươm rơi trên nền lát đá. Huệ giật mình đưa tay nắm lấy chuôi kiếm. Nhưng sau đó, không có tiếng động nào khác. Viên tướng trẻ tò mò, se sẽ đứng dậy, đi ra phía cửa. Tên lính gác, ngồi trên cái ghế đầu, đã dựa lưng vào vách ngoẹo đầu ngủ từ lúc nào. Huệ lặng lẽ nhìn tên lính không làm tròn phận sự, bồi hồi xúc động vì thương hại. Sau một lúc suy tính, Huệ cúi xuống nhặt cái gươm lên, nhẹ nhàng dựng ngược lưỡi gươm bên cạnh người lính gác, rồi trở về phòng.

Ông lại lan man suy nghĩ về chữ trung của tên tù binh đã chết thảm, của Nguyễn Đăng Trường, của

thầy giáo Hiến. Ông nhớ lại lời cầu khẩn rụt rè nhưng tha thiết của thầy, lời van xin tuyệt vọng của một nhà nho không muốn thấy người học trò thân yêu quấy động (thậm chí đảo ngược) thứ trật tự giả tạo bấp bênh của tam cương, ngũ thường. Thầy giáo lo sợ là phải, vì hơn ai hết, thầy biết trước sẽ đến ngày người học trò thân yêu ấy trực tiếp quyết định vận mạng của triều Nguyễn. Một lời của Huệ, một cử chỉ của Huệ là mệnh lệnh tuyệt đối cho phép một ông hoàng được sống hay phải chết. Và cái lúc thầy sợ, đã đến rồi đây!

Có nên tha chết cho Tân Chính vương và đám quan lại theo hãn không? Nếu để cho họ sống, thì chuyện gì sẽ xảy ra? Họ sẽ bằng lòng làm một người dân ngoan ngoãn lương thiện của triều Tây Sơn ư? Họ sẽ bẻ hết gươm giáo, đích thân chiêu hàng những kẻ cố chấp còn lẩn lút tụ họp để, cơ hội đến, lại khởi loạn chống phá Quy Nhơn ư? Nhất định bọn họ không làm như vậy. Được tha chết, họ lại về con đường cũ. Họ khẳng khẳng đi ngược chiều gió, khư khư ôm lấy cái ý niệm trung quân hẹp hòi đã ẩm mốc. Làm sao cải hóa họ được? Huệ nhìn ngọn đèn. Cái vệt nhòe vàng óng không che lấp được nỗi hoang mang. Làm sao đây? Có cách nào khác không? Viên tướng trẻ nhớ lời tránh né khéo léo của mình khi đáp lời thầy. Ông nhớ có nhắc đến những cơn bão mạnh hơn cả ý muốn của từng người, ý muốn của ông, ý muốn của thầy ông. Một thứ sức mạnh vượt khỏi tầm tay của từng cá nhân, dù họ ở vào địa vị tướng như có thể quyết định tất cả chiều hướng của lịch sử. Ông lẩm bẫm:

- Không còn cách nào khác! Họ đã chọn chùa Kim Chương để thay bậc đổi ngôi cho nhau, thì ngày mai, họ cũng phải vĩnh viễn bị đào thải tại chùa Kim Chương. Không có cách nào khác!

Ngày 19 tháng chín năm 1777, Tân Chính vương và mười tám thuộc hạ bị hành quyết tại ngôi chùa lớn trên gò Tân triêm ấy, đúng với những trùng lặp đầy ý nghĩa của lịch sử và cuộc đời.

*

* *

Tháng Chín Đinh Dậu, được tin Điều khiển Hòa ở Long Hồ (Vĩnh Long) báo cho biết hiện Duệ tôn đang ở Cần Thơ với Mạc Thiên Tứ, Nguyễn Huệ cầm quân đổ về phía đó. Con Mạc Thiên Tứ là Mạc Tử Duyên dẫn quân ra chống cự. Cuộc chiến đấu bất phân thắng bại, nhưng càng ngày quân Mạc Thiên Tứ càng núng thế. Thiên Tứ lo ngại, đưa Duệ tôn qua Kiên Giang để nếu có chuyện không may xảy ra, có thể chạy trốn qua Tân dương đảo.

Dọc đường Duệ tôn lo lắng hỏi Thiên Tứ:

- Thế giặc hiện đang hùng hậu lắm. Chúng ta đã đến nước này, liệu còn có chút hy vọng khôi phục xã tắc được không?

Thiên Tứ ứa nước mắt, không dám trả lời. Một lúc sau, viên lão thần mới rụt rè đề nghị:

- Thần xin sẵn sàng liều thân vượt biển qua Quảng đông cầu viện với Thanh triều, xin cất quân sang đây tiêu diệt bọn hung tàn để khôi phục xã tắc. Thần lăm nghĩ nếu không tính đến giải pháp đó, thì nhất định không còn chỗ nào để ta trú thân nữa!

Duệ tôn mừng rỡ như người sắp chết đuối chụp được miếng ván trôi. Thiên Tứ sai thuộc hạ đưa Duệ tôn đi Tân Long, còn ông thì ở lại Kiên Giang đợi thuyền đi Quảng Đông.

Duệ tôn chạy về Tân Long (Long Xuyên) nhưng quân Tây Sơn đã đuổi kịp đến nơi. Chúa cùng

Nguyễn Phúc Đồng (anh Nguyễn Phúc Ánh) và cha con Chưởng cơ Trương Phúc Thuận, Lưu Thủ Lượng, Tham mưu Nguyễn Danh Khoáng đều bị bắt.

*

* *

Khi truy quét các căn cứ quân Đông Sơn ở Cần Thơ, Huệ khám phá ra nhiều xác chết quan quân Tây Sơn từng bị địch bắt làm tù binh. Trong lúc hoảng loạn tháo chạy, Đông Sơn đã tàn sát vợ và đã man những người bị họ cầm giữ, diệt khẩu để bảo vệ an toàn trên đường rút lui. Trong một đồng xác bê bết máu, mặt mũi biến dạng vì lấm bùn hoặc sưng lại ở nét đau đớn kinh hãi tột độ, Huệ ngờ ngợ nhận ra một người hao hao giống Chinh.

Chưa dám tin mắt mình, Huệ cho gọi Lãng đến. Không thể lầm lẫn được, nhất định đây là xác Chinh. Cả Lãng lẫn Huệ đều sững sờ trước thi thể bầy nhầy lấm lem của người bạn, người anh xấu số.

Không cần nghĩ nhiều, Lãng đã hiểu hết mọi sự!

Anh đã được nhiều con buôn Hoa kiều ở Sài Côn cho biết đi đâu Lý Tài cũng dẫn Chinh theo. Kể cả trong cuộc rút chạy khỏi Sài Côn về phía Hóc Môn. Ở đây, khi buộc phải liều mạng chạy về hướng Ba Giồng để thoát cuộc bao vây nguy hiểm của Tây Sơn, Lý Tài đã bị quân Đông Sơn phục kích giết chết. Chinh bị Đông Sơn bắt, và mấy tháng qua, có lẽ vì cần khai thác tin tức Hòa nghĩa quân hoặc hy vọng dùng Chinh để đổi chác gì đó với Tây Sơn, nên Đỗ Thành Nhân vẫn chưa giết Chinh. Cho đến lúc Đông Sơn tan tác thì Chinh không cần thiết cho họ nữa!

Lãng không dám nhìn xác anh. Mùi máu tanh khiến Lãng muốn nôn mửa. Ruồi nhặng bâu đầy ở chỗ có máu đọng, nhất là ở chỗ hai con mắt của người chết. Huệ dùng kiếm lật ngược xác chết lại, thấy có nhiều vết đâm ở sau lưng, và một vết chém thật sâu ở ót. Tóc bết máu, khô thành một mảng cứng nhưng không che nổi vết thương hở miệng đỏ bầm. Tự nhiên Lãng choáng váng, ngây ngây như bị say rượu. Càng lúc anh càng cảm thấy dạ cồn cào, và cơn nôn thôi thúc gấp hơn. Nước chua đã lên đến cuống lưỡi. Vẫn quay lưng về phía xác Chinh, Lãng cúi gập người xuống, nôn ói một thứ nước chua và đắng lên hai bàn tay run rẩy.

Huệ đến vỗ vai Lãng lặng lẽ an ủi, sai lính đem đến cho Lãng cái khăn ướt để lau mặt. Đến lúc đó, Lãng mới nức lên khóc. Huệ an ủi viên thư ký thân tín:

- Thôi Lãng đừng buồn. Thời loạn, làm sao...

Huệ không tìm được ý nào thích hợp với hoàn cảnh mà không xúc phạm đến tự ái gia đình của Lãng, nên ngừng ở lưng chừng.

Lãng vừa khóc vừa nói:

- Cha em mà biết được tin thì...

Huệ vội nói:

- Vâng, điều quan trọng là phải lo cho người còn lại. Phận Chinh coi như xong. Phải báo tin cho thầy thế nào để thầy bớt đau khổ.

Và hạ thấp giọng xuống vừa đủ cho Lãng nghe, Huệ tiếp:

- ... Cũng như để tránh những rắc rối vô ích cho gia đình.

Lãng đưa tay áo lên chùi nước mắt, ngược lên nhìn Huệ. Anh xúc động trước sự ân cần lo lắng của Huệ đối với gia đình mình, đồng thời cảm phục sự trông xa của Huệ. Lãng lo lắng hỏi:

- Bây giờ làm gì nữa đây, anh?

Huệ bảo:

- Ta lo ngay việc chôn cất cho Chinh. Lãng ra gọi Cai cơ Chấn vào đây. Bảo luôn Tư khấu Uy là tôi cần gặp gấp ông ta để bàn việc.

Huệ giao cho Cai cơ Chấn điều khiển việc khâm liệm tống táng cho tất cả những nạn nhân bị quân Đông Sơn giết. Tư khấu Uy thì tổ chức một lễ tế các chiến sĩ Tây Sơn vì bất khuất cho đến cuối mà bị kẻ thù ám hại. Chinh được kể như một trong những chiến sĩ bất khuất ấy, vì “dù bị Lý Tài ép buộc phải trốn vào Gia Định, sau đó dù bị quân Đông Sơn tra tấn dã man để lấy tin tức nội tình Qui Nhơn, Chinh vẫn khôn khéo và can đảm tránh né, tuyệt đối không khai điều gì quan trọng có hại cho Tây Sơn”.

Huyền thuyết đó do Huệ gợi ý, và Lãng diễn lại bằng biên văn trong bài văn tế dài hai trang giấy bản.

Huệ tự an ủi là đã phần nào thực hiện được lời căn dặn của thầy. Ông gặp Chinh quá trễ, nhưng dù sao, ông cũng đã cứu Chinh khỏi đồng bùn nhơ của phản bội, và biến cái chết tủ nhục của Chinh thành một thứ huyền thoại. Ông đã đền ơn thầy bằng cách đưa Chinh trở lại hàng ngũ vinh quang của bè bạn, giải thoát cho Chinh khỏi cái chết dấm dúi lấm láp để đưa vào sự sống vĩnh cửu.

Nhưng một phần nào đó, do xúc động trước xác chết bầy nhầy ghê rợn của Chinh mà viên tướng trẻ tuổi đã mạnh dạn chối từ lời căn dặn thứ hai của thầy giáo: ngày 18 tháng Mười Đinh Dậu (1777), Nguyễn Huệ ra lệnh hành quyết Duệ tôn, Nguyễn Phúc Đồng, cha con Trương Phúc Thận, Lưu Thủ Lượng, Nguyễn Danh Khoáng cũng tại sân chùa Kim Chương.

Và cũng như Tân Chính vương một tháng trước đây, hình ảnh cuối cùng Duệ tôn ghi nhận trước lúc lìa đời là những xác lá bàng khô rải rác trên sân chùa.

Chương 44

Đạo quân chiến thắng vừa cập bến Thị Nại, thì Nội hầu Phạm Ngạn đã chờ sẵn trên bến chuyển lệnh của Tây Sơn vương, là tất cả tướng sĩ dừng chân tại chợ Giã một vài hôm để Qui Nhơn kịp tổ chức một cuộc tiếp đón thật long trọng. Nhạc không muốn dân phủ hoang mang chứng kiến cảnh đạo quân bách chiến bách thắng quần áo xốc xếch, dáng điệu uể oải lê bước nặng nhọc giữa những người hiếu kỳ. Sau một cuộc hành trình dài, Nhạc muốn tướng sĩ được nghỉ ngơi để lấy lại sức, chỉnh đốn lại đội ngũ, lau chùi lại gươm giáo, và với dáng điệu hăm hở hùng dũng, những kẻ chiến thắng sẽ rầm rập tiến qua phố phường, làng mạc sắc sỡ cờ phướn, hoa giấy, đèn lồng. Nhạc muốn cuộc khai hoàn trở thành một kỷ niệm khó quên trong tâm khảm dân chúng.

Lãng nóng ruột không chờ đợi được, nên xin phép Huệ cho mình được về thăm nhà trước. Huệ hiểu tâm trạng đau đớn của Lãng nên chấp thuận ngay. Lãng dùng ngựa từ chợ Giã chạy gấp lên Bằng Châu để thăm gia đình. Cùng đi với Lãng, có một anh lính trẻ khác cũng xin phép về trước vì mẹ già đau nặng, nhắm gấp đưa con út về để trời trăn.

Cả hai người lính trẻ đều có những nỗi lo riêng nên từ lâu cưỡi ngựa đi bên nhau mà không ai nói với ai lời nào. Họ gò người trên lưng ngựa, cố thúc cho ngựa chạy nhanh hơn. Hai con ngựa trạm loại khỏe nhưng không chiều được tâm trạng hối hả của những người lính. Tiếng vó ngựa rời rạc dần, mồ hôi đầm ướt bộ lông mướt. Họ đành phải cho ngựa đi chậm lại, nhờ thế câu chuyện thăm hỏi mới bắt đầu. Lãng được biết tình cảnh người bạn đường: một người mẹ hay đau yếu, một người vợ đảm đang hay khóc, và một đứa con nhỏ lên hai. Lãng hỏi:

- Liệu anh có về kịp không?

Người bạn đường đáp:

- Chắc kịp. Tôi nghe nói có nhiều trường hợp người hấp hối cứ thoi thóp dật dờ như vậy cả tuần, đôi khi cả tháng để chờ con hay chờ chồng. Mãi tới lúc nhìn được người thân lần cuối họ mới yên lòng ra đi. Nhưng... nhưng tôi hy vọng mẹ tôi vẫn mạnh khỏe khi tôi về. Có thể người nhắn tin lầm lẫn sao đó.

Lãng buồn rầu nói:

- Anh còn may mắn hơn tôi. Anh mang nguồn vui về, còn tôi mang tin buồn về. Cho nên càng gần đến nhà, tôi càng ngại.

Người bạn đường e dè hỏi:

- Anh có thân nhân tử trận phải không?

Lãng ngập ngừng đáp:

- Vâng, nhưng... Vâng đúng. Anh tôi phải nằm lại Gia Định.

- Xin chia buồn với anh. Anh ở đạo quân nào, mà tôi thấy quen mặt lắm. Hình như tôi có gặp anh nhiều lần rồi.

Lăng sợ người bạn đường biết tông tích mình, từ đó phăng lần ra câu chuyện phản bội của Chinh, nên đáp liêu:

- Không, tôi thuộc đội phòng thủ cửa Thị Nại.

Người lính nửa tin nửa ngờ, nhưng không tiện hỏi hết. Họ lại lặng lẽ đi bên nhau. Tiếng vó ngựa lóc cóc đều đặn trên đường lót đá. Người bạn đường suy nghĩ một lúc, rồi bảo Lăng:

- Anh không được dự trận này thật đáng tiếc.

Lăng tò mò hỏi:

- Đáng tiếc những gì vậy anh?

Người kia đáp:

- Anh không được dịp nhìn một vòm trời khác hẳn. Chúng ta quen được núi bảo bọc che chở, nên khi đến một vùng phẳng lì chung quanh ngút ngàn đồng bằng và bãi đại, cảm tưởng của mình lạ lẫm. Hình như mình bị đi lạc vì không quen với sự trống trải.

Lăng thích thú hỏi thêm:

- Như vậy thì có gì đặc biệt mà phải hối tiếc?

Người lính vội nói:

- Tại tôi không biết diễn tả đấy thôi. Đất trong đó rộng mênh mông, dân cư còn thưa thớt. Muốn khai khẩn bao nhiêu ruộng tùy ý. Chỉ sợ mình không đủ sức làm mà thôi.

Lăng không nghĩ như người bạn đường nên nói:

- Chỉ vì anh nhìn thấy đồng bằng mênh mông tứ phía, nên vội nghĩ đời sống ở đó dễ dàng. Anh quên những bãi lầy nước mặn đó không trông trọt gì được, chỉ cấy đại như đước, ô rô, bình bát mọc mà thôi. Chỗ nào thuận lợi thì từ lâu đã có người chiếm ngụ rồi. Muốn khai khẩn đất hoang thì phải lên xa, vào sâu, nơi đầy rắn rít, muỗi mòng. Lại phải có sức, có tiền, thật nhiều tiền để thuê thêm nhân công. Vì vậy nếu chỉ vào đấy với bàn tay trắng, thì một là anh làm ruộng dạo cho các điền chủ, hai là anh bỏ thân ở nơi nước độc hẻo lánh. Đất rộng, nắng mưa thuận lợi, khí hậu ôn hòa, bấy nhiêu chưa đủ đâu.

Người bạn đường có lẽ thấy Lăng nói có lý, nên xịu mặt, lặng lẽ bên Lăng không nói gì thêm. Một lúc sau, anh ta mới thở dài, than:

- Tại sao trời đất là của chung mà loài người không chịu chia phần cho đều, kẻ thì nhiều quá, kẻ lại chẳng có gì. Chúng ta có tham lam đâu. Chỉ cần một căn nhà nhỏ, ngày hai bữa cơm hẩm ăn với mắm, quần áo đủ che thân và chống rét buốt. Chỉ có bấy nhiêu, mà không tìm đâu cho được!

Lăng thêm:

- Bấy nhiêu đó chưa đủ. Phải có người cùng với mình chia sẻ vui buồn, phải có chỗ cột dây nô, phải có tiếng con nít khóc oe oe, rồi phải có dịp cho nó reo đùa, cười cợt... Ai cũng phải có những quyền lợi đó chứ.

Người lính lắc đầu chán nản:

- Nhưng khó lắm. Thôi đừng nghĩ tới nữa.

Lăng cãi lại:

- Sao không nghĩ. Quyền của chúng ta mà. Chính vì muốn được có những quyền ấy mà anh phải vào tận Gia Định. Anh thấy không?

Người lính trẻ đáp lơ lửng:

- Có lẽ thế. Nhưng chuyện đó xa xôi quá. Mình biết gì mà lo. Trước mắt, tôi chỉ lo đã tới mùa mưa, không biết ở nhà bị đột vợ tôi nó có dám leo lên mái dọi lại không. Hình như gần đây mưa to lắm phải không anh?

Lãng đáp liêu:

- Vâng. Mưa to lắm.

Người bạn đường chợt dạ, thúc ngựa chạy nhanh hơn:

- Vậy thì tôi phải về gấp. Đã đến ngã ba rồi. Anh cũng rẽ phải chứ?

- Không. Tôi về Bằng Châu. Rẽ trái.

- Chào anh nhé.

- Vâng, chào anh. Hy vọng lúc anh về, bà cụ vẫn khỏe.

*

* *

Con Vện không nhận ra Lãng. Càng không chấp nhận được con ngựa lúc đó vừa thở phì phò vừa lấy chân trước cào cào lên mặt đường, làm tung một lớp bụi mỏng. Nghe chó sủa dữ, An hốt hải chạy ra cổng. Chị cũng không nhận ra em. Phải chờ đến lúc Lãng lên tiếng, An mới reo lên:

- Trời ơi! Lãng phải không? Đúng rồi, Lãng! Em về hồi nào? Chị lú lẫn quá mất. Em về chiều nay mà còn hỏi là về hồi nào? Để chị mở cổng cho. Trong lúc An loay hoay kéo cái then cửa, Lãng cũng loay hoay với những câu hỏi khó đáp: Có nên báo ngay cho chị ấy biết không? Nếu ngại chị An đau khổ, thì phải chờ đến lúc nào? Báo cho chị An trước hay báo với cha trước? An thấy em đứng lặng bên mình ngựa, lo lắng hỏi:

- Em mệt lắm à? Dắt ngựa vào đi. Lại còn đi ngựa nữa! Oai gớm! Lãng biết không cả tuần nay khắp phủ nao nức vì tin chiến thắng. Mọi người trông ngóng thuyền về từng khắc từng giờ. Em dẫn ngựa vào đi! Sao đứng đực người thế?

Lãng vừa dẫn ngựa vào cổng vừa hỏi chị:

- Cha có nhà không chị?

An tránh xa con ngựa vì nó đưa mõm người lưng chị, hấp tấp đáp:

- Có, có. Chắc cha sẽ mừng lắm. Để chị gọi cha dậy nhé?

Lãng cột ngựa vào gốc cây ổi, quay lại hỏi:

- Cha đang ngủ hờ chị? Giờ này...

An đoán được ý em, trả lời:

- Không. Mấy hôm nay cha hơi mệt.

- Có nặng lắm không?

An vội trấn an:

- Không đâu. Vẫn cái chứng khó ngủ. Em vào tắm rửa qua loa rồi hãy lên gặp cha. Gớm bụi bặm đầy cả thế kia!

Lúc đó có tiếng trẻ con khóc chát chúa ở phía nhà ngang.

An lo lắng nói:

- Lại chộc cho thằng Phát nó khóc rồi. Con nhỏ không được tích sự gì cả. Em vào đây chị múc nước cho rửa mặt. Vào đây. Ủa, em không có mang quần áo gì cả à?

Lãng đáp:

- Quân còn nghỉ dưỡng sức ở dưới chợ Giã. Em xin anh Huệ cho về trước để...

An hạ thấp giọng hỏi:

- Anh ấy có bị thương nặng lắm không?

Lãng kinh ngạc hỏi lại:

- Chị nói ai bị thương?

An bối rối đến đỏ mặt, lí nhí nói:

- Thì anh Huệ. Có tin báo về bảo anh ấy bị chém ở tay.

Lãng cười lớn và nói:

- Thật tức cười! Anh ấy có bị ai chém đâu! Sao lại có tin động trời đó? À quên, có lẽ vì cái vụ... cái vụ tên tù binh liều lĩnh khiến anh ấy bị sứt da mà...

An lo lắng hỏi:

- Vụ tên tù binh? Hóa ra anh ấy bị thương thật à?

- Không. Nói bị thương hoặc bị chém là sai. Không có gì đâu. Thiên hạ chỉ ưa thổi phồng cho có vẻ gay cấn.

- Thế mà chị tưởng... Được, mẹ vào ngay bây giờ. Thằng bé chướng quá, đòi bông cả ngày. Chị mới rời tay đi làm công chuyện là nó khóc thét lên. Mẹ vào bây giờ. Như vậy là anh ấy không hề bị thương chứ em?

Lãng gạt đầu rồi hỏi:

- Cháu Phát đã đỡ chưa chị?

- Em vào đây trông cháu thì rõ. Hết lở da, nhưng không hiểu sao nó cứ vỗ vàng. Thằng bé lại khóc tướng lên rồi! Em giữ bụi trên quần áo đi. Để chị bảo con ở mức nước cho.

An hấp tấp chạy vào ẵm con. Lãng thấy chị gầy hơn trước, quần áo xốc xếch lôi thôi, đầu tóc không chải nên rối bù. Anh cũng nhận thấy đôi mắt chị sáng khác thường, giống y như lúc An có mag lần đầu.

Đứa ở gái bưng thau nước ra cho Lãng. Anh nhờ nó múc cho một bát thóc và lấy một ít nước đem ra cho ngựa. Con bé sợ không dám lại gần con ngựa cao lớn, nên Lãng phải rửa qua loa, rồi ra giúp con bé. An không thể kiên nhẫn chờ Lãng vào được, ẵm con ra tận gốc ổi để hỏi chuyện. Lãng nhìn cháu nhận xét:

- Nó có khá hơn nhiều chứ chị. Trông lớn hẳn lên.

An cúi xuống hôn con, rồi cười bảo em:

- Chuyện. Em đi đã hơn tám tháng rồi chứ ít sao. Vào Gia Định có khổ lắm không? Ở nhà, anh Lợi

cứ thờ người ra vì tiếc không được tham dự trận này. Chị tức quá, bảo...

Lãng cố lấy hết can đảm, ngược lên nói nhanh:

- Anh Chinh chết rồi chị An ạ!

An không nghe kịp câu nói lí nhí tiếng nọ lấp tiếng kia của em, nét mặt vẫn tươi cười, chị hỏi:

- Em vừa nói gì thế?

Lãng đứng thẳng người, lưng dựa vào gốc ổi, chậm rãi nhắc lại:

- Anh Chinh đã chết rồi!

An lặng người, mặt tái mét, môi trên co giật không nói được nữa. Lãng nhìn nét mặt thảng thốt của chị, không dám nói thêm lời nào. Một lúc sau, An thì thào:

- Có thật không Lãng? Em có tin chắc chắn không?

Lãng đáp:

- Chính tay em với anh Huệ giúp khâm liệm anh ấy.

Nước mắt chảy lặng lẽ trên đôi má xanh xao của An. Giọng An rạn vỡ, run run:

- Sao em không cho chị biết ngay từ lúc mới về?

Lãng cúi xuống nhìn đôi chân mình, đáp nhỏ:

- Em sợ...

An hấp tấp hỏi:

- Nhưng vì sao anh ấy mất? Chẳng lẽ trời khiến cho em với anh Huệ gặp anh Chinh trên chiến trường! Không phải vậy phải không, Lãng. Em nói đi, không phải quân ta, không phải em hay anh Huệ giết anh ấy chứ?

- Không đâu chị ạ. Chị khỏi lo. Anh Chinh bị bọn Đông sơn giết, trước khi tháo chạy khỏi Cần Thơ. Em đến đã thấy anh ấy chết rồi. Anh Huệ tìm thấy xác anh ấy trong đồng xác đầy máu me. Anh Huệ ngờ ngợ, không dám cả quyết, phải cho gọi em tới.

An mừng rỡ nói:

- Hay em nhận lầm xác người khác!

Lãng buồn rầu đáp:

- Không lầm được đâu. Em nhận ra được cái nút ruồi trên vành tai trái, và cái răng hư.

Không còn hy vọng gì nữa, hai chị em đứng lặng bên nhau. Lãng đau đớn nhìn chị khóc thút thít trong khi thằng Phát ngọ ngoạy trên tay mẹ, ngơ ngác nhìn Lãng rồi lại nhìn con ngựa.

Lãng hỏi An:

- Có nên cho cha biết tin ngay không chị

An giật mình đáp:

- Chậm chậm đã, em. Chờ lúc nào thuận tiện hãy cho cha biết. Cái thằng nhỏ này! ồm tong ồm teo mà lại thích ngựa. Em vào nhà nghỉ đi. Có lẽ sau bữa cơm tối, em hãy báo tin cho cha.

*

* *

Bữa cơm đoàn tụ dưới ánh đèn dầu lay lắt thật lặng lẽ, gần như buồn bã, vì An, Lợi và Lãng đều sợ chạm đến những điều mà họ biết rõ ông giáo rất sợ phải nghe. Người mà họ mừng vui vì được trở về an toàn là Lãng. Nhưng hỏi thăm chuyện Lãng thì động đến chỗ nhạy cảm nhất của ông giáo. Cho nên câu chuyện họ trao đổi cho nhau thật rời rạc, nhạt nhẽo. An sẵn đón, mời em ăn thử thức này thức kia, nói chuyện giá cả, và những điều ngộ nghĩnh của con. Lãng và Lợi mon men kháo chuyện phong tục, và cảnh vật Gia Định. Mỗi người nhìn vấn đề theo cách khác nhau, nhiều khi mâu thuẫn gay gắt, nhưng thấy ông giáo đắm chiêu suy nghĩ, họ không dám tranh luận cho rõ ràng. Gần đến cuối bữa, đột nhiên ông giáo hỏi Lãng:

- Hôm Chúa tuần nạn, mày có mặt ở đấy không?

Lãng lo sợ, hỏi lại:

- Thưa cha, chúa nào ạ?

Ông giáo cười cay đắng, rồi nói:

- Tao quên! Chúng bay giết một lượt cả hai chúa chứ không phải một.

Lãng liếc nhìn nét mặt giận dữ của cha, hỏi nhỏ:

- Cha đã biết tin rồi ạ? Con cũng định thưa với cha...

Ông giáo nôn nóng cắt lời con:

- Sao lại không biết. Chúng bay làm chuyện động trời như thế thì giấu ai được! Trời đất điên đảo cả rồi! Kỷ cương đứt tung cả rồi. Thật là hết, hết, không còn gì nữa!

An muốn cứu em, nhỏ nhẹ thưa với cha:

- Cha đưa con xới thêm chén nữa!

Ông giáo nhìn An, đáp cộc lốc:

- Thôi. Đủ rồi.

Nói xong, ông quay về phía Lãng hỏi tiếp:

- Tụi bay giết chúa ở đâu?

Lãng cảm thấy bị xúc phạm, tự nhiên bạo dạn hẳn lên. Anh đáp thật chậm thật rõ:

- Thưa cha ở chùa Kim Chương ạ!

Ông giáo lại được dịp hô hoán mai mỉa:

- Tụi bay khéo chọn chỗ để giết người! Ở chùa Kim Chương! Giết người ngay chỗ cửa Phật! Rồi tụi bay vứt xác chúa dưới chân tượng Bồ Tát phải không?

Lãng mím môi, không trả lời. Anh giận cha, và trong một lúc bốc đồng muốn gây cho cha một nỗi đau đớn, Lãng buột miệng nói:

- Chúng con không dã man như chúng nó. Tra tấn tàn nhẫn rồi vứt xác thành đồng ở chỗ sinh lây dơ dáy, chỉ có chúng nó mới dám làm mà thôi. Chính chúng nó, chính bọn Đông sơn dưới tay chúa đã hành hạ rồi giết anh Chinh như vậy!

Ông giáo giật mình ngừng lên nhìn Lãng, nét mặt vừa ngờ ngác vừa lo âu:

- Mày nói cái gì?

Lăng đáp nhanh:

- Thừa cha, anh Chinh đã chết rồi!

Ông giáo dăm dăm nhìn con, như nghi ngờ cái tin dữ Lăng vừa thốt ra. Cả người ông lạnh toát. Hai tay ông phải níu vào mép bàn cho bớt run. Mắt ông hoa. Ông nghe loáng thoáng lời Lăng giải thích thêm về cái chết của anh. Ban đầu ông nghe tiếng được tiếng mất. Nhưng khi xúc động lắng xuống, ông nghe rõ hơn. Lăng kể từ đầu đến cuối, từ lúc Huệ gọi anh đến để nhận diện xác chết cho đến lúc làm lễ tế chiến sĩ trận vong. Càng nghe Lăng kể ông càng bình tĩnh hơn, hiểu con và hiểu học trò hơn. Đến lúc Lăng dứt lời, ông giáo cúi mặt suy nghĩ thật lâu, bàng hoàng, hoang mang giữa yêu ghét, khâm phục và căm giận. Ông muốn nói với các con ít lời cho chúng bớt lo lắng, nhưng không biết nói điều gì, nói thế nào. Lăng đến bàn nước rót cho cha một chén nước trà. Ông lặng lẽ uống cạn, rồi đứng dậy bỏ đi lên nhà trên.

Những hôm tiếp theo, ông giáo trải qua những tâm trạng phức tạp, kỳ dị. Cả người ông nóng ran, trong lúc cảm giác lạnh lạnh cứ lan man ở dọc xương sống, đỉnh đầu và hai bên thái dương. Vì tim đập mạnh nên ông không tài nào chớp mắt được. Đã từng thức trắng nhiều đêm trong đời, nhưng chưa bao giờ thính giác của ông nhạy cảm bằng lúc này. Ông nghe rõ từng tiếng động nhỏ trong căn nhà tối, từ tiếng một găm trên đầu kèo cho đến tiếng một tiếng lá rụng bên cửa sổ. Những tiếng động ấy có sức âm vang dài lâu, đến nỗi tiếng nọ chập trùng lên tiếng kia, lớp lớp chồng chất thành một mớ hỗn độn ồn ào. Ông run sợ trước thứ âm thanh kỳ lạ đó, nhiều lúc phải bịt hai tai lại để đỡ giấc ngủ.

Chớp mắt được một lúc, tiếng đập ma quái loảng đi thì lại đến lượt tiếng con Vện sủa.

Ban đầu, ông nghĩ con chó sủa dọa những đứa trẻ rần rần mắt chui vào vườn hái trộm ổi. Nhưng về sau, tiếng chó sủa có vẻ hốt hoảng, gần như tiếng kêu cứu. Ông giáo ngồi bật dậy, không thắp đèn vì sợ đánh thức các con và người làm, ông lặn mò trong đêm tối, se sẽ mở cửa sổ nhìn ra vườn. Ông thấy con Vện đứng ở phía trong cổng chỗ mồm ra ngoài đường sủa ăng ăng không thôi. Đột nhiên ông nhớ lại người khách lạ từng đến tìm ông buổi chiều hôm ấy. Thứ ám ảnh phai nhòa mấy tháng nay lại hiện về. Ông vội vàng đóng kín cửa sổ, ngồi thừ trên giường suy nghĩ:

- Hay ông khách đã trở lại? Mà tại sao trở lại vào lúc đêm hôm, và đứng ngoài đường chứ không gọi cổng? Ông ta là ai? Ông ta muốn gì?

Sáng hôm sau, ông giáo trách các con ngủ quá say, đến nỗi chó sủa thâu đêm mà không ai hay biết gì cả. An lấy làm lạ vì đêm đó thằng Phát nóng mình trần trở khóc lóc mãi nên quá khuya An vẫn chưa nhắm mắt nổi, thế mà An có nghe chó sủa đâu. Lợi thì quả quyết đêm hôm trước con Vện nằm dài gần bếp lửa vì sợ lạnh, không dám chạy ra khỏi nhà. Nhưng hai vợ chồng không dám nói những điều đó với cha, chỉ nhìn nhau ái ngại. Ông giáo ra xem lại cửa cổng, xác định vị trí con Vện đứng sủa hồi hôm. Sương đêm nhuộm nâu lớp đất bùn trong vườn. Ông giáo tìm mãi vẫn không thấy dấu chân con Vện ở chỗ ông thấy nó hoảng hốt sủa vang đêm trước.

Ông nghi ngờ trí óc mình, hoang mang không hiểu mình đang mê hay tỉnh. Không thể nào ông mê được, vì ông biết rõ mình đang làm gì, đang nghĩ gì. Chẳng hạn ngay lúc đó ông đang nghĩ đến cảnh Tân Chính vương ra pháp trường, và cái chết của Chinh. Ông nôn nao chờ đêm về!

Ông lại nghe tiếng chó sủa y như đêm trước, và đâm sợ hãi. Ông giáo tự nhủ: Như vậy là mình đã lâm. Người khách lạ không ai khác hơn là một bóng ma đến tìm ông vì cùng một thanh khí. Đó là hiện thân của thần Chết chứ không phải là thần May mắn. Người khách lạ đến để vấn tội ông, cái tội nhúng tay vào trò chơi lớn làm đổ máu biết bao nhiêu sinh linh, trong đó có cả chúa, các bậc tôi hiền, kẻ đạo đức, người vô tội yếu ớt, và cả đứa con trai của ông nữa!

Càng nghĩ ông giáo càng sợ! Từ đó về sau, suốt ngày ông đóng kín cửa nằm trong phòng nghe ngóng từng bước chân, từng tiếng động nhỏ. Ông nhắc An khóa hẳn cửa cổng. Vẫn chưa an tâm, vì lũ trẻ hàng xóm có thể chui qua rào gai vào vườn hái ổi! Nếu ông khách muốn, ông ta dễ dàng tìm được lối vào vườn mà khỏi phải chờ ai mở cổng. Tốt hơn hết là phải cài thật chặt cửa ra vào phòng. Ông lấy dây mây buộc kỹ các cửa sổ. Phòng ông nằm trở nên ngột ngạt, tối tăm. Muốn đọc sách hay làm việc gì, ông phải thắp cái đèn dầu. Cái tiếng động ngoài vườn vẫn đủ sức làm ông lo lắng, và ngay trong phòng, cái bóng ông in trên vách nhiều lúc khiến ông giật mình.

An và Lãng tưởng sức khỏe của cha suy giảm nên mới sợ gió quá mức như vậy, hai chị em hết sức lo lắng. Lợi chạy đi báo cho Kiên hay tin. Họ bàn tán với nhau nên mời thầy thuốc nào, nên tắm bổ cho cha thức gì. Hết thầy thuốc này đến thầy thuốc khác, không có vị nào bắt mạch đích xác được căn bệnh ông giáo. Ông vẫn ăn uống, nói năng như một người khỏe mạnh. Nhịp mạch vẫn điều hòa. Có sự lạ là ông quá lo âu cho chuyện đóng cổng, khóa cửa, và e ngại thái quá với mọi kẻ lạ. An hoang mang không hiểu nổi cha. Chị chỉ thực sự biết căn bệnh của ông giáo khi con Vện rượng đực bỏ nhà đi suốt mấy hôm mà ông giáo vẫn than phiền về tiếng chó sủa!

Thấy cha ngại ngùng, đôi lúc gần như hoảng hốt, khi bước ra khỏi phòng xuống nhà ngang dùng cơm, An bắt đầu dọn riêng một mâm nhỏ bưng vào cho ông giáo. An nhận được của cha nụ cười biết ơn, và chỉ có thể thôi. Mỗi lần xô cánh cửa hông lên gặp cha, An đều thấy ông giáo tỏ vẻ lo lắng, hoặc sợ hãi. Phải một lúc lâu ông mới nhận ra con gái, lúc ấy nét mặt ông trở nên cau có, giận dữ. Cho nên trừ trường hợp thật cần thiết, An ít khi làm phiền ông giáo. Từ nhà ngang, chị chỉ nghe tiếng cha ho hoặc khạc nhổ, tiếng chân di chuyển nhẹ từ chỗ nằm đến cửa lớn, cửa sổ, như một bà già lẩm cẩm lo sợ kẻ trộm len vào lấy mất số tiền dành dụm cả đời mình.

Các dấu hiệu đáng ngại ấy khiến các con ông giáo đau xót. Họ cảm thấy cha già đã thuộc vào một cuộc đời khác, một thế giới xa lạ, huyền hoặc mà họ không hiểu hết. Người đau xót hơn hết là An.

Lợi được chuyển từ kho quân lương sang giúp cho Năm Ngạn điều khiển việc xây dựng thành Chà Bàn và hành cung ở Kiên Thành, suốt ngày bận túi bụi, đến tối mới về ăn vài bát cơm là lăn ra ngủ. Lãng đã trở về trại. Kiên cũng thường đến thăm cha, nhưng hồi gần đây người vợ lớn hơn anh cả mười tuổi có mang khó ở, Kiên phải vừa lo việc ở sở vừa lo cai quản cái quán rượu đang đông khách. An một mình lo âu và săn sóc cha, săn sóc đứa con đầu ốm yếu, và cả cái thai mấy tháng của mình. Chị sống cách biệt hẳn khỏi không khí nô nức rộn rã chung của xã hội bên ngoài. Tin tức về những cuộc đón rước náo nhiệt đoàn quân chiến thắng trên phủ, về những loại huyền thoại mang từ vùng đất mới chinh phục ra Quy Nhơn, về những công cuộc xây dựng cho một kinh đô mới trên nền khu thành cổ của dân Chăm, về hào quang của

Nguyễn Huệ, lạ lùng thay, không ảnh hưởng nhiều đến An. Chị thấy bao nhiêu biến cố đó hoàn toàn xa lạ với chị. Chị hoàn toàn đứng đưng. Không phải An lạc lõng trong vận hội mới. Nhưng trước mắt An, có những mối bận tâm trực tiếp còn quan trọng hơn cả mọi biến cố lịch sử. Nào cha trở thành dớ dẩn, nào Chinh chết bi thảm, con đau yếu, thân thể vật vã vì cái thai khá lớn... bấy nhiêu điều nặng nề chồng chất lên đôi vai ốm!

May cho An là vào giai đoạn khốn khổ ấy, Thọ Hương thường đến thăm nom, chuyện trò. Bẵng đi một thời gian khoảng hai tháng không thấy Thọ Hương đến chơi, An tưởng cô bạn gái có những mối bận tâm hoặc công việc phải làm do ràng buộc của địa vị mới. Một quận chúa, một thành viên của gia đình đã trở nên vương giả, một người vợ dù là bất đắc dĩ của Đông cung, cố nhiên Thọ Hương phải cố gắng để sống cho đứng với trách vụ của mình. An không hề thắc mắc vì sao Thọ Hương không đến thăm mình đều đặn như trước. Mãi tới hôm Thọ Hương đến, An mới vỡ lẽ: Suốt hai tháng qua Thọ Hương bị một trận thương hàn suýt chết. Người cô vẫn còn ốm xanh, tóc rụng nhiều, đến nỗi Hương phải choàng lên đầu một cái khăn đoạn màu vàng.

Có thể vì vậy mà hai người bạn gái dễ dàng thông cảm nhau! Thọ Hương thương hại cho tình cảnh An. An thương hại cho tình cảnh bạn. Cái chết của Đông cung cứ chờn vờn trong câu chuyện của hai người, biến tất cả những lời họ nói thành những lời an ủi xa xôi, khích lệ bóng gió. Họ cúi đầu nhìn nhau, ghi nhận gương mặt xanh xao, đôi mắt buồn bã của nhau, và cảm thấy gần gũi quyến luyến nhau hơn bao giờ hết!

An hỏi thăm Thọ Hương:

- Em đã khỏi hẳn chưa mà đến thăm chị?

Thọ Hương đưa tay lên vuốt má mình, gượng cười đáp:

- Chưa khỏi hẳn. Nhưng em nằm nhà hoài không chịu nổi nữa. Chị có cái gương cho em mượn đi.

An nói dối:

- Có một cái bị thằng cháu Phát nó đập vỡ mất rồi. Từ ngày đi lấy chồng, chị cũng không cần đến cái gương cái lược nữa.

- Em cũng thế. Nhưng tự nhiên hôm nay...

An cướp lời bạn:

- Em phải khác chứ. Đẳng nào ở vào địa vị em, không thể ăn mặc xuề xòa, tóc tai bỏ mặc như chị được.

Thọ Hương buồn rầu nói:

- Địa vị em? Địa vị em cao cấp thế nào hở chị? Em đứng ở đâu đây? Em có còn là con gái của ba em nữa không? Có còn... có còn là... là một người đàn bà đã có chồng nữa không? Em còn là con gái hay em đã thành bà góa? Chị trả lời giùm cho em đi!

An ái ngại nhìn khuôn mặt xanh xao và thẳng thốt của bạn, không biết trả lời thế nào. Chị tìm cách xoay câu chuyện sang hướng khác. An hỏi:

- Nghe anh Lợi bảo khu thành mới sắp xong rồi. Cái hành cung ở trên Kiên Thành cũng vậy. Ít lâu

nữa, em ở dưới này hay lên Kiên Thành?

Thọ Hương suy nghĩ một lúc, rồi đáp:

- Có lẽ em lên Kiên Thành. Các anh chị Bảo, anh chị Nhậm, anh chị Trị ở dưới này với cha em là phải. Họ có nhiều việc phải làm. Còn em? Em biết làm cái gì bây giờ? Em không thuộc về ai cả, không thuộc vào cái gì hết. Người ta xem em là thân thuộc đáng thương cũng được, khi kinh cãi ganh ghét thì xem em là kẻ thù cũng được. Đôi lúc em cũng không biết em nữa. Em tự hỏi: Em phải xem cha em như đấng sinh thành hết lòng thương yêu mình, hay phải xem cha em như kẻ thù.

An lo ngại, vội nói:

- Em đừng nói đại. Sao độ này em lẩn thần thế. Hồi thằng Phát đầy tháng, chị thấy em vui vẻ, yêu đời lắm mà!

Thọ Hương ngượng ngịu, phần nào hối hận vì đã nói liều trong cơn phần chí, nên đáp nhỏ:

- Có lẽ vì đau yếu nên em đâm buồn bực, lẩn thần đấy!

An tìm cách an ủi bạn:

- Chị cũng thế. Đôi lúc quá khổ, chỉ muốn chết cho rảnh nợ. Mà chết lúc này đáng tiếc thật hử Hương? Chung quanh đây ai ai cũng nô nức, hăm hở chờ đón những điều mới mẻ, lạ tai lạ mắt. Em có đi thăm khu thành mới chưa?

Thọ Hương bẽn lễn đáp:

- Chưa, chị ạ. Em là người trong nhà mà giống như người ngoại cuộc. Nghe các chú chê thành hơi thấp, và hẹp. Còn mẹ và em thì chỉ chú trọng đến thành cung trên quê mà thôi!

- Vậy là em sẽ về Kiên Thành sống với bà?

- Dạ, có lẽ thế.

An thở dài nói:

- Chị lại sắp xa một người bạn thân.

Thọ Hương vội nói:

- Nhưng chưa có gì chắc chắn đâu. Nhiều khi em đổi ý bất ngờ. Em không hiểu em muốn gì, nên mẹ em bảo em phát khùng mất rồi. Nếu được phát khùng, em...

An lại cắt lời bạn:

- Đừng nói đại. Ấy chết, chị lú lẩn quá rồi. Có khách vương giả đến chơi mà không có lấy một bát nước trà loãng để mời. Gái ơi, gái.

Thọ Hương xua tay can:

- Khỏi cần khách sáo làm gì, chị. Em đến nói chuyện với chị là đủ vui rồi. Anh đâu rồi chị?

- Anh ấy bận liên miên. Thành sắp xong, chắc anh ấy sắp được rảnh rồi một chút.

Thọ Hương vội hỏi:

- À, hóa ra anh Lợi đã qua làm chỗ chú Năm Ngạn. Thảo nào!

An lo ngại hỏi:

- Thảo nào là thế nào, Hương?

Thọ Hương thấy mình nói hớ, vội bảo:

- Thôi, chú Năm Ngạn nói cũng không đáng tin đâu.

An không chịu thua, giục bạn:

- Em đừng ngại. Có gì cứ nói thẳng với chị.

Thọ Hương nói:

- Không có gì quan trọng đâu. Tính chú Năm, chị biết rồi. Và lại hai người một già một trẻ lại khác tính nhau, làm sao tránh khỏi xích mích.

Rồi không muốn đi sâu thêm vào chuyện rắc rối, Thọ Hương bảo:

- Lúc nào rảnh, chị lên đăng em chơi.

An cười gượng nói:

- Em thấy đấy, một mình chị lo đủ đường, cha chị như vậy, con chị như vậy. Phần chị lại bụng mang dạ chửa!

- Thế thì chị cho phép em đến đây thăm chị vậy. Chị có chán em lần thân không?

An vui mừng nói:

- Không đâu. Sao em lại nói thế? Chị chỉ mong em có thì giờ đến thăm chị luôn. Chị chờ em đấy!

*

* *

Những lần sau, Lãng có gặp Thọ Hương tại nhà mình.

Anh không nhận ra ngay cô gái út của Tây Sơn vương!

Lãng ngờ ngợ, không nhớ đã gặp thiếu phụ này ở đâu. Trước mặt anh là... là một người đàn bà, không, không hẳn là một người đàn bà, mà cũng không hẳn là một thiếu nữ. Con người ăn mặc sang trọng mà không chải chuốt choàng cái khăn vàng ấy có cái gì lưng chừng khó định lắm: nàng có những nét đậm đà u buồn chưa thể có ở một thiếu nữ, nhưng đồng thời cũng có quá nhiều vẻ e ấp bên lên để trở thành một thiếu phụ. Lãng liếc nhìn người phụ nữ da bánh mật đang cắn môi để giấu một nụ cười còn nhiều vẻ tình nghịch, nhiều lần không dám lên tiếng hỏi chị. Hôm ấy Lãng trở về trại sớm, nên không có dịp hỏi chị người phụ nữ ấy là ai.

Lần sau, khi nghe An bảo đó là Thọ Hương, Lãng vẫn không tin lời chị. Anh vẫn còn giữ ấn tượng khó chịu về quận chúa từ hôm gặp Thọ Hương ở đám đầy tháng cháu. Lãng nhớ gương mặt trang điểm kỹ càng của Thọ Hương hôm ấy, nhớ bộ quần áo đẹp đẽ và vẻ thỏa mãn tự tin của nàng. Lãng khó chịu vì phong thái tự đắc, anh nghĩ quận chúa phải có (nhất định phải có) sau khi Tây Sơn trại chủ chính thức xưng vương.

Hôm ấy Lãng gặp lại Thọ Hương. Nàng mặc một bộ quần áo lụa màu vàng nhạt. Khăn choàng đầu màu nâu, làm nổi bật nước da bánh mật và hòa hợp trọn vẹn với đôi mắt đen và sâu, đôi môi mím nghiêm nghị. Tuy đã được An báo cho biết Thọ Hương vừa mới bệnh dậy, nhưng Lãng vẫn khẳng khái nghĩ: Nhất định quận chúa không đau đớn vì bệnh thương hàn, mà đau đớn vì cái chết của Tân Chính vương. Càng ngắm kỹ, Lãng càng vững tin ở định kiến của mình: cái khăn choàng đầu màu nâu đậm kia có khác nào cái

khăn của các bà vải, lại thêm đôi mắt u buồn ấy, dáng ngồi thờ ơ khép nép ấy, bàn tay ốm có nổi vài đường gân xanh xao ấy... tất cả là dấu hiệu của một thứ tâm bệnh trầm trọng, của một sự mất mát lớn lao, nói chung, của một nỗi thống khổ không lấy gì đo lường cho hết.

Lãng xúc động đến ngộp thở trước nỗi thống khổ da diết này! Anh không muốn về trại nữa. Cũng không thấy e ngại vì đã quấy rầy cuộc trò chuyện tự nhiên của hai người bạn gái. Có một sức thu hút huyền bí níu chân Lãng lại. Lãng ngồi xuống cái ghế cạnh chỗ hai người ngồi, cố thắng sự nhút nhát để góp chuyện. Bằng một giọng run run vì lo ngại và thương xót, Lãng rụt rè hỏi Thọ Hương:

- Chắc quan Phụ chính đã giải bày với Quận chúa cả rồi. Quả tình không còn cách nào khác. Có những điều chúng ta không cưỡng được. Những điều xảy ra ngoài ý chúng ta, như là số phận!

Thọ Hương ngạc nhiên ngược lên nhìn Lãng, ngỡ ngàng trước cách xưng hô và những lời nói nghiêm trang khác thường giữa cuộc trò chuyện riêng tư thân mật này. Ánh nhìn của Thọ Hương vừa thích thú ranh mãnh vừa phảng phất vẻ giễu cợt. Lãng cảm thấy mình lố bịch, ngượng đến đỏ mặt. Nếu có thể chui xuống đất để trốn cái nhìn ranh mãnh ấy, thì Lãng đã làm rồi. An cười lớn, nửa đùa nửa thật bảo em:

- Sao tự nhiên Lãng sính nói chữ thế?

Thọ Hương thấy Lãng quá bối rối, vội nói:

- Không phải đâu chị. Anh Lãng muốn an ủi em, nhưng sợ em buồn, nên nói quanh co thế thôi!

Rồi quay hẳn về phía Lãng, Thọ Hương cúi đầu lễ phép nói:

- Cảm ơn anh nhiều. Vâng, đúng là số phận của tôi chẳng ra gì!

Lãng bớt ngượng, nên có thể tiếp nối lời khách:

- Quận chúa đừng nói vậy. Nếu người ta thực lòng thương yêu quận chúa, nhớ tưởng quận chúa, thì quả thật không có nỗi đau đớn nào to lớn bằng. Nhưng chắc... chắc anh Huệ đã kể lại cho quận chúa lúc bắt được... lúc bắt được Đông cung...

Thọ Hương vội vã nói:

- Chú Tám không kể gì cho tôi nghe cả. Chú ấy tránh mặt tôi, làm như không có gì xảy ra ở Gia Định. Anh làm ơn kể cho tôi biết đi. Lúc bắt được... bắt được Đông cung...

Lãng rợn rã vì sự sẵn đón chờ đợi của Thọ Hương, vội kể:

- Phải, lúc bắt được Đông cung ở đồn Ba vác, anh Huệ có nhắc đến Quận chúa.

Thọ Hương không dẫn được tò mò, hấp tấp hỏi:

- Thật thế ư? Chú Tám nhắc thế nào?

Lãng hân hoan vì thấy mình quan trọng, chậm rãi đáp:

- Lúc Tân Chính vương từ trong đồn Ba vác đi ra phía thuyền, anh Huệ hỏi thăm, rồi bảo: "Tôi mà làm sứt một chút da của Ngài thì về Qui Nhơn con cháu Thọ Hương không để cho tôi yên đâu!". Nghe nói thế, Tân Chính vương...

Thọ Hương sợ sự thật phũ phàng, vội ngăn lời Lãng lại:

- Thôi, tôi biết rồi.

Lãng ái ngại nhìn Thọ Hương, lúc đó đang cúi gằm mặt xuống, vừa xấu hổ vừa đau đớn. Sau một lúc

e ngại, Lãng nói nhỏ:

- Quận chúa không nên buồn. Con người đó... con người đó... không đáng gì đâu!

Nước mắt lưng tròng, Thọ Hương run run nói với An:

- Cả em nữa, em cũng chẳng đáng gì. Em chẳng khác nào viên đá lót đường cho người ta dẫm lên trên. Thân em bị chà đạp, đau xót, lấm láp mà không ai thương xót...

Thấy Lãng nhìn mình xót xa, Thọ Hương càng nói quá đi để cảm động Lãng, rồi chính Thọ Hương cũng mỉm lòng vì lời than vãn của mình. An thấy hai người im lặng, vội nói:

- Sao em chán nản thế, Thọ Hương? Em còn trẻ, đời còn dài...

Thọ Hương ngừng lên nhìn An, định nói điều gì, nhưng cổ đã nghẹn không thốt nên lời. Nước mắt lăn từ từ trên hai má. Lãng không chịu được cảnh một người con gái khóc lặng lẽ, cúi gằm mặt xuống. An thấy tình thế khó xử, không biết phải làm gì để an ủi bạn. May mắn vào lúc đó, thằng Phát khóc ré lên trong buồng. An vớ dịp tốt kéo Thọ Hương đứng dậy, bảo bạn:

- Thằng bé lại nổi chứng rồi. Em vào đây xem giùm chị nó có khá hơn chút nào không.

Thọ Hương khẽ gật chào Lãng rồi đi theo An. Lúc hai người bạn gái đã vào hẳn trong buồng, Thọ Hương lấy hơi nhiều lần định nói, nhưng nàng chỉ cười bẽn lẽn, rồi thôi. An lấy làm lạ hỏi:

- Em định nói gì thế?

Thọ Hương chối:

- Em có định gì đâu!

An không hỏi thêm, cúi xuống gãi nhẹ vào lưng cho thằng bé ngủ lại. Thọ Hương nhìn hình dáng nặng nề của bạn, hỏi:

- Chị đã được mấy tháng rồi?

- Có lẽ năm, sáu tháng gì đó. Trông chị tức cười lắm nhỉ!

- Không đâu! Chị chỉ hơi ồm thôi. Bác đã khá chưa chị?

An nhớ đến cha, thở dài đáp:

- Vẫn vậy. Hình như cha chị luôn luôn sợ hãi cái gì đó, lúc nào cũng nơm nớp, chờ đợi, đề phòng.

- Lạ nhỉ! Chị An này.

- Gì thế Hương?

Thọ Hương liếc nhìn An, mỉm cười băng quơ, do dự, rồi lấy bạo hỏi bạn:

- Trông anh Lãng khác hồi trước nhiều, phải không chị?

An hỏi:

- Khác thế nào?

Thọ Hương bối rối, nói:

- Anh ấy có vẻ rắn rỏi hơn, mạnh bạo hơn. Ấy, cháu thức dậy rồi chị!

An vội gãi lưng con, à ơ vài tiếng, rồi quay về phía bạn hỏi nhỏ:

- Năm nay em bao nhiêu tuổi.

- Mười chín, chị ạ.

- Vậy là thua Lãng ba tuổi. Nó đã hai mươi hai, còn nhỏ nhít gì đâu!

- Nghe chú Tám khen anh ấy có tài văn chương như bác. Hình như anh ấy được thưởng quân công đấy!

An cười bảo:

- Quân công? Em nói thực hay nói đùa? Nó cầm cái gươm còn chưa vững, nói gì đến chuyện đánh nhau ngoài mặt trận.

Thọ Hương hăng hái bênh vực người vắng mặt:

- Đâu phải ra trận là phải biết cầm gươm. Có trí thông minh, thậm chí có tài làm thơ, viết hịch nhiều khi cũng bằng mười lần có tài múa kiếm. Không tin ngày một chị rán đi dự lễ mừng chiến thắng, sẽ rõ.

An thờ người vì tiếc, trả lời:

- Chị thế này còn đi đâu được. Nghe nói suốt nửa tháng nay cả phủ như mở hội, phải không em?

- Em cũng chẳng biết nữa. Có lẽ thế.

Chương 45

Bấy giờ là mùa đông. Trời mưa tầm tã. Nước lụt tràn bờ sông, người ở chỗ đất thấp phải chuẩn bị dời thóc gạo đồ đạc lên các chỗ đất gò để tránh nước lũ. Đường đất sét phủ đầy một lớp bùn nhão màu hung cao đến ngập mắt cá. Việc đi lại khó khăn nhưng ở công trường xây thành Chà Bàn, công việc vẫn tiến hành khẩn cấp. Số dân phu tăng hơn cả mùa nắng. Trai tráng thì ngâm mình dưới làn nước bạc dùng mai xăn từng khối đất dẻo, rồi hụp xuống bê lên cho những người già cả khiêng, gánh, xách, đội, vác đến tận chân thành. Do đó người nào cũng lấm lem những bùn từ chân tóc đến quần áo, vừa thở phì phò vừa run cầm cập. Nước lụt tràn khắp vùng quanh chân thành, nhất là phía đông, nhưng căn cứ theo mực nước ngập đến thắt lưng hay đến cổ mà người ta phân biệt được chỗ nào đất chưa đào, chỗ nào đã thành đáy hồ. Dù có những cây sào tre còn để nguyên chóp lá cắm mốc, nhưng không thiếu những kẻ sơ ý hụp chân, ngã xuống vùng đất thấp. Theo dự kiến, sau khi đắp xong thành, sẽ có một cái hồ rộng ở mặt đông để trồng sen.

Trong nhà chòi lợp tranh dùng làm chỗ làm việc của ban chỉ huy công trường, Tây Sơn vương Nguyễn Nhạc, Thiếu phó Nguyễn Lữ, Phụ chính Nguyễn Huệ, Nội hầu Phạm Ngạn đang đứng quanh cái sập liếp tre dùng làm bàn để nhìn tấm bản đồ vẽ cách bố trí của thành Chà Bàn. Quần áo người nào cũng ẩm ướt, bùn lấm cả lên vai áo. Đường cái lầy lội quá nên họ đều đi chân đất. Phạm Ngạn dùng cái que tre chỉ vào sơ đồ giải thích cho ba anh em Nguyễn Nhạc:

- Những chỗ tô son đỏ như khoảng này đã đắp xong. Vâng, chiều cao là một trượng hai xích, chiều dài khoảng hai trượng. Phía bên này đã đắp xong cái núi đất. Đúng là góc đông nam của thành. Sở dĩ phải đắp trước vì cần phải có một gò đất cao không ngập nước cho thợ mộc và thợ vôi làm việc. Phải có thêm hai cái núi đất nữa ở góc đông bắc và tây bắc, dự kiến cuối tháng mười một thì xong vì từ chỗ lấy đất đến hai góc đó xa hơn. Vâng, số phu được gửi tới đủ, nhưng không làm nhanh hơn được, vì số người đau yếu phải cho nghỉ lên cao quá. Số mới bổ sung lại phải mất một thời gian khá lâu mới quen công việc.

Tây Sơn vương chỉ vào phía thành chưa làm xong, hỏi:

- Còn mặt thành này, ông tính thế nào?

Viên Nội hầu vội thưa:

- Dạ phía đó dễ làm hơn vì thuộc vùng đất gò. Tuy là đất sỏi cứng khó đào, nhưng đất lấy ngay tại chỗ khỏi mất công khuân vác. Đá ong cũng có sẵn. Thợ đá có hơi thiếu, trời mưa dầm quá lâu đá ướt rất khó xăn cho thành khối vuông vức. Nhưng tôi có cho thêm phu phụ giúp cho thợ đá, nên không đến nỗi trễ. Nặng nhọc lắm vẫn là mặt bên này.

Nguyễn Nhạc nhìn về phía hai em, giải thích thêm:

- Ta cứ dựa lên nền thành cũ của người Chăm mà đắp cao lên thôi. Khi làm xong, chu vi thành sẽ được mười lý. Thành có năm cửa. Đằng trước này mở hai cửa, bên hữu là Vệ môn, bên tả là Tân khai môn. Bên trái, bên phải và đằng sau mỗi bên đều có cửa. Phía tây này, không, đây là hướng tây nam chứ, hướng

tây ở đây có Đỉnh Nhĩ đề, còn phía tây nam có Giao đàn thành. Khung vuông này là Tử thành. Đây là Bát giác điện, trước Bát giác điện là Bát giác lâu. Đằng trước còn có Quyền bông cung, bên tả bên hữu có dực lang dành cho lính canh gác. Trước cung còn có Nam lâu môn, bên tả có Tử đường, bên hữu có Võ miếu.

Nguyễn Huệ từ đầu lơ đãng không nhìn vào sơ đồ và chăm chú nghe Nguyễn Nhạc giải thích như Nguyễn Lữ, bấy giờ mới lên tiếng hỏi:

- Sao ta lại phải dựa vào dấu cũ của thành Chà Bàn mà đắp thành? Ta không làm khác được sao?

Phạm Ngạn không trả lời được một câu hỏi khó như vậy, nên nhìn về phía Tây Sơn vương, trân trọng dành cho Nhạc quyền giải thích. Nhạc chau mày nhìn em, hơi khó chịu. Nhưng vương cũng kiên nhẫn giải thích chậm và rõ:

- Chú hỏi vì sao ư? Chú nhớ cho kỹ để lần sau khỏi thắc mắc nữa nhé. Vì chúng ta phải cố gắng khôi phục lại vương quốc đã từng một thời thịnh trị kéo dài từ đất Thuận Hóa cho đến Bình Thuận. Kinh đô của vương quốc ấy ở đây. Kinh thành của vương quốc ấy là chỗ này, ngay tại nơi chú với ta đang đứng trú mưa. Lúc người Chiêm thành đóng đô tại đây, tại vùng được gọi là Vijaya này, vương quốc của họ hùng mạnh, thịnh vượng. Họ suy yếu vì đã không biết đây là chỗ đặc địa. Chú cứ nhìn kỹ các tháp Chăm kia, xem cách thức họ xây cất, điêu khắc, cũng đủ biết thời đó xứ sở này giàu có, thanh bình, tôi hiền và bậc anh tài nhiều biết bao! Chúng ta tìm đâu ra những người thợ dẻo gọt nổi những bức tượng đẹp như thế kia? Và ông Năm Ngạn này, liệu ông có chỉ huy nổi dân phu để họ đưa những khối đá nặng như vậy lên cao chót vót tận đỉnh tháp không? Phải nhận là trước đây dân tộc Chăm khéo hơn ta. Vì đâu? Vì họ chọn được đúng chỗ đất tốt để xây thành Chà Bàn. Ta dựa theo dấu cũ của họ để xây thành là vì vậy.

Trong khi Tây Sơn vương nói, Nguyễn Huệ muốn cắt lời anh để góp ý mình, nhưng thấy anh hăng hái quá, Huệ không dám. Chờ đến khi Nhạc tạm dừng để lấy hơi, Huệ mới hỏi:

- Như vậy biên cương của chúng ta phía bắc ra đến Thuận Hóa, còn phía nam chỉ vào đến Bình Thuận thôi sao?

Nhạc dăm dăm nhìn em, môi cười chế giễu, hỏi Huệ:

- Liệu chú có đủ sức đánh nam dẹp bắc để giữ bấy nhiêu đất ấy không? Chú nên nhớ quân Trịnh vẫn còn nghênh ngang ở Thuận Hóa, còn Châu Văn Tiếp vẫn còn chiếm giữ Bình Thuận, Bình Khang.

Huệ tiếp lời anh:

- Nhưng Điều khiển Hòa của chúng ta hiện đang ở dinh Long hồ. Còn Gia Định thì đã có Tổng đốc Chu và Tư khấu Uy trấn giữ. Chẳng lẽ ta cất công vào Gia Định suốt bảy tháng trường, bỏ xương bỏ máu ở đó để chờ lúc thuận tiện giao lại cho Chân Lạp hay vua Xiêm! Chẳng lẽ, lâu lâu nương theo gió mùa ta vào đó chỉ để cướp lúa?

Nguyễn Lữ không dẫn được giận, vội nói với Nhạc:

- Đúng đấy. Ở Gia Định chú cũng giở cái giọng ấy ra với em. Chú muốn có kế lâu dài ở Gia Định. Chú không sợ lún chân vào những bãi bùn hoang vu ngút mắt hay sao? Anh Cả biết không, chú Tám cứ đem chuyện ta chờ mấy trăm ghe thóc về đây ra mà mĩa mai!

Tây Sơn vương nghiêm khắc nhìn Huệ, nói dần từng tiếng:

- Chú hãy nhớ kỹ, ta không tính chuyện lâu dài ở Gia Định. Ta sai chú vào đây là để diệt cho tận gốc họ Nguyễn Gia Miêu. Nếu tạm thời ta có để Tổng đốc Chu, Hồ tướng Hãn, Tư khấu Uy, Điều khiển Hòa lại Gia Định, chỉ vì bọn tàn binh của họ Nguyễn chắc chắn còn giữ ý định khôi phục. Dĩ nhiên lúc ta đã mạnh mẽ thịnh vượng như triều Vijaya trước đây thì tính kế dài lâu ở đâu mà chẳng được. Nhưng trước mắt, ta phải lo ổn định những vùng của ta trước đã. Chú nhớ kỹ chưa?

Huệ cúi đầu làm thinh, nhưng nhìn nét mặt em, Nhạc biết Huệ chưa hoàn toàn đồng ý. Nội hầu Phạm Ngạn thấy không khí quá căng thẳng, vội thưa với Nhạc:

- Bẩm Đức Thầy Cả...

Tường Năm Ngạn sắp chen vào chuyện riêng của ba anh em, Nhạc gay gắt hỏi:

- Ông định nói gì nữa?

Phạm Ngạn lo sợ lắp bắp thưa:

- Bẩm... bẩm Đức Thầy, tôi sợ trời cứ mưa lụt mãi, việc xây thành gặp khó khăn.

Nhạc nói như quát lên:

- Ông không làm nổi phải không?

Ngạn vội nói:

- Dạ không phải thế. Tôi chỉ xin thêm độ một nghìn dân phu, để đủ nhân công chuyển đất.

Nhạc nhận thấy mình giận dữ vô lý, dịu giọng xuống:

- Thôi được rồi. Ta sẽ gọi thêm cho ông một nghìn năm trăm dân phu. Dôi thêm năm trăm đấy. Ông có dám hứa cuối tháng Chạp tất cả đều xong không?

Phạm Ngạn vui mừng nói:

- Dạ, chắc chắn xong. Xin Đức Thầy yên tâm.

*

* *

Hứa hẹn chắc chắn với Tây Sơn vương xong, Nội hầu Ngạn bắt đầu mất ăn mất ngủ. Nguyễn Nhạc gửi đúng một nghìn năm trăm dân phu như đã nói, nhưng công việc đắp thành vẫn cứ chậm chạp. Số phu bị bệnh thực sự đã nhiều, số khai bệnh dối hoặc số lảng công còn cao hơn. Nước lụt chưa rút, việc hạp xuống sâu lấy đất vất vả quá. Những trai tráng phụ trách công việc cực nhọc ấy, dù có sức trai, không ai kham nổi cảnh rét run suốt mấy ngày liền. Vài dấu hiệu phá hoại bắt đầu xảy ra: những cây sào cắm mốc tối hôm trước bị nhổ mất hoặc dòi sâu vào bên trong, gây các tai nạn nguy hiểm, dụng cụ đào và xúc đất bị quăng xuống hồ nước sâu. Phạm Ngạn tức lồng lộn, quát tháo, mắng chửi, hăm dọa, nhưng bọn phá hoại vẫn tiếp tục lén lút quấy phá. Phạm Ngạn phải giả dạng dân phu, nằm rình trong những lán tranh dột ướt, lầy lội suốt mấy đêm mới bắt được quả tang hai tên phá hoại. Giận đến phát điên, viên Nội hầu đích thân cầm roi mây quát lên lưng hai con người ốm yếu rách rưới đến chết ngất, rồi chờ cho họ tỉnh lại, đóng gông đem bêu riếu khắp công trường. Không cần tra hỏi lâu, Phạm Ngạn đã biết nguyên do sự bất mãn: dân phu bị rét run, và tệ hơn nữa, bị đói nên không kham nổi rét.

Phăng lần đầu dây mối nhợ, Ngạn biết thêm số gạo phát cho dân phu quá ít. Và người phụ trách việc

phân phát, kiểm soát lương thực là Lợi!

Ngay buổi tối, viên Nội hầu vào dinh xin gặp Nhạc.

Tây Sơn vương kinh ngạc vô cùng. Từ khi đạo quân chiến thắng chở thêm mấy trăm ghe thóc Gia Định về nhập kho Qui Nhơn, Nhạc đã ra lệnh tăng gấp rưỡi suất gạo cho dân phu. Bình thường số gạo ấy đủ cho hai người ăn. Làm việc nhọc mệt dưới chỗ bùn lầy rét mướt, dân phu có thể phải ăn nhiều hơn, nhưng nhất định suất gạo được cấp phát không thể thiếu được. Nguyễn Nhạc ngờ rằng bên trong chắc có điều gì lươn lẹo khuất lấp đây. Vương giao cho Thiếu phó Lữ tra xét việc này. Lữ ái ngại gọi Lợi đến, và thông cảm cho một cộng sự viên lâu nay tận tâm giúp đỡ mình, Lữ báo trước cho Lợi mỗi nguy hiểm anh có thể gặp phải.

Lợi sợ đến tháo mồ hôi hột. Nhưng vốn là người giỏi quyền biến, anh thấy ngay những việc phải làm. Với Lữ, anh đưa ra một lô những thủ tục, giấy tờ kế toán phức tạp, rắc rối (vốn là điều Thiếu phó e ngại nhất) để chứng minh rằng sự chậm trễ cấp phát lương thực phụ trội cho dân phu do những yếu tố khách quan bất khả kháng như thể thức xuất nhập kho, qui cách giao nhận và kiểm soát, sự trời sạt bất thường hằng buổi, hằng ngày của số phu thực sự lao động, chứng từ thanh toán lương thực của công trường mù mờ, vân vân... và vân vân... Lợi dẫn chứng điều này luật nọ, nhắc lại các trường hợp vi phạm trong quá khứ, để cuối cùng xác nhận với Lữ rằng: dù mình hết sức cố gắng, mệnh lệnh của Tây Sơn vương không thể tuân hành ngay trong một thời gian ngắn ngủi, trừ trường hợp... trường hợp cứ chở gạo đến phát bừa cho dân phu, bất kể chứng từ.

Mặt khác, Lợi chụp ngay lấy dịp Thọ Hương đến thăm An để nhờ Quận chúa tìm lời khéo léo nói giùm với mẹ. Anh còn giục vợ đến thăm trả Thọ Hương để nhắc nhở, kèm theo một món quà nhỏ. An từ chối, nhưng Lợi cứ nói mãi nói mãi. Về sau An phải nhắc đến cái thai đã lớn của mình, cùng thói mê tín thông thường đối với những người đàn bà có mang, Lợi mới thôi làm phiền vợ. Cùng lúc đó, Lợi vận dụng tất cả tài tháo vát để phát ngay số gạo cần thiết cho công trường. Kết quả là những lời than phiền của viên Nội hầu tan vào khoảng không! Quá lắm chỉ gây đôi chút hoài nghi trong lòng Nguyễn Nhạc mà thôi!

*

* *

Những câu hỏi quan trọng của Huệ hôm ba anh em cùng đi xem xét công trường xây thành Chà Bàn cứ canh cánh trong lòng Tây Sơn vương. Lúc bận tiếp khách, hoặc giải quyết các công việc khẩn cấp và rắc rối, Nhạc quên những câu hỏi ấy. Rồi rãi một chút, chúng lại hiện về. Điều khiến Nhạc lo âu không phải chính nội dung các câu hỏi, mà ở tư tưởng của người hỏi. Vương nhận thấy cậu em trai út hai mươi lăm tuổi của mình bắt đầu có những suy nghĩ độc lập, những tham vọng riêng tư, có lối nhìn vấn đề khác mình. Nếu Lữ ngoan ngoãn, chậm chạp bước theo dấu chân của Nhạc không cần suy nghĩ, thì Huệ lại muốn tự tay phát quang chọn lấy con đường cho mình. Cách nghĩ về biên cương cho vương quốc sắp dựng, nhất là thái độ chế giễu khinh bạc lúc đặt câu hỏi đó khiến Nhạc bức dọc.

Một đêm, vương gọi Huệ lên phòng mình để chỉ có riêng hai anh em với nhau, Nhạc tìm cách khuyến dụ em chớ nên phiêu lưu trong ý nghĩ và hành động. Đêm ấy trời vẫn còn mưa tầm tã. Hai anh em ngồi

nghe mưa rơi trên mái đình hồi lâu mà vẫn chưa nói được điều gì quan trọng. Huệ chưa hiểu ý định của anh nên kiên nhẫn chờ đợi, còn Tây Sơn vương thì chưa biết phải nói với em thế nào. Họ dậm chân tại chỗ trong các điều vụn vặt, vô nghĩa, rời rạc, không ăn nhập chuyện này với chuyện khác. Chẳng hạn Nhạc hỏi em:

- Hình như độ này chú hết mụn thì phải?

Huệ đưa tay sờ lên má mình, ấp úng đáp:

- Dạ, hết.

- Lớn tuổi thì tự nhiên bớt đi. Trước kia anh cũng vậy. Chỉ khi nào lo nghĩ thất thường... Độ này chú ngủ được không?

- Dạ được. Trời mát dễ ngủ lắm.

- Vậy là tốt. Đừng nên đem chuyện ban ngày làm rầy ban đêm. Lại nữa. Mưa đến thú vị đấy. Không biết ông Năm Ngạn lo công việc ngoài thành thế nào. Chú thấy bề cao như vậy đã đủ chưa?

- Còn hơi thấp. Lại không có ụ súng, không có tháp núp bắn.

- Ta sẽ dần dần xây dựng thêm. Trước mắt chưa cần lắm đâu. Như hồi còn ở Tây Sơn thượng ta có bức thành cao ngất là núi vây quanh căn cứ, bây giờ ta cũng có những tháp canh trời cho như núi Mò o, núi Bích Khê, núi Kỳ Sơn, núi Cù Mông... Phía cung Bình Điền ở phía nam việc canh phòng vẫn chặt chẽ chứ?

- Dạ, em vừa đi tuần sát về. Dưới đó khá lắm.

- Còn việc cấp dưỡng cho các gia đình có con bị tử trận?

- Dạ việc này anh Lữ lo ạ!

- Việc chú Bảy hay việc của Thái úy Tuyên (Bùi Văn Tuyên)?

- Em không rõ anh Lữ có giao lại cho Thái úy không, nhưng hôm mới về, anh có nhắc anh Lữ việc này.

Tây Sơn vương nhìn em thật lâu, do dự, rồi mỉm cười hỏi:

- Chú thấy gia đình hai ông Tuyên, Nhật thế nào?

Huệ ngờ ngàng, không hiểu anh muốn gì, nên hỏi lại:

- Anh hỏi gì ạ?

Nhạc nhắc câu hỏi bằng cách khác:

- Chú vẫn thường đi lại đẳng gia đình ông Tuyên đấy chứ?

- Thỉnh thoảng thôi ạ. Tính ông Tuyên đằm, còn ông Nhật thì...

Nhạc cướp lời em:

- Tuổi trẻ phải xông xáo, hăng hái hơn chứ. Anh thấy gia đình đó được lắm. Chú có thấy thế không?

Huệ đáp cho xong:

- Vâng, được lắm.

Tây Sơn vương vui mừng nói:

- Chú cũng nghĩ vậy à? Đúng. Trong số các gia đình lâu nay chúng ta gần gũi, anh thấy gia đình ấy là có nề nếp nhất. Con trai đều tài giỏi. Con gái nết na.

Nhạc cười, rồi tiếp:

- Anh trải đời nhiều, hiểu đàn bà cũng lắm. Nhờ thế, anh nhận thấy cái cần thiết cho một người đàn bà là đức hạnh. Đàn bà giỏi thứ gì cũng không nên cả, quá giỏi võ như cô Bùi thị Xuân thì lại "cầm roi rượt chồng", quá giỏi chữ nghĩa như... như con gái ông giáo thì... thì...

Nhạc e ngại dò phản ứng của em, không dám nói hết câu. Huệ không ngước lên, tiếp tục ngắm nhĩa mấy ngón tay của mình, sắc mặt không thay đổi. Đột nhiên vương hỏi Huệ:

- Chú có còn giận anh nữa không?

Huệ ngước nhìn anh, đôi mắt chớp chớp bối rối. Huệ hỏi:

- Sao anh hỏi vậy?

Nhạc đáp xa xôi:

- Anh hy vọng càng ngày chú càng hiểu anh. Chuyện đời... Có nhiều khi những điều ta muốn, ta ước mong đều không được toại nguyện. Có khi nay ta muốn thế này, ngày mai ta khôn hơn, hiểu đời hơn, ta lại thấy ước muốn hôm qua là ngây thơ, non nớt, thậm chí đại đột nữa. Cũng có nhiều người ta tưởng thế này, về sau vỡ lẽ ra mới biết họ không cao như ta tưởng. Họ thấp lè tè, cũng sinh con đẻ cái, ham bạc ham tiền, cầu nhàu xốc xếch khi nghèo túng, vênh vang kênh kiệu lúc giàu sang. Ôi thôi, chuyện đàn bà không nói sao cho hết!

Huệ yên lặng ngồi nghe, Nhạc đã nói xong mà Huệ vẫn không nói gì. Vương lúng túng một lúc, rồi hỏi:

- Chú đã hai mươi lăm tuổi rồi, chú nhớ không?

Huệ đáp nhỏ:

- Vâng, em nhớ!

Tây Sơn vương sốt ruột vì câu chuyện nhì nhằng chưa đi đến đâu, nên lấy hơi nói một mạch:

- Chú không còn nhỏ nữa. Điều đó chú biết rồi. Chú cũng biết là sau trận cầm quân tiêu diệt cả Tân Chính vương lẫn Duệ Tôn, chú trở thành viên tướng lẫy lừng cả trong Nam lẫn ngoài Bắc. Địa vị của chú, uy tín của chú ra sao, chú đã rõ rồi. Ngay sau khi dựng xong thành Chà Bàn anh sẽ xưng đế. Ta đã có đầy đủ (có thể nói là quá đầy đủ) điều kiện để xưng đế rồi đấy. Ta có một dải đất suốt từ đèo Hải Vân vào đến Gia Định, ta có một đạo quân thiện chiến nhiều công trận, ta đã diệt được quan quân nhà Nguyễn, ta đã xây dựng xong kinh thành trên nền cố đô Vijaya xưa. Đó là sự nghiệp chung của anh em, bè bạn và những người chân đất lâu nay cộng tác với ta. Phần chú, chú cũng phải nghĩ đến việc lập gia đình. Không, chú đừng nghĩ anh đùa cợt. Anh đang bàn chuyện liên quan đến việc lớn. Chuyện gia đình của chú là việc nước, không phải chỉ là việc nhà. Chú phải chọn một người vợ vừa nết na, vừa thuộc vào một gia đình có nhiều người tài ba đang giúp đỡ anh em ta. Nghĩa là sau khi chú lấy vợ, vương triều của ta vững vàng thêm, sức mạnh của ta gia tăng lên. Chú hãy chịu khó suy xét, lựa chọn kỹ càng, rồi báo cho anh biết. Chú nhớ những điều anh dặn rồi chứ?

Huệ băn khoăn trong lòng, muốn được một mình suy nghĩ những gì Nhạc vừa nói, nên đáp:

- Dạ nhớ.

Tây Sơn vương cười vui mừng, đứng dậy vỗ vai em bảo:

- Thôi, chú về nghỉ đi. Nhớ đừng thức khuya.

Khi Huệ đã ra đến cửa, vương vờ như vô tình, gọi giật lại nói:

- À quên, ông Tuyên hôm qua có mời anh em ta sang dự bữa kỵ thân sinh ông ấy đấy. Anh đã nhận lời rồi. Chú gắng thu xếp để trưa mai qua đây cùng đi với anh. Nhớ nhé.

*

* *

Cái tin vị tướng trẻ tuổi danh tiếng lừng lẫy sắp lấy vợ, không biết từ đâu phát ra, mau chóng trở thành đề tài bàn tán sôi nổi khắp nơi. Càng gần Tết, khí hậu trở nên ôn hòa hơn. Những trận mưa dầm đã dứt hẳn. Mặc dầu bầu trời vẫn bàng bạc màu chì, nhưng gió đã bớt lạnh. Thịnh thoảng vào giữa trưa có nắng chiếu, nhờ thế dân phu ở công trường đem quần áo ẩm ướt lâu ngày ra phơi trên những bụi dứa thấp. Mùi nắng thơm tho tỏa ra từ những bộ quần áo bạc màu và dày cứng như mo cau (vì tắm bùn liên tiếp cả tháng) chẳng khác nào hương vị ngọt ngào của mùa xuân. Được ăn no, được ngủ ấm, dân phu bớt nhọc mệt hơn trước. Khu thành mới sắp xong, họ được phát cả trà để nấu nước sị sụp uống với nhau mỗi tối. Tin Nguyễn Huệ lập gia đình đến đúng lúc, để câu chuyện bàn tán bên ánh lửa ấm và bát nước chè đầy bọt có thêm một hương vị mới. Nếu Nguyễn Huệ là một ông hoàng sống trong nhung lụa ngay từ thuở lọt lòng lấy vợ thì câu chuyện dân phu trao đổi với nhau chẳng có gì hào hứng. Nhưng Huệ cũng trẻ tuổi như đa số dân phu, cũng xuất thân áo vải chân đất như họ, cũng dùng chính sức mạnh của cánh tay rắn chắc và ý chí thẳng tiến mạnh mẽ để lập danh chứ không dựa vào dòng dõi hay sách vở thi cử, tóm lại dân phu thấy Huệ gần gũi với họ, và sự thành công của viên tướng trẻ mở cho họ một trời hy vọng. Cuộc bàn tán sôi nổi là do đó.

Buổi tối tháng Chạp năm ấy trong cái lán thấp ở góc đông nam thành, một toán bảy, tám dân phu cũng đang bàn cãi hào hứng về tin đồn như ở các chỗ khác. Một người trẻ tuổi mắt long lanh trước ánh lửa bếp, đập vai một người đứng tuổi đang ngậm điếu thuốc quăn sâu kèn bằng lá chuối và hỏi:

- Này bác, có phải ông ta lấy công chúa không?

Trong trí tưởng tượng của anh bạn trẻ, hình ảnh Nguyễn Huệ không khác bao nhiêu với Thạch Sanh trong chuyện cổ tích. Bác dân phu lớn tuổi không chịu lấy điếu thuốc ra khỏi môi, đáp:

- Dĩ nhiên rồi. Em vua Tây Sơn phải lấy công chúa mới thật là môn đăng hộ đối. Nhưng chú mày có nghe ông ta lấy công chúa nước nào không?

Một người thứ ba ra vẻ thông thạo nói:

- Khéo hỏi vớ vẩn. Không phải công chúa Đàng Ngoài thì còn công chúa nào nữa! Chẳng lẽ công chúa Đàng Trong! Ông ta chém một lượt những hai ông vua cựu triều, dòng dõi họ Nguyễn chạy tán loạn hoặc chết rấp đâu đó cả rồi, còn công chúa nào đâu.

Nhiều người chặc lưỡi. Một người trong bọn nói:

- Ghê nhỉ! Ra tận Đàng Ngoài để lấy vợ. Xa phải biết!

- Nói như cậu ấy! Xa! Đi ngựa đi xe, vèo một cái là tới! Đâu phải cái cảnh cô dâu cắp rổ lẻo đẻo đi bộ theo sau chú rể như dân thường chúng ta!

- Đi ngựa? Rước dâu từ Đàng Ngoài vào đây mà đi ngựa? Phải đi thuyền rồng! Hiếu chưa? Mặc sức dân chợ Giã vui! Họ được xem mặt công chúa Đàng Ngoài trước tụi mình.

- Xem mặt? Ai cho mày xem mặt! Ông hoàng bà chúa đi đâu cũng tiền hô hậu ủng, mày phải phủ phục bên đường chờ cho kiệu vàng đi thật xa mới được ngửng mặt lên. Xem mặt đất thì có!

- Này, sao các bác cứ bắt bẻ nhau hoài vậy? Các bác chẳng biết ất giáp gì ráo! Ai bảo quan Phụ chính sắp lấy công chúa Đàng Ngoài? Lầm, lầm, lầm hết!

- Lầm? Ông làm như mình là quan Phụ chính không bằng! Thế ông bảo quan Phụ chính sắp lấy ai nào? Chẳng lẽ lấy con gái ông!

- Tôi nói thật mà các bác các cậu cứ nghĩ tôi nói khoác. Đã thế tôi không thèm nói nữa!

- Gớm! Ông làm như chỉ một mình ông là thông kim bác cổ, hiểu hết chuyện thiên hạ. Nhưng, những chỗ anh em ông cứ nói thật đi. Có phải ông biết đích xác vợ quan Phụ chính là ai chứ?

- Thôi thôi. Tôi nói khoác đấy!

- Sao dễ nóng thế. Mà chắc gì ông đã biết!

- Có ông không biết đấy thôi! Này, tôi nói cho mà nghe: quan Phụ chính sắp lấy em gái quan Hình bộ.

- Sao có tin đồn là em gái quan Thái úy Bùi Đắc Tuyên.

- Lẩn thần! Em gái quan Hình bộ Bùi Văn Nhật và em gái quan Thái úy Bùi Đắc Tuyên cũng là một. Hai ông ấy là anh em ruột với nhau mà!

- Ghê nhỉ. Cả nhà đều làm lớn. Bây giờ em gái lại lấy được em vua Tây Sơn. Sao có phước thế!

Một thanh niên bạo gan cười hi hi có vẻ thích thú rồi nói:

- Cô ấy mà giống y như ông quan Hình bộ thì phiền lắm nhỉ!

Có nhiều tiếng hỏi:

- Tại sao thế?

- Có một lần giải tù, tôi có dịp được đứng gần quan Hình bộ. Thật gần, chỉ cách vài bước mà thôi. Tôi thấy mũi ông ta lớn, đôi môi dày, môi dưới trề ra. Mặt bạnh, lông mày rậm. Tướng đàn ông như thế cũng tốt vì oai vệ, dễ làm kẻ khác khiếp phục. Nhưng nếu đàn bà con gái mà giống thế thì...

- Lại thêm một anh nói khoác! Đứng gần quan Hình bộ người có thể đóng gông mày bất cứ lúc nào mà mày dám nhìn thẳng vào mặt quan là một điều nói khoác. Giả sử mày nhìn được vào mặt quan nhưng vì sợ hãi mày hoa mắt, làm sao thấy rõ nào mày rậm, mũi lớn, môi trề, hàm bạnh, là hai điều nói khoác.

- Có trời làm chứng! Tôi mà nói khoác thì trời tru đất diệt tôi đi.

- Thôi các ông ơi! Cải nhau vừa vừa chứ. Các ông làm như chính mình lấy vợ ấy! Đẹp hay xấu là may rủi riêng của quan Phụ chính, can hệ gì đến các ông. Vả lại vợ quan Phụ chính là công chúa tận ngoài Bắc hà kia mà. Quan Hình bộ xấu đẹp thì có liên hệ gì đến công chúa Bắc hà đâu!

Cứ thế họ cãi nhau cho đến quá khuya.

*

* *

Thọ Hương cũng mang đến cho An những tin sốt dẻo, và dĩ nhiên là chính xác hơn các tin đồn ở các công trường xây thành. Vừa bước xuống vồng điều, Thọ Hương đã chạy vội vào nhà ông giáo tìm bạn, trước đôi mắt kinh ngạc của hai người hầu khiêng vồng. Thọ Hương tìm thấy An ở dưới bếp, không chút khách sáo, Quận chúa ngồi chồm hổm xuống cạnh bạn hỏi liền:

- Chị hay tin gì chưa?

An vui lây cái vui của bạn, hỏi lại:

- Cha em sắp xưng đế nhân dịp khánh thành khu thành mới chứ gì?

- Không. Tin khác kia.

Thọ Hương liếc về phía hai đứa ở gái, do dự, nhưng sau cùng Quận chúa vẫn cứ bạo dạn nói:

- Chú Tám sắp lấy vợ rồi đấy!

An giật mình trở mắt nhìn Thọ Hương. Quận chúa hỏi:

- Chị không tin ư?

An thẳng thốt hỏi:

- Lấy ai thế?

- Chị đoán xem!

- Chị chịu! Biết chú Tám của Hương thường đi lại giao thiệp với gia đình nào mà đoán!

Thọ Hương định kéo dài thì giờ cho bạn sốt ruột, nhưng chính Quận chúa sốt ruột trước. Không thể chờ được, Thọ Hương nói:

- Lấy cô bé học trò của chị đấy!

An ngơ ngác hỏi:

- Học trò chị? Chị có dạy ai đâu? Hay em lầm học trò của cha chị. Mà cha chị có bao giờ dạy cho con gái!

- Không, em nói: học trò của chị.

- Chị không hiểu gì cả!

Thọ Hương cười thích thú vì vẻ mặt ngơ ngác hoảng hốt của An, xòe hai bàn tay ra trước mặt giả bộ đang ê a đọc sách, Quận chúa đọc:

"Đường lệ chi hoa, thiên kỳ phản nhi. Khởi bất nhĩ tư, thất thị viễn nhi. Tử viết: Vị chi tư dã. Phủ hà viễn chi hữu?"

An giật mình xót xa, vội hỏi Hương:

- Em gái ông Nhật à?

- Thì em đã bảo học trò cũ của chị. Chị không từng bắt tội em học mấy câu Luận ngữ trên kia à? Khó đến thế là cùng!

An vẫn chưa tin, hỏi lại:

- Nhưng cô ta bé...

Quận chúa cắt lời An:

- Bé bỏng! Chị lo chồng con quá, quên hết ngày tháng. Chị cứ tưởng như thời trước. Cô ta đã mười

tám rồi. Cao hơn cả em nữa. Và đẹp hơn ngày còn đến học với chị.

An thất vọng thú nhận:

- Hồi đó cô bé đã dễ thương rồi. Chỉ có cái tật ít nói, và hay dối.

- Bây giờ cũng vậy. Hôm ky, bác gái mẹ anh Nhật giục cô ta lên chào khách, cô ta ngồi lì một chỗ không chịu đi. Bác gái giận quá la mắng, cô ta rơm rớm nước mắt, rồi òa khóc. Mà khách khứa có ai xa lạ đâu. Chỉ có cha em và chú Bảy Lữ.

- Không có chú Tám à?

- Không. Chú Tám hứa sẽ đi, đến lúc chót không biết bận việc gì, báo hại cha em chờ mãi.

An nôn nóng hỏi:

- Nhưng công chuyện đã đi đến đâu rồi?

- Chuyện gì ạ?

- Chuyện cưới xin.

- Tất nhiên gia đình ông Nhật bằng lòng. Chị tính, ở vào địa vị họ...

An cướp lời bạn, hỏi:

- Còn ý chú Tám của Hương thế nào? Chẳng lẽ chú không bằng lòng đến, mà...

An không dám nói hết câu, như sợ phải mất một niềm hy vọng mong manh. Thọ Hương nói:

- Cha em bảo việc hôn nhân của chú không chỉ là việc riêng, mà can hệ đến vận nước. Em chẳng hiểu gì cả, nhưng hình như chú Tám hiểu ý cha em. Mẹ em đã hỏi tuổi của cô ta, nghe nói hợp với tuổi chú Tám lắm. Còn nhớ mới ngày nào... mau quá chị An nhỉ!

An băn khoăn hỏi:

- Sao mấy hôm nay chị không nghe Lãng nó nói gì cả? Tại sao nó giấu chị? Tại sao?

Thọ Hương cười rồi bảo:

- Có lẽ chính anh Lãng cũng không biết, vì chú Tám giấu không nói gì với ai cả. Bên phía nhà ông Nhật cũng giấu, vì sợ nếu việc không thành thì... Họ thấy chú Tám không đến ăn ky, băn khoăn chưa biết ý chú thế nào.

Rồi với một vẻ bẽn lễn, Thọ Hương rụt rè hỏi:

- Mấy bữa nay anh Lãng không về hả chị?

An lơ đãng đáp:

- Nó có về thăm hôm kia. Thọ Hương này, em có nghe nói chừng nào đám cưới không?

- Không chị ạ. Chắc phải chờ đến sau lễ khánh thành thành Chà Bàn. Mấy hôm nay nghe nói công việc trong trại quân đa đoan hết sức. Phải tập lại từng bước để duyệt binh. Anh Lãng bận, không về là phải. Nhọc phải biết! Nghiệp lính thương quá chị An hỉ! Chị thấy không, em nói tiếng "hỉ" có giống chị thời trước không? Lâu lâu em còn nghe anh Lãng nói lộn vài tiếng trọ trẹ, lạ tai và ngộ nghĩnh lắm!

*

* *

Đầu năm Mậu Tuất (1787), đúng như kế hoạch định trước, Nguyễn Nhạc tự xưng hoàng đế, lấy hiệu

là Thái Đức. Để tưởng thưởng công lao của hai em, vua Thái Đức phong Nguyễn Lữ làm Tiết chế, Nguyễn Huệ làm Long Nhương tướng quân. Lễ xưng đế tổ chức một lượt với lễ khánh thành khu thành mới, xây đắp trên nền thành cũ của vương quốc Vijaya xưa, được nhà vua đặt tên là Hoàng đế thành.

Qui Nhơn rộn rã bước vào vận hội mới!

Và cũng như mấy tháng trước từng lạc loài trong không khí từng bừng chiến thắng của mọi người, lần này, An gặp nhiều rủi ro!...

Ngay sau tết Mậu Tuất, An sinh một đứa con gái thiếu tháng. Cái thai nằm ngược nên khi bà mẹ đỡ được đứa bé sơ sinh ra khỏi lòng mẹ, An đã ngất đi. Trong lúc hốt hoảng sợ không cứu được cả mẹ lẫn con, bà mẹ giàu kinh nghiệm sơ ý để sót nhau...

Cái nhau sót hành hạ An cả tuần. Người chị nóng ran, tâm trí hôn mê, hai bàn tay hết chơi với trên không lại cào rách cả mặt chiếu. Chị mất hết ý thức về những gì đang diễn ra quanh chị. Lợi tuyệt vọng, suốt ngày ủ rũ ngồi bên giường vợ. Từ một người lanh lẹ, liến thoắng, anh trở nên trầm lặng, cử chỉ chậm chạp, ăn nói ngây ngô như một người mất hồn. Người ta bỗng đưa bé gái đến cho anh xem mặt. Anh nhìn nó như nhìn một sinh vật xa lạ không liên quan gì đến anh. Ý tưởng sẽ phải mất An giống như ý tưởng một ngày nào đó chính mình phải chết, lâu nay chưa bao giờ Lợi nghĩ tới. Điều đó trái với tự nhiên, không ở trong thói quen suy nghĩ dễ dãi thường ngày. Vì vậy khi nó đến, Lợi lạnh người vì kinh hãi, sửng sờ. Anh chưa từng dọn mình để suy nghĩ đến sự mất mát. Anh chỉ dọn mình để tiến tới, để được nhiều hơn, lên cao hơn, bước xa hơn. Tuy nhiên, do bản chất thực tiễn và vô tư, Lợi không bị xúc động sâu xa đến nỗi qui nạp những thua thiệt, mất mát lên thành quy luật sinh tử, may rủi, họa phúc, số phận. Lợi chỉ dừng lại ở mức độ ngây dại của cảm giác, trì trệ của sinh hoạt. Thế thôi. Những người quen biết với hai vợ chồng Lợi, đến thăm, chỉ thấy Lợi ngồi thừ bên giường vợ, lâu lâu múc một thìa nước cam rót vào giữa đôi môi khô của An như một người máy, chứ không nghe anh than van, kêu khóc, rên rỉ điều gì. Không dám chê anh vô tình (vì thực sự Lợi không vô tình), họ hơi thất vọng vì sự đau khổ của Lợi trầm lặng và đơn giản quá!

Sau mấy ngày hành hạ sản phụ, tự nhiên như một phép lạ, phần nhau sót ra được bên ngoài. An bớt sốt, dần dần hiểu được những gì mình đang trải qua. Chị biết đôi. Lợi đút cho vợ vài muỗng cháo nấu thật loãng. Chị nhận được nét mặt chồng và khi nhớ duyên do tình trạng đau yếu, An thều thào đòi cho được xem mặt con.

An ứa nước mắt cảm động, sung sướng khi trông thấy đứa bé gái xinh đẹp tóc đen nằm ngủ say trên tay chị vú. An bảo chị đưa con đến thật gần để nhìn cho rõ mặt, và gắng gượng cầm bàn tay xinh xắn bé nhỏ của con đưa lên miệng hôn.

Không có gì đo hết được nỗi vui mừng của Lợi. Đột nhiên anh trở nên linh hoạt trở lại, như vừa trải qua một giấc ngủ ngon lành. Lợi nói luôn miệng, cười cợt, khôi hài, bông đùa với mọi người. An bắt chồng kể lại tỉ mỉ những gì đã xảy ra suốt thời gian chị hôn mê. Lợi kể, dĩ nhiên có thêm rất nhiều mắm muối. An hỏi hết chuyện trong nhà ngoài ngõ, cuối cùng Lợi phải thuật lại cả cuộc lễ xưng đế hiệu của Tây Sơn vương. Khi nghe chồng bảo Nguyễn Lữ được phong làm Tiết chế, và Nguyễn Huệ làm Long Nhương tướng quân, sản phụ nằm im hồi lâu, rồi hỏi chồng:

- Mình định đặt tên con là gì thế?

Lợi âu yếm nhìn vợ, dịu dàng nói:

- Lần này con gái, để cho em đặt tên. Tùy ý em chọn đi!

An mím môi suy nghĩ, liếc nhìn đứa con sơ sinh rồi nói:

- Em muốn đặt tên Thái.

Lợi chộp lấy dịp nịnh vợ:

- Thái hả? Được lắm. Đứa đầu tên Phát. Đứa này tên Thái. Cả hai tên đều chỉ sự thịnh vượng sung túc cả. Vậy, chúng mình đặt tên Thái cho con bé này.

Chương 46

Cuộc sinh nở thập tử nhất sinh của An là một dịp đo lường được tình trạng tâm thần của ông giáo.

Những người con của ông lúc bình thường vẫn thì thảo bàn tán, ái ngại cho tâm tính đặc biệt của cha. Họ đồng ý với nhau rằng cha mình bị xúc động mạnh vì cái chết của Chinh và hai chúa, kể từ ấy, ông bị một nỗi ám ảnh ghê gớm nào đó, nỗi ám ảnh tàn khốc và hung dữ đến nỗi ông phải nơm nớp đề phòng, sợ sệt, tự cô lập trong gian phòng tối, chèn kín các cửa ra vào, giật mình khi có ai lên tiếng gọi hay có một bước chân, một tiếng động lạ.

Các con ông giáo hy vọng cùng với thời gian, mọi sự sẽ phai nhòa, sẽ nguôi đi. Họ yên tâm chờ. Vì ít được gặp cha, họ cứ nghĩ sức khỏe của cha không có gì đáng ngại.

Phải chờ đến lúc An sinh khó, mấy anh em cùng về thăm sản phụ, họ mới lo sợ thực sự cho cha.

Ông giáo đã mất khả năng ý thức về những gì đang xảy ra quanh mình. Dĩ nhiên do tự cô lập, ông không hề biết cảnh rộn rã của Qui Nhơn trước vận hội mới, không hề biết Nguyễn Nhạc đã xưng đế và long trọng khánh thành Hoàng đế thành. Những điều ấy không có nghĩa gì đối với ông, một kẻ bên lề. Nhưng có những điều liên quan mật thiết đến đời sống ông, như cơn hiểm nguy An vừa thoát khỏi, đứa cháu ngoại thứ hai, việc ăn uống thất thường do cảnh nhà xáo trộn... ông giáo cũng không hiểu nổi. Ông lắng tai nghe mà không biết bất cứ điều gì. Ông mở mắt nhìn, mà không thấy. Thân thể ông, giác quan của ông như một chỗ gió lộng, không lưu lại một chút ấn tượng nhỏ. May mắn là do một thứ bản năng sinh tồn huyền nhiệm, ông còn biết đói, biết khát, biết cảm thức ăn đưa lên miệng, biết bài tiết, phóng uế.

Trong thời gian An chờ bình phục, mọi việc trong nhà đều đổ lên đầu Lợi. Tiền thuốc thang cho cả vợ lẫn ông nhạc lên cao, nhưng khó nhọc hơn nữa là sự chăm sóc ân cần, tỉ mỉ, tế nhị đối với hai người bệnh. Dù có ác cảm đối với anh rể, Lãng cũng phải công nhận ở vào hoàn cảnh này, không ai chịu khó cho bằng Lợi. Anh có thể tỉ mỉ ngồi tính tiền chợ với đứa ở gái, theo dõi giờ giấc để nhắc chị vú cho bé Thái đi ngủ hoặc bú mớm, đích thân bưng mâm cơm se sẽ vào phòng ông giáo, kiên nhẫn ngồi chờ cho ông ăn xong, lặng lẽ rót nước lấy tăm cho ông, cầm cái khăn thấm nước lau qua mặt mũi ông, rồi đem các mâm bát dơ xuống bếp cho đứa ở rửa.

Công việc săn sóc cho ông giáo được Lợi thực hiện một cách trân trọng có tính toán, nhất là khi có mặt Kiên hoặc Lãng tại nhà. Điều đó khiến Kiên lăm lè, còn Lãng thì bực dọc. Mỗi lần Lợi đưa một món thuốc bổ đắt tiền ra khoe:

- Chú Lãng thấy không, chai thuốc này nấu bằng sâm và cao lộc đấy nhé. Vì thế giá mới cao như vậy. Lão chủ tiệm thuốc bắc nhất định không bán, bảo để dành dưỡng già. Anh năn nỉ hết lời, anh bảo cha bị suy nhược trầm trọng uống thuốc bổ loại nào cũng không ăn thua gì, anh bảo thầy bán chai thuốc này chẳng khác nào cứu được một mạng người. Nói mãi nói hoài cuối cùng lão mới thuận. Anh mừng quá, chừng ấy tiền có quá cao, nhưng sức khỏe của cha phải lo trước hết.

Lãng lại cau mày khó chịu. Giá Lãng có tiền, anh đã vứt ngay mấy quan ra trước mặt anh rể để Lợi khỏi kể công lao đông dài. Nhưng Lãng không có tiền. Anh cũng biết tất cả gánh nặng gia đình đều do Lợi cáng đáng, và nguồn gốc số tiền Lợi kiếm được do đâu mà ra. Những hiểu biết ấy, không dễ gì thốt thành lời. Do đó, dù khó chịu đến mức nào, Lãng cũng phải bậm môi nén tất cả những điều bất mãn vào trong lòng.

*
* *

Lãng cũng có một nỗi thẹn thùng, xấu hổ khác, khiến anh không dám hở môi chê trách thái độ khoa trương lộ liễu của Lợi: Lãng siêng năng về nhà thăm cha, một phần cũng do hy vọng được gặp Thọ Hương ở đó. Lãng tự thấy lòng mình có nhiều biến đổi. Định rõ biến đổi từ lúc nào, anh chịu, không làm được!

Trước hết là sự biến đổi trong quan hệ giữa anh và chị An. Khi An chưa lập gia đình (và ngay cả sau khi An đã lấy Lợi), mỗi lần gặp nhau, hai chị em nhìn nhau, chưa nói gì nhiều nhưng đã đoán trước được những gì họ cùng muốn nói và muốn nghe. Chỉ cần nhìn ánh mắt long lanh vì nôn nao chờ đợi của An, Lãng đủ biết chị muốn có ngay cơ hội thuận tiện nhất, riêng hai chị em với nhau, để Lãng thuật lại những gì liên quan đến Huệ. Thông thường An không dám hỏi thẳng, hoặc hỏi nhiều. An chỉ gợi ý quanh co, làm như không muốn nghe, hay những gì em nói không liên quan mật thiết đến đời chị. Lãng có lòng tốt muốn nói, thì nghe cho vui vậy thôi. Nhưng An làm sao đánh lừa được Lãng. Lãng hiểu rõ lòng chị, nên hăng hái kể hết những việc Huệ làm, những suy nghĩ của Huệ về đủ thứ vấn đề cao thấp, từ những điều trọng đại như lịch sử cho đến cái nhỏ nhất như ý thích một màu áo. Hình như Lãng say mê tình yêu giữa Huệ và An, như những người mới lớn say mê những điều trừu tượng, những tiêu chuẩn lý tưởng. Cuộc hôn nhân của An như một gáo nước lạnh xối vào mặt mũi Lãng. Anh bứt rứt, tức giận, đau khổ nữa. Anh không thể tưởng tượng được một điều như vậy có thể xảy ra trên đời. Anh tìm cách biện hộ cho chị để cố gắng giữ gìn nguyên vẹn những tiêu chuẩn lý tưởng. Nhờ thế sau khi An lấy chồng, Lãng vẫn còn hứng thú say mê kể cho chị nghe đủ điều về đời sống của Huệ. Cho đến một lúc, không biết là từ lúc nào, Lãng giật mình nhận thấy mình không còn muốn kể cho chị nghe chuyện Huệ nữa. Tình yêu của họ đã mất dần hào quang trong óc anh. Lãng bắt đầu thấy chị tầm thường: sinh con đẻ cái, tâm trí bận rộn với chuyện tiền nong, bếp núc, những thỏa mãn với một thứ đời sống sung túc do cái tài xoay xở của chồng, vẻ khoe khoang khi sắm được vài món đồ đắt tiền... Càng ngày anh càng thấy An giống tính chồng. Anh không nhận ra người chị ngày trước nữa, nên không hứng thú chút nào khi An bẽn lẽn hỏi xa hỏi gần chuyện Huệ.

Những cuộc tâm sự giữa hai chị em bớt dần. Thay vào ước vọng lãng mạn gửi gắm trong tình yêu giữa An và Huệ, Lãng tìm được một thứ tình yêu lãng mạn khác cho chính mình.

Anh vẫn tìm cách được nói chuyện riêng với chị, không phải để kể chuyện Huệ, mà để hỏi chuyện Thọ Hương.

Lãng xúc động trước hình ảnh người con gái sớm thành nạn nhân của các trò chơi lịch sử, người con gái có nước da bánh mật ứa căng lấy môi dưới khi bối rối, vừa vào tuổi mơ mộng đã bị số phận đưa đẩy làm một người vợ bị hờ hững, rồi làm một góa phụ bất đắc dĩ. Nếu Thọ Hương thực sự được Đông cung

thương yêu thì cảnh góa bụa còn có một ý nghĩa nào đó. Hoặc nếu Đông cung chết vì một lý do khác, vì bàn tay kẻ khác. Ở đây, mọi sự rối rắm phi lý đổ lên đầu người con gái chưa đủ hai mươi. Cách ăn mặc đơn sơ, tấm khăn quàng màu nâu, đôi mắt buồn hiu, cử chỉ từ tốn của Quận chúa hôm Lăng gặp tại nhà mình đã khiến Lăng muốn ngộp thở vì xúc động. Trước mắt anh là hiện thân của sự đau khổ tột cùng, là nạn nhân của một thứ số phận cay nghiệt. Nếu có thể làm ngay được bất cứ việc gì, kể cả nhảy vào lửa để cho người con gái đau khổ kia bỏ chiếc khăn quàng đầu màu nâu xuống, ngừng mặt tươi cười nhìn thẳng vào đời sống, đùa giỡn chạy nhảy tự nhiên như mọi thiếu nữ yêu đời khác, thì Lăng đã không chút do dự. Anh cảm thấy có bốn phận cao thượng và thiêng liêng là đem lại nụ cười cho góa phụ trẻ tuổi bất hạnh đó. Đời anh, nếu chỉ hoàn tất mỗi một trách vụ này thôi, cũng đủ có ý nghĩa rồi.

Từ đó, Lăng tìm mọi cơ để về thăm nhà, và may mắn cho anh, phần lớn trường hợp anh đều gặp Thọ Hương. Ban đầu câu chuyện họ trao đổi với nhau quanh quẩn cái chết của Tân Chính vương. Dần dà cả hai đều cảm thấy cần phải thoát khỏi ám ảnh nặng trĩu ấy. Họ bắt đầu nói chuyện An, cùng ái ngại và thương hại cho người bạn, người chị đang lún sâu vào các bận bịu con cái, bếp núc, bệnh tật, tiền bạc. Giọng nói của họ có pha lẫn đôi chút giấu cợt. Từ đó họ có những điều chỉ có thể nói với nhau khi vắng mặt An, nghĩa là đã có những điểm chung, cho riêng hai người. An hết thành cái cơ cho họ gặp nhau nữa. Họ tự tìm những cơ riêng, chẳng hạn Lăng lấy cơ phải về luôn để thăm nom sức khỏe của cha!

*

* *

Thọ Hương tìm cơ khó hơn Lăng nhiều. Từ khi cha xưng vương, rồi sau đó xưng đế, Thọ Hương phải chịu những ràng buộc của các nghi thức mới. Cô không được tùy tiện đi đâu thì đi như trước. Tuy mọi người trong gia đình, từ cha mẹ cho tới các chú, các anh chị, bạn bè đều chưa quen với cách ăn nói trang trọng, điệu bộ uy nghi, xưng hô khách sáo, nhưng điều rõ ràng là tất cả mọi người đều nghĩ phải nói, phải hành động, phải xưng hô, phải đi đứng khác trước. Khác thế nào thì chưa rõ, hoặc đã rõ nhưng chưa quen, nhưng bắt buộc phải khác. Cho nên đi đâu Thọ Hương cũng phải dùng võng điếu, và có thị nữ theo hầu. Không được la cà ở những chỗ đông đúc thiếu nghiêm trang như ở chợ, ở phố. Tốt hơn hết là không nên đi ra khỏi thành phủ Qui Nhơn, hoặc chẳng đi đâu cả. Việc Thọ Hương đòi ra khỏi thành đến tận Bằng Châu thăm An khiến mẹ bức bối khó nghĩ. Nhưng, khi nghĩ đến thân phận con, đến cảnh góa bụa lỡ làng từ đây cho đến cuối đời, đến sự lỡ làng giữa thương yêu và thù hận đối với gia đình, người mẹ đành chiều con gái. Thọ Hương được đi lại thường xuyên thăm bạn cũ là nhờ vậy.

*

* *

Thông thường mỗi lần Thọ Hương đến, cô hỏi thăm tình trạng sức khỏe của ông giáo, của An, rồi lấy việc đùa giỡn, chăm sóc cho hai đứa con An làm trò khuây khỏa nỗi nôn nao chờ đợi. Lăng thì sau khi vào thăm cha, hỏi thăm qua loa chị và các cháu, liền ra vườn ngắm hòn giả sơn và lũ cá vàng để quên thời gian. Ít khi câu chuyện giữa An với họ được hào hứng như trước. An cảm thấy mình thừa thãi, chạm tự ái, nên bức dọc, không thêm tham dự vào cuộc nữa.

Mấy hôm nay, tin tức cuộc hôn lễ đã gần đến của Huệ có sức mạnh quy tụ ba người lại. Câu chuyện của họ sôi nổi, và chân thành quá khích. Mỗi người nhìn vấn đề theo một lối riêng, do chủ quan và thành kiến chi phối. Họ đã quá hiểu lòng nhau, nên trong câu chuyện họ không có gì phải dè dặt giữ kẽ. Họ nói hết những điều mình nghĩ. Khi Thọ Hương đến báo tin:

- Đã chọn được ngày tốt rồi, chị An, anh Lãng ạ! Gớm, bên phía gia đình nhà gái đòi phải chọn cho được tháng tốt, ngày tốt, giờ tốt, để "gia đạo" về sau được thuận hòa. Không như em hồi trước...

Thọ Hương chớp chớp mắt, cánh mũi phập phồng, nghẹn không nói hết câu. Lãng nôn nóng hỏi:

- Thế ra công việc ấy vẫn tiến hành à? Sao tôi nghe anh Huệ... tôi nghe Long Nhượng tướng quân bảo chuyện nước còn rối bù, việc nhà hãy chậm chậm lại đã.

Giọng Thọ Hương còn run run:

- Nhưng nay thì mọi sự đã xong. Đã định ngày giờ rồi. Chuyến này mặc sức cho hai ông Nhật, Tuyên (Bùi văn Nhật, Bùi Đắc Tuyên) lên mặt. Sao em ghét cái bản mặt bành bạnh của họ thế.

An e dè chêm vào câu chuyện:

- May mắn là cô em gái không có cái mũi, cặp môi và đôi hàm giống mấy ông anh.

Thọ Hương hấp tấp hỏi bạn:

- Chị có biết tại sao không?

Cả An lẫn Lãng đều hỏi:

- Sao thế?

Thọ Hương hãnh diện vì sự hiểu biết tường tận của mình, chậm rãi đáp:

- Vì cô ta đâu phải hoàn toàn là em gái hai ông bạnh ấy!

An, Lãng ồ lên kinh ngạc. Lãng hỏi:

- Thật à?

- Lại không thật! Cô ta là em cùng mẹ khác cha với hai ông Nhật, Tuyên. Hai ông anh họ Bùi, còn cô ta họ Phạm. Bà mẹ đẹp, có lẽ ông cha của cô ta cũng không đến nỗi nào, nên...

An cắt lời Thọ Hương:

- Hóa ra bà ấy có hai đời chồng. Thế cha cô ta đâu?

Thọ Hương bĩu môi, rồi đáp:

- Em cũng chẳng rõ.

Rồi bằng một giọng mỉa mai cay độc, Thọ Hương thêm:

- Không biết chừng chính bà mẹ của cô ta cũng không rõ.

Lãng thấy câu chuyện đã đi quá xa, vội nói:

- Tôi nghe hình như cha cô ta bị bệnh chết trên đường di cư từ Duy Xuyên vào đây. Lúc đó ông Nhật, ông Tuyên đã trưởng thành, nhờ thế gia đình mới đủ sức lập nghiệp trên đất mới. Lâu nay tôi cứ tưởng cha cô ấy cũng là cha hai ông Nhật, Tuyên.

An thắc mắc hỏi bạn:

- Thế bên gia đình em có biết việc này không?

- Biết chứ! Em còn biết, huống chi cha mẹ em. Nhưng cha em cho rằng điều đó không quan trọng gì.

An vội cãi:

- Sao không quan trọng. Ấy chết, chị đại mồm đại miệng quá. Theo ý riêng của chị, mà ý của chị nhiều khi lẫn lộn, theo ý của chị thì người đàn bà nào cũng chỉ nên có một đời chồng, chồng chết thì ở vậy thủ tiết nuôi con, chứ...

Thọ Hương cúi đầu suy nghĩ. An không để ý thái độ của bạn, hăng hái nói đến quan niệm chính chuyên của đàn bà theo đạo đức nhà nho, nhưng Lãng đã cướp lời chị:

- Không. Mỗi người mỗi hoàn cảnh, khó lòng phê phán lắm. Có điều em... có điều tôi thắc mắc là tại sao anh Huệ chấp nhận dễ dàng như vậy. Anh ấy chưa từng nói chuyện, tìm hiểu để biết tâm tính cô ấy, làm sao có thể thương yêu được. Ai khác thì có thể xem đây là chuyện bình thường. Nhưng anh Huệ, nhưng một vị tướng quân như anh Huệ...

An nói:

- Không lấy cô ấy làm vợ thì lấy ai? Nhìn quanh những gia đình từng vào sinh ra tử với nhau bao lâu nay, còn có ai đâu?

Ba người đều im lặng trước câu hỏi bất ngờ ấy. An cũng không ngờ mình đã buột miệng hỏi vậy. Trong thâm tâm, chị muốn tìm một lập luận nào đó để đỡ dành mình, để mình thấy cuộc hôn nhân này là bất khả kháng, không thể khác được, là tất nhiên, tất yếu, giống y như cuộc hôn nhân bất hạnh của Thọ Hương. Còn mình? Mình có bất hạnh không? An ngùi ngùi, cúi đầu nhìn những vật nhòe lãng đang dưới đất. Một lúc sau, An ngừng lên hỏi bạn:

- Sao lâu nay... chú Tám của Hương không đến đây?

Thọ Hương liếc nhìn Lãng, rồi đáp:

- Em tưởng chị biết rồi chứ?

An nhớ lại lần Huệ bắt gặp mình xốc xếch tàn tạ, đau nhói trong lòng. Chị sợ Hương nói ra sự thực đau lòng nên vội bảo:

- Thôi. Đẳng nào thì chú Hương cũng quá bận. Hơi đâu đến đây!

Hương nói:

- Không phải thế. Sau chuyển vào Gia định, chú ấy ngại gặp thầy. Chị hiểu vì sao rồi.

An mừng thoát nạn, nên vội hỏi tiếp:

- Chú Hương không biết cha chị đã... đã ra thế này ư?

Lãng đáp thay:

- Có. Anh ấy vẫn hỏi thăm cha. Mỗi lần em trả lời, anh ấy lại buồn. Mấy món thuốc bổ kỳ trước em đem về là của anh ấy gửi biểu cha.

An vội hỏi:

- Sao em không nói cho cha biết.

Lãng buồn rầu đáp:

- Em có nói đấy chứ. Nhưng cha có hiểu gì đâu. Có một điều em không hiểu nổi là không bao giờ

anh Huệ nói rõ cho em nghe chuyện đám cưới này cả. Tại sao anh ấy giấu?

Thọ Hương buột miệng nói:

- Có gì đâu mà không hiểu. Chú ấy không muốn cho...

Quận chúa thấy bạn lúng túng đỏ mặt, không tiện nói tiếp.

*

* *

Tuy về cơ bản, Hoàng đế thành đã hoàn tất kịp vào dịp xừng đế của Tây Sơn vương nhưng không phải sau đó, mọi sự đã xong. Nội hầu Phạm Ngạn đã cố gắng hết sức để chu toàn nhiệm vụ đúng thời hạn. Tuy nhiên Tây Sơn vương đã có nhiều quyết định thay đổi quy mô của thành suốt thời gian xây dựng.

Nền thành Chà Bàn cũ bị phế bỏ từ ba trăm năm trước hình vuông, chu vi hơn mười dặm trở bốn cửa. Ngay từ thời mới xưng vương, Nhạc đã thấy nếu theo dấu cũ xây thành mới thì quá hẹp, do đó vương đã cho mở rộng thêm mặt đông, tăng chu vi từ mười dặm lên mười lăm dặm. Việc đắp thành ở vùng đất trũng phía đông đòi hỏi quá nhiều công sức, ảnh hưởng đến tiến độ chung. Lấy đá ong đủ để bó cả hai mặt, mặt ngoài dày thẳng đứng, mặt trong xếp thành bậc thoải từ dưới lên cho một chu vi mười lăm dặm thành không phải là chuyện đơn giản. Suốt hai năm trường, Phạm Ngạn dồn hết tâm trí để đốc thúc hàng vạn dân phu, vượt ve có, đe dọa có, ban thưởng hậu hĩnh đi đôi với trừng phạt tàn nhẫn, rượu thịt ê hề đi đôi với roi vọt bầm dập những tấm lưng bần, cuối cùng ông ấy thở phào đón nhận lời ban khen của Thái Đức hoàng đế. Nhưng, mở rộng thành ra mặt đông đòi hỏi phải biến đổi một số điểm cho cấu trúc chung khỏi mất cân đối. Từ hình vuông, thành biến ra hình chữ nhật. Hai cửa đông và tây vẫn giữ y như hướng trở cửa của thành Chà Bàn. Nhưng hai mặt bắc và nam phải dựng cửa khác mới cân đối. Cửa bắc ở mặt sau có thể giữ nguyên để khỏi tốn công đắp nền. Còn mặt trước ở phía nam thì nhất định phải trở thêm một cửa nữa. Đó là cửa Tân Khai. Lại thêm bao nhiêu công sức phải đổ ra, bao nhiêu đá ong phải xăn đêm ngày! Kết quả là dù Hoàng đế thành đã kịp hoàn tất đúng hẹn, bên trong hoàng thành và tử cấm thành, các đài điện dinh thự chưa thực sự tiện nghi. Đó là chưa kể đến một công việc công phu, phức tạp hơn, là trang hoàng, bày biện thế nào cho đúng quy cách đòi hỏi của một triều đình.

Công việc tỉ mỉ phức tạp ấy, Lợi đứng ra nhận trách nhiệm! Anh thừa biết đây là một công việc bạc bẽo, tốn rất nhiều tâm lực mà sự bù đắp chẳng được bao nhiêu.

So với công việc đứng ra phụ trách chế biến quân lương hoặc gần đây hơn việc cấp phát lương thực cho dân phu đắp thành, trách nhiệm hiện tại của Lợi có nhiều bất tiện. Các nghệ nhân khắc gỗ và vẽ hình hoa văn thường đứng tuổi và khó tính. Chi phí cho công tác không bao nhiêu. Nhưng thừa biết chỉ ở đó, nhờ công việc đó, anh mới có nhiều dịp chuyện trò gần gũi với tất cả các nhân vật quan trọng. Thực ra những nhân vật lịch sử này không xa lạ gì với Lợi. Anh quen họ từ thời buôn nguồn. Một số không nhỏ đã từng xem việc được làm quen với anh người nắm chìa khóa kho lương là một hân hạnh may mắn. Tuy nhiên anh hiểu qua bao năm, ngôi bậc đã thay đổi quá nhiều. Khoảng cách giữa anh và những người từng kề cận với anh, ôm vai bá cổ anh, bẻ củ khoai chia đôi cho anh, càng ngày càng rộng. Anh phải xưng hô khác, đối xử khác. Được nói chuyện với họ trở thành sự may mắn hiếm có, cho nên anh tính toán thật kỹ mới chịu

nhận trách nhiệm bạc bẽo này.

Lợi phải đi sớm, về muộn. Phải nhũn nhặn, lễ phép với tất cả mọi người, kể cả những người thợ đá. Mỗi tối về, anh đem chuyện ở thành về kể cho vợ nghe như những thành tích vẻ vang. Mới đến cổng anh đã bắt đầu kể... kể... kể mãi với giọng hào hứng khác thường. An nhàm tai với những câu chuyện ấy, nhưng vì nể chồng, khi nào chị cũng kiên nhẫn ngồi nghe cho đến lúc Lợi riu mắt ngáp dài. Lợi kể:

- Em biết không, chiều nay Đức Thầy... à quên... chiều nay Chúa thượng đến xem xét công việc ở Quyển Bồng cung. May cho anh dễ sợ. Anh vừa định về sớm xem thầy thuốc có đến thăm bệnh cho cha hay không, chưa kịp đội nón thì Chúa thượng đến. Không có lính hộ vệ rầm rập đi trước mới ái oăm chứ. Chúa thượng đi tản bộ như một người dân thường, cử chỉ hòa nhã lễ độ, ăn nói êm nhẹ như một ông cha hiền lành. Chúa thượng không ngại mệt nhọc, bụi bặm, đến tận chỗ bọn thợ đá đang làm để hỏi han ân cần. Em mà tận mắt nhìn bọn thợ chắc không nhịn cười nổi. Họ cảm động quá, mặt xanh mét trả lời ú ớ như người học nói. Chúa thượng biết tâm trạng của họ, chẳng những không nổi giận mà còn vỗ vai họ, hỏi han họ đến chuyện cây tằm, chén gạo. May có anh ở đó nên nói vớt vát giùm cho họ vài câu. Chúa thượng cũng vỗ vai anh, nói đúng hơn là ôm vai anh như thế này nà, thân mật hỏi anh y như lúc còn buôn nguồn. Đến cái mụn nhọt sau ót anh bị đau đốn từ thời cùng với Chúa thượng đi ghe muối, Chúa thượng vẫn còn nhớ. Chúa thượng cười hỏi: "Hồi đó tao tưởng mày lười biếng không chịu vác muối xuống ghe, lấy cớ đau nhọt ở cổ. Mày nhớ không?" trên đời tự cổ chí kim có lẽ chưa có ông vua nào bình dân như vậy!

An ậm ừ cho qua chuyện, nhắc chồng:

- Nhưng anh ăn cơm đi chứ. Để nguội cả!

Lợi cười cảm ơn vợ, nói tiếp:

- Cả Hoàng hậu cũng thế. Một hôm... à anh kể cho em nghe chuyện này chưa... chưa phải không, vậy thì em phải nghe mới được. Thế mới biết các đấng vương giả từ tay trắng chân đất làm nên bao giờ cũng thương yêu dân hơn bọn càn vàng lá ngọc. Hôm đó anh đang chăm chú nhìn bác thợ vẽ tô hình con phượng trên cây cột lớn giữa điện, thì nghe có tiếng dép lẹp xẹp phía sau lưng. Anh tưởng mù đầu bếp lại đến hỏi gạo, không thềm quay đầu, anh xẵng giọng hỏi: Cái gì đó? Đằng sau anh có tiếng cười nhỏ, rồi tiếng nhả bã trầu. Anh nghĩ: Mụ này bữa nay quá trớn rồi. Anh đứng dậy, định sừng sộ. Anh thấy một bà già mặc đồ lụa, khăn trầu vắt vai, miệng nhai trầu bồm bồm. Anh ngờ ngợ không nhớ rõ ai, tuy thấy quen. Đến lúc người đàn bà nhai trầu lấy đầu lưỡi đẩy cục thuốc lên bên mép trong hỏi: "Chùng nào dọn qua bên này được, cậu Lợi", anh mới giật mình kinh hãi: té ra Hoàng hậu đây mà!

An lại nhắc:

- Anh chan canh, không lại nguội mất!

Lợi cười hể hả, đáp:

- Được... Để mặc anh. Con ngủ cả rồi phải không. Được phụng sự cho các bậc vua chúa như vậy thật may mắn. Anh hăng hái đến nỗi quên cả mệt. À, Hoàng hậu có hỏi thăm em đấy!

An tò mò hỏi:

- Em à? chuyện gì thế?

- Em đoán thử xem!

- Làm sao đoán được. Anh nói ngay đi!

- Thì em cứ thử đoán xem sao. Có tội vạ gì đâu mà sợ!

An nhất định không hờ môi. Cuối cùng Lợi đành phải nói:

- Hoàng hậu hỏi độ này có con cái, em còn xinh như thời trước không. Hoàng hậu còn hỏi không biết em có bùa mê thuốc lú gì mà Quận chúa say em như vậy. Sướng chưa?

An sung sướng, nhưng cố làm mặt nghiêm dặn chồng:

- Anh phải dè dặt lời ăn tiếng nói. Bây giờ Chúa thượng đã xưng đế, không thể buông tuồng như hồi còn ở Kiên Thành. Em sợ có ngày cả gia đình phải bị vạ miệng của anh.

Lợi bẹo má vợ, nói:

- Em làm như anh là đồ con nít không bằng. Về miệng lưỡi thì thiên hạ thua anh, chứ anh không thua ai. Ngay lão Năm Ngạn được Chúa thượng tin cần như vậy, nhưng em thấy đấy, lão hại anh có được đâu. Lão tưởng tâu lên Chúa thượng vụ lương thực dân phu là nhất định anh hết đất sống. Kết quả ra sao, em biết rồi!

An thực sự lo sợ, run run can chồng:

- Thôi anh. Hay gì việc đâm thọc, xâu xé nhau!

Lợi tức giận nói:

- Mình có gây sự đâu. Tuy nhiên hẳn đặt điều đồ vấy, cây muốn lặng mà gió chẳng dừng thì làm thế nào!

An nhìn thẳng vào mặt chồng, hạ thấp giọng xuống:

- Đặt điều? Giữa anh với em, ta còn... ta có gì phải giấu nhau nữa. Anh lo lắng cho mẹ con em, cho cha em, em cảm ơn lắm. Nhưng...

Lợi không muốn nghe vợ nói tiếp, cắt ngang:

- Thôi anh hiểu rồi. Cho anh cây tắm đi!

*

* *

Nhờ hương vị ngây ngất của tình yêu mà Lãng cảm thấy lòng rộng mở. Anh thương yêu mọi người, thương cả loài chim chóc, sâu bọ, cây cỏ. Anh thấy cuộc đời thật đẹp, thật đáng sống. Do lòng thương tràn trề ấy, một hôm Lãng tìm đến thăm gia đình Kiên.

Lãng quên hết những đổ kỵ, thành kiến cũ. Suy từ trường hợp mình, Lãng dễ hiểu anh hơn. Những bắt bẻ cố chấp dựa trên các nguyên tắc khô cứng hẹp hòi lâu nay gia đình ông giáo đổ lên đầu Kiên, giờ đây Lãng mới thấy khôi hài. Những nhà nho đầu óc mọc rêu đầy dẫy trong xã hội đã hiểu gì được con người? Đã hiểu gì được sự sống? Quyết định của Kiên không nhằm thách đố ai, quấy rầy ai. Kiên không muốn ai động đến mình, không muốn làm đề tài trong các cuộc trà dư tửu hậu. Lãng bắt đầu thấy anh mình can đảm, và khâm phục.

Lãng đến quán rượu gần bến tắm ngựa lúc khách đang đông. Bọn mã phu quần áo còn dầm nước

sông, nhiều người chỉ vận độc cái quần đùi, ngồi gác chân lên ghế nốc từng bát rượu lớn, giọng đã lè nhè. Lãng hơi chùn bước, nhưng đã đến tận đây chẳng lẽ về? Khách rượu nhìn cách ăn mặc tề chỉnh của Lãng như tò mò trước một hiện tượng lạ, xoi mói xem anh là kẻ lộn sòng.

Đứa con gái lớn nhận ra Lãng, nhưng chưa hiểu Lãng muốn gì. Nó bậm môi lại, lo sợ Lãng lại đến gây gổ phá phách như Chinh trước đây. Thấy vẻ mặt lo âu của con bé, Lãng thương nó, dịu dàng đến gần quầy rượu chỗ nó ngồi hỏi một cách dịu dàng:

- Có chú Kiên ở nhà không cháu?

Đứa bé gái yên lặng, nhưng giọng vẫn còn run run khi đáp:

- Dạ thưa có, để cháu đi gọi.

Nhưng con bé vẫn nấn ná chưa chịu đi ngay. Lãng hiểu nó sợ không có ai trông hàng, nên bảo:

- Để chú trông hộ cho.

Một lúc sau, Kiên đi với con bé ra trước quầy, hai tay còn đang cài cúc áo. Thấy Lãng, Kiên ngớ ngác không hiểu, sau đó hốt hoảng hỏi:

- Cha làm sao thế?

Lãng vội đáp:

- Không. Cha vẫn thường. Em đến... em đến thăm anh.

Kiên chưa tin, hỏi lại:

- Thăm tôi à? Các cô các chú mà thềm đến đây thăm tôi à?

Lãng nhìn anh cầu khẩn:

- Em đến thăm anh thật mà!

Rồi lấy hết can đảm, Lãng hạ thấp giọng để chỉ một mình Kiên nghe:

- Bây giờ... bây giờ em mới hiểu anh.

Giọng Kiên vẫn còn chán chường, cáu kỉnh:

- Các cô các chú hiểu hay không hiểu thì cũng thế thôi.

Hai anh em im lặng nhìn nhau, rồi vội quay đi chỗ khác để khỏi nhìn thấy sự bùi ngùi, gượng gạo trên gương mặt nhau. Kiên không nở dày vò em nữa, lấy giọng đùa vui hỏi:

- Chú uống rượu được không?

Lãng vội xua tay từ chối:

- Thôi. Em không uống được rượu.

- Trà nhé?

- Anh cứ để em tự nhiên. Cháu này khôn ngoan lễ phép ghê anh nhỉ!

Kiên liếc về phía đứa bé gái ngồi chỗ quầy, âu yếm nói:

- Mẹ nó đau, việc nhà nó quán xuyến được hết.

Lãng hấp tấp hỏi:

- Chị đau thế nào anh?

- Đã lớn tuổi, nên có mang bị vật vã luôn...

Kiên nói đến đó, bắt đầu húng hắng ho. Lãng hỏi:

- Cả anh cũng không được khỏe?

Kiên cố dằn cơn ho, mặt đỏ gay, khó nhọc bảo em:

- Hễ chiều chiều là vai mỏi rần. Lại hâm hấp sốt.

Lãng lo lắng nói:

- Em sợ...

Kiên cắt lời em:

- Bệnh thời khí đấy mà.

Lại ho. Thấy em ái ngại nhìn mình, Kiên cố cười tươi rồi bảo:

- Chú có muốn đi xem hồ cá của anh không?

Lãng tìm được một đề tài thoải mái, xa hẳn những chuyện đau lòng, nên reo mừng hỏi:

- Anh chơi cá vàng à?

Kiên vội cải chính:

- Không. Anh nuôi cá để phóng sinh.

Thấy em ngờ ngác chưa hiểu, Kiên kéo tay em, bảo:

- Lãng xuống đây khắc rõ. Con trông hàng cho chú nhé. Kìa, bác ngồi ngoài hiên đang gọi thêm rượu.

Thừa có ngay ạ, cháu sẽ mang ra ngay. Thêm xôi nem nữa? Con lấy dao cắt lợn nem, không, lợn lá úa mới vừa đủ chua. Khéo lại đứt cả tay như hôm nọ. Lãng vào đây với anh.

Kiên dẫn Lãng ra sau vườn, nơi có một hồ cá nhỏ xây bằng vôi do chủ nhà cũ để lại. Nước trong hồ thật trong, khoảng vài mươi con cá đang lội tung tăng dưới mặt nước xao động. Lãng kinh ngạc hỏi:

- Không phải cá vàng sao?

Kiên giải thích:

- Không. Anh không nuôi cá cảnh. Cũng không nuôi cá để ăn thịt. Việc này hơi phức tạp, mới nghe có vẻ lẩn thẩn, nhưng anh sẽ cố giải thích cặn kẽ cho chú.

Lãng biết không, sẽ có một lúc nào đó trong đời, tự nhiên Lãng rờn rợn cảm thấy chung quanh ta cái gì cũng có sự sống. Hòn đá cuội có hồn của đá cuội. Một ngọn lá cũng biết đến cảm giác xót xa khi bị ta bứt phá, hoặc cả rừng cây cùng nhau thì ào kể lẽ lúc mặt trời sắp lặn. Loài ta tưởng vô tri thực ra cũng biết hăm hở, ước vọng, ham muốn, đau khổ, mừng vui, giận dữ. Dĩ nhiên đối với loài vật thì dễ nhận ra sự sống rồi. Nhiều đêm ngồi một mình, anh nghe được mọi thứ tiếng nói lạ và anh nghĩ là mình có thể hiểu được loại tiếng nói phức tạp ấy. Mình cảm thấy rộn rã trong lòng, hết cả cô đơn, chán chường. Sẽ đến một lúc quen dần với cảm giác rờn rợn, ta bớt sợ, và bắt đầu thấy thương yêu tất cả muôn loài. Không có cái gì đáng ghét, mọi sự mọi vật hòa điệu để bảo bọc cho ta, thậm chí hy sinh cho ta nữa. Cảm giác hân hoan vì thương yêu bao dung ấy, theo anh nghĩ, ta có thể tự tạo ra được. Ta tìm thấy thương yêu đến ngộp thở, yêu đời đến độ ngây dại bất cứ lúc nào ta muốn. Anh đã thử nhiều lần rồi, lần nào cũng cảm nhận được cảm giác ngây ngất, như vừa uống một ngụm rượu ngon.

Lãng không kiên nhẫn được nữa, vội hỏi:

- Nhưng anh thử những gì? Làm gì với cái hồ cá này?

Kiên nhìn khoảng không mỉm cười một mình. Một lúc sau anh quay lại nhìn Lãng, và nói:

- Trước hết chú phải cắt bỏ mọi ưu phiền, lo toan, tham lam, đồ kỵ, thành kiến, những thứ nhơ bẩn từng dày vò đời ta. Chú bỏ hết, dứt hết, quên luôn cả mình, ngồi đây chăm chú nhìn con cá lội. Chú phải chọn lấy một con thôi, đừng ôm đồm. Chú dồn hết tâm trí cho nó, đắm đắm theo dõi từng cái quẫy đuôi, từng cái đớp bóng của nó. Chú đừng vội chán mà bỏ cuộc. Phải kiên nhẫn. Đầu tiên chú thấy mọi ở mắt, mí trên nặng nặng như buồn ngủ. Máu trong người chú sẽ chạy mau hơn. Chú nghe lỗ tai có tiếng o o như gió thổi vào hang đá. Má chú tê tê. Nếu lại chán, chú sẽ bỏ cuộc. Chú phải gắng ngồi nhìn con cá cho thật lâu, đến lúc... đến lúc đột nhiên trước mắt chú con cá biến hình. Chú sẽ thấy ở đôi mắt lộ của nó tất cả vẻ cầu khẩn thương xót. Khi nó nổi lên đớp bóng, thứ tiếng đục và ngắn ấy không phải lúc nào cũng giống lúc nào. Dĩ nhiên có lúc đó chỉ là một cử động hô hấp để sinh tồn. Nhưng nhiều lúc khác, chú xem cách nó quẫy đuôi, uốn vẫy, lượn mình uyển chuyển trước khi đớp động, chú sẽ hiểu đó là những câu đùa cợt, những lời trách móc hoặc thôi thúc. Chú có cảm tưởng đang nói chuyện với một con người, thật thế. Đến lúc thuận tiện nhất nghĩa là lúc chú cảm thấy giữa chú và con cá không phân biệt nhau nữa, sự đau đớn, vui mừng là của chung, chú hãy đưa tay vớt nó lên. Lại lòng một điều là nó ngoan ngoãn bơi đến nằm gọn trong lòng tay chú, không trăn trở vùng vẫy gì cả. Chú đem con cá đến bờ sông, tốt hơn hết là chọn lúc giữa trưa để trông xuống nước cho rõ, thả nó xuống nước. Ban đầu nó vẫn nằm trên lòng tay chú như còn lưu luyến. Về sau nó lật lại, vẫy đuôi rồi lội ra ngoài. Có con vẫn tiếp tục quẩn quít bên chú, có con tung tăng bơi lội ra ngoài xa giữa dòng sông. Chú ngồi một mình trên bờ, nhắm mắt lại, cố tìm xem chú cảm thấy điều gì. Vui? Buồn? Chán? Giận? không, không có gì hết. Chú chỉ thấy một cảm giác lâng lâng, lan man vô định, chú có cảm tưởng như thân thể mình nhẹ tênh, có thể đi lại trên mặt nước. Cảm giác lâng lâng ấy càng ngày càng loang ra khắp thân thể chú, các lỗ chân lông nhạy cảm hơn. Dường như da thịt chú tiếp xúc thẳng với nắng, gió của trời đất chớ không bị quần áo ngăn cách. Cảm giác hạnh phúc, vâng, anh gọi đó là cảm giác hạnh phúc, sẽ kéo dài được lâu hay mau là do căn cơ cảm thụ của từng người. Nói cho dễ hiểu theo lối nhà Phật thì tùy vào lòng chân thành, thương yêu, thông cảm của chú đối với con cá cao hay thấp mà chú hưởng được cái quả nhãn tiền là cảm giác giải thoát, cảm giác hạnh phúc.

Lãng càng nghe anh nói càng ngỡ ngàng. Lãng nhìn vào mặt Kiên, tìm thấy ở đôi mắt Kiên sự đam mê khác thường, sự đam mê của một thế giới bí hiểm xa lạ mà Lãng chưa hiểu hết. Nếu so sánh với vẻ mặt lầm lì đắm chiêu của Kiên thường ngày thì đúng là anh tìm được ý nghĩa của giải thoát, của hạnh phúc trong cuộc thử thách đơn giản nhưng đầy vẻ mong mỏi này.

Lãng hỏi:

- Cảm giác hạnh phúc của anh kéo dài được bao lâu?

Kiên kiêu hãnh đáp:

- Không chừng. Có khi được một buổi. Có khi được cả ngày. Có khi quá bối rối vì việc nhà việc sở, không cảm thấy gì hết. Cho nên Lãng phải biết chọn lúc thích hợp để khỏi mất công.

Hai anh em im lặng dõi theo ý nghĩ riêng. Lãng liếc nhìn anh, thấy Kiên trở lại với bộ mặt lầm lì ủ

dột. Và bắt đầu húng hắng ho. Lãng ái ngại nhìn anh, lòng thương yêu có pha lẫn thương xót. Lãng nói:

- Để em ghé thăm chị một chút.

Kiên vội gạt đi:

- Thôi, khỏi cần. Bà ấy đổi tính, khó chịu lắm.

Lãng thì thào bảo:

- Em về. Mong anh được hạnh phúc lâu hơn, bền hơn.

Chương 47

Khoảng một tháng sau cuộc hôn lễ linh đình rực rỡ của Nguyễn Huệ, tai biến ập đến gia đình An. Đúng như An từng lo sợ, nguyên nhân của tai biến là cái vạ miệng do Lợi gây ra.

Khi Hoàng hậu đến thăm cái dinh thự đẹp trong hoàng thành dành cho vợ chồng Long Nhương tướng quân, Lợi vẫn quen thói cũ, đem hết chuyện này chuyện nọ huyền thuyên làm vui lòng Hoàng hậu. Lợi có tài kể chuyện và pha trò, nên Hoàng hậu mãi nghe Lợi nói, quên cả về. Lợi tán hươu tán vượn về tài trang hoàng của mấy bác thợ vẽ, giải thích hết sức dí dỏm về ý nghĩa các hình hoa văn. Chưa bao giờ Hoàng hậu được hưởng những tiện nghi nhà cửa cao ráo và rộng rãi xa hoa như vậy, nên cái gì đối với Hoàng hậu cũng là những điều lạ mắt, khó hiểu. Lợi yên tâm không sợ một người sành sỏi khám phá cái dốt của mình, càng hăng hái ba hoa về sự hòa hợp màu sắc, về mức sang trọng của màn trướng, bàn ghế, giường tủ, về ý nghĩa của một cành mai, trái đào, con nai có lộc, con sóc đang gặm quả, con lân ngậm hạt châu... khắc trên các loại đồ gỗ.

Lợi thấy giọng khôi hài châm biếm của mình cuốn hút được Hoàng hậu, nên nhảy từ chuyện nọ sang chuyện kia, đem cái lảm cẩm của những bác điêu khắc, thợ vôi, thợ mộc ra chế giễu. Và đến một lúc thiếu đề phòng, Lợi châm biếm luôn cả sự dốt nát về nghệ thuật của Nội hầu Phạm Ngạn.

Hoàng hậu cười đến phun cả bã trà, hỏi đi hỏi lại:

- Thật à? Té ra ông Năm Ngạn không biết ất giáp gì cả à?

Lợi được đà dậm thêm một chút giả tưởng cho vui chuyện, Hoàng hậu lại cười thích thú. Và Lợi thì hãnh diện về tài ăn nói duyên dáng, cuốn hút của mình.

Những lời châm biếm của Lợi đến tai Phạm Ngạn, chắc chắn là do Hoàng hậu kể lại.

Viên Nội hầu giận đến tím mặt. Quá lảm rồi! Thằng ranh bằng những đám vuốt râu hùm! Mà đã muốn chết, thì ta cho mày chết! Phạm Ngạn lục lại tất cả các đơn tố giác, khiếu nại, thỉnh nguyện của dân phu, những hồ sơ quý giá trước đây ông chưa kịp dùng vì thấy Thiếu phó Nguyễn Lữ vẫn có ý bảo bọc cho Lợi, còn Tây sơn vương Nguyễn Nhạc thì muốn cho qua.

Giờ đây, Phạm Ngạn cương quyết đi tới cùng. Ông xếp đặt các đơn khiếu tố theo từng mục, từng loại: đơn khiếu tố về chuyện mờ ám trong việc cấp gạo, đơn khiếu tố về chuyện ăn bớt số lương thực của các dân phu đau yếu hoặc bỏ trốn, đơn khiếu tố về việc dung dưỡng bọn lười biếng, chẳng những không làm việc mà còn được giao phát lương để bòn rút, đơn khiếu tố về các chứng từ ma... Viên Nội hầu sưu tập cẩn thận các chứng cứ buộc tội, rồi để đó! Không có gì phải vội! Cả triều đình đang bận rộn chuẩn bị cho cuộc hôn lễ lịch sử, không ai còn để tâm trí vào một chuyện mờ ám vặt như thế này. Nhất là quan Hình bộ Bùi Văn Nhật. Cuộc hôn nhân đã củng cố địa vị chính trị cho anh em ông, xác định vị trí đặc biệt cho gia đình ông. Bùi Văn Nhật, Bùi Đắc Tuyên dồn hết tâm trí vào đó, hôn lễ càng uy nghi rực rỡ, linh đình thì danh giá, quyền uy của họ càng được vững chắc. Phạm Ngạn chờ cho đến sau cuộc hôn lễ khá lâu, mới vin

vào dịp kỵ mẹ mời Bùi Văn Nhật đến nhà "nhấp vài chung rượu nhạt". Rất tử tế, chậm rãi, khéo léo, Phạm Ngạn nhắc cho Bùi Văn Nhật nhớ về mặt buồn rầu gần như hờ hững của Long Nhương tướng quân trong ngày lễ cưới, rồi viên Nội hầu làm như vô tình nói đến căn bệnh của ông giáo, đến An, xa xôi nhắc đến cảm tình giữa An và Nguyễn Huệ từ thời An Thái. Bùi Văn Nhật hiểu ngay mối đe dọa có thể có đối với hạnh phúc của em gái, đối với cả địa vị của mình. Vì vậy, khi Phạm Ngạn đưa tập hồ sơ cho quan Hình bộ, thì Nhật hiểu ngay điều cần phải làm.

Cũng tử tế, kiên nhẫn, kín đáo y như Phạm Ngạn, quan Hình bộ lặng lẽ cho người đi xác minh từng đơn khiếu tố, kiểm tra sổ sách chi thu ở kho quân lương, so sánh các chứng từ xuất kho và các chứng từ thanh toán. Đến lúc nắm chắc được các số liệu, Bùi Văn Nhật mới đem hết hồ sơ lên trình cho Nguyễn Nhạc. Mọi sự đã rõ như ban ngày. Dù quá hiểu cả cái tật lẫn cái tài của Lợi, nhà vua không còn cách nào nhẹ tay cho tên thuộc hạ cũ được nữa.

*

* *

Tai biến đột ngột ập đến không có dấu hiệu nào báo trước khiến An sững sờ. Lợi bị đóng gông dẫn đi rồi, chị vẫn còn ngồi trên người trên cái chõng tre, y như một cái xác bất động. Hai đứa trẻ khóc nức nở vì sợ hãi cảnh lính tráng hò hét, sục sạo hung tợn mà An không nghe thấy gì. Mấy đứa ở gái trốn biệt dưới bếp không dám lên nhà ngang. Thăng Phát khóc đến khan tiếng, nước mắt, nước dãi nhem nhuốc. Bé Thái chưa hiểu gì nhưng giật mình thức giấc vì tiếng khóc của anh, cũng oe oe khóc theo.

Lãng về nhà thấy tình cảnh ấy, vội trở vào trại tìm gặp Long Nhương tướng quân. Không may cho anh, Nguyễn Huệ đang bức bối về những tin xấu từ Gia định về. Vừa thấy Lãng, Huệ đã nói:

- Cậu có thấy ta đoán đúng chưa! (Huệ bắt đầu gọi cậu và xưng ta mấy tháng gần đây). Sao lại sai một lũ bại tướng vào trong đó lần nữa. Thua một thằng con nít mười bảy tuổi, trời hời trời, thật là đẹp mặt. Tư khấu Uy đã bị giết ở Bến Nghé. Bọn Liêm, Năng cũng bị giết. Chiến thuyền bị mất sạch. Lại còn lão Năm Ngạn nữa. Sao lại đưa quan hộ giá vào trận này? Có tin Năm Ngạn đã thoát chạy ra Bình Thuận. Nhưng Châu Văn Tiếp chờ sẵn ở đó. Liệu có chạy được về đây không? Bao nhiêu công phu xây dựng đoàn chiến thuyền để bọn bất tài đem dâng cả cho giặc. Chúng nó nhát như thỏ, giặc chưa tới đã quăng gươm giáo chạy tán loạn, thì giao việc quân cho chúng nó làm gì. Thua một thằng nhãi ranh mười bảy tuổi, trời hời trời!

Lãng không biết nói gì, chỉ nhắc chuyện cũ:

- Lần này chính quan hộ giá tình nguyện xin đi đấy, thừa tướng công. (Lãng cũng đã quen dần với cách xưng hô mới).

Giọng Nguyễn Huệ đầy bức dọc, tức giận:

- Chẳng lẽ ai xin gì cũng cho cả. Đưa một ông chuyên sai bảo quát mắng tụi lính hầu khúm núm ra cầm quân ở đất lạ, có khác nào... có khác nào...

Huệ trực nhớ mình đang chê trách anh trước mặt thuộc hạ, nên do dự không dám nói thêm những lời phạm thượng. Ông bối rối, rồi chuyển câu chuyện sang hướng khác. Huệ hỏi:

- Cậu chưa về à?

Lãng cố gắng mà chưa lấy đủ can đảm để nói chuyện Lợi bị bắt. Anh phải nói dối:

- Dạ chưa.

- Đã ăn cơm chưa?

Lãng lại nói dối:

- Rồi ạ.

- Tối nay ở lại đây chứ?

Lãng hy vọng nhờ buổi tối này có thể trình bày chuyện Lợi nhờ Huệ gỡ giúp, nên mau mắn đáp:

- Dạ vâng.

- Thế thì hay lắm. Ta có chút việc nhờ cậu. Thằng ranh con tên Chung (Nguyễn Ánh) lại lăm le khôi phục rồi. Phải có một cuộc hành binh thần tốc hơn cả năm ngoái để quét sạch chúng đi. Phải chặn trước các ngã đường chúng vẫn dùng để trốn sang Xiêm hay ra các đảo. Ta phải thấy trước cần đến bao nhiêu quân, bao nhiêu vũ khí, bao nhiêu chiến thuyền. Nếu được chấp thuận, ta phải đánh gấp cho kịp mùa gió. Chần chờ lại phải dời đến sang năm.

Lãng rụt rè hỏi:

- Đêm nay tướng công không trở về phủ?

- Không. Ta ở đây cảm thấy thoải mái hơn ở giữa chỗ màn trướng. Sống trong mấy bức tường vẽ vờn hoa lá, chạm trổ cùng khắp, mình có cảm tưởng chính mình cũng là đồ giả. Cậu có bao giờ nghĩ thế không?

- Chưa có dịp ạ!

Long Nhương tướng quân chợt nhớ đến cảnh sống khiêm nhường của Lãng, chớp mắt cảm động hỏi:

- Thầy có bớt chút nào không?

Lãng hồi hộp thấy cơ hội đến, hấp tấp đáp:

- Dạ vẫn thế.

- Mấy chai thuốc hôm trước ta gửi có hiệu nghiệm gì không?

Lãng lại đáp sai sự thực:

- Được một thời gian, sau đó đâu vẫn hoàn đấy.

Huệ trầm ngâm, giọng buồn buồn:

- Tâm bệnh, khó chữa lắm.

Đột nhiên đôi mắt Huệ sáng lên. Ông định nói gì đó, nhưng lại thôi. Đôi mắt trở nên buồn buồn, mơ mộng. Lãng lấy hết bạo dạn, ấp úng nói:

- Hồi chiều, hồi chiều.

Huệ giật mình ngừng lên nhìn Lãng, bờ ngõ hỏi:

- Cậu nói gì thế?

Lãng nói một mạch không kịp thở:

- Hồi chiều, quan Hình bộ vừa cho lính đến đóng gông anh Lợi đem bỏ ngục.

Huệ kinh ngạc hỏi:

- Thế à? Tôi gì thế?

- Dạ không rõ. Hình như chuyện dây dưa từ lúc còn cấp lương cho dân phu đắp thành.

- Vụ đó xong rồi kia mà?

Lãng bắt đầu thấy có hy vọng, vội đáp:

- Dạ cái chuyện không đâu ấy tưởng đã êm rồi, không ngờ...

Huệ dăm dăm nhìn Lãng khiến anh không dám nói hết câu. Huệ nói:

- Giữa cậu với ta, không có gì phải quanh co. Phải nói thẳng là Lợi không bị oan đâu. Tính anh ta thế nào, chúng ta đã biết quá rõ. Chính cậu nhiều lần cũng than phiền với ta đủ chuyện lồi thối của ông anh rể. Có điều phải xét là có đáng xé to chuyện hay không! Cậu bảo là lệnh của quan Hình bộ à?

- Dạ. Chị... chị An kể chính quan Hình bộ ra lệnh.

- Ngoài việc bắt giam Lợi, bọn lính còn làm gì nữa không?

- Có lục xét nhà, và biên ký một số đồ đạc, nữ trang.

- Có tịch thu không?

- Dạ không rõ. Em vừa về thấy cảnh nhà xao xác, vội vàng trở lại đây.

Huệ quên lời nói dối của Lãng lúc nãy, nên bảo:

- Thôi, đêm nay Lãng về đi. Hỏi An cho rõ họ biên ký những gì, tịch thu những gì. Sáng mai vào đây cho ta hay. Nhưng có chắc là lệnh quan Hình bộ không?

- Dạ thưa chắc chắn, tướng công!

Huệ dăm chiêu suy nghĩ, lẩm bẩm:

- Phiền nhĩ! Sao lại lệnh bộ Hình? Vụ xích mích với ông Năm Ngạn đã xếp rồi mà.

*

* *

Lãng về đến nhà đã quá canh hai. Từ cổng nhìn vào anh có cảm tưởng đây là một khu nhà mồ. Anh gọi cổng. Con Vện đã bị đem cho người khác nuôi để khỏi làm cho ông giáo sợ hãi, nên phải gọi nhiều lần, mới có người bên trong cầm đèn ra mở. Lãng ngạc nhiên thấy Kiên mở cửa cho mình. Lãng hỏi:

- Ai cho anh biết nhanh thế?

Kiên cài then cẩn thận rồi mới đáp:

- An nó sai bà vú lại. Chú đi đâu về đấy?

- Em vào trại.

Sau một lúc ngần ngừ, Lãng tiếp:

- Em có thừa chuyện với anh Huệ.

Kiên đang cầm cúi bước vội ngừng lên hỏi:

- Thế à? Anh ấy trả lời thế nào?

Bấy giờ Lãng mới nhớ là Huệ chưa hứa điều gì chắc chắn, nhưng sợ anh thất vọng, Lãng đáp:

- Anh ấy hứa can thiệp giúp bên ông Nhật.

Kiên gật gù nói:

- Anh Huệ chịu hứa, thì còn cứu vãn được. Vào báo cho An nó mừng. Tội nghiệp!

Lãng bắt gặp An đang khóc thút thút bên nôi con. Hai đứa bé đã ngủ. Con Thái lâu lâu giật mình nên An phải ngồi canh giấc cho con. Lãng ngồi xuống bên chị. An không ngước lên, tay dặt dặt cái tao nôi. Lãng xúc động trước vẻ đau khổ thầm lặng của chị, nhỏ giọng nói:

- Em vừa đi gặp anh Huệ về!

An giật mình ngừng lên nhìn em. Lãng ngạc nhiên vì cái nhìn vừa hốt hoảng vừa phẫn nộ của chị. An cúi kinh hỏi:

- Sao lại đi báo cho người ta?

- Em nghĩ là chỉ có anh ấy là có thể... có thể...

An to tiếng, bực tức:

- Có thể... có thể làm gì? Người ta là em rể. Họ đã trở thành sui gia của nhau. Dĩ nhiên ông Nhật phải báo cho người ta biết, hoặc đã bàn bạc với nhau chán mới ra lệnh bắt. Sao mà ngậy thơ thế! Mà van xin, năn nỉ người ta à?

Lãng vội đáp:

- Em có năn nỉ gì đâu? Chỉ báo tin cho anh ấy biết thôi. Vả lại đã chắc gì ông Nhật có bàn trước với anh ấy. Chị nhớ vụ của cha trước đây không?

- Hồi trước khác, bây giờ khác. Mà có thấy người ta thêm đến đây không? Người ta có biết cha bệnh nặng không?

- Biết.

- Đó. Biết mà có đến thăm không?

Lãng dậm ngờ, nhưng cố gượng nói:

- Nhưng nhìn nét mặt thẳng thốt của anh ấy, em tin chắc rằng anh ấy chưa biết chuyện anh Lợi. Họ giấu anh ấy.

- Người ta ra lệnh chém một lượt hai ông chúa còn chưa nhú mào, huống gì cái thân hèn của anh Lợi. Mà còn tin lòng dạ người ta được à?

- Sao chị đa nghi quá!

An càng lớn giọng hơn:

- Đời dạy cho tao đa nghi. Mà phải chịu đời vật cho nhiều trận nữa mới hiểu được lòng người nông sâu thế nào. Tao thì tao hiểu hết rồi. Tình nghĩa! Đến đứa con gái đẹp để gây thơ mà họ còn nỡ đem quăng vào cuộc mua bán, đổi chác bán thiu, để bây giờ dở con dở bà, dở sống dở chết. Nhưng mà đã van nài những gì với người ta?

Lãng dậm gịận chị, cãi lại:

- Chị khinh em quá. Em chỉ báo tin, chứ có van xin họ điều gì đâu?

An cười nhạt, hỏi lại:

- Thế người ta đã hứa với mà cái gì? Chừng nào anh Lợi được thả ra?

Lãng e dè đáp:

- Anh ấy chỉ bảo sẽ hỏi lại. Chuyện đâu có thể giải quyết đơn giản, mau chóng được.

An lớn tiếng nói:

- Đấy. Mà thấy chưa. Người ta có dám hứa với mày gì đâu! Quyền hành sinh sát ở cả trong tay anh em họ, muốn bắt ai thì bắt, muốn tha ai thì tha, chỉ cần người ta gật đầu một cái thì đến trăm quan Hình bộ cũng phải chịu thua chứ đừng nói một mình lão Nhật.

An nói to quá làm giật mình cả thằng Phát lẫn bé Thái. Hai đứa bé khóc thét lên. An à ơi ru con, một tay đưa tao nôi, một tay vỗ vào lưng cho thằng Phát yên tâm. Lãng thương chị, đến phụ An để đỡ thằng Phát. An trở lại ngồi chỗ cũ, miệng tiếp tục ru con.

Đang ru, tự nhiên giọng An run run, ngập ngừng, rồi bật khóc. Lãng an ủi chị:

- Chị đừng lo lắng quá. Mọi việc rồi thế nào cũng qua thôi.

An vừa nức nở vừa nói:

- Bao nhiêu tiền bạc của cải họ tịch biên hết, biết lấy gì sống đây! Cha như vậy, mấy đứa nhỏ đau lên đau xuống như vậy! Chỉ còn có nước chết! Em có biết cách nào để mấy mẹ con chị chết cho êm ái không?

Lãng ghen lời không nói gì được, chỉ khẽ nói:

- Chị...

Vừa lúc đó Kiên vào buồng An, Kiên chưa hiểu tâm trạng hai em, nên bình thản hỏi Lãng:

- Tối nay em ngủ lại đây chứ?

Lãng đáp nhỏ:

- Dạ.

- Như vậy anh về được rồi. Anh sẽ xếp đặt để hoặc anh qua ở luôn bên này một thời gian, hoặc anh cho con bé lớn qua.

Rồi vỗ vai An, Kiên an ủi:

- Thôi đừng buồn nữa. Hãy yên tâm lo cho các con đi. Anh ta đã hứa chắc như vậy, thế nào cũng xong.

An ngước lên nhìn anh, không hiểu Kiên nói gì. Nhưng chị đã quá buồn chán không nói được lời nào nữa.

*

* *

Sáng hôm sau, Lãng vừa thức giấc đã nghe ở nhà dưới có tiếng khóc tí tê và tiếng thì thầm rất giống với lời năn nỉ khẩn thiết. Lấy làm lạ, Lãng nằm im lắng tai nghe. Anh không nhận ra được tiếng ai khóc, nhưng nhất định không phải là của An.

Anh vội ngồi dậy đi xuống nhà dưới. An đang ngồi thừ bên bếp lửa, bên cạnh hai đứa ở gái và chị vú đang thút thít. Thấy Lãng xuống, họ quay mặt vào phía tối để quệt vội nước mắt trên má. An trông thấy em, gọi Lãng đến phân bua:

- Chị cho bà vú với hai con nhỏ này về mà họ nhất định không chịu. Họ có hiểu gì cho chị đâu. Lúc trước thì sao cũng được. Bây giờ đến mẹ con chị chưa biết lấy gì ăn, làm sao nuôi nổi họ nữa. Chị vú

vừa bảo để con Gái Nhỏ ở nhà trông em, còn con Gái Lớn với chị vú sẽ giúp chị buôn bán kiếm sống. Nhưng buôn bán cái gì bây giờ? Vốn liếng đâu? Mà họ có tội tình gì mà mang lấy cái vạ đói khổ này! Em đàn ông trông xa thấy rộng, em nói giúp cho họ hiểu.

Con Gái Lớn thút thút khóc, quay nói với An:

- Con bỏ cô con đi không đành. Rồi ai trông nom cho hai em. Con không cần tiền công. Cô có gì con ăn nấy.

Chị vú cũng nói:

- Cô ít sữa lấy gì cho con bé nó bú. Vả lại đi buôn đi bán đâu phải dễ. Cô chưa quen, còn tôi thì quen lắm rồi. Tôi sẽ giúp cô một thời gian cho quen bạn hàng, chờ cho con bé thôi bú, lúc ấy cô có giữ tôi cũng không dám ở lại nữa. Cậu thấy tôi phân bày như thế có được không. Cô ấy quần trí mất rồi!

Lăng hỏi An:

- Chị nghĩ kỹ chưa mà cho họ về? Còn cha? Còn hai cháu?

An bứt rứt nói:

- Không cho họ về chẳng lẽ để họ chết đói chung với mình à?

Con Gái Nhỏ nói:

- Tụi em không làm rầy cô đâu. Tụi em sẽ kiếm việc giúp cô. Em biết chằm nón, đan võng.

Con Gái Lớn cũng nói:

- Em biết đan lưới. Em sẽ lãnh đan lưới cho dân Giã dân Vũng. Cha mẹ em trước làm nghề chài quen với các vạ chài nhiều lắm. Cô đừng lo.

An cảm động không biết nói thế nào. Lăng nói:

- Thôi, chuyện đó cũng không có gì gấp. Chờ anh Kiên đến hãy bàn cho kỹ hơn. Chị lên đây em nói cái này!

An theo Lăng lên nhà trên. Lăng hỏi chị:

- Hôm qua họ tịch biên của anh chị những gì?

An vội hỏi:

- Em hỏi làm gì thế?

- Em sẽ nhờ anh Huệ để đòi lại. Của cải riêng của người ta, đâu có...

An bậm môi lại để dẫn tức giận, nhưng không được. Chị cắt lời em:

- Chị nói lần chót cho em nhớ. Con người ta ai cũng có liêm sỉ. Thà mẹ con chị ôm nhau ra bờ sông tự trầm còn hơn mở lời năn nỉ, van xin người ta. Nếu em còn nhắc nhở tới chị với người ta, còn lên tiếng xin xỏ bất cứ chuyện gì cho chị thì kể từ đó, tình chị em kể như đoạn tuyệt.

Lăng hời hợt trước nét mặt giận dữ đánh đá khác thường của An, lấp bắp hỏi:

- Đâu đến nỗi nghiêm trọng như vậy chị?

An giận run, hơi thở dồn dập:

- Đến... đến nước này mà em còn u mê! Còn chưa thấy lòng dạ người ta. Họ toan tính toa rập với nhau từ lâu để loại bỏ cha, rồi bây giờ đến lượt anh Lợi. Bao giờ đến lượt em? Chỉ cần một cái lỗi bằng

hạt bụi cũng đủ cho họ khếp tội cho em ở tù đến một gông!

Lăng ngờ ngàng không hiểu nổi An. Môi An run run, nước mắt lưng tròng. Chị không thể chịu đựng được sự phấn kích tột cùng, nổi lên ho sặc sụa. Lăng nhận thấy không thể nói gì với chị được nữa, đành buồn rầu đáp:

- Em nhớ lời chị dặn. Vâng, em sẽ không nói thêm điều gì cả. Nhưng về việc chị vú và hai đứa ở, chị đừng nên vội. Chờ hỏi anh Kiên đã. Cả việc anh Lợi cũng vậy. Không có gì khó đến nỗi không tìm ra cách gỡ được. Điều quan trọng là tìm cho ra ai xứng xuất việc này.

An trề môi nói:

- Ai? Đến bây giờ mà em còn chưa biết ai? Ngoài gia đình lão Tuyên lão Nhật thì còn ai vào? Họ là sui gia với hoàng gia, quyền uy nắm gọn trong tay thì đóng gông ai mà chẳng được.

Lăng quan sát nét mặt chị, nhận thấy trong cơn phần nộ cay đắng, có cái gì khác hơn là nỗi lo lắng cho chồng, cho con. Có một yếu tố mới kích động An mạnh mẽ, gần như qua một đêm biến đổi hẳn tính tình, thái độ, lối suy xét, lối nhìn đời của An. Lăng mừng tượng cảm thấy yếu tố mới ấy là gì, nhưng anh không dám nghĩ tiếp, vì càng nghĩ anh càng thương xót chị.

*

* *

An tìm cả buổi mới thấy cái nghiên và cây bút của ông giáo. Chị không tìm ra thỏi mực, và giấy. An sai con Gái Nhỏ xuống phố mua một xấp giấy bản, và một thỏi mực. Nó không sành chuyện giấy bút, mua nhầm giấy xấu và mực giả.

An mặc kệ, mài mực viết một lá đơn khiếu oan cho chồng, rồi không chờ hỏi ý kiến Kiên hoặc Lăng, ẵm bé Thái lên bộ Hình. Chị không thèm trả lời những câu hỏi lo sợ của bà vú và hai đứa ở, bất kể trời nắng chang chang, lầm lì bỗng con đi ra đường. Đi được một đoạn, chị nhớ tóc tai của mình quá bù xù, quần áo xốc xếch nhăn nhúm vì đã mấy hôm liền An chưa nghĩ đến chuyện thay. An nghĩ: "Việc gì phải để cho họ thương hại" nên lại quay về. Chị vú và hai đứa ở tưởng chị đổi ý, hết sức mừng rỡ. An không nói gì cả, vào buồng đem son phấn cũ ra trang điểm. Chị lục tìm lại bộ quần áo thật đẹp may từ ngày cưới. Sửa soạn xong, An mở cửa buồng ra ngoài. Con Gái Lớn kinh ngạc reo lên:

- Cô đẹp quá. Cô định đi đâu đấy? Để con theo bỗng em cho.

An nghiêm nét mặt dặn nó lo bữa ăn cho cha và săn sóc cho thằng Phát, rồi bỗng con ra đường.

Bộ Hình nằm sát bên một dinh thự đang xây cất dở. Lính gác ở cửa nam nhất định không cho An vào vì có lệnh cấm tuyệt dân chúng không được ra vào cửa chính này. An phải qua cửa Tân khai. Ở đây, mấy chú lính trẻ trông thấy cách ăn mặc sang trọng của An đoán chị là người có quyền thế lớn. Nhưng họ ngờ ngợ không hiểu tại sao An không đi võng hoặc đi kiệu, lại tự mình bỗng đứa con nhỏ trên tay. Họ không dám cản đường. An nghiêm nét mặt qua cổng mà không ai dám hỏi. Nhưng đến cổng bộ Hình thì bọn lính canh dứt khoát chặn An lại. Một người lính già vênh mặt hỏi An:

- Chị kia, đến đây có việc gì?

An nhìn thẳng vào mặt người lính, đáp gọn:

- Tôi cần gặp quan Hình bộ!

Người lính chưa tin những gì vừa nghe, hỏi lại:

- Chị bảo gặp ai?

An dẫn từng tiếng:

- Gặp quan Hình bộ.

Người lính ngơ ngác hỏi:

- Chị nói đùa hay nói thật?

An cười nhạt đáp:

- Tôi nói đùa với bác làm gì?

Người lính đưa mắt nhìn kỹ cách trang điểm, ăn mặc của An, bắt đầu bắn khoăn. Giọng bác dịu lại:

- Chị hiểu cho. Có lệnh cấm tuyệt không cho ai được vào thẳng dinh quan Hình bộ. Có đơn trương gì thì nộp tại đây. Lệnh trên nghiêm lắm. Chúng tôi không thể làm khác được.

An cũng dịu giọng bảo:

- Vậy thì nhờ bác đem ngay cái đơn này trình cho quan Hình bộ.

Người lính nhận lá đơn, nét mặt vui mừng vì vừa giải quyết êm đẹp được một chuyện khó xử. Nhưng khi thấy An bỗng con đến ngồi bên trạm gác, bác ta hốt hoảng hỏi:

- Chị còn chờ gì nữa mà chưa về? Sao lại mang theo cả con cái cho nặng nề thế kia?

An ru nho nhỏ vì bé Thái giật mình dợn khóc, rồi đáp:

- Tôi chờ quan Hình bộ trả lời thế nào rồi mới về.

Người lính già trở mắt nhìn An như nhìn một quái vật. Bác ta định nói gì đấy, nhưng lại thôi, cầm lá đơn chạy vào vọng canh. Hai ba người lính xúm nhau xì xầm bàn tán, vừa bàn vừa đưa mắt nhìn về phía hai mẹ con An. Họ bàn cãi một lúc, rồi một người cầm lá đơn của An chạy vào trong dinh. Người lính già trở lại chỗ An, thắc mắc hỏi:

- Chị là ai?

An tiếp tục ru con, để mặc cho người lính chờ. Mãi một lúc sau, khi bé Thái nhắm mắt ngủ trở lại,

An mới đáp:

- Tôi là ai bác không cần biết. Ở đây có đúng là dinh bộ Hình không?

- Đúng rồi. Nhưng...

- Nếu vậy thì tôi không lầm.. Gia đình tôi có việc oan uổng nên đến đây khiếu oan. Mà chỉ có quan Hình bộ Bùi Văn Nhật mới giải quyết nổi việc này thôi. Bác vào xem hộ tôi quan đã phúc đáp chưa.

Nghe An ăn nói đanh thép như giọng của người quyền thế, bác lính đâm sợ, e dè đề nghị:

- Chị ẵm con vào vọng canh ngồi cho khỏi nặng.

An thản nhiên đi vào phía vọng canh. Một người lính khác vội chạy đi tìm ghế cho An ngồi. Bác lính già thì rót nước mời An, xuýt xoa khen bé Thái khéo khinh, rồi sốt sắng nói:

- Để tôi vào xem quan đã phê gì chưa!

Bác lính già đi thật lâu vẫn chưa trở ra. Để bớt nóng ruột vì chờ đợi, An bắt chuyện với hai người

lính còn lại. Chị hỏi:

- Cái dinh đang xây dở bên kia của ai vậy chú?

Người lính trẻ có cái mũi hơi khoằm và đôi mắt lộ đáp:

- Bà chưa biết à? Của quan Tiết chế đấy.

An thắc mắc:

- Dinh quan Tiết chế à? Sao lại xây ngoài này?

Người lính cười, trả lời:

- Ấy, tại quan Tiết chế thích thế. Tôi nghe nói quan Tiết chế không thích ở trong thành. Quan muốn có một cái dinh ở nơi thanh tịnh, chung quanh có vườn trồng chuối, cam, ổi, mít lại có cả đụn rơm, lùm lúa y như các nhà điền chủ. Bà không thấy người ta đang trồng chuối quanh vườn hay sao?

An ngạc nhiên hỏi:

- Đụn rơm? Lùm lúa? Để làm gì?

Người lính gác nhìn quanh ra vẻ lo sợ, rồi mới hạ giọng nói:

- Quan thích thế thì biết thế, trả lời làm sao được. Mỗi người mỗi tính mà! Anh kia, đến đây có việc gì? Để đơn ở đó rồi về ngay. Không được đứng ở đó. Đã bảo về ngay, quan xét đơn rồi truyền cho biết sau. Cả chị kia nữa, sao chưa chịu về. Đã bảo chưa có gì cả. Gớm, làm việc này có ngày phải tắt tiếng mất. La mắng từ sáng đến tối, khổ quá bà ạ. Bọn họ cứ năn nỉ, van nài dai dẳng như là đĩa.

An quay nhìn phía cổng thấy hai người dân vừa bị đuổi đang thất thểu ra về, đầu cúi xuống. An hỏi:

- Sao chú không giúp cho người ta?

Người lính gác trẻ kia chen vào:

- Giúp sao được. Việc chúng tôi chỉ là gác cửa. Mau chậm là tùy trong dinh. Nhiều khi phải chờ cả năm.

An hỏi ngay câu mình do dự chưa hỏi lúc nãy:

- Bên kia là dinh quan Tiết chế. Thế còn dinh quan... dinh của Long Nhương tướng quân ở đâu?

Người lính mắt lộ mau mắn đáp:

- Ở trong hoàng thành. Gần chỗ của Chúa thượng. Chiều nào chúng tôi cũng được nhìn tướng quân và đoàn hộ vệ đi ngựa qua đây.

An vội hỏi:

- Tướng quân có thường đến dinh Hình bộ này không?

Người lính kia đáp:

- Ít khi lắm. À quên, hồi sáng ngài có ghé đây. Ghé một chốc rồi ra ngay. Lúc đó quan Hình bộ chưa đến.

An im lặng suy nghĩ, không hiểu hai hôm trước Lãng có nói gì thêm với Nguyễn Huệ không. Chị vừa lo sợ Lãng quên lời dặn của mình, lại vừa hy vọng vu vơ.

Vừa lúc đó, người lính già đã trở ra. An hỏi hộp hỏi:

- Thế nào, bác?

Người lính nhìn chằm chặp vào An một lúc, mới chậm rãi nói:

- Sao chị không nói ngay là có Tướng công chỉ dẫn đến đây?

An ngạc nhiên hỏi:

- Tướng công nào?

Người lính đáp:

- Còn tướng công nào nữa. Quan Hình bộ truyền tôi thưa lại với chị là có phải Long Nhương tướng quân khuyên chị làm đơn không. Quan cũng bảo là sẽ xét đơn ngay. Chị cứ về đi. Lúc nào xét xong sẽ có người đến báo tận nhà.

Lòng An rộn rã hy vọng. Và cùng một lúc, lòng hận thù phai đi.

*

* *

An chờ đến mười ngày mà không nhận được phúc đáp nào của bộ Hình. Căm giận vì nghĩ mình bị lừa, chị làm một lá đơn khác đem đến bộ Hình. Lần này chị không bỗng theo bé Thái vì kỳ trước sau khi về nó bị cảm nắng đau mất bốn, năm ngày. Chị cũng không trang điểm cẩn thận vì biết chắc không bao giờ gặp được Bùi Văn Nhật. Bác lính già gác cổng không nhận ra An, quát tháo ầm ĩ một hồi mới hất hàm ra lệnh đặt đơn tại cái bàn trước vọng canh rồi về ngay. An phải nhắc:

- Cách đây mười hôm tôi có đến một lần, bác nhớ không?

Người lính già gắt gỏng:

- Đã đến một lần chưa đủ sao mà còn quấy rầy người ta lần nữa. Đồ sanh sự! Đồ... đồ...

Mắng đến đó, bác mới nhớ ra An. Người lính kịp dừng lại, bác đổi giọng ân cần hỏi:

- Đã có giấy báo chưa mà bà nhọc công đến đây?

An đáp:

- Chưa, bác ạ. Tôi nóng ruột quá. Tôi phải gặp cho được quan Hình bộ.

Chợt nhớ giọng nói lo ngại của bác lính già hôm trước, lúc nhắc đến Nguyễn Huệ, An bịa thêm:

- Tướng công bảo tôi phải gặp cho được quan Hình bộ thì việc mới chóng.

Người lính già quả nhiên đâm sợ. Bác đưa tay ra hỏi:

- Đâu, chị đưa đây cho tôi hỏi ý kiến phòng Công luận xem sao. Không đem thẳng lên văn phòng quan Hình bộ được đâu.

An chờ một lúc, người lính già trở ra ngay. Bác bảo:

- Mời chị vào phòng Công luận, người ta trả lời cho. Đi theo tôi!

An mừng rỡ bước mau theo người lính già. Chị được dẫn tới một phòng tương đối chật hẹp, và gặp một người đứng tuổi ốm gầy như bơi trong bộ quần áo đen nhàu màu hơi bạc. Quanh cụ già bề bộn giấy tờ xếp thành chồng có dán bằng những hòn đá nhẵn bóng lấy từ dưới suối. Thấy An vào, cụ già nói ngay:

- Tôi vừa đem đơn tái khiếu oan của chị lên trình quan Hình bộ. Quan truyền cho tôi nói lại với chị thế này: vụ những lạm của chồng chị thuộc về chi phát quân lương, nghĩa là trách vụ của bộ Hộ. Cho nên quan đã chuyển tất cả hồ sơ qua bên đó. Chị nên đến bộ Hộ mà khiếu oan.

An rơm rớm nước mắt, run giọng hỏi:

- Thừa cụ bộ Hộ đóng ở chỗ nào ạ?

Cụ già ngước lên, nhúu mày khó chịu vì sự đòi hỏi quá đáng của chị nhà quê này, gắt gỏng:

- Ra cổng canh mà hỏi.

Bác lính già thấy An thút thít khóc, cảm động, chỉ dẫn cận kề đường đi nước bước cho An. Bác còn bày cho An nên xưng là cháu của bác để người bạn canh cổng bên đó khỏi quát tháo, làm khó làm dễ.

Nhờ thế, An vào được bộ Hộ khá dễ dàng. Ở đây, anh ký lục trẻ tuổi khoảng dưới ba mươi sốt sắng xem ngay cái đơn của An. Anh đọc kỹ hai ba lần, cuối cùng mới phát hiện điểm quan trọng suýt nữa làm anh mang vạ nếu anh đem ngay tờ khiếu oan này trình quan, đó là trong đơn An gửi cho quan Hình bộ chứ không phải gửi quan Hộ bộ. An nhận sự thiếu sót vì vội vàng của mình, kể lễ nỗi khó nhọc từ sáng đến giờ. Anh ký lục lắng nghe lời An kể vì Lợi không xa lạ gì đối với anh. Tuy không ưa Lợi, nhưng anh không thể không xúc động trước vẻ đẹp thù mị và sâu muợn của thiếu phụ. Cho nên anh sốt sắng cho An mượn nghiên bút và giấy mực viết lại tờ đơn tại đó. Bỏ hết công việc đang làm, từ chối tiếp khách, anh chờ An viết đơn xong là vội vã đưa lên trình quan Hộ bộ. Anh trở về cũng nhanh chóng như lúc ra đi, có khác là vẻ mặt anh xịu xuống. Anh bảo An:

- Thật đáng tiếc, chị ạ. Quan bảo bên bộ Hình đã lầm lẫn khi chuyển nội vụ qua đây. Đã đành việc này thuộc về chi phát quân lương, nhưng số lương thực cấp phát dùng cho cuộc xây đắp thành trì, đường sá, cung điện, nghĩa là nhiệm vụ của bộ Công. Do đó, chiều hôm qua, quan đã chuyển hồ sơ qua bộ Công rồi. Chị cảm phiền. Chị biết chỗ bộ Công chứ?

An hết còn nước mắt để khóc nữa. Chị bậm môi lại, cảm ơn viên ký lục trẻ tuổi xách nón ra về. Anh ta đưa An ra tận cổng. Trước khi chia tay, anh ta nói nhỏ với An:

- Tôi nói cho chị biết việc này, chị đừng tiết lộ cho ai khác nhé, sở dĩ vụ anh Lợi chuyển từ bộ Hình qua bộ Hộ, từ bộ Hộ qua bộ Công, rồi chắc chắn bộ Công lại trả về bộ Hình là vì... là do... đây tôi chỉ nghe lén các quan nói chuyện với nhau thôi... là vì có Long Nhương tướng quân can thiệp vào. Bộ nào cũng ngại cả, không dám tự mình rước việc. Chị nhớ đừng thuật lại cho ai biết nhé. Chuyện mật ở chốn phủ dinh, nhiều khi gây vạ đến mất đầu chứ không phải chuyện đùa. Chị về đi, kéo nằng!

Trên đường về, An vừa đi vừa khóc lặng lẽ. Lòng chị đập chông nhiều cảm giác, tâm trạng phức tạp: hối tiếc, bùi ngùi, hờn dỗi, giận dữ, lâng lâng thú vị, chua chát man mác, cô độc, tủi thân... Chị cũng băn khoăn chưa biết nên mắng Lãng vì đã không nhớ lời căn dặn của mình, hay nên cảm ơn Lãng. Lá đơn khiếu oan nhàu nhò trong tay An lúc nào không biết. An giở ra đọc lại, thấy hai chữ "khiếu oan" không đúng với sự thực. An đâm oán trách chồng, ngay sau đó lại hối hận vì nhớ sự lo lắng của Lợi cho gia đình.

*

* *

Kiên nghe em kể, bảo An:

- Như vậy là chuyện quá rắc rối đấy, em ạ. Càng ngày càng thêm rối, vì không ai dám tự chuyên.

An thở dài chán nản, thờ thẩn hỏi Kiên:

- Biết làm gì nữa hờ anh?

Kiên suy nghĩ, rồi nói:

- Cái khó là phải dò biết đích xác gút mắc nằm ở đâu? Tại sao chuyện đã êm từ lâu đột nhiên lại tra xét mà làm án? Anh nghĩ chỉ có ba người rõ được việc này mà thôi!

An vui mừng vội hỏi:

- Ai thế anh?

Kiên chậm rãi đáp:

- Một là quan Hình bộ vì chính ông Nhật ra lệnh tổng giam, hai là anh Huệ, và ba là chú Lợi.

An thất vọng gần như hô hoán:

- Trời hời! Như vậy là vô phương sao anh!

Kiên e dè hỏi:

- Hay em nhờ Lãng nó...

An hốt hoảng nói:

- Không. Không thể được. Em đã... dặn...

Kiên vội bảo:

- Vậy thì chỉ còn cách tìm hỏi chú Lợi.

- Làm sao được anh!

- Em làm đơn xin bên hình ngục cho được thăm chú ấy. Gần nửa tháng rồi còn gì. Người khác nhất định không được rồi. Nhưng anh nghĩ chú Lợi quen biết nhiều, đâu đâu cũng từng có lần liên lạc với chú ấy để nhận lương tiền phẩm vật. Em cứ làm đơn. Anh sẽ đến gặp quan hình ngục xin cho em.

Mọi sự không đơn giản như Kiên tưởng. Tuy Kiên đã quen quan hình ngục từ hồi còn ở trạm trầu trên Tây Sơn thượng và hôm giải phóng phủ Qui Nhơn, anh được chính quan hình ngục công kênh lên vai chạy khắp sân dinh như một người anh hùng, nhưng việc Kiên nhờ vả quá khó. Quan đã nghe phong thanh rằng đến quan Hình bộ quyền cao chức trọng bậc ấy cũng chưa dám một mình ra lệnh đóng gông Lợi dẫn đến giao cho quan. Quan Hình bộ đã được chấp thuận ở chỗ thật cao... thật cao. Làm sao quan dám tự chuyên, cho phép bất cứ ai liên lạc, nói chuyện với một tội nhân quan trọng đường ấy. Khi tiễn Kiên ra khỏi phòng, quan hình ngục an ủi người bạn cũ:

- Phải chờ đến rằm tháng Bảy thôi. Đến ngày xá tội vong nhân ấy thì ai cũng được phép gặp gia đình. Khỏi phải xin xỏ tốn hơi!

Suốt hai tháng dằng dặc đầy lo âu, An phải quyết định nhiều việc cấp thiết. Nhờ Kiên đã qua ở hẳn Bằng Châu để giúp em săn sóc cha, An chỉ giữ con Gái Lớn lại trông hai đứa bé. Chị vú và con Gái Nhỏ được về với gia đình. Nhờ thế chi tiêu hằng tháng giảm xuống. Nhờ Kiên giới thiệu với các chủ lò bánh tráng từng được Kiên giúp đỡ khi anh làm việc tại kho lương, An làm quen với các mối hàng gạo ở chợ phủ. Chị dự định trở lại nghề hàng xáo (buôn gạo) như hồi gia đình mới về An Thái. Chỗ bày hàng ở chợ, quang gánh, mối hàng, kể cả việc xếp đặt bếp núc nhà cửa cho con Gái Lớn đều đã lo xong. Nhưng dù sao cũng phải chờ sau khi gặp Lợi xong, An mới bắt đầu tự lực mưu sinh.

Hôm rằm tháng Bảy, từ tờ mờ sáng, cửa nhà ngục đã đông đặc những người. Hầu hết là những người đàn bà lam lũ ăn mặc rách rưới, nhiều người bông dầy cả các con nhỏ để chúng được trông thấy mặt cha. An cũng đem theo cả hai con. Chị bông bé Thái, còn Gái Lớn một tay ôm thằng Phát, một tay ôm cái bọc lớn gói quần áo và vài thức ăn khô như cá muối, mè, đường tán, tốp mỡ. An nghe người ta bảo người bị giam lâu ngày trong ngục thèm nhất đồ ăn ngọt và béo, nên bôi thêm nhiều đường và mỡ cho Lợi. Chị còn đem cho chồng khăn lau mặt, quần áo ấm, quần lót, chăn... Định gói cho gọn gói quà, An mùi lòng khi nghĩ ở chỗ gông cùm, thế nào việc cơm nước cũng thiếu thốn không bằng được lúc ở nhà. Chị đổ thêm vào bọc một số gạo. Rồi thêm gói trà, hộp tăm, lọ dầu, kim chỉ vá áo quần, chục quả cam để ăn ngay trong mấy ngày sau rằm. Anh ấy cũng thích cả chuối nữa mà? Thêm vài nải chuối sắp chín... Kết quả gói quà thăm nuôi to tướng đến nỗi con Gái khỏe đến thế cũng không tài nào nhấc lên nổi. An lại phải bóp trán suy nghĩ nên bớt đi thức gì để lại thức gì. Bớt gạo thì sợ Lợi đói. Bớt thuốc thì sợ chồng đau yếu không được thấy mặt vợ con. Bớt mỡ ư? Bớt đường ư? Bớt cái chăn phải đắp ở chốn ngục lạnh lẽo ư? Bớt bộ quần áo chống rét ư? Hay là bớt cái khăn mặt? An phải nhờ Kiên giúp ý kiến mới bỏ hẳn cái bọc gạo nặng, nải chuối và cái chăn bông lại. Dù thế, giữa đám vợ con tù nhân lam lũ, An vẫn thấy mình lạc lõng, không giống bất cứ ai...

Phải chờ đến giờ thìn, quan cai ngục mới cho phép thân nhân vào thăm tù, nên mẹ con An phải chen chúc, mịt mờ giữa đám người khốn khổ. Mùi mồ hôi nồng nặc tỏa lên, theo với ánh nắng tháng Bảy. Tóc tai mọi người đều xơ xác, nét mặt đã dượi vì thiếu ngủ và lo âu. Nhiều đứa bé nín ứ áo mẹ bị ngộp thở giữa đám đông khóc thét lên kêu cứu. Những đứa bé được bông trên tay thì thức dậy khóc oe oe vì chói nắng. An phát khóc vì không đỡ được bé Thái, lại lo sợ cho thằng Phát. Bọc quần áo và đồ ăn Gái Lớn ôm trước ngực bị dẹp lép, phía dưới bọc thấm ướt An không biết do mỡ hoặc do mấy quả cam bị dập.

Đến lúc cửa cổng nhà ngục xịch mở, thì đoàn người tự nhiên chuyển động dữ dội. Người nào cũng muốn chen vào trước nên cảnh xô lấn hỗn loạn đến nguy hiểm. Tiếng thét, tiếng khóc, tiếng chửi rủa vang lên khắp nơi. An vô vọng thấy con Gái bị đẩy càng ngày càng xa mình, và dù chị có kêu gọi, la lối, không ai nghe lời chị. Cả An cũng bị phía sau đẩy tới. Chị phải dùng hết sức đưa bé Thái lên cao để con khỏi ngộp thở. Con bé sợ càng khóc ré lên.

May mắn là cảnh chen lấn nguy hiểm diễn ra thật nhanh, qua khỏi cửa cổng ngục đột nhiên tâm trạng mọi người trầm tĩnh trở lại. Hình như cảnh nhà ngục lạnh lẽo khiến họ sợ hãi đến chùn bước. Họ hoang mang lo ngại. An tìm lại được con Gái và thằng Phát. Họ ngồi lại bên nhau để thở và xem xét gói quà. Hai quả cam vỏ mỏng bị dập làm ướt cả gói mè và gói đường. Mỡ loang một khoảng rộng trên chiếc áo nhuộm dầ.

An chưa kịp buộc lại gói quà thì có lệnh đem đồ thăm nuôi vào cho quan khám xét. Lại chen chúc nhau tranh chỗ. An giao bé Thái cho Gái Lớn ôm, còn mình thì lật đặt ôm gói quà chen vào chỗ mọi người đang chen. Thằng Phát thấy mẹ bỏ mình, khóc òa. An muốn quay lại dặn con Gái canh chừng thằng Phát, nhưng không kịp nữa. Lốp người tới sau đã đẩy chị sâu về phía trong. An rút kinh nghiệm ở ngoài cổng thành, khuyếch hai tay bảo vệ cho gói quà, cứ để mặc cho thiên hạ xô đẩy. Dần dà rồi chị cũng được đẩy tới

trước mặt một người cai ngục mũi lớn râu rậm ngồi ngay cửa một cái lều tranh dựng tạm để thu nhận đồ quà gửi cho phạm nhân trong dịp lễ xá tội này. Bên cạnh viên cai ngục, một cậu thanh niên da mét đang cầm bút và xấp giấy bìa cắt khổ bàn tay đứng chờ. Viên cai ngục râu rậm trợn mắt nhìn An từ đầu đến chân hỏi:

- Gửi cho ai?
- Dạ cho chồng tôi ạ.
- Biết rồi. Chẳng lẽ gửi cho chồng người ta. Nhưng tên gì?
- Dạ, tên Lê Tấn Lợi.

Viên cai ngục cười ha hả, giọng mỉa mai:

- Tấn Lợi! Tấn lợi quá thì phải tấn công cùm. Luật đời mà! Mở ra coi.

An bậm môi vì giận, nhưng sợ tên cai ngục làm khó nên cúi xuống run run mở dây buộc. Sau khi mọi thứ đã bày ra dưới ánh nắng, kể cả mấy quả cam dập và gói mè ứt, viên cai ngục hỏi:

- Có giấu đồ kim khí hay thuốc độc không?

An thành thực đáp:

- Dạ có cây kim vá quần áo.
- Không được. Với cây kim nhỏ, hắn có thể đâm chết lính canh như chơi. Lấy nộp đây. Còn mấy gói à?
- Dạ, gói này đựng đường tán, gói này đựng mỡ.

Viên cai ngục lại cười ha hả:

- Mỡ. Hắn ở trong đó rừng mỡ làm sao! Đã biên tên vào đấy chưa?

An ngờ ngàng hỏi:

- Dạ tên gì ạ?
- Cái chị này! Ở trên trăng rớt xuống hả? Thì tên chồng của chị. Tìm giấy bút viết tên thằng chồng đang mang gông, cột vào gói này, lính ngục chúng nó mới biết mà trao tận tay.

An bối rối chưa biết làm sao có giấy bút thì viên cai ngục nói ngay:

- Không có giấy bút thì nhờ thầy ký đây viết cho. Chỉ tốn một quan thôi! Chị kia tiến lên. Mở gói ra coi.

An đành phải móc hầu bao trao một quan cho tên bán chữ rồi le te đem nộp gói quà vào trong lều. Chưa biết phải làm gì nữa, chị chặn một người đàn bà ra vẻ lạnh lệ hỏi:

- Còn phải làm gì nữa hử thím?

Người đàn bà hỏi:

- Cô đi tới lần thứ mấy rồi mà còn hỏi?
- Dạ lần đầu.
- Thảo nào. Nộp quà xong thì về. Muốn nhìn được mặt thì phải tốn thêm hai quan nữa, để được đứng chỗ kia, chỗ sau cái hàng rào có song chắn đó chờ nhìn người ta dẫn tù đi đổ cứt đá.
- Không được đến gần hỏi chuyện sao thím?

- Đến gần. Cô này hỏi hay nhỉ. Đã mang gông chưa bị mất đầu là may, làm gì được đến gần chuyện vẫn với vợ con. Thôi, cô ở chờ, tôi về trước nhé. Hàng họ bỏ ở nhà không có ai trông coi.

An vội nín thở người đàn bà lại hỏi:

- Nộp hai quan ở chỗ nào thím?

Người đàn bà trở viên cai ngục, thì thào:

- Cũng ông ấy. Cứ đứng đây chờ cho người ta nộp quà hết. Thấy ai còn nấn ná ở lại, ông ấy hiểu liền.

An hết sợ bộ râu rậm và cái mặt dữ tợn hầm hầm của viên cai ngục. Rất thẳng thắn tự tin, An đề nghị biểu viên cai ngục nắm quan để được gặp riêng chồng. Viên cai ngục suy nghĩ một lúc rồi lắc đầu bảo:

- Khó lắm. Không ai được phép gặp riêng vợ con, trừ khi có lệnh của quan Hình bộ hoặc bề trên. Nhưng nếu nộp bốn quan thì ta cho đứng góc kia để nhìn chồng cho gần. Chỉ cách có vài bước chứ mấy!

An gật đầu bằng lòng. Chị vội vã chạy lại chỗ cũ. Cả thằng Phát lẫn con bé Thái còn khóc. Gái Lớn đỡ không được, mắt đỏ hoe. Thấy An chạy ra với hai tay không, nó lo lắng hỏi:

- Sao vậy cô?

- Xong rồi. Chúng ta vào đây để chờ. Ôi chao tội nghiệp các con tôi. À ời, nín đi mẹ thương. Nín đi. À ời. Lấy khăn lau mặt cho thằng Phát đi em. Đừng khóc nữa con. Sắp được gặp cha rồi. Ta đi lại đằng ấy thôi. Không lại trễ.

Nói thế nhưng phải chờ đến gần giờ Ngọ cai ngục mới cho tù mang các thùng phân và nước tiểu trong ngục ra đổ ở cái hố cách xa khu giam, nhân cơ hội ấy được hoạt động cho giãn gân giãn cốt, được hít thở không khí trong lành và hưởng vài mảnh nắng, người nào lạnh có thể kịp rửa qua mặt mũi chân tay ở cái giếng đá ong gần đường đi.

An nhói cả lòng khi thấy những người tù đi đầu đều già nua, chân bước xiển tản như sắp vấp ngã, hom hem dưới ánh nắng. Cổ người nào cũng đeo một cái gông tre nặng khá kèn càng. Vì phải dùng hai tay bưng thùng đựng phân nên họ không thể giữ cho cái gông nằm yên trên vai, do đó cổ người nào cũng bị xây xát vì cái gông lay lắt cọ xát vào làn da mỏng. Nhiều người vừa sợ đổ phân, vừa sợ cái gông chòng chênh, nên đi chậm và len lén như người hát xiệc đi trên cây sào ngang.

An tìm thấy Lợi gần chót của đoàn tù. Cổ Lợi cũng phải đeo gông, nhưng Lợi khỏi phải đổ phân, nhờ thế hai bàn tay giữ chặt được cái gông nặng. An xót lòng vì thấy chồng phải mang gông, nước lên khóc. Con Gái cũng khóc. Lợi không ngờ vợ đứng chờ mình, bình thản hưởng thụ thời gian thoải mái nhất của một ngày tù. Lúc Lợi đi sát chỗ mấy mẹ con An chờ, An nén xúc động gọi to:

- Anh Lợi!

Lợi giật mình quay lại. Nhận ra vợ con, anh sững sờ quên cả bước. Cũng quên cả nói. An líu lưỡi không biết gọi gì thêm, lặp lại:

- Anh Lợi. Em và các con...

Nói đến đây, chị òa lên khóc. Lợi chạy về phía vợ con, vội hỏi:

- Ở nhà thế nào? Có ai lo cho anh không?

An vừa khóc vừa đáp:

- Ai cũng lo lắng cho anh cả.

Lợi nóng ruột nói:

- Không phải. Anh muốn nói có ai lo cho anh ra không. Em thử nhờ Quận chúa, hoặc tìm gặp Long

Nhường tướng quân

An vội nói:

- Nhưng...

Lúc đó người canh tù đã khám phá hai vợ chồng An đang nói chuyện với nhau. Hãn vội chạy đến.

Lợi sợ hãi nhanh chân trở về hàng ngũ. Người lính mất cơ hội bắt quả tang một vụ phạm luật, lườm mắt nhìn mẹ con An, rồi quay đi. Mấy mẹ con ra về, lúc đã quá Ngọ khá lâu!

Chương 48

Từ ngày Lợi bị bắt, quan hệ giữa Long Nhượng tướng quân Nguyễn Huệ và Lãng trở nên ngượng ngập. Ngày nào họ cũng gặp mặt nhau, kề cận làm chung nhiều công việc, nhiều khi tướng quân còn giữ người thư ký thân cận ở lại ăn cơm với mình nữa. Nhưng mỗi người canh cánh bên lòng một nỗi ưu tư riêng, người nọ e ngại, dọ dẫm, xem chừng thái độ của người kia với tâm trạng áy náy xốn xang của kẻ có lỗi. Huệ phần nào khổ sở vì không thể can thiệp được cho vụ Lợi. Ngoài việc trả lại số tiền bạc bị tịch thu, Lợi vẫn còn bị giam giữ, chưa biết đến bao giờ mới được thả ra. Lãng thì áy náy vì mối tình của mình đối với Thọ Hương. Sau khi Lợi bị giữ, Lãng chờ mãi không thấy Thọ Hương đến thăm An. Anh thấy sự thất thường, bắt đầu lo lắng. Nếu mọi sự bình thường như trước, Quận chúa phải vội vã đến thăm nom, an ủi người bạn gái thân thiết. Về sau, Lãng nghe phong thanh Quận chúa bị quở mắng nghiêm khắc vì cuộc phiêu lưu tình cảm ấy. Đứng ở quan điểm nho giáo thì cuộc tình của Lãng hoàn toàn sai trái. Đối với danh dự của hoàng tộc, lại càng đáng chê trách hơn. Càng nghĩ, Lãng càng sợ hãi, tự nhận thấy mình đã cả gan xúc phạm đến những điều cấm kỵ thiêng liêng và khắc nghiệt mà nếu cần, anh có thể trở thành một vật hy sinh để bảo tồn nguyên vẹn những điều cấm kỵ ấy, với sự đồng tình của tất cả mọi người.

Muốn quên nỗi khổ đau không thể thốt ra lời, không thể chia với bất cứ ai, Lãng lao đầu vào công việc. Anh không muốn rảnh rỗi để cho nỗi đau khổ dày vò anh. May cho Lãng là khoảng thời gian ấy, bộ phận giúp việc cho Long Nhượng tướng quân có quá nhiều công tác để làm.

Được vua Thái Đức giao trọn việc tổ chức binh bị và củng cố tất cả các đạo quân dùng để tấn công, viên tướng hai mươi sáu tuổi tuy đã dày công trận nhưng vẫn cảm thấy ngợp trước trách nhiệm to lớn như vậy. Nguyễn Huệ huy động tất cả những bạn bè trẻ tuổi có khả năng suy nghĩ và kinh nghiệm tác chiến tập hợp thành một ban tham mưu nhỏ. Từng vào sinh ra tử với nhau, hiểu rõ tính tình cả ưu điểm lẫn khuyết điểm của nhau, chưa nhiễm cái thói chuộng hình thức và rụt rè giữ mình, họ thường hăng hái bàn luận, tìm phương cách tốt nhất để tổ chức việc binh cho nhà vua. Chiều hôm nay họ vừa họp nhau để thảo luận kế hoạch biến các ấp xã thành đội, ghi tất cả dân binh vào sổ binh để mỗi nông dân cầm cày cuốc sản xuất đương nhiên trở thành một người lính có nhiệm vụ chiến đấu khi có giặc đến. Huệ nảy ra ý kiến này khi đọc một tờ báo cáo tình hình phòng thủ của Gia định và thấy số thổ binh, tạm binh nhiều gấp năm, sáu lần số tinh binh. Sau cuộc họp, chỉ còn Huệ và Lãng ở trong phòng việc. Huệ hỏi Lãng:

- Cậu có ghi đủ tất cả mọi ý kiến cho ta không?

Lãng nhìn qua mấy trang giấy dày đặc chữ thảo của mình, e dè đáp:

- Dạ, khá đủ. Người nào nói nhiều quá, hoặc nói lặp, thì em ghi những ý chính.

- Cậu đọc lại ý Đô đốc Tuyết xem sao?

Lãng nhú mào cố gắng nhận ra chữ thảo của mình, đọc chậm:

- Ý Đô đốc Tuyết là sợ làm như vậy có náo loạn dân tâm quá chăng. Sau bao nhiêu năm chinh chiến,

dân xiêu tán hoặc chạy loạn quá nhiều, làng nào số đinh cũng lộn xộn, có nhiều gốc gác. Ngay lệnh làm thẻ bài trước đây cũng đã gặp nhiều trở ngại, cuối cùng phải tạm gác. Nay đột nhiên dân chúng nghe ta biên tất cả mọi người vào sổ binh, chắc hẳn họ sẽ náo loạn.

Huệ trầm ngâm suy nghĩ, rồi ngẩng lên hỏi Lãng:

- Cậu nghĩ thế nào? Ông Tuyết nói cũng có lý đấy chứ?

Lãng nhìn Huệ, chậm rãi đáp:

- Đô đốc Tuyết nghĩ đúng, nếu các xã trưởng quen thói hách dịch chỉ gọi dân đến xưng tên rồi ghi hết vào sổ binh để báo lên phủ, y như cách cậu Hai Nhiều làm thẻ bài ở An Thái đạo họ. Em nhớ hồi đó dù không có lý gì để chống đối, nhưng vì tự ái, vì ghét thói hống hách, em nhất định năm nhà không chịu làm thẻ bài. Cho nên nhân tâm có náo loạn hay không là tùy cách họ hiểu chính sách này. Nếu ta làm cho họ hiểu rằng chính họ chứ không phải quân lính nhà vua phải lo giữ làng, chống giặc để yên ổn cày bừa, chính họ phải cầm giáo che chở cho vợ con họ, thì chắc hẳn không có một chút lo sợ nào.

Huệ vui mừng nói:

- Đúng. Nhưng liệu các xã quan có đủ sức giải thích cho dân hiểu hay không?

- Điều đó thì em không rõ. Em sợ...

Huệ cướp lời Lãng, nói:

- Ta cũng sợ. Mấy năm nay chúng ta đã đưa những anh em chân đất có công trận và lớn tuổi về làm xã quan. Họ trung thành với nhà vua, nhưng họ ít học. Ăn nói chưa quen. Lớp các thầy đồ ở vùng này vốn đã ít ỏi, một số vùng giáp ranh Phú Yên hoặc Hải Vân đã trốn đi nhiều. Chúng ta chưa làm gì phiền đến các nhà nho cả, nhưng xem gốc gác anh em chúng ta, xem cách chúng ta đối đãi, họ cảm thấy xa lạ, dâm lo âu. Nhiều người chính ta thân hành đến thuyết phục, mời mọc như Nguyễn Đăng Trường, cậu còn nhớ không, nhưng họ vẫn bỏ đi. Thật đáng tiếc. Nếu mỗi làng có một ông đồ chịu đứng ra thay chúng ta giải thích cho dân chúng hiểu thì hay biết mấy. Nhưng sự việc đã không thể khác được!

Nét mặt Huệ buồn hiu. Đột nhiên Huệ hỏi:

- Sức khỏe của thầy đồ này ra sao?

Lãng chưa kịp hiểu, ngờ ngác hỏi lại:

- Tướng công hỏi gì ạ?

- Ta hỏi độ này thầy có khỏe không?

Lãng đau nhói cả lòng, buồn rầu đáp:

- Gần đây cha em yếu lắm. Nhiều hôm mê mải chao anh Kiên bưng lên còn nguyên. Đêm ho dữ quá! Anh Kiên em đã xin nghỉ tạm để lo chăm sóc cha. Nhà bây giờ đơn chiếc lắm.

Huệ hít hơi chuẩn bị nói điều gì, nhưng do dự, lại thôi. Tướng quân cầm chén trà uống cạn, mặt dăm chiêu. Cả hai người im lặng, người này tránh không dám nhìn người kia. Sau cùng, Huệ thở dài rồi bảo:

- Cậu đọc tiếp ý Đô đốc Lộc xem!

- Đô đốc Lộc cho rằng lực lượng chủ yếu vẫn là các đạo quân thiện chiến lâu nay vào nam ra bắc dự nhiều trận. Các đạo quân hiện nay đã hao hụt nhiều, số bổ sung không kịp. Số đó nhiều khi chỉ gồm lính

già, hoặc nhút nhát. Ta cũng chưa chú trọng khai thác lối đánh đường rừng như hồi đầu. Đạo quân người Thượng ít được dùng, phần lớn chỉ dùng thủy quân. Sau cuộc thất trận của Đô đốc Chu vừa qua, chiến thuyền còn quá ít. Quân bộ hiện cũng thiếu hỏa hổ.

- Được. Ý đều xác thực, nhưng chỉ là những cái thuộc chi tiết. Còn ý của ông Sở (Ngô văn Sở).

Lãng lật sang tờ ghi thứ ba, đọc chậm:

- Giữa dân binh, xin tạm gọi họ là dân binh, vừa làm ruộng vừa giữ làng và đạo quân thiện chiến chuyên đánh lớn phải có liên hệ mật thiết với nhau. Dân binh nào mạnh khỏe và có võ nghệ thì được tuyển thành tinh binh. Dĩ nhiên những người này phải được ưu đãi thì họ mới hăng hái ra đi. Lại thêm trai tráng trẻ tuổi thường thích đi xa hiểu biết thêm nhiều điều mới lạ hơn là ru rú mãi ở xó nhà, nên cũng dễ thuyết phục.

Huệ tươi nét mặt, nói lớn:

- Đúng lắm. Tuổi trẻ thì ai cũng thích cầm giáo hơn cầm cày. Nhưng điều phải lo là làm sao cái cày nuôi nổi cái giáo.

Lãng vội hỏi:

- Em hỏi tướng công điều này, không biết có được không!

Đang vui, Huệ quên hết giữ gìn, ân cần bảo:

- Lãng cứ hỏi, khách sáo làm gì!

- Lâu nay ở vùng chúng ta, nghĩa là từ đèo Cù mông cho đến đèo Hải Vân...

Huệ cắt lời:

- Sao chỉ có bấy nhiêu đất? Nhưng thôi, không bàn cái chuyện đó ở đây. Lãng hỏi tiếp đi.

Lãng do dự hơn, hỏi chậm:

- Lâu nay người cầm cày có nuôi nổi người cầm giáo không?

Huệ đáp nhanh và gọn:

- Không.

Lãng vội hỏi:

- Thế thì làm sao sống?

Huệ cười bảo:

- Nhưng có ai chết đói đâu. Lãng biết vì sao không? Vì chẳng những cái giáo tự nuôi mình, mà còn nuôi thêm cho cái cày nữa. Lãng hiểu ta nói gì rồi chứ!

- Vâng, đã hiểu. Nhưng chẳng lẽ cứ chờ gió mùa...

Huệ cắt lời Lãng:

- Đây là việc chúng ta đang bàn đây. Phải tìm cách nào để trở lại quy luật tự nhiên là cái cày phải nuôi cho được cái giáo. Chẳng những nuôi cái giáo, mà phải tiến lên nuôi cho được cây súng đồng, cái tàu Tây dương. Nghe đâu bọn cố đạo đã tìm mua cho tên Chung (Nguyễn Ánh) nhiều vũ khí mới. Chuyển vừa rồi Tổng đốc Chu dở thật. Đã chẳng làm nên cơm cháo gì còn mất toi bao nhiêu chiến thuyền. Thật đáng tiếc.

Những ngày sau, họ trở lại ngưỡng ngáp áy náy cho nhau, như những giờ khắc cảm thông hôm trước chưa từng bao giờ có.

Vì ở vị trí yếu kém, nên Lãng luôn luôn giữ ý, không dám vượt qua khoảng ngăn cách bắt buộc của nghi thức. Anh lẳng lặng làm việc, thi hành đúng những gì Huệ sai bảo. Ngay cả những lúc chỉ có hai người, Lãng cũng đi đứng, xưng hô, thưa bẩm đúng phép y như lúc có mặt người thứ ba. Điều đó càng khiến Huệ áy náy hơn. Thành thử chính Huệ bước trước để kéo mối quan hệ vào vòng thân mật. Huệ hỏi:

- Hôm nay thầy có đỡ hơn không?

Lãng buồn rầu đáp:

- Vẫn vậy, thưa tướng công.

- Vẫn vậy là thế nào hở Lãng?

- Dạ, cha em vẫn cứ thêm thiệp hoải. Anh Kiên phải kê gối dưới lưng rồi đổ cháo vào miệng. Cha em nuốt được, nhưng không nhận ra anh Kiên nữa.

- Hay để anh gửi ngự y đến bắt mạch cho thầy xem sao! Ông này vừa ở Quảng Nam vào, giỏi về bệnh tâm và bệnh lão lắm.

- Em sợ có điều bất tiện, thưa tướng công.

- Sao lại bất tiện. Thôi, ở đây không còn ai khác, Lãng cứ gọi anh xưng em như thời trước cho bớt xa cách. Chiều nay em dặn anh Kiên chờ sẵn ở nhà để lỡ ngự y có hỏi bệnh tình còn có người biết mà đáp. Đơn thuốc kê những gì, Lãng cứ đem vào đây cho anh. Trong cung có đầy đủ các loại thuốc quý.

Lãng chớp mắt cảm động, run run nói:

- Cảm ơn anh. Đôi lúc em nhớ tiếc cái thời thân mật ở An Thái, ở Tây Sơn thượng, nhưng biết mọi sự đã thay đổi, không thể ăn nói cư xử buông tuồng tự do như trước được. Vâng, mai em sẽ dặn anh Kiên ở nhà.

- Lãng có điều gì giận anh không?

Lãng vội nói:

- Không. Có điều gì em giận anh đâu. Anh đối với gia đình em như bát nước đầy.

- Vụ... vụ anh Lợi, có nhiều phức tạp lắm. Anh có đọc lá đơn khiếu oan của... của An. Lợi có được một người vợ xông pha lo lắng cho chồng như vậy thực may mắn. Thực cảm động! Nhưng Lãng biết đấy, Lợi không bị khép tội oan. Bằng chứng của bộ Hình rõ ràng rành, bằng giấy trắng mực đen chứ không phải chỉ là những lời vu cáo mù mờ. Nếu gắt gao, họ có thể ghép tội chết. Nhưng... Nhưng chúng ta quen biết nhau từ thời chưa khởi dấy, chúng ta hiểu lúc nào phải làm ngơ, lúc nào phải mạnh tay dứt khoát. Việc đã êm, chỉ tại cái miệng bép xép... Anh nói thẳng, Lãng đừng thuật lại cho An biết làm gì.

Huệ im lặng một lúc, mắt đầy vẻ bần thần. Không hiểu nghĩ gì, Huệ hỏi Lãng:

- Chắc An thù ghét anh lắm!

Lãng không dám trả lời. Huệ tiếp:

- Dù sao anh cũng có lỗi với An. Nghe An phải vất vả với nghề hàng xáo... anh...

Lãng xúc động quá, hấp tấp nói:

- Không hẳn thế đâu. Chính tụi em cũng có lỗi với anh. Nhất là em.

Huệ ngơ ngác nhìn Lãng, hỏi:

- Lãng có làm lỗi gì đâu. Nhờ có Lãng mà...

Lãng nói một mạch, sợ không có dịp nào khác để thổ lộ:

- Không. Em có lỗi nặng lắm. Em cũng đáng bị đem ra chém. Em thương nàng quá, quên hết những điều cấm kỵ và các điều tai tiếng cho nàng. Lâu nay em vẫn chờ mọi phán xử, trừng phạt của Chúa thượng. Thấy Quận chúa không đến nữa, em hiểu.

Huệ dần dần hiểu hết những lời thú tội mù mờ của Lãng. Lãng cúi mặt xuống nên không trông thấy Huệ mỉm cười. Chờ cho Lãng nói xong, Huệ mới vỗ vai viên thư ký thân cận, an ủi:

- Về việc ấy, Lãng khỏi phải áy náy. Nói đúng ra cũng có điều quấy đấy. Nhưng cả Chúa thượng lẫn anh đều nhận thấy số phận Thọ Hương thật đáng thương tâm. Lòng người cha nào không thương con. Chúa thượng thấy bất nhẫn vì làm lỡ làng đời con gái, còn anh thì áy náy vì... vì không thể cứu mạng Tân Chính vương được. Đấy nó làm một người vợ hờ, rồi biến nó thành bà góa... Thọ Hương có làm lỗi tày trời đi nữa, cũng phải bỏ qua. Nhưng dĩ nhiên là không thể để cho sự việc đi quá trớn. Lãng hiểu vì sao rồi! Anh hỏi thật Lãng nhé, cái gì đưa đẩy cho Lãng...

Huệ ngại không dám nói hết câu. Lãng ngẹn lời, nhưng về sau cũng cố nói cho rõ lòng mình:

- Em không hiểu em nữa. Em không chịu đựng được cảnh một đứa bé, hoặc một cô gái đau đớn. Trông thấy... trông thấy Quận chúa quàng cái khăn nâu sồng như một bà vải, em thấy chính mình có tội nếu không làm gì cả cho nàng thôi míu môi, thôi u sầu, cho nàng cười nói vui đùa trở lại như mọi cô thiếu nữ cập kê khác. Nếu cần nhảy vào lửa để Quận chúa bỏ tấm khăn quàng kia đi và chải lại mái tóc dày, em sẵn sàng.

Huệ thích thú được nghe một lời tâm sự chân thành và si mê hiếm hoi, cười nhỏ, rồi bảo:

- Có thể mọi sự không hẳn như Lãng nghĩ đâu!

Huệ không nỡ cho Lãng biết sở dĩ Thọ Hương phải quàng khăn là do sau trận thương hàn, Quận chúa đã mất mái tóc dày lúc trước. Và không phải lúc nào Thọ Hương cũng míu môi u sầu như Lãng tưởng. Huệ nói xa xôi:

- Ở đời nhiều khi ta tưởng thế này mà thực ra lại thế khác. Hoặc có những cái ta tưởng đã ở trong tầm tay, nhưng thoát một cái, nó đã biến thành khói. Nếu cứ tiếc hoài thì cả đời chỉ toàn thở dài. Cho nên anh nghĩ cái gì mình cho là đúng thì cứ mạnh dạn làm. Thành bại, phế hưng, được mất, may rủi, khỏi cần bận tâm. Chẳng hạn cuộc đời mà chúng ta đang làm đây không êm dịu như một cơn gió thoảng. Lãng thấy đấy, máu đã đổ nhiều, lửa đã cháy nhiều. Tiếng khóc không thiếu. Nhưng vì không thể để y nguyên cảnh đời tối tăm cũ và vì tin tưởng cuộc đời sẽ mang lại nhiều no ấm yên vui cho kẻ xiêu giạt, chân đất, kẻ cô thế nghèo khổ, kẻ thấp cổ bé miệng mà chúng ta mạnh dạn.

Giọng nói hăng say của Huệ cuốn Lãng như một cơn lốc. Anh đắm đắm nhìn đôi mắt rực sáng của

Huệ, cánh tay rắn chắc đưa cao dẫn nhịp cho từng câu nói. Giọng Huệ sang sảng chứ không còn là giọng thì thầm tâm sự như trước nữa. Đột nhiên Lãng xấu hổ vì tự thấy mình yếu đuối, ủy mị, mẫn cảm trước những điều tụn mუნ vụn vặt mà không trông thấy được cái toàn thể vĩ đại, cái cao thượng đồ sộ, cái phóng khoáng mênh mông. Lãng đỏ mặt, lí nhí nói:

- Anh nói đúng. Lâu nay em chỉ biết cúi xuống nhìn từng con kiến, từng cái lá úa rồi thở dài. Bây giờ em mới thấy kỳ cục.

Huệ tươi cười bảo:

- Đừng chấp nhận dễ dàng như vậy, sau này lại dễ vỡ mộng. Nhưng cuộc nói chuyện phiếm tối nay vui đấy chứ. Lâu quá anh mới được có người để nói chuyện thỏa thích. Lãng nghĩ xem, lúc nào cũng chỉ nghe toàn lời văng dạ, chán lắm!

*

* *

Sau tối tâm sự với Long Nhượng tướng quân, Lãng có cảm giác lâng lâng khinh khoái y như trước đây, lúc An kể cho Lãng biết thiện cảm của Quận chúa đối với mình.

Đột nhiên mọi vật mọi sự trước mắt Lãng thay đổi hẳn. Với bản chất mẫn cảm, Lãng nhảy từ cực đoan này sang cực đoan khác. Anh bắt đầu kinh ngạc trước sự ti tiếu, vụn vặt của mọi hình thức trong đời sống quanh anh, và sự ti tiếu tầm thường của chính mình. Trên đường về nhà, anh va phải một anh ký lục ở bộ Hộ. Anh ta quát mắng, nhìn Lãng giận dữ, đưa tay sửa lại cái cổ áo thâm bị lệch trong khi va chạm. Lãng vui vẻ xin lỗi, và nụ cười không thích hợp của Lãng khiến anh ký lục giận run. Anh ta quát:

- Mất để ở đâu thế! Làm bẩn hết áo của người ta còn nhăn răng ra cười.

Rồi vùng vằng bỏ đi. Lãng nhìn theo thấy hai tay anh ký lục đánh đàn ghita xa như hai cái mái chèo, đáng đi lạch bạch y như con vịt mạp. Khôi hài quá! Hẳn tưởng hẳn là cái gì kia chứ! Tại sao lại giận dữ vì những điều cùn mẩn như một cái cổ áo bị lệch, một chéo áo bị lấm. Cuộc đời của hẳn đâu phải chỉ dùng để săn sóc lo âu cho bấy nhiêu chuyện! Lại cái giọng sừng sộ quát tháo với đồng loại. Và bộ đi cố làm ra vẻ quan cách. Để làm cái gì, bao nhiêu sự phù phiếm vô nghĩa? Một bà già bán quà rong đi qua trước mặt Lãng, lưng khom, bước chân lẩy bẩy, cái mùng con bày vài quả ổi, quả thị và đĩa muối ớt. Bà cụ ấy chừng này tuổi đầu rồi sẽ về đâu? Có thể thời trẻ tuổi, bà cụ đi được thẳng lưng, mắt nhìn rõ mọi vật phía trước, nhưng cái mùng hàng rong thì vẫn bày những ổi, thị, chuối, xoài. Tay làm hàm nhai, vất ả từ lúc sinh ra cho đến lúc nhắm mắt, suốt đời bận bịu về miếng cơm manh áo. Họ đâu thấy được cái quy luật của đời sống, tầm cao rộng của vũ trụ, khả năng sáng tạo và biến đổi cho đẹp hơn, tốt hơn của những bậc toàn trí và vĩ nhân. Lãng lại cảm thấy thương xót tất cả, không phải vì thấy tất cả không được diễm phúc như mình mà vì tất cả đều chìm đắm u mê trong những chuyện ti tiếu.

Lãng về đến nhà, thấy cảnh vắng vẻ cô quạnh. Từ nửa tháng nay An đã đem bé Thái ra chợ để vừa bán hàng vừa chăm sóc cho con nhỏ. Chị không tin ở con Gái Lớn. Con Gái ở nhà lo bếp núc cho ông giáo, Kiên và trông thẳng Phát. Lãng không thấy Kiên đâu, hỏi Gái:

- Cậu đâu rồi?

Con Gái ngừng dứt cơm cho thẳng Phát, đáp:

- Con vừa thấy cậu ra vườn.

Lãng vội lau qua mặt mũi, hăm hờ ra vườn tìm Kiên, Lãng phải nói cho anh biết khám phá mới mẻ của mình.

Anh sửng sờ khi thấy Kiên ngồi xếp bằng dưới gốc cây mít, hai bàn tay sè lồng vào nhau đặt gọn trong lòng, mắt nhắm nghiền như đang say ngủ. Lãng còn kinh ngạc hơn khi thấy giữa lòng hai bàn tay chụm lại là một khối đá nhỏ xù xì màu xám, giống y loại đá xanh người ta dùng làm đường cái.

Lãng nín thở, không dám gọi Kiên. Anh đoán được ngay là Kiên lại tìm ra một phương pháp mới để đạt đến cảm giác buông xả của hạnh phúc. Lá mít vàng rơi quanh chỗ Kiên ngồi. Một chiếc lá úa rơi đúng đỉnh đầu Kiên, chòng chành, nhưng cuối cùng nhờ cái búi tóc chiếc lá vẫn đậu trên đầu Kiên. Anh thấy Kiên không mở mắt, cũng không đưa tay hất chiếc lá xuống. Kiên ngồi yên như một pho tượng Phật nhập định, chung quanh cây lá xao xác, và chiều âm u.

Lãng tò mò ngồi chờ cho đến lúc Kiên mở mắt. Dù đã trông thấy em, Kiên vẫn từ từ, trang trọng đặt viên đá xanh nhẹ nhẹ lên mặt đất trước mặt mình, trù mẩn nâng niu nó như một thành tích. Kiên khẽ lắc đầu cho cái lá rơi xuống, nhắm mắt lim dim một lúc nữa, rồi mới thu hai chân về, choàng đứng dậy. Giọng Kiên vui vẻ dịu dàng:

- Em về lúc nào thế? (Kiên xưng hô thân mật với Lãng hơn từ ngày qua ở đây).

Lãng vẫn còn ngờ chưa hiểu có phải chính Kiên hỏi mình không. Lãng ấp úng hỏi:

- Anh... anh làm cái gì thế?

- Em biết rồi mà!

Lãng ngạc nhiên cãi lại:

- Em có biết gì đâu. Tại sao phải ngồi nhập định với viên đá xanh kia?

Kiên cười nhỏ, bảo em:

- Anh đã tiến thêm được một bước nữa. Đây là lần thứ ba anh thử thách. Quả nhiên có khác với hai lần trước.

Lãng nóng ruột hỏi:

- Nhưng anh thử thách cái quái gì lạ vậy?

Kiên không giận vì câu hỏi hỗn xược của Lãng, nhỏ nhẹ nói:

- Em chưa hiểu nên kinh ngạc đấy thôi. Lần trước anh có giải thích cho em nghe chuyện phóng sanh rồi chứ gì? Đấy, lần này phương pháp cảm thông với vũ trụ cũng giống như phương pháp phóng sanh, nhưng cao hơn về trình độ. Em có thể vứt bỏ hết mọi ràng buộc phiền nhiễu của đời để chăm chú nhìn một con cá, đến một lúc em quên hết, quên cả thân xác, trí óc, tình cảm, quên cả mình có mặt để giữa em và con cá không còn ngăn cách của chủng loại, ngôn ngữ nữa. Em hiểu con cá như hiểu chính mình. Nhờ vậy lúc em phóng sanh con cá, em sẽ cảm thấy một thứ cảm giác lâng lâng say sưa mà anh gọi là hạnh phúc chân chính, hạnh phúc tối thượng, hạnh phúc tuyệt đối.

Nhưng, dù sao tìm cách hòa đồng với vũ trụ qua con cá vẫn còn là chuyện hạ sách. Ta còn chấp nê ở

cử động, ở màu sắc, ở cái ta tưởng là sự sống. Nhờ cách con cá quẫy đuôi, chớp bóng, mà ta đoán ra sự mừng rỡ, quần quít của nó, từ đó ta vui mừng đạt được sự hòa điệu. Cách đây mấy ngày, đột nhiên anh nghĩ: nếu vạn vật trong vũ trụ đều cùng một thể như sách nho nói, thì viên đá xoàng xĩnh nào đó lăn lóc trên đường đi cũng có sự mừng rỡ quần quít vì cảm thông y như con cá. Tại sao ta không thử với "con cá" này. Anh vui sướng tìm ra được một phương pháp hòa điệu thượng đẳng, nhưng còn ngờ mình nghĩ huyền hoặc, hoặc căn cơ của mình chưa đủ để theo phương pháp này. Nhưng anh cứ thử. Lần đầu ngồi đến tối mà không thấy gì, ngoài cảm giác mỗi như ở sống lưng, và ngầy ngật ở đầu. Hôm qua cảm giác mệt nhọc bớt đi, và hình như trong lòng bàn tay anh có tỏa chút hơi nóng.

Lãng vội hỏi:

- Còn hôm nay?

Kiên sáng rỡ đôi mắt khi đáp:

- Anh bắt đầu thấy viên đá động đấy. Anh nói thật, không điêu chút nào. Vâng, nó động đấy, y như một chú gà con rúc vào lòng bàn tay anh để tránh gió chiều.

Lãng hấp tấp hỏi:

- Anh có thể tin được những điều huyền hoặc như thế sao?

Kiên mỉm cười, vẫn với giọng trầm tĩnh thủ thủ, hỏi lại:

- Theo em thế nào là điều huyền hoặc?

Lãng sôi nổi nói:

- Là những điều không có thực. Không bao giờ, chưa bao giờ có thực. Em xin nói ngay cảm giác anh gọi là hạnh phúc đích thực, hạnh phúc chân chính, thực ra chỉ là một thứ ảo giác. Anh ngồi thật lâu, nhìn thật chăm chú, tự nhiên anh sẽ cảm thấy những điều bất thường. Đó là phản ứng của thân xác khi bị ta ép buộc nó chịu đựng một thể ngồi, một cái nhìn trái tự nhiên. Tay anh, mắt anh cảm thấy gì đó do hai cơ quan này bị thúc bách bất thường. Rồi trí anh lại gán cho cảm giác bất thường ấy một ý nghĩa cao siêu. Anh chỉ tự lừa dối anh mà thôi. Anh đang làm thầy pháp để ru ngủ chính anh, anh biết không?

- Còn em thì đang bị đủ loại thầy pháp làm cho hôn mê mà em không biết. Em không thể phân biệt được đâu là cái có thật, đâu là cái huyền hoặc. Em chưa từng tự mở đường, chỉ chờ cho người ta làm sẵn rồi cúi đầu theo dấu mòn của họ mà bước. Trước kia anh cũng thế. Bây giờ anh là chủ của anh.

Lãng tức quá, nói lớn:

- Anh chạy trốn những sự thực trước mắt bằng cách cố tin ở ảo giác. Bằng cách dựng lên một thứ hạnh phúc không có thật.

Kiên nhìn em, hỏi chậm:

- Vậy em có đủ sức dựng nên thứ hạnh phúc có thật được không? Nó ở đâu? Nó là cái gì? Em đừng quên anh đã ba mươi ba tuổi, còn em mới trên hai mươi.

Lãng hăng hái nói:

- Vâng, anh có sống hơn em trên mười năm, nhưng suốt thời gian ấy, anh chỉ quanh quẩn trong vòng tùn mủn, vụn vặt, như con kiến bò quanh miệng chén.

Kiên cười, hỏi lại:

- Còn em?

- Em cũng ngu xuẩn chẳng kém. Nhưng hiện nay em hiểu được rằng hạnh phúc chân thật có thể tìm thấy ngay trong đời sống có thực đời sống sờ mó được của chúng ta chứ khỏi cần phải tìm ở đâu khác. Miễn là...

- Miễn là thế nào?

- Miễn là chúng ta phải can đảm vượt qua các ti tiểu, cố chấp, eo hẹp, và mạnh dạn dựng lên một trật tự mới.

Kiên suy nghĩ, rồi dùng đĩnh nói:

- Ước mơ của Lãng cũ rích. Bao nhiêu người trước ta đã nói rồi. Và kết quả ra sao, em đã biết! Cha chúng ta chẳng hạn. Cái chí của cha không phải chỉ làm một ông đồ Nghệ. Đâu phải vô cớ mà cha lặn lội vào chốn trường thi ở kinh đô. Cha gặp nhiều rủi ro, nhưng may mắn không phải không có. Cha từng là bạn thân của quan Nội hữu Ý Đức hầu. Vào đây cha lại chính mắt thấy cơ nghiệp Tây sơn, từ lúc chỉ mới là cái đóm. Cha là người trong cuộc. Nhưng cho đến cuối đời, cha đã làm được gì, em nghĩ xem!

Lãng hăng hái nói:

- Tại cha cứ quanh quẩn trong mấy trang sách nhỏ.

- Anh không nghĩ như vậy.

Lãng định cãi lại, nhưng sợ xúc phạm đến cha già. Kiên cho nói với nhau bấy nhiêu đã quá đủ, bảo em:

- Vào thăm cha đi. Không biết mẹ con con An đã về chưa!

*

* *

An lấy làm lạ khi thấy Kiên và Lãng vừa đi vừa bàn luận với nhau một cách sôi nổi, hăng hái. Chị cứ nghĩ hai anh em không có điểm chung nào để họ bắt chuyện. Vào đến nhà ngang, nét mặt Lãng vẫn còn dàu dàu không vui. An mệt mỏi sau một ngày nắng nôi mưu sinh, không muốn hỏi han anh em điều gì nữa.

Trong khi Lãng lên nhà trên thăm cha, Kiên đến gần em gái hỏi:

- Hôm nay thế nào?

An thở dài đáp:

- Ế lắm, anh ạ.

- Sao anh nghe con Út nói độ này giá gạo lên cao, giới hàng xáo phát đạt lắm.

- Vâng, có thể. Nhưng chỗ em bày hàng khuất quá. Minh ra sau, những chỗ tốt họ đã chiếm cả rồi.

Nhìn con bé Thái thêm thiếp ngủ, mặt đỏ gay vì nắng, Kiên nói:

- Mai em để con bé ở nhà. Mang phơi nắng, nó đau đấy.

- Em cứ lo con Gái không kham nổi bao nhiêu chuyện. Nó lớn xác nhưng những việc cần sự tỉ mỉ, như chăm sóc con bé, nó vụng lắm. Không bằng con Gái Nhỏ.

- Em cứ để ở nhà anh trông cho.

An vội nói:

- Không được. Em đâu dám. Vả lại hôm qua, lúc anh đi bổ thuốc chị ấy có sai con Út qua nhắn anh về bên đó có việc. Em bận, quên khuấy đi mất.

Kiên lo ngại hỏi:

- Em có hỏi việc gì gấp không?

- Có, nhưng con bé nó khôn quá sức. Nó ngún nguẩy, không chịu nói gì cả.

- Con mồi côi thường đều khôn ngoan.

An quay nhìn bé Thái, giọng như sắp khóc:

- Mấy đứa con em có khác nào con mồi côi đâu. Ra va chạm với đời, nhiều lúc tủi thân dễ sợ. Như chiều nay...

- Xảy ra chuyện gì vậy?

- Thôi, em chẳng kể đâu. Mua bán tranh giành với nhau từng đồng tiền kẽm lờ, em thấy con người còn xấu xa hơn cả súc vật.

Kiên cười, nói đùa:

- Tại em không nghe được tiếng súc vật nên mới bảo thế.

Vừa lúc đó, Lãng từ nhà trên bước xuống. Lãng hỏi anh:

- Cái siêu thuốc ai bổ cho đấy, anh?

- Vẫn thầy lang hôm nọ.

Lãng chợt nhớ lời Huệ dặn, mừng rỡ bảo Kiên:

- Mai anh ở nhà suốt buổi chiều chứ?

- Sao em hỏi thế? Có thể ngày mai...

Lãng hốt hoảng cắt lời anh:

- Chiều mai anh chờ ở đây. Có thầy lang giỏi tâm bệnh mới từ Quảng nam vào. Em đã hẹn...

- Em mời ở đâu thế? Ông ấy tên gì?

Lãng liếc nhìn chị, rồi nói với Kiên:

- Ông ấy vừa được tuyển làm ngự y. Anh Huệ gửi ông ấy đến thăm bệnh cho cha.

An giật mình quay phắt lại nhìn em hấp tấp hỏi:

- Ai gửi? Anh Huệ à?

- Vâng.

Giọng An trở nên giận dữ:

- Đã dặn bao nhiêu lần rồi, sao mày cứ chạy theo nín áo van xin người ta. Không biết nhục à!

Lãng bị mắng oan, tức tối đáp:

- Chính anh ấy đề nghị chứ em có xin xỏ gì đâu!

- Mày không nói sao người ta biết?

- Ô hay! Hôm nào anh ấy chẳng hỏi thăm sức khỏe của cha.

- Môi miếng ở chót lưỡi mà mày cũng tin.

Kiên chen vào hòa giải:

- Thôi, đừng nặng lời với nhau nữa. Được, mai anh chờ ở đây. Chẳng có gì phải ngại cả. Coi như họ trả nghĩa thầy.

An nhún vai, giọng mỉa mai:

- Nghĩa thầy!

Lãng tức giận nói:

- Sao chị đa nghi quá!

An không vừa:

- Mà cả tin thì có!

Rồi vùng vằng bỏ xuống bếp. Kiên nhìn theo cho đến lúc em gái đi khuất sau cánh cửa phen nhà bếp, mới hạ giọng bảo Lãng:

- Nó mệt nhọc suốt ngày, nên đâm cau có. Em thấy cha có đỡ chút nào không?

- Vẫn thế. Cha không nhận ra em.

Hai anh em thở dài lo lắng.

*

* *

Cuối năm Mậu tuất (1778), ông giáo lịm dần như một ngọn đèn hết dầu. Giữa tháng Chạp, ông mất.

Tin ông giáo mất khiến những người từng quen biết ông bối rối. Họ chưa biết nên cư xử thế nào. Họ chờ xem vua Thái Đức sẽ làm gì, sau đó mới yên tâm tỏ thái độ.

Nguyễn Nhạc chỉ gửi một viên quan bộ Lễ đến chia buồn với anh em Kiên, không có đồ phúng điếu gì. Thái độ nhà vua đã rõ. Những người quen biết cũ cũng chọn giải pháp hàng hai để dễ bề tiến thoái. Họ sai con cháu đem nhang, đèn đến phúng điếu. Thế thôi. Khi Lãng tìm hỏi tên người có hảo tâm để ghi vào sổ tang, những người đại diện này, có lẽ được dặn trước, chỉ trả lời ắp úng cho qua rồi vội ra về.

Anh em Kiên thấy rõ sự tính toán của người ta. Lòng tự ái bị va chạm, họ mím môi quắc mắt nhìn đời với nụ cười khinh miệt, rẻ rúng. Đã thế thì chúng ta bất cần, chúng ta tự lo liệu lấy. Họ đóng cửa cổng lại, kiên quyết từ chối tất cả những người phúng viếng. Họ còn mạnh dạn bịa rằng ông giáo mất vì một chứng bệnh lạ, sợ có thể vạ lây cho người khác nên mấy anh em tự lo lấy với nhau.

Kiên mở cửa nhà trên cho ánh sáng ủa vào căn phòng ẩm mốc lâu ngày. Tự tay hai anh em tắm rửa, thay đổi quần áo cho cha. An và vợ Kiên may áo tang. Con Gái nấu đồ cúng. An xuất tiền mua cho cha một cỗ quan tài loại đắt giá nhất, và thuê một phường đám ma đầy đủ cờ phướn mũ măng, kèn bát âm lâu nay vẫn chuyên mai táng cho các gia đình phố khách. Kiên nghe giá phường đám ma cao quá, ngớ ngàng nhìn em. Nhưng anh hiểu liền. Anh em anh muốn phỉ nhổ lên thế thái nhân tình bằng một đám táng ồn ào kèn trống mà lại lơ thơ người đưa quan.

Xác ông giáo quàn giữa nhà. Đến trưa các con ông đã may xong đồ liệm nên chuẩn bị nhập quan. Ông đau yếu từ lâu nên xác mỏng như một lá lúa, da xanh mét, hai gò má gồ cao bên cặp hố mắt sâu. Tóc cũng đã rụng nhiều, những sợi tóc còn lại và râu trắng xóa. Người chuyên liệm xác đã đến. Ông ta sai đi

mua cho ông một chai rượu. Sau khi phun rượu khắp thân thể người chết, ông bắt đầu hơ chân tay ông giáo để chân xếp dọc, hai tay chắp lại trước bụng. Quần áo và đồ liệm đã sẵn sàng. Lúc sắp sửa nhập quan, đột nhiên ngoài cửa có nhiều tiếng ồn ào, gồm tiếng chân ngựa, tiếng nói lao xao, tiếng gươm giáo chạm. Kiên và An lo ngại chưa hiểu chuyện gì thì Lãng ở ngoài cổng đã hốt hải chạy vào báo:

- Có Long Nhượng tướng quân đến!

Cả phòng ồn ào hẳn lên. Người thợ liệm vội dẹp trống quần áo và gói trà ướp, băng vải, gói chèn qua một bên, di chuyển cho xác chết nằm ngay ngắn trên giường như cũ. Phờng bát âm cất bớt trống kèn. Cả Kiên và An rần rỏi đến vậy mà cũng hồi hộp sửa lại sống áo.

Nguyễn Huệ mặc đồ trận còn lấm bụi, có lẽ vừa đi xa về, không cần gặt đầu cảm ơn những người nhường lối, Huệ tiến thẳng đến phía thầy nằm. Ông xúc động đến nghẹn ngào trước thân thể ốm o biến dạng đến nỗi khó mà nhận ra ông thầy thân yêu quá thướt ngày xưa. Đứng lặng một lúc lâu, đột nhiên ông quỳ xuống bên giường thầy, hai tay nắm lấy hai bàn tay lạnh cóng của ông giáo. Tuy đôi mắt người chết đã khép, nhưng ông có cảm giác phía sau cánh cửa huyền bí vĩnh viễn đóng ập với sự sống ấy, thầy ông vẫn nhìn ông với đôi mắt nửa trù mến nửa trách móc. Không tự chủ được, ông gục mặt xuống giường người chết, nghẹn lời chỉ thốt được có mỗi một tiếng:

- Thầy!

Biến cố bất ngờ khiến mọi người trong phòng nôn nao cả dạ. Không ai xì xào một tiếng nhỏ. Hình ảnh viên tướng trẻ quần áo còn bám đầy bụi đường gục mặt bên xác thầy, đôi vai run run trong cơn khóc lặng lẽ, có sức mạnh thôi miên mọi người. Mắt An rục sáng khi đắm đắm nhìn cảnh tượng ấy, lòng hoang mang giữa thương yêu và hận thù. Long Nhượng tướng quân gục mặt bên xác thầy một lúc, rồi chậm rãi đứng dậy, nhìn quanh như muốn tìm kiếm thứ gì. Lãng hiểu ý, đem cho Nguyễn Huệ vài nén nhang.

Huệ cảm ơn, đến đốt nhang ở cái đèn sáp gần giữa mâm cơm cúng đặt trên đầu người chết. Vì bàn tay run, mãi một lúc sau Huệ mới thắp cháy được mấy đầu nhang. Viên tướng trẻ đứng phía cuối giường ông giáo, ánh mắt xót thương cầu khẩn nhìn về khuôn mặt lạnh lẽo của người chết, cúi xuống vái hai vái. Đoạn ông cầm mấy nén nhang vào lư hương.

Huệ quay lại tìm các con ông giáo. Ông gặp ngay đôi mắt sáng rực khác thường của An. Chân ông dợm bước về phía ấy nhưng Huệ còn đủ sáng suốt để xoay hướng về phía Kiên đang đứng, buồn rầu bảo:

- Tôi về đây mới biết tin... biết tin thầy mất. Thầy có trời trần điều gì không anh?

Kiên cảm động đến rơm rớm nước mắt, đáp:

- Thưa tướng quân, cha tôi lịm dần, không trần trời gì cả.

- Thầy mất lúc nào?

- Cha tôi đi vào lúc sáng sớm. Lúc em Lãng vào thay nước trà, cha tôi đã đi rồi. Nhưng ngực vẫn còn ấm ảm.

Huệ nhìn đồng hồ tổng chung và bọn phờng bát âm, hỏi Kiên:

- Bộ Lễ không gửi người đến đây lo gì cả à?

Kiên lắc đầu. Huệ ngạc nhiên, định nói gì đó nhưng ngưng kịp trước khi mở lời. Ông bối rối loay

hoay một lúc, cuối cùng bảo:

- Tôi sẽ gửi đội tổng chung của trại đến. Bây giờ tôi xin phép về. Kiên chưa kịp từ chối, Huệ đã đi ra phía cửa. Lúc đi ngang qua giường ông giáo, ông dừng lại, cúi đầu thật lâu như thầm nói vài lời với thầy. Vừa ngừng lên, Huệ lại bắt gặp đôi mắt sáng rực của An. Ông khẽ gật đầu chào người bạn gái cũ, rồi nhanh bước về phía cửa như muốn trốn tránh điều gì.

Sau khi Huệ đến phúng điếu, những người quen thân cũ của ông giáo mới bớt e dè. Họ lần lượt đến phân ưu với anh em Kiên. Trước hết là các bạn của Lãng. Tiếp đến là bạn của Kiên ở kho lương, và các bạn của Lợi. Sau cùng mới đến lượt những người từng làm việc chung, hoặc từng gặp gỡ ông giáo ở An thái, Tây sơn thượng hoặc Kiên thành.

Tuy vậy các quan ở lục bộ và ở triều đình vẫn chưa dám héo lánh đến. Đám tang được tổ chức đơn giản nhưng nghiêm trang một ngày sau đó. Hôm ấy trời mưa. Ngọn đuốc đưa linh cữu gặp nước cháy lèo xèo, tỏa ra một làn khói đục. Vì đội tổng chung lo hết mọi sự, nên kẻ tò mò ở hai bên đường, căn cứ vào quân cách của lễ tang đoán non đoán già đây là tang lễ của một vị tướng nào đó. Họ càng vững tin như vậy khi thấy sau linh xa, bước chậm sau lưng các con cháu người đã khuất còn có một vị tướng trẻ tuổi khuôn mặt quắc thước, có đôi mắt buồn. Chỉ một số rất ít người biết vị tướng trẻ đó là Nguyễn Huệ.